AYN RAND

SUỐI NGUỒN

The Fountainhead

Tiểu thuyết văn học



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

SUỐI NGUỒN

(Ayn Rand)

Tên sách: Suối nguồn (The Fountainhead)

Tác giả: Ayn Rand

Nhóm dịch: Vũ Lan Anh; Đinh Quang Hiếu; Vũ Hoàng Linh; Nguyễn Kim Ngọc; Trần Thị Hà Thủy



Ayn Rand (tên sinh Alisa Zinov'yevna Rosenbaum; tiếng Nga: *Зиновьевна Розенбаум*; 2 tháng 2 năm 1905 – 6 tháng 3 năm 1982) là một nhà tiểu thuyết và lý luận quốc tịch Mỹ sinh tại Nga. Bà nổi tiếng vì đã phát triển học thuyết Chủ nghĩa khách quan và vì đã viết một số tác phẩm như *We the Living* (*Chúng ta thực thể sống*), *The Fountainhead* (*Suối nguồn*), *Atlas Shrugged* (*Người khổng lồ nghiêng vai*), *For the new Intellectual* (*Vì giới tri thức mới*) và tiểu thuyết ngắn *Anthem*. Là người gây ảnh hưởng rộng lớn tới nước Mỹ hậu chiến tranh thế giới thứ 2, các tác phẩm của Rand đã tạo nên sự mến mộ nhiệt thành cũng như phê phán nghiêm khắc.

Tác phẩm của Rand nhấn mạnh các quan niệm tư tưởng về hiện thực khách quan, lý trí, chủ nghĩa vị kỷ, và chủ nghĩa tư bản tự do, trong khi tấn công những gì mà bà coi là không hợp lý và phi đạo đức của lòng vị tha, chủ nghĩa tập thể (*collectivism*) và chủ nghĩa cộng sản (*communism*). Bà tin rằng con người phải chọn cho mình các giá trị và hành động theo lý trí; và rằng cá nhân có quyền để tồn tại vì lợi ích của chính bản thân mình, không hy sinh bản thân cho người khác hoặc người khác vì mình; và rằng không ai có quyền chiếm đoạt những gì thuộc về người khác bằng bạo lực hay lừa dối, hoặc áp đặt tiêu chuẩn đạo đức của mình lên người khác bằng bạo lực. Tính

chất lý luận của Rand được mô tả là chủ nghĩa tiểu chính phủ (*minarchism*) và theo chủ nghĩa tự do (*liberianism*), mặc dù bà không bao giờ sử dụng thuật ngữ *minarchism* và ghê tởm chủ nghĩa tự do.

Mục tiêu rõ rệt của tiểu thuyết của Rand là miêu tả anh hùng của mình được lý tưởng hoá, một người có những khả năng và sự độc lập mâu thuân với xã hội, nhưng luôn bền gan quyết chí đạt được mục đích của mình.

SUỐI NGUỒN (The Fountainhead)

* Đã bán được hơn 6 triệu bản trong hơn 60 năm qua kể từ khi xuất bản lần đầu (1943).

* Được dịch ra nhiều thứ tiếng và vẫn liên tục được tái bản hàng năm.

* Một tiểu thuyết kinh điển cần đọc.

"Một tiểu thuyết tràn đầy sức sống và sự thú vị... mạnh mẽ, kịch tính, mãnh liệt và rành mạch từ đầu đến cuối... một tác phẩm tuyệt vời đáng để đọc."

- Saturday Review of Literature

"Tôi có thể ca ngợi tiểu thuyết này ở nhiều khía cạnh... sự kiện hấp dẫn... những nhân vật đầy màu sắc... táo bạo... thông minh phi thường."

- New York Herald Tribune

"Bạn không thể đọc tác phẩm tuyệt vời này mà không liên tưởng đến một số tư tưởng cơ bản của thời đại chúng ta... Bạn sẽ nghĩ đến *The Magic Moutain* và *The Master Builder* khi bạn nghĩ đến *The Fountainhead (Suối nguồn)*."

- New York Times

Một thiết kế mạnh mẽ về con người

Ayn Rand (1905-1982) nói về những lý do cơ bản khiến tác phẩm này liên tục tái bản hằng năm (đến nay là 60 năm): "Nó tái khẳng định tinh thần của tuổi trẻ, nó tuyên bố về chiến thắng của con người, nó chỉ ra người ta có thể làm được những gì". Và Ayn Rand đã đúng. Cuốn tiểu thuyết của bà có thể làm cho những ai quen bị cuốn đi trong tâm lý bầy đàn phải giật mình, buộc phải tự hỏi về chính kiến của mình, giá trị riêng có và sự tự tin tối thiểu của mình.

Như một bản vẽ tuyệt vời cho một công trình đáng tôn vinh nhất, *Suối nguồn* là một thiết kế tinh tế, mạnh mẽ về con người - những kẻ thứ sinh, ăn bám từ nhận thức đến cách sống, và những cá thể vĩ đại biết tư duy với một trí não độc lập, một niềm say mê chân chính của riêng mình. Con người - với

các dòng chảy tư tưởng - hiện lên sống động qua một ngôn ngữ rành mạch, khúc chiết mà đầy lôi cuốn.

Việc xổ toẹt vào một xã hội nô dịch, đề cao chủ nghĩa cá nhân, lý tưởng giải phóng cá - thể - người khỏi mọi - người… của Ayn Rand trong *Suối nguồn* có thể gây ra nhiều cuộc tranh cãi giữa các luồng tư tưởng; nhưng trên hết, nó mang đến sự thú vị cho bất kỳ người đọc nào muốn tìm thấy ở đây một nhân sinh quan khá độc đáo về con người, cụ thể là con người - sáng - tạo. Với kiến trúc sư Howard Roak - nhân vật chính của tác phẩm, sáng tạo là nhu cầu tự nhiên nhất, là mục đích cao cả nhất. Anh chỉ có một niềm tin - tin vào chân lý của chính mình, không chấp nhận mọi sự phục tùng, phụ thuộc, không tồn tại thông qua bất kỳ ai khác.

Người đọc có thể đồng ý hay không đồng ý với tư tưởng của Rand, nhưng đọc *Suối nguồn* sẽ hiểu vì sao cuốn sách trên 1.000 trang này đã xoay chuyển cuộc đời của nhiều người Mỹ và được xếp vào tiểu thuyết kinh điển cần đọc.

L.TH. (theo tuoitre.com.vn)

Ayn Rand

Nhân tiện, nói về Ayn Rand thì cũng là một hiện tượng thú vị. Với nhiều người tôn sùng bà, Ayn Rand được coi là một nhà triết học, đạo đức học, nhà tư tưởng lớn. Các tác phẩm của bà, nhất là hai cuốn tiểu thuyết *Atlas Shrugged* và *The Fountainhead* luôn là các cuốn sách best-seller với các kỷ lục về doanh số bán ra. Trên trang web Amazon vào thời điểm hiện nay, 50 năm sau khi cuốn *Atlas Shrugged* ra đời, nó vẫn nằm trong 400 cuốn sách bán chạy. Hai cuốn tiểu thuyết với độ dày mỗi cuốn trên dưới 1000 trang này đã làm thay đổi cuộc đời của không biết bao nhiêu người Mỹ. Một trong số những người đó là Alan Greenspan, thống đốc huyền thoại của kinh tế Mỹ trong hơn hai mươi năm. Năm 1957 Greenspan đang làm công việc dự đoán kinh tế sau khi tốt nghiệp cao học kinh tế trường Đại học Columbia. Cũng như hầu hết các nhà kinh tế thời đó, Greenspan là người tin tưởng vào học thuyết Keynes – học thuyết đề cao vai trò của chính phủ trong nền kinh tế và chiếm địa vị thống trị kinh tế học cả thế giới tư bản kể từ sau thời Đại khủng hoảng (1929-33). Nhưng sau khi đọc xong cuốn sách dày hơn 1200 trang của Ayn Rand thì Greenspan trở thành một trong những người ủng hộ nhiệt thành tư tưởng của Rand. Với nhiều người, Ayn Rand được coi như nhà tư tưởng của chủ nghĩa tư bản, là người bảo vệ đanh thép cho các giá trị của chủ nghĩa cá nhân, và biện minh cho tính đạo đức của chủ nghĩa tư bản. Cùng với Ayn Rand, họ đã thoát khỏi cái mặc cảm Thiên chúa giáo đồng nghĩa giàu có với tội lỗi "Người giàu có vào được Thiên đường khó hơn con lạc đà chui qua lỗ kim", cũng không phải mặc cảm với thứ luật rừng "kẻ

mạnh nhất là kẻ tồn tại" mà Spencer rao giảng hồi đầu thế kỷ. Không phải ngẫu nhiên mà Rand lại có ảnh hưởng mạnh như thế, nếu như nhớ lại rằng Spencer cũng từng có ảnh hưởng tương tự ở Mỹ vào đầu thế kỷ cùng với sự phát triển của giai cấp tư sản. Địa vị của Rand chính là sự nối tiếp địa vị của Spencer trong một bối cảnh mới. Trong bài báo mới ra hôm kia trên tờ New York Times, tác giả bài báo gọi tiểu thuyết của Ayn Rand là văn học của chủ nghĩa tư bản.

Trong *The Fountainhead*, có đoạn một nhân vật chính, khi còn là một cậu bé xuất thân nghèo khổ một lần có dịp may đọc được cuốn sách của Herbert Spencer. Và cuốn sách đó đã thay đổi cả cuộc đời cậu, khiến cậu quyết chí vươn lên trở thành một nhà tư bản giàu có. Nhưng dù thành đạt, nhà tư bản đó vẫn không hạnh phúc với cảm giác mình đã tự phản bội mình. Câu trả lời của Ayn Rand về lý do nỗi bất hạnh đó chính là ở sự khiếm khuyết của thuyết Darwin xã hội mà Spencer truyền bá và được giai cấp tư sản Mỹ ngưỡng mộ. Đó là việc Spencer không tạo ra được một biện minh đạo đức. Vì thế những nhà tư sản Mỹ sẽ suốt đời phải dằn vặt giữa sự mâu thuẫn trong đạo đức Thiên chúa giáo của bản thân (hay/và của xã hội) với lý luận "kẻ mạnh nhất là kẻ tồn tại". Bằng việc biện minh đạo đức cho chủ nghĩa cá nhân, Ayn Rand đã mang lại sự thanh thản cho họ. Về mặt này, có thể nói Ayn Rand là người kế thừa Nietzsche, nhưng khác với Nietzsche bác bỏ đạo đức Thiên Chúa giáo và tự đặt ra đạo đức cá nhân với mục đích hủy diệt, Aynd Rand đồng nghĩa ý chí cá nhân với tự do, sáng tạo và chủ nghĩa tư bản. Với các tiểu thuyết của mình, Ayn Rand đã thay đổi cuộc đời của rất nhiều người Mỹ, những người như Alan Greenspan, như trước đó cuốn sách của Spencer từng thay đổi cuộc đời của nhân vật Wynand trong *The Fountainhead*.

Cho tới tận ngày nay, các tiểu thuyết của Ayn Rand vẫn có ảnh hưởng rất mạnh mẽ tới việc hình thành nhân cách và nhân sinh quan của nhiều người Mỹ.

Nhưng mặc dù thành công lớn như vậy về mặt ảnh hưởng, đối với giới trí thức học thuật thì Ayn Rand là con số không. Trong các khoa triết ở các trường Đại học, người ta không buồn nhắc tới bà với học thuyết Objectivism của bà. Với các giáo sư văn học và các nhà phê bình thì các tiểu thuyết của bà bị coi là nhạt, ý đồ lộ liễu và ít có giá trị về mặt văn học. Thế nhưng trong một cuộc bình chọn của độc giả Mỹ, *Atlas Shrugged* của Ayn Rand được bình chọn là cuốn sách có ảnh hưởng lớn nhất chỉ sau Kinh Thánh. Năm 1999, nhà xuất bản Modern Library mở cuộc bình chọn 100 tác phẩm văn học tiếng Anh vĩ đại nhất thế kỷ 20. Trong bình chọn của các nhà phê bình, Ulysses của James Joyce đứng vị trí đầu tiên và trong 100 cuốn đó không hề

có bóng dáng cuốn sách nào của Ayn Rand (tình hình cũng tương tự với các bình chọn của giới phê bình như bình chọn của báo *Times*, báo *The Guardian*…). Nhưng trong bình chọn của độc giả thì *Atlas Shrugged* và *The Fountainhead* của Ayn Rand lại ở vị trí dẫn đầu. Đúng là có quá nhiều khác biệt giữa cuốn sách công chúng yêu thích và các nhà phê bình yêu thích. Bà còn chịu sự phê phán của nhiều người thuộc cả phái hữu và phái tả. Với phái hữu, Ayn Rand là người không tin Chúa, phủ định đạo đức Thiên chúa giáo. Với cánh tả, Ayn Rand bị phê phán vì đề cao tính ích kỷ (selfishness), chủ nghĩa cá nhân và chống đối kịch liệt chủ nghĩa xã hội hay một nhà nước có vai trò lớn.

Đánh giá về mặt giá trị văn học hay tư tưởng của tiểu thuyết Ayn Rand còn là một vấn đề gây tranh cãi. Nhưng tôi nghĩ là để có thể hiểu được người Mỹ và phần nào cái "suối nguồn" cho sự phát triển kinh tế và xã hội Mỹ trong nửa cuối thế kỷ 20, thì các tiểu thuyết của Ayn Rand là rất đáng đọc.

LỜI GIỚI THIỆU CHO LỄ KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY XUẤT BẢN SUỐI NGUỒN

Nhiều người đã hỏi, tôi cảm thấy thế nào khi cuốn *Suối nguồn* vẫn được tái bản trong suốt 25 năm qua. Tôi không thể nói tôi cảm thấy điều gì đặc biệt, ngoại trừ một cảm giác thỏa mãn lặng lẽ. Về điều này, xin trích một câu nói của Victor Hugo để diễn tả thái độ của tôi với công việc viết lách của mình: "Nếu một nhà văn chỉ viết cho thời đại của mình thì tôi sẽ phải bẻ bút và vứt nó đi."

Một số nhà văn – trong đó có tôi – không sống, nghĩ, hoặc viết chỉ cho một thời điểm. Tiểu thuyết – theo nghĩa hợp lý của từ này – không nên được viết để rồi biến mất trong một tháng hoặc một năm. Việc tiểu thuyết ngày nay rơi vào bi kịch trên – chúng được viết và xuất bản như tạp chí, để rơi vào lãng quên cũng nhanh như một bản tạp chí – là điều đáng buồn nhất của văn học đương đại, đồng thời là bản cáo trạng rõ ràng nhất đối với quan điểm nghệ thuật mà văn học ngày nay theo đuổi: thứ chủ nghĩa hiện thực tủn mủn, mang tính báo chí vốn đang đi vào ngõ cụt trong sự hoảng loạn không lời.

Mặc dù không phải là đặc trưng riêng, sự *trường tồn* là đặc trưng cơ bản nhất của một trường phái văn học hầu như không còn tồn tại ngày nay: văn học lãng mạn. Tôi không định trình bày về bản chất của văn học lãng mạn ở đây; vì thế, tôi chỉ xin được nhấn mạnh một điều này thôi – với mục đích ghi lại cho mình và cho những người chưa từng phát hiện ra điều này: chủ nghĩa lãng mạn là trường phái nghệ thuật hướng tới nhận thức (the conceptual school of art). Nó không giải quyết những vấn đề vụn vặt hàng ngày của đời sống mà hướng tới những vấn đề và giá trị vĩnh hằng, cơ bản, chung nhất của đời sống con người. Nó không ghi âm hay chụp ảnh; nó sáng tạo và định hướng. Theo ngôn ngữ của Aristotle thì văn học lãng mạn không quan tâm tới *thế-giới-như-nó-đang-là* (things as they are), mà tới *thế giới như nó có thể là* và *phải là* (things as they might be and ought to be).

Đối với những người cho rằng những gì xảy ra trong thời đại hiện tại cũng có tầm quan trọng đặc biệt, tôi xin được nói thêm rằng thời đại mà chúng ta đang sống đây chính là thời đại mà con người càng cần một sự định hướng về cái *thế giới như nó phải là*.

Tôi không có ý nói rằng vào lúc tôi đang viết *Suối nguồn*, tôi đã biết cuốn sách sẽ còn được tái bản trong 25 năm tới. Tôi không hề nghĩ tới một khoảng thời gian cụ thể nào. Tôi chỉ biết cuốn sách này phải sống. Và nó đã sống.

Nhưng việc cách đây 25 năm, tôi biết cuốn sách phải sống – biết điều này ngay trong lúc bản thảo *Suối nguồn* bị mười hai nhà xuất bản từ chối, một số trong đó tuyên bố rằng nó "quá triết lý", "quá nhạy cảm" và sẽ không thể bán được vì không tồn tại độc giả cho nó – lại chính là phần đau lòng trong lịch sử cuốn sách: đau lòng cho tôi khi nghĩ đến. Tôi kể lại nó ở đây để chia sẻ với những nhà văn có cùng quan điểm viết như tôi – những người có thể sẽ phải đối mặt với trận chiến tương tự; chia sẻ để khẳng định một thực tế là chúng ta có thể chiến thắng trong cuộc chiến này.

Tôi sẽ không thể nói về *Suối nguồn* hoặc bất cứ phần nào trong lịch sử của cuốn sách nếu tôi không đề cập đến một người đã giúp tôi viết được cuốn sách này: chồng tôi – Frank O'Connor.

Trong một vở kịch tôi viết vào những năm đầu tuổi 30, vở *Lý tưởng*[1], nhân vật nữ chính trong vở kịch – một ngôi sao điện ảnh, đã nói thay tôi bằng những lời thế này: "Tôi muốn thấy bằng xương bằng thịt, trong lúc tôi còn sống, cái chiến thắng mà tôi đã tạo ra như một viễn tưởng. Tôi muốn thấy nó có thực. Tôi muốn biết là ở đâu đó, có một ai đó cũng mong muốn điều đó. Nếu không, có nghĩa gì cái việc nhìn thấy nó, làm việc và đốt cháy mình cho một hình ảnh không có thực? Một linh hồn cũng cần năng lượng nuôi sống nó. Một linh hồn cũng có thể cạn kiệt."

Frank chính là nguồn năng lượng đó. Anh đã mang lại cho tôi, vào những thời khắc thực trong cuộc sống của tôi, cảm giác thực về cuộc sống như tôi vừa nói – cái cảm giác đã sáng tạo ra *Suối nguồn*; và anh giúp tôi giữ được nó trong suốt nhiều năm, ngay cả khi xung quanh chúng tôi không có gì ngoài một sa mạc xám xịt những con người và sự kiện chỉ gợi lên sự khinh bỉ và kinh sợ. Điều cốt lõi nhất trong mối dây liên hệ hai chúng tôi chính là việc cả hai chúng tôi đều không bao giờ muốn hoặc bị cám dỗ vào sống trong bất cứ thế giới nào khác ngoài thế giới như trong *Suối nguồn*. Chúng tôi sẽ không bao giờ.

Nếu trong tôi có bất cứ biểu hiện nào của một nhà văn hiện thực – tức là người ghi chép lại các lời thoại trong "cuộc sống thực" để dùng cho tiểu thuyết – thì điều đó chỉ xảy ra trong giao tiếp với Frank. Ví dụ, một trong những lời thoại ý nghĩa nhất trong *Suối nguồn* là lời thoại ở cuối Phần Hai: trả lời câu hỏi của Toohey "Sao anh không nói thẳng cho tôi biết anh nghĩ gì về tôi," Roark đã trả lời "Nhưng tôi không nghĩ về ông." Câu nói của Roark chính là câu trả lời mà Frank đã dành cho một loại người khác, trong một

hoàn cảnh tương tự. Hoặc như Frank đã nói với tôi về quan điểm làm việc của tôi: "Em đang vung vãi vàng ngọc mà chẳng thu lại được chút vụn cám." Câu này, tôi để cho Dominique nói trong phiên tòa xử Roark.

Tôi hiếm khi cảm thấy nản lòng, và nếu có nản lòng thì thường cảm giác đấy chỉ qua một đêm là hết. Nhưng có một buổi tối, trong lúc viết *Suối nguồn*, tôi cảm thấy phẫn nộ một cách sâu sắc với thực trạng của cái thế-giới-như-nó-đang-là đến mức tôi cảm thấy tôi không bao giờ có năng lượng để tiến thêm một bước nào về phía cái thế-giới-như-nó-phải-là. Đêm đó, Frank nói chuyện với tôi nhiều giờ liền. Anh làm cho tôi hiểu vì sao người ta không thể bỏ mặc thế giới cho những kẻ mà mình khinh bỉ. Đến khi cuộc nói chuyện kết thúc, sự nản lòng của tôi tan biến. Nó không bao giờ còn trở lại mạnh mẽ như lần đó nữa.

Tôi vẫn thường phản đối thói quen đề tặng sách: tôi đã luôn giữ quan điểm rằng một cuốn sách cần được dành tặng cho bất cứ độc giả nào xứng đáng với nó. Nhưng đêm đó, tôi nói với Frank rằng tôi sẽ đề tặng *Suối nguồn* cho anh bởi vì anh đã cứu sống nó. Và một trong những giây phút hạnh phúc nhất của tôi đã đến vào khoảng hai năm sau đó, khi tôi thấy nét mặt của Frank lúc anh trở về nhà vào một ngày bình thường và nhìn thấy bản in thử của cuốn *Suối nguồn*; trang đầu tiên của nó in đậm, rõ nét mấy chữ: *Tặng Frank O'Connor.*

Có người hỏi tôi trong 25 năm qua, tôi có thay đổi không. Không, tôi vẫn là con người đó; thậm chí càng giống thế hơn. Các quan điểm của tôi có thay đổi không? Không. Kể từ lúc tôi bắt đầu nhớ được thì tất cả những niềm tin và quan điểm cơ bản nhất của tôi về cuộc sống và con người không hề thay đổi; tuy nhiên, nhận thức của tôi về phạm vi áp dụng những quan điểm ấy đã mở rộng ra cả về tầm vóc và tính chất. Tôi đánh giá thế nào về cuốn *Suối nguồn* ở thời điểm này? Tôi vẫn tự hào như tôi đã tự hào vào cái ngày tôi viết xong cuốn sách.

Cuốn *Suối nguồn* có được viết để trình bày các quan điểm triết học của tôi không? Trả lời câu hỏi này, tôi xin trích lại từ bài viết *Mục đích văn chương* mà tôi đã trình bày ở Đại học Lewis và Clark vào ngày 1-10-1963: "Động cơ và mục đích của tôi khi viết văn là khắc họa hình ảnh con người lý tưởng. Mục tiêu rốt ráo nhất của tôi là khắc họa một mẫu người lý tưởng về đạo đức; tất cả các giá trị triết học, giáo dục, hay nhận thức trong tiểu thuyết chỉ là phương tiện để đạt mục tiêu rốt ráo ấy.

"Tôi xin được nhấn mạnh điều này: mục đích của tôi *không phải* là khai sáng độc giả về mặt triết học. Mục đích của tôi – mục đích cơ bản và rốt ráo nhất – là khắc họa chân dung Howard Roark (hoặc các nhân vật chính trong

Atlas vươn mình[2]) như cái đích tự thân.

"Tôi viết – và đọc nữa – vì lợi ích của câu chuyện. Phép thử đơn giản nhất của tôi cho bất cứ câu chuyện nào là: Liệu tôi có muốn gặp các nhân vật và chứng kiến những sự kiện kia trong đời thực hay không? Câu chuyện này có vẽ ra một kinh nghiệm đáng trải qua hay không? Niềm hạnh phúc được suy tưởng về các nhân vật này có đủ là mục đích tự thân hay không?...

"Vì mục đích của tôi là khắc họa con người lý tưởng, tôi phải xác định và vẽ ra những hoàn cảnh để cho nhân vật sống, đồng thời là hoàn cảnh mà sự tồn tại của con người lý tưởng đó đòi hỏi. Vì tính cách của con người là sản phẩm của những tín điều mà anh ta giữ, tôi cũng phải xác định và vẽ ra những tín điều và niềm tin sẽ tạo ra tính cách của con người lý tưởng và thúc đẩy các hoạt động của anh ta. Điều này cũng có nghĩa là tôi phải xác định và vẽ ra các nguyên tắc đạo đức hợp lý. Vì con người hoạt động và giao tiếp với nhau, tôi phải vẽ ra hệ thống xã hội ở đó con người lý tưởng của tôi có thể tồn tại và hoạt động – một hệ thống tự do, hiệu quả, hợp lý; một hệ thống đòi hỏi và tưởng thưởng cho những năng lực tốt đẹp nhất trong mỗi con người.

"Nhưng bản thân chính trị cũng như đạo đức hoặc triết học đều không thể tồn tại như mục đích tự thân, dù trong đời sống hay trong văn học. Chỉ có Con người mới có thể là mục đích tự thân cho chính mình mà thôi."

Tôi có muốn thay đổi gì trong nội dung của cuốn *Suối nguồn* không? Không – và vì thế mà tôi đã giữ cuốn sách nguyên vẹn. Tôi muốn nó tồn tại đúng như nó đã được viết ra. Chỉ có một từ và một câu có thể gây hiểu nhầm mà tôi muốn giải thích rõ; vì thế tôi sẽ đề cập ở đây.

Cái từ có thể gây hiểu nhầm là từ "egotist" (có nghĩa là người tự cao tự đại) trong bài tự biện trước tòa của Roark; lẽ ra tôi phải dùng từ "egoist" (người theo chủ nghĩa vị thân) [3]. Lỗi này là do tôi đã ỷ lại vào giải thích của một cuốn từ điển – cuốn này đưa ra định nghĩa không chính xác về hai từ, trong đó "egotist" có vẻ gần hơn với tìm kiếm của tôi (cuốn *Từ điển hàng ngày Webster*, xuất bản năm 1933). (Tuy nhiên, các nhà triết học hiện đại có lỗi hơn các nhà biên soạn từ điển trong việc làm lẫn lộn hai từ này).

Còn câu văn cần đính chính nằm trong bài phát biểu của Roark: "Từ những thứ thiết yếu đơn giản nhất cho đến những khái niệm tôn giáo trừu tượng cao nhất, từ cái bánh xe cho đến các tòa nhà chọc trời, tất cả những gì mà chúng ta đại diện và tất cả những gì chúng ta có đều đến từ một thuộc tính của con người – đó là khả năng tư duy."

Câu này có thể khiến người ta hiểu sai rằng tôi ủng hộ tôn giáo hoặc các tư tưởng tôn giáo. Tôi nhớ là mình đã lưỡng lự khi viết câu này, rồi tự nhủ rằng sự vô thần của cả Roark và tôi cũng như tinh thần chung của cả cuốn

sách đã được khẳng định rõ ràng đến mức không ai có thể hiểu nhầm, nhất là khi tôi đã nói rằng những tư tưởng tôn giáo cũng là sản phẩm của đầu óc con người chứ không phải sự mặc khải của đấng siêu nhiên nào.

Tuy nhiên, những vấn đề như thế này cần phải được giải thích rõ ràng. Tôi không hề nói đến tôn giáo theo nghĩa tôn giáo đức tin mà tôi nói đến tôn giáo như một nhánh đặc biệt của tư duy trừu tượng, một hình thái có tính thăng hoa tinh thần cao nhất, một hình thái mà trong nhiều thế kỷ qua đã gần như là hoạt động độc quyền của tôn giáo. Và tôi nói đến đạo đức – không phải theo nghĩa các giáo lý tôn giáo mà là đạo đức theo nghĩa trừu tượng, đạo đức như lĩnh vực quy định các giá trị, đạo đức như bộ luật tốt và xấu của con người; đạo đức mà, đứng về mặt tình cảm, thì được biểu hiện ở cảm giác lớn lên, cảm giác tự tôn, cảm giác cao cả, cảm giác vĩ đại – những thứ thuộc về giá trị con người nhưng đã bị tôn giáo chiếm làm đặc tính của mình.

Tôi đã ngụ ý dùng những nghĩa trên cho một đoạn khác trong cuốn sách, một đoạn thoại ngắn giữa Roark và Hopton Stoddard, và nó có thể bị hiểu nhầm nếu bị tách khỏi bối cảnh:

"Anh là một người có đức tin sâu sắc, Roark ạ – đức tin theo cách riêng của anh. Tôi có thể nhìn thấy nó trong những tòa nhà anh kiến trúc."

"Đúng vậy." – Roark trả lời.

Trong bối cảnh của cuốn sách, nghĩa của câu trên rất rõ ràng: Stoddard đang nói đến sự tuân thủ tuyệt đối của Roark đối với các giá trị, đối với cái cao nhất và tuyệt vời nhất, với cái lý tưởng (trong kiến trúc và cuộc sống[4]). Việc xây dựng Đền Stoddard và phiên tòa tiếp theo sự việc này minh họa rõ cho câu trên.

Điều này dẫn tôi đến một vấn đề lớn hơn, có liên quan tới từng câu một trong cuốn *Suối nguồn* và cần phải được hiểu rõ nếu như bạn đọc muốn hiểu lý do sự hấp dẫn lâu dài của cuốn sách này.

Sự độc quyền của tôn giáo trong lĩnh vực đạo đức khiến cho việc trao đổi các ý nghĩa và sắc thái tình cảm từ góc độ lý tính trở nên hết sức khó khăn. Vì tôn giáo đã độc quyền trong việc đề ra các quy định đạo đức, đưa đạo đức chống lại con người, nên tôn giáo cũng đã chiếm đoạt luôn các khái niệm đạo đức cao nhất trong ngôn ngữ, đưa chúng ra khỏi thế giới và tầm với của con người. Ví dụ như từ "thăng hoa" (exaltation) thường được dùng để ngụ ý một trạng thái tình cảm của người đã được chứng kiến đấng siêu nhiên. Từ "thờ phụng" (worship) được dùng để chỉ sự trung thành và tận tụy đối với những thứ ở bên trên con người. Từ "tôn kính" (reverence) ám chỉ cảm giác tôn trọng mang tính thần thánh mà người ta cảm giác được khi quỳ trên đầu gối (vào lúc cầu nguyện). Từ "thiêng liêng" (sacred) cũng có nghĩa là vượt

trên và bất khả xâm phạm bởi những gì thuộc về con người trên mặt đất. Vân vân...[5]

Trong khi đó, tất cả những khái niệm trên đều liên quan đến những cảm giác thực của con người mà không cần có gì siêu nhiên hiện hữu; và người ta có thể kinh nghiệm những cảm giác này khi họ thấy mình lớn lên hay cao thượng lên mà không cần phải đi kèm với cảm giác hạ mình (xuống dưới đấng siêu nhiên[6]) như các khái niệm tôn giáo đòi hỏi. Vậy thì, trong thực tế, người ta lấy cái gì để làm nguồn gốc hoặc làm tham chiếu cho các kinh nghiệm của mình? Lẽ ra, người ta phải tham chiếu toàn bộ thế giới tình cảm của mình trong tương quan với một mô hình đạo đức lý tưởng. Thế nhưng, thực tế là ngoài cảm giác tự hạ mình xuống mà tôn giáo quy định cho con người, toàn bộ phần còn lại của thế giới tình cảm ấy đã bị bỏ mặc, không hề được gọi tên, làm rõ hoặc công nhận.

Chính những cấp độ tình cảm cao nhất này của con người là cái cần phải được cứu chuộc lại từ trong bóng tối của chủ nghĩa thần bí và phải được trả lại cho chủ nhân chân chính của nó: con người (chứ không phải đấng siêu nhiên[7]).

Và chính với ý nghĩa này, với suy nghĩ này, tôi muốn nêu rõ tính chất của cuộc sống mà cuốn *Suối nguồn* đã khắc họa: đó là cuộc sống tôn vinh con người.[8]

Tôn vinh con người là một cảm giác mà một số ít người – thậm chí rất ít – kinh nghiệm được nó một cách thường xuyên; một số khác kinh nghiệm nó qua những khoảnh khắc rời rạc, lóe lên rồi tắt đi mà không để lại ảnh hưởng gì; một số người thậm chí không hề biết đến nó; trong khi một số khác nữa thì biết và dành cả đời để điên cuồng dập tắt những khoảnh khắc lóe lên đó.

Xin đừng nhầm lẫn sự "tôn vinh con người" này với rất nhiều những toan tính mà ở đó, thay vì giải phóng luân lý ra khỏi vòng cương tỏa của tôn giáo và đưa trả nó về với lĩnh vực tư duy lý tính của con người thì người ta lại khoác cho nó một hình hài vô nghĩa và kinh khủng nhất của sự cuồng tín. Ví dụ như tất cả các biến thể của chủ nghĩa tập thể thực ra giữ nguyên những nguyên tắc đạo đức tôn giáo, có điều họ thay "Chúa" bằng "xã hội" để đẩy con người vào chỗ tự hy sinh làm vật tế thần. Bên cạnh đó là hàng loạt các trường phái triết học hiện đại – những trường phái phủ nhận các nguyên tắc tư duy và tuyên bố rằng thực tại chỉ là một tổ hợp hỗn loạn được tạo ra bởi những phép mầu và tuân thủ quy tắc ngẫu nhiên – không phải sự ngẫu nhiên do Chúa tạo ra, mà sự ngẫu nhiên do con người hay xã hội tạo ra. Những kẻ theo quan điểm thần bí mới này không hề tôn vinh con người; chúng chỉ là những kẻ dung tục hóa con người và cũng thù địch con người một cách điên

cuồng như những bậc tiền bối vốn tôn thờ chủ nghĩa thần bí của chúng.

Một dạng thô thiển hơn của sự thù địch với con người mà tôi vừa nói đến là những quan điểm của những kẻ bị thống kê và những chi tiết vụn vặt của đời sống làm mờ mắt. Những kẻ này – vì không đủ khả năng nhận thức được ý nghĩa của sự tự ý thức ở con người – đã tuyên bố rằng con người không thể là đối tượng của sự tôn vinh bởi vì chúng chưa gặp một ai xứng đáng với sự tôn vinh đó.

Những người tôn vinh con người – theo đúng nghĩa mà tôi muốn nói tới – là những người nhìn ra tiềm năng cao nhất của con người và nỗ lực đạt tới điều đó. Những kẻ thù địch con người, trái lại, là những kẻ coi loài người như những sinh vật yếu ớt, sa đọa, đáng khinh bỉ và cố gắng để bản thân chúng không phải nhìn thấy điều ngược lại. Ở đây, cần chú ý rằng tri thức tự phản ảnh trực tiếp duy nhất mà con người có được là tri thức về chính bản thân mình.

Cụ thể hơn, ranh giới cơ bản nhất giữa những người tôn vinh con người và những kẻ thù địch con người là một bên thì phấn đấu cho sự thăng hoa của lòng tự tôn cũng như sự thiêng liêng của hạnh phúc thực sự trên mặt đất; còn bên kia thì cố gắng để con người không đạt được hai thứ đó. Hầu hết nhân loại tiêu tốn năng lượng và tình cảm của mình ở khoảng giữa của hai thái cực trên: họ chao đảo từ bên này sang bên khác, vùng vẫy để không phải gọi tên sự khổ sở của mình. Nhưng gọi tên hay không cũng không thay đổi được bản chất sự khổ sở của họ.

Có lẽ, cách tốt nhất để thâu tóm quan điểm cuộc sống trong *Suối nguồn* là dẫn ra đây những câu tôi đã đề trên đầu bản thảo của mình nhưng đã bỏ chúng đi khi đem xuất bản. Tôi xin nhân cơ hội này để trình bày với bạn đọc.

Tôi đã bỏ chúng đi vì tôi phản đối sâu sắc những quan điểm triết học của người viết ra những câu ấy: Friedrich Nietzsche[9]. Về mặt triết học, Nietzsche ủng hộ quan điểm thần bí và sự phi lý. Các quan điểm siêu hình học của ông thể hiện một thế giới trộn lẫn giữa sự lãng mạn kiểu Byron[10] với sự độc ác thần bí; nhận thức luận của ông hạ thấp vai trò của tư duy lý tính và thay nó bằng duy ý chí, hay cảm giác, hay bản năng, hay những đặc điểm bẩm sinh khác của đối tượng. Tuy nhiên, với tư cách một nhà thơ, thỉnh thoảng (chứ không thường xuyên), Nietzsche lại nói đến những tình cảm lớn lao đối với sự vĩ đại của con người – nhưng nói đến thông qua ngôn ngữ cảm giác chứ không phải ngôn ngữ tư duy.

Điều này đặc biệt đúng trong câu trích dẫn mà tôi đã chọn. Tôi không thể đồng ý với nghĩa đen của nó: câu này tuyên bố một lý thuyết không thể bào chữa được là thuyết tâm lý quyết định (psychological determinism). Tuy

nhiên, nếu nhìn nhận nó như sự khắc họa một kinh nghiệm tình cảm (và nếu, về mặt nhận thức, ta dùng khái niệm "tiền đề tư duy cơ bản" có được do kinh nghiệm thay cho khái niệm "tri giác bẩm sinh") thì câu trích dẫn này lại cho thấy một trạng thái thăng hoa của sự tự tôn; đồng thời quy nạp tất cả những tình cảm mà cuốn *Suối nguồn* đã đặt nền tảng triết học và nhận thức cho những tình cảm ấy.[11]

"Không phải hành vi mà chính là niềm tin – niềm tin chắc chắn và quan trọng nhất – sẽ mang lại cho những tín điều tôn giáo cũ một ý nghĩa mới và sâu sắc hơn: một niềm tin chắc chắn mà một tâm hồn cao thượng có đối với chính nó; cái niềm tin mà người ta không nên kiếm tìm từ bên ngoài, không thể tìm thấy ở bên ngoài, và, có lẽ, không bao giờ nên để mất." (Trích từ bài *Tâm hồn cao thượng tự thăng hoa*, Friedrich Nietzsche, cuốn *Bên trên cái thiện và cái ác*.)

Trong lịch sử nhân loại, hiếm thấy ai phát biểu quan điểm này về con người. Ngày nay, quan điểm này hầu như không tồn tại. Tuy nhiên, chính quan điểm này – dù tồn tại ở các cấp độ khác nhau của sự khao khát, ao ước, đam mê và hoang mang đau khổ – là quan điểm khởi đầu cuộc sống của những người ưu tú nhất của nhân loại. Đối với đa số họ, đây thậm chí không phải là một quan điểm rõ ràng mà chỉ là một cảm giác mơ hồ, khó nắm bắt; nó được tạo thành từ những nỗi đau trần trụi và từ niềm hạnh phúc không thể diễn tả nổi. Nó là cảm giác về một kỳ vọng lớn, rằng cuộc sống của một người là quan trọng, rằng những thành tựu lớn lao có thể nằm trong khả năng, và rằng những điều vĩ đại còn nằm phía trước.

Bản chất của con người – và của bất cứ sinh vật nào – không phải là đầu hàng, hoặc phỉ nhổ và nguyền rủa sự tồn tại của mình; điều ấy thực ra đòi hỏi cả một quá trình suy đồi mà tốc độ của nó tùy thuộc mỗi người. Một vài người đầu hàng vào lần đầu tiên tiếp xúc với áp lực; một vài người mặc nhiên đầu hàng; một số khác đi xuống từ từ và cứ thế mất dần ngọn lửa mà chính họ cũng không hề nhận ra nó đã tàn lụi như thế nào. Sau đó, tất cả biến mất trong cái đầm lầy khổng lồ gồm những người già cỗi, những người rao giảng rằng trưởng thành bao hàm việc chối bỏ chính kiến, rằng sự ổn định bao hàm việc chối bỏ những giá trị riêng, và rằng sống thực tế có nghĩa là phải gạt bỏ sự tự tôn. Chỉ một số ít người kiên quyết không đầu hàng và tiếp tục tiến lên; họ biết rằng không thể phản bội ngọn lửa kia; họ học cách nuôi dưỡng nó, cho nó hình hài, mục đích và sự sống... Tóm lại, dù tương lai mỗi người khác nhau, ở vào thời điểm bắt đầu cuộc sống, nhân loại luôn tìm kiếm một hình ảnh cao cả về bản chất con người cũng như về cuộc sống.

Có rất ít cột chỉ đường trong cuộc tìm kiếm này. *Suối nguồn* là một trong những cột chỉ đường đó. Đây chính là một trong những lý do cơ bản nhất

khiến cho *Suối nguồn* có sức hấp dẫn lâu dài: nó tái khẳng định tinh thần của tuổi trẻ, nó tuyên bố về chiến thắng của con người, nó chỉ ra người ta có thể làm được những gì.

Tôi không quan tâm đến việc trong mỗi thế hệ người, sẽ chỉ có một số ít hiểu rõ và đạt được nhân dạng thật sự của con người; số còn lại sẽ phản bội nó. Chính số ít kia mới là những người xoay chuyển thế giới này và mang lại ý nghĩa cho cuộc sống – và chính số ít này mới là đối tượng mà tôi muốn hướng tới. Số còn lại – tôi không quan tâm. Họ không hề phản bội tôi hay cuốn sách này. Cái mà họ phản bội chính là linh hồn của họ.

Ayn Rand

New York, tháng Năm – 1968

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU CHO LỄ KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY XUẤT BẢN SUỐI NGUỒN

PHẦN MỘT - PETER KEATING

- I.
- II.
- III.
- IV.
- V.
- VI.
- VII.
- VIII.
- IX.
- X.
- XI.
- XII.
- XIII.
- XIV.
- XV.

PHẦN HAI - ELLSWORTH M.TOOHEY

- I.
- II.
- III.
- IV.
- V.
- VI.
- VII.
- VIII.
- IX.
- X.
- XI.
- XII.
- XIII.
- XIV.
- XV.

PHẦN BA - GAIL WYNAND

- I.
- II.
- III.
- IV.

V.
VI.
VII.
VIII.
IX.
PHẦN BỐN - HOWARD ROARK
I.
II.
III.
IV.
V.
VI.
VII.
VIII.
IX.
X.
XI.
XII.
XIII.
XIV.
XV.
XVI.
XVII.
XVIII.
XIX.
XX.

PHẦN MỘT - PETER KEATING

I.

Howard Roak cười vang.

Anh đứng trần truồng trên một mỏm đá. Hồ nước nằm sâu dưới chân anh. Phía trên mặt nước tĩnh lặng, những khối đá granit sừng sững vươn thẳng lên trời. Dường như mặt nước nằm bất động trong khi các khối đá cứ từ dưới nước vươn lên cao. Những khối đá mang sự bất động vẫn thấy ở một trận chiến khi vũ khí hai bên xô vào nhau; trong khoảnh khắc ấy, mọi thứ chững lại trong một trạng thái tĩnh còn sôi sục hơn mọi chuyển động. Những phiến đá lấp lánh, sũng ánh mặt trời.

Hồ nước bên dưới chỉ còn như một vòng thép mỏng cắt đôi các khối đá. Những tảng đá cứ thế cắt xuyên xuống dưới mặt nước sâu, không hề thay đổi. Chúng bắt đầu với bầu trời trên cao rồi lại kết thúc với bầu trời khác phía dưới mặt nước. Như thế, cả thế giới trở nên lơ lửng trong không trung – một hòn đảo bồng bềnh trôi trong hư không và chỉ được neo vào bàn chân của người đang đứng trên mỏm đá.

Cơ thể anh tựa vào bầu trời. Đấy là một cơ thể gồm toàn đường thẳng và góc nhọn, mỗi một đường uốn đều bị bẻ vỡ thành những mặt phẳng. Anh đứng đó, bất động, hai tay buông dọc hai bên sườn, lòng bàn tay mở. Anh cảm thấy bả vai mình căng lên; anh cảm thấy rõ đường lượn trên cổ và máu dồn nặng xuống hai bàn tay. Anh cảm thấy gió ở sau lưng, luồn qua cái hốc lõm ở gáy. Gió thổi tóc anh vẫy trên nền trời. Đó là một mái tóc không vàng cũng không đỏ, mà chính xác là màu vỏ cam chín.

Anh cười vào cái điều đã xảy ra với anh vào sáng hôm đó và vào những thứ sắp đến.

Anh biết những ngày sắp tới sẽ khó khăn. Sẽ có những câu hỏi phải được trả lời và những kế hoạch cần được chuẩn bị. Anh biết anh nên suy nghĩ về chúng. Anh cũng biết là anh sẽ không nghĩ, vì mọi thứ đối với anh đã hoàn toàn rõ ràng, vì kế hoạch đó đã được chuẩn bị từ lâu, và vì anh muốn cười.

Anh cố thử cân nhắc. Nhưng rồi anh lại quên. Anh đang nhìn vào những khối đá granit.

Anh không cười nữa khi mắt anh chững lại trong nhận thức về mặt đất xung quanh. Khuôn mặt anh giống như một quy luật của tự nhiên – một thứ mà người ta không thể chất vấn, thay đổi hoặc van xin. Đó là một khuôn mặt với xương gò má cao, nhô lên trên hai hõm má gầy, trũng; đôi mắt xám, lạnh và kiên định; cái miệng khinh khỉnh, mím chặt – miệng của một tên đao phủ hoặc một vị thánh.

Anh nhìn những khối đá granit. Chúng sẽ được cắt để làm thành những bức tường. Anh nhìn một cái cây. Nó sẽ được xẻ lấy gỗ làm xà nhà. Anh nhìn một vệt gỉ sắt trên đá và nghĩ đến quặng sắt dưới lòng đất. Chúng sẽ được nấu chảy và luyện thành những trụ sắt vươn thẳng lên trời.

Những tảng đá này – anh nghĩ – chúng nằm đây cho ta; chúng chờ đợi mũi khoan, thuốc nổ và hiệu lệnh của ta; chúng chờ được cắt, xẻ, nghiền và tái sinh; chúng mong ngóng cái hình hài mà bàn tay ta sẽ mang lại cho chúng.

Sau đó anh lắc đầu vì anh nhớ đến buổi sáng hôm đó và nhớ ra rằng có rất nhiều việc phải làm. Anh bước đến mỏm đá, giơ cao hai tay và lặn vào bầu trời bên dưới.

Anh bơi thẳng qua mặt hồ để đến bờ bên kia. Anh tiến đến tảng đá nơi anh để quần áo của mình. Anh nhìn quanh mình một cách luyến tiếc. Trong suốt ba năm kể từ khi anh đến sống ở Stanton, đây là chỗ thư giãn duy nhất của anh: anh đến đây bất kỳ lúc nào anh có được một giờ nghỉ ngơi vốn rất hiếm hoi. Anh đến để bơi, để nghỉ, để nghĩ, để được một mình và để được sống. Trong sự tự do mới của mình, điều đầu tiên mà anh muốn làm là tới đây, vì anh biết rằng đây sẽ là lần cuối cùng anh đến. Buổi sáng hôm đó anh đã bị đuổi khỏi khoa Kiến trúc của Học viện Công nghệ Stanton.

Anh mặc quần áo lên người: một chiếc quần bò cũ, đôi xăng-đan, cái áo sơmi cộc tay hầu như không còn khuy. Anh nhảy xuống con đường hẹp giữa những tảng đá, bước xuống con đường mòn chạy xuyên qua một triền đồi phủ đầy cỏ xanh, rồi ra con đường cái bên dưới.

Anh bước nhanh, cử động thư thái và trễ nải. Anh đi bộ dọc theo đường cái, dưới ánh mặt trời. Phía xa, thị trấn Stanton nằm trải dài dọc theo bờ biển Massachusetts, một thị trấn nhỏ làm nền cho viên ngọc của nó – học viện (Stanton[12]) nổi tiếng trên ngọn đồi xa xa.

Thị trấn Stanton bắt đầu với một bãi rác. Một cái gò chôn chất thải xám xịt nổi lên trên mặt cỏ. Nó nhả những làn khói yếu ớt. Vỏ hộp thiếc loang loáng phản chiếu ánh nắng mặt trời. Con đường chạy ngang qua những ngôi nhà đầu tiên dẫn đến nhà thờ. Nhà thờ là một tượng đài kiểu Gothic với những tấm ván lợp sơn màu xanh da trời nhạt. Nó có những trụ tường bằng gỗ đồ sộ mà chẳng để đỡ cái gì cả. Nó có những cửa sổ kính màu với những mẫu trang trí nặng nề làm giả chất liệu đá. Nó mở ra con phố dài, hai bên là những bãi cỏ hẹp đầy phô trương. Phía sau những bãi cỏ là những khối gỗ bị tra tấn và biến thành đủ mọi hình thù: chúng bị vặn xoắn thành các đầu hồi nhà, các tháp canh, các cửa sổ mái; chúng bị bóp phình ra thành những hàng hiên; chúng bị đè nặng dưới những mái nhà dốc, kềnh càng. Những rèm cửa

màu trắng bay phất phơ ở các cửa sổ. Một thùng rác bên cạnh cửa hông bị lật úp xuống. Một con chó Nhật già ngồi trên cái đệm chùi chân trước bậc cửa, miệng nhỏ đầy nước dãi. Một dãy tã trẻ con bay phấp phới trong gió giữa những hàng cột của một hiên nhà.

Mọi người quay nhìn Howard Roark khi anh đi ngang qua. Một số vẫn tiếp tục nhìn chằm chằm theo anh với một sự phẫn nộ mà họ đột ngột cảm thấy. Họ không thể giải thích được sự phẫn nộ này: nó là một thứ bản năng bị sự hiện diện của anh đánh thức. Howard Roark thì không nhìn thấy bất kỳ ai. Đối với anh, các đường phố đều trống trơn. Anh đã có thể trần truồng đi bộ trên đường mà chẳng ngại ngần.

Anh đi cắt ngang qua trung tâm thị trấn Stanton. Đó là một thảm cỏ xanh rộng với các cửa hiệu bao quanh. Cửa sổ của những cửa hiệu này trưng bày những tấm áp phích mới với dòng chữ: LỄ BẾ GIẢNG KHÓA 22! CHÚC KHÓA 22 MAY MẮN! Chiều hôm đó, khóa 22 của Học viện Công nghệ Stanton tổ chức lễ bế giảng.

Roark rẽ ngoặt vào một phố nhỏ; ở cuối dãy nhà dài, trên một cái gò nhỏ nằm cạnh một lạch nước xanh là nhà của bà Keating. Anh đã ở trọ tại căn nhà này trong ba năm qua.

Bà Keating đang đứng ở hiên trước. Bà đang cho cặp hoàng yến ăn trong một cái lồng chim được treo trên thanh rào chắn. Bàn tay mập và ngắn của bà chững lại khi bà nhìn thấy anh. Bà nhìn anh với ánh mắt tò mò. Bà cố kéo đôi môi để gương mặt bà thể hiện một sự cảm thông thích hợp; nhưng nỗ lực của bà chỉ dừng lại ở việc tỏ ra bà đã không phải cố gắng.

Anh đi qua hiên trước mà không nhận ra bà. Bà ngăn anh lại.

"Cậu Roark!"

"Vâng?"

"Cậu Roark, tôi lấy làm tiếc về chuyện..." bà ngập ngừng, "- về chuyện xảy ra sáng nay."

"Chuyện gì ạ?" anh hỏi.

"Chuyện cậu bị đuổi khỏi Học viện. Thật khó mà nói hết là tôi thấy tiếc cho cậu thế nào. Tôi chỉ muốn cậu biết rằng tôi rất thông cảm với cậu."

Anh đứng nhìn bà. Bà biết rằng anh không hề nhìn bà. Không, bà nghĩ, nói thế cũng không đúng. Cậu ta luôn nhìn thẳng vào người đối diện, và đôi mắt chết tiệt của cậu ta không bao giờ bỏ sót một thứ gì; có điều... cậu ta luôn làm cho người đối diện cảm thấy họ không tồn tại.

Howard vẫn đứng nhìn. Anh không trả lời.

“Nhưng điều mà tôi muốn nói là,” bà tiếp tục, “nếu một người nào đó phải chịu đau khổ trong thế giới này, thì đó là do lỗi của chính người đó mà thôi. Tất nhiên, giờ thì cậu sẽ phải từ bỏ nghề kiến trúc sư, có phải vậy không? Nhưng mà một thanh niên luôn có thể kiếm sống bằng nghề nhân viên văn phòng, hay nghề bán hàng hay một nghề nào đó.”

Anh quay người bước đi.

“À, cậu Roark!” – bà gọi anh.

“Vâng?”

“Ông Trưởng khoa gọi điện cho cậu lúc cậu ra ngoài.”

Bà mong nhìn thấy một biểu hiện cảm xúc nào đó của anh, dù chỉ một lần; nhìn thấy anh biểu hiện cảm xúc cũng tương đương với nhìn thấy anh suy sụp. Bà không biết cái gì ở anh làm cho bà luôn mong được nhìn thấy anh bị suy sụp.

“Vâng?” anh hỏi bà.

“Ông Trưởng khoa” bà nhắc lại với giọng kém tự tin, cố gắng tạo lại trọng lượng cho câu nói của mình. “Chính là ông Trưởng khoa, thông qua thư ký của ông ta.”

“Thì sao ạ?”

“Cô ta nhờ tôi nói với cậu là ông Trưởng khoa muốn gặp cậu lập tức, khi nào cậu về nhà.”

“Cảm ơn bác.”

“Cậu nghĩ *giờ* thì ông ta muốn gì?”

“Cháu không biết.”

Anh đã nói: “Cháu không biết.” Nhưng bà đã nghe rất rõ: “Cháu không quan tâm.”

Bà nhìn chằm chằm vào anh với vẻ hoài nghi.

“Tiện thể” bà nói, “hôm nay Petey[13] sẽ tốt nghiệp.” Giọng của bà không để lộ bất kỳ ngụ ý nào.

“Hôm nay ạ? À, vâng.”

“Hôm nay là một ngày tuyệt vời đối với tôi. Khi tôi nghĩ đến chuyện tôi đã phải tằn tiện và khổ sở đến mức nào để có thể cho thằng bé đến trường. Không phải là tôi đang phàn nàn đâu. Tôi không phải là loại người hay kêu ca. Petey là đứa bé có tài.”

Bà căng người lên. Cơ thể thấp mập của bà bị bó chặt trong những nếp

gấp được hồ cứng của cái váy sợi bông khiến cho bao nhiêu mỡ dường như phòi hết ra ở cổ tay và cổ chân bà.

"Nhưng tất nhiên là," bà nói nhanh, đầy hứng khởi về chủ đề yêu thích của mình, "Tôi không phải là người thích khoe khoang. Có những bà mẹ may mắn và có những người khác thì không được vậy. Ai xứng đáng thế nào thì được như thế. Đấy rồi cậu cứ theo dõi thằng Petey mà xem. Tôi không phải kiểu người thích ép con trai mình chết vì làm việc; và tôi sẽ cảm tạ Chúa nếu như Chúa cho nó bất cứ thành công nhỏ nào trong sự nghiệp. Nhưng nếu thằng bé đó không trở thành kiến trúc sư nổi tiếng nhất của cái Liên bang Hoa Kỳ này, thì mẹ của nó sẽ muốn biết lý do tại sao!"

Anh dợm bước đi.

"Nhưng mà tôi đang làm gì thế này; lại cứ nói chuyện tầm phào với cậu" – bà nói một cách hào hứng. "Cậu phải khẩn trương lên; thay quần áo rồi chạy đến trường đi. Ông Trưởng khoa đang chờ cậu."

Bà đứng nhìn anh qua cái cửa lưới, lặng lẽ theo dõi dáng người gầy guộc của anh di chuyển ngang qua căn phòng khách được sắp xếp ngăn nắp đến mức cứng nhắc. Anh luôn làm cho bà thấy không thoải mái trong ngôi nhà: một cảm giác e ngại mơ hồ, như thể bà luôn chờ anh đột ngột đu người từ đâu xuống, đập tan những cái bàn uống cà phê, những lọ hoa Trung Quốc và những bức ảnh đóng khung của mình. Anh chưa từng biểu lộ xu hướng ấy. Nhưng bà vẫn thấp thỏm chờ đợi mà không biết tại sao.

Roark đi lên cầu thang về phòng mình. Đó là một căn phòng lớn, trống rỗng. Một lớp sơn trắng sạch sẽ làm căn phòng sáng lên. Bà Keating chưa bao giờ có cảm giác Roark thực sự sống ở đây. Anh không hề bổ sung thêm bất kỳ vật dụng nào ngoài những đồ đạc tối cần thiết mà bà trang bị cho căn phòng; không tranh ảnh, không đồ trang trí, không dấu vết ấm áp nào của bàn tay con người. Anh không đem vào phòng bất kỳ thứ gì ngoại trừ quần áo và các bản vẽ: chỉ có một vài bộ quần áo và quá nhiều bản vẽ; chúng được chất cao ngất trong góc phòng. Đôi khi bà nghĩ rằng các bản vẽ, chứ không phải một con người, đang sống ở đó.

Roark tiến về phía những bản vẽ; chúng là những thứ đầu tiên phải đóng gói. Anh cầm một trong số những bản vẽ đó lên, rồi bản tiếp theo, rồi thêm một bản nữa. Anh đứng nhìn những tấm giấy lớn.

Chúng là phác thảo những tòa nhà chưa từng tồn tại trên bề mặt trái đất. Chúng như những ngôi nhà đầu tiên được xây dựng bởi người đàn ông lần đầu tiên sinh ra trên mặt đất, người chưa từng biết tới bất cứ tòa nhà nào xây dựng trước đó. Không có gì để nói về những tòa nhà này, ngoại trừ việc cấu trúc của chúng chắc chắn phải là như thế. Không phải một kiến trúc sư nào

đó đã ngồi nghĩ về chúng, cân nhắc một cách tỉ mẩn, chắp nối những cửa chính, cửa sổ và cột nhà theo những ý nghĩ nảy ra bất chợt trong đầu anh ta hoặc theo những gì anh ta học từ sách vở. Trái lại, những ngôi nhà như mọc lên từ lòng đất và từ một sức mạnh sống nào đó: chúng hoàn thiện và không thể thay đổi được. Dĩ nhiên bàn tay đã vẽ những đường chì sắc nét kia vẫn còn phải học hỏi nhiều. Nhưng không có một đường chì nào là thừa thãi, cũng như không có một mặt phẳng cần thiết nào bị thiếu. Các cấu trúc trông chân phương và giản đơn; cho đến khi người ta nhìn chúng thật kỹ và nhận ra quá trình lao động, sự phức tạp về phương pháp, và sự tập trung tư tưởng mà người vẽ chúng đã phải có trước khi anh ta đạt tới sự giản đơn này. Mọi chi tiết trong các bản vẽ đều phá luật. Các tòa nhà không theo kiến trúc Cổ điển, không theo kiến trúc Gothic, mà cũng chẳng theo kiến trúc Phục hưng. Chúng là kiến trúc Howard Roark.

Anh dừng lại ngắm một phác thảo. Nó là bản vẽ mà anh chưa bao giờ thấy hài lòng. Anh đã thiết kế nó như một bài tập mà anh tự đặt ra cho chính mình, ngoài các bài tập ở trường; anh thường làm như thế này khi phát hiện ra một địa điểm nào đó và nghĩ xem miếng đất ấy sẽ phải có một tòa nhà như thế nào. Anh đã mất hàng đêm nghiên cứu bản phác thảo này, băn khoăn không biết mình đã bỏ qua cái gì. Bây giờ khi nhìn nó, anh nhận ra cái lỗi mà mình mắc phải.

Anh vung mạnh tay để trải bản phác thảo lên trên mặt bàn. Anh cúi người xuống và vạch những đường thẳng cắt ngang bản vẽ gọn gàng của mình. Thỉnh thoảng anh dừng lại để nhìn; các đầu ngón tay anh ấn lên trang giấy như thể bàn tay anh đang bám vào tòa nhà. Bàn tay anh có những ngón dài, những mạch máu to khỏe, khớp và xương cổ tay trồi hẳn lên.

Một tiếng sau anh nghe thấy tiếng gõ cửa.

“Mời vào!” anh cáu kỉnh nói, không hề ngừng vẽ.

“Cậu Roark!”, bà Keating ngạc nhiên nhìn anh từ ngưỡng cửa. “Quỷ tha ma bắt, cậu đang làm gì thế?”

Anh quay lại nhìn bà, cố nhớ xem bà là ai.

“Thế còn ông Trưởng khoa?”, bà than vãn. “Ông Trưởng khoa đang chờ cậu.”

“À,” Roark bừng tỉnh. “À, vâng. Cháu quên mất.”

“Cậu... quên mất?”

“Vâng.” Có một chút ngạc nhiên trong giọng nói của anh: ngạc nhiên trước sự ngạc nhiên của bà.

“Thế đấy, giờ thì tôi chỉ có thể nói là” – bà nghẹn lời – “nhân nào quả

nấy. Đáng đời cậu lắm. Bốn rưỡi là lễ bế giảng bắt đầu; giờ thì làm sao ông Trưởng khoa có thời gian mà gặp cậu?"

"Cháu sẽ đi ngay lập tức, bác Keating."

Bà hành động không chỉ vì sự tò mò; mà còn vì nỗi sợ hãi mơ hồ rằng hội đồng khoa sẽ hủy bỏ quyết định đuổi học với Roark.

Roark đi vào phòng tắm ở cuối hành lang; bà quan sát anh rửa tay, vuốt mái tóc thẳng và mềm của mình cho có vẻ trật tự. Anh lại bước ra. Bà chỉ nhận ra rằng anh sắp đi khi anh đã bước tới cầu thang.

"Cậu Roark!" bà há hốc miệng và chỉ vào bộ quần áo của anh. "Cậu không định ăn mặc *thế này* mà đi đấy chứ?"

"Sao lại không ạ?"

"Nhưng đấy là ông Trưởng khoa của cậu!"

"Cựu Trưởng khoa của cháu, bác Keating ạ."

Bà nghĩ, quỷ tha ma bắt, cậu ta nói như thể là cậu ta vui mừng về điều đó.

Viện Công nghệ Stanton nằm trên một ngọn đồi. Những bức tường có lỗ châu mai của nó đứng như một chiếc vương miện nổi lên trên thành phố trải rộng phía dưới. Học viện trông như một pháo đài thời Trung cổ với một nhà thờ kiểu Gothic mọc ra từ lưng chừng. Công trình này sẽ là một pháo đài hoàn hảo – giả sử như một học viện thế này có lúc cần biến thành pháo đài. Nó có những bức tường gạch kiên cố và một vài ô trống đủ rộng cho lính gác. Nó có các chiến lũy cho các cung thủ đứng nấp và những tháp canh ở các góc của nó có thể dùng làm nơi đổ dầu sôi xuống đầu những kẻ tấn công pháo đài. Nhà thờ nổi lên trên pháo đài như một đường viền tráng lệ, một sự bảo vệ mỏng manh trước hai kẻ thù khổng lồ: ánh sáng và không khí.

Văn phòng Trưởng khoa trông như một nhà nguyện; tràn ngập một thứ ánh sáng nhờ nhờ chiếu xuống từ một cửa sổ kính màu cao. Cái ánh sáng nhờ nhờ ấy phải đi xuyên qua những bức trướng vẽ các vị thánh kiên nghị – tất cả đều trong tư thế khoanh tay. Hai luồng sáng nhỏ màu đỏ và tím chiếu thẳng vào hai hình đầu thú đắp nổi ở hai bên góc cái lò sưởi chưa bao giờ được sử dụng. Một luồng sáng màu xanh lá cây chiếu thẳng vào bức tranh đền Parthenon[14] được treo ngay phía trên lò sưởi.

Khi Roark bước vào văn phòng, anh thấy bóng dáng ông Trưởng khoa hiện ra mờ mờ phía sau cái bàn làm việc được chạm trổ như một cái cửa sổ xưng tội[15]. Ông Trưởng khoa là một người thấp, phệ với những khối thịt chảy xệ được cố che giấu bằng một vẻ nghiêm nghị cứng nhắc.

"À, phải, Roark," ông mỉm cười. "Anh ngồi đi."

Roark ngồi xuống. Ông Trưởng khoa đan các ngón tay trước bụng, chờ đợi những lời cầu xin. Nhưng chẳng có lời cầu xin nào cả. Ông hắng giọng.

"Tôi thấy không cần phải nói rằng tôi rất tiếc vì sự việc không may sáng nay," ông bắt đầu, "tôi chắc anh biết là tôi thực sự quan tâm tới quyền lợi của anh."

"Hoàn toàn không cần đâu ạ," Roark nói.

Ông Trưởng khoa nhìn anh hồ nghi nhưng vẫn tiếp tục nói.

"Khỏi cần phải nói, tôi không bỏ phiếu chống lại anh. Tôi bỏ phiếu trắng. Nhưng có lẽ anh sẽ vui mừng nếu biết rằng có một nhóm nhỏ kiên quyết bảo vệ anh tại cuộc họp khoa. Một nhóm nhỏ nhưng rất kiên quyết. Ông giáo sư kỹ thuật kết cấu của anh đã liều chết tranh đấu cho anh. Ông giáo sư toán cũng thế. Tiếc là những người cảm thấy mình có trách nhiệm phải bỏ phiếu đuổi học anh lại nhiều hơn đáng kể so với số còn lại. Giáo sư Peterkin, người phản biện thiết kế, thậm chí đặt vấn đề khá gay gắt. Ông ấy dọa chúng tôi là sẽ từ chức nếu không đuổi học anh. Anh thấy đấy, anh thực sự đã làm cho giáo sư Peterkin rất tức giận."

"Em biết." Roark trả lời.

"Đấy, vấn đề là chỗ đấy. Tôi đang nói về thái độ của anh đối với môn thiết kế kiến trúc. Anh không bao giờ chú trọng đúng mức cho môn học. Thế mà anh đã học rất xuất sắc các môn kỹ thuật. Tất nhiên, không ai phủ nhận tầm quan trọng của môn kỹ thuật kết cấu đối với một kiến trúc sư tương lai, nhưng tại sao lại phải thái quá như thế? Tại sao lại lơ là mặt nghệ thuật và cảm hứng nghề nghiệp để tập trung vào những môn học tính toán, kỹ thuật và khô khan như vậy? Anh định trở thành một kiến trúc sư chứ có phải là một kỹ sư xây dựng đâu."

"Có lẽ điều này là thừa, phải không ạ?" Roark hỏi. "Mọi việc đã qua rồi. Chúng ta đâu cần tranh luận về việc em chọn học gì."

"Roark, tôi đang cố giúp anh. Anh phải công bằng về việc này. Không thể nói là anh đã không được cảnh báo rất nhiều lần trước khi chuyện này xảy ra."

"Em đã được cảnh báo."

Ông Trưởng khoa cựa mình trên ghế. Roark làm ông cảm thấy không thoải mái. Ánh mắt của Roark nhìn thẳng vào ông một cách lịch sự. Cậu ta nhìn thế chẳng có gì sai – ông Trưởng khoa nghĩ – thực ra còn đúng mực là đằng khác, thậm chí rất đúng mực; chỉ có điều... cứ như thể ta không hề có mặt ở đây vậy.

"Đối với mọi bài tập mà anh được giao," ông Trưởng khoa tiếp tục, "mọi

đề án mà anh phải thiết kế – anh đã làm gì với chúng nào? Anh xử lý chúng theo kiểu – ừm, tôi không thể gọi nó là một phong cách – theo kiểu kỳ quặc của anh. Nó đi ngược với mọi nguyên tắc mà chúng tôi đã cố dạy anh, ngược với tất cả những tiền lệ và truyền thống đã được công nhận của nghệ thuật. Anh có thể nghĩ anh sáng tác theo kiểu mà người ta gọi là chủ nghĩa hiện đại, nhưng thậm chí cũng không phải như vậy. Nếu anh không phiền... nó... nó hoàn toàn điên rồ."

"Em không phiền."

"Khi người ta giao cho anh các đề án mà anh được tự do lựa chọn phong cách thì anh biến chúng thành những thử nghiệm mạo hiểm của anh – ừm, thật lòng mà nói, các giáo sư đã cho anh qua vì họ cũng chẳng biết phải đánh giá những thứ đó thế nào. Nhưng, khi anh được giao một bài tập thiết kế theo phong cách truyền thống... thiết kế một nhà nguyện kiểu Tudor hoặc một nhà hát opera kiểu Pháp – và anh lại biến nó thành một cái gì đó trông như vô vàn những cái hộp chồng lên nhau một cách vô nghĩa – thì, nói cho tôi nghe xem, anh nghĩ đấy là một bài thi hay là sự chống đối?"

"Đó là sự chống đối." Roark nói.

"Vì nghĩ đến thành tích học tập xuất sắc của anh ở các môn khác, chúng tôi đã muốn cho anh một cơ hội. Nhưng khi anh nộp cái này" – ông Trưởng khoa nện nắm tay xuống một tờ giấy trải rộng trước mặt – "*cái này* mà anh dám nộp làm bài thi cuối năm về biệt thự Phục hưng thì, chàng trai ơi, thật sự là không thể chấp nhận được nữa."

Tờ giấy đó có một hình vẽ – một ngôi nhà bằng kính và bê tông. Ở góc tờ giấy có một chữ ký sắc nét và góc cạnh: Howard Roark.

"Anh hy vọng là chúng tôi sẽ cho anh đỗ bằng *cái này* ư?"

"Em không hy vọng."

"Trong chuyện này, anh đã không cho chúng tôi một lựa chọn nào khác. Tất nhiên, bây giờ anh có thể oán trách chúng tôi, nhưng..."

"Em không hề cảm thấy gì", Roark khẽ trả lời. "Em nợ thầy một lời xin lỗi. Em thường không mặc kệ mọi chuyện xảy ra với em. Lần này em đã phạm sai lầm. Đáng lẽ em không nên đợi thầy tống cổ em. Em nên rời trường từ lâu rồi mới phải."

"Nào, nào, đừng nản chí. Đó không phải là một thái độ đúng đắn. Nhất là vì tôi sắp nói cho anh biết một việc."

Ông Trưởng khoa mỉm cười và ngả người về phía trước một cách bí hiểm. Ông tận hưởng cảm giác sắp ban phát một ân huệ.

“Đây mới là mục đích thật sự của buổi nói chuyện này. Tôi muốn cho anh biết càng sớm càng tốt. Tôi không muốn để anh chán nản. Là thế này, đích thân tôi đã lựa lời đề cập chuyện này với thầy Hiệu trưởng, mặc dù ông ấy rất cáu, nhưng... anh lưu ý nhé, ông ấy chưa hứa hẹn gì đâu, nhưng... tình trạng bây giờ là như thế này: bây giờ, vì anh đã nhận ra vấn đề nghiêm trọng đến mức nào, nếu anh tạm nghỉ học một năm, để nghỉ ngơi, để suy ngẫm về những cái đã qua – để, có lẽ chúng ta có thể dùng từ “trưởng thành”, nhỉ – thì có thể chúng tôi sẽ nhận anh trở lại trường. Anh lưu ý là tôi không hề hứa hẹn chắc chắn điều gì cả – những cái này hoàn toàn không chính thức – làm thế này là hết sức bất thường; nhưng khi xem xét toàn bộ sự việc và xét đến kết quả học tập xuất sắc của anh, có lẽ cơ hội của anh khá cao.”

Roark mỉm cười. Đó không phải là nụ cười sung sướng mà cũng chẳng phải là nụ cười biết ơn. Đó là một nụ cười giản dị, dễ dàng; một nụ cười lạ lùng.

“Em nghĩ là thầy không hiểu ý em” Roark nói. “Điều gì làm thầy nghĩ là em muốn quay lại trường?”

“Hả?”

“Em sẽ không quay lại trường. Em chẳng còn gì để học ở đây nữa.”

“Tôi không hiểu anh.” – giọng ông Trưởng khoa đanh lại.

“Có gì để giải thích đâu nhỉ? Thầy không cần phải quan tâm nữa đâu.”

“Anh sẽ phải giải thích cho tôi biết!”

“Nếu thầy muốn vậy. Em muốn trở thành một kiến trúc sư, chứ không phải một nhà khảo cổ học. Em thấy việc thiết kế các biệt thự kiểu Phục hưng là hoàn toàn vô nghĩa. Tại sao phải học thiết kế chúng, khi mà em sẽ chẳng bao giờ xây dựng chúng?”

“Chàng trai thân mến của tôi ơi, phong cách vĩ đại của thời kỳ Phục hưng còn lâu mới chết. Những ngôi nhà theo phong cách đó vẫn đang được xây dựng hàng ngày đấy.”

“Đúng, chúng đang được xây dựng. Và sẽ còn được xây dựng. Nhưng không phải bởi em.”

“Thôi nào, đừng có trẻ con.”

“Em đến đây để học cách xây nhà. Khi em được giao một đề án, thì điều đó có nghĩa là em phải học cách giải quyết đề án đó giống hệt như em sẽ giải quyết một công trình thực sự trong tương lai. Em thiết kế theo cách mà em sẽ thực sự xây nó. Em đã học tất cả những gì em có thể học ở đây – từ những môn học kết cấu mà thầy đã không đồng tình. Thêm một năm vẽ bưu thiếp Ý

sẽ chẳng đem lại ích lợi gì cho em cả."

Một giờ trước đây ông Trưởng khoa đã muốn buổi nói chuyện diễn tiến một cách yên ả nhất có thể. Giờ thì ông ước gì Roark bộc lộ cảm xúc nào đó; thật không bình thường khi cậu ta im lặng một cách thản nhiên đến thế trong hoàn cảnh này.

"Anh định nói với tôi là anh nghiêm túc nghĩ đến việc xây nhà theo *cách đó*, khi mà và nếu như anh trở thành một kiến trúc sư?"

"Đúng vậy."

"Anh bạn thân mến, ai sẽ cho phép anh?"

"Đó không phải là vấn đề. Vấn đề là ai cấm được em?"

"Xem này, đây là chuyện nghiêm túc. Tôi tiếc là tôi đã không có một cuộc nói chuyện dài và nghiêm túc với anh sớm hơn. Tôi biết, tôi biết, tôi biết, đừng ngắt lời tôi, anh đã thấy một hay hai tòa nhà theo trường phái hiện đại và chúng đã cho anh những ý tưởng. Nhưng anh có nhận ra rằng cái gọi là trường phái hiện đại ấy chỉ là một thứ trào lưu nhất thời? Anh phải cố mà hiểu – và cái này thì tất cả những nhà chuyên môn đã chứng minh – rằng mọi cái đẹp trong kiến trúc đều đã được phát hiện rồi. Mỗi phong cách thiết kế của quá khứ là một mỏ vàng. Chúng ta chỉ có thể lựa chọn từ những gì các nhà thiết kế vĩ đại đã nghĩ ra. Chúng ta là ai mà dám đòi cải tiến? Chúng ta chỉ có thể cố mà bắt chước – một cách trân trọng – mà thôi."

"Tại sao?" Howard Roark hỏi.

Không, ông Trưởng khoa nghĩ, không, cậu ta chỉ nói mỗi từ đó; "tại sao" là một từ hoàn toàn bình thường; cậu ta không hề dọa mình.

"Điều đó quá hiển nhiên!" Ông Trưởng khoa nói.

"Đây," Roark nói từ tốn và chỉ qua cửa sổ. "Thầy có nhìn thấy trường học và thị trấn này không? Thầy có thấy có bao nhiêu người đang đi lại và sinh sống ở đó không? Thực lòng, em không hề quan tâm đến việc một hay là tất cả bọn họ nghĩ gì về kiến trúc – hay về bất kỳ vấn đề nào khác. Thế thì tại sao em phải coi trọng những gì mà tổ tiên họ nghĩ về kiến trúc?"

"Vì đó là truyền thống thiêng liêng của chúng ta."

"Tại sao?"

"Vì Chúa, sao anh lại có thể ngây thơ thế nhỉ?"

"Nhưng em không hiểu. Tại sao thầy cứ muốn em nghĩ rằng đây là một công trình kiến trúc vĩ đại?" Roark chỉ vào bức tranh đền Parthenon.

"Đó là đền Parthenon!", ông Trưởng khoa nói.

“Phải, chính là nó.”

“Tôi không có thời gian để lãng phí vào những câu hỏi ngốc nghếch.”

“Thôi được rồi.” Roark đứng dậy, anh cầm một cái thước dài ở trên bàn và tiến về phía bức tranh. “Em có thể nói với thầy cái này lố bịch thế nào không?”

“Đấy là đền Parthenon!” Ông Trưởng khoa nói.

“Chính thế, quỷ tha ma bắt, chính là đền Parthenon khốn kiếp!”

Cây thước đập vào mặt kính phủ ngoài bức tranh.

“Thầy nhìn xem,” Roark nói. “Những đường rãnh nổi tiếng trên những cái trụ nổi tiếng – chúng ở đó để làm gì? Để che giấu những khớp gỗ – khi những cái trụ còn được làm bằng gỗ; nhưng những cái trụ này thì đâu có làm bằng gỗ, chúng được làm bằng cẩm thạch. Những nét chìm ba, chúng là gì vậy? Gỗ. Những cái rầm gỗ – khi con người bắt đầu dựng những cái lán gỗ, họ cần phải ghép gỗ thành những nét chìm ba như vậy. Những người Hy Lạp của thầy dùng đá cẩm thạch nhưng họ lại đi sao chép kiến trúc xây bằng gỗ chỉ vì những người khác đã từng làm như thế. Rồi những kiến trúc sư Phục hưng mà thầy ngưỡng mộ lại tiếp tục sao chép những bản sao đá cẩm thạch của kiến trúc gỗ trong khi người Phục hưng dùng vữa. Bây giờ lại đến lượt chúng ta, chúng ta làm những bản sao trên thép và bê tông từ những bản sao trên đá cẩm thạch vốn bắt chước từ gỗ. Tại sao?”

Ông Trưởng khoa nhìn anh đầy tò mò. Có cái gì đó làm ông hoang mang; không phải bản thân những lời của Roark mà là cách anh nói.

“Các quy tắc ư?” Roark nói. “Quy tắc của em là thế này: những cái có thể làm với chất liệu này thì không được làm với chất liệu khác. Không có hai chất liệu nào giống hệt nhau. Không có hai địa điểm nào trên trái đất này giống hệt nhau. Không có hai tòa nhà nào có cùng mục đích như nhau. Mà mục đích, địa điểm, nguyên liệu lại quyết định hình khối. Một tòa nhà không thể hợp lý hoặc đẹp đẽ trừ khi nó được thiết kế từ một ý tưởng xuyên suốt; và ý tưởng đó sẽ chi phối mọi chi tiết. Một tòa nhà là một thực thể sống, giống như một con người. Đức hạnh của một tòa nhà là phải tuân thủ những nguyên lý của chính nó, tuân thủ triết lý xuyên suốt của nó, và phải phục vụ mục đích của chính nó. Một con người không vay mượn các bộ phận cơ thể anh ta. Một tòa nhà không vay mượn những mảng miếng linh hồn của nó. Người xây ngôi nhà phải cho nó một linh hồn và phải cho làm mọi bức tường, cửa sổ và cầu thang thể hiện được cái linh hồn ấy.”

“Nhưng tất cả những hình thức thể hiện thích hợp đã được phát hiện ra từ rất lâu rồi.”

“Thể hiện – nhưng thể hiện cái gì? Đền Parthenon không có cùng mục đích sử dụng như những tổ tiên bằng gỗ của nó. Một sân bay không cùng mục đích với đền Parthenon. Mọi cấu trúc đều có mục đích riêng của nó. Mỗi con người tự tạo ý nghĩa, phong cách và mục đích cuộc sống của anh ta. Tại sao lại quan trọng hóa những cái mà người khác đã làm? Tại sao một thứ lại trở nên thiêng liêng chỉ bởi vì nó không phải do ta nghĩ ra? Tại sao bất kỳ người nào và tất cả mọi người đều đúng – miễn nó không phải là ý tưởng của bản thân ta? Tại sao số lượng người lại có thể thay thế cho nội dung của chân lý? Tại sao chân lý được xác định chỉ hoàn toàn bằng các phép tính số học – và chỉ bằng cách bổ sung thêm vào nó? Tại sao mọi thứ bị bóp nặn để phù hợp với những thứ khác? Phải có lý do nào đó chứ? Em không biết. Em chưa bao giờ biết. Em muốn hiểu rõ điều này.”

“Vì Chúa,” ông Trưởng khoa thốt lên. “Ngồi xuống!... Thế, tốt hơn rồi... Anh làm ơn bỏ cái thước đó xuống được không?... Cảm ơn anh... Giờ anh hãy nghe tôi nói. Không ai phủ nhận tầm quan trọng của kỹ thuật hiện đại đối với một kiến trúc sư. Chúng ta phải học cách ứng dụng vẻ đẹp của quá khứ vào nhu cầu hiện tại. Tiếng nói của quá khứ là tiếng nói của quần chúng. Không có gì trong kiến trúc lại chỉ do một người sáng tạo ra cả. Quá trình sáng tạo phù hợp là một quá trình chậm chạp, dần dần, vô danh và tập thể mà mỗi người hợp tác với tất cả những người khác và đặt các tiêu chuẩn cá nhân mình xuống dưới tiêu chuẩn của số đông.”

“Nhưng thầy thấy đấy,” Roark nói khẽ, “Em có, xem nào, cứ cho là sáu mươi năm để sống. Hầu hết thời gian đó là dành cho làm việc. Em đã lựa chọn công việc mà em muốn làm. Nếu em không tìm thấy niềm vui trong công việc thì em chỉ đang tự kết án sáu mươi năm hành xác cho chính mình. Và em chỉ có thể tìm thấy niềm vui nếu em làm việc của mình theo cách tốt nhất có thể đối với em. Nhưng nói ‘cách tốt nhất’ tức là nói đến các tiêu chuẩn – và em tự đặt ra các tiêu chuẩn cho riêng mình. Em chẳng kế thừa cái gì cả. Em không đứng ở điểm cuối của bất cứ truyền thống nào. Em có thể đứng ở điểm khởi đầu của một truyền thống.”

“Anh bao nhiêu tuổi rồi?” ông Trưởng khoa hỏi.

“Hai mươi hai.” Roark trả lời.

“Có thể tha thứ được.” ông Trưởng khoa nói; ông có vẻ nhẹ người. “Rồi anh sẽ thoát ra khỏi những ý nghĩ đó.”

Ông mỉm cười. “Các tiêu chuẩn cũ đã tồn tại hàng nghìn năm và không ai có khả năng cải tiến chúng. Những người theo chủ nghĩa hiện đại của anh là cái gì? Một đám chạy theo mốt, những kẻ thích phô trương và đang cố gắng thu hút sự chú ý. Anh có theo dõi sự nghiệp của họ không? Anh có thể nêu

tên bất kỳ ai trong số họ mà được công nhận vĩnh viễn không? Hãy nhìn Henry Cameron. Một người vĩ đại, một kiến trúc sư hàng đầu cách đây hai mươi năm. Bây giờ ông ta thế nào? May lắm thì mỗi năm có một hợp đồng sửa ga-ra ô-tô. Một kẻ vô công rồi nghề và một tên nát rượu, một kẻ...”

“Chúng ta sẽ không bàn về Henry Cameron.”

“Ồ? Anh quen ông ta à?”

“Không. Nhưng em đã xem những tòa nhà ông ấy thiết kế.”

“Và anh thấy chúng...”

“Em đã nói là chúng ta sẽ không bàn về Henry Cameron.”

“Tốt thôi. Anh phải biết rằng tôi đang cho phép anh rất nhiều... chúng ta có thể gọi là... quyền? Tôi không có thói quen nói chuyện với một sinh viên có cách cư xử như anh. Tuy nhiên, tôi quan tâm đến việc phải ngăn ngừa trước, nếu có thể, cái có vẻ như là một thảm kịch, cái khả năng một thanh niên với khả năng thiên bẩm rõ ràng như anh lại đang cố tình phá hỏng đời mình.”

Ông Trưởng khoa tự hỏi không biết vì sao ông đã hứa với ông giáo sư toán là sẽ làm tất cả những gì có thể vì chàng trai này. Chỉ vì ông ấy đã nói rằng: “Đây,” và chỉ vào đồ án của Roark, “là một người vĩ đại.” Một người vĩ đại – ông Trưởng khoa nghĩ – hoặc là một tên tội phạm. Ông Trưởng khoa cau mày. Ông không thích cả hai loại người này.

Ông nghĩ đến những gì mà ông được nghe về quá khứ của Roark. Cha của Roark từng là một công nhân luyện thép đâu đó ở tại Ohio và chết đã lâu. Hồ sơ nhập học của anh không đề cập đến bất kỳ người thân nào khác. Khi được hỏi về điều này, Roark đã trả lời tỉnh bơ: “Em không nghĩ là em có bất kỳ người thân nào. Có thể em có. Em không biết.” Roark dường như rất ngạc nhiên khi người ta cho rằng anh nên quan tâm đến vấn đề này. Anh đã không kết bạn hoặc tìm kiếm bất kỳ một người bạn nào ở trường. Anh từ chối tham gia hội nam sinh đại học. Anh đã làm theo ý mình suốt thời trung học và suốt cả ba năm tại Học viện này. Anh đã lao động chân tay trong ngành xây dựng từ thủa nhỏ: thợ nề, thợ ống nước, công nhân thép, bất kỳ việc gì mà anh có thể tìm được, đi từ thị trấn nhỏ này đến thị trấn khác theo hướng đông, rồi đến các thành phố lớn. Trong kỳ nghỉ hè năm ngoái, ông Trưởng khoa đã thấy anh đang bắt các đinh tán nung đỏ ở một tòa nhà chọc trời đang xây dựng ở Boston; thân hình cao gầy của anh như bơi trong bộ quần áo bảo hộ lao động rộng thùng thình đầy dầu mỡ, chỉ có đôi mắt là chăm chú và cánh tay phải nhịp nhàng lăn về phía trước một cách chuyên nghiệp, như không phải nỗ lực gì, để bắt cái khối lửa nóng rực đang bay, đúng vào lúc mà dường như cái đinh nóng sắp tuột khỏi cái xô đón và lao thẳng vào mặt anh.

“Nghe này, Roark,” ông Trưởng khoa nói nhẹ nhàng. “Anh đã làm việc vất vả để có thể theo học. Anh chỉ còn một năm nữa thôi. Có một số thứ quan trọng cần cân nhắc, đặc biệt là đối với một thanh niên ở hoàn cảnh của anh. Anh phải nghĩ một cách thực tế về sự nghiệp kiến trúc sư. Một kiến trúc sư không thể tự coi mình là cái đích cuối cùng. Anh ta chỉ là một bộ phận nhỏ của một xã hội rộng lớn. *Hợp tác* là một khái niệm sống còn đối với thế giới hiện đại của chúng ta và đặc biệt là đối với nghề nghiệp của một kiến trúc sư. Anh đã bao giờ nghĩ đến những khách hàng tiềm năng của anh chưa?”

“Rồi ạ,” Roark trả lời.

“Khách hàng,” ông Trưởng khoa nói tiếp. “Khách hàng. Trên tất cả mọi thứ, anh hãy nghĩ đến khách hàng. Họ là người sẽ sống trong ngôi nhà mà anh xây dựng. Mục đích duy nhất của anh là phục vụ họ. Anh phải khao khát đưa ra những hình mẫu nghệ thuật phù hợp với mong muốn của khách hàng. Tôi nói thế có phải không nhỉ?”

“Tất nhiên, em có thể nói rằng em phải khao khát xây dựng cho khách hàng của em những ngôi nhà tiện nghi nhất, hợp lý nhất, đẹp đẽ nhất có thể xây dựng được. Em có thể nói rằng em phải cố gắng bán cho họ cái tốt nhất mà em có và cũng dạy cho họ biết cái gì là tốt nhất. Em có thể nói điều này, nhưng em sẽ không nói. Vì em không định xây để phục vụ hoặc giúp đỡ bất kỳ ai. Em không định xây để có khách hàng. Em định có khách hàng để có thể xây.”

“Thế anh định áp đặt ý tưởng của anh lên họ như thế nào?”

“Em không định áp đặt hoặc bị áp đặt. Những người muốn ý tưởng của em sẽ tìm đến em.”

Lúc này, ông Trưởng khoa chợt hiểu cái gì đã làm ông hoang mang về cách cư xử của Roark.

“Anh biết không,” ông nói, “những lời nói của anh sẽ thuyết phục hơn nếu như khi nói, anh tỏ ra quan tâm tới việc tôi có đồng ý với anh hay không.”

“Đúng thế,” Roark nói “Em không quan tâm liệu thầy có đồng ý với em hay không.”

Anh nói điều này đơn giản đến mức câu nói không có vẻ xúc phạm; nó như thể một lời tuyên bố về một thực tế mà lần đầu tiên anh để ý và nhận ra.

“Anh không quan tâm đến suy nghĩ của người khác – điều đó có thể hiểu được. Nhưng chẳng lẽ anh cũng không quan tâm đến việc làm cho người khác đồng ý với anh.”

“Không.”

“Nhưng, điều đó... điều đó thật kinh khủng.”

“Kinh khủng? Có thể. Em không biết.”

“Tôi rất mừng vì cuộc nói chuyện hôm nay,” ông Trưởng khoa đột ngột nói to. “Nó đã giải thoát lương tâm tôi. Tôi tin là – như những người khác cũng đã nói trong cuộc họp – kiến trúc không phải là nghề dành cho anh. Tôi đã cố gắng giúp anh. Giờ thì tôi nhất trí với Hội đồng. Anh không nên được khuyến khích. Anh thật nguy hiểm.”

“Đối với ai cơ ạ?” Roark hỏi.

Nhưng ông Trưởng khoa đã đứng dậy, ám chỉ rằng cuộc nói chuyện đã kết thúc.

Roark rời khỏi phòng. Anh bước những bước chậm rãi dọc theo các sảnh dài, xuống cầu thang đi ra ngoài vườn cỏ phía dưới. Anh đã gặp nhiều người như ông Trưởng khoa; anh đã không bao giờ hiểu nổi họ. Anh chỉ biết rằng có một sự khác biệt cơ bản nào đó giữa hành động của anh và của họ. Từ lâu, anh đã thôi không băn khoăn về điều này. Nhưng anh đã luôn tìm kiếm ý tưởng chủ đạo của các tòa nhà và anh tìm kiếm động lực chủ đạo của con người. Anh biết động lực các hành vi của mình; nhưng anh lại không thể phát hiện ra động lực ở người khác. Anh không quan tâm. Anh chưa từng học cách suy nghĩ về người khác. Nhưng thỉnh thoảng anh thấy băn khoăn cái gì đã làm họ trở thành người như vậy. Anh lại băn khoăn khi nghĩ đến ông Trưởng khoa. Hẳn phải có một bí mật quan trọng nằm đâu đó trong vấn đề này. Một nguyên tắc mà anh phải khám phá.

Nhưng anh dừng lại. Anh nhìn thấy hoàng hôn chựng lại trong chốc lát trước khi nhạt dần trên tảng đá vôi xám của một đường gân tường chạy dọc theo bức tường gạch của tòa nhà Học viện. Anh quên con người, quên ông Trưởng khoa và nguyên tắc đằng sau ông ta mà anh muốn khám phá. Anh chỉ nghĩ đến việc tảng đá trông tuyệt vời thế nào dưới ánh sáng nhạt dần và việc anh đã có thể làm gì với tảng đá đó.

Anh nghĩ đến một tờ giấy rộng và anh nhìn thấy, nổi lên trên tờ giấy, những bức tường trần trụi bằng đá vôi xám với những mảng kính dài hấp thụ ánh sáng rực rỡ của bầu trời vào trong các lớp học. Ở góc của tấm giấy có một chữ ký sắc nét, góc cạnh – HOWARD ROARK.

II.

"... Kiến trúc, các bạn thân mến của tôi, là một nghệ thuật vĩ đại dựa trên hai nguyên tắc cơ bản: Vẻ đẹp và Tiện ích. Nói một cách rộng hơn, chúng thật ra là những bộ phận của ba thực thể vĩnh cửu: Chân – Thiện – Mỹ. Chân – đối với những truyền thống nghệ thuật của chúng ta, Thiện – đối với những con người mà chúng ta phải phục vụ, Mỹ – à, Mỹ là nữ thần của mọi nghệ sĩ, dù tồn tại trong dáng dấp một người phụ nữ yêu kiều hoặc một tòa nhà... ừm... đúng vậy... Tóm lại, tôi muốn nói với các bạn, những người sắp dấn thân vào nghề kiến trúc sư, rằng bây giờ, các bạn là người trông nom một di sản thiêng liêng... ừm... đúng vậy. Do đó, các bạn hãy tiến vào thế giới, các bạn đã được vũ trang bằng các nguyên lý Chân, Thiện, Mỹ; các bạn đã được trang bị bằng lòng dũng cảm và tầm nhìn, bằng sự trung thành với những tiêu chuẩn mà trường học vĩ đại này đã thể hiện qua nhiều năm. Chúc các bạn sẽ phục vụ một cách trung thành, không phải như những nô lệ cho quá khứ cũng không phải như những kẻ hãnh tiến suốt ngày rêu rao về "sáng tạo vì sáng tạo" – cả hai thái độ này đều biểu hiện sự phù phiếm vô nghĩa. Chúc tất cả các bạn có những năm tháng giàu có và năng động phía trước và chúc các bạn để lại, khi các bạn rời khỏi thế giới này, dấu vết của các bạn trên những hạt cát của thời gian."

Guy Francon kết thúc bài phát biểu bằng cách giơ cao cánh tay phải của mình như thể ông đang chào; không trịnh trọng nhưng đầy phong cách, cái phong cách hài hước, tự tin mà Guy Francon tự cho phép bản thân mình thể hiện. Cả hội trường khổng lồ trước mặt ông sống dậy với những tràng pháo tay tán thưởng.

Trong suốt 45 phút, một biển những khuôn mặt trẻ, nhễ nhại mồ hôi và hứng khởi đã kính cẩn hướng về bục diễn thuyết nơi Guy Francon đứng phát biểu tại buổi lễ bế giảng của Học viện Công nghệ Stanton. Chính là Guy Francon – thân chinh đến từ tận New York. Chính là Guy Francon của hãng Francon & Heyer nổi tiếng, phó chủ tịch Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ, thành viên của Viện hàn lâm Nghệ thuật và Văn học Hoa Kỳ, thành viên của Ủy ban Mỹ thuật quốc gia, Thư ký của Liên đoàn Nghệ thuật và Thủ công New York, chủ tịch Hiệp hội Khai sáng Kiến trúc Hoa Kỳ; Guy Francon, hiệp sĩ Bắc đẩu bội tinh Pháp, được các chính phủ Anh, Bỉ, Monaco và Siam công nhận; Guy Francon, cựu sinh viên nổi tiếng nhất của Học viện Stanton, người đã thiết kế tòa nhà Ngân hàng quốc gia Frink của thành phố New York – tòa nhà mà trên đỉnh của nó, ở tầng 25, có phiên bản thu nhỏ của Lăng Hadrian và trong đó đặt một ngọn đuốc làm bằng thủy tinh và những bóng đèn tốt nhất của công ty General Electric.

Guy Francon bước xuống khỏi bục diễn thuyết; ông hoàn toàn ý thức được vị thế và những cử động của mình. Ông là người tầm thước và không quá nặng nề, nhưng không may khổ người trông hơi thô. Ông biết, không ai có thể nói chính xác tuổi của ông – tuổi 51. Khuôn mặt ông không hề có nếp nhăn cũng như bất kỳ nét hằn tuổi tác nào; nó là sự tổng hòa đầy nghệ thuật của những hình cầu, đường tròn, đường cong và êlíp với đôi mắt nhỏ long lanh tinh ranh. Trang phục của ông thể hiện sự cẩn thận đến từng chi tiết của một nghệ sĩ. Khi bước xuống các bậc của bục diễn thuyết, ông ước giá như đây là trường học dành cho cả nam và nữ sinh viên.

Ông nghĩ hội trường trước mặt mình là một hình mẫu kiến trúc tráng lệ nhưng hôm nay có phần ngột ngạt do đám đông và sự thiếu quan tâm đến vấn đề thông gió. Nhưng nó kiêu hãnh với những chân tường bằng đá cẩm thạch xanh lá cây, những trụ gang được sơn vàng kiểu Corinthian[16] và những vòng tròn trái cây mạ vàng trên các bức tường; đặc biệt là những quả dứa mà Guy Francon nghĩ là đã vượt qua thử thách của thời gian một cách tuyệt vời. Guy Francon nghĩ: thật cảm động, chính ta đã làm những họa tiết trang trí và xây chính hội trường này hai mươi năm về trước; và giờ thì ta đang ở đây.

Hội trường chật ních những thân người và khuôn mặt, chật đến nỗi nếu chỉ nhìn thoáng qua, người ta sẽ không thể phân biệt được khuôn mặt nào đi với thân người nào nữa. Nó giống như một miếng thịt đông mềm, được làm bằng cách trộn lẫn những cánh tay, vai, ngực và bụng. Một trong những cái đầu đó – da xanh, tóc đen, khuôn mặt đẹp – là Peter Keating.

Peter Keating ngồi ngay phía trước. Anh cố dán mắt vào bục diễn thuyết vì anh biết rằng nhiều người đang theo dõi anh và họ sẽ còn phải theo dõi anh sau này. Anh không liếc nhìn về phía sau nhưng anh cảm nhận được những ánh mắt không bao giờ rời mình. Đôi mắt anh màu tối, cảnh giác và thông minh. Miệng anh có hình một vành lưỡi liềm nhỏ, hướng lên trên, đầy quý phái, hào phóng và ấm áp với một nụ cười phảng phất. Đầu anh là một cấu trúc cổ điển hoàn hảo với những lọn tóc đen lượn sóng tự nhiên trùm lên hai thái dương sâu vừa phải. Anh cử động đầu như thể không biết đến vẻ đẹp của mình, mặc dù anh biết rõ người khác ý thức đầy đủ về nó. Đấy là Peter Keating, sinh viên ngôi sao của Học viện Stanton, Chủ tịch hội sinh viên, đội trưởng đội điền kinh, thành viên của hầu hết các hội nam sinh quan trọng và được bầu là sinh viên được ưa thích nhất trường.

Peter Keating nghĩ: đám đông này ở đây là để chứng kiến ta tốt nghiệp. Anh thử ước tính sức chứa của hội trường. Ồ, kia là Shlinker. Shlinker đã làm ta phải cạnh tranh rất vất vả nhưng ta đã đánh bại Shlinker trong năm học cuối cùng này. Anh đã làm việc rất chăm chỉ vì anh muốn đánh bại

Shlinker. Ngày hôm nay anh không còn đối thủ nào nữa... Rồi anh chợt cảm thấy như thể có một cái gì đó vừa rơi xuống. Từ bên trong cổ họng, cái vật ấy rơi xuống dạ dày, một cái gì đó lạnh và trống rỗng, một cái lỗ hổng cứ lăn xuống, để lại sau nó một cảm giác: cái cảm giác ấy không xuất phát từ một ý tưởng rõ ràng nào, nó chỉ là một cảm giác băn khoăn – liệu anh có thực sự xuất sắc như hôm nay người ta nói về anh.

Anh tìm kiếm Shlinker trong đám đông; anh nhìn thấy khuôn mặt vàng vọt và đôi mắt kính mạ vàng của cậu ta. Anh ân cần ngắm Shlinker, với cảm giác nhẹ nhõm, an tâm và biết ơn. Rõ ràng là Shlinker không thể hy vọng sánh ngang với anh cả về hình thức lẫn năng lực; anh không có gì để phải nghi ngờ về điều này; anh sẽ luôn luôn đánh bại Shlinker và tất cả những người như Shlinkers trên thế giới này; anh sẽ không để ai đạt được những gì mà anh không thể đạt được. Hãy để tất cả bọn họ nhìn ta. Ta sẽ cho họ lý do chính đáng để ngưỡng mộ. Anh cảm thấy rõ những hơi thở nóng hổi và sự chờ đợi xung quanh mình, giống như một cốc nước ga. Peter Keating nghĩ: thật tuyệt vời khi được sống.

Đầu anh bắt đầu hơi quay cuồng. Đó là một cảm giác dễ chịu. Cái cảm giác ấy đưa anh đi – không cưỡng lại và không hoàn toàn ý thức rõ – lên bục phát biểu, trước tất cả những khuôn mặt. Anh đứng – người dong dỏng, gọn gàng, khỏe mạnh – và để cho cái cảm giác lâng lâng đó vỡ ra, xâm chiếm đầu mình. Anh lờ mờ nhận thức rằng anh đã tốt nghiệp với bằng xuất sắc, rằng Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ đã tặng anh huy chương vàng và rằng anh đã được Hiệp hội Khai sáng Kiến trúc Hoa Kỳ tặng Giải thưởng Paris[17] – giải thưởng là một suất học bổng bốn năm tại Trường Mỹ thuật Paris.

Sau đó anh thấy mình bắt tay và lấy tấm bằng tốt nghiệp bằng da thuộc để quệt mồ hôi. Anh gật đầu, mỉm cười, nghẹt thở trong chiếc áo cử nhân màu đen. Anh hy vọng mọi người sẽ không để ý đến mẹ anh đang thổn thức ôm lấy anh. Ông Chủ tịch học viện bắt tay anh và nói oang oang: “Stanton sẽ tự hào về cậu, chàng trai ạ.” Ông Trưởng khoa bắt tay anh và nhắc đi nhắc lại: “... một tương lai sáng lạn... một tương lai sáng lạn... một tương lai sáng lạn...” Giáo sư Peterkin bắt tay anh rồi vừa vỗ vai anh vừa nói: “... và cậu sẽ thấy nó tuyệt đối cần thiết; ví dụ như tôi đã có kinh nghiệm về điều này khi xây dựng Bưu điện Peabody...” Keating không nghe nốt phần còn lại vì anh đã nghe câu chuyện về Bưu điện Peabody rất nhiều lần. Nó là công trình duy nhất mà Giáo sư Peterkin xây dựng trước khi ông từ bỏ công việc thiết kế để chuyển sang giảng dạy. Người ta đã nói rất nhiều về đồ án tốt nghiệp của Keating – Cung điện Mỹ thuật. Quỷ tha ma bắt, vào lúc này, Peter Keating không thể nhớ nổi đồ án đó là gì.

Nhìn xuyên qua tất cả mọi thứ, ánh mắt anh dừng lại ở thời điểm Guy

Francon bắt tay anh và tai anh lắng nghe những âm thanh du dương phát ra từ miệng Francon: "... như tôi đã nói với cậu, mọi thứ vẫn để ngỏ cho cậu, chàng trai ạ. Tất nhiên, bây giờ cậu đang có học bổng này... cậu sẽ phải quyết định... một chứng chỉ của trường Mỹ thuật Paris là rất quan trọng đối với một thanh niên trẻ... nhưng tôi sẽ rất vui mừng nếu cậu đến làm việc tại văn phòng của chúng tôi..."

Bữa tiệc của khóa 22 kéo dài và trang trọng. Keating lắng nghe các bài phát biểu một cách chăm chú; khi anh nghe những lời nói bất tận về "những thanh niên trẻ là niềm hy vọng của Kiến trúc Hoa Kỳ" và "tương lai mở ra những cánh cổng vàng", anh biết rằng anh chính là niềm hy vọng, anh chính là cái tương lai ấy. Chà, thật khoan khoái khi được nghe sự xác nhận này từ vô vàn những cái miệng nổi tiếng. Anh nhìn những nhà hùng biện tóc xám và nghĩ anh sẽ trẻ hơn họ nhiều khi anh đạt đến vị trí của họ, thậm chí còn xa hơn thế.

Sau đó anh chợt nghĩ đến Howard Roark. Anh ngạc nhiên thấy việc thoáng nhớ ra cái tên này mang lại cho anh một cảm giác khoan khoái trước khi anh kịp hiểu lý do. Rồi anh nhớ ra: sáng nay, Howard Roark đã bị đuổi học. Anh thầm trách mình; anh buộc bản thân phải có cảm giác thông cảm. Nhưng bất kỳ lúc nào anh nghĩ đến vụ đuổi học, cái cảm giác khoan khoái bí hiểm lại quay lại. Vụ đuổi học đã chứng minh một cách hùng hồn rằng anh thật ngốc khi tưởng rằng Roark là một đối thủ nguy hiểm; đã có lúc anh từng lo ngại về Roark còn hơn cả Shlinker, dù Roark trẻ hơn anh hai tuổi và học dưới anh một khóa. Cứ cho là mình đã từng nghi ngờ về tài năng của Roark và của bản thân mình, thì chẳng phải ngày hôm nay, mọi thứ đã rõ ràng? Rồi anh nhớ ra, Roark đã luôn rất tốt với anh, cậu ta đã giúp đỡ anh bất kỳ lúc nào anh bế tắc... à, không, thực ra thì không phải là bế tắc... chỉ là anh đã không có thời gian để nghĩ cho ra, một thiết kế mặt bằng hay cái gì đó. Lạy chúa! Làm sao mà Roark lại có thể gỡ rối một đồ án giống như kéo một đầu dây và cả cuộn dây cứ thế mà tở ra... ôi dào, mà kể cả nếu cậu ta làm được thế thật thì sao nhỉ? Cũng có được gì đâu? Giờ thì Roark đi đứt rồi. Khi nghĩ đến điều này, rút cục Peter Keating đã khiến mình đạt tới cảm giác cảm thông mà anh muốn có với Howard Roark.

Khi Keating được mời lên phát biểu, anh đứng dậy đầy tự tin. Anh không thể để lộ rằng mình sợ hãi. Anh không có gì để nói về kiến trúc. Nhưng anh vẫn nói, đầu ngẩng cao, như thể anh ngang hàng với những người khác, nhưng vẫn đủ tinh tế để không làm những tên tuổi lớn đang có mặt cảm thấy bị xúc phạm. Anh nhớ mình đã nói: "Kiến trúc là môn nghệ thuật vĩ đại... với ánh mắt của chúng ta hướng về tương lai và trái tim chúng ta mang sự tôn trọng với quá khứ... trong tất cả các nghệ thuật, cái có ý nghĩa nhất với xã hội... và, như một tên tuổi vốn là tấm gương sáng cho chúng ta, đã nói ngày

hôm nay, ba thực thể vĩnh cửu là: Chân, Thiện và Mỹ...”

Sau đó, trong hành lang bên ngoài, giữa sự chia tay hỗn độn ồn ào, một người bạn đã bá vai Keating thì thầm: “Về nhà đi, quên súp với cá đi Peter. Đêm nay chúng ta đi Boston. Chỉ hội mình thôi. Một tiếng nữa, tớ sẽ đón cậu.” Rồi Ted Shlinker đã giục: “Tất nhiên là cậu phải đi rồi, Peter. Không có cậu thì còn gì là vui. À, nhân tiện, xin chúc mừng, chúc mừng cậu... Đừng nghĩ gì cả. Người giỏi nhất xứng đáng chiến thắng.” Keating vòng tay qua vai Shlinker; ánh mắt Keating bừng sáng đầy vẻ nồng ấm như thể Shlinker là người bạn quý giá nhất của anh – ánh mắt này Keating luôn dành cho tất cả mọi người. Anh nói: “Cảm ơn cậu, Ted, bạn thân mến. Tớ thực sự cảm thấy xấu hổ về cái huy chương của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ. Tớ nghĩ cậu xứng đáng nhận nó, nhưng cậu không thể hiểu rằng những kẻ hủ lậu đó suy nghĩ như thế nào đâu.”

Và giờ thì Keating đang trên đường về nhà xuyên qua bóng tối êm dịu. Anh băn khoăn không biết làm thế nào để thoát khỏi bà mẹ vào đêm nay.

Anh nghĩ mẹ mình đã làm rất nhiều điều cho mình. Bà đã luôn nhắc đi nhắc lại với anh, bà là một mệnh phụ và đã tốt nghiệp trung học; vậy mà bà đã phải làm việc vất vả, phải cho sinh viên thuê nhà – thật là một sự sa sút chưa từng xảy ra trong gia đình bà.

Bố anh từng sở hữu một cửa hàng văn phòng phẩm ở Stanton. Thời thế thay đổi đã làm chấm dứt việc kinh doanh và chứng thoát vị đã chấm dứt cuộc đời của ông cách đây mười hai năm. Mẹ anh – Louisa Keating – được thừa kế một ngôi nhà nằm ở cuối một dãy phố sang trọng, cùng với một khoản tiền trợ cấp bảo hiểm cố định mà bà trông nom cẩn thận và cậu con trai của mình. Khoản trợ cấp bảo hiểm không nhiều nhưng với nguồn thu nhập bổ sung từ việc cho sinh viên thuê nhà và sự chi tiêu có tính toán, bà Keating vẫn đảm bảo được cuộc sống. Vào các mùa hè, con trai bà giúp đỡ bà làm thư ký trong các khách sạn hoặc đứng làm mẫu quảng cáo mũ. Bà Keating đã quyết định rằng con trai bà sẽ phải lấy lại vị thế xứng đáng của nó trong thế giới này và, như một con đỉa, bà đã bám lấy niềm tin này một cách vừa mềm mại vừa kiên định... Thật buồn cười, Keating nhớ lại, đã có lúc anh muốn thành họa sĩ. Nhưng rồi chính mẹ anh đã lựa chọn cho anh một lĩnh vực tốt hơn để anh có thể thể hiện năng khiếu vẽ của mình.

“Nghề kiến trúc” bà đã nói, “là một nghề cao quý. Ngoài ra, con sẽ gặp những người giỏi nhất ở đó.” Bà đã thúc anh theo đuổi nghề này – anh cũng không biết từ bao giờ và như thế nào. Thật buồn cười – Keating nghĩ – từ nhiều năm nay, anh không còn nhớ đến những ham muốn thời nhỏ của mình. Và càng buồn cười vì bây giờ, khi nhớ lại, điều đó lại làm anh đau. Nhưng mà, chết tiệt thật, đây chính là lúc nên nhớ lại nó – nhớ lại để vĩnh viễn quên

đi.

Anh nghĩ các kiến trúc sư luôn có sự nghiệp sáng lạn. Và một khi đã lên đỉnh, có bao giờ họ thất bại? Bất chợt anh nhớ đến Henry Cameron; người xây dựng các tòa nhà chọc trời cách đây hai mươi năm; giờ là một ông già nát rượu với văn phòng làm việc nào đó ở cạnh bờ sông. Keating rùng mình và rảo bước nhanh hơn.

Trong lúc bước đi, anh băn khoăn không biết mọi người có nhìn anh không. Anh nhìn vào các khuôn cửa sổ hình chữ nhật sáng đèn; khi có một tấm rèm nào đó bay phất phơ và một cái đầu nghiêng ra phía ngoài, anh cố đoán xem có phải nó nghiêng ra để nhìn anh đi ngang qua hay không; nếu không phải thì một ngày nào đó, người ta sẽ phải nhìn; một ngày nào đó, tất cả bọn họ sẽ phải làm như vậy.

Howard Roark đang ngồi trên bậc thềm ở hiên nhà khi Keating đi vào. Anh đang ngả người lên các bậc thềm, hai khuỷu tay chống xuống và duỗi dài chân ra. Một cây bìm bìm hoa tía leo dọc theo mái hiên, tạo thành một tấm rèm giữa ngôi nhà và ánh sáng của cột đèn ở góc đường.

Thật lạ lùng khi thấy một cái bóng đèn điện trong một đêm mùa xuân. Nó làm cho đường phố tối hơn và lỏng ra; nó đứng cô độc trong không trung và tạo ra một khoảng trống quanh nó. Không thể nhìn thấy gì trong khoảng trống ấy ngoại trừ một vài cành cây đầy lá đứng bất động bên rìa. Những cái lá khuếch đại cảm giác. Người ta có cảm tưởng ẩn trong bóng tối là một biển lá cây. Cái bóng đèn thủy tinh làm cho những chiếc lá sống động hơn; nó tước bỏ màu sắc của những chiếc lá và hứa hẹn rằng dưới ánh sáng ban ngày, chúng sẽ xanh hơn bao giờ hết. Cái bóng đèn cũng làm lóa mắt người ta; nó thay con mắt bằng một giác quan mới; không phải là thính giác cũng không phải xúc giác, mà là sự nhận biết về mùa xuân và về không gian.

Keating dừng lại khi anh nhận ra mái tóc màu vàng cam kỳ dị trong bóng tối hiên nhà. Roark là người duy nhất mà anh đã muốn gặp tối nay. Anh vừa vui mừng vì thấy Roark có một mình lại vừa cảm thấy hơi ngại ngùng.

"Chúc mừng anh, Peter," Roark nói.

"Ồ..., cảm ơn cậu..." Keating ngạc nhiên thấy lời chúc mừng này làm anh thỏa mãn hơn bất cứ lời chúc tụng nào khác mà anh nhận được trong ngày hôm nay. Anh vừa ngầm sung sướng khi thấy Roark thừa nhận thành công của mình vừa ngầm rủa mình là đồ ngốc vì đã sung sướng. "... Ý tôi là... cậu biết... hay là..." Anh ta nói tiếp rất nhanh: "Mẹ tôi đã nói với cậu à?"

"Bác có nói."

"Đáng lẽ mẹ tôi không nên."

“Sao lại không?”

“Howard này, cậu biết đấy tôi rất tiếc vì cậu đã bị...” Roark ngả đầu về phía sau và ngước lên nhìn Keating.

“Quên chuyện đó đi,” Roark nói.

“Tôi... có một chuyện tôi muốn nói với cậu, Howard, để xin lời khuyên của cậu. Tôi ngồi được chứ?”

“Chuyện gì thế?”

Keating ngồi xuống bậc thềm bên cạnh Roark. Với Roark, anh không thể diễn bất cứ trò gì. Hơn thế, lúc này, anh cũng không muốn phải diễn. Keating nghe thấy một chiếc lá xào xạc rơi xuống mặt đất; đấy là một âm thanh mỏng, khô khốc và liên tục.

Anh biết, vào lúc này, anh cảm thấy mến Roark; một sự cảm mến hàm chứa cả sự khó chịu, ngạc nhiên và bất lực.

Keating nhẹ nhàng nói bằng giọng hoàn toàn chân thành, “Cậu không nghĩ là tôi thật tồi tệ khi hỏi chuyện của mình vào lúc mà cậu vừa bị...?”

“Tôi đã nói là quên chuyện đó đi. Anh có chuyện gì?”

“Cậu biết đấy,” Keating nói một cách chân thật và bất ngờ, ngay cả với chính mình, “Tôi thường nghĩ rằng cậu thật điên rồ. Nhưng tôi biết cậu biết nhiều về nó – về kiến trúc ấy. Ý tôi là – cậu biết những thứ mà những kẻ ngu ngốc kia không bao giờ biết. Và tôi biết rằng cậu say mê kiến trúc còn họ thì sẽ chẳng bao giờ.”

“Rồi sao?”

“À thì... tôi không biết tại sao tôi lại nghĩ đến cậu, nhưng – Howard, tôi chưa từng nói điều này trước đây, nhưng cậu thấy đấy, tôi thà hỏi ý kiến của cậu còn hơn là hỏi ông Trưởng khoa – tôi có thể nghe theo ý kiến của ông Trưởng khoa nhưng mà... ý kiến của cậu có nhiều ý nghĩa với tôi hơn, tôi cũng không biết tại sao. Tôi thậm chí cũng không biết tại sao tôi lại nói những thứ này.”

Roark quay người nhìn Keating và cười. Đó là một tiếng cười trẻ trung, thiện chí, và thân thiện. Rất hiếm người nghe thấy Roark cười; vì thế Keating có cảm tưởng ai đó đang nắm tay anh một cách tin tưởng. Anh quên mất có một bữa tiệc đang đợi mình ở Boston.

“Thôi nào,” Roark nói, “anh không sợ tôi đấy chứ? Anh muốn hỏi cái gì?”

“Về học bổng của tôi. Học bổng đi Paris ấy.”

“Sao nào?”

“Học bổng đó cho bốn năm. Nhưng, trước đây Guy Francon đã đề nghị tôi về làm việc cho ông ta. Ngày hôm nay ông ấy nói rằng lời đề nghị đó vẫn còn hiệu lực. Và tôi không biết chọn cái nào.”

Roark nhìn Keating; Các ngón tay của Roark gõ chầm chậm lên các bậc thềm.

“Nếu anh muốn lời khuyên của tôi, Peter ạ,” cuối cùng Roark nói, “thì anh đã mắc sai lầm rồi. Sai lầm vì hỏi ý kiến tôi. Hoặc hỏi ý kiến của bất kỳ ai. Đừng bao giờ hỏi người khác. Đừng hỏi về công việc của anh. Chẳng nhẽ anh lại không biết mình muốn cái gì sao? Làm sao mà anh có thể chịu được việc không biết mình muốn gì?

“Đấy đấy, đấy chính là điều mà tôi ngưỡng mộ cậu, Howard. Cậu luôn luôn biết.”

“Bỏ qua chuyện tán tụng đi!”

“Nhưng tôi nói thật đấy. Làm sao mà cậu luôn có thể tự quyết định?”

“Làm sao anh lại có thể để người khác quyết định thay anh?”

“Nhưng cậu biết đấy, tôi không chắc lắm, Howard. Tôi chưa bao giờ chắc chắn về bản thân. Tôi không biết liệu tôi có giỏi như là tất cả mọi người vẫn nói về tôi hay không. Tôi sẽ không thừa nhận điều này với bất kỳ ai ngoại trừ cậu. Tôi nghĩ đó là vì cậu luôn biết chắc, đến nỗi tôi...”

“Petey!” Tiếng bà Keating vang lên phía sau họ. “Petey, con yêu! Con còn làm gì ở đấy đấy?”

Bà đứng ở bậc cửa trong chiếc váy tafta màu rượu vang đỏ đẹp nhất của bà. Trông bà vừa có vẻ sung sướng, lại vừa có vẻ bực mình.

“Còn mẹ thì đã ngồi đây một mình để chờ con đấy! Con đang làm cái quái gì trên những bậc thềm bẩn thỉu đó trong bộ quần áo sang trọng như vậy? Đứng lên ngay lập tức! Vào nhà ngay. Mẹ có sô-cô-la nóng và bánh quy cho các con đây.”

“Nhưng... Mẹ! Con có chuyện quan trọng muốn nói với Howard,” Keating nói. Tuy nhiên anh vẫn đứng lên.

Bà Keating dường như không nghe thấy. Bà đi vào trong nhà. Keating đi theo bà.

Roark nhìn theo họ. Anh nhún vai, rồi đứng lên và cũng đi vào.

Bà Keating ngồi xuống cái ghế bành. Cái váy bó của bà kêu sột soạt.

“Thế nào?” bà hỏi. “Thế hai anh đang nói chuyện gì ở ngoài kia đấy?”

Keating mân mê cái gạt tàn. Anh cầm hộp diêm lên rồi đặt xuống; sau đó anh tảng lờ bà mẹ và quay sang Roark.

"Này, Howard, nghiêm túc nhé," anh cao giọng. "Liệu tôi nên vứt quách cái học bổng đấy đi và đi làm, hay là cứ để Francon chờ và kiếm cái chứng chỉ Mỹ thuật để dọa bọn nhà quê? Cậu nghĩ sao?"

Một cái gì đó đã mất. Khoảnh khắc đó đã qua rồi.

"Nào, Petey, để mẹ xem nào..." bà Keating cất tiếng.

"Kìa mẹ, mẹ cứ từ từ!... Howard, tôi phải cân nhắc kỹ. Không phải ai cũng nhận được học bổng như vậy. Chính cậu cũng biết rõ điều này. Một khóa học tại trường Mỹ thuật – cậu biết là nó rất quan trọng."

"Tôi không biết điều đó," Roark nói.

"Ôi trời, quỷ tha ma bắt, tôi biết những ý tưởng điên rồ của cậu, nhưng tôi đang nói đến thực tế, đến một người cụ thể ở vị trí của tôi. Hãy tạm dẹp lý thuyết sang một bên đã, dĩ nhiên là về lý thuyết thì..."

"Anh không muốn có lời khuyên của tôi đâu." Roark nói.

"Tất nhiên là tôi muốn! Tôi đang hỏi cậu mà!"

Nhưng Keating không bao giờ có thể là chính mình khi anh có khán giả ở quanh, bất kỳ khán giả nào. Một thứ gì đó đã mất. Anh không biết nó là cái gì nhưng anh cảm thấy Roark biết; đôi mắt của Roark làm anh thấy bất ổn và điều đó làm anh giận dữ.

"Tôi muốn thực hành nghề kiến trúc," Keating gằn giọng, "chứ không phải chỉ nói về nó! Trường Mỹ thuật Paris – dĩ nhiên là nó mang lại danh tiếng. Dĩ nhiên là nó sẽ đặt tôi lên trên hẳn những thằng kiến trúc sư vốn xuất thân là thợ ống nước nhưng lại nghĩ là có thể xây nhà. Nhưng mà... đi làm với Francon... mà lại đích thân Guy Francon đề nghị nữa chứ!"

Roark quay đi.

"Liệu có bao nhiêu người được như thế?" Keating cứ tự động nói. "Một năm nữa, bọn cùng lớp sẽ khoác lác rằng mình đang làm việc cho một hãng quèn nào đó, nếu họ có thể tìm được việc làm. Trong khi tôi sẽ làm việc cho Francon & Heyer!"

"Anh rất đúng, Peter à," bà Keating đứng dậy và nói. "Đối với một vấn đề như vậy, dĩ nhiên anh không muốn hỏi ý kiến mẹ của anh! Chuyện này quá quan trọng! Mẹ sẽ để anh tự giải quyết với cậu Roark!"

Keating nhìn mẹ mình. Anh không muốn biết bà nghĩ gì; anh biết cơ hội duy nhất của anh là phải quyết định trước khi nghe ý kiến của bà. Bà Keating

đã dừng lại để nhìn anh. Bà đang chuẩn bị quay đi và rời khỏi phòng. Anh biết bà không hề làm bộ làm tịch – bà sẽ rời khỏi phòng nếu anh muốn vậy; anh muốn bà đi; anh rất muốn bà đi.

Nhưng anh lại nói:

"Kìa mẹ, sao mẹ lại nói thế? Tất nhiên là con muốn hỏi ý kiến mẹ. Mẹ... mẹ nghĩ thế nào ạ?"

Bà Keating tảng lờ sự giận dữ sống sượng trong giọng nói của con trai. Bà mỉm cười.

"Petey, mẹ không bao giờ nghĩ về bất kỳ điều gì. Điều đó là tùy thuộc vào anh. Mọi thứ luôn tùy thuộc vào anh."

"Thế thì..." anh nhìn bà và bắt đầu ngập ngừng nói, "nếu con đi học tại trường Mỹ thuật..."

"Tốt thôi," bà Keating nói, "anh cứ đến trường Mỹ thuật đi. Đó là một chỗ danh giá. Một chỗ cách nhà cả một đại dương. Tất nhiên, nếu anh đi, thì ông Francon sẽ tuyển một người khác. Rồi mọi người sẽ bàn tán chuyện đó. Ai mà chả biết là hàng năm ông Francon luôn lựa chọn sinh viên giỏi nhất từ Học viện Stanton cho văn phòng của ông ta. Mẹ băn khoăn không biết mọi người sẽ bàn tán những gì nếu ông ấy chọn người khác? Nhưng mẹ đoán là chuyện ấy cũng chẳng quan trọng."

"Mọi người sẽ bàn tán... bàn tán thế nào?"

"Chắc cũng chả có gì đâu – mẹ đoán thế. Chắc sẽ bảo cậu ta là người giỏi nhất khóa. Mẹ đoán là ông ta sẽ nhận Shlinker."

"Không!" Keating nuốt nước bọt một cách giận dữ "Không thể là Shlinker!"

"Phải rồi!" bà Keating nói với giọng ngọt ngào. "Sẽ là Shlinker!"

"Nhưng..."

"Nhưng tại sao con lại phải quan tâm xem người ta bàn tán cái gì cơ chứ? Chỉ cần con hài lòng là được mà."

"Mẹ có nghĩ là ông Francon..."

"Tại sao mẹ lại phải nghĩ đến ông Francon? Ông ta chẳng là gì đối với mẹ cả."

"Mẹ, có phải mẹ muốn con làm việc cho Francon?"

"Mẹ chẳng muốn cái gì cả, Petey. Con là ông chủ."

Anh băn khoăn không biết mình có thực sự yêu quý mẹ mình không.

Nhưng bà là mẹ của anh và người ta tự động cho rằng anh yêu quý bà và anh cũng vì thế mà quy mọi cảm giác của anh với bà là tình yêu. Anh băn khoăn tại sao anh phải tôn trọng ý kiến của bà. Bà là mẹ của anh; cái lý do này hình như có thể thay thế mọi lý do khác.

"Vâng, tất nhiên rồi mẹ... Nhưng... Vâng, con biết, nhưng... Này Howard."

Đó là một lời cầu xin giúp đỡ. Roark ở đó, nửa nằm nửa ngồi trên một cái ghế bành ở góc phòng, ườn người như một con mèo con. Điều đó thường làm Keating ngạc nhiên; anh từng thấy Roark di chuyển với sự tập trung tuyệt đối, với sự tự chủ và chính xác của một con mèo; anh từng thấy Roark thư giãn, cũng như một con mèo, với sự thả lỏng hoàn toàn, như thể cơ thể Roark không có bất kỳ một cái xương cứng nào. Roark ngước nhìn Keating. Anh nói:

"Peter, anh biết rõ tôi cảm thấy như thế nào về cả hai cơ hội của anh. Hãy lựa chọn cái ít kinh khủng hơn. Anh sẽ học được gì ở trường Mỹ thuật chứ? Chỉ là thêm các cung điện kiểu Phục hưng và các kết cấu opera. Họ sẽ giết chết mọi thứ mà anh có thể đang có. Anh có thể làm được việc, mặc dù chỉ thỉnh thoảng – khi người ta để anh làm. Nếu anh thực sự muốn học hỏi, thì hãy đi làm đi. Francon là một kẻ vô đạo đức và ngu ngốc, nhưng lão ấy sẽ để anh xây nhà. Điều đó sẽ giúp cho anh tự phát triển sự nghiệp của mình nhanh hơn."

"Ngay cả cậu Roark cũng đôi khi có lý" bà Keating nói, "mặc dù lời lẽ của cậu ấy cứ như là của dân lái xe tải."

"Có thật là cậu nghĩ rằng tôi làm được việc?" Keating nhìn Roark, như thể đôi mắt Roark vẫn còn đọng lại câu nói đó – những thứ khác đều chẳng có nghĩa gì.

"Thỉnh thoảng thôi," Roark nói. "Không thường xuyên."

"Rồi, giờ thì mọi việc xong xuôi rồi nhé..." bà Keating lại lên tiếng.

"Con... Con vẫn còn phải nghĩ đã mẹ."

"Rồi, giờ mọi việc xong xuôi rồi, chúng ta uống sô-cô-la nóng nhé? Mẹ mang ra ngay lập tức."

Bà mỉm cười với con trai, một nụ cười ngây thơ thể hiện sự tuân phục và biết ơn và bà rời khỏi phòng trong tiếng váy sột soạt.

Keating bồn chồn đi đi lại lại; anh dừng lại để châm một điếu thuốc, rồi cứ thế đứng nhả từng đợt khói ngắn. Sau đó anh nhìn Roark.

"Giờ cậu sẽ làm gì hả Howard?"

“Tôi á?”

“Tôi thật vô tâm – tôi biết – tôi cứ nói mãi về mình. Mẹ tôi có ý tốt nhưng bà ấy làm tôi phát điên lên mất... Thôi, mặc xác chuyện đó. Thế cậu sẽ làm gì?”

“Tôi sẽ đi New York.”

“Ồ, tuyệt vời. Để tìm việc à?”

“Để tìm việc.”

“Về... kiến trúc?”

“Về kiến trúc, Peter.”

“Tuyệt vời. Tôi rất vui. Thế đã có triển vọng gì rõ ràng chưa?

“Tôi sẽ làm việc cho Henry Cameron.”

“Ồ, không, Howard!”

Roark cười mỉm một cách chậm rãi. Hai khóe miệng của anh đanh lại. Anh không nói gì.

“Ồ, không, Howard!”

“Có đấy!”

“Nhưng ông ta chẳng còn là gì, chẳng còn là ai nữa cả! Ồ, tôi biết là ông ta có tên tuổi nhưng ông ta hết thời rồi! Bao năm nay, ông ta có nhận được hợp đồng xây dựng quan trọng nào đâu! Người ta bảo văn phòng ông ta như cái thùng rác. Cậu sẽ có tương lai gì từ ông ta nào? Cậu sẽ học được cái gì cơ chứ?”

“Không nhiều. Chỉ học xây nhà thôi.”

“Vì Chúa, cậu không thể tiếp tục như vậy được, cậu cứ cố tình phá hỏng chính bản thân cậu! Tôi nghĩ là... nói thật nhé, tôi cứ nghĩ là hôm nay cậu đã được một bài học!”

“Tôi đã.”

“Nghe này, Howard, nếu cậu làm thế chỉ là vì cậu nghĩ rằng sẽ không có ai khác nhận cậu bây giờ, không có chỗ nào khá hơn, thì, tôi sẽ giúp cậu. Tôi sẽ lựa lời với Francon và tôi sẽ móc nối... và...”

“Cảm ơn anh, Peter. Nhưng không cần đâu. Mọi việc đã xong rồi.”

“Thế ông ta nói sao?”

“Ai cơ?”

“Cameron.”

“Tôi chưa từng gặp ông ta.”

Vừa lúc đó, tiếng còi ô-tô vang lên ở bên ngoài. Keating nhớ ra. Anh bắt đầu định đi thay đồ, nhưng anh đâm sầm vào mẹ mình ở cửa ra vào và làm đổ một cái cốc trên cái khay đầy của bà.

“Petey!”

“Không sao đâu mẹ!” Anh ta nắm lấy khuỷu tay bà. “Con đang vội, mẹ yêu quý. Một bữa tiệc nhỏ với bạn bè... nào, nào,... mẹ đừng nói gì cả – con sẽ không về muộn và – mẹ xem! Chúng ta sẽ ăn mừng việc con đi làm cho Francon & Heyer!”

Keating hấp tấp hôn mẹ với sự hào hứng vẫn thỉnh thoảng làm cho anh trở nên một người hết sức hấp dẫn. Sau đó, anh lao ra khỏi phòng và lên gác. Bà Keating lắc đầu, mặt đỏ bừng, vừa thất vọng, vừa sung sướng.

Trong lúc ném quần áo lung tung đi khắp nơi trong phòng, Keating chợt nghĩ đến bức điện mà anh sẽ gửi đi New York. Anh đã không nghĩ đến cái việc đặc biệt này cả ngày hôm nay; nhưng bây giờ, nó chợt trở nên hết sức cấp thiết. Anh muốn gửi bức điện đó ngay bây giờ, ngay lúc này. Anh viết nghuệch ngoạc lên một mảnh giấy:

“Katie em yêu... sẽ đến New York... công việc... Francon... yêu em mãi mãi. Peter.”

Đêm đó Keating ngồi trên ô-tô phóng đến Boston. Anh ngồi cứng giữa hai người bạn. Gió và những con đường vụt lại phía sau. Và anh nghĩ rằng thế giới đang mở ra trước mặt anh, giống như bóng tối chạy trốn khỏi ánh đèn pha ô-tô nhấp nháy. Anh đã tự do. Anh đã sẵn sàng. Trong một vài năm nữa – sẽ rất nhanh thôi, vì thời gian không tồn tại khi người ta có thể phóng nhanh thế này – tên tuổi anh sẽ vang lên như tiếng còi xe và sẽ kéo phăng mọi người khỏi giấc ngủ. Anh đã sẵn sàng để làm những thứ vĩ đại, những thứ cao quý, những thứ không ai có thể vượt qua trong... trong... ôi, quỷ tha ma bắt... trong ngành kiến trúc.

III.

Peter Keating nhìn ngắm các đường phố ở New York. Anh thấy mọi người ăn mặc vô cùng đẹp đẽ.

Anh dừng lại một chút trước tòa nhà trên Đại lộ Năm, nơi văn phòng của hãng Francon & Heyer và ngày làm việc đầu tiên đang chờ đợi anh. Anh nhìn những con người đang vội vã đi lướt qua mình. Bảnh bao – anh nghĩ – bảnh bao khủng khiếp. Anh ngán ngẩm liếc nhìn bộ quần áo của mình. Anh có rất nhiều thứ phải học ở New York.

Khi không thể trì hoãn thêm được nữa, Keating tiến đến cửa ra vào. Đó là một mái vòm kiểu Doric[18] thu nhỏ, từng xăng-ti-mét của nó được tính toán theo những tỷ lệ chính xác tuyệt đối mà các nhà thiết kế Hy Lạp cổ đại đã đặt ra[19]; giữa những cột đá cẩm thạch hoàn hảo là cái cửa quay lấp lánh những tấm niken, phản chiếu những dòng xe ô-tô vùn vụt ngang qua. Keating đi xuyên qua cái cửa quay, rồi qua hành lang cẩm thạch bóng loáng, đến một cái thang máy mạ vàng và sơn mài đỏ để lên tầng ba mươi. Anh tiến tới một cái cửa gỗ gụ. Anh nhìn thấy tấm biển đồng thau mảnh mai với những con chữ tinh xảo:

FRANCON & HEYER, KIẾN TRÚC SƯ.

Phòng lễ tân của Văn phòng kiến trúc Francon & Heyer trông như một phòng khiêu vũ tân thời và ấm cúng trong một biệt thự kiểu thực dân. Những bức tường trắng bạc được nối với nhau bởi những tấm trụ bổ tường phẳng; các trụ này có xẻ rãnh và uốn thành những hình xoắn ốc; chúng đỡ những trán tường nhỏ được tách thành hai phần, một phần có hình những nửa chiếc bình Hy Lạp ôm sát vào tường. Những hình khắc các ngôi đền Hy Lạp tô điểm thêm cho cả căn phòng – mặc dù những hình khắc này quá nhỏ để người ta có thể nhìn rõ chúng, nhưng chúng vẫn làm nổi bật những cái cột, những trán tường và những phiến đá ốp.

Mặc dù điều này thật phi lý nhưng kể từ lúc bước chân qua cửa, Keating có cảm giác anh đang đứng trên một băng chuyền. Cái băng chuyền ấy đưa anh đến chỗ người tiếp tân đang ngồi bên tổng đài điện thoại, phía sau hàng lan can trắng của một cái bệ vòng cung kiểu Floren. Tiếp đó, nó chuyển anh đến ngưỡng cửa của một phòng vẽ thiết kế lớn. Anh nhìn thấy những cái bàn dài và bằng phẳng, một rừng cần treo xoắn hạ từ trên trần nhà xuống, đầu này của những cái cần treo là những bóng đèn có ánh sáng xanh lá cây; những tập bản vẽ thiết kế khổng lồ, tầng tầng lớp lớp các ngăn kéo màu vàng, giấy tờ, hộp thiếc, gạch mẫu, hồ dán và những quyển lịch của các công ty xây dựng mà hầu hết đều có hình phụ nữ khỏa thân. Người kiến trúc sư

trưởng sẵng giọng với Keating trong lúc gần như không thèm nhìn anh. Ông ta có vẻ vừa buồn chán lại vừa hưng phấn. Ông ta vẩy ngón tay cái về hướng phòng thay đồ, hất cằm về phía cửa một tủ để đồ và đứng gõ nhịp bằng gót và ngón chân; trong khi đó, Keating mặc một cái áo đồng phục bờ-lu màu ngọc trai xám lên cơ thể cứng đơ và lúng túng của mình. Francon đã khăng khăng chọn loại đồng phục đó. Cái băng chuyền dừng lại ở một chiếc bàn nằm trong góc phòng thiết kế. Tại đó Keating thấy mình đứng cạnh một bộ các bản vẽ mặt bằng cần được vẽ chi tiết. Cái lưng còm nhom của người vẽ thiết kế chính quay về phía Keating; anh ta rõ ràng là đã quên mất sự tồn tại của Keating.

Keating lập tức chúi mũi vào công việc; ánh mắt anh tập trung còn cổ họng thì cứng lại. Anh không nhìn cái gì khác ngoại trừ ánh sáng màu ngọc trai mờ của tấm giấy vẽ trước mặt mình. Những đường kẻ đều đặn mà anh vẽ làm chính anh ngạc nhiên, vì anh cảm thấy chắc chắn rằng bàn tay mình đang nghuệch ngoạc những nét zích-zắc qua lại trên tờ giấy. Anh cứ đi theo các đường kẻ mà không biết chúng dẫn đến đâu và tại sao. Anh chỉ biết rằng bản phác thảo này là một công trình vĩ đại của ai đó mà anh không bao giờ có thể chất vấn hoặc vươn lên ngang tầm. Keating băn khoăn không biết tại sao anh từng dám nghĩ rằng mình là một kiến trúc sư triển vọng.

Rất lâu sau đó, anh để ý thấy những nếp nhàu trên tấm áo đồng phục xám đang dính chặt vào hai bả vai của người ngồi bàn bên cạnh. Keating nhìn quanh mình, lúc đầu còn thận trọng, rồi sau đó là với cảm giác tò mò, liền đó là sự thích thú, và cuối cùng là sự khinh thường. Khi đạt đến trạng thái cuối cùng này, Peter Keating trở lại chính mình. Anh cảm thấy yêu mến đồng loại. Anh chú ý đến đôi má vàng vọt, cái mũi ngộ nghĩnh, một cái mụn cơm trên chiếc cằm lẹm và cái bụng dán chặt vào cạnh bàn. Anh yêu thích những hình ảnh này. Những gì mà những người thế kia có thể làm, anh cũng có thể làm được và sẽ làm tốt hơn. Anh mỉm cười. Peter Keating cần đồng loại.

Khi nhìn lại bản vẽ, anh thấy những lỗi thiết kế đang hiện rõ mồn một trên mặt bàn. Đây là thiết kế mặt bằng của một biệt thự và anh nhận thấy những hành lang xoắn xuýt đã cắt nát không gian thành các khoảng không vô nghĩa; tất cả dãy phòng dài, hình chữ nhật chắc chắn sẽ phải chịu cảnh thiếu ánh sáng. Lạy Chúa – Keating nghĩ – người ta chắc chắn sẽ đánh trượt mình với những lỗi thế này, ngay kỳ học đầu. Sau những giây phút này, anh tiếp tục công việc của mình một cách trôi chảy, dễ dàng, chuyên nghiệp – và vui vẻ.

Trước giờ ăn trưa, Keating đã làm quen với cả phòng; anh chưa có một người bạn cụ thể nào nhưng những nắm đất vô hình đã được vung ra, sẵn sàng cho tình bạn nảy nở trên đó. Anh đã mỉm cười với những đồng nghiệp

xung quanh mình và nháy mắt đồng lõa với họ mà chẳng vì cái gì cụ thể. Anh đã tận dụng mỗi lần đi lấy nước ở bình lạnh để mơn trớn những người mà anh ta đi ngang qua với ánh mắt dịu dàng và vui vẻ. Đôi mắt sáng của anh dường như lần lượt nhấc từng người ra khỏi phòng, ra khỏi vũ trụ, như thể người đó là mẫu vật quan trọng nhất của nhân loại, và như thể người đó là người bạn thân thiết nhất của Keating. Một anh chàng thông minh và một đồng nghiệp tốt – có vẻ như đấy là những gì mà người ta nghĩ về Keating.

Keating chú ý đến một anh chàng cao, tóc vàng ở bàn bên cạnh; anh ta đang vẽ mặt đứng cho một tòa nhà văn phòng. Keating nghiêng người dựa vào vai của anh ta với sự tôn trọng thân mật và nhìn các vòng hoa nguyệt quế đắp nổi trên các trụ tường xẻ rãnh, cao tới ba tầng.

"Với một ông già thì vẽ thế cũng khá đấy chứ!" Keating nói với vẻ ngưỡng mộ.

"Ai cơ?" người kia hỏi.

"À, Francon," Keating trả lời.

"Francon quái gì," anh ta nói một cách bình thản. "Ông ta thậm chí không thiết kế đến một cái cũi chó từ tám năm này." Anh ta vẫy ngón tay cái qua vai, hướng vào cái cửa kính đằng sau họ.

"Ông ta làm hết!"

"Cái gì?" Keating hỏi khi quay đầu ra sau.

"Ông ta!" cậu thanh niên nói. "Stengel. Ông ta làm tất cả những thứ này."

Qua tấm kính, Keating nhìn thấy một đôi vai xương xẩu nhô lên phía trên mép bàn; một cái đầu nhỏ, hình tam giác, đang cúi xuống một cách chăm chú. Anh nhìn thấy hai đốm sáng trống trong những mắt kính hình tròn.

Vào cuối buổi chiều, một sự hiện diện dường như đánh thức tất cả các cửa phòng đóng kín và Keating biết qua những lời thì thầm quanh mình rằng Guy Francon đã đến văn phòng và đã vào phòng làm việc của ông ở tầng trên. Nửa tiếng sau, cánh cửa kính mở ra và Stengel bước ra. Một mớ bìa các tông lớn đong đưa giữa các ngón tay của ông ta.

"Này, cậu kia." ông ta nói, đôi mắt kính dừng lại ở khuôn mặt của Keating. "Cậu đang vẽ cái này hả?" Ông ta lăn tấm bìa về phía trước. "Mang nó lên cho sếp duyệt đi. Cố mà lắng nghe những gì ông ta nói và cố mà tỏ ra thông minh. Đằng nào thì cả hai điều này đều chẳng quan trọng."

Ông ta thấp và đôi tay dường như thõng xuống tận mắt cá chân; hai cánh tay đung đưa như những sợi dây trong ống tay áo dài; đôi bàn tay lớn và hiệu quả. Mắt Keating đanh lại, tối sầm lại; trong một phần mười giây, nó tụ lại

thành một tia nhìn sắc lẻm vào hai mắt kính trắng. Sau đó Keating mỉm cười và nói một cách nhẹ nhàng: "Vâng, thưa ngài."

Anh cầm tấm bìa bằng mười đầu ngón tay, đi lên cầu thang bọc vải màu đỏ thẫm để tới văn phòng của Guy Francon. Tấm bìa vẽ phác bằng màu nước một biệt thự bằng đá granit xám với ba lớp cửa sổ mái, năm ban công, bốn đoạn tường hõm, mười hai trụ nhà, một cột cờ và hai con sư tử ở lối vào. Ở góc tấm bìa, được viết tay rõ nét là dòng chữ: "Biệt thự của ông bà James S. Whattles. Francon & Heyer, Kiến trúc sư." Keating khẽ huýt sáo: James S. Whattles là nhà triệu phú chuyên sản xuất kem cạo râu.

Văn phòng của Guy Francon được đánh xi. Không phải, Keating nghĩ, không phải được đánh xi mà là được đánh véc-ni; cũng không phải, không phải là được đánh véc-ni mà được phủ bằng dung dịch nung chảy từ các tấm gương. Anh nhìn thấy chính bóng của mình được tách rời ra như một đàn bướm, chúng bay theo anh ngang qua phòng, lướt trên các tủ gỗ Chippendale[20], qua những chiếc ghế kiểu thời vua James đệ nhất của Anh[21] rồi qua bệ lò sưởi kiểu vua Louis XV. Anh kịp để ý đến cả một bức tượng La Mã cổ đại thật ở góc phòng, các bức ảnh màu nâu đỏ vẽ đền Parthenon, nhà thờ lớn Rheims[22], cung điện Versailles và tòa nhà Ngân hàng quốc gia Frink với ngọn đuốc vĩnh cửu.

Anh thấy bóng đôi chân mình tiến thẳng lại phía mình từ cạnh của cái bàn lớn bằng gỗ gụ bóng loáng. Guy Francon ngồi phía sau bàn. Khuôn mặt ông vàng vọt còn đôi má thì hõm xuống. Trong một khoảnh khắc, ông nhìn Keating như thể ông chưa từng gặp anh, rồi ông nhớ ra và nở một nụ cười rộng rãi.

"Nào, nào, nào, Kittredge, chàng trai của tôi, đây rồi, vậy là mọi thứ đã an bài và chúng ta đã là một nhà! Rất vui được gặp anh. Ngồi xuống, cậu bé, ngồi xuống; anh có cái gì đây ? Nào, không phải vội, không phải vội. Ngồi xuống đi. Anh thấy ở đây thế nào?"

"Thưa ngài, tôi e là tôi quá vui mừng," Keating nói với vẻ bất lực chân thành và hơi trẻ con. "Tôi nghĩ là tôi có thể tỏ ra chuyên nghiệp trong công việc đầu tiên của mình, nhưng bắt đầu ở một nơi như thế này thì... tôi đoán là tôi hơi sốc một chút... Tôi sẽ vượt qua được điều này, thưa ngài," anh hứa hẹn.

"Tất nhiên rồi," Guy Francon nói. "Chắc là hơi choáng ngợp đối với một chàng trai, hơi một chút thôi. Nhưng đừng lo. Tôi đảm bảo là anh sẽ làm tốt."

"Tôi sẽ cố hết sức mình, thưa ngài."

“Tất nhiên là vậy. Xem họ gửi cho tôi cái gì nào?” Francon với tay đến ngăn kéo bàn, nhưng rồi ngón tay ông ta lại dừng lại một cách ẻo lả trên trán. “Thật bực mình với cái bệnh đau đầu này... Không, không, không có gì nghiêm trọng – “ông mỉm cười trước sự quan tâm tức thì của Keating - chỉ là một chút váng vất thôi. Làm việc quá vất vả ấy mà.”

“Liệu tôi có thể lấy cho ngài cái gì không, thưa ngài?”

“Không, không, cảm ơn anh. Không phải *lấy* cho tôi; giá mà anh có thể *lấy đi* cho tôi thì tốt.” Ông ta nháy mắt. “Sâm banh. Anh biết đấy; loại sâm banh tối hôm qua của họ không đáng một xu. Tôi chả bao giờ thích sâm banh. Để tôi nói cho anh biết nhé, Kittredge, hiểu biết về rượu rất quan trọng; chẳng hạn khi anh mời một khách hàng ăn tối và anh muốn đảm bảo rằng anh gọi món một cách hợp lý. Tôi sẽ nói cho anh một bí mật nghề nghiệp. Chẳng hạn như món chim cút. Hầu hết mọi người sẽ gọi rượu vang đỏ Burgundy với món này. Anh sẽ làm gì nào? Anh gọi Clos Vougeot 1904. Thấy không? Chỉ thêm có một chi tiết đó thôi. Vừa đúng mốt, lại vừa sáng tạo. Ta phải luôn sáng tạo... Tiện thể, ai cử anh lên đây vậy?”

“Ông Stengel, thưa ngài.”

“Ồ, Stengel.” Cái ngữ điệu mà Francon dùng để gọi Stengel lóe lên trong đầu Keating như một tia chớp: tia chớp ấy mách bảo anh rằng anh phải lưu thông tin này – chúng sẽ có ích về sau. “Ông ta quá vĩ đại để tự mình mang bản vẽ xuống hả? Anh nhớ đấy, ông ta là nhà thiết kế giỏi, nhà thiết kế giỏi nhất ở thành phố New York, nhưng gần đây ông ta bắt đầu trở nên hơi tự phụ rồi đấy. Ông ta nghĩ ông ta là người duy nhất làm việc ở đây, chỉ vì ông ta bôi bôi trát trát quanh bàn vẽ suốt cả ngày. Rồi anh sẽ thấy, chàng trai, khi nào anh kinh doanh lâu hơn, anh sẽ nghiệm ra rằng công việc thực thụ của một văn phòng được thực hiện bên ngoài những bức tường của nó. Ví dụ như tối hôm qua. Bữa tiệc của Hiệp hội Bất động sản Clarion. Hai trăm khách – bữa tối và sâm banh – phải, sâm banh!” Ông chun mũi đầy cảnh vẻ như tự giễu cợt mình. “Chỉ cần vài lời phát biểu không chính thức sau bữa ăn, anh biết đấy, không cần rùm beng, không phải là kiểu quảng cáo bán hàng thô bạo – chỉ là một vài quan điểm khéo chọn về trách nhiệm của người môi giới bất động sản đối với xã hội, về tầm quan trọng của việc lựa chọn các kiến trúc sư có năng lực, được kính trọng và thành đạt. Anh biết đấy chỉ cần một vài câu khẩu hiệu nho nhỏ, dễ nghe, mà người ta có thể nhớ lâu.”

“Vâng, thưa ngài, kiểu như câu ‘Hãy chọn người xây nhà như lựa chọn cô dâu để chung sống trong ngôi nhà đó’.”

“Không tồi. Không tồi chút nào, Kittredge. Tôi có thể ghi lại câu này được không?”

“Tên tôi là Keating, thưa ngài,” Keating nói chắc chắn. “Ngài cứ tùy nghi sử dụng. Tôi rất vui vì ngài thích nó.”

“Keating, tất nhiên rồi! Đúng thế, tất nhiên rồi, Keating,” Francon nói với một nụ cười cầu hòa. “Tội nghiệp tôi, gặp nhiều người quá đấy mà. Anh nói như thế nào nhỉ? Hãy chọn người xây nhà... câu này rất hay.”

Ông để Keating nhắc lại và ghi chép câu nói đó vào một tập giấy bằng một cái bút chì lấy từ hộp để bút trước mặt mình – những cái bút chì mới nhiều màu, được vót nhọn đến mức chuyên nghiệp, sẵn sàng để sử dụng nhưng không hề được sử dụng.

Sau đó ông đẩy tập giấy sang bên, thở hắt ra, rồi vuốt những sóng tóc mượt mà của mình và nói một cách mệt mỏi:

“Được rồi, đằng nào tôi cũng phải xem cái này.”

Keating đưa tấm bìa một cách kính cẩn. Francon ngả người ra phía sau. Ông để tấm bìa cách xa ông cả một cánh tay và nhìn nó. Ông nhắm mắt trái, rồi mắt phải, rồi di chuyển tấm bìa xa thêm một chút nữa. Keating bỗng có cái hy vọng bất thần rằng Francon sẽ lộn ngược bản vẽ. Nhưng Francon chỉ cầm nó và Keating chợt nhận ra rằng ông đã thôi không nhìn bản vẽ từ lâu rồi. Francon đang nghiên cứu nó chính vì lợi ích của anh, lợi ích của Keating. Khi nhận ra điều này, lập tức Keating cảm thấy người anh nhẹ bỗng, nhẹ bỗng như không khí và anh thấy con đường tương lai của mình trở nên rõ ràng và rộng mở.

“Hừm... được,” Francon vừa nói vừa xoa cằm bằng hai đầu ngón tay mềm mại. “Hừm... được...”

Ông ta quay về phía Keating.

“Không tồi,” Francon nói. “Không tồi chút nào... phải... có lẽ là... nó đã có thể đặc biệt hơn, anh biết đấy, nhưng... được, bản vẽ được làm rất tốt... Anh nghĩ sao hả Keating?”

Keating nghĩ đến bốn cửa sổ đối diện với bốn cột đá granit khổng lồ. Nhưng anh nhìn các ngón tay của Francon đang mân mê cái cà-vạt đeo cổ màu hoa cà sẫm và quyết định không đề cập đến điều này. Thay vào đó, anh nói:

“Nếu tôi có thể đưa ra một gợi ý, thì thưa ngài, theo tôi dường như là các hình ô van ở giữa tầng bốn và tầng năm có phần quá khiêm tốn đối với một tòa nhà bề thế như vậy. Có lẽ một dãy họa tiết đắp nổi sẽ phù hợp hơn nhiều.”

“Chính thế. Tôi vừa định nói vậy. Một dãy họa tiết đắp nổi... Nhưng... nhưng nhìn này, nó sẽ thu nhỏ các cửa sổ lại, phải không?”

“Vâng,” Keating nói với vẻ khiêm tốn mà anh ta thường sử dụng khi thảo luận với các bạn tại lớp học, “nhưng các cửa sổ không quan trọng bằng sự bề thế của mặt tiền tòa nhà.”

“Đúng vậy. Sự bề thế. Trên tất thảy, chúng ta phải đem lại cho khách hàng sự bề thế. Hoàn toàn đúng, phải là một dãy họa tiết đắp nổi... Nhưng... nhìn này, tôi đã duyệt các bản vẽ sơ bộ rồi và Stengel đã vẽ bản phác này rất tốt.”

“Ông Stengel sẽ vui lòng thay đổi nó nếu ngài bảo ông ta làm như vậy.”

Francon nhìn vào mắt Keating một lúc. Sau đó, mi mắt của Francon hạ xuống và ông nhặt một sợi xơ vải khỏi ống tay áo của mình.

“Tất nhiên, tất nhiên...” ông yếu ớt phản đối “Nhưng... anh có nghĩ là một dãy họa tiết đắp nổi là thật sự quan trọng không?”

“Tôi nghĩ là,” Keating chậm rãi nói, “sửa đổi những gì ngài thấy cần sửa quan trọng hơn việc phê duyệt bất cứ bản vẽ nào, chỉ vì ông Stengel là người vẽ.”

Vì Francon không nói gì cả, mà chỉ nhìn thẳng vào anh, vì ánh mắt của Francon rất chăm chú còn đôi bàn tay thì thả lỏng, nên Keating biết rằng mình đã hết sức mạo hiểm – và đã thắng; anh thấy sợ hãi vì đã mạo hiểm, nhưng anh chỉ sợ hãi sau khi anh biết mình đã thắng.

Họ lặng lẽ nhìn nhau qua bàn làm việc và cả hai đều biết họ có thể hiểu nhau.

“Chúng ta sẽ làm dãy họa tiết đắp nổi.” Francon nói một cách bình tĩnh và nghiêm trang. “Cứ để cái này ở đây. Bảo Stengel rằng tôi muốn gặp ông ta.”

Keating quay người đi ra. Francon ngăn anh lại. Giọng của Francon vui vẻ và ấm áp:

“Này, Keating, tiện thể, tôi có một gợi ý được không? Chỉ giữa hai chúng ta thôi nhé, và tôi không hề có ý xúc phạm, nhưng một cái cà-vạt màu gụ sẽ hợp hơn với áo đồng phục xám của anh, anh có nghĩ vậy không?”

“Vâng, thưa ngài,” Keating nói một cách thoải mái. “Cảm ơn ngài. Ngài sẽ thấy nó vào ngày mai.”

Anh bước ra ngoài và nhẹ nhàng đóng cửa lại.

Trên đường quay trở về, xuyên qua phòng tiếp tân, Keating nhìn thấy một người đàn ông hào hoa có mái tóc muối tiêu đang hộ tống một quý bà đến cửa ra vào. Người đàn ông không đội mũ và rõ ràng là người của văn phòng; còn người phụ nữ kia mặc một áo choàng không tay bằng lông chồn; bà ta rõ ràng là một khách hàng.

Người đàn ông không hề cúi gập mình xuống đất, ông ta không hề trải thảm, mà ông ta cũng không hề phe phẩy cái quạt nào trên đầu người phụ nữ; ông ta chỉ mở cửa cho bà ta. Vậy mà với Keating, dường như người đàn ông kia đã làm tất cả những động tác ấy.

*

* *

Tòa nhà Ngân hàng Quốc gia Frink nổi lên trên khu hạ Manhattan. Cái bóng dài của nó cũng di chuyển khi mặt trời chuyển dịch trên bầu trời, giống như một chiếc kim đồng hồ khổng lồ đi ngang qua những khu chung cư bụi bặm, từ nhà Aquarium[23] đến cầu Manhattan. Khi mặt trời lặn, ngọn đuốc của Lăng Hadrian lóe lên và tạo thành những đốm sáng màu đỏ rực rỡ trên mặt kính của cửa sổ trong vòng bán kính vài dặm quanh nó và trên các tầng chóp của các tòa nhà đủ cao để phản chiếu nó. Tòa nhà Ngân hàng Quốc gia Frink thể hiện toàn bộ lịch sử của nghệ thuật La Mã cổ đại với những kiểu mẫu được lựa chọn cẩn thận. Trong một thời gian dài, nó được coi là tòa nhà đẹp nhất thành phố vì không có bất kỳ kiến trúc nào khác có thể khoe khoang rằng nó chứa nhiều phong cách kiến trúc hơn Frink. Nó có quá nhiều cột, trán tường, trụ ngạch, tháp ba chân, tượng đấu sĩ, bình và trang trí xoắn ốc; vì thế tòa nhà trông như thể không phải được xây dựng bằng đá cẩm thạch trắng mà được bóp ra từ một tuýp bột nhão. Tuy nhiên, nó đúng là được làm từ đá cẩm thạch trắng. Không ai biết điều này ngoại trừ người đã trả tiền để làm ra nó. Bây giờ nó có màu vằn vện, bẩn thỉu và sần sùi, không phải màu nâu cũng chẳng phải màu xanh lá cây mà là sự kết hợp tồi tệ nhất của hai màu này, màu của sự hư hoại dần dần, màu của khói, của khí thải và axit đang ăn mòn lớp đá tinh tế vốn chỉ phù hợp với không khí trong lành và đồng quê thoáng đãng. Dẫu vậy, tòa nhà Ngân hàng Quốc gia Frink vẫn là một thành công vĩ đại. Nó là một thành công vĩ đại đến nỗi nó là kiến trúc cuối cùng mà Guy Francon từng thiết kế; danh tiếng của nó khiến ông không bao giờ còn phải mó tay vào thiết kế nữa.

Cách Ngân hàng Quốc gia Frink ba dãy phố về phía đông là tòa nhà Dana. Nó thấp hơn một số tầng và chẳng có bất kỳ tiếng tăm nào. Những đường thẳng của nó cứng cỏi, giản đơn; chúng phô bày và nhấn mạnh sự hài hòa của kết cấu thép bên trong, như một cơ thể phô bày sự hoàn hảo của những đốt xương của mình. Nó không có các họa tiết trang trí nào. Nó không thể hiện cái gì ngoại trừ sự chính xác của những góc nhọn, ngoài sự mẫu mực của các mặt phẳng; ngoài những đường sọc dài của các cửa sổ – trông giống như những dòng nước đá chạy dọc từ mái nhà xuống hè phố. Người dân New York hiếm khi nhìn ngắm tòa nhà Dana. Đôi khi, một du khách thôn quê hiếm hoi bất chợt nhìn thấy tòa nhà dưới ánh sáng trăng; anh ta

dừng lại và băn khoăn không biết cảnh tượng này đến từ giấc mơ nào. Nhưng những vị khách như vậy vô cùng hiếm hoi. Những người sống trong nhà Dana nói rằng họ sẽ không đánh đổi nó lấy bất cứ một tòa nhà nào trên mặt đất; họ đánh giá cao ánh sáng, không khí, vẻ đẹp lô-gíc trong việc bố trí hành lang và văn phòng của Dana. Nhưng số người thuê tòa nhà Dana không nhiều; không một người nổi tiếng nào muốn công việc kinh doanh của họ bị đặt ở tòa nhà trông "như một nhà kho."

Tòa nhà DanaBuilding do Henry Cameron thiết kế.

Vào những năm 1880, các kiến trúc sư New York tranh nhau ngôi vị thứ hai trong ngành kiến trúc. Không ai dám mơ tưởng vị trí thứ nhất. Vị trí thứ nhất do Henry Cameron giữ. Thật khó mà với tới Henry Cameron vào thời đó. Ông có danh sách khách hàng chờ thiết kế trước hai năm; ông tự tay vẽ mọi bản vẽ thiết kế mà văn phòng mình nhận làm. Ông chọn lựa những gì ông muốn xây. Khi ông xây, khách hàng phải ngậm miệng. Ông đòi hỏi ở mọi người một thứ mà ông không bao giờ trao cho bất kỳ ai: sự tuân phục. Ông trải qua những năm tháng nổi danh như một quả tên lửa bay đến một mục tiêu mà không ai có thể đoán được. Người ta bảo ông điên. Nhưng họ chấp nhận những gì ông làm cho họ dù họ có hiểu nó hay không. Họ chấp nhận vì nó là tòa nhà được xây "bởi Henry Cameron."

Ban đầu, những tòa nhà của Henry Cameron chỉ hơi khác biệt một chút – chúng không đủ để làm người ta sợ hãi. Thỉnh thoảng ông làm những thử nghiệm gây sửng sốt, nhưng mọi người đều đã chờ đợi trước điều này và chẳng ai lại tranh cãi với Henry Cameron. Nhưng rồi một cái gì đó cứ lớn lên trong ông cùng với mỗi tòa nhà mới; nó trăn trở, định hình và dâng lên dần thành một sự bùng nổ. Sự bùng nổ ấy đến cùng với sự ra đời của các tòa nhà chọc trời. Khi các tòa nhà bắt đầu mọc lên không phải theo kiểu những tòa nhà chia tầng bằng vữa nặng nề mà như những mũi tên thép bắn thẳng lên trời cao, bất chấp trọng lượng hoặc giới hạn, thì Henry Cameron là một trong số những người đầu tiên hiểu được sự thần kỳ này, đồng thời tạo hình cho nó. Ông là một trong những người đầu tiên và hiếm hoi chấp nhận thực tế là một tòa nhà cao thì trông phải cao. Trong khi các kiến trúc sư nguyền rủa và băn khoăn không biết làm thế nào để cho một tòa nhà hai mươi tầng trông như một biệt thự gạch cổ điển, trong khi họ sử dụng mọi thứ định dạng hàng ngang sẵn có nhằm đánh lừa cảm giác về chiều cao của tòa nhà, để thu ngắn tòa nhà xuống theo kiểu truyền thống, để che giấu sự xấu hổ của lớp cốt thép, để làm cho nó nhỏ nhắn, an toàn và cổ kính – thì Henry Cameron thiết kế các tòa nhà chọc trời với các đường thẳng đứng, khoe khoang lớp sắt thép và độ cao của chúng. Trong khi các kiến trúc sư vẽ các trụ ngạch và trán tường cổ điển, thì Henry Cameron quyết định rằng các tòa nhà chọc trời không được sao chép kiến trúc Hy Lạp. Henry Cameron quyết định rằng

không một tòa nhà nào được sao chép từ tòa nhà nào.

Lúc đó ông 39 tuổi, thấp, chắc nịch, lôi thôi; ông làm việc như một con trâu[24], quên ăn quên ngủ, uống rất ít nhưng rồi uống như hũ chìm; ông gọi khách hàng của mình bằng những cái tên không thể viết ra được; ông cười lớn vào tính đố kỵ của người khác và cố tình kích thích nó; ông xử sự như một nhà quý tộc thời phong kiến đồng thời lại như một người bốc vác ở bờ biển; ông sống trong sự căng thẳng của đam mê – một thứ căng thẳng như một mũi kim chích vào mọi người ở bất cứ căn phòng nào ông bước vào – một thứ lửa mà cả ông lẫn họ đều không thể chịu đựng lâu. Đó là năm 1892.

Nhà triển lãm Columbia tại Chicago mở cửa vào năm 1893.

Công trình kiến trúc La Mã 2000 tuổi này tọa lạc bên bờ hồ Michigan – một thứ kiến trúc La Mã được cải tiến bằng cách chắp vá thêm phong cách Pháp, Tây Ban Nha, Athens và mọi phong cách ra đời sau đó. Nó là "Thành phố mơ ước" của cột, khải hoàn môn, hồ nước, vòi phun nước pha lê và bỏng ngô. Các kiến trúc sư của nó cạnh tranh xem ai có thể ăn cắp tài tình nhất từ các các kiến trúc cổ xưa, cũng như ai là người đồng thời ăn cắp được nhiều phong cách kiến trúc nhất. Khu triển lãm phơi bày trước mắt người ta tất cả những tội ác kiến thiết mà nhân loại từng phạm phải. Một công trình trắng toát như một thứ bệnh dịch và cũng hoành tráng như một thứ bệnh dịch[25].

Người ta đến, chiêm ngưỡng, sững sờ và mang những hạt giống ý tưởng mà họ nhìn thấy từ công trình này đến các thành phố của Hoa Kỳ. Những hạt giống đã nảy mầm thành cỏ dại; chúng phát triển thành những trạm bưu điện ốp ván với những mái vòm kiểu Doric, những biệt thự bằng gạch với trán tường sắt, những chuồng chim được làm bởi mười hai đền parthenon lần lượt xếp chồng lên mái của nhau. Cỏ dại cứ thế lớn lên và ăn lấn mọi thứ khác.

Henry Cameron đã từ chối làm việc cho Triển lãm Columbia và gọi nó bằng những cái tên không thể in lên mặt báo nhưng có thể truyền miệng cho nhau, mặc dù chỉ trong những đám đông nhất định. Sự thật là chúng đã được truyền miệng lại. Người ta cũng truyền nhau rằng ông đã ném một lọ mực vào mặt một chủ nhà băng nổi tiếng khi người này yêu cầu ông thiết kế một ga tàu hỏa phỏng theo đền thờ Diana[26] ở Ephesus. Ông chủ nhà băng đó không bao giờ quay trở lại. Có những người khác cũng không bao giờ quay trở lại.

Chính vào lúc Henry Cameron đạt đến cái đích của những năm tháng tranh đấu lâu dài, chính vào lúc ông định hình được cái chân lý mà ông kiếm tìm, thì thanh rào chắn cuối cùng đã đóng sập trước mặt ông. Nước Mỹ non trẻ đã dõi theo trận chiến của ông, đã băn khoăn, đã bắt đầu chấp nhận sự vĩ

đại mới mẻ trong những công trình của ông. Nhưng rồi chính đất nước ấy cũng đã quăng mình trở lại 2000 năm, quăng mình trở lại với chủ nghĩa Cổ điển và vì thế mà không dành chỗ nào cho ông và không dùng ông nữa.Người ta không còn cần phải thiết kế các tòa nhà nữa, người ta chỉ cần sao chụp lẫn nhau; kiến trúc sư với thư viện tốt nhất trở thành kiến trúc sư giỏi nhất. Những kẻ bắt chước lại sao chép những tác phẩm bắt chước. Hậu thuẫn cho sự sao chép ấy – đã có Văn hóa, đã có hai mươi thế kỷ phơi bày trong các tàn tích kiến trúc; đã có nhà triển lãm Columbia vĩ đại; đã có những bưu thiếp châu Âu mà album gia đình nào cũng giữ.

Henry Cameron chẳng có gì để chống lại điều này; chẳng có gì ngoài một niềm tin mà ông giữ bởi vì nó là niềm tin của chính ông. Ông không có ai để trích dẫn và không có điều gì thực sự quan trọng để nói. Ông chỉ nói rằng hình dạng của một tòa nhà phải tuân theo chức năng của nó; rằng cấu trúc của một tòa nhà là chìa khóa cho vẻ đẹp của nó; rằng các phương pháp xây dựng mới đòi hỏi những mô hình kiến trúc mới; rằng ông chỉ muốn xây theo ý mình và chỉ theo ý mình mà thôi. Nhưng người ta không thể lắng nghe ông khi mà họ đang thảo luận về Vitruvius, Michelangelo và Ngài Christopher Wren.

Con người căm thù sự đam mê, bất kỳ sự đam mê vĩ đại nào. Henry Cameron đã mắc sai lầm: ông say mê công việc của mình. Đó là lý do tại sao ông đấu tranh. Đó là lý do tại sao ông thất bại.

Người ta nói rằng ông chẳng bao giờ biết rằng mình đã thua. Nếu ông biết, ông đã không để họ thấy. Khi các khách hàng trở nên hiếm hoi hơn, cách cư xử của ông đối với họ càng trở nên độc đoán hơn. Khi tên tuổi của ông càng kém uy tín đi, thì cái giọng mà ông dùng để gọi tên mình càng kiêu ngạo hơn. Ông từng có một người quản lý rất sắc sảo, một người đàn ông bé nhỏ sắt đá, nhẹ nhàng và kín đáo, người mà, vào thời kỳ huy hoàng của ông, lặng lẽ đối diện với những cơn bão giận dữ của Cameron và đem khách hàng đến cho ông; Cameron xúc phạm khách hàng, nhưng người đàn ông nhỏ bé đã làm cho họ chấp nhận điều này và quay trở lại. Người đàn ông nhỏ bé đó đã chết.

Cameron chưa từng biết cách đối mặt với con người. Họ không quan trọng đối với ông, như chính cuộc đời ông cũng chẳng quan trọng, như chẳng có gì quan trọng ngoại trừ các tòa nhà. Ông chưa từng học cách giải thích mà chỉ biết ra lệnh. Ông chưa bao giờ được yêu quý. Ông chỉ được mọi người sợ. Giờ thì chẳng còn ai sợ ông nữa.

Người ta để cho ông sống. Sống để ghê tởm những con đường của cái thành phố mà ông từng mơ ước xây dựng lại nó. Sống để ngồi bên cái bàn làm việc trong văn phòng trống rỗng của mình, bất động, không việc làm và

chờ đợi. Sống để đọc trong một tờ báo đáng kính nào đó, một bài viết đầy ẩn ý có nhắc đến "thời hậu Henry Cameron." Sống để bắt đầu uống rượu, lặng lẽ, liên tục, kinh khủng, đôi khi suốt đêm ngày; và để nghe chính những kẻ đã đẩy ông đến hoàn cảnh này nói – khi có ai đó nêu tên ông cho một cuộc đấu thầu xây dựng – rằng: "Cameron ư? Lẽ ra tôi không nên nói. Ông ta uống như hũ chìm. Đó là lý do tại sao ông ta không bao giờ tìm được bất kỳ công việc nào." Ông sống để chuyển từ những văn phòng chiếm tới ba tầng lầu của một tòa nhà nổi tiếng tới một tầng lầu trên một đường phố rẻ tiền hơn, rồi đến một căn nhà xa trung tâm thành phố, rồi đến ba phòng nhìn ra một ống thông gió cạnh đường hầm Battery. Ông chọn những căn phòng này vì khi dán mặt vào cửa sổ văn phòng ông có thể nhìn thấy, phía trên một bức tường gạch, đỉnh của tòa nhà Dana.

Howard Roark nhìn tòa nhà Dana qua cửa sổ; anh dừng lại ở mỗi chiếu nghỉ cầu thang khi anh leo sáu tầng gác để lên văn phòng của Henry Cameron. Thang máy không hoạt động. Các bậc thang được sơn một màu xanh lá cây bẩn thỉu cũ kỹ; nước sơn vỡ ra dưới đế giày thành những vụn nhỏ tơi tả. Roark nhanh nhẹn đi lên cầu thang như thể anh có một cuộc hẹn; một tập bản vẽ kẹp dưới cánh tay anh, ánh mắt anh vẫn nhìn về tòa nhà Dana. Một lần, anh đâm sầm vào một người đàn ông đang đi xuống cầu thang; điều này thường xảy ra với anh trong hai ngày vừa qua; anh đã đi bộ dọc theo các đường phố của New York, đầu ngoái ra sau và chẳng chú ý đến cái gì khác ngoại trừ các tòa nhà.

Trong bóng tối phòng tiếp khách của văn phòng Cameron có một cái bàn với một cái điện thoại và một chiếc máy chữ. Một người đàn ông tóc hoa râm ngồi bên bàn. Ông ta gầy giơ xương; ông ta mặc áo sơ mi và một chiếc quần có hai dây treo lỏng lẻo trên vai. Ông ta đang chăm chú đánh máy các thông số kỹ thuật bằng hai ngón tay và với tốc độ không thể tin nổi. Cái bóng đèn lờ mờ tạo thành một luồng ánh sáng vàng vọt trên lưng ông ta, nơi mà cái áo sơ mi ẩm ướt dính chặt vào hai bả vai.

Người đàn ông chậm rãi ngẩng đầu lên khi Roark bước vào. Ông ta nhìn Roark, chẳng nói chẳng rằng và chờ đợi; đôi mắt già nua của ông ta mệt mỏi, vô cảm, vô tâm.

"Tôi muốn gặp ông Cameron," Roark nói.

"Thế hả?" người đàn ông nói không ra ý phản bác, xúc phạm hay bất kỳ ý nghĩa gì. "Về chuyện gì?"

"Về việc làm."

"Việc gì?"

"Vẽ thiết kế."

Người đàn ông ngồi ngây ra nhìn anh. Đây là một yêu cầu mà đã lâu rồi ông ta không còn nghe thấy nữa. Cuối cùng ông ta đứng dậy, chẳng nói một lời. Ông ta lê bước đến cái cửa ở sau lưng và bước vào.

Ông ta để cánh cửa khép hờ. Roark nghe ông ta nói với giọng lè nhè: "Thưa ông Cameron, ngoài kia có một anh chàng nói rằng anh ta muốn tìm việc làm ở đây."

Sau đó là một giọng trả lời – một giọng mạnh mẽ và rõ ràng, không thể hiện dấu ấn tuổi tác: "Cái gì cơ, một thằng ngu! Tống cổ nó đi... Khoan đã! Cứ cho nó vào!"

Người đàn ông quay lại, để cửa mở và lẳng lặng hất đầu về phía cửa.

Roark bước vào. Cánh cửa đóng lại sau lưng anh.

Henry Cameron ngồi tại bàn làm việc ở cuối căn phòng dài và trống rỗng. Ông ngồi chúi về phía trước, khuỷu tay đặt trên bàn, hai bàn tay đan lại trước mặt. Tóc và râu ông có màu đen nhánh xen lẫn những sợi thô, trắng. Các bắp thịt ở cổ ông ngắn và dày; chúng nổi lên như những sợi dây thừng. Ông mặc một cái áo sơ mi trắng, tay áo gấp lên đến tận khuỷu; cánh tay trần màu nâu cứng cỏi, nặng nề. Các thớ thịt trên khuôn mặt bành bạnh của ông đanh lại, như thể sức ép làm cho chúng già đi. Hai con mắt đen, trẻ trung và sống động.

Roark đứng ở ngưỡng cửa và họ nhìn nhau qua căn phòng dài.

Ánh sáng từ lỗ thông gió mang một màu xám đục. Trong khi đó lớp bụi phủ đầy trên bàn thiết kế và trên một vài tập hồ sơ màu xanh lá cây thì trông như những tinh thể pha lê mờ được lắng xuống bởi ánh sáng. Nhưng trên tường, giữa các cửa sổ, Roark nhìn thấy một bức tranh. Nó là bức tranh duy nhất trong phòng. Đó là bản vẽ một tòa nhà chọc trời chưa từng được xây dựng.

Ánh mắt của Roark di chuyển trước và chúng di chuyển về phía bức vẽ. Anh đi ngang qua văn phòng, dừng lại trước bản vẽ và đứng nhìn nó. Ánh mắt của Cameron dõi theo anh, một cái lườm nặng nề, như một cái kim dài và mảnh được giữ chặt một đầu, còn đầu kia vẽ nên một vòng tròn chậm rãi, rồi châm và ghim thật chặt vào cơ thể Roark. Cameron nhìn mái tóc màu vàng cam và cái bàn tay đang buông cạnh sườn của anh ta – lòng bàn tay mở ra, hướng về bản vẽ, các ngón tay hơi cong lại; chúng bị bỏ quên khi người chủ của nó định làm động tác đón bắt hoặc giữ chặt một cái gì đó.

"Thế nào?" cuối cùng Cameron cất tiếng. "Cậu đến gặp tôi hay là đến để xem tranh?"

Roark quay về phía ông.

“Cả hai,” Roark nói.

Anh bước về phía cái bàn. Mọi người luôn bị mất cảm giác về sự tồn tại của mình trước mặt Roark; nhưng Cameron đột ngột cảm thấy rõ ràng về sự tồn tại của mình, như ông đang thấy trong đôi mắt đang nhìn vào ông.

“Cậu muốn gì?” Cameron cáu kỉnh.

“Tôi muốn làm việc cho ông,” Roark nhẹ nhàng đáp lại. Cái giọng ấy đã nói: “Tôi muốn làm việc cho ông.” Nhưng âm điệu của cái giọng ấy lại nói: “Tôi sẽ làm việc cho ông.”

“Cậu sẽ?” Cameron nói mà không nhận ra rằng ông đã trả lời cái câu hỏi không được tuyên bố kia. “Có chuyện gì vậy? Không ai nổi tiếng hơn hay giỏi hơn tôi nhận cậu à?”

“Tôi không nộp hồ sơ cho ai khác.”

“Tại sao không? Có phải cậu nghĩ đây là chỗ dễ dàng nhất để bắt đầu? Cậu nghĩ rằng bất kỳ ai cũng có thể đi vào đây mà không gặp trở ngại hả? Cậu có biết tôi là ai không?”

“Có. Đó là lý do tại sao tôi đến đây.”

“Ai giới thiệu cậu đến đây?”

“Chẳng ai cả.”

“Cậu chọn tôi vì cái chó chết gì?”

“Tôi nghĩ là ông biết điều đó.”

“Cái chó gì làm cậu tin rằng tôi cần cậu? Có phải cậu cho rằng tôi quá túng quẫn đến mức tôi phải mở cửa chào đón bất kỳ thằng vô lại nào đến làm việc cho tôi? Có phải cậu tự nói với mình rằng ‘Ôi lão già Cameron, lão là đồ hết thời,... đồ nát rượu...’ nào, cậu đã nói thế... ‘một kẻ thất bại nát rượu chẳng thể nào kén chọn được!’ Có đúng vậy không?... Nào, nói đi đi! Nói đi, đồ chết tiệt! Cậu đang nhìn cái gì đấy? Có đúng vậy không? Nói đi! Cứ chối đi xem nào!”

“Không cần thiết.”

“Trước đây cậu đã làm ở đâu?”

“Tôi mới chỉ bắt đầu.”

“Cậu đã làm được gì?”

“Tôi học ba năm ở Stanton.”

“Ra thế? Quý ngài đây lười đến nỗi không buồn học xong cơ à?”

“Tôi bị đuổi học.”

“Tuyệt vời!” Cameron đấm tay xuống bàn và cười phá ra “Hoành tráng quá nhỉ! Cậu không đủ tốt đối với cái đám chấy rận ở Stanton, nhưng mà cậu sẽ làm việc cho Henry Cameron cơ đấy! Ngài đây nghĩ rằng chỗ này là chỗ chứa đồ phế thải! Tại sao họ lại tống cổ ngài ra thế? Vì rượu? Vì gái? Hay vì cái gì?”

“Vì những cái này,” Roark nói và chìa các bản vẽ của mình ra.

Cameron nhìn bản vẽ đầu tiên, rồi bản tiếp theo rồi tất cả mọi bản vẽ, cho đến tận bức dưới cùng trong tập giấy. Roark nghe tiếng giấy sột soạt khi Cameron lật hết tờ này đến tờ khác. Rồi Cameron ngẩng đầu lên.

“Ngồi xuống.”

Roark vâng lời. Cameron nhìn anh chăm chú, những ngón tay mập mạp của ông gõ nhịp trên tập bản vẽ.

“Cậu nghĩ là chúng đẹp lắm hả?” Cameron hỏi. “Hừm, chúng thật kinh tởm. Không thể diễn tả nổi. Đó là tội ác. Nhìn này,” ông ném một bản vẽ vào mặt Roark, “Nhìn đi. Ý tưởng của cậu là gì vậy? Cái quái gì đã làm cậu quyết định nhét cái bản vẽ đó vào đây? Có phải chỉ vì cậu muốn có cái gì đèm đẹp, nên cậu phải gom góp tất cả những thứ cậu có? Cậu nghĩ cậu là ai cơ chứ? Vì Chúa, cậu nghĩ cậu là Guy Francon à?... Nhìn tòa nhà này đi, đồ ngu! Cậu có ý tưởng như thế này mà cậu lại không biết phải làm gì với nó cả! Cậu nghĩ ra một thứ tuyệt vời và cậu phải phá tan nó! Cậu có biết cậu còn phải học nhiều lắm không?”

“Có. Đó là lý do tại sao tôi đến đây.”

“Và nhìn cái kia xem! Tôi ước là tôi đã vẽ được như thế vào tuổi của cậu! Nhưng tại sao cậu lại phải phá hỏng nó? Cậu có biết tôi sẽ làm gì với nó không? Nhìn này, mặc xác các cầu thang gác và cả lò sưởi nữa chứ! Khi cậu đặt móng...”

Ông hăng say nói một lúc lâu. Ông chửi thề. Ông không thấy bất kỳ bản vẽ nào làm ông thỏa mãn. Nhưng Roark nhận thấy ông nói như thể các tòa nhà này đang trong quá trình xây dựng.

Ông đột ngột ngừng lại, đẩy các bản vẽ sang bên cạnh và đặt nắm tay lên trên. Ông hỏi:

“Cậu quyết định trở thành kiến trúc sư từ bao giờ?”

“Khi tôi 10 tuổi.”

“Người ta không biết mình muốn gì ở tuổi đấy, giả sử như có lúc nào đó trong đời mà họ biết. Cậu nói dối.”

“Tôi nói dối?”

“Đừng nhìn tôi chằm chằm như thế! Cậu không nhìn cái gì khác được à? Tại sao cậu quyết định trở thành kiến trúc sư?”

“Tôi không biết. Nhưng đó là vì tôi chưa từng tin vào Chúa.”

“Nào, đừng nói vớ vẩn nữa!”

“Vì tôi yêu quý mặt đất này. Đấy là tất cả những gì tôi yêu quý. Tôi không thích hình dạng của những thứ trên trái đất này. Tôi muốn thay đổi chúng.”

“Cho ai?”

“Cho bản thân tôi.”

“Cậu bao nhiêu tuổi rồi?”

“22.”

“Cậu nghe được những thứ này từ bao giờ?”

“Tôi không nghe”

“Người ta không nói như vậy khi 22 tuổi. Cậu không bình thường.”

“Có lẽ vậy.”

“Tôi không có ý khen!”

“Tôi cũng thế.”

“Có gia đình không?”

“Không.”

“Làm việc để trả tiền học?”

“Vâng.”

“Việc gì?”

“Xây dựng.”

“Cậu còn lại bao nhiêu tiền?”

“70 đô la và 30 cent.”

“Cậu đến New York khi nào?”

“Hôm qua.”

Cameron nhìn tập hồ sơ bìa trắng dưới nắm tay mình.

“Quỷ tha ma bắt cậu đi,” Cameron nhẹ nhàng nói.

“Quỷ tha ma bắt cậu đi!” Cameron chợt gầm lên và chồm người về phía trước. “Tôi không yêu cầu cậu đến đây! Tôi không cần người vẽ thiết kế!

Chẳng có gì ở đây để thiết kế cả! Tôi không có đủ việc làm để cứu bản thân tôi và nhân viên của tôi khỏi trại tế bần[27]! Tôi không muốn có bất cứ thằng ngốc có tài nào bị chết đói ở chỗ này! Tôi không muốn chịu trách nhiệm. Tôi không yêu cầu trách nhiệm. Tôi không bao giờ nghĩ là phải gặp lại nó. Tôi đã chán ngấy trách nhiệm rồi. Tôi chán ngấy nó từ cách đây lâu rồi. Tôi hoàn toàn hài lòng với bọn ngốc thò lò mũi xanh mà tôi đang có ở đây; bọn chúng chưa từng có cái gì và sẽ chẳng có cái gì và chúng trở thành cái quái gì thì cũng thế cả. Tôi chỉ muốn có thế thôi. Tại sao cậu lại phải đến đây? Cậu đang chuẩn bị phá hỏng chính bản thân cậu; cậu biết thế, đúng không? Và tôi sẽ giúp cậu làm việc này. Tôi không muốn nhìn thấy cậu. Tôi không thích cậu. Tôi không thích cái mặt của cậu. Cậu là một kẻ sùng bái bản thân mình; cậu không thể bị tổn thương. Cậu thật láo toét. Cậu quá tự tin. Cách đây hai mươi năm, tôi sẽ sung sướng được đấm vào mặt cậu. Cậu sẽ đến đây làm việc vào ngày mai, đúng chín giờ sáng."

"Vâng," Roark trả lời và đứng lên.

"15 đô la một tuần. Đấy là tất cả những gì tôi có thể trả cậu."

"Vâng."

"Cậu đúng là đồ ngốc. Đáng lẽ cậu nên đi làm cho người khác. Tôi sẽ giết cậu nếu cậu làm việc cho ai khác. Tên cậu là gì?"

"Howard Roark."

"Nếu cậu đến muộn, tôi sẽ đuổi cậu."

"Vâng."

Roark vươn tay lấy các bản vẽ.

"Để chúng ở đây!" Cameron gầm lên. "Giờ thì cút ngay!"

IV.

"Toohey," Guy Francon nói, "Ellsworth Toohey. Ông ta tử tế đấy chứ, anh có nghĩ vậy không? Đọc đi này, Peter."

Francon vươn người một cách vui vẻ qua bàn làm việc và đưa cho Keating số tháng Tám của tờ *Những mặt trận mới*. Tờ tạp chí có trang bìa màu trắng với một biểu trưng màu đen có hình kết giữa một bảng màu, một chiếc đàn lia, một cái búa, tuốc-nơ-vít và mặt trời mọc; nó tiêu thụ 30.000 ấn bản mỗi số và những người cổ súy cho nó mô tả nó như là người tiên phong tri thức của đất nước – chưa có ai đứng ra để phản bác lại điều này. Keating bắt đầu đọc từ một bài viết có tiêu đề *Cẩm thạch và Vữa*, của Ellsworth M. Toohey:

"... Và bây giờ chúng ta đề cập đến một thành tựu đáng chú ý khác trong các công trình kiến trúc cao tầng ở đô thị. Chúng tôi muốn các bạn chú ý đến sự tinh tế của tòa nhà mới xây có tên Melton do hãng Francon & Heyer thiết kế. Tòa nhà đứng với một sự tao nhã trong sáng, như một chứng nhân hùng hồn cho thắng lợi của sự thuần khiết Cổ điển và tính hợp lý[28]. Sự tuân thủ truyền thống cổ điển bất tử đã trở thành một nhân tố hữu cơ trong việc kiến tạo một công trình mà vẻ đẹp của nó có thể đơn giản và dễ dàng đi vào trái tim của mọi người trên phố. Ở đây không hề có chủ nghĩa khoa trương đồng bóng, không hề có sự tranh đấu sai lầm cho cái mới lạ, không có sự điên cuồng thể hiện chủ nghĩa cá nhân. Guy Francon, người thiết kế nó, đã biết tuân thủ những tiêu chuẩn bắt buộc mà các thế hệ nghệ nhân sau ông đã chứng minh là không thể bị xâm phạm và đồng thời biết cách thể hiện tính nguyên gốc sáng tạo của bản thân, không phải mặc dù, mà chính xác là vì tín điều Cổ điển mà ông đã chấp nhận với sự khiêm tốn của một nghệ sĩ thực thụ. Nhân tiện, cũng cần phải nói rằng việc tuân thủ tín điều là cái duy nhất tạo nên sự sáng tạo thực thụ...

"Tuy nhiên, điều quan trọng hơn là ý nghĩa biểu tượng của một tòa nhà như tòa nhà này đối với thành phố tráng lệ của chúng ta. Khi một người đứng trước mặt tiền phía nam của tòa nhà, anh ta có thể bất ngờ khi nhận ra rằng các đường gân nổi được lặp lại giống hệt nhau từ tầng ba đến tầng mười tám là có chủ ý; những đường dài, thẳng và nằm ngang này thể hiện nguyên lý tiết chế và cân bằng – những đường thẳng thể hiện sự bình đẳng. Chúng dường như hạ thấp cấu trúc tháp xuống cho ngang tầm với chiều cao khiêm tốn của người quan sát. Chúng là những đường thẳng của trái đất, của con người và của những khối đại đồng. Chúng như nói với chúng ta rằng không gì có thể mọc quá cao so với khuôn khổ chung của cộng đồng người, rằng

mọi thứ sẽ được kìm giữ và kiểm tra bởi những gờ nổi của tình bằng hữu giữa người với người...”

Còn nhiều nữa. Keating đọc trọn vẹn bài viết rồi ngẩng đầu lên. “Lạy Chúa!” anh nói đầy kính sợ.

Francon mỉm cười một cách hạnh phúc.

“Hay đấy chứ, phải không? Mà lại là *Toohey* viết, chứ không phải ai khác. Không nhiều người biết đến cái tên này, nhưng rồi họ sẽ biết, hãy nhớ lấy lời tôi, họ sẽ biết đến cái tên này. Tôi biết những dấu hiệu... Vậy là ông ta không nghĩ rằng tôi quá tồi, đúng không? Và ông ta có cái lưỡi sắc như dao vậy – khi ông ta muốn dùng nó. Anh cứ đọc những gì ông ta nói về những người khác mà xem – ông ta nói khá thường xuyên. Anh có biết về cái bẫy chuột mới nhất của Durkin không? Thế này, tôi đã dự một bữa tiệc và nghe thấy Toohey nói...” Francon cười khoái chí – “ông ta nói: ‘Nếu ông Durkin có ảo tưởng rằng ông ta là một kiến trúc sư, thì ai đó nên giới thiệu cho ông ta một cơ hội to lớn mà việc thiếu thợ ống nước lành nghề mang lại.’ Tưởng tượng xem, ông ta nói thế đấy, ngay chỗ đông người!”

“Tôi băn khoăn,” Keating nói đầy vẻ đăm chiêu, “không biết ông ta sẽ nói gì về tôi khi đến lúc đấy.”

“Ông ta định ám chỉ cái gì ở đoạn ý nghĩa biểu tượng và đường gân nổi của tình bằng hữu giữa người với người nhỉ?... Ôi, nếu ông ta ca ngợi chúng ta về điều đó thì chúng ta nên thận trọng!”

“Ngài Francon, công việc của các nhà phê bình là diễn giải ý tưởng của các nghệ sĩ, thậm chí diễn giải cho chính người nghệ sĩ. Ông Toohey chỉ phát biểu ra những ý nghĩa ẩn giấu trong tiềm thức của chính ngài.”

“Ồ,” Francon nói một cách mơ hồ. “Ồ, anh nghĩ vậy sao?” ông nói tiếp với vẻ hồ hởi “Hoàn toàn có thể... Đúng vậy, hoàn toàn có thể... Anh là một chàng trai thông minh, Peter.”

“Cảm ơn ngài, ngài Francon.” Keating dợm đứng lên.

“Hượm đã. Đừng đi vội. Hút thêm một điếu thuốc rồi chúng ta sẽ cùng quay trở lại với công việc lao tâm khổ tứ của chúng ta.”

Francon đang mỉm cười về bài báo và đọc lại nó. Keating chưa từng thấy ông hài lòng đến vậy; không có bản vẽ nào trong văn phòng và không có thành tựu nào làm cho ông hài lòng bằng những từ ngữ của một người khác, được in trên một trang giấy cho những người khác nữa đọc.

Keating ngồi một cách thoải mái trong chiếc ghế êm ái. Tháng làm việc đầu tiên của anh tại hãng đã rất suôn sẻ. Anh không nói gì và cũng chẳng làm gì; nhưng cả phòng thiết kế có ấn tượng rằng Guy Francon đặc biệt thích

người ta để chàng trai này mang các bản vẽ đến gặp ông ta bất cứ khi nào văn phòng có bản vẽ cần duyệt. Hầu như không có ngày nào trôi qua mà không có những phút giải lao thú vị khi anh ngồi đối diện với Guy Francon qua bàn làm việc, trong sự thân mật đầy tôn trọng và ngày càng gia tăng, để lắng nghe những tâm sự của Francon về sự cần thiết phải có những người xung quanh hiểu mình.

Qua những đồng nghiệp, Keating đã biết hết tất cả những thứ mà anh phải biết về Guy Francon. Anh biết được rằng Guy Francon ăn không nhiều và rất sành – và rất tự hào về khiếu sành ăn của mình; rằng ông đã tốt nghiệp loại ưu tại Trường Mỹ thuật Paris; rằng ông đã cưới được một đống tiền và rằng cuộc hôn nhân không được hạnh phúc; rằng ông rất kỹ tính trong việc phối màu giữa bít tất với khăn tay, nhưng không bao giờ với cái cà-vạt; rằng ông rất ưa thích thiết kế các tòa nhà bằng đá granit xám; rằng ông sở hữu một mỏ đá granit rất phát đạt ở Connecticut; rằng ông duy trì một căn hộ độc thân màu mận chín, được xây theo kiểu Louis XV; rằng người vợ của ông – vốn thuộc một dòng họ lâu đời rất nổi tiếng – đã chết và để lại gia sản của mình cho cô con gái duy nhất của họ; rằng hiện cô gái đã mười chín tuổi và đang đi học đại học.

Những thông tin sau cùng này làm Keating rất quan tâm. Anh từng giả bộ tình cờ đề cập với Francon về con gái của ông. "À, ừ..." Francon đã ậm ừ "Đúng vậy, đúng thế đấy..." Keating từ bỏ ý định tìm hiểu sâu thêm về vấn đề này vào thời điểm hiện tại; bộ mặt của Francon tuyên bố với anh rằng những ý nghĩ về con gái ông làm ông hết sức khó chịu, nhưng vì lý do gì thì Keating không thể khám phá ra.

Keating đã gặp Lucius N. Heyer, đối tác của Francon. Anh thấy ông đến văn phòng hai lần trong vòng ba tuần, nhưng không thể hiểu được Heyer mang lại lợi ích gì cho hãng. Heyer không mắc chứng máu không đông, nhưng trông như thể ông bị bệnh này. Ông ta là một nhà quý tộc tiều tụy với cái cổ dài gầy nhẳng, đôi mắt lồi và lối cư xử ngọt ngào, nhút nhát với tất cả mọi người. Ông là hậu duệ của một gia đình lâu đời và người ta ngờ rằng Francon chọn ông làm đối tác chỉ vì các mối quan hệ xã hội của ông. Mọi người thấy thương cảm cho Lucius tội nghiệp. Họ ngưỡng mộ ông vì những nỗ lực theo đuổi nghề nghiệp và cho rằng để ông ta xây nhà là một nghĩa cử tốt đẹp. Thường thì Francon sẽ xây những ngôi nhà đó và không đòi hỏi Lucius làm thêm bất kỳ việc gì khác. Điều này làm tất cả mọi người hài lòng.

Những người trong phòng thiết kế đều thích Peter Keating. Anh làm cho họ cảm thấy như thể anh đã ở đó một thời gian dài; anh luôn biết cách làm thế nào để trở thành một phần của bất kỳ nơi nào mà anh bước vào; anh mềm mỏng và sáng láng, cứ như một miếng mút dễ tính và có nhu cầu hút đầy

không khí của nơi anh đến. Nụ cười ấm áp của anh, giọng nói vui vẻ của anh ta và cái nhún vai nhẹ nhàng của anh như nói rằng mọi thứ với anh đều nhẹ nhàng và vì thế anh không phải là người để đổ lỗi, để đòi hỏi và để buộc tội cho bất kỳ cái gì.

Giờ đây khi Keating ngồi nhìn Francon đọc bài báo, Francon ngẩng đầu liếc nhìn anh. Ông thấy hai con mắt đang nhìn mình với sự ngưỡng mộ sâu sắc – và hai khóe miệng nhếch lên coi thường – cái khóe miệng ấy giống như khúc dạo đầu của một tiếng cười và chúng thoáng hiện ra ngay trước khi người ta nghe thấy tiếng cười. Francon cảm thấy vô cùng thoải mái. Sự thoải mái bắt nguồn từ cái dấu hiệu của sự coi thường kia. Sự ngưỡng mộ, cùng với nụ cười nửa miệng khôn ngoan, đồng nghĩa với một sự phục tùng mà ông không mất công chinh phục. Nếu đấy là một sự ngưỡng mộ mù quáng, nó chỉ có tính tạm thời; nếu là một sự ngưỡng mộ chính đáng, nó sẽ trở thành một gánh nặng trách nhiệm; còn ở đây, ông có một sự ngưỡng mộ đi kèm với coi thường – đấy là một thứ vô giá.

"Khi nào cậu đi, Peter, hãy đưa cái này cho cô Jeffers để đưa vào tập hồ sơ của tôi nhé."

Trên đường xuống cầu thang, Keating tung quyển tạp chí lên không trung và bắt nó một cách thành thạo. Môi anh chúm lại để huýt sáo không thành tiếng.

Trong phòng thiết kế, anh thấy Tim Davis, người bạn thân nhất của mình, đang rũ người thất vọng trên một bản vẽ. Tim Davis là chàng trai cao, tóc vàng ở bàn bên cạnh, người mà Keating đã chú ý từ rất lâu, vì dù không có bằng chứng hiển nhiên nhưng Keating biết chắc rằng đây là nhân viên thiết kế được yêu thích của văn phòng (Keating luôn biết rõ những chuyện như vậy). Anh xoay sở để càng ngày càng thường xuyên được tham gia vào các dự án có Davis. Chẳng bao lâu sau, họ đã cùng nhau đi ăn trưa và lặng lẽ tán chuyện đôi chút sau giờ làm việc. Keating thường nín thở lắng nghe câu chuyện của Davis về tình yêu của anh ta với một cô Elaine Duffy nào đó, mặc dù những câu chuyện này, ngay sau đó, Keating chẳng nhớ một từ nào.

Giờ thì Davis đang mang một khuôn mặt ủ dột. Miệng anh ta đang cùng lúc nhai ngấu nghiến cả thuốc lá lẫn bút chì. Keating không cần hỏi. Anh chỉ nhòm một cách thân thiện qua vai Davis. Davis nhổ thuốc khỏi miệng và bùng nổ. Anh ta vừa mới được thông báo là phải làm việc suốt đêm – lần thứ ba trong tuần này.

"Phải làm muộn – Có Chúa mới biết muộn đến lúc nào! Phải làm xong cái thứ chó chết này vào đêm nay!" Anh ta ném phịch những tấm giấy xuống trước mặt. "Cậu nhìn xem! Sẽ phải mất rất nhiều thời gian mới làm xong

được. Làm thế nào bây giờ?"

"Thì anh là người giỏi nhất ở đây mà Tim. Mọi người cần anh."

"Tôi cóc cần biết! Tôi có hẹn với Elaine tối nay! Làm sao mà tôi có thể hủy được? Lần thứ ba rồi! Cô ấy sẽ không tin! Cô ấy đã nói thế lần trước! Lần trước là lần chót. Tôi sẽ lên gặp Đức Ngài Guy Vĩ đại và nói cho ông ta biết ông ta đi mà lo các bản vẽ và công việc của ông ta! Tôi chán ngấy chuyện này rồi."

"Khoan đã nào." Keating nói và ghé sát vào anh chàng. "Từ từ đã! Còn một cách khác nữa. Tôi sẽ hoàn thành chúng cho anh."

"Hả?"

"Tôi sẽ ở lại. Tôi sẽ làm. Đừng lo. Sẽ không ai nhận ra sự khác biệt đâu."

"Peter! Thật chứ?"

"Tất nhiên rồi. Tôi chẳng có việc gì tối nay. Anh chỉ cần ở lại cho đến khi tất cả mọi người về thôi, sau đó thì chuồn."

"Ôi, Chúa ơi, Peter!" Davis thở ra và cảm thấy bị cám dỗ "Nhưng mà, nếu họ phát hiện ra thì họ sẽ đuổi việc tôi. Những việc này còn mới đối với cậu."

"Họ sẽ không phát hiện ra đâu."

"Tôi không thể mất việc được, Peter. Cậu biết là tôi không thể. Elaine và tôi sắp cưới. Nếu có chuyện gì xảy ra thì..."

"Sẽ không xảy ra chuyện gì."

Ngay sau sáu giờ tối, Davis lén lút rời khỏi phòng thiết kế trống không, để lại Keating ở bàn vẽ của mình.

Cúi xuống dưới cái đèn màu xanh lá cây duy nhất, Keating nhìn lướt qua khoảng không của ba gian phòng dài, tĩnh lặng một cách kỳ lạ sau một giờ làm việc. Anh cảm thấy mình sở hữu chúng; anh sẽ sở hữu chúng, chắc chắn như cái bút chì đang di chuyển trong bàn tay mình.

Anh hoàn thành các bản vẽ lúc 9 giờ 30, xếp gọn chúng trên bàn của Davis và rời khỏi văn phòng. Anh đi bộ xuống phố với cảm giác thoải mái, mãn nguyện như vừa được ăn một bữa ăn ngon. Nhưng rồi anh chợt nhận ra sự cô đơn của mình. Anh phải chia sẻ điều này với một ai đó vào đêm nay. Anh chẳng có ai cả. Lần đầu tiên anh ước có mẹ mình ở New York. Nhưng bà vẫn ở Stanton, chờ đợi ngày mà anh có thể về rước bà lên ở cùng. Anh chẳng có nơi nào để đi tối nay, ngoại trừ ngôi nhà trọ nhỏ bé, khắc khổ ở phố 28 Tây nơi mà anh phải leo lên ba tầng lầu để đến căn phòng nhỏ, sạch sẽ và

thiếu không khí của mình. Anh đã gặp gỡ người này người khác ở New York – thậm chí nhiều người, nhiều cô gái – anh nhớ đã có một trong số những cô gái đó mặc dù anh không thể nhớ nổi họ của cô ta; nhưng anh không muốn gặp bất kỳ ai trong số họ cả. Và rồi anh nghĩ đến Catherine Halsey.

Anh đã gửi cho cô một bức điện vào cái đêm anh tốt nghiệp đại học và đã quên cô kể từ khi đó. Giờ đây anh lại muốn gặp cô – cái ước muốn này trở nên sâu sắc và cấp bách ngay khi tên cô vang lên trong trí nhớ của anh. Anh nhảy lên một cái xe buýt để đi một đoạn dài đến Greenwich Village[29]. Anh trèo lên nóc cái xe không một bóng người[30], ngồi ngay cái ghế phía đầu xe và chửi thề mỗi khi đèn giao thông chuyển sang màu đỏ. Điều này luôn xảy ra khi anh nghĩ đến Catherine và anh lờ mờ băn khoăn không biết mình bị làm sao.

Anh đã gặp cô cách đây một năm ở Boston, nơi cô sống với bà mẹ góa của mình. Ở lần gặp gỡ đầu tiên đó, anh thấy Catherine là người chất phác và tẻ nhạt, cô chẳng có điểm gì đặc biệt ngoại trừ nụ cười đáng yêu – lẽ ra chẳng đủ là lý do để anh muốn gặp lại cô. Thế mà anh đã gọi điện cho cô vào tối hôm sau. Trong vô vàn những cô gái mà anh biết trong quãng đời sinh viên của mình, cô là người duy nhất mà anh chẳng tiến xa hơn ngoài một vài nụ hôn. Anh có thể có bất kỳ cô gái nào mà anh gặp và anh biết điều đó; anh biết rằng anh có thể có Catherine; anh muốn cô; cô yêu anh và chấp nhận điều đó một cách đơn giản, cởi mở, không sợ hãi hay xấu hổ, chẳng đòi hỏi gì ở anh, chẳng mong chờ gì ở anh; nhưng chẳng hiểu tại sao anh chưa từng lợi dụng điều này. Anh đã tự hào về những cô gái mà anh tháp tùng vào thời gian đó, những cô gái đẹp nhất, nổi tiếng nhất, ăn mặc đỏm dáng nhất và anh từng thích thú với sự ghen tỵ của các bạn cùng trường. Anh từng xấu hổ về sự luộm thuộm vô tâm của Catherine cũng như về một thực tế là chẳng có chàng trai nào buồn nhìn đến cô đến lần thứ hai. Nhưng anh chưa bao giờ hạnh phúc như khi anh đưa cô đến các buổi khiêu vũ của hội sinh viên. Anh có nhiều cuộc tình cuồng nhiệt, khi mà anh thề thốt rằng anh không thể sống thiếu cô gái này hay cô gái khác; những lúc như vậy, anh quên bẵng Catherine trong nhiều tuần liền; vậy mà cô không bao giờ nhắc anh. Anh luôn quay trở lại với cô, đột ngột và khó hiểu, như là đêm nay.

Mẹ cô, một giáo viên phổ thông nhỏ nhắn và hiền lành, đã qua đời vào mùa đông năm ngoái. Catherine đã đến sống với ông chú ở New York. Một số thư của Catherine được Keating trả lời lập tức; một số khác phải hàng tháng sau. Cô thì luôn luôn trả lời thư của anh ngay lập tức và không bao giờ viết thư trong những khoảng thời gian mà anh im lặng. Cô chỉ kiên nhẫn chờ đợi. Khi Keating nghĩ về cô, anh từng cảm thấy chẳng có gì có thể thay thế được cô. Sau đó, khi ở New York, mặc dù có thể dễ dàng bắt xe buýt hoặc

gọi điện thoại, nhưng anh lại quên cô suốt cả tháng.

Anh chưa bao giờ nghĩ – khi anh đang vội vàng tìm đến cô như bây giờ – rằng đáng lẽ anh nên báo trước về cuộc viếng thăm của mình. Anh chưa từng băn khoăn xem liệu anh có gặp cô ở nhà hay không. Anh luôn quay lại tìm cô kiểu như thế này và cô luôn ở đó. Đêm nay cũng vậy.

Cô mở cửa căn hộ tầng trên cùng của ngôi nhà tồi tàn, giả đá nâu. "Chào anh, Peter," cô nói như thể cô vừa gặp anh ngày hôm qua.

Cô đứng trước mặt anh, quá nhỏ bé, quá gầy gò trong bộ quần áo của mình. Chiếc váy ngắn màu đen bay lật phật quanh vòng eo thon nhỏ; cổ áo sơ mi kiểu nam giới trễ nải, bị kéo lệch một bên làm lộ ra cái xương ức mỏng; cổ tay áo quá dài che lấp đôi bàn tay mảnh mai. Cô nghiêng đầu nhìn anh; mái tóc màu hạt dẻ lòa xòa đằng sau gáy, nhưng trông nó như thể được cắt ngắn ngang vai, suôn thẳng, nhẹ nhàng và bồng lên như một vầng hào quang bao quanh khuôn mặt cô. Đôi mắt cô màu xám, to và cận thị; miệng cô nở một nụ cười chậm rãi, tinh tế, và sung sướng; đôi môi rạng rỡ.

"Chào em, Katie," anh nói.

Anh cảm thấy yên ổn. Anh thấy mình chẳng có gì phải sợ hãi – trong căn nhà này hay bất kỳ nơi nào khác bên ngoài kia. Anh đã chuẩn bị để giải thích rằng mình bận rộn đến mức nào ở New York; nhưng dường như mọi sự giải thích giờ đều trở nên không quan trọng.

"Đưa mũ cho em," cô nói, "anh cẩn thận cái ghế đó nhé, nó không chắc chắn lắm đâu, chúng ta có những cái tốt hơn ở phòng khách, anh vào đi."

Phòng khách – anh nhận thấy – thật khiêm nhường nhưng không hiểu sao lại sang trọng và có thẩm mỹ một cách đáng kinh ngạc. Anh để ý những quyển sách; những giá sách rẻ tiền cao đến tận trần phòng, đựng đầy những tập sách quý; những tập sách không được sắp xếp cẩn thận, có vẻ là đang được đọc. Anh thấy trên một cái bàn ngăn nắp, tồi tàn, một bản khắc của Rembrandt[31] đã ngả màu vàng, có lẽ là được tìm thấy ở một cửa hàng đồ cũ nào đó bởi đôi mắt của một người am hiểu nghệ thuật – người này chắc chắn là chưa từng có ý định chia tay với bản khắc này mặc dù giá cả của nó hiển nhiên là sẽ đỡ đần cho cuộc sống của người đó rất nhiều. Anh băn khoăn không biết chú cô làm việc trong lĩnh vực nào; nhưng anh chẳng bao giờ hỏi.

Anh đứng lơ đãng nhìn căn phòng. Anh cảm thấy sự hiện diện của cô sau lưng mình và tận hưởng cảm giác yên ổn mà hiếm khi anh có. Sau đó anh quay lại và nắm lấy cánh tay cô rồi hôn cô. Đôi môi cô chạm vào môi anh khẽ khàng và chờ đợi; cô không hề có vẻ sợ sệt hoặc phấn khích; cô quá

hạnh phúc để có thể chấp nhận nụ hôn theo bất kỳ cách nào ngoài việc coi nó như một điều hiển nhiên.

"Chúa ơi, anh nhớ em quá!" anh thốt lên và lập tức hiểu rằng anh quả thực đã rất nhớ cô, nhớ hàng ngày kể từ lần cuối cùng anh gặp cô; mà hơn thế, có lẽ anh đã nhớ cô vào chính những lúc mà anh không hề nghĩ đến cô.

"Anh chẳng thay đổi gì nhiều," cô nói. "Trông anh gầy đi một chút. Như thế hợp hơn đấy. Anh sẽ rất hấp dẫn khi anh 50 tuổi, Peter ạ."

"Nghe không giống một lời khen nhỉ – nếu mà anh suy diễn."

"Sao ạ? Ồ, anh cho là em nghĩ bây giờ anh không hấp dẫn phải không? Ồ, không, anh rất hấp dẫn."

"Em không nên nói thẳng như thế với anh."

"Tại sao không? Anh biết anh hấp dẫn. Nhưng em đang tưởng tượng trông anh sẽ thế nào khi 50 tuổi. Tóc mai của anh sẽ bạc, và anh sẽ mặc một bộ comple xám – tuần trước em nhìn thấy một bộ như thế trong một cửa hàng và em nghĩ bộ đó sẽ rất hợp – và anh sẽ là một kiến trúc sư vô cùng vĩ đại."

"Em thực sự nghĩ vậy sao?"

"Vâng." Cô không tâng bốc anh. Dường như cô không nhận ra rằng những lời như vậy có thể mang hàm ý tâng bốc. Cô chỉ tuyên bố một thực tế chắc chắn đến nỗi không cần phải nhấn mạnh nữa.

Anh chờ đợi những câu hỏi mà anh tin chắc là sẽ đến. Nhưng thay vào đó, họ bất chợt nói chuyện về những ngày bên nhau ở Stanton, và anh cười vang, vòng tay qua đầu gối để ôm cô. Bờ vai gầy của cô dựa hẳn vào vòng tay của anh; đôi mắt cô dịu dàng và mãn nguyện. Anh nói về những bộ đồ bơi cũ của họ, về những vệt chỉ bung ra trên tất của cô, về cửa hàng kem yêu thích của họ ở Stanton, nơi họ đã có nhiều buổi tối mùa hè bên nhau – rồi anh nghĩ một cách mơ hồ rằng chuyện này thật buồn cười; anh có nhiều thứ thích đáng hơn để nói và hỏi cô; chẳng ai lại đi nói chuyện kiểu này khi đã hàng tháng trời không gặp nhau. Nhưng dường như với cô, chuyện này là bình thường; cô dường như chẳng biết đến khoảng thời gian họ xa nhau.

Cuối cùng anh là người hỏi trước:

"Em có nhận được điện của anh không?"

"À, em có. Cảm ơn anh."

"Thế em không muốn biết là anh sống như thế nào ở thành phố này à?"

"Tất nhiên rồi. Anh sống như thế nào ở thành phố này?"

“Xem này, em không thực sự quan tâm đến chuyện này.”

“Ồ, nhưng em quan tâm mà! Em muốn biết mọi thứ về anh.”

“Thế tại sao em không hỏi?”

“Anh sẽ kể cho em khi anh muốn.”

“Những chuyện này chẳng quan trọng gì với em, đúng không?”

“Cái gì cơ?”

“Chuyện anh làm gì ấy mà.”

“Ồ... có chứ, Peter. À, không, không nhiều lắm.”

“Em thật là dễ thương quá nhỉ!”

“Nhưng mà, anh thấy đấy, thực sự là việc anh làm gì đâu có quan trọng. Chỉ có anh thôi.”

“Anh cái gì cơ?”

“Anh – ở đây. Hay anh – ở trong thành phố. Hay là anh ở nơi nào đó trên thế giới. Em không biết nữa. Chỉ vậy thôi.”

“Em biết không, em thật ngốc nghếch, Katie ạ. Em vụng quá.”

“Em vụng?”

“Ừ, vụng lắm. Em không thể nói với một người đàn ông một cách không ngượng ngùng rằng em thật sự điên lên vì anh ta như vậy.”

“Nhưng đúng vậy mà.”

“Nhưng em không thể nói như vậy được. Đàn ông sẽ không còn để ý đến em đâu.”

“Nhưng em không muốn đàn ông để ý đến em.”

“Em muốn anh để ý đến em, có phải không?”

“Nhưng anh để ý đến em mà, đúng không?”

“Anh để ý,” anh nói và ghì chặt cô trong đôi tay mình. “Quỷ tha ma bắt. Anh còn ngốc hơn cả em.”

“Ồ, thế là mọi chuyện hoàn toàn ổn” cô nói và lùa các ngón tay vào mái tóc anh, “phải không anh?”

“Mọi việc luôn luôn ổn – thế mới buồn cười... Nhưng mà này, anh muốn kể cho em về những chuyện đã xảy ra với anh vì chúng rất quan trọng...”

“Em rất muốn nghe.”

“Em biết đấy, anh đang làm việc cho hãng Francon & Heyer và... Ồ, khỉ

thật, có khi em cũng chẳng biết thế nghĩa là thế nào!"

"Có chứ. Em tra trong quyển *Ai là Ai trong ngành Kiến trúc*. Có vài lời rất tốt về hãng này. Và em đã hỏi chú em. Chú ấy nói họ là những đỉnh cao trong ngành."

"Đúng thế đấy. Francon – ông ấy là nhà thiết kế vĩ đại nhất ở New York, ở cả nước Mỹ và có thể trên toàn thế giới. Ông ấy đã xây mười bảy tòa nhà chọc trời, tám nhà thờ lớn, sáu nhà ga tàu hỏa và có Chúa mới biết còn có những cái gì khác nữa... Tất nhiên, em biết đấy, ông ấy là một gã ngốc già nua và là một tên lừa đảo trơ tráo, lúc nào cũng thích chõ mũi vào mọi thứ..."

Anh dừng lại, miệng há hốc và nhìn cô chằm chằm. Anh đã không định nói như vậy. Anh chưa từng cho phép bản thân nghĩ như vậy.

Cô đang nhìn anh với ánh mắt trong sáng.

"Vâng?" cô hỏi. "Rồi sao ạ...?"

"À... thì..." – anh lắp bắp và anh biết rằng anh không thể nói lái đi được, không phải với cô – "thì đấy, anh thực sự nghĩ về ông ta như thế. Anh không tôn trọng ông ta một chút nào cả. Nhưng anh lại sung sướng được làm việc cho ông ta. Em thấy không?"

"Em có" cô nói khẽ "Anh đầy tham vọng mà, Peter."

"Em không khinh bỉ anh vì chuyện đó chứ?"

"Không. Anh muốn như thế mà."

"Chắc chắn rồi, anh muốn thế. Mà, thực ra thì nó cũng không tệ đến thế đâu. Đấy là một hãng khổng lồ – hãng tốt nhất trong thành phố. Anh đang làm việc tốt và Francon rất hài lòng về anh. Sự nghiệp của anh đang tiến triển thuận lợi. Anh nghĩ là sau này, anh sẽ có thể có bất cứ vị trí nào anh muốn ở đó... Nhưng mà, tối nay, anh đã cướp việc của một người khác; anh ta không hề biết là rồi anh ta sẽ sớm trở nên vô dụng, vì... Ôi Katie! Anh đang nói cái gì thế này?"

"Không sao đâu, anh yêu. Em hiểu mà."

"Nếu em hiểu, thì em đã chửi anh bằng những lời lẽ mà anh xứng đáng được nhận; và em sẽ ngăn anh lại."

"Không, Peter à. Em không muốn thay đổi anh. Em yêu anh, Peter."

"Cầu Chúa phù hộ cho em!"

"Em biết điều đó."

"Em biết *điều đó*? Và em nói về điều đó như *thế này* á? Chỉ như là em nói, 'Xin chào, thật là một buổi tối đẹp tuyệt' sao?"

“Ồ, tại sao không? Tại sao lại phải lo lắng về điều đó chứ? Em yêu anh.”

“Phải, đừng lo lắng về chuyện đó! Đừng bao giờ lo lắng về chuyện đó!... Katie... Anh sẽ không bao giờ yêu bất kỳ ai khác nữa đâu...”

“Em cũng biết thế.”

Anh ôm cô chặt hơn, bồn chồn, lo sợ rằng cơ thể nhỏ bé đến không trọng lượng của cô sẽ biến mất. Anh không biết tại sao sự hiện diện của cô lại làm cho anh thú nhận những điều mà anh không thú nhận cả với chính mình. Anh không biết tại sao cái thắng lợi mà anh định mang đến đây để khoe khoang lại hoàn toàn tan biến. Nhưng điều đó chẳng sao cả. Anh có cảm giác kỳ lạ về sự tự do (sự hiện diện của cô luôn xóa bỏ cho anh một áp lực mà anh không thể định nghĩa nổi): anh một mình – anh là chính mình. Giờ đây điều duy nhất có ý nghĩa đối với anh là cảm giác về cái váy sợi bông thô ráp của cô đang cọ cọ vào cổ tay anh.

Sau đó anh hỏi cô về cuộc sống của cô ở New York và cô vui vẻ kể về người chú của cô.

“Chú ấy thật tuyệt vời, Peter à. Chú ấy thật sự tuyệt vời. Chú ấy rất nghèo, nhưng chú ấy đã nhận nuôi em và chú ấy tốt bụng đến nỗi đã nhường phòng đọc sách của chú ấy cho em và giờ thì chú phải làm việc ở đây, trong phòng khách này. Anh phải gặp chú ấy, Peter ạ. Hiện giờ chú ấy đang đi xa, một chuyến giảng bài ở các nơi, nhưng anh phải gặp chú ấy nhé, khi chú ấy quay về.”

“Tất nhiên rồi, anh rất muốn.”

“Anh biết không, em từng muốn đi làm và tự lập nhưng chú ấy không để em làm vậy. ‘Cháu yêu của chú,’ chú ấy nói, ‘không phải ở tuổi mười bảy. Cháu không muốn làm cho chú thấy xấu hổ vì mình đấy chứ? Chú không ủng hộ chuyện trẻ con đi làm’. Thật là một ý nghĩ thú vị, phải không anh? Chú ấy có rất nhiều ý tưởng thú vị – em không hiểu hết chúng, nhưng mọi người nói rằng chú ấy là một người cực giỏi. Chú ấy làm như thể em giúp chú bằng cách để chú trông nom em; em thì nghĩ rằng chú ấy thật tốt khi làm thế.”

“Thế em làm gì suốt cả ngày?”

“Lúc này thì chẳng có gì mấy. Em đọc sách. Về kiến trúc. Chú em có hàng đống sách về kiến trúc. Nhưng khi chú ở đây thì em đánh máy các bài giảng cho chú ấy. Em thực sự không nghĩ rằng chú thích em làm như vậy, chú thích người đánh máy của chú hơn, nhưng em thích làm việc này và chú để em làm. Và chú trả cho em số tiền lương của cô ấy. Em không muốn nhận nhưng chú buộc em phải nhận.”

“Thế chú em làm gì để kiếm sống?”

“Ồ, nhiều việc lắm, em không biết nữa, em không biết hết được. Chú ấy dạy lịch sử nghệ thuật – đấy là một việc; hình như chú là giáo sư.”

“À thế khi nào em sẽ đi học đại học?”

“À,... thật ra thì..., anh biết không, em không nghĩ là chú em sẽ đồng ý chuyện này. Em đã nói với chú rằng em luôn có kế hoạch đi học và em muốn tự lập theo cách của em nhưng hình như chú ấy nghĩ rằng việc đó không phải là dành cho em. Chú chẳng nói gì nhiều, chỉ là: ‘Chúa làm ra con voi để làm việc và con muỗi để bay loăng quăng; người ta không nên làm trái với quy luật tự nhiên; tuy nhiên, nếu cháu muốn thử thì, cháu yêu của chú...’ Nhưng chú ấy không thực sự phản đối, điều đó tùy thuộc vào em, chỉ là...”

“Nào, em đừng để chú ấy ngăn cản em.”

“Ồ, chú ấy không muốn cản em đâu. Chỉ là, em đang nghĩ, em chưa bao giờ đạt kết quả cao khi học trung học và, anh biết đấy, môn toán của em thực sự rất tồi và do đó em băn khoăn... nhưng mà, cũng chẳng cần phải vội, em có rất nhiều thời gian để quyết định chuyện này.”

“Nghe này, Katie, anh không thích như thế đâu. Em luôn có kế hoạch đi học đại học. Nếu ông chú quý hóa của em...”

“Anh không nên nói như vậy. Anh không biết chú ấy. Chú ấy là người đàn ông tuyệt vời nhất đấy. Em chưa từng gặp ai giống như chú ấy. Chú ấy vô cùng tốt bụng, vô cùng thân thiện. Và chú ấy rất hài hước, lúc nào cũng nói đùa, chú ấy rất giỏi chuyện này; những thứ mà anh nghĩ là nghiêm trọng dường như không còn nghiêm trọng khi có chú ấy; trong khi thực ra chú ấy là người rất nghiêm túc. Anh biết đấy, chú dành hàng giờ nói chuyện với em, chú không hề biết mệt mỏi và chú không thấy chán ngán vì sự ngu xuẩn của em, chú kể cho em mọi chuyện về các cuộc đình công và điều kiện sống ở những căn nhà ổ chuột và những người nghèo trong các nhà máy, luôn luôn là về những người khác mà chẳng bao giờ về bản thân chú cả. Một người bạn của chú ấy có nói với em rằng chú ấy có thể là một người rất giàu có nếu chú muốn vì chú rất giỏi, nhưng chú sẽ không làm vậy; chú ấy không quan tâm đến tiền.”

“Chẳng có người nào như vậy.”

“Hãy chờ cho đến khi anh gặp chú ấy. À mà chú ấy cũng muốn gặp anh đấy. Em đã kể về anh cho chú ấy. Chú ấy gọi anh là chàng Romeo thước kẻ[32].

“Thế à, ông ấy nói thế à?”

“Nhưng anh không hiểu rồi. Chú ấy có ý tốt thôi. Chú ấy hay nói kiểu thế về mọi thứ. Chú ấy và anh sẽ có nhiều điểm chung đấy. Có thể chú ấy sẽ giúp được anh. Chú ấy cũng biết đôi chút về kiến trúc. Anh sẽ quý chú Ellsworth.”

“Ai?” Keating hỏi.

“Chú em ấy mà.”

“Em nói lại đi,” Keating hỏi, giọng anh hơi khàn đi – “tên chú em là gì?”

“Ellsworth Toohey. Sao ạ?”

Đôi bàn tay anh rơi thõng xuống. Anh ngồi nhìn cô trân trối.

“Có chuyện gì vậy, Peter?”

Anh nuốt nước bọt. Cô nhìn thấy cổ họng anh giật lên. Rồi anh nói, giọng đanh lại:

“Nghe này, Katie, anh không muốn gặp chú em.”

“Nhưng tại sao?”

“Anh không muốn gặp chú ấy. Không phải là thông qua em... Em biết đấy, Katie, em không biết anh. Anh là loại người chuyên lợi dụng người khác. Anh không muốn lợi dụng em. Không bao giờ. Đừng để anh làm vậy. Không phải với em.”

“Lợi dụng em thế nào? Có chuyện gì vậy? Tại sao?”

“Là thế này: Anh sẽ bán tháo bản thân để được gặp Ellsworth Toohey – thế đấy.” Anh cười cay nghiệt. “Em nói ông ấy biết đôi chút về kiến trúc, phải không? Đồ ngốc! Ông ấy là nhân vật quan trọng nhất trong ngành kiến trúc. Có lẽ giờ thì chưa phải nhưng ông ấy sẽ, chỉ một vài năm nữa – hỏi Francon ấy, con chồn già ấy biết đấy. Ông ấy đang trên đường trở thành Napoleon của tất cả những nhà phê bình kiến trúc, chú Ellsworth của em ấy, đấy rồi em xem. Thứ nhất, không có nhiều người quan tâm đến việc viết về nghề nghiệp của bọn anh, do vậy ông ấy là người thông minh khi đón đầu được thị trường. Em phải xem các sếp trong văn phòng anh ngồi nghiền ngẫm từng dấu phẩy mà ông ấy viết. Em nghĩ ông ấy có thể giúp anh ư? Thực lòng, ông ấy có thể đẻ ra anh và ông ấy sẽ; anh sẽ gặp ông ấy một ngày nào đó khi anh sẵn sàng gặp ông ấy, như là anh đã gặp Francon, nhưng không phải ở đây, không phải là thông qua em. Em hiểu không? Không phải là qua em!”

“Nhưng, Peter, sao lại không?”

“Vì anh không muốn như thế! Vì như thế thật kinh tởm và anh ghét nó,

anh ghét tất – cả công việc của anh, cả cái ngành kiến trúc của anh, cả những gì anh đang làm lẫn những gì anh sẽ làm! Anh muốn em tránh xa chuyện này ra. Em là tất cả những gì mà anh thực sự có. Katie, em phải tránh xa ra!"

"Xa cái gì cơ?"

"Anh không biết!"

Cô nhỏm dậy và đứng trong vòng tay anh, mặt anh khuất ngang hông cô; cô vừa vuốt mái tóc anh vừa cúi xuống nhìn anh.

"Được rồi, Peter. Em nghĩ là em hiểu. Anh không phải gặp chú ấy cho đến khi anh muốn. Chỉ cần nói với em khi nào anh muốn gặp chú ấy thôi. Anh có thể lợi dụng em nếu anh cần phải làm vậy. Không sao đâu. Nó sẽ chẳng làm thay đổi bất kỳ cái gì."

Khi anh ngẩng đầu lên, cô đang cười khẽ

"Anh đã làm việc vất vả quá, Peter à. Anh mệt mỏi rồi. Em pha cho anh một tách trà nhé?"

"Ừ, anh quên mất, tối nay anh đã không ăn tối. Không có thời gian."

"Chà, anh thế đấy, quên cái gì chứ lại quên ăn tối! Thật là tồi tệ kinh khủng! Đi vào bếp ngay, để em xem có thể làm cho anh cái gì ăn được!"

Anh rời khỏi nhà cô hai tiếng sau đó và anh bước đi với cảm giác nhẹ nhõm, sạch sẽ, hạnh phúc, mọi sợ hãi đã bị lãng quên, cả Toohey và Francon cũng bị lãng quên. Anh chỉ nghĩ đến việc anh đã hứa sẽ quay lại vào ngày mai và đó là một khoảng thời gian chờ đợi dài đến mức không chịu nổi. Cô vẫn đứng ở cửa ra vào, sau khi anh đã đi, bàn tay cô đặt trên nắm đấm cửa mà anh đã chạm vào và cô nghĩ rằng anh có thể đến vào ngày mai – hoặc sau ba tháng nữa.

*

* *

"Tối nay, khi cậu xong việc" Henry Cameron nói, "tôi muốn gặp cậu trong văn phòng của tôi."

"Vâng," Roark trả lời.

Cameron quay gót đột ngột và đi ra khỏi phòng thiết kế. Đó là câu nói dài nhất mà ông nói với Roark trong một tháng qua.

Roark đã đến căn phòng này mỗi buổi sáng, làm công việc của mình và không nghe thấy bất kỳ lời bình luận nào. Cameron sẽ bước vào phòng thiết kế và đứng sau lưng Roark, nhìn qua vai anh một lúc lâu. Cứ như thể ông đang chủ ý dùng sức tập trung của đôi mắt để đẩy cái bàn tay đang đều đặn

vẽ ra khỏi mặt giấy. Hai nhân viên thiết kế còn lại hẳn sẽ không thể vẽ, dù họ chỉ cần tưởng tượng Cameron đứng đằng sau họ. Roark thì dường như không hề bận tâm đến chuyện đó. Anh tiếp tục vẽ, bàn tay anh không hề vội vã; anh nhẩn nha vứt cái bút chì đã cùn đi và cầm một cái khác lên. "Ừ, hừm," Cameron sẽ đột ngột gầm gừ. Lúc ấy, Roark sẽ quay đầu lại, chăm chú một cách lịch sự. "Có chuyện gì vậy?" anh sẽ hỏi. Cameron sẽ quay ra mà không nói lời nào, đôi mắt nheo nheo khinh khỉnh của ông thể hiện rằng việc trả lời là không cần thiết; ông cứ thế rời khỏi phòng thiết kế. Roark lại sẽ tiếp tục với bản vẽ của mình.

"Tình hình có vẻ gay đây." Loomis, anh chàng vẽ thiết kế trẻ tuổi thì thầm với Simpson, người đồng nghiệp già của mình. "Bố già không thích anh ta. Cháu không nghĩ lỗi hoàn toàn tại anh ta. Rồi anh ta sẽ không ở đây lâu đâu."

Simpson đã già yếu và vô dụng; ông ta đã sống sót từ thời Cameron có văn phòng chiếm cả ba tầng lầu; ông vẫn trụ lại với Cameron mà không hiểu tại sao. Loomis còn trẻ, với khuôn mặt của một kẻ bán tạp hóa thô kệch; anh ta ở đây vì anh ta đã bị nhiều nơi khác sa thải.

Cả hai đều không thích Roark. Anh thường không được ưa thích, ngay từ cái nhìn đầu tiên, ở bất kỳ nơi nào mà anh đến. Khuôn mặt anh khép kín như cửa ra vào một cái két an toàn; những thứ được khóa trong các két an toàn đều có giá trị; nhưng chẳng ai buồn để ý đến điều này. Anh lạnh lùng, lặng lẽ khi có mặt trong phòng; sự hiện diện của anh có một tính chất kỳ lạ: nó vừa làm cho người ta biết về sự hiện diện ấy, lại vừa làm cho người ta cảm thấy anh không có ở đó; hoặc có lẽ là anh ở đó còn họ thì không.

Sau giờ làm, anh đi bộ một quãng đường dài để về nhà – một chung cư gần sông Đông. Anh đã chọn chung cư đó vì, với 2 đô la và 50 xu, người ta để cho anh sử dụng toàn bộ tầng áp mái – một căn phòng khổng lồ từng được dùng để chứa đồ: nó không có trần và các khe hở giữa các xà nhà tạo thành những chỗ dột trên mái. Nhưng nó có một hàng cửa sổ dài dọc theo hai bên tường, một số ô cửa được lắp kính, một số khác thì được chèn bằng bìa các tông và các cửa sổ nhìn xuống một bên là dòng sông còn bên kia là thành phố.

Cách đây một tuần Cameron đã vào phòng thiết kế và ném lên bàn của Roark một bản phác thảo thô về một biệt thự ở nông thôn. "Xem cậu có thể làm được một ngôi nhà từ cái này không!" ông nói giật giọng rồi biến mất mà không giải thích gì thêm. Ông đã không đến gần bàn vẽ của Roark trong những ngày tiếp theo. Tối qua, Roark đã hoàn thành các bản vẽ và để chúng trên bàn của Cameron. Sáng hôm nay, Cameron đi vào, ném cho Roark một số phác thảo các kết cấu cốt thép, ra lệnh cho anh có mặt ở văn phòng của

ông sau giờ làm việc. Ông không bước vào phòng thiết kế từ lúc đó cho đến hết ngày.

Những người khác đã về hết. Roark cầm lên một tấm vải dầu cũ phủ lên bàn làm việc của mình và đi vào phòng của Cameron. Các bản vẽ biệt thự nông thôn của anh được trải rộng trên bàn làm việc. Ánh sáng của ngọn đèn chiếu lên má của Cameron và trên bộ râu quai nón của ông khiến những sợi râu màu trắng ánh lên. Ánh sáng rọi vào nắm tay ông và vào một góc của bản vẽ – những nét chì đen trên bản vẽ sáng lên và rắn rỏi như thể được khắc lên giấy.

"Cậu đã bị sa thải," Cameron nói.

Roark đứng ở giữa phòng, trọng lượng cơ thể anh dồn lên một chân, hai cánh tay buông lỏng theo người, một bên vai nhô lên.

"Tôi ấy à?" anh hỏi khẽ, người bất động.

"Lại đây" Cameron nói. "Ngồi xuống."

Roark tuân theo.

"Cậu quá giỏi," Cameron nói. "Cậu quá giỏi đối với những thứ mà cậu muốn làm với bản thân mình. Chẳng có ích gì đâu, Roark ạ. Bây giờ sẽ tốt hơn là để quá muộn."

"Ý ông là sao?'

"Chẳng có ích gì khi phí phạm những cái mà cậu có cho một lý tưởng mà cậu sẽ không bao giờ đạt được, và họ sẽ không bao giờ để cho cậu đạt được. Chẳng có ích gì khi đem cái tài năng tuyệt vời mà cậu có đó ra để làm ra một cái giá tra tấn cho chính cậu đi. Bán nó đi, Roark. Bán đi, ngay bây giờ. Dĩ nhiên là nó sẽ khác, nhưng cậu có đủ. Cậu có cái mà họ sẽ trả tiền, và trả rất nhiều tiền, nếu cậu sử dụng nó theo cách của họ. Chấp nhận bọn họ, Roark. Hãy thỏa hiệp. Thỏa hiệp ngay bây giờ, vì rồi đằng nào cậu cũng sẽ phải làm như vậy; chỉ có điều là lúc ấy thì cậu đã trải qua quá nhiều chuyện mà cậu ước cậu không phải trải qua. Cậu không biết. Tôi thì biết. Hãy cứu bản thân cậu khỏi điều đó. Hãy bỏ tôi. Đến làm cho người khác đi."

"Ông có làm thế không?"

"Cậu là đồ kiêu căng chết dẫm! Cậu cho rằng tôi nghĩ cậu giỏi như ai? Tôi có bảo cậu so sánh bản thân cậu với..." Ông ngừng lời vì ông thấy Roark đang mỉm cười.

Ông nhìn Roark và bất chợt mỉm cười thay cho câu trả lời – đấy là nụ cười đau đớn nhất Roark từng thấy.

"Không, hử," Cameron nói khẽ "nói thế không có tác dụng, hử? Không,

sẽ không có tác dụng gì... Thôi được, cậu đã đúng. Cậu giỏi đúng như cậu nghĩ. Nhưng tôi muốn nói chuyện với cậu. Tôi không biết chính xác phải nói thế nào. Tôi đã mất thói quen nói chuyện với những người như cậu. Mà mất à? Có lẽ tôi chưa từng có thói quen ấy. Có lẽ điều này đang làm tôi thấy sợ. Cậu sẽ cố gắng hiểu tôi chứ?"

"Tôi hiểu. Tôi nghĩ là ông đang phí thời gian."

"Đừng thô lỗ thế. Vì tôi không thể thô lỗ với cậu vào lúc này. Tôi muốn cậu lắng nghe. Cậu có thể lắng nghe và không trả lời tôi không?"

"Có. Tôi xin lỗi. Tôi không có ý thô lỗ."

"Cậu thấy đấy, trong tất cả mọi người, đáng lẽ tôi phải là người cuối cùng mà cậu nên gặp. Tôi sẽ phạm tội nếu tôi giữ cậu ở đây. Lẽ ra phải có ai đó cảnh báo với cậu về tôi. Tôi sẽ không giúp được cậu một tí nào. Vì tôi sẽ không ngăn cản cậu. Tôi sẽ không dạy cậu những lý lẽ thông thường. Thay vào đó tôi sẽ ép cậu. Tôi sẽ bắt cậu theo đuổi con đường mà cậu đang đi. Tôi sẽ bắt cậu cứ là chính cậu như bây giờ; và tôi sẽ làm cho cậu tồi tệ hơn nữa... Cậu không thấy à? Trong một tháng nữa, tôi sẽ không thể để cậu đi. Tôi không chắc hiện giờ tôi có thể. Thế nên, đừng tranh cãi với tôi; đi đi. Đi đi khi cậu còn có thể."

"Nhưng tôi có thể đi sao? Ông không nghĩ là đã quá muộn đối với cả hai chúng ta sao? Đối với tôi thì đã quá muộn từ cách đây mười hai năm rồi."

"Hãy cố, Roark. Hãy cố gắng suy nghĩ hợp lý một lần xem nào. Có rất nhiều kẻ nổi tiếng sẵn sàng nhận cậu, dù cậu có bị đuổi học hay không, nếu tôi giới thiệu cậu. Họ có thể cười nhạo tôi trong lúc tào lao vào giờ ăn trưa, nhưng họ ăn cắp của tôi khi cần, và họ biết tôi luôn nhận ra người làm thiết kế giỏi. Tôi sẽ viết thư giới thiệu cậu với Guy Francon. Hắn từng làm việc cho tôi một lần, lâu lắm rồi. Tôi nghĩ là tôi đã sa thải hắn nhưng điều đó chẳng sao cả. Đến chỗ hắn làm đi. Ban đầu cậu sẽ không thích đâu, nhưng rồi cậu sẽ quen. Và nhiều năm nữa, cậu sẽ cảm ơn tôi vì điều này."

"Tại sao ông lại nói với tôi những chuyện này? Ông đâu muốn nói những chuyện này. Ông cũng đâu có làm những chuyện này."

"Đó chính là lý do tại sao tôi đang nói! Bởi vì tôi đã không làm những chuyện đó!... Nghe này, Roark, có một điều về cậu, điều mà tôi sợ. Nó không chỉ là loại công việc mà cậu làm; tôi sẽ không bận tâm nếu như cậu lại là một kẻ khoa trương khác người, giống như những kẻ làm ra vẻ khác người chỉ để hù dọa hay để bỡn cợt, để thu hút sự chú ý về mình. Cái trò đấy là một trò khôn – giả vờ làm khác đám đông đi, để họ tò mò, rồi thu tiền vé vào cửa. Nếu cậu làm như vậy, thì tôi không lo lắm. Nhưng mà không phải thế. Cậu say mê công việc của cậu! Chúa phù hộ cho cậu, cậu say mê công việc

của cậu! Và đấy là một lời nguyền. Nó là cái mác dán trên trán cậu mà tất cả mọi người đều thấy. Cậu yêu công việc của cậu và họ biết điều này, và họ biết rằng họ tóm được cậu. Cậu có bao giờ nhìn những người trên phố không? Cậu có sợ họ không? Tôi thì sợ. Họ đi lướt qua cậu; họ đội mũ và mang vác lỉnh kỉnh. Nhưng đó không phải là vật chất tạo nên họ. Cái tạo nên họ là sự căm thù với bất kỳ người nào say mê công việc của anh ta. Đó là loại người mà họ sợ. Tôi không biết tại sao. Roark, cậu đang mở toang bản thân cậu cho bọn họ thấy."

"Nhưng tôi chẳng bao giờ nhận thấy những người đi trên phố."

"Thế cậu có nhận thấy điều mà họ đã làm với tôi không?"

"Tôi chỉ thấy rằng ông không sợ họ. Tại sao ông lại yêu cầu tôi phải sợ?"

"Đấy chính là lý do tại sao tôi yêu cầu cậu!" Ông vươn người về phía trước, các nắm tay khép trên bàn trước mặt ông. "Roark, cậu có muốn tôi nói toẹt ra không? Cậu thật độc ác. Được rồi, tôi sẽ nói: cậu có muốn có kết cục như thế này không? Cậu có muốn trở thành người như tôi không?"

Roark đứng dậy; người anh che mất một phần ánh sáng chiếu lên bàn. Roark nói:

"Nếu vào lúc cuối đời, tôi trở thành người như ông vào lúc này, tại đây, trong văn phòng này, thì tôi sẽ coi nó như một vinh dự mà tôi lẽ ra không xứng đáng."

"Ngồi xuống!" Cameron gầm lên. "Tôi không thích những trò tuồng!"

Roark nhìn xuống người mình, rồi nhìn xuống bàn, và ngạc nhiên thấy mình đang đứng. Anh nói: "Tôi xin lỗi. Tôi không biết là tôi đã đứng lên."

"Thôi được, ngồi xuống. Nghe này. Tôi hiểu. Và cậu đã rất tử tế. Nhưng cậu không biết. Tôi tưởng rằng một vài ngày ở đây là đủ để lấy đi sự sùng bái người hùng trong cậu. Tôi nhận thấy là không được. Bây giờ, cậu đang tự nhủ rằng ông già Cameron thật vĩ đại, ông ta là một chiến binh cao quý, một kẻ dám chết cho một sự nghiệp đã mất; và cậu muốn được chết trên chiến hào với tôi, muốn ăn trong các toa xe ăn trưa tối tăm cùng với tôi cho đến hết đời. Tôi biết, bây giờ mọi thứ trông thánh thiện và tuyệt đẹp đối với cậu, ở cái tuổi 22 vĩ đại của cậu. Nhưng cậu có biết nó thực sự thế nào không? Ba mươi năm cho một sự nghiệp đã mất, nghe thật tuyệt vời phải không? Nhưng cậu có biết ba mươi năm có bao nhiêu ngày không? Cậu có biết điều gì xảy ra trong những ngày đó không? Roark! Cậu có biết điều gì xảy ra không?"

"Ông không muốn nói về điều đó."

"Không! Tôi không muốn nói về điều đó! Nhưng tôi sẽ nói. Tôi muốn cậu nghe. Tôi muốn cậu biết những cái sắp đến với cậu. Sẽ có những ngày cậu

nhìn đôi bàn tay mình và cậu muốn cầm lấy một cái gì đó để nghiền nát mọi cái xương bên trong, vì chúng sẽ khiêu khích cậu bởi những cái chúng có thể làm, nếu cậu tìm được một cơ hội cho chúng làm; nhưng cậu lại không có một cơ hội như thế và cậu không thể chịu đựng nổi chính cơ thể sống của cậu bởi vì cái cơ thể sống ấy đã lừa dối đôi tay cậu. Sẽ có những ngày mà người lái xe buýt tóm lấy cậu khi cậu lên xe và anh ta chỉ đòi có mười xu, nhưng đó sẽ không phải là điều mà cậu nghe được; cậu sẽ nghe được rằng cậu chẳng là cái gì cả, cậu sẽ thấy anh ta cười nhạo cậu, cậu sẽ cảm thấy trán cậu in rành rành cái điều mà người ta căm ghét cậu. Sẽ có những ngày mà cậu đứng trong góc của một hội trường và lắng nghe một sinh vật trên diễn đàn nói về các tòa nhà, về cái công việc mà cậu yêu thích và những điều hắn nói sẽ khiến cậu mong một người nào đó sẽ đứng lên và dùng hai ngón tay cái bóp nát hắn ra; nhưng rồi cậu sẽ chỉ nghe mọi người vỗ tay tán thưởng hắn và cậu sẽ muốn gào lên, bởi vì cậu không hiểu họ hay cậu mới là có thực, liệu có phải cậu đang ở trong một căn phòng đầy những cái sọ rỗng tuếch, hay là ai đó đã tẩy rỗng đầu óc cậu; và rồi cậu sẽ chẳng nói gì vì những âm thanh mà cậu phát ra – chúng không phải là ngôn ngữ của căn phòng đó; nhưng kể cả nếu cậu muốn nói, thì cậu cũng sẽ không nói được bởi vì người ta sẽ đẩy cậu ra rìa, vì cậu chẳng có gì để nói với họ về các tòa nhà! Đó có phải là điều cậu muốn không?"

Roark ngồi yên, ánh điện đổ những cái bóng gồ ghề trên mặt anh – một vệt đen hình chữ V trên cái má hõm sâu, một hình tam giác dài màu đen cắt ngang cằm anh và ánh mắt anh hướng về Cameron.

"Chưa đủ hả?" Cameron hỏi. "Thôi được. Rồi một ngày nào đó cậu sẽ thấy trên một mảnh giấy trước mặt cậu một tòa nhà sẽ làm cậu muốn quỳ xuống; cậu sẽ không tin rằng cậu đã làm ra nó, nhưng cậu đã làm ra nó; rồi cậu sẽ nghĩ rằng trái đất đẹp tuyệt và không khí tràn đầy hương vị của mùa xuân và cậu yêu tất cả mọi người vì chẳng có ác quỷ nào trên thế giới này. Và cậu sẽ khởi hành từ ngôi nhà của cậu với bản vẽ này, để xin được xây nó, vì cậu sẽ không hề nghi ngờ rằng người đầu tiên nhìn thấy nó sẽ cho xây nó. Nhưng cậu sẽ không đi xa khỏi ngôi nhà của cậu. Vì cậu sẽ bị chặn lại ở cửa ra vào bởi một người đến để tắt khóa gas. Cậu không có nhiều đồ ăn vì cậu đã dành dụm tiền để hoàn thành bản thiết kế, nhưng cậu vẫn phải nấu nướng một cái gì đó và cậu đã không trả tiền gas... Tất nhiên, chuyện đó chẳng là cái gì cả, cậu có thể cười nhạo vào điều đó. Nhưng cuối cùng cậu sẽ đến văn phòng của một người với bản thiết kế của cậu và cậu sẽ nguyền rủa bản thân vì thân thể cậu đã chiếm dụng quá nhiều khoảng không của ông ta và cậu sẽ cố thu mình khuất khỏi tầm mắt của ông ta để ông ta chỉ nghe thấy giọng nói khẩn khoản, cầu xin của cậu, giọng cậu liếm vào đầu gối của ông ta; cậu sẽ ghê tởm chính bản thân mình vì điều đó, nhưng cậu không quan tâm, chỉ cần

ông ta để cho cậu xây dựng tòa nhà đó thì cậu sẽ không quan tâm, cậu sẽ muốn xé toang lục phủ ngũ tạng của cậu để bày ra cho ông ta xem vì nếu ông ta nhìn thấy chúng thì ông ta sẽ để cho cậu xây dựng tòa nhà này. Nhưng ông ta sẽ nói rằng ông ta rất xin lỗi, chỉ vì việc thiết kế đã được giao cho Guy Francon rồi. Và cậu sẽ đi về nhà và cậu có biết cậu sẽ làm gì ở đó không? Cậu sẽ khóc. Cậu sẽ khóc như một mụ đàn bà, như một kẻ nát rượu, như một con thú. Đó là tương lai của cậu, Howard Roark. Giờ thì cậu có muốn điều đó không?"

"Có," Roark trả lời.

Đôi mắt của Cameron cụp xuống; rồi đầu ông hơi cúi xuống, rồi cúi thêm chút nữa; đầu ông cúi xuống một cách chậm rãi với những cái gật đầu dài và giật cục rồi ngừng lại; ông ngồi lặng yên, hai vai ông căng lên, hai cánh tay khoanh lại trong lòng.

"Howard" – Cameron thì thầm – "Tôi chưa từng nói điều này với bất kỳ ai..."

"Cảm ơn ông..." Roark nói.

Một lúc lâu sau, Cameron ngẩng đầu lên.

"Giờ thì về nhà đi," Cameron nói với giọng bình thản. "Gần đây cậu đã làm việc quá nhiều. Và cậu sẽ có một ngày vất vả." Ông chỉ vào bản vẽ cái biệt thự ở nông thôn. "Đây là bản thiết kế tốt và tôi đã muốn xem cậu thiết kế, nhưng nó chưa đủ tốt để có thể xây. Cậu sẽ phải làm lại nó. Tôi sẽ chỉ cho cậu cái mà tôi muốn vào ngày mai."

V.

Một năm làm việc tại hãng Francon & Heyer đã mang lại cho Keating một danh hiệu truyền miệng: thái tử không ngai. Dù vẫn chỉ là một nhân viên thiết kế, nhưng anh là sủng thần của triều đại Francon.c Francon đưa anh đi ăn trưa – một vinh dự chưa từng có tiền lệ đối với một nhân viên. Francon gọi anh tham dự các buổi phỏng vấn với khách hàng. Hình như các khách hàng có vẻ thích thấy một chàng trai trẻ ưa nhìn như vậy trong một văn phòng kiến trúc.

Lucius N. Heyer có một thói quen rất khó chịu là hay bất chợt hỏi Francon: "Ông nhận anh chàng mới này khi nào vậy?" và chỉ vào một nhân viên đã làm việc ở đó suốt ba năm. Nhưng Heyer làm mọi người ngạc nhiên vì ông nhớ ra tên của Keating và chào hỏi anh – những khi họ gặp nhau – với một nụ cười thể hiện là Heyer có nhận ra anh. Keating đã có một cuộc nói chuyện dài với ông ta vào một buổi chiều tháng Mười một ảm đạm về đồ gốm cổ. Đó là sở thích của Heyer; ông ta say mê thu thập và sở hữu một bộ sưu tập nổi tiếng. Keating đã thể hiện một kiến thức uyên thâm về chủ đề này mặc dù anh chưa từng biết về đồ gốm cổ cho đến khi anh dành cả buổi tối hôm trước để đọc tài liệu ở thư viện công cộng. Heyer đã rất sung sướng; không ai trong văn phòng quan tâm đến sở thích của ông, và chỉ một số ít chú ý đến sự hiện diện của ông ta. Heyer nhận xét với Francon: "Ông quả là khéo chọn người đấy Guy. Có một chàng trai mà tôi muốn chúng ta giữ bằng được, tên anh là gì nhỉ? – À, Keating."

"Chính thế," Francon mỉm cười trả lời, "Chính thế, chính thế."

Trong phòng thiết kế, Keating tập trung vào Tim Davis. Công việc và các bản vẽ chỉ là những thứ bề ngoài không thể tránh khỏi mà anh buộc phải làm hàng ngày; Tim Davis mới là nội dung và hình hài của nước đi đầu tiên trong sự nghiệp của Keating.

Davis để anh làm hầu hết công việc của mình; ban đầu chỉ là các công việc vào buổi tối, rồi đến một phần các việc hàng ngày; lúc đầu là bí mật rồi sau là công khai. Davis vốn không muốn mọi người biết chuyện. Keating làm cho mọi người biết với vẻ tự tin ngây thơ, ngầm ý rằng anh chỉ là một công cụ, không hơn cái bút chì hay cái thước vuông chữ T của Tim, rằng sự trợ giúp của anh nâng cao tầm quan trọng của Tim hơn là làm suy giảm nó và do đó mà anh không muốn giấu diếm điều này.

Ban đầu, Davis truyền đạt công việc lại cho Keating; về sau người thiết kế chính coi sự bố trí công việc là hiển nhiên và bắt đầu đến gặp thẳng Keating với những yêu cầu lẽ ra được dành cho Davis. Keating luôn ở đó,

mỉm cười và nói: "Tôi sẽ làm; đừng làm phiền Tim với những thứ nhỏ nhặt thế này, tôi sẽ giải quyết chúng." Davis cứ thư giãn và để cho bản thân anh ta bị cuốn theo; anh đốt thuốc liên tục, anh đi dạo thơ thẩn, đôi chân anh vắt lỏng lẻo trên thanh ngang của cái ghế cao, hai mắt nhắm lại, mơ màng về Elaine; thỉnh thoảng anh lại hỏi: "Peter, xong việc chưa?"

Davis đã cưới Elaine vào mùa xuân năm đó. Anh thường xuyên đi làm muộn. Anh đã thì thầm với Keating: "Cậu thường đi với sếp, Peter, thỉnh thoảng hãy nói vài lời tốt đẹp cho tớ nhé? – để họ bỏ qua một vài việc. Lạy Chúa, sao mà tôi lại căm ghét việc đi làm vào lúc này thế nhỉ!" Keating sẽ nói với Francon: "Tôi xin lỗi, ông Francon, bản vẽ cái tầng hầm phụ cho công trình nhà Murray quá chậm; chỉ vì Tim Davis cãi nhau với vợ anh ấy đêm hôm qua; mà ông biết các cặp vợ chồng mới cưới là thế nào rồi đấy, ông hãy thông cảm cho họ." hoặc "Lại là Tim Davis, ông Francon, hãy bỏ qua cho anh ấy, anh ấy không thể đừng được, anh ấy không còn đầu óc nào để tập trung vào công việc nữa!"

Khi Francon nhìn lướt vào bảng lương nhân viên, ông ta thấy rằng nhân viên thiết kế được trả lương cao nhất của ông ta là người ít cần thiết nhất trong văn phòng.

Khi Tim Davis mất việc, không ai trong phòng thiết kế ngạc nhiên, trừ chính Tim Davis. Anh ta không thể hiểu nổi tại sao. Anh ta mím chặt hai môi một cách cay đắng – anh sẽ mãi mãi căm ghét thế giới này. Tim Davis cảm thấy mình không còn người bạn nào trên trái đất, ngoại trừ Peter Keating.

Keating an ủi anh ta, nguyền rủa Francon, nguyền rủa sự bất công của nhân loại, chi sáu đô la tại một cửa hàng bán rượu lậu, mua chuộc cô thư ký của một kiến trúc sư ít tiếng tăm mà anh có quen biết và bố trí một công việc mới cho Tim Davis.

Về sau này, bất kỳ khi nào nghĩ đến Davis, Keating cảm thấy một sự thỏa mãn ngọt ngào; anh đã tác động đến sự nghiệp của một cá thể người, đã ném cá thể đó khỏi con đường này rồi đẩy anh ta vào một con đường khác; một cá thể người – không còn là Tim Davis nữa mà là một hình hài sống với một bộ óc – một bộ óc có ý thức – tại sao anh đã luôn sợ hãi cái thực thể nhận thức bí hiểm đó ở những người khác nhỉ? – anh đã vặn xoắn cái hình hài và bộ óc đó theo ý muốn của anh. Bằng một quyết định thống nhất giữa Francon, Heyer và thiết kế trưởng, bàn làm việc, chức vụ và mức lương của Tim được chuyển giao cho Peter Keating. Nhưng đây chỉ là một phần sự thỏa mãn của anh; còn có một cảm giác khác nữa, ấm áp hơn, ít hiện thực hơn – và nguy hiểm hơn. Anh thường nói một cách tự hào rằng: Tim Davis á? À, phải, tôi đã kiếm cho anh ấy cái việc anh ấy đang làm."

Anh viết thư kể cho mẹ mình về chuyện này. Bà nói với những người bạn: "Petey đúng là một chàng trai không ích kỷ."

Anh chăm chỉ viết thư cho mẹ hàng tuần; những bức thư của anh ngắn và thể hiện sự kính trọng; những bức thư của bà mẹ thì dài dòng, chi tiết và đầy những lời khuyên nhủ mà anh hiếm khi đọc hết.

Thỉnh thoảng anh gặp Catherine Halsey. Anh đã không đến gặp cô vào buổi tối hôm sau như anh đã hứa. Anh đã thức giấc vào buổi sáng đó và nhớ lại những điều anh đã nói với cô và ghét cô vì những điều anh nói. Nhưng một tuần sau anh lại đến gặp cô; cô không gợi lại chuyện cũ và họ không nhắc đến ông chú của cô. Sau đó, cứ một hoặc hai tháng, anh đến gặp cô; anh thấy vui vẻ khi gặp cô nhưng không bao giờ nói với cô về công việc của mình.

Anh thử nói chuyện công việc với Howard Roark; nhưng không thành. Anh ghé thăm Roark hai lần; cáu kỉnh trèo năm tầng lầu để đến chỗ ở của Roark. Anh hào hứng chào hỏi Roark; anh chờ đợi một sự công nhận mà không biết mình cần sự công nhận như thế nào cũng như tại sao nó chỉ có thể đến từ Roark. Anh nói về công việc của mình và hỏi Roark, với sự quan tâm chân thành, về văn phòng của Cameron. Roark lắng nghe, sẵn lòng trả lời mọi câu hỏi của anh, nhưng từ đôi mắt không đổi của Roark, Keating cảm thấy anh đang gõ vào một cánh cửa thép và họ không hề nói về cùng một thứ. Trước khi chuyến viếng thăm kết thúc, Keating chú ý đến cái cổ áo đã sờn, đôi giày và miếng vá ở đầu gối quần của Roark và anh cảm thấy hài lòng. Anh vừa đi ra vừa cười thầm, nhưng bao giờ cũng về với cảm giác bức bối đến khổ sở; anh băn khoăn không hiểu tại sao và thề là sẽ không bao giờ gặp lại Roark nữa; để rồi sau đó lại băn khoăn không biết tại sao anh biết chắc rằng mình sẽ lại đến gặp Roark.

*

* *

"À," Keating nói, "cháu không thể mời bà ấy ăn trưa nhưng bà ấy sẽ đến triển lãm của Mawson cùng với cháu vào ngày kia. Giờ thì sao?"

Anh ngồi trên sàn nhà, đầu dựa vào cạnh cái đi-văng, bàn chân trần duỗi thẳng, hai ống quần pyjama màu lục nhạt của Guy Francon rộng thùng thình quanh chân anh.

Qua cánh cửa phòng tắm đang mở, anh nhìn thấy Francon đứng cạnh bồn rửa mặt, áp bụng vào cái cạnh bóng láng của nó để đánh răng.

"Tuyệt vời," Francon nói lúng búng vì mồm đầy kem đánh răng. "Làm thế cũng được. Cậu thấy không?"

“Cháu không.”

“Lạy Chúa, Peter, tôi đã giải thích điều này với cậu ngày hôm qua trước khi chúng ta bắt đầu. Chồng cô Dunlop định xây một ngôi nhà cho cô ấy.”

“À, vâng.” Keating nói một cách yếu ớt và vén những lọn tóc quăn màu đen khỏi mặt.

“À, phải... giờ thì cháu nhớ rồi... Lạy Chúa, Guy[33], hình như cháu bị mất trí!...”

Anh mơ hồ nhớ lại bữa tiệc mà Francon đã đưa anh đến vào tối hôm trước; anh nhớ đến món trứng cá đặt trong một tảng băng khoét rỗng, bộ đầm dạ hội ren màu đen và khuôn mặt xinh đẹp của bà Dunlop; nhưng anh không thể nhớ nổi làm sao mà anh lại kết thúc bữa tiệc ở căn hộ của Francon. Anh nhún vai; anh đã tham dự nhiều bữa tiệc với Francon trong năm vừa qua và thường được đưa về đây như thế này.

“Nó không phải là một ngôi nhà quá lớn,” Francon nói và giữ bàn chải trong miệng; cái bàn chải tạo thành một cái bướu trên má ông ta còn cái cán màu xanh lá cây của nó thì thò ở bên ngoài. “Khoảng 50 ngàn – tôi đoán thế. Dù sao, bọn họ cũng chỉ là những con cá nhỏ. Nhưng anh rể của bà Dunlop là nhà Quimby – cậu biết đấy, một nhân vật lớn trong giới bất động sản. Sẽ chẳng hại gì nếu có thể tiếp cận được nhà đó, chẳng hại gì cả. Cậu phải xem cái hợp đồng thiết kế đó dành cho ai nhé, Pete. Tôi có thể tin cậu được không, Pete?”

“Chắn chắn rồi,” Keating trả lời, đầu gục xuống. “Bác có thể luôn tin cậy ở cháu mà Guy...”

Anh ngồi yên nhìn những ngón chân trần của mình và nghĩ về Stengel, người thiết kế của Francon. Anh không muốn nghĩ, nhưng đầu óc anh tự động nhảy đến Stengel – điều này thường xuyên xảy ra vì Stengel là nước cờ tiếp theo của anh.

Stengel là người khó kết bạn. Trong hai năm qua, các nỗ lực của Keating đều đổ vỡ khi đối mặt với đôi kính cận lạnh lẽo của Stengel. Mọi người trong phòng thiết kế thì thầm với nhau những gì mà Stengel nghĩ về anh, nhưng ít ai dám nhắc lại, trừ khi theo kiểu trích dẫn trực tiếp lời Stengel; Stengel thì nói toạc ra, mặc dù ông biết những sửa chữa trên bản vẽ của mình – khi chúng được trả về cho ông từ phòng làm việc của Francon – là do tay của Keating. Nhưng Stengel có một điểm yếu: ông ta đã dự định một lúc nào đó sẽ rời khỏi Francon và mở văn phòng riêng của mình. Ông ta đã chọn được một đối tác, một kiến trúc sư trẻ không có tài cán gì nhưng lại được thừa kế một gia tài lớn. Stengel chỉ còn chờ một cơ hội. Keating đã nghĩ rất nhiều về điều này. Anh không thể nghĩ về bất kỳ điều gì khác. Anh lại nghĩ

đến điều này khi đang ngồi trên sàn phòng ngủ của Francon.

Hai ngày sau đó, trong lúc hộ tống bà Dunlop đi xem triển lãm tranh của một ông Frederic Mawson nào đó, kế hoạch hành động của anh đã xong xuôi. Anh dẫn bà Dunlop đi xuyên qua đám đông tản mát, các ngón tay thỉnh thoảng lại nắm nhẹ vào khuỷu tay bà và cố tình để bà thấy ánh mắt anh thường xuyên hướng vào khuôn mặt trẻ trung của bà hơn là vào các bức tranh.

"Vâng," anh nói khi bà ngắm nghía một bức tranh vẽ cảnh một bãi thải ô-tô và cố gắng làm cho khuôn mặt mình thể hiện sự ngưỡng mộ cần có; "một kiệt tác. Hãy chú ý đến các màu sắc, thưa bà Dunlop... Người ta nói rằng anh chàng nghệ sĩ Mawson này đã trải qua một thời kỳ vô cùng khó khăn. Đó là một câu chuyện kinh điển – cố gắng để được công nhận ấy mà. Kinh điển và xúc động. Chuyện này xảy ra trong tất cả các môn nghệ thuật. Bao gồm cả nghề của tôi."

"Thật vậy sao?" bà Dunlop nói, lúc này bà tỏ ra ưa thích kiến trúc hơn.

"Nào, bức này," Keating nói và dừng lại trước bức vẽ mô tả một phụ nữ già xấu xí đang bẻ những ngón chân trần của mình trên hè phố, "đây chính là nghệ thuật như một chứng nhân xã hội. Phải là một người đủ dũng cảm thì mới cảm nhận được nó."

"Đơn giản là nó thật tuyệt vời," bà Dunlop nói.

"À, vâng, sự dũng cảm. Đó là một phẩm chất hiếm hoi... Họ nói rằng khi bà Stuyvesant phát hiện ra Mawson thì anh gần như sắp chết đói trong một căn gác xép. Thật là vinh dự khi có thể giúp đỡ một tài năng trẻ trên con đường phát triển."

"Hẳn phải rất tuyệt vời." bà Dunlop đồng ý.

"Nếu như tôi giàu có," Keating nói với vẻ nuối tiếc, "thì tôi sẽ biến nó thành sở thích của tôi: đó là tổ chức triển lãm cho một họa sĩ mới, tài trợ cho buổi hòa nhạc của một nhạc công piano trẻ, hoặc là để nhà mình được kiến thiết bởi một kiến trúc sư mới vào nghề..."

"Anh biết không, Keating; chồng tôi và tôi đang định xây một ngôi nhà nhỏ ở Long Island đấy."

"Ồ, thật vậy sao? Bà Dunlop, bà mới tuyệt vời làm sao, khi cho tôi biết điều đó. Bà còn quá trẻ, xin bà tha lỗi cho tôi vì nói như vậy. Lẽ nào bà lại không biết bà đang gặp một mối nguy là tôi sẽ quấy rầy bà và cố làm bà quan tâm đến hãng của tôi? Hay là bà thấy an toàn vì đã chọn được một kiến trúc sư rồi?"

"Không, tôi chẳng an toàn chút nào cả," bà Dunlop nói một cách duyên

dáng, "và thực ra thì tôi cũng không e ngại lắm về mối nguy đó. Tôi đã nghĩ nhiều đến hãng Francon & Heyer trong một vài ngày qua. Và tôi có nghe nói rằng đây là một hãng rất tốt."

"Thật vậy sao, cảm ơn bà, thưa bà Dunlop."

"Ông Francon là một kiến trúc sư vĩ đại."

"Ồ, vâng."

"Có chuyện gì vậy?"

"Không có gì. Thực ra là không có gì cả."

"Không phải, có chuyện gì vậy?"

"Bà có thật sự muốn tôi nói cho bà biết không?"

"Tất nhiên rồi."

"Thì, bà biết đấy, Guy Francon – đó chỉ là một cái tên. Ông ta sẽ chẳng thực sự làm gì với ngôi nhà của bà cả. Đây là một trong những bí mật nghề nghiệp mà tôi không nên tiết lộ, nhưng tôi không biết cái gì ở bà đã làm tôi muốn nói thật. Tất cả những tòa nhà đẹp nhất trong văn phòng chúng tôi là do ông Stengel thiết kế."

"Ai cơ?"

"Claude Stengel. Bà chẳng bao giờ nghe thấy cái tên này đâu, nhưng rồi bà sẽ biết đến nó khi một người nào đó đủ dũng cảm để phát hiện ra ông ấy. Bà biết không, ông ấy làm tất cả mọi việc, ông ấy mới là thiên tài thực sự, nhưng lại đứng ở hậu trường, còn Francon thì ký tên lên bản thiết kế và nhận mọi công trạng về mình. Ở đâu cũng có những chuyện thế này."

"Nhưng tại sao ông Stengel lại chịu đựng điều này?"

"Ông ấy có thể làm gì đây? Không ai tạo cơ hội cho ông ấy khởi nghiệp. Bà biết đấy hầu hết mọi người đều thế, họ bám chặt vào lối mòn suy nghĩ, họ trả cao gấp ba lần cho cùng một thứ chỉ vì cái thương hiệu. Sự dũng cảm, vâng thưa bà Dunlop, họ thiếu sự dũng cảm. Stengel là một nghệ sĩ vĩ đại, nhưng có quá ít người có khả năng nhận ra điều đó. Ông ấy sẵn sàng để tự đứng ra làm riêng, chỉ cần ông ấy tìm được một người vĩ đại nào đó, giống như bà Stuyvesant, để cho ông ấy một cơ hội."

"Thật vậy sao?" bà Dunlop hỏi. "Thật là thú vị! Nói thêm cho tôi biết xem nào."

Keating kể cho người phụ nữ thêm nhiều nữa. Đến lúc họ kết thúc việc khám phá các tác phẩm của Frederic Mawson, bà Dunlop bắt tay Keating và nói rằng: "Anh thật là một người tốt, rất tốt bụng hơn mức bình thường. Có

thật là anh không gặp trở ngại với văn phòng của mình nếu anh bố trí cho tôi gặp Stengel chứ? Tôi thực sự không dám đề nghị điều này và anh thật tốt bụng vì đã không giận tôi. Anh quả là người hào hiệp và cư xử hơn hẳn những người ở cùng vị trí anh trong chuyện này."

Khi Keating đến gặp Stengel với một đề nghị về một bữa ăn trưa, Stengel lắng nghe mà chẳng nói lời nào. Sau đó ông ta hất hàm và cắm cảu:

"Anh được lợi lộc gì từ chuyện này?"

Trước khi Keating kịp trả lời, Stengel đột ngột quay đầu lại.

"À," Stengel nói. "À, tôi hiểu rồi."

Sau đó ông ta cúi người về phía trước, miệng ông ta bĩu ra với vẻ khinh bỉ:

"Được. Tôi sẽ đến dự bữa trưa đó."

Khi Stengel rời hãng Francon & Heyer để mở văn phòng riêng của mình và tiến hành việc xây dựng ngôi nhà của gia đình Dunlop, hợp đồng đầu tiên của ông ta, Guy Francon phang mạnh cái thước kẻ vào cạnh bàn làm việc của mình và gầm lên với Keating:

"Thằng khốn nạn! Đồ táng tận lương tâm! Sau tất cả những gì ta đã làm cho nó mà nó dám...!"

"Bác hy vọng gì chứ?" Keating hỏi trong lúc nằm ườn trên một cái ghế bành thấp trước mặt ông ta. "Đời là thế đấy."

"Nhưng điều tôi không hiểu là làm sao mà cái con chồn hôi hám bé tý đó lại biết được vụ này? Để cướp lấy nó ngay trước mũi chúng ta!"

"À, thực ra cháu chưa bao giờ tin ông ta." Keating nhún vai. "Bản tính con người mà..."

Sự chua chát trong giọng nói của anh rất chân thành. Anh đã không nhận được một chút biết ơn nào từ Stengel. Lời nhận xét lúc ra đi của Stengel đối với anh chỉ là: "Anh khốn nạn hơn tôi tưởng. Chúc may mắn. Một ngày nào đó, anh sẽ là một kiến trúc sư vĩ đại."

Và như thế, Keating đã được nhận vị trí kiến trúc sư trưởng của hãng Francon & Heyer.

Francon ăn mừng dịp này bằng một bữa tiệc nhỏ ở một nhà hàng yên tĩnh và đắt tiền. "Chỉ một vài năm" ông lặp đi lặp lại, "Chỉ một vài năm nữa thôi, cậu sẽ thấy... Peter... Cậu là một chàng trai tốt và tôi thích cậu và tôi sẽ tạo điều kiện cho cậu... Tôi đã tạo điều kiện cho cậu chưa?... Cậu sẽ được đi chỗ này chỗ khác... chỉ một vài năm nữa thôi..."

“Cái cà-vạt của bác bị xoắn kìa, Guy,” Keating nói với giọng khô khan, “bác đang làm đổ rượu brandy vào áo vét của bác...”

Đối mặt với nhiệm vụ thiết kế đầu tiên của mình, Keating nghĩ đến Tim Davis, đến Stengel, đến rất nhiều người đã thèm muốn nhiệm vụ này, cố gắng giành giật nó và bị anh đánh bại. Đó là một cảm giác chiến thắng. Đó là sự khẳng định hữu hình về sự vĩ đại của anh. Nhưng rồi anh thấy mình trong văn phòng ốp kính, trước mặt là một tờ giấy trắng – và anh chỉ có một mình. Có cái gì đó cuộn trong cổ họng anh xuống dạ dày, lạnh lẽo và trống rỗng – chính là cái cảm giác cũ về một cái hố rỗng đang rơi. Anh dựa vào bàn, nhắm mắt lại. Chưa bao giờ anh thực sự cảm nhận một cách thực tế như lúc này – rằng đây mới chính là điều người ta mong chờ ở anh: lấp trống một tờ giấy, tạo ra một cái gì đó trên tờ giấy.

Nó chỉ là một biệt thự nhỏ. Nhưng thay vì thấy nó mọc lên trước mặt anh, thì anh thấy nó đang chìm xuống; anh thấy hình dáng của nó như một cái hố sâu trên mặt đất; và như một cái hố sâu trong chính anh; như một sự trống rỗng mà trong lòng nó chỉ có những tiếng kêu gào tuyệt vọng của Davis và Stengel. Francon đã nói với anh về biệt thự này: “Nó phải có sự bề thế, cậu biết đấy, sự bề thế... không được có cái gì lập dị, một ngôi nhà tao nhã... và phải tiêu trong phạm vi ngân sách,” – đấy chính là quan điểm của Francon về việc khơi gợi ý tưởng cho kiến trúc sư của mình, rồi để cho anh ta tự suy luận. Trong một cơn ớn lạnh, Keating nghĩ đến cảnh khách hàng cười nhạo vào mặt anh; anh nghe thấy giọng nói nhỏ nhẹ nhưng đầy quyền uy của Ellsworth Toohey nhắc nhở anh chú ý đến các cơ hội mở ra cho anh trong nghề thợ ống nước. Anh căm ghét mọi hòn đá trên bề mặt trái đất. Anh căm ghét bản thân mình vì đã chọn nghề kiến trúc sư.

Khi anh bắt đầu vẽ, anh cố không nghĩ đến công việc mà anh đang làm; anh chỉ nghĩ rằng Francon đã từng làm việc này; Stengel, thậm chí cả Heyer và tất cả những người khác đã từng làm; rằng anh cũng có thể làm được nếu như họ từng làm được.

Anh mất nhiều ngày để hoàn thành các bản phác thảo sơ bộ. Anh dành hàng tiếng trong thư viện của Francon & Heyer, để chọn – từ trong các bức ảnh về kiến trúc cổ điển – kiểu dáng bề ngoài cho ngôi nhà đang thiết kế. Anh cảm thấy sự căng thẳng đang tan dần trong đầu mình. Ngôi nhà đó đang mọc lên dưới bàn tay anh – chuẩn mực và đẹp đẽ – bởi vì con người vẫn tôn thờ những bậc thầy kiến trúc trước anh. Anh không phải băn khoăn, sợ hãi, cũng chẳng cần mạo hiểm; mọi thứ đã được làm sẵn cho anh rồi.

Khi các bản vẽ đã sẵn sàng, anh đứng nhìn chúng – hoang mang. Nếu có ai đó nói với anh rằng đây là ngôi nhà đẹp nhất hoặc xấu nhất trên thế giới, thì anh sẽ đồng ý với cả hai. Anh không chắc chắn. Nhưng anh cần phải chắc

chắn. Anh nghĩ đến Stanton và nghĩ đến cái mà anh thường dựa vào khi làm các bài tập của mình ở đó. Anh gọi điện đến văn phòng của Cameron và xin gặp Howard Roark.

Anh đến chỗ ở của Roark vào đêm đó và trải ra trước mặt Roark tất cả các bản phác mặt bằng, hình chiếu, phối cảnh tòa nhà đầu tiên của mình. Roark đứng nhìn chúng, cánh tay anh duỗi thẳng, hai bàn tay nắm lấy cạnh bàn và chẳng nói gì một lúc lâu.

Keating bồn chồn chờ đợi; anh cảm thấy sự giận dữ cũng dâng dần lên cùng với sự bực bội – bởi vì anh không thể hiểu nổi tại sao mình lại bồn chồn đến vậy. Khi anh không còn chịu đựng nổi cảm giác này, anh nói:

"Howard, cậu biết đấy, mọi người nói rằng Stengel là người thiết kế giỏi nhất trong thành phố và tôi không nghĩ là anh thực sự sẵn sàng bỏ việc, nhưng tôi đã buộc anh làm vậy và tôi thế chỗ của anh. Tôi đã phải tốn nhiều công để làm được cái trò đó, tôi..."

Anh ngừng lời. Những lời của anh nghe không vui vẻ và tự mãn như khi anh nói với những người khác. Chúng giống như những lời cầu xin.

Roark quay lại và nhìn anh. Đôi mắt Roark không tỏ ra khinh bỉ; chỉ mở to hơn bình thường một chút, chăm chú và ngạc nhiên. Roark không nói gì và quay trở lại với các bản vẽ.

Keating cảm thấy bị lột truồng. Davis, Stengel, Francon chẳng có ý nghĩa gì ở đây. Trước đây, anh luôn luôn dùng người này để chống lại người khác. Nhưng Roark lại không để ý đến con người. Những người khác cho Keating cảm giác về giá trị của bản thân anh. Còn Roark chẳng cho anh cái gì cả. Keating nghĩ anh nên thu vén các bản vẽ của mình và biến khỏi đây. Mối nguy hiểm không phải là Roark. Mối nguy hiểm là việc anh, Keating, vẫn cứ đứng đó.

Roark quay về phía anh.

"Anh có thấy vui khi làm việc theo kiểu này không, Peter?" Roark hỏi.

"Ồ, tôi biết," Keating nói, giọng anh thất thanh, "Tôi biết cậu không đồng ý kiểu làm việc này, nhưng đây là chuyện làm ăn, tôi chỉ muốn biết cậu nghĩ gì về nó – nghĩ một cách thực tế chứ không phải là lý thuyết, không phải..."

"Không, tôi không định nói lý thuyết với anh. Tôi chỉ muốn biết thôi."

"Nếu cậu có thể giúp tôi, Howard, hãy giúp tôi chút ít thôi. Nó là ngôi nhà đầu tiên của tôi và nó rất quan trọng cho công việc của tôi ở hãng. Cậu nghĩ sao? Cậu sẽ giúp tôi chứ, Howard?"

"Thôi được."

Roark ném sang một bên cái bản vẽ mặt tiền trang nhã với những trụ tường có rãnh, các trán tường đứt quãng, các huy hiệu kiểu La Mã trên các cửa sổ và hai con đại bàng biểu tượng của đế chế La Mã ở lối ra vào. Anh nhặt các bản vẽ mặt bằng lên. Anh lấy một tờ giấy can, đặt lên trên bản phác thảo và bắt đầu vẽ. Keating đứng nhìn cái bút chì trong tay Roark. Anh thấy cái phòng đợi hoành tráng ở lối ra vào biến mất, cả các hành lang lắt léo, và các góc tường thiếu ánh sáng; anh nhìn thấy phòng khách mới, rộng mênh mông, mọc lên từ khoảng không mà anh từng nghĩ là quá chật hẹp; một bức tường với các cửa sổ lớn mở ra vườn, một nhà bếp rộng rãi. Anh nhìn một lúc lâu.

"Còn mặt tiền thì sao?" anh hỏi khi Roark bỏ cái bút chì xuống.

"Tôi không thể giúp anh cái đó được. Nếu anh cứ muốn làm mặt tiền theo kiểu Cổ điển, thì ít nhất hãy làm Cổ điển một cách tử tế. Anh không cần tới ba cái trụ tường trong khi một cái là đủ. Và hãy bỏ những con vịt đó khỏi cửa ra vào đi, trông rối mắt lắm."

Lúc ra về, với các bản vẽ kẹp dưới nách, Keating mỉm cười với Roark với vẻ biết ơn; nhưng liền đó, anh đi xuống cầu thang với cảm giác tổn thương và căm giận. Anh làm việc suốt ba ngày để hoàn thành các bản thiết kế mới từ bản vẽ phác của Roark; và để thiết kế một cái cầu thang mới, đơn giản hơn. Anh nộp bản vẽ ngôi nhà của mình cho Francon với cử chỉ đầy tự hào, trông như một sự cung tiến.

"Chà," Francon nói trong lúc xem, "chà, tôi phải thừa nhận... Cậu thật là có óc tưởng tượng, Peter... Thiết kế hơi khác thường, nhưng mà..." Ông ta hắng giọng và nói thêm: "Nó đúng như tôi đã hình dung."

"Tất nhiên rồi," Keating nói. "Cháu đã nghiên cứu các tòa nhà của bác và cố gắng đoán xem bác sẽ làm gì; và nếu thiết kế này đẹp thì chính là vì cháu biết cách nắm bắt các ý tưởng của bác."

Francon mỉm cười. Và Keating chợt nghĩ: Francon không thực sự tin vào điều này và ông ta biết chính Keating cũng không tin; nhưng cả hai đều đồng tình với nhau, ràng buộc chặt hơn với nhau bởi vì họ là những kẻ cùng hội cùng thuyền.

*

* *

Bức thư trên bàn làm việc của Cameron cho biết Ban giám đốc của Công ty Tín thác Chứng khoán lấy làm tiếc rằng, sau khi đã cân nhắc rất thận trọng, họ không thể chấp nhận các bản thiết kế của ông cho việc xây dựng tòa nhà chi nhánh mới của công ty ở Astoria và hợp đồng thiết kế đã được ký

với hãng Gould & Pettingill.

Một tờ séc được đính kèm với bức thư để thanh toán cho các bản phác thảo sơ bộ, như đã thỏa thuận; số tiền đó không đủ để trang trải chi phí thực hiện những bản vẽ đó.

Bức thư được để ngỏ trên bàn làm việc. Cameron ngồi trước nó, dựa người về phía sau, không chạm vào bàn, hai tay đặt trên đùi, hai mu bàn tay úp vào nhau, các ngón tay khép chặt. Nó chỉ là một mảnh giấy nhỏ nhưng ông ngồi co người lại và không cử động; như thể lá thư là một vật siêu nhiên, nó giống như chất phóng xạ Radium và nó đang phát ra các tia xạ có thể làm ông bị thương nếu ông cử động và để lộ làn da của mình.

Suốt ba tháng qua, ông đã chờ đợi hợp đồng với Công ty Tín thác Chứng khoán.

Trong hai năm qua, các cơ hội hiếm hoi đã lần lượt ra đi, sau khi thấp thoáng hiện ra trong những lời hứa mơ hồ và biến mất trong những lời từ chối thẳng thừng. Cách đây khá lâu, ông đã buộc phải để một nhân viên thiết kế nghỉ việc. Ông chủ nhà liên tục hỏi tiền thuê, lúc đầu là lịch sự, sau thì khô khan rồi thô lỗ và huỵch toẹt. Nhưng không ai trong văn phòng quan tâm đến điều đó cũng như những khoản nợ lương thường xuyên; bởi vì đã có hợp đồng của Công ty Tín thác chứng khoán rồi. Ông phó chủ tịch, người yêu cầu Cameron nộp bản thiết kế, đã nói rằng: "Tôi biết một số giám đốc sẽ không nhìn đến nó như tôi đâu. Nhưng cứ làm đi, ông Cameron. Chúng ta phải nắm lấy cơ hội này; tôi sẽ tranh đấu cho ông."

Cameron đã nắm lấy cơ hội. Ông và Roark đã làm việc với cường độ khủng khiếp – để hoàn thành các bản vẽ đúng thời hạn, trước thời hạn, trước khi hãng Gould & Pettingill có thể nộp bản vẽ của họ. Pettingill là anh họ của vợ ông chủ tịch Ngân hàng và là một người nổi tiếng am hiểu về các di tích Pompeii; còn ông chủ tịch Ngân hàng lại là người hâm mộ cuồng nhiệt Julius Caesar và một lần, khi ở Rome, ông đã dành một tiếng mười lăm phút đồng hồ để kính cẩn thăm viếng Đại hý trường La Mã.

Cameron và Roark và một bình cà phê đen đã sống ở văn phòng từ bình minh này đến bình minh khác trongnhiều ngày. Cameron đã ép mình phải quên đi những hóa đơn tiền điện mà ông thỉnh thoảng bất giác nghĩ đến. Các bóng điện vẫn thắp trong phòng thiết kế vào lúc sáng sớm khi ông yêu cầu Roark đi mua bánh mì kẹp và Roark thấy bình minh đã lên trên các đường phố khi mà màn đêm vẫn ngự trị trong văn phòng, trong các cửa sổ nhìn ra bức tường gạch cao. Vào ngày cuối cùng, chính Roark đã buộc Cameron phải về nhà sau nửa đêm vì bàn tay của Cameron run rẩy còn đầu gối ông phải liên tục dựa vào cái ghế đẩu cao dùng để ngồi thiết kế thì mới đứng vững được. Ông dựa vào nó một cách chậm chạp, thận trọng và ốm yếu.

Roark đưa ông xuống taxi và dưới ánh sáng một ngọn đèn đường, Cameron nhìn thấy khuôn mặt của Roark hõm sâu, đôi mắt cố mở to, đôi môi thì khô ráp. Buổi sáng hôm sau, Cameron bước vào phòng thiết kế và thấy bình cà phê trên sàn nhà, bên cạnh nó là một vũng nước đen và bàn tay của Roark đặt trong vũng nước đó, lòng bàn tay ngửa lên, các ngón tay khép hờ, người Roark nằm dài trên sàn, đầu ngửa ra sau, ngủ say như chết. Trên bàn, Cameron thấy các bản vẽ đã hoàn thành...

Ông ngồi nhìn bức thư trên bàn làm việc của mình. Điều tồi tệ là ông không thể nghĩ đến những đêm đã qua đó, ông không thể nghĩ đến tòa nhà đáng lẽ đã mọc lên ở Astoria và về tòa nhà giờ sẽ thay thế nó; ông chỉ nghĩ đến hóa đơn tiền điện chưa được thanh toán...

Trong hai năm qua, có lúc Cameron đã không có mặt tại văn phòng của mình trong nhiều tuần liền và Roark không thấy ông ở nhà. Anh biết điều gì đang xảy ra nhưng anh chỉ có thể chờ đợi và hy vọng rằng Cameron sẽ trở về an toàn. Rồi Cameron thậm chí mất cả cảm giác xấu hổ về tình trạng của mình; ông khật khưỡng đến văn phòng, không nhận ra một ai, say rượu một cách công khai và khoe khoang điều đó trước những bức tường của tòa nhà duy nhất trên trái đất mà ông tôn trọng.

Roark học cách đối mặt với người cho thuê nhà bằng một câu trả lời nhẹ nhàng, rằng anh không thể trả tiền thuê trong tuần tới; ông chủ nhà sợ anh và không kiên quyết đòi nữa. Bằng cách nào đó, Peter Keating biết được điều này – giống như anh luôn biết mọi thứ mà anh muốn biết. Anh đến căn phòng không có lò sưởi của Roark vào một buổi tối và ngồi xuống mà vẫn mặc nguyên áo khoác. Anh mở ví, lấy ra năm tờ mười đô và đưa cho Roark. “Cậu cần nó, Howard. Tôi biết là cậu cần nó. Đừng phản đối. Cậu có thể trả lại tôi bất kỳ lúc nào.” Roark nhìn anh, ngạc nhiên, nhận lấy số tiền và nói: “Đúng vậy, tôi cần nó. Cảm ơn anh, Peter.” Sau đó Keating nói: “Cậu đang làm cái quái gì vậy, phí phạm bản thân mình cho ông già Cameron à? Tại sao cậu lại muốn sống như vậy chứ? Dẹp nó đi, Howard, đến chỗ tôi. Tôi chỉ cần nói một tiếng là được. Francon sẽ rất mừng. Chúng tôi sẽ trả cậu mức lương khởi điểm là 60 đô một tuần.” Roark lấy tiền khỏi ví của mình và đưa lại cho Keating.

“Ồ, vì Chúa, Howard! Tôi... tôi không có ý xúc phạm cậu.”

“Tôi cũng vậy.”

“Thôi nào, Howard, hãy cầm tiền đi.”

“Tạm biệt anh, Peter.”

Roark đang nhớ lại chuyện này khi Cameron bước vào phòng thiết kế, bức thư của Công ty Tín thác Chứng khoán trong tay ông. Ông đưa bức thư

cho Roark, chẳng nói gì, quay ra và đi về phòng của mình. Roark đọc lá thư và đi theo ông. Bất kỳ khi nào họ bị mất thêm một hợp đồng, thì Roark biết Cameron muốn gặp anh trong phòng làm việc của mình, không phải để nói về chuyện đó; mà chỉ là để nhìn thấy anh ở đó, để nói về những chuyện khác và để cảm thấy an tâm về sự hiện diện của anh.

Trên bàn làm việc của Cameron, Roark nhìn thấy tờ *Ngọn cờ New York*.

Nó là tờ báo hàng đầu của tập đoàn Wynand nổi tiếng. Nó là tờ báo mà anh biết là có thể tìm thấy trong bếp, ở cửa hàng cắt tóc, trong một phòng thiết kế hạng ba, dưới tàu điện ngầm, ở bất kỳ chỗ nào, ngoại trừ trong văn phòng của Cameron. Cameron thấy anh nhìn nó và nhăn mặt.

"Tôi mua nó sáng nay trên đường đến đây đấy. Buồn cười, phải không? Tôi không biết là chúng ta sẽ... nhận được bức thư đấy vào hôm nay. Nhưng có vẻ chúng đẹp đôi đấy – tờ báo này và bức thư. Không biết tại sao tôi lại mua nó. Chắc là linh cảm về các biểu tượng liên quan đến nhau. Đọc đi, Howard. Thú vị lắm đấy!"

Roark đọc lướt qua tờ báo. Trang đầu tiên có hình một bà mẹ không hôn thú với đôi môi dày bóng nhẫy đã bắn chết người tình của mình; bức hình mở đầu cho kỳ đầu tiên của cuốn tự truyện và những tin chi tiết về phiên tòa xử bà ta. Các trang tiếp theo đưa tin một cuộc vận động chống lại các công ty dịch vụ công cộng (điện, nước, chất đốt); tử vi hàng ngày; trích đoạn các bài thuyết giáo của nhà thờ; công thức nấu ăn cho các cô dâu trẻ; ảnh các cô gái đẹp; tư vấn cách giữ chồng; thi bé khỏe bé đẹp; một bài thơ tuyên bố rằng rửa bát cao quý hơn soạn nhạc giao hưởng; một bài báo chứng minh rằng một phụ nữ đã sinh một đứa con thì tự động trở thành một vị thánh.

"Đó là câu trả lời cho chúng ta, Howard. Đó là câu trả lời cho cậu và cho tôi. Tờ báo này. Sự tồn tại của nó và việc nó được ưa chuộng. Cậu có thể đấu tranh chống lại điều đó không? Cậu có lời nào để nói cho họ nghe và làm cho họ hiểu không? Lẽ ra họ không cần gửi thư cho chúng ta làm gì. Họ chỉ cần gửi tờ *Ngọn cờ* của Wynand. Sẽ đơn giản và rõ ràng hơn nhiều. Cậu có biết rằng chỉ một vài năm nữa, cái thằng khốn nạn, vô liêm sỉ Gail Wynand đó sẽ thống trị thế giới này không? Sẽ là một thế giới tuyệt đẹp. Và có lẽ hắn ta đúng."

Cameron mở rộng tờ báo và để nó trong lòng bàn tay mình để ước lượng.

"Cho bọn chúng cái bọn chúng muốn, Howard, và để chúng tôn thờ vì đã liếm gót chân chúng... hay là... hay là... Ôi, đằng nào cũng thế... Chả còn nghĩa lý gì cả, chả nghĩa lý gì hết, thậm chí việc nó chả có ý nghĩa gì cũng chẳng còn quan trọng với tôi..."

Rồi ông nhìn Roark. Ông nói thêm:

“Giá mà tôi có thể cố gắng đến lúc tôi giúp cậu đứng được một mình, Howard...”

“Đừng nói đến chuyện đó.”

“Tôi muốn nói đến chuyện đó... Thật buồn cười, Howard, đến mùa xuân tới là cậu làm ở đây được ba năm. Cảm giác là lâu hơn thế nhiều, đúng không? Hừm, tôi đã dạy cậu cái gì chưa nhỉ? Tôi sẽ nói cho cậu biết: Tôi đã dạy cậu rất nhiều và chẳng gì cả. Không ai có thể dạy cậu bất kỳ cái gì – không thể dạy ở phần gốc rễ, nguồn cội của nó. Cái mà cậu đang làm – nó là của cậu, không phải của tôi, tôi chỉ có thể dạy cậu làm nó tốt hơn mà thôi. Tôi có thể đưa cho cậu phương tiện, chứ không phải là mục đích – mục đích là của chính cậu. Cậu sẽ không phải là tín đồ đi chắp vá những thứ nhỏ mọn từ thời tiền vua Giêm I hoặc hậu Cameron. Cậu sẽ trở thành... giá mà tôi có thể sống để thấy điều đó!”

“Bác sẽ sống để thấy điều đó. Và bác biết điều đó, ngay chính lúc này.”

Cameron đứng nhìn những bức tường trống không của văn phòng mình, các tập hóa đơn trắng trên bàn làm việc của mình, những vệt nước mưa đen như bồ hóng chầm chậm chạy dọc cửa sổ.

“Tôi không có câu trả lời nào cho chúng, Howard ạ. Tôi sẽ để cậu đối mặt với chúng. Cậu sẽ trả lời chúng. Tất cả bọn chúng – những tờ báo của Wynand, những cái làm cho những tờ báo như thế tồn tại, và cả những cái phía sau chúng. Giao cho cậu việc này là kỳ quặc. Tôi không biết câu trả lời của chúng ta là gì. Tôi chỉ biết rằng có một câu trả lời và rằng cậu đang nắm giữ nó, rằng cậu chính là câu trả lời, Howard, và một ngày nào đó, cậu sẽ tìm được từ ngữ để diễn tả nó.”

VI.

Cuốn *Những lời răn trên đá* của Ellworth M.Toohey được xuất bản vào tháng Mười một năm 1925.

Cuốn sách có một cái bìa khắc khổ màu xanh đen với một hàng chữ màu bạc đơn giản và một hình kim tự tháp bạc ở một góc. Nó có phụ đề *Kiến trúc cho mọi người* và thành công của nó thật vang dội. Nó giới thiệu toàn bộ lịch sử ngành kiến trúc, từ những túp lều trát bùn đến nhà chọc trời, bằng lời lẽ của một người bình thường, nhưng lại khiến cho những lời này nghe có vẻ khoa học.

Tác giả của nó tuyên bố trong phần Lời dẫn rằng đây là một nỗ lực "nhằm đưa kiến trúc về đúng vị trí của nó – về với con người." Ông ta tuyên bố thêm rằng ông mong muốn được thấy những người dân bình thường "nghĩ và nói về kiến trúc như là nói về bóng chày." Ông không làm người đọc buồn chán vì những nguyên lý kỹ thuật của Ngũ Luật[34], của cột kèo, của hoành ngang hay bê tông gia cố. Các trang sách của ông đầy những câu chuyện nội bộ về cuộc sống hàng ngày của các quản gia Ai Cập, của thợ chữa giày La Mã, cung phi của vua Louis XIV – họ ăn gì, tắm giặt ra sao, mua sắm ở đâu và nhà cửa của họ ảnh hưởng thế nào đến đời sống của họ. Tuy thế, người đọc dường như có cảm giác họ đang được học tất cả những gì họ cần về Ngũ Luật và bê tông gia cố.

Ông cho độc giả cảm tưởng rằng chẳng có vấn đề gì, chẳng có thành tựu nào và cũng chẳng có tư tưởng nào vượt quá cái sinh hoạt thường ngày của những người vô danh trong quá khứ cũng như trong hiện tại; rằng khoa học chẳng có mục đích và phương tiện thể hiện nào ngoài việc ảnh hưởng đến các sinh hoạt hàng ngày này; rằng chỉ cần sống cuộc sống hàng ngày là độc giả của ông đã đại diện được và đạt được tất cả những mục tiêu cao cả nhất của bất cứ nền văn minh nào. Sự chính xác khoa học của ông là hoàn hảo, sự uyên bác của ông thật đáng kinh ngạc; không ai có thể phản bác ông trong lĩnh vực dụng cụ nấu ăn của vương quốc Babylon hay thảm chùi chân Bi-zăng-tan. Ông viết với sự tinh tế và sống động như thể ông đang quan sát trực tiếp những gì mình viết lại. Ông không lê bước nặng nhọc qua các thế kỷ; ông khiêu vũ – các nhà phê bình nói – trên đại lộ của các thời đại, như một anh hề, một người bạn, và một nhà tiên tri.

Ông nói: kiến trúc thực sự là môn nghệ thuật vĩ đại nhất trong các môn nghệ thuật bởi vì nó vô danh – giống như tất cả sự vĩ đại bao giờ cũng vô danh. Ông nói: thế giới có rất nhiều công trình nổi tiếng, nhưng có ít nhà kiến trúc nổi tiếng – và điều này là đúng đắn, bởi không có một người nào có

thể một mình tạo ra bất kỳ cái gì có giá trị trong kiến trúc, hay trong bất cứ ngành nào khác – nếu anh ta chỉ một mình. Một số ít những người có tên tuổi thì thực ra chỉ là những kẻ mạo danh đã chiếm đoạt vinh quang của công chúng giống như có những kẻ chiếm đoạt của cải của công chúng. "Khi chúng ta ngắm nhìn sự tráng lệ của một tượng đài cổ và quy thành tích tạo ra nó cho một người, thì chúng ta đã mắc tội "biển thủ tinh thần[35]." Chúng ta quên mất đội ngũ những nhà kiến trúc, những người chẳng ai biết đến, chẳng ai tung hô, những người đã đi trước con người nổi tiếng kia, trong bóng tối của các thời đại đã qua, những người lao động một cách khiêm nhường – mọi sự anh hùng đều khiêm nhường – để đóng góp phần nhỏ của mình vào kho tàng chung của thời đại họ. Một công trình vĩ đại không phải là phát minh riêng của một thiên tài nào đó. Nó đơn thuần là sự đúc kết tinh thần của cả một dân tộc."

Ông giải thích rằng thời kỳ suy đồi của kiến trúc đã đến khi mà chủ nghĩa tư hữu thế chỗ cho tinh thần công xã của thời Trung cổ, và rằng sự ích kỷ của những kẻ tư hữu – những kẻ xây dựng không vì mục đích nào khác ngoài thỏa mãn thị hiếu tầm thường của họ – đã hủy hoại cái đẹp bao đời của các thành phố. Ông chứng minh rằng không hề có cái gọi là tự do ý chí, bởi vì động lực sáng tạo của con người, giống như mọi thứ khác, được quyết định bởi cấu trúc kinh tế của thời kỳ mà họ sống. Ông bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với tất cả các phong cách kiến trúc vĩ đại trong lịch sử, đồng thời cảnh báo việc kết hợp chúng một cách bừa bãi. Ông bác bỏ kiến trúc hiện đại và tuyên bố rằng "Cho đến nay, kiến trúc hiện đại chẳng đại diện cho bất cứ cái gì ngoài ý thích nhất thời của những cá nhân bị cô lập; nó không có dáng dấp của bất cứ phong trào tự phát mang tính quần chúng nào và vì thế nó sẽ không thể có một hiệu ứng nào với quần chúng. Ông tiên đoán một thế giới tốt đẹp hơn sẽ đến, nơi mà mọi người sẽ là anh em, nơi các công trình xây dựng sẽ hài hòa với nhau, và giống nhau – tất cả đều theo kiến trúc Hy Lạp cổ đại, thứ kiến trúc "mẹ đẻ của nền dân chủ." Khi viết đến đây, ông làm cho người đọc thấy rõ – mà không phá vỡ giọng điệu trầm tĩnh của mình – rằng dưới những dòng chữ được in mạch lạc mà người ta đang đọc là một bản thảo run rẩy vì người viết đã run lên vì xúc động. Ông kêu gọi các kiến trúc sư hãy từ bỏ việc tìm kiếm vinh quang cá nhân để hiến mình cho những kiến trúc xứng đáng là hóa thân của tinh thần dân tộc họ. "Kiến trúc sư là đầy tớ chứ không phải ông chủ. Họ không nên phô phang cái tôi nhỏ mọn của họ mà phải phô bày linh hồn của dân tộc cũng như nhịp điệu thời đại họ sống. Họ không nên chạy theo những ảo tưởng cá nhân mà phải tìm kiếm cái mẫu số chung, cái sẽ đưa các công trình của họ lại gần với trái tim của công chúng. Kiến trúc sư – các bạn của tôi – họ không nên lý luận. Họ không phải người chỉ huy; mà họ là người thừa hành.

Quảng cáo cho cuốn *Những lời răn trên đá* là những lời trích dẫn các nhà phê bình: "Tuyệt vời!", "Một thành tựu vĩ đại!", "Không có đối thủ trong lịch sử nghệ thuật!", "Cơ hội cho bạn làm quen với một người đàn ông quyến rũ và một nhà tư tưởng sâu sắc.", "Sách bắt-buộc-phải-đọc với tất cả những ai muốn mình mang danh trí thức."

Có vẻ như rất nhiều người muốn mang danh hiệu trí thức. Người đọc đạt được sự uyên bác mà không cần học hành, có sự thành thạo mà không cần tốn phí, có khả năng đánh giá mà không phải trải qua nỗ lực nào. Thật dễ chịu khi có thể ngắm các công trình và nhận xét về chúng một cách chuyên nghiệp bằng cách ghi nhớ trang 439; khi có thể tổ chức các buổi thảo luận nghệ thuật và trao đổi những câu trích dẫn giống hệt nhau từ cùng một đoạn văn. Trong các phòng thiết kế danh tiếng, người ta nhanh chóng được nghe "Kiến trúc à? Phải rồi, Ellsworth Toohey."

Theo nguyên tắc cá nhân, Ellsworth Toohey không kể tên bất cứ kiến trúc sư nào trong các trang chính của quyển sách vì "phương pháp xây dựng huyền thoại hay tôn thờ các cá nhân anh hùng của ngành nghiên cứu lịch sử luôn luôn làm tôi khó chịu." Ông để tên của tất cả các kiến trúc sư vào phần chú thích ở bên dưới mỗi trang. Một số chú thích này có đề cập đến Guy Francon, "người có xu hướng hơi quá hoa mỹ nhưng cần được tuyên dương vì sự trung thành với truyền thống nghiêm ngặt của Chủ nghĩa Cổ điển." Có một chú thích đề cập đến Henry Cameron – "nổi tiếng một thời như một trong những cha đẻ của cái gọi là trường phái kiến trúc hiện đại nhưng từ đó đã bị đào thải vào trong lãng quên một cách đích đáng."

Tháng Hai năm 1925, Henry Cameron ngừng công việc kiến trúc.

Một năm qua, ông đã biết ngày này sẽ đến. Ông đã không nói chuyện này với Roark, nhưng cả hai đều biết và vẫn tiếp tục làm việc, chẳng chờ đợi điều gì ngoài việc cứ tiếp tục làm việc cho đến khi nào còn có thể. Một vài hợp đồng chảy nhỏ giọt vào văn phòng của họ trong năm qua – vài túp lều ở nông thôn, vài cái ga-ra ô-tô, vài hợp đồng tu sửa các tòa nhà cũ. Họ nhận bất cứ việc gì. Nhưng rồi những giọt nước nhỏ này cũng ngừng. Ống nước cạn khô. Nguồn nước đã bị cắt bởi một xã hội mà Cameron đã không chịu thanh toán cho họ[36].

Simpson và ông già lễ tân đã được cho nghỉ từ lâu. Chỉ còn Roark ở lại – ở lại để ngồi yên cho qua những buổi tối mùa đông và để nhìn thấy cơ thể của Cameron gục xuống trên bàn làm việc, hai cánh tay xoài ra, đầu gục trên cánh tay, một chai rượu lấp lánh dưới ánh đèn.

Thế rồi, vào một ngày tháng Hai, sau nhiều tuần lễ không động đến rượu, Cameron với lấy một cuốn sách trên giá và đổ gục xuống chân Roark, bất

ngờ, đơn giản, dứt khoát. Roark đưa ông về nhà; bác sĩ nói rằng chỉ cần ông bước ra khỏi giường cũng đủ là bản án tử hình cho ông. Cameron biết điều đó. Ông nằm im trên gối, hai bàn tay ngoan ngoãn đặt hai bên người, đôi mắt không chớp và trống rỗng. Rồi ông nói:

"Howard, cậu sẽ đóng cửa văn phòng cho tôi, được không?"

"Vâng," Roark nói.

Cameron nhắm mắt, và không nói gì nữa, và Roark ngồi cả đêm bên giường ông, chẳng biết ông già có ngủ hay không.

Một người chị của Cameron xuất hiện từ một nơi nào đó ở New Jersey. Đó là một bà già nhỏ bé với mái tóc bạc trắng, đôi tay run run và một khuôn mặt người ta sẽ không bao giờ nhớ. Bà ít nói, kín đáo và yếu ớt. Bà có một khoản thu nhập ít ỏi và nhận trách nhiệm đưa em trai về nhà mình ở New Jersey; bà chưa bao giờ lấy chồng và chẳng còn ai thân thích khác trên đời; bà chẳng vui cũng chẳng buồn về gánh nặng này; bà đã mất hết các năng lực cảm xúc từ cách đây nhiều năm.

Ngày ông ra đi, Cameron đưa cho Roark lá thư ông đã viết đêm hôm trước, viết một cách khó nhọc, với một bảng vẽ cũ kỹ trên đầu gối, một cái gối tựa lưng. Lá thư đề địa chỉ một kiến trúc sư nổi tiếng. Đó là thư giới thiệu việc làm cho Roark. Roark đọc nó và – nhìn thẳng vào Cameron chứ không phải vào tay mình – xé đôi lá thư, gấp hai mảnh vừa xé lại và xé tiếp.

"Không," Roark nói. "Bác sẽ không xin họ cái gì hết. Đừng lo cho cháu."

Cameron gật đầu và im lặng một lúc lâu.

Rồi ông nói:

"Howard, cậu sẽ đóng cửa văn phòng. Cậu sẽ để họ giữ lại đồ đạc thay cho tiền thuê nhà. Cậu sẽ lấy bản vẽ trên tường trong phòng tôi và gửi nó cho tôi. Chỉ mỗi nó thôi. Cậu sẽ đốt hết mọi thứ khác. Tất cả giấy tờ, hồ sơ, bản vẽ, hợp đồng, mọi thứ."

"Vâng," Roark nói.

Bà Cameron đến cùng những người hộ lý và một cái cáng; họ đi bằng một chiếc xe cứu thương đến bến phà. Tại cổng xuống phà, Cameron nói với Roark:

"Bây giờ thì về đi." Ông nói thêm: "Cậu sẽ đến thăm tôi, Howard... Đừng quá thường xuyên..."

Roark quay người và bước đi trong khi người ta đưa cáng Cameron vào bến. Đó là một buổi sáng xám xịt và không khí mang mùi tanh tưởi lạnh lẽo của biển. Một con hải âu lượn thấp xuống mặt đường; trông nó xám xịt như

một mảnh báo trôi dạt, rồi đậu xuống góc một hòn đá ẩm ướt, vằn vện.

Tối đó, Roark đến văn phòng đã đóng cửa của Cameron. Anh không bật đèn lên. Anh nhóm lửa trong cái bếp lò hiệu Franklin trong phòng Cameron, và dốc hết ngăn kéo này đến ngăn kéo khác vào lửa mà chẳng hề nhìn chúng. Những tờ giấy sột soạt khô khốc trong tĩnh lặng, một mùi ẩm mốc nhẹ nhàng lan tỏa trong căn phòng tối, và ngọn lửa rít lên, lách tách, bùng lên thành những vệt sáng rực. Đôi lúc một mẩu giấy trắng với phần mép đã bị đốt thành than bay phật ra khỏi ngọn lửa. Anh đẩy nó trở lại bằng phần đầu của một chiếc thước kẻ làm bằng thép.

Chúng là các bức tranh vẽ những công trình nổi tiếng mà Cameron đã xây và chưa xây; chúng là các bản thiết kế trên giấy xanh với những đường kẻ trắng mỏng biểu hiện các xà nhà của các công trình hiện đang đứng đâu đó; chúng là những hợp đồng với những chữ ký nổi tiếng; và đôi lúc, từ trong ánh lửa rực sáng lóe lên một con số tổng với bảy chữ số viết trên giấy vàng, lóe sáng rồi biến mất giữa những tia lửa mảnh dẻ bùng lên.

Từ đống thư từ trong một tập tài liệu cũ, một mẩu báo rơi xuống sàn. Roark nhặt nó lên. Nó khô, giòn và ngả vàng, bị vỡ tan ở những chỗ gấp và trong các ngón tay anh. Đó là một bài phỏng vấn Henry Cameron, đề ngày bảy tháng Năm năm 1892. Bài báo viết: "Kiến trúc không phải là một ngành kinh doanh, không phải là một nghề nghiệp, mà là một cuộc thập tự chinh và sự dâng hiến cho một niềm vui mà chính nó là lý do khiến cho Trái đất này tồn tại được." Anh thả mẩu báo vào lửa và với tay lấy một tập tài liệu khác.

Anh nhặt nhạnh mọi mẩu bút chì từ bàn của Cameron và ném nốt chúng vào lửa.

Anh đứng cạnh bếp lò. Anh không động đậy, anh không nhìn xuống; anh cảm thấy sự chuyển động của ánh lửa, cảm thấy cái rùng mình rất khẽ trong cái bóng của mình. Anh nhìn vào bức vẽ cái tòa nhà chọc trời chưa từng được xây ở trên bức tường trước mặt anh.

*

* *

Đó là năm thứ ba Peter Keating làm việc ở công ty Francon & Heyer. Anh luôn ngẩng đầu cao và chú ý giữ thân người thẳng đứng – trông anh giống hình ảnh một người đàn ông trẻ thành đạt trong những quảng cáo dao cạo râu đắt tiền hoặc quảng cáo chiếc xe hơi giá bình dân.

Anh ăn mặc bảnh bao và theo dõi việc mọi người nhận thấy sự bảnh bao đó. Anh có một căn hộ ở Đại lộ Park, một căn hộ khiêm tốn nhưng hợp thời trang, và anh mua ba bức họa quý giá cũng như bản in đầu tiên của một tác

phẩm cổ điển mà anh chưa bao giờ đọc và cũng chưa hề mở ra kể từ lúc mua. Đôi lúc anh đi cùng khách hàng đến Nhà hát Thành phố. Anh xuất hiện, một lần, tại vũ hội hóa trang nghệ thuật và được rất nhiều người chú ý nhờ bộ cánh thợ xẻ đá thời Trung cổ, áo nhung tím và quần bó; người ta nhắc đến anh trong bài tường thuật sự kiện này trên trang xã hội; đấy là lần đầu tiên tên anh được nhắc trên báo – anh cắt bài báo ra, cất nó đi.

Anh đã quên mất tòa nhà đầu tiên anh thiết kế, quên luôn cả nỗi sợ và nghi ngờ về sự ra đời của nó. Anh đã học được rằng mọi chuyện thật đơn giản. Khách hàng của anh sẽ chấp nhận bất cứ cái gì, miễn là anh cho họ một mặt tiền thật hoành tráng, một cổng vào oai vệ và một phòng khách vương giả, để họ làm cho khách khứa phải kinh ngạc. Điều này làm tất cả các bên đều hài lòng: Keating hài lòng nếu khách hàng hài lòng, còn khách hàng sẽ hài lòng nếu như khách đến nhà họ choáng ngợp; còn khách đến nhà thì thế nào cũng xong.

Bà Keating cho thuê ngôi nhà của bà ở Stanton và dọn đến ở với anh ở New York. Anh chẳng muốn bà đến; nhưng anh không thể từ chối – vì bà là mẹ anh và người ta nghiễm nhiên hiểu là anh sẽ không từ chối. Anh gặp bà với một chút háo hức; ít nhất anh có thể gây ấn tượng với bà về sự thăng tiến của anh. Nhưng bà chẳng có ấn tượng gì; bà kiểm tra các phòng của anh, quần áo của anh, các sổ sách ngân hàng của anh và chỉ nói: "Thế là tốt, Petey ạ – hiện tại cứ thế đã..."

Bà đến thăm văn phòng anh một lần và ra về trong vòng nửa tiếng. Tối đó anh phải ngồi yên suốt một tiếng rưỡi đồng hồ, vừa nắm vừa bẻ các đốt ngón tay khùng khục, trong khi bà đưa ra những lời khuyên cho anh. "Petey, cái anh chàng Whithers mặc một bộ vét đắt tiền hơn của con. Thế không được. Con phải để ý đến uy tín của mình trước họ. Còn cái cậu nhỏ con mà đem các bản vẽ vào phòng ấy – mẹ không thích cái kiểu nó nói với con... Ồ, cũng chẳng có gì, nhưng nếu là mẹ thì mẹ sẽ để mắt đến nó một chút... Còn cái thằng mũi dài thì chẳng phải bạn bè gì của con đâu... Đừng hỏi tại sao, mẹ biết – thế thôi... Cẩn thận với anh chàng có tên Bennett đấy nhá. Mẹ mà là con thì mẹ sẽ loại hắn ngay. Hắn rất tham vọng. Mẹ biết những dấu hiệu của việc này..."

Rồi bà hỏi:

"Guy Francon... Ông ta có con cái gì không?"

"Một con gái."

"Ồ..." bà Keating nói. "Con bé thế nào?"

"Con chưa gặp bao giờ."

“Thế đấy, Peter” bà nói, “con thật là thô lỗ với ông Francon khi không đến thăm gia đình ông ấy.”

“Cô ấy đi học đại học ở xa mẹ ạ. Lúc nào đó con sẽ gặp cô ấy. Bây giờ muộn rồi mẹ ạ, và con có rất nhiều việc phải làm ngày mai...”

Nhưng anh nghĩ về chuyện này tối hôm đó và cả ngày hôm sau nữa. Trước đó anh đã nghĩ về chuyện này và thường xuyên nghĩ. Anh biết rằng con gái của Francon tốt nghiệp đại học đã lâu và hiện đang làm cho tờ *Ngọn cờ New York*. Cô phụ trách một mục nhỏ về trang trí nhà cửa. Ngoài ra anh chẳng biết gì khác về cô. Chẳng ai trong văn phòng có vẻ biết cô cả. Francon không bao giờ nói về cô.

Ngày hôm sau, vào bữa trưa, Keating quyết định đề cập đến chủ đề này.

“Cháu nghe nói nhiều điều rất hay về con gái bác,” anh nói với Francon.

“Cậu nghe những điều rất hay về nó ở đâu?” Francon hỏi với vẻ không vui.

“Ồ, bác biết đấy, ai chả hóng chuyện. Và cô ấy viết rất hay.”

“Phải, nó viết rất hay.” Miệng Francon mím chặt.

“Thật sự là, bác Guy, cháu rất muốn gặp cô ấy.”

Francon nhìn anh và thở dài mệt mỏi.

“Cậu biết là nó không sống với tôi,” Francon nói. “Nó có một căn hộ của riêng nó – Tôi cũng không chắc tôi có nhớ nổi địa chỉ của nó không nữa... Rồi cậu sẽ gặp nó một ngày nào đó. Cậu sẽ không thích nó đâu, Peter.”

“Nào, tại sao bác lại nói thế?”

“Thì chuyện nó thế đấy, Peter. Với tư cách là cha thì tôi e là tôi đã hoàn toàn thất bại... Nào thế bà Mannering nói gì về cách sắp xếp cầu thang mới?”

Keating cảm thấy tức giận, thất vọng – và nhẹ nhõm. Anh nhìn thân hình mập lùn của Francon và tự hỏi không biết cô con gái ông đã kế thừa ở cha những nét gì về ngoại hình mà bị ông bố không ưa ra mặt đến thế. Hẳn cô ta giàu có và xấu xí khủng khiếp – như hầu hết tất cả bọn họ – anh kết luận. Anh nghĩ điều này sẽ không ngăn cản anh – một ngày nào đó. Anh thấy vui chỉ vì ngày đó đang được trì hoãn. Anh nghĩ, với sự háo hức mới, rằng anh sẽ đi gặp Catherine tối nay.

Bà Keating đã gặp Catherine ở Stanton. Bà đã hy vọng rằng Peter sẽ quên. Giờ đây bà biết anh chưa quên, mặc dù anh ít khi nói về Catherine và chẳng bao giờ mang cô về nhà. Bà Keating không nhắc đến tên Catherine. Nhưng bà nói về việc những cô gái không một xu dính túi bám chặt lấy các

chàng trai trẻ xuất chúng để đào mỏ, về những anh chàng đầy hứa hẹn nhưng sự nghiệp bị hủy hoại vì lấy phải người đàn bà không hợp; và bà đọc cho anh mọi bài báo kể về những người nổi tiếng đã phải ly dị người vợ bình dân vì người vợ không môn đăng hộ đối.

Trong lúc đi bộ đến nhà Catherine tối hôm đó, Keating nghĩ những lần hiếm hoi anh gặp cô – chúng thật chẳng phải sự kiện quan trọng gì, thế mà chúng lại là những ngày duy nhất mà anh nhớ được về cả quãng thời gian sống ở New York.

Khi cô mở cửa cho anh vào, anh thấy giữa phòng khách của chú cô là một đống thư từ nằm khắp trên thảm, một chiếc máy chữ di động, báo chí, kéo, hộp và một lọ keo dán.

"Ôi trời ơi!" Catherine thốt lên, ngồi thụp xuống trên hai đầu gối giữa đống rác bừa bãi. "Ôi trời ơi!"

Cô nhìn anh, cười hiền lành, hai tay vươn ra trên những đống giấy trắng nhàu nhĩ. Bây giờ cô đã gần hai mươi tuổi mà trông vẫn chẳng già hơn chút nào so với hồi mười bảy.

"Anh ngồi xuống đi Peter. Em đã nghĩ em sẽ làm xong trước khi anh đến, nhưng bây giờ thì rõ là em không thể. Đây là thư từ những người hâm mộ chú em và các bài báo về chú. Em phải phân loại chúng, trả lời và lưu trữ chúng, phải viết thư cảm ơn và... Ôi, anh phải xem một vài thứ mà người ta viết cho chú em mới được! Thật tuyệt vời. Đừng đứng như thế anh. Anh ngồi xuống đi! Một phút nữa là em xong ngay mà."

"Em phải xong ngay bây giờ!" anh vừa nói vừa đưa tay nhấc cô lên và đưa cô đến một chiếc ghế.

Anh ôm cô và hôn cô và cô cười hạnh phúc, đầu cô ngả trên vai anh. Anh nói:

"Katie, em ngốc không thể tưởng được và tóc em thơm quá đi mất!"

Cô nói: "Ngồi yên nào, Peter. Em đang rất dễ chịu."

"Katie, anh muốn nói với em, hôm nay anh có một ngày tuyệt vời. Chiều nay họ chính thức khai trương Tòa nhà Bordman. Em biết đấy, ngay trên phố Broadway, hai mươi ba tầng và một ngọn tháp kiểu Gothic trên mái. Francon bị đau bụng, nên anh đến đó đại diện cho ông ấy. Mà đằng nào anh cũng là người thiết kế tòa nhà đó và... Mà thôi, em chẳng biết đâu..."

"Nhưng em biết mà, Peter. Em đã thấy tất cả các tòa nhà anh thiết kế. Em có ảnh chúng. Em cắt chúng ra từ báo. Và em đang làm một quyển sưu tầm ảnh, giống như quyển của chú em. Ôi Peter, nó thật tuyệt vời!"

“Cái gì?”

“Những quyển sổ sưu tầm ảnh của chú em ấy mà, cả những lá thư gửi cho chú ấy... tất cả những cái này...” Cô vươn tay về phía đống giấy trên sàn, như thể muốn ôm lấy chúng. “Nghĩ mà xem, những bức thư này đến từ khắp nơi trên đất nước, từ những người hoàn toàn xa lạ, thế mà chú ấy có ý nghĩa thật nhiều đối với họ. Và em đang ở đây giúp chú ấy, em, một người vô danh tiểu tốt, nhìn xem em có trách nhiệm lớn đến thế nào! Thật là cảm động và lớn lao. Chúng thì có ý nghĩa gì cơ chứ – những thứ lặt vặt có thể xảy ra với chúng ta ấy? – khi so sánh với cái có liên quan đến bao nhiêu người thế này!”

“Thế à? Chú em bảo em thế à?”

“Chú chẳng bảo em cái gì cả. Nhưng người ta không thể sống với chú ấy hàng năm mà không nhiễm sự... sự vị tha tuyệt vời của chú ấy.”

Keating muốn nổi giận, nhưng anh nhìn thấy nụ cười long lanh của cô, thấy ngọn lửa mới trong cô, và anh buộc phải cười đáp lại.

“Anh sẽ nói cho em cái này, Katie: em ngày càng xinh lên, rất xinh. Em biết không, em có thể trông tuyệt vời nếu em học cách ăn mặc. Một ngày nào đó anh sẽ phải tóm lấy em và lôi em đến một hiệu may đo tử tế. Anh muốn em gặp Guy Francon lúc nào đó. Em sẽ thích ông ấy.”

“Ồ thế ạ? Em tưởng anh từng nói là em sẽ không thích ông ấy.”

“Anh đã nói thế à? Thực ra trước đây anh cũng chẳng hiểu ông ấy lắm. Ông ấy là một người rất tuyệt. Nói chung anh muốn em gặp tất cả bọn họ. Em sẽ... nào nào, em định đi đâu đấy?” Cô đã nhìn đồng hồ đeo tay của anh và đang chuồi ra khỏi anh.

“Em... Gần chín giờ rồi Peter ạ, và em phải làm xong cái này trước khi chú Ellsworth về. Chú ấy sẽ về trước 11 giờ, tối nay chú ấy phát biểu ở một hội nghị công nhân. Em sẽ vừa làm việc vừa nói chuyện với anh, có sao không ạ?”

“Có sao đấy! Mặc kệ cái đám hâm mộ ông chú quý hóa của em đi! Cứ để chú em tự mà giải quyết cái đống thư đó. Em ngồi nguyên đây cho anh!”

Cô thở dài, nhưng rồi lại ngoan ngoãn tựa đầu lên vai anh. “Anh không được nói như thế về chú Ellsworth nhé. Anh không hiểu chú ấy một tí nào đâu. Anh đã đọc sách của chú ấy chưa?”

“Rồi! Anh đã đọc sách của ông ấy và nó rất vĩ đại, nó tuyệt vời, nhưng đi đâu anh cũng toàn phải nghe về cuốn sách chết tiệt của chú ấy rồi, cho nên mình có thể đổi đề tài câu chuyện được không?”

“Anh vẫn không muốn gặp chú Ellsworth à?”

“Tại sao? Cái gì làm em nói như thế? Anh muốn gặp chú ấy mà.”

“Ồ...”

“Sao nào?”

“Có lần anh đã nói rằng anh không muốn gặp chú ấy thông qua em mà.”

“Anh đã nói thế à? Làm sao mà em cứ luôn nhớ những thứ vớ vẩn anh nói thế nhỉ?”

“Peter, em không muốn anh gặp chú Ellsworth.”

“Tại sao lại không?”

“Em không biết. Em thật vớ vẩn. Nhưng bây giờ em không muốn anh gặp chú ấy. Em cũng không biết tại sao.”

“Thế thì quên chuyện đó đi vậy. Anh sẽ gặp chú ấy khi có dịp. Katie, nghe anh này, hôm qua anh đứng cạnh cửa sổ phòng anh, và anh nghĩ về em, và anh muốn có em bên cạnh đến mức suýt nữa anh gọi em, nhưng lúc đó quá muộn rồi. Anh cảm thấy cô đơn, anh muốn có em khủng khiếp, anh...”

Cô lắng nghe, hai cánh tay choàng quanh cổ anh. Và sau đó anh thấy cô đột nhiên nhìn vượt qua anh, miệng há ra thất kinh; cô nhảy lên, lao qua phòng, và bò trên đầu gối và hai tay để với lấy một chiếc phong bì màu xanh nhạt dưới gầm bàn.

“Lại còn cái gì nữa thế?” anh cáu kỉnh hỏi.

“Đây là một lá thư rất quan trọng,” cô nói, vẫn quỳ gối, chiếc phong bì kẹp chặt trong nắm tay nhỏ, “đây là một lá thư rất quan trọng và nó đã ở chỗ đó mới chết chứ, gần như trong sọt rác rồi, em mà không để ý thì rất có thể đã quét nó đi rồi. Thư này là từ một bà góa nghèo có năm con và con trai cả của bà ấy muốn trở thành một kiến trúc sư và chú Ellsworth định thu xếp một học bổng cho cậu ấy.”

“Dào ôi,” Keating nói, đứng dậy, “anh ngán chuyện này đến tận cổ rồi. Mình ra khỏi đây đi Katie. Mình đi bộ đi! Ngoài trời hôm nay đẹp lắm. Ở đây em có vẻ không phải là chính em nữa.”

“Thôi được rồi! Mình đi bộ vậy.”

Ngoài trời, tuyết đang rơi – thứ tuyết khô, mịn, nhẹ bỗng treo lơ lửng trong không khí, lấp đầy những đường phố chật hẹp. Họ đi bên nhau, cánh tay Catherine ép vào cánh tay anh, bàn chân họ để lại những vệt dài màu nâu trên vỉa hè trắng tuyết.

Họ ngồi trên một chiếc ghế băng ở Quảng trường Washington. Tuyết phủ

kín quảng trường, tách rời họ khỏi những ngôi nhà và thành phố phía xa. Qua bóng mái vòm, những chấm ánh sáng nhỏ lăn qua người họ, sáng trắng, xanh và đỏ sậm.

Cô ngồi nép sát vào người anh. Anh ngắm thành phố. Anh luôn sợ nó và lúc này vẫn sợ nó; nhưng anh có hai thứ mỏng manh để bảo vệ mình: tuyết và cô gái cạnh anh.

"Katie," anh thì thầm, "Katie..."

"Em yêu anh, Peter..."

"Katie," anh nói, không do dự, không nhấn mạnh, vì sự chắc chắn trong lời nói của anh không cho phép bất kỳ sự kích động nào, "như này là chúng mình đính hôn rồi, đúng không em?"

Anh thấy cằm của cô khẽ động đậy khi nó cúi xuống rồi nâng lên để thốt ra một từ.

"Vâng," cô dịu dàng nói, trang trọng đến mức lời nói nghe như thờ ơ.

Cô chưa bao giờ cho phép mình tự hỏi về tương lai, vì hỏi có nghĩa là tự thừa nhận sự nghi ngờ. Nhưng cô biết – khi cô thốt ra từ "vâng" – rằng cô đã chờ đợi giây phút này và cô sẽ phá vỡ nó nếu như cô tỏ ra quá hạnh phúc.

"Một hoặc hai năm nữa," anh vừa nói vừa nắm chặt tay cô, "chúng mình sẽ cưới nhau. Ngay sau khi anh ổn định được và có vị thế vững chắc lâu dài trong công ty. Anh phải chăm sóc mẹ anh, nhưng chỉ một năm nữa thôi là mọi chuyện sẽ ổn cả." Anh cố nói một cách bình thản và thực tế để không phá hỏng cảm giác tuyệt diệu mà anh đang trải qua.

"Em sẽ đợi, Peter ạ," cô thì thầm. "Chúng mình không cần phải vội."

"Chúng mình sẽ không kể với ai, Katie nhé... Đây là bí mật của chúng mình, chỉ của chúng mình thôi, cho đến khi..." Và bỗng nhiên một ý nghĩ đến với anh, và anh thất kinh nhận ra rằng anh không thể chứng minh nó chưa bao giờ đến với anh trước đó; nhưng thành thật mà nói thì anh biết, mặc dù nó làm anh kinh ngạc, rằng anh chưa bao giờ nghĩ đến nó trước đó. Anh đẩy cô sang một bên. Anh giận dữ nói: "Katie! Em không nghĩ đó là vì ông chú vĩ đại đáng nguyền rủa của em chứ?"

Cô cười; tiếng cười nhẹ nhàng và vô tư lự, và anh biết rằng anh đã được thanh minh.

"Chúa ơi, không, Peter! Tất nhiên là chú ấy sẽ không thích thế, nhưng chúng ta cần gì cơ chứ?"

"Chú ấy sẽ không thích thế? Tại sao?"

“Ồ, em không nghĩ là chú ấy thích chuyện cưới xin. Không phải vì chú ấy rao giảng điều gì trái đạo đức, mà là vì chú ấy luôn bảo em rằng hôn nhân là lỗi thời rồi, chỉ là một công cụ kinh tế để kéo dài thể chế tư hữu, hoặc một thứ gì tương tự như thế mà chú ấy không thích.”

“Tuyệt quá nhỉ! Chúng ta sẽ cho chú ấy thấy.”

Bằng tất cả sự chân thành, anh thấy vui vì điều đó. Nó đã giải tỏa, không phải khỏi đầu óc anh (anh đã biết là nó vô tội), nhưng khỏi đầu óc của tất cả những người khác mối nghi ngờ rằng trong tình yêu của anh dành cho cô có một chút tính toán như trong trường hợp đối với... đối với con gái của Francon, chẳng hạn. Anh nghĩ: thật lạ khi anh coi trọng điều này; và thật lạ là anh mong mỏi có thể giữ cho quan hệ của anh với cô hoàn toàn tách rời những ràng buộc với người khác.

Anh ngửa cổ ra phía sau và cảm thấy những bông tuyết cắn vào môi mình. Sau đó anh quay lại và hôn cô. Môi cô mềm mại và lạnh vì tuyết.

Mũ của cô đã trượt sang một bên, môi cô hé mở, mắt cô tròn, trông bơ vơ, lông mi cô lấp lánh. Anh giữ lòng bàn tay cô ngửa lên và nhìn nó: cô đeo một chiếc găng tay len màu đen, những ngón tay xòe ra vụng về như bàn tay một đứa trẻ; anh thấy những giọt tuyết tan trong đám sợi len của chiếc găng; chúng sáng lấp lánh trong ánh đèn của một chiếc xe chạy vụt qua.

VII.

Bản tin của hiệp hội kiến trúc sư Hoa kỳ, trong mục *Lặt vặt*, đăng một tin ngắn thông báo Henry Cameron đã về hưu. Sáu dòng tin tóm tắt những thành tựu ông đạt được trong kiến trúc và in sai chính tả tên hai tòa nhà đẹp nhất của ông.

Peter Keating bước vào văn phòng của Francon và làm gián đoạn cuộc mặc cả đang hồi cao trào của Francon với một nhà buôn đồ cổ về một chiếc hộp thuốc lá hít từng thuộc về Phu nhân Pompadour. Francon đang bị dồn vào chỗ phải trả thêm 8 đô la 25 xu so với mức mà ông dự tính. Ông ta cáu kỉnh quay sang Keating, sau khi nhà buôn đồ cổ đã đi, và hỏi:

"Thế nào, lại chuyện gì nữa đây, Peter, chuyện gì đây?"

Keating ném bản tin xuống bàn của Francon, ngón tay trỏ xuống đoạn nói về Cameron.

"Cháu cần có người này," Keating nói.

"Người nào?"

"Howard Roark."

"Howard Roark là đứa chết tiệt nào?" Francon hỏi.

"Cháu đã nói với bác về cậu ấy rồi mà. Đó là người thiết kế của Cameron."

"À... ờ, đúng rồi, tôi nghĩ là cậu đã nói rồi. Thế thì đi lôi cậu ta về đi."

"Bác có cho cháu được toàn quyền quyết định chuyện này không?"

"Ôi dào? Tuyển thêm một thợ vẽ nữa thì có cái quái gì ghê gớm cơ chứ? Mà này, cậu làm gián đoạn cuộc mua bán của tôi chỉ vì *chuyện này* à?"

"Người này có thể khó khăn. Và cháu muốn có người này trước khi cậu ta quyết định đi làm cho một công ty khác."

"Thế cơ à? Anh chàng này sẽ làm khó cho ta về chuyện này cơ đấy! Cậu định vật nài xin anh ta đến *đây* sau khi đã làm cho Cameron hả? Làm việc ở văn phòng của Cameron chẳng phải là một lời giới thiệu hay ho cho một thanh niên trẻ tuổi đâu."

"Thật thế sao, bác Guy?"

"Ừ thì... nếu nói về mặt cấu trúc, chứ không phải về thẩm mỹ, thì Cameron đúng là có tạo cho họ một nền tảng vững chắc và... Tất nhiên, Cameron khá là quan trọng trong thời của ông ta. Thực ra thì chính tôi đã

từng là một trong những thợ vẽ giỏi nhất của ông ấy, cách đây lâu lắm rồi. Trong chuyện luyện người làm thì đúng là ông già Cameron có tài thật. Thôi, tiến hành đi. Tuyển Roark đi nếu cậu nghĩ cậu cần anh ta."

"Không phải cháu thực sự cần cậu ta. Nhưng đó là một người bạn cũ của cháu, và đang thất nghiệp, và cháu nghĩ giúp được cậu ấy thì nên giúp."

"Được rồi, cậu muốn làm gì thì làm đi. Chỉ cần đừng có làm phiền tôi về chuyện đó là được... Nói đi, Peter, cậu có nghĩ đây là cái hộp thuốc lá hít đẹp nhất cậu từng nhìn thấy không?"

Tối hôm đó, Keating – không hề báo trước – trèo lên căn phòng của Roark, hồi hộp gõ cửa, và bước vào một cách vui vẻ. Anh thấy Roark đang ngồi trên cửa sổ hút thuốc.

"Tình cờ đi ngang qua" Keating nói, "mà lại đang rỗi rãi; rồi tôi nhớ ra cậu sống ngay đây, Howard; và tôi nghĩ tôi sẽ ghé qua thăm cậu một cái vì đã lâu không gặp."

"Tôi biết anh muốn gì rồi," Roark nói. "Được rồi. Bao nhiêu?"

"Cậu có ý gì, hả Howard?"

"Anh biết tôi có ý gì."

"Sáu mươi nhăm đô một tuần," Keating buột miệng. Đây không phải là phương án tinh vi mà anh đã chuẩn bị trước, thế nhưng anh đã không lường trước rằng chẳng cần phương án nào hết. "Sáu mươi nhăm đô là lương khởi điểm. Nếu cậu nghĩ như thế chưa đủ, thì có thể tôi sẽ..."

"Sáu mươi nhăm đô là đủ."

"Cậu... cậu sẽ đến làm việc với chúng tôi hả, Howard?"

"Bao giờ anh muốn tôi bắt đầu?"

"Thì... càng sớm càng tốt! Thứ Hai?"

"Được"

"Cảm ơn, Howard!"

"Với một điều kiện," Roark nói. "Tôi sẽ không làm bất kỳ một công việc thiết kế nào hết. Không gì hết. Không vẽ chi tiết. Không vẽ nhà chọc trời kiểu Louis XV nào. Hãy để tôi tránh xa phần mỹ thuật nếu anh muốn giữ tôi ở đó. Hãy để tôi làm trong bộ phận kỹ thuật. Cho tôi đi giám sát công trình, ở công trường ấy. Nào, giờ thì anh có muốn tôi vào làm nữa không?"

"Tất nhiên rồi. Điều kiện nào cũng được. Cậu sẽ thích chỗ đó, cậu cứ chờ xem. Cậu sẽ thích Francon. Chính ông ấy cũng từng làm cho Cameron đấy."

“Ông ta chẳng nên khoe khoang về việc đó.”

“Ừm...”

“Không. Đừng lo gì cả. Tôi sẽ không nói thế trước mặt ông ta đâu. Tôi sẽ chẳng nói gì với bất cứ ai. Đó có phải là điều anh muốn biết không?”

“Ôi, không, tôi không lo gì cả, tôi thậm chí không nghĩ đến điều đó.”

“Thế thì mọi chuyện đã xong. Chào anh. Gặp lại vào thứ Hai.”

“À, ừ... nhưng tôi cũng chẳng vội lắm, thực ra tôi đến để gặp cậu và...”

“Có chuyện gì vậy, Peter? Có gì làm anh lo lắng à?”

“Không... Tôi...”

“Anh muốn biết vì sao tôi nhận lời làm chứ gì?” – Roark cười, chẳng bực bội mà cũng chẳng quan tâm – “Có phải thế không? Tôi sẽ nói cho anh, nếu anh muốn biết. Tôi chẳng quan tâm mình sẽ làm việc tiếp ở đâu. Tôi chẳng muốn làm việc cho bất cứ kiến trúc sư nào ở đây cả. Nhưng tôi phải làm việc ở đâu đó, cho nên chỗ đó có là ông Francon của anh thì cũng chẳng sao – nếu tôi có thể nhận được cái tôi muốn. Tôi đang bán mình, và tôi sẽ bán mình kiểu đó – ít nhất là vào lúc này.”

“Thật sự, Howard ạ, cậu không cần phải nhìn sự việc như thế. Chẳng có giới hạn nào về việc thăng tiến của cậu trong công ty bọn tôi, một khi cậu đã quen với nó. Rồi cậu sẽ thấy một văn phòng thực sự trông như thế nào. Sau cái ổ chuột của Cameron...”

“Chó chết, chúng ta sẽ không nói chuyện đó, Peter!”

“Tôi không định phê phán hay... tôi không có ý gì cả.” Keating không biết phải nói gì và cũng chẳng biết nên cảm thấy thế nào. Đó là một chiến thắng, nhưng nó có vẻ trống rỗng. Nhưng dù sao đó cũng vẫn là một chiến thắng và anh cảm thấy anh muốn có thể yêu mến Roark.

“Howard, ra ngoài uống chút gì đó đi, đại loại là để ăn mừng dịp này.”

“Xin lỗi Peter. Đó không phải một phần của công việc.”

Khi đến đây, Keating đã chuẩn bị tinh thần để huy động tối đa sự cẩn thận và tế nhị của mình; anh đã đạt được mục đích mà anh không nghĩ mình sẽ đạt được; anh biết anh không nên mạo hiểm, không nên nói gì nữa và nên đi. Nhưng có một cái gì đó không thể giải thích được, một cái gì vượt trên tất cả những tính toán thực dụng, đang thúc đẩy anh. Anh buột miệng nói:

“Cậu có thể là con người một lần trong đời cậu được không?”

“Cái gì?”

“Là con người! Đơn giản. Tự nhiên.”

“Nhưng tôi là con người.”

“Chẳng lẽ cậu không bao giờ thoải mái được à?”

Roark cười, bởi anh đang ngồi trên khung cửa sổ và dựa vào tường một cách trễ nải, đôi chân dài đung đưa, điếu thuốc lá kẹp hờ hững giữa những ngón tay thả lỏng.

“Ý tôi không phải thế!” Keating nói. “Tại sao cậu không thể ra ngoài uống nước với tôi?”

“Để làm gì?”

“Tại sao lúc nào cậu cũng cần phải có mục đích thế? Tại sao lúc nào cậu cũng cứ phải nghiêm túc quá thể như thế? Cậu không thể làm việc mà không cần lý do như mọi người khác được à? Cậu quá nghiêm túc, quá già nua. Cái gì với cậu cũng nghiêm trọng, cũng vĩ đại, cũng ý nghĩa, mọi giây, mọi phút, ngay cả khi cậu ngồi yên. Chả nhẽ cậu không thể thoải mái ra một chút à? Không thể vớ vẩn đi một chút được à?

“Không.”

“Cậu không mệt mỏi vì phải làm người hùng à?”

“Tôi có gì là người hùng?”

“Chẳng gì cả. Tất cả. Tôi không biết. Nó không phải là việc cậu làm. Nó là cái mà cậu làm cho mọi người xung quanh cậu cảm thấy.”

“Cái gì?”

“Cái không-bình-thường. Sự căng thẳng. Khi tôi ở cạnh cậu – nó luôn luôn giống như một lựa chọn. Hoặc cậu – hoặc phần còn lại của thế giới. Tôi không muốn kiểu lựa chọn đấy. Tôi không muốn là người ngoài cuộc. Tôi muốn là người trong cuộc. Thế giới có rất nhiều điều đơn giản và dễ chịu. Không phải lúc nào cũng phải đấu tranh và từ bỏ. Nhưng mà với cậu thì lúc nào là đấu tranh và từ bỏ.”

“Tôi đã từ bỏ cái gì?”

“Ồ, cậu sẽ chẳng bao giờ từ bỏ cái gì cả! Cậu sẽ bước qua xác người ta để đạt được cái cậu muốn. Nhưng cậu từ bỏ chính bằng cách không bao giờ ham muốn nó.”

“Đó là bởi vì người ta không thể muốn cả hai thứ.”

“Hai thứ gì?”

“Nghe này, Peter. Tôi chưa bao giờ nói với anh những điều anh vừa nói.

Cái gì làm cho anh thấy như thế? Tôi chưa bao giờ yêu cầu anh phải lựa chọn giữa tôi và bất kỳ cái gì khác. Cái gì làm anh cảm thấy có một sự lựa chọn? Cái gì làm cho anh khó chịu khi cảm thấy điều đó – nếu mà anh chắc chắn rằng tôi sai?"

"Tôi... tôi không biết." Anh nói thêm: "Tôi không biết cậu đang nói về cái gì." Và sau đó anh đột ngột hỏi:

"Howard, tại sao cậu lại căm ghét tôi?"

"Tôi không căm ghét anh."

"Đấy, vấn đề là ở đấy! Thế ít nhất tại sao cậu lại không căm ghét tôi?"

"Tại sao tôi lại phải căm ghét anh?"

"Để ít nhất cũng cho tôi một cái gì đó. Tôi biết cậu không thể thích tôi. Cậu không thể thích ai cả. Bởi vậy sẽ tử tế hơn khi công nhận sự tồn tại của mọi người bằng cách căm ghét họ."

"Tôi không tử tế Peter ạ."

Và khi Keating thấy không có gì để nói nữa, Roark nói thêm:

"Về nhà đi Peter. Anh đã có cái anh muốn. Hãy để mọi sự như thế. Hẹn gặp anh thứ Hai."

*

* *

Roark đứng cạnh một chiếc bàn trong phòng vẽ của hãng Francon & Heyer, một chiếc bút chì trong tay, một sợi tóc vàng cam rủ xuống mặt anh, chiếc áo khoác màu xám mặc theo quy định trông giống một bộ áo tù trên người anh.

Anh đã học cách chấp nhận công việc mới của mình. Những dòng kẻ anh vẽ là những đường thẳng tượng trưng cho các thanh rầm sắt, và anh cố không nghĩ đến việc những thanh rầm này sẽ đỡ những gì. Thỉnh thoảng, việc này trở nên khó khăn. Đứng chắn giữa anh và bản vẽ tòa nhà anh-đang-phải-vẽ là bản vẽ tòa nhà như-lẽ-ra-phải-thế. Anh nhìn thấy rõ anh có thể làm gì với nó nếu được quyền, anh nhìn rõ anh có thể thay đổi những đường vẽ như thế nào, đưa những nét chì đi đâu để có thể có công trình tuyệt vời. Anh phải nuốt chửng sự thấy-biết đó. Anh phải tiêu diệt tưởng tượng của mình. Anh phải tuân lệnh và vẽ những đường người ta ra lệnh cho anh. Điều đó làm tổn thương anh đến mức anh rùng mình trong sự giận dữ tê điếng. Anh nghĩ: khó à? – khó thì học đi.

Nhưng nỗi đau vẫn ở lại – cùng với nó là một sự hoang mang vô vọng.

Cái mà anh nhìn thấy còn hiện thực hơn nhiều lần so với cái thực tại của giấy tờ, văn phòng và công việc. Anh không thể hiểu cái gì đã làm cho những người khác đui mù trước *nó*, và cái gì làm cho họ có thể thờ ơ vô cảm đến vậy. Anh nhìn tấm giấy trước mặt. Anh tự hỏi tại sao sự phi lý lại tồn tại và ngự trị. Anh chưa bao giờ biết điều đó. Và cái thế giới đã cho phép sự phi lý tồn tại và ngự trị chưa bao giờ có thực với anh.

Nhưng anh biết rằng những thứ này sẽ không tồn tại mãi – anh phải đợi – đó là nhiệm vụ duy nhất của anh: chờ đợi – việc anh cảm thấy gì không quan trọng – đấy là việc phải làm – anh phải đợi.

"Ông Roark, ông đã xong cái khung sắt cho cái tum[37] kiểu Gothic của Tòa nhà Đài Phát thanh Hoa Kỳ chưa?"

Anh chẳng có bạn nào trong phòng vẽ. Anh ở đó giống như một thứ đồ đạc, cũng hữu ích, cũng vô danh tính và yên lặng như thế. Chỉ có ông trưởng phòng kỹ thuật, sếp của Roark, là nói với Keating, hai tuần sau khi Roark vào làm việc: "Cậu có đầu óc hơn là tôi tưởng đấy Keating ạ. Cảm ơn." "Vì cái gì?" Keating hỏi. "Vì một thứ mà chắc cậu tình cờ mang lại" ông trưởng phòng nói.

Thỉnh thoảng Keating ghé lại bàn của Roark để nói khẽ: "Cậu ghé vào văn phòng tôi khi xong việc tối nay được không Howard? Cũng không có gì quan trọng đâu."

Khi Roark đến, Keating mở đầu bằng cách hỏi: "Thế nào, cậu thích ở đây chứ Howard? Nếu có gì cậu muốn thì cậu cứ nói và tôi sẽ..." Roark ngắt lời: "Nó đâu?" Keating liền lấy những bản vẽ từ một ngăn kéo và nói: "Tôi biết là cứ như thế này thì cũng được, cứ để nguyên kiến trúc thế này; nhưng mà cậu nghĩ sao, một cách đại thể ấy?" Roark nhìn vào những bản vẽ, và mặc dù anh muốn ném chúng vào mặt Keating và bỏ việc, nhưng một ý nghĩ ngăn anh lại: ý nghĩ rằng đây là một tòa nhà và rằng anh phải cứu nó, giống như người ta không thể bỏ mặc một người chết đuối mà không nhảy xuống cứu.

Để rồi anh làm việc hàng tiếng đồng hồ, đôi lúc cả đêm, trong khi Keating ngồi xem. Anh quên bẵng sự có mặt của Keating. Anh chỉ nhìn thấy một tòa nhà và cơ hội được tạo hình dáng cho nó. Anh biết rằng rồi người ta sẽ sửa đổi, sẽ đục khoét, và bóp méo nó. Dù thế, một trật tự và sự hợp lý nào đó sẽ vẫn được duy trì. Tòa nhà vẫn sẽ đẹp hơn so với những gì sẽ xảy ra, nếu anh từ chối thiết kế.

Đôi lúc, khi nhìn vào một bản phác thảo đơn giản, sạch sẽ, và trung thực hơn những bản khác, Roark sẽ nói: "Cũng không tồi, Peter ạ. Anh đang tiến bộ đấy." Và Keating sẽ cảm thấy một niềm vui nhỏ, kỳ lạ – một niềm vui lặng lẽ, riêng tư và quý giá mà anh không bao giờ cảm thấy từ những lời

khen của Guy Francon, từ khách hàng, và tất cả những người khác. Nhưng rồi anh sẽ quên điều đó và cảm thấy thỏa mãn hơn nhiều khi một quý bà giàu có thì thào bên một tách trà: "Anh sẽ trở thành kiến trúc sư giỏi nhất nước Mỹ, Keating ạ," mặc dù bà ta chưa bao giờ nhìn thấy các tòa nhà của anh.

Anh đã tìm được cách đền bù cho việc chịu nhịn Roark. Anh sẽ bước vào phòng vẽ vào buổi sáng, ném một công việc chép bản vẽ hạng bét lên bàn Roark và nói: "Howard, chép lại cho tôi, được chứ? – và nhanh lên đấy." Vào buổi trưa, anh sẽ cử một nhân viên đến bàn của Roark và nói lớn: "Ông Keating muốn gặp ông tại văn phòng của ông ấy ngay lập tức." Anh sẽ bước ra khỏi văn phòng, đi về phía Roark và nói to cho cả phòng nghe thấy: "Mấy cái chỉ tiêu kỹ thuật của hệ thống ống nước Đường 12 ở chỗ quái nào thế nhỉ? A, Howard, cậu làm ơn lục trong đống hồ sơ và lôi nó ra cho tôi được không?"

Lúc đầu, anh sợ Roark sẽ phản ứng. Khi anh thấy Roark không phản ứng, chỉ lặng lẽ tuân lệnh, thì anh không thể kìm mình hơn được nữa. Anh cảm thấy một sự thỏa mãn đầy nhục cảm trong việc ra lệnh cho Roark; và anh cũng cảm thấy một cơn giận dữ điên cuồng trước sự tuân phục thụ động của Roark. Anh tiếp tục làm thế vì biết rằng anh chỉ có thể tiếp tục làm thế chừng nào Roark không tỏ ra tức giận; đồng thời, anh lại khát khao được làm cho Roark bùng nổ cơn tức giận. Nhưng chẳng có sự bùng nổ nào hết.

Roark thích những ngày mà anh được cử ra ngoài để thị sát các tòa nhà đang được xây dựng. Anh bước qua những khung nhà bằng thép một cách tự nhiên hơn cả bước đi trên hè phố. Những người công nhân quan sát một cách tò mò khi thấy anh đi trên những miếng ván hẹp, trên những thanh rầm trần trụi bắc giữa khoảng không, một cách dễ dàng như người thạo việc nhất trong bọn họ.

Đó là một ngày tháng Ba, và bầu trời mang màu xanh nhạt với dấu ấn đầu tiên của mùa xuân. Trong Công viên Trung tâm, cách bầu trời vài trăm mét[38] mặt đất hòa với màu trời bằng một sắc nâu hứa hẹn sẽ trở thành màu xanh lá cây, và những hồ nước trông giống những mảnh gương nằm dưới những tấm mạng đan bằng những cành cây khẳng khiu. Roark bước trên nền một công trình khách sạn lớn, và dừng lại trước một người thợ điện đang làm việc.

Người này đang chăm chỉ uốn những đường cáp điện xung quanh một thanh rầm. Đây là một công việc đòi hỏi nhiều giờ căng thẳng và kiên nhẫn, trong một không gian hẹp mà mỗi cử động đều phải tính toán. Roark đứng, hai tay đút túi quần, xem người thợ làm việc một cách chậm chạp và khó nhọc.

Người này ngẩng đầu lên và thình lình quay sang anh. Anh ta có một cái đầu to và một khuôn mặt xấu tới mức nó trở nên thú vị; nó không già cũng không chảy xệ, nhưng nhăn thành những vệt sâu và cái cằm to khỏe xệ xuống giống như má của giống chó bulldog[39]; một đôi mắt làm người ta giật mình – to, tròn, và xanh như men sứ.

"Thế nào?" người đàn ông nói một cách giận dữ, "nhìn gì thế hả Tóc Đỏ[40]?"

"Anh đang tiêu phí thời gian," Roark nói.

"Thế hả?"

"Thật đấy."

"Đừng có nói vớ vẩn!"

"Anh sẽ mất hàng giờ mới uốn được mấy cái ống của anh xung quanh cái rầm ấy."

"Cậu biết cách làm tốt hơn à?"

"Tất nhiên rồi."

"Biến đi, nhóc con. Bọn tao không thích mấy thằng nhãi từ đại học lăng xăng ra vẻ ta đây."

"Anh hãy đục một lỗ trong thanh rầm ấy và đâm những ống cách điện xuyên qua đó."

"*Cái gì*?"

"Đục một lỗ qua thanh rầm."

"Điên mà làm thế!"

"Có điên mới không làm thế."

"Không ai làm thế cả."

"Tôi đã làm thế."

"*Cậu*?"

"Người ta làm thế khắp nơi."

"Nhưng không phải ở đây. Tôi không làm thế."

"Thế thì tôi sẽ làm cho anh."

Người đàn ông gầm lên. "Gớm nhỉ! Mấy thằng nhãi văn phòng đòi làm việc của người lớn cơ đấy!"

"Đưa cho tôi đèn hàn."

“Cẩn thận đấy cậu nhóc! Nó sẽ làm bỏng những ngón chân hồng hào xinh xẻo của cậu!”

Roark đeo găng tay và kính hàn của người đàn ông, cầm cây đèn hàn a-xê-ty-len, quỳ xuống, và dí một ngọn lửa xanh vào đúng giữa thanh rầm. Người đàn ông đứng theo dõi anh. Cánh tay của Roark vững chãi, kiểm soát chặt chẽ ngọn lửa chói sáng đang kêu xì xì. Anh rùng mình chút xíu vì sức mạnh của nó, nhưng vẫn giữ chắc nó ở đúng vị trí mục tiêu. Không hề có dấu hiệu của căng thẳng hay nỗ lực trong cả thân người thả lỏng của anh, ngoại trừ cánh tay. Dường như sức mạnh màu xanh đang từ từ ăn qua miếng kim loại không phải đến từ ngọn lửa mà từ chính bàn tay đang cầm nó.

Roark làm xong, đặt đèn hàn xuống, và đứng lên.

“Lạy Chúa!” người thợ điện nói. “Cậu đúng là biết dùng đèn hàn đấy!”

“Trông có vẻ thế đúng không?” Anh tháo găng tay, kính hàn, và đưa trả nó cho người thợ điện. “Từ bây giờ anh cứ làm thế đi. Anh bảo với người đốc công là tôi bảo thế.”

Người thợ điện kính cẩn nhìn vết cắt sắc gọn xuyên qua thanh rầm. Anh ta thì thầm: “Cậu học hàn ở đâu thế hả Tóc Đỏ?”

Nụ cười vui vẻ chậm rãi của Roark chấp nhận sự đầu hàng này. “À, tôi đã từng là thợ điện, và thợ nước, và thợ tán đinh, và nhiều thứ nữa.”

“Và vẫn đi học trong lúc đi làm?”

“Phải, theo một nghĩa nào đó.”

“Sẽ thành một kiến trúc sư chứ?”

“Vâng.”

“Thế thì cậu sẽ là kiến trúc sư đầu tiên biết một cái gì đó ngoài những bức tranh đẹp đẽ và những tiệc trà đấy. Cậu nên nhìn những cục cưng mọt sách mà văn phòng gửi xuống đây.”

“Nếu anh đang xin lỗi thì không cần đâu. Tôi cũng chẳng thích mấy người đó. Anh tiếp tục làm việc đi. Tạm biệt.”

“Tạm biệt Tóc Đỏ.”

Lần tiếp theo khi Roark xuất hiện ở chỗ đó, người thợ điện mắt xanh vẫy chào anh từ phía xa, và gọi anh tới để xin ý kiến anh về công việc; anh ta nói tên anh ta là Mike và rằng anh đã ngóng chờ Roark mấy hôm rồi. Vào lần viếng thăm tiếp theo, khi ca làm việc ban ngày đã gần hết, Mike đợi ở ngoài chờ Roark thị sát công trình. “Đi làm một cốc bia chứ Tóc Đỏ?” anh ta mời, khi Roark bước ra ngoài. “Tất nhiên rồi,” Roark nói, “cảm ơn anh.”

Họ ngồi bên một chiếc bàn trong góc một cửa hàng rượu dưới tầng hầm, và uống bia; Mike kể câu chuyện ưa thích của mình về việc anh ta đã ngã từ tầng năm xuống khi một chiếc giàn giáo bị gãy và anh đã bị gẫy ba xương sườn nhưng vẫn còn sống để kể chuyện này; Roark kể về những ngày anh đi làm thợ. Mike có tên thật là Sean Xavier Donnigan, nhưng mọi người đã quên cái tên này từ lâu; anh ta có một bộ dụng cụ và một chiếc xe Ford cổ, và tồn tại với mục đích duy nhất là đi khắp đất nước từ công trình xây dựng lớn này đến công trình xây dựng lớn khác. Mike không để ý lắm tới con người, nhưng anh để ý nhiều tới việc họ làm. Anh tôn thờ sự thành thạo trong bất cứ lĩnh vực nào. Anh say mê công việc của mình và không thể chịu được bất kỳ điều gì ngoài sự cống hiến hết mình. Anh rất thành thạo trong lĩnh vực của mình và không đồng cảm với bất cứ cái gì ngoài sự thành thạo. Quan điểm của anh về thế giới rất đơn giản: có những người có khả năng và những người không có khả năng; anh không quan tâm đến nhóm thứ hai. Anh say mê các tòa nhà. Tuy nhiên anh khinh bỉ tất cả những kiến trúc sư.

"Chỉ trừ một người, Tóc Đỏ ạ" Mike nói một cách say sưa sau khi uống hết năm vại bia "chỉ trừ một người nhưng cậu lại quá trẻ để biết người này, nhưng đó là người duy nhất biết xây dựng. Tôi làm việc cho ông ấy khi tôi bằng tuổi cậu."

"Ai thế?"

"Tên ông ấy là Henry Cameron. Ông ấy chết rồi, tôi đoán thế, nhiều năm rồi."

Roark nhìn anh một lúc lâu rồi nói: "Bác ấy chưa chết, Mike ạ," và nói thêm: "Tôi đã từng làm cho bác ấy."

"Cậu đã làm cho ông ấy hả?"

"Gần ba năm."

Họ nhìn nhau lặng lẽ, và đó là con dấu cuối cùng đóng lên tình bạn của họ.

Vài tuần sau, một hôm Mike giữ Roark lại ở công trường; khuôn mặt xấu xí của anh ta trông bối rối. Anh hỏi: "Này, Tóc Đỏ, tớ nghe sếp bảo một anh chàng trong hội nhà thầu rằng cậu vênh váo, cứng đầu, và là anh chàng khó chịu nhất mà hắn gặp phải. Cậu đã làm gì hắn thế?"

"Chẳng gì cả."

"Thế hắn nói thế là nghĩa lý quái gì nhỉ?"

"Tôi không biết," Roark nói. "Anh có biết không?"

Mike nhìn anh, nhún vai và cười.

“Không,” Mike nói.

VIII.

Đầu tháng năm, Peter Keating đi Washington để giám sát việc xây dựng một bảo tàng do một nhà hảo tâm cung hiến cho thành phố để lương tâm bớt cắn rứt.

Nhà bảo tàng này – Keating tự hào tuyên bố – sẽ phải hoàn toàn khác biệt: nó không phải sự tái tạo đền Parthenon, mà là sự tái tạo công trình Maison Carrèe ở Nimes[41].

Sau khi Keating đi được một thời gian, một hôm, một nhân viên trẻ trong văn phòng đi đến bàn làm việc của Roark và thông báo rằng ông Francon muốn gặp anh trong văn phòng ông ta. Khi Roark bước vào thánh đường này, Francon mỉm cười từ phía sau bàn và vui vẻ nói: "Ngồi xuống đi anh bạn. Ngồi xuống..." nhưng một cái gì đó trong mắt của Roark, đôi mắt mà ông ta chưa bao giờ nhìn gần, khiến cho giọng của Francon chùng lại và dừng hẳn, rồi ông ta nói thêm một cách khô khan: "Ngồi xuống."

Roark tuân lời. Francon chăm chú nhìn anh trong một giây, nhưng không thể đưa ra một kết luận nào ngoài việc anh chàng này có một khuôn mặt khó chịu nhất, thế nhưng trông anh ta vẫn có vẻ dễ bảo.

"Anh là người đã làm cho Cameron đúng không?" Francon hỏi.

"Vâng," Roark trả lời.

"Cậu Keating đã nói những điều rất tốt về anh," Francon cố gắng tỏ ra dễ chịu và dừng lại. Sự lịch sự này có vẻ uổng phí; Roark chỉ ngồi nhìn ông ta, chờ đợi.

"Nghe này... tên anh là gì nhỉ?"

"Roark."

"Nghe này, Roark. Chúng ta có một khách hàng hơi... lập dị một chút, nhưng ông ta là một người quan trọng, một người rất quan trọng, và chúng ta phải làm ông ta hài lòng. Ông ấy vừa giao cho chúng ta việc thiết kế một tòa nhà văn phòng trị giá tám triệu đô la, nhưng vấn đề là ông ấy đã có ý tưởng rất rõ ràng về việc tòa nhà ấy phải trông như thế nào. Ông ta muốn nó phải..." Francon nhún vai ra ý thanh minh, với ý phủ nhận mọi trách nhiệm đi kèm yêu cầu ngớ ngẩn của khách hàng – "ông ta muốn nó phải trông thế này." Francon đưa cho Roark một tấm ảnh. Đó là tấm ảnh Tòa nhà Dana.

Roark ngồi yên, tấm hình kẹp giữa các ngón tay.

"Anh có biết cái nhà đó không?" Francon hỏi.

“Có.”

“Thì đấy, đấy là cái ông ta muốn đấy. Và Keating thì lại đang đi vắng. Tôi đã giao cho Bennett và Cooper và Williams vẽ phác thảo, nhưng ông ta không thích. Cho nên tôi nghĩ tôi sẽ cho anh một cơ hội.”

Francon nhìn anh, tự thấy ấn tượng với sự cao thượng hàm chứa trong lời đề nghị của mình. Nhưng chẳng có một phản ứng gì cả. Chỉ có một người trông như thể anh ta vừa bị ai đánh vào đầu.

“Tất nhiên,” Francon nói, “việc này hơi quá sức anh, nó sẽ là một nhiệm vụ hơi lớn, nhưng tôi nghĩ tôi sẽ để anh thử. Đừng sợ. Keating và tôi sẽ duyệt lại sau khi anh làm xong. Anh chỉ cần vẽ phác thảo mặt bằng và lập một bản phác khối thật tốt thôi. Anh hẳn là tưởng tượng được ý của khách hàng. Anh biết các thủ thuật của Cameron mà. Tất nhiên chúng ta không thể để một thứ thô thiển như thế này được làm ra từ văn phòng chúng ta. Chúng ta phải chiều ý khách hàng, nhưng cũng phải bảo vệ uy tín của mình và không làm các khách hàng khác sợ mà bỏ đi. Cho nên tóm lại là phải thiết kế nó đơn giản, có hơi hướng của tòa nhà này, nhưng cũng phải có tính nghệ thuật. Anh biết đấy, theo phong cách cổ điển của Hy Lạp. Anh không phải tuân theo kết cấu Ionic mà cứ dùng kiểu Doric ấy. Các trán tường và khung đơn giản thôi, hoặc đại khái thế. Hiểu không? Giờ thì cầm lấy cái này và cho tôi xem anh có thể làm được gì. Bennett sẽ nói cho anh các thông số cụ thể và... Có chuyện gì sa... o?”

Lời nói của Francon tự động ngừng lại.

“Thưa ông Francon, làm ơn cho tôi thiết kế theo cách Tòa nhà Dana đã được thiết kế.”

“Hử?”

“Hãy để tôi làm. Không phải sao chép nguyên xi Tòa nhà Dana, mà cho phép tôi thiết kế nó như thể Henry Cameron sẽ làm; và tôi sẽ làm đúng như thế.

“Ý anh là theo phong cách hiện đại á?”

“Tôi... vâng, cứ gọi như thế đi.”

“Anh điên à?”

“Ông Francon, xin hãy nghe tôi.” Lời Roark giống như bước chân của một người đi trên một sợi dây, chậm chạp, căng thẳng, cân nhắc để đặt được chân vào điểm cân bằng duy nhất, run rẩy trước vực thẳm, nhưng chính xác. “Tôi không trách ông vì những gì ông đang làm. Tôi đang làm việc cho ông, tôi đang nhận tiền của ông, tôi chẳng có quyền phản đối gì cả. Nhưng lần này... lần này chính khách hàng đề nghị như thế. Ông không mạo hiểm bất

cứ cái gì. Khách muốn như thế. Ông nghĩ đi, có một người thấy, hiểu và muốn nó, và có khả năng xây dựng nó. Ông định đấu tranh với khách hàng lần đầu tiên trong đời ư – mà đấu tranh cho cái gì cơ chứ? Để lừa ông ta và quăng cho ông ta thứ rác rưởi cũ rích, trong khi ông đã có bao nhiêu người khác xin thứ rác đó, và một người, chỉ một người, đến với một đề nghị thế này?"

"Anh quên anh là ai rồi à?" Francon lạnh lùng hỏi.

"Nó có ảnh hưởng gì đến ông đâu. Xin cứ để tôi làm theo cách của tôi và cho ông ta xem. Chỉ đưa cho ông ta xem. Ông ấy đã loại ba bản phác thảo, nên có loại thêm bản thứ tư thì đã sao? Nhưng nếu ông ta không loại... nếu ông ta không loại..."

Roark chưa bao giờ biết cầu khẩn và lần này anh làm việc đó không tốt lắm; giọng anh cứng, không âm sắc, thể hiện rõ sự nỗ lực, khiến cho lời thỉnh cầu trở thành sự lăng nhục đối với người đã làm anh phải khẩn cầu. Keating hẳn sẽ cực kỳ muốn thấy Roark trong lúc này. Nhưng Francon không thể đánh giá hết được giá trị của chiến thắng mà ông ta là người đầu tiên đạt được; ông ta chỉ nhận thấy sự lăng nhục.

"Theo tôi hiểu" – Francon hỏi – "thì hình như anh đang phê phán và lên lớp tôi về kiến trúc?"

"Tôi đang cầu xin ông." Roark nói, hai mắt anh nhắm.

"Nếu anh không phải là người được Keating bảo trợ thì tôi sẽ không buồn thảo luận thêm với anh. Nhưng vì anh rõ ràng là rất ngây thơ và thiếu kinh nghiệm nên tôi sẽ nói để anh biết là tôi không có thói quen hỏi quan điểm mỹ thuật từ những người thiết kế của tôi. Anh sẽ nhận bức ảnh này; tôi không muốn có bất kỳ tòa nhà nào theo kiểu Cameron sẽ thiết kế; tôi muốn mô hình của cái này phải được biến đổi theo ý chúng ta – và anh sẽ làm đúng những chỉ dẫn của tôi về việc xây mặt tiền theo lối cổ điển."

"Tôi không thể làm thế." Roark nói rất khẽ.

"Gì cơ? Anh đang nói với tôi đấy à? Có phải anh định nói là: 'Xin lỗi, tôi không thể làm thế'?"

"Tôi không nói 'xin lỗi', ông Francon."

"Thế anh nói gì?"

"Tôi nói tôi không thể làm thế."

"Vì sao?"

"Ông không muốn biết tại sao đâu. Đừng bảo tôi thiết kế gì cả. Tôi sẽ làm bất kỳ việc gì ông muốn. Nhưng không phải là thiết kế. Và không phải là với

các công trình của Cameron.”

“Anh nói sao, không thiết kế à? Anh định trở thành kiến trúc sư, phải không?”

“Không phải theo cách thế này.”

“Ồ... tôi hiểu rồi... Vậy là anh không thể làm được? Ý anh là anh sẽ không làm?”

“Nếu ông muốn nói như vậy?”

“Nghe đây, đồ ngu ngốc hỗn xược, thật không thể tin được!”

Roark đứng dậy:

“Tôi có thể đi được không, ông Francon?”

“Cả đời tôi” Francon gầm gừ “chưa bao giờ tôi gặp việc gì giống như thế này cả! Anh dám cả gan nói với tôi anh sẽ làm gì và không làm gì à? Anh dám cả gan lên lớp tôi, chỉ trích thị hiếu của tôi và đánh giá tôi đấy hả?”

“Tôi không chỉ trích gì cả” Roark nói khẽ “Tôi không đánh giá gì cả. Có một vài thứ tôi không thể làm. Chỉ có thế thôi. Tôi có thể đi được rồi chứ?”

“Anh có thể đi khỏi phòng này và đi luôn khỏi hãng này luôn! Anh có thể đi thẳng xuống địa ngục! Cứ đi và kiếm một ông chủ khác xem! Cố mà tìm lấy ông ta! Đi mà lấy séc của anh và cút ngay!”

“Vâng, ông Francon!”

Tối hôm đó Roark đi bộ đến quán rượu tầng hầm nơi anh luôn gặp được Mike sau giờ làm việc ban ngày. Bây giờ Mike đang làm cho dự án xây dựng một nhà máy do chính tay thầu khoán chuyên thầu các công trình lớn nhất của Francon đảm nhận. Mike đã hy vọng sẽ gặp Roark đi thị sát nhà máy vào buổi chiều hôm ấy, và anh chào Roark một cách tức giận:

“Có chuyện gì thế Tóc Đỏ? Ngủ quên à?”

Khi nghe tin, Mike ngồi yên lặng và trông anh giống như con chó trâu đang nhe răng ra vậy. Rồi anh chửi thề một cách độc địa.

“Đồ khốn nạn” anh nuốt nước bọt giữa những câu chửi nặng nề hơn, “đồ khốn nạn...”

“Bình tĩnh đi Mike.”

“Giờ thì sao đây, Tóc Đỏ?”

“Lại tìm lấy một ai như thế cho đến khi chuyện như này lại xảy ra.”

*

* *

Khi Keating trở về từ Washington, anh đi thẳng đến văn phòng của Francon. Anh đã không dừng lại ở phòng vẽ thiết kế và không nghe được tin gì.

Francon đón tiếp anh một cách vui vẻ: "Chàng trai, thật tuyệt khi thấy cậu trở lại! Cậu uống gì? Một ly whiskey với soda hay một chút brandy?"

"Không, cảm ơn bác. Cho cháu điếu thuốc là được rồi."

"Đây... Cậu bé, trông cậu bảnh lắm! Bảnh hơn bao giờ hết. Cậu làm thế nào mà được thế hả anh chàng may mắn? Tôi thì có rất nhiều điều để kể cho cậu nghe. Mọi chuyện ở Washington đến đâu rồi? Vẫn tốt cả chứ?"

Và trước khi Keating kịp trả lời, Francon lại tiếp tục nói: "Có một chuyện rất tệ đã xảy ra với tôi. Một chuyện đáng thất vọng. Anh vẫn nhớ Lili Landau chứ? Tôi đã nghĩ là mình tóm được cô ta rồi, thế mà lần cuối tôi gặp cô ta, tôi đã bị dội một gáo nước lạnh. Anh có biết ai đã có được cô ta không? Anh sẽ ngạc nhiên cho mà xem. Là Gail Wynand, đúng là thế đấy! Cô ả đang lên như diều. Anh nên xem ảnh cô ta và hình cặp giò của cô ta trên tất cả các tờ báo của ông ta. Điều đó có giúp cô ta lăng-xê bản thân mình. Tôi thì có thể làm gì để cạnh tranh với chuyện đó chứ? Và anh có biết lão ta đã làm gì không? Anh có nhớ là cô ta luôn miệng nói rằng không ai có thể cho cô ta thứ mà cô ta muốn nhất – đấy là ngôi nhà thuở thơ ấu, cái ngôi làng nhỏ chết tiệt ở Áo nơi mà cô ta sinh ra ấy? Thì đấy, Wynand đã mua nó, lâu rồi, mua đứt cả làng, và đã dùng tàu chở nó đến đây – tuốt tuột mọi thứ! Và lão cho xếp đặt lại cái làng đấy ở cạnh sông Hudson, và giờ thì nó chễm chệ ở đấy, cả sỏi cuội, cả nhà thờ, cả những cây táo, cả chuồng lợn – tất tật! Rồi lão đem tặng nó cho Lili hai tuần trước. Nghĩ ra thì cũng chả đáng ngạc nhiên! Nếu vua Babylon có thể tặng vườn treo cho bà vợ nhớ nhà của ông ta thì sao Gail Wynand lại không thể cơ chứ? Lili thì cười suốt và tỏ ra biết ơn nhưng cô nàng tội nghiệp lại thật sự khốn khổ. Cô ta thích một cái áo khoác lông chồn hơn nhiều. Cô ta chẳng bao giờ muốn cái ngôi làng chết tiệt ấy cả. Và Wynand cũng biết như thế. Nhưng cái làng vẫn ở đó, ngay sông Hudson. Tuần trước lão ta tổ chức một bữa tiệc cho cô ta, ngay ở cái làng đó, một bữa tiệc hóa trang. Wynand hóa trang làm Xêda Borgia – mà tại sao lại không cơ chứ? Có vẻ là một bữa tiệc ra trò – nếu cậu tin những gì người ta kháo nhau... Nhưng mà cậu biết rồi đấy, chẳng bao giờ mình có thể biết chắc cái gì về lão Wynand cả. Thế rồi hôm sau lão ta dẫn xác đến cái làng đó với một lũ học sinh chưa bao giờ nhìn thấy một ngôi làng Áo – ra vẻ là một nhà từ thiện! – rồi lão ta rải ảnh khắp các tờ báo của lão với đủ những câu chuyện lá cải về giá trị của giáo dục và nhận rất nhiều thư từ từ các câu lạc bộ phụ nữ! Tôi thì tôi muốn biết xem lão ta sẽ làm gì với cái làng đó khi nào lão ta bỏ

rơi Lili! Cậu biết đấy, phụ nữ chả bao giờ ở lâu được với lão. Thế cậu có nghĩ là lúc đó tôi sẽ có cơ hội với cô ta không?"

"Chắc chắn rồi" – Keating nói – "Chắc chắn là bác sẽ có cơ hội rồi. Mọi chuyện ở văn phòng thế nào?"

"Ồ tốt cả. Vẫn như bình thường thôi. Lucius bị cảm lạnh và uống hết cả rượu Bas Armaganc hảo hạng của tôi. Như thế rất không tốt cho tim của ông ta, mà mỗi thùng rượu những 100 đô la đấy. Rồi ông ta còn tự vướng vào một vụ rắc rối nho nhỏ nữa. Liên quan đến cái trò điên của ông ta – đồ sứ ấy. Có vẻ như ông ấy đã mua một cái ấm trà từ một tên ăn cắp. Ông ta cũng biết đó là đồ ăn cắp. Vụ đó khiến tôi gặp rất nhiều phiền toái để tránh cho chúng ta khỏi xì-căng-đan. À này, tôi đuổi anh bạn của cậu rồi, cái thằng oắt tên gì ý nhỉ? À, Roark."

"Ồ" Keating nói, và chờ một giây rồi hỏi tiếp "Vì sao thế bác?"

"Nó là đồ giẻ rách láo toét! Cậu nhặt nó ở đâu thế?"

"Thế có chuyện gì?"

"Tôi nghĩ là mình nên tốt với nó, cho nó một cơ hội tử tế. Tôi bảo nó vẽ phác thảo cho tòa nhà Farrell – cậu biết đấy, cái nhà mà cuối cùng thì Brent đã xoay sở thiết kế xong và Farrell đã chấp nhận, cậu biết đấy, kiểu Doric tối giản – thế mà bạn cậu đã từ chối làm. Có vẻ như anh ta có những lý tưởng hay cái gì đó. Thế là tôi đuổi nó ra khỏi cửa... Cái gì nào? Cậu cười cái gì nào?"

"Không có gì. Tôi có thể hình dung được cảnh ấy."

"Giờ thì cậu đừng có xin tôi gọi nó trở lại nữa!"

"Không, tất nhiên là không rồi."

Trong mấy ngày Keating nghĩ anh nên đến thăm Roark. Anh không biết anh sẽ nói gì, nhưng lờ mờ cảm thấy mình cần nói gì đó. Anh cứ trì hoãn mãi. Anh đang lấy được sự tự tin trong công việc và cảm thấy là rốt cuộc anh chẳng cần đến Roark. Ngày lại ngày trôi qua, Keating đã không đến chỗ Roark; anh cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy mình có thể tự do quên Roark.

Qua cửa sổ phòng mình, Roark nhìn thấy những mái nhà, bồn nước, ống khói và xe hơi đang lướt nhanh phía dưới. Có một vẻ đe dọa trong sự im ắng của căn phòng, trong những ngày trống rỗng, trong hai bàn tay anh đang buông thõng bên mình. Và anh cảm thấy một sự đe dọa khác dâng lên từ thành phố phía dưới, như thể mỗi cửa sổ, mỗi đoạn hè đường đang xiết chặt lại với nhau, lặng lẽ đối đầu với anh. Điều đó không làm phiền anh. Anh đã biết và đã chấp nhận từ lâu.

Anh lập một danh sách những kiến trúc sư mà anh ít ác cảm nhất với công trình của họ – người ít ác cảm nhất đứng đầu tiên; và anh bắt đầu tìm kiếm việc làm một cách lạnh lùng, có hệ thống, không tức giận mà cũng không hy vọng. Anh không bao giờ biết liệu những ngày này có làm anh đau hay không, anh chỉ biết rằng đó là một việc phải làm.

Những kiến trúc sư anh gặp mỗi người một kiểu. Có người thì ngắm nhìn anh qua bàn làm việc một cách tử tế và mơ hồ – cái cung cách của họ có vẻ như muốn nói rằng khát vọng làm kiến trúc sư của anh thật cảm động – cảm động, và đáng khen, và kỳ quái, và đáng buồn một cách thú vị, giống như tất cả những ảo tưởng của tuổi trẻ. Có những người mỉm cười với anh bằng đôi môi mỏng mím chặt – dường như họ thích sự có mặt của anh ở trong căn phòng bởi vì nó khiến họ ý thức được sự thành công của mình. Vài người nói một cách lạnh lùng, như thể cái khát vọng của anh là một sự lăng nhục mang tính cá nhân. Những người khác thì thô lỗ cộc cằn, và sự sắc lạnh trong giọng nói của họ dường như muốn bảo anh là họ cần những người vẽ thiết kế giỏi, họ luôn cần những người vẽ thiết kế giỏi, nhưng cái tiêu chuẩn này chắc chắn không áp dụng đối với anh, và anh hãy làm ơn đừng khiếm nhã đến mức buộc họ phải nói trắng điều đó ra.

Đó không phải là sự ác ý. Đó cũng không phải là sự phán xét đối với tài năng của anh. Họ không cho là anh vô dụng. Đơn thuần là họ không buồn tìm hiểu xem liệu anh có tài giỏi hay không. Đôi khi người ta bảo anh cho xem những bản phác thảo; anh trải chúng ra bàn và cảm thấy những thớ thịt ở tay anh co rút lại vì xấu hổ; giống như thể quần áo anh bị xé toạc ra khỏi thân thể anh, và nỗi xấu hổ không phải là vì cơ thể anh bị phơi bày mà là vì nó bị phơi bày trước những con mắt thờ ơ.

Thỉnh thoảng anh đi New Jersey để gặp Cameron. Họ cùng ngồi trên hiên một ngôi nhà nằm trên đồi: Cameron ngồi trên chiếc xe lăn, tay ông đặt lên chiếc chăn cũ đắp choàng qua đầu gối. "Thế nào rồi Howard? Đang rất khó khăn phải không?"

"Không ạ."

"Có muốn tôi viết thư cho một trong số chúng không?"

"Không ạ."

Rồi Cameron không nói về chuyện đó nữa, ông không muốn nói về nó, ông không muốn ý nghĩ là Roark bị thành phố này chối bỏ sẽ trở thành hiện thực. Khi Roark đến chỗ ông, Cameron nói về kiến trúc với sự tự tin đơn giản như thể nó thuộc sở hữu của cá nhân ông. Họ ngồi cạnh nhau, ngắm thành phố ở phía xa, ngay cạnh đường chân trời, bên trên dòng sông. Bầu trời đang sẫm lại và tỏa ánh dạ quang như một tấm kính xanh lá cây pha lẫn

xanh da trời; những tòa nhà như những đám mây tụ lại trên tấm kính, những đám mây xanh xám đó đông cứng lại trong giây lát thành những góc vuông và những trục thẳng – và hoàng hôn bị đóng lại trong những ngọn tháp.

Khi những tháng hè trôi qua, khi anh đã thử cả danh sách của mình và quay trở lại những nơi đã một lần từ chối anh, Roark nhận thấy rằng người ta đã biết thêm vài thứ về anh và anh được nghe họ đưa ra cùng một câu trả lời – dù được nói ra thẳng thừng hay rụt rè, tức giận hay với hàm ý thanh minh – rằng "Anh đã bị đuổi khỏi Stanton. Anh đã bị đuổi khỏi văn phòng của Francon..." Tất cả những giọng nói khác nhau đó đều có một nốt chung: cái nốt biểu hiện sự nhẹ nhõm khi họ biết chắc chắn rằng phán quyết về Roark thực ra đã được quyết định trước đó, họ không phải là người đầu tiên ra quyết định.

Anh ngồi trên bậu cửa sổ vào buổi tối, hút thuốc, bàn tay anh xòe rộng trên tấm kính cửa sổ. Thành phố ở bên dưới những ngón tay anh, mặt kính áp vào da anh mát lạnh.

Vào tháng Chín, anh đọc được một bài báo có tựa đề *Mở đường cho ngày mai* của Gordon L. Prescott thuộc Hiệp hội Kiến trúc Hoa Kỳ đăng trên tờ *Diễn đàn Kiến trúc*. Bài báo nói rằng bi kịch của ngành kiến trúc là những khó khăn mà nó đặt ra trên con đường của những kiến trúc sư tài năng mới vào nghề; rằng những tài năng lớn đã bị mất đi trong cuộc tranh đấu mà người ta không hề nhận ra; rằng ngành kiến trúc đang mục ruỗng vì thiếu nhiệt huyết và suy nghĩ mới, vì thiếu tính độc đáo, thiếu tầm nhìn và sự can đảm; rằng tác giả bài báo đặt ra mục tiêu cho mình là tìm kiếm những kiến trúc sư mới vào nghề có triển vọng để khuyến khích, phát triển họ và cho họ những cơ hội xứng đáng. Roark chưa bao giờ nghe nói về Gordon L. Prescott, nhưng bài báo có vẻ chân thành. Anh cho phép mình đến văn phòng của Prescott với một chút hy vọng.

Phòng tiếp tân của văn phòng Gordon L. Prescott được sơn màu ghi, đen và tím, rất chuẩn mực, tiết chế mà vẫn táo bạo. Một cô thư ký trẻ và rất xinh đẹp báo với Roark rằng không ai có thể gặp ông Prescott mà không hẹn trước, nhưng cô sẽ vui lòng xếp một cuộc hẹn vào thứ Tư tuần tới vào lúc 2 giờ 15. Vào thứ Tư, lúc 2 giờ 15, cô thư ký mỉm cười với Roark và bảo anh vui lòng ngồi chờ một lát. Lúc 4 giờ 45 anh đã được phép vào phòng ông Gordon L. Prescott.

Ông Gordon L. Prescott mặc một cái áo khoác vải tuýt kẻ carô màu nâu và một cái áo len cổ rùa màu trắng bằng len lông thỏ angora. Ông ta cao, dáng thể thao và mới 35 tuổi, nhưng khuôn mặt lại kết hợp giữa một thần thái trí tuệ sâu sắc với một làn da mỏng, chiếc mũi tròn, cái miệng nhỏ và liến láu của một kiểu sinh viên giỏi ở trường đại học. Khuôn mặt ông ta rám

nắng, mái tóc vàng tỉa ngắn theo kiểu nhà binh Phổ. Ông bộc lộ rõ sự nam tính, bộc lộ rõ sự thờ ơ với chuyện tạo dáng, và đồng thời biết rõ hiệu ứng của hai thái độ trên.

Ông ta yên lặng lắng nghe Roark, và đôi mắt như như một cái đồng hồ tính giờ đếm từng giây mà từng lời nói của Roark đang tiêu tốn. Ông ta để Roark nói hết câu đầu tiên; đến câu thứ hai ông ta ngắt lời và nói cộc lốc: "Cho tôi xem những bản vẽ của anh," cứ như thể ông muốn cho thấy rõ những gì Roark sắp nói đã khá quen với ông ta rồi.

Ông ta cầm những bản vẽ trong hai bàn tay màu đồng của mình. Trước khi nhìn vào chúng, ông ta nói: "À, phải, rất nhiều chàng trai trẻ đến chỗ tôi để xin lời khuyên, rất nhiều." Ông ta liếc qua bản phác thảo đầu tiên, nhưng ngẩng đầu lên trước khi nhìn kỹ nó. "Tất nhiên, những người mới vào nghề thường khó nắm bắt được sự kết hợp giữa tính thực tiễn và sự trừu tượng" Ông ta đút bản vẽ xuống cuối chồng các phác thảo. "Về cơ bản, kiến trúc là một nhận thức về thực tế, và vấn đề chính là phải đẩy nguyên tắc thực dụng vào trong địa hạt của trừu tượng thẩm mỹ. Mọi thứ khác đều là vô nghĩa." Ông ta liếc qua hai bản phác thảo và đút chúng xuống cuối. "Tôi không có kiên nhẫn với những kẻ có hoang tưởng muốn thấy cả một cuộc Thánh chiến trong kiến trúc chỉ vì kiến trúc. Nguyên tắc phát triển lớn nhất chính là nguyên tắc cân bằng trong phương trình con người." Ông ta nhìn lướt một bản vẽ khác và giúi nó xuống dưới. "Thẩm mỹ và trái tim của công chúng là những tiêu chuẩn rốt ráo của người nghệ sĩ. Thiên tài là người biết cách thể hiện cái khái quát. Cái khác thường chính là ở chỗ chạm vào được cái bình thường." Ông ta nâng tập bản thảo trong tay, nhận thấy mình đã xem qua nửa số đó và thả chúng xuống bàn.

"À phải," ông ta nói," về tác phẩm của anh. Rất thú vị. Nhưng không thực tế. Chưa trưởng thành. Không tập trung và không có kỷ luật. Thiếu niên. Sáng tạo chỉ để sáng tạo. Không hề mang tinh thần của thời đại. Nếu anh muốn có ý tưởng về thứ mà người ta đang rất cần thì – đây – để tôi chỉ cho anh thấy!" Ông ta lấy ra một bản vẽ phác từ ngăn kéo bàn. "Đây là một chàng trai trẻ đã đến chỗ tôi – hoàn toàn không được ai giới thiệu, một người mới vào nghề chưa đi làm bao giờ. Khi anh có thể làm ra những thứ như thế này thì anh chẳng cần phải tìm việc nữa. Tôi chỉ xem một bản vẽ này của anh ta và tôi nhận anh ta lập tức, lương khởi điểm cho là 25 đô la một tuần. Chẳng nghi ngờ gì – anh ta là một thiên tài tiềm ẩn." Ông ta trải bản vẽ ra cho Roark xem. Bản vẽ đó thể hiện một ngôi nhà có hình dáng của một cái tháp tròn đựng ngũ cốc[42] được hợp nhất một cách khó tin với mô hình đã được giản lược và thay màu của đền Pantheon.

"Đó," Gordon L. Prescott nói, "đó chính là sáng tạo, là cái mới trong cái

vĩnh cửu. Hãy cố gắng theo hướng như thế này. Tôi thực sự không thể nói là tôi lạc quan về tương lai của anh. Chúng ta phải thẳng thắn, tôi không muốn tạo cho anh những ảo tưởng từ những đánh giá của tôi. Anh còn phải học hỏi nhiều. Tôi không thể mạo hiểm mà đoán xem anh đang có hoặc sẽ phát triển tài năng gì. Nhưng nếu anh chăm chỉ thì cũng có thể... Tuy nhiên kiến trúc là một ngành khó, và cuộc cạnh tranh là rất khốc liệt, anh biết đấy, rất khốc liệt... Và bây giờ, nếu anh thứ lỗi, thì thư ký của tôi đã có một cuộc hẹn đang đợi tôi...”

*

* *

Roark đi bộ về nhà vào một buổi tối muộn của tháng Mười. Lại một ngày nữa trong rất nhiều ngày đã trải qua những tháng dài phía sau anh, và anh không nhớ rõ những gì đã xảy ra trong những giờ đồng hồ của ngày hôm ấy, cũng như anh đã gặp ai và người ta đã nói những gì để từ chối anh. Anh gắng sức tập trung vào những phút hiện tại, khi anh ở trong một văn phòng nào đó, bỏ mặc hết mọi thứ khác; rồi anh lại quên ngay những phút đó khi rời khỏi văn phòng; đấy là việc cần làm, đấy là việc đã được làm, nó không còn làm anh bận tâm nữa. Anh lại tự do một lần nữa trên đường về nhà.

Một con phố dài trải ra trước mắt anh, hai cái gờ cao của nó tiến gần nhau ở phía xa, hẹp đến nỗi anh thấy như thể anh có thể giang tay ra túm lấy những ngọn tháp và đẩy chúng ra xa khỏi nhau. Anh rảo bước, hai bên vỉa hè như những đệm nhún đẩy bước chân anh về phía trước.

Anh nhìn thấy một hình tam giác bằng bêtông được thắp sáng treo lơ lửng đâu đó cách mặt đất vài trăm mét.

Anh không nhìn rõ cái gì đứng phía dưới, đỡ lấy hình tam giác ấy, anh hoàn toàn tự do nghĩ xem cái gì nên ở đó, cái gì anh có thể làm cho có ở đó. Rồi anh chợt nghĩ rằng giờ đây, vào chính lúc này, theo cái thành phố này, theo như tất cả mọi người - trừ niềm tin sắt đá trong anh - thì anh sẽ không bao giờ xây nhà nữa, không bao giờ - dù rằng anh chưa cả bắt dầu. Anh nhún vai. Những điều đang xảy ra với anh, trong những văn phòng của những người lạ đó, chỉ là một thứ thực-tại-thứ-cấp[43], là những biến cố không đáng kể gì trên con đường của một thứ thực tại mà chúng không thể với tới hay chạm đến được.

Anh rẽ vào những con đường ngách dẫn đến sông Đông. Một ngọn đèn đường cô độc treo xa xa phía trước - một chấm đỏ trong bóng tối ảm đạm. Những ngôi nhà cũ gập mình thấp xuống mặt đất, oằn người dưới sức nặng của bầu trời. Đường phố vắng tanh và trống rỗng, cứ vọng lại những bước chân của anh. Anh cứ đi, cổ áo dựng lên, hai tay đút túi. Mỗi khi anh đi qua

một ngọn đèn, cái bóng của anh lại mọc lên từ dưới gót chân anh và vẽ lên tường một hình vòng cung dài màu đen, như một cái cần gạt nước trên cửa kính ô-tô.

IX.

John Erik Snyte xem hết những bản phác thảo của Roak, bỏ ba bản trong số đó sang một bên, gom những bản còn lại thành một chồng gọn. Ông liếc nhanh lại ba bản, ném gọn gàng từng bản một lên chồng bản thảo và nói:

"Xuất sắc. Cực đoan nhưng xuất sắc. Tối nay anh làm gì?"

"Tại sao?" Roark hỏi, kinh ngạc.

"Anh có rỗi không? Bắt tay ngay vào việc được không? Cởi áo anh ra, đến phòng thiết kế, mượn dụng cụ của ai đấy và vẽ cho tôi một bản phác thảo cho cái cửa hàng bách hóa mà chúng tôi đang sửa lại. Chỉ là một bản phác nhanh thôi, chỉ cần hình dung chung là được, nhưng tôi phải có nó vào ngày mai. Anh có phiền nếu phải ở lại muộn đêm nay không? Máy sưởi đang bật rồi và tôi sẽ bảo Joe mang bữa tối lên cho anh. Muốn cà phê đen hay rượu Scotch hay cái gì? Cứ bảo Joe. Anh ở lại được không?"

"Được" Roark nói với vẻ hồ nghi. "Tôi có thể làm việc cả đêm."

"Tốt! Rất tốt! Đó chính là điều tôi luôn mong đợi – một người kiểu Cameron. Tôi đã có tất cả những kiểu người khác rồi. À phải, họ trả anh bao nhiêu ở chỗ Francon?"

"65 đô la."

"À tôi thì không thể vung tay như ngài Guy Phóng túng đó được. Tối đa 50 đô la. OK? Tốt. Làm luôn đi. Tôi sẽ bảo Billings giải thích về cửa hàng bách hóa đó cho anh. Tôi muốn thứ gì đó hiện đại. Hiểu không? Hiện đại, mạnh mẽ, điên rồ, cho tụi nó lòi mắt ra. Đừng kìm hãm bản thân. Cứ đi đến tận cùng. Dùng bất kỳ ý tưởng điên rồ nào mà anh có thể nghĩ ra, càng điên rồ càng tốt. Đi nào!"

John Erik Snyte rảo bước, mở tung cánh cửa vào một phòng thiết kế rộng mênh mông, đi nhanh vào phòng, đẩy một cái bàn, rồi dừng lại và nói với một người đàn ông mập mạp có bộ mặt tròn vẻ hằm hằm: "Billings – đây là Roark. Anh ấy là người thiết kế kiểu hiện đại cho chúng ta. Đưa anh ấy hồ sơ cửa hàng Benton. Lấy cho anh ấy một số dụng cụ. Đưa anh ấy chìa khóa của anh và chỉ cho anh ấy những thứ phải khóa đêm nay. Bắt đầu tính cho anh ấy từ sáng nay. 50 đô la. Mấy giờ tôi có hẹn với anh em nhà Dolson? Tôi muộn rồi. Chào, tôi sẽ không quay lại tối nay đâu."

Ông ta trượt ra khỏi phòng, đóng sầm cửa lại. Billings chẳng tỏ ra ngạc nhiên chút nào. Anh nhìn Roark như thể Roark đã luôn ở đó. Anh nói một cách vô cảm, bằng một giọng lè nhè mệt mỏi. Hai mươi phút sau, anh ta để lại Roark ở một cái bàn thiết kế với giấy, bút chì, các dụng cụ, một tập các

bản vẽ mặt bằng và ảnh của cửa hàng bách hóa, một tập biểu đồ, và một danh sách dài những hướng dẫn.

Roark nhìn vào tờ giấy trắng sạch sẽ trước mặt anh, bàn tay anh nắm chặt lấy cái thân nhỏ của chiếc bút chì. Anh đặt cây bút xuống, và lại nhặt nó lên, ngón tay cái miết qua lại nhè nhẹ trên thân bút nhẵn; anh nhìn thấy cây bút đang run. Anh bỏ ngay nó xuống, và cảm thấy tức giận với chính bản thân mình vì sự yếu đuối khi anh cho phép công việc trở nên quá quan trọng với mình, vì đột ngột nhận ra ý nghĩa thực sự của những tháng nhàn rỗi vừa qua. Những đầu ngón tay anh bị ấn xuống giấy như thể tờ giấy giữ chúng lại – giống như một bề mặt tích điện sẽ hút lấy da thịt của cái người đã chà xát lên bề mặt ấy – nó giữ và gây đau đớn. Anh giằng những ngón tay khỏi tờ giấy. Rồi anh bắt đầu làm việc...

John Erik Snyte 50 tuổi; ông mang một vẻ hài hước giễu cợt – khôn ngoan và khiếm nhã – như thể ông ta chia sẻ với mỗi người ông ta ngắm nhìn một bí mật dâm dục mà ông ta sẽ chẳng nói ra bởi điều đó quá là hiển nhiên với cả hai bọn họ. Ông là một kiến trúc sư có tài; ông không hề đổi sắc mặt khi nói về điều này. Ông coi Guy Francon như một người lý tưởng hóa phi thực tế; ông không hạn chế mình vào một giáo điều cổ điển nào; ông ta thành thạo và cách tân hơn nhiều: ông xây bất kỳ thứ gì. Ông không bài xích kiến trúc hiện đại và xây dựng một cách vui vẻ – khi khách hàng yêu cầu – những cái nhà hộp trần trụi với mái bằng mà ông gọi là "tiên tiến"; ông xây những biệt thự kiểu La Mã mà ông gọi là "cảnh vẻ"; ông xây các nhà thờ theo phong cách Gothic mà ông gọi là "thiêng liêng." Ông chẳng thấy sự khác biệt nào giữa chúng cả. Ông chẳng bao giờ tức giận, chỉ trừ khi ai đó gọi ông là người theo quan điểm chiết trung.[44]

Ông có một hệ thống của riêng ông. Ông thuê năm kiến trúc sư thuộc đủ các loại và ông tổ chức một cuộc thi giữa họ cho mỗi công trình ông nhận được. Ông chọn thiết kế thắng cuộc và hoàn thiện nó bằng cách bổ sung một số ý tưởng trong bốn thiết kế còn lại. "Sáu cái đầu," ông nói, "thì tốt hơn một cái."

Khi Roark nhìn thấy bản vẽ cuối cùng của Cửa hàng bách hóa Benton, anh hiểu vì sao Snyte đã không ngại thuê anh. Anh nhận ra những không gian, những cửa sổ, hệ thống thông gió của anh; anh cũng nhìn thấy chúng đã được bổ sung thêm các đầu cột kiểu Corinthian, mái vòm kiểu Gothic, những chùm đèn kiểu thuộc địa và những đường gờ thấp thoáng kiểu Ma-rốc. Bản vẽ được tô màu nước, với sự tinh tế tuyệt diệu, được dán trên bìa các tông, và được phủ lên một lớp giấy thấm. Các kiến trúc sư trong phòng thiết kế không được phép ngắm nó, trừ phi từ một khoảng cách an toàn; tay họ phải được rửa sạch và thuốc lá phải được loại bỏ hoàn toàn. John Erik

Snyte rất coi trọng vẻ ngoài hoàn hảo của bản vẽ khi đưa nó cho khách hàng, và thuê một sinh viên kiến trúc Trung Quốc chỉ để coi sóc cho những tuyệt tác này.

Roark biết rõ anh có thể mong chờ gì từ công việc này. Anh sẽ không bao giờ được nhìn thấy công trình của mình được xây dựng, chỉ vài phần của nó thôi, mà điều này thì anh thà không nhìn thấy còn hơn; nhưng anh sẽ được tự do thiết kế như mong muốn và anh sẽ có kinh nghiệm giải quyết những vấn đề thực tế. Những điều này ít hơn những gì anh muốn nhưng lại nhiều hơn những gì anh hy vọng. Anh chấp nhận như thế. Anh đã gặp những kiến trúc sư đồng nghiệp, bốn đối thủ của anh, và nhận thấy rằng họ đều được đặt những biệt danh không chính thức trong phòng thiết kế: "Cổ điển," "Gothic", "Phục hưng" và "Tạp" Anh hơi cau mày một chút khi người ta gọi anh "Này, Hiện-đại."

*

* *

Cuộc đình công của các nghiệp đoàn xây dựng đã khiến Guy Francon cực kỳ tức giận. Ban đầu, các cuộc đình công nhằm vào các nhà thầu đang xây dựng khách sạn Noyes-Belmont và sau đó đã lan tới tất cả các công trình mới của thành phố. Báo chí đã đề cập rằng các kiến trúc sư của khách sạn Noyes-Belmont là hãng Francon & Heyer.

Hầu hết các tờ báo đều hỗ trợ trong cuộc chiến đấu; họ thuyết phục những nhà thầu không đầu hàng. Những công kích mạnh mẽ nhất chống lại những người đình công đến từ những tờ báo đầy quyền lực thuộc tập đoàn Wynand.

"Chúng tôi đã luôn đứng đại diện cho quyền lợi của tầng lớp bình dân chống lại những con cá mập đầy đặc quyền đặc lợi" – các bài xã luận của tập đoàn Wynand viết: "nhưng chúng tôi không thể ủng hộ sự phá hoại luật pháp và trật tự được." Người ta chưa bao giờ biết được liệu những tờ báo của Wynand dẫn dắt dư luận hay dư luận dẫn dắt các tờ báo của Wynand; chỉ biết rằng cả hai luôn sóng bước nhịp nhàng. Cũng chẳng ai, ngoại trừ Guy và một số rất ít người khác, biết được rằng Gail Wynand là chủ của tập đoàn sở hữu cái tập đoàn đang nắm trong tay khách sạn Noyes-Belmont.

Điều này càng làm cho Francon thêm khó chịu. Người ta đồn rằng các hoạt động bất động sản của Wynand còn khổng lồ hơn cả đế chế báo chí của ông ta. Đây là lần đầu tiên Francon có cơ hội làm một công trình của Wynand, và ông ta nắm lấy nó một cách háo hức khi nghĩ đến những cơ hội mà nó có thể mở ra. Ông ta cùng với Keating đã nỗ lực hết sức để thiết kế nên một cung điện lộng lẫy nhất trong các cung điện kiểu Rococo[45] để dành cho những vị khách tương lai – những người có thể trả 25 đô la một

ngày cho một phòng, đồng thời là những người thích hoa văn bằng thạch cao, tượng thần ái tình bằng đá cẩm thạch và những thang máy như những cái lồng bằng đồng, để lộ bên ngoài. Cuộc đình công đã làm tiêu tan những cơ hội tương lai kia. Dĩ nhiên, không thể đổ lỗi cho Francon về điều đó, nhưng cũng không thể biết Guy Wynand sẽ đổ lỗi cho ai và vì lý do gì. Sự thất thường và vô trách nhiệm trong ý thích của Wynand đã quá nổi tiếng, và người ta đều biết là hầu như không có kiến trúc sư nào đã từng được Wynand thuê lại được ông ta thuê lại lần thứ hai.

Tâm trạng rầu rĩ của Francon khiến ông ta gắt gỏng chẳng về một vấn đề cụ thể nào với một người đã luôn được miễn trừ khỏi chuyện này – Peter Keating. Keating nhún vai và quay lưng lại Francon với một vẻ chống đối lặng lẽ. Rồi anh đi lang thang vô định qua các sảnh, càu nhàu với những kiến trúc sư trẻ nhưng không khiêu khích. Anh chạm trán Lucius N. Heyer ở ngưỡng cửa và rít lên: "Đi đứng thì phải nhìn chứ!" Heyer nhìn trân trối vào Keating, hoang mang, và chớp chớp mắt.

Chẳng có việc gì để làm trong văn phòng, chẳng có gì để nói và cứ phải tránh mặt tất cả mọi người. Keating bỏ về sớm và đi bộ về nhà trong một buổi hoàng hôn lạnh lẽo tháng Mười hai.

Ở nhà, anh lớn tiếng nguyền rủa mùi sơn nồng nặc tỏa ra từ cái máy sưởi bị bật quá nóng. Anh nguyền rủa cái lạnh khi mẹ anh mở một cửa sổ. Anh chẳng thể tìm ra lý do cho sự bồn chồn của mình, ngoại trừ sự rảnh rang đột ngột đã khiến anh trở nên cô độc. Anh không thể chịu được việc bị bỏ lại cô độc.

Anh chụp lấy ống nghe điện thoại và gọi cho Catherine Halsey. Giọng nói rõ ràng của cô như một bàn tay áp lên làm dịu đi cái trán nóng bỏng của anh. Anh nói: "Ồ không có gì quan trọng đâu em yêu, anh chỉ không biết em có nhà tối nay hay không. Anh nghĩ anh sẽ ghé qua sau bữa tối."

"Tất nhiên rồi, Peter. Em sẽ ở nhà."

"Tuyệt vời! Khoảng tám rưỡi nhé?"

"Vâng... À Peter, anh đã nghe về chú Ellsworth chưa?"

"Rồi, quỷ tha ma bắt, anh đã nghe kể về chú Ellsworth rồi! Anh xin lỗi, Katie... Tha lỗi cho anh, anh không muốn bất lịch sự nhưng anh đã nghe về chú em cả ngày rồi. Anh biết, thật là tuyệt, vân vân... chỉ có điều, thế này nhé, tối nay chúng ta sẽ không nói về chú ấy nữa!"

"Không, tất nhiên là không rồi. Em xin lỗi. Em hiểu. Em sẽ đợi anh."

"Thế nhé Katie."

Anh đã nghe chuyện gần đây nhất về Ellsworth Toohey nhưng anh không

muốn nghĩ lại chuyện ấy nữa bởi nó sẽ gợi lại chuyện đình công đang khiến anh phiền muộn.

Sáu tháng trước, trong đợt sóng thành công của cuốn *Những lời răn trên đá*, Ellsworth Toohey đã được giao viết mục *Một tiếng nói nhỏ*, một cột báo hàng ngày trên các tờ báo của Wynand. Mục đó xuất hiện trên tờ *Ngọn cờ* và bắt đầu với tư cách một mục phê bình nghệ thuật, nhưng đã phát triển thành một khán đài không chính thức mà Ellsworth M.Toohey dùng để tuyên bố những phán quyết về nghệ thuật, văn học, về các nhà hàng ở New York, về các cuộc khủng hoảng quốc tế và về các vấn đề xã hội – chủ yếu là các vấn đề xã hội. Mục báo thành công lớn. Tuy nhiên cuộc đình công xây dựng đã đặt Ellsworth M.Toohey vào một tình thế khó khăn. Ông không che giấu sự cảm thông của mình với những người đình công nhưng ông không phát biểu gì trong cột báo của mình, bởi vì, ngoại trừ Gail Wynand, không ai được phép nói bất cứ cái gì anh ta thích trên mặt báo của Gail Wynand. Tuy nhiên một cuộc họp đông đảo của những người ủng hộ đình công đã được tổ chức trong buổi tối hôm nay. Rất nhiều người nổi tiếng sẽ phát biểu, trong đó có Ellsworth Toohey. Ít nhất thì tên của Toohey đã được thông báo.

Sự kiện này gây nên rất nhiều suy đoán tò mò và người ta đã cá cược với nhau liệu Toohey có dám xuất hiện không. "Ông ấy sẽ đến," Keating đã nghe một anh chàng vẽ kiến thiết khẳng định chắc chắn như thế, "ông ấy sẽ hy sinh bản thân. Ông ấy là người như thế. Ông ấy là người trung thực duy nhất trong giới báo chí."

"Ông ấy sẽ không đến," một người khác lại nói, "Anh có biết chơi một trò liều mạng như thế với Wynand là như thế nào không? Một khi mà Wynand đã muốn diệt một người nào đó, ông ta chắc chắn sẽ thiêu cháy người đó như lửa địa ngục vậy. Không ai biết ông ta sẽ làm gì hay ông ta sẽ làm như thế nào, nhưng mà ông ta sẽ làm, và chẳng ai có thể chứng minh điều gì, và anh chắc chắn hết đời một khi Wynand quyết diệt anh." Keating không quan tâm đến chuyện này – những thứ bung xung này làm anh khó chịu.

Tối đó anh ăn tối trong một sự yên lặng bực bõ và khi bà Keating vừa mới mở miệng: "Ồ nhân tiện..." để lái câu chuyện sang một hướng mà anh nhận ra, thì anh liền gắt: "Mẹ đừng nhắc đến Catherine. Mẹ đừng nói gì hết."

Bà Keating không nói gì nữa và chỉ tập trung vào việc tiếp thêm thức ăn vào đĩa cho Keating.

Anh bắt tắc-xi tới Greenwich Village. Anh vội vã lên cầu thang. Anh giật chuông cửa. Anh đợi. Không có tiếng trả lời. Anh đứng dựa vào tường và bấm chuông hồi lâu. Catherine sẽ không đi ra ngoài khi biết là anh sẽ tới; cô ấy không thể như thế được. Anh đi xuống cầu thang trong tâm trạng hoài

nghi, rồi bước ra đường và nhìn lên cửa sổ căn hộ của Catherine. Các cửa sổ đều tối om.

Anh đứng đó nhìn lên các cửa sổ như thể nhìn vào một sự phản bội ghê gớm. Rồi một cảm giác cô đơn ghê gớm tràn đến, như thể anh là một người vô gia cư trong một thành phố lớn; trong phút chốc anh quên mất cả địa chỉ nhà mình và thậm chí cả sự tồn tại của nó nữa. Rồi anh nghĩ đến cuộc mít tinh, cuộc mít tinh lớn nơi mà đêm nay, bác của Catherine sẽ công khai biến mình thành một kẻ tử vì đạo. Đó chính là chỗ cô ấy đến, anh nghĩ, thật là ngu ngốc chết tiệt! Anh rủa to: "Quỷ tha ma bắt cô ta!".. Rồi anh rảo bước về phía cuộc mít tinh.

Có một bóng điện trần treo trên khung cửa hình vuông dẫn vào đại sảnh – đó là một bóng đèn nhỏ màu trắng xanh, tỏa một thứ ánh sáng quái gở, quá lạnh lẽo và quá sáng. Nó thình lình nhảy ra từ con phố tối, chiếu sáng một dòng nước mưa mảnh chảy từ một cái gờ ở phía trên, biến dòng nước mưa trở thành một cây kim thủy tinh lấp lánh – quá mảnh và nhẵn đến nỗi Keating có ý nghĩ điên rồ về những câu chuyện có những người bị đâm bằng nhũ băng cho đến chết. Một vài kẻ rỗi hơi đứng hờ hững trong mưa quanh lối vào, và cả một vài tay cảnh sát cũng đứng đó. Cánh cửa của sảnh đang mở. Hành lang sáng lờ mờ, đầy những người không chen được vào tiền sảnh lúc này đã chật cứng, họ đang lắng nghe một cái loa được gắn ở đó để phục vụ buổi mít tinh. Ở ngưỡng cửa có ba bóng người mờ mờ đang phát tờ rơi cho người qua lại. Một trong những cái bóng đó là một người thanh niên gầy yếu không cạo râu với cái cổ dài để trần; người thứ hai là một thiếu niên thanh mảnh mặc một chiếc áo đắt tiền có cổ áo bằng lông thú; và người thứ ba chính là Catherine Halsey.

Cô đứng trong mưa, co ro, bụng hơi ưỡn ra phía trước do thấm mệt, chiếc mũi bóng và đôi mắt sáng lên trong sự phấn khích. Keating dừng lại, nhìn chằm chằm Catherine.

Tay cô máy móc đưa cho Keating một tờ rơi, rồi cô ngước mắt lên và nhìn thấy anh. Cô mỉm cười không hề ngạc nhiên và vui vẻ nói: "À Peter! Anh thật tốt khi đến đây!"

"Katie..." Anh hơi nghẹn giọng. "Katie, em làm cái quái..."

"Nhưng em phải làm, Peter." Giọng cô không có biểu hiện gì xin lỗi cả. "Anh không hiểu, nhưng em..."

"Ra khỏi trời mưa. Vào trong đi."

"Nhưng em không thể! Em phải..."

"Đồ ngốc, ít nhất cũng ra khỏi trời mưa!" Anh đẩy mạnh cô qua cánh cửa

vào góc hành lang.

"Peter, anh yêu, anh không giận đúng không? Anh thấy đấy, thế này nhé: Em đã không nghĩ là chú sẽ cho em đến đây tối nay, nhưng vào phút cuối cùng chú nói em có thể đi nếu em muốn, và em có thể giúp phát tờ rơi. Em biết là anh sẽ hiểu và em đã để lại lời nhắn trên bàn phòng khách để giải thích và..."

"Em để lại lời nhắn? Ở *trong nhà*?"

"Vâng... Ôi... Ôi... ôi trời, em không hề nghĩ đến chuyện đó, tất nhiên anh không thể vào nhà được, em thật ngốc quá, nhưng lúc đó em vội quá! Không, chắc anh sẽ không giận đâu, anh không thể giận em được! Anh không thấy chuyện này có ý nghĩa như thế nào với chú sao? Anh không thấy đến đây là chú em đang phải hy sinh cái gì sao? Và em biết là chú sẽ đến. Em đã nói thế với họ – bọn họ bảo là chú sẽ không đến, đó sẽ là dấu chấm hết với chú ấy – và có thể là như thế nhưng chú ấy không quan tâm. Chú ấy là như thế đấy. Em rất sợ và rất hạnh phúc; vì những gì chú em đã làm – nó khiến cho em tin tưởng vào con người. Nhưng em sợ, vì anh biết đấy Wynand sẽ..."

"Đừng nói nữa! Anh biết hết. Anh phát ốm lên vì chuyện đó. Anh không muốn nghe về chú em hay Wynand hay cuộc đình công chết tiệt này nữa. Hãy đi khỏi đây."

"Ôi không, Peter! Chúng ta không thể! Em muốn nghe chú ấy nói và..."

"Mấy người kia im lặng đi!" ai đó từ đám đông rít lên với hai người.

"Chúng ta sẽ lỡ mất," cô thì thầm. "Austen Heller đang phát biểu. Anh không muốn nghe Austen Heller nói à?"

Keating nhìn lên loa với sự ngưỡng mộ nhất định – anh luôn cảm thấy thế với tất cả những cái tên nổi tiếng. Anh chưa đọc nhiều về Austen Heller, nhưng anh biết Heller là cây bút ngôi sao của tờ *Thời Báo*, một tờ báo độc lập nổi bật, đối thủ lớn nhất của tập đoàn báo chí Wynand; rằng Heller sinh trưởng từ một gia đình lâu đời, nổi tiếng và đã tốt nghiệp trường Đại học Oxford; rằng ông ta ban đầu là một nhà phê bình văn học và cuối cùng trở thành một tín đồ lặng lẽ và tận tụy với sự nghiệp đập tan mọi hình thức áp bức, cả công lẫn tư, trên thiên đàng cũng như dưới hạ giới; rằng ông ta có dáng vẻ quý tộc hơn cả giới thượng lưu mà ông thường chế nhạo, và có một thể chất mạnh khỏe hơn cả những người lao động mà ông ta vẫn thường bảo vệ; rằng ông ta có thể bàn luận về vở kịch mới nhất ở rạp Broadway, về thơ ca Trung cổ hay về tài chính quốc tế; rằng ông ta không bao giờ đóng tiền từ thiện nhưng lại tiêu nhiều tiền hơn mức có thể chịu được để bảo vệ các tù nhân chính trị ở bất cứ nơi đâu.

Giọng nói phát ra từ loa là một giọng khô, chính xác với một chút dấu vết của người Anh.

"... và chúng ta phải cân nhắc," Austen Heller nói bằng giọng vô cảm, "rằng, bởi vì – thật không may – là chúng ta buộc phải sống cùng nhau nên điều quan trọng nhất chúng ta cần phải nhớ là: cách duy nhất để chúng ta có thể có được trật tự là phải có càng ít luật lệ càng tốt. Tôi không thấy có tiêu chuẩn đạo đức nào có thể hoàn toàn bao quát khái niệm phi đạo đức NHÀ NƯỚC; mà chúng ta chỉ có thể đo nó qua lượng thời gian, chất xám, tiền bạc, nỗ lực và sự tuân thủ mà một xã hội bóp nặn ra từ các thành viên của nó. Giá trị và sự văn minh của một nhà nước tỷ lệ nghịch với sự bóp nặn kia. Không có một luật lệ chính đáng nào lại có thể bắt một người phải làm việc theo bất kỳ điều kiện lao động nào, ngoại trừ những điều kiện mà anh ta lựa chọn. Không có một luật lệ chính đáng nào lại ngăn người đó đặt ra các quy tắc lao động – cũng như không có luật nào buộc ông chủ của anh ta chấp nhận các điều kiện đó. Sự tự do trong việc đồng ý hay không đồng ý là nền tảng của xã hội của chúng ta – và quyền tự do đình công là một phần của tự do đó. Tôi đề cập đến vấn đề này như một lời nhắc nhở đến quý ngài Pertronius nào đó từ Hell's Kitchen[46] – một gã quý tộc vô lại mà gần đây dám lớn tiếng rằng cuộc đình công này thể hiện sự phá hoại luật lệ và trật tự."

Cái loa phóng thanh rít lên những âm thanh the thé và chói tai từ những tiếng hò reo đồng tình và tiếng vỗ tay lốp đốp. Những người trong hành lang thở hổn hển. Catherine bấu chặt lấy tay Keating. "Ôi Peter!" cô thì thào. "Ông ấy muốn nói đến Wynand! Wynand sinh ra ở Hell's Kitchen. Ông ấy dám nói thế nhưng Wynand thì sẽ trút lên đầu bác Ellsworth."

Keating không thể nghe nốt phần còn lại của bài diễn thuyết của Heller bởi đầu anh đang bị một cơn đau khủng khiếp hành hạ; đến mức những âm thanh từ bài diễn thuyết làm cho mắt anh nhức lên và anh phải nhắm chặt mắt lại. Keating dựa vào tường.

Anh thình lình mở mắt ra khi anh nhận thấy một sự im lặng kỳ lạ xung quanh. Anh đã không chú ý phần cuối của bài diễn thuyết của Heller. Anh thấy những người trong hành lang đang đứng trong sự chờ đợi trang nghiêm và căng thẳng, và tiếng rít trống rỗng của cái loa khiến mọi con mắt đều đổ dồn về cái phễu tối đen của nó. Rồi một giọng nói vang lên, xuyên qua sự yên lặng, to và chậm: "Thưa quý ông quý bà, bây giờ tôi vô cùng vinh hạnh được giới thiệu tới các bạn ông Ellsworth Monkton Toohey!"

Chà, Keating nghĩ, thế là cái tay Bennett đã được sáu sập cá cược ở văn phòng rồi. Vài giây yên lặng trôi qua. Rồi cái điều xảy ra tiếp sau đó đã giáng một cú vào sau gáy Keating; đó không phải là một âm thanh hay một

cú đấm, nó là một cái gì đó xé toạc thời gian, cắt rời giây phút này khỏi giây phút trước đó. Ban đầu anh nghĩ nó là một cú sốc; rồi một giây thời gian trôi qua và anh nhận ra đó là cái gì – đó là tiếng vỗ tay. Đó là một tràng pháo tay vang rền đến nỗi Keating tưởng như cái loa sắp nổ tung; tràng pháo tay kéo dài mãi, ép vào các bức tường của hành lang và anh nghĩ anh có thể cảm thấy các bức tường đang ưỡn cong ra phía ngoài đường.

Mọi người xung quanh anh đang hò reo. Catherine đứng đó, môi hé mở, và Keating cảm thấy chắc chắn là cô ấy đang hoàn toàn nín thở.

Một lúc lâu sau, bầu không khí đột nhiên im lặng – cũng thình lình và gây sốc y như tràng pháo tay; cái loa rít lên một tiếng rồi im lặng. Những người trong hành lang đều đứng im. Rồi một giọng nói cất lên:

"Các bạn của tôi," giọng đó nói, giản dị và trang nghiêm. "Những người anh em của tôi," giọng nói đó thêm vào, nhẹ nhàng, như không chủ tâm, vừa tràn ngập cảm xúc và vừa như tự mỉm cười xin lỗi trước cảm xúc đó. "Tôi xúc động trước sự chào đón này hơn mức tôi tự cho phép mình. Tôi hy vọng mình sẽ được tha thứ cho cái biểu hiện hư hỏng của cái đứa trẻ vốn luôn tồn tại trong tất cả chúng ta. Nhưng tôi nhận ra – và với tinh thần đó tôi chấp nhận nó – rằng sự chào đón này không phải là dành cho cá nhân tôi mà là cho một nguyên tắc mà tôi may mắn có cơ hội trình bày – với tất cả sự khiêm nhường – vào tối nay."

Đó không phải là một giọng nói, đó là một phép lạ. Nó trải ra như một tấm biểu ngữ làm bằng nhung. Nó nói tiếng Anh nhưng sự rành rọt của mỗi âm tiết mà nó phát ra khiến nó như đang nói một thứ ngôn ngữ mới lần đầu tiên người ta nghe thấy. Đó là giọng nói của một người khổng lồ.

Keating đứng đó, miệng há ra. Anh không nghe thấy giọng nói đó nói gì. Anh nghe thấy vẻ đẹp của những âm thanh mà không bắt được ý nghĩa. Anh cảm thấy không cần phải hiểu nghĩa; anh có thể chấp nhận bất kỳ thứ gì, anh có thể để người ta bịt mắt dẫn đi bất cứ đâu.

"... và vì vậy, các bạn của tôi," giọng nói đó đang nói, "bài học rút ra từ cuộc đấu tranh bi thảm của chúng ta là bài học về sự đoàn kết. Chúng ta phải đoàn kết hoặc chúng ta sẽ bị đánh bại. Ý chí của chúng ta – chí chí của những người không thừa kế, của những người bị lãng quên, của những người bị áp bức – sẽ gắn kết chúng ta lại thành một tấm lá chắn vững chắc, với một niềm tin và một mục đích chung. Đây là lúc mỗi người chúng ta phải từ bỏ sự bận tâm với những vấn đề nhỏ bé vụn vặt của cá nhân mình, về lợi ích, sự thoải mái và về sự tự mãn của bản thân. Đây là lúc mỗi chúng ta phải hòa mình vào một dòng chảy lớn hơn, vào cơn thủy triều đang dâng lên đang tiến đến gần để cuốn tất cả chúng ta đi – dù muốn hay không, vào tương lai. Lịch

sử, các bạn ạ, không đặt câu hỏi cũng không cần sự chấp thuận của chúng ta. Lịch sử không thể bị bác bỏ, cũng như tiếng nói của quần chúng nhân dân đã quyết định nó vậy. Chúng ta hãy lắng nghe tiếng gọi. Chúng ta hãy đoàn kết, hỡi những người anh em của tôi. Chúng ta hãy đoàn kết. Chúng ta hãy đoàn kết. Chúng ta hãy đoàn kết."

Keating nhìn Catherine. Không còn Catherine nữa; chỉ còn một khuôn mặt trắng đắm chìm trong những âm thanh từ chiếc loa. Không phải là vì cô đang nghe chú mình nói; Keating không thể thấy ghen tỵ với ông ấy – anh ước anh có thể. Đấy không phải là sự yêu quý. Nó là thứ gì đó lạnh lùng và vô cảm – nó khiến Catherine trở nên trống rỗng, tinh thần của cô đã đầu hàng và không có một người nào nắm giữ nó ngoại trừ một thứ không gọi tên ra được đang nuốt chửng lấy cô.

"Chúng ta ra khỏi đây thôi." Keating thì thầm. Giọng anh man dại. Anh đang hoảng sợ.

Catherine quay về phía Keating như thể cô vừa ra khỏi cơn bất tỉnh. Anh biết rằng cô đang cố nhận ra anh và những điều anh nói. Cô thì thầm: "Vâng. Chúng ta hãy đi thôi."

Họ đi qua những đường phố, qua màn mưa, không phương hướng. Trời lạnh nhưng họ cứ đi – để cử động, để cảm nhận sự chuyển động, để biết cái cảm giác là cơ bắp mình đang cử động.

"Chúng mình ướt hết rồi," cuối cùng Keating nói – cố gắng thẳng thừng và tự nhiên hết mức có thể; sự im lặng của họ làm anh thấy sợ; nó chứng tỏ rằng cả hai đều biết cùng *một thứ* và *cái thứ ấy* có thật. "Chúng mình tìm chỗ nào đó uống cái gì đi."

"Vâng," Catherine nói, "Đi! Trời lạnh quá... Em có ngốc không? Giờ thì em đã lỡ bài phát biểu của chú em rồi và em thì đã rất muốn nghe nó." Thế là ổn. Cô ấy đã nói đến nó. Cô ấy đã nói đến nó khá tự nhiên với một lượng tiếc nuối chân thành vừa đủ. Cái thứ ấy đã qua. "Nhưng em muốn ở bên anh, Peter ạ... Em lúc nào cũng muốn ở bên anh." *Cái thứ kia* giãy lên một lần cuối – không phải vì ý nghĩa điều cô vừa nói, mà vì cái nguyên nhân đã thúc đẩy cô nói ra. Rồi nó đi hẳn, và Keating mỉm cười; những ngón tay anh tìm kiếm cổ tay trần của Catherine giữa tay áo và găng tay của cô, và làn da cô ấm áp chạm trên da anh...

Nhiều ngày sau Keating nghe được câu chuyện mà cả thành phố kháo nhau. Người ta nói rằng vào cái ngày sau buổi mít tinh lớn, Gail Wynand đã tăng lương cho Ellsworth Toohey. Toohey đã nổi giận và đã cố gắng từ chối. "Ông không thể hối lộ tôi, ông Wynand ạ," Toohey nói.

"Tôi không hối lộ ông," Wynand đã trả lời; "đừng có tự huyễn mình như

thế.”

*

* *

Sau khi cuộc đình công được giải quyết, công việc xây dựng vốn bị gián đoạn lại khôi phục khắp thành phố, và Keating bị chìm ngập trong công việc suốt ngày đêm với những công trình mới lũ lượt đổ vào văn phòng. Francon mỉm cười hoan hỉ với mọi người và tổ chức một bữa tiệc nhỏ cho nhân viên của mình để xóa đi mọi ký ức về bất kỳ điều gì mà ông ta có thể đã nói. Dinh thự nguy nga của ông bà Dale Ainsworth trên đường Riverside[47] – một dự án yêu thích nhất của Keating và được thiết kế theo phong cách cuối thời Trung cổ, xây bằng đá granit xám – cuối cùng đã được hoàn tất. Ông bà Dale Ainsworth mở một cuộc tiếp tân trịnh trọng để khánh thành nhà, Guy Francon và Keating được mời trong khi Lucius N. Heyer đã bị lờ đi – một cách khá tình cờ – như vẫn luôn xảy ra với ông ta như thế vào phút chót. Francon thích cuộc tiếp tân vì mỗi mét vuông granit trong ngôi nhà đều gợi cho ông ta nhớ đến khoản thanh toán hậu hĩ cho một mỏ đá granit nào đó ở Connecticut. Keating thích buổi tiếp tân vì bà Ainsworth to béo đã vừa cười thân thiện vừa nói với anh rằng: “Thế mà tôi cứ chắc chắn rằng anh là đồng sự của ông Francon! Phải rồi, công ty là Francon và Heyer! Tôi thật là bất cẩn quá! Nhưng để xin lỗi anh, tôi xin được nói rằng dù anh không phải là đồng sự của ông ấy, nhưng anh hoàn toàn có *quyền* được như thế.” Công việc ở văn phòng diễn ra trôi chảy, trong một trong những thời kỳ mà mọi thứ dường như đều tốt đẹp.

Vì thế vào một buổi sáng không lâu sau buổi tiếp tân của nhà Ainsworth, Keating ngạc nhiên thấy Francon đến văn phòng với bộ mặt tức giận lo lắng. “Ồ không có gì đâu,” ông ta nôn nóng phẩy tay về phía Keating, “không có chuyện gì cả.” Trong phòng vẽ, Keating để ý thấy ba kiến trúc sư chụm đầu với nhau trên một trang của tờ *Ngọn cờ New York*, đọc với vẻ thích thú háo hức tội lỗi; anh đã nghe thấy tiếng cười nén khó chịu của một trong số họ. Khi họ thấy anh thì tờ báo biến mất ngay. Anh không có thời gian để điều tra việc này; một người chạy việc thầu khoán đang đợi anh trong văn phòng và anh còn cả đống thư từ và bản vẽ cần phê chuẩn nữa.

Ba giờ sau các cuộc họp liên tục đã làm anh quên hẳn biến cố đó. Anh thấy nhẹ nhõm, minh mẫn, hồ hởi vì nguồn năng lượng của mình. Khi anh phải vào thư viện để đối chiếu một bản vẽ của mình với nguyên mẫu tốt nhất được lưu, anh ra khỏi văn phòng, huýt sáo, đu đưa bản vẽ một cách vui vẻ.

Với tâm trạng phấn chấn, anh đi qua được nửa phòng tiếp tân thì đột ngột dừng lại; tấm bản vẽ vung về phía trước và đập trở lại vào đầu gối anh. Anh

quên mất rằng dừng lại đột ngột trong những trường hợp thư thế này là không thích hợp lắm.

Một phụ nữ trẻ đứng phía trước rào chắn và đang nói chuyện với cô thư ký tiếp tân. Thân hình thanh mảnh của cô dường như nằm ngoài mọi tỷ lệ của cơ thể con người bình thường; những đường nét của thân hình ấy quá dài, mỏng manh dễ vỡ, quá phóng đại đến nỗi cô trông giống như một bức tranh cách điệu của một phụ nữ – cô khiến cho những tỷ lệ đúng của một người bình thường có vẻ nặng nề và vụng về bên cạnh cô. Cô gái mặc một bộ giuýp xám trơn; sự tương phản giữa vẻ nghiêm trang của bộ trang phục và dáng vẻ bên ngoài của cô như phi lý một cách cố ý – và tao nhã một cách kỳ lạ. Cô đặt những đầu ngón tay của một bàn tay lên rào chắn, một bàn tay hẹp, kết thúc đường thẳng kiêu kỳ của cánh tay cô. Cô có đôi mắt xám không phải hình bầu dục, mà là những đường cắt chữ nhật dài được viền bởi hai hàng lông mày song song; cô mang một vẻ thuần khiết lạnh lẽo và một cái miệng đanh đá một cách tao nhã. Khuôn mặt cô, mái tóc vàng nhạt của cô, bộ giuýp của cô – dường như chúng không có màu mà chỉ là có một chút bóng dáng ngấp nghé của màu sắc thật; nó khiến cho những màu sắc thật bỗng trở nên thô kệch. Keating đứng sững, vì lần đầu tiên anh hiểu các nghệ sĩ nói gì khi họ nói về cái đẹp.

"Tôi sẽ gặp ông ta ngay bây giờ, không thì thôi." Cô nói với cô thư ký tiếp tân. "Ông ấy bảo tôi tới gặp và tôi chỉ rỗi lúc này thôi." Đó không phải là một mệnh lệnh; cô nói như thể cô không cần phải lên giọng mệnh lệnh làm gì.

"Vâng, nhưng..." một đèn tín hiệu sáng lên trên bảng tổng đài của cô thư ký; cô ta vội vã nối máy. "Vâng, thưa ông Francon..." Cô lắng nghe và gật đầu nhẹ nhõm. "Vâng thưa ông Francon." Cô quay ra người khách: "Mời cô vào ngay bây giờ."

Người phụ nữ trẻ quay người và nhìn Keating khi cô đi qua anh trên đường đến chỗ cầu thang. Đôi mắt cô lướt qua anh mà không hề dừng lại. Có cái gì đó hơi xẹp đi trong sự ngưỡng mộ sững sờ của anh. Anh đã có đủ thời gian để nhìn thấy mắt cô; đôi mắt trông mệt mỏi và hơi khinh khỉnh, nhưng chúng để lại cho anh một cảm giác tàn nhẫn lạnh lùng.

Anh nghe thấy tiếng cô đi lên cầu thang, và cảm giác về sự tàn nhẫn biến mất, nhưng sự ngưỡng mộ thì ở lại. Anh tiến đến chỗ cô tiếp tân một cách háo hức.

"Ai thế?" anh hỏi.

Cô thư ký nhún vai: "Cô gái nhỏ của sếp đấy."

"Trời, bố già may mắn!" Keating nói, "thế mà lão giấu mình."

“Anh hiểu nhầm ý tôi rồi,” cô thư ký nói lạnh lùng. “Đó là con gái ông ấy. Dominique Francon.”

“Ồ,” Keating nói. “Ôi, lạy Chúa!”

“À” cô thư ký nhìn anh một cách châm chọc. “Anh đã đọc tờ *Banner* sáng nay chưa?”

“Chưa. Sao?”

“Anh đọc đi.”

Bảng điều khiển lại kêu và cô ta quay đi.

Keating nhờ một thằng bé chạy đi mua một tờ *Banner* cho mình và đọc một cách lo lắng cột báo *Nhà của bạn* do Dominique Francon viết. Anh đã nghe nói gần đây cô khá thành công với việc miêu tả những ngôi nhà của những vị có vai vế ở New York. Lĩnh vực của cô là trang trí nhà cửa nhưng đôi khi cô cũng mạo hiểm vào lĩnh vực phê bình kiến trúc. Đối tượng của cô hôm nay là dinh thự của ông bà Dale Ainsworth trên đường Riverside. Anh đọc thấy, giữa rất nhiều thứ, là những dòng này:

“Bạn bước vào một hành lang tuyệt vời bằng đá cẩm thạch vàng và bạn nghĩ rằng đây là Tòa nhà thị chính hay Bưu điện Trung tâm, nhưng không phải vậy. Nó có, tuy nhiên, đủ mọi thứ (của tòa thị chính): nào là gác lửng với hàng cột đỡ, nào là cầu thang với tay vịn lồi, nào là những vòng tròn ô van có hình những chiếc thắt lưng da được thắt chéo. Chỉ có điều những thắt lưng này không bằng da mà bằng cẩm thạch. Phòng ăn có một cánh cổng bằng đồng lộng lẫy, được sơ suất đặt trên trần nhà, dưới dạng một cái giàn mắt cáo với những dây nho tươi bằng đồng quấn quanh. Có mấy con vịt và thỏ chết treo trên các tường nhà, trong các khóm cà rốt, dã yên thảo và đậu dây. Tôi không cho là mấy thứ này sẽ rất hấp dẫn nếu là đồ thật, nhưng vì chúng là những món mô phỏng tồi bằng thạch cao nên cũng không sao... Các cửa sổ phòng ngủ đối diện với một bức tường gạch, bức tường không được đẹp lắm, nhưng có ai cần xem phòng ngủ đâu. Các cửa sổ ở phía trước đủ lớn và tiếp nhận nhiều ánh sáng cũng như cả mấy bàn chân của các tượng thần Ái tình đậu ở bên ngoài cửa sổ. Các thần ái tình khá béo tốt và mang lại một cảnh đẹp mắt cho hàng phố, tương phản với bề mặt đá granit khắc khổ của mặt tiền; mấy bức tượng trông cũng đáng yêu, trừ khi bạn không chịu được việc cứ phải nhìn vào mấy cái lòng bàn chân của chúng mỗi khi bạn liếc ra ngoài trời để xem có mưa hay không. Nếu bạn phát mệt vì nhìn chúng thì bạn lúc nào cũng có thể nhìn ra ngoài từ những cửa sổ ở giữa tầng ba và ngắm cái mông bằng gang của Thủy Thần đang ngồi trên đỉnh của trán tường bên trên lối vào nhà. Đây là một lối vào rất đẹp. Ngày mai chúng ta sẽ thăm nhà của ông bà Smythe-Pickering.”

Keating đã thiết kế ngôi nhà. Nhưng anh không thể không cười thầm trong cơn tức tối của mình khi nghĩ đến cảm giác của Francon khi đọc cái này, cũng như việc ông ta sẽ đối mặt ra sao với bà Dale Ainsworth. Rồi anh quên bẵng ngôi nhà và bài báo. Anh chỉ còn nhớ mỗi cô gái đã viết bài báo đó.

Anh nhặt ba bản phác thảo một cách ngẫu nhiên từ trên bàn và bắt đầu đến văn phòng của Francon để xin ông ta phê chuẩn chúng mặc dù anh không hề cần làm vậy.

Trên chiếu nghỉ cầu thang ngay bên ngoài cửa phòng đóng kín của Francon, Keating dừng lại. Anh nghe thấy giọng Francon đằng sau cánh cửa, to, tức giận và bất lực – cái giọng mà anh luôn nghe thấy mỗi khi Francon bị đánh bại.

"... để mà thấy một sự xúc phạm như thế! Từ chính con gái đẻ của mình! Tao có thể chấp nhận bất cứ cái gì của mày, nhưng thế này thì quá lắm. Tao sẽ làm thế nào bây giờ? Tao sẽ giải thích ra sao đây? Mày có ý thức được một tí nào về vị trí của tao không?"

Rồi Keating nghe thấy cô gái cười; đó là một âm thanh quá vui vẻ và lạnh lùng đến nỗi anh hiểu rằng tốt nhất là không nên vào. Anh biết là anh chẳng muốn vào bởi anh lại cảm thấy sợ, giống như đã cảm thấy như thế khi anh nhìn thấy đôi mắt của cô.

Anh quay người và đi xuống cầu thang. Khi đến tầng dưới, anh nghĩ rằng sẽ gặp cô, rằng sẽ gặp cô sớm thôi và rằng bây giờ thì Francon không thể ngăn cản được anh nữa. Anh nghĩ đến điều đó một cách háo hức, cười nhẹ nhõm trước hình ảnh cô con gái của Francon mà anh đã tưởng tượng nhiều năm, duyệt lại viễn cảnh tương lai của mình; mặc dù anh lờ mờ cảm thấy rằng cái tương lai ấy sẽ tốt hơn nếu như anh không bao giờ gặp lại cô.

X.

Ralston Holcombe bị rụt cổ và cái cằm của ông làm nhiệm vụ thay cho cái cổ. Cằm và hàm ông tạo thành một đường vòng cung liền nét, ngự trên bộ ngực.

Gò má ông hồng, mềm mềm, với vẽ nhũn nhẽo không cưỡng lại được của tuổi tác, giống như vỏ của một trái đào đã bị trần qua nước sôi. Mái tóc bạch kim dày phủ trước trán và trùm cả xuống vai ông tạo thành một bờm tóc kiểu Trung cổ. Nó rắc gàu lên đằng sau cổ áo ông.

Ông đi bộ qua những đường phố của New York, đội một chiếc mũ rộng vành, mặc một bộ com-lê công sở sẫm màu, một chiếc áo sơ mi sa-tanh màu xanh lá cây nhạt, một chiếc áo vét nhung trắng thêu kim tuyến, một cái nơ to bự lộ ra từ dưới cằm ông, và ông cầm một cái ba toong – không phải một cái gậy nhỏ – mà là một cái ba toong bằng gỗ mun, cao, một đầu gắn vàng ròng. Cứ như thể cái thân hình đồ sộ của ông đã thu vén cả vào những món trang sức thông thường của một một nền văn minh dung tục và những thứ vải vóc xám xịt của nền văn minh ấy; nhưng vòm ngực và khoanh bụng hình ô-van của ông vẫn nhô ra phía trước, để lộ những sắc màu của tâm hồn bên trong.

Những điều này là hoàn toàn phải phép với ông, bởi ông là một thiên tài. Ông còn là chủ tịch của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ.

Ralston Holcombe không tán thành những quan điểm của các đồng nghiệp trong hiệp hội. Ông không phải là một nhà xây dựng, đơn thuần làm công việc đào xới đất, cũng chẳng phải là một doanh nhân. Ông là – ông dõng dạc tuyên bố – một con người của những lý tưởng.

Ông lên án tình trạng kiến trúc tồi tệ của nước Mỹ và chủ nghĩa chiết trung vô nguyên tắc của những người tạo ra các công trình kiến trúc đó. Ông tuyên bố rằng trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào thì những kiến trúc sư cũng xây dựng trên tinh thần của thời đại họ sống và không sử dụng các thiết kế của quá khứ; chúng ta chỉ có thể trung thực với lịch sử bằng cách tuân theo quy luật của nó – quy luật đó đòi hỏi chúng ta phải gieo trồng các hạt mầm nghệ thuật của mình trên thực tại đời sống. Ông công khai chỉ trích sự ngu dốt của việc xây dựng các tòa nhà kiểu Hy Lạp, Gothic hay La Mã; hãy để chúng ta – ông nài nỉ – được hiện đại và được xây theo phong cách thuộc về thời đại chúng ta. Ông đã tìm được phong cách đó. Đó là phong cách Phục hưng.

Ông nói rõ lý do của mình. Ông chỉ ra rằng vì chưa có sự kiện lịch sử quan trọng nào xảy ra trên thế giới từ thời kỳ Phục hưng đến nay nên chúng ta nên tự coi mình vẫn đang sống trong thời kỳ đó; và tất cả những biểu hiện

bên ngoài của sự tồn tại của chúng ta vẫn nên trung thành với những kiệt tác kiến trúc vĩ đại của thế kỷ 16.

Ông không có kiên nhẫn với một số ít những người có quan điểm khác ông về kiến trúc hiện đại; ông phớt lờ họ; ông chỉ nói rằng những kẻ muốn đoạn tuyệt với *mọi thứ* của quá khứ là những kẻ ngu dốt lười biếng, và rằng người ta không thể đặt Cái Mới lên trên Cái Đẹp. Giọng ông run lên một cách cung kính khi nói từ cuối cùng đó. Ông không chấp nhận bất kỳ thứ gì ngoại trừ những hợp đồng xây dựng thực sự lớn. Ông chuyên thiết kế các công trình vĩnh cửu và tượng đài. Ông xây dựng rất nhiều đài kỷ niệm và các tòa nhà trụ sở chính quyền bang[48]. Ông thiết kế cho các Hội chợ Quốc tế.

Ông xây dựng như một nhà soạn nhạc ứng tác dưới một sự thôi thúc thần bí. Ông có những cảm hứng bất thình lình. Ông có thể cho xây thêm một mái vòm khổng lồ lên mái bằng của một công trình đã được hoàn thành, có thể cho khảm một mái vòm dài bằng những cái lá mạ vàng, hay phá bỏ một mặt tiền đá vôi để thay bằng đá cẩm thạch. Các khách hàng của ông ta chỉ biết xanh xám mặt mày, lắp bắp và trả tiền. Nhân cách uy nghi của ông khiến ông giành chiến thắng trong bất kỳ cuộc đối đầu nào với tính tằn tiện của một khách hàng; hỗ trợ cho ông là cả một sự cả quyết vững chắc, không lời và mạnh mẽ rằng ông là một *Nghệ sĩ*. Uy tín của ông rất lớn.

Ông sinh trưởng từ một gia đình được đề cập trong cuốn *Danh bạ thân hữu*[49]. Ở tuổi trung niên ông cưới một phụ nữ trẻ mà gia đình cô không có tên trong *Danh bạ thân hữu* nhưng thay vào đó lại làm ra rất nhiều tiền trong một đế chế kẹo cao su được truyền lại cho một cô con gái độc nhất.

Giờ đây Ralston Holcombe 65 tuổi, cái tuổi mà ông đã tăng thêm vào đó vài năm vì những lời khen ngợi của bạn bè ông về thể lực tuyệt vời của ông; còn bà Ralston Holcombe thì 44 tuổi và bà đã giảm tuổi mình đi khá nhiều.

Bà Ralston Holcombe vẫn duy trì các buổi gặp mặt thân mật cho giới văn nghệ sĩ vào mỗi chiều Chủ nhật. “Tất cả những người có tên tuổi trong giới kiến trúc đều đến” bà nói với bạn bè bà như vậy. “Họ nên!” bà nói thêm.

Vào một buổi chiều Chủ nhật tháng Ba, Keating lái xe đến biệt thự Holcombe – một công trình mô phỏng cung điện Florentine – một cách mẫn cán, nhưng cũng hơi miễn cưỡng. Anh đã trở thành vị khách quen ở những buổi họp mặt như thế và anh đã bắt đầu cảm thấy chán vì anh đã biết tất cả những người có thể mong đợi ở đó. Tuy nhiên anh cảm thấy mình nên đi lần này vì đây là buổi chúc mừng việc Ralston Holcombe vừa hoàn tất một tòa nhà trụ sở chính quyền cho một bang nào đó.

Một đám đông đáng kể đang tụ tập trong phòng khiêu vũ của nhà

Holcombe và đứng rải rác thành những nhóm nhỏ trên khoảng đất rộng vốn dành cho các buổi tiếp tân ngoài trời. Khách khứa đứng quanh, vừa làm ra vẻ suồng sã, vừa gắng sức để mình nổi bật. Tiếng bước chân trên nền đá cẩm thạch tạo ra những tiếng vọng như trong một nhà mồ. Những ánh lửa từ những cây nến cao đối chọi một cách thảm hại với ánh sáng xám của ngọn đèn đường – ánh đèn làm ánh nến bị lu mờ, trong khi ánh nến lại khiến cho ban ngày ở bên ngoài nhuốm một vẻ hoàng hôn quá sớm. Một mô hình thu nhỏ của công trình trụ sở bang mà Holcombe mới hoàn thành được đặt trên một cái kệ ở giữa phòng, lấp lánh với những bóng đèn điện nhỏ xíu.

Bà Ralston Holcombe chủ trì bên bàn trà. Mỗi vị khách nhận một chiếc tách mỏng manh bằng sứ trong suốt, khẽ hớp hai hớp và biến mất về hướng quầy bar. Hai người giúp việc oai vệ đi lại xung quanh để thu lượm những chiếc tách đã được dùng xong.

Bà Ralston Holcombe, như một bà bạn của bà đã miêu tả, "nhỏ nhắn, nhưng có trí tuệ." Vóc người nhỏ bé là một nỗi buồn thầm kín của bà, nhưng bà đã học được cách bù đắp cho nó. Bà có thể nói chuyện về – và thực sự đã làm – việc bà mặc váy cỡ 10[50] và mua sắm trong các cửa hàng dành cho trẻ em. Bà mặc quần áo của học sinh trung học và đi tất ngắn trong mùa hè, để lộ đôi cẳng chân khẳng khiu nổi những mạch máu xanh đậm. Bà ngưỡng mộ những người nổi tiếng. Đấy là sứ mệnh của đời bà. Bà săn lùng họ ráo riết; bà đối diện với họ với sự ngưỡng mộ ra mặt và nói về sự tầm thường của mình, về sự khiêm nhường của bà trước những thành tựu; bà nhún vai, mím môi và hằn học bất kỳ khi nào một ai trong số họ không tỏ ra quan tâm đúng mức đến những quan điểm riêng của bà về cuộc sống sau khi chết, về thuyết tương đối, về kiến trúc Aztecm, về phòng tránh thai và về phim ảnh. Bà có rất nhiều bạn nghèo và khoe khoang về điều đó. Nếu một người bạn may mắn cải thiện được tình hình tài chính của mình thì bà lập tức ruồng bỏ anh ta với cảm giác anh ta đã phản bội lại bà. Bà căm ghét người giàu với tất cả sự chân thành: họ chỉ có chung với bà cái vẻ thượng lưu bề ngoài. Bà coi kiến trúc là lĩnh vực của riêng bà. Bà được đặt tên thánh là Constance nhưng thích được gọi là "Kiki" – một biệt danh mà bà bắt các bạn bà phải gọi khi bà đã qua cái tuổi 30 được khá lâu rồi.

Keating chưa bao giờ cảm thấy thoải mái khi có mặt bà Holcombe bởi vì bà ta cười với anh quá dai và nhận xét về những lời bình phẩm của anh bằng cách nháy mắt và nói: "Ôi, Peter, cậu cứ đùa!" khi anh chẳng hề có ý đùa chút nào. Tuy thế, chiều nay, anh vẫn cứ cúi hôn tay bà như thường lệ và bà ta mỉm cười từ sau ấm trà bạc. Bà mặc một chiếc váy dài vương giả bằng nhung màu ngọc lục bảo, đeo một dải ruy-băng đỏ tía trên mái tóc ngắn ngang vai, phía trước là một chiếc nơ nhỏ xinh xắn. Da bà ta rám nắng và

khô, với những lỗ chân lông to trên hai cánh mũi. Bà ta đưa cho Keating một chiếc tách, một viên ngọc lục bảo hình vuông lấp lánh trên ngón tay bà ta trong ánh nến.

Keating bày tỏ sự ngưỡng mộ của mình với tòa trụ sở liên bang rồi lỉnh ra xem xét mô hình thu nhỏ của nó. Anh đứng trước cái mô hình trong một khoảng thời gian hợp lý, làm bỏng cả môi mình với thứ chất lỏng nóng có mùi đinh hương. Holcombe, người chẳng bao giờ nhìn về phía cái mô hình nhưng không bao giờ bỏ qua bất cứ ai đứng ngắm nó, đã vỗ vai Keating và nói một điều gì đó thích hợp về việc các kiến trúc sư trẻ tuổi cần học hỏi vẻ đẹp của phong cách Phục hưng. Rồi Keating đi loanh quanh, bắt tay với vài người một cách thờ ơ, và anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay để xem khi nào thì thích hợp cho việc ra về. Rồi anh bỗng khựng lại.

Anh thấy, phía sau một cái cổng vòm rộng, trong một thư viện nhỏ, với ba thanh niên đứng cạnh, là Dominique Francon.

Cô đang đứng dựa vào một cái cột, tay cầm một cốc rượu cốc-tai. Cô mặc một bộ vét bằng nhung đen; chất vải nặng không phản quang đã neo cô lại với thực tại bằng cách chặn đứng cái ánh sáng đang chảy tràn tự do trên da thịt của bàn tay, cổ và gương mặt cô. Một tia sáng trắng lóe lên giống như một cây thánh giá kim loại lạnh lẽo trong cái cốc cô đang cầm, như thể cái cốc đó là một thấu kính hội tụ lại ánh sáng tỏa ra từ làn da cô vậy.

Keating băng về phía trước và tìm thấy Francon trong đám đông.

“À, Peter!” Francon vui vẻ nói. “Có muốn tôi lấy cho cậu cái gì uống không? Không nóng mấy,” ông ta thêm vào, hạ thấp giọng xuống, “nhưng làm một ly Manhattan cũng không tệ.”

“Không ạ,” Keating nói, “cảm ơn bác.”

“Giữa bác cháu với nhau,” Francon nói, nháy mắt về phía cái mô hình trụ sở liên bang, “thật là một đống hổ lốn, đúng không?”

“Vâng ạ,” Keating nói. “Những tỷ lệ khốn khổ... Cái cổng vòm đó trông như khuôn mặt của Holcombe đang mô phỏng mặt trời mọc trên mái nhà vậy...”

Họ dừng lại ở vị trí có thể nhìn bao quát cả thư viện và mắt Keating dán vào cô gái mặc bộ đồ đen với dụng ý khiến Francon phải chú ý; Keating muốn cho Francon vào bẫy.

“Và cái thiết kế mặt bằng nữa chữ! Trời đất! Cậu có thấy cái đó trên tầng hai... Ồ!” Francon nói và nhận ra.

Ông nhìn Keating, rồi nhìn vào thư viện, rồi lại nhìn đến Keating.

“Thôi được” cuối cùng Francon nói, “sau này đừng có trách tôi đấy. Chính cậu muốn thế đấy nhé. Nào đi nào.”

Họ cùng bước vào thư viện. Keating dừng lại một cách đúng mực nhưng lại cho phép mắt anh được chăm chú một cách quá mức trong khi Francon tươi cười với một sự vui vẻ không được thuyết phục:

“Dominique! Cha xin giới thiệu đây là Peter Keating – cánh tay phải của cha. Peter – đây là con gái tôi.”

“Xin chào cô.” Keating khẽ nói.

Dominique cúi chào một cách trang trọng.

“Tôi đã đợi để được gặp cô từ rất lâu rồi, thưa cô Francon.”

“Cái này thú vị đây,” Dominique nói. “Anh sẽ muốn đối tốt với tôi, tất nhiên rồi, nhưng như thế thực ra lại không khôn ngoan lắm đâu.”

“Ý cô là gì, cô Francon?”

“Cha thì muốn anh xử tệ với tôi hơn. Cha và tôi không hợp nhau chút nào.”

“Ồ, cô Francon, tôi...”

“Tôi nghĩ nên công bằng mà nói với anh điều này ngay từ đầu. Anh có thể rút lại một vài kết luận.” Keating đang tìm Francon nhưng ông đã biến mất. “Không,” cô khẽ nói, “Cha tôi không thạo những việc như thế này. Ông ấy quá lộ liễu. Anh nhờ ông giới thiệu nhưng ông lẽ ra không nên để tôi nhận thấy chuyện ấy. Nhưng thế cũng chẳng sao vì cả hai chúng ta đều thừa nhận. Anh ngồi xuống đi.”

Cô trượt vào một chiếc ghế và anh ngoan ngoãn ngồi xuống cạnh cô. Người thanh niên mà Keating không quen biết đứng quanh đó vài phút, cố tham gia vào cuộc chuyện trò bằng những nụ cười trống rỗng, rồi anh ta lảng đi. Keating thở phào nghĩ không có gì đáng sợ về cô gái cả; chỉ có một sự tương phản kỳ quặc giữa những lời lẽ của cô và sự trong sáng tự nhiên của cái cách mà cô nói những lời ấy; anh không biết phải tin vào điều nào.

“Tôi thừa nhận là tôi đã xin bác giới thiệu,” anh nói, “Dù sao thì như thế cũng là lộ liễu, đúng không? Ai mà lại không xin được giới thiệu cơ chứ? Nhưng chẳng nhẽ cô không nghĩ là những kết luận tôi sẽ rút ra có thể chẳng có liên quan gì đến cha cô?”

“Đừng nói là tôi đẹp và tinh tế và không giống bất kỳ ai anh đã từng gặp và rằng anh rất sợ là anh sắp yêu tôi. Rút cục thì anh sẽ nói thôi nhưng hãy hoãn lại đã. Ngoài cái đó ra, tôi nghĩ là chúng ta sẽ hợp nhau.”

“Nhưng cô đang cố làm khó cho tôi đúng không?”

“Đúng thế. Lẽ ra cha tôi nên cảnh báo anh.”

“Bác ấy đã.”

“Đáng lẽ anh nên nghe lời ông ấy. Hãy tử tế với cha tôi. Tôi đã gặp rất nhiều cánh tay phải của ông ấy và tôi đã bắt đầu hoài nghi. Nhưng anh là người đầu tiên được giữ lại lâu. Và có vẻ như ông ấy sẽ giữ anh lại lâu đấy. Tôi đã nghe rất nhiều về anh. Chúc mừng!”

“Tôi đã mong được gặp cô từ lâu rồi. Và tôi đã đọc cột báo của cô một cách rất...” Anh ngừng lại. Anh biết mình lẽ ra không nên đề cập đến nó; và hơn thế, lẽ ra anh không nên ngừng lại.

“Rất sao cơ?” cô nhẹ nhàng hỏi.

“... rất thích thú.” anh hoàn thành nốt câu nói, hy vọng cô sẽ chấp nhận câu chuyện như thế.

“Ồ vâng,” cô nói. “Cái nhà của Ainsworth. Anh đã thiết kế nó. Tôi xin lỗi. Anh không may lại là nạn nhân của một trong những cơn nói thật hiếm hoi của tôi. Tôi không lên cơn thường xuyên lắm. Như anh biết đấy, nếu anh có đọc bài của tôi hôm qua.”

“Tôi đã đọc rồi. Và – được rồi, tôi sẽ noi gương cô và sẽ hoàn toàn thẳng thắn. Cô đừng coi đó là một lời than phiền nhé – một người không bao giờ được phép than phiền về lời bình phẩm của một ai đó. Nhưng mà nói thực nhé, cái nhà trụ sở bang của Holcombe còn tồi hơn nhiều nếu xét về tất cả những mặt mà cô đã chỉ trích chúng tôi. Tại sao cô lại dành cho ông ta những lời tán tụng hào phóng như thế hôm qua? Hay cô buộc phải làm thế?”

“Đừng tâng bốc tôi. Tất nhiên tôi không buộc phải làm thế. Chẳng lẽ anh nghĩ có ai ở tòa báo lại chú ý đến một cột báo về trang trí nhà cửa đến nỗi phải quan tâm tôi nói gì trong đó à? Thêm nữa, tôi thậm chí không có nhiệm vụ phải viết về các nhà trụ sở bang nữa kia. Chỉ là tôi đang thấy chán chuyện trang trí nhà cửa.”

“Vậy sao cô lại khen ngợi Holcombe?”

“Tại vì cái nhà đó quá kinh khủng đến nỗi phê phán gay gắt nó sẽ có tác dụng ngược. Thế nên tôi nghĩ, sẽ rất thú vị nếu tâng bốc nó đến tận mây xanh. Và đúng thế thật.”

“Đấy chính là cách cô làm việc sao?”

“Đó chính là cách tôi làm việc. Nhưng mà chẳng ai đọc cột báo của tôi, chỉ trừ mấy bà nội trợ chẳng bao giờ đủ tiền để trang trí nhà cửa, thế nên chẳng sao cả.”

“Nhưng cô thực sự thích cái gì ở kiến trúc?”

“Tôi chẳng thích bất kỳ cái gì ở kiến trúc hết.”

“Ồ, tất nhiên là cô biết tôi sẽ không tin điều đó. Cô viết làm gì nếu cô chẳng có gì muốn nói cơ chứ?”

“Thì để có thứ gì đó mà làm. Thứ gì đó kinh tởm hơn nhiều thứ khác mà tôi có thể làm. Và thú vị.”

“Thôi nào, đó không phải là một lý do tốt.”

“Tôi chẳng bao giờ có bất kỳ lý do tốt nào.”

“Nhưng cô hẳn phải thích công việc của mình.”

“Tôi có thích. Anh không thấy tôi thích nó sao?”

“Cô biết không, tôi thật sự ghen tỵ với cô đấy. Làm việc cho một hãng khổng lồ như các tờ báo của Wynand. Tập đoàn lớn nhất trong nước, tập hợp những cây bút giỏi nhất và...”

“Nghe này” cô nói, nghiêng mình về phía anh một cách bí mật, “để tôi giúp anh. Nếu anh mới gặp cha tôi, và ông ấy đang làm việc cho Wynand thì đúng là anh phải nói những điều vừa rồi. Nhưng mà tình hình lại không như thế. Tôi đã đoán là anh sẽ nói thế, mà tôi thì lại không thích nghe cái điều tôi đã đoán. Sẽ hay hơn nhiều nếu anh nói là các tờ báo của Wynand là một đống hổ lốn đáng khinh của một thứ báo chí lá cải và các tất cả các cây bút của chúng gộp lại chẳng đáng đến một xu.”

“Cô thực sự nghĩ thế về họ sao?”

“Không. Nhưng tôi không thích những người cứ chỉ nói những gì mà họ cho là tôi nghĩ.”

“Cám ơn. Tôi sẽ cần đến sự giúp đỡ của cô. Tôi chưa bao giờ gặp ai... À, không, tất nhiên đó là điều cô không muốn tôi nói. Nhưng tôi đã nói thật về những tờ báo mà cô đang làm việc. Tôi vẫn luôn ngưỡng mộ Gail Wynand. Tôi đã luôn mong được gặp ông ấy. Ông ấy là người như thế nào?”

“Đúng như lời Austen Heller gọi ông ta – một gã quý tộc vô lại.”

Keating cau mày. Anh nhớ lại anh đã nghe Austen Heller nói điều đó ở đâu. Ký ức về Catherine dường như nặng nề và thô kệch trước sự hiện diện của cái bàn tay trắng trẻo thon thả đang đặt trên thành ghế trước mặt anh.

“Nhưng, ý tôi là,” anh hỏi, “mặt đối mặt thì ông ấy là người thế nào?”

“Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ gặp ông ta.”

“Cô *chưa bao giờ*?”

“Chưa.”

“Ồ, tôi nghe nói ông ấy rất thú vị!”

“Chắc chắn là thế. Khi nào tôi có hứng về một cái gì đó suy đồi, có thể tôi sẽ gặp ông ta.”

“Cô có biết ông Toohey không?”

“Ồ,” cô nói. Keating nhìn thấy điều mà anh đã nhìn thấy trong mắt cô trước đây, và anh không thích sự tươi tỉnh ngọt ngào trong giọng nói của cô. “Ồ, Ellsworth Toohey. Tất nhiên là tôi biết ông ấy. Ông ấy thật là tuyệt vời. Ông ấy là một người mà tôi luôn thích nói chuyện cùng. Ông ấy thật là một kẻ đê tiện hoàn hảo.”

“Ôi, cô Francon! Cô là người đầu tiên từng...”

“Tôi không cố làm anh bị sốc đâu. Tôi thật sự muốn nói thế. Tôi ngưỡng mộ ông ấy. Ông ấy thật hoàn hảo. Chẳng mấy khi gặp được sự hoàn hảo trên thế giới này – dù hoàn hảo kiểu nào, đúng không? Và ông ấy đúng như thế. Hoàn hảo thuần khiết theo cách riêng của ông ấy. Mọi người khác đều không trọn vẹn, bị vỡ thành quá nhiều phần không hợp với nhau. Nhưng Toohey không thế. Ông là một hòn đá tảng. Đôi lúc, những khi tôi cảm thấy cay đắng trước thế giới này, tôi lại tìm được niềm an ủi khi nghĩ rằng thế cũng được, rằng tôi sẽ bị trừng phạt, rằng thế giới sẽ nhận được cái đang xảy đến với nó – bởi vì có Ellsworth Toohey.”

“Cô muốn bị trừng phạt về cái gì kia?”

Cô nhìn anh, mí mắt nhướng lên trong một giây lát, và đôi mắt vì thế không có vẻ hình chữ nhật nữa mà mềm mại và trong.

“Anh rất thông minh,” cô nói. “Đó là điều thông minh đầu tiên anh nói đấy.”

“Vì sao cơ?”

“Vì anh biết phải nhặt ra điều gì từ cái mớ nhảm nhí mà tôi nói. Thế nên tôi sẽ phải trả lời anh. Tôi muốn bị trừng phạt về cái việc tôi chẳng có gì để mà bị trừng phạt. Giờ hãy nói tiếp về Ellsworth Toohey.”

“À, tôi luôn nghe mọi người nói ông ấy như kiểu một vị thánh, một người lý tưởng hóa thuần khiết, hoàn toàn không thể bị mua chuộc và...”

“Khá đúng. Cứ làm một kẻ ăn hối lộ thì dễ hơn nhiều. Nhưng Toohey thì giống như một viên đá thử cho mọi người vậy. Anh có thể hiểu về họ qua quan điểm của họ về ông ấy.”

“Vì sao? Ý cô thực sự là gì?”

Cô ngả người ra chiếc ghế, và duỗi hai cánh tay xuống đầu gối, vặn cổ tay, hai lòng bàn tay hướng ra ngoài, những ngón tay cô đan vào nhau. Cô cười một cách thoải mái.

"Chẳng có ý gì đáng để bàn bạc ở một tiệc trà cả. Kiki đã đúng. Bà ấy ghét trông thấy tôi nhưng vẫn thỉnh thoảng phải mời tôi. Và tôi thì không thể không đến, vì bà ấy tỏ quá rõ là không muốn tôi đến. Anh biết đấy, tối nay tôi đã nói với Ralston tôi thực sự nghĩ gì về cái nhà trụ sở bang của ông ta, nhưng mà ông ta không tin. Ông ta chỉ cười và bảo tôi là một cô bé dễ thương."

"Thì, cô là thế, đúng không?"

"Là gì?"

"Một cô bé dễ thương."

"Không. Không phải hôm nay. Tôi đã làm anh hoàn toàn không thoải mái. Nên tôi sẽ đền bù cho anh. Tôi sẽ nói anh biết tôi nghĩ gì về anh, vì anh sẽ lo lắng về điều đó. Tôi nghĩ anh thông minh, an toàn, rõ ràng và khá tham vọng và anh sẽ tiến xa với tính cách đó. Và tôi thích anh. Tôi sẽ nói với cha là tôi duyệt cánh tay phải của ông. Anh thấy đấy anh chẳng có gì phải lo về con gái sếp; mặc dù thực ra sẽ tốt hơn nếu tôi chẳng nói gì với cha tôi, vì ý kiến của tôi sẽ có tác dụng ngược với cha."

"Tôi có thể nói điều duy nhất mà tôi nghĩ về cô không?"

"Tất nhiên. Mấy điều cũng được."

"Tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu cô không nói là cô thích tôi. Như thế tôi sẽ có nhiều cơ hội biến nó thành sự thật hơn."

Cô cười to.

"Nếu anh hiểu được thế," cô nói, "thì chúng ta sẽ rất hợp nhau đấy. Thế thì điều đó cũng có thể thành sự thật."

Gordon L. Prescott xuất hiện ở cổng tò vò của phòng khiêu vũ, tay cầm cốc. Ông ta mặc một bộ vét xám và một chiếc áo len cổ rùa bằng len bạc. Khuôn mặt trẻ con của ông được lau rửa sạch sẽ và ông ta vẫn có cái mùi xà bông, kem đánh răng và bụi đường như thường lệ.

"Dominique thân yêu!" ông kêu lên, huơ huơ chiếc cốc của mình. "Chào Keating," ông nói thêm cụt lủn. "Dominique, cô trốn ở đâu thế? Tôi nghe bảo cô ở đây và tôi tìm mãi không thấy cô!"

"Chào anh, Gordon," cô nói. Cô nói điều ấy khá vừa phải; chẳng có gì xúc phạm trong giọng nói lịch sự điềm tĩnh của cô; nhưng sau cái nốt thăng nhiệt tình của ông ta thì giọng cô vang lên một nốt giáng chết chóc bởi sự

thờ ơ của nó – như thể hai âm thanh đó hòa quện với nhau tạo thành một đối ấm rành mạch, làm nền cho một giai điệu du dương là sự khinh miệt của cô.

Prescott không nghe thấy tiếng cô. "Cô bé" ông nói, "mỗi lần gặp cô, trông cô lại càng đáng yêu hơn. Ai mà nghĩ là chuyện này lại có thể."

"Lần thứ bảy." Dominique nói.

"Gì cơ?"

"Lần thứ bảy anh nói thế khi gặp tôi, Gordon. Tôi đang đếm chúng."

"Cô không bao giờ chịu nghiêm túc cả, Dominique. Cô không bao giờ nghiêm túc."

"Thế sao, Gordon? Tôi vừa mới có một cuộc nói chuyện rất nghiêm túc với người bạn tôi đây, Peter Keating."

Một quý bà vẫy Prescott và ông ta chấp nhận cơ hội đó để lỉnh đi, trông rất ngu ngốc. Và Keating vui mừng với ý nghĩ cô đã đuổi một tay khác vì một cuộc trò chuyện mà cô muốn tiếp tục với "người bạn" của mình là Peter Keating.

Nhưng khi anh quay sang cô thì cô lại ngọt ngào hỏi: "Chúng ta đang nói đến đâu rồi, anh Keating?" Và rồi cô lại nhìn chằm chằm một cách hết sức thích thú ngang qua căn phòng vào dáng vẻ héo hon của một người đàn ông nhỏ bé đang đứng ho bên một ly whisky.

"À," Keating nói, "chúng ta đang..."

"Ồ, Eugene Pettingill kia rồi. Một người tôi rất yêu thích. Tôi phải đến chào Eugene."

Và cô đứng dậy, đi ngang qua căn phòng, thân hình ngả về phía sau khi cô bước đi. Cô tiến về phía người đàn ông tứ tuần xấu xí nhất quả đất kia.

Keating không biết anh đã bị cô sung vào hàng ngũ những người như Gordon L.Prescott hay là đây chỉ là sự tình cờ.

Anh miễn cưỡng quay trở lại phòng khiêu vũ. Anh buộc mình phải nhập vào các đám khách khứa và trò chuyện. Anh quan sát Dominique Francon khi cô di chuyển qua các đám đông, khi cô dừng lại để trò chuyện với những người khác. Cô chẳng bao giờ liếc nhìn anh lần nào. Anh không thể quyết định liệu anh đã thành công với cô hay đã thất bại một cách thảm hại nữa.

Keating đã xoay xở để có thể ở cửa ra vào khi Dominique ra về.

Cô dừng lại và mỉm cười với anh một cách thích thú.

"Không," cô nói, trước khi anh kịp mở miệng, "anh không thể đưa tôi về được đâu. Tôi có một chiếc xe đang đợi. Tuy nhiên tôi vẫn cám ơn anh."

Cô đi và anh đứng ở cửa, bất lực và nghĩ một cách tức tối vì anh tin rằng mình đang đỏ mặt.

Anh cảm thấy một bàn tay mềm mại trên vai mình và quay lại thì thấy Francon bên cạnh.

"Về nhà chứ Keating? Để tôi cho cậu đi nhờ xe."

"Nhưng cháu tưởng bác phải đến câu lạc bộ lúc bảy giờ."

"Ôi, chả sao đâu, tôi sẽ hơi muộn một chút, không vấn đề gì, tôi sẽ lái xe đưa anh về nhà, không sao hết cả." Có một chủ ý kỳ lạ trên khuôn mặt Francon, khá bất thường và không phù hợp với ông.

Keating lặng lẽ đi theo ông một cách ngạc nhiên và không nói năng gì khi họ đã ở trong ánh sáng mờ mờ thoải mái trên xe của Francon.

"Thế nào?" Francon hỏi một cách e dè.

Keating mỉm cười. "Guy, bác là đồ ngốc[51]. Bác không biết quý cái mà bác đang có. Sao bác không nói cho cháu biết? Cô ấy là cô gái đẹp nhất cháu từng gặp."

"Ừ đúng thế," Francon nói một cách rầu rĩ. "Có thể đó chính là rắc rối đấy."

"Rắc rối? Rắc rối ở đâu nào?"

"Cậu thực sự nghĩ như thế nào về con bé hả Peter? Quên vẻ bề ngoài đi. Cậu sẽ thấy mình quên cái đó rất nhanh. Cậu nghĩ thế nào?"

"À cháu nghĩ cô ấy có cá tính rất mạnh."

"Cám ơn cậu đã nói giảm nhẹ."

Francon im lặng một cách ủ rũ, và rồi ông nói nhỏ, với một giọng hơi khác thường, như thể hàm chứa một chút hy vọng:

"Cậu biết đấy Peter, tôi đã ngạc nhiên. Tôi đã quan sát cậu, và cậu đã nói chuyện khá lâu với nó. Thật là đáng ngạc nhiên. Tôi đã hoàn toàn chờ đợi việc nó đuổi cậu đi bằng một câu châm chọc hay ho độc địa cơ. Rốt cuộc thì có thể cậu hợp được với nó. Tôi đã kết luận là không thể đoán trước cái gì về con bé. Nhưng có thể... Cậu biết đấy, Peter, điều tôi muốn nói với cậu là: Đừng để ý đến những gì nó nói về chuyện tôi muốn cậu đối xử tồi tệ với nó."

Sự tha thiết trong câu nói cho thấy rõ đó là một gợi ý; môi Keating cử động và suýt phát thành tiếng huýt sáo nhẹ, nhưng anh đã kịp kìm lại được. Francon nói thêm một cách nặng nề: "Tôi không hề muốn cậu tồi tệ với nó."

"Bác biết không, Guy," Keating nói, giọng trách mắng kẻ cả, "bác không nên bỏ chạy như thế."

“Tôi không bao giờ biết cách nói chuyện với nó cả.” Ông thở dài. “Tôi đã không bao giờ học cách. Tôi không thể hiểu nổi vấn đề của nó là cái quái gì, nhưng nó có một vấn đề gì đó. Nó cứ nhất định không cư xử như một con người. Cậu biết không, nó đã bị đuổi khỏi hai trường thượng lưu. Tôi không thể tưởng tượng được nó đã học xong đại học bằng cách nào, nhưng tôi có thể nói với cậu là tôi sợ phải mở thư trong suốt bốn năm liền, lúc nào cũng ngong ngóng chờ đợi thông báo về cái điều không thể tránh khỏi. Rồi tôi nghĩ, à, một khi nó đã tự lập rồi thì tôi sẽ thoát nợ và không phải lo lắng về điều đó nữa; nhưng giờ nó còn tệ hơn bao giờ hết.”

“Bác thấy phải lo lắng về cái gì cơ chứ?”

“Tôi không lo lắng. Tôi cố để không lo lắng. Tôi vui mừng khi tôi không phải nghĩ đến nó một tí nào. Biết làm thế nào được; tôi không hợp để làm cha. Nhưng đôi lúc tôi cảm thấy đằng nào, đó vẫn là trách nhiệm của mình, dù Chúa biết là tôi không muốn nó, nhưng nó vẫn ở đó, nên tôi phải làm gì đó với nó; chẳng có ai khác nhận cái trách nhiệm đó cả.”

“Bác đã để cô ấy dọa được bác, bác Guy ạ, và thực ra thì chẳng có gì phải sợ cả.”

“Cậu nghĩ như thế thật à?”

“Vâng.”

“Có thể cậu chính là người có thể cầm cương được nó. Giờ thì tôi không hối tiếc việc cậu đã gặp nó, và cậu biết là tôi đã không muốn cậu gặp nó. Phải rồi, tôi nghĩ cậu chính là người cầm cương được nó. Cậu... cậu khá quyết đoán – đúng không, Peter? – khi cậu theo đuổi một cái gì đấy?”

“Nhìn chung,” Keating nói, vung một tay lên với vẻ bất cần, “Cháu ít khi sợ cái gì.”

Rồi anh ngả người dựa vào các tấm nệm, như thể anh đang mệt mỏi, như thể anh chưa nghe thấy điều gì hệ trọng cả, và anh giữ yên lặng trong suốt đoạn đường còn lại. Francon cũng giữ yên lặng.

*

* *

“Các chàng trai,” John Erik Snyte nói, “đừng có tiếc sức mình với dự án này. Nó là dự án quan trọng nhất chúng ta có trong năm nay đấy. Không nhiều tiền lắm, các cậu biết đấy, nhưng sẽ có uy tín, sẽ có các quan hệ! Nếu chúng ta giành được nó, khối thằng kiến trúc sư có tiếng sẽ phát điên! Các cậu thấy đấy, Austen Heller đã nói thẳng với tôi, chúng ta là hãng thứ ba ông ta tìm đến. Ông ấy không chấp nhận mấy thứ giẻ rách mà mấy tay bự kia cố bán cho ông ta. Thế nên, mọi việc tùy thuộc chúng ta thôi, các chàng trai ạ.

Các cậu biết đấy, phải là thứ gì đó khác lạ, bất thường nhưng là bất thường đẹp và, các cậu biết đấy, phải khác lạ. Giờ thì cố hết sức đi."

Năm kiến trúc sư ngồi thành hình bán nguyệt trước mặt ông. "Gothic" trông chán nản và "Tạp" trông đã nhụt chí ngay từ đầu; "Phục hưng" đang dõi theo đường bay của một con ruồi trên trần nhà. Roark hỏi:

"Chính xác thì ông ấy nói thế nào, ông Snyte?"

Snyte nhún vai và nhìn Roark với vẻ thích thú, như thể ông và Roark cùng chia sẻ một bí mật đáng xấu hổ về vị khách hàng mới nhưng chẳng ai buồn đề cập.

"Cũng không có cái gì thật cụ thể – cái này chỉ chúng ta biết thôi nhé, các chàng trai," Snyte nói. "Ông ấy diễn đạt khá là lủng củng, mặc dù ông ấy rất giỏi viết báo bằng tiếng Anh. Ông ấy nhận là chẳng biết gì về kiến trúc cả. Ông ấy không nói mình muốn nó kiểu hiện đại hay kiểu thời nào khác, chả nói gì cả. Ông ta có nói gì đó về chuyện ông ấy đã muốn một ngôi nhà của riêng mình lâu rồi, nhưng ông ta chần chừ mãi vì ông ta thấy tất cả các ngôi nhà nom đều giống nhau và chúng trông giống địa ngục và ông ta chẳng hiểu làm thế nào mà người ta lại có thể thích thú những cái nhà như thế, thế nhưng ông ta lại có quan điểm là ông ta chỉ muốn xây một cái nhà mà ông ta phải yêu quý nó. Ông ta nói thế này – 'Một tòa nhà mà sẽ có ý nghĩa nào đấy' – mặc dù ông ta nói thêm là ông ta 'không biết là ý nghĩa gì và theo cách nào.' Đấy, ông ta nói thế đấy. Chẳng có mấy để bắt đầu; tôi chắc chắn sẽ không muốn nộp các bản thiết kế nếu đó không phải là Austen Heller. Nhưng tôi phải công nhận với các cậu là tôi chả hiểu gì cả... Có chuyện gì thế Roark?"

"Không có gì," Roark nói.

Thế là kết thúc cuộc thảo luận đầu tiên về biệt thự của Austen Heller.

Cuối ngày hôm đó, Snyte tập hợp năm nhân viên thiết kế của mình trên một chuyến tàu hỏa; họ đến Connecticut để xem địa điểm xây dựng mà Heller đã chọn. Họ đứng trên một dải bờ biển cô độc, đầy đá, cách một thị trấn nhỏ, cổ lỗ, khoảng ba dặm; họ nhai trệu trạo bánh mì kẹp với đậu phộng, và họ ngắm một vách đá nhô lên tạo thành những rìa gãy vỡ từ dưới mặt đất để rồi kết thành một vực dốc thẳng, hung bạo và trần trụi trên mặt biển, một cái cột đá thẳng đứng tạo thành hình một cây thập tự với đường nằm ngang là mặt biển bao la, xanh nhạt.

"Đấy," Snyte nói. "Chính nó." Ông xoay một cây bút chì trong bàn tay mình. "Chả ra gì, đúng không?" Ông thở dài. "Tôi đã cố gắng đề nghị một địa điểm tử tế hơn, nhưng ông ta không thích lắm nên tôi đành phải im." Ông xoay chiếc bút. "Ông ta muốn xây nhà ở chỗ kia kìa, ngay trên đỉnh bờ đá

đó.” Ông lấy đầu cây bút chì cào cào vào đỉnh mũi mình. “Tôi đã cố đề nghị đặt ngôi nhà lùi về phía sau một chút so với bờ biển và giữ cái bờ đá chết tiệt đấy làm cảnh thôi, nhưng nói thế cũng không xong.” Ông cắn cục tẩy giữa các đầu răng mình. “Cứ nghĩ về lượng thuốc nổ và công việc san ủi phải làm trên cái đỉnh đó mà xem.” Ông tẩy móng tay mình bằng đầu chì, để lại một dấu đen. “Chà, thế đấy... Nhìn loại đá và chất đá mà xem. Sẽ khó để tiếp cận đây... Tôi có tất cả các khảo sát và ảnh ở văn phòng rồi... Chà... Ai có thuốc lá không nhỉ?... Chà, đấy, mọi việc là như thế... Có gì cần thì cứ hỏi tôi, bất cứ lúc nào... Chà... Mấy giờ cái tàu chết tiệt đấy quay về?”

Năm nhân viên thiết kế đã được khởi động công việc như thế. Bốn trong số họ bắt tay ngay vào công việc ở bàn vẽ. Chỉ có mình Roark quay lại địa điểm xây dựng nhiều lần.

Năm tháng làm việc cho Snyte đã lùi lại phía sau Roark như một khoảng trống. Nếu anh có tự hỏi mình xem mình đã cảm thấy như thế nào thì anh cũng sẽ chẳng có câu trả lời vì thực tế là anh đã chẳng nhớ gì về những tháng đó. Anh có thể nhớ từng bản thiết kế anh đã vẽ. Nếu cố thì anh có thể nhớ được điều gì đã xảy ra với những bản thiết kế đó; nhưng anh đã không cố.

Nhưng anh đã không yêu bất kỳ công trình nào trong số chúng bằng ngôi nhà của Austen Heller. Anh ở trong phòng vẽ hết tối này đến tối nọ, một mình với một tờ giấy và với ý nghĩ về một vách đá nhô ra biển. Không ai trông thấy những bản vẽ của anh cho đến khi chúng được hoàn thành.

Khi chúng được hoàn thành vào một đêm khuya, anh ngồi ở bàn mình, với những tờ giấy trải trước mặt; anh ngồi suốt nhiều giờ liền, một bàn tay chống lên trán, bàn tay kia buông thõng bên sườn, máu dồn cả vào những ngón tay, làm chúng tê dại. Con phố phía trên cửa sổ biến dần sang màu xanh thẫm, rồi chuyển sang xám nhợt nhạt. Anh không nhìn những bản vẽ. Anh thấy trống rỗng và rất mệt mỏi.

Ngôi nhà trên những bản vẽ đã được thiết kế không phải bởi Roark, mà là bởi vách đá trên đó ngôi nhà sẽ đứng. Như thể mỏm đá đã lớn lên, tự hoàn tất bản thân nó và tuyên bố cái mục đích mà nó đã tồn tại để chờ đợi. Ngôi nhà được chia thành nhiều tầng, bám theo những gờ của khối đá, nhô lên khi tảng đá nhô lên, bằng những khối thoai thoải, trong những mặt phẳng cùng nhau vươn lên thành một hòa âm trọn vẹn. Những bức tường, cũng cùng chất liệu đá granit như khối đá, tiếp tục vươn những đường thẳng của nó lên trời; những mái hiên bê tông rộng, nhô ra ngoài, cùng màu bạc như mặt biển, lượn theo đường nét của những con sóng và của đường chân trời thẳng tắp.

Roark vẫn đang ngồi ở bàn mình khi những người khác trở lại để bắt đầu ngày làm việc của họ trong phòng thiết kế. Rồi những bản vẽ được gửi đến

văn phòng của Snyte.

Hai ngày sau, bản vẽ cuối cùng của ngôi nhà, bản sẽ nộp cho Austen Heller – cái bản vẽ đã được John Erik Snyte chọn, sửa chữa, và giao cho anh chàng người Trung Quốc trông nom – được bọc trong giấy thấm và đặt trên một mặt bàn. Đó là ngôi nhà do Roark thiết kế. Các đối thủ cạnh tranh của anh đã bị loại. Đó là ngôi nhà của Roark, nhưng những bức tường của nó giờ đây lại là bằng gạch đỏ, những cửa sổ của nó được thu nhỏ lại theo cỡ thông thường và được trang bị những cửa chớp màu xanh lá cây, hai trong số những cánh nhà nhô ra đã bị bỏ đi, hàng hiên lớn có mút chìa ra phía trên mặt biển bị thay thế bằng một ban công sắt uốn nhỏ, và ngôi nhà được ban cho một lối vào gồm những cột Ionic đỡ lấy một trán tường gồ ghề cộng với với một cái trụ nhỏ đỡ một cái chong chóng gió.

John Erik Snyte đứng bên chiếc bàn, hai bàn tay ông xòe ra trong khoảng không phía trên bản vẽ để không chạm vào sự thuần khiết của những màu sắc tinh tế trên bản vẽ.

"Đấy chính là cái mà ông Heller nghĩ trong đầu, tôi chắc chắn đấy," ông nói, "Rất tốt... Phải, rất tốt... Roark, tôi phải bảo cậu bao nhiêu lần là đừng hút thuốc quanh bản vẽ cuối? Đứng xa ra. Cậu sẽ làm rơi tàn thuốc vào nó đấy."

Họ chờ Austen Heller đến lúc mười hai giờ. Nhưng lúc mười một giờ rưỡi, bà Symington đột ngột đến và yêu cầu gặp ông Snyte ngay lập tức. Bà Symington là một bà giàu có đường bệ, người chỉ vừa chuyển đến dinh thự mới của mình do ông Snyte thiết kế; ngoài ra, Snyte còn mong đợi một hợp đồng xây nhà theo kiểu chung cư từ anh trai của bà nữa. Ông không thể từ chối gặp bà và ông cúi người đón bà vào văn phòng của ông; ở đó bà bắt đầu tuyên bố thẳng thừng là trần nhà trong phòng thư viện của bà đã nứt và những cửa sổ hướng ra ngoài vịnh trong phòng vẽ của bà luôn bị một màn sương ẩm bao phủ. Snyte gọi kỹ sư trưởng của ông đến và cả hai cùng lao vào những giải thích cặn kẽ, những lời xin lỗi và nguyền rủa nhà thầu. Bà Symington vẫn chưa hề tỏ ra hết bực mình khi một đèn tín hiệu trên bàn của Snyte phát ra một tiếng è è và giọng của cô thư ký tiếp tân thông báo Austen Heller đã tới.

Không thể có chuyện yêu cầu bà Symington ra về, mà cũng không thể yêu cầu Austen Heller đợi. Snyte giải quyết vấn đề bằng cách bỏ bà ở lại với bài diễn ăn an ủi của kỹ sư trưởng và xin phép bà cho ông đi một lát. Rồi ông xuất hiện trong phòng tiếp tân, bắt tay Heller và đề nghị: "Cảm phiền ngài vào phòng vẽ được không ngài Heller? Ở đó ánh sáng tốt hơn, ngài biết đấy; bản vẽ đã sẵn sàng cho ngài, và tôi không muốn mạo hiểm di chuyển nó."

Heller có vẻ không phiền. Ông đi theo Snyte vào phòng vẽ – thân hình

ông cao, vai rộng; ông mặc bộ quần áo vải tuýt của Anh, ông có mái tóc hung đỏ và một khuôn mặt vuông vức với vô số nếp nhăn quanh đôi mắt mang vẻ điềm tĩnh mai mỉa.

Bản vẽ nằm trên bàn của anh chàng Trung Quốc, và anh ta bước sang bên một cách rụt rè, im lặng. Bàn bên cạnh là của Roark. Anh đứng quay lưng lại Heller, anh tiếp tục công việc vẽ của mình, và không quay lại. Những người làm đã được huấn luyện để không xen ngang vào những dịp mà Snyte đưa khách hàng vào phòng vẽ.

Những ngón tay Snyte nhấc giấy thấm lên, như thể nâng mạng che mặt của một cô dâu vậy. Rồi ông lùi lại và quan sát gương mặt Heller. Heller cúi xuống và đứng khom khom, với vẻ chăm chú, lôi cuốn, chăm chú; ông không nói gì trong một lúc lâu.

"Nghe này, ông Snyte," cuối cùng ông bắt đầu nói. "Nghe này, tôi nghĩ là..." và dừng lại.

Snyte chờ đợi một cách kiên nhẫn, hài lòng, ông linh cảm sự tiến đến của một cái gì đó mà ông không muốn làm xáo trộn.

"Cái này," đột nhiên Heller nói to, đồng thời đấm sầm nắm đấm xuống bản vẽ, và Snyte nhăn mặt, "cái này là cái gần với nó nhất trong số những gì người ta đã cho tôi xem."

"Tôi biết ngài sẽ thích nó mà, ngài Heller," Snyte nói.

"Tôi không thích," Heller nói.

Snyte chớp mắt và chờ đợi.

"Nó rất gần," Heller nói với vẻ tiếc nuối, "nhưng vẫn không đúng. Tôi không biết là ở đâu, nhưng nó vẫn không đúng. Thứ lỗi cho tôi, nếu điều này nghe mơ hồ, nhưng hoặc là tôi thích một cái gì đó ngay, hoặc tôi không thích. Tôi biết là tôi sẽ không thoải mái, ví dụ, với cái lối vào đó. Đó là một lối vào đáng yêu, nhưng anh thậm chí sẽ không để ý đến nó vì anh đã thấy nó quá thường xuyên."

"À nhưng cho phép tôi chỉ ra vài điểm xem xét, thưa ngài Heller. Một người muốn hiện đại, tất nhiên, nhưng người đó cũng muốn bảo lưu dáng vẻ của một tổ ấm gia đình. Một kết hợp giữa sự trịnh trọng và sự thân mật, ngài hiểu đấy; thế nên một ngôi nhà nghiêm trang như thế này phải có vài chi tiết nhỏ làm cho nó trở nên mềm mại. Đứng về mặt kiến trúc thì như thế là hoàn toàn đúng."

"Chắc chắn rồi," Heller nói. "Tôi không biết điều đó. Tôi chưa bao giờ hoàn toàn đúng trong đời tôi cả."

“Hãy để tôi giải thích bản vẽ này và ngài sẽ thấy là nó...”

“Tôi biết,” Heller mệt mỏi nói. “Tôi biết. Tôi chắc chắn là ông đúng. Chỉ có điều...” Giọng của ông có một âm thanh của sự háo hức mà ông ước gì mình có thể cảm nhận được. “Chỉ có điều, nếu nó có một sự thống nhất nào đó, một... một ý tưởng trung tâm nào đó... nó có đấy nhưng mà cũng không có... nếu như nó có vẻ đang sống... nhưng nó lại không... Nó thiếu thứ gì đó và lại có quá nhiều... Nếu nó sạch sẽ hơn, rõ ràng hơn... tôi đã nghe thấy người ta dùng từ gì nhỉ? – nếu nó hợp nhất...”

Roark quay lại. Anh ở phía bên kia của chiếc bàn. Anh chộp lấy bản vẽ, bàn tay anh vung ra phía trước và một chiếc bút chì rạch ngang bản vẽ, vạch những đường màu đen thô lên lớp màu nước thiêng liêng. Những đường bút chì phá tung những chiếc cột Ionic, cái trán tường, lối vào, cái trụ đặt chong chóng, những rèm cuốn, những viên gạch; chúng dựng lên hai cánh nhà bằng đá; chúng nới rộng những cửa sổ; chúng đập tan tành cái ban công và dựng lên một hàng hiên lớn trông ra biển.

Tất cả những việc đó diễn ra trước khi những người còn lại kịp ý thức được cái cái khoảnh khắc mà nó bắt đầu. Rồi Snyte nhảy về phía trước, nhưng Heller chộp lấy cổ tay ông và chặn ông lại. Bàn tay Roark tiếp tục san phẳng những bức tường, chia cắt và xây lại bằng những nét vẽ giận dữ.

Roark chỉ ngẩng đầu lên một lần, trong một chớp mắt, để nhìn Heller ngang qua mặt bàn. Đó là tất cả sự giới thiệu họ cần; nó giống như một cái bắt tay. Roark tiếp tục, và khi anh ném chiếc bút chì xuống, ngôi nhà – giống như anh đã thiết kế nó – đứng hoàn chỉnh trong một khuôn khổ trật tự của những đường kẻ đen. Cuộc trình diễn kéo dài chưa đến năm phút.

Snyte cố gắng cất lời. Vì Heller không nói gì cả nên Snyte tự động xoay quanh Roark và hét lên: “Cậu đã bị sa thải, quỷ tha ma bắt cậu đi! Cút ra khỏi đây! Cậu bị sa thải!”

“Cả hai chúng ta đều bị sa thải,” Austen Heller nói, nháy mắt với Roark. “Đi nào. Anh đã ăn trưa chưa? Hãy đến chỗ nào đó. Tôi muốn nói chuyện với anh.”

Roark đi đến cái tủ nhỏ của mình để lấy mũ và áo khoác. Cả phòng vẽ chứng kiến một hành động kinh ngạc và tất cả mọi công việc đều bị đình lại để quan sát nó: Austen Heller cầm bản vẽ lên, gấp nó bốn lần, bẻ gãy tấm bìa các-tông thần thánh, và bỏ trượt nó vào túi ông.

“Nhưng ngài Heller...” Snyte lắp bắp, “hãy để tôi giải thích đã... Nếu ngài muốn cái như thế thì cũng được mà, chúng tôi sẽ vẽ lại... hãy để tôi giải thích...”

“Không phải bây giờ,” Heller nói. “Không phải bây giờ.” Ông thêm vào khi ở ngưỡng cửa: “Tôi sẽ gửi cho ông một tấm séc.”

Rồi Heller đi – Roark đi với ông; và cánh cửa – vì Heller đẩy nó đóng sập lại đằng sau họ – nghe như đoạn kết trong một bài báo của Heller.

Roark đã không nói một lời nào.

Bên bàn ăn được thắp sáng nhẹ của nhà hàng đắt tiền nhất mà Roark từng bước vào, xuyên qua những đồ pha lê và bạc đang lấp lánh giữa họ, Heller nói:

“... vì đó là ngôi nhà mà tôi mong muốn, vì đó là ngôi nhà tôi đã luôn mong muốn. Anh có thể xây nó cho tôi, thảo ra các bản vẽ và giám sát công việc xây dựng được không?”

“Được,” Roark nói.

“Sẽ mất bao lâu nếu chúng ta bắt đầu ngay lập tức?”

“Khoảng tám tháng.”

“Tôi sẽ có được ngôi nhà vào cuối mùa thu?”

“Đúng vậy.”

“Đúng y như bản vẽ đó?”

“Đúng y như thế.”

“Xem này, tôi không biết người ta làm hợp đồng thế nào với kiến trúc sư và anh hẳn phải biết, vì thế hãy thảo một bản và để luật sư của tôi duyệt chiều nay được không?”

“Được.”

Heller nghiên cứu người ngồi đối mặt với ông. Ông nhìn thấy bàn tay đặt trên bàn trước mặt ông. Tất cả ý thức của Heller trở nên tập trung vào bàn tay đó. Ông nhìn thấy những ngón tay dài, những khớp ngón tay sắc cạnh, những mạch máu nổi bật. Ông có cảm giác không phải ông thuê người này, mà đang tự giao nộp mình vào việc thuê mướn này.

“Anh bao nhiêu tuổi rồi,” Heller hỏi, “bất kể anh là ai.”

“Hai mươi sáu. Ông có cần thư giới thiệu không?”

“Chết tiệt, không. Tôi có chúng rồi, ngay trong túi tôi. Tên anh là gì?”

“Howard Roark.”

Heller lấy ra một cuốn sổ séc, mở nó ra trên bàn và với tay lấy cái bút trong túi mình.

“Xem này,” ông nói trong khi viết, “tôi sẽ trả trước cho anh năm trăm đô la. Hãy mở cho mình một văn phòng hoặc bất kỳ thứ gì anh phải có, và tiến hành đi.”

Ông xé tờ séc ra và đưa nó cho Roark bằng hai đầu ngón tay thẳng, người chống trên khuỷu tay, ngả về phía trước, cổ tay vung lên thành một đường vòng cung gọng. Đôi mắt ông nheo lại, thích thú; chúng quan sát Roark một cách giễu cợt. Nhưng cử chỉ đó lại có vẻ như một động tác chào.

Tờ séc được viết cho “Howard Roark, Kiến trúc sư.”

XI.

Howard Roard mở văn phòng riêng của anh. Đó là một căn phòng rộng trên đỉnh một tòa nhà cũ, với một cửa sổ lớn bên trên những mái nhà.

Qua cửa sổ anh có thể thấy sông Hudson phía xa xa, với những vệt nhỏ của những con tàu chuyển động bên dưới những đầu ngón tay anh khi anh ấn chúng vào mặt kính cửa sổ.

Anh có một chiếc bàn, hai chiếc ghế và một bàn vẽ lớn. Cửa vào bằng kính mang mấy chữ: "Howard Roark, Kiến trúc sư." Anh đứng trong sảnh một lúc lâu, ngắm những chữ đó. Rồi anh bước vào và đóng sầm cửa, anh nhặt một chiếc êke từ trên bàn và quẳng nó xuống trở lại, như thể buông một mỏ neo.

John Erik Snyte đã phản đối. Khi Roark đến văn phòng để lấy những dụng cụ vẽ của anh thì Snyte xuất hiện trong phòng tiếp tân, bắt tay anh một cách thân mật và nói: "Ồ, Roark! Ồ, cậu có khỏe không? Vào đi, vào ngay đi, tôi muốn nói chuyện với cậu!"

Và với Roark ngồi trước bàn ông, Snyte bắt đầu nói to: "Xem này, anh bạn, tôi hy vọng cậu hiểu để không để bụng bất kỳ điều gì tôi có thể đã nói ngày hôm qua. Cậu biết thế nào rồi đấy, tôi hơi mất bình tĩnh một chút, và nó không phải vì việc cậu làm cái gì, mà là cậu lại làm ngay trên cái bản vẽ đó... *chính bản vẽ đó*... nhưng thôi, không sao. Cậu không để bụng chứ?"

"Không," Roark nói. "Không một chút nào."

"Tất nhiên cậu không bị sa thải. Cậu biết là chuyện đó không nghiêm túc, đúng không? Cậu có thể quay trở lại làm việc, ngay phút này."

"Để làm gì, ông Snyte?"

"Ý cậu là gì cơ, để làm gì á? Ồ, cậu đang nghĩ đến ngôi nhà Heller phải không? Nhưng cậu không cho là Heller nghiêm túc đấy chứ? Cậu đã thấy ông ấy thế nào rồi đấy, cái lão điên ấy có thể đổi ý sáu mươi lần một phút ấy chứ. Ông ta sẽ không thực sự cho cậu công trình đó đâu, cậu biết đấy; không đơn giản như thế, không ai lại làm như thế cả."

"Chúng tôi đã ký hợp đồng ngày hôm qua rồi."

"Ồ, hai người đã ký rồi? Ồ, thật là tuyệt vời! Nghe này, Roark, để tôi nói cậu nghe chúng ta sẽ làm gì: cậu mang công trình đó trở lại đây và tôi sẽ để cậu đặt tên của cậu trên đó cùng với tên tôi – "John Erik Snyte và Howard Roark." Và chúng ta sẽ chia tiền thù lao. Cái đó là ngoài lương của cậu – và, nhân thể, cậu sẽ được tăng lương. Rồi chúng ta sẽ sắp xếp như thế đối với

bất kỳ công trình nào khác cậu mang lại được. Và... Lạy Chúa, này, cậu đang cười cái gì thế?"

"Xin lỗi, ông Snyte. Tôi xin lỗi."

"Tôi không tin là cậu hiểu." Snyte nói, bối rối. "Cậu không thấy sao? Đó là sự bảo đảm cho cậu. Cậu không nên ra làm một mình vội. Các công trình sẽ không rơi vào tay cậu như thế này đâu. Lúc ấy cậu sẽ làm gì? Bằng cách này cậu sẽ có một công việc vững chắc và cậu sẽ gây dựng dần để tiến tới làm độc lập, nếu đó là điều cậu theo đuổi. Trong vòng bốn hay năm năm, cậu sẽ sẵn sàng có một cú nhảy vọt. Mọi người đều làm như thế. Cậu có thấy không?"

"Có."

"Vậy thì cậu đồng ý chứ?"

"Không."

"Nhưng, lạy Chúa lòng lành, trời ơi, cậu điên mất rồi! Tự lập một mình *vào lúc này*? Không kinh nghiệm, không quan hệ, không có... chậc, không có gì hết cả! Tôi chưa nghe thấy chuyện này bao giờ. Hãy hỏi bất kỳ ai trong nghề mà xem. Hãy xem họ sẽ nói gì với cậu. Điều đó là vô lý!"

"Có thể."

"Nghe này. Roark, cậu làm ơn nghe tôi nói chứ?"

"Tôi sẽ nghe nếu ông muốn tôi nghe, ông Snyte ạ. Nhưng tôi nghĩ bây giờ tôi nên nói với ông rằng những gì ông nói cũng không thể làm mọi chuyện khác đi được. Nếu ông không phiền điều đó thì tôi cũng không phiền khi nghe."

Snyte tiếp tục nói một lúc lâu và Roark lắng nghe, không phản đối, giải thích hay trả lời.

"Ồ, nếu đó là kiểu của cậu, thì đừng mong đợi tôi nhận cậu trở lại khi cậu thấy mình trên vỉa hè."

"Tôi không mong đợi điều đó, ông Snyte ạ."

"Đừng mong đợi bất kỳ ai nữa trong nghề nhận cậu vào, sau khi họ biết cậu đã làm gì với tôi."

"Tôi cũng không mong đợi điều đó."

Trong vài ngày Snyte nghĩ về việc kiện Roark và Heller. Nhưng ông quyết định không làm thế, vì không có tiền lệ để làm theo trong những tình huống như thế: vì Heller đã trả tiền công cho ông, và ngôi nhà đã thực sự được thiết kế bởi Roark; và vì không một ai lại kiện Austen Heller.

Người khách đầu tiên đến văn phòng Roark là Peter Keating.

Anh bước vào, không báo trước, vào một buổi trưa. Anh đi ngang qua căn phòng và ngồi xuống bàn của Roark. Anh mỉm cười vui vẻ, dang rộng hai tay trong một cái khoát gọn gàng:

"Chà, Howard!" anh nói. "Chà, nhìn mà xem!"

Anh chưa gặp Roark đã một năm rồi.

"Chào Peter," Roark nói.

"Văn phòng của chính cậu, tên của chính cậu và mọi thứ! Rồi! Hãy tưởng tượng xem!"

"Ai nói cho anh biết, Peter?"

"À, thì mọi người nói chuyện. Cậu không nghĩ là tôi lại bỏ qua sự nghiệp của cậu đấy chứ? Cậu biết tôi luôn nghĩ về cậu thế nào. Và chắc tôi không phải nói với cậu là tôi chúc mừng cậu và chúc cho cậu điều tốt đẹp nhất."

"Không, anh không phải thế đâu."

"Cậu có chỗ này đẹp đấy. Sáng sủa và rộng rãi. Có thể không thật gây ấn tượng như ý muốn, nhưng một người có thể mong đợi gì nữa khi mới bắt đầu? Lại còn chuyện tương lai cũng chưa biết thế nào, đúng không Howard?"

"Khá đúng."

"Cậu đã rất mạo hiểm đấy."

"Có thể."

"Cậu có thực sự định hoàn thành nó không? Ý tôi là tự làm ý?"

"Thì nó đang thế rồi mà, đúng không?"

"À, thì cũng chưa quá muộn đâu, cậu biết đấy. Tôi đã nghĩ, khi tôi biết chuyện, là cậu chắc chắn sẽ chuyển nó lại cho Snyte và làm một thỏa thuận khôn ngoan với ông ta."

"Tôi đã không làm thế."

"Cậu thực sự không định làm thế?"

"Không."

Keating tự hỏi sao anh lại có cái cảm giác phẫn nộ kinh tởm đó, vì sao anh đã đến đây mong thấy câu chuyện anh nghe được là không đúng, mong thấy Roark hoang mang và sẵn sàng đầu hàng. Cái cảm giác đó đã ám ảnh anh kể từ khi anh nghe được tin tức về Roark; cái cảm giác một thứ gì đó không dễ chịu nhưng sẽ sống dai dẳng trong đầu anh, kể cả sau khi anh đã

quên mất nguyên nhân của nó. Cái cảm giác đó sẽ trở lại với anh, không có lý do – một cơn giận dữ trống rỗng – và anh sẽ tự hỏi mình: nào, cái quái gì đây? – hôm nay mình đã nghe thấy gì? Rồi anh sẽ nhớ ra: À phải, Roark – Roark đã mở văn phòng kiến trúc riêng. Anh sẽ tự hỏi mình một cách nôn nóng: Thế thì sao? – và lập tức biết rằng những lời lẽ này làm anh đau và cảm thấy nhục nhã như vừa bị lăng mạ.

"Cậu biết đấy, Howard, tôi ngưỡng mộ sự dũng cảm của cậu. Thật sự, cậu biết đấy, tôi có nhiều kinh nghiệm hơn, tôi có vị trí chuyên môn tốt hơn – tôi không có ý khoe khoang đâu, tôi chỉ đang nói một cách khách quan thôi – nhưng tôi sẽ không dám đi một bước như cậu."

"Không, anh sẽ không làm thế."

"Vậy là cậu đã đi trước. Chà, chà. Ai có thể nghĩ thế kia chứ?... Tôi chúc cậu tất cả may mắn trên thế giới này."

"Cảm ơn anh, Peter."

"Tôi biết cậu sẽ thành công. Tôi chắc chắn thế."

"Anh chắc chắn thế?"

"Tất nhiên! Tất nhiên tôi chắc chắn thế. Cậu không thế sao?"

"Tôi chưa nghĩ đến nó."

"Cậu chưa nghĩ đến nó?"

"Không nhiều."

"Vậy cậu không chắc chắn hả Howard? Cậu không à?"

"Tại sao anh lại hỏi điều đó háo hức như thế?"

"Gì cơ? Ôi... không, không phải là háo hức, nhưng tất nhiên, tôi quan tâm, Howard ạ, bây giờ mà không chắc chắn thì không phải là tâm lý tốt đâu. Vậy là cậu có những nghi ngờ?"

"Không chút nào."

"Nhưng cậu đã nói là..."

"Tôi khá chắc chắn về mọi thứ, Peter."

"Cậu đã nghĩ đến chuyện lấy giấy phép[52] chưa?"

"Tôi đã nộp đơn."

"Cậu không có bằng đại học nào cả, cậu biết đấy. Họ sẽ gây khó khăn cho cậu ở bài kiểm tra."

"Có thể."

“Cậu định làm gì nếu cậu không có giấy phép?”

“Tôi sẽ có.”

“Ồ, tôi đoán là giờ thì tôi sẽ gặp cậu ở A.G.A[53], nếu cậu không coi thường tôi, vì cậu sẽ là một thành viên đầy đủ còn tôi chỉ là một thành viên dự bị thôi.”

“Tôi sẽ không gia nhập A.G.A.”

“Cậu nói “không gia nhập” là ý làm sao? Giờ cậu có đủ tư cách mà.”

“Có thể.”

“Cậu sẽ được mời tham gia.”

“Bảo họ đừng bận tâm làm gì.”

“Gì kia!”

“Anh biết đấy, Peter, chúng ta đã từng có một cuộc nói chuyện giống như thế này bảy năm trước, khi anh cố bảo tôi tham gia hội nam sinh viên của anh ở Stanton. Đừng nói lại nữa.”

“Cậu sẽ không tham gia A.G.A khi mà cậu đang có một cơ hội?”

“Peter! Tôi sẽ không gia nhập bất kỳ cái gì, bất kỳ lúc nào.”

“Nhưng cậu không nhận ra nó sẽ giúp đỡ cậu như thế nào à?”

“Trong cái gì chứ?”

“Trong việc là một kiến trúc sư.”

“Tôi không không thích được giúp đỡ trong việc là một kiến trúc sư.”

“Cậu đang gây thêm khó khăn cho bản thân mình.”

“Tôi đang.”

“Và như thế sẽ rất khó khăn, cậu biết đấy.”

“Tôi biết.”

“Cậu sẽ biến họ thành kẻ thù của cậu nếu cậu từ chối một lời mời như thế.”

“Đằng nào thì tôi cũng là kẻ thù của họ.”

Người đầu tiên mà Roark kể chuyện là Henry Cameron. Roark tới New Jersey sau ngày anh ký hợp đồng với Heller. Trời đã mưa và anh thấy Cameron trong vườn, lê bước chậm chạp xuống những lối đi ẩm ướt, nặng nhọc dựa vào một cái gậy. Mùa đông năm ngoái, sức khỏe của Cameron đã khá lên, đủ để ông có thể đi bộ một vài giờ mỗi ngày. Ông đi một cách khó

khăn, cơ thể còng xuống.

Ông ngắm những chồi xanh đầu tiên trên mặt đất dưới chân mình. Thỉnh thoảng ông lại nhấc chiếc gậy của mình lên, dận chân để đứng vững một lúc; ông dùng đầu chiếc gậy để chạm vào một cái chồi cây vẫn còn đang cuộn lại như một cái phễu và nhìn nó làm rớt một giọt nước long lanh trong ánh chạng vạng. Ông thấy Roark đang đi lên đồi và cau mày lại. Ông mới gặp Roark cách đây một tuần, và vì những cuộc viếng thăm này có quá nhiều ý nghĩa đối với cả hai người nên không ai muốn chúng diễn ra quá thường xuyên.

"Thế nào?" Cameron hỏi cộc cằn. "Cậu lại muốn gì ở đây nữa thế?"

"Cháu có chuyện này để kể cho bác."

"Nó có thể đợi."

"Cháu không nghĩ vậy."

"Chuyện gì?"

"Cháu sẽ mở văn phòng riêng. Cháu vừa mới ký hợp đồng xây tòa nhà đầu tiên của cháu."

Cameron xoay tròn chiếc gậy, đầu gậy quệt xuống mặt đất, thân của nó tạo thành một vòng tròn rộng, hai bàn tay ông nắm lấy chỗ tay cầm, lòng bàn tay này đặt trên mu bàn tay kia. Đầu ông chậm chạp gật gật theo nhịp, đôi mắt ông nhắm lại một lúc lâu. Rồi ông nhìn Roark và nói:

"Rồi, đừng có khoác lác về điều đó."

Ông nói thêm: "Giúp tôi ngồi xuống."

Đó là lần đầu tiên Cameron nói ra câu này; em gái ông và Roark từ lâu đã học được rằng cái hành động độc ác và hoàn toàn bị cấm trước mặt ông là việc có bất kỳ ý định nào về việc giúp ông di chuyển.

Roark nắm lấy khuỷu tay ông và để ông ngồi xuống một chiếc ghế băng. Cameron hỏi một cách cau có trong lúc nhìn chằm chằm về phía hoàng hôn:

"Xây gì? Cho ai? Bao nhiêu tiền?"

Ông lặng lẽ lắng nghe câu chuyện của Roark. Ông nhìn một lúc lâu vào bản vẽ trên tấm bìa các-tông đã bị bẻ gãy với những đường chì đè trên đường màu nước. Rồi ông hỏi nhiều về đá, thép, những con đường, những nhà thầu, các loại chi phí. Ông không chúc mừng. Ông không nhận xét gì cả.

Chỉ khi Roark chuẩn bị đi, Cameron đột ngột nói:

"Howard, khi cậu mở văn phòng, hãy chụp vài tấm ảnh – và đưa cho tôi."

Rồi ông lắc đầu, nhìn ra xa vẻ có lỗi, và chửi thề.

"Tôi lại lẩm cẩm rồi. Quên chuyện đấy đi."

Roark không nói gì.

Ba ngày sau anh quay lại. "Anh đang trở thành một mối phiền phức đấy." Cameron nói.

Roark không nói gì, đưa cho ông một cái phong bì. Cameron ngắm những bức ảnh chụp cái văn phòng rộng, trần trụi, cửa sổ lớn, cửa ra vào. Ông thả rơi những cái còn lại và giữ tấm ảnh chụp cửa ra vào trong một lúc lâu.

"Thế đấy," cuối cùng ông nói, "tôi quả đã sống và thấy nó."

Ông thả rơi tấm ảnh xuống.

"Cũng không hẳn" ông nói thêm. "Không phải theo cách tôi muốn, nhưng tôi cũng đã sống và thấy nó. Nó giống như những cái bóng của trái đất mà ai đó nói là chúng ta sẽ nhìn thấy ở thế giới bên kia. Có thể đó là cách tôi sẽ nhìn thấy phần còn lại của nó. Tôi đang học cách."

Ông nhặt tấm ảnh lên.

"Howard," ông nói. "Nhìn xem."

Ông giữ tấm ảnh giữa họ.

"Nó chẳng có gì nhiều. Chỉ mỗi 'Howard Roark, Kiến trúc sư.' Nhưng nó giống như những khẩu hiệu người ta khắc trên lối vào của một lâu đài và chết vì nó. Nó là một thách thức với một thứ gì đó quá lớn và quá đen tối đến nỗi tất cả sự đau đớn trên trái đất – và cậu có biết trên trái đất này có bao nhiêu sự chịu đựng không? – tất cả sự đau đớn đều bắt nguồn từ cái mà cậu sẽ đối mặt. Tôi không biết đó là cái gì, tôi không biết vì sao nó lại được thả ra để chống lại cậu. Tôi chỉ biết nó sẽ được thả ra. Và tôi biết rằng nếu cậu mang được những từ này đến tận cùng thì đó sẽ là một chiến thắng, Howard ạ, không phải chỉ cho cậu, mà là cho cái-đáng-phải-chiến-thắng, cho cái đã đẩy thế giới này dịch chuyển nhưng lại không bao giờ được công nhận. Nó sẽ chứng minh sự đúng đắn cho rất nhiều người đã ngã trước cậu, đã chịu đựng như cậu sẽ chịu đựng. Cầu Chúa phù hộ cho cậu – hay bất kỳ ai một mình nhìn thấy cái tuyệt vời nhất, cái cao nhất mà trái tim con người có thể đạt được. Cậu đang trên đường đến địa ngục, Howard ạ."

*

* *

Roark đi bộ trên con đường dẫn đến đỉnh của bờ đá, nơi cái khung thép của ngôi nhà Heller vươn lên bầu trời xanh. Bộ khung đã được dựng lên và

vữa đang được đổ vào; những tấm hoành lớn của các hàng hiên treo lơ lửng phía trên làn nước màu bạc đang chạy lăn tăn ở xa bên dưới, những người thợ ống nước và thợ điện đã bắt đầu đặt những ống cáp của họ.

Anh nhìn những vuông trời được thu vào trong những đường nét thanh mảnh của rầm và cột, những khối không gian trống rỗng mà anh đã bóc ra khỏi bầu trời. Hai tay anh bất giác di chuyển, như để lấp đầy những mặt phẳng còn trống bằng những bức tường sắp được xây, như để ôm lấy những căn phòng tương lai. Một hòn sỏi lạo xạo dưới chân anh và lăn nảy xuống đồi – những giọt âm thanh vang vang lăn trong không khí mùa hè ngập nắng và thoáng đãng.

Anh đứng trên chỏm đá, hai chân anh dang rộng, người ngửa ra sau tựa vào khoảng không. Anh ngắm những vật liệu trước mặt mình – những cái đầu tròn của lũ đinh tán bằng thép, những tia sáng lấp lánh của những khối đá, những đường xoắn ốc đan vào nhau của những tấm ván gỗ còn tươi, màu vàng.

Rồi anh nhìn thấy một hình dáng vạm vỡ lẫn trong đám dây điện – một khuôn mặt chó ngao dãn ra thành một nụ cười ngoác lớn và đôi mắt màu xanh sứ hể hả với một chiến thắng tội lỗi.

“Mike!” anh nói với vẻ hồ nghi.

Mike đã rời đến một công trình lớn ở Philadenphia cách đây nhiều tháng, lâu trước khi Heller xuất hiện trong văn phòng của Snyte, và Mike chưa bao giờ nghe được tin tức này cả – hoặc Roark đoán như vậy.

“Chào Tóc Đỏ,” Mike nói, giọng hết sức suồng sã; rồi thêm: “Chào sếp.”

“Mike, làm thế nào mà anh...”

“Cậu đúng là một kiến trúc sư. Sao lãng công việc như thế đấy. Tôi làm ở đây ba ngày rồi, và chờ cậu xuất hiện.”

“Mike, sao anh lại ở đây? Sao lại sa sút đến nông nỗi này?” Anh chưa bao giờ biết Mike lại buồn làm những dinh thự tư nhân nhỏ cả.

“Đừng giả vờ ngốc nghếch nữa. Cậu biết vì sao tôi ở đây. Cậu không nghĩ là tôi sẽ bỏ qua ngôi nhà đầu tiên của cậu đấy chứ? Và cậu nghĩ đây là một sự sa sút? Cũng có thể. Mà cũng có thể là ngược lại.”

Roark chìa tay ra và những ngón tay bụi bặm của Mike nắm mạnh lấy nó như thể những hạt bụi anh ấn vào da Roark nói hết mọi điều anh muốn nói. Và vì anh sợ là anh có thể nói ra điều đó, Mike làu bàu:

“Đi đi, sếp, đi đi. Đừng cản trở công việc như thế.”

Roark đi qua ngôi nhà. Có những giây phút mà anh có thể chính xác, lạnh

lùng, và dừng lại để đưa ra những chỉ dẫn như thể đây không phải ngôi nhà của anh mà chỉ là một bài toán – đấy là lúc anh cảm thấy rõ sự tồn tại của những đường ống và đinh tán, trong khi bản thân con người anh lại biến mất.

Có những giây phút mà thứ gì đó lớn lên trong anh, không phải là một ý nghĩ hay một cảm giác, mà là một làn sóng của một sức mạnh thể chất nào đó, và rồi anh muốn dừng lại, ngửa ra sau, cảm thấy thực tại con người mình được gia cố thêm bởi cái khung thép đang vươn lên mờ mờ, bao bọc lấy sự tồn tại tuyệt vời, nổi bật của cơ thể anh. Anh không dừng lại. Anh tiếp tục một cách bình tĩnh. Nhưng hai bàn tay anh lại phản bội điều anh muốn giấu. Đôi bàn tay anh vươn ra, chầm chậm miết dọc những xà nhà và mối nối. Những công nhân trong ngôi nhà đã chú ý thấy điều đó. Họ nói: "Cái tay ấy yêu ngôi nhà. Anh ta không thể thôi sờ soạng nó."

Những người công nhân thích anh. Những người giám sát của nhà thầu thì không. Anh đã gặp rắc rối trong việc tìm một nhà thầu để xây ngôi nhà. Một vài trong số những hãng khá hơn đã từ chối công trình. "Chúng tôi không làm cái kiểu như thế." "Không, chúng tôi sẽ không quan tâm. Quá phức tạp cho một công trình nhỏ như thế." "Ai mà lại muốn cái kiểu nhà như thế chứ? Chắc là chúng tôi sẽ không thể lấy lại được tiền từ đồ gàn dở như thế. Bỏ qua đi." "Chưa bao giờ làm bất kỳ cái gì như thế cả. Sẽ chẳng biết phải làm nó như thế nào. Tôi chỉ xây cái gì đúng là xây dựng thôi." Một nhà thầu nhìn liếc qua những bản vẽ thiết kế rồi quẳng chúng sang một bên, tuyên bố chắc chắn: "Nó sẽ chẳng đứng được đâu." "Nó sẽ đứng," Roark nói. Nhà thầu lè nhè một cách lạnh lùng. "Vậy sao? Anh là ai mà nói với tôi như vậy hả ông kễnh?"

Anh đã tìm được một nhà thầu nhỏ cần công việc và đảm nhận nó, nhưng đòi tiền nhiều hơn mức công việc có thể đảm bảo – với lý do họ phải mạo hiểm với cái thí nghiệm kỳ quặc này. Việc xây dựng tiếp tục, và những đốc công tuân thủ với vẻ mặt sưng sỉa, trong một sự im lặng phản đối, như thể họ đang chờ đợi những dự đoán của họ sẽ trở thành sự thực và sẽ vui mừng khi ngôi nhà đổ sụp quanh đầu họ. Roark đã mua một chiếc xe Ford cũ và lái xe xuống công trường thường xuyên hơn mức cần thiết. Thật khó để ngồi ở bàn trong văn phòng anh, để đứng cạnh một chiếc bàn vẽ, buộc bản thân phải xa địa điểm xây dựng. Ở công trường có những giây phút anh muốn quên đi văn phòng và cái bảng vẽ của mình, muốn chộp lấy dụng cụ của những người công nhân và thực sự làm công việc xây dựng ngôi nhà, như anh đã làm hồi nhỏ, để xây ngôi nhà bằng chính đôi bàn tay anh.

Anh đi qua ngôi nhà, bước nhẹ trên những chồng ván và những cuộn dây, anh ghi chép, anh đưa ra những mệnh lệnh ngắn gọn với một giọng thẳng thừng. Anh tránh nhìn về hướng của Mike. Nhưng Mike đang quan sát anh,

theo bước đi của anh xuyên qua căn nhà. Mike nháy mắt với anh trong sự thấu hiểu, bất kỳ khi nào anh đi ngang qua.

Một lần Mike nói: "Hãy kiềm chế bản thân mình, Tóc Đỏ ạ. Cậu đang mở toang như một cuốn sách ý. Chúa ơi, thật là không phải phép khi sung sướng như thế!"

Roark đứng trên tảng đá, bên công trình, và ngắm nhìn đồng quê, nhìn con đường như một dải ruy-băng dài màu xám xoắn dọc bờ biển. Một chiếc xe mui trần chạy qua, như trốn vào vùng đồng quê. Chiếc xe đầy những người đang đi pích-ních. Có một đám những chiếc áo len sáng màu, và những chiếc khăn quàng phấp phới trong gió; một hỗn hợp những giọng nói ré lên vô nghĩa, át tiếng gầm của động cơ, và những tiếng cười nấc được chú ý quá mức; một cô gái ngồi ngang, đôi chân cô đu đưa trên thành xe; cô đội một chiếc mũ rơm của đàn ông trượt cả xuống mũi cô và cô kéo những sợi dây của chiếc đàn ghi-ta Hawaii một cách hoang dã, bật lên những âm thanh khàn khàn, cô kêu lên "Hây!" Những người này đang tận hưởng một ngày trong sự tồn tại của họ; họ đang gào lên tới tận trời sự giải thoát khỏi công việc và những gánh nặng của những ngày đằng sau họ; họ đã làm việc và đã mang những gánh nặng đó để đạt được một mục tiêu – và đây chính là mục tiêu đó.

Anh ngắm nhìn chiếc xe khi nó phóng vút qua. Anh nghĩ là có một sự khác biệt, một khác biệt quan trọng nào đó giữa anh với họ trong ý thức về ngày hôm nay. Anh nghĩ rằng anh nên cố gắng nắm bắt lấy nó. Nhưng anh quên mất. Anh đang ngắm một chiếc xe tải bò lên ngọn đồi, chở một đống đá granit lấp lánh đã được cắt ra.

*

* *

Austen Heller đến xem ngôi nhà thường xuyên; ông ngắm nó lớn lên, tò mò, vẫn hơi ngạc nhiên. Ông nghiên cứu Roark và ngôi nhà với sự tỉ mỉ như nhau; ông cảm thấy như thể ông không thể nào tách hai thứ ra được.

Heller – người đấu tranh chống lại sự cưỡng bức – đã thất bại trước Roark, một người đàn ông quá dửng dưng với sự cưỡng bức đến nỗi chính anh ta lại trở thành một kiểu cưỡng bức – một tối hậu thư đối với những thứ gì đó mà Heller không thể định nghĩa được. Trong vòng một tuần, Heller biết rằng ông đã tìm thấy người bạn tuyệt vời nhất ông có thể có được; và ông biết rằng tình bạn đó đến từ sự thờ ơ mang tính bản chất của Roark. Trong cái thực tại sâu thẳm bao quanh sự tồn tại của Roark, Heller không tồn tại, không được yêu cầu, không được đòi hỏi, không được ra lệnh. Heller cảm thấy một ranh giới đã được vạch ra mà ông không thể chạm tới; phía

trên ranh giới đó, Roark không đòi hỏi gì ở ông cả và không cho ông gì cả. Nhưng khi Roark nhìn ông với một sự đồng tình, khi Roark mỉm cười, khi Roark khen ngợi một trong những bài báo của ông, Heller cảm thấy một niềm vui thuần khiết vì một sự công nhận không phải là sự hối lộ và cũng không phải của bố thí.

Trong những buổi tối mùa hè, họ ngồi cùng nhau trên một rìa đá ở lưng chừng ngọn đồi, và nói chuyện trong khi bóng tối chậm chậm leo lên những xà nhà của ngôi nhà phía trên họ, khi những tia nắng cuối cùng lùi lên đỉnh của những cột thép.

"Cái gì làm tôi lại thích ngôi nhà cậu đang xây cho tôi đến thế hả Howard?"

"Một ngôi nhà có thể có sự chính trực, cũng như một con người" Roark nói, "và cũng hiếm như thế."

"Theo cách nào?"

"Thì, hãy nhìn nó. Mọi mảnh của nó ở đó vì ngôi nhà cần nó – và chẳng vì lý do nào khác cả. Ông thấy nó từ chỗ này cũng như là nó từ bên trong. Những căn phòng ông sẽ sống trong đó quyết định hình dáng của nó. Mối quan hệ của những khối nhà được quyết định bởi việc phân bổ không gian bên trong. Cách trang trí được quyết định bởi phương pháp xây dựng – trang trí chỉ là sự nhấn mạnh cái nguyên tắc khiến cho nó đứng được. Ông có thể nhìn thấy mỗi điểm nhấn, mỗi hỗ trợ cho nguyên tắc đó. Khi ông nhìn một ngôi nhà, đôi mắt ông có thể nhìn thấu suốt cả quá trình xây dựng nó, ông có thể theo từng bước một, ông nhìn thấy nó lớn lên, ông biết thứ gì làm nên nó và vì sao nó lại đứng được. Nhưng ông đã nhìn thấy những tòa nhà với những cây cột chẳng đỡ gì cả, với những mái đua vô tác dụng, với những trụ bổ tường, những đường gờ, những mái vòm giả, những cửa sổ giả. Ông đã nhìn thấy những tòa nhà nom như thể chúng bao gồm một sảnh lớn duy nhất, chúng có những cây cột rắn và những cửa sổ đơn suốt sáu tầng cao. Nhưng ông bước vào và thấy sáu tầng nhà bên trong. Hay những tòa nhà gồm một sảnh duy nhất, nhưng với một mặt tiền được cắt ra thành nhiều tầng, những chiếu nghỉ, những tầng cửa sổ. Ông có hiểu sự khác biệt không? Ngôi nhà của ông được làm từ nhu cầu tự thân của nó. Những ngôi nhà kia được làm từ nhu cầu gây ấn tượng. Động cơ quyết định của ngôi nhà của ông nằm ở bên trong ngôi nhà. Động cơ quyết định của những ngôi nhà kia nằm ở khán giả."

"Anh có biết rằng đó là điều tôi đã lờ mờ cảm thấy? Tôi đã cảm thấy là khi tôi chuyển vào sống trong ngôi nhà này, tôi sẽ có một kiểu tồn tại mới, và thậm chí cả những hoạt động hằng ngày đơn giản của tôi sẽ có một sự trung thực hay đức hạnh nào đó mà tôi chưa thực sự định nghĩa được. Đừng

ngạc nhiên nếu tôi bảo cậu là tôi cảm thấy như thể tôi sẽ phải sống cho xứng đáng với ngôi nhà."

"Tôi chủ ý như thế," Roark nói.

"Và, nhân thể, cảm ơn cậu vì tất cả những suy nghĩ mà cậu dường như đã cân nhắc vì sự thoải mái của tôi. Có quá nhiều thứ tôi nhận thấy là tôi cũng không hề nghĩ đến, nhưng cậu đã lên kế hoạch như thể cậu đã biết tất cả những nhu cầu của tôi vậy. Ví dụ như phòng làm việc là căn phòng tôi sẽ cần đến nhiều nhất và cậu đã cho nó một vị trí nổi bật – và, tình cờ là tôi lại thấy cậu cũng làm cho nó thành một khối nổi bật từ phía bên ngoài. Và rồi cái cách nó nối với thư viện, và phòng khách khá xa phòng làm việc của tôi và những phòng dành cho khách – nơi tôi sẽ không nghe thấy quá nhiều tiếng ồn của họ – tất cả cái đó. Cậu thật chu đáo với tôi quá."

"Ông biết không," Roark nói. "Tôi đã không hề nghĩ đến ông. Tôi đã nghĩ về ngôi nhà thôi." Anh nói thêm: "Có thể đó là lý do vì sao tôi đã biết cách để chu đáo với ông."

*

* *

Biệt thự Heller được hoàn thành vào tháng Mười một năm 1926. Vào tháng Một năm 1927, tờ *Diễn đàn Kiến trúc* đăng kết quả một cuộc khảo cứu những ngôi nhà đẹp nhất nước Mỹ được xây dựng trong cả năm trước đó. Nó dành mười hai trang bóng khổ lớn cho những bức ảnh của hai mươi tư ngôi nhà mà những biên tập viên đã chọn ra như những thành tựu kiến trúc đáng giá nhất. Biệt thự Heller không được đề cập.

Những mục về bất động sản của những tờ báo ở New York mỗi Chủ nhật lại đăng những bản mô tả ngắn về những dinh thự mới đáng chú ý trong vùng lân cận. Chẳng có bài miêu tả nào về biệt thự Heller.

Cuốn niên giám của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ, cuốn sách thể hiện những phiên bản của những tòa nhà mà nó chọn là đẹp nhất trong cả nước, dưới dòng tít *Nhìn về phía trước*, đã không hề đề đến biệt thự Heller.

Có nhiều dịp những diễn giả bước lên bục giảng và nói chuyện trước những khán phòng thưa thớt về sự tiến bộ của kiến trúc Hoa Kỳ. Không một ai nói về biệt thự Heller.

Trong những câu lạc bộ của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ, vài ý kiến đã được người ta đưa ra.

"Thật là một nỗi nhục cho đất nước này," Ralston Holcombe nói, "khi một thứ như cái biệt thự Heller lại được phép xây dựng. Đó là một vết nhơ

đối với ngành kiến trúc. Phải có luật."

"Chính điều này khiến những khách hàng bỏ đi," John Erik Snyte nói. "Họ nhìn thấy một ngôi nhà như thế và họ nghĩ tất cả các kiến trúc sư đều điên rồ cả."

"Tôi không thấy có lý do nào để phẫn nộ cả," Gordon L. Prescott nói. "Tôi nghĩ nó khôi hài đến nực cười. Nó nửa giống như một trạm đổ xăng, nửa giống như một cái tranh biếm họa về tàu du hành lên mặt trăng."

"Anh cứ chờ đợi một vài năm" Eugene Pettingill nói, "rồi xem điều gì xảy ra. Thứ đó sẽ sụp đổ như một ngôi nhà làm bằng những lá bài vậy."

"Sao lại nói đến năm nhỉ?" Guy Francon nói. "Những trò cách tân đó chẳng bao giờ tồn tại quá một mùa cả. Chủ nhà sẽ ăn đủ và rồi phát ốm với nó và ông ta sẽ chạy vội về với ngôi nhà thuộc địa đầu tiên."

Biệt thự Heller trở nên nổi tiếng khắp cả vùng quê quanh nó. Mọi người lái xe ra khỏi lộ trình của mình, đỗ xe trên con đường phía trước ngôi nhà để nhìn chằm chằm, chỉ trỏ và cười khúc khích. Những nhân viên trạm xăng khúc khích cười khi xe của Heller lái ngang qua. Người đầu bếp của Heller phải chịu đựng những cái liếc nhìn giễu cợt của những người chủ cửa hàng khi bà chạy đi làm những việc lặt vặt. Ngôi nhà Heller được biết trong vùng lân cận với cái tên "Nhà thương điên."

Peter Keating nói với các bạn trong nghề, với một nụ cười bao dung: "Nào, nào, không nên nói thế về cậu ấy. Tôi biết Howard Roark lâu rồi, và cậu ấy khá có tài, khá có tài. Cậu ấy đã từng làm việc cho tôi. Cậu ấy chỉ hơi nôn nóng với cái nhà đó thôi. Cậu ấy sẽ học được. Cậu ấy có tương lai... Ồ, anh không nghĩ cậu ấy có tương lai? Anh thực sự không nghĩ là cậu ấy có tương lai à?"

Ellsworth M. Toohey, người không để cho một viên đá nào trồi lên từ mặt đất của nước Mỹ mà lại không có lời bình luận của mình, không biết rằng biệt thự Heller đã được xây dựng – trong chừng mực mà cột báo của ông quan tâm. Ông không coi việc thông báo cho độc giả của mình biết về nó là cần thiết, kể cả là để chỉ trích nó. Ông chẳng nói gì cả.

XII.

Một cột báo có tựa đề *Quan sát và Suy ngẫm* do Alvah Scarret viết xuất hiện hàng ngày trên trang nhất của tờ *Ngọn cờ New York*. Nó là một chỉ dẫn đáng tin cậy, một nguồn cảm hứng và là khung tham chiếu dư luận cho những thị trấn nhỏ trên khắp cả nước. Trong cột báo này nhiều năm trước đã xuất hiện câu nói nổi tiếng: "Tất cả chúng ta sẽ tốt hơn rất nhiều nếu chúng ta quên đi những ý tưởng khoa trương của nền văn minh xa hoa của chúng ta và quan tâm nhiều hơn đến điều mà người nguyên thủy đã biết trước chúng ta lâu rồi: đó là kính trọng mẹ của chúng ta." Alvah Scarret là một người đàn ông góa vợ, có hai triệu đô la, chơi gôn rất giỏi và là tổng biên tập những tờ báo của tập đoàn Wynand.

Chính Alvah Scarret là người nghĩ ra ý tưởng về một chiến dịch chống lại điều kiện sống trong những khu nhà ổ chuột và "Những kẻ chủ trọ cá mập." Ông đăng nó trên tờ *Ngọn cờ New York* trong ba tuần lễ. Đây là đề tài mà Alvah Scarret ưa chuộng. Nó vừa hấp dẫn người đọc lại vừa có ảnh hưởng xã hội. Nó bổ trợ cho những tấm ảnh của trang phụ trương Chủ nhật – nơi có hình những cô gái nhảy xuống những dòng sông tắm, váy họ tốc lên quá đầu gối. Nó làm tăng lượng số phát hành. Nó làm mất mặt những con cá mập nhà đất vốn sở hữu những dãy nhà bên bờ sông Đông và là những kẻ được chọn làm mục tiêu chiến dịch. Những con cá mập này đã từ chối bán khu nhà này cho một công ty bất động sản không mấy tên tuổi; cuối chiến dịch họ đầu hàng và bán chúng. Chẳng ai có thể chứng minh được là công ty bất động sản đó được sở hữu bởi một công ty do Gail Wynand sở hữu.

Những tờ báo của Wynand không bao giờ lại để một thời gian dài trôi qua mà không có một chiến dịch nào. Họ vừa kết thúc một chiến dịch về chủ đề hàng không hiện đại. Họ đăng những bài miêu tả khoa học về lịch sử ngành hàng không trên phụ trương *Tạp chí Gia đình Chủ nhật*, với những bức ảnh chụp từ những bức vẽ máy bay của Leonardo da Vinci cho đến những máy bay ném bom mới nhất; được bổ sung bằng hình vẽ về sự quằn quại đau đớn của Icarus[54] trong những ngọn lửa màu đỏ, cơ thể trần truồng của anh ta màu xanh lá cây pha lam, những đôi cánh bằng sáp của anh ta màu vàng và khói màu tím; hình vẽ về một mụ già bị bệnh hủi với đôi mắt bùng cháy và một quả cầu thủy tinh, người đã dự đoán rằng trong thế kỷ XI loài người sẽ bay; thêm vào đó là hình những con dơi, ma cà rồng và ma sói.

Các tờ báo của Wynand đã đăng tải một cuộc thi làm máy bay mẫu; cuộc thi được mở cho tất cả những cậu bé dưới mười tuổi mong muốn gửi ba bản mô tả mới đến tờ *Ngọn cờ*. Gail Wynand, người có chứng chỉ phi công, đã

làm một chuyến bay một mình từ Los Angeles đến New York, thiết lập một kỷ lục về tốc độ xuyên lục địa, bằng một máy bay nhỏ được chế tạo một cách đặc biệt, có giá một trăm ngàn đô la. Ông đã tính toán hơi sai về thời gian đến New York và đã buộc phải hạ cánh ở một vùng đồng cỏ mấp mô; đó là một cú hạ cánh dựng tóc gáy, được xử lý hoàn hảo; và thật tình cờ làm sao, một đám thợ chụp ảnh của tờ *Banner* lại có mặt ngay trong vùng lân cận. Gail Wynand đã bước ra khỏi máy bay. Một phi công ưu tú hẳn đã bị sốc bởi cú hạ cánh này. Nhưng Gail Wynand đứng trước những máy ảnh, một bông hoa dành dành không hề có dấu bầm dập nằm trên ve áo khoác của ông, bàn tay ông giơ lên với một điếu thuốc lá kẹp giữa hai ngón tay không hề run. Khi được hỏi về mong muốn đầu tiên của ông khi trở lại mặt đất, ông đã nói rằng ông mong ước được hôn người phụ nữ hấp dẫn nhất có mặt ở đó, rồi ông đã chọn bà già ăn mặc tồi tàn nhất từ đám đông và cúi xuống hôn lên trán bà một cách trang nghiêm, giải thích là bà gợi ông nhớ đến người mẹ của mình.

Sau đó, khi khởi đầu chiến dịch nhà ổ chuột, Gail Wynand đã nói với Alvah Scarret: "Tiến hành đi. Vắt kiệt tất cả những gì anh có thể vắt ra từ cái chiến dịch đó," rồi khởi hành trên chiếc du thuyền của ông để đi một chuyến du hành thế giới, được tháp tùng bởi một nữ phi công hai mươi tư tuổi – người mà ông đã tặng chiếc máy bay xuyên lục địa của mình.

Alvah Scarret đã tiến hành. Trong rất nhiều nước cờ của chiến dịch, ông giao cho Dominique Francon điều tra điều kiện của những ngôi nhà trong những khu ổ chuột và thu thập thông tin về những người ở đây. Dominique Francon vừa mới trở về từ một mùa hè ở Biarritz; cô luôn đi nghỉ suốt cả mùa hè và Alvah Scarret chấp nhận thế, vì cô là một trong những nhân viên yêu thích của ông, vì ông bị cô làm cho bối rối và vì ông biết là cô có thể bỏ công việc của cô bất kỳ khi nào cô muốn.

Dominique Francon đến sống hai tuần trong phòng ngủ của một căn hộ chung cư thuộc khu bờ Đông thành phố. Căn phòng có một cửa sổ mái nhưng không có cửa sổ thường nào; người ta phải leo năm tầng mới lên tới nơi; và nó không có nước. Cô tự nấu ăn trong căn bếp của rất nhiều gia đình ở tầng bên dưới; cô thăm các hàng xóm, cô ngồi trên đầu cầu thang của những lối thoát hỏa hoạn vào các buổi tối và đi xem những bộ phim rẻ tiền với các cô gái xung quanh đó.

Cô mặc những chiếc váy và áo sơ mi sờn rách. Sự mỏng manh không bình thường vốn có của cô đã khiến cô trông như người bị kiệt sức bởi sự thiếu thốn trong điều kiện sống ở đây; những người hàng xóm cảm thấy chắc chắn là cô bị lao. Nhưng cô đi lại như cô đã đi lại trong căn phòng vẽ của Kiki Holcombe – cũng với sự đường hoàng và tự tin lạnh lùng đó. Cô kỳ cọ

sàn phòng mình, cô gọt khoai tây, cô tắm trong một bồn bằng thiếc đựng nước lạnh. Trước đây cô chưa hề làm những việc này; cô làm chúng một cách thành thạo. Cô có một khả năng hành động – điều này không hề hòa hợp với vẻ bề ngoài của cô. Cô không ngại môi trường sống mới, cô thờ ơ với những khu ổ chuột cũng như cô đã thờ ơ với những phòng khách thượng lưu.

Hết hai tuần đó, cô trở lại căn hộ trên tầng mái của một khách sạn bên kia Công viên Trung tâm, và những bài báo của cô về cuộc sống trong những nhà ổ chuột xuất hiện trên tờ *Ngọn cờ*. Chúng là những bài báo xuất sắc, không chút khoan dung.

Cô nghe thấy những câu hỏi hoang mang ở một bữa tiệc tối. "Cưng ơi, em không thực sự viết những thứ đó đấy chứ?" "Dominique, cô không thực sự sống trong chỗ đó đấy chứ?"

"Ồ tôi có sống ở đó," cô trả lời. "Chính là cái nhà bà sở hữu trên phố 12 Tây, bà Palmer ạ," cô nói, bàn tay xoay tròn một cách lười biếng trong một chiếc vòng tay bằng ngọc lục bảo quá rộng và nặng đối với cổ tay thanh mảnh của cô, "có một cái cống cứ hai ngày lại tắc một lần và tràn ra, khắp cả sân trong. Nó có màu xanh và tím trong ánh mặt trời, như một cái cầu vồng." "Khu nhà ông điều hành cho công ty bất động sản Claridge, ông Brooks ạ, có những thạch nhũ hấp dẫn nhất mọc trên tất cả những trần nhà," cô nói, mái đầu vàng của cô ngả về phía bó hoa dành dành trắng với những giọt nước lấp lánh trên những cánh hoa không xỉn màu.

Người ta đề nghị cô đến nói chuyện ở một buổi gặp mặt của những người làm công tác xã hội. Đó là một buổi gặp mặt quan trọng, với một tinh thần chiến đấu và cấp tiến, được dẫn dắt bởi một số những phụ nữ nổi bật nhất của ngành. Alvah Scarret hài lòng và chúc mừng cô. "Đi đi, cô bé," ông nói, "Nói thật lực vào. Chúng ta muốn có những người làm công tác xã hội." Cô đứng trên bục dành cho diễn giả của một cái sảnh ngột ngạt và nhìn vào một mặt phẳng gồm những khuôn mặt – những khuôn mặt háo hức một cách phóng đãng với cảm giác về sự đức hạnh của chính chúng. Cô nói đều đều, không hề có ngữ điệu. Ngoài nhiều điều khác, cô nói "Gia đình ở tầng một phía đằng sau không buồn trả tiền thuê nhà, và những đứa trẻ không thể đến trường vì thiếu quần áo. Người bố có một tài khoản thanh toán ở một quán rượu lậu ở góc đường[55]. Ông ấy khỏe mạnh và có một công việc tốt... Đôi vợ chồng trên tầng ba vừa mua một cái radio với giá sáu mươi chín đô la và chín mươi nhăm xen bằng tiền mặt. Ở phần phía trước của tầng năm, người cha của gia đình chưa hề làm việc cả ngày bao giờ, và cũng không định làm thế. Có chín đứa con, được hỗ trợ bởi xứ đạo địa phương. Đứa thứ mười lại sắp ra đời..." Khi cô nói xong có một vài cái vỗ tay tức giận. Cô giơ tay lên

và nói: "Quý vị không phải vỗ tay đâu. Tôi không mong đợi điều đó." Cô hỏi một cách lịch sự: "Có câu hỏi nào không ạ?" Chẳng có câu hỏi nào hết cả.

Khi trở về nhà cô thấy Alvah Scarret đang đợi mình. Ông trông không hòa hợp với phòng khách của căn hộ trên tầng mái của cô, cái vóc dáng đồ sộ của ông ngất ngưởng trên mép của một chiếc ghế mảnh mai tinh tế, như một cái tượng thằng gù phản chiếu qua cửa kính xuống một tấm nền là thành phố lấp lánh ánh điện. Thành phố giống như một bức tranh tường được thiết kế để chiếu sáng và hoàn thiện căn phòng: đường nét mỏng manh của những ngọn tháp trên một bầu trời đen tiếp nối những đường nét mỏng manh của đồ gỗ; những ngọn đèn lấp lánh trong các khung cửa sổ ở phía xa đổ bóng lên sàn nhà trần trụi, sáng bóng; sự chính xác lạnh lùng của những cấu trúc đầy góc cạnh phía bên ngoài tương hợp vẻ duyên dáng lạnh lẽo cứng nhắc của mọi vật thể bên trong. Alvah Scarret phá vỡ sự hài hòa ấy. Trông ông vừa giống như một bác sĩ nông thôn tốt bụng vừa như một tay cờ bạc bịp vậy. Khuôn mặt nặng nề mang nụ cười nhân đức của một người cha – một nụ cười đã luôn là chìa khóa mở cửa và là thương hiệu của ông. Ông rất thạo việc làm cho vẻ tốt bụng của nụ cười của ông thêm vào, chứ không làm giảm đi, cái vẻ chính trực nghiêm túc của ông; chiếc mũi dài, gầy, khoằm không làm giảm đi vẻ tốt bụng, mà nó lại thêm vào cho vẻ chính trực; bụng ông – vốn nhô ra phía trước hai chân – thật sự có làm giảm cái chính trực ấy, nhưng nó lại thêm vào vẻ tốt bụng.

Ông đứng dậy, tươi cười và cầm tay Dominique. "Tôi đã nghĩ là sẽ ghé vào trên đường về nhà," ông nói. "Tôi có điều này cần nói với em. Mọi chuyện thế nào, cô bé?"

"Như tôi đã mong đợi."

Cô kéo mũ ra và ném nó xuống chiếc ghế đầu tiên cô nhìn thấy. Tóc cô ẹp xuống, tạo thành một gợn sóng phẳng ngang trán và đổ thành một đường thẳng tới đôi vai; trông nó mềm mại và căng, như một chiếc mũ bơi bằng kim loại bóng và nhạt màu. Cô đi đến cửa sổ và đứng nhìn ra ngoài, phía trên thành phố. Cô hỏi mà không quay lại: "Anh muốn nói gì với tôi?"

Alvah Scarret quan sát cô một cách thích thú. Từ lâu ông đã từ bỏ tất cả các cố gắng vượt qua việc nắm bàn tay cô khi không cần thiết hay vỗ vào vai cô; ông đã thôi không nghĩ đến chủ đề đó, nhưng ông có một cảm giác lờ mờ, nửa tỉnh táo, mà ông đã tổng kết cho bản thân mình trong mấy từ: Biết đâu đấy.

"Tôi có tin vui cho em đây, cô bé." Ông nói. "Tôi có một kế hoạch nhỏ, chỉ là một chút sắp xếp lại, và tôi đã nghĩ ra phải kết hợp mấy thứ với nhau để thành lập một Ban Phúc lợi Phụ nữ. Em biết đấy, giáo dục, kinh tế gia

đình, chăm sóc trẻ nhỏ, vị thành niên phạm pháp và tất cả những vấn đề khác cần được đảm đương bởi một người. Và tôi thấy không ai làm tốt hơn cô gái nhỏ của tôi đây."

"Anh muốn nói là tôi?" cô hỏi mà không quay lại.

"Còn ai vào đây nữa. Ngay khi Gail trở về, tôi sẽ xin ông ta duyệt."

Cô quay lại và nhìn vào mặt ông, hai cánh tay cô bắt chéo vào nhau, bàn tay nắm lấy khuỷu tay.

Cô nói: "Cám ơn, Alvah. Nhưng tôi không muốn làm công việc đó."

"Em nói không muốn công việc đó là ý làm sao?"

"Là ý tôi không muốn làm công việc đó."

"Chúa ơi, em có nhận ra rằng đấy là một bước tiến như thế nào không?"

"Tiến tới cái gì?"

"Sự nghiệp của em."

"Tôi chưa bao giờ nói là tôi dự định có một sự nghiệp."

"Nhưng em hẳn không muốn cứ viết mãi một cột báo nhỏ ở trang cuối chứ!"

"Không phải mãi mãi. Chỉ đến khi nào tôi chán."

"Nhưng em hãy nghĩ đến điều em có thể làm trong một cuộc chơi thực sự. Hãy nghĩ đến việc Gail có thể làm cho em một khi em được ông ta quan tâm!"

"Tôi không mong muốn được ông ta quan tâm."

"Nhưng chúng tôi cần em, Dominique. Giới phụ nữ sẽ hoàn toàn đi theo em, sau tối nay."

"Tôi không nghĩ như vậy."

"Tại sao chứ, tôi đã giữ hai cột báo để đăng chuyện về cuộc mít-tinh và bài diễn thuyết của em."

Cô với lấy điện thoại và đưa ống nghe cho ông. Cô nói:

"Anh nên bảo họ bỏ nó đi."

"Tại sao?"

Cô lục một đống giấy lộn xộn trên bàn, tìm kiếm những tờ được đánh máy và đưa chúng cho ông.

"Đây là bài diễn thuyết tôi đã viết tối nay," cô nói.

Ông liếc nhìn mảnh giấy. Ông bóp trán một cái, không nói gì. Sau đó ông chộp lấy điện thoại và yêu cầu đăng một thông báo càng ngắn gọn càng tốt về buổi mít-tinh và không nói tên người diễn thuyết.

"Được rồi," Dominique nói khi ông ta hạ ống nghe xuống. "Tôi bị sa thải chứ?"

Ông ta lắc đầu một cách buồn thảm. "Cô muốn như vậy chứ?"

"Không nhất thiết."

"Tôi sẽ ém chuyện này đi." Ông ta làu bàu. "Tôi sẽ không để cho Gail biết."

"Nếu như anh muốn vậy. Tôi không quan tâm, thế nào cũng được."

"Nghe này, Dominique – Ồ, tôi biết, tôi không được phép đặt câu hỏi – nhưng tôi chỉ thắc mắc vì cái quái gì mà em cứ luôn làm những chuyện như thế?"

"Chẳng vì cái quái gì cả."

"Xem nào, em biết đấy, tôi đã nghe nói về cái bữa tiệc phô trương ấy, nơi mà em đã đưa ra một số nhận xét về chính chủ đề này. Thế rồi em lại đến và nói những điều thế kia trong buổi mít-tinh cấp tiến."

"Cả hai cái đều đúng, đúng không?"

"Thì, đúng rồi, nhưng nếu em đã chọn việc nói ra thì tại sao em không đảo ngược hai dịp với nhau?"

"Làm thế thì có ý nghĩa gì?"

"Thế việc em làm thì có ý nghĩa gì?"

"Không, chẳng có ý nghĩa gì cả. Nhưng nó làm tôi thích thú."

"Tôi không hiểu em, Dominique. Em đã từng làm thế này rồi. Em cứ đồng ý làm việc, rồi em làm mọi thứ rất tốt, và khi em sắp sửa có thể tiến một bước dài về phía trước thì em lại phá hỏng tất bằng cách gây ra một việc như thế này. Tại sao chứ?

"Có lẽ đó chính là lý do tại sao đấy."

"Em có thể nói cho tôi – như với một người bạn, vì tôi thích em và quan tâm tới em – xem em thực sự theo đuổi cái gì?

"Tôi nghĩ điều đấy rất rõ ràng. Tôi không theo đuổi điều gì cả."

Ông dang hai bàn tay ra, nhún vai bất lực.

Cô mỉm cười vui vẻ.

“Có gì mà trông anh phải thiểu não thế nhỉ? Tôi cũng thích anh, Alvah, và tôi quan tâm đến anh. Thậm chí tôi còn thích nói chuyện với anh – điều này còn hay hơn. Bây giờ hãy ngồi yên nào và thư giãn đi, tôi sẽ mang cho anh một ly rượu. Anh cần một ly rượu, Alvah ạ.”

Cô mang cho ông một cái ly để lạnh với những viên đá kêu lanh canh trong bầu không khí yên lặng. “Em là một đứa bé dễ thương, Dominique,” ông nói.

“Tất nhiên rồi. Tôi chính là như thế.”

Cô ngồi xuống mặt bàn, hai bàn tay xòe ra phía sau lưng, người dựa lên hai cánh tay và đôi chân đung đưa chầm chậm. Cô nói:

“Anh biết đấy, Alvah, sẽ thật khủng khiếp nếu như tôi có một công việc mà tôi thực sự muốn.”

“Thế đấy, trong hết thảy mọi điều! Trong hết thảy những điều ngốc nghếch em nói! Ý của em là sao?”

“Chỉ thế thôi. Rằng sẽ thật khủng khiếp khi có một công việc mà tôi thích và tôi không muốn mất nó.”

“Tại sao?”

“Bởi vì tôi sẽ phải phụ thuộc vào anh – anh là một người tuyệt vời, Alvah, nhưng mà anh không thực sự gây hứng thú cho ai và tôi không cho là sẽ hay ho khi phải cúi mình trước một cái roi trong tay anh – thôi nào, đừng phản đối tôi, đó có thể là một cây roi nhỏ rất lịch sự, và chính điều này lại càng làm cho sự việc trở nên tồi tệ hơn. Tôi có thể phải phụ thuộc vào sếp Gail của chúng ta – tôi chắc rằng ông ta là người vĩ đại, chỉ có điều tôi chắc chắn là tôi không bao giờ thèm để ý đến ông ta.”

“Cái gì làm cho em có thái độ điên rồ như vậy nhỉ? Khi mà em biết rằng Gail và tôi có thể làm bất cứ điều gì cho em, và riêng cá nhân tôi thì...”

“Không phải chỉ có thế đâu, Alvah. Không phải là vì riêng anh. Nếu như tôi tìm thấy một công việc, một kế hoạch, một ý tưởng hay một người mà tôi muốn – tôi có thể phải phụ thuộc vào nó hoàn toàn. Mọi thứ đều có những mối dây dẫn đến những thứ khác. Tất cả chúng ta đã quá ràng buộc lẫn nhau. Chúng ta đều đang trong một cái lưới, cái lưới đó đang chờ, và chúng ta bị mắc vào đó chỉ bởi một ham muốn duy nhất. Anh mong muốn một thứ gì đó và nó trở thành quý giá đối với anh. Anh có biết có ai đang đứng kia, sẵn sàng cướp nó khỏi tay anh không? Anh không thể biết, nó có thể ở rất sâu và rất xa, nhưng có ai đó đã sẵn sàng và anh sẽ sợ tất cả bọn họ. Và anh sẽ luồn cúi, anh sẽ bò, anh sẽ van xin và anh sẽ chấp nhận họ – chỉ để họ cho anh có cái anh muốn. Và hãy nhìn xem, anh đã chấp nhận ai.

“Nếu như tôi đúng trong việc hiểu rằng cô đang phê phán nhân loại nói chung...”

“Anh biết không, điều đó thật kỳ cục – cái ý nghĩ của chúng ta về nhân loại nói chung ấy. Chúng ta đều có một hình ảnh mơ hồ, lung linh khi chúng ta nói đến nhân loại nói chung – như một cái gì đó trang nghiêm, to lớn, và quan trọng. Nhưng trên thực tế, tất cả những gì chúng ta biết về nó chỉ là những người mà chúng ta gặp hàng ngày. Nhìn họ xem! Anh có thấy cái gì to lớn và trang nghiêm ở họ không? Chẳng có cái quái gì ngoài các bà nội trợ còi kè mặc cả bên những chiếc xe đẩy hàng, hay bọn trẻ con rớt rãi lòng thòng viết bậy viết bạ lên vỉa hè, hay bọn gái mới lớn say xỉn? Hay những kẻ tương tự như thế về tinh thần? Thực ra, cũng có thể có chút kính trọng với những người phải chịu đựng khổ sở. Họ còn có một chút tư cách nào đấy. Nhưng anh đã bao giờ nhìn bọn họ khi bọn họ sung sướng chưa? Đấy là lúc anh thấy sự thật. Hãy nhìn những kẻ đang tiêu những đồng tiền mà bọn họ đã bán mình để có chúng – ở các công viên giải trí hay ở các buổi diễn. Cứ nhìn lũ người giàu có và có cả thế giới dưới chân họ. Cứ xem xem họ chọn cái gì để giải trí. Hãy quan sát bọn họ trong các quán rượu hạng sang. Đấy chính là cái nhân loại nói chung của anh đấy. Tôi không muốn động vào chúng.

“Nhưng khỉ thật! Em không nên nhìn nhận vấn đề như thế. Đấy đâu phải là tất cả. Vẫn có cái tốt kể cả trong những người tồi tệ nhất. Ai cũng có cái tử tế mà.”

“Thế lại càng tệ. Thật là xúc động làm sao khi thấy một người có một hành động anh hùng, và rồi sau đó lại được biết rằng anh ta đến các buổi biểu diễn tạp kỹ hổ lốn để giải trí. Hay thấy một người vẽ một bức tranh tuyệt tác và rồi được biết rằng anh ta ngủ với bất cứ con điếm nào anh ta gặp?”

“Thế em muốn gì? Sự hoàn hảo chăng?”

“Hoàn hảo hoặc không gì cả. Cho nên anh thấy đấy tôi chọn cái không gì cả.”

“Điều đó không có ý nghĩa gì cả.”

“Tôi chọn một ham muốn duy nhất mà một người có thể thực sự cho phép chính bản thân mình. Sự tự do, Alvah ạ, tự do.”

“Em gọi đó là tự do?”

“Không đòi hỏi gì. Không mong chờ gì. Không phụ thuộc vào cái gì.”

“Thế nếu em tìm thấy cái mà em muốn thì sao?”

“Tôi sẽ không tìm kiếm nó. Tôi sẽ không chọn việc nhìn thấy nó. Nó sẽ là một phần thế giới đáng yêu của các anh. Tôi sẽ phải chia sẻ nó với tất cả các

anh – và tôi sẽ không làm như thế. Anh biết không, tôi không bao giờ mở lại bất kỳ một quyển sách tuyệt hay nào mà tôi đã từng đọc và say mê. Đọc lại những cuốn sách này làm cho tôi đau khổ khi phải nghĩ đến những cặp mắt khác cũng đã đọc nó và rồi phải nghĩ những cặp mắt đó thuộc về ai. Những điều như vậy không thể bị chia sẻ. Không phải với những người như thế."

"Dominique, thật không bình thường khi có tình cảm quá mạnh như thế về bất cứ cái gì."

"Đó là cách có tình cảm duy nhất của tôi. Hoặc là tôi sẽ chẳng có tình cảm gì."

"Dominique, em yêu quý" ông nói với một giọng sốt sắng, quan tâm chân thành, "Tôi ước gì tôi là cha em. Em đã trải qua bi kịch gì trong tuổi thơ của mình thế không biết?"

"À, không hề. Tôi có một tuổi thơ tuyệt vời. Tự do, bình yên và không bị làm phiền quá nhiều bởi bất kỳ ai. Thực tình thì tôi luôn cảm thấy một nỗi buồn chán thường xuyên. Nhưng tôi đã quen với nó."

"Tôi nghĩ em là sản phẩm không may của cái thời đại này. Đó là điều mà tôi thường nói. Chúng ta ích kỷ, quá suy đồi. Nếu như chúng ta khiêm cung quay lại với những đức hạnh đơn giản..."

"Alvah, sao anh lại có thể nói những điều như thế nhỉ? Nó chỉ dành cho những bài xã luận của anh và..." Cô ngừng lại, nhìn vào mắt ông: hai con mắt ngạc nhiên và có chút thương tổn. Sau đó cô cười to. "Tôi sai rồi. Anh thực sự tin tưởng vào tất cả những cái đó. Nếu như đấy thực sự là niềm tin hoặc cái gì đấy mà mặt anh thể hiện. Ôi, Alvah! Đó chính là lý do vì sao tôi lại thích anh. Đó là lý do tại sao tôi lại đang lặp lại, vào chính lúc này, cái điều mà tôi đã làm tối nay tại buổi mít-tinh."

"Cái gì?" ông bối rối hỏi.

"Nói chuyện như tôi đang nói với anh đây – với anh như chính anh. Thật dễ chịu khi nói chuyện với anh về những thứ này. Anh biết không, Alvah, người nguyên thủy đã tạc tượng các vị thần của họ giống như hình dáng con người? Thử nghĩ xem bức tượng của anh trông như thế nào nhỉ – tượng anh khỏa thân, có đủ bụng và tất cả mọi thứ."

"Nào, cái này thì liên quan gì đây?"

"Chả liên quan đến cái gì cả, bạn thân mến ạ. Thứ lỗi cho tôi." Cô nói thêm: "Anh biết đấy, tôi yêu những bức tượng đàn ông khỏa thân. Đừng có thần người ra thế. Tôi nói là tượng. Tôi có riêng một bức. Đấy là tượng Helios. Tôi có được nó từ một viện bảo tàng ở châu Âu. Tôi đã rất vất vả mới có được nó – tất nhiên là người ta không bán bức tượng. Tôi nghĩ tôi đã

phải lòng bức tượng, Alvah ạ. Tôi đem nó về nhà với tôi."

"Nó đâu rồi? Tôi muốn xem một cái gì đó mà em thích, để đổi gió."

"Nó bị vỡ rồi."

"Bị vỡ? Một cái tượng đã được đưa vào bảo tàng? Làm sao lại có chuyện đó?"

"Tôi đã đập nó."

"Thế nào?"

"Tôi đã ném nó xuống ống thông hơi. Ở phía dưới có một cái nền bê tông."

"Em hoàn toàn điên rồi à? Tại sao?"

"Để không người nào khác có thể nhìn thấy bức tượng nữa."

"Dominique!"

Cô lắc mạnh đầu như thể rũ bỏ câu chuyện; mái tóc dày thẳng của cô rối thành một đường gợn, trông giống như một con sóng gợn trên một mặt hồ thủy ngân đang hóa lỏng một nửa. Cô nói: "Tôi xin lỗi, bạn yêu quý. Tôi không muốn làm anh sốc. Tôi nghĩ tôi có thể nói chuyện với anh vì anh là người đã miễn dịch với các cú sốc. Lẽ ra tôi không nên làm vậy. Chẳng ích gì, tôi đoán thế."

Cô nhẹ nhàng nhảy xuống khỏi bàn.

"Về nhà đi, Alvah," cô nói. "Đã muộn rồi. Tôi mệt. Hẹn gặp anh ngày mai nhé."

*

* *

Guy Francon đọc bài báo của con gái ông. Ông đã nghe về những nhận xét của cô tại buổi tiếp tân và tại cuộc mít-tinh với những người làm công tác xã hội. Ông không hiểu gì về chuyện này, nhưng ông biết nó chính là phần tiếp theo của chuỗi sự kiện mà ông biết con gái ông chắc chắn làm. Ý nghĩ này giày vò ông, với cảm giác hoang mang lo sợ mà ông luôn có mỗi khi nghĩ đến con gái. Ông tự hỏi liệu ông có thực sự ghét con gái mình không.

Tuy nhiên bất cứ khi nào ông tự hỏi mình câu hỏi đó, một hình ảnh lại bất giác hiện về trong tâm trí ông... Đó là hình ảnh tuổi thơ con gái ông, là hình ảnh một ngày hè nào đó, đã lâu lắm rồi, tại điền trang thôn quê của ông ở Connecticut. Ông đã quên mọi thứ khác về ngày hôm đó, cũng như quên cái gì đã dẫn đến cái khoảnh khắc ông ghi nhớ. Nhưng ông nhớ mình đã đứng ở hiên nhà và trông thấy cô bé nhảy qua một hàng rào xanh cao ở cuối bãi cỏ

như thế nào. Hàng rào đó dường như quá cao đối với cô bé; ông đã nghĩ trong đầu rằng cô không thể nhảy qua được – vào chính cái khoảnh khắc ông nhìn thấy cô đang bay một cách đắc thắng qua bức hàng rào xanh đó. Ông không thể nhớ được khoảnh khắc bắt đầu và kết thúc của cú nhảy; nhưng ông vẫn trông thấy thật rõ ràng và sắc nét, như trên một tấm phim được cắt ra và lưu giữ bất động mãi mãi, cái giây phút khi thân hình đứa con gái ông lơ lửng trong không trung, đôi chân dài của nó xoạc rộng, những cánh tay mảnh khảnh vung lên, bàn tay quạt vào không khí, cái váy trắng và mái tóc vàng của cô bé xòe ra thành hai vạt tóc rộng phẳng trong gió – ông đã nhìn thấy trong một khoảnh khắc, hình ảnh một thân hình nhỏ bé bùng nổ trong sự tự do xuất thần nhất mà ông từng được chứng kiến trong đời.

Ông không biết tại sao khoảnh khắc đó đọng lại trong ông; ông không biết điều quan trọng gì – ông không để ý lúc ấy – đã khiến ông giữ lại khoảnh khắc này trong khi rất nhiều thứ quan trọng hơn đã bị lãng quên. Ông không biết tại sao cái khoảnh khắc đó lại hiện về bất cứ khi nào ông cảm thấy cay đắng cho con mình; và cũng không biết tại sao mỗi lần nghĩ đến cảnh ấy, ông lại thấy một cảm giác dịu dàng nhoi nhói trong ông đến mức không chịu nổi. Ông tự nhủ với mình rằng đấy là tình phụ tử trong ông đang lên tiếng khẳng định mình, bất chấp ý chí của ông. Nhưng về mặt nào đó – xa lạ và không chủ ý – ông muốn giúp đỡ cô mà không biết và cũng không muốn biết cô phải được giúp đỡ để chống lại cái gì.

Chính vì lẽ đó ông bắt đầu để ý thường xuyên hơn đến Peter Keating. Ông bắt đầu chấp nhận cái giải pháp mà ông chưa bao giờ thừa nhận với bản thân cả. Ông tìm thấy sự dễ chịu từ con người của Peter Keating, và ông cảm thấy rằng tính nhất quán đơn giản và ổn định của Keating là sự bù đắp cần thiết cho sự thiếu nhất quán không lành mạnh của con gái ông.

Keating sẽ không thừa nhận rằng anh đã cố gặp lại Dominique – một cách dai dẳng và không có kết quả. Anh có được số điện thoại của cô từ Francon rất lâu rồi, và anh thường gọi điện cho cô. Cô đã trả lời, cười vui vẻ và nói với anh rằng tất nhiên cô muốn gặp anh, rằng cô biết không thể thoát được điều này, rằng không may là cô lại quá bận bịu trong những tuần sắp tới và liệu anh sẽ gọi điện cho cô vào ngày đầu tháng sau không.

Francon đoán được điều này. Ông nói với Keating ông sẽ mời Dominique đi ăn trưa và giúp họ được gặp lại nhau. “Nghĩa là,” ông thêm vào, “tôi sẽ cố hỏi nó xem. Tất nhiên là con bé sẽ từ chối.” Dominique đã làm ông ngạc nhiên: cô chấp nhận lời đề nghị – tức thì và vui vẻ.

Cô gặp họ ở một nhà hàng, và mỉm cười như thể đây là một cuộc hội ngộ mà cô trông đợi. Cô nói chuyện vui vẻ và Keating cảm thấy hưng phấn, thoải mái – anh tự hỏi tại sao anh lại từng e sợ cô. Nửa giờ sau cô nhìn Francon và

nói: “Thật là tuyệt khi cha dành chút thời gian của mình để gặp con. Đặc biệt là khi cha bận rộn và có quá nhiều cuộc hẹn đến thế.”

Francon làm ra vẻ sửng sốt. “Chúa ơi, Dominique, con nói thế làm cha nhớ ra một việc!”

“Cha quên cuộc hẹn nào hay sao?” cô hỏi nhẹ nhàng.

“Ố, chết tiệt thật, đúng rồi. Cha hoàn toàn quên khuấy đi mất. Một người quen của cha, Andrew Colson đã gọi cho cha buổi sáng nay và cha đã quên ghi lại và ông ta khăng khăng đòi gặp vào lúc hai giờ, con biết việc này là như thế nào đấy, cha chỉ đơn giản là không thể từ chối gặp Andrew Colson, chết tiệt thật! – lại là hôm nay mới chết...” Ông nói thêm một cách hoài nghi: “Làm thế nào mà con biết?”

“Ồ con chẳng biết gì về cuộc hẹn cả. Nhưng mà không sao đâu cha. Anh Keating và con sẽ thông cảm cho cha, chúng con sẽ có một bữa trưa thú vị cùng nhau, con thì không có cuộc hẹn nào ngày hôm nay cả, vì thế cha không phải lo là con sẽ trốn khỏi anh ấy đâu.”

Francon tự hỏi liệu cô có biết đấy là cái cớ mà ông đã chuẩn bị trước để cô một mình lại với Keating. Ông không chắc chắn lắm. Cô đang nhìn thẳng vào ông, hai con mắt cô dường như chỉ hơi quá vô tư. Ông vui mừng được đi thoát.

Dominique quay sang Keating với một cái liếc nhìn dịu dàng đến nỗi nó không thể có ý gì khác ngoài sự coi thường.

“Bây giờ hãy thoải mái nào,” cô nói. “Cả hai chúng ta biết cha tôi đang theo đuổi cái gì, vì thế nên chả sao cả. Anh đừng có xấu hổ về chuyện này. Tôi không hề xấu hổ về nó. Thật hay là anh đã xỏ mũi được cha. Nhưng tôi biết là việc xỏ mũi cha chẳng giúp ích gì cho anh đâu. Thế nên hãy quên nó đi và ăn bữa trưa của chúng ta.”

Anh muốn đứng dậy và bỏ đi; và biết – trong sự bất lực giận dữ – rằng anh sẽ không làm như thế. Cô nói:

“Đừng nhăn mặt, Peter. Anh có thể gọi tôi là Dominique[56], vì chẳng sớm thì muộn chúng ta cũng đi đến chỗ đó. Tôi chắc sẽ còn gặp anh rất nhiều. Tôi gặp rất nhiều người, cho nên nếu như việc gặp thêm anh làm cho cha tôi hài lòng thì sao lại không chứ.

Cho đến hết bữa trưa, cô nói chuyện với anh như với một người bạn cũ, vui vẻ và cởi mở; với một sự thẳng thắn không bình thường – nó dường như cho thấy chẳng có gì phải giấu giếm, đồng thời lại như nói rằng tốt hơn là đừng cố thăm dò. Sự tử tế quá mức trong cách cư xử của cô gợi ý rằng quan hệ của họ sẽ chẳng có kết quả khả dĩ nào, rằng cô không thể cho anh thậm

chí cả sự cư xử hằn thù nữa. Anh biết rằng anh ghét cô khủng khiếp. Tuy vậy, anh quan sát hình dáng khuôn miệng của cô, những chuyển động của đôi môi khi cô nói; anh quan sát cách cô vắt chéo hai chân – một cử chỉ mềm mại và chính xác, như thể người ta gập một thứ gì đó rất đắt tiền – và anh không thể thoát khỏi cái cảm giác ngưỡng mộ đầy hoài nghi mà anh đã trải qua khi anh gặp cô lần đầu tiên.

Khi họ chuẩn bị đi, cô nói: "Anh sẽ đưa tôi đi rạp hát tối nay chứ, Peter? Tôi chẳng quan tâm kịch gì, bất kỳ vở nào cũng được. Hãy gọi cho tôi sau bữa tối. Nói cho cha tôi biết chuyện này. Nó sẽ làm ông ấy hài lòng."

"Mặc dù, dĩ nhiên, cha cô đừng nên hài lòng thì hơn" Keating nói, "và tôi cũng như thế; nhưng dù vậy tôi vẫn rất vui lòng, Dominique ạ."

"Tại sao anh không nên hài lòng thì hơn?"

"Bởi vì cô không hề có mong muốn đi xem hát hay gặp tôi tối nay."

"Không một tí nào. Tôi đang bắt đầu cảm thấy mến anh, Peter. Gọi cho tôi lúc tám giờ rưỡi."

Khi Keating quay trở lại văn phòng, Francon gọi anh lên phòng ông ta ngay lập tức.

"Thế nào?" Francon lo lắng hỏi.

"Có chuyện gì thế, Guy?" Keating nói, giọng anh ngây thơ. "Tại sao bác lại quan tâm vấn đề này đến vậy?"

"Ồ, tôi... tôi chỉ... thật lòng mà nói, tôi quan tâm đến việc liệu hai người có hợp nhau không. Tôi nghĩ cậu sẽ có ảnh hưởng tốt tới nó. Mọi chuyện thế nào?"

"Cũng chẳng có gì cả. Chúng cháu ăn trưa vui vẻ. Bác khéo chọn nhà hàng đấy, thức ăn thật tuyệt vời... À, phải rồi, cháu sẽ đưa con gái bác đi xem một buổi biểu diễn tối nay."

"Không!"

"Có đấy!"

"Cậu làm thế nào mà lại được thế nhỉ?"

Keating nhún vai. "Cháu nói với bác rồi, không được sợ Dominique."

"Tôi không sợ... Ồ, đã là "Dominique" rồi cơ à? Xin chúc mừng, Peter... Tôi không sợ gì cả, chỉ là tôi không thể hiểu được nó. Không ai có thể tiếp cận con bé. Nó chưa bao giờ có đến một cô bạn gái, thậm chí ngay cả ở nhà trẻ cũng không có. Xung quanh nó luôn có một đám đông, nhưng chẳng bao giờ có bạn cả. Tôi cũng chẳng biết nghĩ thế nào về vấn đề này. Giờ nó thế

đấy, sống một mình, luôn có một lũ đàn ông xung quanh và...”

“Thôi nào, Guy, bác không được nghĩ chuyện gì bậy bạ về con gái bác.”

“Tôi không nghĩ thế! Đó chính là vấn đề đấy – rằng tôi không nghĩ thế. Tôi ước gì tôi có thể. Nhưng nó 24 tuổi, Peter ạ, và nó vẫn là gái trinh – tôi biết, tôi chắc chắn thế. Cậu có biết cách phát hiện điều này khi nhìn một cô gái không? Tôi không phải là một nhà đạo đức, và tôi nghĩ chuyện đó không bình thường. Thật là trái tự nhiên khi ở độ tuổi nó, với ngoại hình của nó, với cái kiểu sống hoàn toàn không có giới hạn của nó. Tôi cầu Chúa là nó sẽ lập gia đình. Tôi thật sự mong như thế... À, nào, đừng nhắc lại chuyện đó với nó, tất nhiên rồi, và cậu đừng hiểu lầm nhé, tôi không có ý nói thế để gợi ý đâu.”

“Tất nhiên là không rồi ạ.”

“Tiện thể, Peter này, bệnh viện đã gọi điện đến khi cậu ra ngoài. Họ nói Lucius tội nghiệp đã khá hơn. Họ nghĩ ông ta sẽ bình phục.”

Lucius N. Heyer đã bị đột quỵ, và Keating tỏ ra rất quan tâm đến tình trạng của ông, nhưng anh chưa hề đến bệnh viện thăm ông.

“Cháu rất vui khi nghe tin này,” Keating nói.

“Nhưng tôi không nghĩ là ông ta có thể trở lại làm việc. Ông ta đang ngày càng già, Peter ạ... Phải rồi, ông ta đang già đi... Ông ấy đã đến cái tuổi không nên làm việc nữa.”

Ông cầm con dao rọc giấy giữa hai ngón tay và gõ nó xuống mép cuốn lịch để bàn một cách trầm ngâm. “Chuyện này sẽ đến với tất cả chúng ta, Peter ạ, sớm muộn gì cũng vậy... Cần phải tính trước...”

*

* *

Keating ngồi trên sàn, gần những thanh củi giả trong lò sưởi phòng khách, bàn tay anh siết chặt đầu gối, và anh lắng nghe những câu hỏi của mẹ anh về việc Dominique trông như thế nào, cô mặc gì, cô đã nói gì với anh, không biết mẹ cô thực sự đã để lại cho cô bao nhiêu tiền.

Bây giờ anh gặp Dominique thường xuyên. Anh vừa trở về sau một tối cùng cô đi một vòng các hộp đêm. Cô luôn chấp nhận lời mời của anh. Anh tự hỏi liệu thái độ của cô có phải một bằng chứng có chủ tâm rằng cô có thể phớt lờ anh một cách triệt để hơn bằng cách gặp gỡ anh thường xuyên thay vì việc từ chối gặp anh. Tuy vậy mỗi lúc gặp cô, anh lại háo hức lên kế hoạch cho cuộc hẹn tiếp theo. Anh đã không gặp Catherine một tháng nay. Cô bận bịu với công việc nghiên cứu mà chú cô giao phó cho cô để chuẩn bị cho một loạt những bài giảng của ông.

Bà Keating ngồi dưới ánh đèn bàn, đang vá lại một vết rách nhỏ trong lớp vải lót áo vét-tông dùng đi ăn tối của Peter; bà trách móc anh, xen giữa những câu hỏi, về việc anh ngồi xuống sàn nhà trong khi mặc chiếc quần dài đẹp và cái áo trang trọng nhất của mình. Anh không để ý đến những lời chỉ trích hay câu hỏi của bà. Tuy nhiên trong trạng thái bị quấy rầy rất khó chịu này, anh lại cảm thấy một cảm giác thư giãn kỳ quặc; như thể một tràng những lời đay đi đay lại của bà lại đang thôi thúc và bào chữa cho anh.

Anh trả lời nhát gừng: "Đúng rồi... Không... Con không biết... Ồ, đúng rồi, cô ấy đáng yêu. Cô ấy rất đáng yêu... Mẹ ơi, muộn quá rồi đấy. Con mệt rồi. Con nghĩ con sẽ đi ngủ thôi..."

Chuông cửa rung lên.

"Chà," bà Keating nói. "Có thể có chuyện gì vào giờ này nhỉ?"

Keating đứng lên, nhún vai và thong thả đi ra mở cửa.

Chính là Catherine. Cô đứng đó, hai tay siết chặt một quyển sách bỏ túi to, cũ, và xộc xệch. Trông cô vừa kiên quyết lại vừa lưỡng lự. Cô lùi lại một chút. Cô nói: "Chào anh, Peter. Em có thể vào không? Em phải nói chuyện với anh."

"Katie! Tất nhiên rồi! Em thật dễ thương! Vào ngay đi. Mẹ à, đây là Katie."

Bà Keating quan sát đôi bàn chân cô gái bước đi như thể cô đang đi trên một sàn tàu tròng trành; bà nhìn cậu con trai và bà biết rằng có chuyện gì đó đã xảy ra và cần phải xử lý thật thận trọng.

"Chào cháu, Catherine," bà nói nhẹ nhàng.

Keating không nhận thức được điều gì ngoại trừ một nỗi vui mừng chạy xuyên qua người khi anh nhìn thấy cô; nỗi vui mừng ấy nói với anh rằng không có gì thay đổi, rằng anh vẫn an toàn trong cảm giác chắc chắn, rằng sự xuất hiện của cô đã giải tỏa mọi ngờ vực. Anh quên mất không thắc mắc về việc lúc đó đã muộn, về việc cô xuất hiện lần đầu tiên, không được mời, trong căn hộ của anh.

"Chào bác Keating" cô nói, giọng rõ ràng và trống rỗng. "Cháu hy vọng là cháu không quấy rầy bác, đã quá muộn rồi phải không ạ?"

"Ồ, không phiền chút nào cháu ạ," bà Keating nói.

Catherine nói hấp tấp; cô không tỉnh táo, cô bám vào những âm thanh của từng từ:

"Cháu sẽ cởi mũ ra... Cháu có thể để nó ở đâu, bác Keating? Ở đây trên cái bàn này ạ? Như vậy có được không ạ?... Không, có thể cháu nên để nó

trên cái tủ này, nhưng mà nó bị ẩm từ ngoài đường, cái mũ có thể làm hỏng lớp vécni, nó là một cái tủ tốt, cháu hy vọng là cái mũ không làm hỏng lớp vécni...”

“Có chuyện gì vậy, Katie?” Keating hỏi – rốt cuộc anh cũng nhận ra.

Cô ngước nhìn anh và anh nhìn thấy đôi mắt cô đầy sự kinh sợ. Đôi môi cô hé mở, cô đang cố gắng nở một nụ cười.

“Katie!” anh nói hổn hển.

Cô không nói gì.

“Em cởi áo khoác ra đi. Lại đây và sưởi ấm người cạnh lò sưởi đi.”

Anh đẩy một cái ghế dài thấp tới gần lò sưởi và ép cô ngồi xuống. Cô mặc một cái áo len đen và cái váy đen cũ – một bộ đồ ở nhà của nữ sinh mà cô đã không thay cho chuyến viếng thăm của mình. Cô ngồi khom người, đầu gối cô khép chặt vào nhau. Cô nói, giọng cô thấp và tự nhiên hơn, lần đầu tiên cô để nỗi đau chất chứa thoát ra trong giọng nói:

“Anh có một chỗ thật tuyệt... Rất ấm áp và rộng rãi... Anh có thể mở cửa sổ bất cứ lúc nào anh muốn không?”

“Katie em yêu,” anh nói dịu dàng, “chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Chẳng có việc gì cả. Chẳng có gì thực sự xảy ra cả. Chỉ là em phải nói chuyện với anh. Bây giờ. Tối nay.”

Anh nhìn bà Keating. “Nếu như mẹ có thể...”

“Không, không sao cả. Bác Keating có thể nghe câu chuyện này. Có thể nó sẽ tốt hơn nếu như bác cùng ngồi nghe.” Cô quay sang mẹ anh và nói một cách rất giản dị: “Bác thấy đấy, bác Keating, Peter và cháu đã đính hôn.” Cô quay lại phía anh và nói thêm, giọng cô vỡ ra: “Peter, em muốn cưới ngay bây giờ, ngày mai, càng sớm càng tốt.”

Bàn tay bà Keating buông từ từ xuống lòng. Bà nhìn Catherine, mắt bà vô cảm. Bà nói lặng lẽ, với một vẻ nghiêm trang mà Keating chưa bao giờ mong đợi ở mẹ mình:

“Bác không hề biết việc này, bác rất vui cháu ạ.”

“Bác không phản đối ư? Bác hoàn toàn không phản đối?” Catherine hỏi một cách tuyệt vọng.

“Ồ, cô bé, những việc như thế này phải do cháu và con trai ta quyết định.”

“Katie!” anh nói hổn hển, lấy lại giọng nói của mình. “Chuyện gì xảy ra vậy? Tại sao lại càng sớm càng tốt?”

“Ồ! Việc này nghe có vẻ như... như là em đang mắc phải một thứ rắc rối mà các cô gái phải...” Cô đỏ dừ mặt. “Ồ, Chúa ơi! Không! Không phải vậy đâu! Anh biết là không thể là như thế được. Ồ, anh không thể nghĩ rằng, Peter, rằng em... rằng...”

“Không, tất nhiên là không phải như vậy rồi,” anh cười, ngồi xuống sàn nhà bên cạnh cô, luồn một cánh tay quanh người cô. “Nhưng hãy bình tĩnh nào. Có việc gì vậy? Em biết đấy anh có thể cưới em tối nay nếu như em mong muốn anh làm điều này. Chỉ có điều anh muốn biết cái gì đã xảy ra?”

“Không có vấn đề gì cả. Giờ thì em ổn rồi. Em sẽ nói cho anh. Anh sẽ nghĩ là em điên rồ. Em chỉ đột nhiên có cảm giác là em sẽ không bao giờ cưới anh, rằng một điều gì đó khủng khiếp đang xảy ra với em và em phải thoát khỏi nó.”

“Điều gì đang xảy ra với em vậy?”

“Em không biết. Không có việc gì cả. Cả ngày hôm nay em làm việc với những ghi chép nghiên cứu của mình, và không hề có vấn đề gì xảy ra. Không có một cuộc gọi nào và cũng không có khách viếng thăm. Và rồi đột nhiên tối nay, em có cảm giác, giống như một cơn ác mộng, anh biết không, một sự khiếp sợ mà anh không thể miêu tả được, nó hoàn toàn không giống như bất kỳ cái gì bình thường cả. Nó chỉ là cảm giác rằng em đang bị nguy hiểm đến tính mạng, rằng có cái gì đó đang vây chặt lấy em, rằng em sẽ không bao giờ thoát khỏi nó, bởi vì nó sẽ không để em thoát và vì đã quá trễ.”

“Rằng em không thể thoát ra khỏi cái gì?”

“Em không biết đích xác. Tất cả mọi thứ. Cả cuộc đời em. Anh biết đấy, nó giống như cát lún vậy. Thật phẳng lặng và tự nhiên. Không có điều gì khiến anh phải để ý hay đề phòng. Và anh bước lên nó một cách dễ dàng. Khi anh nhận ra thì đã quá muộn... Và em cảm thấy nó sẽ bắt được em, rằng em sẽ không bao giờ cưới anh, rằng em phải chạy, ngay bây giờ, bây giờ hoặc là không bao giờ. Anh đã bao giờ có cảm giác như vậy chưa, chỉ là một nỗi sợ mà anh không thể nào lý giải được?”

“Rồi,” anh thì thầm.

“Anh có nghĩ là em điên rồ không?”

“Không, Katie. Chỉ có điều, chính xác thì cái gì gây cho em ý nghĩ như vậy? Có cái gì cụ thể không?”

“Ồ... bây giờ thì nó có vẻ buồn cười.” Cô rúc rích cười một cách hối lỗi. “Chuyện là như thế này: em đang ngồi trong phòng mình và trời hơi lạnh, chính vì vậy em đã không mở cửa sổ phòng. Trên mặt bàn có quá nhiều giấy

tờ và sách, em hầu như không có một khoảng trống nào để viết và cứ khi nào em ghi chép khuỷu tay em lại đẩy cái gì đó rớt khỏi bàn. Có hàng đống thứ trên sàn nhà xung quanh em, tất cả giấy tờ, và nó kêu sột soạt khe khẽ, do em để cánh cửa phòng khách mở một nửa và có một một chút gió lùa, em đoán thế. Chú em cũng đang làm việc trong phòng khách. Em đang làm việc khá ổn, em đã ở đó hàng giờ liền và thậm chí không biết là lúc đó mấy giờ. Và đột nhiên cảm giác này xâm chiếm em. Em không biết là tại sao lại như thế. Có thể là vì căn phòng quá ngổn ngang, hay có thể là do sự yên ắng, em không nghe thấy bất cứ cái gì, không một âm thanh trong phòng khách, và chỉ có tiếng giấy sột soạt rất nhẹ, giống như thể ai đó đang bị bóp cổ đến chết. Và khi đó em nhìn quanh và... và em không thấy chú em ngồi trong phòng khách, nhưng em nhìn thấy bóng ông trên tường, một cái bóng lớn, gù gù, và nó không hề động đậy, chỉ có điều là nó quá lớn!"

Cô rùng mình. Việc này dường như không còn ngu ngốc với cô nữa. Cô thì thầm:

"Đó chính là lúc em cảm thấy thế. Cái bóng đó không hề chuyển động, nhưng em nghĩ rằng tất cả giấy tờ thì lại đang di chuyển, chúng đang dâng lên rất chậm khỏi sàn nhà, chúng đang đi về phía cổ họng của em và em sắp sửa chết đuối. Khi đó em gào lên. Và, Peter, chú ấy không hề nghe thấy gì. Chú ấy không nghe thấy. Bởi vì cái bóng không cử động. Sau đó em chộp lấy mũ, áo choàng và em chạy. Khi em chạy qua phòng khách, em nghĩ rằng chú em đã nói: 'Ồ Catherine, mấy giờ rồi? – Cháu đang đi đâu đấy?' Đại loại như thế, em không chắc lắm. Nhưng khi đó em đã không ngoái lại và em không trả lời – em không thể. Em thấy sợ ông ấy. Em sợ chú Ellsworth, người chưa bao giờ nói nặng với em một lời... Đó là tất cả mọi chuyện, Peter. Em không thể hiểu được, nhưng em sợ. Không còn quá sợ nữa, không còn nữa khi em ở đây với anh, nhưng em sợ rằng..."

Bà Keating nói, giọng bà khô và quả quyết:

"Ồ, thật dễ hiểu việc gì đã xảy ra với cháu, cháu yêu quý. Cháu đã làm việc quá căng thẳng và quá nhiều, cháu chỉ hơi bị kích động thôi."

"Vâng... có thể là như vậy..."

"Không," Keating nói đều đều, "không, không thể là nó được..." Anh đang nghĩ đến cái loa phóng thanh trong hành lang của buổi mít-tinh đình công. Sau đó anh nói nhanh: "Ừ, mẹ đúng đấy. Em đang tự giết mình bằng công việc, Katie. Cái ông chú của em – anh sẽ vặn cổ ông ấy một ngày nào đó."

"Ồ, nhưng đó không phải lỗi của chú ấy! Chú không hề muốn em làm việc. Chú thường lấy sách của em đi và nhắc nhở em hãy đi xem phim.

Chính chú bảo em thế, rằng em làm việc quá nhiều. Nhưng em thì lại thích công việc. Em cứ nghĩ rằng mỗi ghi chép của em, mỗi mẩu thông tin – chúng sẽ được dạy cho hàng trăm sinh viên trẻ khắp nước, và em nghĩ rằng chính mình đang giúp đào tạo con người, chỉ một chút xíu sức lực của chính mình đóng góp cho một sự nghiệp lớn lao – và em thấy tự hào và không muốn ngừng công việc. Anh hiểu rồi phải không? Em thật sự không có điều gì phải phàn nàn về vấn đề này. Và rồi... rồi, như tối nay... em không biết điều gì đã xảy ra với mình."

"Nghe này, Katie, chúng mình sẽ đi đăng ký kết hôn sáng ngày mai và sau đó chúng mình sẽ tổ chức đám cưới ngay lập tức, ở bất cứ chỗ nào em muốn."

"Chúng mình hãy làm như vậy nhé, anh Peter," cô thì thầm. "Anh thật sự không thấy phiền? Em chẳng có lý do thực sự nào cả, nhưng em rất muốn điều đó. Em rất muốn chúng mình cưới nhau. Lúc đó em sẽ biết là mọi chuyện đều ổn cả. Chúng mình sẽ ổn. Em có thể tìm một công việc gì đó nếu như anh... nếu như anh chưa thật sự sẵn sàng hay..."

"Ồ, vớ vẩn nào. Đừng nói như vậy. Chúng mình sẽ ổn. Không có chuyện gì đâu. Chỉ cần chúng mình cưới nhau và mọi việc khác sẽ tự khắc đâu vào đấy."

"Anh yêu, anh hiểu, đúng không? Anh thực sự hiểu?"

"Anh hiểu, Katie."

"Bây giờ mọi việc đã được thu xếp," bà Keating nói, "Bác sẽ pha cho cháu một tách trà nóng, Catherine. Cháu cần một tách trà trước khi về nhà."

Bà pha trà, và Catherine uống với vẻ biết ơn; cô mỉm cười nói: "Cháu... cháu thường e ngại rằng bác sẽ không tán thành việc này, bác Keating ạ."

"Làm thế nào mà cháu lại có ý nghĩ ấy chứ," bà Keating kéo dài giọng, giọng bà không phải là một câu hỏi. "Bây giờ cháu hãy về nhà như một cô gái ngoan và ngủ ngon nhé."

"Mẹ à, Katie không thể ở đây tối nay được sao? Cô ấy có thể ngủ với mẹ."

"Thôi nào, Peter, đừng có kích động như vậy chứ. Chú cô ấy sẽ nghĩ sao đây?"

"Ồ, không, tất nhiên là em không nên ở lại đây. Em sẽ hoàn toàn ổn thôi, Peter. Em sẽ về nhà."

"Không, nếu như em..."

"Em không sợ. Không phải bây giờ. Em ổn rồi. Anh không nghĩ là em sợ

chú Ellsworth đấy chứ?"

"Được thôi. Nhưng em đừng đi vội."

"Nào, Peter," bà Keating nói, "con không muốn cô ấy đi qua các phố vào lúc muộn hơn thế này đấy chứ."

"Con sẽ đưa cô ấy về nhà."

"Không," Catherine nói. "Em thế này đã là vớ vẩn lắm rồi. Không, em sẽ không để anh đưa em về."

Anh hôn cô ở cửa và nói: "Anh sẽ đến chỗ em vào lúc mười giờ sáng mai và chúng mình sẽ đi đăng ký."

"Vâng, Peter," cô thì thầm.

Anh đóng cánh cửa lại sau lưng cô và anh đứng lại một lát mà không nhận ra mình đang siết chặt hai nắm tay. Sau đó anh bước một cách kiên quyết về phòng khách, và anh dừng lại, để hai tay trong túi quần, đối mặt với mẹ mình. Anh nhìn bà, cái liếc nhìn của anh như một yêu cầu lặng lẽ. Bà Keating ngồi nhìn anh lặng lẽ, không giả vờ lờ cái nhìn đó đi và cũng không trả lời nó.

Sau đó bà hỏi: "Con muốn đi ngủ chưa, Peter?"

Anh đã mong chờ bất kỳ điều gì, ngoại trừ điều này. Anh cảm nhận một thôi thúc mạnh mẽ rằng phải nắm lấy cơ hội này, để quay đi, rời khỏi phòng và đi thoát. Nhưng anh phải biết được bà nghĩ gì; anh phải biện minh cho bản thân mình.

"Nào, mẹ, con sẽ không nghe bất cứ lời phản đối nào đâu."

"Mẹ không hề có lời phản đối nào," bà Keating nói.

"Mẹ, con muốn mẹ hiểu rằng con yêu Katie, bây giờ không có cái gì có thể ngăn cản con cưới cô ấy, và mọi chuyện sẽ như thế."

"Rất tốt, Peter."

"Con không hiểu mẹ không thích cô ấy ở điểm nào."

"Mẹ thích hay không thích gì đâu còn quan trọng với con nữa rồi."

"Ồ có chứ mẹ, tất nhiên là nó quan trọng với con chứ! Mẹ biết điều này mà. Làm sao mẹ lại có thể nói vậy được?"

"Peter, về phía mẹ thì mẹ chẳng có gì là thích hay không thích cả. Mẹ không nghĩ gì cho bản thân mình, bởi vì trên đời này không còn có gì làm mẹ quan tâm, ngoại trừ con. Như thế có thể là lạc hậu, nhưng mẹ là như thế đấy. Mẹ biết mẹ không nên như vậy, bởi vì ngày nay tụi trẻ không đánh giá

cao suy nghĩ này, nhưng mẹ không thể không như vậy."

"Ồ, mẹ, mẹ biết con đánh giá cao điều đó mà! Mẹ biết con sẽ không muốn làm mẹ buồn."

"Con không thể làm mẹ buồn, Peter, trừ khi con tự làm tổn thương bản thân mình. Và đó là... đó là một điều thật khó chịu đựng."

"Làm thế nào mà con lại làm tổn thương mình được?"

"Được rồi, nếu như con không từ chối nghe mẹ nói..."

"Con chưa bao giờ từ chối nghe mẹ nói!"

"Nếu như con thật sự muốn nghe ý kiến của mẹ, mẹ sẽ nói rằng đây chính là nấm mồ cho 29 năm đời mẹ, cho tất cả niềm hy vọng mẹ đặt vào con."

"Nhưng tại sao? Tại sao chứ?"

"Không phải mẹ không thích Catherine, Peter ạ. Mẹ rất thích cô bé. Nó là một cô gái tốt – nếu như nó không để bản thân mình bị suy sụp thường xuyên và cứ tưởng tượng ra đủ thứ như vậy. Tuy nhiên nó là một cô gái đáng trọng và mẹ nghĩ nó sẽ là một người vợ tốt cho bất kỳ ai. Cho bất kỳ một người đàn ông nào tốt bụng, cần cù và đáng kính. Nhưng để mà nghĩ là nó dành cho con, Peter! Cho con!"

"Nhưng..."

"Con là người khiêm tốn, Peter. Con quá khiêm tốn. Đó luôn là vấn đề của con. Con không đề cao bản thân mình. Con nghĩ mình chỉ giống như bất kỳ ai khác."

"Con chắc chắn không nghĩ như vậy! Và con sẽ không để ai nghĩ về con như vậy!"

"Vậy thì hãy dùng cái đầu của con đi! Con không biết cái gì đang chờ con phía trước sao? Con không thấy con đã đi được bao xa và con sẽ còn tiến được bao xa nữa à? Con có một cơ hội để trở thành – à, không phải là người giỏi nhất nhưng cũng khá gần như đứng đầu trong ngành kiến trúc, và..."

"Khá gần vị trí dẫn đầu? Đó là điều mẹ nghĩ ư? Nếu như con không thể là người thật sự giỏi nhất, nếu như lúc con còn sống mà con không thể là kiến trúc sư đứng đầu cả cái nước này – thì con chẳng thèm dính vào cái nghề này một tí nào!"

"À, nhưng một người không thể đạt được điều đó bằng cách trượt dốc trong công việc, Peter. Một người không thể đứng đầu trong bất cứ cái gì nếu không có dũng khí hy sinh một số thứ."

"Nhưng..."

“Cuộc sống của con không thuộc về con, Peter, nếu như con đang thực sự hướng đến mục tiêu cao. Con không được phép để cho bản thân mình thỏa mãn bất kỳ ý thích nhất thời nào như bao nhiêu người bình thường khác có thể làm, bởi vì đối với họ, đằng nào thì cũng chẳng ích gì. Peter, không còn là chuyện con hay mẹ, hay chuyện chúng ta cảm thấy thế nào nữa. Đấy là sự nghiệp của con. Để có được sự đánh giá cao của những người khác con phải có sức mạnh để từ chối bản thân mình.”

“Mẹ chỉ không thích Katie và mẹ để thành kiến của riêng mình...”

“Mẹ không thích cô ấy ở điểm nào cơ chứ? Ồ, tất nhiên là mẹ không thể nói rằng mẹ ủng hộ một cô gái thiếu sự quan tâm đến người yêu của mình đến nỗi chạy đến và làm anh ta lo lắng chẳng vì cái gì cả, và đòi hỏi anh ta ném tương lai mình qua cửa sổ chỉ vì cô ta có những ý nghĩ điên rồ. Điều này cho thấy con có thể trông chờ sự giúp đỡ gì từ một người vợ như vậy. Tuy nhiên về phía mẹ nếu như con nghĩ rằng mẹ lo lắng cho bản thân mình – thì, con đúng là mù quáng, Peter ạ. Con không thấy là đối với cá nhân mẹ thì đây sẽ là sự kết hợp hoàn hảo? Bởi vì mẹ sẽ chẳng có vấn đề gì với Catherine cả, mẹ có thể sống hòa thuận với nó một cách tốt đẹp, nó sẽ kính trọng và nghe lời mẹ chồng. Trong khi đó, mặt khác, cô Francon...”

Anh cau mày. Anh biết điều này sẽ đến. Đó chính là chủ đề anh sợ phải nghe nói đến.

“Ồ, chính thế đấy, Peter,” bà Keating nói một cách lặng lẽ và chắc chắn, “chúng ta phải nói về chuyện này. Nào, mẹ chắc chắn là mẹ không bao giờ có thể chế ngự được cô Francon, một cô gái thượng lưu thanh lịch như vậy thậm chí sẽ không chịu đựng được một bà mẹ chồng không có học thức và ăn mặc tồi tàn như mẹ... Cô ấy có thể sẽ đẩy mẹ khỏi căn nhà này. Ồ, chính thế đấy, Peter. Nhưng con thấy đấy, mẹ không hề nghĩ đến bản thân mẹ.”

“Mẹ ơi,” anh nói cộc cằn, “đó là những lời nói ngớ ngẩn – về việc con có cơ hội với Dominique. Cái con mèo cái nanh nọc ấy – con không chắc rằng cô ta thậm chí có thèm nhìn con không nữa.”

“Con đang trượt dốc, Peter. Đã có thời con không bao giờ chấp nhận việc có cái gì đó mà con không thể đạt được.”

“Nhưng, Mẹ, con không muốn cô ta.”

“À, con không muốn, thế hả? Rồi, ra là thế. Có phải đúng như mẹ nói không? Hãy nhìn lại bản thân con đi! Nhìn xem, con đã tóm được Francon, một nhà kiến trúc tài ba nhất thành phố, ở đúng cái yếu huyệt của ông ta! Ông ấy gần như là đang nài nỉ con trở thành đồng sự với ông ta – bất chấp tuổi của con, bất chấp bao nhiêu người khác, lớn tuổi hơn? Ông ấy không cho phép, mà ông ấy đang cầu xin con cưới con gái ông ta! Và sáng mai con

sẽ bước vào và trình diện với ông ta một cô gái tầm thường nhỏ bé mà con đã cưới làm vợ! Hãy thử không nghĩ cho bản thân mình một lát và hãy nghĩ đến những người khác xem. Con nghĩ là ông ta sẽ thích chuyện đó? Làm thế nào mà ông ta lại thích thú khi con chỉ cho ông ấy cái cô gái nghèo khổ mà con đã ưng hơn là con gái ông ấy."

"Ông ấy sẽ không thích." Keating thì thầm.

"Con có thể chắc chắn là ông ta sẽ không thích đâu! Con có thể chắc chắn là ông ta sẽ đá con ra ngoài đường ngay lập tức! Ông ấy sẽ tìm được khối kẻ muốn chộp lấy cơ hội thế chỗ con. Cái gã Bennett chẳng hạn?"

"Ồ, không!" Keating thở hổn hển một cách tức giận; bà biết rằng mình đã đánh đúng chỗ. "Không thể là Bennett được!"

"Đúng rồi," bà nói một cách đắc thắng. "Bennett! Sẽ như thế đấy – Francon và Bennett, trong khi con đang nện gót trên hè phố tìm cho mình một công việc! Nhưng con sẽ có một cô vợ! Phải rồi, con sẽ có một cô vợ!"

"Mẹ ơi, làm ơn..." anh thì thầm, một cách tuyệt vọng đến nỗi bà có thể cho phép mình tiếp tục mà không hề kiềm chế bản thân.

"Đây là loại vợ mà con sẽ có. Một cô gái bé nhỏ vụng về không biết cả phải đặt tay đặt chân ở đâu nữa. Một cô gái bẽn lẽn luôn chạy trốn bất cứ người quan trọng nào mà con muốn mời về nhà. Vậy con nghĩ là con giỏi lắm sao, Peter? Đừng có đánh lừa bản thân mình nữa, Peter Keating! Không có một người đàn ông thành đạt nào lại đạt đến thành công một mình đâu. Con đừng có coi thường, một phụ nữ thích hợp sẽ giúp được người chồng rất nhiều. Cái ông Francon của con đã không lấy một cô phục vụ phòng, con có thể cá cả đời mình là ông ta đã không làm như vậy! Hãy thử nhìn nhận mọi việc qua con mắt của những người khác một chút xem. Họ sẽ nghĩ gì về cô vợ của con? Họ sẽ nghĩ về con như thế nào? Con không thể nào kiếm sống bằng cách xây chuồng gà cho mấy thằng kiết xác, đừng có quên điều đó! Con phải chơi một ván cờ lớn như những người vĩ đại trong thế giới này. Con phải noi gương họ. Người ta sẽ nghĩ gì về một người đàn ông cưới một cô gái nhỏ bé tầm thường như vậy? Họ sẽ ngưỡng mộ con? Họ sẽ tin tưởng con? Họ sẽ kính trọng con?"

"Mẹ im đi!" anh kêu lên.

Nhưng bà vẫn tiếp tục nói. Bà nói một lúc lâu trong khi anh ngồi, bẻ những đốt ngón tay răng rắc một cách dữ dội, thỉnh thoảng lại rên rỉ: "Nhưng con yêu cô ấy... Con không thể, mẹ ơi! Con không thể... con yêu cô ấy..."

Bà thả anh khi đường phố đã xam xám với ánh sáng của buổi sớm. Bà để anh loạng choạng về phòng mình, mang theo những thanh âm cuối cùng, nhẹ

nhàng và mệt mỏi của bà:

"Ít ra, Peter, con cũng phải làm được thế. Chỉ còn một vài tháng thôi. Hãy yêu cầu cô ấy chờ đợi chỉ một vài tháng. Heyer có thể chết bất cứ lúc nào và sau đó, khi con là một cộng sự, con có thể cưới cô ấy và có thể người ta sẽ bỏ qua. Cô ấy sẽ không phiền lòng phải chờ đợi thêm một thời gian nữa, nếu như cô ấy yêu con... Hãy nghĩ kỹ đi, Peter... Và trong khi con nghĩ, hãy nghĩ thêm một chút thôi, rằng nếu như con cưới ngay bây giờ con sẽ làm tan nát trái tim mẹ của con. Nó không phải là điều quan trọng nhưng con hãy chú ý đến nó dù chỉ một chút thôi. Hãy nghĩ đến bản thân mình trong một giờ nhưng hãy dành một phút để nghĩ đến những người khác..."

Anh đã không cố ngủ. Anh không thay quần áo, anh ngồi trên giường hàng giờ liền; điều rõ ràng nhất trong tâm trí anh là ước muốn được thấy bản thân mình một năm sau nữa, khi mà mọi thứ đã ổn định rồi, dù bằng cách nào.

Anh chưa quyết định gì cả khi anh bấm chuông căn hộ nhà Catherine vào lúc mười giờ. Anh lờ mờ cảm nhận rằng cô sẽ cầm tay anh, rằng cô dẫn anh, cô sẽ khăng khăng – và thế là cái quyết định sẽ được giải quyết.

Catherine mở cửa và mỉm cười một cách hạnh phúc và tự tin như thể chưa có việc gì xảy ra. Cô để anh vào phòng cô; những luồng ánh nắng mặt trời ngập tràn những cột sách và báo được xếp gọn gàng gần bàn. Căn phòng sạch, ngăn nắp, một đống thảm vẫn còn nguyên những đường sọc do chiếc chổi quét thảm để lại.

Catherine mặc một cái áo vải phin cứng với những ống tay dựng đứng lên một cách vui nhộn ngang vai cô; những chiếc cặp tóc mịn màng nhỏ nhắn lấp lánh trên mái tóc cô trong ánh nắng mặt trời. Anh thấy quặn lên một niềm thất vọng, rằng chẳng có hiểm họa nào chờ anh trong nhà cô; đồng thời cũng quặn lên một cảm giác nhẹ nhõm, và thất vọng.

"Em sẵn sàng rồi, Peter," cô nói. "Lấy cho em cái áo khoác."

"Em đã nói cho chú em chưa?" anh hỏi.

"Ồ, rồi ạ. Em đã nói chuyện với ông tối hôm qua. Khi em trở về ông vẫn đang làm việc..."

"Chú nói gì?"

"Chẳng gì cả. Chú chỉ cười và hỏi em muốn quà cưới gì. Nhưng mà chú ấy cười rất nhiều!"

"Chú ấy đâu? Chẳng lẽ chú không muốn ít nhất cũng gặp mặt anh à?"

"Chú phải đi tới tòa soạn. Chú nói chú còn nhiều thời gian để biết anh, và

còn biết hơn thế nữa. Nhưng chú nói điều ấy rất dễ thương."

"Nghe này, Katie, anh... có việc này anh muốn nói với em." Anh ngập ngừng, không nhìn cô. Giọng anh phẳng lì. "Em thấy đấy, việc là như thế này, Lucius Heyer, cộng sự của Francon, đang rất ốm và người ta không nghĩ là ông sẽ qua khỏi. Francon đang gợi ý khá rõ ràng là anh sẽ thế chỗ của Heyer. Tuy nhiên Francon lại có một ý định điên rồ, ông ta muốn anh cưới con gái ông. Nào, em đừng có hiểu nhầm anh nhé, em biết là việc đó không thể xảy ra, nhưng anh không thể nói với ông ta như vậy. Và anh nghĩ... anh nghĩ rằng nếu chúng ta chờ đợi... chỉ trong vài tuần thôi... Anh sẽ được sắp đặt vị trí trong công ty và khi đó Francon không thể làm gì anh khi anh đến và nói cho ông ta biết rằng anh cưới vợ... Tất nhiên là việc này tùy thuộc vào em." Anh nhìn cô và giọng nói của anh háo hức. "Nếu như em muốn chúng mình cưới nhau ngay bây giờ, thì chúng mình sẽ đi ngay lập tức."

"Nhưng mà, Peter," cô nói bình thản, vô tư và ngạc nhiên. "Nhưng tất nhiên là chúng mình sẽ chờ."

Anh mỉm cười tán đồng và nhẹ nhõm. Nhưng anh nhắm mắt lại.

"Tất nhiên là chúng mình sẽ đợi," cô nói một cách chắc chắn. "Em đã không biết chuyện này và nó rất quan trọng. Thực sự chẳng có lý do gì phải vội vàng cả."

"Em không sợ rằng con gái ông Francon có thể chiếm được anh sao?"

Cô cười. "Ôi Peter! Em quá hiểu anh mà."

"Nhưng nếu như em thích..."

"Không, làm như vậy sẽ tốt hơn rất nhiều. Anh biết không, nói thật là em đã nghĩ sáng nay là nếu như chúng ta chờ đợi thì sự việc sẽ tốt hơn, tuy vậy em đã không muốn nói bất cứ điều gì nếu như anh đã quyết định rồi. Vì anh cũng muốn chờ đợi, nên em lại càng rất muốn thế, bởi vì... anh thấy đấy, chúng em đã nhận được thông báo sáng nay là chú em được mời giảng khóa học này ở một trường đại học rất lớn bên Tây[57], vào mùa hè. Em thấy thật tồi tệ nếu bỏ ông ngang xương với ngổn ngang công việc. Và khi đó, em đã nghĩ có lẽ chúng mình đang vớ vẩn, chúng mình đều quá trẻ. Và chú Ellsworth đã cười rất nhiều. Anh thấy đấy, chờ đợi một chút sẽ khôn ngoan hơn."

"Ồ, vậy là tốt rồi. Nhưng, Katie, nếu như em cảm thấy như tối hôm qua..."

"Nhưng em không! Em cảm thấy xấu hổ về bản thân mình quá. Em không tưởng tượng được cái gì đã xảy ra với mình tối qua. Em cố nhớ lại nó và em không thể hiểu nổi. Anh biết nó như thế nào rồi đấy, anh cảm thấy thật là

ngu ngốc sau đó. Sau đó mọi việc thật rõ ràng và đơn giản vào ngày hôm sau. Tối qua em đã nói nhiều điều thật rất vô nghĩa phải không?"

"Thôi, hãy quên nó đi. Em là một cô gái bé bỏng biết nghĩ. Cả hai chúng ta đều biết nghĩ. Và chúng mình sẽ chờ đợi chỉ một thời gian thôi, sẽ không lâu đâu."

"Vâng, Peter."

Anh đột nhiên nói một cách mạnh mẽ: "Bây giờ phải kiên quyết thế này nhé, Katie."

Và sau đó anh cười to một cách ngớ ngẩn, như thể anh chưa hề nghiêm túc.

Cô mỉm cười vui vẻ trả lời. "Anh thấy không?" cô nói, xòe hai bàn tay ra.

"Thôi được..." anh lẩm bẩm. "Thôi được rồi, Katie. Chúng mình sẽ chờ đợi. Tất nhiên việc đó sẽ tốt đẹp hơn. Anh... anh phải đi gấp đây. Anh sẽ đến văn phòng muộn mất." Anh cảm thấy mình phải trốn khỏi phòng cô ngay giây phút đó, ngay ngày hôm đó. "Anh sẽ gọi điện cho em. Hãy đi ăn tối ngày mai."

"Vâng, Peter. Thế thật là tuyệt."

Anh rời đi, nhẹ nhõm và cô độc; anh tự nguyền rủa mình vì một cảm giác dai dẳng, mơ hồ cứ nói với anh rằng anh đã bỏ lỡ một cơ hội sẽ không bao giờ quay lại; rằng một cái gì đó đang khép vào quanh cả hai người và họ đã đầu hàng. Anh nguyền rủa, bởi vì anh đã không thể nói được cái mà họ lẽ ra đã nên chống lại. Anh vội vã đến văn phòng, nơi anh sắp trễ hẹn với bà Moorehead.

Catherine đứng giữa gian phòng sau khi anh rời khỏi, và cô tự hỏi tại sao cô lại đột nhiên thấy trống trải và lạnh lẽo; và tại sao đến tận giây phút này cô mới nhận ra là mình đã hy vọng anh sẽ ép cô phải theo anh. Sau đó cô nhún vai, mỉm cười tự giễu bản thân mình và quay trở lại công việc trên bàn.

XIII.

Vào một ngày tháng Mười, khi biệt thự Heller gần hoàn thành, một người đàn ông trẻ, gầy, cao lêu nghêu trong bộ quần áo bảo hộ lao động bước ra từ một nhóm ít người đang đứng quan sát ngôi nhà từ phía đường. Anh ta tiến lại gần Roark.

"Anh chính là người đã xây cái nhà thương điên này à? "anh ta hỏi khá rụt rè.

"Nếu anh muốn nói căn nhà này, thì đúng," Roark trả lời.

"Ồ tôi xin anh thứ lỗi. Chỉ là vì mọi người xung quanh đây gọi nó như vậy. Chứ không phải tôi có ý gọi nó như thế đâu. Anh thấy đấy, tôi có một dự án xây dựng... thật ra thì không hẳn là một dự án, nhưng tôi đang chuẩn bị xây một trạm bán xăng của riêng tôi cách đây mười dặm, dưới đường Post. Tôi muốn nói chuyện với anh."

Lát sau, trên một cái ghế dài trước gara nơi anh làm việc, Jimmy Gowan giải thích một cách chi tiết. Anh nói thêm: "Và tôi tình cờ nghĩ đến anh, anh Roark ạ, vì tôi thích nó, căn nhà ngồ ngộ của anh ấy. Tôi không biết tại sao nhưng tôi thích nó. Tôi thấy nó hợp lý. Và rồi tôi lại nhận thấy mọi người há hốc miệng nhìn nó và bàn luận về nó; dĩ nhiên, đối với một ngôi nhà thì điều đó chẳng có lợi gì, nhưng đối với một cơ sở kinh doanh thì như thế lại tốt; cứ để cho họ cười khúc khích, nhưng hãy để họ bàn luận. Cho nên tôi đã nghĩ tôi sẽ mời anh xây nó, và khi đó mọi người sẽ bảo tôi là một gã khùng, nhưng ai mà thèm quan tâm? Tôi không hề quan tâm."

Jimmy Gowan đã làm việc như một con la trong mười lăm năm để tiết kiệm tiền cho công việc kinh doanh của riêng mình. Người ta tỏ ý phản đối kịch liệt vì sự lựa chọn kiến trúc sư của anh; Jimmy không đưa ra một lời giải thích hay biện minh nào; anh nói lịch sự: "Có thể như vậy, các vị, có thể như vậy," và vẫn tiến hành thuê Roark xây trạm xăng của mình.

Trạm xăng khai trương vào một ngày cuối tháng Mười hai. Nó nằm ở rìa đường Boston Post; hai kết cấu nhỏ bằng kính và bê tông tạo nên một hình bán nguyệt giữa những cái cây: văn phòng có hình trụ dài, nhà ăn có hình bầu dục bẹt, những máy bơm xăng đặt thành những trụ ở khoảng sân giữa văn phòng và nhà ăn. Nó là một công trình của những đường tròn; không hề có cạnh hay đường thẳng nào. Trông nó giống như những khối vật chất được đông cứng lại trong lúc đang chảy, được giữ bất động vào chính cái thời điểm chúng được đổ xuống, ở chính cái thời khắc mà chúng đang tạo nên một sự hài hòa – quá hoàn hảo đến nỗi không thể do người ta cố tình tạo ra. Trạm xăng trông như một chùm bong bóng treo thấp phía trên mặt đất,

không thật sự chạm đất và có thể bị cuốn bay ngay lập tức bởi một cơn gió mạnh; trông nó vui vẻ – một sự vui vẻ tự tin và thoải mái do hiệu quả bố trí mang lại – giống như một động cơ máy bay mạnh vậy.

Roark đã ở trạm xăng vào cái ngày nó được khai trương. Anh uống cà phê trong một cái cốc trắng sạch sẽ bên quầy của quán ăn, và anh quan sát những chiếc ô-tô dừng lại trước cửa. Anh rời trạm xăng khi trời đã khuya. Anh nhìn lại nó một lần trong lúc lái xe dọc con đường dài vắng vẻ. Ánh đèn của trạm xăng nhấp nháy, chạy xa dần anh. Trạm xăng đứng đó tại chỗ giao của hai con đường, và những chiếc xe hơi sẽ chảy qua nó ngày và đêm, những cái xe đến từ những thành phố nơi mà không có chỗ nào dành cho những kiến trúc như vậy, và sẽ đi tới những thành phố cũng không có những kiến trúc như thế này. Anh quay về phía con đường trước mặt, và giữ cho mắt mình không nhìn vào chiếc gương vẫn đang phản chiếu những đốm sáng lấp lánh nhẹ nhàng cứ lùi dần lại phía sau anh...

Anh lại quay trở về với những tháng dài nhàn rỗi. Anh ngồi ở văn phòng mình mỗi sáng, bởi vì anh biết rằng mình phải ngồi ở đó, để nhìn cánh cửa không bao giờ mở, để những ngón tay lãng quên trên chiếc điện thoại không bao giờ rung chuông. Cái gạt tàn thuốc lá mà anh đổ hàng ngày khi anh rời văn phòng, không có gì ngoài những mẩu thuốc lá của chính anh.

“Anh định thế nào về chuyện này, Howard?” Austen Heller hỏi anh trong một bữa ăn vào một buổi tối nọ.

“Không gì cả.”

“Nhưng anh phải làm gì chứ.”

“Tôi chẳng thể làm gì.”

“Anh phải học cách đối đãi mọi người.”

“Tôi không thể.”

“Tại sao chứ?”

“Tôi không biết. Tôi sinh ra đã thiếu một giác quan nào đó.”

“Cái đó người ta học dần dần.”

“Người tôi không có bộ phận nào để chứa nó. Tôi không biết liệu có phải do tôi thiếu thứ gì đó; hay là một cái gì đó thừa ra đã luôn ngăn tôi lại. Ngoài ra, tôi không ưa những người lại cần người khác đối đãi.”

“Nhưng bây giờ anh không thể cứ ngồi một chỗ và không làm gì cả. Anh phải theo đuổi các dự án thầu.”

“Tôi có thể nói với người ta cái gì để nhận được các công trình? Tôi chỉ

có thể chỉ cho họ thấy công trình của mình. Nếu như họ không nghe thấy cái đó, họ sẽ không nghe thấy bất kỳ cái gì tôi nói. Tôi chẳng là gì đối với họ, trừ công trình của tôi – công trình của tôi là tất cả những gì chúng tôi có chung. Và tôi không có mong muốn nói với họ về bất kỳ cái gì khác."

"Vậy anh định làm gì? Anh không lo lắng à?"

"Không. Tôi đã biết trước rồi. Tôi đang chờ đợi."

"Chờ cái gì nào?"

"Chờ kiểu người của tôi."

"Kiểu người nào đây?"

"Tôi không biết. Thực ra, tôi biết nhưng tôi không thể nào giải thích được. Tôi thường ước là mình có thể làm được. Phải có một nguyên lý cơ bản nào đó bao trùm kiểu người đó nhưng tôi không biết đó là cái gì."

"Sự trung thực?"

"Vâng... à không, chỉ một phần thôi. Guy Francon cũng là một người trung thực, nhưng kiểu người của tôi không phải như vậy. Can đảm ư? Ralston Holcombe có sự can đảm theo theo cách riêng của ông ấy... Tôi không biết. Tôi không mù mờ về những thứ khác như thế này. Nhưng tôi có thể nói được kiểu người của tôi thông qua vẻ mặt họ. Nhờ một cái gì đó trên mặt họ. Sẽ có hàng nghìn người đi qua nhà ông và đi qua cái trạm xăng đó. Nếu như trong hàng nghìn người này, một người dừng lại và nhìn thấy – đấy là tất cả điều tôi cần."

"Thế thì rốt cuộc anh có cần những người khác, đúng không hả Roark?"

"Tất nhiên rồi. Ông đang cười gì thế?"

"Tôi luôn nghĩ rằng anh là nhân vật bài trừ xã hội nhất mà tôi từng có hân hạnh được gặp."

"Tôi cần người ta giao cho tôi công việc. Tôi không xây lăng tẩm. Ông có cho là tôi nên cần họ theo một cách nào đó khác? Theo một cách gần gũi hơn, riêng tư hơn?"

"Anh chẳng cần bất kỳ ai theo cách riêng tư cả."

"Đúng vậy."

"Anh thậm chí không khoe khoang về điều này."

"Tôi nên ư?"

"Anh không thể. Anh quá kiêu ngạo để khoe khoang."

"Đó là con người tôi sao?"

“Anh không biết anh là người như thế nào sao?”

“Không. Không theo kiểu mà ông hay người nào khác nhìn nhận tôi.”

Heller ngồi lặng lẽ, cổ tay ông vẽ nên những vòng tròn với điếu thuốc lá. Sau đó Heller cười to, và nói:

“Thật đúng kiểu của anh.”

“Cái gì?”

“Việc anh đã không hỏi tôi xem tôi nhìn nhận anh thế nào. Bất kỳ ai khác có lẽ cũng đã làm điều này.”

“Tôi xin lỗi. Đó không phải là sự thờ ơ đâu. Ông là một trong số những người bạn ít ỏi mà tôi muốn giữ. Tôi chỉ không nghĩ đến việc hỏi.”

“Tôi biết anh đã không nghĩ đến. Đó chính là vấn đề. Anh là một con quái vật tự cho mình là trung tâm, Howard ạ. Mà càng quái đản hơn vì anh hoàn toàn ngây thơ về điều đó.”

“Điều đó đúng.”

“Anh nên tỏ ra quan tâm một chút khi anh thừa nhận điều đó.”

“Tại sao?”

“Anh biết không, có một điều tôi không hiểu. Anh là người lạnh lùng nhất mà tôi biết. Và tôi không hiểu lý do tại sao – mặc dù tôi biết anh thực sự là một người tai quái theo cái kiểu lặng lẽ của anh – tại sao tôi lại luôn có cảm giác, khi tôi nhìn thấy anh, rằng anh là người sống nhiệt tình nhất mà tôi từng gặp.”

“Ý của ông là gì?”

“Tôi không biết. Chỉ như thế thôi.”

Hàng tuần lễ trôi qua, Roark đi bộ tới văn phòng của anh mỗi ngày, ngồi tám tiếng ở cái bàn của mình và đọc rất nhiều. Vào lúc năm giờ anh đi bộ về nhà. Anh đã chuyển tới một căn phòng tốt hơn ở gần văn phòng; anh chi tiêu rất ít; anh có đủ tiền cho một quãng thời gian dài phía trước.

Một buổi sáng tháng Hai chuông điện thoại trong văn phòng của anh rung lên. Một giọng nói phụ nữ dứt khoát và linh lợi yêu cầu một cuộc hẹn với kiến trúc sư Roark. Buổi chiều hôm đó, một phụ nữ nhỏ bé, nhanh nhẹn, có nước da sẫm màu bước vào văn phòng; bà mặc một cái áo khoác lông chồn và đeo những đôi khuyên tai kỳ lạ cứ kêu leng keng mỗi khi bà lắc mái đầu. Bà hay lúc lắc cái đầu, bằng những cái giật ngắn rõ nét như của loài chim. Bà là Wayne Wilmot ở Long Island và bà muốn xây một trang viên. Bà giải thích bà chọn Roark để xây nó vì anh đã thiết kế căn nhà cho ông Austen

Heller. Bà ngưỡng mộ Austen Heller; bà nói ông là đấng tiên tri trong tất cả những người giả vờ – dù chỉ là một chút ít – sùng bái danh hiệu trí thức tiến bộ – "phải không anh?" – và bà làm theo Heller như một tín đồ, "đúng đấy, theo đúng nghĩa đen, giống như một tín đồ." Cậu Roark rất trẻ, phải không? – nhưng bà không bận tâm về điều này, bà là một người tân tiến và bà vui mừng được giúp đỡ những người trẻ tuổi. Bà muốn có một ngôi nhà rộng, bà có hai con, bà tin tưởng vào việc để những đứa trẻ bộc lộ cá tính – "anh có tin không?" – và mỗi đứa có một phòng trẻ riêng, bà muốn có một thư viện – "Tôi đọc sách đến phát điên." – một phòng nhạc, một nhà kính trồng cây – "chúng tôi trồng hoa lan chuông, bạn bè tôi bảo đó là loài hoa của tôi" – một phòng nhỏ làm việc riêng cho chồng bà, người tin tưởng bà hoàn toàn và để cho bà thiết kế căn nhà – "bởi vì tôi khá thành thạo việc này, nếu như tôi không phải là phụ nữ tôi cam đoan là tôi đã là một kiến trúc sư rồi" – các phòng cho những người giúp việc và những thứ tương tự, một garage cho ba xe ô-tô. Sau một tiếng rưỡi giải thích cặn kẽ, bà nói: "Và tất nhiên về mặt phong cách của ngôi nhà thì sẽ là phong cách Tudor[58] của Anh. Tôi mê kiến trúc Tudor của Anh."

Anh nhìn bà. Anh hỏi một cách chậm rãi: "Bà đã nhìn thấy ngôi nhà của ông Austen Heller chưa?"

"Chưa, mặc dầu là tôi rất muốn nhìn thấy ngôi nhà, nhưng làm sao tôi có thể? – Tôi chưa bao giờ gặp ông Heller, tôi chỉ là một người hâm mộ ông ấy, chỉ vậy thôi, một người hâm mộ bình thường và đơn giản, ông ta là một người như thế nào về mặt cá nhân? – anh phải nói cho tôi, tôi khao khát được nghe điều này – không, tôi vẫn chưa nhìn thấy ngôi nhà của ông ấy, nó nằm ở đâu đó phía trên Maine phải không?"

Roark lấy những tấm ảnh từ ngăn kéo bàn ra và đưa chúng cho bà.

"Đây," anh nói, "là ngôi nhà của Heller."

Bà nhìn những bức ảnh, cái nhìn lướt qua của bà giống như nước trượt qua bề mặt bóng loáng của những tấm ảnh vậy, và bà ném những bức ảnh xuống mặt bàn.

"Rất thú vị," bà nói. "Thật khác thường. Khá ngạc nhiên. Nhưng tất nhiên đó không phải là thứ tôi muốn. Một ngôi nhà như vậy sẽ không thể hiện được cá tính của tôi. Những người bạn của tôi nói với tôi rằng tôi có một cá tính kiểu Elizabeth."[59]

Lặng lẽ, kiên nhẫn, anh cố giải thích cho bà tại sao bà không nên xây một ngôi nhà theo kiến trúc Tudor. Bà ngắt lời anh ở giữa câu.

"Xem này, anh Roark, anh không cố dạy bảo tôi điều gì, đúng không? Tôi

khá chắc rằng mình có một thị hiếu tốt, và tôi biết rất nhiều về kiến trúc, tôi đã từng tham gia một khóa học đặc biệt ở câu lạc bộ. Những người bạn của tôi nói rằng tôi còn hiểu biết hơn nhiều kiến trúc sư khác. Tôi quyết định là tôi sẽ xây một ngôi nhà mang kiến trúc Tudor của Anh. Tôi không muốn tranh luận về vấn đề này."

"Bà sẽ phải đến chỗ một kiến trúc sư nào khác, bà Wilmot ạ."

Bà nhìn anh chằm chằm một cách hoài nghi.

"Ý của anh là, anh đang từ chối công trình này?"

"Vâng."

"Anh không muốn công trình của tôi?"

"Không."

"Nhưng tại sao?"

"Tôi không xây những thứ như thế."

"Nhưng tôi cứ nghĩ là những kiến trúc sư thì..."

"Vâng. Những kiến trúc sư sẽ xây bất cứ cái gì bà yêu cầu. Bất kỳ một kiến trúc sư nào khác trong thành phố sẽ làm thế."

"Nhưng tôi đã cho anh cơ hội đầu tiên."

"Bà làm ơn giúp tôi một việc! Bà có thể nói cho tôi biết vì sao bà gặp tôi nếu tất cả những gì bà muốn là một ngôi nhà kiểu Tudor?"

"À, tôi đã nghĩ một cách chắc chắn là anh sẽ đánh giá cao cơ hội này. Và sau đó, tôi nghĩ tôi có thể nói với các bạn tôi là tôi đã thuê kiến trúc sư của Austen Heller."

Anh cố gắng giải thích và thuyết phục bà. Anh biết, trong khi anh nói, rằng điều này vô ích bởi vì những lời nói của anh như thể đạp vào chân không vậy. Không hề có bà Wayne Wilmot; chỉ có một lớp vỏ bao gồm những quan điểm của những người bạn của bà, những tấm bưu thiếp ảnh mà bà đã từng nhìn thấy, những tiểu thuyết về các điền trang nông thôn mà bà từng đọc; đấy chính là những thứ mà anh đang tiếp chuyện, thứ phi vật chất không thể nghe thấy anh nói, hay trả lời anh, điếc đặc và vô cảm như một miếng bông gòn vậy.

"Tôi xin lỗi," bà Wayne Wilmot nói, "nhưng tôi không quen làm việc với một người hoàn toàn không biết điều. Tôi chắc chắn mình sẽ tìm được khối người tài giỏi hơn vui vẻ làm việc cho mình. Chồng tôi đã phản đối ý định chọn anh thiết kế căn nhà, ngay từ đầu, và tôi rất tiếc nhận thấy là chồng tôi đã đúng. Chúc anh một ngày tốt lành, anh Roark."

Bà bước ra với một vẻ cao thượng, nhưng bà lại đóng sầm cánh cửa. Anh vứt những bức ảnh trở lại ngăn kéo bàn của mình.

Ông Robert L.Mundy – người tới văn phòng của Roark vào tháng Ba – đã được Austin Heller gửi tới. Giọng nói và mái tóc của ông Mundy xám như thép, nhưng mắt ông lại màu xanh nước biển, dịu dàng và đăm chiêu. Ông muốn xây một căn nhà ở Connecticut, và ông nói về nó một cách rụt rè như một chú rể trẻ, như một người đàn ông đang sờ soạng tìm mục tiêu bí mật cuối cùng của mình.

"Nó không chỉ đơn thuần là một ngôi nhà," ông nói rụt rè, như thể ông đang nói chuyện với một người nhiều tuổi hơn và nổi tiếng hơn bản thân ông, "nó giống như... giống như là vật biểu tượng của tôi. Nó là một cái gì đó tôi đã chờ đợi và làm việc cho nó trong suốt những năm vừa qua. Đã quá nhiều năm trôi qua... Tôi phải kể với anh điều này để anh hiểu. Giờ đây, tôi có rất nhiều tiền, nhiều hơn mức tôi buồn nghĩ đến. Tôi không phải luôn có nhiều tiền như thế. Có thể điều này tới quá muộn. Tôi không biết. Những người trẻ tuổi nghĩ rằng anh sẽ quên những gì đã xảy ra trên con đường anh đi đến thành công. Nhưng không phải như vậy. Một số điều vẫn lưu lại. Tôi sẽ luôn nhớ mình đã là một cậu bé sống như thế nào – ở một vùng nhỏ thuộc Georgia, vậy đó – và tôi chạy việc lặt vặt cho một người làm yên ngựa như thế nào, và những đứa trẻ cười nhạo khi xe ngựa đi qua và làm bắn bùn lên cả cái quần của tôi. Chính từ lúc đó tôi quyết định rằng một ngày nào đó tôi sẽ có một ngôi nhà của chính mình, kiểu nhà mà các xe ngựa phải dừng trước nó. Sau đó, dù đôi khi có khó khăn đến thế nào đi chăng nữa, tôi luôn nghĩ về ngôi nhà đó và nó đã giúp tôi. Về sau, có nhiều năm tôi đã lo sợ về căn nhà – tôi lẽ ra đã có thể xây được nó nhưng tôi lo ngại. Và bây giờ thì thời khắc đó đã đến. Anh có hiểu không Roark? Austen nói rằng anh chính là người sẽ hiểu được."

"Vâng," Roark hào hứng nói, "Tôi hiểu."

"Có một ngôi nhà lớn," ông Mundy nói, "dưới đó, gần thị trấn quê tôi. Biệt thự lớn nhất toàn hạt này. Ngôi nhà Randolph. Một cái nhà đồn điền cũ, vì họ không còn xây chúng nữa. Trước đây thỉnh thoảng tôi mang đồ đến đó, theo lối cửa sau. Đó chính là ngôi nhà tôi muốn, anh Roark ạ. Giống như thế. Nhưng không phải ở Georgia. Tôi không muốn trở lại. Ngay đây, gần thành phố này. Tôi đã mua đất. Ông phải giúp tôi bài trí nó giống hệt như nhà Randolph. Chúng ta sẽ trồng cây và cả những khóm cỏ bụi, giống như loại ở Georgia, rồi cả hoa nữa, mọi thứ. Chúng ta sẽ tìm cách giúp chúng sinh trưởng được tại đây. Tôi không quan tâm việc sẽ mất bao nhiêu chi phí. Tất nhiên giờ chúng ta sẽ phải có đèn điện và gara ô-tô chứ không phải xe ngựa. Nhưng tôi muốn đèn điện phải được làm giống như nến và gara phải trông y

như những chuồng ngựa. Mọi thứ đều phải giống như trước đây. Tôi có những tấm ảnh chụp ngôi nhà Randolph đây. Và tôi cũng đã mua một ít đồ đạc cũ của họ."

Khi Roark bắt đầu nói, Mundy lắng nghe với vẻ ngạc nhiên lịch sự. Nhưng ông không có vẻ gì tức giận trước những lời này. Những lời này chẳng lọt vào đầu ông.

"Ông không thấy sao?" Roark nói. "Đó là một tượng đài ông muốn xây dựng nhưng không phải cho bản thân ông. Không phải cho cuộc sống của chính ông hay cho những thành tựu của riêng ông. Mà là cho những người khác. Cho ưu thế áp đảo của họ đối với ông. Ông không hề thách thức cái uy quyền này. Ông đang làm cho nó trở nên bất tử. Ông không vất bỏ nó mà ngược lại vẫn cõng nó theo mãi mãi. Chả lẽ ông sẽ hạnh phúc khi ông niêm phong mình, trong suốt quãng đời còn lại, vào trong một hình dáng vay mượn? Hay là ông sẽ vùng thoát ra, dù chỉ một lần thôi, và xây cho mình một ngôi nhà mới, của chính ông? Ông không hề muốn ngôi nhà Randolph. Ông muốn cái mà nó đại diện. Nhưng thứ mà nó đại diện cho lại chính chính là cái mà ông đã chống lại suốt cuộc đời."

Mundy lắng nghe một cách trống rỗng. Và Roark lại cảm thấy một sự bất lực trước cái-không-có-thực: không hề có cái người gọi là Mundy; chỉ có tàn tích của những người đã từng cư ngụ tại khu Randolph; và người ta không thể van nài hoặc thuyết phục những tàn tích được.

Cuối cùng Mundy lên tiếng: "Không. Có thể anh nói đúng nhưng đó không phải điều tôi muốn. Tôi không nói là anh không có những lý do của anh, và những lý do này nghe có vẻ hợp lý, nhưng tôi thích nhà Randolph."

"Tại sao?"

"Chỉ vì tôi thích nó. Chỉ vì đấy là cái tôi muốn."

Khi Roark nói rằng Mundy sẽ phải tìm một kiến trúc sư khác, Mundy bất ngờ nói: "Nhưng tôi thích anh. Tại sao anh không thể xây nó cho tôi? Làm như thế cũng có khác gì cho anh đâu?"

Roark không giải thích.

Sau đó, Austen Heller đã nói với anh ta: "Tôi cũng đã thấy trước điều này. Tôi đã e rằng anh sẽ từ chối ông ta. Không phải tôi đang trách anh đâu, Howard. Chỉ là ông ta quá giàu. Công việc này đáng lẽ đã có thể giúp anh nhiều lắm đấy. Suy cho cùng thì anh cũng cần phải sống chứ."

"Không phải bằng cách đó" Roark nói.

*

* *

Tháng Tư, ngài Nathaniel Janss thuộc công ty bất động sản Janss-Stuart gọi Roark tới văn phòng của ông ta. Janss là một người thẳng thừng. Ông ta nói rằng công ty của ông đang lên kế hoạch xây dựng một tòa nhà văn phòng 30 tầng ở phía cuối đường Broadway, rằng ông cũng không thích chọn Roark làm kiến trúc sư cho công trình này, thực tế, ông còn ít nhiều phản đối anh. Tuy nhiên, bạn của ông, Austen Heller đã khăng khăng là ông nên gặp Roark và nói chuyện với anh về vấn đề này. Janss không nghĩ về công việc của Roark nhiều lắm, nhưng Heller đơn giản là ép buộc ông và ông sẽ lắng nghe ý kiến của Roark trước khi đưa ra quyết định, còn Roark sẽ nói gì về chủ đề này đây?

Roark có rất nhiều điều để nói. Anh nói một cách điềm tĩnh, và ban đầu điều này thật khó khăn bởi vì anh thật sự muốn tòa nhà đó, bởi điều anh cảm nhận thấy là sự khao khát giành lấy công trình này từ tay Janss bằng cách dí súng vào ông ta, nếu như anh có một khẩu súng thật. Tuy nhiên, sau vài phút, mọi việc trở nên dễ dàng và đơn giản hơn nhiều, ý nghĩ về khẩu súng đã biến mất, thậm chí ngay cả niềm mong ước về ngôi nhà cũng không còn. Đó không còn là một công trình phải giành được và anh không ở đó để tìm cách chiếm đoạt nó; anh chỉ đang nói về những tòa nhà thôi.

"Ông Janss, khi mua một chiếc ô-tô, ông không muốn có những vòng hoa hồng trên cửa sổ, một con sư tử ở mỗi bên thân xe và một thiên thần ngồi trên nóc. Tại sao lại không nào?"

"Như thế thật ngớ ngẩn," ông Janss nói.

"Tại sao lại là ngớ ngẩn? Tôi thì lại cho rằng như thế sẽ rất đẹp. Ngoài ra, vua Louis Mười bốn có một cỗ xe ngựa giống như vậy. Theo tôi thì những gì vua Louis thấy là hay thì đối với chúng ta cũng tốt. Chúng ta không nên chạy theo sự cách tân bừa bãi và cũng không nên phá bỏ đi những truyền thống."

"Nào, anh biết quá rõ là anh không tin vào bất cứ cái quái gì anh vừa nói!"

"Tôi biết là tôi không tin. Nhưng đó là điều ông tin, đúng không? Nào, hãy xét một cơ thể con người. Tại sao ông không thích nhìn một cơ thể người có một cái đuôi cong và một túm lông đà điểu? Và một đôi tai có hình lá cây ô-rô? Ông biết đấy, như thế sẽ có tính trang trí, thay vì vẻ xấu xí trần trụi u ám mà chúng ta đang có. Tại sao ông lại không thích ý tưởng này? Bởi vì nó vô dụng và vớ vẩn. Bởi vì vẻ đẹp cơ thể con người là ở chỗ nó không có một cơ bắp nào không phục vụ cho mục đích của nó cả, ở chỗ không có một đường nét nào thừa thãi, ở chỗ mọi chi tiết đều phù hợp với một ý niệm, đó chính là ý niệm của một con người và sự sống của anh ta. Vậy tại sao khi

chuyển sang một ngôi nhà, xin ông hãy cho tôi biết, ông lại không muốn nó trông như thể nó có ý niệm về mục đích của nó, tại sao ông muốn khiến nó trở nên ngột ngạt với đủ thứ đồ trang trí, tại sao ông lại muốn hy sinh mục đích của tòa nhà cho vẻ ngoài của nó mặc dù ông thậm chí còn không biết tại sao ông lại muốn có cái vẻ ngoài ấy? Ông muốn nó trông giống như một con thú được lai tạo từ con hoang của mười loài khác nhau cho đến khi ông cho ra sản phẩm là một sinh vật không có ruột, không có trái tim cũng như khối óc, một sinh vật chỉ toàn da, đuôi, móng vuốt và lông vũ? Tại sao lại như vậy? Ông phải nói cho tôi biết, bởi tôi chưa bao giờ hiểu được điều này."

Janss nói: "Ồ, tôi chưa từng nghĩ theo cách này." Ông nói tiếp, giọng không được tin tưởng lắm: "Nhưng chúng tôi muốn công trình của mình phải có được sự đàng hoàng, anh biết đấy, và vẻ đẹp, cái mà người ta gọi là vẻ đẹp thật sự."

"Cái gì mà ai gọi là vẻ đẹp?"

"Hừm"

"Hãy nói cho tôi biết, ông Janss, ông có thực sự nghĩ rằng những cột trụ theo kiểu Hy Lạp và những giỏ trái cây đặt vào một tòa nhà văn phòng làm bằng thép kiểu hiện đại là đẹp không?"

"Tôi không biết là tôi đã bao giờ nghĩ đến chuyện tại sao một công trình lại được cho là đẹp, dù là theo kiểu này hay kiểu khác hay chưa," Janss thú nhận, "nhưng tôi đoán đó là những gì mọi người muốn."

"Tại sao ông cho rằng người ta muốn thế?"

"Tôi không biết."

"Vậy tại sao ông phải quan tâm đến việc họ muốn gì?"

"Anh phải quan tâm tới công chúng chứ."

"Chẳng lẽ ông không biết rằng hầu hết mọi người có được nhiều thứ chỉ vì chúng được đưa đến cho họ và họ chẳng có bất cứ một ý kiến nào hay sao? Ông muốn làm theo điều mà họ mong rằng ông nghĩ là họ nghĩ thế, hay ông muốn làm theo sự đánh giá của chính bản thân ông?"

"Anh không thể tọng cái đánh giá đó vào họng họ được."

"Ông không phải làm như vậy. Ông chỉ phải kiên nhẫn mà thôi. Bởi vì ông có lẽ phải đứng về phía ông – phải, tôi biết, không ai thực sự muốn có lẽ phải đứng về phía mình – trong khi chống lại ông chỉ có sự trì trệ, mơ hồ, nặng nề và mù quáng."

"Tại sao anh lại cho rằng tôi không muốn có lẽ phải đứng về phía tôi?"

“Không phải ông, ông, Janss. Đó chỉ là cách mà hầu hết mọi người đều cảm thấy. Họ phải mạo hiểm, tất cả những gì họ làm luôn có tính mạo hiểm, nhưng họ sẽ cảm thấy an toàn hơn nhiều nếu như họ mạo hiểm với một cái gì đó mà họ biết là xấu xí, phù phiếm hay ngu xuẩn.”

“Đúng thế thật, anh biết đấy,” ông Janss nói.

Cuối buổi trò chuyện, ông Janss trầm ngâm: “Anh Roark, tôi không thể nói rằng những điều anh nói là không có ý nghĩa. Hãy để tôi suy nghĩ kỹ về nó. Anh sẽ sớm nhận được tin của tôi.”

Một tuần sau, Janss gọi lại cho Roark. “Chính ban giám đốc sẽ đưa ra quyết định. Anh có sẵn sàng thử không Roark? Hãy vẽ mặt bằng và một số bản vẽ phối cảnh sơ bộ. Tôi sẽ đệ trình lên ban giám đốc. Tôi không thể hứa trước điều gì. Nhưng tôi ủng hộ anh và tôi sẽ đấu tranh với họ.”

Trong vòng hai tuần Roark đã làm việc ngày đêm cho các bản vẽ mặt bằng. Rồi chúng được đệ trình. Sau đó anh đã được gọi lên trước ban giám đốc của công ty bất động sản Janss Stuart. Anh đứng ở cạnh một chiếc bàn dài và thuyết trình, đôi mắt anh lướt chậm rãi qua từng gương mặt. Anh cố gắng không nhìn xuống bàn, nhưng ở dưới tầm mắt mình anh vẫn có thể thấy được đốm trắng của những bản vẽ trải ra trước mắt mười hai người đàn ông Người ta đặt ra cho anh rất nhiều câu hỏi. Janss thỉnh thoảng xen vào để trả lời thay anh, để đấm vào bàn, để hằm hè với những người xung quanh: “Các ông không thấy sao? Điều này chưa rõ ràng hay sao?... Thì đã sao nào, ông Grant? Nếu chưa ai từng xây dựng một công trình như thế này thì đã sao nào?... Kiến trúc Gothic ư, ông Hubbard? Tại sao chúng ta phải xây theo kiểu Gothic?... Tôi sẽ rất muốn từ chức nếu như các ông từ chối cái này!”

Roark nói một cách bình thản. Anh là người duy nhất trong căn phòng cảm thấy chắc chắn về những gì mình nói. Anh cũng cảm thấy mình chẳng có chút hy vọng nào. Mười hai gương mặt trước anh có sắc thái khác nhau; nhưng có cái gì đó chung, không phải màu sắc cũng chẳng phải hình dáng, trên tất những khuôn mặt đó, giống như một mẫu số chung vậy, một thứ gì đó hòa tan sự biểu cảm của chúng, khiến chúng không còn là những gương mặt nữa mà chỉ còn là những hình bầu dục trống rỗng của xác thịt. Anh đang nói với tất cả. Mà lại chẳng nói với một ai. Anh không cảm nhận được lời đáp nào, thậm chí không có cả tiếng vọng của chính những lời anh nói, dội lại từ một cái màng nhĩ nào đó. Những lời nói của anh đang rơi xuống giếng, đập vào những mỏm đá, và mỗi mỏm đá không chịu chặn chúng lại mà lại ném chúng ra xa hơn, hất chúng từ mỏm này đến mỏm nọ, làm cho chúng rơi xuống một cái đáy không hề tồn tại.

Người ta nói với anh rằng anh sẽ nhận được thông báo về quyết định của

ban giám đốc. Anh đã biết trước quyết định này. Khi nhận được bức thư, anh đọc mà chẳng có cảm giác gì. Bức thư là của Janss và nó mở đầu như sau: "Anh Roark thân mến, tôi rất lấy làm tiếc phải thông báo với anh rằng ban giám đốc của chúng tôi thấy rằng họ không thể giao cho anh công trình..." Có một lời cầu xin ẩn trong sự trang trọng nghiệt ngã và khó chịu của bức thư: đấy là lời cầu xin của một người đã không thể đối mặt với anh.

*

* *

John Fargo bắt đầu lập nghiệp với nghề bán hàng rong bằng xe kéo. Ở tuổi 50 ông đã sở hữu một tài sản khiêm tốn và một cửa hàng bách hóa làm ăn phát đạt nằm cuối Đại lộ thứ Sáu. Trong nhiều năm qua, ông đã cạnh tranh thành công với cửa hàng lớn bên kia đường, một trong những cửa hàng do một gia đình lớn để lại. Mùa thu năm ngoái, cả gia đình này đã chuyển cửa hàng đó tới một khu phố mới, xa hơn về phía bắc thành phố[60]. Họ tin rằng trung tâm của việc buôn bán lẻ của thành phố đang dịch chuyển lên phía bắc, và họ đã quyết định sẽ đẩy nhanh sự sup sụp của khu phố cũ bằng việc để trống cửa hàng cũ của họ – một sự nhắc nhở nghiêm khắc và gây xấu hổ cho đối thủ của họ ở bên kia đường. John Fargo đã trả lời bằng việc thông báo rằng ông sẽ xây dựng một cửa hàng mới của riêng mình, ở đúng chỗ đối diện, ngay cạnh cửa hàng cũ của ông – một cửa hàng mới hơn và đẹp hơn bất cứ cửa hàng nào thành phố này đã từng nhìn thấy. Ông tuyên bố ông sẽ bảo tồn vị thế cho cả khu phố cũ này.

Khi cho gọi Roark đến văn phòng, ông không nói rằng ông sẽ phải đưa ra quyết định sau hay suy nghĩ lại mọi việc. Ông chỉ nói: "Anh sẽ là kiến trúc sư cho tôi." Ông ngồi, chân gác lên bàn, miệng ngậm tẩu, vừa nói rít lên vừa phả khói thuốc. "Tôi sẽ cho anh biết tôi cần bao nhiêu không gian và tôi muốn chi bao nhiêu tiền cho việc này. Nếu anh cần nhiều hơn – thì cứ bảo với tôi. Phần còn lại tùy anh. Tôi không biết nhiều về các tòa nhà. Nhưng tôi có thể nhận biết một người biết về chúng khi tôi nhìn thấy anh ta. Hãy làm đi."

Fargo đã chọn Roark vì, một ngày nọ, ông đã lái xe qua Trạm xăng Gowan, đã dừng lại, bước vào trong và hỏi vài câu. Sau đó, ông đã hối lộ người đầu bếp nhà Heller để cho ông xem qua căn nhà khi Heller vắng mặt. Fargo không cần thêm một lý lẽ nào nữa.

*

* *

Cuối tháng Năm, khi mà bàn vẽ của Roark đang ngập trong những bản vẽ

phác thảo cho cửa hàng của Fargo, anh lại nhận được một công trình mới.

Người khách – ông Whitford Sanborn – sở hữu một tòa nhà do Henry Cameron xây dựng cho ông cách đây nhiều năm. Khi Sanborn quyết định xây một dinh thự mới ở nông thôn, ông đã bỏ qua mọi tiến cử của vợ mình về những kiến trúc sư khác; ông viết thư cho Henry Cameron. Cameron đã viết một bức thư trả lời dài đến mười trang giấy. Ba dòng đầu của bức thư nêu rằng ông đã không còn tiếp tục công việc của mình nữa. Phần còn lại của bức thư là về Howard Roark. Roark không bao giờ biết được Cameron đã viết gì trong thư; Sanborn sẽ không cho anh xem thư, còn Cameron sẽ không nói cho anh biết. Nhưng Sanborn đã chọn Roark để xây cái dinh thự ở nông thôn đó, bất chấp sự phản đối kịch liệt từ phía bà Sanborn.

Bà Sanborn là chủ tịch của rất nhiều tổ chức từ thiện, điều này làm bà đâm ra nghiện việc chuyên quyền mà không một thú vui nào khác có thể sánh được. Bà ao ước sẽ có một dinh thự kiểu Pháp được xây dựng trên mảnh đất mới bên sông Hudson. Bà mong nó sẽ có vẻ trang nghiêm và cổ kính như thể nó đã luôn thuộc về gia đình bà; tất nhiên, bà thừa nhận, rằng mọi người đều biết là không phải thế, nhưng nó sẽ có vẻ như vậy.

Ông Sanborn ký hợp đồng sau khi nghe Roark trình bày chi tiết về kiểu nhà mà ông sẽ có. Ông Sanborn đồng ý với nó một cách sẵn sàng, thậm chí không chờ đến lúc được xem bản vẽ thiết kế. "Nhưng, Fanny" ông Saborn nói một cách mệt mỏi, "tất nhiên là anh muốn một ngôi nhà hiện đại. Anh đã nói điều này với em từ rất lâu rồi. Đó là thứ mà Cameron hẳn sẽ thiết kế."

"Cameron thì có ý nghĩa quái gì ở đây chứ?" bà hỏi.

"Anh không biết, Fanny. Anh chỉ biết rằng không có tòa nhà nào ở New York giống với tòa nhà mà ông ấy đã thiết kế cho anh."

Cuộc tranh cãi kéo dài nhiều buổi tối trong căn phòng khách kiểu Victoria lộng lẫy, u tối, đầy đồ gỗ gụ bóng loáng của gia đình Sanborn. Ông Sanborn dao động. Roark hỏi, cánh tay anh khoát qua căn phòng xung quanh họ: "*Cái này* là cái ông muốn sao?" "Hừ, nếu anh định chõ vào..." bà Sanborn hất đầu, nhưng ông Sanborn nổi nóng: "Lạy Chúa, Fanny! Anh ấy đúng! Cái này chính là cái tôi *không* muốn. Cái này là cái mà tôi phát ốm lên."

Cho đến khi hoàn thành bản vẽ Roark không gặp ai cả. Căn nhà – làm bằng đá trơn với những khung cửa sổ lớn và rất nhiều mái hiên – đứng trong những khu vườn bên bờ sông, rộng lớn như dòng nước trải dài, thoáng đãng như những khu vườn, và người ta phải lần theo những cái gờ của nó một cách chăm chú mới có thể tìm thấy những bậc thang mà từ đó ngôi nhà được gắn với khúc quanh của những khu vườn. Những mái hiên được dâng dần lên từ từ, những bức tường cũng hiện hữu một cách từ từ; những cái cây

dường như rủ xuống và xuyên qua ngôi nhà; như thể ngôi nhà không phải là một vật chắn ánh sáng mà là một cái bát để tụ ánh sáng, để ngưng nó thành một khối rực rỡ hơn cả không khí bên ngoài.

Ông Sanborn là người đầu tiên được thấy bản vẽ thiết kế ngôi nhà. Ông xem xét chúng, rồi nói: "Tôi... tôi không biết phải nói gì, anh Roark ạ. Nó thật tuyệt. Cameron đã đúng về anh."

Sau khi những người khác đã xem bản vẽ, ông Sanborn không còn chắc chắn về điều này nữa. Bà Sanborn thì nói rằng căn nhà thật kinh khủng. Và những cuộc tranh cãi dài buổi tối lại quay trở lại. Bà Sanborn hỏi: "Nào, tại sao, tại sao chúng ta không thể thêm những tháp nhỏ ở đây, ở những góc này? Có rất nhiều chỗ trống trên những mái nhà bằng phẳng đó." Khi đã bị can ngăn về những cái tháp canh, bà lại đòi hỏi: "Tại sao chúng ta không thể làm những cửa sổ có chấn song? Như thế thì có khác gì cơ chứ? Chúa chứng giám, những khung cửa sổ đủ rộng – mặc dù tôi không hiểu tại sao chúng phải rộng như thế, chẳng còn cho ai chút riêng tư nào – nhưng tôi cũng vui lòng chấp nhận những cửa sổ của anh, anh Roark, nếu anh cứ nhất định phải như thế, nhưng tại sao anh lại không thể đặt chấn song cửa? Như thế sẽ làm mọi thứ mềm mại hơn, và mang lại một vẻ vương giả, anh biết đấy, một không khí của thời vua chúa."

Những người bạn và họ hàng mà bà Sanborn vội cho xem những bản vẽ không thích ngôi nhà chút nào cả. Bà Walling gọi nó là vô lý, và bà Hooper thì gọi là thô thiển. Ông Melander nói là ông sẽ không muốn nó như một món quà. Bà Applebee nói là nó nom như một xưởng giày vậy. Cô Davitt liếc nhìn những bản vẽ và nói với vẻ đồng tình: "Ôi trời ơi, nó mới nghệ thuật làm sao! Ai đã thiết kế vậy?... Roark à?... Roark?... Chưa bao giờ nghe về anh ta cả... Ồ, thẳng thắn mà nói, Fanny, nó trông giống như đồ dỏm ấy."

Hai người con trong gia đình bị chia rẽ trong vấn đề này. June Sanborn, mười chín tuổi, luôn có ý nghĩ rằng tất cả kiến trúc sư đều lãng mạn, và cô rất vui mừng khi biết họ sẽ thuê một kiến trúc sư trẻ; nhưng cô lại không thích vẻ bên ngoài của Roark cũng như sự thờ ơ của anh trước những gợi ý của cô, vì vậy cô tuyên bố ngôi nhà trông thật kinh khủng và cô, ít nhất là cô, sẽ từ chối sống trong đó. Richard Sanborn, 24 tuổi, người đã từng là một sinh viên ưu tú ở trường đại học và đang từ từ chết chìm trong men rượu, đã làm cả nhà giật mình khi thoát ra khỏi trạng thái thờ ơ thông thường và tuyên bố rằng ngôi nhà thật tuyệt vời. Không ai có thể nói đấy liệu là biểu hiện sự đánh giá cao về mặt thẩm mỹ hay là biểu hiện sự căm ghét với bà Sanborn hay cả hai.

Whitford Sanborn cứ nghiêng ngả với mỗi đợt sóng mới. Ông càu nhàu: "À, bây giờ không phải là các chấn song nữa, tất nhiên là cái đó vớ vẩn,

nhưng anh không thể cho bà ấy một cái mái đua được à, anh Roark, để giữ hòa khí trong nhà? Chỉ là một cái mái đua có lỗ châu mai thôi, sẽ chẳng làm hỏng bất kỳ cái gì đúng không? Hay là có?"

Cuộc tranh cãi kết thúc khi Roark tuyên bố anh sẽ không xây dựng công trình này trừ phi ông Sanborn chấp nhận bản thiết kế như nó vốn có và ký xác nhận sự đồng tình này trên tất cả các trang của bản vẽ. Ông Sanborn đã ký.

Không lâu sau đó, bà Sanborn hài lòng khi biết rằng không nhà thầu có uy tín nào sẽ tiến hành xây dựng ngôi nhà. Bà nói đầy vẻ đắc thắng: "Ông thấy chưa?" Ông Sanborn không muốn chấp nhận điều này. Ông đã tìm được một nhà thầu không mấy tiếng tăm để đảm nhận công việc, một cách bất đắc dĩ và như thể đang làm ơn cho ông. Bà Sanborn biết rằng mình có nhà thầu này làm đồng minh của mình, và bà đã bỏ qua tiền lệ xã hội đến mức mời ông ta uống trà. Kể từ lâu bà đã mất đi ý niệm rõ ràng về ngôi nhà, bà chỉ đơn thuần căm ghét Roark. Nhà thầu của bà thì, về nguyên tắc, ghét tất cả các kiến trúc sư.

Việc thi công ngôi nhà Sanborn diễn ra trong suốt những mùa hè và mùa thu, mỗi ngày nó lại mang lại những cuộc chiến mới. "Nhưng, tất nhiên, anh Roark, tôi đã nói với anh là tôi muốn có ba cái tủ tường trong phòng ngủ của tôi. Tôi nhớ rõ ràng, hôm đó là ngày thứ Sáu và chúng ta ngồi trong phòng khách, ông Sanborn thì ngồi trên chiếc ghế to cạnh cửa sổ và còn tôi thì... Thế còn đồ án thì sao á? Đồ án nào? Làm sao mà anh lại hy vọng là tôi hiểu những đồ án của anh chứ?" "Cô Rosalie nói rằng cô ấy không thể leo được cầu thang xoắn, anh Roark. Chúng tôi sẽ làm gì nào? Chọn khách cho phù hợp với căn nhà của anh ấy à?" "Ông Hulburt nói rằng kiểu trần nhà đó sẽ không đỡ được... À, phải đấy, ông Hulburt rất am hiểu về kiến trúc. Ông ấy đã ở Venice hai mùa hè." "June, ôi tội nghiệp con tôi, nói rằng căn phòng của nó sẽ tối om như một cái hầm rượu. Phải, nó cảm thấy thế đấy anh Roark ạ. Thậm chí nếu như phòng không tối nhưng nếu nó làm con bé cảm thấy tối, thì cũng thế cả thôi." Roark thức suốt nhiều đêm để vẽ lại những sơ đồ sửa đổi mà anh không thể tránh được. Điều đó có nghĩa là nhiều ngày phá bỏ các sàn nhà, cầu thang, vách ngăn đã được xây dựng; điều đó có nghĩa là những khoản phí thêm chồng chất lên ngân sách của nhà thầu. Nhà thầu nhún vai và nói: "Tôi đã bảo bà rồi. Đó là điều luôn xảy ra khi bà thuê một tay kiến trúc sư ngông cuồng. Bà hãy đợi và xem thứ này sẽ tốn của bà bao nhiêu tiền trước khi anh ta hoàn thành."

Thế rồi, khi ngôi nhà thành hình, chính Roark lại là người thấy rằng anh muốn có một thay đổi. Cánh phía đông của ngôi nhà chưa lúc nào khiến anh hài lòng. Nhìn nó mọc lên, anh nhận rõ lỗi trong thiết kế của anh và cũng

nhận rõ cách sửa nó; anh biết như thế sẽ khiến cho ngôi nhà trở thành một tổng thể hợp lý hơn. Anh đang bắt đầu những bước đầu tiên trong xây dựng và đây là những thử nghiệm đầu tiên của anh. Anh có thể công khai thừa nhận. Nhưng ông Sanborn từ chối cho phép có những thay đổi; giờ thì đến lượt ông. Roark nài nỉ ông; một khi hình ảnh về cái cánh nhà mới đã trở nên rõ ràng trong tâm trí của Roark thì anh không thể chịu được khi ngắm nhìn ngôi nhà như trong tình trạng hiện tại: "Không phải là tôi không đồng ý với anh," ông Sanborn lạnh lùng nói, "Thực ra, tôi biết anh đúng nhưng chúng tôi không thể đủ tiền cho việc đó. Xin lỗi."

"Việc đó sẽ tốn của ông ít hơn là những thay đổi vô lý mà bà Sanborn bắt tôi phải làm."

"Đừng nói lại vấn đề này nữa."

Roark hỏi chậm rãi: "Ông Sanborn, ông sẽ ký tờ giấy cho phép thay đổi, miễn là nó không làm ông tốn tiền chứ?"

"Tất nhiên rồi. Nếu anh tạo ra được phép lạ để làm như thế."

Ông đã ký. Cánh phía đông đã được xây lại. Roark đã tự bỏ tiền ra. Khoản tiền anh phải bỏ ra lớn hơn tiền công anh nhận được. Ông Sanborn hơi lưỡng lự: ông muốn hoàn trả lại cho Roark khoản tiền này. Nhưng bà Sanborn đã ngăn ông. Bà nói: "Đó chỉ là một trò bịp thấp hèn của Roark thôi, chỉ là một dạng áp lực mạnh. Hắn đang tống tiền dựa vào thiện cảm của ông đấy. Hắn hy vọng ông sẽ trả tiền. Cứ chờ xem. Rồi hắn sẽ đòi tiền cho mà xem. Đừng để hắn bỏ trốn với cái đó." Roark không đòi tiền. Ông Sanborn cũng không bao giờ trả cho anh.

Khi ngôi nhà được xây xong, bà Sanborn từ chối đến đó ở. Ông Sanborn nhìn ngôi nhà với vẻ đăm chiêu, quá mệt mỏi để thừa nhận rằng ông thật sự thích nó, rằng ông luôn mong muốn có một ngôi nhà như thế. Ông đầu hàng. Căn nhà không được trang bị đồ đạc. Bà Sanborn đưa bản thân bà, chồng và con gái bà rời đến Florida trong mùa đông, "nơi," bà nói, "chúng tôi có một ngôi nhà kiểu Tây Ban Nha tử tế, ơn Chúa! – vì chúng tôi đã mua nó được xây sẵn. Đây là điều xảy ra khi anh liều tự xây dựng lấy, với một tay kiến trúc sư ngu xuẩn!" Con trai bà, trước sự ngạc nhiên của mọi người, lại bùng nổ một ý chí mạnh mẽ đột ngột: cậu ta từ chối đến Florida; cậu ta thích ngôi nhà mới, cậu ta sẽ không sống ở đâu khác cả. Vì thế ba trong số các căn phòng được sắm sửa đồ đạc cho cậu ta. Gia đình rời đi còn cậu ta chuyển vào sống một mình trong căn nhà bên sông Hudson. Vào ban đêm, người ta có thể thấy từ phía dòng sông một ô chữ nhật màu vàng, nhỏ bé và lạc lõng, giữa những cửa sổ của ngôi nhà chết rộng lớn.

Bản tin của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ đưa một mẩu tin nhỏ:

“Một sự kiện đáng tò mò, và lẽ ra đã có thể làm người ta thích thú nếu như nó không tồi tệ, đã được thông báo với chúng tôi về ngôi nhà mới xây của ông Whitford Sanborn, một nhà công nghiệp đáng kính. Thiết kế bởi Howard Roark và xây dựng với chi phí vượt quá 100 ngàn đô la, ngôi nhà này bị gia đình chủ coi là không thể ở được. Nó đứng đó, bỏ không, như một nhân chứng hùng hồn cho sự thiếu khả năng chuyên môn.”

XIV.

Lucius N. Heyer bướng bỉnh không chịu chết. Ông đã hồi phục lại sau cơn đột quỵ và trở lại văn phòng, phớt lờ sự phản đối của bác sĩ cũng như sự lo lắng của Guy Francon. Francon đề nghị mua lại cổ phần của ông ở hãng. Heyer đã từ chối. Đôi mắt xanh xao đầy nước của ông nhìn chằm chằm vào khoảng không vô định. Cứ hai hay ba ngày ông lại đến văn phòng một lần. Ông đọc những thư từ để lại trong rổ thư của ông theo thói quen. Ông ngồi ở bàn làm việc và vẽ những bông hoa lên một một tập giấy trắng, sau đó ông trở về nhà. Ông đi, chậm chạp lê đôi bàn chân; ông giữ hai khuỷu tay ép chặt vào hai bên sườn và những cẳng tay vung về phía trước, những ngón tay quặp lại nửa chừng, giống như những móng vuốt; những ngón tay run run; ông không thể sử dụng bàn tay trái của mình nữa. Ông sẽ không nghỉ hưu. Ông thích được nhìn thấy tên mình trên những đồ văn phòng phẩm của hãng.

Ông lờ mờ tự hỏi tại sao ông không còn được giới thiệu cho những khách hàng lớn, tại sao ông không được thấy phác thảo những công trình mới, cho đến khi chúng đã được xây đến một nửa. Nếu như ông nói ra những điều này, Francon lại phản đối: "Nhưng mà Lucius, tôi không thể nghĩ đến việc làm phiền ông trong tình trạng như thế này. Nếu là người khác thì hẳn đã nghỉ hưu, nghỉ lâu rồi."

Francon làm ông hơi hoang mang. Peter Keating thì đổi thái độ với ông. Keating hầu như không thèm chào ông khi họ gặp nhau, và rồi như là nghĩ lại, Keating lại bỏ đi giữa lúc đang nói dở câu chào. Khi Heyer đưa yêu cầu cho một trong những kiến trúc sư, nó không được tiến hành ngay và người kiến trúc thông báo với ông là lệnh đó đã bị Keating hủy bỏ. Heyer không thể hiểu điều đó; ông luôn nhớ Keating là một chàng trai rụt rè, người đã nói chuyện với ông thật vui vẻ về gốm cổ. Đầu tiên ông bỏ qua cho Keating; sau đó ông cố gắng xoa dịu anh, một cách khúm núm và vụng về; rồi ông bắt đầu hình thành một nỗi sợ vô cớ với Keating. Ông than phiền với Francon. Ông nói một cách nóng nảy, cố giữ một giọng uy quyền mà ông chưa bao giờ thực sự được thực hành: "Anh chàng đó của ông, Guy ạ, tay Keating ấy, anh ta đang trở nên quá đáng rồi đấy. Anh ta láo với tôi. Ông nên đuổi anh ta đi."

"Giờ thì ông thấy đấy, Lucius," Francon trả lời khô khan, "vì sao tôi nói là ông nên nghỉ hưu. Ông đang làm thần kinh mình căng thẳng quá mức và ông đang bắt đầu tưởng tượng ra mọi thứ rồi."

Vào lúc đó, cuộc thi thầu cho tòa nhà Cosmo-Slotnick xảy ra.

Hãng phim Cosmo-Slotnick ở Hollywood, California, đã quyết định xây dựng một trụ sở tráng lệ ở New York, một tòa nhà trọc trời sẽ chứa một rạp

chiếu phim và 40 tầng làm văn phòng. Một cuộc thi toàn thế giới để chọn ra kiến trúc sư cho tòa nhà đã được thông báo trước một năm. Người ta nói rằng Cosmo-Slotnick không chỉ là những người đi đầu trong nghệ thuật phim ảnh, mà còn ôm trọn tất cả các nghệ thuật khác, vì tất cả các nghệ thuật đều có mặt trong điện ảnh; và kiến trúc là nhánh thẩm mỹ đồ sộ, dù thường bị bỏ quên. Cosmo-Slotnick đã sẵn sàng đưa kiến trúc lên bản đồ.

Cùng với tin mới nhất về việc chọn diễn viên cho phim *Tôi sẽ nhận một thủy thủ* và việc khởi quay *Những người vợ để bán* là những câu chuyện về đền Parthenon và điện Pantheon[61]. Người ta chụp ảnh diễn viên Sally O'Dawn đứng trên những bậc thang của nhà thờ lớn Rheims – trong một bộ áo tắm, và tài tử Pratt Purcell đã nói trong một cuộc phỏng vấn rằng anh ra đã luôn mơ ước được là một nhà kiến trúc tài ba, nếu anh không phải là một ngôi sao điện ảnh. Trong một bài báo của mình, cô Dimples Williams đã trích lại lời của Ralston Holcombe, Guy Francon và Gordon L. Prescott về tương lai của kiến trúc Hoa Kỳ; còn ở một cuộc phỏng vấn giả tưởng khác, người ta đã dẫn trích ý kiến Ngài Christopher Wren về phim ảnh. Những tờ phụ trương *Chủ nhật* đăng những tấm ảnh các ngôi sao đang lên của Cosmo-Slotnick mặc quần soóc, áo len, tay cầm những cái êke và thước trượt, đứng trước những tấm bản vẽ có tiêu đề: *Tòa nhà Cosmo-Slotnick* phía bên trên một dấu chấm hỏi.

Cuộc thi được mở cho tất cả các kiến trúc sư của tất cả các nước; tòa nhà sẽ mọc lên trên đường Broadway và sẽ tốn mười triệu đô la; nó sẽ là biểu tượng cho sức mạnh của công nghệ hiện đại và tinh thần của người Mỹ; nó được tuyên bố trước rằng nó sẽ là "tòa nhà đẹp nhất thế giới." Ban giám khảo của giải thưởng bao gồm ông Shupe, đại diện cho Cosmo; ông Slotnick, đại diện cho Slotnick; giáo sư Peterkin của Học viện công nghệ Santon; thị trưởng thành phố New York; ông Ralston Holcombe, chủ tịch Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ; và ông Ellsworth M. Toohey.

Francon hào hứng nói với Keating: "Làm đi, Peter. Hãy làm hết sức mình. Hãy cho tôi thấy tất cả khả năng của cậu. Đây là cơ hội lớn dành cho cậu đấy. Nếu thắng cuộc, cậu sẽ được cả thế giới này biết đến. Và chúng ta sẽ làm thế này: chúng ta sẽ đề tên cậu vào hồ sơ thi, cùng với tên công ty. Nếu chúng ta thắng, cậu sẽ nhận được một phần năm giá trị giải thưởng. Cậu biết rồi đấy, giải nhất là 60.000 đô la."

Keating đáp, vẻ thận trọng: "Nhưng Heyer sẽ phản đối."

"Mặc kệ cho ông ta phản đối. Đó là lý do tại sao tôi làm như vậy. Ông ta có thể sẽ nhận ra được điều thích hợp mà ông ta nên làm. Và tôi... cậu biết tôi cảm thấy thế nào rồi đấy Peter. Tôi đã coi cậu như đồng sự của tôi. Tôi

nợ cậu cái đó. Cậu xứng đáng có nó. Đây có thể là chìa khóa giúp cậu có được nó."

Keating vẽ đi vẽ lại lại đồ án của mình đến năm lần. Anh ghét nó. Anh ghét mọi thanh rầm của tòa nhà trước khi nó được sinh ra. Anh vẽ, hai bàn tay run lên. Anh không nghĩ đến bản vẽ dưới tay mình. Anh nghĩ về những đối thủ khác, về người sẽ chiến thắng và được tuyên bố trước công chúng là tài giỏi hơn anh. Anh thắc mắc không hiểu cái người đó đang làm gì, anh ta sẽ làm thế nào để giải quyết vấn đề và vượt được anh. Anh phải đánh bại hắn ta; chẳng có gì khác là có ý nghĩa nữa; chẳng có Peter Keating nào cả, chỉ có một cái phễu hút, giống như một loài cây nhiệt đới anh đã nghe kể, một thứ cây chuyên hút côn trùng vào trong cái phễu của nó, hút chúng đến khô kiệt và nhờ thế mà nuôi sống mình.

Anh chẳng cảm thấy gì ngoài sự bất ổn to lớn khi những bản vẽ của anh đã sẵn sàng; khi mà hình phối cảnh tinh tế của một dinh thự làm bằng cẩm thạch trắng đã được vẽ xong gọn ghẽ, nằm trước mặt anh. Nó trông như một cung điện Phục hưng làm bằng cao su và được kéo dài lên tới độ cao 40 tầng. Anh đã chọn phong cách Phục hưng vì anh biết một luật bất thành văn rằng tất cả các ban giám khảo kiến trúc đều thích các hàng cột, và vì anh nhớ Ralston Holcombe ở trong ban giám khảo. Anh đã vay mượn từ tất cả các cung điện kiểu Ý mà Holcombe yêu thích. Trông nó đẹp... có thể là nó đẹp... anh không chắc. Anh không có ai để hỏi.

Anh nghe thấy những lời đó trong óc mình và anh cảm thấy một cơn tức giận mù quáng. Anh cảm thấy cơn tức trước khi anh biết được lý do, nhưng anh cũng gần như lập tức biết cái lý do: có một người anh có thể hỏi được. Anh không muốn nghĩ đến cái tên đó; anh sẽ không đến chỗ anh ta; nỗi tức giận bốc lên trên mặt anh và anh cảm thấy những mảng thịt căng và nóng bừng dưới mắt mình. Anh biết là anh sẽ đến.

Anh gạt bỏ ý nghĩ đó ra khỏi đầu óc. Anh không đi đâu hết cả. Rồi khi thời điểm đó đến, anh lại vội vã bỏ những bản vẽ vào một chiếc cặp tài liệu rồi đi tới văn phòng của Roark.

Anh thấy Roark đang ngồi một mình, bên chiếc bàn làm việc trong một căn phòng lớn không có dấu hiệu của sự hoạt động.

Anh cất tiếng vui vẻ: "Chào Howard. Cậu khỏe không? Tôi không làm gián đoạn việc gì đấy chứ?"

"Chào Peter," – Roark đáp "anh không làm gián đoạn cái gì cả."

"Cậu không quá bận, đúng không?"

"Không."

“Không phiền nếu tôi ngồi xuống vài phút chứ?”

“Ngồi đi.”

“Chà, Howard, cậu đang làm việc rất tốt đấy. Tôi đã nhìn thấy cửa hàng Fargo. Rất tuyệt. Chúc mừng cậu.”

“Cảm ơn anh.”

“Cậu vẫn đang tiến lên đều, nhỉ? Ba công trình rồi phải không?”

“Bốn.”

“À phải, bốn, tất nhiên rồi, bốn. Khá đấy. Nghe nói cậu có gặp trục trặc với nhà Sanborn.”

“Tôi có.”

“Cậu biết đấy, không phải luôn thuận buồm xuôi gió, không phải luôn thế, cậu biết mà. Có công trình nào mới chưa? Không có gì sao?”

“Không. Không có gì.”

“Rồi sẽ có thôi. Tôi đã luôn nói là kiến trúc sư không cần phải đi cắt cổ nhau, có rất nhiều việc cho tất cả chúng ta. Chúng ta phải xây dựng một tinh thần đoàn kết và hợp tác trong công việc. Ví dụ như, tham dự vào cuộc thi đó, cậu đã gửi phiếu dự thi chưa?”

“Cuộc thi nào?”

“Trời, thì cuộc thi *đó*. Cuộc thi Cosmo-Slotnick ấy.”

“Tôi sẽ không gửi phiếu thi.”

“Cậu... không? Hoàn toàn không?”

“Không.”

“Tại sao?”

“Tôi không tham dự những cuộc thi.”

“Vì Chúa, tại sao chứ?”

“Thôi nào, Peter. Anh không đến đây để tranh luận với tôi về vấn đề này.”

“Thực ra, tôi nghĩ là tôi nên cho cậu xem hồ sơ dự thi của tôi, cậu biết là tôi không yêu cầu cậu giúp đỡ, tôi chỉ muốn biết ý kiến của cậu, chỉ là ý kiến chung chung thôi.”

Anh vội vã mở tập tài liệu.

Roark xem xét bản vẽ. Keating hỏi giật giọng: “Sao? Ổn chứ?”

“Không. Nó thật kinh tởm. Và anh cũng biết thế.”

Tiếp đó, suốt mấy tiếng đồng hồ, trong khi Keating ngồi xem, khi bầu trời tối dần và những ánh đèn sáng lên trong những cửa sổ của thành phố thì Roark nói, giải thích, vạch những đường nét qua khắp bản vẽ, tháo gỡ cái mê cung những lối ra của nhà hát, bóc tách những tiền sảnh, phá bỏ những mái vòm vô tác dụng, uốn thẳng lại những cầu thang. Một lần Keating lắp bắp: "Chúa ơi, Howard, tại sao cậu không tham gia cuộc thi, nếu cậu làm được thế này?" Roark trả lời: "Bởi vì tôi không thể. Tôi không thể, kể cả nếu tôi thử. Tôi sẽ cạn kiệt. Tôi sẽ trống rỗng. Tôi không thể cho họ cái mà họ muốn. Nhưng tôi có thể gỡ được mớ bòng bong chết tiệt của người khác khi tôi thấy nó."

Khi Roark đặt bản vẽ sang một bên thì trời đã sáng. Keating thì thầm:

"Thế còn mặt đứng thì sao?"

"Ôi, mặc kệ cái mặt đứng của anh! Tôi không muốn nhìn vào những cái mặt đứng kiểu Phục hưng của anh nữa." Nhưng anh vẫn nhìn. Anh không thể ngăn bàn tay mình vạch những đường nét ngang qua bản phối cảnh. "Được rồi, quỷ tha ma bắt anh, hãy cho họ kiểu Phục hưng đẹp nếu anh cứ buộc phải làm thế và nếu có một cái gọi là Phục hưng đẹp. Chỉ có điều tôi không thể làm nó cho anh. Hãy tự làm lấy. Một cái gì đó giống như thế này. Đơn giản hơn. Peter ạ, đơn giản hơn, trực tiếp hơn, cố mà làm ra cái trung thực nhất từ cái thứ giả dối ấy. Giờ thì về đi và cố gắng tìm ra cái gì đó dựa trên cái này."

Keating trở về nhà. Anh ta sao chép các sơ đồ mặt bằng của Roark. Anh dựa vào bản vẽ qua loa của Roark về mặt đứng để tạo ra một phối cảnh hoàn chỉnh. Sau đó, bản thiết kế được gửi đi, trên phong bì trịnh trọng ghi địa chỉ:

"Cuộc thi Tòa nhà đẹp nhất thế giới

Hãng phim Cosmo-Slotnick

Thành phố New York."

Trên phong bì, gửi kèm phiếu dự thi, đề tên: "Francon & Heyer – kiến trúc sư, Peter Keating – cộng tác thiết kế."

*

* *

Suốt những tháng mùa đông năm đó, Roark không nhận được một cơ hội nào khác – không một lời đề nghị, không một triển vọng nhận công trình. Anh ngồi ở bàn làm việc và đôi lúc quên mất phải bật đèn lúc bắt đầu hoàng hôn. Như thể sự bất động nặng nề của những giờ đồng hồ đã trôi qua văn phòng, của những cánh cửa văn phòng, của không khí trong đó đang bắt đầu ngấm dần vào cơ thể anh. Anh thường phải đứng lên, ném một cuốn sách

vào tường để có cảm giác cánh tay mình đang vận động, để nghe thấy tiếng đập. Anh mỉm cười, thấy buồn cười, nhặt cuốn sách lên rồi đặt ngay ngắn trên bàn làm việc. Anh bật chiếc đèn bàn. Rồi anh dừng lại trước khi rút tay mình khỏi quầng sáng dưới ngọn đèn bàn; anh nhìn vào hai bàn tay mình; anh chậm chạp duỗi từng ngón tay. Rồi anh nhớ ra điều Cameron nói với anh cách đây đã lâu. Anh giật hai bàn tay lại, anh với lấy áo khoác, tắt đèn, khóa cửa và trở về nhà.

Khi mùa xuân đến, anh biết rằng số tiền của mình chẳng bao lâu nữa sẽ hết. Anh trả tiền thuê văn phòng ngay ngày đầu mỗi tháng. Anh muốn có cái cảm giác trong 30 ngày tới, anh sẽ vẫn làm chủ văn phòng. Anh đến văn phòng một cách bình tĩnh vào mỗi buổi sáng. Anh chỉ nhận thấy là mình không muốn nhìn vào tờ lịch mỗi khi trời tối. Anh biết lại thêm một ngày nữa trong chuỗi thời gian 30 ngày đã trôi qua. Khi nhận ra điều này, anh bắt mình phải nhìn vào tờ lịch. Đây là một cuộc đua anh đang trải qua, cuộc đua giữa một bên là tiền thuê văn phòng và một bên là... anh cũng không biết đối thủ còn lại là gì nữa. Đó có thể là bất cứ người nào anh đi ngang qua trên đường.

Mỗi khi anh đi lên văn phòng, những người điều khiển thang máy đều nhìn anh với một vẻ kỳ quặc, biếng nhác, tò mò; khi anh nói, họ trả lời, không xấc xược nhưng lè nhè – cái giọng nói như muốn bảo rằng nó sắp trở nên xấc xược. Họ không biết anh đang làm gì và tại sao; họ chỉ biết anh là người mà chẳng có bất cứ một khách hàng nào lui tới. Anh tham dự một vài buổi tiệc tùng do Heller thỉnh thoảng lại tổ chức – chỉ vì Austen Heller mời anh đến. Khách khứa hỏi anh: "Ồ, anh là một kiến trúc sư à? Thứ lỗi cho tôi, tôi không bắt kịp những tin tức về kiến trúc, thế anh đã xây dựng được những công trình nào?" Khi anh trả lời, họ nói: "À, vâng, thế đấy"; và anh nhận thấy bộ dạng lịch sự cố ý của họ nói với anh rằng anh chỉ là một kiến trúc sư giả định. Họ chưa bao giờ trông thấy những công trình của anh, họ cũng không biết được những công trình ấy đẹp hay chỉ là những thứ vô giá trị. Họ chỉ biết là họ chưa từng nghe nói đến chúng.

Đó là một cuộc chiến mà anh được mời đến để chẳng chiến đấu với cái gì; tuy thế, anh cứ bị đẩy lên phía trước để chiến đấu, anh phải chiến đấu, anh không có lựa chọn nào khác, và cũng không có đối thủ.

Anh đi ngang qua những công trình đang thi công. Anh dừng lại để quan sát những bộ khung thép. Đôi khi anh tưởng như những thanh rầm và xà đang tự xếp lại, không phải để thành một tòa nhà mà thành một chiến lũy để cản đường anh; và cái khoảng cách mấy bước chân ngăn giữa anh với hàng rào bằng gỗ bao quanh công trình là những bước anh không bao giờ có thể cất lên được. Đó là nỗi đau, nhưng là một nỗi đau không có tính xuyên thấu,

không ngấm vào người. Nó có thật – anh tự nói với mình; và rồi cơ thể anh trả lời "nó không có thật" – sự khỏe mạnh hiển nhiên và bất khả xâm phạm của cơ thể anh trả lời.

Cửa hàng Fargo đã mở cửa. Nhưng chỉ một công trình thì không thể cứu được cả một khu phố; những đối thủ cạnh tranh của Fargo đã đúng; sóng đã đổi chiều, chúng đang tiến về phía bắc thành phố, những khách hàng của ông đang rời bỏ ông. Người ta bình phẩm công khai về sự xuống dốc của John Fargo, người đã đạt đến đỉnh cao về khả năng suy xét kinh doanh kém cỏi khi đầu tư vào một kiểu nhà vô lý; người ta nói đây là một minh chứng, rằng công chúng sẽ không chấp nhận những đổi mới về mặt kiến trúc như vậy. Người ta không đả động đến việc đây là cửa hàng sạch sẽ và sáng sủa nhất trong thành phố; rằng thiết kế mặt bằng của nó khiến cho hoạt động của nó được dễ dàng hơn bao giờ hết; rằng khu xung quanh vốn đã xuống dốc trước khi nó được xây dựng. Người ta chỉ biết mang nó ra mà đổ lỗi.

Athelstan Beasely, một người hài hước trong ngành kiến trúc, một anh hề của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ, người dường như chưa hề xây dựng bất cứ công trình nào nhưng lại tổ chức tất cả những buổi khiêu vũ từ thiện, đã viết trong cột báo có tên *Những lời soi và những đường xoi*[62] đăng trên bản tin của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ: "Hỡi những cô bé cậu bé, đây là một câu chuyện cổ tích với một bài học răn đe: dường như ngày xửa ngày xưa, có một cậu bé với mái tóc màu bí ngô Halloween; cậu ta luôn cho rằng cậu ta xuất sắc hơn tất cả các cô cậu, những cô bé, cậu bé bình thường. Vì vậy để chứng minh điều này, cậu ấy đã xây nên một ngôi nhà, một ngôi nhà rất đẹp, ngoại trừ một điều là chẳng ai sống được trong đó, và một cửa hàng, một cửa hàng rất đáng yêu, ngoại trừ một điều là nó bị phá sản. Cậu cũng đã xây dựng một công trình nổi bật: một chiếc xe ngựa hai bánh đi được trên một con đường ngập bùn. Người ta kể lại là công trình cuối cùng này đang được tiến hành rất thuận lợi và có lẽ đây là lĩnh vực phù hợp với cậu bé này."

Cuối tháng ba, Roark đọc được trên các báo về Roger Enright. Roger Enright sở hữu hàng triệu đô la, một hãng dầu mỏ và không hề biết thế nào là giới hạn. Điều này khiến tên ông thường xuyên xuất hiện trên mặt báo. Ông tạo nên một sự kính sợ nửa ngưỡng mộ, nửa giễu cợt bởi vì ông thực hiện những phi vụ bất ngờ và hoàn toàn khác xa nhau về tính chất. Vụ mới nhất là một dự án phát triển dân cư mới – một tòa nhà chung cư, với mỗi căn hộ hoàn chỉnh và được tách ra như một nhà riêng, đắt tiền. Nó được biết với cái tên tòa nhà Enright. Enright đã tuyên bố rằng ông không muốn nó trông giống bất kỳ thứ gì ở bất kỳ nơi nào khác. Ông đã tiếp cận và từ chối một vài trong số những kiến trúc sư tài giỏi nhất thành phố.

Roark có cảm giác bài báo giống như một lời mời cá nhân; một cơ hội

được tạo ra cho riêng anh. Lần đầu tiên, anh nỗ lực theo đuổi một công trình. Anh đề nghị một cuộc phỏng vấn với Roger Enright. Anh được một cuộc phỏng vấn với một thư ký. Người thư ký, một người đàn ông trẻ tuổi, trông buồn chán, hỏi anh vài câu hỏi về kinh nghiệm của anh; anh ta hỏi chúng rất chậm chạp, như thể những câu trả lời dù gì đi nữa sẽ không có gì khác biệt; anh ta liếc nhìn vài tấm ảnh về những tòa nhà mà Roark thiết kế, và tuyên bố là ông Enright sẽ không quan tâm.

Trong tuần đầu tiên của tháng Tư, khi Roark trả khoản tiền thuê văn phòng cuối cùng cho thêm một tháng nữa thì anh nhận được yêu cầu nộp bản vẽ thiết kế cho tòa nhà mới của Ngân hàng Manhattan. Người yêu cầu anh là ngài Weidler, thành viên ban giám đốc và là một người bạn của chàng trai trẻ Richard Sanborn. Weidler nói với anh: "Anh Roark, tôi phải tranh đấu quyết liệt, nhưng tôi tin là mình đã thắng. Tôi đã đích thân đưa họ đi thăm ngôi nhà Sanborn, tôi và Dick đã giải thích một số thứ. Tuy nhiên, ban giám đốc cần xem thiết kế trước khi đưa ra quyết định. Vì vậy, việc này chưa chắc chắn lắm, tôi phải nói thẳng với anh như vậy, nhưng cũng hầu như là chắc chắn. Họ đã từ chối hai kiến trúc sư khác. Họ rất quan tâm đến anh. Anh làm đi. Chúc anh may mắn."

Bệnh của Henry Cameron tái phát và bác sĩ cảnh báo với em gái ông rằng ông không có hy vọng hồi phục. Bà không tin điều đó. Bà cảm thấy có chút hy vọng, bởi bà nhìn thấy rằng Cameron, đang nằm bất động trên giường, nhưng trông thật thanh thản và – gần như là *hạnh phúc*, một từ mà bà chưa bao giờ thấy có thể dùng cho anh trai bà.

Nhưng một buổi tối, bà sợ hãi khi Cameron đột nhiên nói: "Hãy gọi Howard. Bảo cậu ta đến đây." Trong ba năm kể từ khi nghỉ hưu, ông chưa lần nào gọi cho Howard, ông chỉ chờ Roark đến thăm mình.

Roark đến chỗ Cameron một giờ sau đó. Anh ngồi bên giường Cameron, và Cameron lại nói chuyện với anh như thường lệ. Ông không đả động gì đến lời mời đặc biệt này và cũng không giải thích. Trời đêm ấm áp, cửa sổ phòng ngủ của Cameron vẫn mở ra khu vườn tối. Khi ông nhận thấy, trong khoảng dừng giữa những câu nói, sự tĩnh lặng của cây cối bên ngoài, sự tĩnh lặng bất động của đêm khuya, ông gọi em gái vào nói: "Dọn đi văng trong phòng khách cho Howard. Cậu ấy sẽ ở lại đây." Roark nhìn ông và hiểu. Roark nghiêng đầu tỏ vẻ đồng ý; anh có thể chấp nhận điều Cameron vừa tuyên bố với anh chỉ bằng một cái liếc nhìn lặng lẽ, cũng trang trọng như cái nhìn của Cameron vậy.

Roark ở lại ngôi nhà đó ba ngày. Chẳng ai đề cập đến việc anh ở lại đây – hay về việc anh sẽ ở lại bao lâu. Sự có mặt của anh được chấp nhận như một điều hiển nhiên, không phải bàn cãi. Bà Cameron hiểu điều này và cũng biết

rằng bà không nên nói bất kỳ điều gì. Bà chỉ im lặng đi đi lại lại, với một sự dũng cảm của sự cam chịu.

Cameron không muốn Roark lúc nào cũng có mặt trong căn phòng của ông. Ông sẽ bảo: "Howard, ra ngoài, đi dạo trong vườn đi. Cỏ đang mọc đấy, đẹp lắm." Ông sẽ nằm trên giường và quan sát, với vẻ mãn nguyện, qua ô cửa sổ mở, hình dáng Roark đang đi giữa những tán cây trơ trụi, nổi bật trên nền trời xanh xám.

Ông chỉ yêu cầu Roark dùng bữa cùng ông. Bà Cameron thường đặt một khay thức ăn trên đầu gối ông, và dọn bữa ăn cho Roark trên một cái bàn nhỏ đặt cạnh giường. Cameron có vẻ như đang hưởng thụ cái điều mà ông chưa từng có và cũng chưa từng tìm kiếm: đó là cảm giác ấm cúng trong những sinh hoạt thường ngày, cái cảm giác gia đình.

Vào tối ngày thứ Ba, Cameron tựa vào gối, vẫn nói chuyện như mọi khi, nhưng những lời của ông phát ra chậm chạp và ông không hề quay đầu. Roark lắng nghe và cố gắng không thể hiện anh biết điều gì diễn ra giữa những quãng dừng trong lời nói của Cameron. Những lời nói có vẻ tự nhiên, và những nỗ lực để có sự tự nhiên ấy là bí mật cuối cùng của Cameron, như ông muốn.

Cameron nói về tương lai của ngành vật liệu xây dựng. "Hãy nhìn ngành công nghiệp kim loại nhẹ mà xem, Howard... Trong vài... năm tới... cậu sẽ thấy họ tạo ra những điều đáng kinh ngạc... Hãy nhìn vật liệu bằng nhựa mà xem, có cả một kỷ nguyên mới... Cậu sẽ thấy những công cụ mới, những phương tiện mới, những hình dạng mới... Cậu sẽ phải cho... cái lũ ngốc chết tiệt thấy... trí óc con người đã tạo ra cho chúng bao nhiêu của cải... những khả năng gì... Tuần trước tôi có đọc về một loại ngói mới bằng chất tổng hợp... và tôi đã nghĩ đến một cách dùng nó tại nơi mà không gì... khác có thể làm được... hãy lấy ví dụ, một ngôi nhà nhỏ... khoảng 5.000 đô la..." Sau một hồi dừng lại và vẫn im lặng, ông nhắm nghiền mắt lại. Rồi Roark chợt nghe tiếng ông thì thầm:

"Gail Wynand..."

Roark dựa gần hơn vào ông, hoang mang.

"Tôi không... còn căm ghét bất kỳ ai nữa... trừ Gail Wynand... Không, tôi chưa bao giờ để mắt đến hắn ta... Nhưng hắn ta đại diện... cho tất cả những gì hỏng hóc trong thế giới này... chiến thắng... của sự thô bỉ không thể chịu được... Howard, chính Wynand là kẻ cậu phải chống lại..."

Ông im lặng một lúc lâu. Khi mở mắt ra, ông mỉm cười. Ông nói:

"Tôi biết... cái cậu đang trải qua ở văn phòng vào lúc này..." Roark chưa

bao giờ nói với ông về điều này. "Không... đừng chối và... đừng nói gì cả... Tôi biết... Nhưng... không sao đâu... Đừng sợ gì cả... Cậu có nhớ cái ngày tôi cố sa thải cậu không?... Quên những gì tôi nói với cậu lúc đó đi... Đó không phải là toàn bộ câu chuyện... Đây là... Đừng sợ... Nó hoàn toàn xứng đáng..."

Giọng nói của ông yếu dần và ông không còn nói được nữa. Nhưng thị lực của ông vẫn không hề suy chuyển và ông có thể nằm yên lặng và nhìn Roark mà không cần phải gắng gượng.

Ông qua đời nửa giờ sau đó.

*

* *

Keating thường xuyên gặp Catherine. Anh chưa tuyên bố việc đính hôn của họ, nhưng mẹ anh biết, và điều này cũng không còn là bí mật quý giá của riêng anh nữa. Đôi lúc Catherine nghĩ rằng Keating đã đánh mất ý nghĩa của những buổi hẹn hò của họ. Cô không phải chịu đựng sự cô đơn của việc chờ đợi anh; nhưng cô đã mất đi sự chắc chắn rằng anh sẽ trở lại.

Keating đã bảo cô: "Katie à, hãy chờ kết quả của cuộc thi đó xem. Sẽ không lâu đâu, họ sẽ thông báo quyết định vào tháng Năm này. Nếu anh thắng, cuộc đời anh sẽ được sắp đặt ổn thỏa. Sau đó, chúng ta sẽ làm đám cưới. Và khi đó anh sẽ gặp chú em, và ông sẽ muốn gặp anh. Và anh phải thắng."

"Em biết là anh sẽ thắng."

"Hơn nữa, ông già Heyer sẽ không sống thêm được một tháng nữa đâu. Bác sĩ đã nói với bọn anh là một cú đột quỵ thứ hai có thể xảy đến bất cứ lúc nào và thế là hết. Nếu nó không đưa ông ta ra nghĩa địa thì chắc chắn cũng sẽ khiến ông ta phải rời khỏi văn phòng."

"Ôi Peter, em không muốn nghe anh nói như vậy. Anh không được... quá ích kỷ như vậy."

"Anh xin lỗi, em yêu. À... ừ, anh đoán là anh ích kỷ. Ai cũng ích kỷ."

Anh dành nhiều thời gian hơn cho Dominique. Dominique quan sát anh với vẻ mãn nguyện, như thể anh chẳng còn là phiền toái với cô nữa. Cô dường như thấy anh thích hợp trong vai trò một người đồng hành tầm thường trong những buổi tối bình thường, thỉnh thoảng. Anh nghĩ rằng cô thích anh. Và anh biết đấy không phải là một dấu hiệu đáng mừng.

Đôi lúc anh quên mất cô là con gái của Francon; anh quên hết những lý do thúc đẩy anh muốn có cô. Anh cảm thấy không cần phải được thúc đẩy. Anh muốn cô. Giờ đây anh không cần có lý do nào khác ngoài sự kích thích

trước sự hiện diện của cô.

Tuy thế, anh cảm thấy bất lực trước cô. Anh không muốn chấp nhận cái ý nghĩ là một người phụ nữ có thể dửng dưng trước anh. Nhưng anh thậm chí còn không biết chắc Dominique có dửng dưng với anh hay không. Anh chờ đợi và cố gắng phán đoán tâm trạng của cô, cố phản ứng lại theo cách mà anh nghĩ cô muốn anh phản ứng. Anh chẳng nhận được câu trả lời nào.

Một buổi tối mùa xuân, họ cùng tham dự một buổi khiêu vũ. Họ khiêu vũ với nhau, và anh kéo cô lại gần, chạm những ngón tay vào cơ thể cô. Anh biết cô nhận ra và hiểu. Cô không rút ra, cô nhìn anh với một cái liếc nhìn gần như là trông đợi. Khi họ ra về, anh giữ tấm áo choàng trên người cô, những ngón tay anh đặt trên vai cô. Cô không cử động cũng không kéo sát tấm áo lại. Cô chờ đợi, cô để cho anh nhấc những bàn tay ra. Rồi họ cùng bước tới một chiếc tắc-xi.

Cô ngồi lặng im trong góc xe; trước đây cô chưa bao giờ xem sự có mặt của Keating là quan trọng đến mức khiến cô phải im lặng. Cô ngồi đó, bắt chéo chân, tấm áo choàng được kéo sát người, những đầu ngón tay chậm rãi lần lượt gõ lên đầu gối.

Bàn tay anh khẽ nắm lấy cánh tay cô. Cô không cưỡng lại, cô không trả lời, chỉ có những ngón tay là ngừng gõ lên đầu gối. Môi anh chạm vào mái tóc cô; đó không phải là một nụ hôn. Anh chỉ đặt môi mình lên tóc cô một lúc lâu.

Khi xe dừng, anh thì thầm: "Dominique... hãy cho anh lên nhà... chỉ một lát thôi..." Cô đáp: "Vâng." Từ đó bằng phẳng, lạnh lùng, chẳng có vẻ gì là một lời mời. Nhưng trước đây cô chưa từng cho phép việc này. Anh theo sau cô, tim anh đập thình thịch.

Có một khoảnh khắc ngắn, khi cô bước vào căn hộ, cô đã dừng lại, chờ đợi. Anh nhìn cô chăm chăm một cách bất lực, hoang mang, ngây ngất. Anh chỉ nhận thấy sự gián đoạn khi cô lại chuyển động, bước đi khỏi anh, vào phòng khách. Cô ngồi xuống, hai cánh tay buông xuống yếu ớt hai bên, hai cánh tay cách xa cơ thể, khiến cô không được bảo vệ. Mắt cô nhắm hờ, chữ nhật, trống rỗng.

Anh thì thầm: "Dominique... Dominique... em đáng yêu quá!..."

Rồi anh ở bên cô, thì thầm, đứt quãng:

"Dominique... Dominique, anh yêu em... Đừng cười anh, xin em đừng cười anh!... Cả cuộc đời anh... bất cứ điều gì em muốn... Em không biết là em đẹp đến mức nào sao?... Dominique... Anh yêu em..."

Anh dừng lại; hai tay anh đang ôm vòng qua người cô, mặt đối mặt với

cô. Anh mong thấy được dấu hiệu gì đó của sự đáp lại hay phản đối. Anh không thấy gì cả. Anh ép mạnh người cô vào người anh và hôn lên môi cô.

Anh buông tay ra. Anh để cơ thể cô rơi trở lại chỗ ngồi, và anh nhìn chằm chằm vào cô, kinh hoàng. Đó không phải là một nụ hôn; anh đã không ôm một người đàn bà trong đôi cánh tay mình; thứ mà anh đã ôm và hôn không hề sống. Môi cô không hề chuyển động đáp lại môi anh; cánh tay cô cũng không hề nhúc nhích để ôm anh. Đó không phải là sự khiếp sợ – anh hẳn đã có thể hiểu được sự khiếp sợ. Cứ như thể anh có thể ôm cô mãi hay buông cô ra, hôn cô lần nữa hoặc tiến xa hơn để thỏa mãn khao khát của anh – và cơ thể cô sẽ không biết điều đó, sẽ không nhận biết nó. Cô đang nhìn anh, lướt qua anh. Cô nhìn thấy một mẩu thuốc lá đã rơi ra khỏi cái gạt tàn nằm trên bàn cạnh cô, cô nhấc tay lên và bỏ mẩu thuốc trở lại vào gạt tàn.

"Dominique", anh thì thầm một cách mụ mẫm, "em không muốn anh hôn em sao?"

"Có chứ." Cô không cười anh; cô trả lời giản dị và bất lực.

"Trước đây em chưa từng được hôn phải không?"

"Có chứ. Nhiều lần rồi."

"Em luôn như thế này sao?"

"Luôn luôn. Y như thế."

"Tại sao em lại muốn anh hôn em?"

"Em muốn thử."

"Dominique, em không phải là người."

Cô ngẩng đầu lên, đứng dậy, và vẻ chính xác sắc nét trong cử động lại là của cô. Anh biết anh sẽ không nghe thấy sự bất lực thú nhận đơn giản trong giọng nói của cô; anh biết sự thân mật đã kết thúc, mặc dù những lời nói của cô, khi cô nói, thân mật và cởi mở hơn bất kỳ điều gì cô đã từng nói. Nhưng cô nói như thể cô không quan tâm đến điều cô nói ra hay với người cô đang nói:

"Em đoán em là một kẻ lập dị mà anh từng nghe kể, một người đàn bà hoàn toàn lãnh cảm. Peter, em xin lỗi. Anh thấy không? Anh không có đối thủ nào cả, nhưng cái đó bao gồm cả chính anh. Thất vọng, đúng không anh yêu?"

"Em... em sẽ thoát khỏi nó... một ngày nào đó..."

"Peter, em thực sự không còn quá trẻ. Hai mươi lăm tuổi rồi. Ngủ với một người đàn ông hẳn phải là một sự thử nghiệm thú vị. Em đã muốn mình có

thể muốn điều ấy. Em nên nghĩ rằng trở thành một người đàn bà phóng đãng là thú vị. Em phóng đãng, anh biết đấy, trong mọi thứ, nhưng thực ra... Peter, anh trông như thể anh đang sắp đỏ mặt; chà, thật là thú vị!"

"Dominique! Em chưa từng yêu bao giờ phải không? Một chút cũng chưa?"

"Chưa bao giờ. Em thật sự muốn phải lòng anh. Em nghĩ điều đó sẽ tiện lợi. Em sẽ chẳng có vấn đề gì với anh cả. Nhưng anh thấy không? Em chẳng thể cảm thấy gì hết. Em không cảm thấy có gì khác biệt, dù đó là anh hay Alvah Scarret hay Lucius Heyer."

Anh đứng dậy. Anh không muốn nhìn cô. Anh đi tới cửa sổ và đứng đó, chằm chằm nhìn ra ngoài, hai bàn tay nắm chặt sau lưng. Anh đã quên mất ham muốn của mình cũng như vẻ đẹp của Dominique, nhưng bây giờ anh nhớ ra cô là con gái của Francon.

"Dominique, hãy lấy anh nhé?"

Anh biết anh phải nói điều đó ngay lúc này. Nếu như anh để bản thân nghĩ về cô, anh sẽ không bao giờ nói ra được. Cảm giác của anh đối với cô lúc này không còn quan trọng nữa. Anh không thể để nó chen vào giữa anh và tương lai của anh; và tình cảm của anh dành cho cô đang trở thành sự căm ghét.

Cô hỏi:

"Anh không nghiêm túc đấy chứ?"

Anh quay lại phía cô. Anh nói nhanh và dễ dàng; anh đang nói dối, cho nên anh thấy chắc chắn và dễ dàng:

"Anh yêu em, Dominique. Anh phát điên lên vì em. Hãy cho anh một cơ hội. Nếu em không có ai khác, tại sao lại không thể? Em sẽ học được cách yêu anh, bởi vì anh hiểu em. Anh sẽ kiên nhẫn. Anh sẽ khiến em được hạnh phúc."

Đột nhiên Dominique rùng mình, rồi cô cười. Cô cười đơn giản, trọn vẹn; anh nhìn thấy bóng váy màu nhạt của cô run lên; cô đứng thẳng, đầu cô ngả ra sau, giống như một sợi dây rung lên với những rung động của một sự xúc phạm thản nhiên với anh – xúc phạm, bởi tiếng cười của cô không có vẻ cay đắng hay nhạo báng mà đơn thuần là sự vui vẻ.

Cô thôi cười và đứng nhìn thẳng vào mặt anh. Cô nói một cách nghiêm túc:

"Peter, nếu lúc nào đó em muốn trừng phạt mình vì một điều gì đó khủng khiếp, nếu em muốn trừng phạt mình một cách ghê tởm nhất – thì em sẽ lấy

anh.” Cô nói thêm: “Hãy coi đó là một lời hứa.”

“Anh sẽ đợi – dù cho em lấy anh vì lý do gì đi chăng nữa.”

Cô mỉm cười vui vẻ – nụ cười lạnh lùng vui vẻ mà anh vẫn ghê sợ.

“Thật ra, Peter à, anh không cần phải làm như vậy, anh biết mà. Đằng nào anh cũng sẽ trở thành đồng sự. Và chúng ta sẽ mãi là bạn tốt. Giờ thì anh về đi. Đừng quên, anh sẽ đưa em đi xem đua ngựa vào thứ Tư đấy. Phải rồi, chúng ta sẽ đi xem đua ngựa vào thứ Tư này. Em thích mê những cuộc đua ngựa. Chúc anh ngủ ngon, Peter.”

Anh trở ra và đi bộ về nhà trong một đêm mùa xuân ấm áp. Anh bước đi một cách giận dữ. Nếu như lúc đó có ai đó đề nghị trao cho anh quyền sở hữu độc nhất với công ty Francon & Heyer với cái giá là anh phải lấy Dominique thì anh hẳn đã từ chối. Anh cũng biết – và căm ghét bản thân mình – rằng anh sẽ chẳng chối từ, nếu như họ đưa ra điều kiện này với anh vào sáng hôm sau.

XV.

Đây là sự sợ hãi. Đây là cái mà người ta cảm thấy trong các cơn ác mộng – Peter Keating nghĩ; chỉ có điều người ta luôn choàng dậy vào lúc sự sợ hãi trở nên quá sức chịu đựng; còn anh, anh không thể thức dậy, cũng không thể chịu đựng điều này lâu hơn nữa.

Nó đã lớn dần, nhiều ngày, nhiều tuần, và bây giờ nó đã tóm được anh: nỗi sợ không thể tả nổi và đầy tính xác thịt rằng anh sẽ thất bại. Anh sẽ thua trong cuộc thi, anh chắc chắn mình sẽ thua, và sự chắc chắn càng lúc càng tăng khi mỗi ngày chờ đợi qua đi. Anh không thể làm việc được, anh giật mình mỗi khi nói chuyện với người khác, anh đã không ngủ nhiều đêm rồi.

Anh bước về phía căn nhà của Lucius Heyer. Anh cố gắng không chú ý đến khuôn mặt của những người đi ngang qua, nhưng anh buộc phải chú ý; anh đã luôn nhìn mọi người; và mọi người nhìn lại anh, như họ vẫn luôn làm. Anh muốn quát vào mặt họ, anh bảo họ hãy quay đi, hãy để cho anh được một mình. Họ đang nhìn mình chằm chằm – anh nghĩ vậy – bởi mình sẽ thất bại và họ biết rõ điều này.

Keating đang đến nhà Heyer để tự cứu mình khỏi thảm họa sắp tới theo cái cách mà anh thấy là duy nhất còn lại cho anh. Nếu anh thua trong cuộc thi đó – và anh biết rõ là mình sẽ thua – Francon sẽ sốc và vỡ mộng. Sau đó, nếu như Heyer chết – và ông ta có thể chết bất cứ lúc nào – Francon sẽ do dự – do hậu quả cay đắng của việc bị bẽ mặt trước công chúng – trong việc chấp nhận Keating làm người đồng sự. Và nếu như Francon do dự thì trò chơi đã thất bại. Có rất nhiều người đang chờ đợi cơ hội này: Bennett, người mà anh đã không thể đuổi cổ khỏi văn phòng; Claude Stengel, người đang tiến rất nhanh trong công việc kinh doanh độc lập của anh ta, và đã tiếp cận Francon với lời đề nghị mua lại vị trí của Heyer. Keating thì chẳng có gì trong tay, ngoại trừ niềm tin không lấy gì làm chắc chắn của Francon đối với anh. Một khi một đồng sự khác thay thế Heyer thì tương lai của Keating sẽ chấm hết. Anh đã đến quá gần và đã để lỡ mất. Điều đó sẽ không bao giờ được tha thứ.

Qua những đêm không ngủ, một quyết định đã hiện lên thật rõ ràng và cứng rắn trong đầu Keating: anh phải kết thúc vấn đề ngay lập tức; anh phải tận dụng những hy vọng hão huyền của Francon trước khi tên người thắng cuộc được thông báo; anh phải đẩy Heyer ra khỏi công ty và chiếm vị trí của ông ta. Anh chỉ còn vài ngày nữa thôi.

Anh nhớ những câu chuyện tào lao của Francon về tính cách của Heyer. Anh xem xét những tài liệu trong văn phòng của Heyer và tìm thấy cái anh muốn tìm thấy. Đó là một lá thư từ một chủ thầu, viết cách đây mười lăm

năm; nó nói rằng nhà thầu gửi kèm một tấm séc 25.000 đô la cho ông Heyer.

Keating tra lại hồ sơ lưu trữ về tòa nhà đó; có vẻ như công trình này đã tốn kém nhiều hơn mức cần thiết. Đó cũng chính là năm Heyer bắt đầu việc sưu tập đồ gốm.

Anh tìm thấy Heyer một mình trong phòng đọc sách. Đó là một căn phòng nhỏ, mờ tối, không khí trong phòng nặng nề, như thể chưa bị động đến cả năm trời. Những ván lót màu gụ, những tấm thảm thêu, những đồ gỗ vô giá được giữ cực kỳ sạch sẽ, nhưng căn phòng, theo cách nào đó, lại có mùi của sự bần cùng và mục nát. Có một cây đèn đơn lẻ đang cháy được đặt trên chiếc bàn nhỏ nằm trong góc, và năm cái tách gốm cổ tinh tế, quý giá trên mặt bàn. Heyer ngồi còng người, ngắm nghía những cái tách trong ánh sáng mờ mờ với một sự thích thú mơ hồ, không chủ đích. Ông hơi rùng mình đôi chút khi người hầu già cho Keating vào, và ông hấp háy mắt hơi bối rối, nhưng vẫn mời anh ngồi.

Khi nghe thấy những âm thanh đầu tiên trong giọng nói của chính mình, Keating biết rằng anh đã mất đi nỗi sợ hãi đeo đuổi anh trên suốt quãng đường qua các con phố – giọng nói của anh lạnh lùng và đều đều. Tim Davis, anh nghĩ, Claude Stengel, và giờ thì chỉ còn một kẻ nữa phải loại bỏ.

Anh giải thích điều anh muốn; anh trải lên không khí bất động của căn phòng một bài diễn văn ngắn, chính xác, hoàn chỉnh – như một viên đá quý với những cái gờ được cắt sạch sẽ.

"Và vì thế, trừ khi ông thông báo cho Francon về việc ông nghỉ hưu vào sáng mai," anh kết luận, hai ngón tay kẹp một góc của lá thư, "*cái này* sẽ được gửi cho A.G.A."

Anh chờ đợi. Heyer ngồi im, với đôi mắt phồng lên xanh xao trống rỗng và miệng há ra thành một hình tròn hoàn hảo. Keating rùng mình và tự hỏi không hiểu có phải anh đang nói chuyện với một người mất trí.

Rồi miệng Heyer chuyển động và cái lưỡi hồng nhợt nhạt của ông lộ ra, khẽ chạm vào hàm răng dưới.

"Nhưng tôi không muốn nghỉ hưu." Ông nói đơn giản, không dối trá, trong một tiếng kêu nóng nảy khe khẽ.

"Ông sẽ phải nghỉ hưu."

"Tôi không muốn. Tôi sẽ không làm thế. Tôi là một kiến trúc sư nổi tiếng. Tôi luôn là một kiến trúc sư nổi tiếng. Tôi mong mọi người sẽ thôi không làm phiền tôi. Họ đều muốn tôi nghỉ hưu. Tôi sẽ nói cho cậu một điều bí mật." Ông ngả người về phía trước và thì thầm một cách ranh mãnh: "Cậu có thể không biết điều này nhưng tôi biết, hắn ta không thể lừa được tôi đâu.

Guy muốn tôi nghỉ hưu. Hắn nghĩ rằng hắn khôn hơn tôi nhưng tôi có thể nhìn thấu tâm địa của hắn. Đó là một vố hay cho Guy.” Ông ta khẽ cười rúc rích.

“Tôi không nghĩ là ông đã hiểu tôi. Ông có hiểu cái này không?” Keating đẩy lá thư vào những ngón tay khép hờ của Heyer.

Anh quan sát tờ giấy mỏng manh rung lên khi Heyer cầm nó. Rồi nó rơi xuống bàn và bàn tay trái của Heyer, với những ngón tay bị tê liệt, thọc mạnh vào đó một cách mù quáng, không chủ đích, giống như một cái móc. Ông nói, hít sâu:

“Anh không thể gửi cái này đến cho A.G.A. Họ sẽ tịch thu giấy phép hành nghề của tôi mất.”

“Chắc chắn rồi,” Keating nói, “họ sẽ làm thế.”

“Và chuyện này sẽ lên báo”

“Trên tất cả các báo”

“Cậu không thể làm như thế được.”

“Tôi sẽ làm như thế, trừ khi ông nghỉ hưu.”

Hai vai của Heyer ngả khuất dưới mép bàn. Đầu ông vẫn còn ở bên trên, rụt rè, như thể ông cũng đã sẵn sàng giấu nó khỏi tầm nhìn.

“Cậu sẽ không làm thế. Xin cậu đừng làm thế,” Heyer lẩm bẩm một hơi dài, không ngắt quãng. “Cậu là một chàng trai tốt, cậu là một chàng trai tốt, cậu sẽ không làm như vậy phải không?”

Vuông giấy ố vàng nằm trên bàn. Bàn tay trái vô dụng của Heyer với lấy nó, bò chậm chạp trên mép bàn. Keating vươn người về phía trước và giật lấy lá thư dưới bàn tay ông ta.

Heyer nhìn anh, đầu ông ta ngả về một bên, miệng há ra. Trông ông ta giống như thể chờ đợi Keating đánh ông, với một cái liếc nhìn bệnh hoạn, và van xin – cái liếc nhìn như muốn nói ông ta sẽ cho phép Keating đánh ông.

Heyer thì thầm: “Xin cậu, cậu sẽ không làm như vậy, phải không? Tôi cảm thấy không khỏe. Tôi chưa bao giờ làm gì hại cậu. Tôi hình như nhớ, có lần tôi đã làm cho cậu một việc gì đấy rất tốt.

Keating ngắt lời: “Cái gì? Ông đã làm được gì cho tôi?”

“Tên cậu là Peter Keating... Peter Keating... tôi nhớ mà... tôi đã làm một việc gì đó tốt cho cậu. Cậu là người mà Guy rất tin cậy. Nhưng đừng tin Guy. Tôi không tin ông ta. Nhưng tôi thích cậu. Một ngày nào đó chúng tôi sẽ cho cậu thành nhà thiết kế.” Khuôn miệng ông vẫn há nguyên sau từ cuối

cùng. Một dòng nước bọt mảnh rớt xuống từ khóe miệng ông. "Làm ơn, đừng..."

Đôi mắt Keating ánh lên sự ghê tởm; sự ghê tởm thúc đẩy anh; anh phải khiến cho mọi thứ kinh tởm hơn nữa, bởi anh không thể chịu nổi nó.

"Ông sẽ bị vạch trần" – Keating nói, những âm thanh trong giọng nói của anh rung lên hoan hỉ – "Ông sẽ bị buộc tội ăn hối lộ. Mọi người sẽ chỉ thẳng vào mặt ông. Họ sẽ in ảnh của ông trên các báo. Chủ tòa nhà đó sẽ đưa đơn kiện ông. Người ta sẽ tống ông vào tù"

Heyer không nói lời nào. Ông không nhúc nhích. Keating chợt nghe những cái tách trên bàn kêu leng keng nhè nhẹ. Anh không nhìn thấy cơ thể Heyer rung lên. Anh chỉ nghe thấy một tiếng ngân mảnh trong vắt trong cái im lặng của căn phòng, như thể những cái tách tự run lên.

"Biến đi," – Keating lên giọng, để khỏi nghe thấy tiếng ngân kia – Biến khỏi công ty đi! Ông muốn ở lại vì cái gì chứ? Ông vô tích sự. Ông chưa bao giờ được tích sự gì"

Gương mặt vàng ệch ở mép bàn há miệng và phát ra một âm thanh ẩm ướt, ùng ục, nghe như một tiếng rên.

Keating ngồi thoải mái, người cúi về phía trước, hai đầu gối mở rộng, một cùi tay tì vào đầu gối, bàn tay thõng xuống, đung đưa lá thư.

"Tôi..." – Heyer tắc nghẹn – "Tôi..."

"Câm mồm. Ông không được nói gì cả, chỉ có hay không thôi. Nào nghĩ nhanh lên. Tôi không ở đây để tranh cãi với ông."

Heyer thôi không run rẩy. Một cái bóng cắt chéo qua mặt ông. Keating nhìn thấy một con mắt không hề chớp, nửa cái miệng vẫn há ra, và bóng tối chảy vào qua cái lỗ đó, tràn vào khuôn mặt, như thể nó đang chết đuối.

"Trả lời đi." Keating hét lên, đột nhiên cảm thấy sợ hãi. "Tại sao ông không trả lời tôi?"

Nửa khuôn mặt lắc lư và anh nhìn thấy cái đầu tròng trành về phía trước. Nó rớt xuống mặt bàn, và tiếp tục chúi xuống, lăn trên sàn nhà như bị cắt rời ra; hai trong số những cái tách cũng rơi theo nó, nhẹ vỡ thành nhiều mảnh trên thảm. Điều đầu tiên Keating cảm thấy là sự nhẹ nhõm khi nhìn thấy cái cơ thể cũng ngã theo cái đầu và nằm nhàu nhĩ thành một đống trên sàn, nguyên vẹn. Chẳng có tiếng động gì cả, chỉ có tiếng ngân thánh thót nghèn nghẹt của đồ gốm.

Ông ta sẽ tức điên lên mất, Keating nghĩ khi anh nhìn xuống những cái tách. Anh bật dậy, quỳ gối xuống, gom những mảnh vỡ lại một cách vu vơ;

anh nhận ra chúng đã bị vỡ đến mức không thể sửa lại được. Cùng lúc đó, anh biết anh đang nghĩ rằng nó đã đến, cơn đột quỵ thứ hai mà mọi người đã chờ đợi, và anh sẽ phải làm gì đó với nó, ngay lập tức; và rằng ổn rồi, bởi vì bây giờ Heyer sẽ phải nghỉ hưu.

Anh dịch đầu gối đến gần cơ thể Heyer. Anh băn khoăn không hiểu vì sao mình không muốn đụng vào nó. "Ông Heyer" anh gọi. Giọng anh nhẹ nhàng, gần như là kính trọng.

Anh cẩn thận nâng đầu Heyer lên. Anh để nó rơi xuống. Anh không nghe thấy tiếng nó rơi xuống. Anh nghe thấy tiếng nấc lên trong cổ họng mình. Heyer đã chết.

Anh ngồi bên cạnh cơ thể ông, hai mông đè lên hai gót chân, hai bàn tay xòe trên hai đầu gối. Anh nhìn thẳng về phía trước; ánh mắt anh dừng lại trước những nếp gấp trên tấm rèm ở bên cửa ra vào; anh băn khoăn liệu cái sắc óng ánh màu xám là bụi hay là tuyết nhung và liệu đó có phải là nhung không và treo rèm ở cạnh cửa ra vào thì mới lỗi mốt làm sao. Rồi anh thấy cơ thể mình run lên. Anh muốn nôn. Anh đứng dậy, đi ngang qua căn phòng và mở tung cửa, vì anh nhớ ra rằng còn có những người còn lại của căn hộ ở đâu đó và có một người hầu phòng trong nhà nữa. Anh gọi; anh cố gắng kêu cứu.

*

* *

Keating đến văn phòng như thường lệ. Anh trả lời những thắc mắc, anh giải thích rằng ngày hôm đó Heyer đã yêu cầu anh đến nhà ông sau bữa tối; Heyer muốn bàn bạc với anh về chuyện nghỉ hưu của ông ta. Không ai nghi ngờ câu chuyện này và Keating biết rằng cũng sẽ chẳng có ai lại nghi ngờ gì. Kết cục của Heyer đã đến đúng như mọi người đều mong đợi. Francon không cảm thấy gì khác ngoài sự nhẹ nhõm. Ông nói: "Chúng ta đều biết sớm hay muộn thì ông ta cũng sẽ thế. Tại sao lại phải hối tiếc khi ông ta đã tự miễn cho chính mình và tất cả chúng ta một sự hấp hối kéo dài?"

Cử chỉ của Keating bình tĩnh hơn nhiều so với những tuần trước. Đó là sự bình tĩnh của của một trạng thái sững sờ trống rỗng. Có một ý nghĩ cứ bám theo anh, nhẹ nhàng, không mạnh mẽ, đều đều, khi làm việc, khi ở nhà, vào ban đêm: ta là kẻ giết người... không, nhưng cũng gần như là một kẻ giết người... cũng gần như một kẻ giết người... Anh biết đó không phải là một tai nạn; anh biết anh đã trông chờ vào cơn sốc và nỗi khiếp sợ, anh đã trông chờ vào cơn đột quỵ thứ hai của Heyer, cơn đột quỵ sẽ khiến ông phải vào bệnh viện trong những ngày còn lại của cuộc đời. Nhưng liệu đó có phải là tất cả những gì anh đã hy vọng? Chẳng lẽ anh không biết cơn đột quỵ thứ hai này

còn có thể có ý nghĩa gì khác? Anh có trông chờ vào điều đó không nhỉ? Anh cố nhớ lại. Anh cố gắng vắt óc đến khô kiệt. Anh chẳng cảm thấy gì. Anh mọng đợi là mình không cảm thấy gì, dù là cách này hay cách khác. Có điều, anh vẫn muốn biết. Anh không nhận thấy điều gì đang diễn ra xung quanh trong văn phòng. Anh quên mất anh chỉ còn một thời gian ngắn để hoàn thành thỏa thuận với Francon về chuyện chọn người cộng sự.

Một vài ngày sau cái chết của Heyer, Francon cho gọi anh lên văn phòng.

"Ngồi xuống đi, Peter," ông nói kèm theo một nụ cười vui vẻ hơn mọi khi. "Này chàng trai, tôi có tin tốt lành cho cậu đây. Sáng nay, người ta đã đọc bản di chúc của Lucius. Cậu biết đấy, ông ta không còn con cái họ hàng gì. Chà, tôi thật sự ngạc nhiên, tôi đã không đánh giá ông ta đúng mức, tôi đoán vậy, nhưng có vẻ như thỉnh thoảng ông ta cũng có những cử chỉ nghĩa hiệp. Ông ấy đã để lại mọi thứ cho cậu... Thật là tuyệt, phải không? Giờ thì cậu không phải lo lắng về số tiền đầu tư khi chúng ta thỏa thuận về việc... Có chuyện gì vậy Peter? Peter, này chàng trai, cậu ốm à?"

Peter gục mặt xuống cánh tay đang đặt trên góc bàn. Anh không thể để Francon nhìn thấy mặt mình lúc này. Anh sắp nôn oẹ; nôn oẹ, bởi vì xuyên qua sự kinh hãi, anh bắt quả tang anh đang tự hỏi liệu Heyer đã thực sự để lại bao nhiêu...

Bản di chúc được viết cách đây năm năm; có thể trong một cơn bột phát tình cảm yêu mến với người duy nhất thể hiện sự quan tâm đến Heyer ở văn phòng; có thể đó là một hành động để chống lại Francon; bản di chúc đã được soạn và đã bị quên lãng. Di sản lên tới hai trăm ngàn đô la, cộng thêm khoản lợi tức của Heyer ở công ty và bộ sưu tập gốm của ông.

Hôm đó, Keating rời văn phòng sớm. Anh không nghe những lời chúc mừng. Anh trở về nhà, báo tin cho mẹ, để cho bà há hốc miệng kinh ngạc giữa phòng khách, còn anh khóa mình trong phòng ngủ. Trước bữa tối, anh ra ngoài mà không nói câu nào. Tối hôm đó, anh không ăn tối, nhưng tại quán rượu lậu ưa thích, anh tự chuốc rượu cho mình nhiều rượu đến mức anh càng uống càng tỉnh táo một cách điên dại. Và trong trạng thái minh mẫn cao độ – đầu anh gật trên một chiếc cốc nhưng trí não vẫn rất chắc chắn – anh tự nhủ rằng mình không có gì phải hối hận, mình đã làm cái điều mà bất kỳ ai hẳn sẽ làm như vậy; Catherine đã nói thế, anh là kẻ ích kỷ, tất cả mọi người đều ích kỷ. Ích kỷ chẳng phải điều gì tốt đẹp nhưng không chỉ có mình anh ích kỷ; anh chỉ may mắn hơn nhiều người; anh may mắn hơn, bởi anh tốt hơn nhiều người; anh cảm thấy ổn; anh hy vọng những câu hỏi vô nghĩa sẽ không quay lại với anh nữa; mọi người đều vì bản thân mình, anh lẩm bẩm và ngủ gục trên bàn.

Những câu hỏi vô nghĩa không bao giờ trở lại với anh nữa. Anh không có thời gian dành cho chúng trong những ngày sau đó. Anh đã thắng trong cuộc thi Cosmo-Slotnick.

*

* *

Peter Keating biết đó sẽ là một chiến thắng, nhưng anh không kỳ vọng nó lại lớn đến thế. Anh đã mơ đến âm thanh của những cây kèn trôm-pét; nhưng anh không trông chờ cả một dàn giao hưởng.

Nó bắt đầu bằng một cú điện thoại đơn giản, thông báo tên của những người đoạt giải. Sau đó mọi cú điện thoại trong văn phòng hòa vào, hò hét, nổ tung dưới ngón tay của người trực tổng đài – lúc đó đã hầu như không thể kiểm soát nổi đường điện thoại nữa; những cú điện thoại từ mọi tờ báo trong thành phố, từ những kiến trúc sư nổi tiếng, những câu hỏi, lời đề nghị được phỏng vấn, lời chúc mừng. Rồi cơn lũ tràn ra từ thang máy, cuốn qua những cánh cửa văn phòng, cơn lũ tin nhắn, điện tín, từ những người Keating biết, những người anh chưa bao giờ nhìn thấy, người thư ký tiếp tân bị rối trí hoàn toàn, không biết nên nhận hay từ chối những người nào, và Keating bắt tay – một dòng chảy vô tận những bàn tay giống như một chiếc bánh xe với những bánh răng ẩm và mềm bập liên tục vào những ngón tay anh. Anh chẳng biết mình đã nói những gì ở cuộc phỏng vấn đầu tiên, lúc đó văn phòng của Francon chật ních người và máy ảnh; Francon đã mở toang cánh cửa tủ đựng rượu của ông ta. Francon tuyên bố với tất cả mọi người rằng tòa nhà Cosmo-Slotnick là do Peter Keating thiết kế một mình; Francon chẳng quan tâm; ông ta đang hết sức hào hứng; hơn nữa, điều đó làm câu chuyện trở nên thú vị.

Và câu chuyện đã trở nên thú vị hơn Francon tưởng. Từ những trang báo, khuôn mặt của Peter Keating nhìn xuống nước Mỹ – khuôn mặt đẹp trai, tráng kiện, mỉm cười thân thiện với đôi mắt thông minh và mái tóc xoăn sậm màu; bức ảnh được đăng kèm những bài báo nói về sự nghèo khổ, cuộc vật lộn chống nghèo, niềm mơ ước và sự lao động không mệt mỏi đã dẫn đến những thành quả; những bài báo cũng nói về đức tin của một người mẹ đã hy sinh mọi thứ cho thành công của con trai; về "nàng Lọ Lem của ngành kiến trúc."

Hãng Cosmo-Slotnick rất hài lòng; họ không nghĩ rằng những kiến trúc sư đoạt giải cũng có thể là những người trẻ tuổi, đẹp trai và nghèo khó – ừ thì chỉ còn nghèo khó cho đến gần đây. Họ đã phát hiện ra một tài năng trẻ tuổi; Cosmo-Slotnick rất thích những tài năng trẻ tuổi; bản thân ông Slotnick cũng là một tài năng như thế vì ông mới có bốn mươi ba tuổi.

Bản thiết kế "tòa nhà chọc trời đẹp nhất thế giới" của Keating được in trong các báo, với lời bình luận về giải thưởng in phía dưới: "... vì kỹ thuật và sự đơn giản tuyệt vời trong thiết kế... vì tính hiệu quả rõ ràng, không khoan nhượng... vì sự tiết kiệm không gian tài tình... vì sự kết hợp tuyệt vời giữa tính hiện đại và tính truyền thống trong Nghệ thuật... dành cho công ty Francon & Heyer và Peter Keating..."

Keating xuất hiện trong các chương trình thời sự, bắt tay với ông Shupe và ông Slotnick, và dòng phụ đề chương trình cho người xem biết hai người này nghĩ gì về tòa nhà anh thiết kế. Keating xuất hiện trong các chương trình thời sự, bắt tay với cô Dimple Williams, và dòng phụ đề chương trình cho người xem biết anh nghĩ gì về bộ phim hiện tại của cô. Anh xuất hiện trong các buổi chiêu đãi lớn của ngành kiến trúc và của ngành điện ảnh. Anh xuất hiện tại các câu lạc bộ kiến trúc và câu lạc bộ những người hâm mộ. Cosmo-Slotnick ấn hành bức hình Keating và tòa nhà của anh, in trên chất liệu composite và người nào gửi một chiếc phong bì đã dán sẵn tem đề địa chỉ chính mình, kèm theo hai xu; thì công ty sẽ gửi bức hình này cho họ. Suốt một tuần liền, tối nào anh cũng đích thân xuất hiện trên sân khấu của Nhà hát Cosmo, với lần trình diễn đầu tiên chương trình đặc biệt mới nhất của Cosmo-Slotnick; anh cúi chào trước ánh đèn sân khấu, trông thanh mảnh và duyên dáng trong bộ vét đuôi tôm màu đen, và anh dành hai phút để nói về tầm quan trọng của kiến trúc. Anh giữ vị trí giám khảo trong cuộc thi hoa hậu ở thành phố Atlantic trong đó người thắng cuộc sẽ được Cosmo-Slotnick phân thử một vai diễn. Anh được chụp hình cùng với một võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp nổi tiếng – hàng chú thích đề *Các nhà vô địch*. Một mô hình thu nhỏ tòa nhà của anh được sản xuất và gửi theo các tua diễn, kèm theo ảnh của các phương án thiết kế tốt nhất trong số các phương án cùng dự thi khác, để trưng bày trong phòng giải lao của các rạp chiếu phim thuộc hệ thống rạp Cosmo-Slotnick trên cả nước.

Bà Keating lúc đầu thổn thức, ôm chặt Peter trong tay và nghẹn ngào nói rằng bà không thể tin được điều đó. Bà lắp bắp, trả lời những câu hỏi về "thằng bé Petey", và bà đứng tạo dáng cho người ta chụp ảnh – một cách bối rối và sốt sắng làm hài lòng mọi người. Rồi bà quen với việc đó. Bà nhún vai bảo Peter, rằng tất nhiên anh đã chiến thắng, chuyện đó chả có gì ngạc nhiên cả, chẳng ai khác có thể thắng được. Rồi bà học được kiểu giọng cụt ngủn, nói tắt đầy kẻ cả khi tiếp chuyện các phóng viên. Bà ra mặt tức giận khi không được chụp chung ảnh cùng Petey. Bà cũng tậu một chiếc áo khoác lông chồn.

Keating để cho mọi sự cuốn mình đi. Anh cần mọi người và cần sự ồn ào xung quanh mình. Anh chẳng thắc mắc và nghi ngờ gì hết khi anh đứng trên bục diễn giả trước một biển người; không khí nặng, đặc quánh, bão hòa với

một thứ dung môi duy nhất – sự ngưỡng mộ; không còn chỗ cho bất kỳ thứ gì khác. Anh vĩ đại; vĩ đại giống như số lượng những người đã bảo anh điều đó. Anh đã đúng; đúng vì có đến từng đó người tin rằng anh đúng. Anh nhìn những khuôn mặt, nhìn những đôi mắt; anh thấy anh được sinh ra trong chúng, anh thấy mình được trao cho quà tặng sự sống. Đó là Peter Keating, nó đó, hình ảnh phản chiếu trong những cái đồng tử đang nhìn chằm chằm kia – những cái đồng tử ấy chỉ phản chiếu mỗi mình anh.

Anh cũng kiếm ra được hai tiếng đồng hồ để đến chỗ Catherine, vào một tối. Anh ôm cô trong vòng tay và cô thì thầm những kế hoạch rực rỡ cho tương lai của họ; anh liếc nhìn cô với một sự thỏa mãn; anh chẳng nghe lời cô nói; anh đang nghĩ đến việc mọi thứ sẽ trông thế nào nếu họ được chụp với nhau như thế này và hình đó sẽ xuất hiện trên bao nhiêu tờ báo.

Anh gặp Dominique một lần. Cô đang chuẩn bị rời thành phố đi nghỉ hè. Dominique có vẻ thất vọng. Cô chúc mừng anh, một cách rất thích hợp; nhưng cô nhìn anh theo cách như cô luôn nhìn, như thể chẳng có gì xảy ra cả. Trong tất cả các sách báo xuất bản trong ngành kiến trúc, duy nhất mục của cô không bao giờ đề cập đến cuộc thi Cosmo-Slotnick hay người đoạt giải của nó.

"Em sắp đi Connecticut" cô bảo anh. "Em sẽ ở chỗ của cha dưới đó trong mùa hè. Cha cho em toàn quyền chỗ đó. Không, Peter, anh không thể đến thăm em. Một lần cũng không. Em đi đến đó để không phải gặp ai khác cả." Anh thất vọng, nhưng điều đó không làm hỏng cảm giác chiến thắng trong những ngày này của anh. Anh không còn sợ Dominique nữa. Anh cảm thấy chắc chắn rằng anh có thể khiến cô thay đổi thái độ, rằng anh sẽ thấy sự thay đổi đó khi cô trở về vào mùa thu.

Nhưng có một thứ đã làm hỏng chiến thắng của anh; không thường xuyên và không quá ầm ỹ. Anh không bao giờ mệt mỏi khi nghe những gì người ta nói về anh; nhưng anh không thích phải nghe quá nhiều về tòa nhà của anh. Và khi anh buộc phải nghe, anh không ngại nghe những câu bình luận về "sự kết hợp hợp nhuần nhuyễn nét hiện đại với nét truyền thống" trong mặt tiền; nhưng khi họ nói về sơ đồ mặt bằng – và họ nói quá nhiều sơ đồ mặt bằng – khi anh nghe về "kỹ thuật và sự đơn giản tuyệt vời... tính hiệu quả rõ ràng... sự tiết kiệm không gian tài tình...", khi anh nghe thấy nó và nghĩ về... Anh không nghĩ về nó. Chẳng có lời nào trong não anh. Anh sẽ không cho phép. Chỉ có một cảm giác nặng nề, tối tăm – và một cái tên.

Trong hai tuần sau khi đoạt giải, anh đẩy ý nghĩ này khỏi đầu anh, giống như một thứ không đáng bận tâm, để chôn chặt giống như quá khứ hàn vi và đầy dằn vặt của anh đã được chôn chặt. Cả mùa đông dài anh đã giữ bản phác thảo tòa nhà của anh với những nét bút chì cắt ngang do một bàn tay

khác vẽ; vào buổi tối công bố giải thưởng anh đốt hết bản thảo; đó là điều đầu tiên anh làm.

Nhưng ý nghĩ đó vẫn không chịu rời anh. Rồi thình lình anh chợt hiểu rằng nó không phải là một mối đe dọa mơ hồ, mà là một mối nguy hiểm thực tế; và anh không sợ nó nữa. Anh có thể đương đầu với một mối nguy hiểm thực tế, anh có thể loại bỏ nó một cách đơn giản. Anh bật cười nhẹ nhõm, anh gọi điện đến văn phòng của Roark, và hẹn gặp Roark.

Anh tự tin đến chỗ cuộc hẹn. Lần đầu tiên trong đời anh cảm thấy thoát khỏi cảm giác không thoải mái kỳ lạ mà anh chưa bao giờ giải thích được hay thoát được mỗi khi có mặt Roark. Giờ đây anh cảm thấy an toàn. Anh đã hết nợ với Howard Roark.

*

* *

Roark ngồi bên bàn làm việc, chờ đợi. Chiếc điện thoại chỉ reo có một lần, sáng hôm đó, nhưng đấy lại là Peter Keating đề nghị gặp anh. Bây giờ anh đã quên việc Keating sắp đến. Anh đang đợi điện thoại. Anh đã trở nên phụ thuộc vào chiếc điện thoại đó trong mấy tuần nay. Ngân hàng Manhattan có thể gọi bất cứ lúc nào về bản thiết kế của anh.

Tiền thuê văn phòng của anh đã quá hạn từ lâu. Và tiền phòng anh ở cũng thế. Anh chẳng quan tâm đến phòng ở; anh có thể bảo chủ nhà đợi; chủ nhà đã đợi; nếu ông ấy không đợi thì cũng chẳng sao lắm. Nhưng văn phòng lại là chuyện khác. Anh bảo người đại diện bên cho thuê rằng ông ta sẽ phải đợi; anh không xin hoãn trả; anh chỉ nói một cách thẳng thừng, lặng lẽ, rằng anh sẽ hoãn trả, và anh chỉ biết nói như thế. Nhưng sự nhận thức của bản thân anh về việc anh cần sự hảo tâm của người cho thuê, rằng có quá nhiều thứ phụ thuộc vào điều đó đã làm cho nó nghe như là lời cầu xin trong đầu anh. Đó là một sự tra tấn. Được thôi, anh nghĩ, thì tra tấn. Đã sao nào?

Hóa đơn điện thoại đã bị muộn hai tháng. Anh đã nhận được lời cảnh cáo cuối cùng. Điện thoại sẽ bị ngắt trong vài ngày nữa. Anh phải đợi. Rất nhiều thứ có thể xảy ra trong vài ngày.

Câu trả lời của hội đồng quản trị ngân hàng, mà Weidler hứa với anh cách đây đã lâu, đã bị hoãn từ tuần này sang tuần khác. Hội đồng quản trị chẳng thống nhất được quyết định; luôn luôn có những người phản bác mạnh mẽ và những người ủng hộ mạnh mẽ; đã có những buổi họp mặt; Weidler nói với anh rất ít, nhưng anh có thể đoán được nhiều; đã có những ngày im lặng, im lặng trong văn phòng, im lặng trong cả thành phố, im lặng cả trong anh. Anh đợi.

Anh ngồi, gục người trên bàn, mặt kê trên cánh tay, ngón tay anh đặt trên kệ điện thoại. Anh mơ hồ nghĩ rằng mình không nên ngồi như thế; nhưng hôm nay anh cảm thấy rất mệt. Anh nghĩ rằng anh nên bỏ tay khỏi điện thoại; nhưng anh chẳng động đậy tay. Ừ, thì đấy, anh phụ thuộc vào cái điện thoại, anh có thể đập tan nó đi, nhưng anh sẽ vẫn phụ thuộc vào nó; anh và mọi hơi thở trong anh và mọi cái trong người anh. Ngón tay anh đặt trên chiếc kệ mà không động đậy. Điện thoại và thư; anh đã tự dối mình cả về thư nữa; anh đã tự dối khi anh ép mình không được nhảy lên mỗi khi một lá thư hiếm hoi rơi qua khe cửa[63], tự ép mình không chạy ra, nhưng đợi, đứng nhìn chiếc phong bì trắng trên sàn, rồi từ từ đi đến và nhặt nó lên. Khe cửa và điện thoại – chẳng còn gì khác nữa cho anh trên thế giới.

Khi anh nghĩ về điều này, anh ngẩng đầu lên để nhìn vào cửa, vào chân cửa. Chẳng có gì hết. Lúc này đã là chiều muộn, có lẽ đã quá giờ phát thư đợt cuối. Anh nhấc cổ tay lên để xem đồng hồ; anh thấy cổ tay mình chẳng có gì; chiếc đồng hồ đã bị đem cầm. Anh nhìn sang cửa sổ; có một chiếc đồng hồ mà anh có thể nhìn được trên một ngọn tháp xa xa; đã quá bốn rưỡi; hôm nay sẽ chẳng còn đợt phát thư nào nữa.

Anh nhận thấy tay mình đang nhấc điện thoại lên. Ngón tay anh đang bấm số.

“Không, chưa đâu,” giọng Weidler bảo anh qua điện thoại. “Chúng tôi đáng nhẽ đã họp hôm qua, nhưng cuộc họp bị hoãn... Tôi chạy theo họ như con chó ấy... Tôi có thể hứa với anh rằng ngày mai chúng tôi sẽ trả lời một cách dứt khoát. Tôi gần như có thể hứa với anh. Nếu không phải ngày mai thì sẽ phải đợi qua ngày nghỉ cuối tuần, nhưng đến thứ Hai thì tôi hứa chắc chắn... Anh đã kiên nhẫn một cách tuyệt vời với chúng tôi, anh Roark. Chúng tôi đánh giá cao việc này.” Roark bỏ ống nghe. Anh nhắm mắt. Anh nghĩ anh sẽ tự cho phép mình nghỉ ngơi, nghỉ ngơi một cách trống rỗng như thế này trong vài phút, trước khi anh bắt đầu nghĩ về ngày tháng ghi trên tờ cảnh cáo của công ty điện thoại và cách anh có thể xoay sở từ giờ đến thứ Hai.

“Chào Howard.” Peter Keating nói.

Anh mở mắt. Keating đã bước vào và ngồi trước mặt anh, mỉm cười. Keating mặc một chiếc áo khoác nhẹ mùa xuân màu nâu vàng, không cài cúc, những vòng đỉa ngang thắt lưng trông giống như những quai cầm hai bên hông anh, một bông hoa dại cài ở khuyết áo. Keating đứng, hai cân dạng ra, hai nắm tay đặt bên hông, mũ hớt trên đỉnh đầu, trên vầng trán nhợt nhạt những lọn tóc đen xoăn tít và sáng đến nỗi người ta cứ tưởng như sắp thấy những giọt sương mùa xuân lóng lánh trên đó, giống như trên những bông hoa dại.

“Chào Peter,” Roark nói.

Keating thoải mái ngồi xuống, bỏ mũ ra, đặt nó lên giữa bàn, và hai tay vỗ gọn gàng vào hai đầu gối.

“Thế đấy, Howard, nhiều chuyện đang xảy ra, đúng không?”

“Chúc mừng anh”

“Cảm ơn. Có chuyện gì thế Howard? Trông cậu khủng khiếp quá. Mà theo tôi biết thì cậu đâu có phải làm việc quá sức?”

Đây không phải là cách nói chuyện mà Keating đã dự định. Anh đã dự định cuộc phỏng vấn sẽ êm ả và thân mật cơ. Dào, anh quyết định, anh sẽ chuyển sang giọng điệu đó sau. Nhưng trước hết anh phải tỏ ra rằng anh không sợ Roark, rằng anh sẽ không bao giờ sợ nữa.

“Không, tôi không làm việc quá sức.”

“Howard này, sao cậu không bỏ quách nó đi cho rồi?”

Đây tuyệt nhiên không phải là cái anh dự định nói. Miệng anh vẫn còn hơi há ra, vì kinh ngạc.

“Bỏ cái gì cơ?”

“Cái kiểu làm bộ làm tịch ấy. Chà, những lý tưởng – nếu cậu thích gọi thế hơn. Tại sao cậu không hạ cánh xuống mặt đất đi? Tại sao cậu không bắt đầu làm việc giống như mọi người khác đi? Tại sao cậu không thôi làm một thằng ngốc chết tiệt đi?”

Anh tự thấy mình đang lăn xuống dốc, không phanh. Anh không thể dừng được.

“Có chuyện gì, Peter?”

“Cậu nghĩ cậu sẽ sống kiểu gì đây? Cậu phải sống với mọi người, cậu biết đấy. Chỉ có hai cách. Theo họ hoặc chống họ. Nhưng cậu có vẻ chẳng làm gì trong hai cách đó cả.”

“Không. Chẳng cách nào cả.”

“Và mọi người không muốn cậu. Họ không *muốn* cậu! Cậu không sợ à?”

“Không.”

“Cậu không có việc cả năm nay. Và cậu sẽ không. Ai sẽ cho cậu việc làm cơ chứ? Cậu có thể còn vài trăm đô nữa – và sau đó thì chấm hết”

“Sai rồi, Peter. Tôi còn mười bốn đô, và năm mươi bảy xu.”

“Thế cơ đấy! Và hãy nhìn tôi đây! Tôi chả quan tâm nếu như nói thế là thô bỉ. Đó không phải là vấn đề chính. Tôi không khoe khoang. Tôi chả quan

tâm nếu ai nói thế. Nhưng nhìn tôi xem! Có nhớ tôi và cậu đã khởi đầu như thế nào không? Và hãy nhìn chúng ta bây giờ! Và hãy nghĩ rằng điều đó tùy thuộc vào cậu. Cậu chỉ cần bỏ cái ảo tưởng ngu ngốc rằng cậu giỏi hơn mọi người khác đi – và đi làm. Trong một năm, cậu sẽ có một văn phòng đủ khiến cậu đỏ mặt khi nghĩ đến cái thùng rác này. Cậu sẽ có mọi người chạy theo cậu, cậu sẽ có khách hàng, cậu sẽ có bạn bè, cậu sẽ có một đội quân thợ vẽ để sai phái!... Âm ty hỏa ngục! Howard, điều này chả là gì với tôi cả – nó thì có thể có nghĩa gì với tôi cơ chứ? – nhưng lần này tôi không tìm kiếm cái gì cho mình cả, thậm chí tôi biết cậu sẽ là một đối thủ nguy hiểm của tôi, nhưng tôi phải nói điều này với cậu. Thử nghĩ đi Howard, nghĩ đi! Cậu sẽ giàu có, cậu sẽ nổi tiếng, cậu sẽ được trọng vọng, cậu sẽ được ca ngợi, cậu sẽ được ngưỡng mộ – cậu sẽ là một trong số bọn mình!... Thế nào?... Nói gì đi chứ! Tại sao cậu không nói gì hết?"

Anh thấy mắt Roark không trống rỗng và không khinh bỉ, nhưng tỏ ra chăm chú và băn khoăn. Đối với Roark, điều này tiệm cận một sự đầu hàng, bởi vì anh chưa bỏ đi cái lớp màng sắt trong mắt anh, bởi vì anh cho phép mắt anh được bối rối và tỏ ra tò mò – và gần như bất lực.

"Nghe này, Peter. Tôi tin anh. Tôi biết rằng anh chẳng kiếm được gì khi nói những điều này. Tôi còn biết hơn thế. Tôi biết rằng anh không muốn tôi thành công – thế cũng không sao, tôi chẳng trách gì anh, tôi vẫn luôn biết thế – anh không muốn tôi đạt được những điều anh đang mời mọc tôi. Và tuy vậy anh đang thuyết phục cố gắng đạt được chúng, một cách khá chân thành. Và anh biết rằng nếu tôi nghe lời anh khuyên thì tôi sẽ đạt được chúng. Và đối với tôi, điều này không phải vì anh yêu quý tôi, bởi vì nếu đó là sự yêu quý thì anh đã không tức giận đến thế – và không sợ đến thế... Peter, cái gì làm cho anh phiền lòng đến thế, khi tôi là chính tôi?"

"Tôi không biết..." Keating thì thầm.

Keating hiểu rằng đấy là một lời thú nhận – câu trả lời vừa rồi của anh – và là một sự thú nhận đáng sợ. Anh không biết bản chất của cái anh đã thú nhận và anh cảm thấy chắc chắn rằng Roark cũng không biết nó. Nhưng nó đã bị bóc trần; họ không thể hiểu nó, nhưng họ cảm thấy hình hài của nó. Và nó khiến họ ngồi yên lặng, đối mặt với nhau, trong sự kinh ngạc, trong sự cam chịu.

"Bình tĩnh đi, Peter," Roark nhẹ nhàng nói, như thể nói với một người bạn "Chúng ta sẽ không bao giờ nói chuyện đó nữa."

Và đột nhiên Keating nói, giọng anh bám víu một cách nhẹ nhõm vào sự suồng sã trong những âm thanh mới thoát ra:

"Ôi dào, quỷ tha ma bắt, Howard, tôi chỉ nói những chuyện lý luận thông

thường ấy mà. Nào bây giờ nếu cậu muốn làm việc như một người bình thường...”

“Anh thôi đi!” Roark cắt ngang.

Keating ngả người ra phía sau, mệt bã. Anh chẳng còn gì để nói. Anh đã quên việc anh đến đây để nói chuyện gì.

“Nào,” Roark nói, “anh muốn nói gì với tôi về cuộc thi nào?”

Keating bật người về trước. Anh tự hỏi cái gì đã làm Roark đoán được điều đó. Và sau đó mọi thứ trở nên dễ dàng hơn, vì một cảm giác oán giận đã xóa nhòa tất cả những thứ khác.

“À, phải rồi!” Keating nói một cách quả quyết, giọng hơi có chút bực bội. “Phải, tôi đã định nói với cậu về chuyện đó. Cảm ơn cậu đã nhắc tôi. Tất nhiên là cậu đoán được điều đó, vì cậu biết tôi không phải là một đứa vô ơn. Tôi thực sự đến đây là để cảm ơn cậu, Howard ạ. Tôi chưa quên là cậu có một phần trong tòa nhà đó, cậu đã cho tôi vài lời khuyên về nó. Tôi chắc chắn sẽ ghi nhận đóng góp một phần của cậu.”

“Điều đó không cần thiết.”

“Ồ, tôi thì chẳng ngại gì, nhưng tôi chắc chắn cậu không muốn tôi nói gì về nó cả. Và tôi chắc chắn cậu cũng không muốn tự nói gì, vì cậu biết đấy, mọi người rất buồn cười, họ hiểu sai mọi thứ một cách rất ngu xuẩn... Nhưng vì tôi đang nhận được một phần tiền giải thưởng nên tôi nghĩ sẽ công bằng nếu cậu cũng được một ít. Tôi rất vui là tiền này đến đúng lúc cậu cần nó đến thế.”

Anh lấy tập séc, xé ra một tờ mà anh đã viết sẵn và đặt nó lên bàn. Tờ séc viết: “Trả theo lệnh của Howard Roark – tổng số tiền năm trăm đô la.”

“Cảm ơn Peter,” Roark nói, cầm tấm séc.

Sau đó anh lật nó lại, cầm chiếc bút bi, viết vào mặt sau: “Trả theo lệnh của Peter Keating,” ký và đưa tờ séc cho Keating.

“Và đây là phần tôi hối lộ cho anh, Peter” anh nói. “Cũng cùng mục đích như của anh. Để anh không nói gì với ai hết.”

Peter ngây ra nhìn Roark chằm chằm.

“Bây giờ tôi chỉ có thể đưa anh chừng đó” – Roark nói. “Hiện tại anh không thể nặn thêm cái gì ở tôi, nhưng sau này, khi tôi có tiền, tôi xin anh đừng tống tiền tôi. Tôi nói thẳng với anh rằng có thể tống tiền tôi. Bởi vì tôi không muốn ai biết rằng tôi có tí dính dáng nào đến cái nhà ấy.”

Anh cười to khi anh thấy cái sự nhận biết chầm chậm hiện lên trên mặt

Keating.

"Không?" Roark nói – "Anh không muốn tống tiền tôi về việc đó à?... Về đi, Peter. Anh hoàn toàn an toàn. Tôi sẽ không bao giờ nói một lời về nó. Nó là của anh, tòa nhà và mọi xà cột trong đó và mọi ống nước và mọi bức hình chụp mặt anh trên các báo."

Keating đứng bật dậy. Anh run lên.

"Trời tru đất diệt mày đi!" anh hét lên. "Trời tru đất diệt mày đi! Mày nghĩ mày là ai? Ai bảo với mày là mày có thể cư xử thế này với người khác? Mày giỏi quá nên cái tòa nhà ấy không xứng với mày? Mày muốn tao phải xấu hổ vì nó chứ gì? Mày là đồ rác rưởi, khốn kiếp, kiêu ngạo! Mày là ai? Mày thậm chí không đủ trí khôn để hiểu rằng mày là một thằng thất bại, một thằng bất tài, ăn xin, một thằng thất bại, thất bại, thất bại! Và mày đứng đó phán xét! Mày, mà lại chống lại cả cái nước này! Mày, mà lại chống lại tất cả mọi người! Tại sao tao lại phải nghe mày cơ? Mày không thể làm tao sợ. Mày không thể đụng đến tao. Cả thế giới đứng về phía tao!... Đừng có nhìn tao chằm chằm như thế! Tao đã luôn luôn căm ghét mày! Mày không biết điều đó, đúng không nào? Tao đã luôn luôn căm ghét mày! Tao sẽ luôn luôn căm ghét mày! Một ngày nào đó tao sẽ bẻ gãy mày, tao thề sẽ thế, nếu đó là điều cuối cùng tao làm!"

"Peter," Roark nói, "tại sao để lộ nhiều thế?"

Hơi thở của Peter biến thành một tiếng rên bị nghẹt lại. Anh ngồi thụp xuống một chiếc ghế, hai tay nắm lấy hai cạnh ghế.

Sau một lúc, anh ngẩng đầu lên, hỏi một cách vụng về:

"Ôi Chúa ơi, Howard, tôi vừa nói cái gì ấy nhỉ?"

"Anh ổn chưa? Anh có đi được không?"

"Howard, tôi xin lỗi. Tôi xin lỗi, nếu cậu muốn." Giọng anh thô ráp và ngớ ngẩn, trong đó chẳng thấy sự hối lỗi nào. "Tôi mất bình tĩnh. Tôi đoán là tôi không kiềm chế được. Tôi không hề có ý như thế đâu. Không hiểu sao tôi lại nói thế. Thực sự là tôi không hiểu."

"Sửa lại cổ áo anh đi kìa. Nó bị tuột cúc rồi đấy."

"Tôi đoán tôi tức giận về việc cậu đã làm với cái séc ấy. Nhưng tôi nghĩ cậu cũng cảm thấy bị xúc phạm. Tôi xin lỗi. Đôi khi tôi ngu ngốc như vậy. Tôi không có ý định xúc phạm cậu. Chúng ta chỉ cần tiêu hủy cái tờ séc khốn kiếp ấy thôi."

Anh nhặt tờ séc, châm một que diêm, cẩn thận xem tờ giấy cháy hết cho đến khi anh vứt mẩu đuôi cuối cùng xuống.

“Howard, chúng ta sẽ bỏ qua chuyện này chứ?”

“Anh không nghĩ rằng bây giờ anh nên đi đi à?”

Keating nặng nề đứng dậy, hai tay mò mẫm xung quanh bằng những cử chỉ bất tự giác, và anh lầm bầm:

“Được rồi... được rồi, tạm biệt, Howard. Tôi... tôi sẽ gặp lại cậu sớm... Chỉ vì gần đây có nhiều thứ xảy ra với tôi quá... Chắc tôi cần nghỉ ngơi... Tạm biệt Howard...”

Khi anh bước ra khỏi văn phòng đó và đóng cửa lại sau lưng, Keating cảm thấy một cảm giác nhẹ nhõm lạnh giá. Anh cảm thấy nặng nề và rất mệt mỏi, nhưng chắc chắn về bản thân. Anh đã biết rõ một điều: anh căm hận Roark. Bây giờ không cần phải nghi ngờ, băn khoăn và vật vã khổ sở nữa. Thật là đơn giản. Anh căm hận Roark. Lý do ư? Chẳng cần phải băn khoăn về lý do. Chỉ cần căm hận thôi, căm hận một cách mù quáng, căm hận một cách kiên nhẫn, căm hận mà không tức giận, chỉ căm hận, và không để cái gì xen vào, và không bao giờ được để mình quên.

*

* *

Chuông điện thoại reo vào chiều muộn ngày thứ Hai.

“Anh Roark đấy à?” – Weidler nói. “Anh có thể đến đây ngay được không? Tôi không muốn nói gì qua điện thoại cả, nhưng anh hãy đến đây ngay.” Giọng Weidler nghe rõ ràng vui vẻ, đầy hứa hẹn.

Roark nhìn qua cửa sổ vào chiếc đồng hồ trên ngọn tháp xa xa. Anh ngồi cười cái đồng hồ đó, như cười một kẻ thù cũ thân thiện; anh sẽ không cần nó nữa, anh sẽ lại có đồng hồ đeo tay của anh. Anh ngửa cổ ra sau thách thức cái mặt đồng hồ màu xám nhạt đang treo cao trên bầu trời thành phố.

Anh đứng lên và với lấy áo khoác. Anh vươn tay ra sau, mặc áo vào; anh cảm thấy dễ chịu khi các cơ bắp được hoạt động.

Trên đường phố, anh vẫy một chiếc tắc xi vốn đắt quá sức anh có thể trả.

Chủ tịch hội đồng quản trị đang đợi anh trong văn phòng của ông ta, cùng Weidler và với phó chủ tịch của Công ty Ngân hàng Manhattan. Trong phòng có một chiếc bàn họp dài, và bản thiết kế của Roark được trải ra trên đó. Khi anh bước vào, Weidler đứng lên và tiến về phía anh, bàn tay vươn ra. Trong không khí của căn phòng, cái bắt tay như khúc dạo đầu cho những lời nói của Weidler, và Roark không chắc chắn về thời điểm anh nghe thấy những lời nói ấy phát ra, bởi vì anh nghĩ anh đã nghe thấy chúng ngay khoảnh khắc anh bước vào phòng.

“Anh Roark, việc thiết kế đã thuộc về anh,” Weidler nói.

Roark cúi người. Anh biết tốt nhất là anh không nên mạo hiểm với giọng nói của mình trong vài phút tới.

Ông chủ tịch cười thân thiện, mời anh ngồi. Roark ngồi bên cạnh chiếc bàn trên đó có các bản vẽ thiết kế của anh. Tay anh đặt trên bàn. Dưới ngón tay anh, mặt bàn gỗ màu gụ bóng loáng cho anh cảm giác ấm áp và sống động; cứ như thể anh đang ấn tay mình vào phần móng tòa nhà của anh; tòa nhà vĩ đại nhất của anh, năm mươi tầng sẽ vươn lên trong khu trung tâm Manhattan[64].

“Tôi phải nói với anh,” ông chủ tịch cất lời, “rằng chúng tôi đã tranh cãi kịch liệt về thiết kế tòa nhà của anh. Tạ ơn Chúa là bây giờ thì cũng xong rồi. Một số thành viên của chúng tôi đơn giản là không thể nuốt nổi những đổi mới có tính đột phá của anh. Anh biết là một số người họ bảo thủ một cách ngu xuẩn thế nào rồi đấy. Nhưng chúng tôi đã tìm ra cách làm họ hài lòng, và chúng tôi đã được họ chấp thuận. Anh Weidler đây đã thực sự thuyết phục chúng tôi thay cho anh.”

Ba người đàn ông kia còn nói thêm nhiều chuyện nữa. Roark hầu như không nghe thấy gì hết. Anh đang mải nghĩ về cái ngoạm đầu tiên của máy xúc xuống mặt đất, để mở màn cho việc khởi công. Rồi sau đó anh nghe tiếng ông chủ tịch nói: “... và nó sẽ là của anh, chỉ với một điều kiện nhỏ.” Anh nghe thấy câu đó và nhìn vào ông chủ tịch.

“Chỉ là một sự thỏa hiệp nhỏ, và khi anh đồng ý thì chúng ta có thể ký hợp đồng. Nó chỉ là một vấn đề nhỏ liên quan đến vẻ ngoài của tòa nhà. Tôi hiểu rằng những người theo trường phái hiện đại như anh không chú trọng đến mặt tiền, các anh quan tâm nhiều tới thiết kế mặt bằng, và như thế là đúng, và chúng tôi cũng không hề nghĩ tới chuyện thay đổi thiết kế mặt bằng của anh, chính sự lô-gíc về mặt bằng là cái đã thuyết phục chúng tôi về tòa nhà. Bởi vậy tôi chắc chắn anh sẽ không phiền lòng.”

“Các ông muốn gì?”

“Chỉ có một thay đổi nhỏ trong phần mặt tiền. Tôi sẽ chỉ cho anh. Con trai ông Parker của chúng tôi đang học kiến trúc và chúng tôi đã nhờ cậu ấy vẽ phác, chỉ một bản phác thảo sơ sơ thôi để minh họa cho ý tưởng của chúng tôi và để trình bày cho các thành viên của hội đồng, bởi vì họ không thể tưởng tưởng được sự thỏa hiệp mà chúng tôi đưa ra. Nó thế này!”

Ông ta rút ra một bản phác thảo từ dưới đống bản vẽ trên bàn và đưa cho Roark.

Trên bản phác thảo là hình vẽ tòa nhà của Roark, được vẽ rất khéo. Đó là

tòa nhà của anh, nhưng có một cổng vòm kiểu Doric được đơn giản hóa, một mái đua trên đỉnh, và phần trang trí của anh được thay thế bằng kiểu cách điệu hóa Hy Lạp.

Roark đứng dậy. Anh phải đứng. Anh tập trung vào nỗ lực để đứng. Nó giúp cho tất cả những thứ khác dễ dàng hơn. Anh tựa vào một cánh tay thẳng, bàn tay nắm chặt cạnh bàn, các đường gân nổi rõ dưới làn da cổ tay.

"Anh hiểu ý chúng tôi chưa?" ông chủ tịch hỏi nhẹ nhàng. "Những người bảo thủ phía chúng tôi đơn giản là không chịu chấp nhận một tòa nhà cứng nhắc kỳ lạ như của anh. Và họ kêu là công chúng cũng sẽ không chấp nhận nó. Bởi vậy chúng tôi đưa ra giải pháp dung hòa. Theo cách này, tất nhiên đây không phải là kiến trúc truyền thống, nhưng nó vẫn cho công chúng *ấn tượng* về một cái họ đã quen thuộc. Nó bổ sung thêm một vẻ đường bệ vững vàng và ổn định – và đó là cái mà chúng ta cần ở một ngân hàng, đúng không? Có vẻ như có một bộ luật bất thành văn quy định rằng một ngân hàng cần phải có một mái vòm kiểu Cổ điển – và một ngân hàng thì không thể là chỗ để thể hiện sự nổi loạn và phá cách. Nó sẽ giảm cảm giác tin cậy vô hình đi, anh biết đấy. Mọi người không tin tưởng vào cái mới. Nhưng đây là phương án mà tất cả đều hài lòng. Về mặt cá nhân tôi mà nói thì tôi cũng không hoàn toàn hài lòng về nó, nhưng tôi thực sự không thấy nó làm hỏng cái gì cả. Và đây là cái mà hội đồng quản trị đã duyệt. Tất nhiên, chúng tôi không có ý nói rằng chúng tôi muốn anh phải tuân theo bản phác thảo này. Nhưng nó cũng giúp anh có một hình dung chung và anh sẽ tự làm theo cách của anh, tự điều chỉnh mặt tiền theo phương án Cổ điển."

Sau đó Roark trả lời. Những người đàn ông không thể đoán được giọng nói của anh thể hiện điều gì; họ không biết chắc nó biểu hiện một sự bình tĩnh tuyệt vời hay một sự xúc động lớn. Họ kết luận đó là sự bình tĩnh, bởi giọng nói đều đều, không nhấn mạnh ở đâu, không màu sắc, mỗi âm tiết như được ngắt đều bởi một cái máy; chỉ có điều, không khí trong phòng thì không phải là không khí thích hợp với một giọng nói bình tĩnh.

Họ kết luận rằng chẳng có gì khác thường trong phong thái của người đàn ông đang nói, ngoại trừ một điều là tay phải của anh ta không hề rời cái cạnh bàn, và khi anh phải di chuyển các bản vẽ, anh làm điều đó bằng tay trái, giống như người đã bị liệt một cánh tay.

Anh nói một lúc lâu. Anh giải thích tại sao cấu trúc này không thể có một mặt tiền theo kiểu Cổ điển. Anh giải thích tại sao một tòa nhà chân thực, giống như một con người chân thực, phải là một khối thống nhất với một đức tin thống nhất; anh giải thích cái gì tạo nên nguồn sống – cái ý tưởng xuyên suốt bất kỳ một thực thể hoặc một sinh vật nào và tại sao – nếu một phần nhỏ nhất phản bội lại ý tưởng đó – thì sinh vật đó sẽ chết; anh giải thích tại sao

những cái tốt đẹp, những cái cao quý lại chỉ là những cái giữ được sự toàn vẹn của chúng.

Vị chủ tịch ngắt lời anh:

"Anh Roark ạ, tôi đồng ý với anh. Chẳng thể nói gì thêm về những điều anh nói. Nhưng không may, trong thực tế cuộc sống chúng ta không thể lúc nào cũng kiên định một cách hoàn hảo được. Sẽ luôn luôn có yếu tố tình cảm con người mà ta không thể tính toán được. Chúng ta không thể dùng lô-gic lạnh lùng để xử lý nó. Cuộc thảo luận này thực tế là thừa. Tôi có thể đồng ý với anh, nhưng tôi không thể giúp anh. Vấn đề đã khép lại. Đây là quyết định của hội đồng – sau khi đã xem xét lâu hơn bình thường rất nhiều, như anh đã biết."

"Ông có thể cho phép tôi đứng trước hội đồng và nói chuyện với họ không?"

"Xin lỗi anh Roark, nhưng hội đồng sẽ không bàn lại vấn đề này nữa. Quyết định này là cuối cùng. Tôi chỉ có thể đề nghị anh nói rõ xem anh có đồng ý chấp nhận công việc theo các điều khoản của chúng tôi hay không thôi. Tôi phải thừa nhận là hội đồng đã xem xét khả năng anh sẽ từ chối. Trong trường hợp đó, tên của một kiến trúc sư khác, một người tên là Gordon L. Prescott, đã được hội đồng xem xét làm kiến trúc sư thay thế. Nhưng tôi đã nói trước hội đồng rằng tôi cảm thấy chắc chắn anh sẽ chấp nhận."

Ông ta đợi. Roark không nói gì.

"Anh hiểu tình thế chứ, anh Roark?"

"Vâng," Roark nói. Mắt anh cụp xuống. Anh đang nhìn các bản vẽ.

"Thế nào?"

Roark không trả lời.

"Có hay không, anh Roark?"

Đầu Roark ngửa ra sau. Anh nhắm mắt lại.

"Không," Roark nói.

Sau một lúc, ông chủ tịch hỏi:

"Anh có nhận ra điều anh đang làm không?"

"Rất rõ ràng," Roark nói.

"Lạy Chúa!" Weidler đột nhiên gào lên. "Anh có nhận ra rằng đây là một hợp đồng lớn đến thế nào không? Anh là một thanh niên trẻ, anh sẽ chẳng còn có một cơ hội nào khác nữa như thế này đâu. Và... được rồi, quỷ tha ma

bắt, tôi sẽ phải nói thôi! Anh cần nó! Tôi biết anh cần nó đến mức nào!”

Roark thu lại các bản vẽ từ trên bàn, cuộn chúng lại và kẹp dưới cánh tay.

“Hoàn toàn điên rồ!” Weidler rên lên. “Tôi muốn anh. Chúng tôi muốn tòa nhà của anh. Anh cần hợp đồng này. Anh có cần phải cuồng tín và quên-mình vì nó đến mức thế không?”

“Cái gì?” Roark hỏi một cách hoài nghi.

“Cuồng tín và quên-mình.”

Roark mỉm cười. Anh nhìn xuống các bản vẽ của mình. Khuỷu tay anh hơi động đậy, anh ép chúng vào người anh. Anh nói:

“Đây là hành động vì-mình[65] nhất mà anh từng thấy ở một người.”

Anh quay trở lại văn phòng của mình. Anh thu thập các công cụ vẽ của mình và một vài thứ anh có tại đó. Tất cả được gói trong một gói và anh kẹp nó dưới cánh tay. Anh khóa cửa và đưa chìa khóa cho người đại diện bên cho thuê. Anh bảo người đó rằng anh sẽ đóng cửa văn phòng. Anh đi về nhà và bỏ gói đồ ở đó. Rồi anh đến nhà của Mike Donnigan.

“Không?” Mike hỏi, sau khi liếc nhìn anh.

“Không,” Roark nói.

“Chuyện gì xảy ra?”

“Tôi sẽ kể cho anh vào dịp khác.”

“Lũ khốn nạn!”

“Đừng bận tâm, Mike.”

“Thế văn phòng?”

“Tôi đã đóng cửa văn phòng.”

“Mãi mãi?”

“Trong thời gian hiện tại.”

“Trời tru đất diệt bọn nó đi, Tóc Đỏ! Trời tru đất diệt bọn nó!”

“Thôi đi. Tôi cần một công việc, Mike. Anh có thể giúp tôi được không?”

“Tôi á?”

“Tôi chẳng biết ai trong mấy ngành đó ở đây. Người mà muốn thuê tôi ấy. Anh thì biết họ.”

“Mấy ngành nào cơ? Cậu đang nói về cái gì đấy?”

“Trong mấy ngành xây dựng ấy. Công việc xây dựng. Giống như tôi đã

làm trước đây.”

“Cậu muốn nói là – công việc của một công nhân bình thường á?”

“Tôi muốn nói là công việc của một công nhân bình thường.”

“Cậu điên rồi, đồ gàn dở!”

“Thôi nào, Mike. Anh tìm giúp tôi một việc được không?”

“Nhưng, quỷ tha ma bắt, tại sao chứ? Cậu có thể tìm một việc tốt ở văn phòng của một kiến trúc sư. Cậu biết là cậu có thể.”

“Tôi sẽ không. Không bao giờ nữa.”

“Tại sao?”

“Tôi không muốn động vào nó. Tôi không muốn nhìn thấy nó. Tôi không muốn giúp bọn họ làm cái họ đang làm.”

“Cậu có thể kiếm một việc tốt, sạch sẽ trong một ngành khác.”

“Như thế thì tôi sẽ phải nghĩ. Mà tôi thì không muốn nghĩ. Không phải theo cách của họ. Kiểu gì cũng phải theo cách của họ – ở bất kỳ nơi nào tôi đến. Tôi muốn một công việc ở chỗ nào mà tôi không phải nghĩ.”

“Kiến trúc sư không ai đi làm việc của công nhân cả.”

“Kiến trúc sư này thì chỉ có thể làm những việc đó.”

“Cậu có thể học được một cái gì đó, nhanh thôi.”

“Tôi chẳng muốn học cái gì cả.”

“Ý cậu là muốn tôi kiếm cho cậu một chân trong một nhóm xây dựng, ở đây, trong thành phố?”

“Đó là ý tôi.”

“Không, đồ chết tiệt! Tôi không thể! Tôi sẽ không làm! Tôi sẽ không làm điều đó!”

“Tại sao?”

“Tóc Đỏ này, cậu định biến mình thành trò hề cho cả lũ khốn kiếp đó trong thành phố này xem đấy hả? Để cả lũ khốn nạn đó biết chúng đã dìm cậu xuống mức này đấy hả? Để cho cả lũ chúng nó hả hê?”

Roark cười phá lên.

“Tôi quan tâm quái gì đến chuyện đó, Mike. Tại sao anh lại phải để ý cơ chứ?”

“À, tôi sẽ không để cậu làm thế. Tôi sẽ không cho cái lũ khốn kiếp đó được hưởng điều ấy.”

“Mike,” Roark nhẹ nhàng nói, “chẳng có gì khác cho tôi làm cả.”

“Quỷ tha ma bắt, có, có đấy. Tôi đã bảo cậu rồi mà. Bây giờ cậu phải nghe lý lẽ một chút. Tôi có đủ tiền cho cậu cho đến khi...”

“Tôi sẽ nói cho anh điều mà tôi đã nói với Austen Heller nhé: nếu anh mà còn định đưa tiền cho tôi một lần nữa, thì tôi và anh sẽ chấm hết.”

“Nhưng tại sao?”

“Đừng tranh cãi nữa, Mike.”

“Nhưng...”

“Tôi xin anh làm cho tôi một điều lớn hơn là đưa tiền. Tôi muốn công việc đó. Anh không cần cảm thấy tiếc cho tôi. Tôi không hề tiếc.”

“Nhưng... nhưng điều gì sẽ xảy ra cho cậu hả Tóc Đỏ?”

“Ở đâu?”

“Ý tôi nói là... tương lai của cậu ấy?”

“Tôi sẽ tiết kiệm đủ tiền và tôi sẽ quay lại. Hoặc là có thể ai đó sẽ tìm đến tôi trước lúc đó.”

Mike nhìn Roark. Anh nhìn thấy cái gì đó trong mắt Roark và anh biết Roark không muốn ở chỗ đó.

“Thôi được rồi, Tóc Đỏ ạ,” Mike nhẹ nhàng nói.

Mike nghĩ trong một lúc lâu. Anh nói: “Nghe này, Tóc Đỏ, tôi sẽ không kiếm cho cậu việc làm trong thành phố. Tôi không thể làm thế được. Chỉ nghĩ đến nó thôi là tôi phát ốm rồi. Nhưng tôi sẽ kiếm cho cậu việc gì đó trong ngành này.”

“Cũng được. Bất kỳ cái gì. Với tôi thế nào cũng được.”

“Tôi đã làm việc cho tất cả những nhà thầu cưng của cái lão khốn Francon đó lâu đến nỗi tôi biết tất cả những ai từng làm việc cho hắn ta. Hắn ta có một mỏ đá granit ở Connecticut. Một trong những đốc công ở đó là bạn thân của tôi. Anh chàng này hiện đang trong thành phố. Cậu đã bao giờ làm việc ở một mỏ đá chưa?”

“Một lần. Lâu rồi.”

“Cậu nghĩ cậu sẽ thích chứ?”

“Tất nhiên.”

“Tôi sẽ đi gặp anh ta. Chúng ta sẽ không nói cho anh ấy biết cậu là ai, chỉ nói cậu là một người bạn của tôi, thế thôi.”

“Cảm ơn anh, Mike.”

Mike với tay lấy áo khoác, và sau đó hai tay anh thõng xuống, và anh nhìn sàn nhà.

“Tóc Đỏ này...”

“Sẽ ổn thôi mà, Mike.”

Roark đi bộ về nhà. Trời tối và đường phố vắng tanh. Một cơn gió mạnh thổi qua. Anh có thể cảm thấy luồng không khí lạnh, vi vút đang thốc vào hai má anh. Đó là bằng chứng duy nhất của cái dòng chảy đang xé toạc không khí. Chẳng có gì khác chuyển động trong cái hành lang bằng đá xung quanh anh. Chẳng có một bóng cây để lay động, chẳng có một tấm rèm, một mái hiên nào; chỉ có những khối đá, thủy tinh, nhựa đường trần trụi và những góc ngoặt sắc cạnh. Thật lạ lùng khi cảm thấy chuyển động mạnh mẽ của cơn gió trên mặt anh. Nhưng trong một thùng rác ở góc đường, một mảnh giấy báo nhàu nát đang kêu lào xào, đập liên hồi vào tấm lưới thép. Nó khiến cho cơn gió trở nên có thật.

*

* *

Buổi tối hai ngày sau đó, Roark đi Connecticut.

Từ trên tàu hỏa, anh ngoái nhìn lại một lần hình dáng của thành phố trên nền trời, trong lúc nó lướt qua mắt anh và giữ được trong vài khoảnh khắc, qua cửa sổ tàu. Ánh sáng nhập nhoạng lúc hoàng hôn đã làm mờ đường nét chi tiết của những tòa nhà. Chúng vươn cao thành những cây cột mỏng mang màu xanh sứ mềm mại, một màu xanh không phải của những vật thể tồn tại thực, mà của trời đêm và của khoảng cách. Chúng vươn cao thành những đường phác trần trụi, giống như những chiếc khuôn rỗng đang chờ được đổ đầy. Khoảng cách đã làm thành phố như được san phẳng ra. Những tòa nhà chọc trời đứng riêng rẽ trở nên cao vút, hoàn toàn quá cỡ so với những gì ở trên mặt đất. Chúng thuộc về thế giới của riêng chúng, và chúng giương trên nền trời lời tuyên bố về cái mà con người đã nghĩ ra và biến thành hiện thực. Chúng là những cái khuôn rỗng. Nhưng con người đã đi xa đến thế thì con người cũng có thể đi xa hơn. Thành phố trên đường viền chân trời ấy đặt ra một thách thức – và một lời hứa.

Những vệt ánh sáng nhỏ lóe lên trên đỉnh một ngọn tháp nổi tiếng, trong khung cửa sổ của Nhà hàng Star Roof. Sau đó tàu quẹo một đường vòng và thành phố biến mất.

Tối hôm đó, trong phòng tiệc lớn của Nhà hàng Star Roof, một bữa tiệc tối đã được tổ chức để ăn mừng việc Peter Keating đã trở thành một đồng sự

của công ty mà từ đây sẽ được biết đến dưới tên gọi hãng Francon & Keating.

Tại một chiếc bàn dài trông có vẻ như được phủ không phải bằng một tấm khăn trải bàn mà bằng một tấm ánh sáng, Guy Francon ngồi. Tối nay, không hiểu sao ông ta không phiền lòng về những vệt tóc bạc xuất hiện bên hai thái dương nữa; chúng lấp lánh một cách đẹp đẽ trên nền đen của mái tóc và cho ông một vẻ sạch sẽ và thanh lịch, giống như màu trắng tuyền của chiếc áo sơ mi của ông trên nền đen của bộ quần áo tiệc tối. Ngồi tại vị trí danh dự là Peter Keating. Anh dựa người về phía sau, hai vai thẳng, hai tay ôm lấy phần thân của một chiếc ly. Những lọn tóc xoăn đen của anh lấp lánh trên vầng trán trắng. Trong giây phút yên lặng đó, các vị khách không cảm thấy ganh tỵ, không oán giận, không thù oán. Có một không khí long trọng của tình bằng hữu ở trong phòng, với sự chiện diện của một chàng trai tuấn tú, có vẻ mặt long trọng như thể đây là lễ thông công đầu tiên của anh ta. Ralston Holcombe đã đứng lên phát biểu. Ông ta đứng, ly rượu trong tay. Ông đã chuẩn bị bài phát biểu, nhưng kinh ngạc thấy mình đang nói một cái gì đó khác hẳn, bằng một giọng hoàn toàn chân thành. Ông nói:

"Chúng ta là những người bảo vệ cho một chức năng quan trọng của con người. Có lẽ là chức năng lớn nhất trong số những nỗ lực của con người. Chúng ta đã đạt được nhiều và chúng ta đã phạm lỗi nhiều. Nhưng chúng ta sẵn sàng, với tất cả sự khiêm nhường, nhường đường cho những người kế tục chúng ta. Chúng ta chỉ là con người và chúng ta chỉ là những người đi tìm kiếm. Nhưng chúng ta tìm kiếm chân lý với những gì tốt đẹp nhất trong trái tim mình. Chúng ta tìm kiếm với những gì tốt đẹp nhất được ban cho loài người. Đây là một công cuộc tìm kiếm vĩ đại. Hãy nâng cốc vì tương lai của ngành kiến trúc Hoa Kỳ!"

PHẦN HAI - ELLSWORTH M.TOOHEY

I.

Nắm chặt bàn tay, như thể da trong lòng bàn tay anh đã dính chặt vào cây thép anh đang nắm – giữ cho bàn chân chắc chắn, ấn chặt xuống mặt đất, nền đá phẳng ấn vào gót chân anh – không cảm thấy sự tồn tại của cơ thể anh, mà chỉ cảm thấy một vài điểm căng thẳng: đầu gối, cổ tay, hai vai, và cái máy khoan anh cầm – cảm thấy máy khoan rung lên trong một cái rùng mình dài, dữ dội – cảm thấy bụng anh run lên, phổi anh run lên, những đường thẳng của gờ đá trước mặt anh tan ra thành những vệt rung nham nhở – cảm thấy máy khoan và cơ thể anh hợp lại thành một ý chí đồng nhất về lực ép, cảm thấy rằng mũi khoan thép có lẽ đang chầm chậm ăn vào khối đá granit – đây là toàn bộ cuộc sống đối với Howard Roark trong hai tháng qua.

Anh đứng trên vỉa đá nóng bỏng dưới ánh mặt trời. Mặt anh bị nung nóng thành màu đồng. Chiếc áo sơ mi dán thành từng mảng vào lưng anh. Mỏ đá xung quanh anh vươn cao thành những tầng phẳng chồng lên nhau. Đây là một thế giới không có đường cong, không có cỏ và đất, đây là một thế giới đơn giản của những mặt phẳng đá, những gờ đá sắc và góc đá nhọn. Khối đá được tạo nên không phải bởi những thế kỷ kiên nhẫn gắn kết những trầm tích của gió và thủy triều; nó hình thành từ một khối vật chất nóng chảy và nguội đi từ từ ở một độ sâu không ai biết được; rồi nó bị ném ra, đẩy bật ra khỏi lòng đất, và nó vẫn mang hình dáng của bạo lực chống lại bạo lực của con người trên các gờ đá của nó.

Những mặt phẳng đá đứng như nhân chứng cho sức mạnh của mỗi vết cắt; mỗi mũi khoan xuyên thẳng xuống; khối đá nứt toác ra trong sự kháng cự kiên quyết. Mũi khoan tiến tới trong tiếng vo ve đều đều, liên tục, sự căng thẳng trong âm thanh đó cắt vào dây thần kinh, qua hộp sọ, như thể những dụng cụ đang run rẩy kia vừa chầm chậm phá vỡ cả khối đá lẫn người cắt đá.

Anh thích công việc đang làm. Đôi khi anh cảm thấy đó là một trận đấu vật giữa các cơ bắp của anh và khối đá granit. Vào buổi tối anh mệt rã rời. Anh thích sự trống rỗng trong cái rã rời của cơ thể.

Vào mỗi buổi tối, anh đi bộ hai dặm từ mỏ đá đến thị trấn nhỏ nơi các công nhân ở. Mặt đất của cánh rừng anh đi qua rất mềm và ấm dưới chân anh; sau một ngày làm việc trên các mặt đá granit, cái cảm giác dẫm chân trên đất mềm thật là lạ; mỗi tối, anh mỉm cười với nó như với một nguồn khoái cảm anh mới phát hiện, và anh nhìn xuống để xem bàn chân anh đạp lên một mặt phẳng – cái mặt phẳng ấy phản ứng lại, rồi nhượng bộ và chấp nhận để những vết chân mờ mờ in lại trên nó.

Anh ở trong căn gác xép của căn nhà trọ – trên gác xép đó có một phòng

tắm; lớp sơn phòng đã tróc khỏi sàn từ lâu để lộ những mảnh ván gỗ trần trụi màu trắng xám. Anh nằm trong bồn tắm một lúc lâu để làn nước lạnh thấm sâu qua lớp bụi đá và rửa trôi chúng đi khỏi da anh. Anh ngả người ra phía sau, tựa đầu trên thành bồn tắm, nhắm mắt lại. Sự vĩ đại của cơn mệt nhọc tự nó đã làm giảm bớt căng thẳng: nó không cho phép bất kỳ một cảm giác nào khác ngoài sự dễ chịu khi cảm giác căng thẳng rời dần khỏi các cơ bắp của anh.

Anh ăn tối trong một gian bếp, cùng với các công nhân khác của mỏ đá. Anh ngồi một mình bên một chiếc bàn trong góc; các đụn khói đặc mỡ – luôn kêu lách tách trên một chiếc lò ga lớn – xóa mờ phần còn lại của căn phòng bằng một khối khói mờ dinh dính. Anh ăn ít. Anh uống rất nhiều nước; thứ chất lỏng lạnh, lóng lánh trong một chiếc ly sạch sẽ làm anh chếnh choáng.

Anh ngủ trên một tấm ván nhỏ ngay dưới mái nhà. Những tấm ván trên trần nhà nghiêng xuống ngay phía trên giường ngủ của anh. Khi trời mưa, anh có thể nghe thấy tiếng lộp độp của từng giọt mưa trên mái nhà, và anh phải cố gắng lắm mới nhận ra tại sao anh không cảm thấy nước mưa đập vào người mình.

Đôi lúc sau bữa tối, anh đi bộ vào khu rừng phía sau nhà. Anh nằm dài trên đất, nằm sấp, hai khuỷu tay bạnh ra phía trước, hai bàn tay đỡ lấy cằm, và anh ngắm nghía những đường gân trên những lá cỏ dưới mặt anh; anh thổi vào chúng và xem những lá cỏ run rẩy rồi dừng lại. Anh xoay người nằm ngửa và bất động, cảm thấy hơi ấm của mặt đất dưới lưng anh. Trên cao kia, những lá cây vẫn xanh, nhưng đó là thứ màu xanh dày dặn, cô đặc, như thể được nén lại trong một nỗ lực cuối cùng trước khi lớp bụi đến hòa tan nó ra. Các lá cây bất động treo trên nền trời vàng chanh bóng loáng; vẻ xanh xao rõ ràng của bầu trời càng làm nổi rõ ánh sáng đang yếu dần đi. Anh ấn mạnh hông và lưng xuống mặt đất phía dưới; mặt đất kháng cự, nhưng nhượng bộ; đó là một chiến thắng âm thầm; anh cảm thấy một sự khoan khoái nhè nhẹ trong các cơ bắp ở chân anh.

Đôi lúc, không thường xuyên lắm, anh ngồi dậy và không nhúc nhích trong một lúc lâu; sau đó anh mỉm cười, nụ cười chậm rãi của một viên đao phủ ngắm nhìn nạn nhân của mình. Anh nghĩ về những ngày tháng trôi qua, về những tòa nhà có thể anh đang xây dựng, lẽ ra anh đang xây dựng, và có thể, sẽ không bao giờ xây dựng. Anh quan sát sự xuất hiện không được chào mời của nỗi đau, với một sự tò mò lạnh lùng và thản nhiên; anh tự nói với mình: À, nó lại đến rồi. Anh đợi xem nó sẽ kéo dài bao lâu. Nó cho anh một khoái cảm khó khăn và kỳ lạ khi anh theo dõi cuộc vật lộn của anh với nó; anh có thể quên mất rằng nó chính là nỗi đau của anh; anh có thể mỉm cười

khinh bỉ, không nhận ra rằng anh cười vào chính nỗi đau đớn của mình. Những giây phút ấy rất hiếm. Nhưng khi chúng đến thì anh cảm thấy như lúc anh cảm thấy trong mỏ đá: rằng anh phải khoan xuyên qua khối đá granit, rằng anh phải chọc vào và đập nát cái thứ trong con người anh – cái thứ ngoan cố chống lại bằng cách kêu gọi anh rủ lòng thương.

*

* *

Mùa hè năm đó Dominique Francon sống một mình trong biệt thự xây theo phong cách Thuộc địa của cha cô, cách thị trấn nơi có mỏ đá ba dặm. Cô không tiếp khách. Một người quản gia già và vợ ông là những người duy nhất mà cô nhìn thấy, không thường xuyên lắm và chỉ khi nào cần thiết; họ sống cách lâu đài một quãng, gần chỗ những chuồng ngựa; người quản gia chăm sóc vườn tược và lũ ngựa; vợ ông chăm sóc biệt thự và nấu ăn cho Dominique.

Những bữa ăn được phục vụ với vẻ trang trọng lịch thiệp mà người đàn bà luống tuổi đã học được từ những ngày mẹ của Dominique còn sống và tiếp đãi khách trong phòng ăn lớn đó. Vào ban đêm, Dominique thấy chỗ ngồi duy nhất của cô ở bàn ăn đã được sắp xếp như thể cho một bữa tiệc chính thức long trọng; nến đã được thắp, những lưỡi lửa vàng đứng bất động giống như những mũi giáo kim loại sáng bóng của một người lính gác danh dự. Bóng tối kéo dài gian phòng thành một tiền sảnh lớn, những khung cửa sổ rộng vươn lên như những hàng lính canh thẳng tắp. Một chiếc bát pha lê nông đứng trong vũng ánh sáng ở phần trung tâm chiếc bàn dài, với một bông huệ tây nước duy nhất xòe những cánh hoa trắng xung quanh phần nhụy vàng óng như một giọt lửa nến.

Người đàn bà luống tuổi phục vụ bữa ăn với sự yên lặng kín đáo, và biến mất khỏi ngôi nhà ngay khi có thể. Khi Dominique đi lên thang gác về phòng ngủ, cô thấy những nếp gấp đăng-ten mỏng manh của chiếc áo ngủ đã nằm ngay ngắn trên giường.

Vào buổi sáng, cô vào phòng tắm và thấy nước đã sẵn sàng trong bồn tắm, mùi hoa dạ hương thoang thoảng trong phòng tắm, sàn gạch màu xanh biển được kỳ cọ bóng loáng dưới chân cô, những chiếc khăn tắm lớn được trải ra như những đống tuyết nuốt chửng lấy thân thể cô – nhưng cô chẳng nghe thấy một tiếng bước chân nào và không cảm thấy sự có mặt của sự sống trong căn nhà. Người đàn bà đối xử với Dominique bằng sự cẩn trọng thành kính giống như sự cẩn trọng khi bà lau những tấm kính lật của các tủ kính trong phòng khách.

Dominique đã nghỉ nhiều mùa hè và mùa đông với rất nhiều người xung

quanh, để có thể có cảm giác một mình – nhiều đến nỗi cuộc thí nghiệm về cảm giác một mình thực sự trở thành một niềm say mê của cô, đồng thời để lộ cái điểm yếu mà cô chưa bao giờ cho phép mình có: rằng cô thích một mình. Cô vươn những cánh tay và thả cho chúng rơi xuống một cách lười biếng, cảm thấy một sức nặng ngọt ngào uể oải ở phía trên khuỷu tay, như cảm giác sau ngụm rượu đầu tiên. Cô nhận biết những chiếc váy mùa hè của mình, cô cảm thấy hai đầu gối, hai đùi cô chạm vào sự kháng cự yếu ớt của lớp vải khi cô di chuyển, và nó khiến cô nhận thức được không phải lớp vải, mà là hai đầu gối và hai đùi cô.

Căn nhà đứng một mình trên một khu đất rộng lớn, và rừng trải rộng ở phía sau; chẳng có ai sống xung quanh đó trong vòng vài dặm. Cô cưỡi ngựa trên những con đường dài bị bỏ không, trên những lối mòn chẳng dẫn đến đâu. Lá cây lấp loáng trong ánh mặt trời và các cành cây nhỏ kêu răng rắc trong gió khi cô phi ngựa vụt qua. Đôi lúc cô thấy mình thở hổn hển vì cảm giác bất chợt rằng một thứ gì đó vĩ đại và chết người sẽ chờ cô sau chỗ ngoặt tiếp theo của con đường; cô không thể hình dung rõ được cái mà cô chờ đợi, cô không thể nói liệu đó sẽ là một cảnh vật, một con người, hay một sự kiện; cô chỉ biết được tính chất của nó – đó là khoái cảm vì bị cưỡng bức.

Đôi lúc cô bắt đầu từ căn nhà và đi bộ hàng dặm, chẳng có mục đích gì và chẳng đặt ra mục tiêu lúc nào thì quay về. Xe hơi chạy vụt qua cô trên đường; mọi người trong thị trấn của mỏ đá biết cô và cúi chào cô; cô được coi là bà chủ của vùng nông thôn này, giống như mẹ cô trước đây. Cô ra khỏi con đường và đi vào rừng, hai cánh tay vung vẩy thoải mái, đầu ngửa ra sau, ngắm nhìn đỉnh những ngọn cây. Cô thấy những đám mây bơi sau đám lá cây; trông cảnh đó như thể một cái cây khổng lồ trước mặt cô đang chuyển động, đang nghiêng đi, sẵn sàng đổ xuống và nghiền nát cô; cô dừng lại; cô đợi, đầu ngửa ra sau, họng cô căng ra; cô cảm thấy như thể cô muốn được nghiền nát ra. Sau đó cô nhún vai và bước tiếp. Cô nóng nảy ném những cành cây to ra khỏi đường đi và để chúng cào vào cánh tay trần của mình. Cô bước tiếp rất lâu sau khi đã mệt nhoài, cô vẫn bước tiếp mặc kệ cái mệt rã rời trong các cơ bắp. Rồi cô nằm ngửa ra, bất động, hai cánh tay và đôi chân dang ra thành hình chiếc thập tự trên nền đất; cô thở phào, cảm thấy trống rỗng và bị san phẳng. Sức nặng của không khí giống như một áp lực đè lên ngực cô.

Một vài buổi sáng, khi thức dậy trong phòng ngủ, cô nghe thấy những tiếng nổ từ khu mỏ đá. Cô vươn người, hai cánh tay vươn ra sau đầu trên chiếc gối lụa trắng, và cô lắng nghe. Đó là âm thanh của sự phá hủy và cô thích nó.

*

* *

Do mặt trời không quá nóng vào sáng hôm đó, và cô biết trời sẽ nóng hơn ở mỏ đá, do cô không muốn gặp ai cả và biết cô sẽ đối mặt với một đám công nhân, Dominique đi bộ đến mỏ. Ý nghĩ sẽ được nhìn thấy mỏ đá trong ngày nóng nực đó làm người ta kinh hoàng; cô thích cái viễn cảnh này.

Khi cô đi ra khỏi khu rừng đến bên miệng của một lòng chảo đá khổng lồ, cô cảm thấy như thể cô đang bị ấn vào một phòng hành quyết sặc sụa hơi nóng. Cái nóng không phải đến từ mặt trời, mà là từ những vết cắt dở trong đất, từ những tia nắng hắt trên những mặt đá phẳng. Vai cô, đầu cô, lưng cô – vốn trần ra dưới nắng – dường như mát lạnh khi cô cảm thấy hơi thở thiêu đốt của đá phả ngược lên chân cô, đến cằm cô, đến hai lỗ mũi. Không khí sôi lục bục bên dưới, những tia lửa bắn xuyên qua lớp đá granit; cô nghĩ rằng khối đá đang oằn oại, tan ra, và chảy thành những giọt dung nham trắng. Máy khoan và búa đập vỡ sức nặng tĩnh mịch của không khí.

Thật kinh hoàng khi nhìn những người đàn ông trên cái giàn thiêu này. Họ trông không giống công nhân, họ trông giống một đoàn tù nhân bị xích vào nhau và đang phải chịu một sự hành xác không thể nói ra vì một tội lỗi cũng không thể nói ra. Cô không thể quay đi.

Cô đứng, như một sự lăng mạ với cảnh tượng phía bên dưới. Váy của cô – màu của nước, một màu xanh lục pha lá cây nhàn nhạt, quá đơn giản và quá đắt tiền, những đường xếp nếp trông giống hệt những đường gờ thủy tinh – hai gót chân mỏng của cô choãi rộng ra trên những tảng đá, làn tóc mượt của cô, sự mỏng manh quá mức của thân thể cô trên nền trời – phô bày sự mát mẻ cảnh vẻ của những khu vườn và những phòng khách cô đã từ đó tới.

Cô nhìn xuống. Mắt cô dừng lại trên mái tóc màu da cam của một người đàn ông. Người đó ngẩng đầu lên và nhìn cô.

Cô đứng bất động, bởi cái nhận thức đầu tiên của cô không phải là nhận thức của thị giác mà là của xúc giác: đó không phải là sự nhận biết bằng mắt về một sự hiện diện, mà là sự nhận biết về một cái tát vào mặt.

Cô vụng về đưa một tay lên khỏi người cô, những ngón tay xòe ra trong không khí, như thể đang sờ vào một bức tường. Cô biết rằng cô không thể cử động, cho đến khi anh ta cho phép.

Cô thấy miệng anh và sự khinh bỉ không lời trong hình dáng khuôn miệng anh; những mặt phẳng của gò má hốc hác, hõm sâu của anh; cái ánh sáng lạnh lẽo, thuần khiết trong mắt anh, con mắt không có một chút dấu vết gì của lòng thương hại. Cô biết đó là khuôn mặt đẹp nhất mà cô có thể nhìn thấy trên đời, bởi nó là sức mạnh trừu tượng được hiển thị thành xương thịt. Cô cảm thấy sự co rút của một cơn giận, của sự phản đối, kháng cự – và của

khoái cảm. Anh đứng nhìn lên cô; đó không phải là một cái liếc nhìn, mà là một hành động sở hữu. Cô nghĩ cô phải để cho khuôn mặt mình đưa ra câu trả lời mà anh xứng đáng được nhận. Nhưng thay vào đó, cô cứ đứng nhìn lớp bụi đá trên những cánh tay bị đốt bỏng của anh, nhìn chiếc áo sơ mi ướt đẫm bám dính lấy xương sườn anh, nhìn những đường thẳng là đôi chân dài của anh. Cô nghĩ về những bức tượng đàn ông cô đã luôn tìm kiếm; cô tự hỏi anh sẽ trông thế nào lúc trần truồng. Cô thấy anh nhìn cô như thể anh biết điều đó. Cô nghĩ cô đã tìm thấy một mục đích trong cuộc sống – một sự căm ghét bất thần, bao trùm, dành cho người đàn ông đó.

Cô là người cử động trước. Cô quay người và bước đi khỏi phía anh. Cô thấy người giám sát mỏ trên con đường phía trước, và cô vẫy anh ta. Người giám sát vội vàng chạy đến gặp cô. "Trời ơi, tiểu thư Francon!" anh ta hét lên. "Trời ơi, cô khỏe không, tiểu thư Francon!"

Cô hy vọng những lời này được người đàn ông bên dưới kia nghe thấy. Lần đầu tiên trong đời, cô cảm thấy vui vì được là tiểu thư Francon, vui vì địa vị và tài sản của cha cô, những thứ mà cô đã luôn luôn coi thường. Cô chợt nghĩ rằng người đàn ông dưới kia chỉ là một anh công nhân tầm thường, bị sở hữu bởi chủ của nơi này, và cô gần như là chủ của nơi này.

Người giám sát mỏ đứng trước cô một cách cung kính. Cô mỉm cười và nói: "Tôi đoán là một ngày nào đó tôi sẽ thừa kế mỏ đá này, nên tôi nghĩ thỉnh thoảng tôi nên tỏ ra quan tâm tới nó một chút."

Người giám sát mỏ đi trước cô trên con đường xuống dưới, chỉ cho cô thấy mỏ đá, giải thích các công việc. Cô đi theo anh ta tới tận phía bên kia của mỏ đá; cô bước xuống khu thung lũng xanh đầy bụi nơi có xưởng làm việc; cô xem xét những máy móc phức tạp. Cô cho phép một khoảng thời gian thích hợp trôi qua. Rồi cô đi bộ trở lại, một mình, xuống chỗ miệng lòng chảo đá granit.

Cô thấy anh từ xa khi cô bước lại gần. Anh đang làm việc. Cô thấy một lọn tóc đỏ vương trên mặt anh và đung đưa theo nhịp rung của chiếc máy khoan. Cô nghĩ – không, cô hy vọng – rằng nhịp rung của chiếc máy khoan sẽ làm anh đau, làm cơ thể anh đau, làm mọi thứ trong thân thể anh đau.

Khi cô đến chỗ những tảng đá phía trên anh, anh ngẩng đầu lên và nhìn cô; trước đó cô không thấy anh đã nhận thấy cô bước lại; anh ngẩng lên nhìn như thể đã chờ cô đến chỗ đó, như thể anh biết cô sẽ quay lại. Cô nhìn thấy bóng dáng của một nụ cười – nụ cười gây cảm giác nhục mạ hơn cả lời nói. Anh duy trì cái nhìn xấc xược thẳng vào cô, anh không nhúc nhích, anh không chịu nhượng bộ bằng cách quay đi – bằng cách công nhận rằng anh không có quyền nhìn cô theo cách như vậy. Anh không chỉ cho mình cái

quyền ấy, anh đang thầm nói rằng cô đã cho anh quyền ấy.

Cô quay ngoắt người và bước tiếp, xuống khỏi phiến đá dốc, đi khỏi mỏ đá.

*

* *

Cô nhớ, không phải mắt anh, không phải miệng anh, mà là đôi tay anh. Ý nghĩa của ngày hôm đó dường như được chốt lại trong một hình ảnh duy nhất mà cô đã lưu: đó là khoảnh khắc một bàn tay của anh đặt trên phiến đá granit. Cô lại thấy nó một lần nữa: những ngón tay anh áp vào phiến đá, những ngón tay dài tiếp nối những đường gân thẳng, xòe ra như hình quạt từ cổ tay đến các khớp ngón tay anh. Cô nghĩ về anh, nhưng hình ảnh hiện hữu trong tất cả những suy nghĩ của cô là hình ảnh bàn tay đó trên mặt đá granit. Nó làm cô sợ hãi; cô không thể hiểu được.

Anh ta chỉ là một công nhân tầm thường, cô nghĩ, một người được thuê để làm công việc của một tù nhân. Cô nghĩ về điều đó khi ngồi trước chiếc giá thủy tinh của chiếc bàn trang điểm. Cô nhìn vào những vật thể pha lê trải ra trước mặt cô; chúng giống như những sản phẩm điêu khắc bằng nước đá – chúng tuyên bố sự mỏng manh lạnh lẽo và sang trọng của cô; và cô nghĩ đến thân thể bị kéo căng ra của anh, đến bộ quần áo đầm trong bụi và mồ hôi của anh, đến đôi tay anh. Cô cố tình nghĩ đến sự tương phản, bởi nó hạ thấp cô. Cô dựa người ra sau, nhắm mắt lại. Cô nghĩ về nhiều người đàn ông gia thế mà cô đã từ chối. Cô nghĩ đến người công nhân mỏ đá. Cô nghĩ đến việc bị bẻ gãy – không bởi một người cô ngưỡng mộ, mà bởi một người cô ghê tởm. Cô để cho đầu mình gục xuống cánh tay; ý nghĩ kia đã làm cô rã rời trong khoái cảm.

Trong hai ngày cô tự bắt mình phải tin rằng cô sẽ trốn khỏi nơi này; cô tìm thấy những cặp tài liệu du lịch cũ trong rương, nghiên cứu chúng, chọn khu nghỉ, khách sạn và phòng khách sạn, chọn tàu hỏa, thuyền và phòng nghỉ trên tàu. Cô cảm thấy vui thích một cách độc ác khi làm thế, bởi cô biết cô sẽ không thực hiện chuyến đi mà cô muốn; cô sẽ quay lại mỏ đá.

Ba ngày sau cô trở lại mỏ đá. Cô dừng lại chỗ gờ đá nơi anh làm việc và đứng quan sát anh một cách công khai. Khi anh ngẩng đầu lên, cô không quay đi. Ánh mắt cô bảo anh rằng cô biết ý nghĩa hành động của mình nhưng không tôn trọng anh đủ để che giấu nó. Ánh mắt anh chỉ nói với cô rằng anh biết cô sẽ quay lại. Anh cúi người trên chiếc máy khoan và tiếp tục làm việc. Cô đợi. Cô muốn anh nhìn lên. Cô biết rằng anh biết thế. Anh không nhìn lên nữa.

Cô đứng, xem đôi tay anh, đợi những khoảnh khắc anh chạm vào đá. Cô

quên chiếc máy khoan và khối thuốc nổ. Cô thích nghĩ đến khối đá bị vỡ ra bởi bàn tay anh.

Cô nghe thấy người giám sát mỏ gọi tên mình, vừa gọi vừa chạy lên chỗ cô. Cô quay lại phía anh ta khi anh ta đến gần.

"Tôi thích xem công nhân làm việc," cô giải thích.

"Vâng, quả là một cảnh đáng xem, phải không ạ?" người giám sát mỏ đồng ý. "Ở đằng kia xe goòng đang bắt đầu chất một chuyến đá nữa."

Cô không quan sát xe goòng. Cô thấy người đàn ông phía dưới đang nhìn cô, cô thấy sự vui thích một cách hỗn láo của anh nói với cô rằng anh biết cô không muốn anh nhìn cô bây giờ. Cô quay đầu đi. Ánh mắt của người giám sát lướt qua hố đá và dừng lại ở người đàn ông bên dưới.

"Này, anh kia!" anh ta hét lên. "Anh được trả tiền để làm việc hay để nhìn chằm chằm người ta thế?"

Người đàn ông lặng lẽ cúi xuống chiếc máy khoan. Dominique phá lên cười.

Người giám sát nói: "Thưa tiểu thư Francon, dưới đó là một đám thợ bất trị... Một số người trong đó thậm chí đã từng vào tù."

"Thế người đó có từng bị vào tù không?" cô hỏi, trỏ xuống dưới.

"À, tôi không thể nói chắc. Cứ nhìn mặt thì tôi không biết được."

Cô hy vọng là anh có. Cô băn khoăn không biết bây giờ người ta còn đánh tù nhân bằng roi hay không. Cô hy vọng là có. Nghĩ đến điều này, cô thấy một cảm giác rơi tự do mà cô từng cảm thấy lúc bé, trong những giấc mơ mà ở đó cô rơi xuống một cầu thang dài; có điều cảm giác rơi tự do này ở trong bụng cô.

Cô quay ngoắt người đi và rời khỏi mỏ đá.

Rất nhiều ngày sau, cô trở lại. Cô thấy anh, hoàn toàn ngoài dự tính, trên một phiến đá phẳng ở phía trước cô, ngay bên vệ đường. Cô dừng phắt lại. Cô không muốn tiến đến quá gần. Thật lạ khi thấy anh ngay trước mặt cô, không có khoảng cách nào để tự vệ hay biện minh.

Anh đứng nhìn thẳng vào cô. Sự hiểu biết giữa họ trở nên gần đến mức choáng ngợp, bởi vì họ chưa từng nói với nhau một lời nào. Cô phá vỡ nó bằng cách cất lời với anh:

"Tại sao anh cứ nhìn tôi chằm chằm?" – cô lạnh lùng hỏi.

Cô nghĩ với cảm giác nhẹ nhõm rằng ngôn từ là công cụ hữu hiệu nhất để gây xa cách. Cô đã phủ nhận tất cả những gì mà cả hai người đều biết bằng

cách gọi tên nó ra. Trong một khoảnh khắc, anh đứng yên lặng, nhìn thẳng vào cô. Cô cảm thấy sợ hãi với ý nghĩ rằng anh sẽ không trả lời, rằng anh sẽ để sự im lặng của anh nói với cô một cách rành mạch tại sao việc trả lời là không cần thiết. Nhưng anh đã trả lời. Anh nói:

"Vì chính lý do mà cô đã nhìn tôi chằm chằm."

"Tôi không biết anh đang nói gì."

"Nếu cô không biết, thì cô đã ngạc nhiên hơn nhiều và cũng đỡ sợ hãi hơn nhiều, cô Francon."

"Vậy là anh biết tên tôi?"

"Cô đã quảng bá nó khá lớn."

"Tốt nhất là anh đừng nên hỗn láo. Tôi có thể đuổi việc anh ngay tức khắc, anh biết đấy."

Anh quay đầu, tìm kiếm ai đó trong những người đàn ông phía dưới. Anh hỏi:

"Tôi có nên gọi người phụ trách?"

Cô cười một cách ngạo mạn:

"Không, dĩ nhiên là không. Như vậy quá đơn giản. Nhưng vì anh biết tôi là ai, tốt nhất là anh nên thôi nhìn tôi những khi tôi đến đây. Người ta có thể hiểu nhầm."

"Tôi không nghĩ thế."

Cô quay đi. Cô phải kiểm soát giọng nói của mình. Cô nhìn qua những mép đá. Cô hỏi:

"Anh thấy làm việc ở đây có vất vả không?"

"Có. Kinh khủng."

"Anh có bị mệt không?"

"Quá sức chịu đựng của con người."

"Cảm giác đó thế nào?"

"Tôi hầu như không thể nhấc chân khi hết ngày làm việc. Tôi không thể cử động tay vào ban đêm. Khi tôi nằm trên giường, tôi có thể đếm từng bắp thịt trong cơ thể tôi, theo từng cơn đau khác nhau, riêng biệt."

Cô chợt nhận ra anh không còn nói với cô về anh nữa; anh đang nói về cô; anh đang nói những điều mà cô muốn nghe và đang nói với cô rằng anh biết tại sao cô lại muốn nghe chính những câu này.

Cô thấy giận dữ, một cảm giác giận dữ đầy thỏa mãn bởi vì nó lạnh lẽo và chắc chắn. Cô cũng cảm thấy cái ham muốn được để cho da mình chạm vào da anh; để cho chiều dài cánh tay trần của cô áp vào chiều dài cánh tay anh; chỉ thế thôi; cái ham muốn không có gì thêm nữa.

Cô hỏi một cách bình thản:

"Anh không phải người ở đây, đúng không? Anh không ăn nói giống một người thợ. Trước đây anh là gì?"

"Thợ điện. Thợ nước. Thợ xây. Nhiều thứ."

"Tại sao anh làm việc ở đây?"

"Vì số tiền mà cô đang trả tôi, cô Francon."

Cô nhún vai. Cô quay người và bước đi khỏi anh, ngược lên con đường. Cô biết anh đang nhìn theo cô. Cô không ngoái lại. Cô tiếp tục đi xuyên qua mỏ đá và cô rời khỏi nó nhanh hết mức có thể, nhưng cô không đi ngược lại con đường mòn bởi vì như thế, cô sẽ lại phải nhìn thấy anh.

II.

Dominique tỉnh dậy mỗi sáng với hình dung về một ngày mà cô sẽ làm cho nó trở nên trọng đại bởi sự hiện diện của cái mục tiêu mà cô phải đạt tới: cô sẽ biến hôm nay thành một ngày mà cô không đi tới mỏ đá.

Cô đã mất cái tự do mà cô yêu thích. Cô biết rằng bản thân trận chiến dai dẳng chống lại sự cưỡng bách của một ham muốn cũng chính là một sự cưỡng bách, nhưng nó tồn tại trong một hình thái mà cô dễ chấp nhận hơn. Đấy là cách duy nhất mà cô có thể để anh làm động cơ thúc đẩy cuộc sống của cô. Cô tìm thấy một niềm thỏa mãn đen tối trong sự đau đớn – bởi vì sự đau đớn ấy đến từ anh.

Cô đi thăm những người hàng xóm xa – một gia đình giàu có, lịch thiệp mà lúc ở New York, cô cho là tẻ ngắt; cô đã không đi thăm ai suốt cả mùa hè. Họ ngạc nhiên và vui mừng được đón cô. Cô ngồi giữa một nhóm những người có thế lực ở bên bờ một bể bơi. Cô quan sát cái không khí lịch sự cảnh vẻ ở quanh cô. Cô quan sát sự tôn kính trong bộ dạng của những người này khi họ nói chuyện với cô. Cô liếc nhìn bóng mình trong bể bơi: trông cô giản dị hơn bất cứ ai trong bọn họ.

Một buổi tối, một người khách đề nghị được lái xe đưa cô về nhà. Anh ta là một nhà thơ trẻ nổi tiếng. Anh ta xanh xao và dong dỏng; có một cái miệng mềm mại, tinh tế và một đôi mắt như bị cả vũ trụ làm cho tổn thương. Cô đã không để ý tới sự quan tâm đầy ngụ ý mà anh dành cho cô lâu nay. Khi họ lái xe xuyên qua buổi hoàng hôn, cô thấy anh nghiêng người một cách do dự về phía cô. Cô nghe thấy giọng anh thì thầm những lời cầu xin rời rạc mà cô đã nghe thấy từ rất nhiều người đàn ông. Anh dừng xe lại. Cô thấy môi anh áp vào bờ vai cô.

Cô vùng ra khỏi anh ta. Cô ngồi im trong một giây, bởi vì cô sẽ phải chạm vào anh ta nếu cô cử động và cô không thể chịu được việc chạm vào anh ta. Rồi cô mở tung cửa xe, cô nhảy ra ngoài, sập mạnh cửa xe lại phía sau, như thể tiếng sập cửa có thể xóa anh ta ra khỏi thực tại và cô điên cuồng chạy. Một lúc sau, cô ngừng chạy và cô đi bộ, run rẩy; cô đi xuống con đường tối cho đến khi cô nhìn thấy đường mái của nhà mình.

Cô dừng lại, nhìn quanh mình với cảm giác kinh ngạc đầy đủ đầu tiên. Những sự việc như thế đã xảy ra với cô thường xuyên trong quá khứ; có điều lúc đó, cô đã thích thú; cô đã không cảm thấy sự kinh tởm; cô chẳng cảm thấy gì cả.

Cô đi bộ chậm chạm dọc bãi cỏ, vào đến nhà. Trên cầu thang dẫn lên phòng mình, cô dừng lại. Cô nghĩ đến người đàn ông ở mỏ đá. Cô nghĩ, bằng

những ngôn từ rành mạch, thành lời, rằng người đàn ông đó muốn cô. Cô đã biết trước điều đó; cô đã biết nó từ cái liếc nhìn đầu tiên của anh lên người cô. Nhưng cô chưa bao giờ tuyên bố cái nhận thức này với bản thân mình.

Cô cười lớn. Cô nhìn xung quanh mình; nhìn vào sự nguy nga im lìm của ngôi nhà. Ngôi nhà làm cho những lời của cô trở nên phi lý. Cô biết điều này chưa bao giờ xảy ra với cô. Và cô biết sự chịu đựng mà cô có thể bắt anh chịu.

Trong nhiều ngày, cô đi lại trong các căn phòng của ngôi nhà với cảm giác thỏa mãn. Đây là phòng tuyến của cô. Cô nghe thấy những tiếng nổ từ mỏ đá và mỉm cười.

Nhưng cô cảm thấy căn nhà quá chắc chắn và quá an toàn. Cô cảm thấy một ham muốn phải hạ thấp sự an toàn bằng cách thách thức nó.

Cô chọn một miếng đá cẩm thạch ở phía trước lò sưởi trong phòng ngủ của cô. Cô muốn đập vỡ nó. Cô quỳ, búa trong tay, và cố đập vỡ phiến đá. Cô đập liên tục, cánh tay gầy guộc vung lên quá đầu, bổ xuống với một sự bất lực hung bạo. Cô cảm thấy đau trong những khớp xương của cánh tay, xương bả vai. Cô chỉ có thể tạo ra được một vết nứt dài trên phiến đá.

Cô đi tới mỏ đá. Cô thấy anh từ xa và bước thẳng tới chỗ anh.

"Chào." – cô nói với vẻ bình thường.

Anh dừng mũi khoan. Anh dựa người vào một gờ đá. Anh trả lời:

"Chào."

"Tôi đã nghĩ tới anh" – cô nói khẽ, và dừng lại, rồi nói thêm, giọng cô tuôn ra đều đều như một lời mời hấp dẫn – "bởi vì có một chút việc nặng cần làm trong nhà tôi. Anh có muốn kiếm thêm ít tiền không?"

"Chắc chắn rồi, cô Francon."

"Anh có thể đến chỗ tôi tối nay không? Lối vào cho người hầu ở phía đường Ridgewood. Có một viên đá cẩm thạch ở lò sưởi bị vỡ và cần được thay. Tôi muốn anh lấy nó ra và đặt một viên mới cho tôi."

Cô chờ đợi sự giận dữ và từ chối. Anh hỏi:

"Mấy giờ thì tôi đến?"

"Bảy giờ. Anh được trả công bao nhiêu ở đây?"

"Sáu mươi hai xu một giờ."

"Tôi chắc là anh đáng giá từng đó. Tôi sẵn sàng trả cho anh như vậy. Anh có biết tìm nhà tôi không?"

“Không, cô Francon.”

“Cứ hỏi người trong làng chỉ cho.”

“Được, cô Francon.”

Cô bước đi, thất vọng. Cô cảm thấy sự ngầm hiểu giữa họ đã bị mất; anh đã nói như thể đó là một công việc đơn giản mà cô có thể đề nghị bất cứ người thợ nào. Rồi cô thấy một khoảng rỗng chìm dần bên trong – cái cảm giác nhục nhã và khoan khoái mà anh luôn mang lại cho cô: cô nhận ra rằng sự ngầm hiểu giữa hai người trở nên gần và trắng trợn hơn bao giờ hết – trong sự chấp nhận tự nhiên của anh với một lời đề nghị không tự nhiên; anh đã cho cô thấy anh biết những gì – chính ở sự không hề ngạc nhiên của anh.

Cô yêu cầu người quản gia già và vợ ông ta ở lại trong nhà vào buổi tối đó. Sự hiện diện khiêm cung của họ làm cho khung cảnh một biệt thự cổ trở nên trọn vẹn. Cô nghe thấy tiếng chuông cửa từ lối vào dành cho người làm đúng bảy giờ. Bà già dẫn anh vào trong sảnh trước – ở đó Dominique đứng trên cái chiếu nghỉ của cầu thang lớn.

Cô quan sát anh tiến lại gần, nhìn lên cô. Cô giữ tư thế của mình đủ lâu để anh có thể nghi ngờ rằng đấy là một tư thế có chủ đích, được cố ý dàn dựng; cô phá vỡ nó đúng vào cái khoảnh khắc ngay trước khi anh trở nên chắc chắn về nó. Cô nói:

“Chào.” Giọng cô nhẹ, nghiêm nghị.

Anh không trả lời nhưng khẽ nghiêng đầu và đi lên cầu thang về phía cô. Anh mặc quần áo lao động và mang theo một túi dụng cụ. Cử động của anh mang một vẻ nhanh nhẹn, thoải mái trái ngược với ngôi nhà, với những bậc thang đánh bóng, với những lan can tinh xảo, cứng nhắc. Cô đã chờ được thấy anh trở nên lố bịch trong nhà cô; nhưng chính là căn nhà dường như trở nên lố bịch xung quanh anh.

Cô đưa một tay, ra dấu cánh cửa phòng ngủ của cô. Anh đi theo. Anh dường như không để ý tới căn phòng khi anh bước vào. Anh bước vào như thể nó là một cái xưởng. Anh đi thẳng tới chỗ lò sưởi.

“Nó đấy.” – cô nói, một ngón tay trỏ vào miếng đá.

Anh không nói gì. Anh quỳ xuống, lấy một tấm kim loại mỏng ra khỏi túi đồ, giữ nó cắm vào vết nứt trên mặt đá, lấy một cái búa ra và gõ mạnh. Viên đá nứt thành một đường dài, sâu.

Anh liếc lên nhìn cô. Đấy là cái nhìn mà cô đã sợ – cái nhìn mang một tiếng cười mà cô không thể đáp lại, bởi vì tiếng cười ấy không thể nhìn thấy, chỉ có thể cảm thấy. Anh nói:

“Giờ thì nó vỡ rồi và cần phải được thay.”

Cô hỏi bình thản:

“Anh có biết nó là loại đá nào và có thể đặt một miếng như thế ở đâu không?”

“Có, cô Francon.”

“Thế thì làm đi. Lấy nó ra.”

“Vâng, cô Francon.”

Cô đứng nhìn anh. Thật lạ khi cảm thấy sự cần thiết phi lý phải quan sát một tiến trình thủ công như thể mắt cô đang giúp vào tiến trình ấy. Rồi cô nhận ra rằng cô sợ phải nhìn căn phòng quanh mình. Cô buộc mình ngẩng đầu lên.

Cô nhìn thấy cái giá trên bàn trang điểm, cái gờ thủy tinh của nó như một miếng ruy-băng mỏng, bằng sa-tanh xanh trong bóng tối mờ mờ; và những cái lọ pha lê; cô thấy một đôi dép lê trắng để đi trong phòng ngủ, một cái khăn màu xanh nhạt trên sàn, ngay cạnh gương; một đôi tất vứt trên thành ghế; cô thấy tấm ga trải giường bằng sa-tanh trắng. Áo của anh có những vết nhơ ẩm ướt và những đám bụi đá màu xám; bụi làm thành những vệt ngang dọc trên da tay anh. Cô cảm thấy mỗi đồ vật trong phòng đều đã được anh chạm vào, như thể không khí trong phòng là một bể nước nặng nề mà cả hai người đều đã đầm mình trong đó; và làn nước đã chạm vào anh lại chuyển cái va chạm đó sang cô, tới mọi đồ vật trong phòng. Cô muốn anh nhìn lên. Anh làm việc, không hề ngẩng đầu lên.

Cô tiến lại gần anh và đứng im lặng phía trên anh. Cô chưa bao giờ đứng gần anh như vậy. Cô nhìn xuống làn da nhẵn ở gáy anh; cô có thể phân biệt từng sợi tóc của anh. Cô liếc xuống mũi chiếc xăng-đan của cô. Nó ở đó, trên sàn, chỉ cách cơ thể anh vài xăng-ti-mét; cô chỉ cần một cử động, một cử động rất nhỏ của bàn chân, là chạm vào anh. Cô bước lùi lại sau.

Anh quay đầu nhưng không ngẩng lên, mà chỉ lấy một dụng cụ khỏi túi, và lại cúi xuống công việc.

Cô cười lớn. Anh dừng lại và liếc nhìn cô.

“Gì vậy?” – anh hỏi.

Mặt cô nghiêm nghị, giọng cô nhẹ nhàng khi cô trả lời:

“À, tôi xin lỗi. Anh có thể nghĩ là tôi cười anh. Nhưng dĩ nhiên là không.”

Cô nói thêm:

“Tôi không muốn làm phiền anh. Tôi chắc anh nóng lòng làm cho xong

và đi khỏi đây. Dĩ nhiên, ý tôi là bởi vì anh hẳn rất mệt. Nhưng mặt khác, tôi đang trả công anh theo giờ; vì thế nên cũng chả sao nếu như anh kéo dài thời gian một chút, nếu anh muốn kiếm nhiều hơn. Hẳn là anh phải muốn nói chuyện gì đó."

"À, vâng, cô Francon."

"Thế nào?"

"Tôi nghĩ cái lò sưởi này xấu tồi tệ."

"Thế à? Cái nhà này do cha tôi thiết kế."

"Vâng, dĩ nhiên rồi, cô Francon."

"Anh không có lý gì lại bàn việc của một kiến trúc sư."

"Hoàn toàn không có lý gì."

"Chắc chắn là chúng ta có thể chọn một chủ đề khác."

"Vâng, cô Francon."

Cô bước đi khỏi anh. Cô ngồi xuống giường, chống người vào những cánh tay thẳng, hai chân bắt chéo và áp sát vào nhau thành một đường thẳng dài. Thân người cô, hơi chùng xuống từ bả vai, đối nghịch với sự chính xác tuyệt vời của đôi chân; sự nghiêm khắc lạnh lùng trên mặt cô đối nghịch với dáng ngồi của cô.

Thỉnh thoảng anh liếc nhìn cô trong lúc làm việc. Anh nói với vẻ phục tùng:

"Tôi sẽ đảm bảo việc lấy cho cô một miếng đá đúng loại này, cô Francon. Việc phân biệt các loại cẩm thạch rất quan trọng. Nhìn chung, có ba loại. Loại cẩm thạch trắng, hình thành do sự kết tinh của đá vôi, cẩm thạch mã não là do can-xi các-bon-nát lắng lại, còn cẩm thạch xanh chủ yếu gồm hợp chất si-li-cát hoặc séc-pơ-tin có tích nước của ma-giê. Loại sau cùng này thực ra không phải là cẩm thạch thực sự. Cẩm thạch thực sự phải là dạng biến chất của đá vôi, hình thành do nhiệt và áp suất. Áp suất là một nhân tố quan trọng. Nó đưa đến những hậu quả mà một khi đã phát sinh thì khó kiểm soát".

"Những hậu quả nào?" – cô hỏi, nghiêng người về phía trước.

"Sự kết tinh của các hạt đá vôi và sự xâm nhập của các tạp chất từ trong đất xung quanh. Những thứ này tạo nên các vệt màu thường thấy ở hầu hết các loại cẩm thạch. Cẩm thạch hồng là do sự có mặt của ô-xít măng-gan; cẩm thạch xám là do chất than chì, cẩm thạch vàng là do việc ô-xi hóa sắt. Miếng cẩm thạch này, dĩ nhiên, là cẩm thạch trắng. Có nhiều loại cẩm thạch

trắng khác nhau. Cô phải rất cẩn thận, cô Francon."

Cô ngồi chúi người về trước, thu mình thành một cái bóng đen mờ mờ; ánh sáng ngọn đèn rọi vào một bàn tay cô đang đặt hờ trên đầu gối, lòng bàn tay ngửa lên, những ngón tay khép hờ, một đường ánh sáng mảnh vạch qua các kẽ ngón tay, màu vải thẫm của chiếc váy cô mặc khiến cho bàn tay trở nên quá trần trụi và trắng.

"... để đảm bảo là tôi sẽ đặt một miếng đá khác cùng loại. Ví dụ như không nên thay bằng một miếng cẩm thạch trắng vùng Georgia, vì nó không mịn như cẩm thạch trắng vùng Alabama. Đây là cẩm thạch Alabama. Loại rất tốt. Rất đắt."

Anh thấy bàn tay cô nắm lại và buông xuống, ra khỏi ánh đèn. Anh tiếp tục công việc trong im lặng.

Khi anh đã xong, anh đứng dậy, hỏi cô:

"Tôi nên bỏ vụn đá ở đâu?"

"Cứ để đó. Tôi sẽ cho người dọn."

"Tôi sẽ đặt một miếng mới, đo vừa và mang đến cho cô, cô trả tiền khi nhận đá. Cô có muốn tôi gắn nó không?"

"Có chứ, chắc chắn rồi. Tôi sẽ cho anh biết khi nào nó đến. Tôi nợ anh bao nhiêu tiền?" Cô liếc nhìn chiếc đồng hồ trên cái bàn cạnh giường. "Để xem nào, anh ở đây 45 phút. Vậy là 48 xu." Cô với tay lấy túi, cô lấy ra đồng một đô la, đưa cho anh. "Cứ giữ lấy tiền thừa đi." – cô nói.

Cô hy vọng anh sẽ ném nó vào mặt cô. Anh nhét tờ bạc vào túi. Anh nói:

"Cảm ơn, cô Francon."

Anh nhìn rìa tay áo dài của cô đang run lên ở bên dưới những ngón tay nắm chặt.

"Chúc ngủ ngon." – cô nói; giọng cô rỗng ra vì giận dữ.

Anh cúi người. "Chúc ngủ ngon, cô Francon."

Anh quay người và bước xuống cầu thang, ra khỏi nhà.

*

* *

Cô không nghĩ đến anh. Cô nghĩ đến miếng cẩm thạch mà anh đã đặt đưa đến. Cô chờ nó đến, với một sự mong mỏi đến phát sốt như người lên cơn nghiện bất thần; cô đếm từng ngày; cô quan sát những chiếc xe tải hiếm hoi trên con đường phía ngoài bãi cỏ.

Cô tự nhủ với bản thân một cách mạnh mẽ rằng cô chỉ đang chờ miếng cẩm thạch tới; chỉ thế thôi, không có gì khác, không có lý do kín nào, không có lý do nào cả. Nó là cơn điên loạn cuối cùng; cô hoàn toàn tự do trước mọi thứ khác. Miếng đá sẽ đến và nó sẽ là dấu chấm hết.

Khi miếng đá đến, cô hầu như không thèm nhìn nó. Chiếc xe tải chở hàng chưa kịp rời khỏi bãi cỏ, cô đã ở bàn, viết lên một miếng giấy đắt tiền. Cô viết:

"Đá đã tới. Tôi muốn đặt nó tối nay."

Cô sai người quản gia cầm tờ giấy xuống mỏ. Cô ra lệnh đưa nó cho "Tôi không biết tên anh ta. Anh chàng tóc đỏ làm việc ở đây."

Người quản gia trở lại và mang cho cô một miếng giấy, xé ra từ một cái túi giấy xi măng, trên có dòng chữ bằng bút chì:

"Cô sẽ có nó tối nay."

Cô đợi bên cửa sổ phòng ngủ, với một trạng thái trống rỗng đến nghẹt thở của sự bồn chồn. Chuông cửa lối vào dành cho người hầu rung lên lúc bảy giờ. Có một tiếng gõ ở cửa phòng cô. "Vào đi." – cô gắt – để giấu sự lạ lùng trong giọng nói của chính cô. Cửa mở và vợ người quản gia bước vào, hướng dẫn ai đó vào theo. Người vào theo là một người đàn ông Ý, trung niên, thấp, thô người, chân cong, đeo khuyên tai vàng ở một bên tai và hai tay kính cẩn cầm một cái mũ đã sờn.

"Người này từ mỏ đá đến, thưa cô Francon." – vợ người quản gia nói.

Dominique hỏi, giọng cô không phải là một tiếng gào, cũng không phải là một câu hỏi:

"Anh là ai?"

"Pasquale Orsini." – người đàn ông ngoan ngoãn trả lời với vẻ ngạc nhiên.

"Anh muốn gì?"

"À, tôi... thì, Tóc Đỏ ở dưới mỏ nói là lò sưởi cần sửa, anh ta nói cô muốn tôi sửa."

"Đúng rồi, đúng rồi, dĩ nhiên rồi." – cô nói và đứng dậy – "Tôi quên mất. Làm đi."

Cô phải biến khỏi căn phòng. Cô phải chạy, phải không để cho bất cứ ai nhìn thấy cô, phải không để cho chính cô nhìn thấy mình, nếu cô có thể thoát khỏi căn phòng.

Cô dừng lại ở đâu đó trong vườn và đứng run lên, dúi hai nắm tay vào

mắt. Đây là sự giận dữ. Đây là một cảm xúc đơn nhất, toàn vẹn cuốn phăng mọi thứ; tất cả mọi thứ trừ sự sợ hãi ẩn dưới cơn giận; sợ hãi bởi vì cô biết rằng bây giờ cô không thể đến gần mỏ đá và rằng cô sẽ đến.

Nhiều ngày sau đó, vào một buổi chiều tối, cô đi đến mỏ đá. Cô trở về trên lưng ngựa từ một cuộc dạo chơi trong vùng nông thôn, và cô nhìn thấy những cái bóng đổ dài trên thảm cỏ; cô biết rằng cô không thể chịu đựng thêm một đêm nữa. Cô phải đến đó trước khi những người công nhân về nhà. Cô quay ngựa. Cô phi đến mỏ đá, như bay, gió cắt vào hai má cô.

Anh không ở đó khi cô đến được mỏ đá. Cô biết ngay tức khắc rằng anh không ở đó mặc dù những người thợ chỉ đang bắt đầu ra về và rất nhiều vẫn đang túa từ lòng chảo đá xuống đường mòn. Cô đứng, hai môi mím chặt, và cô tìm anh. Nhưng cô biết là anh đã đi khỏi.

Cô cưỡi ngựa vào rừng. Cô cứ đi vô định giữa những bức tường lá cây như tan chảy ở phía trước dưới ánh hoàng hôn tắt dần. Cô dừng lại, bẻ gãy một cành cây dài, mảnh; dứt hết lá và đi tiếp, dùng cành cây như cái roi, vụt cho con ngựa chạy nhanh hơn. Cô cảm thấy như thể tốc độ sẽ đẩy nhanh buổi tối, buộc những giờ phía trước trôi qua nhanh hơn, đưa cô nhảy qua thời gian để bắt kịp bình minh trước khi nó đến. Và rồi cô nhìn thấy anh đi bộ một mình trên con đường mòn phía trước cô.

Cô băng lên. Cô bắt kịp anh và dừng lại đột ngột – sự đột ngột ném người cô về phía trước rồi ngật ra sau như người ta thả lỏng một sợi dây đàn. Anh đứng lại.

Họ không nói gì. Họ nhìn nhau. Cô nghĩ mỗi khoảnh khắc im lặng đi qua là một sự thú nhận; sự đối mặt không lời này quá hùng hồn – sự thừa nhận rằng không cần thiết phải chào hỏi.

Cô hỏi, giọng cô bằng phẳng:

"Tại sao anh không đến đặt miếng đá?"

"Tôi nghĩ là với cô thì ai đến cũng có gì khác nhau đâu. Hay là có khác nhau, hả cô Francon?"

Cô cảm thấy những lời nói không phải là những thanh âm mà là một cú đấm vào miệng cô. Cái cành cây trong tay cô vung lên và quật ngang mặt anh. Cô quất ngựa đi cũng cùng lúc với hành động ấy.

*

* *

Dominique ngồi ở bàn trang điểm trong phòng ngủ. Đã rất khuya. Không hề có âm thanh nào trong căn nhà rộng lớn, trống vắng quanh cô. Những cửa

kính trong phòng ngủ của cô mở ra một ban công và không hề có tiếng lá cây từ khu vườn tối bên dưới.

Những tấm chăn trên giường cô được lật ra, chờ cô; chiếc gối trắng tương phản với những cửa sổ cao, màu đen. Cô nghĩ cô sẽ cố ngủ. Cô đã không thấy anh ba ngày. Cô vuốt tay qua đầu, những đường cong của lòng bàn tay ép xuống những lọn tóc. Cô ép những ngón tay ẩm ướt nước hoa xuống hai điểm trũng của thái dương và giữ chúng ở đó trong một khoảnh khắc; cô thấy dễ chịu khi chất nước lạnh lẽo, dễ bốc hơi cắn vào da cô. Một giọt nước hoa bị rớt ra vẫn còn trên mặt kính của bàn trang điểm – giọt nước lấp lánh như một viên đá quý và cũng đắt như một viên đá quý.

Cô đã không nghe thấy tiếng bước chân trong vườn. Cô chỉ nghe thấy chúng khi chúng đi lên cầu thang, tới ban công. Cô ngồi dậy, cau mày. Cô nhìn ra những cửa sổ kính.

Anh vào. Anh mặc quần áo thợ, chiếc áo bẩn thỉu với tay áo xắn, chiếc quần loang lổ bụi đá. Anh đứng nhìn cô. Không hề có sự ngầm hiểu ngạo nghễ trên mặt anh. Mặt anh đanh lại, khắc khổ vì sự hung bạo, rắn lại vì sự đam mê, hai gò má lún xuống, đôi môi mím chặt. Cô bật dậy, cô đứng, hai cánh tay ngoặt ra sau, những ngón tay xòe ra. Anh không cử động. Cô nhìn thấy một mạch máu ở cổ anh phồng lên, đập, và xẹp xuống.

Rồi anh bước về phía cô. Anh ôm cô như thể da thịt anh đã cắt ngang qua da thịt cô và cô cảm thấy những đốt xương trong cánh tay anh nằm trên những xương sườn của cô, hai chân cô ép mạnh vào hai chân anh, miệng anh trên miệng cô.

Cô không biết liệu sự sợ hãi lay cô trước, và cô thúc khuỷu tay vào họng anh, vặn người để thoát ra, hay là cô nằm im trong tay anh, trong khoảnh khắc đầu tiên, trong cú sốc của cảm giác thấy da anh trên da cô – điều mà cô đã nghĩ đến, đã mong chờ, đã chưa bao giờ biết nó lại như thế này, điều cô không thể biết bởi vì đây không phải là một phần của sự sống mà là một thứ người ta không thể chịu đựng được lâu hơn một giây.

Cô cố gắng bứt ra khỏi anh. Nỗ lực ấy vỡ vụn trước cánh tay anh – cánh tay không hề cảm thấy sức chống cự. Những nắm đấm của cô đập vào vai anh, vào mặt anh. Anh đưa một tay, nắm cả hai cổ tay cô, dằn nó ra phía sau cô, dưới cánh tay anh, vặn mạnh bả vai cô. Cô vặn đầu ra sau. Cô cảm thấy đôi môi anh trên ngực cô. Cô vùng người ra.

Cô ngã ngồi xuống bàn trang điểm, cô đứng thủ thế, hai tay cô bám chặt vào mép bàn phía sau, mắt mở to, không màu, không hình dạng trong sự sợ hãi. Anh đang cười lớn. Có cử động của cái cười trên mặt anh nhưng không hề có âm thanh. Có thể anh đã cố tình để cô thoát ra. Anh đứng, hai chân

dang ra, hai tay buông hai bên, để cho cô có thể nhận biết rõ ràng hơn về thân thể anh từ khoảng cách giữa họ thay vì khi cô trong tay anh. Cô nhìn vào cánh cửa phía sau anh, anh nhìn thấy dấu hiệu cử động đầu tiên, không ngoài một ý nghĩ về việc nhảy đến cánh cửa. Anh chìa một tay ra, không chạm vào cô, và lùi lại. Hai vai cô chuyển động nhẹ, nhô lên. Anh bước một bước lên trước và hai vai cô xẹp xuống. Cô thu người xuống thấp hơn, gần hơn vào cái bàn. Anh để cô đợi. Rồi anh tiến đến. Anh nhấc cô lên mà không cần sức. Cô để răng cô ngập vào tay anh và cảm thấy máu trên đầu lưỡi. Anh kéo đầu cô ra sau và anh ép môi cô mở ra, áp vào môi anh.

Cô chống trả như một con thú. Nhưng cô không hề kêu. Cô không kêu cứu. Cô nghe thấy tiếng vọng những cú đấm của cô trong một tiếng thở dốc của anh và cô biết đấy là tiếng thở dốc của khoái cảm. Cô với tới cái đèn trên bàn trang điểm. Anh gạt cái đèn khỏi tay cô. Thủy tinh vỡ thành vụn nhỏ trong bóng tối.

Anh đã ném cô xuống giường và cô cảm thấy máu đập trong cổ họng cô, trong mắt cô, sự căm giận, sự sợ hãi bất lực trong máu cô. Cô cảm thấy sự căm giận và những bàn tay của anh; những bàn tay chuyển động trên thân thể cô, những bàn tay đã phá đá granit. Cô chống cự trong cơn cuồng loạn cuối cùng. Rồi một cơn đau xói lên, xuyên qua thân thể cô, lên họng cô, và cô gào lên. Rồi cô nằm yên.

Đó là một hành động có thể được thực hiện một cách dịu dàng, như một dấu ấn của tình yêu, hoặc một cách khinh bỉ, như một biểu tượng của sự lăng nhục và chinh phục. Đó có thể là hành động của một người tình hoặc là hành động của một người lính hãm hiếp một người đàn bà bên hàng ngũ kẻ thù. Anh thực hiện nó như một hành động khinh bỉ. Không phải như tình yêu, mà như sự cưỡng bức. Và điều này khiến cho cô nằm yên và tuân phục.

Nếu có một cử chỉ dịu dàng từ phía anh – thì cô sẽ vẫn lạnh lùng, vô cảm trước những gì được thực hiện trên thân thể cô. Nhưng hành động của một ông chủ thực hiện hành vi sở hữu nhục nhã và đáng khinh đối với thân thể cô chính là thứ phấn khích mà cô đã mong muốn. Rồi cô cảm thấy anh run lên trong cao trào của một thứ khoái cảm mà chính anh cũng không chịu nổi, cô biết rằng cô đã cho anh cái đó, rằng nó đến từ cô, từ cơ thể cô, và cô cắn môi và cô biết rằng anh đã muốn để cô biết.

Anh nằm yên trên giường, cách xa cô, đầu anh ngửa ra sau qua cạnh giường. Cô nghe tiếng thở chậm chạp của anh hết dần. Cô nằm ngửa, khi anh đã rời cô, không động đậy, môi cô hé mở. Cô cảm thấy trống rỗng, nhẹ nhàng và bằng phẳng.

Cô thấy anh đứng dậy. Cô nhìn thấy đường viền của thân thể anh trên cửa

sổ. Anh bước ra ngoài, không một lời và chẳng một lần liếc nhìn cô. Cô nhận thấy điều này, nhưng cũng chẳng sao hết. Cô lắng nghe một cách trống rỗng tiếng bước chân anh xa dần khỏi khu vườn.

Cô nằm yên một lúc lâu. Rồi cô cử động lưỡi trong khuôn miệng còn đang mở. Cô nghe thấy một tiếng gì đó từ đâu đó trong cô, và đó là một âm thanh khô khốc, ngắn ngủn, ghê tởm của một tiếng khóc, nhưng cô không khóc, mắt cô bị tê liệt, ráo hoảnh và mở to. Âm thanh đó trở thành một chuyển động, một cú xóc chạy xuống dưới cổ họng cô tới bụng cô. Cô nghe tiếng chiếc bàn nhỏ bên cạnh chiếc giường kêu răng rắc trong bóng tối, và cô nhìn nó, trong sự kinh ngạc trống rỗng, nhận thấy một chiếc bàn có thể chuyển động chẳng có lý do gì. Rồi cô hiểu rằng cô đang run lên. Cô không sợ hãi; nó có vẻ ngớ ngẩn khi run lên như thế – bằng những cú giật ngắn, riêng rẽ, như những cái nấc cụt. Cô nghĩ rằng cô phải tắm. Nhu cầu tắm trở nên thúc bách không chịu nổi, như thể cô đã cảm thấy thế lâu lắm rồi. Sẽ chẳng có vấn đề gì hết, chỉ cần cô tắm thôi.

Cô lê bước chậm chạp tới cửa phòng tắm.

Cô bật đèn trong phòng tắm. Cô thấy mình trong một tấm gương lớn. Cô thấy những vết thâm tím còn lại trên thân thể cô do môi anh để lại. Cô nghe thấy một tiếng rên bị nghẹt lại trong họng mình, một tiếng rên không lớn lắm. Lý do không phải là cảnh cô nhìn thấy trong gương, mà là ánh chớp vụt lóe trong nhận thức. Cô biết rằng cô sẽ không tắm. Cô biết rằng cô muốn giữ cảm giác về thân thể anh, giữ những dấu vết của thân thể anh để lại trên người cô, và cô cũng biết cái ước muốn đó hàm nghĩa gì. Cô quỳ gối, bám chặt thành bồn tắm.

Cô không thể khiến mình bò qua thành bồn tắm. Hai tay cô cứ trượt đi, cô nằm bất động trên sàn. Gạch lát sàn cứng và lạnh dưới thân thể cô. Cô nằm đó đến sáng.

*

* *

Roark tỉnh dậy vào buổi sáng và nghĩ rằng đêm qua giống như một cột mốc đã được đạt đến, giống như một trạm dừng trong dòng chảy cuộc đời anh. Anh đang tiến lên chỉ vì mục đích đạt đến những trạm dừng như thế – những giây phút anh đi bộ qua ngôi nhà đang xây dở cho Heller là một điểm dừng; đêm qua là một điểm dừng nữa. Theo một cách không được tuyên bố công khai, thì đêm qua đối với anh cũng có ý nghĩa như việc xây dựng đối với anh – trong cái cách mà anh phản ứng với nó, trong cái mà nó mang lại cho nhận thức của anh về sự tồn tại.

Họ đã hợp nhất trong một sự thấu hiểu vượt quá bạo lực, vượt quá sự

dung tục cố ý trong hành động của anh; nếu cô có ý nghĩa ít hơn đối với anh thì anh đã không chiếm đoạt cô như anh đã làm; nếu anh có ý nghĩa ít hơn đối với cô thì cô đã không chiến đấu một cách dữ dội như vậy. Và sự hoan hỉ không thể diễn tả thành lời nằm ở chỗ anh biết cả hai người đều hiểu điều này.

Anh đến mỏ đá và làm việc như bình thường ngày hôm đó. Cô không đến mỏ đá và anh không hy vọng cô sẽ đến. Nhưng ý nghĩ về cô vẫn ở lại. Anh ngắm nghía nó với nỗi tò mò. Thật là lạ khi cảm nhận được sự tồn tại của một con người khác, khi cảm thấy nó như một sự cần thiết gần gũi và thúc bách; một sự cần thiết không cần kiểm định, không dễ chịu mà cũng chẳng đau đớn, chỉ có tính chất chung thẩm giống như một tối hậu thư. Điều quan trọng là biết rằng cô tồn tại trên thế giới; quan trọng là nghĩ về cô, về việc cô thức dậy sáng nay như thế nào, về việc cô di chuyển như thế nào, với thân thể của cô vẫn là của anh, giờ đây là của anh mãi mãi, về việc cô nghĩ gì.

Tối hôm đó, vào bữa tối trong căn bếp đầy mồ hóng, anh mở một tờ báo và nhìn thấy cái tên Roger Enright trong mục chuyện nhặt nhạnh. Anh đọc đoạn báo ngắn ngủi: "Có vẻ như một dự án lớn đang sắp bị vứt bỏ. Roger Enright, ông vua dầu mỏ, có vẻ như đang gặp rắc rối lần này. Ông sẽ phải tạm dừng kế hoạch viển vông mới đây nhất của ông là xây dựng một Tòa nhà Enright. Vấn đề là ở kiến trúc sư, như chúng tôi được thông báo.

Có vẻ như một nửa tá kiến trúc sư nổi tiếng đã bị Ngài Enright không hài lòng đuổi ra cửa. Tất cả những người này đều là các kiến trúc sư hàng đầu."

Roark cảm thấy một cơn quặn thắt anh vẫn thường xuyên phải vật lộn chống lại, để nó không thể làm anh bị đau đớn quá mức: cơn quặn thắt vì bất lực trước cái viễn cảnh về những gì anh đã có thể làm, vì biết được những gì đã có thể thành hiện thực và những gì đã bị đóng lại trước mặt anh. Sau đó, chẳng hiểu sao, anh lại nghĩ về Dominique Francon. Cô chẳng có quan hệ gì với những gì anh đang nghĩ trong đầu; anh bị sốc chỉ vì biết rằng cô có thể vẫn hiện hữu ngay cả trong những điều này.

Một tuần trôi qua. Sau đó, một buổi tối, anh thấy một lá thư đợi anh ở nhà. Nó đã được gửi từ văn phòng cũ của anh tới địa chỉ cuối cùng của anh ở New York, rồi được gửi tiếp từ đó cho Mike, và từ Mike đến Connecticut. Anh không nhận ra địa chỉ in nổi của một công ty dầu mỏ trên phong bì. Anh mở lá thư. Anh đọc:

"Thưa ông Roark,

"Tôi đã mất nhiều thời gian cố gắng liên lạc với ông, nhưng không thể tìm được nơi ông ở. Xin ông hãy liên lạc với tôi càng sớm càng tốt. Tôi muốn thảo luận với ông về Tòa nhà Enright của tôi, nếu ông là người đã xây

dựng Cửa hàng Fargo.

"Kính thư,

Roger Enright."

Nửa tiếng sau Roark đã ở trên tàu hỏa. Khi tàu bắt đầu chuyển bánh, anh nhớ đến Dominique và rằng anh đang bỏ cô lại. Ý nghĩ này có vẻ như xa xăm và chẳng quan trọng gì. Anh chỉ kinh ngạc khi nhận thấy rằng anh vẫn nghĩ đến cô, ngay cả lúc này.

*

* *

Cô có thể chấp nhận, Dominique nghĩ, và cô có thể đi đến chỗ quên mọi việc đã xảy ra với cô, ngoại trừ một ký ức: ký ức về việc cô đã thấy khoái cảm trong điều đã xảy ra, về việc anh biết điều đó, và một ký ức nữa: đó là việc anh đã biết điều đó trước cả khi anh đến với cô và việc anh đã không đến nếu anh không biết thế. Cô đã không cho anh câu trả lời, câu trả lời đáng ra đã cứu cô: một câu trả lời rằng cô chỉ đơn thuần khiếp sợ – ngược lại, cô đã thấy vui sướng trong sự khiếp sợ, trong sự kinh hoàng của mình, và trong sức mạnh của anh. Đó chính là sự làm nhục mà cô muốn và cô căm ghét anh vì điều đó.

Một buổi sáng cô nhận được một lá thư đặt trên bàn ăn. Thư của Alvah Scarret. "... Bao giờ thì em về đấy hả Dominique? Tôi không thể nói hết chúng tôi ở đây nhớ em đến thế nào. Ở cạnh em thì cũng không dễ chịu cho lắm, thực sự tôi còn sợ em là đằng khác, nhưng tôi vẫn cứ muốn thổi phồng cái tôi vốn đã được thổi phồng của em thêm, dù ở xa, và thú thật với em rằng tất cả chúng tôi ở đây đều đang sốt ruột đợi em. Nó sẽ giống như sự trở về của một vị Nữ hoàng."

Cô đọc thư và mỉm cười. Cô nghĩ, nếu họ mà biết... những người đó... cuộc sống cũ đó và sự kính trọng đầy sợ hãi trước con người cô... Mình đã bị hiếp... Mình đã bị hiếp bởi một tên lưu manh tóc đỏ từ một mỏ đá... Mình, Dominique Francon... Xuyên qua cái cảm giác của sự nhục mạ, những lời này khiến cô thấy khoái cảm giống hệt như niềm khoái cảm cô có khi ở trong vòng tay anh.

Cô nghĩ về điều này khi cô đi bộ qua vùng nông thôn, khi cô đi ngang qua mọi người trên đường và qua những người cúi chào cô, bà chủ của thị trấn. Cô muốn gào to về điều này cho tất cả bọn họ nghe thấy.

Cô không nhận thấy rằng nhiều ngày đã trôi qua. Cô cảm thấy thỏa mãn trong một sự thản nhiên kỳ lạ, được ở một mình với những lời nói cô cứ nhắc đi nhắc lại với chính mình. Thế rồi, một buổi sáng, khi đang đứng trong bãi

cỏ trong vườn, cô hiểu rằng một tuần đã trôi qua và rằng đã một tuần qua cô chưa gặp anh. Cô quay lại và nhanh chóng đi qua bãi cỏ xuống đường. Cô đang đi đến mỏ đá.

Cô đi bộ mấy dặm đến mỏ đá, đầu để trần dưới nắng. Cô không vội vã. Không có gì mà phải vội vã. Việc đó không thể tránh được. Việc gặp lại anh... Cô chẳng có mục đích gì. Nhu cầu này lớn lao đến mức không thể định ra một mục đích nào... Sau đó... Có những điều khác nữa, những điều gớm ghiếc, quan trọng đằng sau cô và đang lờ mờ hiện lên trong đầu óc cô, nhưng trước hết, trên tất cả, chỉ một điều này thôi: phải gặp lại anh... Cô đến chỗ mỏ đá và nhìn quanh một cách chậm chạp, cẩn thận, ngớ ngẩn – ngớ ngẩn bởi sự lớn lao của điều cô nhìn thấy không chịu nhập vào trí não cô: cô đã lập tức nhận ra rằng anh không ở đó. Công việc đang vào lúc cao điểm, mặt trời ở vị trí cao nhất trong thời điểm bận rộn nhất trong ngày, chẳng có một người công nhân nào rỗi rãi, nhưng anh không có mặt trong số họ. Cô đứng và chờ đợi trong trạng thái tê liệt một lúc lâu.

Rồi cô nhìn thấy người đốc công và ra hiệu cho anh ta đến gần.

"Xin chào tiểu thư Francon... Một ngày tuyệt đẹp đúng không tiểu thư? Giống như là giữa mùa hè ấy, thế mà đã sắp đến mùa thu rồi đấy, phải, mùa thu sắp đến, tiểu thư nhìn lá cây kìa, tiểu thư Francon."

Cô hỏi:

"Có một người ở đây... một người đàn ông có mái tóc màu cam rất sáng... anh ta đâu rồi?"

"À đúng rồi. Người đó hả. Anh ta đi rồi."

"Đi rồi?"

"Bỏ rồi. Đi New York rồi, tôi nghĩ thế. Bỏ đi rất bất ngờ nữa chứ."

"Khi nào? Cách đây một tuần?"

"Ồ, không. Mới hôm qua thôi."

"Người..." Rồi cô dừng lại. Cô đã định hỏi: "Người đó là ai vậy?" Thay vì thế cô hỏi:

"Người nào làm việc ở đây tối qua khuya thế? Tôi nghe thấy tiếng nổ."

"Đó là để phục vụ một đơn đặt hàng đặc biệt cho tòa nhà của ngài Francon. Tòa nhà Cosmo-Slotnick ấy, tiểu thư biết đấy. Một việc gấp."

"À... thế à..."

"Xin lỗi nó đã làm phiền tiểu thư, thưa tiểu thư Francon."

"Ồ không sao hết..."

Cô bước đi. Cô sẽ không chịu hỏi tên anh. Đó là cơ hội tự do cuối cùng của cô.

Cô đi nhanh, dễ dàng, bất thình lình thấy nhẹ nhõm. Cô tự hỏi tại sao cô chưa bao giờ nhận thấy rằng cô không biết tên anh và tại sao cô chưa bao giờ hỏi anh. Có lẽ vì từ cái nhìn đầu tiên cô đã biết mọi thứ cô phải biết về anh. Cô nghĩ, người ta không thể tìm được một người công nhân vô danh trong thành phố New York. Cô an toàn rồi. Nếu cô mà biết tên anh, cô sẽ lên đường đến New York ngay lúc này.

Tương lai thật đơn giản. Cô chẳng có gì để làm ngoại trừ việc không bao giờ hỏi tên anh. Cô đã được ân xá. Cô đã có cơ hội để chiến đấu. Cô sẽ đánh bại nó – hoặc nó sẽ đánh bại cô. Nếu nó đánh bại cô, thì cô sẽ hỏi tên anh.

III.

Khi Peter keating bước vào văn phòng, tiếng cánh cửa mở nghe như một tiếng kèn trôm-pét chói tai. Cánh cửa vung ra phía trước, như thể nó tự mở khi người đàn ông này tiến tới gần; đây là người mà tất cả các cánh cửa khác đều phải mở theo thể thức như vậy.

Một ngày làm việc của anh ở văn phòng bắt đầu với việc đọc báo. Đợi anh trên bàn là một chồng báo chí đã được cô thư ký xếp gọn gàng. Anh thích được thấy báo chí đề cập đến những diễn tiến mới về Tòa nhà Cosmo-Slotnick hoặc về công ty Francon & Keating.

Không hề có lời đề cập nào trên các báo sáng nay, và Keating cau mày. Tuy nhiên, anh lại nhìn thấy một bài về Ellsworth Toohey. Đây là một câu chuyện khiến người ta giật mình. Thomas L.Foster, một nhà hảo tâm, đã chết và để lại, trong số những khoản thừa kế lớn, một khoản tiền khiêm nhường có trị giá một trăm ngàn đô la cho Ellsworth Toohey, "người bạn và người hướng đạo linh hồn của tôi – để tỏ lòng trân trọng tới trí tuệ thanh cao và sự cống hiến hết mình cho nhân loại." Ellsworth M.Toohey đã chấp nhận khoản thừa kế này và đã chuyển nó, một cách nguyên vẹn, tới *Viện Nghiên cứu Xã hội*, một viện đại học tiên tiến nơi ông ta giữ vị trí giảng viên môn *Nghệ thuật như một Hiện tượng Xã hội*. Ông giải thích một cách đơn giản rằng ông "không tin vào việc để thừa kế cho một cá nhân." Ông từ chối không bình luận thêm gì nữa. "Không, các bạn của tôi ạ," ông nói, "không bình luận thêm gì về điều này nữa." Và ông nói thêm – với khả năng tuyệt vời trong việc hài hước hóa những giây phút quan trọng của mình – "Tôi muốn đắm mình trong thú vui bình luận chỉ khi có những chủ đề thú vị. Tôi không coi bản thân mình là một trong những chủ đề này."

Peter Keating đọc câu chuyện. Và vì anh biết rằng đó là một hành động anh sẽ không bao giờ thực hiện, nên anh cực kỳ ngưỡng mộ nó.

Rồi anh nghĩ, với một thoáng tức giận quen thuộc, rằng anh vẫn chưa gặp được Ellsworth Toohey. Toohey đã đi thực hiện một tua giảng bài ngay sau khi diễn ra lễ trao giải cuộc thi Cosmo-Slotnick, và những cuộc gặp mặt sáng giá mà Keating tham dự kể từ đó đã bị trống vắng vì thiếu sự có mặt của người mà anh khao khát được gặp nhất. Cái tên Keating chưa bao giờ được nhắc đến trong mục của Toohey. Keating khấp khởi lật trang báo, như anh làm mỗi sáng, sang mục *Một tiếng nói nhỏ* trong tờ *Ngọn cờ New York*. Nhưng mục *Một tiếng nói nhỏ* hôm nay đăng bài Bài hát và những thứ khác, và nội dung của nó xoay quanh việc chứng minh tính siêu việt của các bài hát dân ca đối với các thể loại âm nhạc khác, và chứng minh tính siêu việt

của việc hát theo dàn đồng ca đối với bất kỳ một phong cách thể hiện âm nhạc nào khác.

Keating bỏ tờ *Ngọn cờ* xuống. Anh đứng lên và bực bội đi lại trong văn phòng, vì bây giờ anh phải chuyển sang một vấn đề đau đầu. Anh đã trì hoãn nó trong vài buổi sáng. Đó là vấn đề chọn một nhà điêu khắc cho Tòa nhà Cosmo-Slotnick. Cách đây mấy tháng, hợp đồng điêu khắc bức tượng lớn mang chủ đề "Lao động"[66] để đặt trong gian tiền sảnh của tòa nhà đã được giao cho – tạm thời giao cho – Steven Mallory. Việc này làm Keating thấy khó hiểu, nhưng nó lại do ông Slotnick quyết định, nên Keating đã đồng ý. Anh đã phỏng vấn Mallory và nói: "... vì thừa nhận khả năng khác thường của anh... tất nhiên anh chưa có tên tuổi, nhưng anh sẽ có, sau khi thực hiện một hợp đồng như thế này... những hợp đồng cho những tòa nhà như của tôi không phải ngày nào cũng có đâu."

Anh không thích Mallory. Mắt Mallory trông giống như những cái hố màu đen còn lại sau một vụ hỏa hoạn không được dập tắt hoàn toàn, và Mallory chưa hề cười lấy một lần. Anh ta hai mươi tư tuổi, đã từng có một triển lãm cho các công trình của riêng mình, nhưng không có nhiều hợp đồng lắm. Tác phẩm của anh ta lạ lùng và quá bạo lực. Keating nhớ rằng cách đây đã lâu Ellsworth Toohey từng nói trong mục *Một tiếng nói nhỏ* như sau:

"Những tượng người của ông Mallory sẽ rất đẹp nếu không tính đến giả thuyết rằng Chúa Trời tạo ra thế giới và hình dạng cho loài người. Cứ nhìn vào những gì mà ông cho là chấp nhận được với thân thể con người, thì nếu ông Mallory mà được giao cho công việc sáng thế, có thể ông sẽ làm tốt hơn cả Đấng Toàn năng. Nhưng liệu ông ta có thể được giao một việc như vậy?"

Keating thấy hoang mang trước sự lựa chọn của ông Slotnick, cho đến khi anh nghe nói rằng Dimples Williams đã từng sống cùng khu chung cư với Steven Mallory ở Greenwich Village, và ông Slotnick hiện không thể từ chối Dimples Williams bất kỳ điều gì. Mallory đã được thuê, đã làm việc và đã nộp mô hình bức tượng "Lao động." Khi anh trông thấy nó, Keating biết rằng bức tượng sẽ như một vết rạch lớn, một đống đất giữa gian tiền sảnh nhã nhặn thanh lịch của anh. Đó là một người đàn ông với thân thể mảnh dẻ để trần, trông như thể anh ta có thể xuyên thủng những vỏ thép của một chiếc tàu chiến hoặc bất kỳ một hàng rào ngăn cản nào. Bức tượng đứng như một thách thức. Nó để lại một dấu ấn kỳ lạ trong mắt người xem. Nó khiến những người xung quanh như nhỏ hơn và buồn bã hơn thường lệ. Lần đầu tiên trong đời, khi nhìn vào bức tượng ấy, Keating nghĩ anh hiểu được từ "anh hùng" có nghĩa là gì.

Anh chẳng nói gì. Nhưng mô hình bức tượng đã được gửi cho ông

Slotnick và nhiều người đã nói toạc ra, với sự bực bội, những gì Keating đã cảm thấy. Ông Slotnick yêu cầu anh chọn một nhà điêu khắc khác và để mặc anh quyết định lựa chọn.

Keating thả mình trong ghế bành, ngả người về phía sau và tặc lưỡi. Anh tự hỏi liệu anh có nên giao công việc này cho Bronson, nhà điêu khắc và là bạn của bà Shupe, vợ chủ tịch công ty Cosmo; hay nên trao nó cho Palmer – người đã được đề cử bởi ông Huseby, một người đang định xây một nhà máy sản xuất mỹ phẩm trị giá năm triệu đô la. Keating phát hiện ra rằng anh thích quá trình do dự này; anh nắm vận mệnh của hai người và có khả năng là của nhiều người khác nữa; anh nắm vận mệnh, công việc, hy vọng, và có thể cả lượng thực phẩm trong dạ dày của họ nữa. Anh có thể tùy ý lựa chọn, vì bất kỳ lý do gì, hoặc chẳng vì lý do gì; anh có thể tung một đồng xu, anh có thể đếm số khuy áo trên chiếc áo vét của mình. Anh là một người vĩ đại – nhờ ân điển với những người phải phụ thuộc vào anh.

Sau đó anh lưu ý đến chiếc phong bì.

Nó nằm trên đống thư từ trên bàn. Đó là một chiếc phong bì hẹp, đơn giản, mỏng, nhưng có in biểu trưng của tờ *Ngọn cờ* trên một góc. Anh vội vàng với lấy nó. Chẳng có thư gì bên trong phong bì; chỉ vỏn vẹn một bản in thử cho số ngày mai của tờ Ngọn cờ. Anh thấy mục *Một tiếng nói nhỏ* quen thuộc của Ellsworth M. Toohey và dưới đó là một từ duy nhất làm nhan đề cho bài báo. Nó được in cỡ chữ lớn, thưa, một từ duy nhất, nổi bật vì sự duy nhất của nó – sự duy nhất có ý nghĩa như một cái nghiêng mình cúi chào:

KEATING

Anh đánh rơi mẩu báo rồi túm chặt lấy nó và đọc, mắc nghẹn vì những miếng lớn câu chữ không được nhai hết. Mẩu báo run rẩy trong tay anh, da trán anh nhăn chặt lại thành những rãnh màu hồng. Toohey viết:

"Vĩ đại là một từ có tính phóng đại, và giống như mọi sự phóng đại khác, nó lập tức chuốc lấy hệ quả là sự rỗng tuếch. Người ta hẳn sẽ nghĩ đến một quả bóng bay được thổi căng của một cậu bé? Tuy nhiên, có những trường hợp mà chúng ta bắt buộc phải công nhận cái triển vọng về việc tiệm cận – cực kỳ gần – đến cái mà chúng ta gọi một cách nôm na bằng từ vĩ đại. Triển vọng này đang lấp ló ở phía chân trời kiến trúc của chúng ta, trong con người một thanh niên trẻ mang tên Peter Keating.

"Chúng ta đã nghe rất nhiều – và hoàn toàn công bằng – về Tòa nhà Cosmo-Slotnick tuyệt vời mà anh đã thiết kế. Giờ đây, chúng ta sẽ thử bỏ qua tòa nhà và liếc qua một chút vào con người mà nhân cách của người ấy đã được in dấu trên tòa nhà.

"Chẳng có một nhân cách nào được in dấu trên tòa nhà đó – và chính ở

điểm này, các bạn của tôi ạ, là sự vĩ đại của nhân cách. Đó là sự vĩ đại của một tinh thần trẻ trung biết quên cái tôi của mình để hấp thụ mọi thứ và trả lại chúng cho thế giới mà từ đó chúng sinh ra, sau khi làm giàu thêm cho chúng bằng tài năng sáng chói của tinh thần ấy. Như thế, một con người trở thành đại diện không phải cho một cá thể lập dị mà cho hằng hà sa số những con người khác, để hiện thân cho sức rướn của tất cả những đam mê, thông qua đam mê của chính mình...

"... Những người có khả năng phân biệt sẽ có thể nghe được thông điệp mà Peter Keating gửi đến chúng ta trong hình hài của Tòa nhà Cosmo-Slotnick, có thể thấy rằng ba tầng trệt đơn giản, vĩ đại, là khối giai cấp công nhân đang nuôi sống cả xã hội; thấy rằng những hàng cửa sổ giống hệt nhau với những tấm kính cửa phơi mình dưới nắng là biểu tượng cho linh hồn của công chúng bình dân, của vô số những người vô danh đang tụ nhau dưới tình bằng hữu và đang vươn tới ánh sáng; rằng những trụ tường vươn lên từ phần móng vững chắc trong các tầng trệt và nở tung thành những đầu cột rực rỡ theo lối kiến trúc Corinthian là biểu tượng của những bông hoa Văn hóa chỉ nở tung khi cắm rễ trên mảnh đất màu mỡ là quần chúng nhân dân...

"... Để đáp lại cho những ai vốn coi tất cả những nhà phê bình là lũ quỷ dữ chỉ biết phá hoại những tài năng nhạy cảm, thì mục này muốn cảm ơn Peter Keating vì đã cho chúng tôi cơ hội hiếm hoi – ôi, rất hiếm hoi! – được bày tỏ niềm hạnh phúc của người làm phê bình trong sứ mạng thật sự của mình – đấy là sứ mạng khám phá các tài năng trẻ – khi có các tài năng trẻ như thế để khám phá. Và nếu Peter Keating đọc được những dòng này thì chúng tôi cũng không muốn anh mang ơn chúng tôi. Thực sự chúng tôi phải mang ơn anh mới đúng."

Khi Keating bắt đầu đọc bài báo đến lần thứ ba, anh mới nhận thấy một vài dòng viết bằng bút chì đỏ bên cạnh phần nhan đề:

"Peter Keating thân mến,

"Hãy ghé vào văn phòng tôi lúc nào đó. Rất mong được biết anh trông thế nào."

E.M.T

Anh để mẩu báo rơi chầm chậm xuống bàn, và anh đứng cạnh bàn, các ngón tay vân vê một lọn tóc, ngẩn ngơ vì sung sướng. Rồi anh xoay người ngắm bức vẽ Tòa nhà Cosmo-Slotnick của anh, được treo trên bức tường, giữa một bức ảnh lớn chụp đền Parthenon và một bức chụp Điện Louvre. Anh ngắm nhìn những trụ tường của tòa nhà. Anh chưa bao giờ nghĩ chúng là Văn hóa nở rộ từ trong quần chúng nhân dân, nhưng anh quyết định rằng người ta hoàn toàn có thể nghĩ như thế và nghĩ tất cả những thứ đẹp đẽ như

thế.

Rồi anh cầm điện thoại, nói chuyện với cái giọng đều đều chối tai của cô thư ký của Ellsworth Toohey, và anh đặt một cuộc hẹn với Toohey vào bốn giờ rưỡi chiều hôm sau.

Vào những giờ tiếp theo, công việc hàng ngày của anh mang một hương vị mới. Cứ như thể hoạt động bình thường của anh vốn chỉ là một bức họa bình thường sáng màu nhưng giờ đây đã trở thành một bức phù điêu khắc nổi nhờ được trao cho cái thực tại ba chiều từ những lời của Ellsworth Toohey.

Guy Francon đôi lúc từ văn phòng của mình đi xuống, chẳng vì một mục đích rõ ràng nào. Màu nhàn nhạt của áo sơ mi và tất của ông ta hợp với màu tóc hoa râm hai bên thái dương ông. Ông đứng mỉm cười hiền lành trong im lặng. Keating đi qua ông trong phòng vẽ, ra ý đã nhận ra sự có mặt của ông, nhưng anh không dừng lại, mà đi chậm đủ để nhét một mẩu báo vào những nếp gấp của chiếc khăn tay màu hoa cà trong túi ngực áo của Francon, với lời nhắn "Guy, khi nào có thời gian, bác nhớ đọc cái này." Anh nói thêm, khi đã đi đến một nửa căn phòng kế tiếp: "Ăn trưa với cháu hôm nay không bác Guy? Đợi cháu ở chỗ Plaza nhé."

Khi anh trở về từ bữa trưa, Keating bị một thợ vẽ trẻ giữ lại. Anh này hỏi Keating với một giọng đầy hồi hộp:

"Ông Keating, ông có biết ai đã bắn Ellsworth Toohey không?"

Keating hổn hển:

"Ai *làm gì* cơ?"

"Bắn ông Toohey."

"*Ai*?"

"Đó chính là điều tôi muốn biết, ai."

"Bắn... *Ellsworth Toohey*?"

"Tôi nhìn thấy thế trên tờ báo của một anh chàng trong một tiệm ăn. Tôi không có thời gian mua một tờ."

"Ông ta đã... *bị bắn chết*?"

"Đó là cái mà tôi không biết. Tôi chỉ thấy nói về việc bắn."

"Nếu ông ta chết, thì họ sẽ không đăng bài của ông ta trên tờ báo ngày mai, đúng không?"

"Tôi không biết. Tại sao, ông Keating?"

“Đi kiếm cho tôi một tờ báo.”

“Nhưng tôi phải...”

“Kiếm cho tôi tờ báo đó ngay, đồ ngu!”

Câu chuyện được đăng ở đó, trên các báo buổi chiều. Ai đó đã bắn Ellsworth Toohey vào sáng hôm đó, khi ông bước ra khỏi xe trước một đài phát thanh, nơi ông sẽ phát biểu về “Những người không có tiếng nói và không được bảo vệ.” Cú bắn trượt đích. Ellsworth Toohey vẫn bình tĩnh và sáng suốt sau khi xảy ra sự việc. Cách ứng xử của ông mang vẻ sân khấu, chỉ có điều chẳng có bất cứ cái gì thuộc về sân khấu đang diễn ra. Ông nói: “Chúng ta không thể bắt thính giả đợi được,” và vội vàng bước lên cầu thang tới chỗ micro, nơi mà ông không hề đả động đến vụ bắn vừa rồi và phát biểu không cần giấy trong vòng nửa tiếng đồng hồ, giống như ông vẫn thường làm. Kẻ tấn công ông chẳng nói năng gì khi bị bắt.

Keating nhìn chằm chằm vào tên của kẻ ám sát hụt – họng anh khô rát. Cái tên đó là Steven Mallory.

Chỉ có những gì không thể giải thích nổi mới làm Keating sợ, đặc biệt là khi cái không thể giải thích nổi ấy không nằm trong những sự việc hữu hình mà ở cái cảm giác sợ hãi không rõ nguồn gốc trong anh. Chẳng có gì có thể trực tiếp làm anh lo lắng trong vụ việc đã xảy ra; có điều, Keating vẫn cứ mong muốn giá mà kẻ tấn công là một người nào khác, bất kỳ một người nào chứ không phải Steven Mallory; và anh ước rằng anh không biết lý do tại sao anh lại ước như vậy.

Steven Mallory vẫn im lặng. Anh ta chẳng đưa ra một lời giải thích nào cho hành động của mình. Đầu tiên, người ta cho rằng nguyên nhân có thể là do anh ta đã bị kích động bởi sự tuyệt vọng khi mất hợp đồng làm việc cho Tòa nhà Cosmo-Slotnick, bởi vì người ta thấy rằng anh ta sống nghèo khổ cùng cực. Nhưng rồi người ta nhận thấy một cách rõ ràng rằng Ellsworth Toohey chẳng có liên quan gì đến việc Steven mất hợp đồng này cả. Toohey chưa bao giờ nói chuyện với ông Slotnick về Steven Mallory. Toohey chưa bao giờ nhìn thấy bức tượng “Lao động.” Về điểm này, Mallory đã phá vỡ sự im lặng của mình để thừa nhận rằng anh chưa bao giờ gặp Toohey cũng như chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy ông này, và cũng không biết bất kỳ một bạn bè nào của Toohey. “Anh có cho rằng ông Toohey một phần nào chịu trách nhiệm trong việc anh bị mất công việc đó không?” người ta hỏi anh ta. Mallory trả lời: “Không.” “Vậy thì tại sao?” Mallory chẳng nói gì.

Toohey không nhận ra kẻ tấn công mình khi thấy anh ta bị cảnh sát bắt trên vỉa hè phía ngoài đài phát thanh. Ông không biết tên anh ta cho đến sau khi buổi phát thanh kết thúc. Sau đó, khi bước ra khỏi phòng thu vào phòng

khách bên ngoài, trong đó đã tề tựu đông đủ các nhà báo, Toohey phát biểu: "Không, tất nhiên tôi sẽ không đòi xét xử gì hết. Tôi mong người ta thả anh ta. Nhân tiện tôi muốn hỏi anh ta là ai vậy?" Khi ông nghe được cái tên, ánh mắt của Toohey vẫn cố định ở đâu đó giữa vai của một người và vành mũ của một người khác. Rồi Toohey – người đã hết sức bình tĩnh khi một viên đạn trượt cách mặt ông vài xăng-ti-mét và đập vào kính cửa ra vào phía dưới – đã thốt lên một từ và từ này có vẻ như rơi xuống chân ông, nặng nề vì sợ hãi: "Tại sao?"

Không ai có thể trả lời được. Toohey ngay sau đó nhún vai, mỉm cười, và nói: "Nếu đó là một nỗ lực để được nổi tiếng mà không mất tiền – thì đây thật là một sự chọn người sai lầm!" Nhưng chẳng ai tin được lời giải thích này, bởi vì tất cả đều cảm thấy rằng chính Toohey cũng chẳng tin nốt. Trong những cuộc phỏng vấn tiếp theo, Toohey trả lời các câu hỏi một cách vui vẻ. Ông tuyên bố: "Tôi chưa bao giờ nghĩ mình đủ quan trọng để người ta phải ám sát. Đây là cách thể hiện lòng kính trọng lớn nhất mà người ta có thể nhận được – nếu nó không mang vẻ nhạc kịch nhiều đến thế." Ông gây ấn tượng rằng cái xảy ra chẳng có gì quan trọng và trên trái đất này, chả có gì quan trọng cả...

Mallory bị tống giam để chờ ngày xét xử. Tất cả những nỗ lực tra hỏi anh ta đều thất bại.

Tối hôm đó, ý nghĩ khiến cho Keating trằn trọc thao thức trong nhiều giờ là cảm giác chắc chắn một cách vô căn cứ rằng Toohey cũng cảm thấy chính xác những gì anh đang cảm thấy. Ông ấy biết, Keating nghĩ, và mình cũng biết, rằng có một mối nguy hiểm lớn hơn trong động cơ thúc đẩy Steven Mallory, so với mối nguy trong chính hành động giết người của anh ta. Nhưng ông ấy và mình sẽ không bao giờ biết được động cơ ấy. Hay bọn mình sẽ biết nhỉ?... Và rồi anh chạm đến cốt lõi của nỗi sợ: đó là niềm mong muốn bất thần rằng anh sẽ không bao giờ, trong những năm tới, cho đến cuối đời, phải biết động cơ ấy là gì.

*

* *

Khi Keating bước vào, cô thư ký của Ellsworth Toohey thong thả đứng dậy và mở cửa cho anh vào văn phòng của Ellsworth Toohey.

Keating đã thôi không còn bị hồi hộp mỗi khi sắp gặp một người nổi tiếng, nhưng lúc này đây anh lại hồi hộp khi nhìn thấy cánh cửa mở ra dưới tay của cô thư ký. Anh tự hỏi Toohey trong thực tế trông như thế nào. Anh nhớ đến giọng nói âm vang anh đã nghe trong tiền sảnh nơi tổ chức buổi đình công, và anh tưởng tượng đến một người đàn ông to lớn, với mái tóc

dầy, có lẽ đang ngả bạc, với nét mặt đầy đặn, nở nang của một con người vô cùng rộng lượng, một cái gì đó hơi giống với nét mặt của Đức Chúa Cha.

"Ông Peter Keating – thưa ông Toohey," cô thư ký nói và đóng cửa lại sau lưng anh.

Khi nhìn Ellsworth Monkton Toohey lần đầu tiên, người ta sẽ mong muốn đưa cho ông một chiếc áo khoác nặng và dày – bởi thân thể bé nhỏ gầy guộc của ông trông yếu ớt và mong manh giống như một con gà con mới nở ra từ trứng, với tất cả sự yếu ớt đáng thương của bộ xương chưa cứng cáp. Đến cái nhìn thứ hai, người ta muốn chắc chắn rằng chiếc áo khoác đó phải cực tốt – vì thứ quần áo đang che phủ thân thể ông đều rất đắt tiền. Những đường nét của bộ vét sẫm màu ôm sát thân hình bên trong nó, không để một chỗ nào bị lùng bùng: chúng chìm xuống cùng với chỗ hõm của khuôn ngực lép, chúng trượt xuống dưới cùng với đôi vai xuôi dốc từ chiếc cổ dài gầy guộc. Một vầng trán lớn thống trị cả thân thể. Khuôn mặt hình tam giác rộng ở hai bên thái dương và thu hẹp lại ở phía chiếc cằm nhỏ, nhọn hoắt. Mái tóc đen, bóng, được chia làm hai nửa bởi một đường ngôi trắng nhỏ. Điều này khiến cho xương sọ ông ta trông kín và gọn gàng, nhưng lại làm nổi bật đôi tai xòe ra ngoài trần trụi, giống như quai của một chiếc bát đựng canh. Chiếc mũi dài và mỏng, được kéo dài thêm bởi bộ ria mép đen mảnh. Hai mắt tối và tinh nhạy. Chúng chứa đầy tri thức và sự hài hước đến nỗi chiếc kính ông đeo trông dường như không phải để bảo vệ đôi mắt mà để bảo vệ những người khác khỏi vẻ sáng quắc của nó.

"Hello, Peter Keating," Ellsworth Monkton Toohey nói bằng chất giọng lôi cuốn đầy ma thuật. "Anh nghĩ thế nào về đền thờ Nike Apteros?[67]"

"Xin... xin chào ông, ông Toohey," Keating nói, dừng lại, cảm thấy ngớ ngẩn. "Tôi nghĩ thế nào... về *cái gì*?"

"Ngồi đi, bạn của tôi. Về đền thờ Nike Apteros ấy mà."

"À... à... tôi..."

"Tôi đoán chắc là anh không thể bỏ qua được viên ngọc nhỏ đó. Đền Parthenon đã tước đoạt đi vinh quang đáng ra phải thuộc về công trình sáng tạo nhỏ bé tuyệt vời của tinh thần tự do Hy Lạp vĩ đại đó – mà thường thói đời là thế đúng không nào? Kẻ to khỏe hơn chiếm hết vinh quang, và chẳng ai buồn nhòm ngó đến vẻ đẹp của kẻ không được hấp dẫn bề ngoài cho lắm. Tôi chắc chắn anh đã nhận thấy sự cân bằng tuyệt vời trong khối kiến trúc của ngôi đền, sự hoàn hảo vĩ đại trong những tỷ lệ khiêm nhường của nó – à, phải, anh biết đấy, cái vĩ đại trong sự khiêm nhường – sự khéo léo tinh xảo trong từng chi tiết?"

“À, vâng, tất nhiên,” Keating lẩm bẩm, “nó luôn luôn là công trình ưa thích của tôi – đền thờ Nike Apteros ấy.”

“Thật à?” Ellsworth Toohey nói, với một nụ cười mà Keating không thể đoán nổi ý nghĩa. “Tôi chắc chắn như thế. Tôi chắc chắn là anh sẽ nói thế. Anh có một khuôn mặt rất đẹp trai, Peter Keating ạ, khi anh không nhìn tôi chằm chằm như thế này – điều nó thực sự không cần thiết.”

Và Toohey bất thần cười vang, cười một cách thẳng thừng, một cách giễu cợt đối với Keating và chính mình, cứ như thể ông ta đang nhấn mạnh sự đùa cợt của cả cuộc gặp mặt này. Keating hoang mang một giây; và rồi anh thấy mình cười thoải mái để đáp lại, như thể anh đang ở nhà với một người bạn cũ.

“Như thế tốt hơn rồi,” Toohey nói, “Anh có thấy chúng ta không nên nói chuyện quá nghiêm túc trong một thời điểm quan trọng không? Và đây có thể là một thời điểm rất quan trọng – ai mà biết được? – đối với cả hai chúng ta. Và, tất nhiên, tôi biết rằng anh sẽ hơi sợ tôi một chút và – à, tôi xin thừa nhận – tôi cũng khá sợ anh đấy, thế nên, thế này tốt hơn nhiều, phải không?”

“Ồ vâng, thưa ông Toohey,” Keating phấn khởi nói. Sự tự tin anh thường có khi gặp mọi người đã biến mất; nhưng anh cảm thấy thoải mái, như thể anh đã được giải thoát khỏi tất cả trách nhiệm và không phải lo lắng về việc phải nói cái gì nữa, vì anh đang được nhẹ nhàng hướng dẫn về cách nói những điều đó mà chẳng cần phải cố gắng gì.

“Tôi vẫn luôn biết rằng giây phút tôi gặp ông sẽ là một giây phút quan trọng, ông Toohey ạ. Luôn luôn biết vậy. Đã nhiều năm rồi.”

“Thật à?” Ellsworth Toohey nói, đôi mắt sau cặp kính lộ vẻ chú ý. “Tại sao?”

“Bởi vì tôi đã luôn hy vọng rằng tôi sẽ làm ông hài lòng, rằng ông sẽ tán thành tôi... công việc của tôi... khi thời điểm đến... trời ơi, tôi thậm chí...”

“Thậm chí gì?”

“... Tôi thậm chí nghĩ, khá thường xuyên, khi tôi vẽ thiết kế, rằng liệu tòa nhà này có được ông Ellsworth Toohey đánh giá tốt không? Tôi cố gắng nhìn nó theo cách đó, qua con mắt của ông... tôi... tôi...”

Toohey nghe một cách chăm chú.

“Tôi luôn luôn muốn gặp ông vì ông thật là một nhà tư tưởng sâu sắc và một người rất am hiểu về văn hóa...”

“Nào,” Toohey nói, giọng nhẹ nhàng nhưng hơi sốt ruột; sự quan tâm của ông ta đã giảm xuống khi nghe đến câu cuối cùng của Keating. “Thôi không

nói chuyện đó nữa nhé. Tôi không muốn bất lịch sự, nhưng chúng ta sẽ thôi không nói đến những chuyện như thế nữa, được không nào? Nghe có vẻ không tự nhiên, nhưng tôi thực sự không thích nghe người ta tung hô cá nhân mình."

Chính đôi mắt Toohey – Keating nghĩ – làm anh cảm thấy thoải mái. Trong đôi mắt đó là một sự hiểu biết lớn và một lòng tốt không cầu kỳ – không, dùng từ này chưa đúng – phải nói là lòng tốt vô hạn mới đúng. Nó cứ như thể người ta không thể giấu ông ta bất kỳ điều gì, nhưng cũng chẳng cần thiết phải giấu, vì ông sẽ tha thứ mọi chuyện. Đó là đôi mắt nhân từ nhất mà Keating từng nhìn thấy.

"Nhưng, thưa ông Toohey," anh thì thầm, "tôi thực sự muốn..."

"Anh muốn cảm ơn tôi vì bài báo của tôi chứ gì," Toohey nói và hơi nhăn mặt ra vẻ thất vọng nhưng vẫn vui vẻ. "Và tôi thì vừa mới hết sức nỗ lực để ngăn anh không làm vậy. Hãy tha cho tôi điều đó, được không? Chẳng có lý do gì anh phải cảm ơn tôi cả. Nếu anh quả là xứng đáng với những gì tôi nói – thì công trạng là thuộc về anh, không phải về tôi. Đúng không nào?"

"Nhưng tôi hạnh phúc quá vì ông nghĩ tôi là..."

"... một kiến trúc sư vĩ đại? Nhưng chắc chắn rồi, anh bạn của tôi, anh biết thế mà. Hay anh đã không chắc chắn? Chưa bao giờ chắc chắn về điều đó?"

"À, tôi..."

Sự ngập ngừng này chỉ diễn ra trong một giây. Và đối với Keating đó có vẻ là tất cả những gì Toohey muốn nghe từ anh; Toohey không đợi nghe nốt, mà nói như thể đã nhận được một câu trả lời đầy đủ, và một câu trả lời làm ông ta hài lòng.

"Và còn về Tòa nhà Cosmo-Slotnick ấy mà, ai mà có thể phủ nhận rằng đó là một thành tựu phi thường cơ chứ? Anh biết đấy, tôi thực sự mê kiến trúc của nó. Đó là một thiết kế thiên tài. Một thiết kế xuất sắc. Rất khác thường. Rất khác với những gì tôi đã thấy trong các công trình trước của anh. Đúng không?"

"Tất nhiên," Keating nói, lần đầu tiên trong cuộc gặp giọng anh trong và rõ, "bài toán của nó khác với bất kỳ công trình nào tôi từng làm trước đây, bởi vậy tôi đưa ra cách thiết kế đó để phù hợp với những yêu cầu đặc thù của nó."

"Tất nhiên," Toohey nhẹ nhàng nói. "Một công trình tuyệt đẹp. Anh nên tự hào vì nó."

Keating để ý thấy mắt Toohey nằm chính giữa tròng kính và tròng kính

tập trung thẳng vào hai con ngươi của anh, và Keating đột nhiên nhận ra rằng Toohey biết anh không phải là người đã thiết kế Tòa nhà Cosmo-Slotnick. Điều này không làm anh sợ. Điều làm anh sợ là anh nhìn thấy sự đồng tình trong đôi mắt của Toohey.

"Nếu anh bắt buộc phải cảm thấy – không, không phải biết ơn, biết ơn là một từ làm người ta bối rối – nhưng, gọi thế nào nhỉ, cảm kích?" Toohey tiếp tục, và giọng ông mềm mại hơn, như thể Keating là một kẻ đồng lõa trong một âm mưu, một kẻ từ nay trở đi sẽ biết rõ những từ ngữ được sử dụng có ý nghĩa thật như thế nào, một mật mã có ý nghĩa riêng, "anh có thể cám ơn tôi vì đã hiểu được những ý nghĩa biểu trưng trong tòa nhà của anh và tuyên bố chúng thành lời giống như khi anh đã tuyên bố chúng bằng những viên đá cẩm thạch. Bởi vì, dĩ nhiên anh không chỉ là một người xây dựng bình thường, mà là một nhà tư tưởng thể hiện các ý tưởng của mình bằng đá."

"Vâng," Keating nói, "đó là chủ đề trừu tượng của tôi, khi tôi thiết kế tòa nhà – quần chúng nhân dân vĩ đại và những bông hoa của văn hóa. Tôi luôn luôn tin rằng văn hóa thật sự đến từ những người dân thường. Nhưng tôi không hy vọng có ai đó hiểu được tôi."

Toohey mỉm cười. Đôi môi mỏng của ông ta hé mở, hàm răng lộ ra. Ông ta không nhìn Keating. Ông đang nhìn xuống tay mình, bàn tay dài, mảnh, nhạy cảm của một nghệ sĩ dương cầm cho dàn nhạc, bàn tay đang di một mẩu giấy trên bàn. Rồi ông ta nói: "Có lẽ chúng ta là anh em trong tinh thần, Keating ạ. Tinh thần con người. Đó là tất cả những gì có ý nghĩa trong cuộc sống." Không nhìn vào Keating, nhưng bỏ qua anh, hai mắt kính của ông ta ngước lên một cách trang trọng tới một giới hạn nào đó vượt quá mặt Keating.

Và Keating nhận ra Toohey biết rằng anh chưa bao giờ nghĩ đến bất kỳ một chủ đề trừu tượng nào cho đến khi anh đọc bài báo đó, và hơn thế nữa: rằng Toohey một lần nữa lại tán thành điều đó. Khi hai tròng kính chầm chậm di chuyển đến mặt của Keating, đôi mắt trở nên ngọt ngào yêu thương, một tình yêu thương rất lạnh giá và rất thật. Rồi Keating cảm thấy như thể những bức tường trong phòng đang nhẹ nhàng chuyển động đè lên anh, đẩy anh vào một quan hệ thân thiết đáng sợ, không phải với Toohey, mà với một tội lỗi vô hình. Anh muốn vùng đứng lên và chạy. Anh vẫn ngồi yên, miệng nửa há ra.

Và chẳng biết điều gì thúc đẩy anh mà Keating nghe thấy giọng của chính mình vang lên trong im lặng:

"Và tôi thực sự muốn nói là tôi rất vui khi hôm qua ông đã thoát được viên đạn của gã điên đó, ông Toohey ạ."

"Ồ?... Ồ, cảm ơn. Cái đó hả? À! Đừng để nó làm phiền anh. Chỉ là một trong những cái giá nho nhỏ cho sự nổi tiếng ấy mà."

"Tôi chưa bao giờ thích Mallory. Một kiểu người lạ đời. Quá căng thẳng. Tôi không thích những người căng thẳng. Tôi cũng chưa bao giờ thích tác phẩm của anh ta."

"Đó chỉ là một kẻ thích phô trương thôi mà. Chẳng quan trọng lắm."

"Tất nhiên tôi không phải là người quyết định cho anh ta thử sức. Đó là quyết định của ông Slotnick. Chuyện thế lực nội bộ ấy mà, ông biết đấy. Nhưng ông Slotnick cuối cùng cũng đã biết phải trái hơn."

"Mallory có bao giờ nhắc đến tên tôi trước mặt anh không?"

"Không. Không bao giờ."

"Tôi chưa bao giờ gặp anh ta, anh biết đấy. Chưa bao giờ nhìn thấy anh ta trước đó. Tại sao anh ta lại làm thế nhỉ?"

Và sau đó thì chính Toohey là người ngồi đờ ra, trước những gì ông ta nhận thấy trên mặt Keating; Toohey lần đầu tiên cảnh giác và cảm thấy bất an. Đúng vậy, Keating nghĩ, đó chính là mối ràng buộc giữa họ, và mối ràng buộc đó là nỗi sợ, và hơn thế nữa, hơn thế rất nhiều, nỗi sợ là cái tên duy nhất có thể gọi mối quan hệ đó. Và anh biết, một cách dứt khoát không cần tranh cãi, rằng anh thích Toohey hơn bất kỳ một người nào anh từng gặp.

"Ông biết chuyện thế nào rồi đấy," Keating vui vẻ nói, hy vọng rằng điều cũ rích mà anh sắp nói sẽ khép chủ đề này lại. "Mallory là một kẻ không có khả năng và biết điều đó và anh ta quyết định trút giận lên ông vì ông là biểu tượng của những người vĩ đại và có khả năng."

Nhưng thay vì một nụ cười, Keating thấy Toohey đột ngột liếc xéo anh; nó không phải một cái liếc, mà là một tia huỳnh quang, anh nghĩ anh có thể cảm thấy nó đang bò trong cơ thể anh để dò xét. Sau đó mặt Toohey dường như rắn lại, rồi lại trở về bình tĩnh, và Keating biết rằng Toohey đã tìm được sự giải thoát ở đâu đó, trong bộ xương hoặc trên khuôn mặt hoang mang của anh, rằng một sự ngu xuẩn vĩ đại ẩn chứa đâu đó trong anh đã trấn an Toohey. Rồi Toohey nói, chầm chậm, kỳ lạ, và đầy *chế giễu*:

"Anh và tôi, chúng ta sẽ là những người bạn tuyệt vời của nhau, Peter ạ."

Keating để cho một giây trôi qua trước khi anh thấy mình hấp tấp trả lời:

"Ồ, tôi hy vọng thế, ông Toohey!"

"Nào, Peter! Tôi không già đến nỗi thế, đúng không? 'Ellsworth' là một tượng đài kỷ niệm thị hiếu kỳ lạ của bố mẹ tôi đối với việc đặt tên."

“Vâng... Ellsworth.”

“Thế tốt hơn nhiều rồi. Tôi thực sự chả quan tâm lắm đến cái tên này, khi so sánh với những thứ mà tôi đã bị người ta gọi sau lưng – và cả ở nơi công cộng nữa – trong nhiều năm nay. Ôi dào. Lại tự tâng bốc. Khi người ta có kẻ thù, người ta biết rằng cần tỏ ra là người nguy hiểm ở nơi nào cần thiết phải như thế. Có những thứ ta phải phá hủy – nếu không chúng sẽ phá hủy ta. Chúng ta sẽ còn gặp nhau nhiều, Peter ạ.” Giọng nói của ông ta bây giờ trơn tru và chắc chắn, với cái dứt khoát của một quyết định đã được kiểm tra thử và được phê chuẩn, với sự chắc chắn rằng trong Keating sẽ không bao giờ còn có bất kỳ một dấu hỏi nào đối với ông ta nữa.

“Chẳng hạn, dạo này tôi đang nghĩ đến việc quy tụ một số kiến trúc sư trẻ – tôi biết rất nhiều người như thế – chỉ là một tổ chức nhỏ phi chính thức thôi, để trao đổi ý kiến với nhau, anh biết đấy, để phát triển tinh thần hợp tác, để có thể thống nhất hành động vì lợi chung của ngành khi cần thiết. Chẳng gì bảo thủ bằng cái hội A.G.A ấy. Chỉ là một nhóm người trẻ tuổi. Anh có quan tâm không?”

“Ôi tất nhiên rồi! Và ông sẽ là chủ tịch hội chứ?”

“Ôi trời ơi, không. Tôi chẳng bao giờ là chủ tịch cái gì cả, Peter ạ. Tôi không thích các tước hiệu. Không, tôi thì tôi nghĩ anh sẽ là một chủ tịch thích hợp cho chúng ta, không thể nghĩ được ai tốt hơn.”

“Tôi?”

“Chính anh, Peter ạ. Ôi dào, đó mới là một dự án thôi mà – chưa có gì rõ ràng cả – chỉ là một ý tưởng tôi vừa nghĩ ra trong những lúc dở dở ương ương. Lúc nào đó chúng ta sẽ nói lại chuyện này. Bây giờ có cái này tôi muốn nhờ anh – và nó là một trong những lý do chính tôi muốn gặp anh,”

“Ồ, tất nhiên rồi, ông Too – tất nhiên rồi, Ellsworth ạ. Bất kỳ điều gì tôi có thể làm cho ông...”

“Không phải cho tôi. Anh có biết Lois Cook không?”

“Lois... gì cơ?”

“Cook. Anh không biết. Nhưng anh sẽ biết. Cô gái trẻ đó là tài năng văn học lớn nhất kể từ Goethe. Anh phải đọc tác phẩm của cô ấy, Peter ạ. Tôi không hay gợi ý như thế trừ phi đối với những người đặc biệt nổi bật. Trí tuệ của cô ấy cao hơn rất nhiều so với những người thuộc tầng lớp trung lưu chỉ thích những gì rõ ràng. Cô ấy đang định xây một ngôi nhà. Một căn nhà riêng nho nhỏ bên sông Bowery. Đúng vậy, bên sông Bowery. Đúng là kiểu của Lois. Cô ấy đã nhờ tôi giới thiệu cho một kiến trúc sư. Tôi định cho cô ấy tên anh – nếu anh quan tâm đến một căn nhà nhỏ, mặc dù sẽ khá đắt tiền.”

“Tất nhiên rồi! Thật là... ông thật là tốt quá, Ellsworth! Ông biết đấy, tôi đã nghĩ khi ông nói... và khi tôi đọc thư ông, là ông muốn – à, một sự giúp đỡ gì đó từ phía tôi, ông biết đấy, một hành động tốt đáp lại một hành động tốt, thế mà ông...”

“Peter thân mến của tôi, anh thật là ngây thơ quá!”

“Ôi, lẽ ra tôi không nên nói thế! Tôi xin lỗi. Tôi không có ý xúc phạm ông, tôi...”

“Không sao đâu. Anh sẽ phải tìm hiểu về tôi nhiều hơn. Mặc dù điều này nghe có vẻ kỳ quặc nhưng, Peter ạ, một sự quan tâm hoàn toàn vô tư đối với đồng loại của mình vẫn có thể xảy ra trong thế giới này.”

Sau đó họ nói chuyện về Lois Cook và ba tác phẩm đã được xuất bản của cô – “Tiểu thuyết á? Không, Peter ạ, không hẳn là tiểu thuyết... Cũng không phải là sưu tập các truyện ngắn... chỉ là thế thôi, chỉ là Lois Cook – một loại hình văn học hoàn toàn mới...” “... về gia tài mà cô ấy được thừa hưởng từ dòng họ gồm nhiều doanh nhân thành đạt, và về ngôi nhà cô ấy định xây.”

Chỉ khi Toohey đứng dậy tiễn Keating ra cửa – và Keating để ý thấy ông thật mong manh trên đôi bàn chân rất nhỏ bé của mình – thì Toohey mới thình lình dừng lại và nói:

“Nhân tiện, có vẻ như là tôi nên nhớ đến một mối liên hệ riêng tư nào đó giữa chúng ta thì phải, mặc dù trong cả đời tôi không thể... ồ, đúng rồi, tất nhiên rồi. Cháu gái tôi. Catherine bé bỏng.”

Keating cảm thấy mặt anh đanh lại, và anh biết anh không nên cho phép điều này được mang ra thảo luận, nhưng anh mỉm cười một cách ngượng nghịu thay vì phản đối.

“Tôi hiểu rằng anh đã đính hôn với nó?”

“Vâng.”

“Tuyệt vời,” Toohey nói. “Rất tuyệt. Tôi sẽ rất thích được là chú của anh. Anh rất yêu con bé đúng không?”

“Vâng,” Keating nói. “Rất yêu.”

Câu trả lời không có nốt nhấn mạnh nào trong giọng nói khiến cho nó trở nên trang trọng. Đối với Toohey, nó là dấu hiệu chân thành và quan trọng đầu tiên trong con người Keating.

“Đẹp thật,” Toohey nói. “Tình yêu của những người trẻ tuổi. Mùa xuân và bình minh và thiên đường và sô-cô-la mua ở cửa hàng tạp hóa với giá một đô la hai mươi nhăm xu một hộp. Đặc quyền của các thánh thần và của những bộ phim... Ôi, tôi rất tán thành chuyện đó Peter ạ. Tôi nghĩ nó thật

đáng yêu. Anh không thể nào chọn được ai khác tốt hơn Catherine đâu. Con bé là kiểu người mà đối với những người như thế thì thế giới đã mất lâu rồi – thế giới với tất cả những vấn đề và tất cả các cơ hội để được vĩ đại của nó – ôi, đúng thế, đã mất vì nó thật là ngây thơ và ngọt ngào và xinh xắn và bị thiếu máu."

"Nếu ông định..." – Keating mào đầu, nhưng Toohey mỉm cười với một vẻ rất mực nhân từ.

"Ôi Peter, tất nhiên là tôi hiểu chứ. Và tôi tán thành. Tôi là một người thực tế. Mọi người cứ hay thích biến mình thành vô lại. Ôi thôi nào, chúng ta không bao giờ được đánh mất khiếu hài hước của mình. Chẳng có gì thực sự thánh thiện ngoại trừ khiếu hài hước. Tuy vậy tôi vẫn luôn yêu câu chuyện về Tristan và Isolde. Đó là câu chuyện hay nhất từng được kể – chỉ kém chuyện chuột Mickey và Minnie mà thôi."

IV.

"... Bàn chải đánh răng trong hàm răng bàn chải đánh răng chải chải răng bọt kem phồng lên trong bọt kem vòng La Mã đi về nhà nhà trong hàm răng Vòm La Mã răng bàn chải răng tăm kẻ móc túi ổ điện rocket..."[68]

Peter Keating nheo mắt, cái nhìn của vô định xa xăm. Anh đặt cuốn sách xuống. Đó là một cuốn sách mỏng và bìa đen, với các hàng chữ đỏ chói nhan đề: *Đám mây và vải liệm*[69] của tác giả Lois Cook. Bìa sách nói rằng đó là ký sự của cô Cook về các chuyến đi vòng quanh thế giới của cô.

Keating ngả người ra sau với một cảm giác ấm áp và thoải mái. Anh thích cuốn sách. Nó đã biến sự đều đều nhàm chán trong bữa ăn sáng Chủ nhật trở thành một trải nghiệm tinh thần sâu sắc; anh chắc chắn là nó sâu sắc, vì anh không hiểu nó.

Peter Keating chưa bao giờ cảm thấy cần thiết phải hình thành những quan điểm cá nhân trừu tượng. Tuy nhiên anh có một kiểu truyết lý thay thế như sau: "Một thứ không thể là cao nếu người ta có thể với tới nó; nó không vĩ đại nếu người ta có thể tranh cãi về nó; nó không sâu nếu người ta có thể nhìn thấy đáy của nó." - triết lý này luôn là cương lĩnh của anh, dù nó không được phát biểu thành lời và cũng chưa bao giờ bị chất vấn. Nó đã khiến anh chẳng cần phải nhọc công vươn tới, tranh cãi, hay nhìn thấy; và nó khiến anh khinh bỉ những ai nhọc công làm thế. Vậy là anh có thể yêu thích tác phẩm của Lois Cook. Anh cảm thấy thăng hoa vì phát hiện thấy mình có khả năng thẩm thấu những gì trừu tượng, sâu sắc, những gì lý tưởng. Toohey đã nói: "Chỉ thế thôi, âm thường anh như âm thanh, loại thơ mà câu chữ là câu chữ, còn phong cách như sự nổi loạn đối với phong cách. Nhưng chỉ những tinh thần cao quý mới có thể hiểu được chúng, Peter ạ." Keating nghĩ anh có thể nói chuyện về cuốn sách này với các bạn anh, và nếu họ không hiểu thì anh sẽ biết rằng anh ưu việt hơn họ. Anh sẽ không cần giải thích cái ưu việt đó là gì - chỉ thế thôi, "ưu việt như ưu việt" - và điều đó sẽ tự động phủ nhận những kẻ muốn có lời giải thích. Anh yêu cuốn sách.

Anh với tay lấy một lát bánh mì nướng nữa. Anh thấy ở cuối bàn mẹ anh đã để cho anh chồng báo *Chủ nhật* dày cộp. Anh nhấc chồng báo lên, cảm thấy đủ sức mạnh lúc này để đối mặt với toàn bộ cái thế giới trong chồng báo ấy, trong sự tự tin vào tinh thần vĩ đại ẩn giấu trong anh. Anh lôi các trang báo ảnh ra. Anh dừng lại. Anh thấy một bức ảnh chụp một bản vẽ thiết kế: đó là bản vẽ thiết kế Nhà Enright của Howard Roark.

Anh không cần nhìn hàng chữ chú thích hay chữ ký thô ráp ở góc bức vẽ thiết kế; anh biết rằng không ai khác tạo ra căn nhà đó và anh biết phong

cách thiết kế, vừa thanh thoát vừa bạo lực, những nét bút chì trông giống như những dây điện cao thế trên giấy, trông thì mảnh mai và vô tội, nhưng không thể chạm tay vào. Đó là một cấu trúc đặt trên một mảnh đất rộng bên cạnh sông Đông. Khi nhìn lần đầu tiên, anh không thấy nó là một tòa nhà mà như một khối đá pha lê vươn cao. Vẫn là một trật tự toán học nghiêm khắc để gắn kết một sự vươn cao tự do, ngoạn mục; những đường thẳng và góc nhọn, khoảng không gian bị cắt đứt bởi một con dao, nhưng vẫn hòa hợp về bố cục một cách tinh tế như công trình của một người thợ kim hoàn; một tập hợp những hình khối đa dạng đến mức kinh ngạc trong đó mỗi khối đều không lặp lại, nhưng lại nhất thiết phải dẫn đến khối tiếp theo và đến cả tập hợp; để những người chủ tương lai của ngôi nhà sẽ không phải sở hữu một trong số những cái chuồng hình vuông mà sở hữu một ngôi nhà riêng biệt, được gắn với những ngôi nhà khác giống như một mảnh pha lê ốp vào một phiến đá.

Keating nhìn bản vẽ. Anh đã biết từ lâu rằng Howard Roark được chọn để xây Ngôi nhà Enright. Anh đã thấy tên Roark được nhắc đến vài lần trên báo; không nhiều, tóm tắt lại chỉ là "một kiến trúc sư trẻ nào đó được ông Right chọn vì một lý do nào đó, có lẽ là một kiến trúc sư trẻ khá thú vị." Dòng chú thích dưới bản vẽ thông báo rằng việc xây dựng ngôi nhà sẽ được bắt đầu ngay. Ôi dào, Keating nghĩ, và thả tờ báo xuống, thì đã sao nào? Tờ báo rơi xuống bên cạnh cuốn sách bìa đen và đỏ. Anh nhìn cả hai thứ đó. Anh cảm thấy mơ hồ rằng Lois Cook là sự bảo vệ anh chống lại Roark.

"Cái gì đấy Petey?" giọng của mẹ anh lên tiếng hỏi sau lưng anh.

Anh đưa tờ báo cho bà qua vai anh. Tờ báo rơi qua lưng anh xuống mặt bàn phía sau, trong một giây.

"Ồ," bà Keating nhún vai. "Hừm..."

Bà đứng cạnh anh. Chiếc váy lụa quá chật làm lộ chiếc áo ngực cứng ngắc của bà; một chiếc ghim kẹp nhỏ lấp lánh ở cổ bà, đủ nhỏ để thể hiện một cách phô trương rằng nó được làm từ kim cương thật. Bà giống như căn hộ mới mà họ vừa chuyển đến: đắt tiền một cách lộ liễu. Việc trang trí căn hộ là công việc chuyên môn đầu tiên mà Keating làm cho chính mình. Căn hộ được trang bị bằng đồ đạc mới cứng, mang phong cách thời trung-Victoria. Nó mang vẻ bảo thủ và trang trọng. Trên lò sưởi trong phòng khách treo một bức họa lớn thời cổ vẽ một thứ gì đó không hẳn là một vị tổ tiên lừng lẫy nhưng tương tự như thế.

"Petey con yêu, mẹ ghét phải hối thúc con vào sáng Chủ nhật, nhưng đã đến lúc phải mặc quần áo tử tế vào rồi? Bây giờ mẹ phải vội đi và mẹ rất không muốn con quên thời gian và bị muộn, ông Toohey thật tử tế khi mời con đến nhà ông ấy."

“Vâng, mẹ ạ.”

“ vị khách nổi tiếng nào cũng đến nhà ông ấy không?”

“Không. Không có khách nào khác. Nhưng sẽ có một người khác ở đó. Không nổi tiếng.” Bà nhìn anh chờ đợi. Anh nói thêm: “Katie sẽ ở đó.”

Cái tên này dường như chẳng có tác động gì lên bà. Gần đây một vẻ tự tin đã phủ lên bà, giống như một lớp mỡ mà câu hỏi cụ thể đó không thể nào còn xuyên qua được nữa.

“Chỉ là một bữa tiệc trà trong gia đình thôi mà,” anh nhấn mạnh. “Ông ấy nói thế.”

“Ông ấy tốt quá. Mẹ chắc chắn Toohey là một người rất thông minh.”

“Vâng mẹ ạ.”

Anh sốt ruột đứng dậy và về phòng mình.

*

* *

Đây là lần đầu tiên Keating đến thăm cái khách sạn đắt tiền có phòng cho thuê mà Catherine và chú mình vừa dọn đến. Anh không chú ý lắm đến căn hộ, ngoài việc nhớ rằng nó rất đơn giản, rất sạch sẽ và khiêm tốn một cách thanh nhã, rằng nó có một lượng lớn sách và rất ít tranh, nhưng những tranh này lại là đồ thật và rất quý. Người ta chẳng bao giờ nhớ căn hộ của Ellsworth Toohey cả, chỉ nhớ vị chủ nhà. Chủ nhà, vào buổi chiều Chủ nhật này, mặc một bộ com-lê màu xám đen, đúng là một bộ đồng phục, và ông đi đôi dép da sơn đen viền đỏ, loại đi trong phòng ngủ; đôi dép nhạo báng sự lịch thiệp nghiêm túc của bộ com-lê; tuy nhiên, sự tương phản táo bạo của nó lại làm cho sự thanh lịch của chủ nhà trở nên hoàn hảo. Ông ta ngồi trong một chiếc ghế rộng, thấp, và khuôn mặt ông mang một vẻ nhẹ nhàng cẩn trọng – cẩn trọng đến mức Keating và Catherine đôi lúc cảm thấy như thể họ là những bong bóng xà phòng mong manh.

Keating không thích cách Catherine ngồi ghé vào mép ghế, lưng còng xuống, đôi chân nép sát vào nhau một cách vụng về. Anh ước giá mà cô không mặc lại cùng một bộ quần áo cho đến mùa thứ ba, nhưng cô vẫn mặc nó. Cô nhìn chăm chăm vào một điểm ở đâu đó giữa chiếc thảm. Cô ít khi nhìn Keating. Cô không bao giờ nhìn chú mình. Keating chẳng tìm thấy đâu dấu vết của vẻ ngưỡng mộ vui mừng mà cô đã luôn thể hiện khi nói về Toohey, vẻ ngưỡng mộ mà anh đã mong chờ cô thể hiện khi anh có mặt. Có một cái gì đó nặng nề và thất sắc ở Catherine, và vẻ mệt mỏi rã rời nữa.

Người phục vụ của Toohey đem ra một khay trà.

“Cháu rót trà được chứ cháu yêu quý?” Toohey nói với Catherine. “A, chẳng có gì sánh được với một tiệc trà buổi chiều cả. Khi nào đế quốc Anh sụp đổ, các nhà sử học sẽ thấy rằng đế quốc này chỉ có được hai đóng góp vô giá đối với nền văn minh – thói quen tiệc trà này và tiểu thuyết trinh thám. Catherine, cháu yêu quý, cháu có cần phải nắm cái quai ấm như thể nó là một chiếc rìu chặt thịt như thế không? Nhưng không sao, như thế lại dễ thương, chính cái đó làm chúng ta, Peter và ta, yêu quý con đấy, bọn ta chưa chắc đã yêu con nếu con cũng duyên dáng như một nữ công tước – ai cần một công tước vào thời buổi này cơ chứ?”

Catherine rót trà và đánh đổ trà lên mặt bàn kính, một việc mà trước đây cô chưa từng phạm phải.

“Ta thực sự muốn được nhìn thấy hai đứa bên nhau một lần,” Toohey nói, vừa nói vừa hờ hững cầm một tách trà nhỏ thanh nhã. “Tôi thật ngốc, đúng không? Thật sự chẳng có gì đáng gọi là một sự kiện trọng đại, nhưng mà thỉnh thoảng tôi trở nên ngớ ngẩn và sướt mướt, giống như tất cả mọi người. Cháu có con mắt tinh đấy, Catherine ạ. Ta nợ con một lời xin lỗi, ta không bao giờ nghĩ rằng con có một khiếu thẩm mỹ tốt như vậy. Con và Peter sẽ thành một cặp đẹp đôi. Con sẽ làm rất nhiều cho cậu ấy. Con sẽ làm bánh kem cho cậu ấy, giặt khăn tay và đẻ con cho cậu ấy, mặc dù dĩ nhiên tất cả bọn trẻ một lúc nào đấy sẽ bị lên sởi, mà điều này thật phiền toái.”

“Nhưng mà, tóm lại là, ông... chú cũng tán thành chuyện này chứ ạ?” Keating nôn nóng hỏi.

“Tán thành chuyện này? Chuyện nào hả Peter?”

“Chuyện hôn nhân của bọn cháu ấy...”

“Thật là một câu hỏi thừa Peter ạ! Tất nhiên, tôi tán thành chuyện này. Nhưng hai đứa trẻ thật đấy! Người trẻ tuổi thì thế đấy – họ cứ tạo ra một vấn đề vốn chẳng tồn tại. Anh hỏi cứ như thể toàn bộ chuyện này quan trọng đến mức phải phản đối ấy.”

“Katie và cháu gặp nhau cách đây bảy năm,” Keating nói một cách thủ thế.

“Và tất nhiên đây là một tình yêu sét đánh?”

“Vâng,” Keating nói và cảm thấy mình thật lố bịch.

“Đó hẳn phải vào mùa xuân,” Toohey nói. “Thường là thế. Sẽ có một rạp chiếu phim tối om, và có hai người quên mất thế giới, tay trong tay – nhưng tay thì lại đổ mồ hôi khi bị nắm lâu quá, đúng không nào? Tuy vậy, được yêu vẫn là tuyệt vời. Câu chuyện ngọt ngào nhất từng được kể – và cũng nhàm chán nhất. Đừng quay đi như thế Catherine. Chúng ta không bao giờ được tự

cho phép mình mất đi khiếu hài hước cả."

Ông mỉm cười. Sự thân ái trong nụ cười của ông ôm lấy cả hai người. Sự thân ái lớn đến mức nó làm cho tình yêu của họ dường như nhỏ mọn và ích kỷ, bởi chỉ có thứ gì đó tầm thường mới có thể khơi dậy một sự thương cảm lớn đến như vậy. Ông hỏi:

"Nhân tiện, Peter, anh định bao giờ thì tiến hành đám cưới ấy nhỉ?"

"Ồ,... chúng cháu chưa bao giờ thực sự đặt ra một thời gian cụ thể cả, chú biết mọi chuyện thế nào rồi đấy, những gì xảy ra với cháu và bây giờ Katie lại có công việc của cô ấy và... Và, nhân tiện," anh đột nhiên thêm vào, bởi việc Katie có việc làm khiến anh khó chịu một cách vô cớ, "khi nào chúng cháu kết hôn thì Katie sẽ phải thôi việc. Cháu không tán thành chuyện đó."

"Thì tất nhiên," Toohey nói, "tôi cũng chẳng tán thành chuyện đó, nếu Catherine mà không thích nó."

Catherine hiện đang làm công việc giữ trẻ ở Khu tập thể Clifford[70]. Đó là ý của riêng cô. Cô đã từng thường xuyên đến thăm khu nhà này cùng với chú mình, người đã tổ chức một số lớp học kinh tế ở đó, và cô đã trở nên thích thú với công việc.

"Nhưng em rất thích nó!" cô kêu lên, đột nhiên tỏ ra hào hứng. "Em không hiểu sao anh lại ghét nó Peter ạ!" Trong giọng cô có một nốt chối tai, nghe nổi loạn và không dễ chịu lắm.

"Em chưa bao giờ thích cái gì đến thế trong đời cả. Giúp những người bất lực và bất hạnh. Em đến đó sáng nay – em không buộc phải đến, nhưng em muốn đến – và rồi em vội về nhà, em không có thời gian thay quần áo, nhưng cũng chẳng sao, ai thèm quan tâm đến việc em trông ra sao cơ chứ? Và..." – nốt chói tai trong giọng cô đã biến mất, nhưng cô vẫn nói rất hào hứng và rất nhanh – "Chú Ellsworth, chú tưởng tượng xem! Billy Hansen bé nhỏ bị viêm họng – chú nhớ bé Billy không? Và cô y tá không ở đó, nên cháu phải thông họng nó bằng Argyrol, tội nghiệp! Nó bị tắc đờm kinh khủng trong họng!" Giọng cô dường như tỏa sáng, như thể cô đang miêu tả một vẻ đẹp vĩ đại. Cô nhìn chú mình. Lần đầu tiên Keating nhìn thấy vẻ yêu thương mà anh đã chờ đợi. Cô tiếp tục nói về công việc của cô, về lũ trẻ, về khu chung cư. Toohey lắng nghe một cách trang trọng. Ông không nói gì cả. Nhưng sự chăm chú thực sự trong mắt ông đã thay đổi ông, nét hài hước giễu cợt của ông đã biến mất và ông quên mất lời khuyên của chính mình, ông đang nghiêm túc, rất nghiêm túc là đằng khác. Khi ông nhận thấy đĩa của Catherine đã hết, ông đưa cô khay bánh săng-đuých với một cử chỉ đơn giản và chẳng hiểu thế nào lại khiến cho nó trở thành một cử chỉ lịch thiệp biểu hiện sự kính trọng.

Keating nóng ruột đợi cho đến khi cô dừng lại một giây. Anh muốn thay đổi chủ đề. Anh liếc nhìn xung quanh phòng và thấy mấy tờ báo *Chủ nhật*. Đây là một câu hỏi mà anh đã muốn hỏi từ rất lâu. Anh thận trọng cất tiếng:

"Ellsworth... chú nghĩ thế nào về Roark?"

"Roark? Roark?" Toohey hỏi. "Roark là ai?"

Vẻ quá ngây thơ, quá vô tư trong cách ông lặp lại cái tên, với một dấu chấm hỏi uể oải khinh miệt nổi bật ở cuối, làm cho Keating chắc chắn rằng Toohey biết cái tên này rất rõ.

Người ta không bao giờ cần nhấn mạnh việc mình hoàn toàn không biết gì về vấn đề nếu người ta thực sự không biết về nó. Keating nói:

"Howard Roark. Chú biết đấy, kiến trúc sư. Người đang xây cái nhà Enright ấy."

"À? À, phải, vậy là cuối cùng cũng có một ai đó xây Ngôi nhà Enright?"

"Trên tờ *Tin Hàng ngày* hôm nay có một bức ảnh về nó."

"Thế à? Tôi cũng có liếc qua tờ *Tin Hàng ngày*."

"Và... chú nghĩ gì về tòa nhà đó?"

"Nếu nó mà quan trọng thì tôi đã nhớ nó rồi."

"Tất nhiên rồi!" Những âm tiết trong giọng của Keating nhảy múa, như thể hơi thở của anh giữ chặt từng âm tiết đi qua: "Thật là một thứ kinh khủng, điên rồ! Không giống bất cứ cái gì người ta từng nhìn thấy hoặc muốn nhìn!"

Anh cảm thấy được giải thoát. Cứ như thể anh đã mất cả cuộc đời tin rằng anh mang một thứ bệnh bẩm sinh, và bỗng nhiên một chuyên gia vĩ đại nhất trên Trái đất tuyên bố là anh khỏe mạnh. Anh muốn cười to, một cách thoải mái, vớ vẩn, chẳng cần tự trọng gì hết. Anh muốn nói chuyện.

"Howard là một người bạn của cháu," anh phấn khởi nói.

"Một người bạn của anh? Anh biết anh ta à?"

"Cháu biết cậu ấy à! Trời đất, bọn cháu cùng học một trường với nhau – trường Stanton, chú biết đấy – trời ơi, cậu ấy sống ở nhà cháu ba năm, cháu có thể nói với chú quần lót của cậu ta màu gì và cậu ta tắm như thế nào – cháu biết cậu ấy quá rõ!"

"Anh ta sống ở cùng nhà anh ở Stanton?" Toohey hỏi lại. Ông nói với một sự chính xác thận trọng. Những âm thanh trong giọng ông nhỏ và khô và có tính chung kết, như những tiếng rắc rắc của những que diêm bị bẻ gãy.

Kỳ cục thật, Keating nghĩ. Toohey đang hỏi anh rất nhiều câu hỏi về Howard Roark. Nhưng những câu hỏi đó dường như chẳng có nghĩa gì hết. Chúng không phải về các tòa nhà, chúng chẳng hỏi về kiến trúc một chút nào. Chúng toàn là những câu hỏi cá nhân vô nghĩa – thật là lạ khi dùng để hỏi về một người mà ông ta chưa bao giờ nghe nói đến.

"Anh ta có hay cười không?"

"Rất hiếm khi."

"Anh ta trông có vẻ rầu rĩ không?"

"Không bao giờ."

"Anh ta có nhiều bạn ở Stanton không?"

"Cậu ấy chưa bao giờ có bất kỳ bạn bè nào ở bất kỳ đâu."

"Các bạn học không thích anh ta à?"

"Không ai có thể thích cậu ta được."

"Tại sao?"

"Cậu ta làm cho người ta cảm thấy thật là phi lý nếu thích cậu ta."

"Anh ta có đi ra ngoài, có uống rượu, có vui vẻ xả hơi không?"

"Không bao giờ."

"Anh ta có thích tiền không?"

"Không."

"Anh ta có thích được ngưỡng mộ không?"

"Không."

"Anh ta có tin vào Chúa Trời không?"

"Không."

"Anh ta có hay nói không?"

"Rất ít."

"Anh ta có lắng nghe nếu người khác thảo luận bất kỳ một... ý kiến nào với anh ta không?"

"Cậu ấy lắng nghe. Nhưng nếu cậu ta không lắng nghe thì sẽ tốt hơn."

"Tại sao?"

"Như thế sẽ đỡ xúc phạm người ta hơn – nếu chú biết ý cháu muốn nói gì, khi một người lắng nghe kiểu thế và ta biết rằng nó chẳng có một tý tác động nào hết đối với anh ta."

“Anh ta có luôn mong muốn trở thành một kiến trúc sư không?”

“Cậu ta...”

“Sao vậy Peter?”

“Không sao cả. Tự nhiên cháu nghĩ thật lạ là cháu chưa bao giờ tự hỏi điều này về cậu ta. Điều lạ lùng là thế này: người ta không thể hỏi như thế về cậu ấy. Cậu ta hoàn toàn phát điên lên về kiến trúc. Nó có ý nghĩa nhiều với cậu ta đến mức cậu ta đánh mất hết những cảm nhận khác của con người. Cậu ta đơn giản là chẳng có một tý khiếu hài hước nào với chính mình – đây chính là người hoàn toàn không có hiếu hài hước đấy chú Ellsworth ạ. Người ta không thể hỏi, cậu ta sẽ làm gì nếu cậu ta *không muốn làm* kiến trúc sư.”

“Không,” Toohey nói. “Người ta phải hỏi anh ta sẽ làm gì nếu anh ta *không thể làm* một kiến trúc sư.”

“Cậu ta sẽ bước qua xác người. Bất kỳ xác nào và tất cả các xác người. Tất cả chúng ta. Để trở thành một kiến trúc sư.”

Toohey gấp khăn ăn, một tấm khăn hình vuông thẳng nếp, trên đầu gối mình; ông gấp nó một cách chính xác, mỗi đường chéo một lần, và lùa ngón tay và các mép gấp để nếp gấp được vuốt phẳng.

“Anh còn nhớ nhóm nhỏ các kiến trúc sư trẻ của chúng ta không Peter?” ông hỏi. “Tôi đang sắp xếp để sớm có buổi gặp mặt lần đầu tiên. Tôi đã nói chuyện với nhiều thành viên tương lai của chúng ta và anh sẽ rất tự hào được nghe những gì họ nói về anh với tư cách là chủ tịch tương lai của chúng ta.”

Họ nói chuyện một cách vui vẻ trong khoảng nửa giờ nữa. Khi Keating đứng dậy từ biệt, Toohey tuyên bố: “Ồ, đúng rồi. Tôi đã nói với Lois Cook về anh. Cô ấy sẽ liên lạc với anh sớm thôi.”

“Cảm ơn chú rất nhiều, chú Ellsworth. Nhân tiện, cháu đang đọc cuốn *Đám mây và vải liệm* đấy.”

“Và?”

“Ôi, nó thật tuyệt diệu. Chú biết đấy, chú Ellsworth, nó... nó làm ta nghĩ thật khác đi về mọi thứ trước đây ta đã nghĩ.”

“Chính thế,” Toohey nói, “chính thế phải không?”

Ông đứng cạnh cửa sổ, ngắm nhìn những tia nắng cuối cùng trong một buổi chiều nắng lạnh. Rồi ông ta quay người và nói: “Một ngày thật đẹp. Có lẽ sẽ là một trong những ngày cuối cùng thế này trong năm nay. Anh có muốn đi dạo bên ngoài với Catherine một chút không, Peter?”

“Ôi cháu rất muốn!” Catherine háo hức nói.

“Thế thì đi đi.” Toohey mỉm cười vui vẻ. “Sao thế Catherine? Con phải đợi ta cho phép mới đi à?”

Khi họ sánh bước với nhau ngoài trời, khi họ bên nhau một mình trong ánh sáng lành lạnh của những đường phố tràn ngập ánh nắng chiều muộn, Keating cảm thấy anh đã lấy lại được mọi thứ trong Catherine mà anh đã luôn thấy, lấy lại được cái tình cảm kỳ lạ mà anh không thể có được khi ở bên những người khác. Anh nắm tay cô. Cô rút tay, tháo găng ra và lùa các ngón tay cô vào các ngón tay anh. Và rồi anh đột nhiên nghĩ rằng các bàn tay sẽ đổ mồ hôi khi bị nắm quá lâu, và anh bực bội đi nhanh hơn. Anh nghĩ rằng họ đang đi giống như chuột Mickey và Minnie và rằng họ có lẽ trông thật lố bịch đối với người qua đường. Để thoát khỏi những ý nghĩ này, anh liếc xuống mặt cô. Cô đang nhìn thẳng về phía ánh nắng vàng rực, anh thấy nét mặt trông nghiêng mảnh mai của cô và bóng dáng thấp thoáng của một nụ cười nơi khóe miệng cô, một nụ cười hạnh phúc lặng lẽ. Nhưng anh nhận thấy vành mi mắt cô tái xanh và anh bắt đầu tự hỏi liệu cô có mắc chứng thiếu máu hay không.

*

* *

Lois Cook ngồi trên sàn nhà giữa phòng khách, chân bắt chéo nhau theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, để lộ hai đầu gối lớn để trần, bít tất màu xám cuộn qua nịt tất, và mặc một chiếc quần đùi màu hồng đã ngả bạc. Peter Keating ngồi sát mép chiếc ghế dài màu tím bóng lộn. Chưa bao giờ anh cảm thấy không thoải mái như thế này trong cuộc gặp đầu tiên với một khách hàng.

Lois Cook ba mươi bảy tuổi. Trong các cuộc nói chuyện trước công chúng và riêng tư, cô đã khăng khăng nói rằng cô sáu mươi tư tuổi. Nó được lặp đi lặp lại như một trò đùa kỳ quái và tạo cho tên tuổi của cô một ấn tượng mơ hồ về sự trẻ trung vĩnh cửu. Cô cao, khô, vai hẹp, và hông rộng. Cô có một khuôn mặt dài, nông, và đôi mắt gần nhau. Tóc cô dài đến tai và cuộn thành những lọn bóng nhờn. Móng tay cô bị gãy. Cô trông bù xù một cách quá lố, với vẻ luộm thuộm có chủ ý, được tạo ra một cách cẩn thận như khi người ta làm đẹp – và cũng với mục đích như vậy.

Cô nói liên hồi, người đung đưa qua lại trên đôi hông:

“... đúng, bên sông Bowery. Một ngôi nhà riêng. Ngôi đền thánh bên sông Bowery. Tôi có địa điểm, tôi muốn nó và mua nó, đơn giản như thế, hoặc chính xác là ông luật sư ngu ngốc của tôi đã mua nó cho tôi, anh phải gặp luật sư của tôi, ông ta bị chứng thối miệng. Tôi không biết anh sẽ đòi tôi bao nhiêu tiền, nhưng điều đó cũng không quan trọng, tiền là chuyện tầm thường. Cải bắp cũng tầm thường. Nhà tôi phải có ba tầng và một phòng khách có

sàn lát gạch hoa.”

“Thưa chị Cook, tôi đã đọc cuốn *Đám mây và vải liệm* của chị và đó là một sự mở mắt về tinh thần cho tôi. Xin cho phép tôi được đứng vào hàng ngũ những người hiểu được lòng dũng cảm và ý nghĩa lớn lao của những gì chị đã một tay đạt được khi mà...”

“Ôi, đừng nói vớ vẩn nữa” Lois Cook nói và nháy mắt với anh.

“Nhưng tôi thực sự nghĩ vậy mà!” anh tức giận kêu lên. “Tôi rất thích cuốn sách của chị. Tôi...”

Trông Cook chán nản.

“Thật tầm thường,” cô ta dài giọng, “khi mà ai cũng hiểu được.”

“Nhưng ông Toohey nói rằng...”

“À, đúng rồi. Ông Toohey.” Mắt cô giờ đây mang vẻ cảnh giác, tội lỗi một cách xấc láo, giống như ánh mắt của một đứa trẻ vừa thực hiện một trò nghịch tinh quái. “Ông Toohey. Tôi là chủ tịch của một nhóm nhỏ các nhà văn trẻ mà ông Toohey rất quan tâm.”

“Vậy sao?” anh phấn khởi nói. Có vẻ như đây là sự trao đổi trực tiếp đầu tiên giữa họ. “Thú vị thật! Ông Toohey cũng đang tập hợp một nhóm nhỏ các kiến trúc sư trẻ và ông ấy rất tốt bụng khi định cho tôi làm chủ tịch.”

“Ồ,” cô nói và nháy mắt. “Cùng hội với chúng tôi?”

“Hội với ai?”

Anh không biết anh đã làm gì, nhưng anh biết rằng mình đã làm cô thất vọng. Cô bắt đầu cười. Cô ngồi đó, ngước đầu nhìn anh, cố tình cười vào mặt anh, cười một cách chẳng tử tế gì và chẳng vui vẻ gì.

“Có cái quái gì...!” Anh kìm mình lại. “Có vấn đề gì vậy hả chị Cook?”

“Ối giời ơi!” cô nói. “Anh thật là một cậu bé dễ thương, dễ thương và xinh đẹp nữa!”

“Ông Toohey là một người vĩ đại,” anh giận dữ nói. “Ông ấy là nhân cách... cao quý nhất tôi từng...”

“Ồ đúng vậy. Ông Toohey là một người tuyệt vời.” Giọng cô nghe lạ vì thiếu một thứ, nó thiếu tôn trọng một cách trắng trợn. “Bạn tốt nhất của tôi. Con người tuyệt vời nhất trên quả đất. Có quả đất thì phải có Toohey – một quy luật của tự nhiên. Ngoài ra, thử nghĩ xem chúng ta có thể gieo vần hay đến thế nào: Tuhi – ủy mị – lầm lì – phi lý[71]. Tuy nhiên, đó là một ông thánh. Chuyện đó rất hiếm có. Hiếm như thiên tài vậy. Tôi là một thiên tài. Tôi muốn một phòng khách không có cửa sổ. Không một cửa sổ nào hết, hãy

nhớ điều này khi anh vẽ thiết kế. Không cửa sổ, sàn lát gạch hoa và trần màu đen. Và không điện đóm gì hết. Tôi không muốn điện trong nhà mình, chỉ có đèn dầu thôi. Đèn dầu với ống khói, và nến. Quỷ tha ma bắt Thomas Edison đi! Mà ông ta là ai ấy nhỉ?"

Lời nói của cô không làm anh khó chịu bằng nụ cười của cô. Đó không phải là một nụ cười, đó là một cái nhếch mép thường trực – hai góc cái miệng dài nhướn lên, làm cho cô trông giống một con yêu tinh xảo quyệt và độc ác.

"Và, Keating, tôi muốn ngôi nhà phải thật *xấu*. Cực kỳ *xấu*. Tôi muốn nó là ngôi nhà xấu nhất ở New York."

"Ngôi nhà... *xấu nhất*, thưa chị Cook?"

"Cưng ơi, cái đẹp thì quá tầm thường!"

"Đúng vậy, nhưng... nhưng... tôi... làm sao tôi có thể cho phép mình..."

"Keating, lòng dũng cảm của anh ở đâu rồi? Anh không thể thỉnh thoảng thực hiện một cử chỉ cao thượng được ư? Bọn họ đều làm việc chăm chỉ và vật lộn và chịu đựng, cố đạt đến cái đẹp, cố vượt mặt người khác trong cái đẹp. Chúng ta sẽ vượt mặt tất cả bọn họ! Hãy ném mồ hôi của chính họ vào mặt họ. Hãy tiêu diệt họ chỉ bằng một cái phất. Hãy là thánh thần! Hãy xấu!"

Anh nhận hợp đồng thiết kế. Sau vài tuần, anh không còn cảm thấy khó chịu về chuyện này nữa. Bất kỳ khi nào anh đề cập đến công trình mới này, anh đều gặp phải một sự tò mò đầy kính trọng. Đó là một sự tò mò khó hiểu, nhưng đầy vẻ kính trọng. Cái tên Lois Cook nổi tiếng tại những phòng thiết kế sáng giá nhất mà anh đến thăm. Nhan đề những cuốn sách của cô lấp lánh trong những cuộc chuyện trò như thể những viên kim cương gắn trên vương miện tri thức của người nói. Trong những giọng nói tuyên bố những nhan đề đó luôn có một vẻ thách thức nghe như thể người nói đang rất dũng cảm. Đó là một sự dũng cảm khiến người ta thỏa mãn; nó không bao giờ khuấy lên sự phản kháng. Đối với một tác giả mà tác phẩm không bán được thì tên của người đó có vẻ sẽ nổi tiếng và được vinh danh một cách kỳ lạ. Cô là người lãnh đạo của đội quân tiên phong trong lĩnh vực tri thức và nổi loạn. Chỉ có điều anh cũng không rõ lắm về việc nổi loạn chống cái gì. Về cơ bản, anh cũng không muốn biết.

Anh thiết kế ngôi nhà như cô muốn. Đó là một dinh thự ba tầng, một phần lát đá cẩm thạch, một phần trát vữa, trang trí bằng những miệng máng xối kiểu Gothic và đèn lồng xe ngựa. Trông nó giống như một cấu trúc của một công viên giải trí.

Bản vẽ thiết kế ngôi nhà này lên báo nhiều hơn bất kỳ một bản vẽ nào

khác của anh, trừ Tòa nhà Cosmo-Slotnick. Một nhà bình luận tuyên bố rằng "Peter Keating hứa hẹn không chỉ là một thanh niên trẻ thông minh với khả năng làm hài lòng những đại gia hủ lậu. Anh đang dấn thân cả vào lĩnh vực tri thức với một khách hàng như Lois Cook." Toohey thì nói đến ngôi nhà như "một trò đùa vĩ đại."

Nhưng một cảm giác kỳ lạ vẫn vương vấn trong đầu Keating: đó là cảm giác về một thứ dư vị. Anh thường thoáng có cảm giác này khi làm việc với một công trình quan trọng mà anh thích; anh thường có cảm giác này vào những lúc anh tự hào về công việc của mình. Anh không thể nhận ra được tính chất của cảm giác đó; nhưng anh biết rằng một phần trong nó là sự hổ thẹn.

Một lần, anh thổ lộ điều đó với Ellsworth Toohey. Toohey cười. "Thế là tốt cho anh, Peter ạ. Không ai được tự cho phép phóng đại tầm quan trọng của bản thân mình. Không cần thiết phải làm khổ mình về các giá trị tuyệt đối."

V.

Dominique đã trở lại New York. Cô trở lại mà chẳng có mục đích gì, chỉ vì cô không thể ở lại ngôi nhà nông thôn quá ba ngày sau chuyến thăm mỏ đá lần cuối cùng. Cô phải ở trong thành phố – điều này đột ngột trở thành một nhu cầu thiết yếu, không thể cưỡng lại được và không thể cắt nghĩa. Cô chẳng trông đợi gì ở thành phố. Nhưng cô muốn có cảm giác về đường phố và những tòa nhà bao quanh cô ở đó. Vào buổi sáng, cô tỉnh dậy và nghe thấy tiếng xe cộ ở xa xa phía dưới, âm thanh đó là một sự lăng mạ, một sự nhắc nhở về việc cô đang ở đâu và tại sao. Cô đứng cạnh cửa sổ, hai cánh tay dang rộng, mỗi tay nắm lấy một bên khung cửa như thể cô đang ôm một phần của thành phố – ôm tất cả những con đường và mái nhà hiện lên trong khuôn kính giữa hai tay cô.

Cô ra ngoài một mình để đi bộ thật lâu. Cô đi nhanh, hai tay đút trong túi chiếc áo khoác cũ, cổ áo bẻ dựng lên. Cô tự bảo mình rằng cô không hề hy vọng được gặp anh. Cô không tìm kiếm anh. Nhưng cô phải đi ra đường, trống rỗng, không mục đích, mỗi lần hàng giờ liền.

Cô đã luôn luôn căm ghét những đường phố của một thành phố. Cô nhìn những khuôn mặt trôi ngang qua, những khuôn mặt trông giống nhau vì sự sợ hãi trên đó – sự sợ hãi như một mẫu số chung, sợ chính họ, sợ tất cả và sợ nhau. Sự sợ hãi làm cho họ sẵn sàng đạp lên bất kỳ cái gì được một người khác coi là thiêng liêng. Cô không thể định nghĩa được bản chất hay lý do của nỗi sợ đó. Nhưng cô đã luôn luôn cảm nhận được sự có mặt của nó. Cô đã giữ mình sạch sẽ và tự do bằng một ham muốn duy nhất – ham muốn không chạm vào cái gì hết. Cô đã thích đối mặt với họ trên đường phố, cô đã thích sự thù hận đầy bất lực của họ, bởi cô chẳng có gì để cho họ làm tổn thương.

Bây giờ, cô không còn tự do nữa. Bây giờ, mỗi bước cô đi trên đường đều làm cô tổn thương. Cô đã bị buộc vào anh – như anh bị buộc vào từng phần của thành phố. Anh là một công nhân vô danh làm một công việc vô danh nào đó, bị mất hút trong những đám đông này, phải phụ thuộc vào họ, có thể bị bất kỳ người nào trong số họ làm tổn thương, và cô phải chia sẻ anh với cả thành phố. Cô căm ghét ý nghĩ về việc anh đi trên những vỉa hè mà người ta đã đi. Cô căm ghét ý nghĩ về việc một người bán hàng đưa cho anh một bao thuốc lá qua quầy hàng. Cô căm ghét những khuỷu tay chạm vào khuỷu tay anh trên tàu điện ngầm. Cô về nhà, sau những chuyến đi bộ này, người run lên như sốt. Hôm sau cô lại ra ngoài.

Khi kỳ nghỉ kết thúc, cô đến tòa soạn tờ *Ngọn cờ* để xin thôi việc. Công

việc và mục báo của cô chẳng còn gây hứng thú gì với cô nữa. Cô cắt ngang lời chào mừng nồng nhiệt của Alvah Scarret. Cô nói: "Tôi về đây chỉ để bảo anh rằng tôi bỏ việc, Alvah ạ." Ông nhìn cô một cách ngớ ngẩn. Ông chỉ nói: "Tại sao?"

Đó là âm thanh đầu tiên từ thế giới bên ngoài đến được với cô sau một thời gian rất dài. Cô đã luôn luôn hành động một cách tức thời theo cảm hứng, tự hào vì sự tự do thoát khỏi mọi lý do hành động của mình. Thế mà bây giờ cô phải đối mặt với câu hỏi "Tại sao?" – câu hỏi hàm chứa một câu trả lời mà cô không thể chạy trốn. Cô nghĩ: Tại vì anh, tại vì cô đang để anh thay đổi cuộc sống của cô. Đó sẽ là một sự vi phạm nữa; cô có thể nhìn thấy anh đang mỉm cười như lúc anh đã cười trên con đường mòn trong rừng. Cô không có lựa chọn nào khác. Dù có chọn thế nào chăng nữa thì sự lựa chọn cũng là do bị cưỡng bức: cô có thể bỏ công việc, vì anh đã bắt cô muốn bỏ nó; hoặc cô có thể ở lại dù căm ghét nó, để cho cuộc đời cô không bị thay đổi, để chống lại anh. Phương án thứ hai khó hơn.

Cô ngẩng đầu lên. Cô nói: "Đùa thôi mà, Alvah. Chỉ để xem anh nói gì. Tôi không bỏ việc đâu."

*

* *

Cô trở lại công việc được vài ngày thì Ellsworth Toohey bước vào phòng làm việc của cô. "Chào Dominique," ông ta nói. "Vừa nghe nói cô đã về."

"Chào Ellsworth."

"Tôi rất mừng. Cô biết đấy, tôi luôn có cảm giác là một buổi sáng nào đó cô sẽ bỏ chúng tôi đi mà chẳng có nguyên cớ gì."

"Cảm giác à Ellsworth? Hay là hy vọng?"

Ông đang nhìn cô với ánh mắt nhân từ và nụ cười hiền hậu muôn thuở; nhưng có một thoáng tự giễu mình trong vẻ hiền hậu đó, như thể ông biết rằng cô không ưa nó; và có một thoáng tự tin, như thể ông muốn thể hiện rằng ông sẽ luôn giữ cái vẻ nhân từ và hiền hậu đó.

"Cô biết đấy, cô sai ở chỗ đó rồi," ông ta nói, mỉm cười bình thản. "Cô đã luôn sai về điểm đó."

"Không. Tôi không phù hợp, Ellsworth. Đúng không?"

"Tất nhiên tôi có thể hỏi: Phù hợp với cái gì? Nhưng cứ cho là tôi không hỏi đi. Cứ cho là tôi chỉ nói rằng những người không hợp cũng có tác dụng của họ, cũng như là những người phù hợp có tác dụng của họ. Cô có thích như thế hơn không? Tất nhiên, đơn giản nhất thì tôi sẽ nói là tôi đã luôn luôn

rất ngưỡng mộ cô và sẽ luôn luôn ngưỡng mộ cô.”

“Đó không phải là một lời khen.”

“Không hiểu sao tôi luôn nghĩ là chúng ta sẽ không bao giờ trở thành kẻ thù của nhau, Dominique ạ, nếu đó là cái cô muốn.”

“Không, tôi không nghĩ chúng ta sẽ có lúc nào đó trở thành kẻ thù của nhau, Ellsworth ạ. Ông là người dễ chịu nhất mà tôi từng biết.”

“Tất nhiên.”

“Theo ý mà tôi muốn nói?”

“Theo bất kỳ ý nào cô muốn nói.”

Trên bàn làm việc trước mặt cô là phần tranh ảnh của tờ Tin *Hàng ngày Chủ nhật*. Trên đó có in hình vẽ thiết kế Tòa nhà Enright. Cô nhặt bức hình lên và đưa nó cho ông, hai mắt cô nheo lại thành một câu hỏi. Ông nhìn bức hình, rồi ánh mắt chuyển sang khuôn mặt cô và quay trở lại bức hình. Ông thả trang báo trở lại trên bàn.

“Độc lập như một lời lăng mạ, đúng không?” ông nói.

“Ông biết đấy Ellsworth ạ, tôi nghĩ rằng người thiết kế tòa nhà này lẽ ra nên tự tử thì hơn. Một người mà có thể tạo ra được một thứ đẹp như thế này thì không bao giờ nên cho phép nó được dựng nên cả. Anh ta không nên muốn cho nó tồn tại. Nhưng rồi anh sẽ để cho nó được xây dựng, để rồi đàn bà có thể phơi tã lót trẻ con trên các hàng hiên mà anh ta xây, để đàn ông nhổ trên các bậc thang của anh ta và vẽ những hình thù bẩn thỉu trên các bức tường của anh ta. Anh ta đã biếu nó cho họ và anh ta đã làm nó trở thành một phần của họ, một phần của mọi thứ. Anh ta lẽ ra không nên đưa nó cho những người như ông xem. Cho những người như ông bàn tán về nó. Anh ta đã làm ô uế công trình của mình bởi lời nói đầu tiên mà ông sẽ nói về ngôi nhà. Anh ta đã tự biến mình thành kẻ còn tồi tệ hơn ông. Ông sẽ chỉ phạm phải một sự khiếm nhã nho nhỏ, nhưng anh ta thì đã phạm tội báng bổ. Một người đã biết những điều đủ để giúp anh ta có thể tạo ra một thứ như thế này thì lẽ ra không thể sống được mới đúng.”

“Cô sẽ viết một bài về cái này chứ?” ông hỏi.

“Không. Như thế sẽ là lặp lại tội ác của anh ta.”

“Thế còn nói chuyện với tôi về nó?”

Cô nhìn ông. Ông mỉm cười một cách dễ chịu.

“Đúng, tất nhiên,” cô nói, “đó cũng là một phần của tội ác đó.”

“Hôm nào đó chúng ta hãy đi ăn tối cùng nhau, Dominique,” ông ta nói.

“Thực sự cô không cho tôi được gặp cô đủ.”

“Được thôi,” cô nói. “Bất kỳ lúc nào ông muốn.”

*

* *

Vào phiên xử vụ tấn công Ellsworth Toohey, Steven Mallory từ chối không tiết lộ động cơ của mình. Anh ta chẳng nói câu nào. Anh ta có vẻ thờ ơ với bất kỳ bản án nào có thể được đưa ra. Nhưng Ellworth Toohey gây ra một sự giật gân nho nhỏ khi ông xuất hiện, một cách tự nguyện, để bào chữa cho Mallory. Ông xin thẩm phán hãy độ lượng; ông giải thích rằng ông không muốn thấy tương lai và nghề nghiệp của Mallory bị hủy hoại.

Mọi người trong phòng xử rất xúc động – ngoại trừ Mallory. Steven Mallory lắng nghe và ngắm nhìn mọi thứ như thể anh ta đang chịu đựng một cuộc tra tấn đặc biệt dã man nào đó. Thẩm phán tuyên phạt anh ta hai năm tù, cho hưởng án treo.

Người ta bàn tán rất nhiều về sự rộng lượng phi thường của Toohey. Ông gạt đi mọi lời khen ngợi – một cách vui vẻ và khiêm tốn. “Các bạn của tôi,” ông nói – với tất cả các tờ báo – “Tôi từ chối làm kẻ đồng lõa trong việc sản xuất ra những kẻ tử vì đạo.”

*

* *

Vào buổi gặp mặt đầu tiên của hội kiến trúc sư trẻ tương lai, Keating kết luận rằng Toohey có khả năng tuyệt vời trong việc lựa chọn những người phù hợp với nhau. Mười tám người tham dự mang một vẻ gì đó mà anh không thể định rõ, nhưng cái vẻ ấy cho anh một cảm giác thoải mái, an toàn mà anh chưa bao giờ có được khi ở một mình hoặc trong bất kỳ một cuộc hội họp nào; và một phần của sự thoải mái đó nằm ở việc anh biết rằng tất cả những người khác cũng cảm thấy như thế, với cùng một lý do không thể giải thích được như thế. Đó là một cảm giác về tình bằng hữu, nhưng, theo một cách nào đó, không phải là một tình bằng hữu mang tính thần thánh hay cao quý; và chính cái sự thoải mái này là cái làm người ta cảm thấy không cần phải thần thánh hay cao quý nữa.

Nếu không có tình bằng hữu này thì Keating đã cảm thấy thất vọng với buổi họp mặt. Trong số mười tám người ngồi trong phòng khách của Toohey, không ai là kiến trúc sư nổi tiếng, ngoại trừ chính anh và Gordon L. Prescott, người mặc một chiếc áo len cổ lọ màu be và trông hơi kẻ cả, nhưng háo hức. Keating chưa bao giờ nghe đến tên của những người còn lại. Hầu hết bọn họ là người mới bước vào nghề, trẻ, ăn mặc vụng về và hiếu chiến.

Một số người chỉ là thợ vẽ. Có một nữ kiến trúc sư đã từng xây một vài ngôi nhà nhỏ cho tư nhân, chủ yếu là những bà góa giàu có; cô này có một phong cách xông xáo, một đôi môi mím chặt và một bông hoa dã yên thảo cài trên tóc. Một cậu bé với đôi mắt trong sáng, thơ ngây. Một ông thầu khoán vô danh tiểu tốt với khuôn mặt béo phị vô cảm. Một phụ nữ cao, khô đét, làm công việc trang trí nội thất, và một người phụ nữ khác chẳng có nghề nghiệp gì rõ ràng.

Keating không thể hiểu được mục đích chính xác của hội này là gì, nhưng mọi người thảo luận khá sôi nổi. Buổi thảo luận chẳng có nội dung gì chặt chẽ, nhưng tất cả hình như có chung một dòng chảy ngầm bên dưới. Anh cảm thấy rằng dòng chảy này là thứ duy nhất rõ ràng giữa tất cả những thứ chung chung mờ nhạt có mặt, mặc dù chẳng ai chịu đề cập đến nó. Nó giữ anh ở đó, cũng như giữ những người khác, và anh cũng chẳng muốn tìm hiểu nó là cái gì.

Những thanh niên trẻ nói chuyện nhiều về sự bất bình đẳng, sự bất công, về sự độc ác của xã hội đối với tuổi trẻ, và cho rằng mọi người cần phải được đảm bảo công ăn việc làm khi tốt nghiệp đại học. Vị nữ kiến trúc sư thì nói một cái gì đó ngắn gọn về tội lỗi của những người giàu có bằng một chất giọng the thé. Ông thầu khoán thì oang oang tuyên bố rằng đây là một thế giới khó khăn và rằng "mọi người cần phải giúp đỡ nhau." Cậu bé với đôi mắt ngây thơ thì cầu khẩn rằng "chúng ta có thể làm nhiều điều tốt..." Giọng của cậu mang một vẻ chân thành tha thiết khiến nó dường như không thích hợp và làm người ta bối rối. Gordon L. Prescott tuyên bố rằng hội A.G.A là một đám những người cổ hủ chẳng có ý thức gì về trách nhiệm xã hội và chẳng có một tí nhiệt huyết đàn ông tử tế nào, và rằng đã đến lúc phải tung hê bọn họ đi rồi. Người phụ nữ không có nghề nghiệp rõ ràng thì nói về những lý tưởng và sự nghiệp, mặc dù chẳng ai hiểu đó là những cái gì.

Peter Keating được bầu làm chủ tịch hội, với sự tán đồng tuyệt đối. Gordon L. Prescott được bầu làm phó chủ tịch và thủ quỹ. Toohey từ chối không nhận bất kỳ chức danh nào. Ông ta tuyên bố rằng mình chỉ đóng vai trò là một cố vấn không chính thức. Mọi người quyết định rằng tổ chức này sẽ được đặt tên là Hội Những nhà Xây dựng Hoa Kỳ. Họ cũng quyết định rằng các thành viên không bắt buộc phải là kiến trúc sư, mà hội sẽ mở rộng cho "các nghề nghiệp tương tự" và cho "tất cả những ai mang trong tim mình một mối quan tâm tới ngành kiến trúc vĩ đại."

Rồi Toohey phát biểu. Ông phát biểu khá dài. Ông đứng, chống người vào một bàn tay đang đặt trên bàn. Giọng nói tuyệt vời của ông nhẹ nhàng và đầy thuyết phục. Nó ngập tràn căn phòng, nhưng lại khiến cho những thính giả của ông nhận thấy rằng nó hẳn là có thể ngập tràn cả một đấu trường La

Mã nữa; điều này làm cho những thính giả của ông cảm thấy được tâng bốc một cách khéo léo và cái giọng nói đầy sức mạnh kia làm cho họ càng yên tâm.

"... và vì thế, hỡi các bạn của tôi, điều mà ngành kiến trúc còn thiếu là sự thấu hiểu tầm quan trọng của chính nó đối với xã hội của chúng ta. Sự thiếu sót ấy là do một nguyên nhân kép: do bản chất phản xã hội của toàn thể xã hội của chúng ta và do sự khiêm tốn cố hữu của chúng ta. Các bạn đã quen với việc nghĩ về bản thân chỉ như những trụ cột gia đình, những người không có mục đích gì cao hơn là lấy tiền công và nuôi sống bản thân. Chẳng phải đã đến lúc, hỡi các bạn của tôi, phải ngừng lại và định nghĩa lại vị trí của các bạn trong xã hội rồi sao? Trong số các ngành nghề thì ngành của các bạn là quan trọng nhất. Quan trọng, không phải ở số tiền bạn có thể kiếm được, không phải ở trình độ kỹ năng nghệ thuật mà các bạn có thể thể hiện, mà ở sự phục vụ các bạn đem đến cho đồng loại của mình. Các bạn là những người cung cấp nơi trú ẩn cho nhân loại. Hãy nhớ lấy điều này và rồi nhìn ngắm các thành phố của chúng ta, các khu nhà ổ chuột của chúng ta, để nhận ra nhiệm vụ cực lớn đang chờ đón các bạn. Nhưng để vượt qua thử thách này, các bạn cần được vũ trang bằng một tầm nhìn rộng lớn hơn về bản thân và về công việc của mình. Các bạn không phải là những đầy tờ làm thuê cho những người giàu có. Các bạn là những người đấu tranh cho sự nghiệp của những người bị thiệt thòi và những người không có nhà cửa. Chúng ta sẽ được phán xét không phải qua việc chúng ta là ai, mà qua việc chúng ta phục vụ ai. Chúng ta hãy đoàn kết lại trong tinh thần này. Chúng ta hãy – trong tất cả các vấn đề – trung thành với triển vọng mới mẻ, rộng lớn, cao cả hơn này. Chúng ta hãy thực hiện – ồ, thưa các bạn của tôi, tôi có thể nói – một giấc mơ cao cả hơn không nhỉ?"

Keating lắng nghe một cách háo hức. Anh đã luôn nghĩ mình là một trụ cột gia đình, gò lưng kiếm tiền thù lao, trong một chuyên môn mà anh đã chọn vì mẹ anh đã muốn anh chọn nó. Thật là hài lòng khi phát hiện ra rằng anh còn hơn như thế nhiều; rằng các hoạt động thường ngày của anh mang lại một tầm quan trọng cao cả. Thật là dễ chịu và mê ly. Anh biết là tất cả những người khác trong phòng cũng cảm thấy thế.

"... và khi hệ thống xã hội của chúng ta sụp đổ thì công trình của những nhà xây dựng sẽ không bị cuốn đi, mà nó sẽ được nâng lên một vị thế nổi bật hơn và một sự công nhận vĩ đại hơn..."

Chuông cửa reo. Rồi người hầu phòng của Toohey xuất hiện trong chốc lát, giữ cánh cửa phòng khách mở cho Dominique Francon vào.

Dựa vào cái cách Toohey dừng lại, ngay giữa một từ đang nói dở, Keating biết rằng Dominique đã không được mời, cũng chẳng được mong đợi. Cô

mỉm cười với Toohey, gật đầu và bàn tay cô phác một cử chỉ bảo ông cứ tiếp tục. Ông ra dấu cúi chào về hướng cô, hầu như chỉ như một chuyển động khẽ của đôi lông mày, và tiếp tục bài phát biểu. Đó là một sự chào đón dễ chịu và sự suồng sã của nó đã gộp vị khách vào trong tình bằng hữu thân mật của buổi gặp mặt. Riêng đối với Keating, sự chào đón ấy dường như đã bị chậm một nhịp. Trước đây anh chưa hề thấy Toohey bị lỡ.

Dominique ngồi xuống một góc, đằng sau những người khác. Keating tạm quên việc lắng nghe một lúc để cố thu hút sự chú ý của cô. Anh phải đợi cho đến khi đôi mắt cô đưa quanh căn phòng một cách trầm ngâm, từ khuôn mặt nọ sang khuôn mặt kia và dừng lại ở anh. Anh nghiêng mình và gật đầu một cách hớn hở, với nụ cười thể hiện sự chào đón một vật sở hữu cá nhân.

Cô nghiêng đầu, anh nhìn thấy hàng lông mi chạm vào đôi má cô trong một khoảnh khắc khi đôi mắt cô nhắm lại, và rồi cô nhìn anh lần nữa. Cô ngồi nhìn anh một lúc lâu, không mỉm cười, như thể cô đang tìm lại một điều gì đó trên gương mặt anh. Anh chưa gặp cô từ hồi mùa xuân. Anh nghĩ là cô trông hơi mệt mỏi và đáng yêu hơn những gì anh nhớ.

Rồi anh quay sang Ellsworth Toohey một lần nữa và anh lắng nghe. Những lời anh đang nghe vẫn có vẻ khích động như trước, nhưng sự thích thú của anh đối với chúng không còn trọn vẹn nữa. Anh ngắm nhìn Dominique. Cô không thuộc về căn phòng này, về buổi gặp gỡ này. Anh không thể nói được vì sao, nhưng anh cảm thấy nó một cách chắc chắn và nặng nề. Không phải là vẻ đẹp của cô, không phải là vẻ tao nhã đầy thách thức của cô. Nhưng một thứ gì đó khiến cô trở thành người ngoài cuộc. Như thể là tất cả bọn họ đang trần truồng một cách thoải mái thì một người mặc đủ quần áo bước vào và bỗng nhiên làm họ trở nên ngượng ngập và lố bịch. Nhưng cô chẳng làm gì cả.

Cô ngồi chăm chú lắng nghe. Một lần cô dựa ra sau, bắt chéo hai chân, và châm một điếu thuốc. Cô phẩy tắt ngọn lửa trên que diêm bằng một động tác nhẹ, dứt khoát của cổ tay và cô thả que diêm vào một cái gạt tàn trên chiếc bàn bên cạnh mình. Anh thấy cô thả que diêm vào cái gạt tàn, anh cảm thấy như thể cái chuyển động cổ tay đó của cô đã gẩy que diêm vào mặt tất cả bọn họ. Anh nghĩ là anh vô lý. Nhưng anh để ý thấy Ellsworth Toohey không bao giờ nhìn cô khi ông ta phát biểu.

Khi buổi gặp mặt kết thúc, Toohey vội đến chỗ cô.

"Dominique yêu quý!" ông vui vẻ nói. "Tôi có nên tự tâng bốc mình không đây?"

"Nếu ông muốn như vậy."

"Nếu tôi biết là cô quan tâm thì tôi đã gửi một giấy mời rất đặc biệt cho

cô rồi.”

“Nhưng ông đã không nghĩ là tôi sẽ quan tâm đúng không?”

“Phải, thành thật mà nói, tôi...”

“Ông sai rồi, Ellsworth ạ. Ông đã quên mất bản năng làm báo của tôi. Không bao giờ để lỡ một tin sốt dẻo. Chẳng mấy khi người ta có cơ hội chứng kiến sự ra đời của một trọng tội đâu.”

“Chính xác là em muốn nói gì cơ Dominique?” Keating hỏi, giọng anh đanh lại.

Cô quay sang anh. “Chào anh, Peter.”

“Cô biết Peter Keating, tất nhiên rồi?” Toohey mỉm cười với cô.

“Ồ vâng. Peter đã từng phải lòng tôi.”

“Em đang dùng thời[72] sai rồi, Dominique ạ,” Keating nói.

“Anh không bao giờ được coi bất kỳ điều gì Dominique chọn nói ra là nghiêm túc, Peter ạ. Cô ấy không muốn chúng ta coi nó là nghiêm túc đâu. Cô có muốn tham gia vào nhóm nhỏ của chúng tôi không Dominique? Trình độ chuyên môn của cô khiến cô quá thừa tư cách.”

“Không, Ellsworth. Tôi không muốn tham gia vào nhóm nhỏ của ông đâu. Tôi thực sự không ghét ông đủ để làm việc đó.”

“Vì sao em lại không tán thành nó?” Keating gắt.

“Kìa Peter!” cô dài giọng. “Cái gì làm anh nghĩ thế chứ? Em không hề không tán thành nó. Tôi có không tán thành nó không hả Ellsworth? Em nghĩ đó là một việc làm thích hợp nhằm đáp ứng một nhu cầu rõ ràng. Nó là cái mà tất cả chúng ta đều cần – và xứng đáng.”

“Chúng tôi có thể tin tưởng vào việc cô sẽ xuất hiện trong buổi gặp mặt lần tới không?” Toohey hỏi. “Ý tôi là thật dễ chịu khi có một thính giả vừa am hiểu vừa ôn hòa – ở cuộc gặp lần tới của chúng tôi.”

“Không đâu, Ellsworth ạ. Cám ơn ông. Chỉ là tò mò thôi mà. Mặc dù ông thật sự có một nhóm người thú vị ở đây. Những nhà xây dựng trẻ. Nhân tiện, sao ông không mời cái người đã thiết kế tòa nhà Enright – tên anh ta là gì ý nhỉ? – Howard Roark à?”

Keating cảm thấy hàm anh nghiến chặt. Nhưng cô nhìn họ một cách ngây thơ, cô đã nói điều đó một cách nhẹ nhàng, với giọng điệu của một nhận xét thông thường – chắc chắn là, anh nghĩ, cô ấy đã không có ý... gì nhỉ? Anh tự hỏi bản thân và thêm vào: cô ấy đã không có ý nói bất kỳ điều gì anh đã thoáng nghĩ là cô có ý nói, bất kể điều gì đã làm anh sợ hãi trong giây phút

đó.

“Tôi chưa bao giờ có hân hạnh được gặp anh Roark,” Toohey trả lời một cách trang trọng.

“Em có biết anh ta không?” Keating hỏi cô.

“Không,” cô trả lời. “Tôi chỉ mới thấy một bản vẽ tòa nhà Enright.”

“Và?” Keating khăng khăng. “Em nghĩ gì về nó?”

“Em không nghĩ về nó,” cô trả lời.

Khi cô rời đi, Keating đi tháp tùng cô. Anh nhìn cô trong thang máy, khi họ đi xuống. Anh nhìn thấy bàn tay cô, trong một chiếc găng tay bó màu đen, đang nắm lấy cái góc phẳng của một quyển sách bỏ túi. Cái vẻ bất cẩn ẻo lả của những ngón tay cô vừa thách thức vừa mời gọi. Anh lại cảm thấy mình đang đầu hàng cô.

“Dominique, thực sự vì sao em lại đến đây hôm nay?”

“Ồ, em chưa đi đâu rất lâu rồi và em đã quyết định bắt đầu với buổi gặp này. Anh biết không, khi em đi bơi em không thích hành hạ bản thân bằng cách xuống nước dần dần. Em nhào ngay xuống và nó sẽ sốc điếng người, nhưng sau đó thì mọi việc không còn quá khó chịu đựng.”

“Ý em là gì? Em thực sự thấy có điều gì sai trái ở buổi gặp mặt đó? Rốt cuộc thì bọn anh có định làm cái gì cụ thể đâu. Bọn anh không có chương trình thực sự. Anh thậm chí không biết bọn anh đã ở đó để làm gì nữa kia.”

“Chính thế đấy, Peter. Anh thậm chí không biết các anh đã ở đó để làm gì nữa.”

“Chỉ là một nhóm cho mọi người tụ họp thôi mà. Chủ yếu là để nói chuyện. Như thế thì có hại gì nào?”

“Peter, em mệt rồi.”

“Thế... việc em xuất hiện tối nay ít nhất cũng có nghĩa là em đang từ bỏ sự ẩn dật chứ?”

“Đúng thế. Chỉ thế thôi... Mà sự ẩn dật của em?”

“Anh đã rất cố gắng liên lạc với em, em biết đấy.”

“Thật vậy sao?”

“Anh có nên nói với em anh vui thế nào khi được gặp em hôm nay không?”

“Không. Hãy coi như anh đã nói với em rồi.”

“Em biết không, em đã thay đổi, Dominique ạ. Anh không biết đích xác

theo cách nào, nhưng em đã thay đổi.”

“Em đã thay đổi?”

“Hãy coi như anh vừa nói là em rất dễ thương, bởi vì anh không tìm được từ ngữ nào để nói ra điều đó cả.”

Đường phố tối. Anh gọi một chiếc tắc-xi. Ngồi gần cô, anh quay người và nhìn thẳng vào cô, cái liếc nhìn của anh như một lời mời mọc công khai. Anh hy vọng nó làm cho sự yên lặng trở nên có ý nghĩa giữa họ. Cô không quay đi. Cô ngồi quan sát mặt anh. Cô có vẻ đang phân vân theo đuổi một ý nghĩ nào đó của riêng cô mà anh không thể đoán được. Anh với qua chầm chậm và cầm lấy bàn tay cô. Anh cảm thấy nỗ lực trong bàn tay cô, anh có thể cảm nhận qua những ngón tay cứng ngắc của cô cái nỗ lực của cả cánh tay – không phải là nỗ lực để rút tay ra, mà là nỗ lực cứ để cho anh nắm lấy nó. Anh nâng bàn tay cô lên, lật nó lại và áp đôi môi mình lên cổ tay cô.

Rồi anh nhìn vào khuôn mặt cô. Anh thả bàn tay cô xuống và nó vẫn lơ lửng trong không khí trong một chốc lát, những ngón tay cứng đờ, khép hờ. Đây không phải là sự lạnh lùng mà anh nhớ. Đây là sự kinh sợ, quá mạnh đến nỗi nó không hề liên quan trực tiếp đến anh, nó không thể xúc phạm anh được, nó dường như hàm chứa nhiều hơn cả con người anh.

Anh đột nhiên nhận biết cơ thể cô; không phải trong cảm giác thèm muốn hay chán ghét, mà là nhận thức về sự hiện hữu của nó ở gần anh, dưới váy của cô. Anh thì thầm một cách bất tự giác:

“Dominique, anh ta là ai?”

Cô quay sang đối diện với anh. Rồi anh nhìn thấy đôi mắt cô nheo lại. Anh nhìn thấy đôi môi cô dãn ra, trở nên đầy đặn hơn, mềm mại hơn, miệng cô kéo dài chầm chậm thành một nụ cười mỉm yếu ớt, không mở miệng. Cô trả lời, nhìn thẳng vào anh:

“Một người thợ ở mỏ đá granit.”

Cô đã thành công. Anh cười to.

“Đáng đời anh, Dominique ạ. Anh không nên nghi ngờ cái-tưởng-như-không-thể.”

“Peter, thật lạ đúng không? Chính anh là người em đã từng nghĩ là em có thể làm cho mình thích.”

“Sao lại lạ?”

“Thì cứ nghĩ đến việc chúng ta biết về bản thân chúng ta mới ít làm sao. Một ngày nào đó anh cũng sẽ biết sự thật về bản thân mình, Peter ạ, và điều đó với anh sẽ tồi tệ hơn so với hầu hết những người khác. Nhưng anh không

phải nghĩ về điều đó đâu. Cái đó còn lâu mới đến."

"Em đã thực sự muốn anh hả Dominique?"

"Em đã nghĩ là em không bao giờ có thể muốn bất kỳ thứ gì và anh đã rất hợp với điều đó."

"Anh không hiểu ý em là gì. Anh không biết em nghĩ là em đang nói gì. Anh biết rằng anh sẽ luôn yêu em. Và anh sẽ không để em biến mất lần nữa đâu. Bây giờ, khi em đã trở lại."

"Bây giờ, khi em đã trở lại, Peter ạ, em không muốn nhìn thấy anh nữa. Ồ, em sẽ phải thấy anh khi chúng ta tình cờ gặp nhau, như chúng ta sẽ phải như thế, nhưng đừng đến thăm em. Đừng đến gặp em. Em không cố xúc phạm anh đâu, anh Peter. Không phải thế đâu. Anh chưa hề làm điều gì khiến em phải tức giận cả. Có một thứ gì trong chính bản thân em mà em không muốn đối mặt lần nữa. Em rất tiếc khi chọn anh làm một ví dụ. Nhưng anh quá phù hợp. Anh – Peter, anh là mọi thứ em khinh thường trên thế giới và em không muốn nhớ là em khinh thường nó nhường nào. Nếu em để cho bản thân em nhớ – thì em sẽ quay lại với nó. Đây không phải là một sự xúc phạm anh đâu, Peter ạ. Hãy cố gắng hiểu điều đó. Anh không phải là thứ tồi tệ nhất của thế giới. Anh là thứ tốt nhất của nó. Đó chính là điều đáng sợ. Nếu có ngày em quay trở lại với anh – thì đừng để em quay lại. Em nói điều này vì lúc này em có thể nói; còn khi em quay trở lại với anh, anh sẽ không thể dừng em lại được đâu; lúc này là lúc duy nhất em có thể cảnh báo anh được."

"Anh không biết em đang nói về cái gì." anh nói trong cơn giận dữ lạnh lùng, đôi môi anh cứng lại.

"Đừng cố biết. Không sao đâu. Chúng ta hãy tránh xa nhau. Thế được chứ?"

"Anh sẽ không bao giờ từ bỏ em."

Cô nhún vai. "Được thôi Peter. Đây là lần duy nhất em đối xử tốt với anh. Hay với bất kỳ ai."

VI.

Roger Enright đã khởi nghiệp với công việc thợ mỏ ở Pennsylvania. Trên con đường đến với hàng triệu đô la mà giờ đây ông sở hữu, không một người nào từng giúp đỡ ông. "Đó," ông giải thích, "là lý do vì sao chưa từng có một ai ngáng đường tôi." Thực tế là rất nhiều thứ và nhiều người đã ngáng đường ông; có điều ông chưa bao giờ chú ý đến những điều đó. Người ta không ngưỡng mộ, cũng chẳng xì xào bàn tán về các biến cố trong sự nghiệp dài của ông. Sự nghiệp của ông rõ ràng và công khai như là một bảng thông báo. Ông là một chủ đề nghèo nàn cho những kẻ tống tiền hay những kẻ chuyên viết tiểu sử để hạ bệ người khác. Trong giới những người giàu, ông bị ghét vì đã trở nên giàu có một cách quá thô thiển.

Ông căm ghét các chủ ngân hàng, công đoàn, phụ nữ, người truyền đạo và chứng khoán. Ông chưa bao giờ mua một cổ phiếu nào và cũng không bao giờ bán cổ phiếu các doanh nghiệp của ông. Ông sở hữu gia tài của ông một mình, đơn giản như thể ông mang tất cả tiền mặt của mình trong túi vậy. Ngoài công việc kinh doanh dầu mỏ, ông còn sở hữu một nhà xuất bản, một nhà hàng, một cửa hàng bán radiô, một gara sửa xe, một nhà máy sản xuất tủ lạnh chạy điện. Trước mỗi công việc làm ăn mới ông đều nghiên cứu lĩnh vực đó rất lâu, rồi tiến hành hành động như thể ông chưa hề nghe nói đến nó và làm đảo lộn tất cả những tiền lệ. Một số dự án đầu tư của ông thành công, một số khác thì thất bại. Ông tiếp tục điều hành tất cả chúng với một sự say mê dữ dội. Ông làm việc 12 tiếng một ngày.

Khi ông quyết định xây một tòa nhà, ông đã dành ra sáu tháng trời để tìm một kiến trúc sư. Rồi ông thuê Roark ở cuối buổi phỏng vấn đầu tiên của họ – cuộc phỏng vấn kéo dài nửa giờ. Sau đó, khi các bản vẽ được làm xong, ông ra lệnh tiến hành xây dựng ngay lập tức. Khi Roark bắt đầu giải trình về các bản vẽ, Enright ngắt lời anh: "Đừng giải thích gì cả. Giải thích những lý tưởng trừu tượng cho tôi là vô ích. Tôi chưa bao giờ có lý tưởng. Người ta bảo tôi là đồ vô đạo đức. Tôi chỉ làm những gì tôi thích. Có điều tôi luôn biết rõ mình thích gì."

Roark không hề đề cập đến những lần anh đã thử tiếp cận Enright trước đây, cũng không đề cập gì đến cuộc phỏng vấn của anh với viên thư ký tẻ nhạt. Bằng cách nào đó, Enright biết những điều này. Trong vòng năm phút viên thư ký đã bị cho thôi việc chính thức, và trong vòng mười phút anh ta được lệnh ra khỏi văn phòng ngay giữa ngày làm việc bận rộn, và đang đánh dở một lá thư.

Roark mở cửa văn phòng trở lại – vẫn là căn phòng rộng trên nóc một tòa

nhà cũ. Anh mở rộng nó bằng cách lấy thêm một căn phòng liền kề – cho những kiến trúc sư anh thuê để bắt kịp tiến độ khẩn trương đã được lên kế hoạch của công trình. Các kiến trúc sư còn trẻ và không có nhiều kinh nghiệm. Anh chưa bao giờ nghe nói đến họ trước đó và anh không hỏi thư giới thiệu. Anh chọn họ trong số nhiều người xin việc, chỉ bằng cách liếc qua các bản vẽ của họ trong vài phút.

Trong sự căng thẳng ngột ngạt của những ngày tiếp theo, anh không bao giờ trò chuyện với họ, ngoại trừ về công việc đang làm. Họ cảm thấy, khi bước vào văn phòng vào buổi sáng, rằng họ không có cuộc sống riêng tư, không quan trọng và không có thực tại nào cả ngoại trừ cái thực tại bao trùm của những tấm giấy vẽ lớn trên bàn mình. Nơi này có vẻ lạnh lẽo và vô hồn như một nhà máy, cho đến khi họ nhìn anh; rồi họ nghĩ đó không phải là một nhà máy, mà là một lò luyện kim. Lò luyện ấy lấy thân thể họ làm nhiên liệu đốt, mà trước tiên là thân thể anh.

Có những lần anh ở lại văn phòng cả đêm. Họ thấy anh vẫn đang làm việc khi họ trở lại vào buổi sáng hôm sau. Anh không có vẻ mệt mỏi. Một lần anh đã ở đó hai ngày hai đêm liền. Vào buổi chiều của ngày thứ ba, anh ngủ gục, nửa người vắt ngang qua bàn làm việc. Anh tỉnh dậy sau mấy tiếng đồng hồ, không nhận xét gì cả và đi từ bàn này đến bàn khác để nhìn xem những việc gì đã được làm xong. Anh sửa chữa các bản vẽ – những lời của anh nghe chắc chắn như thể chưa hề có gì làm gián đoạn một suy nghĩ đã bắt đầu cách đó vài giờ.

"Thật không thể chịu được anh lúc anh đang làm việc, Howard ạ," Austen Heller bảo anh một buổi tối nọ, mặc dù anh chưa nói gì về công việc của mình.

"Tại sao?" anh hỏi, ngạc nhiên.

"Thật khó chịu khi ở trong cùng một phòng với anh. Sự căng thẳng có tính lây lan, anh biết đấy."

"Sự căng thẳng nào? Tôi cảm thấy hoàn toàn tự nhiên chính vào lúc tôi làm việc."

"Chính thế đấy. Anh cảm thấy hoàn toàn tự nhiên khi anh gần như sắp tự nổ tung thành hàng trăm mảnh. Anh được làm bằng cái quái gì thế hả Howard? Rốt cuộc đó chỉ là một tòa nhà thôi mà. Nó không phải tổ hợp của lễ phong thánh với giàn thiêu và cực khoái tình dục như anh tưởng đâu."

"Có thật là nó không phải?"

*

* *

Anh không thường xuyên nghĩ đến Dominique, nhưng khi anh nghĩ đến cô, ý nghĩ đó không phải là một sự nhớ lại bất thần; nó là sự thừa nhận về một thứ vẫn liên tục hiện hữu – đến mức không cần phải được thừa nhận. Anh muốn cô. Anh biết phải tìm cô ở đâu. Anh chờ đợi. Việc chờ đợi làm anh thấy thích thú, vì anh biết việc chờ đợi này là một cực hình đối với cô. Anh biết là sự vắng mặt của anh trói buộc cô vào anh một cách trọn vẹn và tàn nhẫn hơn so với sự có mặt của anh. Anh đang cho cô thời gian để cố gắng trốn thoát, để cho cô biết sự bất lực của chính cô khi anh chọn việc gặp lại cô. Cô sẽ biết rằng bản thân sự cố gắng trốn thoát đó cũng đã là lựa chọn của anh, rằng đó chỉ là một biểu hiện khác nữa sự sở hữu của anh với cô. Như thế cô sẽ sẵn sàng hoặc là giết anh hoặc là đến với anh một cách tự nguyện. Cả hai hành động đều sẽ ngang bằng nhau trong tâm trí cô. Anh muốn cô phải đi đến được chỗ này. Anh chờ đợi.

*

* *

Việc xây dựng tòa nhà Enright đang chuẩn bị bắt đầu thì Roark được mời đến văn phòng của Joel Sutton. Joel Sutton, một doanh nhân thành đạt, đang lên kế hoạch xây dựng một tòa nhà văn phòng khổng lồ. Sự thành công của Joel Sutton nằm ở chỗ ông không hiểu gì về mọi người. Ông chỉ yêu mến mọi người. Sự yêu mến của ông không hề phân biệt cao thấp. Đấy là một công cụ san phẳng tuyệt vời; nó không chứa những đỉnh cao và cũng không chứa những chỗ trũng, nó giống như bề mặt của một bát mật không hề có chỗ cao thấp.

Joe Sutton gặp Roark trong một bữa tối do Enright tổ chức. Joel Sutton thích Roark. Ông ngưỡng mộ Roark. Ông không thấy có khác biệt gì giữa Roark và những người khác. Khi Roark đến văn phòng của ông, Joel Sutton tuyên bố:

“Giờ thì tôi không chắc, tôi không chắc, tôi không chắc chút nào cả, nhưng lúc trước tôi đã nghĩ là tôi có thể để anh xây tòa cái tòa nhà mà tôi dự định. Tòa nhà Enright của anh hơi... kỳ quặc, nhưng nó hấp dẫn, tất cả các tòa nhà đều hấp dẫn, anh yêu các tòa nhà đúng không? – và Rog Enright là một người khôn ngoan, một người cực kỳ khôn ngoan, ông ta hái ra tiền ở nơi mà chẳng ai nghĩ là có thể. Tôi sẽ nghe theo gợi ý của Rog Enright bất kỳ lúc nào, điều gì tốt cho Enright thì cũng tốt cho tôi.”

Roark đợi hàng tuần sau cuộc phỏng vấn đầu tiên đó. Joel Sutton không bao giờ quyết định vội vàng cả.

Vào một buổi tối tháng Mười hai, Austen Heller ghé thăm Roark mà không báo trước và tuyên bố là anh phải đi cùng ông đến một buổi tiệc trang

trọng do bà Ralston Holcombe tổ chức vào thứ sáu tới.

"Quỷ tha ma bắt, không, Austen," Roark nói.

"Nào Howard, chính xác thì sao lại không nào? Ồ, tôi biết, anh ghét những thứ thế này, nhưng đó không phải là lý do tốt. Trong khi đó, tôi có thể cho anh nhiều lý do rất tuyệt để đi. Cái tiệc đó là một đầu mối phân việc cho các kiến trúc sư và, tất nhiên, anh sẽ bán bất kỳ thứ gì anh có để đổi lấy một công trình – ồ, tôi biết, dĩ nhiên là để đổi lấy kiểu công trình *của anh*, nhưng anh vẫn sẽ sẵn sàng bán cả cái linh hồn mà anh không có – vậy thì sao anh lại không thể chịu nổi vài giờ chán ngắt để đổi lấy những cơ hội tương lai nhỉ?"

"Chắc chắn rồi. Có điều tôi không tin là những thứ thế này lại có thể dẫn đến bất kỳ cơ hội nào."

"Anh sẽ đi lần này chứ?"

"Lần này có gì đặc biệt?"

"À, trước tiên là vì bà già lắm chuyện Kiki Holcombe yêu cầu thế. Bà ta đã tốn cả hai giờ đồng hồ hôm qua để yêu cầu thế và làm cho tôi lỡ cả một cái hẹn ăn trưa. Danh tiếng của bà ta sẽ bị phá hỏng mất nếu có một tòa nhà như Enright được xây trong thành phố mà bà ta lại không thể trưng kiến trúc sư của nó trong phòng khách nhà mình. Đó là một thứ thú vui. Bà ta sưu tập các kiến trúc sư. Bà ta khăng khăng là tôi phải mang anh đến và tôi đã hứa là tôi sẽ làm thế."

"Để làm gì?"

"Cụ thể là bà ta sẽ mời Joel Sutton tới đó vào thứ Sáu tới. Hãy cố cư xử lịch sự với ông ta, kể cả nếu điều đó có làm anh khó chịu. Ông ta hầu như đã quyết định giao cho anh tòa nhà đó rồi – theo những gì tôi nghe được. Một chút quan hệ cá nhân có thể là tất cả những gì cần thiết để giải quyết vấn đề. Ông ta có rất nhiều tay khác đang theo đuổi. Tất cả bọn họ sẽ ở đó. Tôi muốn anh ở đó. Tôi muốn anh nhận được tòa nhà đó. Tôi không muốn nghe bất kỳ thứ gì về các mỏ đá granit trong vòng mười năm tới. Tôi không thích các mỏ đá granit."

Roark ngồi trên một chiếc bàn, hai bàn tay anh nắm chặt lấy mép bàn để giữ im thân mình. Anh đã kiệt sức sau 14 giờ làm việc trong văn phòng, anh nghĩ anh hẳn phải kiệt sức nhưng anh không thể cảm thấy điều đó. Anh để vai mình chùng xuống trong một cố gắng để đạt được một sự thư giãn sẽ không đến; hai cánh tay anh căng thẳng, rã rời và một khuỷu tay anh run nhẹ, liên tục. Hai chân anh choãi ra, một chân hơi gập và được giữ yên, đầu gối dựa vào bàn, chân kia thõng xuống thẳng từ hông qua mép bàn, đu đưa

một cách nôn nóng. Thật khó có thể tự buộc bản thân anh nghỉ ngơi trong những ngày này.

Nhà mới của anh là một căn phòng rộng trong khu chung cư nhỏ, hiện đại trên một con phố yên tĩnh. Anh đã chọn ngôi nhà này vì nó không có mái đua trên các cửa sổ và không có ván lót trên các bức tường bên trong. Phòng của anh có vài thứ đồ gỗ đơn giản; trông nó sạch sẽ, rộng và trống trải; người ta tưởng như có thể nghe thấy tiếng dội lại của âm thanh từ các góc của nó.

"Sao lại không đi, chỉ một lần thôi?" Heller nói. "Sẽ không quá kinh khủng. Thậm chí nó có thể làm anh thích thú. Anh sẽ thấy rất nhiều bạn cũ của anh ở đấy. John Erik Snyte, Peter Keating, Guy Francon và con gái ông ấy – anh nên gặp con gái ông ta. Anh đã bao giờ đọc những thứ của cô ấy?"

"Tôi sẽ đi," Roark đột ngột nói.

"Anh thật khó đoán nhưng thỉnh thoảng cũng biết điều. Tôi sẽ cho xe đến lúc tám giờ rưỡi thứ Sáu. Cà-vạt đen nhé. Tiện thể, anh có một bộ tux[73] đấy chứ?"

"Enright đã bắt tôi sắm một bộ."

"Enright là một người rất sáng suốt."

Khi Heller rời đi, Roark vẫn ngồi trên bàn hồi lâu. Anh đã quyết định đi đến bữa tiệc, bởi vì anh biết rằng đó sẽ là nơi cuối cùng trong số những nơi mà Dominique mong gặp lại anh.

*

* *

Ellsworth Toohey nói: "Chẳng có gì vô dụng, chị Kiki thân mến của tôi, như việc một người phụ nữ giàu có lại tự biến mình thành một chuyên gia mua vui cho người khác. Nhưng rồi, những điều vô dụng lại có sự hấp dẫn riêng. Giống như chế độ quý tộc chẳng hạn, một khái niệm vô dụng nhất trong số các khái niệm."

Kiki Holcombe chun mũi trước những lời chỉ trích nhẹ nhàng, nhưng bà thích việc được so sánh với tầng lớp quý tộc. Ba chùm đèn pha lê đang rực sáng trên phòng khiêu vũ Florentine của bà, và khi bà ngước nhìn lên Toohey thì những ngọn đèn được phản chiếu trong đôi mắt bà, biến đôi mắt trở thành một tập hợp những tia sáng ẩm ướt, lấp lánh giữa đôi hàng mi nặng, dày.

"Anh toàn nói những điều kinh khủng, Ellsworth ạ. Tôi không biết tại sao tôi vẫn cứ mời anh."

"Đó chính là lý do đấy, chị thân mến. Tôi nghĩ tôi sẽ được mời đến đây

thường xuyên như tôi muốn."

"Một người phụ nữ đơn thuần thì có thể làm được gì để chống lại điều đó cơ chứ?"

"Đừng bao giờ tranh cãi với ông Toohey," bà Gillespie nói; bà là một phụ nữ cao ráo, đeo một chuỗi vòng cổ bằng những viên kim cương lớn cùng cỡ với những chiếc răng bà để lộ khi mỉm cười. "Chẳng ích gì đâu. Chúng ta bị đánh bại sẵn rồi."

"Tranh luận, thưa bà Gillespie," Toohey nói, "là một trong số những điều vừa vô ích lại vừa không hấp dẫn. Hãy để nó cho những người đàn ông thông minh. Trí thông minh, tất nhiên, là một sự thú nhận nguy hiểm về sự yếu ớt. Người ta đã nói là đàn ông phát triển trí thông minh khi họ thất bại trong mọi thứ khác."

"Ông chẳng hề tin điều đó." bà Gillespie nói, trong khi nụ cười của bà chấp nhận điều đó như một sự thật dễ chịu. Bà sở hữu ông một cách đắc thắng và lái ông đi như một phần thưởng lấy cắp được từ bà Holcombe, người đã quay sang bên một lát để đón những vị khách mới. "Nhưng đàn ông thông minh các ông chỉ là những đứa trẻ thôi. Các ông quá nhạy cảm. Lúc nào cũng phải chiều chuộng các ông."

"Tôi sẽ không làm thế đâu, bà Gillespie ạ. Chúng tôi sẽ tận dụng điều đó. Và phô bày sự thông minh của mình thì thật là thô thiển. Nó còn thô thiển hơn cả việc phô bày sự giàu có của mình nữa."

"Ôi trời, ông không tin điều đó đấy chứ? Tất nhiên tôi đã nghe nói ông là một kiểu người cấp tiến nhưng tôi sẽ không coi chuyện ấy là nghiêm túc. Không một chút nào. Ông thấy thế nào?"

"Tôi rất thích thế," Toohey nói.

"Ông không thể lừa tôi được đâu. Ông không thể làm cho tôi nghĩ ông là một trong số những người nguy hiểm được đâu. Tất cả những kẻ nguy hiểm đều bẩn thỉu và dùng ngữ pháp rất tồi. Còn ông thì lại có một giọng nói thật là hay!"

"Điều gì đã khiến bà nghĩ tôi khao khát trở thành nguy hiểm hở bà Gillespie? Tôi chỉ – ồ, chúng ta gọi là gì nhỉ, cái thứ hòa nhã nhất trong tất cả mọi thứ ấy – một lương tâm? Lương tâm của chính bà, được nhân cách hóa trong thân thể của một người khác và trông nom những mối quan tâm của bà tới những người kém may mắn hơn trên thế giới, nhờ thế mà bà tự do không cần phải chăm lo đến chúng nữa."

"Ồ, thật là một ý tưởng kỳ quặc! Tôi không biết nó là kinh khủng hay thực sự rất thông minh nữa."

“Cả hai, bà Gillespie ạ. Như tất cả sự thông thái.”

Kiki Holcombe xem xét phòng khiêu vũ của bà với một sự hài lòng. Bà nhìn lên khoảng tối mờ mờ của trần phòng, cái khoảng không phía trên những chùm đèn, và bà nhận thấy nó thật là cao phía trên các vị khách, thật là nổi bật và yên tĩnh. Đám đông khách khứa không làm chật gian sảnh nhà bà; cái không gian ấy ngự phía trên họ như một cái hộp vuông bằng không khí, to quá cỡ; chính cái khoảng không gian rộng lớn bị giam hãm phía trên đó đã mang lại cho buổi gặp gỡ này một vẻ xa hoa vương giả; nó giống như cái nắp của một hộp trang sức, to một cách không cần thiết phía trên cái đáy phẳng giữ duy nhất một viên đá quý nhỏ.

Khách khứa đi vào theo hai dòng lớn và thay đổi; rồi rút cục đều bị cuốn vào hai cái xoáy; ở trung tâm của một vòng xoáy là Ellsworth Toohey, của vòng xoáy kia là Peter Keating. Trang phục buổi tối không hợp với Ellsworth Toohey; phần ngực áo hình chữ nhật của chiếc sơ mi trắng khiến mặt ông dài ra và kéo dãn cả người ông thành hai chiều; những cánh của chiếc nơ bướm khiến cho chiếc cổ gầy guộc của ông trông giống cổ của con gà đã được vặt lông, nhợt nhạt, xanh xao và sẵn sàng bị vặn chỉ bằng một chuyển động duy nhất của một bàn tay khỏe mạnh nào đó. Nhưng ông mặc trang phục của mình một cách đỏm dáng hơn bất kỳ người đàn ông đang có mặt nào. Ông mặc chúng với vẻ ngạo mạn trễ nải thể hiện sự thoải mái hoàn toàn với cái lố bịch, và chính sự lố bịch trong vẻ ngoài của ông lại trở thành một tuyên ngôn cho sự ưu việt của ông, một sự ưu việt đủ lớn để có thể không thèm quan tâm đến những thứ vụn vặt.

Ông nói với một phụ nữ trẻ có nét mặt âu sầu, đeo cặp kính và mặc một chiếc váy buổi tối ngắn: “Cô gái thân mến, cô sẽ không bao giờ vượt quá địa vị một kẻ amateur trong lĩnh vực tri thức, trừ phi cô ném mình vào trong một sự nghiệp vĩ đại hơn bản thân cô.”

Ông nói với một quý ông béo phị với khuôn mặt đang tím lại giữa cao trào một cuộc tranh cãi: “Nhưng, bạn của tôi ơi, tôi có thể cũng không thích nó. Tôi chỉ nói, những điều như vậy tình cờ lại là tiến trình không thể tránh khỏi của lịch sử. Và ông hay tôi là ai mà phản đối tiến trình của lịch sử cơ chứ?”

Ông nói với một kiến trúc sư trẻ bất hạnh: “Không, chàng trai của tôi, điều tôi phản đối cậu không phải là tòa nhà tồi tệ mà cậu đã thiết kế, mà là cái thị hiếu tồi cậu đã thể hiện trong việc rên rỉ về lời phê bình của tôi với tòa nhà. Cậu nên cẩn thận. Ai đó có thể nói là cậu chẳng thể phản bác lại mà cũng chẳng biết chấp nhận những lời phê bình.”

Ông nói với một bà quả phụ của một triệu phú: “Vâng, tôi thực sự nghĩ sẽ

là ý hay nếu bà đóng góp vào Hội thảo Nghiên cứu Xã hội. Đó sẽ là một cách để tham gia vào dòng chảy vĩ đại của những thành tựu văn hóa của con người, mà không làm đảo lộn hoạt động thường ngày hay việc tiêu hóa của bà."

Những người xung quanh ông nói: "Chẳng phải ông ta thật là hóm hỉnh đấy sao? Và quả là dũng cảm!"

Peter Keating mỉm cười rạng rỡ. Anh cảm thấy sự chú ý và ngưỡng mộ chảy dồn vào anh từ mọi phía của phòng khiêu vũ. Anh ngắm nhìn mọi người, tất cả những con người gọn ghẽ, sức nước hoa, quần áo lụa sột soạt, bao bọc bởi ánh sáng, chảy ròng ròng trong ánh sáng, như trước đó mấy tiếng tất cả họ cũng đứng ròng ròng dưới vòi hoa sen, rồi chuẩn bị ăn mặc để đến đây và đứng một cách thành kính trước con người có tên Peter Keating. Có những lúc anh quên mất rằng anh là Peter Keating và anh liếc vào gương, vào chính hình dáng của mình, anh muốn hòa vào sự ngưỡng mộ chung với cái hình dáng đó.

Có lần dòng người để lại anh mặt đối mặt với Ellsworth Toohey. Keating mỉm cười như một cậu bé nhô lên từ một dòng suối trong một ngày hè, lấp lánh nước, hăng hái, tràn đầy năng lượng. Toohey đứng nhìn anh; hai bàn tay Toohey trượt cẩu thả vào hai túi quần, khiến cho chiếc áo vét của ông loe ra trên hai bên hông gầy của ông; ông dường như hơi loạng choạng trên đôi bàn chân nhỏ bé của mình; đôi mắt ông chăm chú trong sự đánh giá bí ẩn.

"Nào... đây, chú Ellsworth... đây... không phải là một buổi tối tuyệt vời hay sao?" Keating nói, như một đứa trẻ nói với một người mẹ cảm thông, và hơi giống như một người say.

"Đang vui hả Peter? Cậu rất được chú ý đêm nay đấy. Peter bé nhỏ dường như đã bước qua cái vạch để trở thành một người nổi tiếng rồi. Điều đó phải xảy ra, người ta chẳng bao giờ có thể nói được chính xác là khi nào và vì sao... Tuy nhiên, có một người ở đây dường như đang lờ cậu đi một cách khá trắng trợn đúng không nào?"

Keating nhăn mặt. Anh tự hỏi khi nào và bằng cách nào mà Toohey đã có thời gian để để ý đến điều đó.

"Ôi dào," Toohey nói, "ngoại lệ chứng minh cho quy luật. Đáng tiếc, tuy vậy. Tôi đã luôn có một ý tưởng ngu ngốc là một người đàn ông phi thường nhất mới có thể hấp dẫn nổi Dominique Francon. Vì thế tất nhiên tôi đã nghĩ đến anh. Chỉ là một ý nghĩ vu vơ thôi. Tuy thế, cậu biết đấy, người đàn ông chinh phục nổi cô ấy sẽ có thứ gì đó mà cậu không thể sánh được. Anh ta sẽ đánh bại cậu ở điểm đó."

"Không ai có được cô ấy cả," Keating rít lên.

“Không, dĩ nhiên rồi. Chưa ai. Điều đó khá đáng ngạc nhiên. Ồ, tôi cho là đó sẽ phải là một kiểu đàn ông phi thường.”

“Nào, ông đang làm cái quái gì thế? Ông không thích Dominique Francon. Đúng không?”

“Tôi chưa bao giờ nói tôi thích.”

Một lát sau Keating nghe thấy Toohey nói một cách long trọng giữa một cuộc thảo luận sôi nổi nào đó: “Hạnh phúc ư? Nhưng như thế thì có vẻ trung lưu quá. Hạnh phúc là gì vậy? Có quá nhiều thứ trong cuộc sống quan trọng hơn hạnh phúc rất nhiều.”

Keating chầm chậm đi về phía Dominique. Cô đứng hơi ưỡn người ra phía sau, như thể không khí là một vật đỡ đủ cứng cho hai bả vai thanh mảnh để trần của cô vậy. Chiếc váy dài buổi tối của cô có màu của thủy tinh. Anh có cái cảm giác anh có thể nhìn thấy bức tường đằng sau cô, xuyên qua cơ thể cô. Cô dường như quá mong manh, như thể cô không tồn tại; và chính sự mong manh đó nói lên một sức mạnh đáng sợ – cái sức mạnh đã giữ cô neo bám vào sự tồn tại bằng một cơ thể dường như không có thật.

Khi anh đến gần, cô không cố lờ anh đi; cô quay sang anh, cô trả lời; nhưng sự chính xác đều đều trong những câu trả lời của cô đã ngăn anh lại, khiến anh bất lực, khiến anh rời bỏ cô trong chốc lát.

Khi Roark và Heller bước vào, Kiki Holcombe đón họ ở ngưỡng cửa. Heller giới thiệu Roark với bà, và bà nói như bà vẫn luôn nói, giọng bà như một quả rốc-két rít lên, đẩy bật mọi thứ sang bên nhờ vận tốc khủng khiếp của nó.

“Ồ anh Roark, tôi đã rất nóng lòng mong gặp anh! Tất cả chúng tôi đều đã nghe về anh rất nhiều! Nào, tôi phải cảnh báo với anh là chồng tôi không tán thành anh. – ồ, chỉ thuần túy về mặt nghệ thuật thôi, anh biết đấy – nhưng đừng để điều đó làm anh lo lắng, anh có một đồng minh trong nhà này, một đồng minh nhiệt tình!”

“Bà thật tốt bụng, thưa bà Holcombe,” Roark nói. “Và có thể lòng tốt của bà là không cần thiết.”

“Ồ, tôi mê mẩn tòa nhà Enright! Tất nhiên, tôi không thể nói là nó đại diện cho những quan niệm thẩm mỹ của bản thân tôi, nhưng những người có văn hóa phải giữ cho đầu óc mình rộng mở với bất kỳ điều gì, ý tôi là để thu nhận bất kỳ quan điểm nào trong nghệ thuật sáng tạo, trên tất cả, chúng ta phải có đầu óc thật thoáng, anh có nghĩ vậy không?”

“Tôi không biết,” Roark nói. “Tôi chưa bao giờ có đầu óc thoáng cả.”

Bà chắc chắn là anh không có ý định ngạo mạn; giọng nói và cử chỉ của

anh không cho thấy điều đó; nhưng sự ngạo mạn lại là ấn tượng đầu tiên của bà về anh. Anh mặc trang phục buổi tối và chúng trông đẹp trên thân hình cao gầy của anh, nhưng theo cách nào đó dường như anh không ở trong chúng; mái tóc màu cam trông hoàn toàn đối lập với bộ quần áo trang trọng của anh; bên cạnh đó, bà không thích khuôn mặt anh; khuôn mặt đó hợp với một công trường hay trong quân đội, nó không có chỗ trong phòng khách của bà. Bà nói:

"Tất cả chúng tôi đều rất quan tâm đến công việc của anh. Tòa nhà đầu tiên của anh?"

"Tòa thứ năm của tôi."

"Ồ, thật thế sao? Tất nhiên rồi. Thật là thú vị."

Bà siết hai tay lại, và quay đi để đón một người khách mới đến.

Heller nói: "Anh muốn gặp ai trước?... Kìa, có Dominique Francon đang nhìn chúng ta. Đi nào."

Roark quay người. Anh nhìn thấy Dominique đang đứng một mình phía bên kia căn phòng. Không có biểu hiện gì trên khuôn mặt cô, thậm chí không có cả một cố gắng để tránh biểu hiện nữa; thật lạ lùng khi thấy một khuôn mặt người thể hiện một cấu trúc xương và một sự sắp xếp của các cơ, nhưng hoàn toàn trống rỗng, một khuôn mặt như một bộ phận cơ thể bất kỳ, như một bả vai hay một cánh tay, chứ không còn là một tấm gương phản ánh sự nhận thức cảm giác nữa. Cô nhìn họ khi họ lại gần. Đôi bàn chân cô đứng trong tư thế kỳ quặc, chúng đứng thẳng và song song, như thể không có sàn nhà xung quanh cô mà chỉ có vài xăng-ti-mét vuông dưới lòng bàn chân cô và cô được an toàn miễn là cô không di chuyển hay nhìn xuống. Anh thấy một khoái cảm mạnh mẽ, vì cô dường như quá mong manh để có thể chịu được sự tàn nhẫn của điều anh đang làm; và vì cô chịu đựng nó rất giỏi.

"Cô Francon, tôi xin giới thiệu Howard Roark." Heller nói.

Ông đã không hề lên giọng khi phát âm cái tên; ông tự hỏi vì sao nghe nó lại nổi bật như thế; rồi ông nghĩ đấy là vì sự im lặng đã bao trùm lên nó và giữ nó đứng im trong không khí. Nhưng làm gì có sự yên lặng, khuôn mặt của Roark trống rỗng một cách lịch sự và Dominique đang nói một cách phải phép:

"Xin chào anh, anh Roark."

Roark cúi người: "Xin chào cô, cô Francon."

Cô nói: "Tòa nhà Enright..."

Cô nói như thể cô không muốn phát âm ba từ đó lên; và như thể chúng

gọi tên, không phải là một tòa nhà, mà rất nhiều thứ ngoài nó nữa.

Roark nói: "Vâng, cô Francon."

Rồi cô mỉm cười, nụ cười thích hợp, hời hợt mà người ta dùng để đáp lại một lời giới thiệu. Cô nói:

"Tôi biết Roger Enright. Ông ấy gần như là một người bạn của gia đình tôi."

"Tôi chưa có hân hạnh được gặp gỡ nhiều bạn bè của ông Enright."

"Tôi nhớ một lần cha tôi đã mời ông ấy đến ăn tối. Đó là một bữa tối kinh khủng. Cha tôi được coi là một người giỏi chuyện nhưng ông đã không thể cạy miệng được Enright lấy nửa lời. Roger chỉ ngồi đó. Người ta phải biết cha tôi thì mới biết đó là một thất bại thế nào đối với ông."

"Tôi đã làm việc cho cha cô" – bàn tay cô đang chuyển động và nó dừng lại giữa lưng chừng khoảng không – "cách đây vài năm, công việc thợ vẽ thiết kế."

Bàn tay cô rơi xuống. "Thế thì anh có thể hiểu là cha tôi đã không thể hòa hợp với Roger Enright."

"Không. Ông ấy không thể."

"Mặc dù vậy, tôi nghĩ Roger gần như là quý mến tôi, có điều ông ấy chưa bao giờ tha thứ cho tôi về chuyện đi làm cho một tờ báo của Wynand."

Đứng giữa bọn họ, Heller nghĩ ông đã nhầm; chẳng có gì lạ trong cuộc gặp gỡ này cả; thực tế là chẳng có gì cả. Ông cảm thấy bực mình là Dominique không nói về kiến trúc như một người hẳn sẽ mong đợi cô làm thế; ông kết luận một cách tiếc rẻ rằng cô không thích người đàn ông này, cũng như cô không thích hầu hết những người cô gặp.

Rồi bà Gillespie nắm lấy Heller và dẫn ông đi. Roark và Dominique được ở lại một mình. Roark nói: "Ông Enright đọc tất cả các tờ báo trong thành phố. Tất cả chúng được mang đến văn phòng của ông – với những trang xã luận được cắt bỏ."

"Ông ấy luôn làm thế. Roger đã bỏ lỡ mất thiên hướng thực sự của ông ấy. Ông ấy lẽ ra nên là một nhà khoa học. Ông ấy có một tình yêu lớn đối với các dữ kiện và một sự khinh miệt lớn đối với những thể loại bình luận."

"Mặt khác, cô có biết ông Fleming không?" anh hỏi.

"Không."

"Ông ấy là một người bạn của Heller. Ông Fleming không bao giờ đọc gì ngoài những trang báo xã luận. Người ta thích nghe ông ấy nói."

Cô quan sát anh. Anh đang nhìn thẳng vào cô, rất lịch sự, như bất kỳ người đàn ông nào hẳn sẽ nhìn, khi gặp cô lần đầu tiên. Cô ước cô có thể tìm thấy một dấu hiệu nào đó trên khuôn mặt anh, dù chỉ là một dấu hiệu của nụ cười giễu cợt ngày trước; thậm chí sự giễu cợt cũng sẽ là một sự công nhận và là một mối ràng buộc; nhưng cô chẳng tìm thấy gì cả. Anh nói như một người xa lạ. Anh không cho phép một thực tại nào ngoài cái thực tại của một người đàn ông được giới thiệu với cô trong một phòng khách, tuân theo một cách hoàn hảo mọi phép tắc của sự lịch thiệp. Cô đối mặt với sự lịch thiệp đáng kính này và nghĩ rằng chiếc váy của cô chẳng có gì phải che giấu anh, rằng anh đã sử dụng cô cho một nhu cầu riêng tư hơn là việc sử dụng những thức ăn mà anh ăn – trong lúc anh đứng cách cô vài chục xăng-ti-mét, giống như một người đàn ông không thể cho phép mình đến gần hơn. Cô nghĩ rằng đây là cách anh giễu cợt, sau cái chuyện mà anh đã không hề quên nhưng sẽ không thừa nhận. Cô nghĩ rằng anh muốn cô là người trước tiên gọi tên nó ra, anh sẽ đưa cô đến chỗ bẽ mặt vì phải chấp nhận quá khứ – bằng cách là người trước tiên gọi nó trở lại thực tại; vì anh biết là cô không thể bỏ nó đi mà không gọi nó trở lại.

"Và ông Fleming làm gì để kiếm sống?" cô hỏi.

"Ông ấy sản xuất những cái gọt bút chì."

"Thật sao? Một người bạn của Austen?"

"Austen biết nhiều người. Ông ấy nói đó là nghề của ông ấy."

"Ông ấy có thành công không?"

"Ai cơ cô Francon? Tôi không chắc là Austen thành công, còn ông Fleming thì rất thành công. Ông ta có các nhà máy chi nhánh ở New Jersey, Connecticut và Rhode Island."

"Anh sai về ông Austen rồi anh Roark ạ. Ông ấy rất thành công. Trong nghề của ông ấy và của tôi thì một người sẽ thành công nếu như cái nghề đó vẫn còn giữ cho người ta được toàn vẹn."

"Làm sao để đạt được điều đó?"

"Theo một trong hai cách: bằng cách không hề đếm xỉa đến bất cứ ai, hoặc bằng cách đếm xỉa đến tất cả bọn họ."

"Cách nào được ưa thích hơn, cô Francon?"

"Cách khó nhất."

"Nhưng ham muốn chọn cái khó nhất tự nó cũng có thể là một cách thừa nhận sự yếu đuối."

"Tất nhiên rồi, anh Roark. Nhưng là cách thú nhận ít khó chịu nhất."

“Nếu như có sự yếu đuối ở đó để mà thừa nhận.”

Rồi một ai đó lướt qua đám đông đến chỗ họ và một cánh tay quàng qua vai Roark. Đó là John Erik Snyte.

“Roark, thật không thể tưởng tượng được!” ông kêu lên. “Thật là mừng, thật mừng! Lâu quá rồi phải không? Nghe này, tôi muốn nói chuyện với cậu! Hãy nhường cậu ấy cho tôi một lát nhé, Dominique.”

Roark nghiêng mình chào cô, hai cánh tay anh thõng ở hai bên sườn, một món tóc rủ xuống phía trước, để cô không nhìn thấy mặt anh mà chỉ thấy mái đầu màu cam cúi chào lịch thiệp trong khoảnh khắc; rồi anh đi theo Snyte hòa vào đám đông.

Snyte nói: “Chúa ơi, mấy năm vừa rồi cậu phất thật đấy! Nghe này, cậu có biết liệu Enright đang có kế hoạch tấn công gì lớn vào bất động sản không, ý tôi là, có bất kỳ tòa nhà lớn nào mà ông ấy định xây không?”

Chính Heller đã đẩy Snyte đi và đưa Roark tới chỗ Joel Sutton. Joel Sutton cảm thấy vui vẻ. Ông cảm thấy rằng sự có mặt của Roark ở đây đã xóa đi nghi ngờ cuối cùng của ông; đó là một con dấu bảo hành đóng lên người Roark. Bàn tay Joel Sutton nắm vào khuỷu tay Roark, năm ngón tay hồng mập mạp bám vào ống tay áo màu đen. Joel Sutton hít sâu với vẻ bí mật:

“Nghe này, cậu bé, thế là ổn thỏa rồi. Giờ thì đừng vắt kiệt đến những đồng xu cuối cùng của tôi nhé, tất cả kiến trúc sư các anh đều là lũ cắt cổ và cướp đường cả, nhưng tôi sẽ thử với anh xem sao, anh là một anh chàng thông minh, anh bẫy được lão Rog, đúng không nào? Và giờ thì anh cũng lừa được tôi, nói chung là gần như thế, tức là vài hôm nữa tôi sẽ gọi cho anh và chúng ta sẽ cắn xé nhau về chuyện hợp đồng.”

Heller quan sát họ và ông nghĩ rằng thật là lố bịch khi thấy hai người đứng cạnh nhau: Roark cao, thân hình khổ hạnh, với cái vẻ gọn gàng cao ngạo rất phù hợp với cơ thể gồm toàn những đường nét dài của anh; trong khi bên cạnh anh là một quả bóng toàn thịt đang tươi cười – và quyết định của cái quả bóng này sẽ rất quan trọng với Roark.

Rồi Roark bắt đầu nói về tòa nhà trong tương lai, nhưng Joel Sutton ngước nhìn anh với vẻ ngạc nhiên và khó chịu. Joel Sutton không đến đây để nói về các tòa nhà; người ta tổ chức các bữa tiệc là để có thể giải trí, và có niềm vui thích nào có thể lớn hơn việc quên đi những thứ quan trọng của đời người? Vì thế Joel Sutton nói chuyện về cầu lông; đó là sở thích của ông; đó là một sở thích quý phái – ông giải thích – ông không tầm thường như những người đang tốn thời gian chơi golf. Roark lắng nghe một cách lịch sự. Anh không có gì để nói.

“Anh có chơi cầu lông, đúng không?” Joel Sutton đột ngột hỏi.

“Không,” Roark trả lời.

“Không?” Joel Sutton hít sâu. “Anh không chơi sao? Chà, thật tiếc, ồ thật là quá đáng tiếc! Tôi đã đoán chắc là anh có chơi, với dáng người cao như của anh thì anh sẽ chơi tốt, anh sẽ rất cừ, tôi đã nghĩ chúng ta chắc chắn sẽ đánh bại lão Tompkin bất kỳ lúc nào trong thời gian tòa nhà đang được xây.”

“Trong lúc tòa nhà được xây, ông Sutton, đằng nào tôi cũng sẽ không có thời gian để chơi.”

“Anh nói sẽ không có thời gian để chơi là sao? Anh thuê các thợ vẽ để làm gì cơ chứ? Thuê thêm hai người nữa đi, để họ lo, tôi trả anh đủ tiền, đúng không? Nhưng mà đằng nào anh cũng không biết chơi, thật là tiếc quá, tôi đã nghĩ chắc chắn... Tay kiến trúc sư thiết kế tòa nhà của tôi dưới phố Canal là một thầy phù thủy về cầu lông, nhưng anh ta đã chết năm ngoái rồi, tan xác trong một vụ tai nạn ô-tô, quỷ tha ma bắt, cũng là một kiến trúc sư giỏi. Còn anh thì lại không chơi.”

“Ông Sutton, ông không thực sự thất vọng về chuyện đó đấy chứ?”

“Tôi thật sự rất thất vọng, chàng trai của tôi ạ.”

“Nhưng ông thuê tôi để làm gì?”

“Tôi *cái gì cái gì*?”

“Ông thuê tôi làm gì?”

“Thì, để xây một tòa nhà, tất nhiên rồi.”

“Ông có thực sự nghĩ tòa nhà sẽ đẹp hơn nếu tôi chơi cầu lông không?”

“Ồ, có công việc và có thú vui, có những chuyện thực tế phải làm và có cả những thứ thú vui của con người nữa chứ, chà, tôi không phiền đâu, có điều tôi đã nghĩ là với tạng người gầy như của anh thì chắc chắn anh sẽ... Nhưng không sao, không sao, chẳng thể có tất cả mọi thứ được.”

Khi Joel Sutton rời khỏi anh, Roark nghe thấy một giọng vui vẻ:

“Chúc mừng, Howard,”

Anh quay người và thấy Peter Keating đang mỉm cười với anh một cách rạng rỡ và giễu cợt.

“Chào Peter. Anh vừa nói gì?”

“Tôi nói chúc mừng cậu đã túm được Joel Sutton. Có điều, cậu biết đấy, cậu xử lý vụ đó không được tốt lắm.”

“Ý anh là gì?”

“Lão Joel đấy. Thì tất nhiên, tôi đã nghe gần hết chuyện – sao lại không chứ? – thật là thú vị. Đó không phải là cách giải quyết vấn đề, Howard ạ. Nếu là tôi thì cậu biết tôi làm gì không? Tôi sẽ thề mình đã chơi cầu lông từ khi hai tuổi và đó là trò chơi của các vị vua và bá tước và phải có một tâm hồn rất đặc biệt mới có thể đánh giá cao nó. Và đến lúc ông ta kiểm tra tôi thì tôi cũng đã có thời gian để học chơi như một bá tước rồi. Như thế thì mất gì của cậu nào?”

“Tôi đã không nghĩ đến chuyện đó.”

“Đó là một bí mật, Howard ạ. Một bí mật hiếm có. Tôi sẽ cho cậu bí mật đó miễn phí cộng với những lời chúc mừng của tôi: hãy luôn làm những gì người khác muốn cậu làm. Rồi cậu sẽ có được họ những khi mà cậu muốn họ. Tôi cho cậu miễn phí vì cậu sẽ không bao giờ dùng nó cả. Cậu sẽ không bao giờ biết cách đâu. Cậu xuất sắc trong một số mặt, Howard ạ, tôi đã luôn nói như thế – và hoàn toàn ngờ nghệch ở một số mặt khác.”

“Có thể.”

“Cậu phải cố gắng và học lấy vài điều, nếu cậu định tham dự vào cái trò chơi phòng khách của Kiki Holcombe. Cậu định thế đúng không? Mở mắt rồi, nhỉ? Cũng phải nói là tôi đã sốc khi nhìn thấy cậu ở đây – chỗ này chứ chẳng phải chỗ nào khác. À mà phải rồi, chúc mừng cậu về cái vụ Enright, đẹp đấy – cậu ở đâu suốt mùa hè? – nhớ nhắc tôi dạy cậu về cách mặc một bộ tux nhé, Chúa ơi, nhưng nó trông thật ngớ ngẩn trên người cậu! Đó chính là điều tôi thích, tôi thích thấy cậu trông ngớ ngẩn, chúng ta là bạn cũ đúng không Howard?”

“Anh say rồi, Peter.”

“Tất nhiên là tôi say. Nhưng tôi chưa đụng đến một giọt vào tối nay, chưa một giọt nào. Cái làm tôi say – cậu sẽ không bao giờ học được, không bao giờ, cái đó không phải cho cậu, và chính điều này – chính chuyện nó không dành cho cậu – cũng là một phần của cái làm tôi say. Cậu biết đấy, Howard, tôi quý cậu. Tôi thực sự quý cậu. Tôi thực sự quý mến cậu – vào tối nay.”

“Phải, Peter. Anh sẽ luôn luôn quý tôi, anh biết rõ điều đó.”

Roark được giới thiệu với nhiều người và nhiều người nói chuyện với anh. Họ mỉm cười và dường như chân thành cố gắng để tiếp cận anh như một người bạn, để bày tỏ sự đánh giá cao, để thể hiện thiện ý và sự quan tâm thân thiện. Nhưng điều anh nghe thấy là: “Tòa nhà Enright thật là tuyệt vời. Nó cũng gần như đẹp bằng tòa Cosmo-Slotnick.” “Tôi chắc chắn anh sẽ có một tương lai tuyệt vời, anh Roark ạ, tin tôi đi, tôi biết những dấu hiệu, anh sẽ là một Ralston Holcombe khác.” Anh đã quen với sự thù địch; cái kiểu từ tâm này còn xúc phạm hơn sự thù địch. Anh nhún vai; anh nghĩ rằng anh sẽ

ra khỏi đây sớm và trở lại với cái thực tại giản đơn sạch sẽ trong văn phòng của chính anh.

Anh không nhìn Dominique lần nào nữa trong suốt phần còn lại của buổi tối. Cô quan sát anh trong đám đông. Cô quan sát những người dừng anh lại và nói chuyện với anh. Cô quan sát đôi vai anh cúi xuống một cách lịch thiệp khi anh lắng nghe. Cô nghĩ rằng điều này cũng là cách anh cười nhạo cô; anh để cô thấy anh đang được cúng tiến cho đám đông trước mắt cô, đang được tiến dẫn cho bất kỳ ai mong sở hữu anh trong một lát. Anh biết việc chứng kiến điều này với cô còn khó hơn là nhìn mặt trời và mũi khoan ở mỏ đá. Cô đứng một cách tuân phục, quan sát. Cô không mong anh chú ý đến cô lần nữa; cô phải ở đó chừng nào anh còn ở trong căn phòng này.

Có một người khác, trong tối đó, cũng cảm thấy bất thường vì sự có mặt của Roark – người đó nhận thấy nó ngay từ giây phút Roark bước vào căn phòng. Ellsworth Toohey đã nhìn thấy anh bước vào. Trước đây Toohey chưa bao giờ để mắt đến anh và không biết anh. Nhưng Toohey đứng nhìn anh rất lâu.

Rồi Toohey đi qua đám đông và mỉm cười với những người bạn của mình. Nhưng giữa những nụ cười và những câu nói, đôi mắt ông trở lại với người đàn ông có mái tóc màu cam. Ông ngắm nhìn người đàn ông đó giống như ông thỉnh thoảng ngắm vỉa hè từ một cửa sổ trên tầng thứ ba mươi, băn khoăn về thân thể ông nếu nó bị ném xuống và cái gì sẽ xảy ra khi ông đập người vào vỉa hè đó. Ông không biết tên của người đàn ông đó, nghề nghiệp hay quá khứ của anh ta; ông không cần biết; đó không phải là một con người đối với ông, mà là một thế lực; Toohey không bao giờ nhìn thấy người cả. Có thể ông thích thú khi thấy cái thế lực đặc biệt đó được nhân cách hóa một cách rõ ràng bằng một cơ thể người.

Sau một lúc, ông chỉ tay và hỏi John Erik Snyte:

"Người kia là ai?"

"Người đó á?" Snyte nói. "Howard Roark. Ông biết đấy, tòa nhà Enright."

"Ồ," Toohey nói.

"Sao?"

"Tất nhiên rồi. Hẳn phải thế."

"Muốn gặp cậu ta không?"

"Không," Toohey nói. "Không, tôi không muốn gặp cậu ta."

Trong thời gian còn lại của buổi tối bất kỳ khi nào một ai đó chắn mất

tầm nhìn của Toohey với cả tiền sảnh, đầu ông lại quay đi quay lại một cách thiếu kiên nhẫn để tìm Roark. Ông không muốn nhìn Roark; ông phải nhìn; giống như ông đã luôn phải nhìn xuống cái vỉa hè ở xa đó và sợ hãi cái viễn cảnh sẽ xảy ra.

Tối đó Ellsworth Toohey không nhận thấy một ai ngoài Roark. Roark không hề biết Toohey tồn tại trong căn phòng.

Khi Roark ra về, Dominique đứng đếm từng phút để chắc chắn là anh đã khuất dạng trong các con phố thì cô mới có thể tự tin đi ra ngoài. Rồi cô cũng ra về.

Những ngón tay gầy, âm ẩm của Kiki Holcombe nắm lấy bàn tay cô để tạm biệt; chúng nắm hờ những ngón tay rồi lần lên nắm cổ tay cô một lát.

"Nào, cô gái yêu quý," Kiki Holcombe hỏi, "cô nghĩ gì về người khách mới đó của tôi, cô biết đấy, tôi đã thấy cô đang nói chuyện với cậu ấy, cậu Howard Roark ấy."

"Tôi nghĩ," Dominique nói chắc chắn, "rằng anh ấy là người khó chịu nhất mà tôi từng gặp."

"Ồ, thôi nào, thật thế sao?"

"Chị có thích cái kiểu ngạo mạn buông tuồng đó không? Tôi không biết tôi có thể nói gì về anh ta, ngoài mỗi chuyện anh ta thực sự đẹp trai, nếu mà chuyện đẹp xấu là quan trọng."

"*Đẹp trai*! Cô có đùa không đấy, Dominique?"

Kiki Holcombe thấy Dominique bối rối trong một thoáng. Và Dominique nhận ra rằng cái cô nhìn thấy ở khuôn mặt anh, cái khiến cho khuôn mặt ấy trở nên khuôn mặt của Chúa đối với cô, thì những người khác lại không nhìn thấy; rằng họ thờ ơ với nó; rằng cái mà cô nghĩ là một đặc điểm hiển nhiên nhất về anh lại là một sự thú nhận về một cái khác ở chính con người cô – một thứ phẩm chất mà những người khác không chia sẻ.

"Ồ, cô gái yêu quý của tôi" – Kiki nói, "anh ta không đẹp trai chút nào cả, nhưng cực kỳ nam tính."

"Đừng để điều đó làm cô ngạc nhiên, Dominique ạ," một giọng nói cất lên đằng sau cô. "Khả năng thẩm mỹ của Kiki không giống của cô – cũng không giống của tôi."

Dominique quay lại. Ellsworth Toohey đứng đó, mỉm cười, quan sát khuôn mặt cô một cách chăm chú.

"Ông..." cô cất tiếng rồi dừng lại.

“Tất nhiên,” Toohey nói, hơi nghiêng mình ra ý khẳng định rằng ông hiểu điều cô không nói ra... “Tôi cũng biết nhìn đấy chứ, Dominique, đâu kém gì cô. Mặc dù không phải là về mặt thưởng thức thẩm mỹ. Cái đó tôi nhường phần cô. Nhưng rõ ràng chúng ta thỉnh thoảng cũng nhìn thấy những thứ mà người khác không thấy rõ, phải không nào – tôi và cô ấy?”

“Những thứ gì?”

“Cô gái thân mến, câu hỏi đó phải mất cả một cuộc thảo luận triết lý thật dài đấy, và rất phức tạp và rất – không cần thiết. Tôi đã luôn nói với cô chúng ta nên là những người bạn tốt. Chúng ta có quá nhiều điểm chung về mặt trí tuệ. Chúng ta bắt đầu từ những cực đối nhau, nhưng như thế chẳng sao, vì cô thấy đấy, chúng ta gặp nhau ở cùng một điểm. Quả là một buổi tối thú vị, Dominique.”

“Ông đang nhắm đến điều gì thế?”

“Ví dụ, thật thú vị khi khám phá ra cái gì được coi là đẹp trai đối với cô. Thật là hay khi hiểu rõ cô một cách rõ ràng, chắc chắn. Mà chả cần có bất cứ lời nói nào – chỉ cần sự giúp đỡ của một khuôn mặt nhất định.”

“Nếu... nếu ông có thể nhìn ra cái mà ông đang nói tới, thì ông đã không thể là con người như ông đang là.”

“Không, cô gái thân mến ạ. Tôi *phải* là con người tôi, chính là vì những gì tôi nhìn ra.”

“Ông biết không, Ellsworth, tôi nghĩ ông tồi tệ hơn nhiều so với những gì tôi đã nghĩ về ông.”

“Và có thể là tồi hơn nhiều so với những gì cô đang nghĩ bây giờ đấy. Tồi nhưng có ích. Tất cả chúng ta đều có ích cho nhau. Như cô sẽ có ích đối với tôi. Như, tôi đoán, cô sẽ muốn tôi có ích.”

“Ông đang nói về cái gì thế?”

“Thật tệ, Dominique ạ. Rất tệ. Thật vô ích. Nếu cô không biết tôi đang nói về cái gì, thì tôi cũng không thể nào giải thích được. Còn nếu cô biết – thì tôi đã nắm rõ cô mà không cần nói gì thêm.”

“Hai người nói chuyện kiểu gì thế này?” Kiki hoang mang hỏi.

“Chỉ là cách chúng tôi đùa nhau ấy mà,” Toohey vui vẻ nói. “Đừng để nó làm chị bận tâm, Kiki ạ. Dominique và tôi luôn đùa nhau. Mặc dù vậy, không được vui lắm, vì chị thấy đấy – chúng tôi không thể.”

“Một ngày nào đó, Ellsworth ạ,” Dominique nói, “ông sẽ mắc sai lầm.”

“Rất có thể. Còn cô, bạn thân mến ạ, cô đã mắc sai lầm của cô rồi đấy.”

“Chào ông, Ellsworthh.”

“Chào cô, Dominique.”

Kiki quay sang ông khi Dominique đã đi.

“Hai người bị làm sao thế, Ellsworth? Sao lại nói chuyện – chẳng về cái gì cả? Mặt người với cả ấn tượng đầu tiên thì có ý nghĩa gì cơ chứ.”

“Điều đó, Kiki thân mến của tôi” ông trả lời, giọng ông nhẹ nhàng và xa xăm, như thể ông đang đưa ra một câu trả lời, không phải cho bà, mà cho một ý nghĩ của chính ông, “là một trong số những sai lầm lớn nhất của chúng ta. Chẳng có gì quan trọng bằng khuôn mặt của con người. Cũng không có gì hùng hồn bằng. Chúng ta không bao giờ có thể thực sự biết một người khác, ngoại trừ qua cái nhìn đầu tiên với anh ta. Vì, trong cái nhìn đó, chúng ta biết mọi thứ. Mặc dù chúng ta không phải luôn đủ thông minh để hiểu thấu đáo cái mà ta biết lúc đó. Chị đã bao giờ nghĩ về phong cách của một tâm hồn chưa hả Kiki?”

“Nghĩ về cái gì?”

“Phong cách của một tâm hồn. Chị có nhớ một nhà triết học nổi tiếng đã nói về phong cách của một nền văn minh chưa? Ông ấy gọi nó là ‘phong cách’. Ông ấy đã nói đó là từ sát nhất ông ấy có thể tìm được để diễn đạt điều đó. Ông ấy nói là mọi nền văn minh đều có một nguyên tắc cơ bản của nó, một nguyên tắc duy nhất, tối cao, một khái niệm quyết định và mọi nỗ lực của con người sống trong nền văn minh đó đều tuân thủ, một cách vô thức và dứt khoát, theo cái nguyên tắc đó... Tôi nghĩ, Kiki ạ, rằng mọi tâm hồn con người cũng đều có một phong cách của riêng nó. Một nguyên lý cơ bản của nó. Chị sẽ thấy nó được phản ánh trong mọi ý nghĩ, mọi hành động, mọi mong muốn của người đó. Một nguyên lý tuyệt đối, một nguyên lý có tính bắt buộc đối với sinh vật sống đó. Dù chị có tìm hiểu một con người nhiều năm đi nữa, thì chị cũng sẽ không thể biết điều đó. Nhưng chính khuôn mặt anh ta sẽ trưng nó ra. Chị sẽ phải viết hàng đống sách để mô tả một con người. Nhưng thử nghĩ đến khuôn mặt anh ta xem. Chị sẽ chẳng cần bất kỳ cái gì khác nữa.”

“Điều đó nghe thật tuyệt, Ellsworth ạ. Và không công bằng, nếu đúng là thế. Nó sẽ khiến mọi người trở nên trần trụi trước mắt anh.”

“Còn tồi tệ hơn thế. Nó cũng khiến chị trần trụi trước họ nữa. Chị tự để lộ bản thân qua cái cách mà chị phản ứng với một khuôn mặt nào đó. Cách chị phản ứng với một kiểu mặt nhất định... Phong cách của tâm hồn chị... Chẳng có gì quan trọng trên mặt đất cả, trừ con người. Chẳng có gì về con người lại quan trọng bằng những mối quan hệ của họ với nhau...”

“Nào, thế anh nhìn thấy gì trên mặt tôi?”

Ông nhìn vào bà, như thể ông chỉ vừa mới chú ý đến sự hiện diện của bà.

“Chị nói gì cơ?”

“Tôi nói là anh nhìn thấy gì trên khuôn mặt tôi?”

“Ồ, xem nào, à, hãy nói cho tôi biết những ngôi sao điện ảnh mà chị thích và tôi sẽ nói cho chị biết chị là ai.”

“Anh biết không, tôi rất thích được người ta phân tích. Nào, xem nào. Diễn viên yêu thích nhất của tôi là...”

Nhưng ông không lắng nghe. Ông đã quay lưng về phía bà, ông đang rời khỏi bà mà không buồn xin lỗi. Trông ông mệt mỏi. Trước đây bà chưa bao giờ thấy ông thô lỗ – ngoại trừ khi ông cố ý làm thế.

Một lát sau, từ giữa một nhóm bạn bè, bà nghe thấy giọng nói ấm áp sôi nổi của ông: “... và, vì thế, khái niệm cao quý nhất trên trái đất là khái niệm về sự bình đẳng tuyệt đối giữa người với người.”

VII.

"Và nó sẽ đứng ở đó, như một tượng đài chẳng để tôn vinh cái gì ngoài cái tôi của ông Enright và ông Roark. Nó sẽ đứng giữa một bên là một dãy nhà chung cư bằng đá nâu và bên kia là những thùng chứa của một trạm xăng. Điều này, có lẽ, không phải là một sự tình cờ, mà là bằng chứng về khả năng sắp đặt của tạo hóa. Không một sự sắp đặt nào khác có thể phô ra bản chất ngạo mạn của tòa nhà này một cách hùng hồn như thế. Nó sẽ mọc lên như một sự nhạo báng đối với tất cả các công trình của thành phố và đối với những người đã xây chúng. Các công trình của chúng ta là vô nghĩa và sai trái; tòa nhà này sẽ khiến sự vô nghĩa và sai trái càng nổi bật. Có điều, sự tương phản ở đây không có lợi cho tòa nhà Enright. Bằng cách tạo nên sự tương phản, nó sẽ tự biến nó trở thành một phần của cái tổng thể vô lý to lớn, thậm chí trở thành phần lố bịch nhất trong cái tổng thể ấy. Nếu một tia sáng lọt vào một chuồng lợn, chính tia sáng đó sẽ chỉ cho chúng ta sự bẩn thỉu và cũng chính tia sáng đó sẽ trở thành lố bịch. Các công trình của chúng ta có lợi thế to lớn về mặt tăm tối và nhút nhát. Ngoài ra, chúng còn phù hợp với chúng ta. Tòa nhà Enright thì sáng sủa và táo tợn. Vì thế nó như là một chiếc khăn quàng bằng lông. Nó sẽ thu hút sự chú ý – nhưng chỉ là chú ý đến sự tự phụ hết sức ngang nhiên của ông Roark mà thôi. Khi tòa nhà này được xây dựng xong, nó sẽ là một vết thương trên bộ mặt của thành phố chúng ta. Thậm chí là một vết thương sặc sỡ."

Đoạn này xuất hiện trong mục *Ngôi nhà của bạn* do Dominique Francon viết, một tuần sau bữa tiệc ở nhà Kiki Holcombe.

Vào buổi sáng nó xuất hiện, Ellsworth Toohey bước vào văn phòng của Dominique. Ông cầm một bản của tờ *Ngọn cờ* – chìa trang báo có mục của cô về phía cô. Ông im lặng, hơi đung đưa người trên đôi bàn chân nhỏ bé của mình. Dường như đôi mắt ông đang nói chứ không phải đang nhìn: nó đang phá ra cười. Đôi môi ông mím lại với vẻ đức hạnh, vô tư.

"Sao?" cô hỏi.

"Cô gặp Roark ở đâu trước bữa tiệc đó?"

Cô ngồi nhìn ông, một cánh tay cô vắt qua lưng ghế, những đầu ngón tay lỏng lẻo đung đưa một chiếc bút chì. Cô dường như đang mỉm cười. Cô nói:

"Tôi chưa bao giờ gặp Roark trước bữa tiệc cả."

"Tôi nhầm. Tôi chỉ đang băn khoăn về..." ông vo cho tờ báo kêu sột soạt, "... sự thay đổi thái độ."

"À, cái đó? Tôi đã không ưa anh ta khi tôi gặp anh ta – ở bữa tiệc."

“Tôi đã nhận thấy thế.”

“Mời ông ngồi, Ellsworth. Trông ông không phong độ lắm khi đứng đâu.”

“Cô có phiền không? Không bận chứ?”

“Không hẳn.”

Ông ngồi xuống góc bàn của cô. Ông trầm ngâm vỗ nhẹ tờ báo đã được gấp lại lên đầu gối mình.

“Cô biết không, Dominique,” ông nói, “không ổn đâu. Không ổn chút nào cả.”

“Vì sao?”

“Cô không thấy người ta có thể suy ra điều gì à? Tất nhiên, không mấy người sẽ nhận ra điều đó. Nhưng anh ta sẽ. Tôi thì đã.”

“Nó không được viết cho anh ta hay cho ông.”

“Mà cho những người khác?”

“Cho những người khác.”

“Vậy thì đó là trò đùa tồi tệ với anh ta và với tôi.”

“Ông thấy chưa? Tôi đã biết là nó rất ổn.”

“Dào, ai cũng có mánh của mình.”

“Ông định viết gì về nó?”

“Nó nào?”

“Về tòa nhà Enright.”

“Không gì cả.”

“Không gì cả?”

“Không gì cả.”

Ông ném tờ báo lên chiếc bàn mà không hề cử động người, chỉ bật cổ tay về phía trước. Ông nói:

“Đứng về kiến trúc, Dominique, tại sao cô chưa từng viết bất kỳ điều gì về tòa nhà Cosmo-Slotnick?”

“Nó có đáng để viết không?”

“À, chắc chắn rồi. Có những người sẽ rất phiền lòng về điều đó.”

“Và những người này đáng để ta bận tâm?”

“Có vẻ như thế đấy.”

“Những người nào?”

“Ồ, tôi không biết. Làm sao chúng ta biết được ai đã đọc những bài báo của chúng ta cơ chứ? Đó chính là cái làm cho mọi việc thú vị. Tất cả những người lạ mặt mà chúng ta chưa hề gặp, chưa hề nói chuyện, hay không thể nói chuyện với – và với tờ báo này họ có thể biết được câu trả lời của chúng ta nếu chúng ta muốn đưa ra lời giải đáp. Tôi thực sự nghĩ là cô nên nhanh chóng viết vài lời ca tụng tòa nhà Cosmo-Slotnick.”

“Ông có vẻ rất thích Peter Keating.”

“Tôi á? Tôi cực kỳ thích cậu ấy. Rồi cô cũng sẽ thế thôi – nếu như cô biết cậu ấy rõ hơn. Biết Peter là một việc rất có ích. Tại sao cô không bớt chút thời gian, một hôm nào đấy, và bảo cậu ấy kể cho cô nghe về cuộc đời cậu ấy. Cô sẽ học được nhiều điều thú vị đấy.”

“Ví dụ?”

“Ví dụ chuyện cậu ấy đã học ở Stanton.”

“Chuyện đấy thì tôi biết.”

“Cô không nghĩ đó là một chuyện thú vị sao? Tôi thì nghĩ thế. Một nơi tuyệt diệu – Stanton ấy. Một ví dụ điển hình của kiến trúc Gothic. Cửa sổ kính màu ở nhà thờ của trường này thực sự là một trong những kiểu đẹp nhất đất nước này. Và hãy thử nghĩ xem, rất nhiều những sinh viên trẻ. Rất khác nhau. Có những người tốt nghiệp loại ưu. Có người thì bị đuổi học.”

“Rồi sao?”

“Cô có biết Peter Keating là bạn cũ của Howard Roark không?”

“Không. Anh ta là bạn cũ?”

“Anh ta là bạn cũ!”

“Peter Keating là bạn cũ của tất cả mọi người.”

“Chính xác. Một chàng trai nổi bật. Nhưng chuyện này thì khác. Cô không biết là Roark học ở Stanton đúng không?”

“Không.”

“Cô có vẻ không biết nhiều về ngài Roark thì phải.”

“Tôi chẳng biết gì về ngài Roark cả. Chúng ta đâu có bàn về ngài Roark.”

“Chúng ta không à? Tất nhiên là không rồi, chúng ta đang nói về Peter Keating. Chà, cô thấy đấy, để thể hiện rõ ý mình thì có lẽ cách tốt nhất là dùng sự đối lập, dùng phép so sánh. Như cô đã làm trong bài viết ngắn rất hay hôm nay đấy. Để đánh giá đúng về Peter, như cậu ấy xứng đáng được

hưởng, thì ta hãy lấy một ví dụ. Hãy vẽ hai đường thẳng song song. Tôi đồng ý với Euclid, tôi không nghĩ là hai đường thẳng song song có thể gặp nhau. Cả hai bọn họ đều học ở Stanton. Mẹ của Peter cho thuê nhà trọ và Roark sống với họ khoảng ba năm. Thế cũng chẳng có gì đặc biệt trừ một việc là nó làm cho sự đối lập giữa họ càng rõ rệt và – chà – cá nhân hơn. Peter tốt nghiệp loại ưu, đứng đầu cả khóa còn Roark thì bị đuổi học. Đừng nhìn tôi như thế. Tôi không cần phải giải thích vì sao anh ta bị đuổi học; chúng ta, tôi và cô, đều hiểu điều đó. Peter vào làm cho bố cô và bây giờ cậu ta đã là một đối tác rồi. Roark cũng làm việc cho bố cô nhưng cũng bị đuổi việc rồi. Đúng thế đấy. Nhân tiện, điều này chẳng phải buồn cười sao? – lần đó anh ta đã bị đuổi, mà chẳng cần cô nhúng tay vào. Peter thì có cái nhà Cosmo-Slotnick làm vốn, còn Roark thì có mỗi một cái nhà xúc xích ở Connecticut. Peter thì được người hâm mộ xin chữ ký – còn Roark... thậm chí những người sản xuất thiết bị phòng tắm cũng không biết đến anh ta. Giờ thì Roark nhận được hợp đồng thiết kế một khu nhà chung cư và anh ta tôn thờ nó như đứa con trai độc nhất – còn Peter, giá có được giao thiết kế tòa nhà Enright thì Peter cũng chẳng buồn để ý, ngày nào mà anh ta chẳng nhận những tòa nhà như thế. Nào, tôi nghĩ là Roark chẳng coi công việc của Peter ra cái gì cả. Anh ta chưa bao giờ và sẽ không bao giờ làm thế, dù có chuyện gì xảy ra chăng nữa. Nhưng thử nghĩ thêm một chút mà xem. Chẳng ai muốn bị đánh bại cả. Nhưng bị đánh bại dưới tay một người mà mình luôn coi thường; mình cùng xuất phát với cái kẻ tầm thường đó và rồi chứng kiến nó vượt xa mình trong khi mình thì vật lộn mà vẫn chẳng thu được gì ngoài một cái đạp vào mặt; và phải nhìn cái kẻ tầm thường kia tước đi của mình, cứ lần lượt, từng cơ hội mà mình sẽ đánh đổi cả mạng sống để có được; phải thấy cái tầm thường đó được tôn vinh, thấy mình mất đi cái vị trí mình ao ước và thấy kẻ tầm thường kia ngự ở đó; và để thua cuộc, để bị hy sinh, để bị cho ra rìa, bị đánh bại, rồi lại đánh bại, rồi lại đánh bại – không phải bởi một thiên tài vĩ đại, không phải bởi một vị chúa, mà chính là Peter Keating – chà, cô bạn của tôi, cô có nghĩ rằng Cục điều tra Tây Ban Nha đã từng nghĩ tới hình thức tra tấn nào bằng được như thế này không?"

"Ellsworth!" cô gào lên "Ông cút khỏi đây ngay!"

Cô đã đứng bật dậy. Cô đứng thẳng được trong giây lát, rồi chùng người về phía trước, hai lòng bàn tay cô chống trên mặt bàn, và cô đứng đó, đầu cúi xuống; ông nhìn thấy mớ tóc mềm mại của cô đung đưa nặng nề rồi dừng lại, che mất khuôn mặt cô.

"Kìa Dominique," ông nói một cách thoải mái "Tôi chỉ đang kể cho cô nghe vì sao Peter Keating lại là một người thú vị đến như vậy."

Tóc của cô hất mạnh ra sau như một cái giẻ lau nhà, để lộ ra khuôn mặt

cô. Cô thả người xuống ghế; cô nhìn ông, miệng cô trễ xuống và trông rất xấu.

"Dominique," ông nói khẽ, "cô thật lộ liễu. Quá lộ liễu."

"Ông cút đi."

"Thế đấy, tôi đã luôn nói là cô đánh giá thấp tôi mà. Lần sau nếu cần giúp đỡ thì cứ gọi tôi nhé."

Ra đến cửa, ông quay lại nói thêm:

"Tất nhiên, đứng về cá nhân, tôi thấy Peter Keating là kiến trúc sư giỏi nhất mà chúng ta có."

*

* *

Buổi tối đó, khi cô về tới nhà thì điện thoại reo. "Dominique, cô gái thân mến của tôi", một giọng nói đứt quãng vì lo lắng trên điện thoại "Em có thực sự có ý đó không đấy?"

"Ai đấy?"

"Joel Sutton. Tôi..."

"Chào anh, Joel. Tôi có thực sự có ý gì cơ?"

"Chào em, em khỏe không? Người cha tuyệt vời của em thế nào? Ý tôi là em thật sự muốn nói tất cả những điều đó về tòa nhà Enright và anh chàng Roark đó? Ý tôi là những gì em nói trong bài báo của em hôm nay ấy. Tôi thấy hơi buồn, rất buồn em ạ. Em biết tòa nhà của tôi đúng không? À, bọn tôi đang chuẩn bị triển khai và nó đáng giá rất nhiều tiền, tôi nghĩ tôi đã suy nghĩ rất cẩn thận trước khi quyết định, nhưng tôi chỉ tin mỗi em thôi, tôi vẫn luôn tin em, em thực sự là một cô bé thông minh, cực kỳ thông minh, nếu em làm việc cho một người như Wynand thì tôi tin là em hiểu rõ về lĩnh vực của mình. Wynand biết các tòa nhà, thì đấy, ông ta kiếm được nhiều tiền từ bất động sản hơn báo chí, chắc chắn là thế, mọi người thì không biết điều này nhưng tôi biết. Và em thì đang làm việc cho ông ta, và giờ thì tôi cũng không biết phải nghĩ thế nào. Bởi vì, em biết đấy, tôi đã quyết định, quyết định dứt khoát và rõ ràng – gần như thế – là sẽ làm việc với cái anh chàng Roark này, thực ra tôi đã nói với anh ta như thế, thực ra thì chiều mai anh ta sẽ tới ký hợp đồng, thế mà bây giờ... Em thực sự nghĩ tòa nhà sẽ giống một cái khăn quàng bằng lông vũ à?"

"Nghe này, Joel," cô nói, hai hàm răng sít lại "ngày mai anh đi ăn trưa với tôi được không?"

Cô gặp Joel Sutton ở một phòng ăn lớn và vắng vẻ của một khách sạn sang trọng. Chỉ có vài người khách ngồi một mình giữa những chiếc bàn phủ khăn trắng nên trông ai cũng rất nổi bật; những chiếc bàn trống ấy tạo nên một tấm nền trang nhã tôn lên sự độc quyền ngự trị bên bàn của vị khách. Joel cười toe toét. Ông chưa bao giờ đi với một cô gái đẹp như Dominique.

"Anh biết đấy, Joel" cô nói và nhìn thẳng vào ông, giọng rất khẽ, rất nghiêm nghị, không cười, "đó là một ý tưởng tuyệt vời, việc anh chọn Roark ấy."

"Ồ, em nghĩ thế à?"

"Tôi nghĩ thế. Anh sẽ có một tòa nhà đẹp, giống như một bản thánh ca. Một tòa nhà sẽ làm cho anh choáng váng, cả những người thuê nhà của anh cũng vậy. Một trăm năm nữa người đời sẽ ghi tên anh vào sử sách, và họ sẽ tìm đến ngôi mộ của anh ở ngoài nghĩa trang."[74]

"Trời ơi, Dominique, em đang nói về cái gì vậy?"

"Về tòa nhà của anh đấy. Về kiểu nhà mà Roark sẽ thiết kế cho anh đấy. Đó sẽ là một tòa nhà vĩ đại Joel ạ."

"Ý em là một tòa nhà đẹp phải không?"

"Không phải đẹp mà là vĩ đại."

"Hai điều đó khác nhau đấy em ạ."

"Đúng thế, Joel, hai điều đó khác nhau."

"Tôi không thích mấy cái 'vĩ đại' đó."

"Không. Anh không thích. Tôi cũng không nghĩ là anh sẽ thích. Vậy anh muốn gì ở Roark? Anh muốn một tòa nhà sẽ không làm ai ngạc nhiên. Một tòa nhà bình thường, tiện nghi và an toàn, như một phòng khách cổ kính lúc nào cũng đầy mùi súp sò. Một tòa nhà mà mọi người đều thích – tất cả mọi người, bất kể là ai. Làm người hùng cũng không dễ chịu chút nào, Joel, và anh cũng không có tướng của một người hùng đâu."

"Ừ, tất nhiên tôi muốn có một tòa nhà mà ai cũng thích. Em nghĩ tôi xây nó để làm gì chứ, cho khỏe người chắc?"

"Không, Joel, chẳng cho khỏe người mà cũng chẳng để di dưỡng tinh thần."

"Ý em là Roark không phải kiến trúc sư tốt?"

Cô ngồi thẳng người và cứng nhắc, như thể tất cả các cơ của cô đều đang co cứng lại để chống chọi với sự đau đớn. Nhưng đôi mắt cô mơ màng, khép hờ, như thể có một bàn tay đang ve vuốt cơ thể cô. Cô nói:

“Anh có nhìn thấy nhiều tòa nhà do anh ta thiết kế không? Anh có thấy nhiều người thuê anh ta không? New York này có sáu triệu người. Sáu triệu người không thể sai được. Đúng không?”

“Tất nhiên là không rồi.”

“Tất nhiên.”

“Nhưng tôi nghĩ Enright...”

“Anh không phải là Enright, Joel ạ. Thứ nhất, ông ấy không hay cười. Thêm nữa, anh thấy đấy, Enright hẳn sẽ không hỏi ý kiến tôi đâu. Anh thì có. Đó chính là điều khiến tôi thích anh.”

“Em thực sự thích tôi à Dominique?”

“Anh không biết anh luôn là một trong những người tôi rất yêu thích sao?”

“Tôi... anh luôn tin tưởng em. Bất cứ khi nào anh cũng tin lời em. Thực sự em nghĩ anh nên làm gì?”

“Đơn giản thôi. Anh muốn thứ tốt nhất mà tiền có thể mua được – trong số những thứ tiền có thể mua được. Anh muốn một tòa nhà sẽ ra một tòa nhà – như nó xứng đáng được như thế. Anh nên tìm một kiến trúc sư mà mọi người đều thuê để cho họ thấy rằng anh cũng chẳng thua kém gì họ.”

“Đúng. Chính xác là như vậy đấy... Nhìn này, Dominique, em hầu như chưa động vào thức ăn đấy.”

“Em không đói.”

“Vậy em nghĩ anh nên chọn kiến trúc sư nào?”

“Hãy thử nghĩ xem, Joel. Ai là người bây giờ đang được tất cả mọi người nhắc đến? Ai nhận tất cả các công trình? Ai làm ra được nhiều tiền nhất cho bản thân và các khách hàng của mình? Ai trẻ trung và nổi tiếng và an toàn và được yêu thích?”

“À, anh đoán... anh đoán là Peter Keating.”

“Chính xác, Joel ạ, Peter Keating.”

*

* *

“Anh Roark, tôi rất xin lỗi, vô cùng xin lỗi, hãy tin tôi nhưng rốt cuộc, tôi đâu có kinh doanh cho khỏe người... không để khỏe người mà cũng chẳng để di dưỡng tinh thần... tức là, ý tôi là, tôi nghĩ là anh hiểu được tình thế của tôi. Tôi không hề có ý chê anh đâu, ngược lại, tôi nghĩ anh là một kiến trúc sư

tuyệt vời. Nhưng anh thấy đấy, đấy lại là vấn đề; sự vĩ đại nghe thì hay nhưng nó không thực tế. Vấn đề là thế đấy, anh Roark, không thực tế, và rút cục anh cũng phải thừa nhận rằng anh Keating nổi danh hơn anh và anh ta có cái... cái cách chiều lòng người mà anh chưa bao giờ có."

Điều làm Sutton khó chịu là Roark không hề phản đối gì. Ông ước gì Roark cố tranh luận, để rồi ông sẽ đưa ra những lý lẽ không thể chối cãi mà Dominique vừa dạy ông vài giờ trước đó. Nhưng Roark không nói một lời nào; anh chỉ hơi nghiêng đầu xuống khi nghe quyết định đó. Sutton thực sự muốn có cơ hội bày tỏ các lý lẽ của ông, nhưng thật chẳng có nghĩa lý gì khi cố gắng thuyết phục một người tự tỏ ra là đã bị thuyết phục rồi. Nhưng Sutton yêu quý tất cả mọi người và ông không muốn làm tổn thương bất cứ ai.

"Thực ra, anh Roark ạ, không phải chỉ một mình tôi đưa ra quyết định này đâu. Thực sự tôi đã muốn anh làm việc, tôi đã chọn anh, thực tình là tôi đã chọn anh nhưng chính Dominique Francon, người mà tôi rất coi trọng ý kiến, đã thuyết phục tôi rằng anh không phải là sự lựa chọn đúng đắn cho công trình này – và cô ấy cũng rất công bằng khi cho phép tôi nói với anh rằng cô ấy đã thuyết phục tôi."

Ông thấy Roark đột ngột nhìn mình. Rồi ông thấy hai hõm má anh trũng xuống, như thể bị kéo xuống sâu hơn, và miệng anh mở ra: anh đang cười, không thành tiếng mà chỉ có một cái hít thật sâu.

"Anh cười cái quái gì thế, anh Roark?"

"Vậy là cô Francon muốn ông nói với tôi chuyện này à?"

"Không phải cô ấy *muốn*, tại sao cô ấy lại muốn cơ chứ? Cô ấy chỉ nói là tôi có thể nói với anh nếu tôi muốn."

"Phải, tất nhiên rồi."

"Điều đó chỉ cho thấy là cô ấy rất trung thực; cô ấy có những lý do xác đáng cho các ý kiến của mình và sẽ công khai bảo vệ những ý kiến ấy."

"Vâng."

"Thế thì có chuyện gì nào?"

"Không có gì, ông Sutton."

"Nghe này, anh cười như vậy không được hay lắm đâu."

"Phải."

*

* *

Căn phòng xung quanh anh lờ mờ tối. Một bản thiết kế của ngôi nhà Heller được đóng đinh trên một bức tường dài, không có khung, trống trải. Nó làm cho ngôi nhà trở nên trống rỗng hơn và bức tường dường như càng dài thêm. Anh không cảm thấy những phút đang trôi qua; trái lại anh cảm giác thời gian như một thứ vật chất rắn chắc đã vây kín và ngăn cách căn phòng này với thế giới bên ngoài; thời gian đã bị tước bỏ mọi ý nghĩa, ngoại trừ thực trạng bất động của thân thể anh.

Khi anh nghe thấy có tiếng gõ cửa, anh nói vọng ra mà không hề đứng dậy: "Vào đi."

Dominique bước vào. Cô bước vào như thể cô đã từng bước vào căn phòng này trước đó. Cô mặc một bộ quần áo tối màu, vải dầy, đơn giản như quần áo trẻ con, như thể chỉ để che thân chứ không phải để phục sức; chiếc áo của cô có một cái cổ như cổ áo nam, cao đến ngang má; cô đội một cái mũ che đến nửa mặt. Anh ngồi nhìn cô. Cô chờ nụ cười chế giễu nhưng nó không đến. Nụ cười ấy dường như đã được giấu vào trong chính căn phòng, trong việc cô đứng đó, cách anh nửa căn phòng. Cô bỏ mũ ra, hệt như một người bỏ mũ khi bước vào phòng, cô lấy đầu ngón tay kéo vành mũ ra rồi cầm nó ở đầu cánh tay thõng. Cô chờ đợi, vẻ mặt nghiêm nghị và lạnh lẽo nhưng mái tóc phẳng phiu nhợt nhạt của cô trông yếu ớt và nhỏ bé. Cô nói:

"Anh không ngạc nhiên khi thấy tôi."

"Tôi đã chờ cô tối nay."

Cô đưa tay lên, gập khuỷu tay lại bằng một cử động cứng nhắc, như chỉ huy động những động tác cần thiết tối thiểu, và quăng chiếc mũ ngang qua bàn. Chiếc mũ bay một quãng xa chứng tỏ cô đã giật cổ tay rất mạnh.

Anh hỏi: "Cô muốn gì?"

Cô đáp: "Anh biết tôi muốn gì." Giọng cô nặng nề và vô cảm.

"Tôi biết. Nhưng tôi muốn chính cô nói ra. Nói tất cả."

"Nếu anh muốn." Giọng cô có một vẻ chắc chắn, như đang làm theo một mệnh lệnh với một sự chính xác cơ học. "Tôi muốn ngủ với anh. Bây giờ, tối nay và bất cứ lúc nào anh buồn gọi đến tôi. Tôi muốn cái thân người trần trụi của anh, làn da của anh, đôi môi anh, hai bàn tay của anh. Tôi muốn anh – đúng như thế này – không theo kiểu phát cuồng vì ham muốn – mà lạnh lùng và tỉnh táo – không cần phẩm giá cũng không hối hận – tôi không có phẩm giá để phải mặc cả với chính mình hay ăn năn day dứt gì cả – tôi muốn anh – tôi thèm muốn anh như một con vật, như một con mèo động đực, như một con điếm."

Cô nói bằng giọng đều đều, đơn điệu, như thể cô đang trích đọc một cuốn

giáo lý khổ hạnh về vấn đề đức tin vậy. Cô đứng bất động, hai chân cô đi giày bệt choãi rộng, hai bả vai bạnh ra phía sau, hai tay buông thõng bên mình. Những lời cô đang nói dường như không chạm đến cô; trông cô vô tư lự – hoàn toàn vô tư như một đứa trẻ.

"Anh biết là tôi căm thù anh, Roark. Tôi căm thù anh vì chính con người anh, vì tôi muốn anh, vì tôi buộc phải muốn anh. Tôi sẽ chống lại anh – và tôi sẽ hủy hoại cuộc đời anh, và tôi nói với anh điều này một cách bình tĩnh như tôi đã nói với anh rằng tôi là con thú hèn mạt. Tôi sẽ cầu nguyện để anh không thể bị hủy hoại – tôi cũng nói với anh cả điều này – cho dù tôi chẳng tin vào điều gì cả và cũng chẳng có thần thánh nào để cầu xin. Nhưng tôi sẽ chiến đấu để cản trở mọi bước tiến của anh. Tôi sẽ chiến đấu để tước đi của anh tất cả những cơ hội mà anh muốn. Tôi sẽ làm tổn thương anh thông qua cái thứ duy nhất có thể làm anh tổn thương – đó là qua công việc của anh. Tôi sẽ làm cho anh phải chết đói, tôi sẽ bóp nghẹt anh bằng chính những thứ mà anh không bao giờ có được. Tôi đã làm điều đó ngày hôm nay – đó chính là lý do vì sao đêm nay tôi sẽ ngủ với anh."

Anh ngồi sâu trong lòng ghế, người duỗi ra, cơ thể anh thư giãn, và căng ra trong sự thư giãn. Một sự bất động xâm chiếm cơ thể anh một cách chầm chậm, báo hiệu những cử động mạnh mẽ sắp đến.

"Hôm nay tôi đã làm tổn thương anh. Tôi sẽ còn làm như vậy. Tôi sẽ đến với anh bất kỳ lúc nào tôi đánh bại anh– bất kỳ khi nào tôi biết là tôi đã làm anh bị tổn thương – và tôi sẽ để anh sở hữu tôi. Tôi muốn bị sở hữu, không phải bởi một người tình, mà là bởi một kẻ thù – kẻ sẽ phá hủy chiến thắng mà tôi đã giành được đối với anh ta, không phải bằng những đòn trả thù cao thượng mà bằng sự đụng chạm thân xác của anh ta với tôi. Đó chính là những gì tôi cần ở anh, Roark ạ. Đó chính là con người tôi. Anh đã muốn nghe tất cả mọi thứ. Anh đã được nghe rồi đấy. Bây giờ anh muốn nói gì?"

"Cởi quần áo ra."

Cô đứng im một lát. Hai bên mép cô đanh lại, bạnh ra rồi trắng bệch. Rồi cô nhận thấy một chuyển động trên vải áo anh – đấy là một hơi thở bị kìm nén vừa mới thoát mạnh ra – và đến lượt cô mỉm cười chế giễu, như anh đã luôn cười với cô như thế.

Cô đưa hai bàn tay lên cổ áo rồi cởi khuy áo khoác, đơn giản, chính xác, từng chiếc, từng chiếc một. Cô ném cái áo xuống sàn nhà rồi cởi chiếc áo cánh màu trắng mỏng, và cô nhận thấy đôi găng tay đen bó ở cổ tay trên cánh tay trần của mình. Cô cởi đôi găng ra, kéo lần lượt từng ngón tay một. Cô cởi quần áo một cách lạnh lùng, như thể cô chỉ có một mình trong phòng ngủ riêng của cô vậy.

Sau đó cô nhìn anh. Cô đứng đó trần truồng, chờ đợi, cảm thấy khoảng không giữa họ như một áp lực ấn vào bụng cô; cô biết rằng đây cũng là một sự tra tấn với anh và rằng nó đúng như họ đều mong muốn. Rồi anh đứng dậy, anh bước tới gần cô, và khi anh ôm cô, đôi cánh tay cô tự nguyện đưa lên, cô cảm thấy khuôn người anh áp lên làn da non phía trong cánh tay cô khi nó ôm vòng lấy cơ thể anh, sườn anh, nách anh, lưng anh, bả vai anh dưới những ngón tay cô, miệng cô áp lên miệng anh, trong một sự đầu hàng còn mãnh liệt hơn cả cuộc đấu tranh của cô.

Sau đó, cô nằm cạnh anh trên giường, dưới chiếc chăn của anh. Cô nhìn căn phòng anh và hỏi:

"Roark, tại sao anh lại làm ở mỏ đá đó?"

"Em biết mà."

"Vâng. Những người khác hẳn sẽ xin một việc ở một văn phòng kiến trúc."

"Và lúc đó thì em sẽ không còn mong muốn hủy hoại anh."

"Anh hiểu điều đó?"

"Anh hiểu. Yên nào. Bây giờ điều đó chẳng còn quan trọng."

"Anh có biết tòa nhà Enright là tòa nhà đẹp nhất New York không?"

"Anh biết là em biết điều đó."

"Roark, anh làm trong mỏ đá đó khi mà anh có ngôi nhà Enright và còn nhiều ngôi nhà Enright khác nữa, thế mà anh vẫn đi khoan đá granit như là một..."

"Em lại sắp yếu đi rồi, Dominique ạ, và ngày mai em sẽ hối tiếc điều đó."

"Vâng."

"Em rất đáng yêu, Dominique."

"Đừng."

"Em rất đáng yêu."

"Roark, em... em vẫn muốn hủy hoại anh."

"Em có nghĩ là anh vẫn còn muốn em nếu em không muốn hủy hoại anh không?"

"Roark..."

"Em có muốn anh nhắc lại không? Một phần thôi? Anh muốn em, Dominique. Anh muốn em. Anh muốn em."

“Em...” Cô dừng lại; từ cuối cùng mà cô nói ra gần như chỉ có thể nghe được trong hơi thở của cô.

Anh đáp “Không. Chưa đâu. Em sẽ chưa nói ra điều ấy. Thôi ngủ đi.”

“Ở đây? Với anh?”

“Ở đây, với anh. Sáng mai anh sẽ nấu bữa sáng cho em. Em có biết là anh tự nấu bữa sáng cho mình không? Em sẽ thích nhìn thấy anh làm việc đó. Giống như công việc trong mỏ đá ấy. Rồi em sẽ về nhà và nghĩ đến việc hủy hoại anh. Chúc ngủ ngon, Dominique.”

VIII.

Những tấm rèm trên cửa sổ phòng khách được kéo lên, những ánh đèn thành phố dâng lên thành một đường chân trời tối đen ở lưng chừng những ô cửa kính. Dominique đang ngồi bên bàn sửa lại những trang cuối cùng của bản thảo một bài báo thì cô nghe thấy có tiếng chuông cửa. Khách khứa thường không làm phiền cô khi không báo trước – cô ngẩng lên, chiếc bút chì ngưng lại ở lưng chừng trong không khí, cô bực mình và tò mò. Cô nghe thấy tiếng chân người giúp việc ở hành lang rồi chị ta bước vào phòng và nói "Thưa cô, một quý ông muốn gặp cô." Giọng nói hơi khó chịu của chị ta làm cô biết rằng người đàn ông đó đã từ chối giới thiệu tên.

Anh ta có mái tóc màu cam? – Dominique muốn hỏi nhưng cô không mở miệng; chiếc bút chì ngúc ngoắc một cách vụng về. Cô nói: "Cho ông ta vào."

Cánh cửa mở. Trong ánh sáng của hành lang, cô nhìn thấy một cái cổ dài, một đôi vai dốc y hệt như bóng một cái chai, một giọng trầm ấm và mượt mà nói: "Chào cô, Dominique." Cô nhận ra Ellsworth, người mà cô chưa bao giờ mời tới nhà.

Cô mỉm cười. Cô nói: "Chào ông, Ellsworth, lâu lắm rồi không gặp ông nhỉ."

"Cô lẽ ra phải mong tôi mới phải?" Ông quay sang phía người giúp việc "Cointreau,[75] nếu có, và tôi chắn chắn là ở đây có."

Người giúp việc liếc nhìn Dominique, mắt mở to; Dominique gật đầu không nói gì, chị ta đi ra và đóng cửa.

"Cô bận à? Tất nhiên rồi!" Toohey vừa nói vừa liếc vào chiếc bàn nhỏ: "Rất thích hợp Dominique ạ. Có kết quả đấy. Gần đây cô viết khá hơn rất nhiều."

Cô thả chiếc bút chì xuống và vắt một tay ra sau ghế, quay nửa người lại phía ông và quan sát ông một cách bình thản.

"Ông muốn gì, Ellsworth?"

Ông không ngồi mà đứng dò xét căn phòng với vẻ tò mò không vội vã của một chuyên gia.

"Không tồi, Dominique. Gần đúng như tôi nghĩ cô sẽ bài trí như thế nào. Hơi lạnh lẽo. Cô biết đấy, nếu tôi là cô tôi sẽ không đặt chiếc ghế màu xanh thủy tinh ở chỗ đó đâu. Quá lộ liễu. Quá vừa vặn. Đúng như cái người ta mong đợi ở vị trí đó. Tôi sẽ dùng màu đỏ cà rốt. Một màu đỏ xấu xí, bốc lửa,

kỳ quặc. Hệt như mái tóc của cái cậu Howard Roark. Khá là tình cờ nhỉ – tôi chỉ ví von thôi – chẳng ám chỉ gì riêng tư cả. Chỉ cần điểm vào một chỗ phối màu không phù hợp là căn phòng này sẽ hoàn hảo. Nó tạo nên sự tao nhã cho căn phòng. Cô bài trí hoa rất khéo. Những bức tranh này cũng thế – không tồi."

"Được rồi, Ellsworth, được rồi, có chuyện gì?"

"Nhưng tôi chưa bao giờ bước vào căn phòng này mà. Cô chưa bao giờ mời tôi cả. Tôi không biết vì sao." Ông ngồi xuống rất thoải mái, một cẳng chân gầy guộc duỗi thẳng, chân kia vắt chéo qua chân này ở mắt cá; cả chiều dài của chiếc tất bó màu xám đục lộ ra dưới gấu quần, một khoảnh da lộ ra phía bên trên chiếc tất – nó có màu trắng xanh, lơ thơ vài sợi lông đen.

"Nhưng mà cô đã luôn tránh giao tiếp. Thời quá khứ, bạn thân mến ạ, thời quá khứ. Cô vừa nói là chúng ta chưa gặp nhau trong một thời gian dài đúng không? Đúng vậy. Cô đã rất bận rộn – một cách thật bất thường. Các cuộc viếng thăm, các bữa tối, các quán rượu lậu và tổ chức các bữa tiệc trà. Đúng không nào?"

"Đúng vậy."

"Các bữa tiệc trà – tôi nghĩ cái đó là nhất. Đây là một căn phòng hợp cho tiệc trà – rộng – nhiều chỗ để nhồi nhét khách – đặc biệt là nếu cô không quan trọng việc nhét ai vào – mà cô thì không rồi. Không phải lúc này. Cô cho họ ăn gì? Mắm cá và trứng luộc cắt hình trái tim?"[76]

"Trứng cá hồi và hành tây cắt nhỏ hình ngôi sao."[77]

"Thế còn về những quý bà lớn tuổi thì sao?"

"Pho mát kem và quả óc chó bổ nhỏ – theo hình xoắn ốc."

"Tôi muốn được nhìn cô chăm lo đến những thứ như thế. Thật tuyệt khi thấy cô rất chu đáo với những quý bà lớn tuổi. Đặc biệt là những kẻ giàu nứt đố – với các ông con rể trong ngành nhà đất. Mặc dù vậy, tôi không nghĩ việc này có thể tồi bằng việc đi xem *Đè em ra đi*[78] với Commodore Higbee, người mang răng giả và có một khu đất trống rất đẹp ngay góc đường Broadway và Chambers."

Người giúp việc bước vào với chiếc khay. Toohey lấy ly rượu và cầm nó một cách tinh tế, hít hít mùi rượu trong khi người giúp việc đi ra ngoài.

"Ông có thể nói cho tôi tại sao lại có cái hoạt động mật vụ này – tôi sẽ không hỏi là ai thực hiện nó – và tại sao ông cần biết chi tiết về các hoạt động của tôi, được không?" Dominique nói một cách thờ ơ.

"Cô có thể hỏi là ai thực hiện nó mà. Bất kỳ người nào và tất cả mọi

người. Chẳng nhẽ cô nghĩ là người ta sẽ không bàn tán về chuyện cô Dominique Francon bỗng nhiên sắm vai một chủ nhà nổi tiếng – một cách bất thình lình? Dominique Francon trong vai một Kiki Holcombe thứ hai, nhưng tốt hơn nhiều – ồ hơn nhiều! – tinh tế hơn nhiều, hiểu biết hơn nhiều và rồi, hãy nghĩ mà xem, xinh đẹp hơn biết bao nhiêu. Đã đến lúc cô nên tận dụng một chút cái vẻ ngoài tuyệt vời đó của cô – bất kỳ phụ nữ nào cũng sẽ cắt cổ cô để có được nó. Nó vẫn đang bị bỏ phí, tất nhiên, nếu người ta nghĩ đến mối tương quan giữa hình thức với chức năng hoạt động tương xứng của nó, nhưng ít nhất thì một vài người cũng đang có được một số lợi ích từ nó. Bố cô, chẳng hạn. Tôi chắc chắn ông ấy vui mừng với cuộc sống mới này của cô. Dominique bé nhỏ đang thân thiện với mọi người. Dominique bé nhỏ cuối cùng cũng trở nên bình thường. Ông ấy nhầm, tất nhiên rồi, nhưng làm cho ông ấy hạnh phúc thì cũng tốt. Một vài người khác nữa cơ. Tôi, chẳng hạn. Dù cô chưa bao giờ làm bất kỳ điều gì chỉ là để khiến tôi hạnh phúc nhưng rồi cô thấy đấy, tôi có cái biệt tài quý hóa là vắt ra niềm vui từ cái không hề được dự định dành cho tôi – mà lại hết sức là vô tư.”

“Ông chưa trả lời câu hỏi của tôi.”

“Nhưng tôi đang trả lời đấy chứ. Cô hỏi vì sao lại có sự quan tâm đến các hoạt động của cô – và tôi trả lời: vì chúng khiến tôi hạnh phúc. Ngoài ra, hãy xem này, người ta có thể ngạc nhiên – mặc dù thế thì thật là thiển cận – nếu tôi đang thu thập thông tin về các hoạt động của các kẻ thù của mình. Mà lại không biết thông tin gì về các hoạt động của phía đồng minh – thực sự, cô biết đấy, cô không nghĩ tôi sẽ là một vị tướng bất tài đến như thế đấy chứ – và dù cô có thể nghĩ bất kỳ điều gì khác về tôi đi nữa, cô chưa bao giờ nghĩ là tôi bất tài.”

“*Phía đồng minh* ư, Ellsworth?”

“Xem này, Dominique, đó chính là vấn đề với phong cách viết – và nói – của cô: cô dùng quá nhiều dấu chấm hỏi. Tồi, trong bất kỳ trường hợp nào. Đặc biệt tồi khi không cần thiết. Hãy bỏ chuyện đặt câu hỏi đi – và chỉ nói chuyện thôi. Vì cả hai chúng ta đều hiểu và không có bất kỳ câu hỏi nào để hỏi giữa chúng ta cả. Nếu có – cô đã tống cổ tôi ra rồi. Thay vì thế, cô cho tôi một món rượu rất đắt tiền.”

Ông giữ miệng của chiếc cốc dưới mũi mình và hít vào với một khoái cảm phóng túng, mà, nếu là ở một bàn tiệc tối thì sẽ tương tự như một tiếng chép miệng to, thô tục. Nhưng ở đây, nó trở nên tao nhã tuyệt vời khi miệng chiếc ly pha lê được áp vào bộ ria nhỏ tỉa gọn ghẽ của ông

“Được rồi,” cô nói, “Thì nói chuyện.”

“Đó là điều tôi đang làm đây. Như thế nghĩa là tôi đã ý tứ – vì cô không

sẵn sàng nói chuyện. Lúc này thì chưa. Nhưng hãy nói chuyện – một cách hoàn toàn khách quan – về sự thú vị khi thấy mọi người háo hức chào đón cô vào giữa bọn họ, chấp nhận cô, tụ tập quanh cô. Tại sao thế nhỉ – cô cho là vì sao? Họ rất hay tỏ ra khinh bỉ người khác, nhưng rồi khi có một người đã luôn khinh bỉ họ tự nhiên lại ngã gục và quay trở lại giao du với bọn họ, thế là tất cả bọn họ đều lăn lưng đến, cụp tai, cụp vuốt để cho cô xoa đầu xoa bụng họ. Vì sao? Có thể có hai cách giải thích, tôi nghĩ vậy. Cách giải thích tốt đẹp là họ rất rộng lượng và muốn làm vinh dự cho cô bằng tình bạn của họ. Chỉ có điều những cách giải thích tốt đẹp chẳng bao giờ đúng cả. Cách còn lại là họ biết cô đang xuống nước khi cần đến họ, họ biết cô đang trượt xuống khỏi một đỉnh cao – mọi sự cô đơn đều là một đỉnh cao – và họ vui sướng được kéo tuột cô xuống bằng tình bạn của họ. Mặc dù, tất nhiên, không ai trong số họ nhận thức rõ điều này, ngoại trừ bản thân cô. Đó là lý do vì sao cô thấy đau đớn khi làm điều đó, và cô sẽ không bao giờ làm nó vì một lý do cao cả, cô sẽ không bao giờ làm thế ngoại trừ vì cái kết cục cô đã chọn, một cái kết cục đáng kinh tởm hơn phương tiện đưa đến nó và cái kết cục đó khiến cho cô có thể chịu đựng được sự đau đớn mà phương tiện gây ra."

"Ông biết không, Ellsworth, ông vừa nói một câu mà ông sẽ không bao giờ viết trong cột báo của ông."

"Vậy sao? Không nghi ngờ gì cả. Tôi có thể nói với cô rất nhiều thứ mà tôi sẽ không bao giờ viết trong cột báo của tôi. Câu nào?"

"Mọi sự cô đơn đều là một đỉnh cao."

"Câu đó? Phải, khá đúng đấy. Tôi sẽ không dùng nó. Cô cứ dùng nó tự nhiên – mặc dù nó không tốt lắm. Khá thô. Một ngày nào đó tôi sẽ cho cô những câu hay hơn, nếu cô muốn. Tuy nhiên, rất tiếc khi cô rút ra được mỗi thế từ bài diễn thuyết nho nhỏ của tôi."

"Ông muốn tôi rút ra cái gì?"

"Thì, hai cách giải thích của tôi chẳng hạn. Có một câu hỏi thú vị ở đó. Cách nào tỏ ra độ lượng hơn – tin vào cái tốt nhất của con người và buộc họ phải mang vác sự cao thượng mà họ không thể mang nổi – hay nhìn nhận họ như là chính họ, và chấp nhận thế vì nó khiến họ thoải mái? Sự độ lượng quan trọng hơn công lý, tất nhiên rồi."

"Tôi chẳng thèm quan tâm."

"Không thích suy diễn trừu tượng? Chỉ muốn những kết quả cụ thể? Được thôi. Cô đã giành được cho Peter Keating bao nhiêu công trình trong ba tháng vừa qua?"

Cô đứng lên, đi đến cái khay mà người giúp việc đã để lại, rót cho mình một cốc, và nói: "Bốn," rồi nâng cốc lên miệng. Cô quay người để nhìn ông. Cô đứng với chiếc cốc trên tay và nói thêm: "Và đó là kỹ thuật nổi tiếng của Toohey. Không bao giờ ra đòn ở ngay đầu hay cuối bài báo. Phải đột ngột tung đòn ngay vào lúc người ta ít nghi ngờ nhất. Nhét đầy những lời ngớ ngẩn vào cả một cột báo, chỉ để cho vào một dòng quan trọng đó."

Ông cúi người một cách lịch thiệp. "Khá đúng. Đấy là lý do vì sao tôi thích nói chuyện với cô. Thật là phí phạm khi tinh tế hay nanh nọc với những kẻ thậm chí không nhận ra được sự tinh tế hay nanh nọc của ta. Nhưng những lời ngớ ngẩn không bao giờ là tình cờ đâu Dominique ạ. Mà tôi cũng không biết là cái kỹ thuật viết báo của tôi lại đang trở nên rõ ràng. Tôi sẽ phải nghĩ ra một cách mới."

"Đừng bận tâm làm gì. Họ thích nó."

"Tất nhiên. Họ thích bất kỳ thứ gì tôi viết. Như vậy là bốn? Tôi bỏ qua mất một. Tôi đã đếm là ba."

"Tôi không thể hiểu nổi vì sao ông phải đến tận đây nếu đó là tất cả những gì ông muốn biết. Ông rất thích Peter Keating và tôi thì đang giúp anh ta lên như diều, tốt hơn cả những gì ông có thể làm, thế nên nếu ông muốn lên lớp tôi về Petey quý hóa của ông – thì không cần thiết đâu."

"Cô đã sai hai lần trong một câu rồi, Dominique. Một lỗi sai thật và một thì là nói dối. Lỗi sai thật là việc cô cho rằng tôi muốn giúp Petey Keating – và, thật lòng mà nói, tôi có thể giúp anh ta tốt hơn cô nhiều, và tôi đã và sẽ giúp, nhưng đó là dự định lâu dài. Còn lỗi nói dối là việc cô cho rằng tôi đến đây để nói chuyện Peter Keating – cô biết tôi đến đây để nói chuyện gì từ lúc cô thấy tôi bước vào. Và – nhưng mà khoan! – cô sẽ cho phép kể cả một kẻ ghê tởm hơn bản thân tôi được xông đến chỗ cô, chỉ để nói về chủ đề đó. Mặc dù tôi không biết ai có thể đáng ghê tởm đối với cô hơn là bản thân tôi, vào lúc này."

"Peter Keating," cô nói.

Ông nhăn mặt, chun mũi: "Ồ không. Anh ta không xứng tầm. Nhưng hãy nói về Peter Keating. Thật là một sự trùng hợp tiện lợi khi anh ta lại là người cộng tác của cha cô. Cô chỉ đang làm hết sức mình để kiếm các công trình cho cha cô, giống như một cô con gái làm tròn bổn phận – thật không có gì tự nhiên hơn thế. Cô đã làm những điều tuyệt vời cho hãng Francon và Keating trong ba tháng qua. Chỉ bằng cách mỉm cười với vài bà góa giàu có và bằng cách diện những bộ cánh đỏm dáng ở vài ba cuộc gặp mặt thượng lưu. Tôi tự hỏi cô sẽ đạt được gì nếu cô quyết định ngả bài và bán cái thân thể tuyệt mỹ của cô vì những mục đích không liên quan đến thẩm mỹ – để

đổi lấy những công trình cho Peter Keating."

Ông ngừng lại, cô không nói gì cả, và ông nói thêm: "Xin có lời khen ngợi, Dominique ạ, cô thật xứng đáng với những đánh giá cao nhất của tôi về cô – bằng cách không bị sốc trước việc này."

"Ông nói thế nhằm mục đích gì đây, Ellswoth? Để gây sốc hay là để gợi ý?"

"Ồ, có thể là nhiều thứ – một sự thăm dò ban đầu chẳng hạn. Nhưng, thực ra thì, tôi chẳng có mục đích gì cả. Chỉ thử một chút thô tục thôi. Cũng là kỹ thuật của Toohey – cô biết đấy, tôi luôn đề nghị một chút sai lầm vào đúng thời điểm. Về bản chất, tôi là một người Thanh giáo[79] cuồng nhiệt và đơn điệu đến nỗi thỉnh thoảng tôi phải cho phép bản thân mình có một màu sắc khác – để giải tỏa sự đơn điệu."

"Thế sao Ellsworth? Tôi tự hỏi – về bản chất, ông là cái gì. Tôi không biết."

"Tôi dám nói không ai biết cả," ông nói nhẹ nhàng "Mặc dù thật sự, chẳng có gì huyền bí về chuyện đó cả. Nó rất đơn giản. Tất cả mọi thứ đều đơn giản khi ta quy chúng về tới những thứ cơ bản. Người ta sẽ ngạc nhiên nếu biết có thật ít những điều cơ bản. Chỉ có hai thôi – có lẽ thế. Để giải thích tất cả chúng ta. Nhưng chính phần gỡ rối, phần quy về – đấy chính là phần khó – và đó là lý do tại sao người ta chẳng buồn làm. Tôi cũng không nghĩ là họ sẽ thích những kết quả."

"Tôi chả quan tâm. Tôi biết tôi là cái gì. Nói tiếp đi. Tôi chỉ là một con chó cái."[80]

"Đừng tự lừa bản thân mình, cô bạn thân mến ạ. Cô còn tồi hơn một con chó cái. Cô là một vị thánh. Điều đó chỉ ra tại sao các vị thánh lại nguy hiểm và không đáng thèm muốn."

"Còn ông?"

"Thực tế thì tôi biết đích xác tôi là gì. Chỉ riêng cái đó có thể giải thích rất nhiều về tôi. Tôi đang cho cô một gợi ý hữu ích đây – nếu cô buồn dùng nó. Cô không dùng, tất nhiên rồi. Mặc dù cô cũng có thể – trong tương lai."

"Vì sao tôi lại nên chứ?"

"Cô cần tôi Dominique ạ. Cho nên cũng nên hiểu tôi thêm một chút. Cô thấy đấy, tôi không sợ bị hiểu thấu. Bởi cô."

"Tôi cần ông ư?"

"Ồ thôi nào, hãy dũng cảm lên nào."

Cô ngồi dậy và chờ đợi một cách lạnh lùng, lặng lẽ. Ông mỉm cười, rõ ràng là với sự thỏa mãn và không buồn che giấu sự thỏa mãn đó.

"Hãy xem nào," ông nói trong lúc ngắm nghía trần nhà với vẻ lơ đễnh "những công trình mà cô đã kiếm cho Peter Keating. Cái nhà văn phòng Cryon chả có giá trị mấy – đằng nào Howard Roark cũng không bao giờ có cơ hội với nó cả. Nhà Lindsay thì tốt hơn – Roark rõ ràng đã được cân nhắc, tôi nghĩ anh ta hẳn là đã có được nó nếu không có cô. Nhà câu lạc bộ Stonebrook cũng vậy – anh ta đã có một cơ hội với nó, nhưng cô đã phá hoại."

Ông nhìn cô và cười khẽ "Không bình luận về kỹ thuật và việc ra đòn sao Dominique?" Cái cười giống như váng mỡ lạnh nổi trên mặt chất lỏng là giọng nói của ông. "Cô đã bỏ qua cái điền trang Norris – anh ta đã có được nó tuần trước, cô biết đấy. Ồ, cô không thể thành công một trăm phần trăm được. Rốt cuộc thì tòa nhà Enright là một công trình lớn; nó đang tạo nên rất nhiều dư luận, và khá nhiều người đang bắt đầu quan tâm tới ông Howard Roark. Nhưng cô đã làm rất tốt. Tôi xin chúc mừng. Giờ thì chẳng lẽ cô không nghĩ là tôi đang cư xử tốt với cô sao? Mọi nghệ sĩ đều cần được nhìn nhận – thế mà không có ai để khen ngợi cô cả, vì không ai biết cô đang làm gì, nhưng Roark và tôi thì có, mà anh ta thì sẽ không cảm ơn cô. Nhưng mà khoan, tôi không nghĩ Roark biết cô đang làm gì, và cái đó làm hỏng cả trò vui, đúng không?"

Cô hỏi: "Làm sao ông biết tôi đang làm gì?" – giọng cô mệt mỏi.

"Bạn thân mến, chắc chắn cô chưa quên là chính tôi là người cung cấp cho cô ý tưởng đầu tiên?"

"À phải," cô nói thờ ơ. "Phải."

"Và giờ thì cô biết tại sao tôi đã đến đây rồi đấy. Giờ thì cô biết ý tôi là gì khi tôi nói về phía đồng minh rồi đấy."

"Phải" cô nói. "Tất nhiên rồi."

"Đây là một thỏa thuận, bạn thân mến ạ. Một liên minh. Những người đồng minh không bao giờ tin tưởng nhau, nhưng điều đó chẳng phá hoại hiệu quả công việc của họ. Động cơ của chúng ta có thể khá đối lập. Thực tế, chúng đối lập thật. Nhưng chẳng sao cả. Kết quả sẽ vẫn thế. Không cần phải có một mục đích chung cao cả. Chỉ cần có một kẻ thù chung. Chúng ta thì có."

"Phải."

"Đó là lý do cô cần tôi. Tôi đã từng có ích cho cô."

"Phải."

“Tôi có thể làm tổn thương anh Roark của cô nhiều hơn bất kỳ bữa tiệc trà nào cô có thể làm.”

“Để làm gì?”

“Bỏ những cái để-làm-gì đi. Tôi không hỏi những cái đó của cô.”

“Được thôi.”

“Vậy thì cái đó được ngầm hiểu giữa chúng ta chứ? Chúng ta là đồng minh trong vấn đề này?”

Cô nhìn ông, cô khom người về phía trước, chăm chú, khuôn mặt cô trống rỗng. Rồi cô nói: “Chúng ta là đồng minh.”

“Tốt, bạn thân mến ạ. Giờ thì cô nghe này. Đừng có nhắc đến tên anh ta trong cột báo của cô vài ngày một lần như thế. Tôi biết, mỗi lần như thế cô đều đưa ra những lời châm chọc hằn học với anh ta, nhưng như thế là quá nhiều. Cô đang làm cho anh ta trở nên nổi tiếng, và cô thì không muốn thế đâu. Hơn nữa, cô nên mời tôi đến những bữa tiệc của cô. Có những thứ tôi có thể làm mà cô lại không thể. Một gợi ý khác: ông Gilbert Colton – cô biết đấy, nhà Colton sản xuất đồ gốm ở California ấy – đang lên kế hoạch xây dựng một nhà máy chi nhánh ở phía đông. Ông ấy đang nghĩ đến một kiến trúc sư hiện đại. Thực tế ông ta đang nghĩ đến Roark. Đừng để Roark nhận được nó. Đó là một công trình rất lớn – sẽ có rất nhiều quảng cáo. Hãy đi và nghĩ ra một kiểu tiệc trà hay bánh kẹp gì đó cho bà Colton. Làm bất kỳ thứ gì cô muốn. Nhưng đừng để Roark có được nó.”

Cô đứng dậy, lê hai bàn chân tới một cái bàn, đôi cánh tay cô vung vẩy lỏng lẻo, và lấy một điếu thuốc lá. Cô châm thuốc, quay sang phía ông, và nói lạnh lùng:

“Ông có thể nói chuyện ngắn gọn và đi thẳng vào vấn đề – khi ông muốn thế.”

“Khi tôi thấy cần.”

Cô đứng ở cửa sổ, nhìn ra ngoài thành phố. Cô nói:

“Ông chưa bao giờ thực sự làm điều gì chống lại Roark. Tôi không biết là ông quan tâm nhiều đến thế.”

“Ôi trời. Tôi chưa sao?”

“Ông chưa bao giờ đề cập đến anh ta trên báo cả.”

“Đó, bạn thân mến ạ, chính là cái mà tôi đã làm để chống lại Roark đấy. Cho đến nay.”

“Ông nghe đến anh ta lần đầu tiên khi nào?”

“Khi tôi nhìn thấy các bản vẽ ngôi nhà Heller. Cô đã không nghĩ tôi lại bỏ qua nó đúng không? Còn cô?”

“Khi tôi nhìn thấy các bản vẽ của tòa nhà Enright.”

“Không phải trước đó?”

“Không phải trước đó.”

Cô hút thuốc lặng lẽ; rồi cô nói, không quay sang ông ta:

“Ellsworth, nếu một trong chúng ta nhắc lại những gì chúng ta đã nói ở đây hôm nay, người kia sẽ phủ nhận và sẽ chẳng ai có thể chứng minh được. Vì thế chẳng sao cả nếu chúng ta nói thẳng với nhau, đúng không? Mọi việc khá an toàn, đúng không? Vì sao ông lại căm ghét anh ta?”

“Tôi chưa bao giờ nói tôi căm ghét anh ta.”

Cô nhún vai.

“Về những chuyện khác,” ông nói thêm, “tôi nghĩ cô có thể tự mình trả lời điều đó.”

Cô chậm rãi gật đầu, mắt nhìn vào cái điểm sáng nhỏ phản chiếu đầu điếu thuốc của cô trên mặt kính.

Ông đứng dậy, đi về phía cô, và đứng nhìn những ngọn đèn thành phố phía bên dưới họ, nhìn những hình khối của các tòa nhà, vào những bức tường tối bị lu mờ đi bởi sự lấp lánh của những cửa sổ, như thể những bức tường chỉ là một tấm mạng ô vuông làm bằng sa đen mỏng trên một khối ánh sáng rắn chắc vậy. Và Ellsworth Toohey khẽ nói:

“Hãy nhìn xem. Một thành tựu tuyệt vời phải không? Một thành tựu anh hùng. Hãy nghĩ đến hàng ngàn người đã làm việc để tạo nên cái này và đến hàng triệu người hưởng lợi từ nó. Và người ta nói là nếu không có tinh thần của một vài cá thể, ở chỗ này chỗ khác trong lịch sử con người, nếu không có một vài cá thể đó – có lẽ còn ít hơn – thì những thứ này không thể trở thành hiện thực. Điều đó có thể là đúng. Nếu thế, sẽ có hai thái độ để thể hiện. Chúng ta có thể nói những cá thể này là những nhà hảo tâm vĩ đại, rằng chúng ta được nuôi sống bởi sự giàu có tinh thần đến thừa mứa của họ, và rằng chúng ta vui mừng đón nhận trong sự biết ơn và tình anh em. Hoặc chúng ta có thể nói rằng bằng những thành tựu huy hoàng của họ – và chúng ta chẳng bao giờ có thể đạt tới hay nắm được chúng – những cá thể này đã chỉ cho chúng ta thấy chúng ta là gì, rằng chúng ta không muốn những món quà miễn phí do sự hảo tâm của họ ban phát, rằng một cái hang bên một đầm lầy đầy bùn và một ngọn lửa tạo ra bằng cách chà các cành cây vào nhau còn thích hơn là các tòa nhà trọc trời và đèn nê-ông – nếu cái hang và những cành cây là giới hạn khả năng sáng tạo của chính chúng ta. Trong hai thái độ

đó, Dominique, cô cho thái độ nào thực sự là thái độ vị nhân sinh? Vì, cô thấy đấy, tôi là một người vị nhân sinh."[81]

*

* *

Sau một thời gian, Dominique thấy việc hòa hợp với mọi người trở nên dễ dàng hơn. Cô học cách chấp nhận sự tự tra tấn như một bài kiểm tra khả năng chịu đựng – cô tò mò muốn khám phá ra cô có thể chịu đựng được bao nhiêu. Cô di chuyển trong các buổi tiếp tân trang trọng, các bữa tiệc khai mạc nhạc kịch, các bữa tối, các dạ vũ – duyên dáng và luôn mỉm cười, một nụ cười khiến khuôn mặt cô sáng hơn và lạnh hơn, như mặt trời trong một ngày mùa đông. Cô lắng nghe một cách trống rỗng những lời trống rỗng mà người nói thốt ra như thể họ sẽ bị xúc phạm nếu như người đối thoại tỏ ra bất kỳ biểu hiện quan tâm nào, như thể sự buồn tẻ là thứ duy nhất có thể kết nối con người, là chất bảo quản duy nhất cho cái không khí trang trọng bấp bênh giữa họ. Cô gật đầu với mọi thứ và chấp nhận mọi thứ.

"Vâng, thưa ông Holt, tôi nghĩ Peter Keating là người đàn ông của thế kỷ này – thế kỷ của chúng ta."

"Không, thưa ông Inskip, không phải Howard Roark, ông không muốn Howard Roark đâu... Một kẻ giả dối? Tất nhiên rồi, anh ta là một kẻ giả dối – cần phải có sự trung thực nhạy cảm mới có thể đánh giá được sự chính trực của một người... Không có gì nhiều sao? Không, thưa ông Inskip, tất nhiên rồi, Howard Roark chẳng là gì cả. Tất cả chỉ là một vấn đề của kích thước và khoảng cách – và khoảng cách... Không, tôi không hay nghĩ, ông Inskip ạ – tôi mừng là ông thích đôi mắt tôi – vâng, chúng luôn trông như thế khi tôi đang thấy vui vẻ – và tôi rất vui khi nghe ông nói là Howard Roark chẳng là gì."

"Bà đã gặp Roark sao bà Jones? Và bà không thích anh ta?... Ồ, anh ta là loại người mà người ta không thể nảy sinh lòng trắc ẩn được sao? Quả là đúng làm sao. Lòng trắc ẩn là một điều tuyệt vời. Đó là điều người ta cảm nhận thấy khi người ta nhìn một con sâu bị nghiền nát. Một kinh nghiệm thăng hoa. Người ta có thể thả lỏng bản thân mình đi và trải lòng mình ra – bà biết đấy, như là cởi một chiếc thắt lưng ra vậy. Người ta không phải gồng dạ dày, trái tim hay tinh thần của mình lên – khi người ta cảm thấy lòng trắc ẩn. Tất cả những gì người ta phải làm là nhìn xuống. Như thế dễ hơn nhiều. Khi nhìn lên, người ta bị đau cổ. Lòng trắc ẩn là đức tính vĩ đại nhất. Nó biện minh cho sự chịu đựng. Phải có sự chịu đựng trên thế giới, nếu không làm sao chúng ta lại có thể cảm thấy tiết hạnh và lòng trắc ẩn được?... Ồ, dĩ nhiên là có một phản đề cho điều này – nhưng đấy thật là một phản đề khó

khăn và khắt khe... Sự ngưỡng mộ, bà Jones ạ, sự ngưỡng mộ. Nhưng để có được sự ngưỡng mộ thì cần không chỉ một cái thắt lưng... Vì thế nên tôi nói rằng bất kỳ ai không thể khiến ta cảm thấy thương cảm thì người đó là một kẻ đồi bại. Như Howard Roark."

Vào buổi đêm, cô thường đến phòng Roark. Cô đến mà không báo trước, biết chắn sẽ thấy anh ở đó, và một mình. Trong căn phòng của anh, không cần phải kiềm chế, nói dối, đồng tình hay tẩy rửa bản thân cô khỏi sự tồn tại. Ở đây cô được tự do chống đối, nhìn thấy sự chống đối của mình được chào đón bởi một đối thủ quá mạnh đến nỗi không thèm sợ sự đọ sức, thậm chí đủ mạnh để cần sự đọ sức; ở đây, cô tìm thấy một ý chí mà qua nó cô thấy sự tồn tại của bản thân mình được thừa nhận, một cách toàn vẹn và không thể bị sứt mẻ, ngoại trừ trong một trận chiến sạch sẽ mà dù thắng hay bại thì sự tồn tại ấy vẫn được bảo toàn nguyên vẹn chứ không phải bị nghiền nát thành những hạt bụi vô nhân dạng.

Khi họ cùng nhau nằm trên giường, đó là – như nó phải thế, như bản chất của hành động này đòi hỏi phải thế – một hành động bạo lực. Đó là sự đầu hàng – càng trở nên trọn vẹn bởi vì họ đã chống đối nó. Đó là một hành động chứa đầy căng thẳng, giống như những điều vĩ đại trên trái đất đều là những điều chứa đầy căng thẳng. Nó căng thẳng như điện – thứ năng lượng tạo ra do sự đối nghịch – chạy trên các dây dẫn kim loại được kéo căng; nó căng thẳng như như dòng nước được biến thành năng lượng khi bị một con đập chặn đứng lại. Sự đụng chạm của làn da anh lên làn da cô không phải là một sự vuốt ve mà là một làn sóng của sự đau đớn, nó trở thành nỗi đau đớn bởi nó được mong muốn quá nhiều, bởi nó giải tỏa trọn vẹn tất cả những giờ phút của khao khát và kìm nén trước đó. Đó là một hành động bao hàm cả những hàm răng nghiến chặt và của sự căm thù; đó là cái không thể chịu đựng được; đó là sự đau đớn cùng cực; đó là một hành động của niềm say mê – từ này sinh ra với hàm ý chịu đựng – đó là khoảnh khắc được tạo nên bởi sự căm thù, căng thẳng, đau đớn – khoảnh khắc phá tan chính những yếu tố bên trong nó, đảo lộn chúng, chiến thắng chúng và quét chúng vào một chỗ mà sự chịu đựng bị phủ nhận, vào cái đối lập, vào sự thăng hoa.

Cô đến phòng anh sau một bữa tiệc, mặc một chiếc váy dài buổi tối đắt tiền và mong manh như một lớp đá băng mỏng tang trám trên cơ thể cô – và cô dựa vào tường, cảm thấy lớp vữa sần dưới làn da mình, chậm rãi liếc nhìn mọi vật xung quanh cô, nhìn chiếc bàn bếp đầy những tấm giấy, nhìn những chiếc thước bằng thép, những chiếc khăn tắm bị lấm bẩn bởi những vết đen của năm ngón tay, nhìn những tấm ván trần trụi của sàn nhà – và cô để cho cái liếc nhìn của mình trượt dọc chiều dài lượt vải satanh đang tỏa sáng trên người cô, xuống cái hình tam giác nhỏ nhắn trên chiếc xăng-đan màu bạc, và cô nghĩ cô sẽ bị lột trần ra ở đây như thế nào. Cô thích đi loanh quanh trong

căn phòng, ném những chiếc găng tay xuống giữa một đống bút chì, tẩy cao su và báo chí, để chiếc túi màu bạc nhỏ của cô lên một chiếc áo sơ mi bẩn đã bị bỏ đi, mở chốt cái vòng tay bằng kim cương đánh tách một cái và thả nó rơi xuống một chiếc đĩa đựng một mẩu bánh mì kẹp còn thừa, cạnh một bản vẽ dang dở.

"Roark," cô nói, đứng đằng sau ghế của anh, hai cánh tay cô quàng quanh vai anh, bàn tay cô dưới áo sơ mi của anh, những ngón tay xòe rộng và áp lên ngực anh, "hôm nay em đã làm cho ông Symons phải hứa là giao công trình của ông ta cho Peter Keating. Ba mươi lăm tầng, và bất kỳ thứ gì anh ta muốn mà phải tiêu tốn tiền, tiền không phải là mục tiêu, chỉ nghệ thuật mà thôi, nghệ thuật tự do."

Cô nghe thấy tiếng cười khẽ của anh, nhưng anh không quay sang để nhìn cô, chỉ có những ngón tay anh khép trên cổ tay cô và anh ấn bàn tay cô sâu hơn xuống dưới áo anh, áp mạnh nó lên da anh. Rồi cô kéo đầu anh ra sau, và cô cúi xuống để gắn miệng cô lên miệng anh.

Cô bước vào và thấy một bản của tờ *Ngọn cờ* trải trên bàn anh và được mở ở trang có mục *Ngôi nhà của bạn* do Dominique Francon viết. Cột báo của cô có dòng chữ: "Howard Roark là Hầu tước vùng Sade[82] của ngành kiến trúc. Anh ta phải lòng các tòa nhà – và nhìn chúng mà xem." Cô biết là anh không thích tờ *Ngọn cờ*, rằng anh để nó ở đó chỉ vì cô, rằng anh quan sát cô nhận ra nó, với nụ cười nửa chừng mà cô sợ phải nhìn thấy trên mặt anh. Cô tức giận; cô muốn anh đọc mọi thứ cô viết, nhưng cô thích được nghĩ rằng những gì cô viết làm anh bị tổn thương đến mức anh tránh đọc nó. Sau đó, trong lúc nằm vắt ngang giường, với miệng anh trên ngực cô, cô nhìn qua mớ tóc rối bù màu cam trên đầu anh, vào trang giấy đó của tờ báo trên bàn, và anh cảm thấy người cô run lên vì khoái cảm.

Cô ngồi trên sàn nhà, ngay chỗ bàn chân anh, đầu cô áp vào đầu gối anh, cầm tay anh, lần lượt khép nắm tay mình quanh mỗi ngón tay anh, xiết chặt rồi để nó từ từ trượt theo chiều dài của ngón tay anh, cảm nhận những chỗ xương cứng ở các khớp ngón tay, và cô khẽ hỏi: "Roark, anh muốn có cái nhà máy của Colton, đúng không? Anh rất muốn nó phải không?"

"Phải, rất muốn," anh trả lời, không cười và không đau đớn. Rồi cô nâng bàn tay anh lên môi cô và giữ nó ở đó một lúc lâu.

Cô ra khỏi giường trong bóng tối, và trần truồng đi ngang qua phòng anh để lấy một điếu thuốc lá từ trên bàn. Cô cúi xuống ánh lửa diêm, chiếc bụng phẳng của cô hơi cong lại trong giây lát đó. Anh nói: "Châm cho anh một điếu," và cô đặt một điếu thuốc giữa hai môi anh; rồi cô đi vơ vẩn trong căn phòng tối, hút thuốc, trong khi anh nằm trên giường, chống người trên khuỷu

tay, quan sát cô.

Một lần cô bước vào và thấy anh đang làm việc ở bàn. Anh nói: "Anh phải hoàn thành cái này. Em ngồi đi. Đợi anh." Anh không nhìn cô lần nào nữa. Cô lặng lẽ chờ đợi, thu người trong một chiếc ghế ở góc xa nhất của căn phòng. Cô quan sát những đường thẳng của đôi lông mày anh cau lại vì sự tập trung; cô quan sát khuôn miệng anh, những mạch máu đang đập dưới làn da căng ở cổ anh, sự chắc chắn sắc nét của bàn tay anh. Anh trông không giống một nghệ sĩ, anh giống như một công nhân mỏ đá, như một người dỡ nhà đang kéo đổ những bức tường, và như một nhà sư. Lúc ấy cô không muốn anh dừng lại hay liếc nhìn cô, vì cô muốn quan sát sự thuần khiết khổ hạnh của con người anh, sự thiếu vắng của tất cả cảm giác nhục dục; cô quan sát điều đó – và nghĩ đến những gì mà cô vẫn nhớ.

Có những đêm anh đến căn hộ của cô, như cô đến căn hộ của anh – không hề báo trước. Nếu cô có khách, anh nói: "Dẹp họ đi." và đi vào phòng ngủ trong lúc cô làm theo lời anh. Họ có một thỏa thuận ngầm, được hiểu mà không cần đề cập đến, là không bao giờ để bị trông thấy cùng nhau. Phòng ngủ của cô là một nơi trang nhã gồm toàn kính và một màu xanh của đá băng. Anh thích đến đó, vẫn mặc những quần áo đầy vết bẩn sau một ngày trên công trường xây dựng. Anh thích ném những tấm phủ giường của cô xuống cuối giường, rồi ngồi nói chuyện lặng lẽ trong một hay hai giờ, không nhìn vào chiếc giường, không đề cập đến bài viết của cô hay các tòa nhà hay công trình mới nhất cô đã kiếm cho Peter Keating. Sự thoải mái hoàn toàn của hai người, ở đây, như thế này, khiến cho những giờ ấy trở nên đầy lạc thú, hơn là những giây phút mà họ đang trì hoãn.

Có những buổi tối khi họ ngồi cùng nhau trong phòng khách của cô, ở chỗ cửa sổ lớn, cao phía trên thành phố. Cô thích nhìn thấy anh ở cái cửa sổ đó. Anh thường đứng, nửa quay về phía cô, hút thuốc, ngắm thành phố bên dưới. Cô thường bước ra xa khỏi anh để ngồi xuống trên sàn nhà, ngay giữa phòng và nhìn anh.

Một lần, khi anh ra khỏi giường, cô bật đèn lên và nhìn thấy anh đang đứng đó, trần truồng; cô ngắm nhìn anh, rồi cô nói, giọng cô khẽ và tuyệt vọng – một sự tuyệt vọng hoàn toàn chân thành.

"Roark, tất cả những gì em đã làm cả đời em chính là vì cái thế giới đã khiến anh phải làm việc ở một mỏ đá như mùa hè năm trước."

"Anh biết điều đó."

Anh ngồi xuống phía chân giường. Cô dịch sang, áp khuôn mặt mình lên đùi anh, cuộn người lại, hai bàn chân đặt lên chiếc gối, cánh tay cô buông thõng xuống, để lòng bàn tay cô di chuyển chầm chậm dọc chiều dài chân

anh, từ cổ chân tới đầu gối và lại trở lại. Cô nói: "Nhưng tất nhiên, nếu điều đó phụ thuộc vào em, thì mùa xuân năm ngoái, khi anh không một xu dính túi và thất nghiệp, em cũng sẽ gửi anh tới làm đúng việc đó ở đúng cái mỏ đá đó."

"Anh cũng biết điều đó. Nhưng có thể em sẽ không làm thế đâu. Có thể em sẽ biến anh thành người phục vụ phòng rửa mặt trong câu lạc bộ của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ."

"Vâng. Có thể. Đặt tay anh lên lưng em đi, Roark. Cứ để nó đấy. Như thế."

Cô nằm im, mặt vùi vào đầu gối anh, cánh tay cô buông xuống bên giường, bất động, như thể không có gì trong cô còn sống, ngoại trừ phần da giữa hai bả vai cô, dưới bàn tay anh.

Trong những phòng khách mà cô đến thăm, trong các nhà hàng, trong các văn phòng của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ, người ta bàn tán về việc cô Dominique Francon của tờ *Ngọn cờ* không ưa gì Howard Roark, cái tay kiến trúc sư đồng bóng của Roger Enright. Chuyện này mang lại cho anh một kiểu nổi tiếng bất đắc dĩ. Người ta nói "Roark hả? Anh biết đấy, cái gã mà Dominique Francon ghét cay ghét đắng." "Tiểu thư nhà Francon biết rõ về kiến trúc, và nếu cô ấy nói anh ta không ra gì thì tức là anh ta còn tệ hơn nhiều so với những gì tôi nghĩ." "Chúa ơi, nhưng hai người đó hẳn là căm ghét nhau lắm! Mặc dù tôi biết là họ thậm chí chưa gặp mặt nhau kia." Cô thích nghe thấy những điều đó. Cô thấy hài lòng khi Athelstan Beasely, trong bài báo của anh ta đăng trên *Bản tin A.G.A.* đã bàn về kiến trúc của những tòa lâu đài thời Trung cổ như sau: "Để hiểu được cái đáng sợ của những công trình kiến trúc này chúng ta phải nhớ rằng những cuộc chiến giữa các lãnh chúa phong kiến là rất khốc liệt – nó cũng giống như là mối cừu hận giữa cô Dominique Francon và ông Howard Roark."

Austen Heller, người đã từng là bạn cô, đã nói chuyện với cô. Cô chưa từng thấy ông tức giận như thế bao giờ; khuôn mặt ông mất hẳn tất cả vẻ duyên dáng mà sự bình thản mai mỉa thường trực mang lại.

"Cô nghĩ cô đang làm cái quái gì thế hả Dominique?" ông rít lên. "Đây là sự phô bày kinh tởm nhất cho cái thói côn đồ báo chí mà tôi từng thấy trên các thể loại truyền thông. Sao cô không để cái trò đó cho Ellsworth Toohey?"

"Ellsworth rất tuyệt, đúng không?" cô nói.

"Chí ít lão ta cũng đủ lịch sự để giữ cho cái mõm bẩn thỉu của lão không nói động đến Roark – mặc dù, tất nhiên, như thế cũng đã là một sự bẩn thỉu rồi. Nhưng mà chuyện gì đã xảy ra với cô vậy? Cô có nhận ra mình đang nói

về ai và về cái gì không đấy? Cũng còn chấp nhận được khi cô tự giải trí bằng cách ca tụng cái công trình rơi vãi nào đó của lão già Holcombe hoặc tụt quần chính cha cô cùng với cái thằng nhóc đỏm dáng như giai chụp ảnh lịch mà ông ta lấy làm cộng sự. Đằng nào thì mấy chuyện đó cũng chẳng ý nghĩa gì. Nhưng cô mang cái lối ấy ra để đánh giá một người như Roark... Cô biết không, tôi thực sự đã nghĩ là cô có sự chính trực và óc xét đoán – nếu như người ta cho cô một cơ hội để thể hiện chúng. Thực tế tôi đã từng nghĩ cô cư xử như một con chó động đực là để làm nổi rõ sự tầm thường của những kẻ ngu dốt mà cô cứ phải viết về các tác phẩm của chúng. Tôi đã không nghĩ rằng thực ra cô chỉ là một con chó cái vô trách nhiệm."

"Thế thì ông đã nhầm." cô nói.

Roger Enright bước vào văn phòng của cô một buổi sáng, và nói mà không hề chào hỏi:

"Lấy mũ của cô đi. Cô sẽ đi xem nó với tôi."

"Chào Roger." cô nói. "Xem cái gì cơ?"

"Tòa nhà Enright. Xem những gì đã được xây đến giờ."

"Ồ, tất nhiên rồi Roger," cô mỉm cười, đứng dậy, "tôi rất muốn xem tòa nhà Enright."

Trên đường đi cô hỏi: "Có chuyện gì thế Roger? Định hối lộ tôi?"

Ông ngồi cứng nhắc trên những tấm nệm lớn màu xám trong chiếc xe Limousine của mình, không nhìn cô. Ông trả lời: "Tôi có thể hiểu được sự độc ác do ngu ngốc. Tôi có thể hiểu sự độc ác do dốt nát. Tôi không thể hiểu được sự đồi bại có chủ tâm. Dĩ nhiên cô được tự do viết bất kỳ thứ gì cô muốn. Nhưng đó sẽ không phải là do ngu ngốc và đó sẽ không phải là do dốt nát."

"Ông đánh giá tôi quá cao đấy Roger ạ," cô nhún vai, và chẳng nói gì nữa trong phần còn lại của chuyến đi.

Họ cùng đi bộ qua cái hàng rào gỗ, vào khu rừng của thép trần và các tấm ván sắp trở thành tòa nhà Enright. Những gót giày cao của cô bước nhẹ nhàng trên các tấm ván bắn đầy vôi và cô bước đi, người ngửa ra sau, trong một sự tao nhã vô tư lự, đầy ngạo mạn. Cô dừng lại và ngắm nhìn bầu trời đóng trong một khung thép, bầu trời dường như xa hơn thường lệ, bị đẩy về phía sau bởi chiều dài cực lớn của các thanh xà. Cô ngắm những cái cốt thép sắp được dựng lên trong tương lai, ngắm những góc cạnh ngạo mạn, ngắm sự phức tạp đến khó tin của cái hình khối này, cái hình khối sắp được sinh ra với tư cách một chỉnh thể đơn giản, lô-gic, một bộ khung trần trụi với những mặt phẳng không khí tạo nên các bức tường, một bộ khung trần trụi trong

một ngày mùa đông lạnh lẽo, với một cảm giác về sự sinh sôi và hứa hẹn, giống như một cái cây trơ trụi chỉ có một đốm nhỏ màu xanh.

"Ôi, Roger!"

Ông nhìn cô và thấy nét mặt mà người ta thấy trong các nhà thờ vào ngày lễ Phục sinh.

"Tôi không đánh giá thấp cả hai," ông nói khô khan. "Cả cô lẫn tòa nhà."

"Xin chào," một giọng trầm, mạnh mẽ vang lên bên cạnh họ.

Cô không bị sốc khi nhìn thấy Roark. Cô đã không nghe thấy anh đến gần, nhưng thật không bình thường nếu nghĩ đến tòa nhà này mà không nghĩ đến anh. Cô cảm thấy đơn giản là anh đang ở kia, rằng anh đã ở đó từ cái giây phút cô băng qua hàng rào phía ngoài, rằng cái cấu trúc này là anh, theo một cách riêng tư hơn cả cơ thể anh. Anh đứng trước mặt họ, bàn tay anh thọc vào túi một chiếc áo khoác rộng, đầu không đội mũ trong giá lạnh.

"Đây là cô Francon – đây là anh Roark," Enright nói.

"Chúng tôi đã gặp nhau một lần rồi," cô nói, "ở nhà Holcombe. Nếu anh Roark còn nhớ."

"Tất nhiên rồi, cô Francon," Roark nói.

"Tôi muốn cô Francon nhìn thấy nó," Enright nói.

"Tôi dẫn hai người đi xem được chứ?" Roark hỏi Enright.

"Vâng, xin mời." Dominique cướp lời.

Ba người cùng đi bộ qua công trình, và các công nhân chằm chằm nhìn Dominique một cách tò mò. Roark giải thích cách bố trí những căn phòng trong tương lai, hệ thống các thang máy, thiết bị sưởi, cách bố trí các cửa sổ – giống như anh giải thích cho một trợ lý của nhà thầu vậy. Cô đặt ra các câu hỏi còn anh trả lời.

"Không gian bao nhiêu mét khối, anh Roark?"

"Bao nhiêu tấn thép?"

"Cẩn thận những cái ống này đấy cô Francon. Bước theo lối này này."

Enright bước theo, mắt ông nhìn xuống mặt đất, chẳng quan sát gì cả. Nhưng rồi ông hỏi: "Thế nào rồi Howard?" và Roark mỉm cười, trả lời: "Trước kế hoạch hai ngày," và họ đứng trò chuyện về công việc, như những người anh em, quên mất cô trong một lát, những tiếng rền vang của máy móc xung quanh át cả những lời họ nói.

Cô nghĩ, khi đang đứng ở chính giữa tòa nhà, rằng nếu cô chẳng có gì của

anh, chẳng có gì ngoại trừ cơ thể anh, thì phần còn lại của anh ở chính đây, mở toang cho cô nhìn và chạm vào, mở toang cho tất cả những người khác nữa – những xà nhà, những đường cáp và những khoảng không gian rộng lớn là của anh và không thể là của ai khác trên thế giới này; của anh, như khuôn mặt anh, như tâm hồn anh; đây chính là cái hình khối anh đã tạo ra và là cái tồn tại trong con người anh – cái khiến anh có khả năng tạo nên hình khối này, đây là nguyên nhân và kết quả cùng tồn tại trong một thực thể, là cái động lực sinh sôi tiềm ẩn trong mỗi thanh thép; đây là cái tôi của một con người, là cái tôi của cô vào khoảnh khắc này – của cô vì cô đã nhìn thấy nó và hiểu nó.

"Cô mệt à, cô Francon?" Roark hỏi, nhìn vào mặt cô.

"Không," cô nói, "không, không mệt chút nào. Tôi đang nghĩ – anh định dùng loại thiết bị nước nào ở đây vậy anh Roark?"

Vài ngày sau, trong phòng anh, ngồi trên mép chiếc bàn vẽ của anh, cô nhìn vào một tờ báo, vào cột báo của cô và những dòng chữ: "Tôi đã đến thăm địa điểm xây dựng tòa nhà Enright. Tôi ước gì một cuộc oanh tạc nào đó trong tương lai sẽ thả một quả bom làm nổ tung tòa nhà này, để nó biến mất khỏi mặt đất. Đó sẽ là một kết cục xứng đáng. Như thế sẽ tốt hơn nhiều so với việc phải thấy nó trở nên cũ kỹ và bám đầy bồ hóng, xuống cấp cùng những bức ảnh gia đình, những chiếc tất bẩn, những hộp pha cốc-tai và vỏ bưởi của những người sống trong tòa nhà đó. Không nên cho phép bất cứ một ai ở thành phố New York sống trong tòa nhà này."

Roark đến đứng bên cạnh cô, đôi chân anh áp vào đầu gối cô, và anh cúi nhìn tờ báo, mỉm cười.

"Em làm cho Roger hoàn toàn hoang mang vì bài báo này," anh nói.

"Ông ấy đã đọc nó rồi à?"

"Anh ở văn phòng ông ấy sáng nay khi ông ấy đọc nó. Đầu tiên, ông ấy gọi em bằng những cái tên anh chưa từng nghe thấy. Rồi ông ấy nói, khoan đã, và đọc lại nó, ông ấy nhìn lên, rất hoang mang nhưng không tức giận chút nào, và ông ấy nói nếu đọc nó theo một cách... nhưng nếu đọc theo cách khác..."

"Thế anh đã nói gì?"

"Chẳng gì cả. Em biết đấy, Dominique, anh rất cảm ơn, nhưng đến khi nào em mới thôi dành cho anh những mỹ từ to lớn như thế? Một ai đó có thể phát hiện ra. Và em sẽ không thích thế đâu."

"Một ai đó?"

"Em biết là anh đã hiểu, từ bài báo đầu tiên của em về tòa nhà Enright.

Em đã muốn anh nhận ra những gì em viết. Chả lẽ em không nghĩ là có ai đó khác cũng có thể hiểu được cách làm của em à?"

"Vâng. Nhưng mà nếu họ hiểu thì hậu quả với anh sẽ tồi tệ hơn nhiều. Nếu họ hiểu, họ sẽ căm ghét anh hơn. Tuy nhiên em không biết ai là người để tâm đến chuyện này. Trừ khi đó là... Roark, anh nghĩ gì về Ellsworth Toohey?"

"Vì Chúa, tại sao lại phải nghĩ về Ellsworth Toohey?"

Cô thích những dịp hiếm hoi khi cô gặp Roark tại một bữa tiệc mà Heller hoặc Enright đưa anh tới. Cô thích cái tiếng "Cô Francon" lịch sự, lạnh lùng mà giọng anh phát ra. Cô thích thú khi thấy các chủ nhà tỏ ra hết sức lo lắng và cố gắng để cho hai người không chạm mặt nhau. Cô biết tất cả mọi người xung quanh họ đều mong đợi một trận chiến, một biểu hiện thù địch khó coi nào đó nhưng nó chẳng bao giờ tới. Cô không tìm kiếm Roark và cũng không tránh mặt anh. Họ nói chuyện với nhau nếu họ tình cờ bị đưa vào cùng một nhóm, giống như họ nói chuyện với bất kỳ ai khác. Việc đó chẳng đòi hỏi cố gắng nào cả; nó rất thực và phải phép, nó khiến mọi thứ trở nên phải phép, thậm chí cả bữa tiệc này. Cô tìm thấy một ý nghĩa sâu xa của sự hòa hợp chính nhờ vào cái thực tại là ở đây, giữa mọi người, họ được coi là những người xa lạ – xa lạ và thù địch. Cô nghĩ, những người này có thể suy đoán rất nhiều về quan hệ giữa anh và cô – ngoại trừ quan hệ thực giữa anh và cô. Nó khiến cho những giây phút giữa hai người trở nên to lớn hơn – những giây phút không bị chạm vào bởi cái nhìn của những kẻ khác, bởi lời nói của những kẻ khác, thậm chí không cả bởi sự suy đoán của họ. Cô nghĩ, cái đó không tồn tại ở đây, ngoại trừ tồn tại trong cô và trong anh. Cô cảm thấy một cảm giác chiếm hữu mà cô không thể cảm nhận ở bất kỳ nơi nào khác. Cô không bao giờ có thể sở hữu anh như cô sở hữu anh trong một căn phòng giữa những người lạ mặt, khi mà cô hiếm khi nào nhìn về hướng của anh.

Nếu cô liếc nhìn anh ngang qua căn phòng và thấy anh trò chuyện với những khuôn mặt thờ ơ, trống rỗng, cô quay đi, không quan tâm; nếu những khuôn mặt đó thù nghịch, cô quan sát một giây, hài lòng; cô tức giận khi cô thấy một nụ cười, một dấu hiệu của sự yêu mến hay đồng tình trên một gương mặt đang hướng về phía anh. Đó không phải là sự ghen tuông; cô không quan tâm liệu gương mặt đó là một người đàn ông hay một người đàn bà; cô tức giận vì sự đồng tình kia ám chỉ sự chia sẻ.

Cô bị hành hạ bởi những thứ vụn vặt: bởi con phố nơi anh sống, bởi bậc cửa nhà anh, bởi những chiếc xe hơi rẽ vào góc phố anh ở. Cô đặc biệt phẫn nộ với những chiếc xe hơi; cô ước gì cô có thể khiến chúng lái tiếp tới khu phố tiếp theo. Cô nhìn cái thùng rác trên bậc cửa nhà bên, và tự hỏi liệu nó

có đứng đó khi anh đi qua, trên đường đến văn phòng vào sáng nay hay không, liệu anh có nhìn cái hộp thuốc lá nhàu nhĩ bên trên nó không.

Một lần, trong hành lang nhà anh, cô nhìn thấy một người đàn ông bước ra khỏi chiếc thang máy, cô bị sốc một giây; cô đã luôn cảm thấy như thể anh là cư dân duy nhất của ngôi nhà đó. Khi cô đi lên trong chiếc thang máy nhỏ tự động, cô đứng dựa vào tường, hai tay bắt chéo qua ngực, hai bàn tay ôm lấy hai vai, cảm thấy co ro và riêng tư như trong một căn buồng dưới một chiếc vòi hoa sen nước ấm vậy.

Cô nghĩ về điều đó trong lúc một quý ông nào đó đang kể cho cô về buổi trình diễn mới nhất ở rạp Broadway, trong khi Roark đang nhấm nháp một ly cốc-tai ở đầu kia của căn phòng, trong khi cô nghe thấy bà chủ nhà thì thầm với một ai đó rằng: "Lạy Chúa tôi, tôi không nghĩ là Gordon sẽ đưa Dominique đến – tôi biết Austen sẽ rất giận tôi, bởi vì cậu Roark bạn ông ta cũng ở đây, anh biết đấy."

Sau đó, khi nằm vắt ngang trên giường anh, hai mắt nhắm lại, hai má ửng đỏ, đôi môi ẩm ướt, rũ bỏ hết cảm giác về những quy tắc mà cô tự áp đặt lên mình, rũ bỏ hết cảm giác về những lời nói của mình, cô thì thầm: "Roark, có một người đàn ông nói chuyện với anh hôm nay, và ông ta cười với anh, đồ ngốc, đồ ngu ngốc kinh tởm, tuần trước ông ta đi xem hai diễn viên hài và ông ta cũng thích họ; em đã muốn bảo lão ấy: đừng nhìn anh ấy, ông sẽ không còn quyền muốn nhìn gì thì nhìn nữa, đừng có thích anh ấy, ông sẽ phải căm thù cả phần còn lại của thế giới đấy, thế đấy, đồ ngu ngốc, hoặc cái này hoặc cái kia, không thể cả hai thứ cùng lúc được, không thể nhìn chúng như nhau được, đừng nhìn anh ấy, đừng thích anh ấy, đừng tán thành, đó là điều em muốn nói với ông ta, ông ta và cả cái đám người còn lại nữa, em không thể chịu đựng khi nhìn thấy thế, em không thể chịu đựng được điều đó, bất kỳ thứ gì tách anh xa khỏi nó, khỏi thế giới của họ, khỏi tất cả bọn họ, bất kỳ thứ gì, Roark ạ..." Cô không nghe thấy những lời cô đang nói, cô không nhìn thấy anh đang mỉm cười, cô không nhận ra sự thấu hiểu trọn vẹn trên khuôn mặt anh, cô chỉ nhìn thấy khuôn mặt anh kề sát khuôn mặt cô, và cô chẳng có gì phải giấu anh, chẳng có gì không thể nói ra, mọi thứ đều được chấp nhận, được giải đáp, được tìm thấy.

*

* *

Peter Keating hoang mang. Sự tận tụy đột ngột của Dominique đối với sự nghiệp của anh dường như thật đáng kinh ngạc, đáng vui mừng, và lại mang lại lợi ích to lớn; mọi người đều bảo anh vậy; nhưng có những lúc anh không cảm thấy kinh ngạc, không cảm thấy vui mừng; anh cảm thấy bất an.

Anh cố tránh mặt Guy Francon. “Làm thế nào mà cậu làm thế được hả Peter? Cậu làm thế nào vậy?” Francon sẽ hỏi như vậy. “Con bé hẳn là phát điên lên vì cậu! Ai mà nghĩ rằng chính Dominique chứ không phải ai khác...? Và ai mà nghĩ là con bé có thể làm thế...? Nó đã khiến tôi thành triệu phú rồi nếu nó làm việc đấy năm năm trước. Nhưng mà, tất nhiên, một người cha thì không thể là nguồn cảm hứng giống như một...” Ông bắt gặp một cái nhìn tăm tối trên mặt Keating và thay đổi đoạn kết của câu nói thành “như là người đàn ông của nó, chúng ta có thể nói thế không nhỉ?”

“Nghe này, bác Guy,” Keating cất tiếng rồi dừng lại, thở dài, và lẩm bẩm: “Xin bác, bác Guy, chúng ta không được...”

“Tôi biết, tôi biết, tôi biết mà. Chúng ta không được hấp tấp. Nhưng quỷ tha ma bắt, Peter, entre-nous[83] giữa hai chúng ta với nhau, chuyện đó chẳng phải đã công khai như một cuộc đính hôn rồi hay sao? Thậm chí còn hơn thế. Và ồn ào hơn ý chứ.” Rồi nụ cười biến mất, và khuôn mặt Francon trông ân cần, thanh thản, thật sự già nua – đấy là một trong những khoảnh khắc hiếm hoi mà phẩm chất đích thực của ông lóe lên. “Tôi thấy mừng, Peter ạ,” ông nói một cách giản dị. “Đó là điều tôi đã muốn xảy ra. Tôi đoán là suy cho cùng, tôi luôn yêu quý Dominique. Tôi rất hạnh phúc. Tôi biết tôi sẽ giao con bé vào một chỗ tin cậy được. Con bé và mọi thứ khác nữa...”

“Thứ lỗi cho cháu. Cháu đang vội kinh khủng – cháu chỉ ngủ có hai tiếng đêm qua, nhà máy Colton, bác biết đấy, Chúa ơi, thật là một công trình lớn! – cũng nhờ có Dominique – nó là thứ giết người, nhưng bác hãy đợi đến khi bác nhìn thấy nó! Đợi đến khi bác nhìn thấy tờ séc nữa!”

“Con bé thật tuyệt, phải không? Hãy nói cho tôi nghe, tại sao nó lại làm thế? Tôi đã hỏi nó và tôi chẳng thể hiểu đầu đuôi những điều nó nói ra sao cả, nó nói với tôi những chuyện tào lao điên rồ nhất, cậu biết kiểu nói chuyện của nó đấy.”

“À, chúng ta nên để ý, chừng nào mà cô ấy còn làm thế!”

Anh không thể nói cho Francon biết rằng anh không có câu trả lời; anh không thể thú nhận được là anh chưa gặp Dominique một mình suốt nhiều tháng trời; rằng cô từ chối gặp anh.

Anh còn nhớ cuộc trò chuyện riêng cuối cùng với cô – trong xe tắc-xi trên đường về từ buổi họp do Toohey tổ chức. Anh còn nhớ sự bình tĩnh lạnh lùng trong những lời lăng mạ cô dành cho anh – sự khinh miệt cùng cực khiến cho những lời lăng mạ được thốt ra mà không có dấu hiệu của giận dữ. Anh đã chờ đợi bất kỳ điều gì sau đó – ngoại trừ việc thấy cô trở thành người ủng hộ anh, thành người phát ngôn cho anh, thậm chí gần như là – người dắt khách cho anh. Đây chính là chỗ không ổn – anh tự nhủ – bởi vì mình có thể

nghĩ ra những từ như "dắt khách" khi nghĩ về chuyện đó.

Anh đã thấy cô thường xuyên kể từ khi cô bắt đầu chiến dịch tình nguyện của cô; anh đã được mời đến những bữa tiệc của cô – và được giới thiệu tới những khách hàng tương lai của mình; nhưng cô chưa bao giờ cho phép anh ở một mình với cô dù chỉ một giây. Anh đã cố cảm ơn cô và chất vấn cô. Nhưng anh không thể cố ép một cuộc trò chuyện khi cô không muốn tiếp chuyện, trong lúc một đám khách tò mò xúm xít khắp xung quanh họ. Vì thế anh tiếp tục mỉm cười ngọt ngào – bàn tay cô đặt hờ hững trên ống tay áo đen của chiếc áo vét-tông ăn tối của anh, đùi cô hơi tựa lên đùi anh khi cô đứng cạnh anh, dáng điệu sở hữu và thân mật – trông nó càng thân mật bởi cô làm ra vẻ không hề nhận biết điều đó trong lúc cô nói cho cả một vòng người ngưỡng mộ đứng quanh cô những gì cô nghĩ về tòa nhà Cosmo-Slotnick. Anh nghe thấy những nhận xét ghen tỵ từ tất cả bạn bè của mình. Anh là người duy nhất ở thành phố New York – anh cay đắng tự nhủ – không nghĩ rằng Dominique Francon yêu anh.

Nhưng anh biết sự thất thường nguy hiểm trong những ý thích của cô, và đây là một ý thích quá có giá, cho nên anh không thể làm xáo trộn nó. Anh tránh xa cô và gửi hoa cho cô; anh để mình trôi tự do theo ý thích ấy và cố không nghĩ về nó; chỉ có một chút gợn trong suy nghĩ là vẫn còn – cái gợn mỏng manh về sự bất ổn.

Một ngày nọ, anh tình cờ gặp cô trong một nhà hàng. Anh thấy cô đang ăn trưa một mình và nắm lấy cơ hội đó. Anh đi thẳng đến bàn cô, quyết tâm cư xử như một người bạn cũ chẳng nhớ gì ngoài lòng tốt không thể tin được được của cô. Sau nhiều lời nhận xét vui vẻ về may mắn của mình, anh hỏi: "Dominique sao em lại từ chối gặp anh?"

"Em gặp anh để làm gì nhỉ?"

"Nhưng vì Chúa toàn năng!..." Lời nói đó buột ra vô tình, với một âm thanh quá gay gắt, biểu thị một tức giận bị kìm hãm đã lâu, và anh vội vàng chữa lại, mỉm cười: "Thì, em không nghĩ là em nợ anh một cơ hội được cảm ơn em à?"

"Anh đã cảm ơn em rồi. Nhiều lần."

"Ừ, nhưng em không nghĩ là chúng ta thực sự phải gặp riêng hay sao? Em không nghĩ rằng anh hơi... hoang mang hay sao?"

"Em chưa nghĩ đến điều đó. Vâng, em cho là anh sẽ có thể như thế."

"Rồi sao?"

"Rồi sao cái gì?"

"Rút cục những chuyện này là thế nào?"

“Là... cho đến giờ thì là năm mươi nghìn đô la, em nghĩ thế.”

“Em đang tàn nhẫn đấy.”

“Muốn em dừng lại không?”

“Ồ không! Tức là, không phải...”

“Không phải là các công trình. Được thôi. Em sẽ không dừng chúng lại. Anh thấy chưa? Chúng ta đã có chuyện gì để nói cơ chứ? Em đang làm nhiều việc cho anh và anh thì hài lòng là em làm những việc ấy – và như thế chúng ta hoàn toàn đồng ý với nhau.”

“Em quả là biết nói những chuyện hài hước nhất trên đời! Hoàn toàn đồng ý. Cái này vừa thừa, lại vừa thiếu, đúng không? Chúng ta còn có thể cư xử thế nào trong hoàn cảnh này? Em không hy vọng là anh phải phản đối những gì em đang làm, đúng không?

“Không, em không hy vọng.”

“Nhưng đồng ý không phải là từ diễn tả điều anh cảm nhận. Anh biết ơn em rất nhiều, đến mức anh thấy choáng váng – anh bị nốc-ao – nào, đừng để anh bắt đầu nói chuyện ngớ ngẩn, anh biết em không thích thế – nhưng anh quá biết ơn em, đến nỗi anh không biết phải làm gì với bản thân mình nữa.”

“Tốt, Peter. Giờ thì anh đã cảm ơn em rồi đấy.”

“Em thấy đấy, anh chưa bao giờ dám nghĩ rằng em đánh giá cao hoặc quan tâm hoặc là để ý một tí nào đến công việc của anh. Thế mà rồi em... Đó là điều khiến anh rất hạnh phúc và... Dominique,” anh hỏi và giọng anh hơi đứt quãng, vì câu hỏi như một cái móc đang kéo căng một sợi dây dài, khuất, và anh biết nó dẫn tới cốt lõi cái cảm giác bất ổn trong anh, “em có thực sự nghĩ là anh là một kiến trúc sư lớn không?”

Cô mỉm cười chậm rãi. Cô nói: “Peter, nếu người ta nghe thấy anh hỏi thế, họ sẽ cười đấy. Đặc biệt là lại hỏi em.”

“Ừ, anh biết, nhưng... nhưng em có thực sự nghĩ thế không, những thứ mà em nói về anh?”

“Chúng có tác dụng.”

“Ừ, nhưng có phải đó là lý do em chọn anh? Vì em nghĩ anh giỏi?”

“Công việc của anh đang rất chạy. Đó không phải là bằng chứng hay sao?”

“Ừ... Không... Ý anh là... theo một nghĩa khác... Ý anh là... Dominique này, anh muốn nghe em nói một lần, chỉ một lần thôi, rằng anh...”

“Nghe này, Peter, em sẽ phải đi bây giờ, nhưng trước khi đi em phải nói

với anh là bà Lonsdale có thể sẽ gọi anh vào ngày mai hoặc ngày kia. Hãy nhớ rằng bà ấy là một người ủng hộ những gì cấm kỵ, yêu chó, ghét phụ nữ hút thuốc, và tin vào sự đầu thai. Bà ấy muốn nhà bà ấy đẹp hơn là nhà bà Purdee – Holcombe thiết kế nhà của Purdee – vì thế nếu anh nói với bà ấy là nhà bà Purdee trông phô trương và rằng sự đơn giản thực sự tốn nhiều tiền hơn nhiều thì mọi việc sẽ ổn. Anh có thể tán chuyện về đồ thêu dùng kim mũi nhỏ nữa. Đó là sở thích của bà ấy."

Anh bước đi, sung sướng nghĩ về ngôi nhà của bà Lonsdale, và anh quên mất câu hỏi của mình. Về sau, anh nhớ ra nó một cách tức tối, và anh nhún vai tự bảo mình rằng cái tốt nhất trong những gì Dominique làm để giúp anh chính là việc cô ta không muốn gặp anh.

Như một sự bù đắp, anh tìm thấy vui thú trong việc tham dự những buổi gặp mặt của Hội đồng Các nhà Xây dựng Hoa Kỳ do Toohey dựng lên. Anh không biết vì sao anh lại nghĩ về nó như một sự bù đắp, nhưng anh quả có nghĩ như thế và điều đó làm anh yên tâm. Anh lắng nghe chăm chú khi Gordon L. Prescott phát biểu về ý nghĩ của ngành kiến trúc.

"Và vì thế ý nghĩa nội tại của nghề của chúng ta nằm ở cái thực tế triết học rằng chúng ta làm việc với cái trống rỗng. Chúng ta tạo nên khoảng trống rỗng mà trong đó những cơ thể vật lý chuyển động – để tiện lợi, chúng ta sẽ tạm gọi những cơ thể đó là con người. Và khi nói đến khoảng trống rỗng, ý tôi nói tới cái mà người ta vẫn thường gọi là các căn phòng. Như vậy, chỉ có kẻ thiếu chuyên môn ngu ngốc mới nghĩ là chúng ta xây nên những bức tường đá. Chúng ta không hề làm chuyện đó. Chúng ta dựng nên khoảng trống, như tôi đã chứng minh. Điều này dẫn chúng ta tới một hệ quả có tầm quan trọng cực lớn: tới việc thừa nhận vô điều kiện giả thuyết rằng 'sự không có' còn siêu việt hơn 'sự có'. Nghĩa là, tới việc chấp nhận cái không-được-chấp-nhận. Tôi sẽ nói điều này bằng những từ ngữ đơn giản hơn – để làm rõ hơn mọi việc: 'cái-không-gì-cả' là siêu việt hơn 'cái-có-gì-đó'. Vì thế, rõ ràng là người kiến trúc sư không chỉ là một người đi đặt những viên gạch – vì thực tế của những viên gạch dù gì cũng chỉ là một ảo tưởng thứ cấp. Kiến trúc sư là một linh mục siêu hình học, người làm việc với những thứ thuộc về bản chất, người có cam đảm để đối mặt với cái khái niệm nguyên thủy của thực-tại như là giả-thực-tại – bởi vì có cái-không-gì-cả và anh ta tạo ra cái thực-thể-không-gì-cả. Nếu điều này nghe có vẻ như một nghịch lý thì nó không phải là một bằng chứng của sự thiếu lô-gíc, mà là của một siêu lô-gíc – đấy là phép biện chứng của tất cả cuộc sống và nghệ thuật. Nếu anh dùng khái niệm cơ bản này trong các phép suy luận tất yếu, anh có thể đi đến những kết luận có tầm quan trọng to lớn về xã hội. Anh có thể thấy rằng một người phụ nữ đẹp không ưu việt bằng một người không-đẹp, rằng người biết đọc biết viết thì không ưu việt bằng người mù chữ, rằng

người giàu có không ưu việt bằng người nghèo, và người có năng lực không bằng người kém năng lực. Kiến trúc sư là một minh họa cụ thể của một nghịch lý vĩ đại. Chúng ta hãy khiêm tốn trong niềm tự hào vĩ đại khi nhận ra điều này. Mọi thứ khác đều là chuyện nhảm nhí."

Người ta không thể lo lắng về giá trị bản thân hay về sự vĩ đại khi lắng nghe điều này. Nó khiến cho sự tự tôn trở nên không cần thiết.

Keating lắng nghe với sự thỏa mãn tràn ngập. Anh liếc nhìn những người còn lại. Có một sự im lặng chăm chú trong khán giả; tất cả họ đều thích nó như anh thích vậy. Anh thấy một anh chàng đang nhai kẹo cao su, một người đàn ông kị móng tay mình bằng mép của một tập tài liệu bằng bìa cứng, một cậu trai trẻ vươn vai một cách thô lỗ. Cái đó cũng làm Keating hài lòng; cứ như thể họ nói: Chúng ta vui mừng lắng nghe những điều siêu phàm, nhưng không cần phải quá cung kính trước những điều siêu phàm.

Hội đồng những Nhà Xây dựng Hoa Kỳ họp mặt mỗi tháng một lần và không tham gia vào một hoạt động cụ thể nào cả, ngoài việc nghe các bài diễn văn và nhấm nháp một loại bia rẻ tiền. Thành viên của nó không tăng nhanh cả về chất lượng và số lượng. Nó không có một thành tựu cụ thể nào cả.

Những buổi gặp mặt của Hội đồng được tổ chức trong một căn phòng lớn, bỏ không, bên trên một gara ở phía Tây thành phố. Một cầu thang dài, hẹp, không được thông hơi, dẫn đến một cánh cửa có ghi tên Hội đồng; bên trong có những chiếc ghế gấp, một chiếc bàn cho chủ tịch và một thùng rác. Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ coi Hội đồng những Nhà Xây dựng Hoa Kỳ là một trò đùa ngu xuẩn. "Mất thời gian với mấy trò họp hành vô bổ đó làm gì?" Trong những căn phòng thắp sáng trưng, đầy những vải lụa của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ, Francon hỏi Keating câu đó, mũi ông chun lại với một vẻ thích thú khinh khỉnh. "Cháu mà biết thì đã tốt" Keating trả lời vui vẻ. "Cháu thích chúng." Ellsworth Toohey tham dự mọi buổi họp mặt của Hội đồng, nhưng không phát biểu. Ông ngồi trong một góc và lắng nghe.

Một đêm Keating và Toohey đi bộ về nhà cùng nhau sau cuộc họp mặt. Họ đi qua những đường phố tối, tồi tàn của khu phía Tây, và dừng lại để uống một tách cà phê ở một hiệu thuốc xơ xác. "Hiệu thuốc thì đã sao nào?" Toohey cười lớn khi Keating nhắc ông về những nhà hàng đã trở nên nổi tiếng nhờ sự xuất hiện thường xuyên của ông. "Ít nhất thì ở đây sẽ không ai nhận ra và làm phiền chúng ta cả."

Ông phả một luồng khói từ điếu thuốc lá Ai Cập của mình vào một tấm biển Coca-Cola đã bạc màu trong góc ngồi của họ; ông gọi một cái bánh mì kẹp, ông nhẹ nhàng cắn một lát dưa chuột muối trông như thể đã lốm đốm

vết ủng mặc dù thực tế không phải như vậy, và ông nói chuyện với Keating. Ông nói nhát gừng. Ban đầu, những gì ông nói không quan trọng; cái quan trọng chính là giọng ông, cái giọng nói vô song của Ellsworth Toohey. Keating cảm thấy như thể anh đang đứng giữa một đồng bằng rộng lớn, dưới những ngôi sao, được ôm ấp và được sở hữu, trong sự chắc chắn, trong an toàn.

"Thiện tâm, Peter ạ," cái giọng ấy nói khẽ, "thiện tâm. Đó là điều răn đầu tiên, có thể là điều răn duy nhất. Đó là lý do tại sao tôi đã phải phê phán vở kịch mới đó trong bài báo của tôi hôm qua. Vở kịch đó thiếu cái thiện tâm cơ bản. Chúng ta phải có thiện tâm, Peter ạ, với tất cả mọi người quanh chúng ta. Chúng ta phải chấp nhận và tha thứ – có rất nhiều điều phải tha thứ trong mỗi chúng ta. Nếu cậu học cách yêu tất cả mọi thứ, cả những thứ tầm thường nhất, những thứ nhỏ mọn nhất, những thứ đê tiện nhất, thì rồi cái đê tiện nhất trong cậu sẽ được yêu mến. Rồi chúng ta sẽ tìm thấy ý nghĩa của sự bình đẳng đại đồng, sự yên bình vĩ đại của tình anh em, một thế giới mới, Peter ạ, một thế giới mới tươi đẹp..."

IX.

Hồi lấy vòi nước phun vào người Johny Stokes thì Ellsworth Monkton Toohey mới lên bảy tuổi. Lúc ấy Johnny đang đi ngang qua bãi cỏ nhà Toohey, xúng xính trong bộ lễ phục dành riêng cho ngày Chủ nhật. Johnny khao khát một bộ lễ phục như thế này từ một năm rưỡi nay. Mẹ cậu ta rất nghèo. Ellsworth không chơi trò ném đá giấu tay mà hành động rất đàng hoàng, với sự tính toán cẩn thận. Cậu bé bước tới chỗ vòi nước, vặn van rồi cầm vòi đứng giữa bãi cỏ nhắm thẳng hướng Johnny mà phun – cú nhắm thật hoàn hảo vì mẹ Johnny lúc đó đang đi sau cậu ta vài bước, còn cha mẹ Ellsworth và cả ngài mục sư đang ghé thăm nhà đều nhìn được toàn bộ sự việc. Johnny là một đứa trẻ nhanh nhẹn, với hai má lúm đồng tiền và những lọn tóc quăn; mọi người thường ngoái nhìn Johnny Stokes. Không ai ngoái nhìn Ellsworth bao giờ.

Tất cả những người lớn có mặt ở đó sửng sốt và kinh ngạc đến mức trong một lúc lâu, mọi người đều đứng ngây ra thay vì chạy lại ngăn Ellsworth. Cậu bé gầy gò gồng mình chống lại cái vòi nước đang giật mạnh trong tay cậu ta, quyết không cho nó rời khỏi mục tiêu cho đến khi đã thỏa mãn. Sau đó, cậu ta để nó rơi xuống, nước văng tung tóe trên bãi cỏ. Cậu đi hai bước về hiên nhà và dừng lại chờ đợi, đầu ngẩng cao, sẵn sàng đón nhận sự trừng phạt. Sự trừng phạt lẽ ra đã đến từ Johnny nếu như mẹ cậu bé không kịp giữ chặt cậu ta lại. Ellsworth không buồn ngoái lại phía mẹ con Stoke; cậu bé ngước nhìn cha mẹ và ông mục sư, cất tiếng nói chậm rãi, rành mạch: "Johnny là đồ bắt nạt trẻ con đáng ghét. Ở trường nó đã đánh tất cả bọn con." Chuyện này có thật.

Chuyện trừng phạt Ellsworth hay không trở thành một vấn đề đạo đức. Kể cũng khó trừng phạt Ellsworth dù bằng cách nào đi nữa: cậu bé quá gầy, sức khỏe lại yếu. Ngoài ra, có vẻ sai trái nếu đi phạt một thằng bé dũng cảm đã liều mình chống lại sự bất công, bất chấp việc nó chỉ là một đứa trẻ yếu ớt. Dù thế nào đi nữa, thằng bé cũng giống như một kẻ tử vì đạo vậy. Ellsworth không nói thế; cậu ta không hề nói gì; đấy là câu của mẹ cậu ta. Ông mục sư có vẻ đồng tình với bà. Hôm ấy Ellsworth phải đi ngủ mà không được ăn tối. Cậu bé không phàn nàn gì. Cậu ta ngồi ngoan ngoãn trong phòng, từ chối cả thức ăn mà bà mẹ giấu chồng kín đáo tuồn cho cậu lúc đêm khuya. Ông Toohey khăng khăng đòi được đền tiền bộ quần áo của Johnny. Bà Toohey rầu rĩ chấp thuận. Bà vốn không thích bà Stoke.

Cha của Ellsworth quản lý chi nhánh tại Boston của một công ty kinh doanh giày có mạng lưới cửa hàng trên khắp cả nước. Ông nhận một mức lương khiêm tốn nhưng đủ sống, có một ngôi nhà khiêm tốn nhưng chấp

nhận được tại một khu ngoại ô xoàng xĩnh của Boston. Ông có một nỗi buồn mà ông luôn giấu kín; đó là việc ông không thể tự lập một doanh nghiệp riêng của chính mình. Ông là một người đàn ông trầm tính, chu đáo, và chính việc sớm lấy vợ đã dập tắt mọi hoài bão của ông.

Mẹ của Ellsworth là một người đàn bà gầy gò, trông lúc nào cũng có vẻ bồn chồn. Bà đã theo và từ bỏ năm thứ đạo khác nhau trong vòng chín năm. Bà có nét mặt khá đẹp, nhưng là một dạng vẻ đẹp chỉ bừng nở ngắn ngủi trong những năm đẹp nhất của người con gái. Ellsworth là sự sống của bà. Chị gái của Ellsworth, Helen, hơn cậu năm tuổi, là một đứa trẻ ngoan, không có gì nổi bật, không đẹp lắm nhưng cũng dễ coi và khỏe mạnh. Trong khi đấy Ellsworth sinh ra đã là một đứa trẻ ốm yếu. Bà mẹ tôn thờ cậu ta kể từ giây phút bác sĩ tuyên bố rằng cậu ta không đủ khả năng sống sót; điều đó làm cho bà cảm thấy lớn vụt lên về tinh thần – khi bà nghĩ đến cái tình yêu bao la mà bà dành cho một sinh linh không mấy hy vọng như thế. Đứa bé Ellsworth càng xanh xao và xấu xí, tình yêu của bà cho cậu bé càng lớn lên. Bà gần như thất vọng khi cậu sống sót mà không trở thành một kẻ tàn tật. Bà ít quan tâm đến Helen; yêu Helen thì có gì là cao quý. Cô bé rõ ràng là đáng yêu, đến mức dường như việc từ chối tình yêu với cô bé mới là công bằng.

Ông Toohey, vì những lý do mà ông không thể giải thích, không ưa con trai mình. Tuy vậy, Ellsworth vẫn là kẻ thống trị trong nhà, nhờ sự phục tùng tự nguyện, không tuyên bố của cha mẹ cậu bé mặc dù người cha không bao giờ hiểu nguồn gốc sự phục tùng của ông.

Vào các buổi tối, dưới ánh đèn trong phòng khách, bà Toohey thường cất tiếng bằng một giọng căng thẳng, đầy thách thức, với thái độ tức tối và thua cuộc ngay từ đầu: “Horace, em muốn có một cái xe đạp. Một cái xe đạp cho Ellsworth. Tất cả lũ trẻ tuổi nó đều có. Willie Lovett vừa mua một cái mới hôm trước xong. Horace, em muốn mua một cái xe cho Ellsworth.”

“Không phải bây giờ, Mary” – ông Toohey trả lời một cách mệt mỏi – “Có thể mùa hè tới... Bây giờ thì chúng ta không có tiền...”

Bà Toohey sẽ tranh cãi, giọng bà rít lên từng quãng, thành một tiếng gào.

“Mẹ, để làm gì chứ?” – Ellsworth nói, giọng cậu nhẹ, trầm và rõ ràng, thấp hơn giọng của cha mẹ nhưng lại cắt ngang giọng họ, oai vệ, đầy sức thuyết phục. “Có rất nhiều thứ cần thiết cho chúng ta hơn là một cái xe đạp. Ai mà thèm quan tâm đến Willie Lovett chứ. Con không thích Willie. Nó là đồ ngốc. Willie mua được xe vì bố nó có hiệu thuốc riêng. Bố nó là đồ hợm hĩnh. Con không muốn có xe đạp.”

Tất cả những lời này đều đúng và Ellsworth quả thực không muốn có xe đạp. Nhưng ông Toohey nhìn cậu bé một cách lạ lùng, tự hỏi cái gì làm cho

con mình nói thế. Ông thấy hai mắt con trai mình đang nhìn mình một cách trống rỗng qua cặp kính nhỏ; hai con mắt không trìu mến, cũng không trách cứ, cũng không ác ý, chỉ trống rỗng. Ông Toohey cảm thấy ông phải biết ơn con trai ông vì đã thấu hiểu – đồng thời thầm ước giá như thằng bé không nói đến cái hiệu thuốc riêng.

Ellsworth không có được chiếc xe đạp. Nhưng cậu bé có được sự trọng vọng trong nhà – một sự quan tâm đầy kính trọng – theo kiểu nhẹ nhàng, tội lỗi của bà mẹ, và kiểu bất ổn, nghi ngại của người cha. Ông Toohey sẵn sàng làm bất cứ cái gì khác thay cho việc phải ngồi nói chuyện với Ellsworth và ông luôn đồng thời cảm thấy vừa ngu ngốc lại vừa tức giận với bản thân vì sự sợ hãi này.

"Horace, em muốn có một bộ vét mới. Một bộ mới cho Ellsworth. Hôm nay em nhìn thấy một bộ trong cửa hàng và em..."

"Mẹ, con có bốn bộ vét. Con cần thêm một bộ nữa làm gì? Con không muốn trông lố bịch như Pat Noonan; mỗi ngày nó mặc một bộ mới. Tại vì bố nó có cửa hàng kem riêng. Nó để ý đến quần áo như con gái. Con không muốn là đồ mít ướt."

Thỉnh thoảng ông Toohey nghĩ một cách vui sướng và lo sợ rằng Ellswoth sẽ trở thành một vị thánh; cậu bé không hề quan tâm đến vật chất; không một chút nào. Điều này đúng. Ellsworth không quan tâm đến vật chất.

Cậu bé gầy gò, xanh xao, hay đau bụng và mẹ cậu phải để ý đến việc ăn kiêng cũng như bệnh lạnh đầu thường xuyên của cậu. Trong cái khổ người yếu ớt, giọng nói âm vang của cậu làm người ta kinh ngạc. Cậu hát trong ban lễ ở nhà thờ – ở đó cậu không có đối thủ. Ở trường, cậu là một học sinh gương mẫu. Cậu luôn luôn thuộc bài, sách vở ngăn nắp nhất lớp, móng tay gọn gàng, thích đi học Kinh Thánh ngày Chủ nhật và thích đọc sách hơn là các trò chơi thể thao vì cậu chẳng thể làm gì với các trò thể thao. Cậu không thực sự giỏi toán – cậu ghét toán – nhưng cậu học rất giỏi lịch sử, tiếng Anh, đạo đức, làm văn; và sau này là tâm lý và xã hội học.

Cậu học chăm chỉ và cần mẫn. Cậu không giống như Johnny Stokes – đứa trẻ không bao giờ lắng nghe trong lớp, hiếm khi mở sách ở nhà nhưng biết mọi thứ trước khi giáo viên giải thích. Việc học đến với Johnny một cách tự động, như tất cả những thứ khác – như hai nắm tay nhỏ nhưng khỏe của cậu ta, thân thể khỏe mạnh của cậu ta, vẻ đẹp trai của cậu ta, sức sống mãnh liệt ở cậu ta. Nhưng Johnny luôn làm những thứ gây sốc và không được trông đợi; còn Ellsworth làm những thứ mà người ta trông đợi – và làm tốt hơn bất cứ ai đã từng làm. Khi phải viết luận, Johnny thường làm cả lớp sửng sốt bằng một bài luận nổi loạn rất hùng hồn. Giả sử như phải viết về chủ đề

“Những ngày đi học – thời kỳ đẹp đẽ nhất”, thì Johnny sẽ viết một bài luận rất hùng hồn về việc cậu ta ghét trường học thế nào và vì sao. Ellsworth viết một bài thơ về niềm vui của những ngày đi học – bài thơ được in lại trong một tờ báo địa phương.

Thêm nữa, Ellsworth luôn đánh bại Johnny trong những gì liên quan đến tên tuổi và ngày tháng. Trí nhớ của Ellsworth giống như là xi-măng lỏng; nó đóng cứng lại tất cả những gì rơi vào đó. Johnny như một vòi nước nóng phụt lên, Ellsworth như một miếng mút thấm nước.

Bọn trẻ gọi Ellsworth là “Elsie Toohey”.[84] Chúng thường để cậu bé làm theo ý mình và tránh né cậu khi có thể, thường là không công khai. Chúng không hiểu được Ellsworth. Cậu sẵn lòng giúp đỡ và tỏ ra đáng tin cậy khi có ai đó cần giúp đỡ làm bài; cậu có kiểu châm chọc nanh nọc và có thể làm bất cứ đứa trẻ nào thấy tổn thương bằng những cái tên nhạo “trúng huyệt”; cậu vẽ những hình biếm họa chết người trên các hàng rào; cậu có tất cả các đặc điểm của một đứa bé gái nhõng nhẽo, nhưng bằng cách nào đó, bọn trẻ không coi cậu là con gái; cậu quá tự tin và luôn có một kiểu cao ngạo lặng lẽ với tất cả mọi người. Cậu không sợ bất cứ cái gì.

Ellsworth có thể tiến thẳng đến cậu bé khỏe nhất, ngay giữa đường, không giận dữ – chưa ai từng nhìn thấy Ellsworth giận dữ – không lên giọng mà nói rành mạch bằng cái giọng vang xa đến vài khối nhà “Johnny Stokes có nốt ruồi ở mông. Johnny Stokes sống ở nhà thuê. Willie Lovett là một thằng đần. Pat Noonan là đồ ăn cá sống.” Johnny không bao giờ đánh Ellsworth và những thằng bé khác cũng thế; bởi vì Ellsworth đeo kính.

Cậu không thể tham gia các trận đấu bóng và là đứa trẻ duy nhất khoe khoang về điều này thay vì cảm thấy tức giận hay xấu hổ như những đứa trẻ yếu sức khác. Cậu coi thể thao là một trò thô bạo và công khai tuyên bố như vậy. Trí óc – cậu nói – mạnh hơn cơ bắp; và cậu tin như thế.

Cậu không có một người bạn thân nào. Cậu được coi là đứa trẻ vô tư và không thể bị mua chuộc. Có hai sự việc xảy ra trong thời thơ ấu của cậu mà mẹ cậu hết sức tự hào.

Một lần, Willie Lovett, cậu bé giàu có và được yêu mến, tổ chức một bữa tiệc sinh nhật trùng với tiệc của Drippy Munn (Munn thò lò mũi xanh), con trai của một thợ may góa chồng. Không ai nhận thiệp mời của Drippy, trừ những đứa trẻ chưa bao giờ được mời tới bất cứ một tiệc sinh nhật nào. Ellsworth Toohey là đứa trẻ duy nhất đã từ chối Willie Lovett để đi dự tiệc của Drippy – một bữa tiệc hết sức buồn tẻ mà cậu ta chẳng hề thích thú. Kẻ thù của Willie cười nhạo Willie hàng tháng trời sau đó vì Willie đã bị từ chối và xếp sau Drippy Munn.

Một lần khác, Pat Noonan hối lộ Ellsworth một túi kẹo gôm để đổi lấy việc được chép bài thi. Ellsworth nhận túi kẹo gôm và để Pat chép bài. Một tuần sau, Ellsworth đi thẳng đến chỗ giáo viên, đặt túi kẹo còn nguyên xuống bàn và thú nhận mọi việc nhưng nhất định không chịu nói tên kẻ hối lộ. Người giáo viên cố gắng hết sức để bắt Ellsworth mở miệng nhưng cậu bé giữ im lặng và giải thích rằng kẻ hối lộ từng là một trong những học sinh giỏi nhất trường và cậu không muốn hy sinh thành tích của kẻ đó để đổi lấy sự thanh thản của chính cậu. Cậu là người duy nhất bị trừng phạt – hình phạt là ở lại trường hai tiếng sau giờ học. Sau đó, thầy giáo của cậu phải bỏ qua chuyện này và giữ nguyên điểm bài kiểm tra. Tuy thế, nghi ngờ bắt đầu xuất hiện xung quanh điểm thi của Johnny Stokes, Pat Noonan và tất cả những đứa trẻ học giỏi trong lớp, trừ Ellsworth Toohey.

Năm Ellsworth lên 11, mẹ cậu qua đời. Dì Adeline, người em gái chưa chồng của ông Toohey đến sống với họ và trông nom nhà cửa. Dì Adeline là một người phụ nữ cao, tự chủ, chất phác và có khuôn mặt dài. Bí mật buồn bã trong cuộc đời bà là bà chưa bao giờ biết đến chuyện yêu đương. Bà lập tức tỏ ra hết sức yêu mến Helen và coi Ellsworth như một con quỷ nhỏ thoát ra từ địa ngục. Nhưng Ellsworth luôn luôn tỏ ra hết sức lịch thiệp đối với dì Adeline. Cậu nhảy ra nhặt khăn mùi xoa cho bà, kéo ghế cho bà khi họ có khách – nhất là khách nam. Cậu gửi quà cho bà vào Lễ Tình Nhân – quà gồm hoa hồng, thơ tình, giấy bóng cắt hình trái tim. Cậu cao giọng hát bài *Adeline nhân hậu* một cách hết sức nhiệt tình. Một lần, bà nói với cậu "Mày là đồ sâu bọ, Elsie. Mày sống bằng sự đau khổ của người khác." Cậu trả lời "Thế thì cháu sẽ không bao giờ chết đói." Sau một thời gian, hai người đi đến tình trạng thờ ơ nhưng cảnh giác với nhau. Bà Adeline để mặc Ellsworth lớn lên theo ý cậu.

Ở trường trung học, Ellsworth trở nên nổi tiếng – cậu là ngôi sao về hùng biện. Trong nhiều năm, trường cậu thường nói đến một đứa trẻ có khả năng hùng biện bằng cụm từ "một Toohey mới". Cậu chiến thắng trong mọi cuộc thi. Sau đó, khán giả bao giờ cũng chỉ nhớ đến "cái cậu bé đẹp đẽ" mà quên đi thân hình bé nhỏ, ốm yếu, bộ ngực lép kẹp, đôi chân kỳ quặc và đôi mắt cận của cậu; họ chỉ nhớ giọng nói. Cậu chiến thắng trong mọi cuộc tranh luận. Cậu có thể chứng minh bất cứ điều gì. Một lần, sau khi đánh bại Willie Lovett bằng bài hùng biện ủng hộ chủ đề "Ngòi bút mạnh hơn thanh kiếm", cậu thách Willie đổi vị trí, để cậu là người phản bác lại chủ đề; và cậu đánh bại Willie lần nữa.

Cho đến tuổi mười sáu, Ellsworth mong muốn trở thành một mục sư. Cậu nghĩ rất nhiều về tôn giáo. Cậu nói chuyện về Chúa và linh hồn. Cậu đọc rất nhiều về lĩnh vực này. Cậu đọc nhiều sách về lịch sử nhà thờ hơn các sách về đức tin. Cậu làm cho các thính giả rơi nước mắt trong một cuộc hùng biện

cảm động với chủ đề "Những con chiên ngoan đạo sẽ làm chủ trái đất".

Cũng lúc này, Ellsworth bắt đầu kết bạn. Cậu thích nói về đức tin và tìm thấy những người muốn nghe về điều này. Có điều, cậu nhận ra những đứa trẻ thông minh, khỏe mạnh và nhanh nhẹn trong lớp thường không bao giờ cần nghe và không hề cần đến cậu. Trái lại, những kẻ thấp cổ bé họng và ốm yếu thường vây quanh cậu. Munn thò lò mũi xanh bắt đầu đi theo cậu với một vẻ tận tụy của một con chó. Billy Wilson mất mẹ và bắt đầu lảng vảng quanh nhà Ellsworth vào các buổi tối, để ngồi trên hiên với Ellsworth, lắng nghe, thỉnh thoảng lại rùng mình, không nói gì, hai mắt mở to, khô khốc và cầu xin. Dix còm – vốn bị bại liệt bẩm sinh – thì nằm trên giường chăm chăm nhìn qua cửa sổ ra góc đường để chờ Ellsworth đến. Hazelton cáu-kỉnh bị thi trượt và thường ngồi hàng giờ khóc lóc trong lúc Ellsworth đặt tay lên vai an ủi.

Không ai biết rõ những đứa trẻ kia tìm ra Ellsworth hay Ellsworth tìm ra chúng. Mọi việc xảy ra như một quy luật của tạo hóa: như thể tạo hóa không để lọt một kẽ hở nào, do đó mà Ellsworth và sự đau khổ tìm đến với nhau. Cậu nói với những đứa trẻ kia bằng cái giọng trầm ấm:

"Đau khổ là tốt. Đừng phàn nàn. Hãy chịu đựng, cúi đầu, chấp nhận – và hãy biết ơn vì Chúa đã ban cho cậu đau khổ. Bởi vì chính đau khổ làm cậu tốt hơn những kẻ đang cười vui và hạnh phúc. Nếu cậu không hiểu điều này, cũng đừng cố mà hiểu. Tất cả những thứ tồi tệ đều đến từ cái đầu vì cái đầu hỏi quá nhiều câu hỏi. Thật phước hạnh khi được tin mà không cần hiểu. Vì vậy, nếu cậu thi trượt, hãy vui vì điều đó. Nó có nghĩa là cậu tốt hơn những đứa thông minh – chúng nghĩ quá nhiều và quá dễ dàng."

Mọi người đều bảo, thật cảm động khi thấy lũ trẻ tìm đến với Ellsworth. Sau khi làm bạn với Ellsworth một thời gian, bọn chúng không thể rời cậu ra được. Cậu cứ như một thứ thuốc phiện.

Năm Ellsworth mười lăm tuổi, cậu làm cho giáo viên dạy Kinh Thánh ngạc nhiên khi đặt một câu hỏi kỳ quặc. Lúc đó, người thầy giáo đang giải thích câu "Một người sẽ được gì khi anh ta có cả thiên hạ nhưng lại để mất linh hồn mình?" và Ellsworth hỏi "Như vậy, để có thể thực sự giàu có, thì một người nên thu lượm linh hồn?" Người thầy giáo đang định hỏi Ellsworth xem cậu có ý quái gì nhưng rồi ông ta bình tĩnh lại và chỉ hỏi Ellsworth cậu có ý gì. Ellsworth không giải thích.

Năm mười sáu tuổi, Ellsworth không còn hứng thú tới tôn giáo nữa. Cậu phát hiện ra các lý thuyết phát triển xã hội.

Sự thay đổi này làm dì Adeline bị sốc. "Thứ nhất là nó báng bổ và ngớ ngẩn" – bà nói – "thứ hai là nó chẳng có nghĩa gì cả. Tao ngạc nhiên về mày

đấy Elsie. Quan tâm đến những kẻ nghèo đức tin thì còn được, đằng này quan tâm đến kẻ nghèo – nghe chả ra làm sao. Mà thế cũng chẳng giống mày lắm. Mày không đủ khả năng làm những thứ lớn lao. Mày chỉ làm được những thứ nho nhỏ. Elsie, cái thứ điên khùng đấy ở chỗ khác. Nó không hợp với mày. Không hợp với mày tí nào cả." Ellsworth trả lời "Thứ nhất, dì Adeline thân mến, đừng gọi cháu là Elsie. Thứ hai, dì sai rồi."

Sự thay đổi có vẻ hợp với Ellsworth. Cậu không trở thành một kẻ cuồng tín quá khích. Cậu trở nên nhẹ nhàng hơn, ít nói hơn, khiêm tốn hơn. Cậu tỏ ra ân cần với mọi người. Cứ như thể, cái gì đó đã xoa dịu những dây thần kinh căng thẳng trong cậu và làm cậu có một sự tự tin mới. Những người xung quanh bắt đầu thích cậu. Dì Adeline thôi không còn lo lắng. Có vẻ cậu chẳng định làm gì với những thứ lý thuyết cách mạng đó cả. Cậu không tham gia bất cứ đảng phái chính trị nào. Cậu đọc rất nhiều và tham gia vài buổi họp kín, ở đó cậu có phát biểu một hai lần, không thật xuất sắc; chủ yếu cậu ngồi trong góc, nghe, quan sát và suy nghĩ.

Ellsworth vào Harvard. Mẹ cậu đã viết trong di chúc rằng tất cả các khoản tiền bảo hiểm nhân thọ phải được dùng vào mục đích này. Thành tích học tập của Ellsworth ở Harvard thật đáng nể. Cậu theo môn lịch sử. Dì Adeline đã hy vọng cậu sẽ học kinh tế và xã hội học; bà nửa lo sợ rằng cậu sẽ trở thành một người làm công tác xã hội.[85] Nhưng cậu không làm thế. Cậu chăm chú vào môn văn và các ngành nghệ thuật. Điều này làm bà hơi hoang mang; đấy là một cái mới của Ellsworth; cậu chưa bao giờ cho thấy thiên hướng về lĩnh vực nghệ thuật. "Mày không hợp với nghệ thuật đâu Elsie" – bà nói "mày không hợp." Ellsworth trả lời: "Dì sai rồi."

Quan hệ của Ellsworth với các bạn học là thành tựu lạ lùng nhất của cậu tại Harvard. Cậu làm cho mình được chấp nhận. Giữa những bạn bè thuộc hàng con ông cháu cha, cậu không giấu diếm thân phận khiêm tốn của mình; cậu thậm chí phóng đại nó. Cậu không nói rằng cha cậu quản lý một cửa hàng bán giày, cậu nói rằng cha cậu là người đóng giày. Cậu nói mà không hề tỏ ra giận dữ, cay đắng hay cao ngạo; cậu nói như thể đấy là một trò đùa của số phận với cậu và – nếu người ta nhìn kỹ nụ cười của cậu – cả một trò đùa với họ nữa. Cậu cư xử như thể cậu là con nhà quý tộc; không phải kiểu quý tộc hợm mình mà là một nhà quý tộc tự nhiên, vô tư, và đang cố gắng để không tỏ ra trưởng giả. Cậu lịch sự, không phải theo kiểu một người lịch sự để cầu xin ân huệ, mà là lịch sự theo kiểu một người ban phát ân huệ. Thái độ ấy của Ellsworth lan tỏa khắp nơi. Bạn bè không chất vấn sự ưu việt của cậu; họ coi sự ưu việt bẩm sinh ấy tồn tại thực. Ban đầu, việc gọi Ellsworth bằng cái tên "giáo sĩ Toohey" có vẻ là một trò đùa vui vẻ; về sau, nó trở thành một thứ biệt danh và thành mốt. Nếu đây là một chiến thắng thì

Ellsworth có vẻ như không nhận thấy nó; cậu tỏ ra không quan tâm. Cậu hành xử giữa những thanh niên đang lớn này như một người đàn ông tự tin với một kế hoạch rõ ràng, một kế hoạch dài hạn đã được hoạch định từng chi tiết, như một người luôn luôn chú tâm tới mọi biến động nhỏ trên đường mình đi. Nụ cười của cậu có một vẻ bí hiểm, kín đáo – đấy là nụ cười của một chủ cửa hàng đang nhẩm tính lời lãi – mặc dù có vẻ như chẳng có gì đặc biệt đang xảy ra.

Cậu không nói về Chúa và sự cao quý của đau khổ. Cậu nói về cộng đồng. Cậu chứng minh cho thính giả trong những buổi thảo luận kéo dài đến sáng rằng tôn giáo đẻ ra sự ích kỷ bởi vì – cậu khẳng định – tôn giáo quá nhấn mạnh tầm quan trọng của linh hồn cá nhân; vì tôn giáo rao giảng về duy nhất một thứ là sự cứu rỗi với linh hồn mỗi cá thể.

"Để đạt tới đức hạnh trong ý nghĩa tuyệt đối của nó" – Ellsworth nói – "một người phải sẵn sàng mắc những tội ác ghê tởm nhất trong tâm hồn anh ta vì lợi ích của đồng loại. Hy sinh xương máu không là gì cả. Hy sinh linh hồn mới là hành động đức hạnh duy nhất. Các cậu nghĩ rằng mình yêu thương đám đông nhân loại ư? Các cậu chẳng biết gì về tình yêu thương cả. Các cậu đóng 2 đô la cho quỹ đình công và các cậu nghĩ là các cậu đã hoàn thành bổn phận ư? Các cậu thật ngốc! Chẳng có thứ quà tặng nào đáng giá trừ khi nó là thứ quý giá nhất mà ta có. Hãy dâng hiến linh hồn các cậu. Vì một sự nghiệp dối trá ư? Phải, nếu những người khác tin sự nghiệp đó. Vì sự lừa lọc ư? Phải, nếu người khác cần sự lừa lọc ấy. Vì sự phản bội, bất lương, tội ác ư? Phải! Vì bất cứ cái gì mà các cậu vẫn cho là xấu xa và thấp kém nhất. Chỉ khi các cậu có thể coi thường cái tôi nhỏ mọn của các cậu, thì các cậu mới vươn tới được sự thật, tới sự thanh thản lớn lao của lòng vị tha, tới việc hòa trộn tâm hồn mình với tâm hồn chung bao la của nhân loại. Không có chỗ cho tình yêu với người khác khi chúng ta vẫn chăm chăm giữ lấy cái tôi nhỏ mọn của mình. Phải có chỗ trống thì mới có thể được lấp đầy. "Kẻ nào yêu cuộc sống của mình, kẻ đó sẽ mất cuộc sống ấy; kẻ nào căm ghét cuộc sống của mình trong thế giới này, kẻ đó sẽ có cuộc sống đời đời".[86] Những kẻ rao giảng Kinh Thánh trong nhà thờ đã nói đúng, có điều họ không biết họ đúng ở chỗ nào. Hy sinh bản thân ư? Phải, các bạn của tôi, hãy hy sinh bản thân. Nhưng người ta không thể hy sinh bản thân bằng cách giữ bản thân mình thanh sạch và tự hào về sự thanh sạch của nó. Hy sinh nghĩa là phải hủy diệt cả tâm hồn của chính mình – à, nhưng mà tôi đang nói cái gì thế này. Điều này chỉ có những người cao cả mới hiểu được và đạt được."

Cậu không thành công lắm với những người bạn nghèo khổ phải tự làm việc kiếm tiền trong lúc đi học. Cậu có một lượng tín đồ khá lớn trong số những kẻ con nhà, những đứa trẻ thuộc thế hệ thứ hai hay thứ ba của các

triệu phú. Cậu giới thiệu cho họ một thứ mục đích mà họ cảm thấy họ có thể đạt được.

Ellsworth tốt nghiệp loại ưu. Khi anh đến New York, anh đã có sẵn một danh tiếng nho nhỏ; một vài lời đồn đại đã lan truyền từ Harvard về một chàng trai khác thường có tên Ellsworth Toohey; một vài người trong số những người đặc biệt có học và đặt biệt giàu có đã nghe thấy những lời đồn đại này và lập tức quên những lời ấy nhưng họ nhớ cái tên; nó đọng lại trong trí óc họ với những âm hưởng mơ hồ về sự thông minh, lòng dũng cảm, và lý tưởng.

Người ta bắt đầu tìm đến Ellsworth Toohey – những loại người nhất định, những người nhanh chóng tìm thấy ở Ellsworth một thủ lĩnh tinh thần. Có những loại người không đến – hình như phải có một thứ bản năng nhất định để có thể đến với Ellsworth. Khi một ai đó nhận xét về sự trung thành của các tín đồ với Toohey – anh không có tước hiệu, không có chương trình hay tổ chức, nhưng bằng cách nào đó những người xung quanh anh được gọi là tín đồ – một đối thủ của Toohey đã nói: "Toohey hấp dẫn những loại gì có tính dính. Các vị biết có hai thứ dính nhất trên đời: bùn và hồ." Toohey nghe được chuyện này; anh nhún vai, mỉm cười và nói "Ôi dào, còn nhiều loại nữa chứ: vữa, đỉa, kẹo kéo, tất ướt, mủ cao su, kẹo cao su, và pút-đinh sắn." Và anh bỏ đi, không quên nói vọng qua vai, mặt lạnh tanh: "Và xi-măng."

Anh lấy bằng thạc sĩ từ một trường đại học ở New York và viết luận văn tốt nghiệp với đề tài "Nhưng đặc điểm chung của kiến trúc các thành phố trong thế kỷ 19". Anh kiếm sống theo một lối bận rộn, đa dạng, và đứt đoạn: không ai có thể theo dõi được các hoạt động của anh. Anh giữ một chức tư vấn nghề nghiệp ở trường đại học; anh viết bài phê bình sách, kịch, triển lãm; anh viết các bài báo, và thỉnh thoảng phát biểu ở các cuộc hội họp nhỏ, hơi khác thường. Khi viết bài phê bình, anh có xu hướng chọn các tiểu thuyết về nông thôn hơn là về thành phố, về những người người bình thường hơn là về các vĩ nhân, về những người ốm hơn là người khỏe mạnh; có một vẻ đặc biệt trong cách viết của anh khi anh nói đến những câu chuyện về "những con người bé nhỏ"; "có tính người" là vị ngữ yêu thích của anh; anh thích nhân vật suy nghĩ hơn là nhân vật hành động và thích việc mô tả nhân vật hơn là việc nghiên cứu nhân vật; anh ưa các tiểu thuyết không có cốt truyện và hơn cả là tiểu thuyết không có nhân vật anh hùng.

Anh được coi là người tư vấn nghề nghiệp xuất sắc. Văn phòng nhỏ của anh ở trường đại học trở thành một phòng xưng tội không chính thức để sinh viên mang các vấn đề – cả trong học hành lẫn đời riêng – đến xưng tội. Anh sẵn lòng thảo luận – với cùng một mối quan tâm dịu dàng và cảm thông – về việc chọn lớp học, về các mối tình, hay về việc chọn lựa nghề nghiệp tương

lai (cái cuối cùng này là sở trường của anh).

Khi tư vấn về các mối tình, Toohey thường khuyên sinh viên theo đuổi những mối tình lãng mạn với một cô nàng hay anh chàng dễ dãi – kiểu một mối tình chỉ kéo dài qua vài bữa tiệc say xỉn. "Hãy sống hiện đại một chút" – anh khuyên. Nhưng khi đó là một tình yêu sâu sắc, đầy lửa, thì anh thường khuyên sinh viên từ bỏ. "Hãy suy nghĩ như người lớn nào" – anh nói. Khi một cậu bé đến thú nhận cảm giác xấu hổ sau một kinh nghiệm tình dục không mấy thú vị, Toohey bảo cậu bé hãy từ bỏ suy nghĩ ấy đi: "Thế là tốt lắm rồi đấy. Có hai thứ chúng ta phải sớm từ bỏ trong cuộc sống: thứ nhất là cảm giác mình ưu việt hơn người khác và thứ hai là việc coi trọng tình dục một cách quá mức."

Người ta nhận thấy Toohey hiếm khi khuyên một sinh viên theo đuổi nghề nghiệp mà cậu ta đã lựa chọn. "Không, tôi sẽ không theo ngành luật nếu tôi là cậu. Cậu quá căng thẳng và say mê nó. Nếu người ta tận tụy quá mức với sự nghiệp thì người ta không thể nào hạnh phúc hay thành công được. Sẽ có lý hơn nhiều nếu cậu chọn một nghề nào mà cậu có thể suy nghĩ bình tĩnh, khách quan và thực tế về nó. Phải, kể cả nếu cậu ghét nó. Như thế mới là thực tế." "Không, tôi sẽ không khuyên cậu tiếp tục học nhạc. Việc cậu chơi nhạc dễ dàng như thế chứng tỏ rằng tài năng của cậu rất hạn chế. Đấy chính là vấn đề – cậu say mê nó. Cậu không nghĩ rằng lý do đấy nghe rất trẻ con sao? Hãy từ bỏ đi. Phải, kể cả nếu như điều đó rất khó khăn." "Không, tôi xin lỗi, tôi rất muốn có thể nói là tôi đồng tình, nhưng mà tôi lại không. Khi cậu nghĩ đến kiến trúc, đấy là một lựa chọn hoàn toàn ích kỷ, phải không? Cậu có nghĩ đến cái gì khác ngoài sự thỏa mãn của bản thân cậu không? Hãy nhớ rằng nghề nghiệp của một người có liên quan đến toàn xã hội. Đầu tiên, cậu phải đặt câu hỏi cậu có thể làm gì có ích nhất cho đồng bào của mình. Không nên hỏi cậu sẽ lấy gì được của xã hội, mà phải hỏi cậu sẽ mang lại gì cho xã hội. Và khi nghĩ đến chuyện phục vụ xã hội, thì chẳng có nghề gì có thể so được với nghề bác sĩ phẫu thuật. Hãy nghĩ kỹ đi."

Sau khi rời trường, một số sinh viên của anh thành công, một số khác thất bại. Chỉ có một người tự tử. Người ta nói rằng Ellsworth đã có một ảnh hưởng lớn tới họ – bởi vì họ không bao giờ quên anh; họ tìm đến anh để được tư vấn về rất nhiều thứ; nhiều năm sau, họ vẫn viết thư cho anh, bám lấy anh. Họ như những cỗ máy không có nút tự khởi động mà phải được ai đó khởi động hộ từ bên ngoài. Ellsworth lại luôn dành thời gian cho họ.

Cuộc sống của anh bận rộn, công khai và ít riêng tư như là một quảng trường thành phố. Người nào làm việc vì người khác thì không thể có những người bạn riêng tư được. Người ta tìm đến anh; anh không tiến đến gần với bất cứ ai. Anh tiếp nhận tất cả. Tình yêu mến của anh như vàng ròng, êm ái

và công bằng, như một bãi cát trải dài, không có ngọn gió nào làm xuất hiện đụn cao đụn thấp, chỉ có cát phẳng lặng và mặt trời rực rỡ trên cao.

Anh dùng thu nhập ít ỏi của mình để đóng góp từ thiện cho rất nhiều tổ chức. Anh không bao giờ cho bất cứ ai vay một đồng nào. Anh không bao giờ yêu cầu những người bạn giàu có của anh trực tiếp giúp đỡ những người đang thiếu thốn; nhưng anh lấy từ họ những khoản tiền lớn để đưa cho các tổ chức từ thiện: các nhà tế bần, các trung tâm phục hồi sức khỏe, nhà phục hồi nhân phẩm cho phụ nữ, trường học cho trẻ tàn tật. Anh có chân trong hội đồng quản lý của nhiều tổ chức – mà không nhận lương. Rất nhiều các hoạt động từ thiện và các sách báo có tư tưởng cách tân khác nhau đều có chung một mắt xích giữa chúng, một mẫu số chung: cái tên Ellsworth Toohey trên các giấy tờ hành chính. Anh là kiểu người quản lý công ty kinh doanh lòng từ thiện.

Phụ nữ không có vai trò trong cuộc sống của anh. Tình dục chưa bao giờ hấp dẫn anh. Những thôi thúc thất thường, lén lút của anh thường hướng về các cô gái trẻ, mảnh dẻ, ngực và mông lớn, nhưng ít học – kiểu như những cô phục vụ hay cười khúc khích, những cô thợ sơn sửa móng tay thơn thớt nói cười, những cô nàng đánh máy thuê chậm chạm; cái kiểu phụ nữ mặc váy màu hồng hoặc tím, đội những cái mũ nhỏ ở phía sau đầu trong khi phía trước để xòa những lọn tóc vàng. Anh thờ ơ với những phụ nữ có học.

Anh cho rằng gia đình là một tổ chức tư sản nhưng anh không công khai phản đối nó và cũng không đấu tranh đòi hỏi tình yêu vô điều kiện trong gia đình. Chủ đề tình dục làm anh buồn chán. Anh cho rằng người ta ồn ào một cách quá đáng về cái thứ chết tiệt ấy; nó không có gì quan trọng; chẳng có vấn đề gì là quá quan trọng trên thế giới này.

Năm tháng trôi qua; mỗi ngày bận rộn của Toohey như một đồng xu nhỏ bỏ một cách nhẫn nại vào trong một cái máy đếm xu khổng lồ mà không thèm liếc nhìn số tiền tổng cộng, cũng không cần rút ra. Dần dần, một trong số các hoạt động của ông bắt đầu nổi bật lên so với các hoạt động khác; ông được biết đến như nhà phê bình nổi tiếng về kiến trúc. Ông viết về kiến trúc cho ba tạp chí vốn nổi lên ồn ào trong vài năm rồi lần lượt thất bại: tờ *Những tiếng nói mới*, tờ *Những con đường mới*, và tờ *Những chân trời mới*. Tờ thứ tư, *Những mặt trận mới*, sống sót. Ellsworth Toohey là người duy nhất không chết chìm trong những vụ đắm tàu trước đó. Phê bình kiến trúc là một lĩnh vực chẳng mấy người quan tâm; chỉ một vài người viết và càng ít người hơn đọc nó. Toohey nhờ thế có được tiếng tăm và gần như một sự độc quyền. Những tạp chí lớn hơn bắt đầu gọi điện cho ông mỗi khi họ cần đến cái gì có liên quan tới kiến trúc.

Năm 1921, cuộc sống riêng của Toohey có một thay đổi nhỏ: cháu gái

ông, Catherine Hasley, con gái của chị Helen, đến sống với ông. Cha ông mất đã lâu và dì Adeline đã biến mất vào trong đói nghèo ở một thị trấn nhỏ nào đó. Sau cái chết của cha mẹ Catherine, không có ai chăm sóc cô bé. Toohey đã không định nuôi cô bé ở nhà mình. Nhưng khi Catherine bước xuống khỏi tàu hỏa ở New York, khuôn mặt nhỏ nhắn của cô trong một khoảnh khắc trông thật đẹp đẽ, cứ như thể cả một tương lai đang mở rộng trước mặt cô và ánh sáng của nó đã phủ lên trán cô, cứ như thể cô háo hức, tự hào và sẵn sàng gặp nó. Đấy là một trong những khoảnh khắc hiếm hoi mà một con người bình thường đột ngột nhận ra mình là trung tâm thế giới và cái nhận thức đó làm cho họ trở nên đẹp đẽ; và thế giới – trong mắt những người nhìn thấy họ – trông tốt đẹp hơn vì có cái trung tâm như vậy. Ellsworth Toohey nhìn thấy điều này và quyết định rằng Catherine phải sống cùng ông.

Năm 1925, cuốn *Những lời răn trên đá* xuất bản – và đi kèm với nó là sự nổi tiếng.

Ellsworth Toohey trở thành một thứ mốt. Những chủ nhà trí thức tranh nhau mời ông. Một vài người không thích ông và cười nhạo ông. Nhưng nhìn chung, người ta chẳng cảm thấy thỏa mãn nhiều khi cười nhạo Ellsworth Toohey bởi vì ông luôn là người đưa ra những nhận xét báng bổ nhất về bản thân mình. Một lần, ở một bữa tiệc, một thương gia tự mãn và quê mùa lắng nghe Toohey trình bày các quan điểm xã hội một lúc rồi nói một cách cao ngạo "Dào, tôi chẳng biết mấy về những thứ học thức này nọ. Tôi đầu cơ chứng khoán." Toohey đáp lại "Tôi đầu cơ tâm hồn. Và tôi thường bán tháo."

Hệ quả quan trọng nhất của cuốn *Những lời răn trên đá* là việc Toohey ký hợp đồng phụ trách một cột báo hàng ngày cho tờ *Ngọn cờ New York* của Gail Wynand.

Hợp đồng này làm cho những tín đồ của cả Toohey lẫn tờ *Ngọn cờ* đều ngạc nhiên và ban đầu thì làm cho tất cả mọi người nổi giận. Toohey đã thường xuyên nhắc đến Wynand và thường chẳng mấy kính trọng; trong khi đó, các tờ báo của tập đoàn Wynand đã gọi Toohey bằng đủ mọi thứ tên mà người ta có thể được phép in lên mặt báo. Nhưng tập đoàn Wynand không có nguyên tắc nào ngoài việc phản ảnh những gì mà nhiều người tin nhất, và điều này khiến nó liên tục thay đổi hướng đi mặc dù, tựu chung lại, người ta vẫn có thể thấy cái đích chung của nó: hướng tới những độc giả ít chính kiến, thiếu trách nhiệm, sáo rỗng và ủy mị. Các tờ báo của tập đoàn Wynand chống lại những người có đặc quyền và ủng hộ quần chúng bình dân, nhưng theo một cách kỳ quặc: chúng vạch trần các tập đoàn độc quyền, chúng ủng hộ đình công và nhiều thứ khác – nhưng chỉ khi chúng muốn thế. Chúng lên

án Phố Wall, lên án chủ nghĩa xã hội và hò hét đòi có những bộ phim sạch sẽ – tất cả đều nhiệt tình như nhau. Chúng the thé và om sòm – và về bản chất – hầu như ôn hòa một cách buồn tẻ. Ellsworth Toohey là một người quá cực đoan để có thể phù hợp với tờ *Ngọn cờ*.

Tuy thế, các nhân viên của tờ *Ngọn cờ* cũng dễ dãi như chính sách của tờ báo. Nhân viên ở đây gồm tất cả những ai biết cách chiều lòng công chúng hoặc một phần lớn công chúng. Người ta đã nói "Gail Wynand không phải là con lợn. Ông ta ăn tạp." Ellsworth Toohey thì nổi tiếng, công chúng thì đột nhiên quan tâm đến kiến trúc; mà tờ *Ngọn cờ* thì chưa có tiếng nói về phần kiến trúc nên tờ *Ngọn cờ* phải mua Ellsworth Toohey. Đây chỉ là một lô-gíc đơn giản.

Và như thế, mục *Một tiếng nói nhỏ* ra đời.

Tờ *Ngọn cờ* giải thích sự xuất hiện của mục này bằng cách tuyên bố: "Vào thứ Hai, tờ *Ngọn cờ* sẽ giới thiệu với quý vị một người bạn mới – Ellsworth M. Toohey, người mà các bạn đã đọc và yêu thích quyển sách *Những lời răn trên đá* của ông. Cái tên Toohey đồng nghĩa với ngành kiến trúc vĩ đại. Ông sẽ giúp các bạn hiểu tất cả những gì các bạn muốn biết về sự kỳ diệu của các công trình hiện đại. Hãy theo dõi mục *Một tiếng nói nhỏ* vào ngày thứ Hai. Chỉ xuất hiện duy nhất trên tờ *Ngọn cờ* của thành phố New York." Người ta không đả động chuyện cái tên Toohey còn đồng nghĩa với cái gì.

Ellsworth Toohey không tuyên bố cũng không giải thích với bất cứ ai. Ông không đếm xỉa đến những người bạn khóc lóc với ông rằng ông đã bán rẻ bản thân. Ông cứ thế đi làm. Mỗi tháng một lần, ông dành mục *Một tiếng nói nhỏ* để bàn về kiến trúc. Thời gian còn lại, ông viết về bất cứ cái gì ông muốn – miễn có tác dụng lôi kéo hàng triệu người.

Toohey là nhân viên duy nhất trong tập đoàn Wynand được phép viết bất cứ thứ gì ông muốn. Ông đã kiên quyết yêu cầu điều này. Tất cả mọi người đều coi đó là một chiến thắng lớn, trừ Ellsworth. Ông nhận ra nó có thể có một trong hai nghĩa: hoặc Wynand đã tự nguyện cúi mình trước uy tín của ông, hoặc Wynand coi thường ông đến mức để mặc ông muốn làm gì thì làm.

Một tiếng nói nhỏ dường như không bao giờ phát biểu điều gì nguy hiểm, cách mạng và hiếm khi bàn chuyện chính trị. Nó chỉ rao giảng những vấn đề đạo lý mà hầu hết mọi người đều đồng tình, như chuyện lòng ích kỷ, tình bằng hữu, sự công bằng. "Tôi muốn tốt bụng hơn là muốn đúng." "Lòng trắc ẩn đứng cao hơn công lý; lòng tốt đơn giản đứng cao hơn lòng tốt duy lý." "Đứng về mặt giải phẫu – và có lẽ cả về các mặt khác – thì trái tim là bộ

phận quan trọng nhất của chúng ta. Bộ não là một cơ quan lừa dối." "Trong các vấn đề tâm linh, có một bài kiểm tra nhỏ và chính xác: tất cả những gì xuất phát từ cái tôi đều là xấu xa, tất cả những gì xuất phát từ tình yêu với người khác đều là tốt đẹp." "Phụng sự là dấu hiệu duy nhất của sự cao quý. Tôi không thấy có gì xúc phạm trong việc lấy phân bón làm biểu tượng cao nhất cho số phận con người: chính phân bón làm ra lúa mì và hoa hồng." "Nếu một người anh dũng hơn những người khác, anh ta đang lăng mạ những người kia. Chúng ta không nên mong muốn những phẩm chất mà người khác không thể chia sẻ." "Tôi chưa từng thấy một thiên tài hay anh hùng nào mà, nếu phải cầm một que diêm cháy, lại cảm thấy ít đau hơn những người anh em vô danh khác của họ." "Thiên tài là một sự phóng đại tầm vóc. Chứng phù thũng cũng như vậy. Cả hai có thể chỉ là một loại bệnh." "Lột bỏ làn da, tất cả chúng ta đều là anh em với nhau và tôi sẽ sẵn sàng lột da nhân loại để chứng minh điều đó một lần."

Trong các văn phòng của tờ *Ngọn cờ*, Ellsworth Toohey được đối xử một cách tôn trọng và được mặc kệ. Người ta thì thào rằng Gail Wynand không ưa Toohey – bởi vì Wynand luôn luôn lịch sự với ông ta. Alvah Scarret cố uốn mình đến mức độ thân mật nhưng vẫn giữ một khoảng cách thận trọng. Có một thế cân bằng không lời và cảnh giác giữa Toohey và Scarret: họ hiểu lẫn nhau.

Toohey không hề cố gắng tiếp cận Wynand. Toohey dường như thờ ơ với tất cả những người coi tờ *Ngọn cờ* là quan trọng. Ông tập trung vào những người khác.

Toohey tổ chức một câu lạc bộ cho những nhân viên của Wynand. Đấy không phải là một công đoàn, chỉ là một câu lạc bộ. Họ họp một tháng một lần trong một thư viện của tờ *Ngọn cờ*. Họ không bàn những chuyện lương bổng, số giờ làm việc hay tình trạng làm việc; họ không có chương trình cụ thể nào cả. Mọi người chỉ làm quen, nói chuyện và nghe các thuyết trình. Ellsworth Toohey là người thuyết trình chính. Ông nói về những chân trời mới và về báo chí như tiếng nói của quần chúng. Gail Wynand xuất hiện một lần tại cuộc họp; ông bước vào đột ngột ngay giữa buổi họp. Toohey mỉm cười và mời ông tham gia câu lạc bộ; Toohey tuyên bố rằng Wynand có đủ tư cách tham gia. Wynand không tham gia. Ông ngồi nghe chừng nửa giờ, rồi ngáp, đứng dậy và bỏ đi trước khi cuộc họp kết thúc.

Alvah Scarret đánh giá cao việc Toohey đã không xen vào công việc của mình, nhất là trong lĩnh vực chính sách của tờ báo. Để đáp lại điều này, Scarret để Toohey được giới thiệu nhân viên mới mỗi khi có một vị trí khuyết người, đặc biệt là nếu như vị trí đó chẳng mấy quan trọng; về cơ bản, Scarret không quan tâm trong khi Toohey rất coi trọng chuyện này, ngay cả

khi đấy chỉ là một vị trí đọc bản thảo để soát lỗi chính tả. Những người Toohey giới thiệu luôn được nhận. Hầu hết họ là những người trẻ, ngạo mạn, tài giỏi, có đôi mắt gian giảo và bắt tay rất lỏng lẻo. Họ còn có những đặc điểm tương đồng khác nữa ngoài những thứ hiển hiện nói trên.

Có một vài cuộc họp hàng tháng mà Toohey tham dự thường xuyên: cuộc họp của Hiệp hội những Nhà Xây dựng Hoa Kỳ, cuộc họp của Hội Nhà văn Hoa Kỳ và cuộc họp của Hiệp hội Họa sĩ Hoa Kỳ. Ông là người tổ chức những cuộc họp này.

Lois Cook là chủ tịch Hội Nhà văn Hoa Kỳ. Hội này họp trong phòng khách nhà chị ở khu Bowery. Chị là người nổi tiếng duy nhất của hội. Số còn lại gồm một người đàn bà chưa từng viết chữ in trong các sách của bà ta, một người đàn ông không bao giờ dùng dấu phẩy; một thanh niên đã viết một cuốn tiểu thuyết dày một ngàn trang mà không có một chữ o; một người khác đã viết những vần thơ không hề có vần hay điệu; một người đàn ông để râu quai nón, được tiếng là trí tuệ, và đã chứng minh điều đó bằng cách cứ mười trang viết lại có một trang in tất cả những từ bậy bạ trên bản thảo; một cô gái bắt chước Lois Cook, có điều phong cách của cô ta ít nổi bật hơn; khi người ta yêu cầu giải thích, cô ta nói rằng đấy là cách mà cô ta nhìn thấy cuộc sống qua các lăng kính vô thức của cô ta – "Các vị biết lăng kính sẽ làm gì với ánh sáng, phải không?" – cô ta hỏi. Có một thanh niên trẻ luôn được gọi là thiên tài Ike, mặc dù không ai biết anh ta đã làm gì, ngoài việc anh ta nói rất nhiều về chuyện yêu thích mọi thứ trong cuộc sống.

Hội Nhà văn ký một tuyên bố chung, rằng các nhà văn là người phục vụ của công chúng nghèo khổ – dĩ nhiên, bản tuyên bố không được viết đơn giản như vậy; nó dài dòng và nhiệt huyết hơn nhiều. Bản tuyên bố được gửi cho mọi tờ báo trong cả nước. Nó không bao giờ được in, trừ trên trang 32 của tờ *Những mặt trận mới*.

Chủ tịch của Hội Họa sĩ Hoa Kỳ là một thanh niên nhợt nhạt chuyên vẽ những gì anh ta nhìn thấy trong những giấc mơ hàng đêm. Một thành viên nam của hội không bao giờ dùng vải vẽ mà làm gì đó với những cái lồng chim và máy hát; một người khác thì phát hiện ra một kỹ thuật vẽ mới: anh ta bôi đen cả trang giấy và sau đó vẽ bằng tẩy. Có một phụ nữ trung tuổi, cao to, luôn vẽ trong trạng thái vô thức – chị ta tuyên bố rằng mình không bao giờ nhìn vào tay trong lúc vẽ và hoàn toàn không biết tay mình đang vẽ gì; tay tôi – chị ta nói – được dẫn dắt bởi linh hồn của người tình trong mộng mà tôi chưa bao giờ gặp. Trong các buổi họp của hội, họ không nói nhiều về quần chúng nghèo khổ mà chỉ lên tiếng kêu gào chống lại sự bạo ngược của thực tại và những thứ khách quan.

Một vài người bạn nói với Ellsworth Toohey rằng ông đã không nhất

quán; họ nói ông đã phản đối sâu sắc chủ nghĩa cá nhân, thế mà rồi tất cả những nhà văn và họa sĩ của ông – tất cả bọn họ đều là những kẻ tôn thờ chủ nghĩa cá nhân. Toohey mỉm cười dịu dàng và trả lời: "Anh thực sự nghĩ thế à?"

Không ai coi những hội đồng này là nghiêm túc. Mọi người bàn tán về chúng, bởi vì chúng là đề tài thú vị cho các cuộc chuyện phiếm; mọi người đều nghĩ chúng vô thưởng vô phạt nên chúng chẳng có hại gì. "Các vị nghĩ thế thật sao?" – Toohey nói.

Ellsworth Toohey năm nay 41 tuổi. Ông sống trong một căn hộ sang trọng nhưng quá khiêm tốn so với mức thu nhập mà ông có thể có nếu ông mong muốn. Ông thích dùng từ "bảo thủ" để nói về một khía cạnh của mình: gu ăn mặc bảo thủ. Chưa một ai nhìn thấy ông nổi giận. Phong cách của ông không bao giờ biến đổi; nó như nhau ở một buổi tiếp tân, trong một cuộc họp công đoàn, trên bục giảng, trong nhà tắm hay trong lúc quan hệ tình dục: luôn luôn bình tĩnh, tự chủ, hài hước, và hơi kẻ cả.

Mọi người ngưỡng mộ khiếu hài hước của ông. Họ nói ông là người có khả năng tự giễu bản thân. "Tôi là một người nguy hiểm. Ai đó nên cảnh báo với các vị về tôi" – ông nói với mọi người như thế, bằng giọng điệu của người đang tuyên bố một điều lố bịch nhất trên đời.

Trong rất nhiều danh hiệu mà người ta phong cho ông, ông ưa nhất danh hiệu: Ellsworth Toohey, người theo chủ nghĩa vị nhân sinh.

X.

Tòa nhà Enright House khánh thành vào tháng sáu năm 1929.

Không có lễ khánh thành chính thức nào. Tuy nhiên, Roger Enright muốn đánh dấu sự kiện này theo ý muốn riêng của ông. Ông mời một vài người mà ông ưa và ông tự mở khóa cánh cửa lớn bằng kính vào nhà. Ông đẩy nó mở toang cho nắng tràn vào. Một vài phóng viên nhiếp ảnh đã tới vì câu chuyện có liên quan tới Roger Enright và bởi vì Roger Enright không muốn họ có mặt. Ông phớt lờ họ. Ông đứng ở giữa đường, nhìn lên căn nhà; sau đó ông đi qua sảnh chính, đột ngột dừng lại rồi lại tiếp tục bước đi. Ông không nói gì. Ông nhăn mặt rất nhiều, như thể ông sắp hét lên vì giận dữ. Bạn bè ông biết rằng Roger Enright đang hài lòng.

Căn nhà nằm trên bờ sông Đông. Nó là một cấu trúc thăng hoa, như những cánh tay vươn lên. Những hình khối bằng thạch anh nhô lên từng nhịp hùng hồn, khiến cho căn nhà không phải như nằm bất động mà dâng dần lên liên tục – cho đến lúc người ta nhận ra rằng cái dâng đó chỉ là cái nhìn bị bắt buộc phải rướn dần lên theo một nhịp điệu nhất định của chính mình. Những bức tường bằng đá vôi xám nhạt chuyển thành màu bạc trên nền trời – một màu tinh khiết và trầm tĩnh của kim loại nhưng là thứ kim loại đã được biến thành một chất liệu sống, ấm áp, và được cắt bởi một thứ dụng cụ cắt tuyệt vời nhất trên mặt đất – đó là ý chí có mục đích của con người. Tòa nhà trông sống động theo một cách riêng của nó, và vì thế, những người đứng ngắm nó đều tự nhủ một cách bất giác: "... như hình dáng và hiện thân của Người."[87]

Một phóng viên ảnh của tờ *Ngọn cờ* nhìn thấy Howard đứng bên kia đường, cạnh kè đá dọc con sông. Anh đang ngửa người ra phía sau, hai tay khoanh lại phía bên trên kè đá, đầu không đội mũ, mắt ngước lên nhìn tòa nhà. Đấy là một khoảnh khắc vô thức và tình cờ. Anh chàng phóng viên liếc nhìn khuôn mặt Roark – và nghĩ đến một thứ đã làm anh ta băn khoăn từ lâu nay: anh ta đã luôn tự hỏi tại sao những cảm giác mà người ta có trong những giấc mơ lại mạnh mẽ hơn nhiều so với những gì người ta có thể cảm nhận trong thực tại tỉnh thức, tại sao sự kinh hoàng lại bao bọc và sự thăng hoa lại trọn vẹn đến thế, và cái gì là cái đặc tính riêng của những giấc mơ mà người ta không bao giờ tái tạo lại được trong hiện thực – cái cảm giác mà anh ta cảm thấy khi anh bước dọc một con đường mòn xuyên qua những cái lá cây màu xanh đan vào nhau trong một giấc mơ, trong một không khí đầy sự hy vọng, đầy cảm giác sung sướng vô tư lự – và khi tỉnh lại thì anh ta không thể giải thích được tại sao chỉ có mỗi con đường mòn qua rừng lại làm anh sung sướng đến thế. Anh ta nghĩ đến điều đó bởi vì anh ta nhìn thấy cái

đặc tính riêng ấy lần đầu tiên trong thực tại thức tỉnh, anh ta thấy nó trên khuôn mặt đang ngước lên nhìn tòa nhà của Roark. Người phóng viên còn trẻ, mới vào nghề; anh ta chưa biết nhiều về công việc nhưng anh ta yêu nó; anh đã chụp ảnh nghiệp dư từ lúc còn nhỏ. Và anh ta đã chụp một bức ảnh của Roark vào khoảnh khắc đó.

Về sau, biên tập viên trang Nghệ thuật của tờ *Ngọn cờ* nhìn thấy bức ảnh và hỏi giật giọng:

"Cái quái gì thế này?"

"Howard Roark."

"Howard Roark là ai?"

"Người kiến trúc sư."

"Ai lại cần ảnh một kiến trúc sư?"

"Tôi chỉ nghĩ là..."

"Hơn thế, trông nó thật ngớ ngẩn. Anh ta làm sao thế?"

Và bức ảnh bị ném vào phòng lưu trữ tư liệu.

Tòa nhà Enright được thuê rất nhanh. Những người thuê nhà là những người muốn sống ở một nơi có tiện nghi thích hợp và không quan tâm tới điều gì khác. Họ không thảo luận về giá trị của tòa nhà; đơn thuần là họ thích sống ở đó. Họ là những người sống một cuộc đời có ích nhưng kín đáo, ít được mọi người biết đến.

Trong ba tuần, người ta bàn tán rất nhiều về tòa nhà Enright. Họ nói rằng nó tự mãn, phô trương, và giả dối. Họ nói: "Em yêu, thử tưởng tượng chúng ta phải mời bà Moreland đến chơi nếu chúng ta sống trong tòa nhà đó. Nhà bà ấy thật là đẹp!" Và bắt đầu có những người nói: "Anh biết đấy, tôi khá ưa kiến trúc hiện đại; thời buổi này, kiểu kiến trúc đó có cái gì đó khá hay, ở Mỹ có cả một trường phái kiến trúc như vậy, cũng khá thú vị – nhưng mà cái nhà này thì chẳng giống thế một chút nào. Cái nhà này là đồ bỏ."

Ellsworth Toohey không hề đả động đến tòa nhà Enright trong mục báo của ông. Một bạn đọc viết cho ông: "Thưa ông Toohey, ông nghĩ gì về cái tòa nhà có tên Enright? Tôi có một người bạn làm trang trí nội thất và anh ta nói rất nhiều về nó; anh ta bảo nó là một tòa nhà kinh khủng. Kiến trúc và những nghệ thuật khác là niềm yêu thích của tôi, tôi không biết phải nghĩ thế nào. Ông có thể trình bày ý kiến của ông trong một bài báo được không?" Ellsworth Toohey trả lời bằng một lá thư riêng: "Bạn thân mến: Có quá nhiều tòa nhà quan trọng và những sự kiện vĩ đại trong thế giới hôm nay và tôi không thể lãng phí mục báo của tôi cho những thứ lẻ tẻ được."

Nhưng có những người tìm đến Roark – một số ít mà anh đã mong muốn. Mùa đông đó, anh nhận được hợp đồng xây biệt thự Norris, một căn nhà nhỏ ở nông thôn. Tháng Năm, anh ký một hợp đồng khác – đó là hợp đồng xây tòa nhà văn phòng đầu tiên của anh – một tòa nhà chọc trời năm mươi tầng, ngay giữa trung tâm Manhattan. Anthony Cord, chủ tòa nhà, đã đi từ chỗ vô danh thành một tỷ phú nhờ kinh doanh tài chính chỉ trong vài năm. Ông ta muốn xây một tòa nhà riêng của mình và ông ta tìm đến Roark.

Văn phòng của Roark đã mở rộng thành bốn phòng. Nhân viên của anh hết sức yêu quý anh. Chính họ cũng không biết điều đó và họ sẽ sốc nếu nghe ai dùng từ "yêu quý" để mô tả tình cảm của họ với ông chủ lạnh lùng, không hề cởi mở, và có vẻ vô cảm của mình. "Lạnh lùng, không cởi mở, vô cảm" là những từ họ dùng để mô tả Roark – họ đã được huấn luyện việc dùng những từ này theo những tiêu chuẩn và nhận thức trong quá khứ của họ; chỉ có điều, khi làm việc với anh, họ biết rằng tất cả những từ kia đều sai, nhưng họ không thể giải thích được con người anh cũng như cảm giác mà họ dành cho anh.

Anh không cười với các nhân viên của mình, anh không đưa họ đi uống nước, anh không bao giờ hỏi thăm về gia đình họ, về chuyện yêu đương hay về chuyện đi nhà thờ của họ. Anh chỉ quan tâm đến cái cốt lõi nhất của một con người: khả năng sáng tạo của người đó. Trong văn phòng của anh, người ta bắt buộc phải biết làm việc. Không có lựa chọn, không có những chiếu cố nào khác. Nhưng nếu một người làm việc tốt, anh ta không cần gì khác để giành được cảm tình của Roark: nó được trao cho anh, không phải như một thứ quà, mà như một món nợ phải trả. Nó được trao, không phải như một thứ tình cảm yêu quý, mà như một sự thừa nhận về con người. Nó tạo ra cảm giác tự tôn lớn trong tất cả những người làm việc ở văn phòng của Roark.

Khi một nhân viên của Roark cố gắng giải thích điều này ở nhà, một người nói với anh: "Nhưng như thế chẳng giống con người gì cả, cái kiểu đối xử lạnh lùng và không văn minh của anh ta ấy." Một anh chàng trẻ tuổi – một người kiểu Peter Keating – đã thử lấy tính cách và vẻ ngoài thay vì tài năng để chiếm cảm tình của Roark, anh ta chỉ ở đó được hai tuần. Thỉnh thoảng Roark cũng sai lầm trong việc chọn người làm, nhưng việc đó không thường xuyên; những người mà anh giữ lại được sau một tháng làm việc trở thành bạn vĩnh viễn của anh. Họ không tự gọi mình là bạn anh; họ không ca ngợi anh với người ngoài; họ không nói về anh; nhưng họ biết – một cách mơ hồ – rằng không phải họ đang trung thành với anh mà họ đang trung thành với phần tốt nhất trong chính con người họ.

*

* *

Dominique ở lại trong thành phố suốt mùa hè. Cô nhớ thói quen du lịch của cô với cảm giác thỏa mãn cay đắng; cô giận dữ khi nghĩ rằng cô không được phép đi, không được phép muốn đi. Cô tận hưởng sự giận dữ; nó kéo cô tới phòng anh. Vào những đêm mà cô không đến chỗ anh, cô đi bộ qua những đường phố của thành phố. Cô đi bộ từ tòa nhà Enright tới Cửa hàng Fargo, và đứng nhìn tòa nhà một lúc lâu. Cô lái xe một mình ra khỏi thành phố – để tới ngắm biệt thự của Heller, nhà Sanborn, trạm xăng Gowan. Cô không bao giờ kể cho anh những điều này.

Một lần, cô lên chuyến phà sang đảo Staten vào lúc hai giờ sáng; cô đứng một mình ở lan can vắng người. Cô nhìn thành phố xa dần khỏi cô. Trong khoảng không mênh mông của trời và nước, thành phố chỉ như một khối vật chất rắn chắc nhỏ nhoi, lởm chởm. Nó như bị cô đặc, ép sát vào nhau, không còn những con đường và những tòa nhà riêng biệt mà chỉ như một khối đá điêu khắc đơn nhất. Như những bậc thềm không đều nhau cứ dâng lên rồi hạ xuống không theo quy tắc nào – những đoạn rướn dài xen với những đoạn đứt đột ngột, như bản phác thảo một cuộc vật lộn khó nhọc. Nhưng cuộc vật lộn ấy lên tới một vài đỉnh cao – đó là những tòa nhà cao tầng hiên ngang đứng vượt lên mọi thứ.

Con phà đi ngang qua Tượng thần Tự Do – một hình khối được thắp sáng màu xanh lá cây, với một cánh tay giơ lên như những tòa nhà chọc trời phía sau nó.

Cô đứng ở lan can trong lúc thành phố thu nhỏ dần; và cô cảm thấy cái chuyển động tăng dần khoảng cách giữa cô với thành phố đang làm người cô đanh lại, giống như có một sợi dây chun buộc vào cô và sợi dây ấy chỉ có thể kéo dãn đến một mức nhất định. Cô đứng với một cảm giác sung sướng lặng lẽ khi con phà đi ngược trở lại và cô nhìn thấy thành phố lớn dần lên để chào đón cô. Cô dang rộng hai tay. Thành phố nở rộng ra, tới hai khuỷu tay cô, rồi tới cổ tay cô, rồi vượt ra ngoài những ngón tay cô. Rồi những tòa nhà chọc trời vươn lên quá đầu cô; và cô đã trở lại.

Cô bước lên bờ. Cô biết cô phải tới đâu và cô muốn tới đó thật nhanh, nhưng cô cũng cảm thấy cô phải tự mình đi tới đó, như thế này, trên chính đôi chân của cô. Và cô đi bộ qua một nửa Mahattan, qua những đường phố dài, vắng người, vang vọng tiếng bước chân cô. Khi cô gõ cửa phòng anh, đã bốn rưỡi sáng. Anh đang ngủ. Cô lắc đầu. "Không" – cô nói – "Đi ngủ đi. Em chỉ muốn ở đây." Cô không chạm vào anh. Cô bỏ mũ và giày, thu mình trong một chiếc ghế bành và ngủ mất, cánh tay thõng qua thành ghế, đầu gục trên cánh tay. Buổi sáng, anh không hề hỏi cô. Họ cùng nhau chuẩn bị bữa sáng, rồi anh vội vã đi đến văn phòng. Trước khi đi, anh ôm cô và hôn cô. Rồi anh bước ra khỏi cửa. Cô đứng khoảng vài giây, rồi cô cũng đi. Họ đã

nói với nhau không quá hai mươi từ.

Có những cuối tuần họ rời thành phố cùng nhau và lái xe tới một chỗ vắng người nào đó dọc bờ biển. Họ nằm phơi mình dưới nắng, trên bãi cát của một bãi biển bỏ hoang; họ xuống bơi. Cô thích ngắm thân hình anh trong nước. Cô thường tụt lại phía sau và đứng cho sóng đánh vào đầu gối; cô ngắm anh cắt một đường thẳng trên mặt nước bằng những cái khoát tay. Cô thích nằm với anh ở mép nước; cô nằm sấp, cách anh một chút, đầu quay vào bờ, những ngón chân mở ra đón sóng; cô sẽ không chạm vào người anh nhưng cô sẽ cảm thấy những con sóng đang tràn đến gần họ, đập vào thân thể họ và cô sẽ thấy chúng rút ra như những dòng suối nhỏ tràn xuống từ thân thể cô và thân thể anh.

Họ ngủ ở một nhà trọ nào đó trong vùng nông thôn – chung một phòng. Họ không bao giờ nói về những thứ họ bỏ lại trong thành phố. Nhưng chính những thứ không được tuyên bố ấy mang lại cho họ sự đơn giản thoải mái trong những giờ bên nhau; mỗi khi họ nhìn nhau, mắt họ cười không thành tiếng về cái giao kèo phi lý giữa họ.

Cô cố gắng thể hiện quyền lực của cô với anh. Cô tránh xa nhà anh; cô chờ anh tìm đến cô. Anh phá hỏng nó bằng cách đến quá sớm; bằng cách không để cho cô được thỏa mãn với cái ý nghĩ rằng anh phải chờ đợi và đấu tranh với ham muốn của anh; bằng cách đầu hàng ngay tức khắc. Cô sẽ nói: "Hôn tay em đi, Roark." Anh sẽ quỳ xuống và hôn cổ chân cô. Anh đánh bại cô bằng cách thừa nhận quyền lực của cô; cô không thể có được sự hài lòng thông qua việc áp đặt quyền lực ấy. Anh sẽ nằm dưới chân cô và anh sẽ nói: "Dĩ nhiên là anh cần em. Anh phát điên khi anh nhìn thấy em. Em có thể làm hầu như bất cứ thứ gì em muốn với anh. Có phải đấy là điều em muốn nghe? Hầu như mọi thứ, Dominique. Và những thứ mà em không thể bắt anh làm – em sẽ bắt anh đi qua địa ngục nếu như em đòi hỏi chúng và anh sẽ phải từ chối em. Qua địa ngục khủng khiếp nhất, Dominique. Em hài lòng chưa? Tại sao em lại muốn biết em có sở hữu anh hay không? Rất đơn giản. Dĩ nhiên là em có. Em sở hữu tất cả những gì có thể sở hữu được. Em sẽ không bao giờ đòi hỏi được gì khác. Nhưng nếu em muốn biết liệu em có thể làm anh đau khổ không thì câu trả lời là có. Nhưng thế thì đã sao nào?"

Những lời anh nói không giống như một sự đầu hàng, bởi vì nó không phải là những lời bị ép phải thốt ra mà là những lời thừa nhận một cách đơn giản và tự nguyện. Cô không cảm thấy sự sung sướng của người chinh phục; cô thấy mình bị sở hữu hơn bao giờ hết, sở hữu bởi một người có khả năng nói những lời kia, biết rằng chúng là có thật, và vẫn cứ để bị kiểm soát và kiểm soát – như cô muốn anh là thế.

*

* *

Cuối tháng Sáu, một người đàn ông có tên Kent Lansing đến gặp Roark. Ông ta 40 tuổi, ăn mặc như thể một người mẫu thời trang và trông như một võ sĩ đấm bốc ăn tiền mặc dù ông không hề lực lưỡng, cơ bắp, hay gân guốc: ông gầy và góc cạnh. Có điều ông làm cho người ta nghĩ đến một võ sĩ đấm bốc và nghĩ đến những thứ hoàn toàn không hợp với vẻ ngoài của ông: như những cái trụ gỗ để phá cổng thành, như xe tăng, hay những quả thủy lôi của tàu ngầm. Ông là thành viên một tập đoàn được thành lập với mục đích xây một khách sạn sang trọng ở gần khu nam của Công viên trung tâm. Có rất nhiều người giàu có tham gia dự án này và tập đoàn chịu sự điều khiển của nhiều hội đồng; họ đã mua đất nhưng vẫn chưa chọn được kiến trúc sư. Nhưng Kent Lansing đã quyết định rằng kiến trúc sư phải là Roark.

"Tôi sẽ không cố nói với ông tôi muốn thiết kế tòa nhà này đến mức nào" – Roark nói vào cuối buổi phỏng vấn đầu tiên giữa họ – "Nhưng tôi sẽ không có cơ hội làm việc đó. Tôi có thể làm việc với từng người. Nhưng tôi không thể làm gì với các nhóm. Chưa từng có một hội đồng nào thuê tôi cả – và tôi không nghĩ là họ sẽ."

Kent Lansing mỉm cười.

"Anh đã bao giờ thấy một hội đồng làm được việc gì chưa?"

"Ý ông là gì?"

"Chỉ thế thôi: anh đã bao giờ thấy một hội đồng làm được việc gì chưa?"

"Có vẻ họ vẫn tồn tại và vẫn hoạt động."

"Thật không? Anh biết đấy, có thời, người ta đã nghĩ rằng trái đất hiển nhiên phải phẳng lì. Thật thú vị khi nghĩ về bản chất và nguồn gốc của những ảo tưởng của con người. Một ngày nào đó, tôi sẽ viết một cuốn sách về chuyện này. Chắc là sẽ chẳng ai thích nó. Tôi sẽ dành một chương nói về các loại hội đồng quản trị. Anh thấy đấy, họ đâu có tồn tại."

"Tôi muốn tin ông, nhưng chuyện đùa này rút cục là thế nào?"

"Không, anh không muốn tin tôi. Chẳng đẹp đẽ gì khi phát hiện ra nguồn gốc những ảo tưởng của con người đâu. Hoặc là chúng xấu xa, hoặc là chúng đáng buồn. Chuyện này thì có cả hai. Chủ yếu là xấu xa. Và nó không phải chuyện đùa. Nhưng chúng ta sẽ không nói về chuyện đó vào lúc này. Ý tôi là một hội đồng quản trị thực ra chỉ là một hay hai người có tham vọng – và một đống những kẻ bợ đỡ khác. Ý tôi là các nhóm người thực ra là những cái ống rỗng. Hoàn toàn trống rỗng. Người ta cứ bảo chúng ta không thể nhìn thấy sự trống rỗng. Thì đấy, cứ ngồi vào bất cứ cuộc họp hội đồng nào xem. Vấn đề chỉ là ai là người lấp đầy cái khoảng trống đó. Đấy là một trận đấu

khó khăn. Khó khăn nhất. Chiến đấu với kẻ thù đã khó rồi – miễn là có kẻ thù ở đó mà chiến đấu. Đằng này, không có cả kẻ thù... Đừng nhìn tôi như thế, cứ như là tôi bị điên. Anh hẳn phải biết rõ chứ. Anh đã chiến đấu với sự trống rỗng suốt đời anh còn gì."

"Tôi nhìn ông như thế bởi vì tôi thích ông."

"Dĩ nhiên là anh thích tôi. Cũng như tôi đã biết trước là tôi sẽ thích anh. Con người là anh em, anh biết đấy, và họ có một bản năng tuyệt vời về tình anh em – chỉ trừ trong các hội đồng, các công đoàn, các tập đoàn và trong tù. Nhưng tôi nói quá nhiều rồi. Chính vì thế mà tôi là người bán hàng cừ. Tuy nhiên, tôi chẳng có gì để bán cho anh cả. Anh biết điều đó. Thế nên, chúng ta sẽ nói rằng chúng ta sẽ xây tòa nhà Aquitania – đấy là tên khách sạn của chúng ta – và mọi chuyện sẽ kết thúc như thế."

Nếu như bạo lực trong các trận chiến mà người ta chưa từng biết đến có thể được đo đạc bằng các con số thống kê cụ thể thì trận chiến giữa Kent Lansing và hội đồng quản trị tập đoàn Aquitania hẳn phải được kể đến như một trong những trận chiến bạo lực nhất trong lịch sử. Nhưng những thứ mà ông chống lại không rõ ràng như những tử thi trên các chiến trường.

Ông đã phải chống lại những hiện tượng như: "Nghe này, Palmer, Lansing đang nói đến một ai đó tên là Roark, ông định bỏ phiếu thế nào đây, các đại gia có thích anh ta không?" "Tôi sẽ không quyết định cho đến khi nào tôi biết ai bỏ phiếu thuận, ai bỏ phiếu chống." "Lansing nói... nhưng mặt khác, Thorpe nói với tôi..." "Talbot đang xây một cái khách sạn hoa hòe hoa sói trên Đại lộ Năm, cỡ 60 tầng – và lão ấy chọn Francon & Keating." "Harper đem đầu ra bảo đảm cho Gordon Prescott." "Nghe này, Betsy nói chúng ta điên rồi." "Tôi không thích cái mặt của Roark – trông anh ta chẳng có vẻ hợp tác." "Tôi biết, tôi cảm thấy thế, loại người như Roark không hợp đâu. Anh ta không phải một người bình thường." "Người bình thường là thế nào?" "Thì, ôi dào, ông biết rõ ý tôi là gì: bình thường ấy." "Thompson nói rằng bà Pritchett bảo rằng bà ấy biết chắc chắn bởi vì ông Macy bảo với bà ấy rằng nếu..." "Thế đấy, các ngài, tôi cóc quan tâm chuyện ai nói gì, tôi đã quyết định rồi và tôi xin nói với các vị cái tay Roark này là một kẻ chả ra gì. Tôi không thích cái nhà Enright." "Tại sao?" "Tôi không biết tại sao. Tôi chỉ không thích và thế thôi. Chả nhẽ tôi không có quyền có ý kiến của tôi à?"

Trận chiến kéo dài nhiều tuần. Tất cả mọi người đều phát biểu, trừ Roark. Lansing nói với anh: "Không sao đâu. Cứ bình tĩnh. Đừng làm gì cả. Cứ để tôi nói. Anh chẳng thể làm gì được. Khi đối mặt với xã hội thì người quan tâm nhất, người làm việc nhiều nhất và đóng góp nhiều nhất lại có ít tiếng nói nhất. Người ta nghiễm nhiên cho rằng anh ta chẳng có tiếng nói gì và những lý lẽ mà anh ta đưa ra luôn bị bác bỏ sẵn – bởi vì người ta đâu có

quan tâm đến lý lẽ mà chỉ quan tâm đến người nói lý thôi. Đánh giá một người bao giờ cũng dễ hơn đánh giá một luận điểm. Mặc dù tôi chả bao giờ hiểu làm sao người ta có thể đánh giá một người mà không đánh giá nội dung đầu óc anh ta. Tuy nhiên, thói đời thì là như vậy. Anh thấy đấy, lý lẽ đòi hỏi phải có cân để có thể cân đo chúng. Và cân thì không được làm từ bông. Thế mà tinh thần của loài người thì toàn là bông cả – anh biết đấy, cái thứ chả có hình dạng cố định gì và luôn luôn lún xuống và có thể vặn xuôi vặn ngược thành một cái bánh pretzel.[88] Anh có thể lý luận tốt hơn tôi về chuyện vì sao họ nên thuê anh. Nhưng họ sẽ không nghe anh và họ sẽ nghe tôi. Bởi vì tôi là người môi giới. Khoảng cách ngắn nhất giữa hai điểm không phải là một đường thẳng mà là một người môi giới. Và càng nhiều môi giới thì càng ngắn. Đấy chính là tâm lý học pretzel.

"Tại sao ông lại chiến đấu cho tôi như thế?" Roark hỏi.

"Tại sao anh lại là kiến trúc sư giỏi? Bởi vì anh có những tiêu chuẩn nhất định về việc thế nào là tốt và chúng là tiêu chuẩn của anh và anh kiên quyết trung thành với chúng. Tôi muốn có một cái khách sạn tốt và tôi có những tiêu chuẩn nhất định về việc thế nào là tốt và chúng là tiêu chuẩn của tôi và anh là người có thể mang lại cho tôi cái tôi muốn. Khi tôi chiến đấu cho anh, tôi chỉ đang làm đúng cái điều mà anh làm cho các tòa nhà của anh. Anh có nghĩ sự chính trực là phẩm chất độc quyền của các nghệ sĩ? Và tiện thể, anh nghĩ chính trực là gì? Là việc không móc đồng hồ khỏi túi người hàng xóm à? Không, không dễ dàng như thế. Nếu chỉ có thế, tôi có thể nói chín mươi lăm phần trăm nhân loại là những người chính trực và trung thực. Có điều, anh cũng thấy đấy, họ đâu có như vậy. Chính trực là khả năng trung thành với một tư tưởng. Điều đó bao hàm tiền giả định về khả năng tư duy. Tư duy là cái mà người ta không thể vay mượn hay cầm cố được. Ấy thế mà nếu người ta hỏi tôi một biểu tượng về con người như chúng ta biết, tôi sẽ không chọn một cây thánh giá hay một con đại bàng hay con sư tử hay là ngựa có sừng gì cả. Tôi sẽ chọn ba quả cầu mạ vàng."[89]

Và khi Roark nhìn ông, ông nói thêm: "Đừng lo. Tất cả bọn họ đều chống lại tôi. Nhưng tôi có một lợi thế: họ không biết họ muốn gì. Tôi thì biết."

Cuối tháng Bảy, Roark ký hợp đồng xây khách sạn Aquitania.

*

* *

Ellsworth Toohey ngồi trong văn phòng và nhìn vào tờ báo đang trải rộng trên mặt bàn của ông – trên đó có một mẩu tin công bố về hợp đồng xây khách sạn Aquitania. Ông hút thuốc; ông dùng hai ngón tay giữ đầu điếu thuốc trễ ở khóe miệng: một ngón tay đập đập vào điếu thuốc một lúc khá

lâu, chầm chậm, nhịp nhàng.

Ông nghe thấy tiếng cánh cửa phòng ông mở toang; ông ngước nhìn lên và thấy Dominique đứng đó, dựa vào khung cửa, hai tay khoanh lại trước ngực. Khuôn mặt cô trông có vẻ tò mò, ngoài ra không có gì khác; nhưng sự tò mò trên khuôn mặt cô làm cho người ta cảnh giác.

"Cô gái thân mến của tôi" – ông vừa nói vừa đứng dậy – "đây là lần đầu tiên cô quá bộ đến thăm chỗ làm của tôi – trong suốt bốn năm chúng ta ở chung tòa nhà này. Thật là một dịp trọng đại."

Cô không nói gì mà chỉ mỉm cười nhẹ nhàng – và điều ấy càng làm người ta cảnh giác. Ông nói thêm, giọng ông vui vẻ: "Bài diễn thuyết nhỏ của tôi, dĩ nhiên, cũng giống như một câu hỏi. Hay là chúng ta không hiểu nhau nữa rồi?"

"Tôi đoán là không – nếu như ông thấy cần phải hỏi xem cái gì đưa tôi đến đây. Nhưng ông biết rồi mà, Ellsworth, ông biết rõ điều đó: nó nằm ngay trên bàn ông đấy."

Cô bước lại bàn và lật một góc tờ báo. Cô phá ra cười.

"Ông có ước là ông đã giấu nó đi không? Dĩ nhiên ông đã không đoán là tôi đến. Điều đó cũng chẳng sao. Có điều, tôi muốn nhìn thấy ông lộ liễu dù chỉ một lần. Ngay ở trên bàn ông, đúng như thế kia. Và ở ngay chính giữa mục nhà đất nữa."

"Cô nghe như thể cái tin nhỏ nhặt ấy đã làm cô rất hạnh phúc."

"Nó đã làm tôi hạnh phúc, Ellsworth. Nó vẫn đang."

"Tôi cứ nghĩ là cô đã cố công để ngăn cái hợp đồng ấy."

"Tôi đã."

"Nếu cô nghĩ là cô đang đóng kịch, Dominique, thì cô đang tự lừa dối bản thân cô. Đây không phải là một vở kịch."

"Không, Ellsworth. Không hề."

"Cô vui vì Roark có nó à?"

"Tôi rất vui. Tôi có thể ngủ với cái lão Kent Lansing này, bất kể lão ấy là ai, nếu như tôi gặp lão ta và nếu lão ta đề nghị tôi."

"Vậy là cam kết của cô bị vỡ rồi à?"

"Không đời nào. Tôi sẽ ngăn chặn bất cứ công trình nào sắp đến tay anh ta. Tôi sẽ tiếp tục cố. Sẽ không dễ như trước nữa. Nhà Enright, nhà Cord, và giờ là cái này. Sẽ không dễ cho tôi – và cả ông. Anh ta đang đánh bại ông, Ellsworth. Ellsworth, nếu tôi và ông, chúng ta đã nghĩ sai về thế giới thì

sao?”

“Cô đã luôn luôn sai, cô gái yêu quý của tôi. Tha thứ cho tôi. Lẽ ra tôi chả nên ngạc nhiên. Dĩ nhiên việc anh ta có tòa nhà đó phải làm cô vui rồi. Tôi cũng chả cần phải giấu giếm là việc đó không hề làm tôi vui. Đấy, cô thấy chưa? Giờ thì chuyến viếng thăm của cô đã thành công rực rỡ rồi nhé. Vậy chúng ta chỉ cần xóa sổ tòa nhà Aquitana như một thất bại lớn của chúng ta và quên nó đi và tiếp tục như trước.”

“Chắc chắn rồi, Ellsworth. Giống như trước. Tôi sẽ cò cưa một bệnh viện mới rất tuyệt cho Keating vào bữa tối hôm nay.”

Ellsworth Toohey về nhà và ngồi nghĩ cả buổi tối về Hopton Stoddard.

Hopton Stoddard là một người đàn ông nhỏ bé có tài sản 20 triệu đô la. Ba nguồn thừa kế đã đóng góp vào con số này, cộng với bảy mươi hai năm bận rộn với sự nghiệp kiếm tiền của ông ta. Hopton Stoddard có một tài năng thiên bẩm về đầu tư; ông đầu tư vào bất cứ thứ gì – những tòa nhà có tai tiếng, những vở kịch Broadway lớn – chủ yếu có liên quan đến tôn giáo, các nhà máy, các khoản cầm cố trang trại và cả thuốc tránh thai. Ông nhỏ người và còng lưng. Mặt ông không méo mó; người ta chỉ tưởng là nó méo mó bởi vì nó chỉ mang một biểu hiện duy nhất: một cái cười mỉm. Cái miệng bé nhỏ của ông luôn có hình chữ V trên một vẻ mặt luôn luôn vui vẻ; lông mày ông cũng là những chữ V nhỏ xíu được uốn cong; hai mắt ông màu xanh nước biển; tóc ông trắng, dày, lượn sóng, trông như tóc giả nhưng thực ra là tóc thật.

Toohey đã biết Stoddard từ nhiều năm và có một ảnh hưởng lớn đến ông ta. Hopton Stoddard chưa bao giờ lập gia đình, không có họ hàng thân thích và cũng không có bạn; ông không tin mọi người, ông nghĩ rằng họ luôn chỉ chạy theo tiền của ông. Nhưng ông có một niềm kính trọng to lớn với Toohey, bởi vì Toohey đại diện cho cái đối lập hoàn toàn với cuộc đời ông; Toohey không hề quan tâm tới của cải vật chất; và vì sự đối lập ấy, ông coi Toohey là hiện thân của đức hạnh; điều này ám chỉ cái gì về cuộc sống của chính ông thì ông chưa bao giờ tự hỏi mình. Ông không thực sự thanh thản về cuộc sống của ông và càng ngày, cảm giác bất ổn càng tăng lên, cùng với nó là cảm giác chắc chắn về một sự kết thúc đang đến gần. Ông tìm thấy sự giải thoát trong tôn giáo – như một cách hối lộ. Ông đã thử nghiệm với một vài tín ngưỡng khác nhau; ông dự các buổi lễ, cúng tiến những khoản tiền lớn và rồi đổi sang một tín ngưỡng khác. Năm tháng qua đi, tốc độ thay đổi của ông cũng tăng lên; nó mang màu sắc của sự hoảng loạn.

Sự thờ ơ của Toohey với tôn giáo là khiếm khuyết duy nhất khiến ông thấy bất an về người bạn và cố vấn của ông. Nhưng những gì mà Toohey rao giảng đều có vẻ hòa hợp với các lời răn của Chúa: nào là lòng từ thiện, sự hy

sinh, giúp đỡ người nghèo. Stoddard cảm thấy an toàn mỗi khi ông làm theo những lời khuyên của Toohey. Ông đóng góp hậu hĩnh cho những tổ chức mà Toohey gợi ý mà chẳng cần để giục giã nhiều. Trong các vấn đề thuộc về linh hồn, ông đối xử với Toohey trên mặt đất cũng gần giống như ông đoán ông sẽ đối xử với Chúa trên thiên đàng.

Nhưng mùa hè này, Toohey đã lần đầu tiên chịu thua trước Hopton Stoddard.

Hopton Stoddard đã quyết định thực thi giấc mơ mà ông đã hoạch định một cách kín đáo và cẩn thận từ vài năm nay, giống như tất cả các vụ đầu tư khác của ông: ông quyết định xây một ngôi đền. Không phải ngôi đền cho một tín ngưỡng cụ thể nào, mà là một ngôi đền liên-tín-ngưỡng, một biểu tượng không bè phái của tôn giáo, một nhà thờ phụng mở cửa cho tất cả mọi người. Hopton Stoddard muốn đánh bài an toàn.

Ông cảm thấy sụp đổ khi Toohey khuyên ông không nên theo đuổi dự án này. Toohey muốn một ngôi nhà để nuôi trẻ khuyết tật; ông đã dựng lên một tổ chức, một hội đồng các nhà tài trợ tên tuổi và một nguồn tiền để chi trả các khoản chi phí vận hành; nhưng ông không có nhà và cũng không có tiền xây nhà. Toohey đã nói với ông: nếu Hopton muốn có một biểu tượng xứng đáng với tên tuổi của ông, một đỉnh cao về sự hào phóng của ông, thì làm gì có mục đích nào cao cả hơn việc xây Nhà Hopton Stoddard cho Trẻ Khuyết tật. Căn nhà sẽ dành cho những đứa trẻ khốn khổ không có người chăm sóc. Nhưng Hopton Stoddard không cảm thấy rung động mảy may đối với việc xây một ngôi nhà cho bất cứ một trung tâm thế tục nào. Ông muốn một thứ như "Đền Hopton Stoddard cho Linh hồn Con người."

Ông không có lý lẽ nào để chống lại hàng tràng hùng biện của Toohey. Ông chẳng thể nói gì ngoại trừ: "Không, Ellsworth, không, như thế không đúng, không đúng." Vấn đề được bỏ lửng ở đó. Hopton Stoddard không nhượng bộ nhưng sự phản đối của Toohey làm ông thấy bất ổn và ông cứ trì hoãn quyết định của mình hết ngày này đến ngày khác. Ông chỉ biết rằng ông sẽ phải quyết định vào cuối mùa hè này, bởi vì đến mùa thu, ông sẽ phải đi một chuyến đi dài, một chuyến du lịch vòng quanh thế giới qua tất cả các thánh địa của các tôn giáo, từ Lourdes tới Jerusalem, rồi Mecca và Benares.

Vài ngày sau khi việc xây dựng khách sạn Aquitania được tuyên bố, Toohey đến gặp Hopton Stoddard vào buổi tối, trong căn hộ rộng lớn và đầy đồ đạc của Stoddard ở trên đường Riverside.

"Hopton" – ông vui vẻ nói – "Tôi đã sai. Ông đã đúng về chuyện ngôi đền."

"Không!" – Hopton Stoddard há miệng kinh ngạc.

“Có đấy” – Toohey nói – “Ông đã đúng. Chẳng gì có thể hợp lý hơn thế. Ông phải xây một ngôi đền. Một ngôi đền cho Linh hồn Con người.”

Hopton Stoddard nuốt nước bọt và mắt ông ngấn nước. Ông cảm thấy ông hẳn đã phải tiến vượt ra khỏi phạm vi của sự đúng đắn nếu như ông có thể dạy được cho thầy của ông một bài học về đức hạnh. Sau đó, chẳng còn gì là quan trọng nữa; ông ngồi, như một đứa trẻ nhàu nhĩ và yếu ớt, lắng nghe Ellsworth Toohey nói; ông gật đầu đồng ý với mọi thứ.

“Đấy là một dự án tham vọng đấy, Hopton, và nếu ông định làm, thì ông phải làm mọi việc thật đúng. Ông cũng biết một việc như thế là khá táo bạo – việc dâng cho Chúa một món quà – và nếu ông không thể làm việc ấy một cách tốt nhất thì nó sẽ trở thành một sự xúc phạm chứ không phải thờ phụng.”

“Phải, dĩ nhiên rồi. Nó phải hoàn hảo. Nhất định phải hoàn hảo. Phải là thứ tốt nhất. Anh sẽ giúp tôi, đúng không, Ellsworth? Anh biết mọi thứ về xây dựng và nghệ thuật và tất cả mọi thứ – hẳn là phải như thế.”

“Tôi sẽ rất vui được giúp ông – nếu ông thực sự muốn tôi giúp.”

“Nếu tôi thực sự muốn anh giúp! Ý anh là gì – nếu tôi muốn...! Lạy Chúa lòng lành, không có anh thì tôi có thể làm gì? Tôi chẳng biết gì về... về những thứ như thế. Và nó nhất định phải hoàn hảo.”

“Nếu ông muốn nó hoàn hảo, ông sẽ làm đúng như tôi nói chứ?”

“Vâng, vâng, vâng. Tất nhiên rồi.”

“Đầu tiên, phải có một kiến trúc sư. Chuyện này rất quan trọng.”

“Phải, đúng thế”

“Ông không muốn thuê những cậu bé mặc đồ sa-tanh chải chuốt chỗ nào cũng thấy tiền là tiền. Ông muốn một người tin vào công việc của anh ta như... như là ông tin vào Chúa.”

“Đúng thế. Chính xác là phải như thế.”

“Ông phải chọn người mà tôi chỉ ra.”

“Chắc chắn rồi. Ai vậy?”

“Howard Roark.”

“Hả?” Hopton Stoddard hoang mang. “Anh ta là ai?”

“Anh ta là người sẽ xây Đền Stoddard cho Linh hồn Con người.”

“Anh ta có giỏi không?”

Ellsworth Toohey quay đầu và nhìn thẳng vào mắt Hopton.

“Tôi thề trên linh hồn tôi, Hopton” – ông nói chậm rãi – “anh ta là người giỏi nhất.”

“Ồ!”

“Nhưng rất khó thuê anh ta. Anh ta không nhận thiết kế trừ với một số điều kiện nhất định. Ông phải tuân thủ những điều kiện này một cách tuyệt đối. Ông phải để cho anh ta có toàn quyền tự do. Chỉ cần nói với anh ta ông muốn gì, ông muốn chi bao nhiêu tiền, còn lại cứ để anh ta lo. Để anh ta thiết kế và xây theo ý anh ta. Anh ta không nhận làm với điều kiện khác. Cứ nói thẳng với anh ta rằng ông không biết gì về kiến trúc và ông chọn anh ta bởi vì ông cảm thấy anh ta là người duy nhất ông có thể tin là sẽ làm mọi việc hoàn hảo mà không cần phải có chỉ dẫn hay can thiệp.”

“Được rồi, nếu anh chọn anh ta.”

“Tôi chọn anh ta.”

“Vậy thì tốt rồi. Tôi không quan tâm việc này tốn bao nhiêu tiền.”

“Nhưng ông phải cẩn thận khi tiếp cận anh ta. Tôi nghĩ anh ta sẽ từ chối – lần đầu. Anh ta sẽ bảo ông rằng anh ta không tin vào Chúa.”

“Cái gì!”

“Đừng tin anh ta. Anh ta là người có đức tin sâu sắc – theo cách riêng của anh ta. Ông có thể thấy nó trong các tòa nhà của anh ta.”

“Ồ”

“Nhưng anh ta không thuộc một nhà thờ cụ thể nào cả. Như thế, ông sẽ không có vẻ thiên vị. Ông sẽ không làm mếch lòng ai.”

“Thế thì tốt.”

“Nào, khi làm việc về vấn đề đức tin thì ông phải là người có đức tin đầu tiên. Đúng không?”

“Đúng.”

“Đừng chờ đến lúc nhìn thấy các bản vẽ của anh ta. Sẽ phải mất một thời gian – và ông không thể trì hoãn chuyến đi của ông. Cứ thuê anh ta đi – đừng ký hợp đồng, việc đó không cần thiết – chỉ cần sắp xếp để ngân hàng của ông dàn xếp chuyện tài chính và để anh ta làm phần còn lại. Ông không phải trả công anh ta cho tới tận lúc ông trở về. Chừng một năm nữa, khi ông xem hết các đền thờ lớn trên thế giới và quay lại, ông sẽ có một đền thờ tốt hơn của riêng ông, chờ ông ở ngay đây.”

“Đấy chính là điều tôi muốn.”

“Nhưng ông phải tính đến chuyện công bố nó một cách hợp lý với công

chúng, phải có cách hiến tế hợp lý, phải có những quảng cáo hợp lý.”

“Dĩ nhiên... Nhưng quảng cáo?”

“Chắc chắn là phải quảng cáo. Ông có biết đến sự kiện vĩ đại nào mà lại không đi kèm với một chiến dịch quảng cáo vĩ đại không? Những thứ không như thế thì cũng chả có mấy giá trị. Nếu ông không làm quảng cáo tử tế, mọi việc sẽ có vẻ thiếu tôn trọng.”

“Đúng thế thật”

“Nào, nếu ông muốn có quảng cáo hợp lý, ông phải tính toán cẩn thận, và phải tính trước rất nhiều. Ông muốn gì, khi nào muốn công bố – đấy là một việc quan trọng, giống như là khúc dạo đầu của một vở nhạc kịch, giống như việc tấu một khúc kèn đồng.”

“Thật là tuyệt – cái cách mà anh mô tả nó.”

“Rồi, để làm thế, ông không được để cho bọn báo chí lá cải làm giảm hiệu quả bằng việc tung tin sớm quá. Đừng công bố các bản vẽ của ngôi đền. Phải giữ chúng bí mật. Nói với Roark là ông muốn giữ chúng bí mật. Anh ta sẽ không phản đối. Bảo nhà thầu xây một hàng rào cứng quanh công trường trong lúc đang xây. Không ai được biết nó là cái gì cho đến lúc ông quay lại và tự tay làm việc khánh thành. Lúc ấy thì – sẽ có ảnh trên tất cả các tờ báo của cái đất nước này.”

“Ellsworth!”

“Thế nào?”

“Ý tưởng thật tuyệt. Đấy đúng là cách chúng tôi tung ra vở *Huyền thoại Đức Mẹ Đồng trinh*, đã 10 năm rồi, dàn diễn viên những chín mươi bảy người.”

“Phải. Nhưng trong lúc này, chỉ cần giữ công chúng biết đến nó. Hãy thuê một tay đại diện báo chí tử tế và bảo anh ta biết ông muốn anh ta làm thế nào. Tôi sẽ cho ông tên một tay rất cừ về việc này. Chỉ cần đảm bảo là cứ vài tuần lại có một bài viết úp úp mở mở về Đền Stoddard. Cứ để cho bọn họ đoán. Để cho họ chờ. Khi nào thời cơ đến thì họ cũng đã được chuẩn bị sẵn sàng.”

“Phải.”

“Nhưng, trên hết, đừng để Roark biết tôi giới thiệu anh ta. Đừng hé ra cho bất cứ ai việc tôi có liên quan đến chuyện này. Một từ cũng không. Ông thề đi.”

“Nhưng tại sao?”

“Bởi vì tôi có quá nhiều bạn bè là kiến trúc sư, và đây là một công trình quan trọng, và tôi không muốn ai phật ý.”

“Phải rồi. Đúng thế thật.”

“Thề đi.”

“Kìa, Ellsworth.”

“Thề đi. Trên sự cứu rỗi của linh hồn ông.”

“Tôi thề. Trên... cái đó.”

“Được rồi. Nào, ông chưa bao giờ làm việc với các kiến trúc sư và anh ta lại là một kiến trúc sư không bình thường, và ông không muốn làm hỏng mọi việc; vì thế tôi sẽ bảo ông biết chính xác ông phải nói gì với anh ta.”

Ngày hôm sau, Toohey bước vào phòng làm việc của Dominique. Ông đứng bên bàn của cô, mỉm cười và nói bằng một giọng nghiêm trang:

“Cô có nhớ Hopton Stoddard và cái đền thờ các tôn giáo mà ông ta đã nói đến suốt sáu năm qua không?”

“Một cách lờ mờ.”

“Ông ta sẽ xây nó.”

“Ông ta sẽ?”

“Ông ta sẽ giao việc này cho Howard Roark.”

“Không!”

“Có đấy!”

“Chà, trong tất cả những thứ không thể tin được... Không thể là Hopton!”

“Chính là Hopton.”

“Được thôi. Tôi sẽ giải quyết với ông ta.”

“Không. Cô nghỉ đi. Tôi đã bảo ông ta giao việc này cho Roark.”

Cô ngồi yên, đúng như lúc những lời trên bắt được cô. Sự thích thú trên khuôn mặt cô đã biến mất. Ông nói thêm:

“Tôi muốn cô biết chuyện này, để không có những mâu thuẫn chiến lược. Không ai biết chuyện này và sẽ không có ai biết. Tôi tin tưởng cô sẽ nhớ điều đó.”

Cô hỏi, hai môi cô cử động một cách cứng nhắc:

“Ông có ý đồ gì?”

Ông mỉm cười. Ông nói:

“Tôi sẽ làm cho anh ta nổi tiếng.”

*

* *

Roark ngồi trong văn phòng của Hopton Stoddard và vừa nghe vừa sửng sốt. Hopton Stoddard nói chậm rãi; những lời của ông có vẻ chân thành và ấn tượng, chính bởi vì ông đã thuộc lòng những lời ấy một cách nguyên vẹn. Đôi mắt ti hí của ông nhìn Roark với một vẻ cầu khẩn để lấy lòng. Lần đầu tiên, Roark gần như quên mất kiến trúc và nghĩ đến con người trước; anh muốn đứng dậy và bước ra khỏi văn phòng; anh không thể chịu được con người này. Nhưng những lời mà anh nghe thấy giữ anh lại; những lời ấy không hòa hợp với khuôn mặt hay giọng nói của người đàn ông kia.

“Anh thấy đấy, anh Roark, mặc dù nó sẽ là một công trình tôn giáo, nó thực ra có ý nghĩa hơn thế nhiều. Anh có thấy chúng tôi gọi nó là Đền thờ Linh hồn Con người. Chúng tôi muốn nó thâu tóm – bằng đá, giống như người ta thâu tóm bằng âm nhạc – không chỉ vài tín ngưỡng hẹp hòi, mà là bản chất của mọi tôn giáo. Và cái gì là bản chất của mọi tôn giáo? Chính là khát vọng lớn lao của linh hồn con người hướng tới cái cao nhất, cái vĩ đại nhất, cái tuyệt vời nhất. Linh hồn con người như là đấng sáng tạo và người chinh phục của cái lý tưởng. Như động lực sống của cả vũ trụ. Linh hồn anh hùng của con người. Đấy chính là việc của anh, anh Roark.”

Roark dụi mu bàn tay của anh vào mắt – một cách bất lực. Thật không thể thế được. Đơn giản là không thể được. Đấy không thể là thứ mà người đàn ông này muốn, không phải người đó. Nghe ông ta nói ra điều đó thật kinh khủng.

“Ông Stoddard, tôi e rằng ông đã mắc sai lầm” – anh nói, giọng anh chậm rãi và mệt mỏi – “tôi không nghĩ tôi là người mà ông muốn. Tôi nghĩ sẽ không phải nếu tôi nhận việc này. Tôi không tin vào Chúa.”

Anh ngạc nhiên khi thấy vẻ mãn nguyện và đắc thắng trên khuôn mặt ông Stoddard. Mặt Hopton Stoddard sáng lên vì hàm ơn – ông biết ơn trí tuệ của Ellsworth Toohey; ông ấy luôn đúng. Ông thấy mình có một sự tự tin mới và ông nói chắc chắn, lần đầu tiên với giọng của một người già nói với một người trẻ tuổi – giọng ông sâu sắc và ra ý khuyên bảo một cách ân cần:

“Không sao. Anh là một người có đức tin sâu sắc, anh Roark ạ – theo cách riêng của anh. Tôi có thể thấy điều đó trong các tòa nhà của anh.”

Ông băn khoăn tại sao Roark lại nhìn ông như thế – anh không hề cử động trong một lúc lâu.

“Đúng thế” – Roark nói. Câu nói gần như một lời thì thầm.

Việc anh phải học về chính bản thân anh, về các tòa nhà của anh, từ người đàn ông này, người đã thấy chúng và biết chúng trước cả anh; việc ông ta có thể nói ra điều đó với một vẻ tự tin đầy thấu hiểu, mang hàm ý một nhận thức trọn vẹn – đã phá tan mọi nghi ngờ của Roark. Anh tự nhủ rằng anh chưa bao giờ hiểu con người; rằng ấn tượng ban đầu có thể sai lầm; rằng Hopton Stoddard sẽ ở cách xa cả một lục địa; rằng chẳng có gì còn quan trọng so với một công trình tầm cỡ thế này; rằng chẳng có gì quan trọng khi một con người – dù đó là Hopton Stoddard – có thể nói những lời thế này:

"Tôi muốn gọi nó là Chúa Trời. Anh có thể gọi nó bằng một tên khác. Nhưng cái mà tôi muốn ở công trình này là linh hồn của anh. Linh hồn của chính anh, anh Roark. Hãy mang cho tôi cái tốt nhất của linh hồn đó – và anh sẽ hoàn thành sứ mệnh của anh, như tôi sẽ hoàn thành sứ mệnh của tôi. Đừng quan tâm đến ý nghĩa mà tôi muốn nó thể hiện. Hãy để nó là linh hồn của anh trong hình dạng một công trình – và nó sẽ có cái ý nghĩa mà tôi muốn thể hiện, cho dù anh có biết đến nó hay không."

Và như thế Roark nhận lời xây Đền Stoddard cho Linh hồn Con người.

XI.

Tháng mười hai, tòa nhà Cosmo-Slotnick khánh thành bằng một buổi lễ long trọng. Có đủ cả các nhân vật nổi tiếng, những tràng hoa, phóng viên truyền hình, đèn chiếu quay vòng và những bài diễn văn kéo dài ba giờ đồng hồ.

Mình phải vui mừng – Peter Keating tự nhủ; nhưng anh không hề vui. Qua cửa sổ, anh quan sát biển người đứng chật phố Broadway, từ mép đường bên này sang đến bên kia. Anh cố thuyết phục mình phải vui vẻ. Nhưng anh chẳng cảm thấy gì. Anh phải tự thừa nhận rằng anh thấy buồn tẻ. Nhưng anh mỉm cười và bắt tay, và để cho người ta chụp ảnh. Tòa nhà Cosmo-Slotnick mọc lên một cách nặng nề trên đường, như một khối trắng thù lù, nhạt nhẽo.

Sau các buổi lễ, Ellsworth Toohey đưa Keating tới một bàn ăn màu tím nhạt trong một nhà hàng kín đáo và đắt tiền. Người ta đang tổ chức rất nhiều tiệc tùng để chào mừng sự khánh thành của tòa nhà nhưng Keating đã nhận lời mời của Toohey và từ chối những đề nghị khác. Toohey quan sát anh khi anh vồ lấy cốc rượu và ngồi ủ rũ trên ghế.

"Thật tuyệt phải không?" – Toohey nói – "Đó, Peter, là đỉnh điểm của những gì mà người ta có thể hy vọng từ cuộc đời." Ông nâng cốc một cách duyên dáng. "Hãy nâng cốc vì viễn cảnh của những thắng lợi tiếp theo của anh, giống như thắng lợi này. Giống như buổi tối nay."

"Cảm ơn chú" – Keating nói và vội vàng vồ lấy cốc rượu; anh không nhìn, cứ thế nâng nó lên và uống cạn.

"Anh có tự hào không, Peter?"

"Có, có, tất nhiên là cháu có."

"Tốt. Tôi muốn thấy anh như thế. Tối nay trông anh rất đẹp trai. Anh sẽ rất tuyệt trên màn hình."

Một thoáng quan tâm lóe lên trên mặt Keating. "Vâng, cháu cũng hy vọng thế."

"Thật tiếc là anh chưa lập gia đình, Peter. Một người vợ bên cạnh trông sẽ rất tuyệt tối nay. Công chúng thích như thế. Cả khán giả xem phim nữa."

"Katie không ăn ảnh lắm."

"À phải rồi, anh đã đính hôn với Katie. Tôi thật ngốc. Tôi cứ quên chuyện ấy. Không, Katie không ăn ảnh tí nào cả. Mà, tôi không thể nào tưởng tượng được việc Katie lại hợp với các buổi tiệc xã giao. Có rất nhiều tính từ tốt có

thể nói về Katie nhưng 'đĩnh đạc' và 'nổi bật' không nằm trong số chúng. Tha lỗi cho tôi, Peter. Tôi cứ để cho trí tưởng tượng chạy trốn khỏi tôi như thế đấy. Tôi làm việc với nghệ thuật nhiều quá nên cứ hay có xu hướng nhìn mọi thứ hoàn toàn từ góc độ mỹ thuật. Và nhìn anh tối nay, tôi không thể nào không nghĩ đến một người sẽ thật hoàn hảo nếu đứng cạnh anh."

"Ai?"

"Ồ, đừng để ý đến tôi. Chỉ là một chút mơ mộng thuần túy mỹ thuật ấy mà. Cuộc sống chẳng bao giờ hoàn hảo được như thế. Người ta đã có quá nhiều để ghen tỵ với anh rồi. Anh không thể thêm cái đó vào những thành tích của anh được."

"Ai?"

"Thôi bỏ đi, Peter. Anh không thể có cô ấy được đâu. Chẳng ai có thể có cô ấy. Anh rất giỏi, nhưng vẫn còn chưa đủ."

"Ai?"

"Dominique Francon, dĩ nhiên."

Keating ngồi thẳng dậy và Toohey thấy vẻ mệt mỏi trong mắt anh – cả sự bất cần và thậm chí là thù địch. Toohey giữ cái nhìn đó một cách bình thản. Cuối cùng, Keating đầu hàng; anh lại sụp xuống và anh nói bằng giọng van nài:

"Ôi, vì Chúa, chú Ellsworth. Cháu không yêu cô ta."

"Tôi chưa bao giờ nghĩ là anh yêu cô ấy. Nhưng tôi cứ quên mất là những người bình thường luôn luôn phóng đại tầm quan trọng của tình yêu – tình yêu nhục dục."

"Cháu không phải một người bình thường" – Keating nói vẻ mệt mỏi; đấy là một lời phản đối tự động, nó không hề có lửa.

"Ngồi thẳng lên đi, Peter. Trông anh chẳng giống một người hùng tí nào cả – cái kiểu ngồi sụm xuống như thế."

Keating giật người thẳng lên – một cách lo lắng và giận dữ. Anh nói:

"Cháu luôn có cảm giác là chú muốn cháu lấy Dominique. Tại sao? Chú được lợi gì nào?"

"Anh đã tự trả lời câu hỏi của anh rồi, Peter. Tôi thì được lợi gì nào? Nhưng chúng ta đang nói chuyện tình yêu. Tình yêu nhục dục, Peter, là một thứ cảm xúc hoàn hoàn ích kỷ. Và những cảm xúc ích kỷ không bao giờ đưa đến hạnh phúc. Đúng không nào? Ví dụ như tối nay chẳng hạn. Một buổi tối thế này làm trương phình trái tim của một kẻ vị kỷ. Anh có hạnh phúc

không, Peter? Không cần trả lời đâu, bạn của tôi, không cần thiết phải trả lời. Tôi chỉ định nhấn mạnh là một người phải hoài nghi những cảm xúc cá nhân nhất của mình. Những thứ mà anh ta ham muốn thực ra chẳng hề quan trọng. Người ta không thể hạnh phúc cho đến chừng nào người ta nhận thức được điều này một cách trọn vẹn. Hãy thử nghĩ về tối nay một chút mà xem. Anh, Peter thân mến của tôi, đã là người ít quan trọng nhất ở đây. Và đấy là điều nên xảy ra. Người làm không bao giờ quan trọng bằng những người hưởng lợi từ việc làm đó. Thế mà anh không có khả năng chấp nhận điều đó – và vì thế mà anh đã không cảm thấy được sự thăng hoa lẽ ra đã thuộc về anh."

"Đúng vậy" – Peter thì thầm. Anh hẳn sẽ không thừa nhận điều này với bất kỳ ai khác.

"Anh đã bỏ lỡ lòng tự hào đẹp đẽ của một người hoàn toàn không vị kỷ. Chỉ khi anh học được cách chối bỏ cái tôi của anh, chối bỏ hoàn toàn, thì anh mới có thể học được cách vui thú với những cảm xúc tầm thường như những đòi hỏi tình dục nhỏ bé của anh – và chỉ khi ấy anh mới đạt được sự vĩ đại mà tôi đã luôn chờ đợi ở anh."

"Chú... chú tin là cháu được như thế, Ellsworth? Chú thực sự tin thế?"

"Tôi đã không ngồi đây nếu tôi không tin thế. Nhưng quay lại với chuyện tình yêu. Tình yêu cá nhân, Peter ạ, là một tội ác lớn – cũng như tất cả những thứ gì có tính cá nhân. Và nó luôn luôn đưa đến sự khổ sở. Anh không nhìn thấy lý do tại sao à? Tình yêu cá nhân là một hành vi thiên vị, một hành vi phân biệt. Nó là một hành vi của sự bất bình đẳng – đối với tất cả những người mà anh đã cướp đi tình yêu thương để dành nó cho một cá thể nhất định. Anh phải yêu tất cả mọi người như nhau. Nhưng anh không thể đạt tới tình cảm cao quý ấy nếu như anh không giết chết những lựa chọn nhỏ mọn và ích kỷ của anh đi. Chúng thật ác độc và phù phiếm – bởi vì chúng mâu thuẫn với quy luật lớn đầu tiên của thế giới – quy luật bình đẳng của mọi con người."

"Ý chú là" – Keating đột nhiên trở nên hào hứng – "theo một ý nghĩa triết học, thì ở tận cùng, ý cháu là, tận cùng, tất cả chúng ta đều bình đẳng? Tất cả chúng ta?"

"Dĩ nhiên rồi" – Toohey nói.

Keating băn khoăn tại sao ý nghĩ đó lại làm anh dễ chịu đến thế. Anh không ngại nếu điều đó có nghĩa là anh cũng ngang bằng với những kẻ ăn cắp vặt trà trộn trong đám đông có mặt để chào mừng tòa nhà của anh vào tối nay; anh chỉ lờ mờ nghĩ đến nó – và anh cũng không thấy phiền lòng mặc dù nó mâu thuẫn với khao khát tìm kiếm sự ưu việt mà anh đã theo đuổi cả đời. Sự mâu thuẫn chẳng quan trọng; anh không hề nghĩ đến buổi tối nay hoặc tới

đám đông; anh đang nghĩ tới một người khác – người đã không có mặt tối nay.

"Chú biết không, Ellsworth" – anh nói và chồm về phía trước, với vẻ sung sướng có phần bất an – "Cháu... cháu thích nói chuyện với chú hơn là làm bất cứ việc gì khác. Cháu phải đến rất nhiều chỗ tối nay và cháu thấy vui hơn nhiều khi ngồi đây nói chuyện với chú. Thỉnh thoảng cháu tự hỏi cháu sẽ làm gì được nếu không có chú."

Toohey trả lời:

"Đấy là điều tất yếu thôi. Nếu không thì bạn bè với nhau mà làm gì?"

*

* *

Mùa đông đó, buổi dạ vũ nghệ thuật hoá trang thường niên được tổ chức hoành tráng và sáng tạo hơn mọi khi. Athelstan Beasely, linh hồn của buổi dạ vũ, đã làm được một việc mà ông ta gọi là một sáng tạo thiên tài: ông ta yêu cầu mỗi kiến trúc sư được mời đến dự tiệc phải hoá trang như những toà nhà nổi tiếng nhất mà anh ta đã thiết kế. Buổi dạ vũ thành công rực rỡ.

Peter Keating là ngôi sao của buổi tối đó. Trông anh rất đỏm dáng trong trang phục toà nhà Cosmo-Slotnick. Một bộ quần áo bằng giấy tái tạo lại toà nhà phủ từ đầu tới chân anh; người ta không nhìn thấy mặt anh nhưng đôi mắt sáng của anh chiếu ra qua những cửa sổ của tầng trên cùng và hình kim tự tháp trên nóc toà nhà mọc lên trên đầu anh; những trụ nhà chọc vào cơ hoành của anh và anh ngọ nguậy những ngón tay qua cổng chính của toà nhà. Chân anh được tự do cử động với sự tao nhã thường lệ của anh; anh mặc một chiếc quầy dạ tiệc hoàn hảo và đi một đôi giày mềm bằng da.

Guy Francon trông oai vệ với toà nhà Ngân hàng quốc gia Frink mặc dù bộ trang phục trông bệ vệ hơn hẳn bản thân toà nhà vì nó phải chứa đủ bụng của Francon; ngọn đuốc Hadrian trên đầu ông được lắp một bóng điện thật và được thắp sáng bằng một quả pin nhỏ. Ralston Holcombe hùng dũng trong trang phục một toà nhà hành chính bang, và Gordon L.Precott trông lực lưỡng với trang phục một chiếc máy hút lúa. Eugene Pettingill xúng xính vác một khách sạn thuộc đại lộ Park trên đôi chân già nua và gày gò của ông ta; hai mắt kính gọng sừng của ông thao láo nhìn ra ngoài qua ngọn tháp đồ sộ của khách sạn. Hai kiến trúc sư hài hước khác sắm một bộ áo khoác đôi, dính với nhau ở phần bụng và được trang trí bằng những toà nhà nổi tiếng của thành phố - những toà nhà chào đón những con tàu tiến vào thành phố từ ngoài biển. Mọi người đều hết sức vui vẻ.

Rất nhiều kiến trúc sư, đặc biệt là Athelstan Beasey, đã rất phẫn nọ khi

Howard Roark được mời mà đã không tới. Họ đã chờ đợi anh sẽ đến trong trang phục toà nhà Enright.

*

* *

Dominique dừng lại trong hành lang và đứng nhìn hàng chữ khắc trên cửa: "Horward Roark, Kiến trúc sư."

Cô chưa bao giờ nhìn thấy văn phòng của anh. Cô đã cố chống lại việc đến đây trong một thời gian dài. Nhưng cô phải đến xem nơi anh làm việc.

Người thư ký trong phòng tiếp tân giật mình khi Dominique nói tên cô; tuy thế, bà vẫn thông báo với Roark. "Mời cô vào ngay đi, cô Francon" - bà nói.

Roark mỉm cười khi cô bước vào phòng làm việc của anh; một nụ cười nhẹ không có dấu hiệu ngạc nhiên.

"Anh biết một ngày nào đó em sẽ đến đây" - anh nói. "Có muốn anh dẫn em đi xem văn phòng không?"

"Cái gì kia?" cô hỏi.

Hai bàn tay anh dính đầy đất sét; trên một bàn dài, giữa một đống các bản vẽ phác thảo bỏ đi là một mô hình toà nhà bằng đất sét - một mô hình thử nghiệm thô sơ gồm toàn góc cạnh và những hàng hiên.

"Khách sạn Acquitania?" - cô hỏi.

Anh gật đầu.

"Anh luôn làm thế à?"

"Không. Không phải lúc nào cũng thế. Đôi lúc thôi. Có một vấn đề khó với toà nhà này. Anh muốn thử nghiệm nó một lúc. Có thể đây là toà nhà anh thích nhất - nó rất khó thiết kế."

"Anh cứ làm đi. Em muốn xem anh làm. Anh có phiền không?"

"Không hề."

Chỉ một giây sau, anh đã quên sự hiện diện của cô. Cô ngồi trong góc và quan sát đôi tay anh. Cô thấy chúng nặn những bức tường. Cô thấy chúng đè sập một phần của toà nhà và lại dừng lại, từ từ, kiên nhẫn, với một sự chắc chắn lạ lùng, ngay cả vào lúc anh ngập ngừng. Cô thấy lòng bàn tay anh vuốt thẳng một mặt phẳng dài, thẳng đứng; trong lúc anh chuyển động, cô thấy một góc nhọn nhô lên khỏi mặt phẳng ấy trước khi cô kịp nhìn thấy nó thành hình trong đất sét.

Cô đứng dậy và bước tới bên cửa sổ. Những toà nhà của thành phố ở dưới kia trông nhỏ như những mô hình trên bàn làm việc của anh. Cô có cảm giác cô có thể nhìn thấy bàn tay anh đang nhào nặn những đoạn tường thụt, những góc, những mái nhà của tất cả những cấu trúc dưới kia, đang đè phẳng và lại nặn trở lại. Bàn tay cô cử động một cách bất giác, theo đường nét của một toà nhà ở phía xa, theo những bậc nâng dần lên của nó; và cô cảm thấy một cảm giác sở hữu vật chất, cô cảm thấy nó thay anh.

Cô quay người nhìn về phía anh. Một lọn tóc rủ xuống khuôn mặt đang chăm chú cúi xuống mô hình đất sét; anh không nhìn cô; anh đang nhìn vào cái hình khối dưới những ngón tay anh. Cô có cảm giác cô đang nhìn thấy tay anh di chuyển trên thân thể một người đàn bà khác. Cô dựa vào tường; cô thấy người lả đi trong sự thoả mãn dữ dội đang xâm chiếm toàn thân

*

* *

Vào tháng Một, khi những trụ thép đầu tiên mọc lên từ hố móng của toà nhà Cord và khách sạn Aquitania, Roark bắt tay vẽ Đền Stoddard.

Khi những bản phác đầu tiên hoàn thành, anh nói với thư ký:

"Tìm Steven Mallory cho tôi."

"Mallory ư, ông Roark? Ai là … À, phải rồi, nhà điêu khắc đã bắn…"

"Nhà điêu khắc làm sao?"

"Anh ta bắn Ellsworth Toohey, đúng không?"

"Anh ta đã bắn? À, phải rồi."

"Ông muốn tìm người đó, ông Roark?"

"Tôi muốn tìm người đó."

Trong hai ngày, cô thư ký điện thoại các nhà buôn tranh, các gallery, các kiến trúc sư, các toà soạn. Không ai biết Steven Mallory làm gì, ở đâu. Vào ngày thứ ba, cô báo với Roark: "Tôi tìm thấy một địa chỉ, ở bên Greewich Village. Người ta bảo có thể anh ta ở đó. Không có điện thoại." Roark đọc cho cô thư ký đánh máy một lá thư yêu cầu ông Mallory gọi điện tới văn phòng anh.

Lá thư không bị trả lại, nhưng một tuần trôi qua mà không có thư trả lời. Sau đó, Steven Mallory gọi tới.

"Ai đấy?" – Roark nói khi cô thư ký nối đường dây cho anh.

"Steven Mallory." Đó là một giọng trẻ và cứng cáp, đi kèm với nó là một sự im lặng nóng nảy và hiến chiến.

“Tôi muốn gặp ông, ông Mallory. Có thể bố trí để ông tới văn phòng được không?”

“Ông muốn gặp tôi về việc gì?”

“Về một công trình, dĩ nhiên. Tôi muốn ông làm một số việc cho một công trình của tôi.”

Im lặng kéo dài.

“Được rồi” – Mallory nói; giọng anh ta nghe có vẻ chết chóc. Anh ta nói thêm:

“Công trình nào?”

“Đền Stoddard. Ông có thể đã nghe thấy…”

“Phải, tôi đã nghe. Ông đang xây cái đó. Ai mà chả biết. Ông có trả tôi bẫm như trả gã đại diện báo chí của ông không?”

“Tôi không trả tiền cho đại diện báo chí nào cả. Tôi sẽ trả mức ông yêu cầu.”

“Ông biết cũng chả đáng mấy.”

“Lúc nào tiện cho ông tới đây?”

“Chậc, quỷ tha ma bắt, lúc nào chả được. Ông biết là tôi không bận.”

“Hai giờ chiều mai được không?”

“Được thôi.” Anh ta thêm: “Tôi không thích giọng của ông.”

Roark phá lên cười.

“Tôi thì thích giọng của ông. Dập máy đi và tới đây hai giờ chiều mai.”

“OK.” Mallory dập máy.

Roark bỏ ống nghe và toác miệng cười. Nhưng nụ cười đột ngột biến mất và anh ngồi nhìn chiếc điện thoại, mặt anh đăm chiêu.

Mallory không đến cuộc hẹn. Ba ngày trôi qua mà không có tin tức gì. Sau đó, Roark đích thân đi tìm anh ta.

Căn nhà trọ mà Mallory ở là một toà nhà bằng đá cát-kết cũ nát trên một con phố không đèn nồng nặc mùi tanh. Tầng một của nó có một hiệu giặt và một hiệu đóng giày nằm hai bên một lối vào hẹp. Bà chủ ăn mặc lôi thôi nói “Mallory hả? Tầng năm, phía sau” rồi dửng dưng bỏ đi. Roark leo qua năm tầng gác xập xệp bằng gỗ, chỉ được chiếu sáng bằng những bóng điện mắc trong những đường ống chằng chịt. Anh gõ vào một cánh cửa cáu đầy bụi bặm.

Cửa mở. Một thanh niên hốc hác hiện ra ở ngưỡng cửa; anh ta có một mái tóc bù xù, một cái miệng cứng cỏi, môi dưới vuông vức. Đấy là đôi mắt biểu cảm nhất mà Roark từng nhìn thấy.

"Anh muốn gì?" - người kia gắt lên.

"Mallory?"

"Phải."

"Tôi là Howard Roark."

Mallory phá lên cười. Anh đứng tựa vào một bên khung cửa, một cánh tay chống ngang sang cửa kia và không có vẻ định bước sang bên nhường đường cho khách. Rõ ràng anh ta đang say.

"Chà, chà" – anh ta nói – "Đích thân cơ đấy."

"Tôi vào được không?"

"Vào làm gì?"

Roark ngồi xuống tay vịn cầu thang.

"Tại sao cậu không giữ đúng hẹn?"

"Ồ, cuộc hẹn? À, phải. Chà, thế này nhé." Mallory trịnh trọng. "Tôi có định giữ hẹn, thật đấy. Tôi đã đi đến văn phòng ông, nhưng rồi trên đường, tôi nhìn thấy một rạp chiếu phim đang chiếu *Hai mái đầu trên một chiếc gối,* thế là tôi vào xem. Tôi nhất quyết phải xem *Hai mái đầu trên một chiếc gối."* Anh ta cười toe toét, người liêu xiêu đổ xuống cánh tay đang chống qua khung cửa.

"Cậu nên để tôi vào nhà."- Roark nói khẽ.

"Thì vào đi."

Căn phòng chỉ là một cái hốc tăm tối. Một chiếc giường bừa bộn ở một góc vụn báo và quần áo cũ; một cái bếp hơi hình tròn, một bức tranh phong cảnh cỡ 5x10 đóng khung có vẻ như vẽ một cảnh đồng quê màu nâu xỉn với những bầy cừu. Không hề có các bức vẽ hoặc tượng mẫu, không hề có dụng cụ của người làm nghề điêu khắc.

Roark đẩy vài quyển sách và một chiếc chảo rán ra khỏi chiếc ghế duy nhất trong phòng. Anh ngồi xuống. Mallory đứng trước mặt anh, vừa cười toe toét vừa đung đưa người.

"Ông đang làm một việc ngược đời" – Mallory nói – "Chả ai làm thế cả. Chắc là ông quẫn lắm thì mới phải chạy theo một gã điêu khắc. Lẽ ra ông phải làm thế này này: Ông phải bắt tôi đến văn phòng ông, và lần đầu tiên tôi đến, ông phải không có mặt. Đến lần thứ hai, ông phải bắt tôi chờ một tiếng

rưỡi rồi mới bước vào phòng lễ tân để bắt tay và hỏi xem tôi có biết gia đình Wilson ở Podunk không và nói rằng thật tuyệt vì chúng ta có những người bạn chung, nhưng hôm nay ông đang rất bận và ông sẽ sớm mời tôi đi ăn trưa và sau đó chúng ta sẽ bàn công việc. Ông làm thế này khoảng hai tháng. Sau đó ông giao việc cho tôi. Rồi ông nói với tôi rằng tôi chả có tài quái gì và chưa bao giờ có tài và ông ném cái tôi làm vào thùng rác. Rồi ông thuê Valerian Bronson và anh ta hoàn thành công việc. Đấy, phải làm như thế. Chỉ có điều không phải lần này."

Nhưng đôi mắt anh ta chăm chú quan sát Roark và hai con mắt đó có sự tự tin của một người lành nghề. Khi anh ta nói, giọng anh ta mất dần sự giễu cợt ngạo mạn và càng về cuối càng trở nên đều đều, bất lực.

"Không, không phải lần này" – Roark nói.

Mallory đứng bất động nhìn Roark.

"Ông là Howard Roark?" – anh ta nói – "Tôi thích cái toà nhà của ông. Chính vì thế mà tôi không muốn gặp ông. Như thế tôi đỡ buồn nôn mỗi lần tôi nhìn thấy chúng. Tôi muốn được tiếp tục nghĩ rằng người xây ra chúng xứng đáng với chúng."

"Nếu như tôi xứng đáng thì sao?"

"Không đời nào."

Nhưng anh ta ngồi xuống mép chiếc giường ọp ẹp và rũ người về phía trước. Cái liếc mắt của anh ta giống như một cái cân tinh vi đang cân đo con người Roark. Đấy là một ánh mắt ngạo mạn đang công khai định giá người khác.

"Nghe này" – Roark nói rành rọt và cẩn trọng – "Tôi muốn cậu nặn một bức tượng cho Đền Stoddard của tôi. Đưa tôi một mẩu giấy; tôi sẽ viết hợp đồng với cậu ngay bây giờ; tôi sẽ ghi rõ tôi nợ cậu 1 triệu đô la nếu tôi không thuê cậu hoặc không dùng bức tượng của cậu."

"Ông có thể ăn nói bình thường. Tôi không say. Không hoàn toàn. Tôi vẫn hiểu."

"Vậy thì?"

"Tại sao ông chọn tôi?"

"Vì cậu giỏi điêu khắc."

"Không đúng."

"Về chuyện cậu giỏi?"

"Không. Về lý do của ông. Ai bảo ông thuê tôi?"

“Không ai cả.”

“Có phải một ả nào đó đã ngủ với tôi không?”

“Tôi chẳng biết ả nào đã ngủ với cậu.”

“Ngân sách hẻo quá hả?”

“Không. Ngân sách không hạn chế.”

“Thương hại tôi à?”

“Không, Tại sao tôi phải thương hại cậu?”

“Muốn được quảng cáo về việc dùng người đã bắn Toohey hả?”

“Vì Chúa, không!”

“Vậy thì vì cái gì?”

“Sao cậu không bỏ mấy thứ vớ vẩn đó đi và nghĩ đến lý do đơn giản nhất?”

“Lý do gì?”

“Vì tôi thích tác phẩm của cậu.”

“Dĩ nhiên. Bọn họ đều nói thế cả. Ai cũng biết cách nói thế và tin thế. Cứ thử tưởng tượng, nếu bóc cái vỏ giả dối ấy ra. Được rồi, ông thích tác phẩm của tôi. Nào, lý do thực sự là gì?”

“Là tôi thích tác phẩm của cậu.”

Mallory nói nghiêm trang, giọng anh hoàn toàn tỉnh táo.

“Ý ông là ông đã nhìn những thứ tôi làm và ông thích chúng – ông – chính ông – một mình ông – chứ không phải vì ai đó bảo rằng ông nên thích chúng hoặc tại sao ông nên thích chúng – và ông đã quyết định rằng ông muốn có tác phẩm của tôi, vì lý do đó – chỉ vì lý do đó – mà không hề biết gì về tôi và cũng cóc quan tâm đến chuyện khác – chỉ vì tác phẩm của tôi và … và cái mà ông nhìn thấy từ chúng – chỉ vì thế mà ông đã quyết định thuê tôi và ông bỏ công tìm tôi và đến tận đây và chịu lăng mạ – chỉ vì ông đã *nhìn thấy* – và cái mà ông thấy làm cho tôi trở nên quan trọng đối với ông, làm cho ông muốn có tôi? Ý ông là thế à?”

“Chính là thế” Roark trả lời.

Đôi mắt Malloy mở to. Rồi anh lắc đầu và nói cộc lốc, như để an ủi chính mình:

“Không.”

Anh cúi người về phía trước. Giọng anh van nỉ và chết chóc:

“Nghe này, ông Roark. Tôi sẽ không giận ông. Tôi chỉ muốn biết. Thôi được rồi tôi thấy là ông đã nhất định phải bắt tôi làm việc cho ông và ông biết là ông có thể có tôi vì bất cứ lý do nào, ông không phải ký bất kỳ hợp đồng một triệu đô la nào cả; nhìn cái phòng này xem, ông biết là ông đã tóm được tôi, vậy tại sao ông không nói thật với tôi? Với ông thì đằng nào cũng thế - nhưng với tôi thì lại rất quan trọng.”

“Cái gì rất quan trọng với cậu?”

“Không phải để… không phải để … Được rồi. Tôi đã nghĩ chẳng ai còn muốn thuê tôi. Nhưng ông lại muốn thuê tôi. Được rồi. Tôi có thể chịu đựng được việc đi làm trở lại. Có điều, tôi không muốn nghĩ rằng tôi đang làm việc cho một người … thích các tác phẩm của tôi. Cái đó là cái tôi không thể chịu đựng thêm. Tôi sẽ thấy dễ chịu hơn nếu ông nói với tôi, tôi sẽ… tôi sẽ cảm thấy yên ổn hơn. Ông đóng kịch với tôi làm gì? Tôi chẳng là cái thá gì cả. Tôi sẽ không nghĩ xấu về ông, nếu đó là điều ông e ngại. Ông thấy chưa? Sẽ tốt hơn rất nhiều nếu ông nói cho tôi biết sự thật. Như thế, mọi chuyện sẽ đơn giản và thẳng thắn. Tôi sẽ tôn trọng ông hơn. Thật đấy.”

“Cậu làm sao thế? Họ đã làm những gì với cậu? Tại sao cậu lại muốn nói những thứ như vậy?”

“Bởi vì…” Mallory đột ngột gầm lên, rồi giọng anh ta vỡ ra, đầu anh gục xuống. Anh thì thầm: “bởi vì tôi đã mất hai năm” – anh ta khoát một vòng yếu ớt quanh căn phòng “tôi đã mất hai năm như thế này, – tôi đã cố để quên rằng những gì ông vừa nói với tôi không hề tồn tại…”

Roark bước lại phía anh ta. Anh nâng cằm Mallory lên và giật mạnh:

“Cậu là đồ ngốc. Cậu không có quyền quan tâm đến những gì tôi nghĩ về tác phẩm của cậu, về việc tôi là ai hoặc vì sao tôi đến đây. Cậu quá giỏi để phải quan tâm đến những thứ ấy. Nhưng nếu cậu muốn biết thì thế này – tôi nghĩ rằng cậu là nhà điêu khắc giỏi nhất hiện nay. Tôi nghĩ thế vì những bức tượng của cậu không mô tả con-người-như-đang-là, mà chúng mô tả con-người-như-có-thể-là và phải-là. Bởi vì cậu đã vượt qua cái có-lẽ-tồn-tại để cho xã hội thấy cái có-thể-tồn-tại, nhưng chỉ tồn tại nhờ có lao động của cậu. Bởi vì những tác phẩm của cậu không hề có biểu hiện khinh ghét con người. Vì cậu có một sự kính trọng lớn lao với con người. Bởi vì những tác phẩm của cậu cho thấy bản chất anh hùng của con người. Vì thế, tôi không đến đây để làm ơn cho cậu hoặc vì tôi thương hại cậu hay vì cậu rất cần có việc làm. Tôi đến vì một lý do đơn giản và ích kỷ – nó cũng là lý do mà một người chọn thức ăn sạch sẽ nhất anh ta có thể tìm thấy. Đó là quy luật sinh tồn phải không – quy luật luôn tìm kiếm thứ tốt nhất. Tôi không đến đây vì lợi ích của cậu. Tôi đến vì lợi ích của tôi.”

Mallory vùng ra khỏi tay Roark và gục mặt xuống giường. Hai cánh tay anh duỗi thẳng ở hai bên đầu còn bàn tay thì nắm lại thành hai quả đấm. Lưng áo sơ mi rung rung chứng tỏ anh ta đang khóc; lớp vải áo và hai nắm đấm vặn vẹo chầm chậm, hằn sâu vào chiếc gối. Roark biết rằng mình đang nhìn một người đàn ông chưa từng khóc bao giờ. Anh ngồi xuống bên giường và không thể rời mắt khỏi những cổ tay đang vặn vẹo, mặc dù cảnh tượng đó thật khó chịu đựng.

Một lúc sau, Mallory ngồi dậy. Anh ta nhìn Roark và thấy một khuôn mặt bình thản nhất và nhân từ nhất – một khuôn mặt không hề có bất kỳ dấu hiệu nào của sự thương hại. Nó không giống sắc mặt của những kẻ nhìn ngắm sự đau đớn tột cùng của người khác với sự thoả mãn thầm kín – hoan hỉ với cảnh một người ăn mày cầu xin sự thương xót của mình. Đó không phải bộ mặt của một tâm hồn đói khát vốn được nuôi sống bằng sự nhục nhã của người khác. Khuôn mặt Roark có vẻ mệt mỏi, hai thái dương gồ lên như thể anh vừa bị đấm. Nhưng đôi mắt trong sáng của anh lặng lẽ nhìn Mallory. Đấy là một cái nhìn trong sáng thể hiện sự thấu hiểu và tôn trọng.

“Giờ thì nằm xuống đi,” Roark nói. “Hãy nằm yên một lúc.”

“Làm sao mà họ lại để ông tồn tại?”

“Nằm xuống. Nghỉ đi. Chúng ta sẽ nói chuyện sau.”

Mallory đứng dậy. Roark ấn vai anh xuống, nhấc chân anh ta lên khỏi sàn nhà và đặt đầu anh ta lên gối. Mallory không kháng cự.

Khi bước lùi lại, Roark vấp phải một chiếc bàn chất đầy thứ linh tinh. Có cái gì đó loảng xoảng trên nền nhà. Mallory nhỏm phắt dậy để cố bắt lấy nó. Roark gạt cánh tay anh ta sang bên và nhặt vật đó lên.

Đó là một miếng thạch cao nhỏ – loại thường được bán ở các cửa hàng quà tặng rẻ tiền. Nó có hình một em bé đang nằm sấp bụng, hai mông nhổm dậy, mắt len lén nhìn qua vai. Chỉ vài đường tiết thể hiện các bắp thịt nhưng nó cho thấy một tài năng nổi bật và không thể bị phủ nhận cho dù phần còn lại các bức tượng cho thấy một nỗ lực cố ý của nhà điêu khắc – rõ ràng anh ta đã cố gắng nặn một cách sỗ sàng, thô tục, và rập khuôn. Đấy là một số nỗ lực vụng về không thuyết phục và vất vả. Bức tượng nhỏ trông như một dụng cụ ở các phòng tra tấn.

Mallory thấy tay Roark bắt đầu run lên. Rồi một tay Roark đưa ra sau, qua đầu, chầm chậm, như thế anh đang thu trọng lượng không khí bằng cử động gập khuỷu tay này; tất cả cử động của anh diễn ra rất nhanh, nhưng nó làm người ta có cảm giác nó kéo dài mấy phút. Cánh tay anh giơ lên, bất động – rồi nó vung mạnh ra phía trước. Miếng thạch cao bay ngang qua phòng, đập vào tường và vỡ tan thành nhiều mảnh. Đấy là lần duy nhất có

người nhìn thấy Roark giận dữ tột độ như thể anh có thể giết người.

"Roark."

"Chuyện gì?"

"Roark, tôi ước gì tôi đã gặp anh trước khi anh có việc phải thuê tôi." Mallory nói một cách vô cảm, đầu anh ta đặt trên gối còn đôi mắt thì nhắm nghiền. "Như thế, sẽ chẳng có lý do nào khác lẫn vào. Bởi vì, anh thấy đấy, tôi rất biết ơn anh. Không phải là vì đã cho tôi việc làm. Không phải vì đã đến đây. Không phải vì những thứ anh sẽ làm vì tôi. Mà vì chính con người anh."

Rồi Mallory nằm bất động, người duỗi thẳng và mềm oặt, như một người đã phải chịu đựng quá lâu và đã trở nên vô cảm với sự chịu đựng. Roark đứng bên cửa sổ. Anh nhìn căn phòng bừa bộn và chàng trai đang nằm trên giường. Anh băn khoăn không hiểu tại sao anh có cảm giác chờ đợi. Anh đang chờ một cái gì đó nổ tung trên đầu cả hai. Điều này thật phi lý. Rồi anh hiểu ra. Anh nghĩ rằng đây là cái người ta cảm thấy khi nằm trong một công sự; căn phòng này không phải là một bằng chứng ngẫu nhiên của sự nghèo khổ mà là dấu vết của một cuộc chiến; nó là tàn tích của những loại thuốc nổ còn khủng khiếp hơn bất cứ loại thuốc nổ nào trong các kho vũ khí trên thế giới. Một cuộc chiến … chống lại cái gì nhỉ?... Kẻ thù không có tên và cũng không có mặt. Nhưng chàng trai này là một người đồng chí của anh; cậu ta đã bị thương trên chiến trường. Roark đứng bên cạnh giường. Anh cảm thấy một cảm giác mới lạ, một ham muốn được nhấc Malloy lên và đưa người đồng chí của mình tới nơi an toàn. Chỉ có điều, cả địa ngục và nơi an toàn chưa bao giờ có địa chỉ cụ thể. Anh tiếp tục nghĩ đến Kent Lansing; anh cố nhớ lại một điều gì đó mà Kent Lansing đã nói…

Rồi Mallory mở mắt. Anh chống một khuỷu tay để nhổm người dậy. Roark kéo ghế lại gần giường và ngồi xuống.

"Giờ thì nói đi" – anh nói. "Hãy nói những điều mà cậu đã thực sự muốn được nói. Đừng kể cho tôi về gia đình cậu, thời niên thiếu của cậu, bạn bè cậu hoặc cảm xúc của cậu. Hãy nói những điều cậu *nghĩ*."

Mallory nhìn anh đầy ngờ vực và thầm thì:

"Làm sao anh biết điều đó?"

Roark mỉm cười. Anh không trả lời.

"Làm sao mà anh biết cái gì đã và đang giết tôi? Cứ dần dần, suốt những năm qua … nó làm cho tôi căm ghét con người khi mà tôi không hề muốn căm ghét… Anh cũng từng có cảm giác ấy chứ? Anh đã từng phải thấy những người bạn thân thiết nhất của anh yêu quý mọi thứ về anh – ngoại trừ

những điều thực sự quan trọng? Và cái điều quan trọng nhất đối với anh lại chẳng là gì đối với họ, chẳng là cái thá gì, họ không muốn nghe một tiếng nào về chúng. Thế mà anh nói là anh muốn *nghe* những cái đó? Anh muốn biết tôi làm gì và tại sao tôi lại làm vậy, anh muốn biết tôi *nghĩ* gì! Anh không thấy chán? Anh thấy chúng quan trọng?"

"Nói đi," Roark nói.

Rồi anh ngồi hàng giờ lắng nghe, trong khi Mallory kể về tác phẩm của mình, về ý tưởng đằng sau tác phẩm, về những tư tưởng định hình cuộc sống của anh ta. Anh ta nói nghiến ngấu, như một người chết đuối vừa lên được bờ, say sưa hớp những hớp lớn thứ không khí tinh tươm.

*

* *

Sáng hôm sau, Mallory đến văn phòng của Roark. Roark cho anh xem bản thiết kế ngôi đền. Khi đứng ở bên bàn thiết kế với một vấn đề cần giải quyết, Mallory thay đổi hẳn. Không còn vẻ hoài nghi ở anh, không còn dấu ấn những nỗi đau. Anh cầm bản vẽ bằng những cử động dứt khoát, mạnh mẽ, như một người lính đang làm nhiệm vụ. Cử chỉ đó cho thấy những thứ đã xảy ra với anh cũng không thể làm biến đổi chức năng của một thứ nằm trong con người anh – chính thứ đó giờ được huy động để làm việc. Anh tự tin một cách kiên định và vô tư; anh đối diện với Roark như một cá thể bình đẳng.

Anh nghiên cứu các bản vẽ rất lâu rồi ngẩng đầu lên. Khuôn mặt anh hoàn toàn bình thản, trừ đôi mắt.

"Cậu thích không?" Roark hỏi.

"Đừng dùng những từ ngớ ngẩn."

Anh cầm một bản vẽ và đi đến cửa sổ. Anh đứng nhìn xuống bản vẽ, rồi nhìn xuống đường phố, rồi nhìn khuôn mặt Roark, và nhìn lại bản vẽ.

"Không thể nào" anh ta nói. "Không thể là cái này – và cái kia." Anh giơ bản vẽ về phía đường phố bên dưới.

Trên phố đó có một phòng chơi bi-a; một nhà trọ có mái hiên kiểu Corinthian; một tấp áp phích quảng cáo một vở nhạc kịch ở Broadway; một dãy phơi đồ lót màu hồng và xám bay phấp phới trên một mái nhà.

"Không thể cùng một thành phố. Không thể trên cùng một quả đất," Mallory nói. "Nhưng anh đã làm cho nó xảy ra. Nó trở thành cá thể… Tôi sẽ không bao giờ còn sợ hãi nữa."

"Sợ cái gì?"

Mallory cẩn thận đặt bản thiết kế xuống bàn. Anh trả lời:

"Hôm qua anh nói cái gì đó về quy luật đầu tiên. Một quy luật đòi hỏi con người phải tìm kiếm cái tốt nhất … Thật buồn cười… Một thiên tài không được công nhận – đó là một câu chuyện cũ rích. Anh đã bao giờ nghĩ đến một câu chuyện còn tồi hơn nhiều chưa - một thiên tài được công nhận quá mức? … Có quá nhiều người ngốc nghếch và không nhận ra thế nào là tốt nhất - chuyện đó chẳng sao? Như thế chẳng đáng tức giận. Nhưng anh có hiểu được chuyện có những người *nhận ra* thế nào là tốt nhất nhưng lại *không muốn đạt được điều đó?*"

"Không."

"Không. Anh không thể hiểu đâu. Tôi đã nghĩ về anh cả đêm. Tôi không thể ngủ chút nào. Anh có biết bí mật của anh là gì không? Đó là sự ngây thơ kinh khủng của anh?"

Roark cười phá lên và nhìn vào khuôn mặt trẻ con của Mallory.

"Không." Mallory nói, "chuyện này chẳng hề buồn cười. Tôi biết tôi đang nói gì – còn anh thì không. Anh không thể biết được điều đó. Bởi vì anh quá mạnh. Anh quá mạnh đến mức anh không có tí ý niệm nào về bệnh tật. Anh có nghe nói về bệnh tật. Nhưng anh không thực sự tin điều đó. Tôi khôn ngoan hơn anh về một số thứ vì tôi yếu hơn anh. Tôi hiểu được những kẻ ở phía bên kia. Chính vì thế nó có tác động vào tôi… như hôm qua anh nhìn thấy."

"Điều đó kết thúc rồi."

"Có thể. Nhưng không hoàn toàn. Tôi không còn sợ nữa. Nhưng tôi biết rằng sự kinh sợ của tồn tại. Tôi biết nỗi kinh hoàng đó. Anh thì không có khả năng biết đến nó. Tôi biết nỗi kinh hoàng đó. Anh thì không có khả năng biết đến nó. Nghe này, điều ghê sợ nhất mà anh có thể tưởng tượng được là gì? Đối với tôi – đó là bị bỏ lại tay không, trong một buồng giam khoá trái với một con thú săn mồi đang đói hoặc một kẻ điên mắc một loại bệnh khiến cho hắn hoàn toàn không còn tí não nào. Lúc đó, anh chẳng có gì ngoài tiếng nói của anh - tiếng nói và suy nghĩ của anh. Anh gào thét với con thú đó rằng nó không được chạm vào anh; anh dùng những ngôn từ hùng hồn nhất, những lập luận chặt chẽ nhất, cả con người anh biến thành biểu tượng của chân lý tuyệt đối. Và rồi anh thấy đôi mắt sống động của nó đang nhìn anh và anh biết rằng nó không thể nghe thấy tiếng anh, rằng anh không thể chạm vào nó, không thể chạm tới bằng bất kỳ cách nào, thế mà nó vẫn đang thở và vẫn tiến tới trước mặt anh, theo mục đích riêng của nó. Đó chính là sự kinh hoàng. Đó là cái đang treo lơ lửng trên đầu thế giới này; đang lảng vảng trong loài người; vẫn là nó, một thứ gì đó khép kín, không có não, hoàn toàn bừa bãi

nhưng nó lại cũng có một mục đích và mánh khoé của riêng nó. Tôi không nghĩ là tôi hèn nhát nhưng tôi sợ nó. Tôi chỉ biết được thế – tôi biết là nó có tồn tại. Còn tôi không biết mục đích của nó, tôi không biết bản chất của nó.

"Nguyên tắc của ông Trưởng khoa" Roark nói.

"Cái gì cơ?"

"Đó là điều thỉnh thoảng tôi vẫn boăn khoăn… Mallory, tại sao cậu lại định bắt chết Ellsworth Toohey?" Anh nhìn thấy đôi mắt Mallory và nói thêm: "Cậu không phải kể cho tôi nếu cậu không thích nói đến chuyện đó."

"Tôi không thích nói đến chuyện đó," Mallory nói với giọng gay gắt. "Nhưng đúng là phải hỏi câu đó."

"Ngồi xuống đi" Roark nói "Chúng ta sẽ nói về phần việc của cậu."

Sau đó Mallory chăm chú lắng nghe Roark nói về công trình và yêu cầu điêu khắc của anh. Anh kết luận:

"Chỉ một bức tượng. Nó sẽ đứng ở đây." Anh chỉ vào bản thiết kế. "Ngôi đền sẽ bao quanh nó. Bức tượng một người phụ nữ khoả thân. Nếu cậu hiểu về công trình, cậu sẽ hiểu bức tượng phải như thế nào. Linh hồn của nhân loại. Tính anh hùng trong con người. Cả trong khao khát lẫn trong hiện thực. Thăng hoa trong khao khát – và trong bản chất tự thân của con người. Tìm kiếm Đức Chúa – vì tìm thấy chính mình. Hãy cho thấy không còn gì cao hơn ngoài chính nhân dạng con người… Cậu là người duy nhất có thể làm được cho tôi điều đó.

"Được."

"Cậu sẽ làm việc như tôi làm việc cho các khách hàng của tôi. Cậu biết tôi muốn gì – phần còn lại thì tuỳ cậu. Làm thế nào thì tuỳ cậu. Tôi muốn đề xuất người mẫu, nhưng nếu cô ấy không phù hợp với mục đích của cậu, thì cậu có thể lựa chọn bất cứ người nào mà cậu thích."

"Anh chọn ai?"

"Dominique Francon."

"Ôi, lạy Chúa!"

"Cậu biết cô ấy à?"

"Tôi đã thấy cô ấy. Nếu tôi có thể có cô ấy… Chúa ơi! Không có người phụ nữ nào thích hợp hơn cho bức tượng này. Cô ấy …"

Anh ngừng lại. Rồi anh nói tiếp, giọng thất vọng:

"Cô ấy sẽ không chịu đứng làm mẫu đâu. Chắc chắc là không đứng cho anh."

“Cô ấy sẽ làm mẫu.”

*

* *

Guy Francon cố phản đối khi ông biết chuyện.

“Nghe này, Dominique” – ông giận dữ nói – “phải có giới hạn chứ. Thực sự là phải có giới hạn – ngay cả với con. TẠi sao con lại làm vậy? Tại sao – mà lại là cho một công trình của Roark nữa chứ? Sau tất cả những điều con nói và làm để chống lại anh ta – con có biết mọi người đang nói gì không? Nếu là người khác thì cũng chả ai quan tâm hay để ý làm gì. Đằng này lại là con –và Roark! Cha sẽ chẳng thể đi đâu mà không bị người ta hỏi han về chuyện này. Cha phải làm gì đây?”

“Cha nên đặt làm một bản sao bức tượng. Nó sẽ rất đẹp đấy.”

Peter Keating từ chối bình luận về chuyện này. Nhưng anh gặp Dominique ở một bữa tiệc và hỏi, mặc dù anh đã dự định là sẽ không hỏi về chuyện này:

“Có đúng là em đang làm mẫu tượng cho ngôi đền của Roark không?”

“Đúng.”

“Dominique, anh không thích chuyện đó.”

“Không ư?”

“Ồ, anh xin lỗi. Anh biết anh không có quyền… Có điều… Có điều trong tất cả mọi người, anh không muốn thấy em trở nên thân thiện với Roark. Không phải là Roark. Bất kỳ ai cũng được, trừ Roark.”

Cô chăm chú nhìn anh và hỏi:

“Tại sao?”

“Anh không biết.”

Ánh mắt dò hỏi của cô làm anh thấy lo lắng. Anh lắp bắp:

“Có thể, có thể vì việc em khinh bỉ các công trình của anh ta – nó chẳng hợp lý tí nào. Anh đã rất mừng vì em làm thế … nhưng nó có vẻ chẳng hợp lý – đối với con người em.”

“Không hợp lý ư, Peter?”

“Không. Nhưng em không thích con người anh ta, đúng không?”

“Không. Em không thích con người anh ta.”

Ellsworth Toohey không hài lòng với chuyện này.

“Đó là hành động kém khôn ngoan nhất của cô đấy, Dominique” ông nói riêng trong phòng làm việc của cô. Giọng ông có vẻ không tự nhiên.

“Tôi biết điều đó.”

“Cô không thể thay đổi quyết định và từ chối sao?”

“Ellsworth, tôi sẽ không thay đổi quyết định.”

Ông ngồi xuống và nhún vai; một lúc sau, ông mỉm cười: “Thôi được, cô bé thân mến của tôi, cứ làm theo ý mình đi.”

Cô vạch một đường chỉ qua một tập bản thảo và không nói gì.

Toohey chăm một điều thuốc. “Vậy là anh ta đã chọn Steven Mallory làm việc này.” – ông nói.

“Cô gái ơi, đó chẳng phải là sự trùng hợp. Những chuyện như thế này chẳng bao giờ là sự trùng hợp tình cờ cả. Có một quy luật cơ bản đằng sau nó. Mặc dù tôi chắc là anh ta không biết quy luật đó và chẳng ai giúp anh ta chọn người cả.”

“Tôi tin là ông đang đồng đình với việc này?”

“Hoàn toàn đồng tình. Nó làm cho mọi chuyện trở nên hoàn hảo. Hoàn hảo hơn bao giờ hết.”

“Ellsworth, tại sao Mallory định giết ông?”

“Tôi hoàn toàn chịu chết. Tôi không biết. Tôi nghĩ là ngài Roark biết đấy. Hoặc anh ta nên biết. Tiện thể, ai đã chọn cô làm người mẫu cho bức tượng đó? Roark hay Mallory?”

“Đó không phải là việc của ông, Ellsworth.”

“Ra thế. Là Roark.”

“Nhân tiện, tôi đã nói với Roark rằng chính ông đã xui Hopton Stoddard thuê anh ta.”

Ông giữ điếu thuốc lơ lửng trong không trung; rồi ông lại cử động và đặt nó lên môi.

“Cô đã nói ư? Tại sao?”

“Tôi đã nhìn thấy các bản thiết kế ngôi đền.”

“Nó đẹp đến thế cơ à?”

“Còn hơn thế, Ellsworth.”

“Anh ta nói gì khi cô kể cho anh ta?”

“Chẳng gì cả. Anh ta phá ra cười.”

“Thật vậy sao? Anh ta thật tử tế. Tôi dám cá rằng chẳng lâu nữa, khối người cũng sẽ phá ra cười như anh ta.”

Trong suốt những tháng mùa đông năm đó, hiếm khi Roark ngủ quá ba tiếng mỗi đêm. Anh di chuyên với một vẻ mạnh mẽ dẻo dai, như thể cơ thể anh toả năng lượng nuôi sống những thứ quanh anh. Năng lượng ấy chạy qua những bức tường văn phòng làm việc của anh để tới ba điểm trong thành phố: toà nhà Cord, một toà tháp bằng đồng thau và kính ở trung tâm Manhattan; khách sạn Aquitania ở phía nam công viên trung tâm; và Đền Stoddard trên một triền đá bên cạnh sông Hudson, về phía Bắc đường Riverside.

Khi họ có thời gian gặp nhau, Austen Heller quan sát anh với vẻ thích thú và hài lòng. Ông nói:

“Howard, khi ba công trình này hoàn thành, không ai có thể cản trở cậu nữa. Không bao giờ nữa. Thỉnh thoảng tôi thử đoán xem cậu sẽ tiến xa đến đâu. Cậu biết đấy, tôi luôn tò mò về số phận con người mà.

Vào một tối tháng Ba, Roark đứng trong khu đất sẽ xây dựng ngôi đền – cả khu đất được bao bọc bởi một hàng rào cao, theo lệnh của Stoddard. Những khối đá móng đầu tiên đã mọc lên khỏi mặt đất. Lúc đó đã muộn và công nhân đã về nhà. Công trường vắng lặng, tách biệt với thế giới và tan dần vào bóng tối mặc dù bầu trời bên trên vẫn còn ửng đỏ rực rỡ, như thể ánh nắng ở lại lâu hơn thường ngày để thông báo mùa xuân sắp đến. Tiếng còi tàu vang lên ở đâu đó trên sông; âm thanh của nó như vọng đến từ một miền quê xa xôi, xuyên qua những dặm dài tĩnh lặng. Một ngọn đèn vẫn sáng trong một căn lều gỗ được dựng làm xưởng điêu khắc cho Steven Mallory. Dominique đứng mẫu ở đó.

Ngôi đền sẽ là một công trình nhỏ bằng đá vôi xám. Những đường nét của nó không vươn lên thiên đường mà trải rộng theo chiều ngang trên mặt đất. Nó như những cánh tay dang thẳng ra từ bờ vai, lòng bàn tay mở rộng, hướng xuống mặt đất, yên lặng chấp nhận mặt đất. Nó không bám víu vào mặt đất và cũng không còng xuống dưới bầu trời. Nó như nâng mặt đất lên trong khi một vài trụ đứng của nó kéo bầu trời xuống. Ngôi đền được kiến thiết theo tỷ lệ chiều cao của con người; nó không làm cho con người nhỏ bé đi; nó đứng như một tấm phông làm nổi bật cơ thể con người, khiến cho con người trở thành cái tuyệt đối, thành thước đo chuẩn cho tất cả mọi thứ.

Khi một người bước vào ngôi đền, anh ta sẽ cảm thấy không gian được đúc xung quanh anh ta, cho riêng anh ta, như thể nó đã chờ đợi anh ta bước vào để trở thành hoàn thiện. Ngôi đền là một nơi vui vẻ –một niềm vui của sự thăng hoa âm thầm. Nó là nơi mà người ta đến để cảm thấy mình trong

sạch và mạnh mẽ, để tìm thấy sự nhẹ nhõm tinh thần – sự nhẹ nhõm vốn không bao giờ dành được trừ khi nhờ chính mình.

Bên trong ngôi đền không có bất kỳ vật trang trí nào, ngoại trừ những bức tường được phô bày một cách khéo léo và những cửa sổ lớn. Nơi này không bị che phủ bởi những mái vòm mà được mở toang với thế giới xung quanh, với cây cối, với con sông, với mặt trời – và với đường chân trời của thành phố ở xa xa, với những toà nhà chọc trời, với hình dáng của những gì con người đã xây nên trên mặt đất.

Ở cuối căn phòng, đối diện với lối vào, là một bức tượng người khoả thân, đứng nổi bật trên nền thành phố phía xa.

Lúc này, trước mặt anh chẳng có gì trong bóng tối ngoại trừ những tảng đá đầu tiên của công trình, nhưng Roark nghĩ đến toà nhà đã hoàn thành. Anh cảm thấy nó trong những khớp tay và vẫn nhớ từng đường chỉ đã vẽ nên nó. Anh đứng và suy nghĩ về nó. Sau đó anh đi ngang qua khu đất lổn nhổn đến xưởng điêu khắc.

"Chờ chút," tiếng Mallory vang lên khi anh gõ cửa.

Bên trong lều, Dominique bước xuống khỏi bậc làm mẫu và khoác áo choàng lên.

Sau đó Mallory mở cửa.

"Ồ, anh đấy à?" Mallory nói. "Chúng tôi tưởng là người bảo vệ. Anh làm gì ở đây muộn thế này?"

"Chào cô Francon." Roark nói và Dominique gật đầu với vẻ sỗ sàng. "Xin lỗi vì làm gián đoạn công việc của cậu, Steve."

"Không sao. Chúng tôi cũng chẳng làm được việc mấy. Tối nay Dominique không thể thực hiện được cái tôi muốn. Ngồi xuống đi, Howard. Chết tiệt thật, không biết mấy giờ rồi nhỉ?"

"Chín rưỡi. Nếu cậu còn ở đây, có muốn tôi gọi người mang bữa tối cho cậu không?"

"Tôi không biết. Chúng ta hút thuốc đã."

Căn lều có sàn bằng gỗ, không sơn, xà nhà bằng gỗ trơn, một bếp lò bằng gang đang cháy ở trong góc. Mallory đi đi lại lại như một lãnh chúa phong kiến; đất sét bám thành vệt trên trán anh. Anh liên tục rít thuốc một cách sốt ruột và đi đi lại lại trong phòng.

"Cô muốn mặc đồ chưa, Dominique?" Anh ta hỏi. "Tôi nghĩ tối nay chắc chỉ như vậy thôi." Cô không trả lời. Cô đứng nhìn Roark. Mallory bước tới cuối phòng, quay người và mỉm cười với Roark: "Sao anh chưa bao giờ đến

đây hả Howard? Tất nhiên là nếu anh đến mà tôi bận thì tôi cũng tống anh ra khỏi cửa thôi. Nhưng sao hôm nay anh lại đến giờ này?"

"Tối nay tôi muốn nhìn chỗ này. Nhưng tôi không thể đến sớm hơn được."

"Steve, anh muốn thế này phải không?" Dominique đột ngột cất tiếng. Cô cởi áo choàng ra và khoả thân đi đến bục làm mẫu. Mallory nhìn cô, rồi nhìn Roark, rồi lại nhìn cô.

Sau đó anh ta thấy cái mà anh ta đã cố tìm kiếm cả ngày hôm nay. Anh ta thấy cơ thể cô đứng trước mặt anh, thẳng đứng và căng lên, đầu cô ngả ra sau, hai cánh tay buông dọc theo người, lòng bàn tay mở ra phía ngoài. Cô đứng như cô vẫn đứng nhiều ngày qua, nhưng lúc này, cơ thể cô sống động và im lìm đến mức dường như nó đang run lên, đang tuyên bố điều mà anh đã muốn nghe: đấy là sự đầu hàng kiêu hãnh, cao cả, say sưa đối với một viễn cảnh mà riêng cô thấy. Đấy là khoảnh khắc duy nhất, cái khoảnh khắc trước khi một hình dáng sẽ biến đổi và tan vỡ, cái khoảnh khắc được thắp lên bởi những gì cô nhìn thấy.

Điếu thuốc của Mallory bay ngang trong phòng.

"Dominique, giữ nguyên tư thế đó!" anh kêu lên. "Giữ nguyên! Giữ nguyên!"

Anh đến bục làm việc của mình trước khi điếu thuốc chạm mặt đất. Anh làm việc trong lúc Dominique đứng bất động, còn Roark đứng đối diện cô, dựa lưng vào tường.

*

* *

Vào tháng Tư, những bức tượng của ngôi đền nổi lên thành những đường đứt gãy trên mặt đất. Vào những đêm sáng trăng, ánh trăng phủ một lớp ánh sáng lóng lánh, mềm mại, và loang lổ trên ngôi đền. Hàng rào cao đứng bao quanh bảo vệ ngôi đền.

Sau giờ làm việc, Roark, Mallory, Dominique và Mike Donnigan thường ở lại công trường. Mike chưa bao giờ bỏ qua bất cứ công trình nào của Roark.

Bốn người ngồi trong căn lều của Mallory sau khi tất cả những người khác đã ra về. Một tấm vải ướt che lên bức tượng dang dở. Cánh cửa căn lều mở ra để đón hơi ấm đầu tiên của đêm xuân. Một cành cây lửng lơ bên ngoài, ba chiếc lá mới nhú nổi lên tren nền trời đen, những ngôi sao lung linh như những giọt nước trên mép lá. Căn lều không có chiếc ghế nào. Mallory đứng bên bếp gang, chuẩn bị bánh mì kẹp và cà phê. Mike ngồi trên bục của

người mẫu, miệng ngậm một tẩu thuốc. Roark nằm dài trên sàn, chống người lên bằng hai khuỷu tay, Dominique ngồi trên cái ghế đẩu nhà bếp. Một tấm áo chàng lụa mỏng bọc quanh người cô. Đôi bàn chân trần của cô đặt lên trên những tấm ván sàn.

Họ không nói về công việc. Mallory kể những câu chuyện nhố nhăng và Dominique cười như nắc nẻ. Họ không nói chuyện gì cụ thể; những câu nói có nghĩa chỉ bởi vì giọng họ đang phát ra chúng vì sự vui vẻ thân mật, vì sự thư giãn hoàn toàn của tất cả. Họ đơn thuần chỉ là bốn người thích ở đó cùng nhau. Những bức tượng đang mọc lên trong bóng tối bên ngoài cánh cửa mở phê chuẩn sự nghỉ ngơi của họ, cho họ cái quyền được thư giãn. Đấy là công trình mà tất cả họ đã làm việc cùng nhau, công trình giống như một hoà âm trầm, hoà vào giọng nói của họ. Dominique chưa từng nhìn thấy Roark cười như vậy ở bất kỳ nơi nào khác; hai môi anh thả lỏng và trẻ trung.

Họ ở đó cho đến đêm khuya. Mallory rót cà phê vào một hàng những chiếc cốc nham nhở. Mùi cà phê quyện với mùi lá non bên ngoài.

*

* *

Vào tháng Năm, việc xây dựng ở công trường Khách sạn Aquitania bị ngừng lại.

Hai chủ đầu tư công trình bị sạt nghiệp vì thị trường chứng khoán; phần vốn đầu tư của người thứ ba bị giữ vì dính vào một vụ kiện thừa kế; còn người thứ tư thì biển thủ cổ phần của người khác. Công ty bị cuốn vào mớ bòng bong các vụ kiện cáo đòi hỏi nhiều năm mới có thể giải quyết xong. Vì thế, toà nhà đang xây dở phải chờ đợi.

"Tôi sẽ giải quyết mọi việc, kể cả nếu như tôi phải giết một vài người" Kent Lansing nói với Roark. "Tôi sẽ lấy nó khỏi tay chúng. Chúng ta sẽ hoàn thành nó một ngày nào đó, anh và tôi. Nhưng phải có thời gian. Có thể là rất lâu đấy. Tôi sẽ không khuyên anh phải kiên nhẫn. Những người như anh và tôi hẳn không thể tồn tại quá mười lăm năm nếu không có sự kiên nhẫn của một tên đao phủ. Và sự lì lợm của một chiến hạm."

Ellsworth Toohey cười to khi ngồi bên cạnh bàn làm việc của Dominique. "*Bản giao hưởng dang dở* - ơn Chúa*,"* ông nói.

Dominique dùng lại từ này trong bài báo của mình. Cô viết "*Bản giao hưởng dang* dở ở phía nam Công viên trung tâm." Cô không nói, "ơn Chúa." Cái tên này được người ta truyền nhau. Những người lạ nhận thấy một công trình đắt tiền trên một đường phố quan trọng đang bị bỏ dở với những ô cửa trống hoắc, những bức tường mới trát vữa một nửa, những xà nhà trần trụi.

Khi họ hỏi về công trình đó, những người chưa từng biết tiếng Roark hoặc câu chuyện đằng sau công trình, đều cười khuẩy và trả lời rằng: "À, đấy là *Bản giao hưởng dang dở."*

Ban đêm Roark thường đứng bên kia phố, dưới những tán cây của công viên và nhìn cái hình khối đen sì, chết chóc giữa những công trình đang rực rỡ ánh đèn trên đường chân trời của thành phố. Bàn tay anh di chuyển như thể chúng đang chuyển động trên một mẩu đất sét; ở khoảng cách đó, lòng bàn tay anh có thể lấp đầy những đứt gãy của công trình dang dở; nhưng cái chuyển động lấp đầy mang tính bản năng đó chỉ chạm vào không khí.

Thỉnh thoảng, anh bắt mình đi xuyên qua toà nhà. Anh bước bên những tấm ván run rẩy được bắc lơ lửng qua khoảng không; anh đi xuyên qua các văn phòng không có trần và các phòng không có sàn; anh đi đến những gờ tường bỏ ngỏ, nơi những khung thép chìa ra ngoài như những khúc xương đâm xuyên qua chỗ da bị rách toạc.

Một người bảo vệ già sống trong một gian phòng nhỏ ở đằng sau tầng trệt. Ông ta biết Roark và để anh đi lang thang quanh toà nhà. Một lần ông ta ngăn Roark lại trên đường anh đi ra và đột ngột nói: "Tôi từng có một đứa con trai - gần như vậy. Nó chết trước khi chào đời." Một điều gì đó đã làm ông ta buột miệng nói ra và ông ta nhìn Roark, phân vân không hiểu ông đã định nói gì. Nhưng Roark mỉm cười, anh nhắm mắt lại và bàn tay anh nắm lấy bờ vai của ông già, như một cái bắt tay rồi anh đi.

Những điều chỉ xảy ra trong vài tuần đầu tiên. Sau đó anh buộc mình phải quên Aquitania đi.

Vào một tối tháng Mười, Roark và Dominique đi bộ cùng nhau xuyên qua Ngôi đền đã hoàn thành. Nó sẽ được mở cửa công khai trong một tuần – ngay sau ngày Stoddard trở về. Chưa có ai nhìn thấy ngôi đền ngoại trừ những người đã làm việc ở công trường này.

Đó là một buổi tối quang đãng và tĩnh lặng. Công trường trống không và tĩnh lặng. Những tia sáng đỏ của hoàng hôn trên những bức tường đá vôi giống như tia nắng đầu tiên của buổi bình minh.

Họ đứng nhìn Ngôi đền từ bên ngoài. Sau đó họ đứng bên trong, trước bức tượng bằng đá cẩm thạch. Họ không nói gì với nhau. Dường như, những bóng tối đang lấp dần khoảng không quanh họ cũng được tạo ra từ cùng bàn tay đã dựng những bức tường quanh họ. Dòng ánh sáng nhạt nhoà cuối ngày di chuyển theo một trật tự nhất định, như những câu nói trong một bài diễn văn mà những bức tượng là người diễn thuyết.

"Roark…"

“Gì vậy em?”

“Không… không có gì…”

Họ cùng nhau đi bộ quay trở lại xe ô-tô, bàn tay anh nắm chặt cổ tay cô.

XII.

Người ta công bố rằng lễ khai trương đền Stoddard sẽ được tổ chức vào chiều ngày đầu tiên của tháng Mười một.

Người đại diện báo chí đã làm việc rất hiệu quả. Tất cả mọi người đều bàn tán về sự kiện này, về Howard Roark, về kiệt tác kiến trúc của thành phố đang chờ đợi.

Sáng ngày 31 tháng Mười, Hopton Stoddard quay trở về sau chuyến đi vòng quanh thế giới. Ellsworth Toohey đón ông ta ở bến tàu.

Sáng ngày mùng Một tháng Mười một, Hopton Stoddard đưa ra một tuyên bố ngắn gọn; sẽ không có lễ khai trương nào cả. Ông ta không hề đưa ra lời giải thích.

Sáng ngày mùng Hai tháng Mười một, mục *Một tiếng nói nhỏ* của Ellsworth M. Toohey trên tờ *Ngọn cờ New York* có đăng tải một bài viết với tiêu đề *Sự báng bổ thánh thần*. Bài viết như sau:

"Đã đến lúc rồi, con hải mã nói

Phải nói về nhiều điều:

Về tàu – về giày – về Howard Roark

Cải bắp – nhà vua – Vì sao biển nóng

Có cánh hay không – ngày Howard Roark"[90]

"Chức năng của chúng tôi – xin mượn lời một triết gia mà chúng tôi không ưa – không phải là làm một cái vỉ ruồi. Tuy nhiên, khi một con ruồi mắc chứng hoang tưởng vĩ cuồng, thì những người ưu tú nhất mong chúng tôi buộc phải gác công việc để làm một việc nhỏ nhoi là tiêu diệt con ruồi đó.

"Gần đây có nhiều lời bàn tán về một người có tên là Howard Roark. Vì tự do ngôn luận là di sản thiêng liêng của chúng ta và nó bao gồm cả quyền tự do lãng phí thời gian, nên việc bàn tán như vậy cũng chẳng hại gì – ngoại trừ thực tế là có nhiều thứ có ích lợi hơn nhiều so với việc bàn luận về một người chưa làm được gì khác ngoài một toà nhà xây dở. Việc bàn tán quả thật chẳng có hại gì nếu như sự lố lăng không trở thành thảm kịch – và rồi biến thành sự lừa đảo.

"Howard Roark – như hầu hết chúng ta chưa từng nghe nói tới và chắc sẽ không phải nghe nói tới nữa – là một kiến trúc sư. Cách đây một năm, anh ta được tín nhiệm giao cho một công trình khác thường. Anh ta được ký hợp đồng xây dựng một tượng đài vĩ đại trong sự vắng mặt của người chủ vốn rất

tin tưởng anh ta và cho anh ta toàn quyền hành động. Nếu thuật ngữ trong luật hình sự của chúng ta có thể áp dụng trong lĩnh vực nghệ thuật, thì chúng ta phải nói rằng công trình mà ông Roark xây cho người chủ kia đã cấu thành một thứ tương đương với tội biển thủ tinh thần.

"Ông Hopton Stoddard, một nhà từ thiện nổi tiếng, đã có dự định trao tặng cho thành phố New York một đền thờ chung, một thánh đường không bè phái làm biểu tượng cho đức tin của con người. Cái mà ông Roark đã xây cho ông ấy có thể là một nhà kho – mặc dù, nếu là nhà kho thì nó có vẻ như không hữu dụng. Nó cũng có thể là một nhà thổ – khả năng này có vẻ hợp lý hơn nếu chúng ta tính đến bức tượng trang trí của nó. Chắc chắn, nó không phải là một đền thờ.

Dường như một kẻ ác tâm đã chủ ý làm cho toà nhà này đi ngược lại mọi khái niệm thông thường về một kiến trúc tôn giáo. Thay vì sự khép kín nghiêm cẩn, ngôi đền này lại mở toang như một phòng trà phương tây. Thay vì không khí sùng kính thường có ở một nơi mà người ta tìm đến để suy ngẫm về sự vĩnh hằng và nhận ra sự tầm thường của con người, toà nhà này lại có vẻ hoan hỉ buông tuồng, trác táng. Thay vì những đường nét vươn lên cao, hướng tới thiên đường, vốn là đòi hỏi bắt buộc đối với một đền thờ, một biểu tượng cho sự tìm kiếm một thứ cao hơn cả bản ngã bé nhỏ của con người, toà nhà này lại nằm bè bè trên mặt đất, bụng ngậm trong bùn. Vì thế, nó khẳng định sự trung thành của nó với chốn thế tục; nó tôn vinh những thoả mãn thô tục của nhục dục bên trên những thoả mãn của tinh thần. Bức tượng một người đàn bà khoả thân ở một nơi người ta tìm đến để cảm thấy thăng hoa đã phơi bày bản chất ngôi đền này và không cần ai phải bình luận gì thêm về nó.

"Một người bước vào một đền thờ để tìm kiếm sự giải thoát khỏi bản thân mình. Anh ta muốn được thấy mình khiêm nhường, muốn thú nhận sự tầm thường của mình, muốn cầu xin sự tha thứ. Anh ta tìm thấy sự cứu rỗi khi hạ mình xuống. Tư thế phù hợp của con người trong một ngôi nhà của Chúa là tư thế quỳ gối. Không ai có trí khôn lại quỳ gối trong ngôi đền của ông Roark. Nơi này cấm người ta làm điều đó. Những cảm xúc mà nó tạo ra có tính chất hoàn toàn khác: kiêu ngạo, trơ tráo, thách thức, tự đại. Nó không phải là ngôi nhà của Chúa mà là nhà tù của một kẻ mắc chứng vĩ cuồng. Nó không phải là một đền thờ, mà là sự đối lập hoàn toàn với một đền thờ, một sự nhạo báng xấc xược đối với tất cả các tôn giáo. Lẽ ra chúng ta đã gọi nó là một kiến trúc báng bổ, có điều, những kẻ báng bổ lại nổi tiếng là những kiến trúc sư giỏi giang.

"Chuyên mục này không hậu thuẫn cho bất kỳ tín ngưỡng nào cụ thể, nhưng quy tắc ứng xử thông thường đòi hỏi chúng ta phải tôn trọng niềm tin

tôn giáo của những người xung quanh chúng ta. Chúng tôi cảm thấy chúng tôi có nghĩa vụ phải giải thích cho công chúng về vụ tấn công có chủ ý vào tôn giáo này. Chúng tôi không thể bỏ qua một sự báng bổ thánh thần quá đáng như thế.

"Nếu chúng tôi có vẻ đã quên mất chức năng phê bình kiến trúc, thì chúng tôi chỉ có thể giải thích rằng trường hợp này không đòi hỏi điều đó. Một thứ tầm thường không bao giờ xứng đáng được phê bình một cách nghiêm túc – đó sẽ là một sai lầm. Theo chúng tôi nhớ, ông Howard Roark đã có vài công trình và chúng đều có đặc tính phi lý cùng với sự bừa bãi của một kẻ nghiệp dư quá tham vọng. Tất cả những con chiên của Chúa đều có cánh, nhưng thật không may điều này không đúng với tất cả những thiên tài của Chúa[91].

"Vậy đấy, các bạn đọc thân mến. Chúng tôi vui mừng vì đã làm xong công việc của ngày hôm nay. Chúng tôi thực sự không vui thú gì khi phải viết những lời cáo phó."

*

* *

Ngày mùng Ba tháng Mười một, Hopton Stoddard nộp đơn kiện Howard Roark vì đã vi phạm hợp đồng và lạm dụng quyền hạn. Ông đòi bồi thường một khoản tiền đủ để trả cho một kiến trúc sư khác sửa chữa lại Ngôi đền.

*

* *

Thuyết phục Hopton Stoddard thật dễ dàng. Trở về sau chuyến đi, ông hết sức hoang mang với vô vàn quan điểm tôn giáo trên thế giới, và nhất là với những hình thức khác nhau của địa ngục trên mặt đất này. Ông đã đi đến kết luận rằng cuộc đời của ông khiến cho ông xứng đáng phải chịu thứ địa ngục kinh khủng nhất, dù nhìn theo bất cứ tôn giáo nào. Những hy vọng cuối cùng của ông đã sụp đổ. Trên chuyến tàu trở về, người phục vụ tàu cảm thấy chắc chắn rằng vị khách đáng kính của mình đang hấp hối.

Vào buổi chiều ngày ông trở về, Ellsworth Toohey đã đưa ông đến xem ngôi đền. Toohey không nói gì. Hopton Stoddard trăn trối nhìn ngôi đền và Toohey nghe thấy tiếng những chiếc răng giả của Stoddard nghiến kèn kẹt. Công trình này không giống bất kỳ cái gì mà Stoddard từng thấy ở bất kỳ đâu trên thế giới; cũng không phải là cái mà ông đã trông chờ. Ông không biết phải nghĩ gì. Khi ông đưa cái nhìn cầu cứu tuyệt vọng sang phía Toohey, đôi mắt Stoddard trông như hai miếng thịt đông.[92] Ông ta chờ đợi. Vào thời điểm đó, Toohey có thể thuyết phục ông về bất kỳ cái gì. Toohey cất tiếng và

nói những điều mà ông nhắc lại trong cột báo của mình.

"Nhưng anh đã nói với tôi rằng anh chàng Roark là một người giỏi cơ mà!" Stoddard rên rỉ một cách hoang mang.

"Tôi đã hy vọng là anh ta giỏi," Toohey lạnh lùng trả lời.

"Nhưng thế thì – tại sao?"

"Tôi không biết," Toohey nói và ánh mắt buộc tội của ông khiến cho Stoddard hiểu rằng có một tội lỗi xấu xa đằng sau tất cả điều này và rằng tội lỗi đó là của Stoddard.

Toohey chẳng nói gì trong xe Limousine trên đường họ quay trở lại căn hộ của Stoddard mặc dù Stoddard vào trạng thái kinh sợ. Trong căn họ, Toohey dẫn Stoddard đến một chiếc ghế bành và đứng trước mặt ông ta, u ám như một vị quan toà.

"Hopton, tôi biết tại sao chuyện đó xảy ra."

"Tại sao?"

"Tôi có lý do nào để nói dối ông không?"

"Không, tất nhiên là không rồi, anh là chuyên gia nổi tiếng nhất và là người trung thực nhất. Tôi không hiểu, tôi hoàn toàn không hiểu nổi!"

"Tôi thì hiểu. Khi tôi giới thiệu Roark, tôi có mọi lý do để trong chờ - dựa trên những đánh giá trung thực nhất của tôi - rằng anh ta sẽ đem lại cho ông một kiệt tác. Nhưng anh ta không làm vậy. Hopton, ông có biết quyền năng gì có thể phá vỡ mọi toan tính của con người hay không?"

"Qu...quyền năng gì vậy?"

"Chúa đã chọn cách này để từ chối sự dâng tặng của ông. Chúa cho rằng ông không xứng đáng được dâng cho Ngài một đền thờ. Hopton, ông có thể đánh lừa tôi và tất cả mọi người, nhưng ông không thể đánh lừa Chúa. Ngài biết cuộc đời ông còn đen tối hơn những gì tôi tưởng tượng."

Toohey tiếp tục nói một lúc lâu, bình thản, nghiêm túc. Hopton rúm ró vì sợ hãi. Cuối cùng, Toohey nói:

"Hopton, rõ ràng là ông không thể mua lấy sự tha thứ bằng cách bắt đầu từ trên đỉnh., Chỉ có sự trong sáng trong con tim mới có thể xây dựng nên một đền thờ. Ông phải trải qua nhiều bước chuộc tội nhỏ hơn trước khi ông tới được giai đoạn đó. Ông phải chuộc tội với đồng loại của ông trước khi ông có thể chuộc tội với Chúa. Toà nhà này không có duyên làm một đền thờ; nó phải trở thành một công trình nhân đạo. Chẳng hạn như một nhà tình thương cho những đứa trẻ tật nguyền."

Hopton Stoddard không thể ép mình tin điều này. "Để sau đã, Ellsworth, để sau đã" ông ta rên rỉ. "Hãy cho tôi thời gian." Ông ta đồng ý kiện Roark, như Toohey gợi ý, để bù đắp cho cái chi phí sửa đổi thiết kế. Ông sẽ quyết định sửa đổi nó thành cái gì sau.

"Đừng bị sốc bởi bất kỳ những gì tôi sẽ nói và viết về công trình này," Toohey nói với ông ta khi ra về. "Tôi sẽ buộc phải dựng lên một vài điều không hoàn toàn có thật. Tôi phải bảo vệ danh tiếng của chính tôi trước một điều hổ thẹn vốn có lỗi của ông chứ không phải của tôi. Hãy nhớ rằng ông đã thề không bao giờ để lộ chuyện ai đã khuyên ông thuê Roark đấy."

Vào ngày hôm sau, bài báo *Sự báng bổ thánh thần* đã xuất hiện trên tờ *Ngọn cờ*. Bài báo là một ngòi nổ ngầm. Tuyên bố về vụ kiện của Stoddard đã châm lửa vào ngòi nổ ấy.

Không ai cảm thấy buộc phải tham dự một cuộc chiến vì một công trình; nhưng ở đay tôn giáo đã bị tra tấn. Người đại diện báo chí đã lăng-xê quá mức và giờ đây công chúng cảm thấy bị tổn thương. Rất nhiều người cảm thấy có trách nhiệm phải lên tiếng.

Làn sóng phản đối Howard Roark và ngôi đền của anh làm tất cả mọi người ngạc nhiên, trừ Ellsworth Toohey. Các mục sự nguyền rủa ngôi đền trong các bài truyền giảng. Các cậu lạc bộ phụ nữ thông qua các bản kháng nghị. Một uỷ ban các bà mẹ đã đăng trên trang tám các tờ báo một lá đơn đòi hỏi người ta làm gì đó để bảo vệ con cái họ. Một nữ diễn viên nổi tiếng đã viết một bài báo về sự thống nhất cơ bản trong tất cả các bộ môn nghệ thuật; bà ta diễn giải rằng Đền Stoddard không hề có giá trị kiến trúc, tiếp đó bà ta kể về thời gian bà ta diễn vai Mary Magdalene trong một vở kịch tái hiện Kinh Thánh. Một quý bà thượng lưu viết một bài báo về các đền thờ ở các vùng đất xa lạ mà bà ta đã viếng thăm trong những chuyến thám hiểm xuyên rừng rậm; bà ta ca ngợi niềm tin cao quý của những người nguyên thuỷ và chỉ trích thói hoài nghi của con người hiện đại; bà nói rằng Đền Stoddard là một biểu tượng của sự mềm yếu và suy đồi. Bức ảnh minh hoạ bài báo có một con sư tử đã chết. Một giáo sư đại học viết một bức thư cho người biên tập tờ *Ngọn cờ* về những kinh nghiệm như thể ở một nơi như Đền Stoddard. Kiki Holcombe viết một bức thư gửi toà soạn để trình bày quan điểm của bà về cuộc sống và cái chết.

Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ đưa ra một tuyên bố long trọng lên án Đền Stoddard là một sự lừa gạt về tinh thần và nghệ thuật. Những tuyên bố tương tự – ít tính long trọng và nhiều tiếng lóng hơn – cũng được Hội đồng các Nhà thầu Xây dựng Hoa Kỳ, Hội Nhà văn Hoa Kỳ và Hội Hoạ sĩ Hoa Kỳ công bố. Chưa ai từng nghe nói đến những tổ chức này nhưng đó lại là những Hội đồng nên tiếng nói của họ có trọng lượng. Mọi người sẽ nói với

một người khác:"Anh có biết Hội đồng các Nhà thầu xây dựng Hoa Kỳ đã nói rằng ngôi đền này là một thứ giẻ rách về kiến trúc không?" – anh ta nói như thể anh ta có quan hệ thân thiết với những đại diện ưu tú nhất của thế giới nghệ thuật. Người kia sẽ không muốn đáp lại rằng anh ta chưa từng nghe nói về tổ chức này, vì thế anh ta trả lời: "Tôi cũng đã hy vọng họ sẽ nói vậy. Anh cũng thế chứ?"

Hopton Stoddard nhận được nhiều thư từ bày tỏ cảm thông đến nỗi ông ta bắt đầu cảm thấy hạnh phúc. Trước đây, ông chưa từng nổi tiếng như vậy. Ông nghĩ, Ellsworth đã đúng; những đồng loại của ông ta đã tha thứ cho ông; Ellsworth luôn luôn đúng.

Sau một thời gian, những tờ báo có uy tín thôi không đề cập đến chuyện này nữa. Nhưng tờ *Ngọn cờ* thì vẫn tiếp tục. Nó trở thành một mối lợi đối với tờ *Ngọn cờ*. Gail Wynand không có mặt ở toà soạn, ông đã dong thuyền buồn ra Ấn Độ dương, và Alvah Scarret thì đã luôn chờ đợi một cuộc thánh chiến. Vụ việc này thích hợp với ông Ellsworth Toohey không phải đưa ra bất kỳ để xuất nào; Scaret tự động chớp lấy thời cơ và hành động.

Scarret viết về sự suy đồi của nền văn minh và xót xa về sự mất mát đức tin đơn giản. Ông ta tài trợ cho một cuộc thi viết tiểu luận dành cho học sinh trung học với chủ đề "Tại sao tôi đi nhà thờ". Ông ta đăng một loạt bài minh hoạ về "Các nhà thờ thời niên thiếu của chúng ta." Ông đăng ảnh các biểu tượng tôn giáo qua nhiều thời đại – tượng Nhân sư, các tượng nửa người nửa thú, các cây cột cao khắc linh vật. Ông đặc biệt lưu ý đến những bức ảnh chụp tượng Dominique; ông đăng chúng kèm với những dòng chú thích đầy giận dữ nhưng bỏ qua tên người mẫu. Ông cho đăng những đoạn hình trong đó Roark được vẽ như một người nguyên thuỷ lông lá, tay cầm chuỳ. Ông ta viết nhiều bài báo ăn khách về chuyện tháp Babel[93] không thể chạm tới thiên đàng và về anh chàng Icatus bị rơi xuống đất vì đôi cánh bằng sáp của mình.

Ellsworth Toohey chỉ ngồi vắt chân chữ ngũ và theo dõi mọi chuyện. Ông đưa hai gợi ý nhỏ: ông tìm thấy trong phòng tư liệu của tờ *Ngọn cờ* bức ảnh Roark tại lễ khai trương Nhà Enright, bức ảnh khuôn mặt người đàn ông trong giây phút thăng hoa và ông cho đăng bức ảnh đó trên tờ *Ngọn cờ* với dòng chú thích: "Hài lòng rồi chứ, ngài Siêu nhân?" Ông buộc Stoddard mở cửa Ngôi đền cho công chúng đến xem trong khi chờ phiên toà. Người ta lũ lượt đến xem ngôi đền và họ khắc đầy những hình ảnh và câu nói tục tĩu trên bệ tượng Dominique.

Một số người đến xem và lặng lẽ thán phục công trình. Nhưng họ là dạng người không tham dự vào các cuộc tranh luận công khai. Austen Heller giận

dữ viết một bài báo để bảo vệ Roark và Ngôi đền. Nhưng ông ta không phải là người có thẩm quyền về kiến trúc hoặc tôn giáo và bài báo chìm nghỉm trong cơn bão.

Howard Roark không hề phản ứng.

Người ta yêu cầu anh đưa ra một tuyên bố và anh tiếp một nhóm phóng viên trong văn phòng của mình. Anh nói một cách bình thản: "Tôi không thể nói với bất kỳ ai về công trình của mình. Nếu tôi chuẩn bị sẵn một mớ từ ngữ để nhồi nhét vào đầu người khác thì đó sẽ là sự xúc phạm đối với họ cũng như đối với tôi. Nhưng tôi rất vui vì các anh chị đã đến đây. Tôi thực sự muốn nói một điều. Tôi muốn yêu cầu tất cả những người quan tâm đến chuyện này hãy đến nhìn ngôi đền, hãy ngắm nó và sau đó dùng những từ ngữ của chính họ để nói, nếu như họ muốn nói gì đó."

Tờ *Ngọn cờ* đăng bài phỏng vấn như sau: "Ông Roark, người có vẻ là một con chó săn tìm sự nổi tiếng , đã tiếp tục đón các phóng viên với vẻ huênh hoang, xấc xược và tuyên bố rằng đầu óc của công chúng là đồ bỏ. Ông ta không thèm nói chuyện nhưng dường như ông ta hoàn toàn ý thức được lợi ích lăng-xê bản thân của vụ việc này. Ông ta giải thích rằng tất cả những gì ông ta quan tâm là có càng nhiều người đến xem công trình của ông ta thì càng tốt."

Roark từ chối thuê luật sư đại diện cho mình tại phiên toà sắp tới. Anh nói rằng anh sẽ tự đứng ra bào chữa và, bất chấp sự phản đối của Austen Heller, anh từ chối giải thích anh định bào chữa thế nào.

"Austen, có một số quy tắt mà tôi hoàn toàn sẵn sàng tuân thủ. Tôi sẵn lòng mặc loại quần áo mà mọi người mặc, ăn cùng một loại thức ăn và đi cùng một tuyến tàu điện ngầm. Nhưng có một số thứ khác tôi không thể làm theo cách của họ – và chuyện này là một trong số đó."

"Anh biết gì về toà án và luật pháp nào? Lão ta sẽ thắng mất."

"Thắng cái gì?"

"Vụ kiện của lão ấy chứ còn gì nữa."

"Vụ kiện này có quan trọng không? Tôi chẳng thể làm gì để ngăn ông ta không động chạm đến ngôi đền. Ông ta sở hữu nó. Ông ta có thể phá huỷ nó hoặc biến nó thành nhà máy sản xuất keo. Ông ta có thể bất chấp việc tôi thắng hay thua kiện."

"Nhưng ông ta sẽ lấy tiền của anh để làm thế."

"Đúng vậy. Ông ta có thể lấy tiền của tôi."

Steven Mallory không bình luận về bất kỳ chuyện gì. Nhưng khuôn mặt

anh giống như buổi tối Roark gặp anh lần đầu tiên.

“Steve, cứ nói đi, nếu nó làm cho cậu thấy dễ chịu hơn,” – Roark bảo Mallory một buổi tối.

“Chẳng có gì để nói cả,” Mallory trả lời thờ ơ. “Tôi đã nói với anh rằng tôi không tin họ sẽ để anh sống sót.”

“Vớ vẩn. Cậu không có quyền lo sợ cho tôi.”

“Tôi không lo sợ cho anh. Lo sợ cho anh thì được tích sự gì? Tôi lo chuyện khác.”

Nhiều ngày sau, khi ngồi trên bậu cửa sổ phòng Roark và nhìn xuống đường phố bên dưới, Mallory chợt nói:

“Howard, anh có nhớ tôi đã nói với anh về con quỷ mà tôi kinh sợ? Tôi không biết gì về Ellsworth Toohey. Tôi chưa từng gặp lão ta trước khi tôi bắn lão. Tôi chỉ đọc những thứ mà lão ta viết. Howard này, tôi bắn lão vì tôi nghĩ lão ta biết rõ con quỷ đó.”

Dominique đến phòng Roark vào buổi tối Stoddard tuyên bố về vụ kiện. Cô không nói gì. Cô đặt cái túi của mình lên bàn và đứng cởi găng tay một cách chậm rãi như thể cô muốn kéo dài sự thân mật khi thực hiện một hành động thường ngày ở đây, trong phòng của anh; cô nhìn xuống những ngón tay của mình; rồi cô ngẩng đầu lên. Khuôn mặt cô như thể có biết điều đau đớn nhất mà anh phải chịu đựng và điều đau đớn đó là của cô và cô muốn chịu đựng nó như thế này, một cách lạnh lùng, không đòi hỏi những từ ngữ nhằm làm giảm nhẹ nó.

“Em sai rồi,” anh nói. Họ luôn có thể nói như vậy với nhau, như tiếp tục một cuộc đối thoại mà họ chưa từng bắt đầu. Giọng anh thật nhẹ nhàng. “Anh không cảm thấy điều đó.”

“Em không muốn biết.”

“Anh muốn em biết. Điều mà em đang nghĩ tồi tệ hơn sự thật rất nhiều. Việc họ đang phá huỷ nó không quan trọng với anh. Cũng có thể nó đau đớn đến nỗi anh thậm chí không biết là mình bị đau. Nhưng anh không nghĩ vậy. Nếu em muốn đau khổ thay cho anh, thì đừng đau khổ nhiều hơn anh. Anh không có khả năng đau khổ một cách hoàn toàn. Anh chưa bao giờ có khả năng đó. Nỗi đau chỉ xuống đến một điểm nào đó, rồi nó dừng lại. Miễn là còn có cái điểm không thể chạm tới đó, nó không thực sự là nỗi đau. Em đừng như thế.”

“Thế nó dừng lại ở đâu?”

“Ở nơi mà anh không thể nghĩ tới bất kỳ điều gì và không thể cảm thấy

bất kỳ điều gì ngoài việc anh chính là người đã thiết kế ngôi đền đó. Anh đã xây nó. Tất cả những thứ khác đều không thực sự quan trọng."

"Đáng lẽ anh không nên xây nó. Đáng lẽ anh không nên để nó phải đối mặt với những thứ họ đang làm."

"Điều đó không quan trọng. Kể cả nếu như họ sẽ phá huỷ nó. Điều quan trọng là nó đã từng tồn tại."

Cô lắc đầu. "Anh có thấy em cứu anh khỏi cái gì khi em lấy các hợp đồng khỏi tay anh không? … Để không cho họ có quyền làm chuyện này với anh… Không có quyền sống trong một công trình mà anh xây nên … Không có quyền động vào anh… bằng bất kỳ cách nào…"

*

* *

Khi Dominique bước vào phòng làm việc của Toohey, ông mỉm cười. Đó là một nụ cười chào đón hào hứng, chân thành một cách bất ngờ. Ông quên không kiểm soát nụ cười đó trong lúc ông nhíu lông mày với vẻ thất vọng. Trong một khoảnh khắc, cái nhíu mày và nụ cười tương phản một cách lố bịch. Ông thất vọng vì cô đã bước vào với vẻ mặt kích động như mọi khi. Ông không nhìn thấy bất kỳ sự giận dữ hay giễu cợt nào; cô bước vào như một nhân viên kế toán bước vào để hoàn thành một việc vặt. Cô hỏi:

"Ông làm thế để đạt được cái gì?"

"Nào, cô bé. Tôi thực sự hy vọng là cô không giận những điều tôi nói về bức tượng kích động đó của cô. Tôi không nghĩ cô hẳn phải hiểu rằng tôi không thể bỏ qua chuyện đó."

"Mục đích của vụ kiện đó là gì?"

"Ồ vậy là cô cứ muốn tôi phải nói toạc ra. Trong khi tôi thì lại muốn nghe cô nói. Nhưng thôi, một nửa niềm vui còn hơn là không có gì. Tôi muốn nói. Tôi đã nóng lòng chờ cô. Nhưng tôi thực sự muốn cô ngồi xuống, như thế tôi sẽ thoải mái hơn… Không ư? Được thôi, nếu cô muốn vậy, miễn là cô không chạy đi mất. Về vụ kiện? Chả nhẽ việc đó không rõ ràng rồi sao?"

"Chuyện đó làm sao có thể ngăn cản được anh ta?" cô hỏi với cái giọng như dùng để liệt kê một danh sách các số liệu thống kê. "Nó sẽ chẳng chứng minh được gì, dù cho anh ta thắng hay thua. Toàn bộ vụ việc chỉ là sự truy hoan của một lũ ngu xuẩn; nó sẽ chẳng ích gì cả. Tôi không nghĩ là ông lại lãng phí thời gian của mình vào những quả bom hơi thối ấy. Chưa đến Giáng sinh là chuyện này sẽ chìm."

"Lạy Chúa, tôi mới kém cỏi làm sao! Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình là

một người thầy tồi đến thế. Thật khó mà tin rằng cô chỉ học được chừng ấy sau hai năm cộng tác với tôi! Thật là đáng thất vọng. Vì cô là người phụ nữ thông minh nhất mà tôi từng biết, nên chắc hẳn lỗi là ở tôi rồi. Nào, để xem nào, cô quả có học được một điều: đó là tôi không lãng phí thời gian của mình. Rất đúng. Tôi không hề lãng phí thời gian. Đúng vậy, cô gái yêu quý của tôi, chưa đến Giáng sinh là chuyện này sẽ chìm. Và chính điều đó, cô thấy đấy, đấy chính là một thành tựu. Cô có thể chiến đấu với một thứ đã chết, như tất cả những thứ đã chết khác, không bao giờ hoàn toàn biến mất; chúng luôn để lại một số vật chất phân huỷ, phía sau chúng. Một thứ vật chất khó chịu nhất sẽ đeo bám lấy tên tuổi của cô. Ông Hopton Stoddard sẽ bị lãng quên hoàn toàn. Ngôi đền sẽ bị lãng quên. Vụ kiện sẽ bị lãng quên. Nhưng cái này thì chắc chắn sẽ còn: 'Howard Roark ư? Làm sao mà anh có thể tin tưởng một kẻ như vậy cơ chứ? Hắn ta có kẻ thù của tôn giáo. Hắn ta hoàn toàn vô liêm sỉ. Đầu tiên, hắn sẽ lừa anh về chi phí xây dựng'. Roark ư? Hắn ta chả được tích sự gì - một khách hàng đã kiện hắn vì hắn đã xây dựng một công trình kinh khủng'. 'Roark ư? Roark hả? Hượm đã, có phải là cái anh chàng lên báo chí vì một vụ xì-căng-đan không? Chủ toà nhà – tôi nghĩ cái nhà đó là một mớ hổ lốn – nhưng tóm lại là chủ toà nhà đã phải kiện anh ta. Anh chả nên dính vào một kẻ tai tiếng như thế. Để làm gì khi mà có rất nhiều kiến trúc sư giỏi cho anh lựa chọn?' Thử chóng lại điều đó đi, cô bạn. Nói xem cô có chiến đấu với nó như thế nào nào. Nhất là khi mà cô không có vũ khí gì ngoài trí thông minh của mình, mà trí thông minh thì không phải là vũ khí; nó là một tội nợ rất lớn."

Đôi mắt cô đầy thất vọng. Chúng lắng nghe kiên nhẫn. Ánh mắt bất động đó không hề chuyển thành sự giận dữ. Cô đứng thẳng, tự chủ, trước bàn làm việc của ông. Cô đứng như một người lính gác đứng trong cơn bão; anh ta biết rằng anh ta phải chịu đựng cơn bão và phải giữ nguyên vị trí kể cả khi anh ta không thể chịu đựng được nữa.

"Nào, bây giờ, khi cô đã nhận ra hiệu quả đặc biệt của một thứ đã chết, tôi tin là cô sẽ muốn tôi tiếp tục," Toohey nói. "Cô không thể lý luận, thanh minh hay bào chữa gì trước một vấn đề chết. Sẽ chẳng có ai nghe cô. Rất khó để bị mang tiếng. Nhưng để rũ bỏ tiếng tăm còn khó hơn nhiều. Không, cô không thể đánh bại một kiến trúc sư bằng cách chứng minh rằng anh ta là một kiến trúc sư tồi. Nhưng cô có thể làm anh ta lụn bại vì anh ta là một kẻ vô thần, hoặc vì ai đó đã kiện anh ta, hoặc vì anh ta ngủ với một người đàn bà nào đó, hoặc vì anh ta đã bẻ gẫy cánh một con bướm. Cô sẽ nói điều đó vô lý? Rất nhiên là chẳng có lý gì cả. Chính vì nó không có lý nên nó hiệu quả. Lý lẽ có thể bị chống lại bằng lý lẽ. Làm sao mà cô có thể chống lại cái chẳng-có-gì-cả? Cô bé thân mến, vấn đề của cô và của hầu hết mọi người là cô không tôn trọng đúng mực những điều vô nghĩa. Sự vô nghĩa là nhân tố

chủ yếu trong cuộc sống của chúng ta. Cô sẽ không có cơ hội thắng sự vô nghĩa là kẻ thù của cô. Nhưng nếu cô có thể làm cho nó trở thành đồng minh của cô, thì, chà, cô gái thân mến!... Thôi được, Dominique, tôi sẽ ngưng lại khi cô có dấu hiệu sợ hãi!"

"Nói tiếp đi," cô nói.

"Tôi nghĩ rằng giờ thì cô nên hỏi tôi một câu hỏi, mà có lẽ là cô không thích nói thẳng ra và cảm thấy rằng tôi phải tự đoán ra câu hỏi chăng? Tôi nghĩ là cô đúng. Câu hỏi là tại sao tôi lại chọn Howard Roark? Bởi vì – để tôi trích dẫn một bài báo của tôi – bộ phận của tôi không phải là đập ruồi. Tôi trích dẫn ở đây với ý nghĩa khác một chút, nhưng chúng ta sẽ bỏ qua chuyện đó. Ngoài ra, việc này đã giúp tôi có được thứ mà tôi cần từ Hopton Stoddard, nhưng đó chỉ là một vấn đề nhỏ, tình cờ, chỉ thuần tuý là một món lợi bất ngờ. Về cơ bản, toàn bộ chuyện này là một thí nghiệm. Chỉ là một bài kiểm tra nho nhỏ, chúng ta có thể nói như vậy được không nhỉ? Kết quả thì thật phấn khởi làm sao.

Giá như cô không dính vào chuyện này, hẳn cô sẽ là người hiểu rõ nhất kỳ quan này. Cô biết đấy, thực ra tôi chẳng làm gì mấy so với những gì xảy ra tiếp theo. Cô không thấy thích thú sao khi nhìn thấy một cỗ máy khổng lồ, phức tạp, như xã hội của chúng ta chẳng hạn, tất cả các đòn bẩy, băng chuyền và các bánh răng nối với nhau, cứ như thể người ta phải cần tới cả một đội quân để vận hành nó - thế mà cô phát hiện ra rằng cô chỉ cần ấn ngón tay út của mình vào một điểm, một điểm sống còn, một điểm tập trung trọng lực của nó, thì cô có thể làm cho cả cỗ máy sụp thành một đống sắt vụn vô dụng? Cô gái yêu quý của tôi, có thể làm được điều này đấy. Nhưng cần có thời gian dài. Cần đến hàng thế kỷ. Tôi có lợi thế hơn những tiền bối trước tôi. Tôi nghĩ rằng mình sẽ là người cuối cùng và là người thành công trong số này, bởi vì, mặc dù không phải là có khả năng hơn họ, tôi lại nhìn rõ hơn họ cái mà chúng tôi theo đuổi. Tuy nhiên, đấy là nói chuyện trừu tượng. Còn nếu nói về câu chuyện cụ thể này, cô không thấy có cái gì thú vị trong thí nghiệm nhỏ của tôi hay sao? Tôi thì có đấy. Chẳng hạn, cô không nhận thấy là tất cả mọi người đều đứng sai vị trí sao? Alvah Scarret, các giáo sư đại học, các biên tập viên, những bà mẹ đáng kính và các phòng thương mại đáng lẽ đã phải nhào ra để bảo vệ cho Howard Roark – nếu họ coi trọng cuộc sống của chính họ. Nhưng họ đã không làm vậy. Họ đã ủng hộ Hopton Stoddard. Trong khi đó, tôi nghe phong thanh chuyện một lũ gàn dở cấp tiến nửa mùa có tên Tân đoàn nghệ thuật vô sản đã cố gắng lên tiếng ủng hộ Howard Roark – họ cho rằng anh ta là nạn nhân của chủ nghĩa tư bản – khi mà họ đáng lẽ phải biết rằng Hopton Stoddard mới chính là vị anh hùng của họ. Tiện đây cũng phải nói rằng Roark đã rất khôn ngoan khi không hé răng. Anh ta hiểu vấn đề. Cô cũng hiểu. Tôi cũng vậy. Nhưng không nhiều người

khác hiểu. Ôi dào, sắt vụn thì chỉ có thể như vậy thôi.

Cô quay người để rời khỏi phòng.

"Dominique, cô đi đấy à?" Ông có vẻ chưng hửng. "Cô không nói gì sao? Không gì cả sao?"

"Không."

"Dominique, cô đang làm tôi thất vọng. Thế mà tôi thì đã chờ đợi cô! Về nguyên tắc, tôi là một người độc lập, nhưng đôi lúc tôi cũng cần có khán giả. Cô là người duy nhất mà với cô, tôi có thể là chính mình. Tôi đoán điều đó là vì cô khinh bỉ tôi đến mức những điều tôi nói chẳng ảnh hưởng gì cả. Cô thấy đấy, tôi biết điều đó, nhưng tôi chẳng quan tâm. Ngoài ra, những phương pháp mà tôi dùng với những người khác sẽ không có hiệu quả đối với cô. Thật kỳ lạ, chỉ là sự thành thật của tôi mới có tác dụng với cô. Quỷ tha ma bắt, có ý nghĩa gì khi hoàn thành một thành tựu vĩ đại nếu như không ai biết rằng anh hoàn thành điều đó? Nếu như cô đúng là cô như trước đây, thì lúc này cô hẳn phải nói rằng đây là tâm lý của một kẻ giết người vừa thực hiện một tội ác hoàn hảo và sau đó lại thú tội vì hắn ta không thể chịu đựng được việc không ai biết đó là một tội ác hoàn hảo. Và tôi sẽ nói rằng cô đã đúng. Tôi cần một khán giả. Đó là vấn đề với các nạn nhân – họ thậm chí không biết rằng họ là nạn nhân, và điều đó hoàn toàn hợp lý, nhưng nó cũng làm mọi việc trở nên buồn tẻ và tước đi một nửa cảm hứng. Cô là một trường hợp hiếm có – vì tôi là một nạn nhân có khả năng tôn trọng nghệ thuật hành quyết… Vì Chúa, Dominique, cô bỏ đi khi mà gần như đang cầu xin ở lại đấy à?"

Cô đặt tay lên nắm cửa. Ông ta nhún vai và ngồi xuống ghế.

"Thôi được rồi," ông ta nói. "Nhân tiện, đừng cố gắng mua chuộc Hopton Stoddard. Hiện giờ, tôi đang bón cơm cho ông ta. Ông ta sẽ không bán mình đâu." Cô đã mở cửa nhưng cô dừng lại và đóng cửa. "Ồ, tất nhiên là tôi biết cô đã thử. Không ăn thua đâu. Cô không đủ giàu có. Cô không có đủ tiền để mua ngôi đền đó và cô không thể gom góp đủ. Ngoài ra, Hopton sẽ không nhận bất cứ đồng nào cô trả cho việc sửa chữa. Tôi biết cô cũng đã đề nghị việc này. Ông ta muốn nhận tiền của Roark. Tiện đây, tôi không nghĩ là Roark sẽ thích điều đó nếu như tôi để anh ta biết rằng cô đã thử."

Ông mỉm cười với hàm ý chào mời một sự phản đối. Khuôn mặt cô hoàn toàn bất động. Cô lại quay người ra cửa.

"Chỉ một câu hỏi nữa thôi, Dominique. Luật sư của ông Stoddard muốn biết là liệu ông ta có thể mời cô làm nhân chứng được không. Một chuyên gia về kiến trúc. Tất nhiên là cô sẽ làm chứng cho bên nguyên đơn chứ?"

“Đúng vậy. Tôi sẽ làm chứng cho nguyên đơn.”

*

* *

Phiên toà xử vụ kiện Hopton Stoddard - Howard Roark được mở vào tháng Hai năm 1931.

Phòng xét xử chật ních đến nỗi bất cứ phản ứng tập thể nào cũng phải lan ra chầm chậm qua một biển những mái đầu. Đó là một cơn sóng chậm chạp, như một vết gợn chuyển động dần dần dưới làn da căng cứng của một con sư tử biển.

Một đám đông mặc quần áo màu nâu xen lẫn với những màu nhạt hơn, trông như một cái bánh hoa quả được làm từ hỗn hợp các loại nghệ thuật, với lớp kem dày bên trên là Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ. Có những người đàn ông nổi tiếng và những quý bà ăn mặc cầu kỳ, môi mím chặt; mỗi người đàn bà dường như cảm nhận được sự sở hữu độc quyền với thứ nghệ thuật mà người đi cùng với mình thể hiện. Đó là một cảm giác độc quyền, được bảo vệ bằng những cái liếc mắt giận dữ về phía những người khác. Hầu hết mọi người đều biết nhau. Phòng xử án có không khí của một hội nghị, một đêm khai mạc nhạc kịch và một cuộc picnic gia đình. Có cảm giác về “hội chúng ta”, “người của chúng ta”, “phiên toà của chúng ta.”

Steve Mallory, Austen Heller, Roger Enright, Kent Lansing và Mike ngồi cùng với nhau ở một góc phòng. Họ cố không nhìn xung quanh. Mike lo lắng về Steve Mallory. Anh luôn giữ khoảng cách gần Mallory. Anh khăng khăng đòi ngồi cạnh Mallory và liếc nhìn Mallory bất cứ khi nào họ nghe thấy một cuộc đối thoại động chạm đến họ.

Cuối cùng Mallory nhận thấy điều đó và nói:

“Đừng lo, Mike. Tôi sẽ không gào thét. Tôi sẽ không bắn ai đâu.”

“Coi chừng cái bụng của cậu,” Mike nói, “Cứ coi chừng cái bụng của cậu. Không phải cứ bảo không được nôn là người ta không nôn đâu.”

“Mike, anh có nhớ cái đêm mà chúng ta ở lại muộn đến gần sáng, và xe của Dominique thì hết xăng và không có xe buýt nên chúng ta quyết định đi bộ về nhà; và khi người đầu tiên trong số chúng ta về đến nhà thì cũng là lúc mặt trời lên?”

“Đúng vậy. Cậu cứ nghĩ về chuyện đó đi, còn tôi sẽ nghĩ về mỏ đá granit.”

“Mỏ đá granit nào?”

“Nó từng làm tôi buồn nôn, nhưng rồi hoá ra nó, về lâu về dài, chuyện đó

chẳng hề quan trọng.”

Bên ngoài cửa sổ, bầu trời có màu trắng và phẳng lặng như tấm kính bị đóng băng. Ánh sáng dường như phát ra từ những mảnh tuyết trên các mái nhà và bờ tường – một thứ ánh sáng không tự nhiên làm cho mọi thứ trong phòng trông thật trần trụi.

Quan tòa khom người trên cái ghế tựa cao của ông ta, cứ như thể ông ta đang ngủ gật. Ông có khuôn mặt nhỏ thó, nhăn nheo đầy đức hạnh. Ông ta giữ hai bàn tay chắp thẳng đứng trước ngực, các đầu ngón tay áp vào nhau. Hopton Stoddard không có mặt. Luật sư đại diện cho ông là một người đàn ông lịch lãm đẹp trai, cao và nghiêm trang như một vị đại sứ.

Roark ngồi một mình ở bàn dành cho bên bị. Đám đông đã gườm gườm nhìn anh rồi tức tối từ bỏ việc đó khi họ không tìm thấy cái họ muốn trên mặt anh. Trông anh không tàn tạ, cũng không chống đối. Trông anh vô tư và bình thản. Anh không giống như một nhân vật quan trọng đứng ở một nơi công cộng, anh giống như một người đàn ông ở một mình trong căn phòng của chính mình và đang lắng nghe radio.

Anh không ghi chép; không có tờ giấy nào trên bàn trước mặt anh, chỉ có một phong bì lớn màu nâu. Đám đông đáng lẽ đã tha thứ cho tất cả mọi điều, ngoại trừ việc một người đàn ông vẫn có thể bình thản trước sự miệt thị tập thể lớn thế này. Một vài người trong số họ đã đến đây với tâm lý sẵn sàng tỏ ra thương hại anh; nhưng chỉ sau vài phút đầu tiên, tất cả họ đều căm ghét anh.

Luật sư bên nguyên trình bày vụ việc của mình bằng một bài phát biểu khai mạc đơn giản; ông ta thừa nhận đúng là Hopton Stoddard đã cho Roark toàn quyền tự do thiết kế và xây dựng ngôi đền; tuy nhiên, vấn đề là ông Stoddard đã nêu rõ các yêu cầu và những kỳ vọng về *một ngôi đền*; trong khi đó công trình đang được bàn tới không thể được coi là ngôi đền theo bất kỳ tiêu chuẩn nào; và bên nguyên đề xuất chứng minh điều này với sự giúp đỡ của những chuyên gia giỏi nhất trong lĩnh vực này.

Roark bỏ qua quyền được phát biểu khai mạc với hội đồng xét xử.

Ellsworth Monkton Toohey là nhân chứng đầu tiên được bên nguyên mời lên. Ông ngồi trên thành ghế dành cho nhân chứng và ngửa ra sau, chống người trên đốt sống cuối: ông ta nhấc một chân lên và vắt chéo lên chân bên kia. Trông ông có vẻ hài lòng - tuy nhiên ông cố tỏ ra rằng sự hài lòng chỉ là một cách nguỵ trang cho sự buồn chán.

Viên luật sư bên nguyên nêu một loạt câu hỏi về trình độ chuyên môn của ông Toohey, kể cả số lượng bán ra của quyển *Những lời nói trên đá*. Sau đó, luật sư đọc to bài *Sự báng bổ thánh thần* của Toohey và yêu cầu ông xác

nhận có phải ông đã viết bài báo đó không. Toohey trả lời rằng có. Tiếp đó là một loại câu hỏi – với những thuật ngữ đao to búa lớn – về giá trị kiến trúc của ngôi đền.

Toohey chứng minh rằng ngôi đền không hề có giá trị kiến trúc. Sau đó là một bài tóm tắt lịch sử. Toohey trình bày một cách đơn giản và dễ hiểu về các nền văn minh trên thế giới và về các tượng đài tôn giáo nổi bật của mỗi nền văn minh – từ văn minh Inca đến người Phê-ni-xi và những cư dân đảo Phục Sinh. Khi nào có thể, ông nêu rõ cả ngày tháng mà những công trình này được khởi công và ngày khánh thành, số lượng người tham gia xây dựng công trình và chi phí ước tính bằng đô la hiện nay. Khán giả lắng nghe đến phờ người.

Toohey chứng minh rằng Đền Stoddard mâu thuẫn với mọi viên gạch, mọi hòn đá và mọi giới luật trong lịch sử. Ông kết luận: "Tôi đã cố gắng chứng tỏ rằng hai yếu tố cơ bản trong việc xây dựng một ngôi đền là cảm giác kính sợ và cảm giác nhún nhường của con người. Chúng ta đã thấy kích thước khổng lồ của các công trình tôn giáo, những trụ đứng cao vút lên trời, những bức tượng khủng khiếp của các vị Chúa và gần đây là những tượng nửa người nửa thú đắp nổi trên các nóc nhà thờ. Tất cả chúng nhằm mục đích tạo cho con người ấn tượng rõ ràng về sự nhỏ bé của anh ta, để đập vỡ anh ta bằng độ lớn tuyệt đối, để thấm đẫm anh ta bằng sự sợ hãi thánh thần, từ đó đưa anh ta tới sự tuân phục. Đền Stoddard là sự chối bỏ trơ tráo toàn bộ quá khứ của chúng ta. Nó văng một tiếng "Không" vào mặt lịch sử. Tôi có thể đoán được lý do tại sao vụ kiện này khiến công chúng chú ý đến vậy. Bản năng của tất cả chúng ta mách bảo với chúng ta rằng vụ việc này ngoài khía cạnh pháp lý còn liên quan đến vấn đề đạo đức. Công trình này là một tượng đài của sự căm ghét sâu sắc đối với nhân loại. Nó là cái tôi của một người đàn ông chống lại những cảm xúc thiêng liêng nhất của loài người, của mỗi người trên phố, của mỗi người trong phòng xét xử này!"

Đây không phải là một nhân chứng trong phiên toà. Ellsworth Toohey đang diễn thuyết tại một cuộc mít-tinh – và phản ứng ông mang lại là hiển nhiên; khán giả vỗ tay rào rào. Quan toà gõ búa để lấy lại trật tự và doạ rằng ông sẽ giải tán phòng xử án. Trật tự được khôi phục, nhưng không phải là trên những khuôn mặt của đám đông: những khuôn mặt lúc này đầy vẻ tự mãn vì sự đúng đắn của mình. Thật dễ chịu khi được đính thân chỉ định và đứng làm bên nguyên trong một vụ án. Cho dù ba phần tư trong số họ chưa từng nhìn thấy Đền Stoddard.

"Cảm ơn ông Toohey," viên luật sư vừa nói vừa hơi nghiêng đầu kính cẩn. Sau đó, ông ta quay về phía Roark và nói với vẻ lịch thiệp cố ý:

"Mời ông hỏi."

“Không có câu hỏi,” Roark nói

Ellsworth Toohey nhướn một bên lông mày và rời khỏi bục đầy vẻ luyến tiếc.

“Ông Peter Keating!” viên luật sư gọi.

Khuôn mặt Peter Keating trông điển trai và tươi tắn như thể anh ta đã có một giấc ngủ ngon lành. Anh leo lên bục nhân chứng với vẻ khấp khởi của một cậu học sinh. Anh vừa đảo hai bả vai vừa vung vẩy tay một cách thừa thãi.

Anh tuyên thệ và trả lời các câu hỏi đầu tiên rất vui vẻ. Dáng ngồi của anh trong chiếc ghế nhân chứng thật kỳ lạ: người anh nghiêng về một bên với vẻ thoải mái tự tin, một khuỷu tay chống lên thành ghế nhưng hai bàn chân anh lại bám chặt xuống mặt đất và đầu gối chụm vào nhau. Anh không hề nhìn Roark.

“Ông có thể nêu tên một số công trình nổi tiếng mà ông từng thiết kế được không, thưa ông Keating?” viên luật sư hỏi.

Keating bắt đầu liệt kê một danh sách các cái tên đầy ấn tượng anh nói nhanh những cái tên đầu tiên, càng về sau, anh càng nói chậm dần, như thế anh mong người ta dừng anh lại. Cái tên cuối cũng rơi tõm vào không khí, chưa được phát âm trọn vẹn.

“Ông không quên công trình quan trọng nhất đấy chứ, thưa ông Keating?” viên luật sư hỏi. “Ông không thiết kế toà nhà Cosmo-Slotnick ư?”

“Tôi có thiết kế,” Keating thì thầm.

“Giờ thì, thưa ông Keating, ông đã học tại Học viện Công nghệ Stanton cùng thời gian với ông Roark phải không?”

“Đúng vậy.”

“Ông có thể nói gì cho chúng tôi về kết quả học tập của ông Roark ở đó?”

“Cậu ta bị đuổi học.”

“Ông ta bị đuổi học vì ông ta không thể đáp ứng được các tiêu chuẩn cao của Học viện à?”

“Vâng. Vâng, đúng là như vậy.”

Quan toà đưa mắt nhìn Roark. Một luật sư đáng lẽ đã phản đối rằng lời chứng này không liên quan. Nhưng Roark không phản đối.

“Vào thời gian đó, ông có thấy Roark thể hiện bất cứ tài năng nào trong lĩnh vực kiến trúc không?”

“Không.”

“Liệu ông có thể nói to hơn một chút được không, ông Keating?”

“Tôi không… nghĩ rằng cậu ta có bất cứ tài năng gì.”

Cách ngắt câu của Keating thật kỳ lạ: một số từ bật ra thật quả quyết như thể anh đặt một dấu chấm than sau mỗi từ đó; những từ khác lại díu vào nhau, như thế anh không muốn dừng lại đủ lâu để phải nghe thấy chúng. Anh không nhìn viên luật sư. Anh liên tục nhìn khán giả. Có lúc trông anh như một cậu bé đang chơi đùa, một cậu bé vừa mới vẽ hàng ria mép lên khuôn mặt một cô gái xinh đẹp trên tờ quảng cáo kem đánh răng trong ga điện ngầm. Sau đó anh trông như thể đang cầu xin đám đông ủng hộ – như thể anh bị đem ra xét xử trước mặt họ.

“Ông đã từng thuê ông Roark làm việc cho ông?”

“Vâng”

“Và ông có thấy mình buộc phải sa thải ông ta không?”

“Có… chúng tôi đã làm vậy.”

“Vì không đủ năng lực?”

“Đúng vậy.”

“Ông có thể nói gì cho chúng tôi về sự nghiệp sau đó của ông Roark?”

“Thì, như ông biết đấy, ‘sự nghiệp’ là một thuật ngữ tương đối. Về số lượng công trình thì bất kỳ nhân viên vẽ thiết kế nào trong công ty chúng tôi đều làm nhiều hơn ông Roark. Chúng tôi không gọi một hoặc hai công trình là một sự nghiệp. Chúng tôi chỉ mất một vài tháng để xây một, hai công trình.”

“Xin ông cho chúng tôi biết ý kiến chuyên môn của ông về công trình của ông Roark”

“À, tôi nghĩ là nó chưa đủ độ chín. Khá táo bạo, thậm chí đôi khi rất thú vị, nhưng về cơ bản – thì còn non nớt.”

“Vậy thì ông Roark không thể được gọi là một kiến trúc sư chuyên nghiệp đúng không?”

“Không phải theo cách mà chúng ta nói về ông Ralston Holcombe, ông Guy Francon, ông Gordon Prescott – không. Nhưng, tất nhiên công bằng. Tôi nghĩ rằng ông Roark có những tiềm năng nhất định, đặc biệt là trong những vấn đề thuần tuý kỹ thuật. Ông ấy có thể trở thành một cái gì đó. Tôi đã cố nói chuyện với ông ấy về điều này – Tôi đã cố gắng giúp ông ấy – Tôi thực sự làm vậy. Nhưng điều đó cũng giống như là nói chuyện với những

tấm bê tông gia cố yêu quý của ông ta. Tôi đã biết rằng ông ta sẽ trở nên đại loại như thế này. Tôi không ngạc nhiên khi biết rằng cuối cùng một khách hàng đã buộc phải kiện ông ta."

"Ông có thể nói gì cho chúng tôi về thái độ của ông Roark đối với khách hàng?"

"À, đấy chính là vấn đề. Đấy chính là toàn bộ vấn đề. Ông ta không quan tâm đến mong muốn hay ý nghĩa của bất cứ ai trên thế giới này. Ông ta thậm chí không hiểu làm thế nào mà các kiến trúc sư lại có thể quan tâm đến điều này. Ông ta thậm chí phủ nhận cả quyền đó của người ta … ông ta không thèm hiểu, không thèm hiểu đủ để… để tôn trọng người khác dù chỉ chút ít.

Tôi không thấy có gì sai khi cố gắng làm hài lòng mọi người. Tôi không thấy có gì sai khi muốn trở nên thân thiện, muốn được yêu quý và nổi tiếng. Tại sao điều đó lại là một tội ác cơ chứ? Tại sao mọi người lại chế nhạo anh vì điều đó, lúc nào cũng chế nhạo, luôn luôn chế nhạo, hết ngày đến đêm, không bao giờ cho anh được yên thân, cứ như là hình phạt nhỏ nước của Trung Quốc, ông biết cái hình phạt nhỏ từng giọt nước vào hộp sọ người ta không?"

Mọi người trong phòng bắt đầu nhận ra rằng Peter Keating đang say. Viên luật sư nhíu mày; nội dung làm chứng đã được tập dượt từ trước, nhưng nó đang đi chệch khỏi đường ray.

"À, nào, thưa ông Keating, có lẽ ông nên nói cho chúng tôi biết quan điểm của ông Roark về kiến trúc."

"Tôi sẽ nói cho ông biết nếu ông muốn biết. Ông ấy nghĩ rằng ông nên cởi giày và quỳ xuống khi ông nói về kiến trúc. Ông ta nghĩ thế đấy. Nào, tại sao nào? Tại sao? Nó chỉ là một nghề như mọi nghề khác, đúng không? Có cái quái gì là thiêng liêng về nó nào? Tại sao lại phải nghiêm trọng đến thế? Chúng ta chỉ là con người. Chúng ta muốn kiếm sống. Tại sao mọi thứ không thể đơn giản và dễ dàng cơ chứ? Tại sao chúng ta lại cứ phải trở thành những người hùng chết tiệt?"

"Nào, nào, ông Keating, tôi nghĩ là chúng ta có phần đi chệch khỏi chủ đề. Chúng ta đang…"

"Không, chúng ta không đề di chệch chủ đề. Tôi biết tôi đang nói gì. Ông cũng biết. Tất cả bọn họ đều biết. Tất cả những người ở đây. Tôi đang nói về ngôi đền. Ông không thấy ư? Tại sao lại chọn một con quỷ để xây dựng ngôi đền? Chỉ có con người mới có thể làm được một việc như thế. Một người có khả năng hiểu… và tha thứ. Một người có thể tha thứ… Ông đi nhà thờ là vì thế… để được tha thứ."

“Vâng, thưa ông Keating, nhưng về ông Roark…”

“Phải, cái gì về ông Roark nào? Ông ấy không phải là kiến trúc sư. Ông ấy chả được tích sự gì. Tại sao tôi lại sợ phải nói toẹt ra rằng ông ấy chả được tích sự gì? Tại sao tất cả các vị đều sợ ông ta?”

“Thưa ông Keating, nếu ông không khoẻ và muốn được miễn…”

Keating nhìn vị luật sư như thể anh vừa tỉnh dậy. Anh cố gắng tự chủ. Một lúc sau, anh nói với giọng đều đều, đơn điệu.

“Không sao. Tôi ổn cả. Tôi sẽ nói bất kỳ điều gì ông muốn. Ông muốn tôi nói điều gì?”

“Xin ông nói cho chúng tôi – bằng thuật ngữ chuyên môn – ý kiến của ông đối với công trình có tên Đền Stoddard?”

“Vâng, được chứ. Đền Stoddard… Đền Stoddard là một thiết kế mặt bằng không phù hợp, dẫn đến sự mâu thuẫn về không gian kiến trúc. Không có sự cân bằng giữa các khối. Nó thiếu tính đối xứng. Các tỷ lệ của nó đều vô lý.” Anh nói đều đều. Cổ anh căng cứng; anh phải cố gắng để nó không gục về phía trước. “Nó hoàn toàn lệch lạc về kích thước. Nó mâu thuẫn với các nguyên tắc cơ bản về kiến thiết. Hiệu ứng tổng thể của nó là…”

“Xin ông nói to hơn, ông Keating.”

“Hiệu ứng tổng thể của nó là sự thô thiển và ngu xuẩn về kiến trúc. Nó cho thấy… nó cho thấy sự thiếu hiểu biết về kiến trúc, thiếu linh cảm về cái đẹp, thiếu khả năng sáng tạo, thiếu…” – anh nhắm mắt lại – “… tính toàn vẹn của một công trình nghệ thuật…”

“Cảm ơn ông Keating. Thế là đủ.”

Viên luật sư quay về phía Roark và nói với vẻ lo lắng:

“Mời ông hỏi.”

“Không có câu hỏi,” Roark nói.

Câu này kết thúc ngày xét xử đầu tiên.

Tôi hôm đó Mallory, Heller, Mike, Enright và Lansing tập trung trong phòng của Roark. Họ không hề hẹn trước với nhau, nhưng tất cả họ đều bị thôi thúc vì cùng một cảm giác. Họ không nói về phiên xét xử, nhưng họ cũng không hề tỏ ra cố gắng hay chủ ý tránh nói nó ra. Roark ngồi bên bàn thiết kế của anh và nói cho họ về tương lai của ngành công nghiệp nhựa. Mallory chợt phá ra cười. “Chuyện gì vậy, Steve?” Roark hỏi. “Tôi chỉ nghĩ rằng… Howard này, chúng tôi đều đến đây để giúp anh, để làm anh vui. Nhưng chính anh lại là người đang giúp chúng tôi. Anh đang hỗ trợ những

người hỗ trợ anh, Howard ạ."

Tối hôm đó, Peter Keating nằm gục trên bàn một quán rượu, một cánh tay vắt ngang qua bàn, mặt úp vào cánh tay.

Trong hai ngày tiếp theo, lần lượt các nhân chứng được gọi để làm chứng cho bên nguyên. Mọi cuộc thẩm vấn nhân chứng đều bắt đầu bằng các câu hỏi về thành tựu nghề nghiệp của người làm chứng. Luật sư bên nguyên gợi ý cho họ như một nhà báo chuyên nghiệp. Austen Heller nhận xét rằng các kiến trúc sư hẳn đã phải tranh nhau để được gọi lên bục làm chứng, bởi vì đây là cơ hội nổi tiếng lớn nhất trong một ngành vốn rất im tiếng này.

Không có nhân chứng nào nhìn Roark. Anh thì nhìn họ. Anh lắng nghe những lời chứng. Anh nói "Không có câu hỏi nào" với từng nhân chứng.

Ralston Holcombe bước lên bục nhân chứng. Với chiếc cà-vạt chảy dài và chiếc gậy bịt vàng, trông ông giống như một quận công hoặc một nhạc trưởng ở một quán bia ngoài trời. Những lời chứng của ông dài dòng và đầy học thuật, nhưng rút cục lại thì như sau:

"Thật là vô nghĩa. Thật là trẻ con. Tôi không thể nói là tôi cảm thấy thực sự thông cảm cho ông Hopton Stoddard. Lẽ ra ông ta phải biết nghĩ hơn. Bằng chứng khoa học cho thấy, thời đại này, chỉ có phong cách kiến trúc Phục hưng là phù hợp. Nếu những người ưu tú nhất trong số chúng ta, như ông Stoddard, phủ nhận điều này, thì con người còn có thể hy vọng gì từ kẻ trọc phú, những tên kiến trúc sư giả hiệu hay những kẻ thấp hèn khác? Người ta đã chứng minh rằng Phục hưng là kiểu dáng chuẩn cho mọi nhà thờ, đền đài và nhà thờ lớn. Thế còn Hiệp sĩ Christopher Wren thì sao? Chỉ cần bỏ qua chứ còn sao. Hãy nhớ rằng, tượng đài tôn giáo vĩ đại nhất của mọi thời đại là điện Thánh Peter ở Roma. Các vị không định cải tạo cả điện thánh Peter đấy chứ? Và nếu ông Stoddard đã không kiên quyết đòi xây một công trình Phục hưng, thì rõ ràng ông ta xứng đáng nhận được kết quả này. Thế là hết sức đáng đời ông ấy."

Gordon L.Prescott mặc cái áo len cổ lọ dưới lớp áo khoác len kẻ sọc, quần tuýt và đi giày đánh gôn.

"Sự tương quan giữa cái trừu tượng với không gian vật chất của công trình mà chúng ta đang bàn đến ở đây hoàn toàn lập dị" – ông ta nói. "Nếu chúng ta gọi chiều ngang là một chiều, chiều dọc là hai chiều, chiều xiên là ba chiều và sự đan xen của các không gian là bốn chiều – kiến trúc là nghệ thuật bốn chiều – thì chúng ta có thể thấy rất rõ ràng công trình này thiếu tính đạc hiều, hoặc nói theo ngôn ngữ của người không có chuyên môn thì là phẳng lỳ. Dòng chảy cuộc sống bắt nguồn từ cảm giác về trật tự trong sự hỗn loạn, hoặc nếu các vị thích, thì là từ sự thống nhất trong sự đa dạng, cũng

như ngược lại, và kiến trúc gắn liền với việc hiện thực hoá những mâu thuẫn, thì cái đó ở đây hoàn toàn không có. Tôi đang cố gắng hết sức để diễn đạt một cách dễ hiểu nhất, nhưng khó có thể dùng thứ lô-gíc cũ rích để trình bày một vấn đề biện chứng với một kẻ ngoại đạo lười suy nghĩ."

John Erik Snyte làm chứng một cách khiêm tốn và không hề khó chịu rằng ông ta đã từng tuyển Roark vào làm việc, rằng Roark từng là một nhân viên không đáng tin cậy, không trung thành và cẩu thả và rằng Roark đã khởi đầu sự nghiệp của mình bằng cách lấy cắp một khách hàng của ông ta.

Vào ngày xét xử thứ tư, luật sư của bên nguyên gọi nhân chứng cuối cùng.

"Cô Dominique Francon," ông ta trịnh trọng tuyên bố.

Mallory há miệng hít mạnh một hơi, nhưng không ai nghe thấy tiếng hít của anh; bàn tay Mike siết chặt cổ tay Mallory và giữ anh ngồi yên.

Viên luật sư đã để dành Dominique cho cao trào cuộc hỏi cung của mình, một phần vì ông ta mong đợi rất nhiều ở cô, và một phần vì ông ta lo lắng; cô là nhân chứng duy nhất không được diễn tập trước; cô đã từ chối mọi hướng dẫn. Cô chưa từng đề cập đến đền Stoddard trong chuyên mục của mình; nhưng ông ta đã tra cứu các bài viết trước đó của cô về Roark, và Ellsworth Toohey đã khuyên ông ta mời cô làm nhân chứng.

Dominique đứng một lúc ở bậc thềm dẫn lên của bục nhân chứng. Cô chậm rãi nhìn đám đông. Vẻ đẹp của cô thật choáng ngợp, đồng thời quá lạnh lùng, như thế nó không thuộc về cô. Dường như vẻ đẹp ấy hiện diện trong căn phòng như một thực thể riêng biệt. Mọi người nghĩ về một ảo ảnh chưa từng xuất hiện, một nạn nhân trên đoạn đầu đài, một người đứng trong đêm bên lan can của một con tàu biển.

"Tên cô là gì?"

"Dominique Francon."

"Và nghề nghiệp của cô, thưa cô Francon?"

"Nhà báo"

"Cô là tác giả của mục *Nhà của bạn* rất nổi tiếng trên tờ *Ngọn cờ* phải không?"

"Tôi là tác giả mục *Nhà của bạn*."

"Cha cô là Guy Francon, kiến trúc sư nổi tiếng đúng không?"

"Đúng vậy. Cha tôi đã được mời đến đây làm nhân chứng. Ông đã từ chối. Ông nói rằng ông không quan tâm đến một công trình như Đền

Stoddard, nhưng ông nghĩ rằng cách cư xử của chúng ta không được cao thượng."

"Ồ, nào, thưa cô Francon, chúng ta sẽ giới hạn các câu trả lời theo câu hỏi của chúng tôi chứ? Chúng tôi thực sự may mắn vì có cô, vì cô là nhân chứng nữ duy nhất của chúng tôi, và phụ nữ luôn có trực giác thuần khiết nhất về đức tin tôn giáo. Ngoài ra, với tư cách là một người có chuyên môn xuất sắc về kiến trúc, cô đặc biệt có đủ tư cách để cho chúng tôi cái mà tôi sẽ gọi là, với tất cả lòng tôn kính, quan điểm của nữ giới về vụ việc này. Liệu cô có thể nói cho chúng tôi bằng ngôn từ của chính cô xem cô nghĩ về Đền Stoddard không?"

"Tôi nghĩ rằng ông Stoddard đã mắc sai lầm. Nếu ông ấy kiện, thì rõ ràng công lý phải thuộc về ông ấy, có điều không phải là để trả chi phí sửa chữa mà là chi phí phá huỷ."

Viên luật sư trông có vẻ nhẹ nhõm.

"Liệu cô có thể giải thích lý do của mình được không, thưa cô Francon?"

"Ông đã nghe các lý do này từ tất cả các nhân chứng trong phiên toà này rồi đấy thôi."

"Vậy tôi có thể ghi nhận rằng cô đồng ý hoàn toàn hơn cả những người đã làm chứng. Họ đều là những nhân chứng rất thuyết phục."

"Cô có thể… nói rõ hơn được không, thưa cô Francon? Ý của cô là gì?"

"Ý tôi nói đến điều mà ông Toohey đã nói: ngôi đền này là mối đe doạ với tất cả chúng ta."

"Ồ, vâng, tôi hiểu rồi."

"Ông Toohey hiểu vấn đề rất rõ. Liệu tôi có phải nói rõ điều này – bằng ngôn từ của tôi nữa hay không?"

"Dĩ nhiên rồi, thưa cô."

"Howard Roark đã xây dựng một đền thờ linh hồn của con người. Anh ấy coi con người như những cá thể mạnh mẽ, tự tôn, trong sạch, khôn ngoan, dũng cảm. Anh ây nhìn nhận con người như một thực thể anh hùng. Và anh ấy xây dựng một ngôi đền để tôn vinh điều đó. Ngôi đền là nơi mà con người trải nghiệm sự thăng hoa. Anh ấy cho rằng sự thăng hoa bắt nguồn từ nhận thức về sự vô tội, từ việc nhìn ra sự thật và đạt được sự thật đó, từ việc sống hết khả năng của mình, từ việc từ chối sự nhục nhã và không bao giờ làm gì để phải nhục nhã, từ việc có thể đứng khoả thân dưới ánh sáng mặt trời. Anh ấy nghĩ rằng sự thăng hoa hàm chứa niềm vui và niềm vui là quyền của con người ngay từ khi được sinh ra. Anh ấy nghĩ rằng một nơi được xây dựng để

tôn vinh con người là một nơi linh thiêng. Đó là điều mà Howard Roark nghĩ về con người và sự thăng hoa. Nhưng Ellsworth Toohey nói rằng ngôi đền này là tượng đài cho sự căm ghét ghê gớm của loài người. Ellsworth Toohey nói rằng gốc rễ của sự thăng hoa phải bị triệt tiêu, phải bị dúi xuống đất và bị chôn vùi. Ellsworth Toohey nói rằng hành động cao cả nhất của con người là nhận ra sự nhỏ mọn của mình và cầu xin sự tha thứ. Ellsworth Toohey nói rằng thật sa đoạn khi không nghiễm nhiên chấp nhận rằng con người cần sự tha thứ. Ellsworth Toohey thấy rằng công trình này thuộc về con người và thuộc về trái đất – và Ellsworth Toohey nói rằng công trình này ngập bụng trong bùn. Ellsworth Toohey nói rằng tôn vinh con người tức là tôn vinh khoái cảm xác thịt thấp hèn, bởi vì lãnh địa tinh thần là cái nằm ngoài khả năng hiểu biết của con người. Để vào được lãnh địa tinh thần, Ellsworth Toohey nói rằng con người phải đến như một kẻ ăn xin quỳ trên hai đầu gối của mình. Ellsworth Toohey là người yêu đồng loại."

"Thưa cô Francon, chúng ta đâu có bình luận về ông Toohey, do vậy nếu cô có thể giới hạn bản thân ở…"

"Tôi không buộc tội Ellsworth Toohey. Tôi buộc tội Howard Roark. Người ta nói rằng một công trình phải là một phần máu thịt của cái mảnh đất xây nên nó. Thế mà Roark đã xây một ngôi đền của anh ta trên một thế giới như thế nào? Cho loại người nào đây? Hãy nhìn xung quanh ông đi. Ông có thấy một đền thờ nào trở nên linh thiêng bằng cách làm nền cho ông Hopton Stoddard không? Hay cho ông Ralston Holcombe? Cho ông Peter Keating? Khi ông nhìn tất cả bọn họ, ông có căm ghét Ellsworth Toohey không – hay là ông nguyền rủa Howard Roark vì sự sỉ nhục không thể nói thành lời mà ông ấy đã làm? Ellsworth Toohey đã đúng khi nói rằng ngôi đền này là một sự báng bổ, mặc dù không phải theo nghĩa báng bổ mà anh ta đã đề cập. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng ông Toohey biết điều đó. Khi ông nhìn thấy một người vung vãi vàng bạc mà không thu lại được một chút vụn cám, thì ông không nên phẫn nộ với những con lợn vô ơn. Ông nên phẫn nộ với cái người vung vãi vàng bạc bởi vì anh ta đã coi thường vàng bạc của mình đến mức anh ta sẵn sàng đem quẳng nó vào chuồng lợn và biến nó thành nguồn tiêu khiển của một dàn hoà tấu của những con lợn ủn ỉn và rồi phải ra toà để nghe lại những lời ủn ỉn đó."

"Thưa cô Francon, tôi nghĩ rằng những lời chứng này có liên quan hoặc có thể được chấp nhận…"

"Nhân chứng phải được phép đưa ra bằng chứng," ông chánh án bất chợt tuyên bố. Ông ta thấy buồn chán và thích nhìn dáng người của Dominique. Ngoài ra, ông ta biết rằng khán giả đang thích thú lắng nghe với vẻ khích động của người chứng kiến một vụ xì-căng-đan, mặc dù họ đều cảm thông

với Hopton Stoddard.

"Thưa ngài chánh án, dường như có sự hiểu lầm," viên luật sư nói. "Thưa cô Francon, cô đang làm chứng cho ai vậy? Cho ông Roark hay ông Stoddard?"

"Tất nhiên là cho ông Stoddard. Tôi đang nêu lý do tại sao Stoddard nên thắng kiện. Tôi đã thề là sẽ nói sự thật mà."

"Tiếp tục đi," ông chánh văn nói.

"Mọi nhân chứng đều đã nói sự thật. Nhưng không phải toàn bộ sự thật. Tôi chỉ bổ khuyết vào những phần còn thiếu mà thôi. Họ nói về mối đe doạ và sự căm thù. Họ đúng.

Đền Stoddard là mối đe doạ đối với nhiều thứ. Nếu nó được phép tồn tại, thì không ai còn dám nhìn mình trong gương. Và làm thế là tàn nhẫn đối với con người. Hãy yêu cầu họ làm bất kỳ cái gì khác. Hãy yêu cầu họ đạt được sự giàu có, danh vọng, tình yêu, sự tàn bạo, giết người, sự hy sinh. Nhưng đừng yêu cầu họ phải đạt được lòng tự trọng. Họ sẽ căm ghét ông đến tận xương tuỷ. Ồ, họ biết rõ lắm. Họ có những lý do của mình. Tất nhiên họ sẽ không nói toẹt ra nhưng họ ghét ông. Họ sẽ nói rằng ông ghét họ. Tôi đoán điều đó cũng gần đúng. Họ biết có sự căm ghét. Những người như họ luôn biết đến sự căm ghét. Vậy thì làm kẻ tử vì đạo cho những điều không thể để làm gì chứ? Xây dựng cho một thế giới không hề tồn tại để làm gì chứ?"

"Thưa ngài Chánh án, tôi không thấy bất cứ sự liên quan nào từ những điều này với…"

"Tôi đang bào chữa cho ông đấy thôi. Tôi đang chứng minh tại sao ông phải đi với Ellsworth Toohey, như ông đằng nào cũng sẽ làm vậy. Đền Stoddard phải bị phá huỷ. Không phải để cứu rỗi con người khỏi nó, mà để cứu nó khỏi con người. Tuy nhiên, có gì khác biệt cơ chứ? Ông Stoddard thắng. Tôi hoàn toàn nhất trí với những gì đang diễn ra ở đây, ngoại trừ một điểm. Tôi nghĩ chúng ta không nên được phép bỏ qua điều này. Chúng ta sẽ phá huỷ ngôi đền, nhưng đừng giả vờ rằng chúng ta đang thực hiện một hành động đầy đức hạnh. Hãy nói rằng, chúng ta là những con chuột chũi và chúng ta chống lại những đỉnh núi cao. Hoặc có lẽ là chúng ta là những con lem-mút, loài động vật luôn nhảy xuống biển để tự sát. Tại thời điểm này, tôi ý thức đầy đủ rằng tôi cũng vô vọng như Howard Roark. Đây là đền Stoddard của tôi - cái đầu tiên và cái cuối cùng của tôi."

Cô nghiêng đầu về phía ông chánh án.

"Thế thôi, thưa ngài Chánh án."

"Ông có thể hỏi nhân chứng" viên luật sư hất hàm về phía Roark.

“Không có câu hỏi,” Roark nói.

Dominique rời khỏi bục.

Viên luật sư cúi đầu trước quan toà và nói: “Bên nguyên đơn đã xong.”

Ông chánh án quay về phía Roark và làm một cử chỉ mơ hồ để mời anh bắt đầu.

Roark đứng dậy và đi về phía ghế chánh án với chiếc phong bì màu nâu trong tay. Anh lấy ra mười tấm ảnh ngôi đền Stoddard và bày chúng lên bàn chánh án. Anh nói: “Bị đơn đã xong.”

XIII.

Hopton Stoddard thắng kiện.

Ellsworth Toohey viết trong cột báo của mình rằng: "Ông Roark đã định đóng vai Phryne trong toà án nhưng vai của ông không thành. Chúng ta chưa bao giờ tin vào câu chuyện đó cả…"

Toà án yêu cầu Roark thanh toán các chi phí chỉnh sửa ngôi đền. Anh nói rằng anh sẽ không kháng án. Hopton Stoddard tuyên bố rằng Ngôi đền sẽ được thiết kế lại thành Nhà tình thương Hopton Stoddard cho trẻ em thiểu năng.

Một ngày sau vụ xét xử, Alvah Scarret há hốc miệng kinh ngạc khi nhìn thấy bản in thử các chuyên mục *Nhà của bạn* đặt trên bàn làm việc của mình: bài báo trích lại hầu hết những lời chứng của Dominique ở toà án. Lời làm chứng của cô đã được trích trong những bài tường thuật của tờ báo về vụ kiện này nhưng chỉ là những đoạn vô hại. Alvah Scarret vội vã chạy đến phòng làm việc của Dominique.

"Em yêu, em yêu, em yêu" ông nói, "chúng ta không thể in bài này được."

Cô nhìn ông trống rỗng và chẳng nói gì.

"Dominique, em yêu, hãy biết điều một chút. Không thể một số ngôn từ của em sử dụng và một số ý tưởng hoàn toàn không thể in được của em, em hoàn toàn hiểu rõ quan điểm của tờ báo này đối với vụ kiện cơ mà. Em biết chiến dịch mà chúng ta đã thực hiện. Em đã đọc bài xã luận sáng nay của tôi rồi đấy - *Một chiến thắng của cái thiện.* Chúng ta không thể để một tác giả đi ngược lại chính sách chung của chúng ta."

"Anh sẽ phải in bài báo này."

"Nhưng, em yêu…"

"Hoặc tôi sẽ phải bỏ việc."

"Ồ, nào, nào, đừng ngốc nghếch thế chứ em. Đừng có lố bịch vậy chứ. Em biết rõ mà. Chúng tôi không thể hoạt động nếu không có em. Chúng tôi không thể…"

"Anh phải lựa chọn thôi, Alvah."

Scarret biết rằng ông chắc chắn sẽ điêu đứng với Gail Wynand nếu ông cho in bài báo này, và ông cũng có thể điêu đứng nếu ông mất Dominique Francon vì mục báo của cô rất nổi tiếng. Wynand vẫn chưa quay về từ

chuyến du ngoạn ngoài khơi của mình. Scarret đánh điện cho ông ở Bali và giải thích tình hình.

Chỉ trong vài tiếng đồng hồ, Scarret đã nhận được câu trả lời. Nó được viết bằng mật mã riêng của Wynand. Bức điện được dịch thành SA THẢI CON CHÓ ĐÓ.G.W.

Scarret hoang mang nhìn bức điện. Nó là một mệnh lệnh không cho phép có bất kỳ phương án thay thế nào, kể cả nếu như Dominique đầu hàng. Ông hy vọng cô sẽ từ chức. Ông không thể đối diện với ý nghĩ phải sa thải cô.

Thông qua một cậu nhân viên mà ông đã giới thiệu vào làm việc, Toohey có được bản sao giải mã bức điện của Wynand. Ông bỏ nó vào túi và đến phòng làm việc của Dominique. Ông đã không gặp lại cô từ sau phiên toà. Ông thấy cô đang dọn sạch các ngăn kéo bàn làm việc của mình.

"Xin chào," ông nói cộc lốc. "Cô đang làm gì vậy?"

"Đang chờ tin của Alvah Scarret."

"Là sao?"

"Đang chờ xem liệu tôi có phải từ chức không?"

"Cô có muốn nói chuyện về vụ kiện không?"

"Không."

"Tôi thì muốn nói chuyện đó. Tôi nghĩ rằng tôi nợ cô lời thừa nhận một cách lịch sự rằng cô đã làm một việc mà chưa ai từng làm trước đây: cô đã chứng minh rằng tôi sai. "Ông nói lạnh lẽo; khuôn mặt ông vô cảm; đôi mắt ông không có dấu hiệu của từ tâm. "Tôi không trông đợi cô làm cái điều mà cô đã làm trên bục nhân chứng. Nó là một thủ đoạn hèn hạ. Mặc dù nó phù hợp với chuẩn mực thông thường của cô. Tôi đơn giản chỉ là tính toán lầm về mục tiêu của sự hiểm độc của cô. Tuy nhiên, cô đã cảm nhận đúng rằng hành động của cô là vô ích. Tất nhiên, cô đã làm rõ được quan điểm của cô. Và làm rõ cả quan điểm của tôi nữa. Để bày tỏ sự tôn trọng, tôi có một món quà cho cô."

Ông đặt bức điện lên bàn làm việc của cô.

Cô đọc và đứng cầm nó trong tay.

"Cô thậm chí không thể từ chức, cô bé thân mến" ông nói. "Cô không cả được phép hy sinh cho vị anh hùng vung vãi vàng ngọc của cô. Tôi nhớ cô luôn coi trọng việc không để ai đánh bại cô ngoại trừ chính cô; nên tôi nghĩ cô hẳn sẽ thích thú cái này."

Cô gấp bức điện và nhét nó vào ví của mình.

“Cảm ơn, Ellsworth.”

“Nếu cô định sẽ chống lại tôi, cô bé thân mến, thì chỉ có những bào diễn thuyết suông là không đủ.”

“Không phải tôi đã luôn chống lại ông sao?”

“Tất nhiên, tất nhiên là cô đã làm vậy. Hoàn toàn đúng. Cô lại sửa cho tôi đấy. Cô đã luôn chống lại tôi – và lần duy nhất mà cô gục ngã và gào thét xin xự thương hại là ở trên cái bục nhân chứng đó.”

“Đúng vậy.”

“Đó là chỗ mà tôi đã tính toán nhầm.”

“Đúng vậy.”

Ông cúi người một cách trịnh trọng và rời khỏi phòng.

Cô đóng gói những thứ mà cô muốn mang về nhà. Sau đó cô đi đến phòng làm việc của Scarret. Cô cho ông xem bức điện trong tay cô, nhưng không đưa nó cho ông.

“Được thôi, Alvah,” cô nói.

“Dominique, tôi không thể làm được gì, tôi không thể làm được gì – Làm thế quái mà em có được nó vậy?”

“Không sao đâu, Alvah. Không, tôi sẽ không đưa lại cho anh đâu. Tôi muốn giữ nó.” Cô bỏ bức điện trở lại vào túi của mình. “Gửi séc và những gì cần bàn bạc với tôi qua đường bưu điện.”

“Dù sao thì em… em đã định từ chức phải không?”

“Đúng vậy. Nhưng tôi thích điều này hơn – bị sa thải.”

“Dominique, giá mà em biết được tôi cảm thấy tồi tệ đến thế nào. Tôi không thể tin được. Đơn giản là tôi không thể tin được.”

“Vậy là sau cùng, các người cũng đã biến tôi thành một kẻ tử vì đạo. Và đó là điều mà tôi đã cố gắng né tránh suốt cuộc đời mình. Trở thành một kẻ tử vì đạo thật vô duyên. Nó vinh danh đối thủ của tôi quá nhiều. Nhưng tôi sẽ nói với anh điều này, Alvah Tôi sẽ nói điều này với anh vì tôi không thể tìm được ai khác ít phù hợp hơn để lắng nghe nó; chẳng có gì mà các người làm với tôi – hoặc với anh ấy – sẽ tồi tệ hơn cái mà tôi sẽ tự làm với bản thân mình. Nếu các người nghĩ rằng tôi không thể chịu đựng được chuyện Đền Stoddard, thì hãy chờ cho đến khi các người thấy tôi có thể chịu đựng những gì.”

*

* *

Vào một buổi tối ba ngày sau vụ xét xử, Ellsworth Toohey ngồi trong phòng của mình nghe đài. Ông không có hứng làm việc tối nay và ông cho phép mình nghỉ ngơi. Ông thư giãn một cách thoải mái trong ghế bành, gõ gõ các ngón tay theo nhị một bản giao hưởng phức tạp. Ông nghe thấy tiếng gõ cửa phòng. "M…ời vào," ông làu bàu nói.

Catherine bước vào. Cô liếc nhìn cái đài như để xin lỗi vì đã bước vào phòng.

"Cháu biết là chú không làm việc, chú Ellsworth. Cháu muốn nói chuyện với chú."

Cô đứng khom khom, dáng người mảnh dẻ và không hề có các đường cong. Cô mặc một cái váy vải tuýt đắt tiền thùng thình. Cô đã xoá bớt một phần lớp trang điểm trên mặt; làn da cô dưới những lớp phấn son thật không có sức sống. Ở tuổi 26, trông cô như một phụ nữ đang cố che giấu những dấu vết của độ tuổi ngoài 30.

Trong một vài năm qua, với sự giúp đỡ của chú Ellsworth, cô trở thành một người làm công tác xã hội có năng lực. Cô làm việc ở một nhà tế bần, cô có một khoản ngân hàng nho nhỏ của riêng mình; cô dẫn bạn bè đi ăn trưa – những phụ nữ lớn tuổi hơn làm cùng nghề với cô và họ nói chuyện về những vấn đề của các bà mẹ không hôn thú, về biểu hiện của những đứa trẻ nghèo và về tội ác của các tập đoàn công nghiệp.

Trong một vài năm qua, Toohey dường như đã quên mất sự tồn tại của cô. Nhưng ông biết rằng cô biết hết về ông, một cách lặng lẽ và nhút nhát. Ông hiếm khi là người cởi lời nói chuyện với cô. Nhưng cô luôn đến gặp ông để xin những lời khuyên nhỏ nhặt. Cô giống như một cái động cơ nhỏ chạy bằng năng lượng của ông và thỉnh thoảng cô dừng lại để nạp nhiên liệu. Cô sẽ không đi đến nhà hát nếu không hỏi ý kiến ông. Một lần, thông qua một đồng nghiệp, cô kết bạn với một cô gái thông minh, có năng lực, vui vẻ và yêu quý những người nghèo. Toohey không đồng tình. Và Catherine từ bỏ tình bạn đó.

Khi cô cần lời khuyên, cô hỏi xin một cách ngắn gọn, theo kiểu nhân tiện vì sợ sẽ làm trì hoãn những việc ông đang làm. Cô hỏi vào khoảng trống giữa các món trong một bữa ăn, khi ông đứng chờ ở thang máy lúc ra khỏi nhà, trong phòng khách khi một chương trình phát sóng quan trọng nào đó dừng để dò đài. Cô cố ý chứng tỏ rằng cô không dám hỏi bất kỳ cái gì ở ông ngoài những mẩu vụn thời gian mà ông thừa ra.

Do vậy Toohey ngạc nhiên nhìn cô bước vào phòng đọc của ông. Ông nói:

“Tất nhiên rồi, mèo con của chú. Chú không bận. Với cháu thì chú không bao giờ quá bận cả. Vặn nhỏ đài xuống đi cháu.”

Cô vặn nhỏ đài và ngồi sụp xuống cái ghế bành đối diện với ông. Những chuyện động của cô thật kỳ cục và mâu thuẫn, giống như chuyển động của một thiếu niên vậy: cô đã mất thói quen di chuyển với sự tự tin và đôi khi một cử chỉ, một cái lắc đầu của cô, cho thấy sự mất bình tĩnh mà cô đã phải cố gắng đè nén và giờ đang tăng lên quá sức chịu đựng.

Cô nhìn chú của mình. Đằng sau cặp kính, đôi mắt cô bất động và căng thẳng. Đôi mắt không bộc lộ điều gì. Cô nói:

“Chú đang làm gì vậy, chú Ellsworth? Cháu đọc thấy trên các báo về việc thắng một vụ kiện lớn mà chú có liên quan. Cháu rất vui. Cháu đã không đọc báo trong nhiều tháng. Cháu quá bận… À, không hẳn là vậy. Cháu có thời gian, nhưng khi cháu về đến nhà thì cháu không muốn làm bất kỳ cái gì, cháu chỉ nằm vật ra giường và ngủ thoi. Chú Ellsworth, người ta ngủ nhiều vì họ mệt hay vì họ muốn thoát khỏi một cái gì đó?”

“Nào, cháu yêu quý, thế này nghe chẳng giống cháu chút nào cả. Hoàn toàn không.”

Cô lắc đầu bất lực. “Cháu biết.”

“Có chuyện gì nào?”

Cô nói trong lúc nhìn vào mũi giày, đôi môi cô cố gắng chuyển động:

“Cháu đoán là cháu chẳng được tích sự gì, chú Ellsworth ạ.” Cô nhướn mắt lên nhìn ông. “Cháu vô cùng bất hạnh.”

Ông lặng lẽ nhìn cô, khuôn mặt sốt sắng, đôi mắt dịu dàng. Cô thì thầm:

“Chú hiểu?” Ông gật đầu.

“Chú không giận cháu chứ? Chú không coi thường cháu chứ?”

“Cháu yêu quý, làm sao mà chú có thể?”

“Cháu đã không muốn nói điều này. Kể cả nói với chính mình. Không chỉ đêm nay, mà lâu lắm rồi.Chú cứ để cháu nói hết, chú đừng ngạc nhiên nhé, cháu phải nói ra. Giống như cháu vẫn xưng tội trước đây – ồ không, đừng nghĩ là cháu sẽ quay lại chuyện đó đâu, cháu biết tôn giáo chỉ là… chỉ là một công cụ bóc lột thôi, cháu sẽ không làm chú thất vọng sau khi chú đã giải thích chuyện đó cho cháu. Cháu không luyến tiếc chuyện đi nhà thờ. Có điều… có điều là cháu cần có ai đó lắng nghe cháu.”

“Katie, cháu yêu quý, trước hết, tại sao cháu lại sợ hãi đến thế? Cháu không được phép sợ hãi. Cháu không được sợ nói chuyện với chú. Bình tĩnh

nào, hãy là chính mình và nói cho chú biết chuyện gì đã xảy ra."

Cô nhìn ông đầy vẻ biết ơn. "Chú thật… nhạy cảm, chú Ellsworth ạ. Cháu đã không muốn nói điều đó nhưng chú đã đoán được. Đúng là cháu sợ. Bởi vì, chú thấy đấy, như chú vừa nói, phải là chính mình. Nhưng cháu lại sợ phải là chính mình nhất. Bởi vì cháu thật xấu xa."

Ông phá ra cười, không phải để xúc phạm cô. Đấy là một tiếng cười ấm áp; âm thanh của nó phá tan câu nói của cô.Nhưng cô không mỉm cười.

"Chú, chú Ellsworth, cháu nói thật đấy. Cháu sẽ cố giải thích. Chú thấy đấy, từ lúc cháu còn bé, cháu đã luôn muốn làm đúng mọi việc. Cháu từng nghĩ rằng mọi người đều như thế cả nhưng giờ cháu không nghĩ thế nữa. Một vài người cố hết sức mình, kể cả nếu họ phải mắc lỗi, còn một số người khác thì chẳng buồn cố gắng. Cháu thì luôn cố gắng. Cháu đã luôn coi trọng mọi chuyện. Dĩ nhiên, cháu biết là cháu không thông minh và chuyện tốt xấu là một chuyện to lớn. Nhưng cháu cảm thấy bất kể cái tốt là gì – theo như cháu có thể cảm nhận được – thì cháu sẽ cố gắng hết sức mình để sống xứng đáng với nó. Và mọi người cũng đều có thể làm thế, đúng không? Chuyện này chắc là rất trẻ con với chú."

"Không, Katie, nó không trẻ con. Cháu nói tiếp đi."

"Thì, đầu tiên, cháu biết rằng ích kỷ là xấu. Điều đó thì cháu chắc chắn. Vì thế cháu đã cố gắng không bao giờ đòi hỏi cái gì cho bản thân. Khi Peter đi mất hàng tháng trời… Không, cháu nghĩ chú không tán thành chuyện đó."

"Tán thành chuyện gì, cháu yêu quý?"

"Chuyện giữa Peter và cháu. Cháu sẽ không nói đến chuyện đó nữa. Đằng nào thì nó cũng chẳng đáng quan trọng. Nhưng, chú có thể thấy tại sao cháu đã rất vui khi cháu đến sống với chú. Chú là người không ích kỷ nhất mà một người có thể đạt được. Cháu đã cố gắng sống như chú. Chính vì thế mà cháu đã chọn công việc cháu đang làm. Chú chưa bao giờ bảo cháu nên chọn việc này, nhưng cháu có cảm giác chú nghĩ thế. Đừng hỏi cháu vì sao cháu cảm thấy thế - không có gì cụ thể cả, chỉ là những thứ nho nhỏ mà chú nói. Cháu đã rất tự tin khi cháu bắt đầu. Cháu biết là đau khổ đến từ sự ích kỷ, và cháu biết là người ta chỉ có thể tìm thấy hạnh phúc thực sự khi dâng hiến bản thân cho người khác. Chú đã nói thế. Nhiều người đã nói thế. Tất cả những vĩ nhân trong lịch sử đều nói thế."

"Và?"

"Thì, nhìn cháu xem."

Khuôn mặt ông bất động trong giây lát; rồi ông mỉm cười vui vẻ và nói:

"Cháu làm sao nào, mèo con? Ngoài việc cháu bị cộc-lệch và cháu nên

cẩn thận hơn với đồ trang điểm?"

"Đừng cười, chú Ellsworth. Xin chú đừng cười. Cháu biết chú nói rằng phải luôn có khả năng cười nhạo mọi thứ, nhất là cười nhạo bản thân mình. Có điều là … cháu không thể."

"Chú sẽ không cười, Katie. Nhưng có chuyện gì nào?"

"Cháu thật khổ sở. Cháu khổ sở một cách tồi tệ và kinh tởm nhất. Theo cách mà có vẻ… bẩn thỉu. Và không trung thực nữa. Nhiều này liền cháu sợ không dám nghĩ, không dám nhìn vào bản thân mình. Và thế là sai. Cháu đang … trở nên đạo đức giả. Cháu luôn luôn muốn trung thực với bản thân mình. Nhưng mà cháu lại không trung thực. Cháu không hề. Không hề."

"Khoan đã nào, cháu yêu quý. Đừng gào lên thế. Hàng xóm sẽ nghe thấy cháu."

Cô lấy mu bàn tay vuốt ngang qua trán. Cô lắc đầu. Cô thì thầm:

"Cháu xin lỗi… Cháu sẽ ổn thôi…"

"Thế vì sao cháu lại khổ sở, cháu yêu quý?"

"Cháu không biết. Cháu không thể hiểu được. Ví dụ, chính cháu là người sắp xếp các lớp học cho phụ nữ sắp đẻ con ở dưới nhà Clifford, đấy chính là ý cháu, cháu tự quyên góp tiền, cháu đi tìm giáo viên. Các lớp học đều đang rất tốt. Cháu tự nhủ là cháu luôn vui mừng vì điều đó. Nhưng cháu lại không. Chuyện đó chẳng có ý nghĩa gì với cháu cả. Cháu ngồi và cháu tự nhủ: Chính mình là người sắp xếp để con của Marie Gonzales được nhận nuôi ở một gia đình tử tế, nào, hãy vui vẻ lên. Nhưng cháu lại không vui. Cháu chẳng cảm thấy mệt mỏi mà thôi. Không phải mệt mỏi về thể chất. Mà là mệt mỏi thôi. Kiểu như là… như là chẳng còn có cả con người cháu để mà cảm thấy mệt nữa."

Cô bỏ kính ra, như thể đôi kính của cô và đôi kính của ông ngăn cô tiếp cận ông. Cô nói, giọng cô thấp, những lời lẽ phải cố gắng lắm mới bật được ra:

"Nhưng không chỉ có thế. Có cái còn tồi tệ hơn nhiều. Nó đang làm khổ cháu. Chú Ellsworth, cháu bắt đầu ghét mọi người. Cháu bắt đầu trở nên độc ác, ti tiện và xấu xa; cháu chưa bao giờ như thế cả. Bây giờ, cháu trông đợi mọi người biết ơn cháu. Cháu… cháu đòi hỏi họ phải biết ơn. Cháu thấy hài lòng khi những người nghèo cúi đầu, lúng túng, và xun xoe với cháu. Cháu thấy mình chỉ thích những người biết phục tùng. Một lần… một lần cháu bảo một người đàn bà rằng chị ta không biết cảm ơn những gì mà chúng ta làm cho loại rác rưởi như chị ta. Sau đấy, cháu khóc mấy tiếng liền. Cháu quá xấu hổ. Cháu bắt đầu nổi cáu khi người ta cãi lại cháu. Cháu cảm thấy họ

không có quyền phát biểu ý kiến riêng, cháu thấy mình biết rõ hơn họ, cháu thấy mình có quyền tối cao hơn họ. Có một cô gái mà bọn cháu rất lo, bởi vì cô ta chơi bời với một anh chàng điển trai và tai tiếng. Cháu hành hạ cô ta nhiều tuần liền về chuyện đó; cháu bảo cô ta rằng anh ta sẽ khiến cô ta khốn đốn và cô ta phải bỏ anh ta. Thế mà họ lấy nhau và họ là đôi hạnh phúc nhất. Chú nghĩ là cháu sẽ vui? Không. Cháu tức điên lên và cháu gần như thô lỗ khi cháu gặp cô ta. Khi có một cô gái rất cần việc làm, hoàn cảnh gia đình cô ấy thực sự kinh khủng, cháu đã hứa với cô ấy là cháu sẽ tìm việc cho cô ấy. Nhưng trước khi cháu tìm được việc, cô ấy đã tự tìm thấy. Cháu không hài lòng. Cháu thấy bực mình vì cô ta thoát khỏi sự cùng quẫn mà không cần cháu. Hôm qua, cháu nói chuyện với một cậu bé muốn vào đại học và cháu đã không khuyến khích cậu ta; cháu bảo cậu ta hãy đi tìm việc làm. Cháu cũng nổi giận nữa. Và cháu chợt nhận ra cháu nổi giận vì cháu đã rất muốn đi học đại học – chú nhớ chứ, chú đã không để cháu đi học – và vì thế cháu không muốn cậu bé đó được đi học. Chú Ellsworth, chú thấy không? Cháu đang trở nên ích kỷ. Cháu đang trở thành một kẻ ích kỷ theo cái cách còn tồi tệ hơn nếu như cháu chỉ là những kẻ lừa đảo chuyên gian lận tiền công của những người thợ."

Ông hỏi khẽ:

"Hết chưa?"

Cô nhắm mắt lại; rồi cô nói trong lúc dán mắt vào hai bàn tay:

"Rồi ạ… có điều, cháu không phải là người duy nhất như thế. Rất nhiều người như thế, hầu hết những người phụ nữ làm việc ở chỗ cháu đều như thế… Cháu không biết họ đã biến thành như thế bằng cách nào… Cháu không biết việc đó xảy ra với cháu thế nào… Cháu đã từng hạnh phúc khi giúp đỡ người khác. Cháu nhớ một lần – hôm đó cháu ăn trưa với Peter – và trên đường về, cháu thấy một người chơi đàn rong, và cháu cho ông ta 5 đô la cháu có trong túi. Đấy là tất cả số tiền cháu có; cháu đã tiết kiệm để mua một chai "Đêm giáng sinh"; cháu đã rất muốn có nó, nhưng về sau, mỗi lần nghĩ đến người chơi đàn rong đó, cháu thấy rất vui… Hồi đó, cháu còn gặp Peter… Cháu thường về nhà sau khi gặp anh ấy và cháu muốn ôm hôn tất cả những đứa trẻ rách rưới trong khu nhà của chúng ta… Cháu nghĩ là bây giờ cháu ghét người nghèo… Cháu nghĩ những đồng nghiệp của cháu cũng vậy… Nhưng những người nghèo lại không ghét chúng cháu, lẽ ra họ phải thế. Họ khinh bỉ chúng cháu… Chú thấy không, thật là nực cười, lẽ ra phải là ông chủ khinh bỉ nô lệ và nô lệ căm ghét ông chủ. Nhưng bây giờ cháu chẳng biết ai là chủ ai là nô lệ nữa. Có thể ẩn dụ này không hợp. Cũng có thể là nó hợp. Cháu không biết nữa…"

Cô ngẩng đầu lên để thổ lộ nốt.

“Chú có thấy cái mà cháu cần phải hiểu không? Tại sao cháu đã thành thực bắt tay vào làm một việc mà cháu nghĩ là đúng đắn, thế mà rồi cháu lại trở nên tội lỗi? Cháu nghĩ có lẽ vì cháu có bản chất xấu xa và cháu không có khả năng hưởng một cuộc sống hạnh phúc. Đấy là lý giải duy nhất. Nhưng… đôi khi cháu nghĩ thật là vô lý khi một người hoàn toàn thành tâm muốn làm điều tốt nhưng cái tót lại là cái không dành cho anh ta. Cháu không thể nào tội lỗi đến mức ấy. Nhưng… nhưng cháu đã bỏ tất cả, cháu không có một ham muốn cá nhân nào nữa, cháu không còn gì của riêng cháu cả… và cháu thật khổ sở. Và những người giống như cháu đều thế cả. Cháu không biết một người không ích kỷ nào mà lại hạnh phúc cả – trừ chú.”

Cô gục đầu xuống và không ngẩng lên; dường như cô thờ ơ cả với câu trả lời mà cô đang tìm kiếm.

“Katie.” Ông nói khẽ, vẻ trách cứ, “Katie, cháu yêu quý.”

Cô im lặng chờ đợi

“Cháu có thực sự muốn chú cho cháu câu trả lời không?” Cô gật đầu.

“Bởi vì, cháu biết đấy, cháu đã có câu trả lời, ngay trong những điều cháu nói.”

Cô ngước mắt lên một cách trống rỗng.

“Cháu vừa nói gì nào? Cháu vừa phàn nàn về việc gì nào? Về việc cháu khổ sở. Về Katie Halsey – thế thôi. Đấy là bài diễn thuyết tự cao tự đại nhất mà chú từng nghe trong đời chú.”

Cô chớp chớp mắt, như một học sinh đang cố hiểu một bài học khó.

“Cháu không thấy là cháu đã ích kỷ thế nào ư? Cháu đã chọn một sự nghiệp cao cả không phải vì những điều tốt đẹp cháu có thể làm, mà vì hạnh phúc của cá nhân cháu. Cháu hy vọng sẽ tìm thấy nó trong công việc của cháu.”

“Nhưng cháu đã thực lòng muốn giúp đỡ mọi người.”

“Bởi vì cháu nghĩ là cháu sẽ trở nên tốt đẹp và đạo đức nhờ việc đó.”

“Thì… vâng. Bởi vì cháu nghĩ là điều đó đúng đắn. Chả nhẽ làm điều đúng đắn lại là xấu xa sao?”

“Phải, nếu như đấy là động cơ chính của cháu. Cháu không thấy điều đó là ích kỷ đến thế nào ư? Mặc xác mọi người, miễn là ta có đạo đức.”

“Nhưng nếu người ta không có… không có sự tự tôn, thì người ta còn là cái gì nữa?”

“Người ta có nhất thiết phải là cái gì không?”

Cô xoè hai bàn tay, kinh ngạc.

"Nếu như động cơ chính của cháu là những gì cháu nghĩ, cháu cảm thấy, cháu có hoặc không có – thì cháu vẫn cứ là một kẻ ích kỷ thông thường."

"Nhưng cháu không thể nhảy ra khỏi người cháu được."

"Không. Nhưng cháu có thể nhảy ra khỏi linh hồn chật chội của cháu."

"Ý chú là cháu phải *mong muốn* được khổ sở?"

"Không. Cháu phải triệt tiêu việc mong muốn bất cứ cái gì. Cháu phải quên cô Catherine Halsey quan trọng đến thế nào đi. Bởi vì, cháu thấy đấy, cô ấy không quan trọng. Con người chỉ quan trọng trong quan hệ với những người khác, trong sự hữu dụng của họ, trong những lợi ích mà họ mang lại cho người khác. Trừ khi cháu hiểu điều này hoàn toàn, cháu không thể mong chờ điều gì ngoài sự đau khổ dưới hình thức này hay hình thức khác. Tại sao lại phải khổ sở đến thế chỉ vì cháu nhận thấy cháu có cảm giác độc ác với mọi người? Thế thì sao nào? Đấy chỉ là sự đau khổ khi người ta trưởng thành. Không ai có thể nhảy ra khỏi trạng thái động vật hoang dã để lên làm một sinh linh thần thánh mà không trải qua những chuyển đổi nhất định. Một số chuyển đổi thậm chí còn có vẻ xấu xa. Một phụ nữ đẹp thường là một cô bé xấu xí đã. Tất cả sự trưởng thành đều đòi hỏi sự phá huỷ. Cháu không thể rán trứng mà không đập vỏ trứng. Cháu phải sẵn sàng chịu đựng, phải độc ác, phải không trung thực, phải bẩn thỉu – bất cứ thứ gì, cháu yêu quý, bất cứ thứ gì để giết chết những mầm mống bướng bỉnh nhất của cái tôi. Và chỉ khi cái tôi đã hoàn toàn chết, khi cháu không còn quan tâm nữa, khi cháu không còn danh tính và lãng quên tên hiệu của chính linh hồn mình - chỉ khi đó cháu mới biết đến trạng thái hạnh phúc mà chú vẫn nói đến, và khi đó cánh cửa bước vào sự cao cả của linh hồn mới mở toang trước mặt cháu."

"Nhưng chú Ellsworth," cô thì thầm, "khi cửa mở toang ra, thì ai là người bước vào?"

Ông phá ra cười giòn giã. Tiếng cười có âm hưởng của sự ngạc nhiên.

"Cháu yêu quý." Ông nói, "chú chưa bao giờ nghĩ là cháu lại có thể làm chú ngạc nhiên."

Rồi khuôn mặt ông trở lại vẻ sốt sắng.

"Đấy là một vết nứt, Katie, nhưng cháu biết đấy, chú hy vọng, đấy chỉ là một vết nứt thôi?"

"Vâng." Cô nói rụt rè. "Cháu đoán thế. Nhưng mà…"

"Chúng ta không được bám lấy nghĩa đen khi chúng ta bàn về những thứ trừu tượng. Dĩ nhiên, cháu sẽ là người bước qua cổng. Cháu sẽ không đánh

mất danh tính của cháu – cháu chỉ có một danh tính mới rộng lớn hơn, một danh tính sẽ là một phần của tất cả mọi người và của cả vũ trụ.”

“Làm thế nào? Theo nghĩa nào? Một phần của cái gì ạ?”

“Giờ thì cháu thấy đấy, thật khó nói những chuyện này khi mà toàn bộ ngôn ngữ của chúng ta là ngôn ngữ của chủ nghĩa cá nhâ, với tất cả những thuật ngữ và tín điều của nó. ‘Danh tính’ là một ảo tưởng, cháu biết đấy. Nhưng cháu không thể xây một ngôi nhà mới từ những đống gạch cũ. Cháu không thể nào hiểu chú hoàn toàn nếu cháu dùng những khái niệm thông thường. Chúng ta đã bị đầu độc bởi những tín điều về cái tôi. Chúng ta không thể phân biệt được cái tốt và cái xấu mà không nghĩ đến cái tôi, chúng ta không thể phân biệt được cảm giác và cũng chẳng biết tại sao. Phải tiêu diệt cái tôi trước. Đó là lý do tại sao trí tuệ lại không đáng tin. Chúng ta không được nghĩ. Chúng ta phải *tin*. Phải tin, Katie, ngay cả nếu trí óc cháu cưỡng lại điều đó. Đừng nghĩ. Hãy tin. Hãy tin tưởng trái tim cháu, đừng tin đầu có cháu. Đừng nghĩ. Đừng cảm. Hãy tin.”

Cô ngồi yên, ngay ngắn nhưng trông cô như thể vừa bị một cỗ xe tăng đè bẹp. Cô thì thầm một cách ngoan ngoãn:

“Vâng, chú Ellsworth… Cháu… Cháu đã không nghĩ theo cách đó. Ý cháu là cháu đã luôn luôn cho rằng cháu phải nghĩ… Nhưng chú nói đúng, nếu như đúng là từ thích hợp ở đây, nếu như có một từ để diễn tả… Vâng, cháu sẽ tin… Cháu sẽ cố hiểu… Không, không phải là hiểu… Mà là cảm thấy. Cháu sẽ cố tin… Ý cháu là… Có điều, cháu thật yếu ớt… Cháu luôn cảm thấy thật nhỏ mọn sau khi nói chuyện với chú… Cháu đoán là cháu đã đúng chút ít… Cháu thật vô ích… nhưng không sao… không sao cả…”

*

* *

Khi chuông cửa vang lên vào tối hôm sau, Toohey đích thân ra mở cửa.

Ông mỉm cười khi dẫn Peter Keating vào. Từ sau phiên toà, ông đã chờ Keating đến; ông biết rằng Keating sẽ có nhu cầu đến gặp ông. Nhưng ông đã nghĩ Keating sẽ đến sớm hơn thế này.

Keating ngập ngừng bước vào. Hai bàn tay anh dường như trĩu nặng dưới cổ tay. Mắt anh húp lên và da mặt anh sệ xuống.

“Chào Peter.” Toohey vui vẻ nói. “Muốn gặp tôi hả? Vào đi. Anh thật may. Tôi có cả buổi tối rảnh rỗi.”

“Không.” Keating nói, “cháu muốn gặp Katie.”

Anh không nhìn Toohey và anh không thấy vẻ mặt Toohey phía sau đôi

mắt kính.

"Katie? Dĩ nhiên rồi." Toohey nói vui vẻ. "Anh biết không, anh chưa bao giờ đến đây tìm Katie, vì thế tôi đã không nghĩ ra, nhưng… Vào đi, nó có nhà đấy. Lối này – anh không biết phòng nó hả? – cửa thứ hai."

Keating nặng nề đi qua hành lang và gõ cửa phòng Catherine. Khi cô trả lời, anh bước vào. Toohey đứng nhìn theo anh; trông ông trầm tư.

Catherine nhảy lên khi cô nhìn thấy anh. Cô đứng bần thần, hoang mang một giây, rồi cô chạy tới giường vội vã thu dọn một cái thắt lưng cô để trên giường và giấu nó xuống dưới gối. Rồi cô vội vã gỡ kính ra, nắm chặt nó trong tay và luồn nó vào túi áo. Cô băn khoăn không biết cách nào sẽ tệ hơn: cứ ngồi nguyên ở đây hay ngồi xuống bàn trang điểm và trang điểm ngay trước sự có mặt của anh.

Cô không gặp Keating đã sáu tháng. Trong ba năm qua, họ gặp nhau thỉnh thoảng, cách những quãng dài; họ ăn trưa với nhau vài lần, ăn tối với nhau vài lần, họ đi xem phim hai lần. Họ đã luôn hẹn gặp nhau ở nơi công cộng. Từ lúc anh bắt đầu biết Toohey, Keating không muốn đến gặp cô ở nhà cô. Khi họ gặp nhau, họ nói chuyện như thể chưa có thay đổi gì đã xảy ra. Nhưng họ cũng không hề nói đến chuyện kết hôn từ lâu nay.

"Hello Katie" – Keating nói khẽ – "Anh không biết là em đeo kính."

"Chỉ… chỉ để đọc thôi… Em… Hello Peter… Em đoán là tối nay trông em thật kinh khủng… Em rất mừng được gặp anh, Peter…"

Anh nặng nhọc ngồi xuống, mũ cầm trong tay, để nguyên cả áo khoác ngoài. Cô đứng mỉm cười sốt sắng. Rồi cô khoát tay thành những vòng tròn mơ hồ và hỏi:

"Anh chỉ vào một chút hay… hay là anh muốn bỏ áo khoác ra?"

"Không, anh chỉ vào một chút thôi." Anh đứng dậy, ném áo khoác và mũ lên giường; rồi anh cười lần đầu tiên và hỏi:

"Hay là em bận và muốn tống cổ anh đi?"

Cô lấy cùi tay dụi vào hốc mắt rồi nhanh chóng thả rơi hai bàn tay. Cô phải gặp anh như cô đã luôn gặp anh. Cô phải nói chuyện nhẹ nhàng và bình thường.

"Không, không, em không hề bận."

Anh ngồi xuống và dang tay ra, im lặng mời mọc. Cô lập tức lại gần anh. Cô đặt tay vào tay anh và anh kéo cô ngồi lên thành ghế.

Ánh đèn chiếu vào người anh và cô đã trấn tĩnh lại đủ để nhận thấy vẻ

mặt anh.

“Peter,” cô há hốc miệng kinh ngạc, “anh làm gì với bản thân anh thế? Trông anh thật kinh khủng.”

“Uống rượu.”

“Không… không đến mức như thế!”

“Đến mức thế đấy. Nhưng hết rồi.”

“Có chuyện gì vậy?”

“Anh đã muốn gặp em, Katie. Anh đã muốn thấy em.”

“Anh yêu… họ đã làm gì anh thế?”

“Không ai làm gì anh cả. Giờ anh ổn rồi. Anh không sao. Bởi vì anh đã ở đây… Katie, em có nghe đến Hopton Stoddard bao giờ không?”

“Stoddard?... Em không biết. Em đã thấy cái tên đó ở đâu đó.”

“Không sao đâu, chẳng có gì cả. Anh chỉ nghĩ mọi việc thật là. Em thấy đấy, Stoddard là một lão già; lão ta không thể chịu nổi sự thối tha của lão ấy thêm nữa, thế là lão ấy chuộc tội bằng cách xây một món quá lớn cho thành phố. Nhưng khi anh… khi anh không thể chịu được nữa, anh cảm thấy cách duy nhất anh có thể chuộc tội là làm điều anh muốn làm nhất. Là đến đây.”

“Khi anh không thể chịu đựng được cái gì hả Peter?”

“Anh đã làm một việc rất bẩn thỉu, Katie. Một ngày nào đó anh sẽ nói cho em, nhưng không phải bây giờ… Em có thể nói là em tha thứ cho anh mà không hỏi là là cái gì không? Anh sẽ nghĩ… anh sẽ nghĩ là anh đã được tha thứ bởi một người không bao giờ có thể tha thứ cho anh. Một người không thể bị tổn thương và vì thế không thể tha thứ- nhưng điều đó làm mọi việc càng khủng khiếp với anh.”

Cô không có vẻ bối rối. Cô nói sốt sắng:

“Em tha thứ cho anh, Peter.”

Anh gật đầu chậm chạp vài lần rồi nói:

“Cảm ơn em.”

Rồi cô áp đầu mình vào đầu anh và thì thầm:

“Anh vừa mới đi qua địa ngục, phải không anh?”

“Phải. Nhưng giờ thì ổn rồi.”

Anh kéo cô vào trong vòng tay anh và hôn cô. Rồi anh không nghĩ đến Đền Stoddard nữa, và cô không nghĩ đến chuyện tốt và xấu. Họ không cần

nghĩ đến; họ cảm thấy mình trong sạch.

"Katie, tại sao chúng ta chưa cưới nhau?"

"Em không biết" – cô nói. Rồi cô vội vã nói thêm – chỉ vì tim co đang đập mạnh, bởi vì cô không thể giữ im lặng và bởi vì cô thấy cô không được lợi dụng anh – "Em đoán là vì chúng ta biết rằng chúng ta không cần phải vội."

"Nhưng chúng ta phải vội. Nếu không phải là chúng ta đã quá muộn rồi."

"Peter, anh … anh đang cầu hôn em lại à?"

"Đừng có ngạc nhiên thế, Katie. Nếu em ngạc nhiên, anh sẽ biết là em đã luôn nghi ngờ điều đó suốt những năm qua. Và anh không thể chịu được ý nghĩ đó vào lúc này. Tối nay anh đến tìm em để nói với em chuyện đó. Chúng ta sẽ cưới nhau. Chúng ta sẽ cưới nhau ngay lập tức."

"Vâng, Peter."

"Chúng ta không cần tuyên bố, không cần hẹn ngày, không cần chuẩn bị, khách khứa, không cần gì cả. Chúng ta đã để cho những thứ đó ngăn chúng ta lại. Thực sự anh cũng không hiểu làm sao mà chúng ta lại chần chứ đến tận giờ… Chúng ta sẽ không nói gì với ai cả. Chúng ta sẽ chuồn khỏi thành phố và sẽ cưới nhau. Chúng ta sẽ tuyên bố và giải thích sau, nếu có ai cần giải thích. Và ý anh là chú em, mẹ anh, và tất cả mọi người."

"Vâng, Peter."

"Em sẽ nghỉ cái công việc chết tiệt của em ngay ngày mai. Anh sẽ thu xếp ở văn phòng để nghỉ một tháng. Guy chắc sẽ phát điên – anh sẽ rất thích. Chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng – em không cần nhiều đâu – không cần quan tâm đến đồ trang điểm – mà em nói là tối nay trông em khủng khiếp à – chưa bao giờ trông em đáng yêu như bây giờ. Anh sẽ đến đây chín giờ sáng ngày kia. Em phải sẵn sàng để khởi hành lúc đó."

"Vâng, Peter."

Sau khi anh đi khỏi, cô nằm trên giường, khóc thành tiếng, không kìm nén, không xấu hổ, không quan tâm đến bất cứ thứ gì khác.

Ellsworth Toohey đã để cửa phòng đọc sách của ông mở. Ông đã nhìn thấy Keating đi ngang qua cửa mà không nhận ra ông và rồi Keating bước ra ngoài. Rồi ông nghe tiếng Catherine khóc. Ông bước vào phòng cô mà không gõ cửa. Ông hỏi:

"Có chuyện gì thế, cháu yêu quý? Peter làm gì cháu à?"

Cô nâng đầu lên khỏi gối. Cô nhìn ông, hất tóc ra khỏi mặt và khóc thổn

thức. Cô nói mà không kịp nghĩ xem mình định nói gì. Cô nói một điều mà cô không hiểu nhưng ông thì hiểu:

"Cháu không sợ chú đâu, chú Ellsworth."

XIV.

“Ai?” Keating há hốc miệng kinh ngạc.

“Cô Dominique Francon.” - người hầu nhắc lại.

“Cô say rồi, đồ ngốc.”

“Ông Keating!...”

Anh đã nhổm dậy. Anh đẩy cô hầu sang một bên. Anh chạy vào phòng khách và thấy Dominique Francon đang đứng đó, trong căn hộ của anh.

“Hello Peter.”

“Dominique! Dominique, làm sao?” Trong sự giận dữ, sợ hãi, tò mò trộn lẫn với sự thoả mãn, ý nghĩ đầu tiên của anh là ơn Chúa vì mẹ anh không có nhà.

“Tôi gọi đến văn phòng anh. Họ nói anh đã về nhà.”

“Anh rất vui, thật là một sự ngạc nhiên thú vị… Ôi, quỷ tha ma bắt, Dominique, để làm gì chứ? Anh đã luôn cố gắng lịch sự với em và em luôn luôn nhìn thấu mọi việc, đến mức lịch sự với em chẳng được tích sự gì cả. Thế nên anh sẽ không làm ra vẻ một chủ nhà ân cần nữa. Em biết là anh đang ngạc nhiên về việc em đến đây không bình thường và bất cứ thứ gì anh nói có thể sẽ sai.”

“Phải, như thế tốt hơn, Peter.”

Anh nhận ra anh đang cầm một chiếc chìa khoá trong tay và anh tuồn nó vào túi áo. Anh đang đóng gói va-li để đi xa làm đám cưới với Katie. Anh liếc nhìn căn phòng và cảm thấy giận dữ vì những đồ đạc kiểu Victoria của anh trông thật thô kệch cạnh sự thanh lịch của Dominique. Cô mặc áo vest và váy màu xám, khoác ngoài một chiếc jacket lông, cổ dựng lên tới cằm. Cô đội một chiếc mũ có vành rủ. Trông cô không giống như lúc cô đứng trên bục nhân chứng, cũng không giống như anh nhớ về cô ở các bữa tiệc. Anh chợt nghĩ tới một khoảnh khắc cách đây nhiều năm, khi anh đứng trên chiếu nghỉ cầu thang bên ngoài văn phòng của Guy Francon và ước không bao giờ gặp lại Dominique. Cô đúng như lúc đó: một người xa lạ làm anh sợ hãi bởi sự trống rỗng trong suốt trên mặt cô.

“Nào, ngồi đi, Dominique. Em bỏ áo khoác ra.”

“Không, tôi sẽ không ở lâu đâu. Bởi vì hôm nay chúng ta đều không muốn giả vờ nên tôi sẽ nói cho anh biết tôi đến đây làm gì - hay là anh muốn có một cuộc nói chuyện lịch sự đã?”

“Không. Anh không muốn nói chuyện lịch sự.”

“Được rồi. Anh sẽ cưới tôi chứ, Peter?”

Anh đứng bất động. Rồi anh nặng nề ngồi xuống – bởi vì anh biết là cô hoàn toàn nghiêm túc.

“Nếu anh muốn cưới tôi” – cô nói tiếp với giọng nói chính xác và lạnh lùng - “anh phải làm ngay bây giờ. Xe ô-tô của tôi đậu bên ngoài. Chúng ta sẽ đi Connecticut rồi trở lại. Sẽ mất khoảng ba tiếng.”

“Dominique…” Anh không muốn thốt ra gì thêm ngoài tên cô. Anh muốn nghĩ rằng anh bị bại liệt. Anh biết rằng anh đang sống hoàn toàn khoẻ mạnh, rằng anh đang cố làm cho cơ bắp và đầu óc mình mụ mẫm, bởi vì anh ước gì anh không phải nghĩ.

“Peter, chúng ta không giả vờ với nhau. Thông thường, người ta sẽ bàn tới lý do và những cảm giác trước, rồi sau đó người ta sẽ sắp xếp mọi thứ. Với chúng ta, đây là cách duy nhất. Nếu tôi đề nghị với anh theo cách khác, tôi sẽ lừa dối anh. Mọi việc phải diễn ra như thế này. Không câu hỏi, không điều kiện, không giải thích. Những gì chúng ta không nói ra đã tự trả lời tất cả. Trả lời bằng cách không nói gì. Anh không phải phân vân gì cả – chỉ là anh có muốn hay không thôi.”

“Dominique” – an nói với sự tập trung mà anh có khi anh phải bước đi trên một giàn giáo trần trụi ở một công trường dang dở. “Anh chỉ hiểu mỗi thế này. Anh hiểu là anh phải cố gắng bắt chước em, không bàn luận, không nói chuyện, chỉ trả lời.”

“Đúng thế.”

“Có điều – anh không thể – không thực sự có thể.”

“Peter, đây là lúc anh không có sự bảo vệ nào đâu. Không có cái gì để trốn vào cả. Thậm chí cả ngôn từ cũng không.”

“Giá mà em có thể nói chỉ một điều…”

“Không.”

“Giá mà em cho anh thời gian…”

“Không. Hoặc là chúng ta cùng đi xuống cầu thang ngay bây giờ, hoặc là quên đi.”

“Em không được giận nếu như anh… Em chưa bao giờ cho phép anh được hy vọng là em có thể… rằng em… không, không, anh sẽ không nói… nhưng em muốn anh nghĩ gì nào? Anh chỉ ở đây một mình, và…”

“Và tôi là người duy nhất có mặt để cho anh lời khuyên. Lời khuyên của

tôi là từ chối đi. Tôi đang thành thực với anh, Peter. Nhưng tôi sẽ không giúp anh bằng cách rút lại đề nghị của tôi. Anh hẳn không muốn có cơ hội được cưới tôi. Nhưng giờ anh đang có cơ hội. Ngay bây giờ. Lựa chọn là của anh."

Đến đây, anh không thể nào giữ sự lịch thiệp được nữa; anh để đầu gục xuống, anh ấn nắm tay vào trán.

"Dominique, tại sao?"

"Anh biết lý do tại sao. Tôi đã nói với anh một lần, cách đây lâu rồi. Nếu anh không có can đảm để nghĩ đến chúng, thì cũng đừng hy vọng tôi sẽ nhắc lại."

Anh ngồi bất động, đầu gục xuống. Rồi anh nói:

"Dominique, hai người như anh và em mà lấy nhau, nó có thể lên trang nhất các báo."

"Phải."

"Thế thì không tốt hơn nếu chúng ta thực hiện mọi thứ một cách tử tế, có thông báo và một lễ cưới đàng hoàng sao?"

"Tôi mạnh, Peter, nhưng tôi không mạnh mẽ đến mức ấy. Anh có thể có những cuộc tiếp tân và quảng cáo sau."

"Em không muốn anh nói gì bây giờ, ngoài có hay không sao?"

"Phải."

Anh ngồi nhìn cô rất lâu. Cô nhìn anh nhưng cái nhìn đó giống như cái nhìn của một bức tượng. Anh cảm thấy chỉ có một mình trong phòng. Cô đứng kiên nhẫn chờ đợi anh. Cô thậm chí còn không tử tế với anh bằng cách giục giã anh.

"Được rồi, Dominique. Có," cuối cùng anh nói.

Cô nghiêng đầu một cách lạnh lẽo ra ý đồng tình.

Anh đứng lên.

"Anh sẽ lấy áo khoác," anh nói. "Em có muốn đi bằng xe của em không?"

"Có."

"Xe mui trần, đúng không? Anh có nên mặc áo lông?"

"Không. Nhưng mang theo một cái khăn quàng cổ. Trời hơi gió"

"Không hành lý gì sao? Chúng ta sẽ quay lại thành phố ngay lập tức?"

"Chúng ta sẽ quay lại ngay lập tức."

Anh để ngỏ cửa ra hành lang và cô thấy anh mặc áo khoác, quấn khăn quanh cổ với điệu bộ của người ném một hòn đất qua vai. Anh bước khỏi cửa phòng khách, mũ cầm tay, và ra dấu bảo cô đi bằng cách lặng lẽ nghiêng đầu. Trong hành lang bên ngoài, anh ấn chuông thang máy và anh bước lùi lại để cô vào thang máy trước. Cử chỉ của anh chính xác, tự chủ, không vui mừng, hoàn toàn vô cảm. Anh có vẻ nam tính lạnh lùng hơn bao giờ hết.

Anh nắm chặt khuỷu tay cô với vẻ chiếm hữu khi họ băng qua đường tới phố cô đậu xe. Anh mở cửa xe, để cô trường vào sau tay lái và im lặng bước vào xe cô. Cô nghiêng người sang phía anh và chỉnh kính chắn gió phía bênanh. Cô nói: "Nếu anh không thích, cứ chỉnh theo ý anh, làm thế nào cho anh khỏi lạnh." Anh nói: "Ra đường Grand Concourse, ở đấy ít đèn đỏ hơn." Cô đặt túi xách vào lòng anh khi cô cầm tay lái và khởi động ô-tô. Bất chợt giữa họ không còn cảm giác đối đầu mà chỉ còn một cảm giác lặng lề, vô vọng của những chiến hữu, như thế họ cùng là nạn nhân của một thảm hoạ vô hình nào đó và họ phải giúp đỡ lẫn nhau.

Cô lái xe nhanh, như thói quen của cô vẫn thế. Cô giữ tốc độ đều đặn và không có vẻ vội vã. Họ ngồi yên lặng trong tiếng động cơ đều đều của xe và họ ngồi kiên nhẫn, không cử động người khi chiếc xe dừng lại ở đèn đỏ. Dường như họ bị kẹt lại trong một chuyển động đơn nhất, dưới một mệnh lệnh khẩn, giống như một viên đạn bị bắn khỏi nòng súng không thể nào dừng lại giữa chừng. Trên những đường phố của thành phố, hoàng hôn bắt đầu buông. Những vỉa hè có màu vàng. Những cửa hàng vẫn còn mở. Một rạp chiếu phim đã thắp đèn và những bóng đèn đỏ lúc lắc, cố thu nốt ánh sáng cuối cùng của ban ngày, khiến cho đường phố trông tối hơn.

Peter Keating cảm thấy không cần phải nói chuyện. Anh có vẻ không còn là Peter Keating nữa. Anh không yêu cầu sự thân mật và anh cũng không đòi hỏi sự thương hại. Anh chẳng đòi hỏi gì cả. Cô nhận ra điều đó, và cô liếc nhìn anh, cái liếc nhìn mang sự tôn trọng và gần như dịu dàng. Anh nhìn thẳng vào mắt cô; cô nhìn thấy sự thấu hiểu trong đó nhưng anh không nói gì. Cứ như thể ánh mắt anh đã nói "Tất nhiên" và chỉ thế thôi.

Họ ra khỉ thành phố. Một con đường lạnh lẽo màu vàng trải ra trước mắt họ. Anh nói:

"Cảnh sát giao thông khu này rất tệ. Em có mang thẻ nhà báo không, chỉ để phòng thôi?"

"Tôi không còn là nhà báo nữa."

"Em không còn là cái gì?"

"Không còn là nhà báo."

“Em bỏ việc à?”

“Không, tôi bị đuổi việc.”

“Em đang nói gì thế?”

“Mấy ngày qua anh ở đâu? Tôi tưởng mọi người đều biết.”

“Xin lỗi. Mấy ngày vừa rồi anh không theo dõi tin tức mấy.”

Một lúc sau, cô nói:

“Đưa cho tôi một điếu thuốc. Trong túi.”

Anh mở túi cô và anh nhìn thấy hộp thuốc lá, hộp phấn, son môi, lược, một chiếc khăn được gấp tư và quá trắng đến mức người ta không dám động vào. Anh ngửi thoáng thấy mùi nước hoa của cô. Từ một điểm nào đó trong người, anh nghĩ rằng điều này cũng giống như mở khuy áo của cô. Nhưng hầu hết phần còn lại của con người anh không nhận thức được ý nghĩa này cũng như quyền chiếm hữu mà anh đang dùng nó để mở túi của cô. Anh lấy một điếu thuốc khỏi hộp, châm lửa và đưa từ môi anh sang môi cô.

“Cảm ơn” – cô nói. Anh châm một điếu cho mình và đóng túi lại.

Khi họ đến Greenwich, anh là người ra lệnh. Anh bảo cô lái vào đâu, rẽ ở chỗ nào và nói “Đây rồi” khi họ đến trước cửa nhà một thẩm phán. Anh ra khỏi xe trước và giúp cô ra khỏi xe. Anh ấn chuông cửa.

Họ cưới nhau trong một phòng khách bày những chiếc ghế bành lót thảm màu xanh da trời và tím đã cũ, với một cái đèn có đính những hột thuỷ tinh quanh chụp đèn. Nhân chứng là vợ ngài thẩm phán và một người hàng xóm có tên Chuck. Anh ta bị lôi ra khỏi một công việc gì đó anh ta đang dở tay làm; người anh ta thoang thoảng mùi Clorox.[94]

Khi họ quay lại xe, Keating hỏi: “Nếu em mệt thì để anh lái xe?” Cô nói: “Không, tôi sẽ lái.”

Đường về thành phố xuyên qua những cánh đồng màu nâu; những thứ mọc trên đó đều cso một màu đỏ bợt bạt ở về phía Tây. Một vòng tròn nhập nhoạng màu tím đang ăn dần vào những bờ ruộng và bầu trời đỏ rực với một vệt mây đỏ bất động. Những chiếc xe đi ngược chiều họ trông như những khối màu nâu xỉn, vẫn còn có thể nhận ra; một số khác đã bật đèn và chỉ còn là hai đốm sáng vàng nhức nhối.

Keating nhìn con đường. Trông nó có vẻ chật hẹp; chỉ là một vệt thẳng ngay giữa kính chắn gió của xe ô-tô, hai bên là đất và đồi; tất cả đều gói gọn vào trong khung kính hình chữ nhật trước mặt anh. Nhưng con đường nở rộng ra khi khung kính chắn gió tiến về phía trước. Con đường choán lấy tấm kính, tràn ra khỏi khung kính; nó xé làm đôi để họ vượt qua và trôi về

phía sau như hai dải lụa màu xám ở hai bên thành xe. Anh nghĩ đây là một cuộc đua và anh chờ chiếc kính chắn gió thắng cuộc; anh chờ thấy chiếc xe đâm vào cái vệt nhỏ trước mặt trước khi nó kịp mở rộng ra.

"Lúc đầu, chúng ta sẽ sống ở đâu?" – anh hỏi – "Nhà em hay nhà anh?"

"Nhà anh, dĩ nhiên."

"Anh muốn chuyển đến nhà em hơn."

"Không. Tôi sẽ chuyển khỏi nhà."

"Em sẽ không thích nhà anh."

"Tại sao lại không?"

Trời tối hơn và cô bật đèn pha lên. Anh nhìn những biển hiệu giao thông ở thấp hai bên đường; chúng đột ngột hiện ra dưới ánh đèn khi họ tới gần. Những tấm biển báo *Rẽ trái, Chỗ người đi bộ qua đường ở phía trước*. Chúng như những đốm sáng biết nghĩ, ác ý và đang nháy mắt với anh.

Họ lái xe lặng lẽ nhưng bây giờ không còn sự gắn kết trong sự yên lặng chung giữa họ. Họ không còn cùng nhau bước tới một thảm hoạ nữa; cái thảm hoạ đã qua rồi; sự dũng cảm của họ chẳng còn cần thiết nữa.

Anh cảm thấy hoang mang và bồn chồn như anh luôn cảm thấy khi có mặt Dominique Francon.

Anh quay mặt để nhìn cô. Cô nhìn đường. Khuôn mặt nhìn nghiêng của cô trong gió lạnh trông thật thanh thản, xa lạ, và đáng yêu đến mức khó chịu đựng. Anh nhìn những bàn tay đeo găng của cô đang nắm chặt lấy hai bên vô-lăng. Anh nhìn xuống bàn chân mảnh dẻ của cô ở trên bàn đạp ga, rồi mắt anh lượt lên phía đùi cô. Mắt anh dán vào cái tam giác nhỏ trên chiếc váy bó màu xám của cô. Anh chợt nghĩ rằng anh có quyền được nghĩ những gì anh đang nghĩ.

Lần đầu tiên, anh nhận thức đầy đủ và tỉnh táo về ý nghĩa của cuộc hôn nhân này. Rồi anh biết rằng anh đã luôn luôn thèm muốn người đàn bà này; rằng đấy là cảm giác mà anh dành cho một con điếm, có điều nó dai dẳng, vô vọng và hằn học. Vợ ta – anh nghĩ lần đầu tiên, và không hề cảm thấy một chút trân trọng với từ này. Anh cảm thấy một ham muốn mạnh mẽ đến mức giá là mùa hè, hẳn anh đã ra lệnh cho cô rẽ vào một con đường ngách đầu tiên và anh sẽ chiếm đoạt cô ở đó.

Anh luồn tay anh qua thành sau của ghế ngồi và ôm lấy bả vai cô. Những ngón tay hầu như không chạm vào cô. Cô không cử động, không chống cự, cũng không quay đầu nhìn anh. Anh bỏ tay ra. Anh ngồi nhìn chằm chằm về phía trước.

“Bà Keating.” Anh nói lạnh lẽo, không phải để gọi cô mà chỉ để tuyên bố một sự việc.

“Bà Peter Keating,” cô nói.

Khi họ dừng lại trước căn hộ của anh, anh bước ra và mở cửa xe cho cô; nhưng cô vẫn ngồi sau tay lái.

“Chúc ngủ ngon, Peter,”cô nói. “Tôi sẽ gặp anh ngày mai”

Cô nói thêm trước khi khuôn mặt anh biến thành một câu chửi thề tục tĩu.

chuyển mọi thứ đến và ngày mai và chúng ta sẽ bàn mọi việc. Mọi thứ sẽ bắt đầu từ mai, Peter.”

“Em đi đâu?”

“Tôi có việc cần giải quyết.”

“Nhưng tối nay anh biết nói gì với mọi người.”

“Nói gì cũng được, nếu anh muốn nói.”

Cô ngoặt xe vào dòng xe cộ và lái vụt đi.

*

* *

Khi cô bước vào phòng Roark buổi tối đó, anh mỉm cười, không phải nụ cười nhẹ mang hàm ý điều anh biết sẽ xảy ra. Đấy là nụ cười hàm chứa sự chờ đợi và đau đớn.

Anh không gặp cô kể từ sau phiên toà. Cô đã rời phòng xử án sau khi làm chứng và anh đã không nghe tin gì từ cô kể từ đó. Anh đã đến nhà cô nhưng người hầu của cô nói với anh rằng Francon không thể gặp anh.

Bây giờ, cô nhìn anh và cô mỉm cười. Lần đầu tiên, đấy là dấu hiệu của sự chấp nhận hoàn toàn, như thể nhìn thấy anh đã giải quyết mọi vấn đề, đã trả lời mọi câu hỏi, và ý nghĩa của cô chỉ là ở chỗ đứng nhìn anh.

Họ đứng lặng lẽ trước mặt nhau trong một giây; và cô nghĩ những lời đẹp đẽ nhất là những lời không cần nói ra.

Khi anh cử động, cô nói: “Đừng nói gì về phiên toà. Để sau.”

Khi anh ôm cô trong tay, cô quay người để đối mặt với anh, để cảm thấy bộ ngực rộng của anh áp vào ngực cô, chân anh áp dọc chân cô, như thể cô đang nằm trên người anh; và cô thấy chân mình nhẹ bỗng; cô thấy mình đang được giữ thẳng đứng bằng cách áp vào người anh.

Họ nằm trên giường đêm đó và họ không biết họ ngủ lúc nào. Những quãng dừng của sự yên nghỉ rã rời cũng căng thẳng y như cơ thể họ quấn lấy

nhau.

Buổi sáng, khi họ mặc quần áo, cô ngắm anh đi lại trong phòng. Cô nhận thấy sự buông lỏng kiệt quệ trong những cử chỉ của anh; cô nghĩ đến những gì cô đang lấy khỏi anh và sức nặng ở cổ tay cô nói với cô rằng sức mạnh của cô lúc này nằm ở trong óc anh. Như thể họ đã trao đổi năng lượng.

Anh đang ở đầu kia của căn phòng, quay lưng lại phía cô, khi cô nói:

"Roark."

Giọng cô khẽ và thấp.

Anh quay lại nhìn cô, như thể anh đã chờ đợi điều này và có lẽ đã đoán ra tất cả.

Cô đứng giữa phòng, giống như cô đã đứng đây vào đêm đầu tiên cô đến. Người cô nghiêm trang như đang thực hiện một nghi lễ.

"Em yêu anh, Roark."

Đây là lần đầu tiên cô nói điều này.

Cô nhìn thấy tác động của những lời cô nói lên khuôn mặt anh trước khi cô kịp nói ra.

"Em đã lấy chồng ngày hôm qua. Lấy Peter Keating."

Sẽ dễ dàng hơn nếu như cô nhìn thấy anh cố nên một tiếng kêu, nắm chặt bàn tay và vặn vẹo nắm đấm để kiềm chế bản thân. Nhưng mọi sự không dễ dàng bởi vì cô không thấy anh làm những điều này và cô biết những việc ấy đã được thực hiện mà không có những biểu hiện cơ bắp bên ngoài.

"Roark" – cô thì thầm nhẹ nhàng, hoảng sợ.

Anh nói:

"Anh không sao đâu." Rồi anh thêm: "Chờ một chút … Được rồi, em nói đi."

"Roark, trước khi em gặp anh, em đã luôn sợ sẽ gặp phải một ai đó như anh, bởi vì em biết là em sẽ phải nhìn thấy những gì em đã thấy ở bục nhân chứng và em sẽ phải làm những gì em đã làm ở phòng xử án. Em đã căm ghét việc đó bởi vì việc bào chữa cho anh sẽ là một sự lăng mạ đối với anh – và đó là một sự lăng mạ đối với em khi người như anh lại cần bào chữa. Roark, em có thể chấp nhận bất cứ thứ gì, trừ một thứ mà với mọi người thì nó có vẻ thật dễ dàng: em không thể chấp nhận cái nửa vời, cái gần như, cái gần gần, cái ở giữa. Họ có thể có lý do bào chữa. Em không biết. Em không muốn tìm hiểu. Em biết đấy là thứ mà em không có khả năng hiểu. Khi em nghĩ về con người anh, em không thể chấp nhận bất cứ thực tại nào ngoại trừ

một thế giới như của anh. Hoặc ít nhất là một thế giới mà ở đó anh có cơ hội chiến đấu và phải chiến đấu theo những luật lệ của anh. Nhưng điều đó không tồn tại. Và em không thể sống một cuộc sống bị giằng xé bởi những gì đang tồn tại và anh. Như thế sẽ là đấu tranh chống lại những người và những thứ không xứng đáng làm đối thủ của anh. Cuộc chiến của anh, theo luật chơi của họ – đấy sẽ là một sự báng bổ quá đáng. Làm như thế với anh cũng giống như là những gì em đã làm với Peter Keating: nói dối, tăng bốc, lảng tránh, thoả hiệp, mở đường cho sự vô lý – để có thể cầu xin họ cho anh một cơ hội, cầu xin họ để cho anh sống, để cho anh hoạt động, để cầu xin họ, Roark, chứ không phải cười nhạo họ, mà là run lên trước họ bởi vì họ có khả năng làm tổn thương anh. Có phải em quá yếu đuối khi em không thể làm điều này? Em không biết cái gì là mạnh mẽ hơn: chấp nhận những thứ này vì anh – hay là yêu anh đến mức không thể chấp nhận tất cả những thứ đó. Em không biết em yêu anh quá nhiều…"

Anh nhìn cô chờ đợi. Cô biết rằng anh đã hiểu điều này từ lâu, nhưng cô vẫn cần phải nói ra.

"Anh không hề biết đến chúng. Em thì có. Em không thể làm gì được. Em yêu anh. Sự đối nghịch này quá lớn. Roark, anh sẽ không thể thắng, họ sẽ huy diệt anh, nhưng em sẽ không ở đó để thấy điều đó xảy ra. Em sẽ huỷ diệt bản thân em trước. Đấy là hành động phản kháng duy nhất còn lại cho em. Em còn có thể làm gì cho anh? Những thứ mà người ta hy sinh thật là nhỏ bé. Em có thể cho anh cuộc hôn nhân của em với Peter Keating. Em sẽ từ chối quyền để mình hạnh phúc trong thế giới của họ. Em sẽ giành lấy đau khổ. Đấy sẽ là câu trả lời của em cho bọn họ, và là món quà của em cho anh. Có thể em sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa. Em sẽ không cố gắng gặp anh. Nhưng em sẽ sống vì anh, trong mỗi phút giây và mỗi hành động nhục nhã mà em sẽ làm, em sẽ sống vì anh theo cách của em, theo cách duy nhất mà em có thể.

Anh định cất lời nhưng cô nói:

"Khoan đã. Để em nói nốt. Anh có thể hỏi, tại sao em không tự tử đi. Bởi vì em yêu anh. Bởi vì anh tồn tại. Bản thân điều đó đã là quá nhiều, đến mức em không thể cho phép em chết. Và bởi vì em phải sống để biết rằng anh tồn tại, em sẽ sống trong cái thế giới như nó đang là, theo cách mà thế giới ấy đòi hỏi em. Nhưng không nửa vời mà hoàn hảo. Em sẽ không cầu xin hay chạy trốn khỏi nó, mà em sẽ đón đầu nó, em sẽ thắng nó ở sự khổ đau và sự suy đồi, em sẽ là người làm những thứ tồi tệ nhất với bản thân mình trước khi nó có thể làm với em. Em sẽ không làm một bà vợ của một người tử tế nửa vời nào đó mà là vợ của Peter Keating. Và chỉ có ở trong đầu óc em, ở chỗ mà không gì có thể chạm tới, sẽ là ý nghĩ về anh, về việc anh tồn tại và

thỉnh thoảng em sẽ nói với mình ‘Howard Roark’, và em sẽ cảm thấy rằng em xứng đáng được nói những từ ấy.

Cô đứng trước mặt anh; mặt cô ngẩng lên; môi cô không mím chặt nhưng khép lại nhẹ nhàng; tuy thế khuôn miệng cô quá rõ nét trên mặt cô. Đấy là một khuôn miệng hàm chứa sự đau khổ, sự dịu dàng và cả sự cam chịu.

Trên mặt anh cô thấy sự chịu đựng đã trở nên già nua, như thể nó đã là một phần của anh từ lâu rồi, bởi vì anh đã chấp nhận nó, và trông nó không giống như một vết thương mới mà như một vết sẹo cũ.

“Dominique, nếu anh bảo em hãy huỷ cuộc hôn nhân đó ngay lập tức, hãy quên thế giới và cuộc chiến của anh đi – hãy đừng tức giận, đừng lo lắng, đừng hy vọng gì cả, mà chỉ tồn tại vì anh, vì anh cần em, để làm vợ anh, như tài sản của anh…?”

Anh nhìn thấy trên mặt cô những gì cô đã thấy trên mặt anh khi cô báo với anh về đám cưới của cô; nhưng anh không sợ và anh bình thản quan sát nó. Một lát sau, cô trả lời và những lời của cô không thoát ra từ môi cô, mà chúng thoát ra như thể môi cô đã thu những âm thanh đó từ bên ngoài:

“Em sẽ nghe theo lời anh.”

“Giờ thì em hiểu tại sao anh sẽ không làm thế. Anh sẽ không cố gắng ngăn em. Anh yêu em, Dominique…”

Cô nhắm mắt lại và anh nói:

“Bây giờ em hẳn không muốn nghe anh nói điều đó? Nhưng anh muốn em nghe điều đó. Chúng ta chưa bao giờ cần nói gì với nhau khi chúng ta ở bên nhau. Nhưng cái này là để cho khoảng thời gian chúng ta sẽ không ở bên nhau. Anh yêu em, Dominique. Yêu là cách ích kỷ như việc anh tồn tại. Yêu một cách ích kỷ như việc phổi của anh hít thở khí trời. Anh thở vì nhu cầu của chính anh, vì năng lượng của cơ thể anh, vì sự sống còn của anh. Anh vừa trao cho em không phải sự hy sinh hay sự thương hại, mà là cái tôi và nhu cầu trần trụi của anh. Đây là cách duy nhất mà em nên mong muốn được yêu. Đây là cách duy nhất mà anh có thể muốn em yêu anh. Nếu em cưới anh vào lúc này, anh sẽ trở thành tòan bộ sự tồn tại của em. Nhưng khi đó, anh sẽ không muốn em. Anh sẽ mong muốn bản thân anh – và như thế em sẽ không yêu anh được lâu. ‘Anh yêu em’ thì người ta phải nói từ ‘Anh’ trước đã. Sự đầu hàng mà anh có thể có được từ em sẽ chẳng mang lại cho anh cái gì ngoài một cơ thể trống rỗng. Nếu anh đòi hỏi nó, anh sẽ hủy diệt em. Đó là lý do vì sao anh không ngăn cản em đi với chồng em. Anh không biết anh sẽ sống qua buổi tối này như thế nào, nhưng anh sẽ sống. Anh muốn em trọn vẹn, giống như anh cũng trọn vẹn, khi em chiến đấu trong cuộc chiến mà em đã lựa chọn. Một cuộc chiến không bao giờ có thể thiếu cái tôi.”

Cô nghe thấy sự căng thẳng trong giọng nói của anh và cô hiểu rằng việc anh nói ra còn khó hơn việc cô phải nghe. Vì thế, cô nghe.

"Em phải học cách không sợ hãi thế giới này. Không để nó nắm giữ em như bây giờ nó đang nắm giữ em. Không để nó làm em tổn thương như nó đã làm em tổn thương ở phiên tòa. Anh phải để em tự học lấy điều đó. Anh không thể giúp em. Em phải tự tìm lấy cách của mình. Khi em đã tìm được cách, em sẽ quay lại với anh. Họ sẽ không hủy diệt được anh, Dominique. Và họ sẽ không hủy diệt được em. Em sẽ thắng, bởi vì em đã chọn con đường khó nhất để chiến đấu cho tự do của em trước thế giới này. Anh sẽ đợi em. Anh yêu em. Anh nói điều này cho tất cả những năm mà chúng ta sẽ phải chờ đợi. Anh yêu em, Dominique."

Rồi anh hôn cô và để cô đi.

XV.

Chín giờ sáng hôm đó, Peter Keating đi đi lại lại trong phòng, khoá trái cửa. Anh quên rằng bây giờ là chín giờ sáng và Catherine đang đợi anh. Anh buộc mình quên cô và tất cả những gì mà cô có thể gợi ra.

Căn phòng anh khoá trái để bảo vệ anh khỏi bà mẹ. Đêm qua, khi thấy sự bồn chồn nóng nảy của anh, bà đã bắt anh nói sự thât. Anh gắt lên rằng vừa mới cưới Dominique Francon và anh đã thêm vào một lời giải thích, rằng Dominique Francon không có mặt vì cô phải đi đâu đó để thông báo về lễ cưới cho một người họ hàng cũ. Mẹ anh quá bận rộn với hàng loạt câu hỏi và choáng váng vì sung sướng đến mức anh không phải trả lời cụ thể cái gì và cũng không bị phát hiện rằng anh đang hoảng sợ. Anh không chắc chắn rằng mình có một người vợ và anh không chắc liệu cô có quay lại với anh vào sáng hôm sau.

Anh đã cấm mẹ công bố tin này với bất cứ ai, nhưng đêm qua bà đã gọi điện cho vài người và sáng nay thì gọi thêm vài người nữa. Và lúc này thì điện thoại liên túc đổ chuông. Những giọng nói háo hức hỏi: "Có thật không đấy?", rồi cứ thế tuôn ra những lời lẽ ngạc nhiên và những câu chúc mừng. Keating có thể thấy tin tức lan ra khắp thành phố thành những vòng tròn nở rộng dần, theo tên tuổi và vị trí của những người gọi điện. Anh từ chối cầm máy. Anh có cảm giác mọi góc phố ở New York đều ngập lụt sự mừng vui với lễ cưới của anh; chỉ riêng anh trốn trong căn phòng khoá chặt là thấy lạ lùng, hoang mang và hoảng sợ.

Gần trưa cửa rung lên và anh lấy hai tay bịt tai để khỏi phải biết ai vừa đến và họ muốn gì. Rồi anh nghe thấy tiếng mẹ anh. Tiếng bà thất thanh vì sung sướng, đến mức nó trở nên ngớ ngẩn một cách đáng xấu hổ.

"Peter con yêu, con không muốn ra ngoài hôn vợ con sao?"

Anh bay ra hành lang. Dominique đứng đó. Cô đang bỏ chiếc áo khoác lông chồn ra. Từ mặt lông, một làn hơi lạnh của đường phố trộn lẫn với nước hoa thoang thoảng của cô phả vào mũi anh. Cô đang mỉm cười rất đúng mực và nhìn thẳng vào anh trong lúc nói: "Chúc buổi sáng tốt lành, Peter."

Anh đứng rúm người lại trong một giây và trong giây phút đó anh nhớ đến những cú điện thoại. Anh cảm thấy niềm vui chiến thắng mà những cú điện thoại này đã trao cho anh. Anh cử động như một võ sĩ trong một đấu trường chận kín người. Anh mỉm cười như thể anh cảm thấy một vòng hào quang ánh sáng bao phủ lấy nụ cười của anh. Anh nói:

"Dominique em yêu, đây là một giấc mơ đã thành hiện thực."

Sự ngầm hiểu bất đắc dĩ giữa họ đã bị phá vỡ và giờ đây, cuộc hôn nhân của họ trở thành cái mà cả hai đã dự định.

Cô có vẻ hài lòng với điều này. Cô nói: "Xin lỗi vì anh đã không được bế em qua ngưỡng cửa, Peter." Anh không hôn cô nhưng anh cầm tay cô và hôn vào ngay phía trên cổ tay với một vẻ dịu dàng, thân mật.

Anh thấy mẹ anh đứng đó và anh nói với một chút hân hoan chiến thắng trong họng nói: "Mẹ - Dominique Keating."

Anh thấy mẹ mình hôn cô. Dominique hôn trả lại bà một cách lạnh lẽo. Bà Keating lắp bắp: "Con yêu quý, mẹ thật hạnh phúc, thực sự hạnh phúc. Chúa phù hộ cho con; mẹ không biết là con đẹp thế này!"

Anh không biết phải làm gì tiếp nhưng Dominique đã chủ động giành lấy phần việc đó một cách giản dị. Cô không cho họ thời gian để suy nghĩ. Cô bước vào phòng khách và nói: "Hãy ăn trưa đã, rồi anh sẽ dẫn em đi xem nhà. Đồ đạc của em sẽ đến trong vòng một tiếng."

Bà Keating rạng rỡ: "Bữa trưa cho ba người sẽ sẵn sàng, cô Fra…" Bà dừng lại. "Ôi con yêu quý, mẹ nên gọi con là gì? Cô Keating hay …"

"Dominique, dĩ nhiên" Dominique trả lời mà không mỉm cười.

"Chúng ta có định thông báo lễ cưới hay mời ai…" Keating lên tiếng, nhưng Dominique cắt lời anh:

"Để sau đã, Peter. Đám cưới sẽ tự nó thông báo."

Sau đó, khi đồ đạc của cô được đưa đến, anh thấy cô bước vào phòng ngủ của anh mà không hề do dự. Cô hướng dẫn người hầu gái cách treo quần áo của cô. Cô yêu cầu anh giúp cô sắp xếp các tủ quần áo.

Bà Keating hoang mang. "Nhưng chả nhẽ các con không đi tuần trăng mật sao? Thế này thật là bất ngờ và lãng mạn, nhưng mà… chả nhẽ không hề có tuần trăng mật sao?"

"Không," Dominique trả lời, "con không muốn Peter phải nghỉ việc."

Anh nói: "Dominique, dĩ nhiên những thứ này chỉ là tạm thời. Rồi chúng ta sẽ chuyển đến một căn hộ khác, to hơn. Anh muốn để em chọn."

"Không," cô nói, "em nghĩ điều đó không cần thiết. Chúng ta sẽ ở đây."

"Mẹ sẽ chuyển ra ngoài," bà Keating đề nghị. Bà không hề nghĩ, bà chỉ bất thần buột miệng nói ra vì cảm giác sợ hãi trước Dominique. "Mẹ sẽ thuê một chỗ nhỏ."

"Không," Dominique trả lời. "Con muốn mẹ cứ ở đây. Con không muốn thay đổi bất cứ thứ gì. Con muốn hoà hợp với cuộc sống của Peter đúng như

cuộc sống của anh ấy bây giờ."

"Con thật tốt bụng!" Bà Keating mỉm cười trong lúc Keating cay đắng nghĩ rằng cô chẳng hề tốt bụng chút nào.

Bà Keating biết rằng khi bà bình phục khỏi cơn hào hứng ban đầu, bà sẽ căm ghét con dâu của bà. Bà có thể chấp nhận sự hỗn hào. Nhưng bà không thể tha thứ cho sự lịch thiệp lạnh lẽo của Dominique.

Điện thoại đổ chuông. Thiết kế trưởng của Keating gọi từ văn phòng đến để chúc mừng. Anh ta nói: "Chúng tôi mới biết tin, Peter, và Guy rất ngạc nhiên. Tôi nghĩ anh nên gọi cho ông ấy hoặc là đến đây hoặc làm gì đó."

Keating vội vã đến văn phòng. Anh mừng rỡ được thoát khỏi nhà một lúc. Anh bước vào văn phòng với dáng vẻ hoàn hảo của một chàng trai trẻ rạng rỡ vì tình yêu. Anh cười vang và bắt tay mọi người trong phòng thiết kế giữa những lời chúc mừng ồn ào, những tiếng hú vui vẻ xem lẫn ghen tỵ và một vài lời bóng gió tục tĩu. Rồi anh vội vã đi tới phòng Guy Francon.

Trong một khoảnh khắc, anh cảm thấy tội lỗi khi anh bước vào và nhìn thấy nụ cười trên môi Francon - nụ cười như một sự ban phước. Anh thân mật ôm vai Francon và lẩm bẩm:

"Con rất hạnh phúc, Guy, con rất hạnh phúc."

Francon lặng lẽ nói:

"Ta đã luôn mong đợi chuyện này, và giờ thì ta thấy yên tâm rằng chuyện này là đúng. Tất cả đúng là phải thuộc về anh, Peter, tất cả, căn phòng này, mọi thứ, sẽ sớm thôi."

"Cha nói gì thế?"

"Nào, anh luôn hiểu. Ta mệt rồi, Peter. Anh biết đấy, sẽ đến một lúc mà anh trở nên mệt mỏi đến mức mọi thứ kết thúc ở đó và sau đó… Không, anh sẽ không hiểu đâu, anh còn trẻ quá. Nhưng quỷ tha ma bắt, Peter, ta còn có ích gì ở đây nữa. Buồn cười là ta thậm chí cũng chẳng buồn giả vờ rằng ta có ích… Thỉnh thoảng ta cũng muốn thành thật. Đấy là một cảm giác dễ chịu… Chà, được rồi, chắc sẽ mất một hai năm nữa, nhưng rồi ta sẽ nghỉ hưu. Khi đó tất cả sẽ là của anh. Có thể ta sẽ qua lại thêm một thời gian – anh biết đấy, ta thực lòng yêu quý chỗ này – nó luôn bận rộn, nó đang phát đạt, mọi người tôn trọng chúng ta – nó là một hãng tốt, Francon & Heyer, đúng không nhỉ? – Nhưng mà ta đang nói cái quái gì thế này? Francon và Keating. Rồi sẽ chỉ còn là Keating… Peter ạ."

Ông hỏi khẽ.

"Tại sao trông anh không vui?"

“Dĩ nhiên là con vui. Con rất biết ơn… nhưng tại sao cha lại nghĩ đến chuyện nghỉ hưu vào lúc này chứ?”

“Cha không có ý thế. Tức là - tại sao trông anh không vui khi ta nói rằng mọi thứ sẽ thuộc về anh? Ta… cha muốn con vui mừng về chuyện đó, Peter.”

“Vì Chúa, Guy… cha đang ốm rồi, cha…”

“Peter, chuyện này rất quan trọng với cha – chuyện anh vui mừng khi cha để lại các thứ cho anh. Chuyện anh sẽ tự hào về nó. Anh có tự hào, đúng không Peter? Đúng không?”

“Dào, ai mà lại không?” Anh không nhìn Francon. Anh không thể chịu được âm điệu van vỉ trong giọng nói của Francon.

“Phải ai lại không? Dĩ nhiên rồi… Còn anh thì sao, Peter?”

“Cha muốn gì?” Keating gắt lên giận dữ.

“Ta muốn anh cảm thấy tự hào về ta, Peter” – Francon nói với vẻ nhún nhường, đơn giản và tuyệt vọng – “Ta muốn biết rằng ta đã làm được một cái gì đó. Ta muốn cảm thấy rằng nó có ý nghĩa. Vào lúc cuối cùng, ta muốn biết chắc rằng tất cả không phải vô nghĩa.”

“Cha không chắc về điều đó sao? Cha không chắc sao?” – Ánh mắt Keating ánh lên nét độc ác, như thể Francon đang bất chợt trở thành một hiểm hoạ của anh.

“Có chuyện gì thế, Peter?” Francon hỏi nhẹ nhàng, gần như thờ ơ.

“Quỷ tha ma bắt ông đi, ông không có quyền – không có quyền không biết chắc! Ở tuổi ông, với tên tuổi của ông, với danh tiếng của ông, với…”

“Ta muốn cảm thấy chắc chắn, Peter. Ta đã làm việc rất vất vả.”

“Nhưng ông vẫn không chắc chắn!” Anh giận dữ và hoảng sợ và vì thế anh muốn làm tổn thương một ai đó. Anh buột miệng nói ra cái điều có thể gây tổn thương nhiều nhất mà quên mất rừng nó làm anh tổn thương chứ không phải Francon và rằng Francon sẽ không hiểu, chưa bao giờ hiểu và thậm chí không thể đoán ra:

“Chà, tôi biết một người sẽ biết chắc chắn vào lúc cuối đời anh ta, anh ta biết chắc chắn đến mức tôi muốn cắt cổ anh ta vì chuyện đó.”

“Ai?” Francon hỏi khẽ một cách thờ ơ.

“Guy! Guy, chúng ta làm sao thế này? Chúng ta đang nói chuyện gì thế này?”

“Ta không biết.” Francon trả lời. Trông ông mệt mỏi.

Tối hôm đó, Francon đến nhà Keating ăn tối. Ông ăn mặc thoải mái và con người ông lại toả ra vẻ hào hoa quen thuộc khi ông hôn tay bà Keating. Nhưng trông ông lạnh lẽo khi ông chúc mừng Dominique và ông chẳng nói gì mấy với cô. Ánh mắt ông có một vẻ ăn năn khi ông nhìn vào mặt cô. Thay vì vẻ giễu cợt sắc sảo và linh lợi mà ông chờ đợi, ông thấy một sự thấu hiểu bất thần. Cô không nói gì nhưng cô cúi xuống hôn vào trán ông và cảm thấy tràn ngập một cảm giác biết ơn ấm áp - và rồi ông hoảng sợ. "Dominique" – ông thì thầm mà không để những người khác nghe thấy – "con mới bất hạnh làm sao…" Cô phá ra cười vui vẻ và cầm lấy tay ông, "Ồ không đâu cha, sao cha lại nói thế!" "Tha thứ cho cha!" – ông lẩm bẩn – "Ta thật ngớ ngẩn… Chuyện này thực sự là tuyệt vời…"

Tối nào họ cũng có khách – toàn khách không mời và đến mà không báo trước. Tất cả những ai nghe tin đám cưới của họ đều cảm thấy có đặc quyền được ghé vào chúc mừng. Keating không chắc chắn anh có vui mừng khi gặp họ hay không. Mọi việc có vẻ ổn, chừng nào sự lùng nhùng vui vẻ này còn tồn tại. Dominique cư xử một cách tuyệt vời. Anh không hề thấy một chút bóng dáng của sự mỉa mai trong điệu bộ của cô.

Đêm đã khuya khi vị khách cuối cùng rời nhà họ. Họ còn lại một mình với những gạt tàn đầy và những chiếc cốc rỗng không. Họ ngồi ở hai góc đối diện nhau của phòng khách và Keating cố gắng trì hoãn cái khoảnh khắc phải nghĩ đến những gì anh buộc phải nghĩ vào lúc này.

"Được rồi, Peter." Dominique nói và đứng dậy. "Hãy giải quyết chuyện này cho xong."

Khi anh nằm cạnh cô trong bóng tối, cơ thể anh được thoả mãn những thèm muốn nhưng nó lại trở nên thèm khát hơn bao giờ hết bởi vì cái cơ thể bất động ở cạnh anh đã không hề đáp lại, thậm chí không cả chống cự. Khi anh cảm thấy mình bị đánh bại ở ngay cái hành động điêu luyện mà anh đã hy vọng có thể dùng để chế ngự cô, những lời thì thầm đầu tiên của anh với cô là" "Quỷ tha ma bắt cô đi!"

Anh không hề thấy bất cứ cử động nào từ phía cô.

Rồi anh nhớ lại cái phát hiện mà những giây phút kích động đã quét khỏi đầu óc anh.

"Hắn là ai?" Anh hỏi.

"Howard Roark," cô trả lời.

"Được rồi" – anh ngắt lời – "cô không phải nói nếu cô không muốn nói."

Anh bật đèn lên. Anh thấy cô nằm bất động, trần truồng, đầu ngửa ra sau. Khuôn mặt cô trông bình thản, trong sáng, thánh thiện. Cô nói với cái trần

nhà, giọng cô dịu dàng:

“Peter, nếu tôi có thể làm điều này… từ giờ tôi có thể làm bất cứ điều gì…”

“Nếu cô nghĩ là tôi sẽ phiền cô thường xuyên, nếu đấy là ý nghĩ của cô về…”

“Thường xuyên hay không tuỳ anh, Peter.”

*

* *

Sáng hôm sau, khi cô bước vào phòng ăn để dùng bữa sáng, Dominique thấy một hộp hoa dài và trắng nằm đối diện với đĩa của cô.

“Cái gì đây?” Cô hỏi người hầu gái.

“Nó được mang đến sáng nay thưa bà; người ta bảo để nó lên bàn ăn sáng của bà.”

Cái hộp đề gửi bà Peter Keating, Dominique mở ra. Bên trong là một vài cành hoa ly trắng sang trọng hơn những thứ hoa đang có vào mùa này. Một tấm các nhỏ đính kèm, trên đó có một cái tên được viết bằng những nét chữ lớn. Nét chữ bay bướm, quả quyết, như thế chúng đang phá ra cười trên tấm thiệp: “Ellsworth M. Toohey.”

“Thật tử tế làm sao” Keating nói. “Thế mà anh đã boăn khoăn là tại sao hôm qua chúng ta không nghe tin gì từ ông ấy.”

“Mang cắm chúng vào nước đi Mary. “Dominique đưa cái hộp cho người hầu.

Buổi chiều, Dominique gọi điện cho Toohey và mời ông tới ăn tối.

Bữa tối diễn ra sau đó vài ngày. Mẹ Keating đã xin phép đi có việc bận và chạy trốn khỏi buổi tối; bà tự trấn an mình rằng bà chỉ cần thời gian để làm quen với mọi việc. Vì thế, chỉ có ba bộ đĩa ăn được bày trên bàn ăn; nến được thắp trên những chân nến thuỷ tinh, chính giữa bàn là một lọ hoa thuỷ tinh cắm hoa xanh.

Khi Toohey bước vào, ông cúi đầu chào chủ nhà theo nghi lễ ở một cung điện. Dominique trông như một nữ chủ nhà thượng lưu đã quen vai trò tiếp tân từ lâu. Cô khiến người ta khó tưởng tượng nổi cô ở vai trò nào khác.

“Chà, Ellsworth? Thế nào?” Keating hỏi và khoát tay ám chỉ cả phòng khách, cả không khí trong phòng và Dominique.

“Peter thân mến của tôi,” Toohey trả lời, “hãy bỏ qua những thứ hiển nhiên.”

Dominique dẫn họ vào trong phòng khách. Cô trang phục theo kiểu dạ tiệc – một chiếc áo khoác ngoài dài bằng sa-tanh trắng được may như áo khoác nam, một chiếc váy dài màu đen, suôn và giản dị; tóc cô cũng buông giản dị. Vòng đai hẹp của chiếc váy quanh eo cô như muốn tuyên bố rằng chỉ cần hai bàn tay là có thể vòng quanh được eo cô và ngắt thành hai nửa một cách dễ dàng. Tay áo ngắn để lộ cánh tay cô. Cô đeo một chiếc vòng tay bằng vàng ròng – cái vòng quá to và nặng đối với cổ tay thanh mảnh của cô. Sự tao nhã của cô gần như trở nên choáng ngợp – đấy là một vẻ chín chắn khôn ngoan và đáng sợ được ngụy trang dưới vẻ ngoài của một cô gái trẻ trung.

"Ellsworth, thật tuyệt phải không?" Keating vừa nói vừa quan sát Dominique như người ta quan sát một tài khoản ngân hàng bộn tiền.

"Không dưới những gì tôi kỳ vọng." Toohey trả lời. "Và cũng không vượt quá."

Bên bàn ăn, Keating nói là chủ yếu. Anh như thể anh bị mắc bệnh nói nhiều. Anh nói như thể người say.

"Thực ra, Ellsworth, chính Dominique mời ông. Tôi không hề yêu cầu cô ấy. Ông là vị khách chính thức đầu tiên của chúng tôi. Tôi nghĩ như thế thật là tuyệt vời. Vợ tô và người bạn thân nhất của tôi. Tôi đã luôn có cái ý nghĩ ngớ ngẩn rằng hai người không thích nhau. Có Chúa biết vì sao tôi có ý nghĩ ấy. Nhưng tôi mới vui làm sao khi thấy ba chúng ta cùng nhau."

"Vậy là anh không tin vào toán học, đúng không Peter?" – Toohey nói – "Sao anh lại ngạc nhiên nhỉ? Khi người ta cộng một vài thứ với nhau thì kết quả sẽ là tất yếu. Có ba phân tử như Dominique, anh và tôi – thì kết quả này là hiển nhiên."

"Người ta bảo có ba người là thành một đám đông ầm ỹ" – Keating cười phá ra – "Họ nói láo. Hai người bao giờ cũng tốt hơn một, và đôi khi ba người lại tốt hơn hai người, tuỳ lúc."

Toohey nói:

"Sai lầm duy nhất với câu ngạn ngữ đó là việc ám chỉ 'đám đông' như một thứ xấu xa. Thực ra là ngược lại. Và anh cũng đã phát hiện ra điều đó đấy. Ba người, cho phép tôi được nói thêm là một con số bí hiểm. Ví dụ như Chúa Ba Ngôi. Hoặc tam giác ba người – không có ý niệm này thì sẽ không hề có điện ảnh. Có rất nhiều biến thể khác nhau của quan hệ tam giác, và không phải lúc nào cũng là bi kịch. Như cái tam giác ba người chúng ta chẳng hạn – tôi đang đóng thế cho cái cạnh huyền; đây thật là một sự thế chỗ hợp lý vì tôi đang đóng thế cho cái hoàn toàn đối lập với tôi, cô có nghĩ thế không, Dominique?"

Họ đang ăn tráng miệng thì Keating phải đi trả lời điện thoại. Họ có thể nghe thấy giọng nói bồn chồn của anh ở phòng bên cạnh. Anh đang gắt giọng với một người thợ vẽ đang cố hoàn thành một công trình cần gáp và cần giúp đỡ. Toohey quay đầu nhìn Dominique và mỉm cười. Nụ cười đã nói tất cả những điều mà điệu bộ của cô từ đầu buổi tối đã không cho phép ông nói ra. Mặt cô không hề có một cử động rõ ràng nào khi cô nhìn lại ông, nhưng nét mặt cô thay đổi như thể cô đang thừa nhận những gì ông nói thay vì phủ nhận nó. Ông hẳn đã muốn có một cái nhìn phủ nhận hơn. Sự chấp nhận của cô còn miệt thị hơn cả sự phủ nhận.

"Vậy là cô lại quay lại với bầy súc vật à, Dominique?"

"Phải, Ellsworth."

"Không còn cầu xin lòng thương nữa sao?"

"Điều đó có còn cần thiết không?"

"Không. Tôi ngưỡng mộ cô, Dominique… Cô có thích chuyện đó không? Tôi đoán Peter chắc cũng chẳng tồi, mặc dù hẳn là không được tuyệt như cái người mà cả hai chúng ta cùng nghĩ đến, anh ta chắc hẳn là xuất sắc trong chuyện đó, nhưng cô sẽ không bao giờ có cơ hội khám phá."

Cô không có vẻ kinh tởm khi nghe những lời này. Trông cô thành thực ngạc nhiên.

"Ông đang nói chuyện gì vậy, Ellsworth?"

"Thôi nào, cô gái thân mến, chúng ta chả cần phải giả vờ với nhau nữa, đúng không? Cô đã phải lòng Roark từ lần đầu cô thấy anh ta trong phòng khách nhà Kiki Holcombe – hay là tôi nên nói trắng ra – cô đã muốn ngủ với anh ta – nhưng anh ta sẽ không buồn nhổ vào mặt cô – và vì thế mà cô đã làm những gì cô đã làm."

"Ông nghĩ thế à?" cô hỏi khẽ.

"Chả nhẽ chuyện đó không hiển nhiên sao? Đàn bà trả thù. Hiển nhiên như chuyện Roark phải là người mà cô thèm muốn. Và cô phải thèm muốn anh ta theo cách hoang dã nhất. Và anh ta thì không thèm biết đến sự tồn tại của cô."

"Tôi đã đánh giá ông quá cao, Ellsworth," cô nói. Cô đã mất hoàn toàn sự hứng thú với ông, thậm chí cô không cần phải cảnh giác. Trông cô buồn chán. Ông nhăn mặt ngạc nhiên.

Keating quay lại bàn. Toohey vỗ vai anh khi anh đi ngang qua ghế của ông.

"Trước khi tôi về Peter, chúng ta phải nói chuyện một tí về việc xây lại

Đền Stoddard. Tôi muốn anh bốc đít cái chỗ đó"

"Ellsworth…" anh há hốc miệng.

Toohey phá ra cười.

"Đừng có cổ lỗ sĩ thế, Peter. Chỉ là một chút tục tĩu nghề nghiệp ấy mà. Dominique chả ngại đâu. Cô ấy cũng từng là nhà báo mà."

"Ông làm sao thế, Ellsworth?" Dominique hỏi "Tuyệt vọng quá à? Vũ khí của ông không được công hiệu như mọi khi sao?"

Cô đứng lên.

"Chúng ta uống cà-phê trong phòng đọc chứ?"

*

* *

Hopton Stoddard bỏ thêm một khoản tiền lớn vào số tiền ông thắng kiện từ Roark và Đền Stoddard được sửa lại cho một mục đích mới. Ellsworth Toohey chọn ra một nhóm kiến trúc sư để làm việc này: Peter Keating, Gordon L.Prescott, John Erik Snyte và một người có tên là Gus Webb. Anh chàng này mới 24 tuổi. Anh ta thích buông ra những nhận xét tục tĩu khi thấy một người đàn bà nở nang đi ngang qua. Anh ta chưa bao giờ được giao bất cứ công trình kiến trúc nào. Ba người kia đều có vị thế xã hội và nghề nghiệp; Gus Webb chẳng có gì. Toohey đưa anh ta vào chính vì lý do này. Trong bốn người, Gus Webb nói to nhất và ngạo mạn nhất. Anh ta nói rằng anh ta chẳng sợ bất cứ thứ gì; và anh ta đã nói thật. Tất cả bọn họ đều là thành viên của Hiệp hội các Nhà Xây dựng Hoa Kỳ.

Hiệp hội các Nhà Xây dựng Hoa Kỳ đã mở rộng. Sau phiên toà Stoddard, đã có rất nhiều cuộc thảo luận sôi nổi trong các phòng họp của Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ. A.G.A vốn không ưa Ellsworth Toohey, nhất là sau khi ông lập ra Hiệp hội Xây dựng. Nhưng phiên toà Stoddard đã mang đến một thay đổi nhỏ; nhiều người cho rằng chính bài báo trên mục *Một tiếng nói nhỏ* là ngòi nổ đưa đến phiên toà; và rằng một người có thể khiến cho một khách hàng kiện một kiến trúc sư cần phải được đối xử một cách thận trọng. Vì thế, người ta gợi ý rằng nên mời Toohey phát biểu tại một bữa trưa của A.G.A. Một vài thành viên của Hiệp hội phản đối, trong đó có Guy Francon. Người phản đối mạnh mẽ nhất là một kiến trúc sư trẻ. Anh ta phát biểu sôi nổi, giọng anh run lên vì xúc động khi lần đầu tiên phát biểu trước đám đông; anh nói rằng anh ngưỡng mộ Ellsworth Toohey, nhưng nếu như một nhóm người cảm thấy rằng quyền lực của mình đang bị một cá thể nào đó tước mất, thì đấy chính là lúc người ta phải chiến đấu chống lại cá thể kia. Họ phủ quyết ý kiến của anh ta. Toohey được mời diễn thuyết tại buổi tiệc trưa. Số

người tham dự buổi tiệc rất lớn và Toohey đã có một bài thuyết trình hài hước, hùng hồn. Rất nhiều thành viên của A.G.A đã tham gia vào Hiệp hội các Nhà Xây dựng Hoa Kỳ. John Erik Snyte là người đầu tiên.

Bốn kiến trúc sư chịu trách nhiệm xây lại Đền Stoddard họp nhau ở văn phòng của Keating. Họ ngồi quanh một chiếc bàn trải đầy những bản sao thiết kế của ngôi đền, những bức ảnh chụp bản vẽ gốc của Roark mà họ lấy được từ nhà thầu, và một mô hình đất sét mà Keating đã đặt làm. Họ nói về cuộc khủng hoảng và những tác động xấu của nó lên ngành xây dựng; họ nói về đàn bà và Gordon L.Prescott kể vài câu đùa tục tĩu. Rồi Gus Webb giơ nắm đấm lên và đấm xuống cái mô hình đất sét vẫn còn chưa khô hẳn. Cả ngôi đền biến thành một đống đất bẹp dúm. "Nào, các vị" – anh ta nói – "Hãy làm việc thôi." "Gus, đồ vô lại" - Keating nói – "Cái đó mất tiền đấy." "Vớ vẩn" – Gus trả lời – "Chúng ta đâu có phải trả tiền."

Mỗi người trong bọn họ đều có một tập ảnh chụp những bản vẽ gốc với chữ ký "Howard Roark" rõ nét ở góc ảnh. Họ mất nhiều buổi tối và nhiều tuần liền để vẽ lại ngôi đền dựa trên bản vẽ gốc. Họ cố tái tạo và cải thiện nó. Họ mất nhiều thời gian hơn mức cần thiết. Họ thay đổi nhiều hơn yêu cầu. Dường như họ thấy thỏa mãn khi làm việc này. Sau đó, họ đặt bốn bản vẽ cạnh nhau và phối hợp chúng thành một. Họ chưa bao giờ thích thú với công việc của họ như thế này. Những cuộc gặp mặt của họ kéo dài và thân mật. Có một vài bất đồng nho nhỏ; ví dụ như khi Gus Webb nói "Quỷ tha ma bắt, Gordon, nếu như ông đòi vẽ bếp thì phải để nhà vệ sinh cho tôi chứ"; nhưng những bất đồng này rất nhỏ. Họ cảm thấy một tình đoàn kết và gần như là yêu thương với nhau – đấy là một thứ tình bằng hữu khiến cho một người dám chịu đựng sự tra tấn thay vì chỉ điểm đồng bọn của mình.

Người ta không kéo đổ Đền Stoddard nhưng bộ khung của nó được ghép vào trong năm tầng nhà, bao gồm nhà ở, phòng học, bệnh xá, bếp ăn, phòng giặt đồ. Sảnh ra vào được lát bằng nhôm xoắn; những bồn tắm được quây kính, phòng thể dục có những trụ tường Corinthian đắp nổi những chiếc lá mạ vàng. Những cửa sổ lớn được để nguyên, bị các nền nhà cắt thành từng khúc.

Bốn kiến trúc sư đã quyết định sẽ hợp tác với nhau và vì thế sẽ không bê nguyên bất cứ một phong cách kiến trúc cổ điển nào vào. Peter Keating thiết kế một mái vòm kiểu bán- Doric bằng cẩm thạch trắng phía trên cửa chính và trổ những cửa mới ra những ban-công kiểu bán-Gorthic, phía trên có hình thập tự; cộng thêm với những hoạ tiết trang trí gồm những chiếc lá ô-rô kết lại thành chuỗi và được khắc chìm vào trong mặt tường đá vôi. Gordon L.Prescott thiết kế một mái nhà kiểu bán-Phục hưng và một mái hiên lớn ở tầng ba được bao quanh bằng kính. Gus Webb thiết kế một hình vuông trang

trí để gắn quanh những khung cửa sổ gốc. Anh làm một tấm biển được thắp sáng bằng đèn nê-ông trên nóc toà nhà. Tấm biển đề chữ: *Nhà tình thương Hopton Stoddard dành cho trẻ thiểu năng.*

"Nếu cách mạng nổ ra, tất cả trẻ con trên đất nước này sẽ có một ngôi nhà như thế!" – Gus Webb tuyên bố khi nhìn vào công trình đã hoàn thiện.

Người ta vẫn có thể nhận ra hình dạng ban đầu của ngôi đền. Trông nó không giống như một tử thi mà các bộ phận đã bị một bàn tay tàn bạo ném ra khắp nơi. Trông nó giống như một tử thi bị chặt thành nhiều mảnh rồi đem ghép lại.

Tháng Chín, những chủ nhân của toà nhà chuyển vào đó sống. Một đội ngũ nhân viên nhỏ, thạo viện đã được Toohey lựa chọn để phục vụ toà nhà. Việc tìm những đứa trẻ đủ tiêu chuẩn vào sống ở đây khó khăn hơn việc tìm nhân viên. Hầu hết những đứa trẻ được lựa chọn từ các trung tâm khác. Sáu mươi lăm đứa trẻ, tuổi từ ba đến mười lăm, đã được lựa chọn. Những người chọn chúng kiên quyết từ chối những đứa trẻ có thể được chạy chữa và chỉ lựa chọn những trường hợp hoàn toàn vô vọng. Có một cậu bé mười lăm tuổi chưa bao giờ biết nói; một đứa bé hở hàm ếch không biết đọc, không biết viết; một bé gái sinh ra đã không có mũi vì cha của cô bé cũng đồng thời là ông của cô bé; một đứa bé có tên "jackie" mà người ta không biết chắc chắn về tuổi cũng như giới tính. Tất cả bọn trẻ được dẫn vào nhà mới; mắt chúng trống rỗng. Đấy là cái nhìn của tử thần. Cái nhìn đó không thừa nhận sự tồn tại của bất cứ thế giới nào.

Vào những buổi tối ấm áp, lũ trẻ từ các khu ổ chuột xung quanh đó sẽ lẻn vào công viên của nhà Stoddard và nhìn trộm qua các cửa sổ lớn vào các phòng chơi, phòng thể thao, hay bếp. Những đứa trẻ ăn mặc rách rưới, mặt mũi bẩn thỉu, người còi cọc gầy gò. Chúng cười ngạo ngược và mắt chúng rực sáng với vẻ linh hoạt sôi sục và quyết liệt. Những nhân viên trong nhà tình thương đuổi chúng đi và gọi chúng là bọn "gangster nhóc con."

Mỗi tháng một lần, một phái đoàn gồm những nhà bảo trợ lại xuống thăm nhà tình thương. Đấy là một nhóm người sang trọng có tên trong nhiều danh bạ xã hội kín mặc dù họ không thực sự có một thành quả cá nhân cụ thể nào. Đấy là một nhóm người khoác áo lông chồn và đeo trang sức kim cương; thỉnh thoảng có người hút xì-gà đắt tiền và đội mũ quả dưa bóng lộn. Ellsworth Toohey luôn có mặt để dẫn họ đi thăm quan. Chuyến viếng thăm làm cho những chiếc áo khoác lông chồn trở nên ấm hơn và những người mặc chúng cảm thấy họ có quyền mặc như thế bởi vì chuyến viếng thăm làm cho họ thấy mình cao cả và đức hạnh còn hơn cả việc đi đến một tang lễ. Trên đường trở về từ những chuyến thăm quan, Ellsworth Toohey nhận những lời khen ngợi về những công việc tuyệt vời mà ông đang làm, và ông

không khó khăn gì trong việc nhận những tấm séc tài trợ cho các hoạt động từ thiện khác của ông - ví như việc xuất bản, việc tổ chức các khoá học, các chương trình phát thanh và cả Hội thảo khoa học xã hội.

Catherine Hasley được giao chịu trách nhiệm hướng đạo nghề nghiệp cho bọn trẻ. Cô chuyển hẳn vào sống ở nhà tình thương. Cô đã nhận việc với một sự háo hức lớn. Cô nói về nó với bất cứ ai chịu nghe cô nói. Giọng cô khô và giả tạo. Khi cô nói, những chuyện động của miệng cô che kín hai vết hằn mới xuất hiện trên mặt cô. Những vết hằn kéo từ hai bên cánh mũi xuống đến cằm. Người ta thường bảo cô cứ để nguyên kính; mắt cô không được đẹp lắm. Cô khăng khăng nói rằng công việc của cô không phải từ thiện mà là "khai sáng con người."

Thời gian quan trọng nhất trong ngày của cô là khoảng thời gian trông nom các hoạt động nghệ thuật của bọn trẻ. Người ta gọi đó là "Giờ sáng tạo". Có một phòng dành riêng cho việc này - căn phòng có cửa sổ trông ra thành phố ở phía xa. Bọn trẻ được đưa các vật liệu và dụng cụ rồi được để tự do sáng tạo dưới sự hướng dẫn của Catherine. Cô đứng nhìn chúng như một thiên thần đứng cạnh sự chào đón của một đứa trẻ.

Cô thấy tự hào vào cái ngày mà Jackie, đứa bé ít hy vọng nhất trong bọn trẻ ở đây, hoàn thành một tác phẩm tưởng tượng. Jackie cầm một nắm phấn mầu và một lọ hồ, rồi mang chúng lại một góc phòng. Ở đó có một bờ tường dốc được trát vữa và sơn xanh lá cây - nó vốn bị bỏ lại từ thiết kế của Roark - anh đã dùng nó để khống chế ánh sáng tắt dần vào lúc hoàng hôn. Catherine tiến về phía Jackie và thấy cô bé đã vẽ nguệch ngoạc trên bờ tường đó một con chó năm chân màu nâu với những đốm xanh da trời. Khuôn mặt Jackie ánh lên niềm tự hào. "Nào, thấy chưa, thấy chưa?" – Catherine nói với các đồng nghiệp của cô. "Thật tuyệt vời và cảm động. Không thể nói được một đứa trẻ có thể tiến xa đến đâu khi được khuyến khích hợp lý. Hãy nhìn xem điều gì sẽ xảy ra khi những linh hồn bé nhỏ của chúng không được thoả mãn những thôi thúc sáng tạo! Chúng ta phải cho chúng cơ hội được bày tỏ bản thân. Các chị có thấy vẻ mặt của Jackie không?"

*

* *

Bức tượng Dominique đã được bán. Không ai biết người mua là ai. Người mua chính là Ellsworth Toohey.

*

* *

Văn phòng của Roark trở lại còn có một phòng. Sau khi toà nhà Cord

khánh thành, anh không tìm được công việc nào nữa. Khủng hoảng đã tàn phá ngành xây dựng; chẳng mấy người có việc làm. Người ta nói rằng thời của những toà nhà chọc trời đã hết. Nhiều kiến trúc sư đóng cửa văn phòng.

Thỉnh thoảng vẫn có một vài công trình được dựng lên và một nhóm kiến trúc sư bâu lấy chúng như những kẻ ăn xin kiếm miếng ăn thừa. Trong số đó có cả những người như Ralson Holcombe, những người chưa bao giờ phải cầu xin mà luôn đòi hỏi phải có sự giới thiệu trước khi chấp nhận làm việc cho một khách hàng. Khi Roark cố tìm một hợp đồng xây dựng, người ta từ chối anh với hàm ý rằng nếu anh đã dám cả gan đi tìm việc thì người ta cũng chẳng cần phải lịch sự với anh làm gì. "Roark ư?" – những doanh nhân thận trọng nói – "Cái tay người hùng lá cải ấy hả? Thời buổi này, chả ai muốn phí tiền vào những vụ kiện tụng cả."

Anh kiếm được một vài việc – như sửa nhà trọ. Công việc này chỉ đòi hỏi việc dựng lại những bức vách và sắp xếp lại đường ống dẫn nước. "Đừng nhận, Howard" – Austen Heller giận dữ nói. "Làm sao anh có thể làm cái loại việc như thế. Sau những toà nhà như Cord! Sau nhà Enright!"

"Tôi sẽ nhận," Roark trả lời.

Tiền đền bù cho Stoddard vượt qua những gì anh nhận được từ toà nhà Cord. Nhưng anh đã tiết kiệm đủ để có thể sống được một thời gian. Anh trả tiền thuê nhà cho Mallory và anh trả tiền hầu hết những bữa ăn mà họ thường xuyên ăn cùng nhau.

Mallory đã cố phản đối.

"Im đi, Steve," Roark đã nói. "Tôi không làm việc này vì cậu. Vào những lúc như thế này, tôi nợ bản thân tôi một số sự xa xỉ nhất định. Vì thế, tôi chỉ đang mua thứ có giá trị nhất mà tôi có thể mua – thời gian của cậu. Tôi đang cạnh tranh với cả đất nước này – và đó là một sự xa xỉ lớn, đúng không? Họ muốn cậu nặn những tượng trẻ con và tôi thì không muốn thế, và tôi thích thắng họ ở chuyện này."

"Anh muốn tôi làm gì, Roark?"

"Tôi muốn cậu làm việc mà không phải hỏi bất cứ ai xem họ muốn cậu làm gì."

Austen Heller đã nghe chuyện này từ Mallory và ông nói riêng với Roark.

"Nếu anh giúp cậu ta, tại sao không để tôi giúp anh?"

"Tôi sẽ để ông giúp nếu ông có thể" – Roark trả lời – "Nhưng ông không thể. Tất cả những gì cậu ta cần là thời gian. Cậu ta có thể làm việc mà không cần khách hàng. Tôi thì không thể."

“Thật nực cười khi thấy anh đóng vai một nhà từ thiện, Howard.”

“Ông không cần phải lăng mạ tôi. Đấy không phải là từ thiện. Tôi sẽ nói với ông thế này: hầu hết mọi người đều bảo rằng họ quan tâm tới sự đau khổ của người khác. Tôi thì không. Tuy nhiên, có một điều mà tôi không hiểu. Bọn họ sẽ không bỏ qua nếu họ thấy một người đang chảy máu và bị bỏ lại bởi một tài xế vô liêm sỉ. Nhưng hầu hết bọn họ thậm chí không thèm ngoảnh đầu nhìn Steve Mallory. Chả nhẽ họ không biết rằng nếu như sự đâu khổ có thể đem đong đếm thì sự đau khổ của Mallory khi cậu ta không thể làm những việc cậu ta làm cũng chẳng kém gì đau khổ của cả một đoàn người bị xe tăng cán qua? Nếu như người ta muốn làm giảm nhẹ đau khổ trong thế giới này, chẳng phải họ nên bắt đầu từ Mallory sao? Tuy nhiên, đấy không phải là lý do tôi làm chuyện này…”

*

* *

Roark chưa bao giờ nhìn nhà Stoddard sau khi nó được sửa lại. Vào một buổi tối tháng Mười một, anh đến đó. Anh không biết liệu đây có là một sự đầu hàng hay là một chiến thắng trước nỗi sợ phải nhìn thấy nó.

Đêm đã khuya và khu vườn của nhà Stoddard hoàn toàn vắng vẻ. Toà nhà tối đen. Chỉ có một bóng đèn còn sáng trên một cửa sổ ở trên tầng. Roark đứng nhìn toà nhà một lúc lâu.

Cánh cửa dưới mái vòm kiểm Hy Lạp mở ra và một bóng đàn ông mờ xuất hiện. Cái bóng đó đi vội vàng xuống thang gác… và dừng lại.

“Chào anh Roark,” Ellsworth Toohey nói.

Roark nhìn ông bình thản.

“Chào ông,” Roark nói.

“Đừng có bỏ chạy” – Giọng nói không hề giễu cợt mà có vẻ ân cần.

“Tôi không định thế.”

“Tôi đã biết là thế nào cũng có ngày anh đến và tôi muốn ở đây khi anh đến. Tôi đã phải bịa ra nhiều lý do để đến chỗ này.” – Giọng nói không hề có vẻ hả hê; nó có vẻ kiệt quệ và giản dị.

“Thì sao?”

“Anh không nên ngại phải nói chuyện với tôi. Anh thấy đấy, tôi hiểu các công trình của anh. Còn việc tôi làm gì với chúng lại là chuyện khác.”

“Ông được tuỳ ý làm bất cứ điều gì ông muốn với chúng.”

“Tôi hiểu các công trình của anh hơn bất cứ người nào… có lẽ trừ

Dominique Francon. Và có thể là còn hơn cô ấy. Chuyện đó quan trọng đấy chứ, đúng không anh Roark? Không có nhiều người có thể nói với anh điều đó. Như thế còn tốt hơn nếu như tôi là người ủng hộ anh mà lại chẳng hiểu được công việc của anh."

"Tôi biết là ông hiểu."

"Vậy thì anh không ngại nói chuyện với tôi?"

"Về cái gì?"

Trong bóng tối, có vẻ Toohey đã thở dài. Một lúc sau ông chỉ vào toà nhà và hỏi:

"Anh có hiểu được cái này không?"

Roark không trả lời.

Toohey tiếp tục nói khẽ:

"Anh thấy nó như thế nào? Như một đống đất vô hồn? Như một đám gỗ mục bừa bãi? Như một đám hỗn ngu xuẩn? Nhưng có thật thế không, anh Roark? Anh không nhìn thấy quy luật nào ư? Anh – người biết ngôn ngữ của kiến trúc và ý nghĩa của các hình khối. Anh không thấy mục đích gì ở đây sao?"

"Tôi không thấy mục đích nào trong việc bàn về nó."

"Anh Roark, chỉ có hai chúng ta ở đây. Sao anh không nói thẳng cho tôi biết anh nghĩ gì về tôi? Bằng bất kể từ ngữ nào anh muốn. Chẳng có ai nghe thấy chúng ta cả."

"Nhưng tôi không nghĩ về ông."

Khuôn mặt Toohey có một vẻ chăm chú của một người đang lặng lẽ lắng nghe một phán quyết đơn giản của số phận. Ông im lặng. Roark hỏi:

"Ông đã định nói chuyện gì với tôi?"

Toohey nhìn anh rồi nhìn những thân cây trơ trụi quanh họ. Ông nhìn dòng sông ở phía xa, nhìn bầu trời cao trên dòng sông.

"Không có gì," Toohey trả lời.

Ông bước đi.Bước chân ông vang vọng trong im lặng; chúng sắc nét, đều đặn trong pít-tông của một động cơ.

Roark đứng một mình trên đường vào vắng lặng. Anh nhìn toà nhà.

PHẦN BA - GAIL WYNAND

I.

Gail Wynand nâng khẩu súng lên thái dương.

Ông cảm thấy sức ép của vòng kim loại tì lên da mình – và không gì khác. Giống như ông đang cầm một chiếc tẩu hay một thứ đồ trang sức nào đó, chỉ là một vật hình tròn nho nhỏ chẳng có ý nghĩa gì. "Ta sắp chết", ông nói to – và ngáp.

Ông không cảm thấy thanh thản, không tuyệt vọng cũng không sợ hãi. Khoảnh khắc kết thúc cuộc đời không mang lại cho ông dù là cảm giác trang trọng. Nó chỉ là một khoảnh khắc vô danh; vài phút trước đó, ông cầm bàn chải đánh răng trong tay mình, và giờ đây ông cầm khẩu súng cũng có vẻ thờ ơ như thế.

Người ta không thể chết như thế được, ông nghĩ. Phải cảm thấy vui sướng tột cùng hoặc sợ hãi một cách chính đáng. Người ta phải kính cẩn chào vĩnh biệt cái chết của mình. Hãy để cảm thấy một cơn sợ hãi bao trùm toàn thân và tôi sẽ kéo cò súng. Nhưng ông không cảm thấy gì hết.

Ông nhún vai và hạ khẩu súng xuống. Ông đứng đập đập nòng súng vào lòng bàn tay trái của mình. Người ta vẫn nói tới những cái chết đen hay chết đỏ[95], ông nghĩ, còn cái chết của mày, Gail Wynand, sẽ là cái chết xám. Tại sao chưa có ai nhận ra rằng *cái này* mới thực sự là điều kinh khủng nhất? Không có những tiếng kêu gào, lời cầu khẩn hay những tràng cười thắt ruột. Không có trạng thái vô cảm, trống rỗng tuyệt đối của người vừa trải qua một một thảm kịch khủng khiếp nào đó. Chỉ có mỗi thế này – một cảm giác ghê tởm, ti tiện, bẩn thỉu, nhỏ mọn, thậm chí nó không đủ để khiến mình cảm thấy sợ hãi. Ta không thể chết như vậy được – ông tự bảo mình – và mỉm cười lạnh lùng – chết như vậy thật là kém phong cách.

Ông bước về phía bức tường trong phòng ngủ của mình. Căn hộ sát mái của ông nằm trên nóc tầng thứ 57 của một khách sạn lớn ở trung tâm Manhattan. Ông là chủ khách sạn này. Từ chỗ này, ông có thể nhìn thấy cả thành phố phía dưới ông. Phòng ngủ của ông là một chiếc lồng bằng kính ở trên nóc căn hộ; tường và trần của nó được làm từ những tấm kính khổng lồ. Trong phòng có những tấm rèm bằng da lộn màu xanh nhạt, có thể được kéo phủ kín các bức tường, bao lấy toàn bộ căn phòng, nếu ông muốn. Nhưng trần nhà thì không có gì che chắn cả. Nằm trên giường, ông có thể ngắm những ngôi sao trên đầu, nhìn những tia chớp loé lên, hay ngắm những hạt mưa đập vào mặt kính trong suốt rồi giận dữ bắn ngược lên thành những cái pháo hoa nhỏ. Ông thích tắt hết đèn và mở tất cả các tấm rèm khi nằm trên giường với một người đàn bà. Ông sẽ bảo người đó: "Chúng ta đang thông

dâm trước mặt sáu triệu người".

Lúc này ông chỉ có một mình. Các tấm rèm đều đã được kéo ra. Ông đứng nhìn thành phố. Đêm đã khuya và những ánh đèn hỗn độn đủ màu ở phía dưới cũng đang tắt dần. Ông nghĩ mình sẽ không thấy phiền nếu phải ngắm nhìn thành phố này trong nhiều năm tới. Nhưng cũng chẳng sao nếu không bao giờ ông phải nhìn thấy nó nữa.

Ông tựa người vào tường và cảm thấy hơi lạnh của tấm kính thấm qua lớp vải lụa mỏng, tối màu của chiếc pijama đang mặc. Trên túi ngực của nó là hai chữ cái thêu lồng vào nhau: G.W... Hai chữ thêu này được tái tạo từ nét chữ của ông. Chúng giống hệt như chữ ký tắt của ông - ông thường ký bằng một động tác dứt khoát đầy uy lực.

Người ta thường nói trong nhiều thứ đánh lừa người khác, thì vẻ bề ngoài của Gail Wynand là sự đánh lừa hoàn hảo nhất. Trông ông giống như sản phẩm cuối cùng – điêu tàn và quá hoàn hảo – của một dòng họ cao quý và lâu đời; trong khi đó, tất cả mọi người đều biết là ông xuất thân trong cảnh bần hàn. Ông cao, quá mảnh khảnh để có thể gọi là có hình thể đẹp, cứ như thể tất cả cơ bắp của ông đều đã tàn lụi. Ông không cần đứng thẳng người cũng có thể làm người ta cảm thấy sự cứng rắn từ ông. Giống như một thứ thép cực tốt, ông cúi người, vai thõng xuống và làm cho những người xung quanh ý thức rõ về ông – không phải ở tư thế cúi mà ở cái nhận thức rằng ông luôn có thể bật thẳng đứng lên bất cứ lúc nào, như một chiếc lò xo mạnh mẽ. Cái dáng đứng ấy là tất cả những gì ông cần. Ông hiếm khi đứng thẳng người; ông thường có dáng uể oải. Dù mặc quần áo nào, dáng điệu ấy cũng tạo cho ông phong thái hết sức tao nhã.

Khuôn mặt của ông không thuộc về nền văn minh hiện đại mà là thời cổ La Mã; nó giống như khuôn mặt của một nhà quý tộc lâu đời. Mái tóc ông có những mảng chuối tiêu và được vuốt ngược nhẹ nhàng ra sau, để lộ vầng trán cao. Da ông dính chặt vào khuôn mặt góc cạnh, miệng dài và mỏng. Ở dưới cặp lông mày xếch là đôi mắt có màu xanh nhạt – trong các bức ảnh, chúng hiện ra giống như hai hình trái xoan màu trắng, đầy vẻ mỉa mai. Một họa sĩ từng mời ông ngồi làm mẫu để vẽ tranh quỷ Mephistopheles.[96] Wynand đã cười lớn và từ chối, khiến người họa sĩ lại càng tiếc rẻ vì khi ông cười, khuôn mặt ông trong càng phù hợp với ý tưởng bức tranh của người đó.

Lúc này, ông uể oải tựa người vào tấm kính trong phòng ngủ, khẩu súng đặt trên lòng bàn tay. Hôm nay – ông nghĩ – hôm nay là ngày thế nào nhỉ? Liệu có gì xảy ra trong ngày hôm nay có thể giúp ta vào lúc này và khiến cho khoảnh khắc này trở nên quan trọng?

Ngày hôm nay cũng như rất nhiều ngày khác đã trôi qua mà không để lại dấu ấn gì đặc biệt. Ông 51 tuổi, và hôm nay là một ngày giữa tháng Mười của năm 1932. Ông chỉ nhớ chắc chắn được chừng đó, tất cả những điều khác đều đòi hỏi sự nỗ lực của trí nhớ.

Ông thức dậy và mặc quần áo vào lúc sáu giờ sáng; ông chưa bao giờ ngủ quá bốn tiếng mỗi đêm kể từ khi ông lớn lên. Ông đi xuống phòng ăn, nơi người ta dọn bữa sáng cho ông. Căn hộ của ông nằm ở một góc của khoảng sân thượng rất rộng được bố trí như một khu vườn. Các căn phòng trong nhà ông đều là những tuyệt phẩm nghệ thuật, sự đơn giản và vẻ đẹp của chúng có thể khiến người ta phải trầm trồ thán phục nếu chúng thuộc về một người nào khác. Tuy nhiên, người ta thường kinh ngạc đến mức không biết nói gì, khi họ biết đó là nhà riêng của ông chủ tờ *Ngọn cờ New York*, tờ báo dung tục nhất nước.

Sau bữa sáng, ông vào phòng làm việc. Trên bàn làm việc của ông chất đầy các tờ báo, sách và tạp chí quan trọng nhận được mỗi sáng từ khắp nơi trên cả nước. Ông làm việc một mình trong phòng trong khoảng ba tiếng, đọc và viết những ghi chú vắn tắt lên các trang in bằng một chiếc bút chì lớn màu xanh. Các ghi chú của ông trông gống như bản tốc ký của gián điệp, không ai có thể giải mã được chúng trừ bà thư ký đứng tuổi và khô khan của ông; bà thường vào phòng làm việc của ông sau khi ông đi khỏi. Ông chưa từng nghe thấy giọng nói của bà ta trong năm năm, nhưng họ cũng chẳng cần phải nói chuyện với nhau. Khi ông trở lại phòng làm việc của mình vào buổi tối thì ở đó cũng không còn cả bà thư ký lẫn chồng giấy tờ. Trên bàn làm việc của ông lúc đó sẽ là những tờ giây đánh máy rõ ràng những gì ông ghi chú lúc sáng.

Vào 10 giờ sáng, ông đến trụ sở tờ *Ngọn cờ*, một toà nhà đơn giản và bụi bặm ở một khu phố bình thường trong khu Hạ Manhattan. Khi ông bước qua những sảnh hẹp trong toà nhà, các nhân viên ông gặp đều cất tiếng chào ông.

Lời chào của họ được thực hiện đúng nghi thức và ông cũng đáp lại một cách lịch sự nhưng sự gặp mặt chớp nhoáng ấy có tác dụng giống như một tia sáng chết người làm tê liệt các sinh vật sống.

Trong số các quy tắc chặt chẽ, áp dụng cho tất cả các nhân viên trong tập đoàn Wynand thì quy tắc khó nhất là không ai được dừng công việc của mình khi Wynand bước vào phòng, và cũng không ai được chú ý tới việc ông bước vào. Người ta không thể đoán được ông sẽ lựa chọn phòng nào và khi nào. Ông có thể xuất hiện bất cứ lúc nào ở một nơi bất kỳ trong toà nhà và sự xuất hiện của ông cũng "kín đáo" như điện giật vậy. Các nhân viên của ông cố hết sức để tuân thủ quy tắc này nhưng họ thà làm thêm mười tiếng ngoài giờ còn hơn phải chịu đựng mười phút làm việc trước sự quan sát lặng

lẽ của ông.

Buổi sáng hôm nay, tại phòng làm việc của mình, ông duyệt lại mục xã luận của tờ *Ngọn cờ* ngày Chủ nhật. Ông gạch những đường chì màu xanh lên những đoạn mà ông muốn bỏ. Ông không ký tắt tên mình lên trang báo nhưng tất cả mọi người đều biết là chỉ có Gail Wynand mới có thể gạch những đường chì màu xanh đó – những đường chì như xoá bỏ sự tồn tại của tác giả các bài viết.

Sửa xong, ông yêu cầu được nối dây nói với người biên tập tờ *Thông tin Wynand* ở Springville, bang Kansas. Khi ông gọi điện thoại tới các chi nhánh của mình, Wynand không bao giờ nói tên mình cho nạn nhân. Ông đòi hỏi tất cả các công dân quan trọng trong đế chế của ông đều phải nhận ra được giọng nói của ông.

"Chào Cummings" ông nói khi người biên tập trả lời máy.

"Lạy Chúa!" Anh ta hổn hển "Có phải là..."

"Phải!" Wynand nói "Anh nghe này, Cummings. Thêm một thứ rác rưởi như bài viết nhăng cuội ngày hôm nay về *Bông hồng cuối cùng của mùa hè* là anh có thể trở lại trường trung học Bugle được rồi đấy".

"Vâng, thưa ngài Wynand".

Wynand dập máy. Ông yêu cầu nối điện thoại với một Thượng nghị sĩ có tên tuổi ở Washington.

"Chào ngài Thượng nghị sĩ," ông nói khi vị Thượng nghị sĩ trả lời điện thoại hai phút sau đó. "Ngài thật tốt bụng khi trả lời điện thoại. Tôi rất cảm kích. Tôi không muốn làm mất thời gian của ngài. Nhưng tôi cảm thấy tôi còn nợ ngài một lời cảm ơn trân trọng nhất. Tôi muốn cảm ơn ngài đã giúp thông qua Dự luật Hayes-Langston".

"Nhưng mà... ngài Wynand!" – giọng ông Thượng nghị sĩ trở nên lúng túng. "Ngài thật chu đáo nhưng mà... Dự luật đó vẫn chưa được thông qua".

"Ồ, đúng rồi. Tôi nhầm. Nó sẽ được thông qua vào ngày mai".

Cuộc họp Hội đồng quản trị Tập đoàn Wynand được sắp xếp vào 11 giờ rưỡi buổi sáng hôm đó. Tập đoàn Wynand gồm có hai mươi hai tờ báo, bảy tạp chí, ba hãng thông tấn và hai kênh tin tức. Wynand chiếm bảy mươi lăm phần trăm số cổ phần của tập đoàn. Các thành viên hội đồng quản trị khác không biết chắc công việc hay nhiệm vụ của họ là gì. Wynand từng ra lệnh các cuộc họp đều phải bắt đầu đúng giờ, cho dù ông có mặt hay không. Hôm nay, ông bước vào phòng họp vào lúc 12 giờ 25. Một quý ông luống tuổi đang phát biểu. Các thành viên hội đồng quản trị không được phép dừng lại

hay tỏ ra chú ý tới sự có mặt của Wynand. Ông bước tới chiếc ghế trống ở vị trí chủ toạ, đặt ở đầu chiếc bàn dài bằng gỗ gụ va ngồi xuống. Không ai quay mặt nhìn ông, cứ như thể có một bóng ma mà họ không dám thừa nhận sự tồn tại của nó vừa ngồi vào chiếc ghế. Ông im lặng lắng nghe trong 15 phút. Ông đứng lên trong khi diễn giả đang nói dở câu và rời khỏi phòng tương tự như khi ông bước vào.

Trên chiếc bàn lớn trong văn phòng của mình, ông trải rộng các bản đồ của Stoneridge, khu đất ông mới mua, và dành nửa tiếng để thảo luận về nó với hai nhà môi giới bất động sản. Ông đã mua một vùng đất rất lớn ở Long Island, vùng này sẽ được biến thành Dự án phát triển Stoneridge, một cộng đồng mới gồm các căn nhà riêng, cho tư nhân sở hữu. Tất cả đá lát đường, phố xá và nhà ở đều sẽ do tập đoàn Gail Wynand xây dựng. Một số ít người biết rõ các hoạt động đầu tư đất đai của ông từng bảo với ông là ông điên mất rồi. Chẳng ai nghĩ đến chuyện xây nhà vào thời điểm này. Nhưng Gail Wynand đã tạo dựng cơ nghiệp của ông chính nhờ những quyết định mà người khác gọi là điên rồ.

Ông vẫn chưa chọn kiến trúc sư thiết kế Stonerbridge. Tin tức về dự án này đã lan truyền tới ngành kiến trúc hiện đang trong cảnh sống dở chết dở. Trong nhiều tuần liền, Wynand từ chối đọc thư từ hay trả lời điện thoại của các kiến trúc sư nổi tiếng nhất trên toàn quốc cũng như bạn bè của họ. Ông từ chối thêm lần nữa và cuối buổi họp hội đồng quản trị, khi bà thư ký báo cho ông biết là ngài Ralston Holcombe đang khẩn thiết xin được nói chuyện hai phút với ông trên điện thoại.

Khi các nhân viên môi giới bất động sản đã đi khỏi, Wynand bấm vào một nút trên bàn làm việc và triệu tập Alvah Scarret. Scarret bước vào văn phòng, mỉm cười vui vẻ. Alvah luôn trả lời chuông gọi của Wynand với vẻ háo hức bợ đỡ của một cậu bé chạy bàn giấy.

"Alvah, *Viên sỏi mật can đảm* là cái quái gì thế?"

Scarret cười lớn. "Cái đó à? Đó là tên một tiểu thuyết. Của Lois Cook."

"Loại tiểu thuyết gì?"

"À, toàn thứ vớ vẩn thôi. Tác giả muốn nó như một bài thơ bằng văn xuôi. Truyện kể về một viên sỏi mật tự nghĩ rằng nó tồn tại độc lập như một cá thể gai góc trong túi mật, ông hiểu ý tôi chứ, và sau đó người chủ của nó uống một đống dầu thầu dầu[97] - và truyện mô tả cụ thể hậu quả xảy ra sau đấy - Tôi cũng không chắc là nó có chính xác về mặt y học hay không nhưng tóm lại, đấy là kết của của Viên sỏi mật can đảm. Truyện này được viết ra để chứng minh rằng không có sự tồn tại của ý chí tự do".

“Truyện đó bán được bao nhiêu cuốn?”

“Tôi không rõ. Không nhiều lắm, tôi nghĩ thế. Chỉ trong giới trí thức. Nhưng tôi nghe nói gần dây, nó bán khá chạy, và...”

“Chính xác thì cái quái gì đang xảy ra thế, Alvah?”

“Cái gì? À, ông muốn nói là ông thấy nó được nhắc tới vài lần...”

“Tôi muốn nói là tôi thấy nó xuất hiện ở khắp mọi nơi trên tờ *Ngọn cờ* trong vài tuần trở lại đây. Làm khéo đấy, vì tôi phải mất khá lâu mới nhận ra chuyện đó không phải tình cờ.”

“Ý ông là gì vậy?”

“Thế anh nghĩ ý tôi là gì? Tại sao tên một tiểu thuyết lại xuất hiện liên tục ở những chỗ hoàn toàn không phù hợp như thế? Hôm thì nó có mặt trong một chuyện tử hình mấy thằng sát nhân và bọn chúng ‘đã chết một cách quả cảm như Viên sỏi mật can đảm’. Hai ngày sau, nó lại lên trang 16, trong một bài viết huyên thuyên từ Albany: ‘Thượng nghị sĩ Hazleton nghĩ rằng ông là một cá thể độc lập nhưng hoá ra ông cũng chỉ là một Viên sỏi mật can đảm thôi’. Rồi sau đó lại thấy nó trong mục tin buồn. Hôm qua, nó xuất hiện trên trang phụ nữ. Và ngày hôm nay là ở phần truyện tranh: ‘Snooxy gọi ông chủ giàu có của anh ta là Viên sỏi mật can đảm’.”

Scarret cười khẽ "Quả là ngớ ngẩn.”

“Tôi cũng nghĩ là nó ngớ ngẩn. Lúc đầu thì thế. Giờ thì không.”

“Nhưng có chuyện quái gì đâu hả Gail! Nó đâu phải chuyện gì quan trọng và các phóng viên chủ chốt của chúng ta đâu có cố nhồi nó vào trang báo. Chỉ là từ đám nhân viên nhăng cuội, loại nhận lương 40 đàn ông la một tuần thôi mà.”

“Đó mới chính là vấn đề. Một trong các vấn đề. Vấn đề khác nữa là cuốn sách này không phải là một cuốn best-seller. Nếu nó nổi tiếng, tôi có thể hiểu là tiêu đề của nó tự động lọt vào đầu các phóng viên. Nhưng hoàn toàn không. Như vậy hẳn là có ai đó đang cố nhét nó vào tờ báo. Tại sao?”

“Thôi mà Gail! Làm gì có ai mất công làm thế chứ? Mà việc gì chúng ta phải quan tâm? Nếu như đó là một vấn đề chính trị... Chứ ai có thể kiếm lợi gì từ việc nhồi nhét chuyện ủng hộ hay phản đối tự do ý chí?”

“Có ai hỏi ý kiến anh về việc nhồi nhét này không?”

“Không. Tôi cho là không có ai đứng đằng sau việc này cả. Chỉ là tình cờ thôi. Thì nhiều người nghĩ nó là một chuyện khôi hài.”

“Anh nghe thấy câu đó lần đầu từ ai?”

“Tôi không biết... Để tôi nghĩ... Chắc là... Đúng rồi. Tôi nghĩ là từ Ellsworth Toohey.”

“Chấm dứt đi. Và nhớ nói cho Toohey biết.”

“Được thôi, nếu ông nói thế. Nhưng thực sự chẳng có gì đâu. Chỉ là một số người muốn đùa vui thôi mà.”

“Tôi không thích có ai đùa vui trên báo của tôi.”

“Được rồi, Gail.”

Vào lúc hai giờ, Wynand tham dự bữa ăn trưa của Hội nghị các Câu lạc bộ Phụ nữ toàn quốc với tư cách khách mời danh dự. Ông ngồi bên tay phòng bà chủ tịch. Bữa tiệc sực nức mùi hoa cài nực - hoa dành dành và hoa đậu - và mùi gà rán. Sau bữa ăn, Wynand phát biểu. Hội nghị này ủng hộ việc phụ nữ có gia đình tìm kiếm việc làm trong khi các tờ báo của Wynand thì đấu tranh chống lại việc làm cho phụ nữ có gia đình từ nhiều năm nay. Wynand phat biểu trong hai mươi phút. Nhưng thực sự, ông chẳng nói gì cả mặc dù ông tạo ra ấn tượng là ông ủng hộ tất cả những cảm xúc mà người ta bày tỏ trong buổi họp này. Không ai có thể giải thích được ấn tượng mà Gail Wynand tạo ra với thính giả, nhất là với thính giả nữ. Ông không làm điều gì đặc biệt cả: giọng ông thấp, sắc cạnh và gần như đơn điệu; ông có một phong cách quán chỉn chu, tới mức có vẻ như ông đang cố ý nhạo báng sự chỉn chu. Thế nhưng, ông lại chinh phục được tất cả thính giả. Người ta nói rằng đó là nhờ vẻ nam tính tinh tế và mạnh mẽ của ông, nó khiến giọng nói thanh nhã đang nói về trường học, nhà cửa và gia đình của ông làm người thấy như thể ông đang làm tình với tất cả những bà nạ dòng có mặt ở đó.

Trên đường quay trở về văn phòng, Wynand dừng chân tại phòng tin tức New York. Ông đứng bên chiếc bàn cao và cầm một cây bút chì lớn màu xanh da trời trong tay. Ông viết một bài xã luận hùng hồn và thẳng thừng lên án tất cả những người ủng hộ việc làm cho phụ; ông viết bằng những nét chữ có chiều cao đúng một inch[98], lên một tờ giấy lớn. Chữ ký G.W. ở cuối bài trông giống như một vệt lửa màu xanh. Ông không đọc lại bài viết của mình - chưa bao giờ ông cần đọc lại - mà quẳng nó lên bàn của biên tập viên đầu tiên mà ông nhìn thấy. Rồi ông bước ra khỏi phòng.

Vào cuối buổi chiều, khi Wynand chuẩn bị rời khỏi văn phòng, thư ký của ông thôngbáo là Ellssworth Toohey xin được gặp ông. “Cho ông ta vào” - Wynand nói.

Toohey bước vào với nụ cười nửa miệng thận trọng trên mặt - nụ cười vừa như chế giễu bản thân vừa chế giễu ông chủ của mình, tuy nhiên, ông giữ được sự cân bằng mỏng manh với chừng sáu mươi phần trăm phần chế

giễu là dành cho bản thân. Ông biết Wynand không muốn gặp mình và việc được gặp Wynand không hẳn là việc có lợi cho ông.

Wynand ngồi sau bàn làm việc, khuôn mặt của ông trống rỗng một cách lịch sự. Hai đường chéo nổi lên mờ mờ trên trán ông, song song với cặp lông mày xếch. Đấy là vẻ mặt bối rối mà ông thỉnh thoảng có; nó bộc lộ hai thứ tình cảm trái ngược cùng lúc nó làm người đối thoại càng lo ngại.

"Mời ông ngồi, ông Toohey. Tôi có thể giúp ông việc gì?"

"Ồ, tôi tự phụ hơn thế cơ, thưa ngài Wynand." Toohey nói một cách vui vẻ "Tôi không đến để mong ngài giúp đỡ mà để đề nghị giúp đỡ ngài."

"Trong việc gì?"

"Soneridge."

Hai đường chéo hằn rõ hơn trên trán của Wynand.

"Một người viết chuyên mục như ông thì có thể có ích gì cho Stoneridge?"

"Một người viết chuyên mục thì không, thưa ngài Wynand. Nhưng một chuyên gia kiến trúc thì..." to để giọng của mình kéo dài thành một dấu hỏi giễu cợt.

Nếu đôi mắt của Toohey không nhìn chằm chằm một cách tự phụ vào Wynand thì hẳn là ông đã bị yêu cầu ra khỏi văn phòng ngay lập tức. Nhưng cái nhìn đó khiến Wynand hiểu rằng Toohey đã biết tới việc ông bị người ta làm phiền rất nhiều bởi những người giới thiệu cho ông các kiến trúc sư. Toohey biết ông đã phải cố gắng hết sức để tránh họ; và Toohey đã láu cá hơn ông khi đề nghị gặp ông vì một mục đích mà Wynand hoàn toàn không nghĩ đến. Sự tự phụ đó làm Wynand cảm thấy thích thú và Toohey cũng biết trước điều này.

"Được thôi, ông Toohey. Ông đang định bán ai?"

"Peter Keating."

"Rồi sao?"

"Xin lỗi ngài, rồi sao là sao?"

"Thì ông bán anh ta đi xem nào."

Toohey dừng lại, sau đó ông khẽ nhún vai một cách vui vẻ và lấy giọng "Tất nhiên ngài cũng biết là tôi không có liên hệ gì với ông Keating cả. Tôi chỉ đóng vai trò là bạn của ông ấy và của ngài thôi." Giọng nói của ông ta tỏ ra dễ chịu và thân thiện nhưng nó đã mất đi phần nào sự quả quyết. "Nói thực, tôi biết nói thế này nghe có vẻ sáo rỗng nhưng tôi còn biết nói gì khác?

Chẳng may sự thật lại đúng là như vậy.” Wynand không hề đỡ lời ông. “Tôi mạo muội đến đây vì tôi cảm thấy có bổn phận phải nêu ý kiến với ngài. Không, không phải là bổn phận đạo đức. Hãy gọi đó là bổn phận với nghệ thuật. Tôi biết là ngài luôn đòi hỏi phải có được cái tốt nhất trong tất cả các công việc của ngài. Với một dự án với quy mô như ngài đang dự tính thì không có kiến trúc sư nào hiện nay có thể sánh với Peter Keating về hiệu quả, óc thẩm mỹ, khả năng tưởng tượng. Đó, thưa ngài Wynand, là ý kiến trung thực của tôi.”

“Tôi khá tin đó là ý kiến trung thực của ông.”

“Ngài tin?”

“Tất nhiên. Có điều, ông Toohey, tại sao tôi lại phải quan tâm tới ý kiến của ông?”

“Dù sao thì tôi cũng là chuyên gia về kiến trúc của ngài!” Ông không hoàn toàn kiềm chế được sự tức giận trong giọng nói.

“Ông Toohey thân mến, xin ông đừng nhầm tôi với các độc giả của tôi.”

Một khoảnh khắc trôi qua, rồi Toohey ngã người về sau và dang tay ra cười với vẻ bất lực.

“Thực tình, ngài Wynand, tôi không nghĩ là lời nói của tôi có thể có trọng lượng với ngài. Vì thế tôi cũng không định bán Peter Keating cho ngài.”

“Không à? Thế ông có ý định gì?”

“Tôi chỉ xin ngài dành nửa tiếng để gặp một người có thể thuyết phục ngài về khả năng của Peter Keating và thuyết phục tốt hơn tôi nhiều lần.”

“Ai?”

“Bà Peter Keating.”

“Bởi vì bà ấy là một người phụ nữ rất đẹp và cực kỳ khó có được.”

Wynand ngả đầu về phía sau và cười phá lên.

“Lạy Chúa, Toohey, chẳng nhẽ tôi lai lộ liễu đến thế sao?”

Toohey hấp háy mắt; ông chưa biết phản ứng ra sao.

“Quả thực, ông Toohey, tôi nợ ông một lời xin lỗi, nếu như với việc để lộ sở thích của tôi cho nhiều người biết, tôi đã khiến ông trở nên thô lậu như vậy. Nhưng quả thật, tôi không hề biết là trong số rất nhiều công việc nhân đạo khác của ông, ông còn làm cả ma-cô nữa.”

Toohey đứng lên.

“Xin lỗi đã làm ông thất vọng, ông Toohey. Tôi không hề có ý mong

muốn gặp bà Peter Keating."

"Tôi cũng không nghĩ là ngài có mong muốn nếu như chỉ có những gợi ý suông của tôi. Tôi đã biết trước điều này từ cách đây vài giờ. Chính xác là biết từ sáng sớm hôm nay. Do đó, tôi đã phải chuẩn bị sẵn một cơ hội khác để bàn luận việc này với ngài. Tôi đã tự cho phép mình gửi cho ngài một món quà. Khi ngài về đến nhà đêm nay, ngài sẽ thấy món quà của tôi. Và sau đó, nếu ngài cảm thấy tôi đã có lý khi đề nghị với ngài việc này thì ngài có thể gọi điện thoại cho tôi và tôi sẽ đến ngay lập tức và ngài sẽ bảo cho tôi biết ngài có muốn gặp bà Peter Keating hay không."

"Toohey, việc này thật khó tin, nhưng tôi buộc phải tin rằng ông đang hối lộ tôi."

"Tôi đang."

"Ông biết là cái trò nguy hiểm này có thể được việc cho ông nhưng cũng có thể làm ông mất việc."

"Tôi sẽ chờ ý kiến của ngài về món quà tối nay."

"Được thôi, ông Toohey. Tôi sẽ xem món quà của ông."

Toohey cúi chào và quay người đi. Ông đã đến cửa thì Wynand nói thêm "Ông biết đấy, Toohey, một ngày nào đó, ông sẽ làm tôi thấy chán ngấy."

"Tôi sẽ cố gắng không để việc đó xảy ra cho đến khi cần thiết." Toohey nói. Ông cúi chào lần nữa và bước ra ngoài.

Khi Wynand về đến nhà, ông đã hoàn toàn quên về Ellsworth Toohey.

Buổi tối hôm đó, trong căn nhà trên sân thượng của mình, Wynand ăn tối với một cô gái có khuôn mặt trắng trẻo và mái tóc nâu mềm. Cô gái thuộc một gia đình mà suốt ba thế kỷ nay, những người cha và anh trai sẵn sàng giết chết người đàn ông nào dám làm những việc như Gail Wynand đã làm với con gái và em gái họ.

Đường nét cánh tay của cô gái, khi cô nâng ly nước bằng pha lê lên môi, cũng hoàn hảo như những đường nét của cái chân nến bằng bạc mà một nghệ nhân thiên tài tạo nên - và Wynand ngắm nghía cả hai với cùng sự ngưỡng mộ. Ánh nến lung linh trên khuôn mặt cô gái tạo một vẻ đẹp tuyệt vời khiến ông ước rằng cô không còn sống, để ông có thể ngắm nghía, không phải nói gì cả và nghĩ bất cứ thứ gì ông muốn.

"Một hai tháng nữa, Gail ạ," cô nói và mỉm cười một cách lười biếng. "Khi thời tiết trở nên lạnh và tồi tệ, chúng ta hãy lấy chiếc Tôi Có [99] và dong thẳng tới nơi nào có mặt trời, như chúng ta làm vào năm ngoái."

Tôi Có là tên chiếc du thuyền của Wynand. Ông chưa bao giờ giải thích

tên của nó cho một ai.

Nhiều người đàn bà từng hỏi ông về nó. Cô gái này cũng từng hỏi ông trước đây.

Giờ đây, khi ông tiếp tục yên lặng, cô gái lại hỏi một lần nữa: "Nhân tiện, anh yêu, ý nghĩa của nó là gì thế - tên con thuyền tuyệt vời của anh ấy?"

"Đó là một câu hỏi mà tôi không trả lời." ông nói "Một trong số các câu hỏi."

"Thế em có nên chuẩn bị sẵn quần áo cho chuyến du ngoạn không?"

"Màu xanh lá cây hợp với em nhất. Màu đó trông thật tuyệt ở ngoài biển. Tôi rất thích xem nó tôn mái tóc và cánh tay em như thế nào. Tôi sẽ nhớ hình ảnh cánh tay trần của em trên nền lụa xanh. Bởi vì đêm nay sẽ là đêm cuối cùng."

Các ngón tay của cô gái để nguyên trên thân chiếc cốc pha lê. Không hề có dấu hiệu gì báo trước với cô rằng đêm nay là lần cuối. Nhưng cô biết ông luôn chấm dứt mọi thứ bằng những lời như vậy. Tất cả các phụ nữ của Wynand đều biết rằng họ nên trông đợi một kết thúc như thế và không ai không được phép bàn cãi gì. Sau một lát, cô gái hỏi - giọng cô trầm xuống:

"Vì lý do gì hả Gail?"

"Lý do tất yếu."

Ông cho tay vào túi và lấy ra một chiếc vòng tay bằng kim cương; nó bắn ra một ánh lửa lạnh và chói dưới ánh nến, các mối nối nặng nề của nó nằm ẻo lả trên những ngón tay ông.

Chiếc vòng không có hộp đựng và không được bọc. Ông quẳng nó lên trên bàn.

"Một vật kỷ niệm, em yêu," ông nói "Nó có giá trị hơn nhiều cái mà nó kỷ niệm."

Chiếc vòng đập vào chân chiếc ly và gây ra một tiếng kêu mỏng và sắc như thể chiếc ly đang gào lên thay cho cô gái. Cô gái giữ im lặng. Ông biết điều này thật kinh khủng: vì nàng không phải là loại người thường nhận các món quà như vậy vào những thời điểm như thế này - cũng giống như những người đàn bà khác của ông. Và nó kinh khủng vì nàng sẽ không từ chối, cũng giống như những người khác đã không từ chối.

"Cảm ơn Gail," cô gái nói, tra chiếc vòng vào cổ tay mình mà không nhìn vào mặt ông trong ánh nến.

Sau đó, khi họ đã bước vào phòng khách, cô gái dừng lại và liếc đôi mắt với hàng lông mi dài về phía bóng tối, nơi có cầu thang dẫn tới phòng ngủ

của ông. “Để em đền đáp cho vật kỷ niệm chứ, Gail?” nàng hỏi, giọng không âm sắc.

Ông lắc đầu.

“Tôi cũng đã định thế,” ông nói, “nhưng giờ tôi mệt.”

Khi cô gái đã đi khỏi, ông đứng trong sảnh và nghĩ tới sự đau đớn mà nàng phải chịu đựng. Đó là nỗi đau đớn có thực nhưng sau một thời gian, sẽ chẳng còn là gì có thực với nàng, ngoại trừ chiếc vòng. Ông không còn nhớ được là vào khi nào, những ý nghĩ như thế còn có khả năng làm cho ông cảm thấy cay đắng. Khi ông nghĩ đến việc chính ông là người tham dự vào sự kiện buổi tối hôm nay, ông không còn cảm thấy gì ngoại trừ nỗi băn khoăn tại sao ông lại không làm điều này sớm hơn.

Ông bước vào thư viện của mình. Ông ngồi đọc vài tiếng. Sau đó, ông dừng lại. Ông dừng lại đột ngột, không có lý do gì, ở giữa một câu quan trọng. Ông không muốn đọc tiếp. Ông không muốn cố đọc.

Chẳng có sự việc gì xảy ra với ông cả. Một sự việc tức là một thực tế hiện hữu, mà đã là thực tế hiện hữu thì nó không bao giờ có thể làm ông cảm thấy bất lực; nhưng ở đây chỉ có một cái không-hiện-hữu khổng lồ - như thể tất cả mọi thứ đều đã bị cuốn sạch, chỉ để lại một khoảng trống vô nghĩa và thô lậu vì nó quá bình thường, quá đơn điệu, như một kẻ sát nhân với một nụ cười ngọt ngào.

Chẳng có điều gì mất đi - ngoại trừ ham muốn; không, nhiều hơn thế - đó là gốc rễ, là khả năng ham muốn sự ham muốn. Ông nghĩ, một người mất đi đôi mắt thì người đó vẫn còn giữ được ý niệm về việc nhìn thấy mọi thứ, nhưng ông từng nghe tới một sự mù lòa khủng khiếp hơn - khi phần não điều khiển thị giác bị hủy hoại, người ta sẽ mất đi thậm chí cả trí nhớ cho việc nhìn thấy.

Ông thả cuốn sách xuống và đứng lên. Ông không muốn ngồi lại chỗ đó, ông cũng không muốn rời khỏi nó. Ông nghĩ ông nên đi ngủ. Vẫn còn quá sớm với ông để đi ngủ, nhưng như thế, ông có thể dậy sớm hơn thường lệ vào ngày mai. Ông bước vào phòng ngủ, ông tắm; ông mặc đồ ngủ vào. Sau đó ông mở ngăn tủ quần áo và nhìn thấy khẩu súng ông vẫn luôn để ở đó. Chính cái nhận thức lập tức về khẩu súng, chính cái cảm giác thích thú đột ngột với khẩu súng là cái làm ông cầm nó lên.

Chính sự thiếu vắng cảm giác kinh sợ khi ông nghĩ đến việc tự tử là cái thuyết phục ông rằng ông nên tự kết liễu đời mình. Ý nghĩ đó thật nhạt nhẽo, giống như một ý kiến không đáng để tranh cãi. Hay một câu nói vô vị.

Lúc này, ông đứng cạnh bức tường bằng kính; ông đã bị sự nhạt nhẽo

chặn lại. Người ta có thể sống một cuộc đời nhạt nhẽo, ông nghĩ, nhưng không thể chết một cách nhạt nhẽo.

Ông bước tới giường ngủ và ngồi xuống, khẩu súng ngoắc lơ lửng trong tay. Một người sắp chết, ông nghĩ, thường nhìn thấy toàn bộ cuộc đời của mình trong những giây phút chớp nhoáng cuối cùng. Ta chẳng nhìn thấy gì cả. Nhưng ta có thể bắt mình nhìn thấy nó. Ta có thể nhìn lại nó một lần nữa, bằng ý chí. Hãy để cho ta tìm thấy trong đó hoặc là ý chí để sống tiếp hoặc lý do để chấm dứt nó vào lúc này.

*

* *

Năm đó Gail Wynand mười hai tuổi. Cậu đứng trong bóng tối dưới một đoạn tường vỡ bên bờ sông Hudson, một tay vung về phía sau, bàn tay nắm chặt, sẵn sàng tấn công. Cậu đang chờ đợi.

Những viên đá dưới chân cậu vun cao lại thành đống ở một góc phố, một mặt của đống đá này che chắn cậu khỏi con đường, mặt bên kia không có gì hết ngoài bờ dốc đứng xuống sông. Một vạt nước tối tăm, không có kè chắn ở trước mặt cậu; xung quanh là các toà nhà xập xệ và một khoảng trời trống rỗng, các kho hàng, một cái gờ mái nhà vỡ, treo lủng lẳng trên một khung cửa sổ toả ra một thứ ánh sáng ma quái.

Chỉ lát nữa thôi, cậu sẽ phải chiến đấu, và cậu biết cuộc đấu đó là vì sinh mạng của mình. Cậu đứng im. Bàn tay nắm chặt, hạ xuống va đưa ra sau như thể cậu đang nắm chặt những đường dây điện vô hình được căng tới từng điểm trọng yếu trong cơ thể gầy guộc, da bọc xương của cậu. Chúng nối, dưới bộ quần áo nhàu nát, tới những đường gân dài, phồng lên trên cánh tay trần của cậu, và tới những cơ bắp gồng lên trên cổ cậu. Những dây kim loại này như đang run rẩy trong khi cơ thể cậu thì bất động. Cậu giống như một thứ vũ khí giết người kiểu mới và chỉ cần một ngón tay chạm vào bất kỳ chỗ nào trong người cậu đều khiến thứ vũ khí đó được kích hoạt.

Cậu biết là gã thủ lĩnh của cái băng đảng choai choai đang tìm cậu và gã sẽ không đi một mình. Hai trong số những đứa mà cậu có thể phải đánh nhau luôn chơi dao, và một đứa đã tưng giết người. Cậu đợi bọn chúng, túi quần trống rỗng. Cậu là thành viên trẻ nhất trong băng và cũng là người gia nhập băng sau cùng. Gã thủ lĩnh nói cậu cần một bài học.

Mọi chuyện bắt đầu từ vụ cướp xà lan trên sông mà bọn chúng định tiến hành. Gã thủ lĩnh quyết định phải làm việc đó vào ban đêm. Cả băng đều đồng ý - ngoại trừ Gail Wynand. Gail Wynand giải thích cho chúng, bằng một giọng chậm rãi và khinh khỉng, rằng băng *Những kẻ du côn nhỏ*, có địa bàn ở phía dưới sông, cũng đã làm như thế vào tuần trước và sáu mạng rơi

vào tay cảnh sát cộng thêm hai mạng nữa đang nằm ngoài nghĩa địa. Công việc này phải được tiến hành vào ban ngày khi không ai ngờ tới. Cả băng đều phản đối cậu. Chuyện đó chẳng làm thay đổi gì cả. Gail Wynand không quen nghe theo lệnh. Cậu không thừa nhận bất cứ điều gì ngoài tính chính xác trong các nhận định của chính mình. Và thế là gã thủ lĩnh quyết định giải quyết bất đồng này dứt điểm một lần cho xong.

Ba tên trong bọn bước đi rất nhẹ, đến nỗi những người đứng đằng sau bức tường mỏng mà bọn chúng đi qua cũng không thể nghe thấy chúng. Nhưng Gail Wynand đã nghe thấy chúng từ cách một khu nhà. Cậu đứng bất động trong cái góc hẹp của mình, chỉ có nắm tay là xiết chặt lại một chút.

Khi đến đúng lúc, cậu nhảy vọt ra. Cậu lao thẳng vào khoảng không mà không hề nghĩ tới việc hạ đất, như thể một chiếc máy bắn đá vừa tung cậu lên cao để bay xa hàng cây số. Ngực cậu đập vào đầu một kẻ địch, bụng đập vào kẻ khác và đôi chân đạp thẳng vào ngực của gã thứ ba. Cả bốn ngã nhào xuống. Khi ba gã kia ngẩng được mặt lên, chúng không còn nhận ra Gail Wynand. Chúng chỉ thấy một cơn lốc xoáy trên đầu chúng và có một cái gì đó ở giữa cơn lốc xoáy phóng thẳng vào chúng, bỏng rát.

Cậu không có gì ngoài hai nắm đấm; chúng có năm nắm đấm và một con dao nhưng điều đó dường như chẳng có tác dụng. Chúng nghe thấy tiếng những nắm đấm của chúng vang lên thình thịch như đấm vào cao su cứng, chúng cảm thấy đầu mũi dao của chúng gãy và chúng biết là nó đã bị chặn lại sau khi đâm trúng đối thủ. Nhưng kẻ mà chúng đang đánh đấm như không hề biết đau là gì. Cậu không có thời gian để cảm thấy bất cứ điều gì, cậu quá nhanh, cảm giác đau đớn không thể theo kịp cậu, dường như cậu để nó treo lơ lửng trên không trung, ngay chỗ cậu để nó chạm vào mình và rồi cậu biến mất khỏi nơi đó trước khi nó theo kịp cậu.

Dường như có một cái động cơ nằm giữa hai xương bả vai cậu và nó quay hai tay cậu thành hai vòng tròn. Người ta chỉ nhìn thấy hai vòng tròn, còn hai cánh tay đã biến mất trong đó, như những chiếc nan hoa biến mất khi bánh xe quay nhanh. Mỗi lần cái vòng tròn chạm vào thứ gì, thứ đó bị dừng lại trong khi cái vòng tròn vẫn tiếp tục quay. Một gã nhìn thấy con dao của gã biến mất trên vai của Wynand; cú giật của vai cậu khiến con dao trượt dọc một bên người Wynand và bị bắn ra ngoài ở khoảng thắt lưng. Đó là điều cuối cùng mà gã thấy. Cái gì đó đập vào cằm gã và gã không còn có cảm giác gì khi gáy gã đập vào đống gạch vỡ.

Trong một lúc lâu, hai tên còn lại cố sức chống lại cái máy ly tâm lúc này đang bắn toé những giọt máu đỏ lên các bức tường bao quanh. Nhưng cũng vô dụng. Không phải chúng đang đánh nhau với một người. Chúng đang đánh nhau với cái ý chí vô hình của một con người.

Khi chúng bỏ cuộc, rên rỉ trong đám gạch, Gail Wynand nói bằng một giọng bình thản "Chúng ta sẽ hoãn lại cho tới ban ngày." và bỏ đi. Từ đó trở đi, cậu trở thành thủ lĩnh của băng.

Hai ngày sau đó, vụ cướp xà lan xảy ra giữa ban ngày và thành công rực rỡ.

Gail Wynand sống cùng với cha cậu ở căn hộ dưới hầm của một tòa nhà cũ kỹ tại trung tâm Hell's Kitchen. Cha cậu là thợ khuân vác ở cảng, một người cao, lặng lẽ và chưa từng đi học bao giờ. Ông nội và cụ của cậu cũng là những người như thế và họ chưa từng biết tới điều gì ngoài cái nghèo trong gia đình. Nhưng trong gốc rễ xa xôi của gia đình, họ có dòng dõi quý tộc; một tổ tiên quý tộc nào đó từng làm vinh danh dòng họ; và rồi một thảm kịch nào đó mà người ta lãng quên từ lâu đã đẩy những thế hệ sau xuống cảnh bần hàn. Có một điều gì đó trong những người thuộc dòng họ Wynand - cho dù họ ở nhà trọ, tửu điếm hay nhà tù - khiến họ không lẫn vào xung quanh. Cha của Gail được mọi người ở bến cảng gọi là Quận công.

Mẹ của Gail đã qua đời vì bệnh lao phổi khi cậu được hai tuổi. Cậu là đứa con duy nhất trong nhà. Cậu chỉ biết lờ mờ rằng có gì đó rất kịch tính trong cuộc hôn nhân của cha cậu. Cậu từng nhìn thấy một tấm ảnh của mẹ cậu, trong ảnh mẹ cậu trông không giống và cũng ăn mặc không giống các phụ nữ khác trong vùng: bà rất đẹp. Khi bà mất đi, tất cả sự sống trong con người cha cậu cũng ra đi theo. Ông yêu Gail, nhưng đó là kiểu tình cảm rất kiệm lời. Ông không nói với Gail nhiều hơn hai câu mỗi tuần.

Gail có bề ngoài không giống cả mẹ và cha. Cậu là sự phục hồi của một cái gì đó không rõ ràng, và khoảng cách của sự phục hồi đó không chỉ tính bằng vài thế hệ mà là bằng thế kỷ. Cậu quá cao so với tuổi của cậu, và cũng quá gầy. Bọn trẻ gọi cậu là Wynand Kều. Không ai biết cậu lấy cơ bắp ở đâu ra, người ta chỉ biết tới nó khi cậu sử dụng nó.

Cậu đã làm đủ mọi nghề kể từ khi còn nhỏ. Một thời gian dài, cậu bán báo ở các góc phố. Một ngày kia, cậu tới gặp ông chủ toà báo và tuyên bố rằng họ cần phải bắt đầu một dịch vụ mới - giao báo tận nhà người đọc vào mỗi buổi sáng. Cậu giải thích cho ông ta việc đó sẽ tăng số lượng phát hành như thế nào và vì sao. "Thế cơ đấy?" ông chủ toà báo nói. "Tôi biết việc này sẽ thành công," Wynand nói. "Hừm, mày không phải là ông chủ ở đây," ông chủ nói. "Ông là đồ ngốc," Wynand nói.

Wynand mất công việc đó.

Cậu từng làm việc ở một cửa hàng thực phẩm. Cậu chạy việc linh tinh, lau sàn nhà, phân loại các thùng rau quả bị hỏng, giúp đỡ khách hàng, kiên nhẫn cân bột mì hay rót sữa từ một cái thùng lớn vào bình. Cậu làm công

việc đó giống như người ta dùng một chiếc xe lăn đường để là phẳng những chiếc khăn mùi xoa. Nhưng cậu cắn răng và kiên nhẫn với công việc. Một ngày kia, cậu giải thích cho chủ cửa hàng rằng nên đổ sẵn sữa vào chai, giống như là làm với rượu whisky. "Ngậm miệng lại và ra kia phục vụ bà Sullivan", ông chủ nói, "đừng bao giờ nghĩ là tao không biết công việc của tao. Mày không phải là chủ ở đây." Cậu quay ra phục vụ bà Sullivan và không nói gì cả.

Cậu từng làm ở một phòng chơi bi-a. Cậu cọ rửa các ống nhổ và dọn dẹp những gì mà bọn say xỉn bày ra. Cậu nghe và nhìn thấy những việc khiến sau này, cậu không còn cảm thấy ngạc nhiên trước bất cứ việc gì. Cậu nỗ lực hết sức và học cách giữ im lặng, để giữ lại công việc mà người ta bảo là việc của cậu, chấp nhận sự vô lý làm ông chủ của cậu - và cậu chờ đợi. Chưa ai từng nghe thấy cậu nói về cảm giác của cậu. Cậu có nhiều cảm giác với đồng loại của mình nhưng sự tôn trọng không nằm trong những cảm giác ấy.

Cậu làm nghề đánh giầy trên một chiếc phà. Tất cả mọi người đều có thể xô đẩy và ra lệnh cho cậu: từ những tay buôn ngựa béo phị tới những gã say rượu trên phà. Nếu cậu nói, cậu sẽ nghe thấy một giọng kẻ cả trả lời "Mày không phải là chủ ở đây." Nhưng cậu thích công việc đó. Khi không có khách, cậu đứng ở bên mạn phà và ngắm Manhattan. Cậu nhìn các tấm biển màu vàng của những căn nhà mới, những bãi đất trống trải, những cần trục và cần cẩu, và vài tòa tháp cao đang vươn lên ở phía xa. Cậu nghĩ tới những gì cần phải xây dựng và những gì cần phá hủy, tới những khoảng trống, tới cái triển vọng mà khoảng trống đó mang lại và những gì có thể được tạo ra từ đó. Một tiếng kêu khàn khàn "Này, nhóc" cắt đứt suy nghĩ của cậu. Cậu trở lại chỗ ngồi và cúi mặt một cách ngoan ngoãn xuống một đôi giày bẩn thỉu nào đó. Người khách chỉ có thể thấy một mái đầu bé nhỏ, mái tóc màu nâu nhạt và hai bàn tay gầy gò nhưng hiệu quả.

Vào các buổi tối mù sương, dưới ngọn đèn khí ở một góc phố, không ai để ý tới một dáng người gầy gò dựa lưng vào cây đèn đường - đấy là dáng một nhà quý tộc thời Trung cổ, người có bản năng chỉ huy và biết rõ tại sao mình có quyền chỉ huy; đấy là dáng của một vị nam tước thời phong kiến, vốn sinh ra để cai trị - nhưng lại sống để quét sàn nhà và nghe người khác sai khiến.

Cậu tự học đọc và viết khi năm tuổi, bằng cách đặt các câu hỏi.

Cậu đọc bất cứ cái gì mà cậu tìm thấy. Cậu không chấp nhận những điều không giải thích được. Cậu phải hiểu bất cứ điều gì mà người khác biết. Huy hiệu trong tuổi thơ của cậu - thứ gia huy mà cậu tự tạo cho mình thay cho gia huy của dòng họ đã bị mất hàng trăm năm trước - là dấu chấm hỏi. Không ai phải giải thích điều gì cho cậu tới lần thứ hai.

Cậu học những bài toán đầu tiên từ những kỹ sư lắp ống thoát nước. Cậu học địa lý từ các thủy thủ ở bến tàu. Cậu học về các vấn đề hành chính dân sự từ các chính trị gia hay lui tới quán bar trong vùng - vốn là nơi đàn đúm của đám gangster. Cậu chưa bao giờ đi nhà thờ hay đi học. Cậu bước chân vào nhà thờ lần đầu tiên năm mười hai tuổi. Cậu lắng nghe bài giảng đạo về đức kiên nhẫn và khiêm nhường. Cậu không bao giờ quay trở lại đó. Năm mười ba tuổi, cậu quyết định tìm hiểu trường học và đăng ký vào học một trường công. Cha cậu không nói gì về quyết định này, cũng như ông không nói gì mỗi khi Gail trở về nhà, người xây xát sau một trận đánh nhau trên đường phố.

Trong tuần đi học đầu tiên, cô giáo gọi Gail Wynand liên tục - chỉ vì cậu luôn biết các câu trả lời. Khi cậu tin tưởng vào những người có vị trí cao hơn cậu và mục đích của họ, cậu tuân phục họ như một chiến binh Sparta;[100] cậu tự áp đặt cho mình thứ kỷ luật như cậu vẫn đòi hỏi những kẻ dưới trướng trong băng của cậu. Nhưng ý chí của cậu chẳng có ích gì: trong vòng một tuần, cậu nhận ra mình chẳng cần cố gắng gì cũng đứng đầu lớp. Sau một tháng, cô giáo không còn để ý tới sự có mặt của cậu trong lớp nữa vì cậu đã hiểu hết các bài học và cô phải tập trung tới những đứa trẻ chậm hiểu và kém thông minh hơn. Cậu ngồi yên không nhúc nhích trong những giờ học dai dẳng như đeo gông, trong khi cô giáo lặp đi lặp lại, cố hết sức để làm bật ra chút trí tuệ nào đó từ những đôi mắt trống rỗng và những giọng nói lý nhí. Sau hai tháng, trong lúc ôn lại những kiến thức lịch sử sơ đẳng mà cô cố gắng nhồi nhét trong lớp học, cô giáo hỏi "Có bao nhiêu bang trong Liên bang Mỹ khi Liên bang mới thành lập?" Không có cánh tay nào đưa lên. Rồi Gail Wynand giơ tay lên. Cô giáo gật đầu với cậu. Cậu đứng lên. "Tại sao", cậu hỏi "em cứ phải nhai lại mọi thứ đến cả chục lần? Em biết tất cả rồi."

"Em không phải là học sinh duy nhất trong lớp", cô giáo nói. Cậu bật ra một câu gì đó khiến cô giáo tái mặt ngay lập tức và đỏ bừng mặt sau 15 phút, khi cô hiểu ra ý nghĩa của nó. Cậu bước ra cửa. Ở ngưỡng cửa, cậu quay lại và nói thêm "À, vâng. Ban đầu có mười ba bang." Đó là lần cuối cùng cậu đến trường. Ở Hell's Kitchen, có nhiều người chưa từng đi ra khỏi vùng, và một số người còn hiếm khi bước ra ngoài khu nhà nơi họ sinh ra. Nhưng Gail Wynand thường đi dạo trên những đường phố giàu có nhất trong thành phố. Trước một thế giới giàu có, cậu không cảm thấy cay đắng, không ghen tỵ và cũng không sợ hãi. Cậu chỉ cảm thấy tò mò và cậu thoải mái khi ở Đại lộ số Năm[101] cũng như ở bất kỳ một nơi nào khác.

Cậu luôn đi qua những biệt thự sang trọng, hai tay đút túi quần, ngón chân chìa ra ngoài đôi giầy đế bằng. Mọi người nhìn chằm chằm vào cậu nhưng điều đó chẳng ảnh hưởng đến cậu. Cậu đi qua họ và tạo ra cảm giác

chính cậu mới thuộc về đại lộ này chứ không phải họ. Cậu không muốn gì - vào lúc này - ngoài ham muốn tìm hiểu.

Cậu muốn biết điều gì đã khiến những người này khác với những người sống trong khu cậu ở. Không phải quần áo, xe cộ hay các nhà băng khiến cậu để ý; mà là các quyển sách. Những người sống trong khu dân cư cậu ở cũng có quần áo, xe ngựa và tiền bạc; có nhiều hay ít không quan trọng; cái chính là họ không đọc sách. Cậu quyết định học từ những gì mà những người sống trên Đại lộ số Năm đọc. Một ngày kia, cậu nhìn thấy một quý bà - phân loại của cậu còn chính xác hơn cả Danh mục Đăng ký Xã hội[102]. Quý bà đó đang đọc một cuốn sách. Cậu nhảy tới bực lên xuống xe ngựa, giằng lấy cuốn sách và chạy biến. Cảnh sát không đủ nahnh nhẹn để có thể tóm được cậu.

Đó là một cuốn sách của Herbert Spencer.[103] Cậu vật vã mãi mới đọc hết cuốn sách. Cậu hiểu được chừng một phần tư những gì đã đọc. Nhưng chính việc này đã khiến cậu bắt đầu một chặng đường mà cậu theo đuổi bằng một quyết tâm sắt đá và có hệ thống. Khi nhận được một lời khuyên, giúp đỡ hay kế hoạch nào, cậu bắt đầu đọc một mớ lộn xộn đủ các loại sách. Khi gặp phải một đoạn nào đó mà cậu không hiểu được từ một cuốn sách, cậu sẽ đọc một cuốn khác cũng về chủ đề đó. Cậu bị kéo đi đủ các hướng khác nhau; cậu đọc các cuốn sách chuyên khảo trước; rồi sau đó lại đọc sách nhập môn cho học sinh trung học. Chẳng có một thứ tự nào trong việc đọc của cậu nhưng những gì còn lại trong trí óc cậu thì lại có trật tự.

Cậu phát hiện ra phòng đọc trong Thư viện Công cộng và cậu đến đó trong một thời gian để nghiên cứu cách sắp đặt của thư viện. Và rồi, một ngày kia, vào những thời điểm khác nhau trong ngày, trong phòng đọc xuất hiện những chú nhóc với mái tóc được chải một cách khó khăn và mới tắm rửa vội vàng. Bọn trẻ đều gầy gò lúc đến nhưng không còn gầy gò như vậy khi chúng rời khỏi thư viện. Buổi tối hôm đó, Gail Wynand có một thư viện riêng nho nhỏ tại góc căn phòng dưới tầng hầm của cậu. Băng của cậu đã thi hành mệnh lệnh của cậu mà không phản đối. Đó là một nhiệm vụ lố bịch: không một băng đảng có tự trọng nào lại đi ăn trộm một thứ vô nghĩa như sách. Nhưng Wynand Kều đã ra lệnh và không có ai lại đi tranh cãi với Wynand Kều cả.

Khi cậu mười lăm tuổi, người ta tìm thấy cậu vào một buổi sáng trong một rãnh nước, thân thể nát nhừ, hai chân gãy sau một trận đòn bởi một gã khuân vác rượu. Lúc người ta tìm thấy cậu thì cậu bất tỉnh. Nhưng cậu đã tỉnh, lúc mới bị đánh xong. Gã say rượu bỏ cậu một mình trong ngõ tối. Cậu nhìn thấy ánh sáng ở góc đường. Không ai biết cậu làm thế nào để lết được tới góc đó nhưng cậu đã làm được, vì người ta nhìn thấy những vệt máu dài

trên vỉa hè sau đó.

Cậu đã bò. Cậu không thể cử động gì ngoại trừ đôi tay. Cậu gõ vào phía dưới một cánh cửa. Đó là một tiệm rượu vẫn còn đang mở cả. Người chủ tiệm rượu bước ra. Đó là lần duy nhất trong đời Gail Wynand xin được giúp đỡ. Người chủ tiệm rượu liếc nhìn cậu bằng một cái nhìn vô cảm và nặng nề - cái nhìn cho thấy ông ta hiểu hết nỗi đau đớn và bất công, đồng thời nó cũng là cái nhìn đầy vẻ thờ ơ thản nhiên và lãnh đạm. Ông ta quay người đi vào nhà và đóng sầm cửa. Ông ta không muốn dính dáng tới chuyện các băng đảng thanh toán lẫn nhau.

Nhiều năm sau, Gail Wynand, lúc này là chủ bút tờ *Ngọn cờ*, biết rõ tên của cả gã phu khuân vác và ông chủ tiệm rượu kia. Ông biết cả địa chỉ của họ. Ông không làm gì với gã phu khuân vác. Nhưng ông đã khiến cho người chủ tiệm rượu phá sản; toàn bộ nhà cửa và tiền tiết kiệm của ông ta cũng mất. Ông ta đã tự tử.

Năm Gail Wynand mười sáu tuổi, cha cậu chết. Lúc đó, cậu sống một mình, thất nghiệp, với 65 xu ở trong túi, một hoá đơn thuê nhà chư trả và mớ học thức lộn xộn. Cậu quyết định đã đến lúc để cân nhắc cậu sẽ làm gì trong cuộc đời. Đêm hôm đó, cậu leo lên nóc toà nhà mình ở và nhìn vào ánh đèn trong thành phố - cái thành phố mà ở đó cậu không phải là ông chủ. Cậu để mắt mình di chuyển chậm chạp từ cánh cửa sổ những căn nhà ổ chuột ngả nghiêng xung quanh cậu tới cánh cửa sổ của những tòa nhà sang trọng ở xa xa. Mặc dù cậu chỉ nhìn thấy những hình khối được thắp sáng lơ lửng trong không trung, nhưng cậu biết được sự khác nhau giữa chúng: ánh sáng xung quanh cậu trông âm u và chán nản, còn những ánh sáng ở đằng xa kia thì lại sạch sẽ và chắc chắn. Cậu tự hỏi mình một câu duy nhất: cái gì đi vào trong tất cả những ngôi nhà kia, cả những ngôi nhà ảm đạm và những ngôi nhà sáng trưng, cái gì vào được tất cả các căn phòng, vươn tới tất cả mọi người? Họ đều có bánh mì cả. Liệu người ta có thể cai trị loài người bằng bánh mì họ mua? Họ có giầy, họ có cà phê, họ có... Đường đi cuộc đời cậu được định đoạt vào lúc đó.

Sáng hôm sau, cậu bước vào phòng làm việc của tổng biên tập tờ Gazette, một tờ báo hạng bốn có trụ sở ở một toà nhà tồi tàn và xin việc ở phòng tin địa phương. Tổng biên tập nhìn vào quần áo của cậu và hỏi: "Thế cậu có biết đánh vần từ "mèo" không?"

"Ông có biết đánh vần từ "hình thái nhân chủng học" không?" Wynand hỏi lại.

"Ở đây chúng tôi không có việc", người biên tập nói.

"Tôi sẽ ở quanh đây", Wynand nói, "khi nào ông cần thì cứ sai tôi. Ông

không cần phải trả lương cho tôi. Ông hãy trả lương cho tôi khi ông thấy cần thiết."

Cậu ở lại toà nhà đó, ngồi yên trên cầu thang bên ngoài phòng tin địa phương. Suốt một tuần, ngày nào cậu cũng ngồi đó. Chẳng có ai để ý tới cậu. Đến đêm, cậu ngủ ở hành lang. Khi cậu tiêu gần hết số tiền mình có, cậu ăn cắp thực phẩm từ các quầy hàng hay từ các thùng rác, rồi lại quay trở lại vị trí của mình ở cầu thang.

Một ngày kia, một phóng viên thấy thương hại cậu; trên đường xuống cầu thang, anh ta ném đồng năm xu vào đùi của Wynand và nói "Nhóc con, đi mua lấy một bát thịt hầm mà ăn." Wynand còn lại một đồng mười xu ở trong túi. Cậu lấy đồng mười xu ra, ném vào anh phóng viên kia, và nói "cầm lấy mà đi chơi gái." Anh chàng kia văng tục và đi xuống cầu thang. Đồng năm xu và đồng mười xu vẫn nằm nguyên trên cầu thang. Wynand không động tới chúng. Câu chuyện này được kể lại ở phòng tin địa phương. Một viên văn thư mặt đầy mụn nhún vai và nhặt lấy cả hai đồng.

Cuối tuần đó, trong giờ cao điểm, một người từ phòng tin địa phương gọi Wynand để chạy một việc lặt vặt. Sau đó là các công việc lặt vặt khác. Cậu tuân thủ với một độ chính xác của nhà binh. Sau 10 ngày, cậu nhận được lương. Sau sáu tháng, cậu trở thành phóng viên. Sau hai năm, cậu là phó biên tập.

Gail Wynand 20 tuổi khi anh bắt đầu yêu. Anh đã biết tất cả về tình dục từ tuổi mười ba. Anh có rất nhiều đàn bà. Anh không bao giờ nói tới tình yêu, không tạo ra những ảo tưởng lãng mạn và coi toàn bộ việc này như một hành động thuần túy động vật - và trong hành động đó, anh là bậc thầy. Chỉ cần nhìn anh, phụ nữ có thể nhận ra điều này. Cô gái mà anh yêu có một vẻ đẹp thanh tú, vẻ đẹp khiến người ta thờ phụng chứ không ham muốn. Cô mỏng manh và trầm lặng. Khuôn mặt cô nói lên những bí ẩn đáng yêu vẫn chưa được khám phá ở trong cô.

Cô trở thành người tình của Gail Wynand. Anh cho phép mình được quyền yếu đuối trong hạnh phúc. Anh sẵn sàng cưới cô làm vợ ngay lập tức nếu cô đề cập tới chuyện này. Nhưng họ hầu như không nói chuyện với nhau. Anh cảm thấy như họ hiểu tất cả về nhau.

Một buổi tối, anh nói với cô. Ngồi dưới chân cô, mặt hướng lên phía cô, anh mở toang tâm hồn mình cho cô. "Em yêu, em muốn thế nào thì anh sẽ trở thành người như thế, trở thành bất kỳ ai... Đó là điều anh muốn dâng cho em - không phải là những thứ cụ thể anh sẽ tặng em mà là cái ở bên trong con người anh - cái làm cho anh lấy được những thứ tặng em. Không người đàn ông nào có thể từ bỏ cái đó. Nhưng anh muốn từ bỏ nó, để nó sẽ trở

thành của em, phục vụ cho em, chỉ để cho em.” Cô gái mỉm cười và hỏi anh: “Anh có nghĩ là em xinh hơn Maggy Kelly không?”

Anh đứng dậy. Anh không nói gì và bước ra khỏi căn nhà. Anh không bao giờ còn gặp lại cô gái đó nữa. Gail Wynand, người vẫn tự hào với chính mình là không bao giờ phải học lại một bài học tới lần thứ hai, không còn yêu ai trong những năm sau đó.

Năm anh 21 tuổi, sự nghiệp của anh ở tờ *Gazette* bị đe dọa, lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất. Chính trị và tham nhũng chưa bao giờ làm anh bận tâm; anh đã biết tất cả về nó, băng đảng của anh từng đánh thuê tại các hòm phiếu trong những ngày bầu cử. Nhưng khi Pat Mulligan, cảnh sát trưởng của khu vực anh sống bị người ta gài bẫy thì Wynand không chịu ngồi yên; bởi vì Pat Mulligan là người trung thực nhất mà anh từng gặp trong đời.

Tờ *Gazette* do chính những thế lực đã gài bẫy Mulligan kiểm soát. Wynand không nói gì hết. Anh chỉ sắp xếp trong đầu những thông tin anh có - những thông tin có thể khiến tờ Gazette bị thổi bay. Công việc của anh cũng sẽ bị thổi bay cùng với nó, nhưng điều này không quan trọng. Quyết định của anh trái ngược với tất cả những quy tắc anh từng đặt ra cho sự nghiệp của mình. Nhưng hiếm hoi, chỉ thỉnh thoảng xảy ra trong anh và khiến anh không còn thận trọng nữa; nó biến anh thành một sinh vật bị chi phối hoàn toàn bởi khao khát duy nhất là làm bằng được điều mình muốn, bởi vì điều anh muốn là duy nhất đúng, hoàn toàn đúng. Nhưng anh biết việc phá huỷ tờ *Gazette* chỉ là bước ban đầu. Nó không đủ để cứu Mulligan.

Trong ba năm liền, Wynand lưu giữ một mẩu giấy nhỏ: một bài xã luận về nạn tham nhũng do một tổng biên tập nổi tiếng của một tờ báo lớn viết. Anh giữ nó, bởi vì đó là một bài viết tôn vinh sự thanh liêm một cách đẹp đẽ nhất mà anh từng đọc. Anh mang theo mẩu tin đó và đến gặp ông tổng biên tập nổi tiếng kia. Anh muốn kể với ông ta về Mulligan và họ có thể cùng nhau đập vỡ được bộ máy tham nhũng.

Anh đi bộ xuyên qua thành phố, tới trụ sở tòa báo nổi tiếng. Anh phải đi bộ. Việc này làm dịu cơn thịnh nộ trong anh. Anh được mời vào văn phòng của tổng biên tập - anh luôn có cách để vào được các nơi anh muốn, bất chấp mọi luật lệ. Anh thấy một người đàn ông to béo ngồi tại bàn, đôi mắt ti hí gần như giao nhau. Anh không tự giới thiệu mình, mà đặt mẩu tin lên trên bàn và hỏi "Ông còn nhớ cái này không?” Ông tổng biên tập nhìn vào mẩu tin rồi nhìn vào Wynand. Đó là cái nhìn Wynand từng thấy trước đó: trong đôi mắt của người chủ quán rượu khi ông ta đóng sập cửa trước mặt anh. “Làm sao cậu lại nghĩ rằng tôi nhớ được tất cả đống hổ lốn mà tôi từng viết ra?” ông ta hỏi.

Mất một giây, rồi Wynand nói "Cảm ơn". Đó là lần đầu tiên trong đời mình, anh cảm thấy biết ơn một ai đó. Lòng biết ơn là thực sự - đó là lệ phí trả cho một bài học mà anh không bao giờ cần đến nữa. Nhưng ngay cả ông tổng biên tập cũng cảm thấy có điều gì đó rất bất thường và rất đáng sợ trong câu "Cảm ơn" ngắn gọn đó. Ông ta không biết rằng đó chính là lời cáo phó cho Gail Wynand.

Wynand đi bộ trở lại tờ *Gazette*, không cảm thấy giận dữ với ông tổng biên tập kia hay với guồng máy chính trị. Anh chỉ cảm thấy một nỗi khinh bỉ đầy giận dữ với bản thân mình, với Pat Mulligan, với sự chính trực của con người. Anh cảm thấy xấu hổ khi nghĩ rằng mình và Mulligan đã tình nguyện trở thành nạn nhân của cái gì. Không, không phải là "nạn nhân" mà là "lũ khờ." Anh trở lại phòng làm việc và viết một bài xã luận xuất sắc để vùi dập Đại úy Mulligan. "Thế mà tôi đã tưởng anh cảm thấy thương hại cho thằng con oan khốn khổ đó", biên tập viên của tờ báo nói với anh một cách hài lòng.

"Tôi không biết thương hại bất kỳ ai," Wynand nói.

Các chủ tiệm tạp hoá và công nhân bến phà không ưa Gail Wynand nhưng các chính trị gia thì rất thích anh. Trong những năm làm việc ở tờ báo, anh đã học được cách đối xử với mọi người. Anh luôn có một nét mặt mà anh mang theo cả đời: nó không hẳn là một nụ cười mà là một ánh nhìn giễu cợt của anh là nhằm vào những thứ mà bản thân họ cũng muốn giễu cợt. Hơn nữa, thật dễ chịu khi làm việc với một người không bị một đam mê hay đức tin thiêng liêng nào đó ràng buộc.

Khi anh 23 tuổi, đảng chính trị đối lập - vì muốn thắng cử ở địa phương và cần một tờ báo để dàn xếp một vụ việc nhất định - đã mua lại tờ *Gazette*.

Họ mua tờ báo dưới cái tên Gail Wynand với dụng ý để anh làm người đại diện đáng kính bên ngoài cho guồng máy ẩn đằng sau. Gail Wynand trở thành tổng biên tập. Anh dàn xếp vụ việc đó và giành thắng lợi bầu cử cho các ông chủ mình. Hai năm sau đó, anh đập nát băng đảng chính trị này, tống những tên cầm đầu vào nhà lao và trở thành chủ nhân duy nhất của tờ *Gazette*.

Công việc đầu tiên của anh là xé bỏ biển hiệu tờ báo trên cánh cửa toà nhà và thay tên tờ báo. Tờ *Gazette* trở thành tờ *Ngọn cờ New York*. Các bạn bè của anh phản đối. "Các chủ bút không thay tên một tờ báo bao giờ", họ nói với anh.

"Chủ bút này thì có," anh trả lời.

Chiến dịch đầu tiên của tờ *Ngọn cờ* là kêu gọi quyên góp tiền cho một

mục đích từ thiện.

Tờ *Ngọn cờ* chạy hai câu chuyện song song nhau với số chữ tương tự nhau. Chuyện thứ nhất về một nhà khoa học trẻ nghèo túng: anh ta sống vất vả trong một cái gác xép áp mái và đang cố gắng cho ra đời một phát minh vĩ đại. Chuyện thứ hai về một cô hầu phòng, người tình của một kẻ sát nhân bị tòa án xử tử: cô này hiện đang sắp sinh đứa con ngoài giá thú. Câu chuyện đầu tiên được minh họa bằng các biểu đồ khoa học, chuyện thứ hai bằng tấm hình một cô gái miệng mếu máo một cách thảm hại, quần áo xộc xệch. Tờ *Ngọn cờ* đề nghị bạn đọc giúp đỡ cho hai số phận bất hạnh này. Tờ báo nhận được chín đôla và 45 xu cho nhà khoa học trẻ và một ngàn không trăm bảy mươi bảy đôla cho người mẹ không được cưới hỏi. Gail Wynand tổ chức một cuộc họp toàn tòa soạn. Anh đặt lên tờ báo đăng cả hai câu chuyện và số tiền quyên được cho hai người. "Có ai ở đây còn không hiểu không?" - anh hỏi. Không có ai trả lời. Anh nói: "Giờ thì các anh biết rõ tờ *Ngọn cờ* sẽ phải trở thành một tờ báo như thế nào rồi đấy."

Các chủ bút cùng thời anh tự hào về việc họ luôn đóng dấu ấn cá nhân trên các trang báo của họ. Gail Wynand hiến tờ báo của anh, cả phần xác và phần hồn cho đám đông. Phần xác của tờ *Ngọn cờ* giống như một tấm bích chương quảng cáo gánh xiếc, còn phần hồn của nó thì giống như một buổi diễn xiếc. Nó cũng theo đuổi mục tiêu giống một gánh xiếc: đó là làm cho mọi người kinh ngạc, thích thú và thu tiền từ họ. Nó mang dấu ấn không phải của một người mà của một triệu người. "Mọi người có phẩm chất khác nhau, nếu quả thực họ có," Gail Wynand nói khi giải thích chính sác của anh "nhưng họ đều giống nhau trong các thói xấu." Anh nói thêm, nhìn thẳng vào mắt mọi người đặt câu hỏi: "Tôi đang phụng sự cho cái tồn tại nhiều nhất trên trái đất này. Tôi đang đại diện cho đa số - hắn đây cũng là một hành động đạo đức chứ?"

Công chúng muốn đọc về các vụ án, xì-căng-đan, và những thứ lá cải mùi mẫn. Gail Wynand mang đến cho họ. Anh trao cho họ những gì họ muốn, cộng thêm những lời biện hộ cho những ý thích mà bản thân họ thấy xấu hổ. Tờ *Ngọn cờ* viết về án mạng, đốt nhà, hiếp dâm, tham nhũng - và trên cơ sở đạo lý, lên án những thứ này. Cả ba cột báo bao gồm những chuyện vụ án, lạ đến một bài nhỏ về đạo đức. "Nếu ta yêu cầu người đọc phải thực hiện một sứ mệnh cao cả, họ sẽ chán ngấy" - Wynand nói - "Nếu ta cho phép họ dung tục thoải mái, họ sẽ thấy xấu hổ. Nhưng nếu kết hợp được cả hai thứ, họ sẽ là của chúng ta." Wynand đưa các câu chuyện về các cô gái sa ngã, các cuộc ly hôn nổi tiếng, những nhà tế bần cho trẻ vô thừa nhận, các khu đèn đỏ, các bệnh viện từ thiện.

"Sex là ưu tiên số một," Wynand nói. "Nước mắt là số hai. Làm cho họ

dậm dật và làm cho họ khóc lóc - và họ sẽ thuộc về chúng ta."

Tờ *Ngọn cờ* thực hiện các cuộc thánh chiến vĩ đại và can đảm - nhưng chỉ với những lĩnh vực mà công chúng không phản đối. Nó vạch tội các chính trị gia trước khi Đại bồi thẩm đoàn đưa ra phán quyết; nó tấn công các hãng độc quyền - nhân danh những người bị bóc lột; nó mỉa mai những người giàu có và thành công - nhân danh những người không bao giờ có thể giàu có và thành công. Nó phóng đại sự quyến rũ của tầng lớp thượng lưu và đưa tin về tầng lớp này cùng với sự chế giễu khéo léo. Việc này làm hài lòng người bình dân tới hai lần: một là họ được bước vào các phòng khách lộng lẫy và hai là họ không phải chùi chân ở trước cửa ra vào. Tờ *Ngọn cờ* được phép bóp méo sự thật, thị hiếu và uy tín của người khác nhưng không được làm căng thẳng trí óc của độc giả. Các đầu mục in chữ lớn, tranh ảnh bắt mắt và ngôn ngữ đơn giản quá mức của nó tác động trực tiếp vào các giác quan và đi thẳng vào nhận thức người đọc mà không cần tới quá trình suy diễn trung gian, như thức ăn được tiêm thẳng vào trực tràng, mà không cần phải qua quá trình tiêu hoá.

"Tin tức," Gail Wynand bảo các nhân viên "là bất cứ cái gì có khả năng kích động nhiều người nhất. Tin tức là bất cứ cái gì làm người ta choáng váng. Càng choáng váng càng tốt - dĩ nhiên với giả thiết là có những thứ như thế."

Một ngày kia, anh đưa tới văn phòng một người anh nhặt được ở ngoài đường. Đó là một người đàn ông bình thường, ăn mặc không lịch sự cũng không tồi tàn, không cao và không thấp, tóc không đen cũng không vàng và có một khuôn mặt khiến người ta không thể nhớ được ngay cả khi người ta đang nhìn vào nó. Ông ta thật đáng sợ vì hoàn toàn không có gì khác biệt cả, ông ta thậm chí còn không có cả vẻ kỳ quặc của một kẻ ngớ ngẩn. Wynand đưa ông ta đi khắp tòa nhà, giới thiệu với tất cả các nhân viên rồi để ông ta đi. Sau đó Wynand gọi tất cả các nhân viên lại và nói với họ: "Khi nào các anh hồ nghi về công việc của mình, hãy nhớ tới khuôn mặt đó. Các anh đang viết cho ông ta đọc."

"Nhưng, ông Wynand", một biên tập viên trẻ nói "chúng tôi không thể nhớ được khuôn mặt của ông ta."

"Chính là vì thế!" Wynand nói.

Khi cái tên Gail Wynand trở thành một mối đe dọa trong giới xuất bản, một nhóm các chủ báo gặp riêng ông trong một buổi lễ từ thiện ở thành phố mà tất cả đều phải tham dự. Họ trách ông vì cái mà họ gọi là hạ thấp thị hiếu công chúng. "Chức năng của tôi", Wynand nói "không phải là giúp mọi người giữ gìn lòng tự trọng mà họ không có. Các ngài mang lại cho họ

những gì mà họ công khai thừa nhận là họ thích. Còn tôi mang lại cho họ những gì họ thực sự thích. Thật thà là cha quỷ quái, các quý ngài ạ, dù nó không hoàn toàn theo nghĩa mà các ngài được dạy."

Wynand luôn làm cực tốt những gì ông muốn làm. Dù mục tiêu của ông là gì thì cách thức ông tiến hành cũng đều vượt xa những người khác. Tất cả mục đích, sức mạnh, ý chí - những thứ không hiển hiện trên các trang báo - đều được sử dụng trong quá trình thực hiện các trang báo - đều được sử dụng trong quá trình thực hiện các trang báo đó. Đấy là một tài năng phi thường, được đốt cháy một cách phung phí để đạt được sự hoàn hảo trong những điều bình thường. Một đức tin tôn giáo mới lẽ ra đã có thể được tạo ra từ năng lượng tinh thần ông dành cho việc sưu tầm các câu chuyện rẻ tiền và bôi trát chúng lên trên các trang giấy báo.

Tờ *Ngọn cờ* luôn là tờ báo đưa tin sớm nhất. Khi có một trận động đất xảy ra ở Nam Mỹ và mọi liên lạc bị cắt từ khu vực bị thảm hoạ, Wynand thuê riêng một tàu biển, gửi một đội phóng viên tới hiện trường và tăng phụ bản trên các đường phố New York, sớm hơn các đối thủ cạnh tranh nhiều ngày. Các phụ bản này có các tranh minh họa cảnh lửa cháy, đất đá nứt toác và những thân thể bị nghiến nát. Khi người ta nhận được tín hiệu S.O.S từ một con tàu đang bị chìm trong bão ngoài khơi Đại Tây dương, đích thân Wynand bay đến hiện trường cùng nhóm phóng viên, còn sớm hơn cả Lực lượng phòng vệ bờ biển. Wynand chỉ đạo việc cứu hộ và mang về một câu chuyện độc quyền với những tấm ảnh đích thân ông trèo lên một cái thang bên trên những tấm ảnh đích thân ông trèo lên một cái thang bên trên những cơn sóng dữ, tay ôm một em bé. Khi một ngôi làng ở Canada bị cách ly khỏi thế giới vì một trận tuyết lở, chính tờ *Ngọn cờ* đã gửi một khinh khí cầu thả thực phẩm và Kinh Thánh cho dân làng. Khi một khu mỏ bị tê liệt bởi một trận đình công, tờ *Ngọn cờ* mở bếp ăn cung cấp súp cho họ và đưa lên trang báo những câu chuyện thê thảm và mối hiểm nguy mà các cô con gái xinh xắn của các công nhân mỏ đang gặp phải do nghèo đói. Khi một con mèo bị mắc kẹt trên đỉnh một cột điện, thì một phóng viên ảnh của tờ *Ngọn cờ* đã giải cứu nó.

"Khi không có tin tức, hãy đẻ ra tin tức", đó là lệnh của Wynand. Một bệnh nhân tâm thần trốn khỏi một bệnh viện tâm thần của bang. Sau khi gây ra sự sợ hãi của cư dân sống trong bán kính vài dặm quanh vùng - sự sợ hãi này được tăng thêm do những dự đoán kinh khủng mà tờ *Ngọn cờ* đưa ra cũng như sự phẫn nộ của tờ báo trước tình trạng bất lực của cảnh sát địa phương - anh ta bị một phóng viên của tờ *Ngọn cờ* bắt được. Bệnh nhân tâm thần này phục hồi một cách diệu kỳ sau hai tuần kể từ khi bị bắt. Anh ta được thả ra và bán cho tờ *Ngọn cờ* những thông tin vạch trần sự đối xử tàn tệ

mà anh ta phải chịu tại bệnh viện tâm thần. Việc này đã mang lại những cải cách toàn diện. Về sau này, một số người nói rằng bệnh nhân đó từng làm việc cho tờ *Ngọn cờ* trước khi nhập viện. Nhưng chẳng ai chứng minh được việc này.

Một đám cháy xảy ra tại một xưởng thủ công có ba mươi cô gái trẻ làm thuê. Hai cô gái bị chết trong đám cháy. Mary Watson, một trong số những người sống sót, bán cho tờ *Ngọn cờ* câu chuyện độc quyền về sự bóc lột mà họ phải chịu ở xưởng làm. Câu chuyện nay đã làm dấy lên làn sóng chống lại các xưởng sản xuất bóc lột công nhân, do các quý bà danh giá hàng đầu của thành phố lãnh đạo. Nguyên nhân của đám cháy không bao giờ được làm rõ. Người ta thì thầm với nhau rằng Mary Watson vốn có tên là Evelyn Drake và từng là phóng viên của tờ *Ngọn cờ*. Việc này không bao giờ được chứng minh.

Trong những năm đầu của tờ *Ngọn cờ*, Gail Wynand ngủ trên tràng kỷ trong phòng làm việc của ông nhiều hơn là ở phòng ngủ tại nhà. Những đòi hỏi của ông với các nhân viên đều khó thực hiện những những đòi hỏi của ông với chính mình thì thật là khó tin. Ông buộc các nhân viên của ông làm việc như ở trong quân đội, ông buộc chính mình làm việc như một tên nô lệ. Ông trả lương cao cho nhân viên, còn bản thân ông chỉ có tiền nhà và tiền ăn. Ông tiêu tiền nhanh hơn kiếm tiền, và ông tiêu tất cả các tiền kiếm được vào tờ *Ngọn cờ*. Tờ báo giống như một người tình xa xỉ mà mọi nhu cầu của nó đều được ông thoả mãn, bất chấp giá cả.

Tờ *Ngọn cờ* là tờ báo đầu tiên có thiết bị máy in mới nhất. Tờ *Ngọn cờ* là tờ cuối cùng thuê được các phóng viên tốt nhất - cuối cùng bởi vì nó giữ được các phóng viên này. Wynand đột kích khắp các tòa soạn báo, không tờ báo nào có thể theo kịp mức lương mà Wynand trả. Quy trình của ông dần biến thành một công thức đơn giản. Khi một phóng viên nhận được lời mời đến gặp Wynand, anh ta coi nó như một sự lăng mạ vào lương tâm nghề nghiệp của anh ta, nhưng anh ta vẫn đến cuộc hẹn. Anh ta đến, chuẩn bị sẵn những điều kiện khó khăn phải được thỏa mãn nếu như Wynand muốn anh ta làm thuê. Wynand bắt đầu cuộc phỏng vấn bằng cách nêu ra mức lương ông sẽ trả. Sau đó, ông nói thêm: "Tất nhiên, anh có thể đưa ra các điều kiện khác..." Rồi ông liếc nhìn người phóng viên đang nuốt nước bọt, ông kết thúc câu chuyện: "Không à? Tốt. Anh bắt đầu làm việc từ thứ Hai."

Khi Wynand mở tờ báo thứ hai của ông tại Philadelphia, các tờ báo địa phương đối phó với ông như các thủ lĩnh châu Âu từng hợp sức chống lại cuộc xâm lược của Attila.[104] Một cuộc chiến khốc liệt đã diễn ra. Wynand chỉ cười lớn. Làm gì có ai có thể qua mặt ông trong những chuyện như thuê du côn chặn phá các xe chở báo và đánh đập những người bán báo. Hai trong

số các đối thủ cạnh tranh của ông gục ngã trong trận chiến. Tờ *Wynand Philadelphia Star* của ông tồn tại.

Sau đó, mọi thứ diễn ra nhanh chóng và đơn giản, như sự lây lan của một thứ bệnh dịch. Năm 35 tuổi, Wynand có các tờ báo ở những thành phố chính tại Mỹ. Khi 40 tuổi, ông có các tạp chí Wynand, kênh tinh tức Wynand và phần lớn các công ty trong tập đoàn Wynand. Rất nhiều hoạt động khác nhau - thường không công khai - đã giúp ông dựng lên sự nghiệp. Ông không quên bất cứ điều gì về thời thơ ấu của mình. Ông nhớ những điều ông từng nghĩ tới các cơ hội có thể có từ một thành phố đang phát triển. Ông mua đất đai ở những nơi không ai nghĩ rằng chúng có giá; ông xây nhà ở những nhưng ơi đó, bất chấp mọi lời khuyên; ông biến tiền trăm thành tiền ngàn. Ông tham gia đủ lĩnh vực kinh doanh. Đôi khi, những ngành này lụi bại và tất cả mọi người trong ngành đều phá sản, trừ Gail Wynand. Ông dàn dựng một cuộc thánh chiến chống lại một hãng độc quyền xe điện ám muội, khiến hãng này bị mất độc quyền cho một nhóm còn ám muội hơn; nhóm này do Gail Wynand kiểm soát. Ông vạch trần một mưu toan xấu xa nhằm độc quyền thị trường thịt bò ở khu vực đồng bằng Trung Tây nước Mỹ - và mở cửa thị trường này cho một nhóm khác, hoạt động theo lệnh của ông.

Rất nhiều người từng giúp đỡ ông - họ nghĩ rằng anh chàng Wynand trẻ tuổi là một người khôn ngoan và đáng sử dụng. Ông thường tỏ ra dễ chịu một cách duyên dáng khi được sử dụng. Nhưng trong tất cả mọi trường hợp, những người này sau đó đều nhận ra rằng chính họ mới là kẻ bị lợi dụng - tương tự như những người từng mua tờ *Gazette* họ cho Gail Wynand.

Đôi khi ông mất tiền trong các hoạt động đầu tư, một cách lạnh lùng và có tính toán.

Bằng một loạt các bước đi không ai có thể làm được, ông làm lụn bại nhiều nhân vật có thế lực: một vị chủ tịch ngân hàng, một giám đốc công ty bảo hiểm, một người chủ hãng tàu và nhiều người khác. Không ai hiểu được động cơ của ông. Những người này không phải đối thủ cạnh tranh của ông và ông không có lợi gì từ việc loại bỏ họ cả.

"Không biết lão Wynand vô lại có mục đích gì," người ta bảo nhau thế, "nhưng chắc chắn không phải tiền."

Những người kiên trì lên án ông đều mất việc: một số người trong vòng vài tuần, một số khác sau đó nhiều năm. Có những lúc ông bỏ qua những lời lăng nhục và không phản ứng, lại có những lúc ông làm một người phá sản chỉ vì một nhận xét vu vơ. Người ta không thể nói trước được ông sẽ báo thù những chuyện gì và tha thứ cho những chuyện gì.

Một ngày kia, ông để ý đến những bài báo xuất sắc của một phóng viên

trẻ ở một tờ báo khác và đề nghị anh này về làm cho ông. Chàng trai trẻ đến gặp ông, nhưng mức lương mà Wynand nêu ra không có tác dụng gì với anh ta. "Tôi không thể làm việc cho ông, ông Wynand", anh ta nói với vẻ nghiêm túc tột độ, "bởi vì ông... ông không hề có lý tưởng." Cặp môi mỏng của Wynand cười mỉm. "Anh bạn trẻ này, anh không thể chạy thoát khỏi sự sa đọa của con người đâu", ông nói nhẹ nhàng. "Ông chủ hiện nay của anh có thể có nhiều lý tưởng, nhưng ông ta phải cầu xin tiền bạc và nhận lệnh từ nhiều kẻ đáng khinh bỉ. Tôi không có lý tưởng, nhưng tôi không cầu xin ai. Hãy lựa chọn đi. Không còn con đường nào khác đâu." Chàng trai trẻ quay trở về tờ báo của mình. Một năm sau, anh ta đến gặp Wynand và hỏi liệu đề nghị của ông còn hiệu lực không. Wynand trả lời là có. Chàng trai trẻ đã ở lại tờ *Ngọn cờ* kể từ đó. Anh ta là người duy nhất yêu quý Gail Wynand trong số các nhân viên của ông.

Alvah Scarret, người duy nhất còn trụ lại từ tờ Gazette, cũng thăng tiến theo Wynand. Nhưng không thể nói là ông ta yêu quý Wynand - ông ta chỉ bám vào ông chủ với sự tận tụy tự nhiên, như một chiếc thảm chùi dưới chân Wynand. Alvah Scarret chưa bao giờ ghét điều gì, và vì thế cũng không có khả năng yêu. Ông ta khôn ngoan, có năng lực và vô nguyên tắc theo một lối rất vô tư của người không hiểu tại sao lại phải có nguyên tắc. Ông tin vào tất cả những gì mình viết cũng như tất cả những gì được viết ra trên tờ *Ngọn cờ*.

Ông có thể giữ được lòng tin vào bất cứ điều gì trong vòng hai tuần. Ông trở nên vô giá đối với Wynand - ông như một chiếc phong vũ biểu đo phản ứng của công chúng.

Không ai có thể nói chắc chắn liệu Gail Wynand có cuộc sống riêng tư hay không. Những giờ không làm việc của ông cũng có phong cách tương tự như trang nhất tờ *Ngọn cờ*, nhưng đã được nâng lên một tầm cao mới, như thể ông vẫn đang diễn trong một rạp xiếc, có điều khán giả lúc này là các ông hoàng. Ông bao trọn cả nhà hát để xem một buổi trình diễn opera lớn và ngồi một mình trong phòng nghe nhạc vắng lặng cùng với người tình lúc đó của ông. Ông phát hiện ra một vở kịch rất hay của một nhà soạn kịch vô danh và trả cho người này một số tiền lớn để trình diễn nó một lần duy nhất. Wynand là khán giả duy nhất tại buổi trình diễn đó và ông cho đốt kịch bản ngay sáng hôm sau. Khi một quý bà nổi tiếng đề nghị ông đóng góp cho một mục đích từ thiện chính đáng, Wynand trao cho bà ta một tờ séc để trống và cười khi nhận thấy số tiền bà ta dám điền vào còn ít hơn số tiền mà ông dự định cho. Ông mua một cái ngai vàng Balkan và tặng cho một kẻ bị tiếm ngôi không một xu dính túi và ông gặp ở một quán rượu lậu và sau đó không bao giờ buồn gặp lại. Ông gọi kẻ đó là "người hầu của tôi, tài xế của tôi và ông hoàng của tôi."

Khi đêm xuống, khoác một bộ com-lê nhàu nát được mua với giá 9 đôla, Wynand thường bắt tàu điện ngầm và lang thang dọc các quán rượu lậu ở các khu ổ chuột và lắng nghe công chúng của ông. Một lần, trong một quán bia ở dưới tầng hầm, ông nghe thấy một tài xế xe tải lên án Gail Wynand như một kẻ hiện thân cho những thứ bẩn thỉu của chủ nghĩa tư bản - anh ta dùng những từ ngữ rất chính xác và phong phú. Wynand tỏ ra đồng tình với anh ta và thậm chí góp thêm bằng những câu nói của dân chợ búa ở Hell's Kitchen. Sau đó Wynand nhặt một tờ *Ngọn cờ* ai đó bỏ lại trên bàn, xé tấm ảnh của ông ở trang 3, cặp vào đó tờ 100 đôla, đưa cho người lái xe tải và bước ra khỏi quán trước khi người có mặt kịp thốt ra bất cứ điều gì.

Ông thay người tình nhanh như thay áo, đến nỗi người ta chẳng còn buồn bàn tán về chuyện đó nữa. Người ta đồn rằng ông không bao giờ tận hưởng một người đàn bà trừ khi ông đã mua đứt cô ta - và cô ta lại phải là loại người không thể mua được bằng tiền.

Ông giữ bí mật chi tiết đời tư của mình bằng cách tung hê tất cả chúng ra chốn công cộng.

Ông trao mình cho đám đông, ông là tài sản của tất cả mọi người, giống như một bức tượng trong công viên, giống biển chờ xe buýt, giống các trang báo *Ngọn cờ*. Ảnh của ông xuất hiện trên các trang báo của ông nhiều hơn ảnh của các minh tinh màn bạc. Ông được chụp với mọi loại quần áo và trong mọi dịp có thể. Ông chưa từng chụp ảnh khỏa thân nhưng người đọc có cảm giác như đã nhìn thấy ông khỏa thân... Ông không tìm kiếm toàn mãn từ sự nổi tiếng cá nhân; sự nổi tiếng chỉ là một thứ ông phải làm để tuân thủ nguyên tắc của mình. Tất cả các xó xỉnh trong ngôi nhà của ông đều đã được đăng trên các báo và tạp chí của ông. "Bất cứ kẻ vô lại nào trên đất nước này cũng biết tủ lạnh và bồn tắm của tôi có gì", ông nói.

Tuy vậy, một phần của cuộc đời ông vẫn ít được biết đến và không bao giờ được nhắc tới. Ở tầng cao nhất trong tòa nhà - nằm ngay phía dưới ngôi nhà nóc của ông - là gallery nghệ thuật riêng của ông. Nó luôn được khóa kín. Ông không để cho ai được bước vào, trừ người dọn vệ sinh. Rất ít người biết về nó. Có một lần, một vị đại sứ Pháp đã xin phép được tham quan. Wynand từ chối. Thỉnh thoảng, không thường xuyên lắm, ông từ trên nhà đi xuống gallery của mình và ở lại đó hàng giờ liền. Những thứ mà ông sưu tầm đều do chính ông lựa chọn theo tiêu chuẩn của ông. Ông có những kiệt tác nổi tiếng cũng như tranh của các họa sĩ không tên tuổi. Ông từ chối tác phẩm của các tên tuổi lớn mà ông không quan tâm. Ông không quan tâm tới việc một tác phẩm được dự đoán bao nhiêu tiền hoặc ai là tác giả. Những người buôn bán các tác phẩm nghệ thuật mà ông liên lạc đều nói rằng những đánh giá của ông là của một bậc thầy.

Một ngày kia, người phục vụ của ông nhìn thấy Wynand từ gallery của ông trở về và kinh ngạc khi nhìn thấy nét mặt ông. Đó là nét mặt đau khổ, dù trông ông như trẻ lại mười tuổi. "Ngài có bị ốm không?", anh ta hỏi. Wynand nhìn anh ta lạnh lùng và nói "Đi ngủ đi."

"Chúng ta có thể chạy một trang lớn cho mục xì-căng-đan của số *Chủ nhật* tới bằng cái gallery của ông", Alvah Scarret nói một cách thèm thuồng. "Không," Wynand trả lời.

"Nhưng tại sao, Gail?"

"Nghe này , Alvah. Ai cũng phải có một linh hồn mà người khác không được nhòm vào. Kể cả những kẻ bị kết án trong nhà lao và những thằng khùng diễn trò trên đường. Tất cả mọi người, trừ tôi. Linh hồn của tôi đã tung toé trên trang xì-căng-đan Chủ nhật của anh rồi, thậm chí in ba màu. Thế nên tôi cần phải có cái gì đó thay thế - cho dù đó chỉ là một căn phòng khóa trái và một vài thứ đồ không thể mang cầm cố."

Đó là một quá trình diễn ra trong thời gian dài và không có điềm báo trước; và Scarret đã không nhận ra cái đặc điểm mới này trong tính cách của Gail Wynand cho tới khi Wynand ở tuổi 45. Sau đó, nhiều người cùng nhận ra đặc điểm này. Wynand không còn quan tâm tới việc hạ gục các nhà công nghiệp và tài chính nữa. Ông tìm ra một loại nạn nhân mới. Người ta không biết chắc đó là trò chơi, là niềm say mê hay là một sự theo đuổi có hệ thống. Họ thấy nó thật kinh khủng vì nó có vẻ rất độc ác và vô nghĩa.

Tất cả bắt đầu với vụ việc của Dwight Carson. Dwight Carson là một nhà báo trẻ tuổi có tài, và nổi tiếng là một người quyết liệt theo đuổi những niềm tin của mình. Anh ủng hộ con người cá nhân thay vì đám đông quần chúng. Anh viết bài cho các tạp chí có tên tuổi nhưng có lượng phát hành nhỏ và vì thế không hề là đối thủ cạnh tranh của Wynand. Wynand mua Dwight Carson. Ông buộc Carson viết một chuyên mục trên tờ Ngọn cờ - chuyên mục dành riêng cho việc rao giảng về sự ưu việt của quần chúng so với các cá nhân có tài. Đó là một chuyên mục tồi tệ, tẻ ngắt, thiếu thuyết phục và khiến mọi người giận dữ. Việc này gây lãng phí mặt báo và lãng phí một khoản tiền lương lớn. Nhưng Wynand kiên quyết duy trì nó.

Ngay cả Alvah Scarret cũng bị sốc bởi hành vi phản đồ của Carson. "Bất kỳ ai cũng được, Gail", ông ta nói "thật tình, tôi không ngờ Carson lại làm việc đó." Wynand phá lên cười; ông cười rất lâu, như thể ông không ngừng lại được, như thể ông đang lên cơn động kinh.

Scarret nhíu mày, ông không thích nhìn thấy Wynand không thể kiềm chế cảm xúc; việc này mâu thuẫn với những gì ông biết về Wynand. Nó tạo cho Scarret một cảm giác lo ngại lạ lùng, như thể ông nhìn thấy một vết nứt nhỏ

xíu trên một mặt tường phẳng lì - tuy vết nứt không đủ để đe doạ bức tường nhưng lẽ ra, nó không nên có mặt ở đó.

Vài tháng sau đó, Wynand mua về một cây bút trẻ từ một tạp chí cấp tiến - anh này nổi tiếng trung thực - và yêu cầu anh ta viết một loạt các bài báo ca ngợi những cá nhân kiệt xuất đồng thời lên án đám đông. Việc này - cũng giống như vụ Carson - khiến rất nhiều độc giả của ông giận dữ. Ông vẫn duy trì nó. Ông dường như không còn lưu tâm tới các tín hiệu ảnh hưởng nho nhỏ tới lượng phát hành.

Ông thuê một nhà thơ nhạy cảm để viết bài bình luận các trận đấu bóng chày. Ông thuê một chuyên gia nghệ thuật để đưa tin tức tài chính. Ông khiến một người theo đường lối xã hội chủ nghĩa viết bài bảo vệ các chủ nhà máy và một người bảo thủ ca ngợi người lao động. Ông bắt một người vô thần viết bài vinh danh tôn giáo. Ông khiến một nhà khoa học nghiêm túc tuyên bố về tính ưu việt của linh cảm thần bí so với các phương pháp khoa học. Ông cấp cho một nhạc trưởng lớn một khoản tiền lương hàng năm khổng lồ, với điều kiện duy nhất là ông ta không bao giờ chỉ huy dàn nhạc nữa.

Một vài người trong số này từ chối - ban đầu thì thế. Nhưng họ đều đầu hàng khi nhận thấy mình đang trên bờ vực phá sản sau một loạt các sự cố không rõ nguyên nhân xảy ra liên tiếp trong vài năm liền. Một số họ là những người nổi tiếng, số còn lại vô danh.

Wynand không quan tâm tới vị thế trước đây của những con mồi này. Ông không quan tâm tới những người đã thành công rực rỡ nhờ việc thương mại hóa sự nghiệp của mình mà không giữ một niềm tin nhất định nào. Các nạn nhân của ông có một đặc điểm chung: lòng chính trực tuyệt đối.

Khi họ đã bị quật ngã, Wynand vẫn tiếp tục trả tiền cho họ đều đặn. Nhưng ông không còn quan tâm tới họ nữa và cũng không muốn gặp lại họ. Dwight Carson trở thành kẻ nghiện rượu. Hai người khác nghiện ma tuý. Một người tự sát. Sự kiện cuối cùng này khiến Scarret không chịu đựng thêm được nữa. "Liệu việc này có đi quá xa không hả Gail" - ông ta hỏi "Có khác nào giết người đâu."

"Không hề", Wynand nói, "Tôi chỉ là tác nhân bên ngoài. Nguyên nhân là ở bên trong anh ta. Nếu sét đánh vào một cái cây mục nát và nó ngã gục thì đó không phải là lỗi của sét."

"Nhưng thế nào là một cái cây khoẻ mạnh?"

"Chúng không tồn tại, Alvah", Wynand nói một cách vui vẻ "chúng không hề tồn tại."

Alvah Scarret không bao giờ hỏi Wynand lý do nào dẫn đến sự quan tâm mới này của ông. Bằng một trực giác mơ hồ, Scarret đoán được phần nào lý do đằng sau nó. Scarret nhún vai và cười, nói với mọi người là chẳng có gì phải lo lắng cả, đó chỉ là "một cái van an toàn thôi." Chỉ có hai người hiểu được Gail Wynand: Alvah Scarret - hiểu được một phần, và Ellsworth Toohey - hiểu hoàn toàn.

Ellsworth Toohey - tuy muốn né tránh tranh luận với Wynand bằng mọi giá - không khỏi cảm thấy ghen tỵ vì Wynand đã không lựa chọn ông làm nạn nhân. Toohey hầu như mong muốn Wynand thử mua chuộc ông, cho dù hậu quả có là gì đi nữa. Nhưng Wynand dường như không để ý thấy sự tồn tại của ông ta.

Wynand chưa bao giờ sợ hãi cái chết. Trong những năm qua, ý nghĩ tự sát đã từng đến với ông, không phải như một ý định mà như một trong số những khả năng có thể lựa chọn của cuộc sống. Ông xem xét nó một cách thờ ơ, với sự tò mò lịch lãm, như khi ông xem xét bất kỳ khả năng nào khác, và rồi quên nó đi. Ông cũng từng biết tới cảm giác kiệt quệ trống rỗng khi ý chí của ông rời bỏ ông. Ông luôn luôn tự chữa cho mình bằng cách vào trong gallery của ông vài tiếng đồng hồ.

Cứ thế, Gail Wynand đến tuổi 51. Ngày hôm nay, không có sự kiện gì đáng kể xảy ra trong ngày. Nhưng tới buổi tối, ông cảm thấy mình không muốn bước thêm một bước nào nữa.

*

* *

Gail Wynand ngồi trên mép giường, sụm người về phía trước, cùi chỏ tì vào đầu gối, khẩu súng đặt trên lòng bàn tay.

Phải, - ông tự bảo mình - câu trả lời nằm ở đâu đó. Nhưng ta không muốn biết nó. Ta không muốn biết nó.

Và bởi vì ông cảm thấy ở tận cùng cái mong muốn không sống tiếp, vẫn có một nỗi kinh hãi nhói lên, ông biết là ông sẽ không chết vào đêm nay. Chừng nào ông còn sợ một điều gì đó thì ông còn có chỗ bám víu để sống; kể cả nếu như sống chỉ có nghĩa là tiếp tục đi tới một thảm kịch không biết rõ nào đó. Ý nghĩ về cái chết không mang lại cho ông điều gì. Ý nghĩ về sự sống mang lại một niềm an ủi nhỏ nhoi - nó gợn lên sự sợ hãi.

Ông cử động cánh tay, ước lượng sức nặng của khẩu súng. Ông mỉm cười, nụ cười nhạo báng ảm đạm. Không, ông nghĩ, không phải là cho mày. Chưa đến lúc. Mày vẫn còn cảm thấy không muốn chết một cách vô nghĩa. Mày bị chặn lại vì điều đó. Cho dù nó chỉ là phần còn sót lại - của một cái gì

đó.

Ông quẳng khẩu súng lên trên giường và biết rằng thời điểm đó đã qua và khẩu súng không còn gây nguy hiểm cho ông nữa. Ông đứng dậy. Ông không vui sướng, ông thấy mệt mỏi, nhưng ông đã trở lại cuộc sống bình thường của ông. Chẳng còn chuyện gì, ngoại trừ việc kết thúc ngày hôm nay cho sớm rồi đi ngủ.

Ông bước xuống phòng làm việc để uống một ly rượu.

Khi ông bật đèn trong phòng làm việc, ông nhìn thấy món quà của Toohey. Đó là một chiếc thùng có khe thưa, cao và thẳng đứng, được đặt trên bàn ông. Ông đã nhìn thấy nó vào buổi tối. Lúc đó, ông nghĩ "Cái quỷ gì thế này", và rồi quên luôn.

Ông rót cho một ly rượu và đứng uống chậm rãi. Chiếc thùng quá to để thoát khỏi tầm nhìn của ông, và trong khi uống, ông thử đoán xem nó có thể chứa cái gì. Nó quá dài và thon để có thể chứa một thứ đồ nội thất. Ông không nghĩ ra được thứ đồ vật gì mà Toohey lại muốn tặng ông. Trước đó, ông đã nghĩ tới một cái gì đó ít vật chất hơn - như một chiếc phong bì nhỏ trong đó có những lời bóng gió về việc tống tiền. Rất nhiều người từng tìm cách tống tiền ông nhưng đều không thành công. Ông nghĩ Toohey hẳn phải khôn ngoan hơn họ.

Cho tới lúc kết thúc ly rượu, ông vẫn không tìm được lời giải thích hợp lý nào cho cái hộp. Điều đó khiến ông bực mình, như gặp phải một trò đố chữ cứng đầu. Ông có hộp dụng cụ ở đâu đó trong ngăn kéo bàn. Ông tìm thấy nó và đập vỡ cái hộp.

Đó là bức tượng Dominique Francon do Steven Mallory nặn. Gail Wynand bước tới bàn và đặt chiếc kìm ông đang cầm xuống như thể nó làm bằng thứ pha lê dễ vỡ. Rồi ông quay lại và nhìn vào bức tượng một lần nữa. Ông đứng lặng nhìn nó trong một tiếng đồng hồ. Rồi ông bước tới điện thoại và gọi số của Toohey. "Alô?", Toohey trả lời - cái giọng khàn khàn cho thấy ông bị đánh thức khỏi một giấc ngủ sâu. "Được rồi. Đến đi" - Wynand nói và dập máy. Nửa giờ sau, Toohey đến. Đây là lần đầu tiên ông ta tới nhà Wynand. Đích thân Wynand ra mở cửa, vẫn trong bộ đồ pyjama. Ông không nói gì và đi vào phòng làm việc. Toohey đi sau ông.

Bức tượng khoả thân bằng cẩm thạch với mái đầu ngả về phía sau trong sự thăng hoa khiến cho căn phòng như thể không còn tồn tại nữa: giống như Đền Stoddard. Mắt Wynand hướng vào Toohey chờ đợi, cái nhìn nặng nề ẩn chứa cơn giận dữ bị kìm nén.

"Dĩ nhiên là ngài muốn biết tên người mẫu?", Toohey hỏi, giọng ông thoáng có vẻ đắc thắng.

"Quỷ tha ma bắt, không", Wynand nói "Tôi muốn biết tên nhà điêu khắc."

Ông tự hỏi tại sao Toohey lại không thích câu hỏi đó; điều gì còn lớn hơn cả nỗi thất vọng hiện ra trên khuôn mặt Toohey...

"Nhà điêu khắc à?", Toohey nói. "Để tôi xem... Tôi nghĩ là tôi biết... Đó là Steve... hay Stanley... Stanley cái gì đó, đại loại thế... Thực sự, tôi không nhớ."

"Nếu ông đủ hiểu biết để mua cái này thì ông hẳn phải biết hỏi tên tác giả và không bao giờ quên nó chứ."

"Tôi sẽ tìm lại, ngài Wynand."

"Ông mua nó ở đâu?"

"Ở một cửa hàng bán đồ nghệ thuật nào đó, ông biết đấy, trong số các cửa hàng trên Đại lộ số Hai."

"Làm thế nào mà nó lại có mặt ở đó?"

"Tôi không biết. Tôi không hỏi. Tôi mua nó vì tôi biết người mẫu là ai."

"Ông đang nói dối. Nếu thực sự là thế, ông đã không dám làm như thế này. Ông biết là tôi chưa từng để một ai đó vào trong phòng sưu tập nghệ thuật của tôi. Ông dám nghĩ là tôi sẽ cho phép ông đóng góp cho căn phòng đó? Chưa có bất cứ ai dám tặng tôi một món quà kiểu thế. Ông sẽ không dám liều, trừ khi ông biết chắc chắn, cực kỳ chắc chắn, là tác phẩm này vĩ đại tới nhường nào. Và chắc chắn rằng tôi sẽ phải chấp nhận nó. Khi đó ông sẽ thắng tôi. Và ông đã thắng."

"Tôi rất vui được nghe điều này, ngài Wynand."

"Nếu ông thích nghe điều đó, thì tôi cũng nói cho ông biết là tôi ghét phải thấy tác phẩm này đến qua tay ông. Tôi ghét việc ông hiểu được giá trị của nó. Nó không hợp với ông. Cho dù rõ ràng là tôi đã sai về ông: ông có con mắt nghệ thuật khá hơn tôi từng nghĩ."

"Cho dù ngài nói thế, tôi cũng sẽ chấp nhận nó như một lời khen và xin cảm ơn ngài, ngài Wynand."

"Bây giờ, ông muốn gì? Theo tôi hiểu, tôi sẽ không để tôi có cái này trừ khi tôi đồng ý gặp bà Peter Keating phải không?"

"Ồ không, ngài Wynand. Tôi tặng nó cho ngài như một món quà. Tôi chỉ muốn ngài hiểu rằng đó chính là bà Peter Keating."

Wynand nhìn bức tượng và nhìn lại Toohey.

"À, ông là đồ ngốc", Wynand nói nhẹ nhàng.

Toohey nhìn ông, bối rối.

"Thế ra ông đúng là đã dùng nó như một cái đèn đỏ treo ngoài cửa sổ à?" [105] - Wynand dường như trút được gánh nặng, ông không còn thấy cần thiết phải nhìn Toohey nữa. "Như thế tốt hơn, Toohey. Ông không khôn ngoan như tôi nghĩ lúc nãy."

"Nhưng, ngài Wynand, điều gì...?"

"Chẳng nhẽ ông nhận ra rằng bức tường này là cách tốt nhất để giết chết bất kỳ sự hứng thú nào tôi có thể có với bà Keating nhà ông?"

"Ngài vẫn chưa gặp cô ấy, ngài Wynand."

"À, có thể cô ta rất đẹp. Có thể cô ta còn đẹp hơn bức tượng này. Nhưng cô ta không thể có được cái mà nhà điêu khắc đã tạo ra cho cô ta. Và phải nhìn thấy cái khuôn mặt đấy, nhưng chẳng có chút ý nghĩa gì, giống một bức tranh biếm họa tồi - ông không nghĩ là người ta sẽ căm ghét cô ta vì điều đó sao?"

"Ngài chưa gặp cô ấy."

"Được thôi, tôi sẽ gặp cô ta. Tôi đã nói, hoặc ông sẽ thành công hoặc ông sẽ mất hết vì cái trò táo tợn này. Nhưng tôi không hứa với ông là sẽ ngủ với cô ta, đúng không? Tôi chỉ gặp cô ta thôi."

"Tôi chỉ muốn có vậy, ngài Wynand."

"Bảo cô ta gọi điện tới văn phòng của tôi để hẹn gặp."

"Cám ơn ngài, ngài Wynand."

"Ngoài ra, ông đã nói dối khi bảo rằng ông không biết tên nhà điêu khắc. Nhưng bắt ông nói ra sẽ quá mất thời gian của tôi. Cô ta sẽ nói cho tôi biết."

"Tôi chắc chắn rằng cô ấy sẽ nói cho ngài. Nhưng tại sao tôi phải nói dối ngài cơ chứ?"

"Có Chúa mới biết được. Nhân tiện, nếu gã điêu khắc đó không giỏi đến thế này thì ông đã mất việc."

"Nhưng, ngài Wynand, tôi còn có hợp đồng."

"Ông để dành cái đó cho công đoàn của ông đi, Elsie! Bây giờ tôi nghĩ rằng ông nên chúc tôi ngủ ngon và ra khỏi đây."

"Vâng, ngài Wynand. Tôi chúc ngài ngủ ngon."

Wynand đưa ông ta ra tới ngoài sảnh. Ở cửa, Wynand nói: "Ông là một nhà kinh doanh tồi, Toohey. Tôi không biết tại sao ông lại muốn tôi gặp bà Keating đến thế. Tôi không biết mưu đồ của ông là gì khi cố gắng giành cho

Keating cái hợp đồng đó. Nhưng cho dù nó là gì thì nó cũng không đáng giá đến mức ông phải đánh đổi nó lấy một thứ như bức tượng này."

II.

"Sao em lại không đeo chiếc vòng ngọc lục bảo?" Peter Keating hỏi, "Tất cả mọi người đều nhìn chằm chằm vào chiếc vòng sa-phia mà vợ chưa cưới của lão Gordon Prescott đeo."

"Em xin lỗi, Peter. Lần sau em sẽ đeo nó", Dominique nói.

"Bữa tiệc thật vui. Em có được vui không?"

"Em luôn luôn vui."

"Anh cũng thế... Chỉ có điều... Lạy Chúa, em có muốn biết sự thật không?"

"Không."

"Dominique, anh phát ngấy. Vincent Knowlton là một kẻ chán ngấy. Một tên hợm hĩnh. Anh không thể chịu được hắn." Anh nói thêm, vẻ lo lắng. "Nhưng anh không để lộ ra đấy chứ?"

"Không, anh cư xử rất hoàn hảo. Anh cười trước các câu pha trò của anh ta, ngay cả khi không có ai cười."

"Ồ, em nhận ra à? Mánh đấy luôn hiệu quả."

"Có, em có nhận ra."

"Em nghĩ là anh không nên làm thế phải không?"

"Em không nói thế."

"Em nghĩ là nó... bần tiện, đúng không."

"Em không nghĩ điều gì là bần tiện cả."

Anh gục đầu sâu hơn trong chiếc ghế bành; tư thế dó làm cằm của anh ép vào ngực một cách khó chịu, nhưng anh không muốn thay đổi tư thế. Ngọn lửa kêu lách cách trong lò sưởi phòng khách. Anh đã tắt hết các đèn, ngoại trừ cây đèn cầy có bóng màu vàng lụa, nhưng ánh sáng trong phòng không tạo ra không khí thư giãn thân mật, mà chỉ làm cho căn phòng thêm xa lạ, như thể một căn hộ bỏ không, bị tắt hết đèn đuốc.

Dominique ngồi ở đầu kia của căn phòng. Tấm thân mảnh dẻ của cô ngoan ngoãn nép vào đường viền của chiếc ghế có lưng thẳng. Trông cô không cứng nhắc, nhưng cô quá tự chủ để có thể coi là đang thư giãn. Chỉ có hai người trong phòng, nhưng cô ngồi như một mệnh phụ phu nhân đang ngồi ở một buổi chiêu đãi công cộng; như một ma-nơ-canh đứng trong một cửa kính ngoài đường - và cửa kính lại ở ngay một ngã tư đông đúc. Họ vừa

về nhà từ bữa tiệc trà tại nhà Vincent Knowlton, một anh chàng trẻ tuổi, mới nổi lên trong giới thượng lưu và là người bạn mới của Keating. Họ đã có bữa tối yên tĩnh với nhau, và giờ đây họ rảnh rỗi cả buổi tối. Không còn buổi tiếp tân nào, cho tới ngày hôm sau.

"Lẽ ra em không nên cười khi nói chuyện lý thuyết thần bí với bà Marsh", anh nói. "Bà ấy tin chuyện đó mà."

"Em xin lỗi. Em sẽ cẩn thận hơn."

Anh chờ cô mở đầu một cuộc nói chuyện. Cô không nói gì. Anh đột nhiên nghĩ là chưa bao giờ cô mở lời với anh trước - trong suốt hai mươi tháng họ lấy nhau. Anh tự nhủ rằng điều đó thật vớ vẩn và phi lý, anh cố nhớ lại một dịp nào đó cô gợi chuyện với anh. Chắc chắn là có, anh nhớ là cô đã hỏi anh "Tối nay sẽ về nhà lúc mấy giờ?" hay "Anh có muốn mời nhà Dixon vào bữa tối hôm thứ Ba không" và những câu tương tự.

Anh liếc nhìn cô. Trông cô không có vẻ buồn chán, cũng chẳng có vẻ muốn tảng lờ anh. Cô ngồi đó, tỉnh táo và sẵn sàng, như thể sự có mặt của anh choán hết mọi quan tâm của cô; cô không với tay lấy sách, cô cũng không mơ màng theo đuổi một ý nghĩ riêng nào đó. Cô nhìn thẳng vào anh - chứ không nhìn lướt qua anh- như thể cô đang chờ đợi một cuộc nói chuyện.

Anh nhận thấy cô luôn nhìn thẳng vào anh, đúng như thế này; và anh tự hỏi không biết anh có thích việc đó không. Có, anh có thích, nó cho phép anh không có lý do nào để ghen tuông, ngay cả với những ý nghĩ thầm kín của cô. Không, anh không thích, không hoàn toàn thích, nó không để lại một lối thoát nào, cho cả anh và cô.

"Anh vừa đọc xong cuốn *Viên sỏi mật dũng cảm*", anh nói "Một cuốn sách xuất sắc. Sản phẩm của một bộ não xuất chúng, một anh chàng Puck với nước mắt chảy ròng ròng trên mặt,[106] một gã hề có trái tim vàng đang nắm giữ ngai vàng của Thượng đế trong giây lát."

"Em cũng đọc bài điểm sách ấy. Trên tờ *Ngọn cờ* hôm Chủ nhật."

"Anh đã đọc cả cuốn sách đó. Em biết là anh đã đọc mà."

"Anh thật là tốt."

"Sao cơ?" Anh nghe thấy sự tán đồng trong giọng cô và cảm thấy hài lòng.

"Như thế là chu đáo với tác giả. Em chắc chắn là bà ấy muốn mọi người đọc sách của bà ấy. Thế nên thật tốt khi anh bỏ thời gian ra đọc - nhất là khi anh đã biết trước anh sẽ nghĩ gì về nó."

"Anh không hề biết trước. Có điều, thật tình cờ là anh lại đồng ý với

người điểm sách."

"Tờ *Ngọn cờ* có những người điểm sách giỏi nhất."

"Đúng vậy. Tất nhiên. Thế nên chẳng có gì sai trái khi đồng tình với họ phải không?"

"Chẳng có gì sai cả. Em luôn luôn đồng ý."

"Với ai?"

"Với tất cả mọi người."

"Em đang nhạo báng anh đấy à?"

"Anh có cho em lý do nào để nhạo báng không?"

"Không. Anh không. Không, tất nhiên là không."

"Thế thì em không nhạo báng anh."

Anh chờ đợi. Anh lắng nghe tiếng xe tải rú lên ở đường phố phía dưới. Tiếng động đó giúp lấp đi vài giây đồng hồ, nhưng khi nó lắng xuống, anh lại phải tiếp tục nói:

"Dominique, anh muốn biết em nghĩ gì."

"Về cái gì cơ?"

"Về... về..." Anh tìm kiếm một chủ đề quan trọng và kết thúc bằng: "... về Vincent Knowlton."

"Em nghĩ anh ta là người xứng đáng được người khác liếm mông."

"Lạy Chúa, Dominique!"

"Em xin lỗi. Em đã dùng từ thô tục và cư xử không hay. Rõ là em sai rồi. Được rồi, để xem nào: Vincent Knowlton là người dễ chịu. Các gia đình dòng dõi cần phải được châm chước và chúng ta cần phải khoan dung với quan điểm của những người khác, bởi vì khoan dung là một phẩm chất tuyệt vời, và do đó sẽ là bất công khi anh áp đặt quan điểm của anh lên Vincent Knowlton, và nếu như anh để choa ta tin những điều anh ta muốn tin thì rồi anh ta cũng sẽ sẵn lòng để anh tin những điều anh muốn tin, bởi vì anh ta là một người rất có lòng nhân."

"Nào, thế mới phải chứ", Keating nói; anh cảm thấy thoải mái với thứ ngôn ngữ quen thuộc.

"Anh nghĩ khoan dung là rất quan trọng, bởi vì..." Anh dừng lại. Anh kết thúc, bằng một giọng trống rỗng "Em đã nói y hệt như thế trước đây."

"Anh nhận ra à," cô nói. Cô nói mà không phải để hỏi, một cách thờ ơ, như thể là một chuyện đương nhiên. Đó không phải là sự châm biếm - thà

như vậy còn hơn; châm biếm còn có nghĩa là cô thừa nhận cá nhân con người anh - thừa nhận cái ham muốn làm anh tổn thương. Nhưng giọng của cô chưa bao giờ hàm chứa một quan hệ cá nhân nào với anh - chưa hề, trong suốt cả hai mươi tháng.

Anh nhìn chằm chằm vào ngọn lửa. Đây chính là điều làm một người đàn ông cảm thấy hạnh phúc - được ngồi, nhìn mơ màng vào ngọn lửa từ chính lò sưởi của mình, trong căn nhà của chính mình. Anh vẫn hay nghe thấy và đọc thấy như thế. Anh nhìn chằm chằm vào ngọn lửa, không nháy mắt, cố ép mình tuân thủ hoàn toàn cái chân lý đã được xác lập ấy. Chỉ thêm một phút nữa thôi và ta sẽ cảm thấy hạnh phúc - anh nghĩ và cố tập trung. Nhưng chẳng có gì xảy ra.

Anh nghĩ tới việc anh có thể mô tả cảnh tượng này một cách thuyết phục như thế nào cho bạn bè và khiến họ ghen tỵ với sự viên mãn của anh. Tại sao anh lại không thể tự thuyết phục chính mình? Anh đã có tất cả những thứ mà anh muốn. Anh muốn sự nổi trội - và trong cả năm vừa qua anh trở thành một thủ lĩnh không thể chối cãi trong ngành kiến trúc. Anh muốn nổi tiếng - và anh đã có năm album sưu tập đầy ắp các bài báo viết về anh. Anh muốn giàu có - và anh đã có đủ để sống xa hoa tới hết đời. Anh có tất cả những thứ mà mọi người đều muốn. Đã có bao nhiêu người cũng phấn đấu và chịu đựng để đạt được những gì anh đã có? Đã có bao nhiêu người mơ ước, đổ máu và chết vì những thứ này, và vẫn không thể có được chúng?

"Peter Keating là người may mắn nhất thế giới." Đã bao nhiêu lần anh nghe thấy người ta nói như thế?

Năm ngoái là năm tốt nhất trong đời anh. Anh đã có thêm một vật sở hữu tưởng như không thể có được - đó là Dominique Francon. Thật sung sướng được cười thoải mái khi bạn bè nhiều lần hỏi anh "Peter, làm thế quái nào mà anh làm được thế nhỉ?" Anh từng vui sướng khi giới thiệu cô với người lạ, bằng câu nói đơn giản "Vợ tôi", rồi ngắm nhìn sự ghen tỵ thẫn thờ, không kiểm soát được trong mắt họ. Một lần, tại một bữa tiệc lớn, một gã say rượu trông rất hào nhoáng đã hỏi anh, với một cái nháy mắt thể hiện dụng ý rõ ràng: "Nào, anh bạn, anh có quen tạo vật tuyệt vời ở đằng kia không?"

"Cũng hơi quen", Keating đã sung sướng trả lời, "cô ấy là vợ tôi."

Anh thường tự lấy làm mừng vì cuộc hôn nhân của họ hóa ra tốt đẹp hơn anh từng nghĩ. Dominique đã trở thành người vợ lý tưởng. Cô cống hiến hết mình cho lợi ích của anh: cô lấy lòng các khách hàng, cô tiếp đãi bạn bè và trông coi ngôi nhà của anh. Cô không thay đổi bất cứ thứ gì trong cuộc sống của anh: giờ giấc, món ăn anh thích, ngay cả đến cách sắp xếp đồ đạc của anh. Cô không mang theo bất kỳ cái gì, ngoài quần áo của cô; cô không mua

thêm dù chỉ một quyển sách hay một chiếc gạt tàn cho căn nhà của anh. Khi anh nói quan điểm của mình về bất kỳ chủ đề gì, cô không tranh cãi mà luôn đồng ý với anh. Một cách duyên dáng, như lẽ tự nhiên phải thế, cô luôn chấp nhận vị trí thứ hai, và biến mất ở đằng sau anh.

Anh đã từng chờ đợi một cơn lũ sẽ nhấc anh lên và ném anh vào các tảng đá ngầm nào đó. Nhưng anh thậm chí không thấy cả một nhánh suối nào trên dòng sông phẳng lặng của anh. Tất cả diễn ra như thể dòng sông cứ tiếp tục chảy và có ai đó lặng lẽ bơi theo dòng cùng với anh; không, thậm chí không phải là bơi - bơi là một hành động mạnh mẽ, có ý thức - còn ở đây chỉ là sự lờ lững trôi theo sau anh cùng với dòng nước. Nếu như người ta cho anh quyền quyết định cách cư xử của Dominique sau khi họ cưới nhau, hẳn anh cũng sẽ đòi hỏi cô hành xử y hệt như hiện nay.

Chỉ có điều, những buổi tối của họ luôn khiến cho anh bất mãn một cách khốn khổ. Cô chiều theo anh bất cứ khi nào anh muốn cô. Nhưng chuyện xảy ra cũng giống y như đêm đầu tiên của họ: một thân thể ơ thờ trong vòng tay anh, không xúc cảm, không đáp lại. Cho tới tận bây giờ, đối với anh, cô vẫn là một trinh nữ vì anh chưa từng bắt cô phải trải qua kinh nghiệm gì mới. Mỗi lần như thế, lòng tràn ngập hổ thẹn, anh lại quyết định sẽ không bao giờ chạm vào người cô nữa. Nhưng ham muốn của anh lại trở lại, được kích thích bởi sắc đẹp hiện hữu liên tục của cô. Anh đầu hàng mỗi khi anh không thể cưỡng được nữa. Nhưng việc đó cũng không thường xuyên.

Chính mẹ anh là người đã nói ra điều mà anh không dám tự thú nhận với bản thân về cuộc hôn nhân này. "Mẹ không thể chịu đựng được", mẹ anh nói, sáu tháng sau đám cưới. "Nếu nó giận dữ với mẹ dù chỉ một lần, chửi bới mẹ, ném các thứ vào người mẹ thì còn có thể chấp nhận được. Nhưng như thế này thì mẹ không thể chịu được."

"Sao hả mẹ?", anh hỏi, cảm thấy mơ hồ một nỗi sợ hãi tê điếng. "Vô ích thôi, Peter," bà mẹ trả lời. Mẹ anh, người mà anh chưa bao giờ có thể ngăn những ý kiến, quan điểm, hay lời trách móc của bà, không bao giờ nói thêm một lời nào nữa về cuộc hôn nhân của anh. Bà mua một căn hộ nhỏ cho riêng mình và chuyển ra khỏi nhà anh. Bà thường xuyên đến thăm anh và luôn luôn lịch sự với Dominique, với một vẻ cam chịu kỳ lạ. Anh thường tự bảo mình là anh sẽ sung sướng khi không phải sống cùng mẹ anh, nhưng rồi anh đã không thấy sung sướng. Anh cũng không hiểu Dominique đã làm gì để có thể gây ra nỗi kinh sợ ngày càng tăng trong anh. Anh không thể tìm được một lời nói hay cử chỉ nào để trách móc cô. Nhưng trong vòng hai mươi tháng qua, lúc nào cũng giống như đêm nay: anh không thể chịu được nếu phải ở một mình với cô, nhưng anh cũng không muốn tách ra khỏi cô và cô cũng không muốn tránh mặt anh.

"Không có ai đến chơi tối nay à?" anh hỏi bằng một giọng đơn điệu và quay mặt khỏi lò sưởi.

"Không", cô trả lời, và mỉm cười - nụ cười như cầu nối với các từ tiếp theo của cô: "Anh muốn ở một mình không, Peter?"

"Không!" Nó gần như là một tiếng gào. Mình không được kêu gào giống như một kẻ tuyệt vọng như thế, anh nghĩ, trong khi nói to "tất nhiên là không. Anh rất thích khi có cả một buổi tối riêng với vợ anh."

Anh cảm thấy trực giác mơ hồ mách bảo là anh phải giải quyết được chuyện này, phải biết cách làm cho những giây phút họ ở bên cạnh nhau trở nên có thể chịu được, và anh không được trốn chạy khỏi chúng. Và anh phải làm việc đó là vì lợi ích của chính anh chứ không phải vì cô.

"Em muốn làm gì tối nay, Dominique?"

"Bất cứ điều gì anh muốn."

"Đi xem phim nhé?"

"Anh có muốn không?"

"Anh không biết. Nó giúp giết thời gian."

"Tốt thôi, nào hãy giết thời gian."

"Không. Tại sao chúng ta lại phải thế? Điều đó nghe thật tệ."

"Thật ư?"

"Tại sao chúng ta lại phải chạy khỏi căn nhà của chính mình? Hãy ở lại đây."

"Vâng, Peter."

Anh chờ đợi. Nhưng im lặng, anh nghĩ, cũng là chạy trốn, và còn là sự chạy trốn tồi tệ hơn.

"Em có muốn chơi trò Ngân hàng Nga không?"[107] anh hỏi.

"Anh thích chơi Ngân hàng Nga không?"

"Dào, nó giết thời..." Anh dừng lại. Cô mỉm cười.

"Dominique", anh nói, nhìn vào cô, "em đẹp quá. Em luôn luôn rất... rất, hết sức đẹp. Anh luôn muốn nói cho em biết anh cảm thấy như thế nào."

"Em muốn nghe anh cảm thấy như thế nào, Peter."

"Anh rất thích ngắm nhìn em. Anh luôn nghĩ tới những gì Gordon Prescott nói. Lão ấy bảo em là một công trình hoàn hảo của Thượng đế về toán kết cấu. Còn Vincent Knowlton thì nói em là một buổi sáng mùa xuân.

Và Ellsworth - Ellsworth bảo rằng em như một sự nhạo báng với tất cả thân thể phụ nữ trên trái đất này."

"Thế còn Ralston Holcombe?" cô hỏi.

"Thôi, không nói nữa", anh đột ngột ngắt lời, và quay mặt lại lò sưởi.

Mình biết tại sao mình không thể chịu được sự im lặng, anh nghĩ. Đó là vì đối với cô ta thì việc mình nói hay không nói chẳng có gì khác nhau, cứ như thể mình không tồn tại và chưa bao giờ tồn tại... điều này còn khó chấp nhận hơn là cái chết - vì như thế có nghĩa là chưa bao giờ được sinh ra... Anh đột nhiên cảm thấy một ham muốn tuyệt vọng mà anh không thể gọi tên - ham muốn được trở nên có thật đối với cô.

"Dominique, em có biết anh đang nghĩ gì không?" anh hỏi một cách hăm hở.

"Em không. Anh đang nghĩ gì?"

"Anh đã nghĩ về nó trong một thời gian, và hoàn toàn một mình. Anh chưa từng nói về nó cho bất kỳ ai. Và cũng không ai gợi ý cho anh. Nó là ý tưởng của anh."

"Thế thật tốt. Anh nghĩ gì?"

"Anh nghĩ anh muốn chuyển đến vùng nông thôn và xây một ngôi nhà cho chúng ta. Em có thích như thế không?"

"Em rất thích. Cũng như anh vậy. Anh sẽ tự thiết kế nhà chứ?"

"Đời nào! Không. Bennett sẽ vẽ cho anh. Anh ta thiết kế tất cả các căn nhà nông thôn cho hãng. Anh ta là bậc thầy về loại nhà này."

"Anh thích đi lại hàng ngày giữa nhà và nơi làm việc?"

"Không, anh rất ghét chuyện đó. Nhưng em biết đấy, ngày nay tất cả những người có danh phận một tí đều sống như vậy. Anh cảm thấy mình như một thằng nhà nghèo chết dẫm khi phải thú nhận là anh đang sống ở trong thành phố."

"Anh có thích ngắm cây cối, vườn tược và thiên nhiên xung quanh anh không?"

"Toàn những thứ vô bổ. Anh làm gì có thời gian chứ? Một cái cây chỉ là một cái cây. Khi xem một đoạn phim tài liệu về khu rừng trong mùa xuân là chúng ta đã thấy hết cả rồi."

"Anh có thích làm vườn không? Người ta bảo tự tay vun xới đất đai là một việc làm rất dễ chịu."

"Chúa ơi, không đời nào! Em nghĩ chúng ta là hạng người nào thế?

Chúng ta đủ tiền thuê một người làm vườn, thậm chí một người làm vườn giỏi - và khu vườn của chúng ta sẽ khiến cho hàng xóm phải lác mắt."

"Anh có muốn thử chơi một môn thể thao nào không?"

"Ừ. Anh muốn thế."

"Môn gì?"

"Anh nghĩ anh chơi golf thì tốt hơn. Em biết đấy, là thành viên của một câu lạc bộ golf ngay tại cộng đồng mà mình là thành viên ưu tú sẽ khác hẳn với việc thỉnh thoảng đi chơi golf vào ngày cuối tuần. Và những người mình sẽ gặp ở đó cũng sẽ khác. Thuộc tầng lớp cao hơn nhiều. Và các mối quan hệ mà mình có thể có được..." Anh tự giật mình, và nói thêm một cách giận dữ. "Anh cũng sẽ thử cưỡi ngựa."

"Em thích cưỡi ngựa. Anh có thích không?"

"Anh chưa bao giờ có nhiều thời gian để cưỡi ngựa. Với lại chơi môn này quả thật là xóc bụng. Nhưng Gordon Prescott là cái thá gì mà dám cho rằng hắn là đấng mày râu duy nhất trên trái đất và hắn trưng ảnh hắn mặc đồ cưỡi ngựa ngay trong phòng khách."

"Em đoán là anh muốn có một chút riêng tư?"

"Hừm, anh không tin vào mấy thứ linh tinh kiểu ốc đảo này nọ. Anh nghĩ căn nhà cần nằm gần xa lộ lớn, để mọi người có thể chỉ trỏ nhau rằng đây là biệt thự nhà Keating. Claude Stengel là cái thá gì mà đã có biệt thự ở nông thôn trong khi anh vẫn phải sống trong một căn hộ cho thuê? Hắn bắt đầu sự nghiệp vào cùng khoảng thời gian với anh, và xem thử hắn đã làm được gì và anh đã làm được gì, đấy, may lắm thì hắn cũng chỉ có được hai người rưỡi từng nghe tới tên hắn, thế mà tại sao hắn lại có nhà ở Westchester và..." Anh dừng lại. Cô nhìn vào anh, khuôn mặt bình thản.

"Quỷ tha ma bắt!", anh kêu lên "nếu em không muốn chuyển tới sống ở nông thôn, sao em không nói toẹt ra?"

"Em rất muốn làm bất cứ điều gì anh muốn, Peter. Em muốn tuân theo tất cả những ý kiến mà anh tự mình có được."

Anh ngồi lặng yên một lúc lâu.

"Tối mai chúng ta sẽ làm gì?" anh hỏi trước khi có thể kiềm chế được mình.

Cô đứng dậy, bước tới bàn và lấy cuốn lịch của mình.

"Chúng ta sẽ ăn tối với nhà Palmer vào tối mai," cô nói.

"Chúa tôi!", anh than vãn "Bọn họ thật chán ngấy! Tại sao chúng ta phải

ăn tối với họ chứ?"

Cô đứng, những đầu ngón tay kẹp quyển lịch ngửa về phía trước, như thể cô là một tấm ảnh mà trọng tâm là quyển lịch còn hình hài chính của cô thì nhòe đi để làm nền cho nó.

"Chúng ta phải ăn tối với nhà Palmer", cô nói "để có thể nhận được hợp đồng nhà kho mới của họ. Chúng ta phải có hợp đồng này để có cái mà nói chuyện trong bữa tối với nhà Eddington vào thứ Bảy. Nhà Eddington không có hợp đồng nào cho chúng ta, nhưng họ có tên trong Danh mục Đăng ký Xã hội. Nhà Palmer làm anh phán chán và nhà Eddington thì khinh bỉ anh. Nhưng anh phải tâng bốc những người mà anh khinh bỉ để có thể gây ấn tượng được với những người khinh bỉ anh."..

"Tại sao em cứ phải nói những điều như thế?"

"Anh có muốn xem cuốn lịch này không, Peter?"

"Thì ai mà chả làm như vậy. Tất cả mọi người đều sống vì những thứ đó."

"Phải, Peter. Hầu như tất cả mọi người."

"Nếu em không đồng ý thì tại sao em không nói?"

"Em đã nói câu nào về chuyện không đồng ý chưa?"

Anh cẩn thận nhớ lại. "Không", anh thừa nhận "Không, em chưa nói... Nhưng cái cách mà em nói..."

"Thế anh có thích em nói ý kiến của em không - như là em đã nói về Vincent Knowlton?"

"Anh muốn..." và anh kêu lên - "Anh muốn em bày tỏ quan điểm, quỷ bắt tôi đi, dù chỉ một lần!"

Cô hỏi lại, vẫn với giọng đơn điệu như cũ: "Quan điểm của ai cơ hả Peter? Của Gordon Prescott? Của Ralston Holcombe? Hay của Ellsworth Toohey?"

Anh quay sang cô, dựa vào tay ghế, nửa như nhổm dậy và đột nhiên căng thẳng. Cái tồn tại giữa họ bắt đầu có hình hài rõ ràng. Anh có được những từ đầu tiên để có thể gọi tên nó.

"Dominique," anh nói nhẹ nhàng và chừng mực, "chính là thế đấy. Giờ thì anh biết. Giờ thì anh biết vấn đề trong cuộc sống của chúng ta là gì."

"Đã có vấn đề gì sao?"

"Chờ đã. Việc này rất quan trọng. Dominique, em chưa bao giờ nói, dù chỉ một lần, em nghĩ gì. Dù là về cái gì. Em chưa bao giờ bộc lộ một ham muốn. Bất kể là ham muốn gì."

"Như thế thì có gì sai?"

"Nhưng như thế... như thế giống như là chết. Em không có thực. Em chỉ là một cái xác. Nghe này, Dominique, em không biết đâu, anh sẽ cố giải thích. Em biết chết là thế nào chứ? Khi phần xác không thể cử động, khi nó không có... không có ý chí, không có ý nghĩa. Em hiểu không? Không có gì cả. Hoàn toàn không có gì. Tất nhiên, thân thể em vẫn cử động - nhưng chỉ có mỗi thế thôi. Phần kia, cái phần ở bên trong em, phần - ồ, đừng hiểu lầm anh, anh không nói tới tôn giáo, nhưng không có từ nào thay thế cho nó, nên anh sẽ nói: phần linh hồn của em - linh hồn của em không tồn tại. Không ý chí, không ý nghĩa. Sẽ không còn thực sự là em nữa."

"Thế thực sự em là cái gì?" - Cô hỏi. Lần đầu tiên, trông cô tỏ ra quan tâm. Cô không hào hứng, nhưng ít nhất là có quan tâm.

"Một người thực sự là gì à?" - anh nói, cảm thấy được khích lệ, "đó không chỉ là thân thể. Đó là... đó là linh hồn."

"Linh hồn là gì?"

"Là - em. Là cái ở bên trong em."

"Là cái khiến ta suy nghĩ, đánh giá và ra quyết định."

"Đúng vậy! Đúng rồi, chính nó. Và là cái biết cảm giác nữa. Em - em đã đánh mất nó."

"Như thế là có hai thứ mà chúng ta không thể đánh mất là ý nghĩ và ham muốn phải không?"

"Đúng rồi! Ồ, em có hiểu đấy chứ! Đấy, em thấy đấy, em giống như một cái xác với tất cả những người quanh em. Như một cái xác chết biết đi. Nó còn tồi tệ hơn bất cứ một tội ác thực sự nào. Nó là..."

"Sự trống rỗng?"

"Đúng. Hoàn toàn trống rỗng. Em không ở đây. Em chưa bao giờ ở đây cả. Nếu em bảo với anh là tấm rèm trong căn phòng này trông thật nhơ nhuốc rồi em xé bỏ nó để thay bằng cái khác mà em thích - như thế tức là em còn có thực, em ở đây, trong căn phòng này. Nhưng em chưa bao giờ làm thế cả. Em chưa bao giờ nói với đầu bếp là em thích tráng miệng gì vào bữa tối. Em không ở đây, Dominique. Em không hề sống. Cái Tôi của em ở đâu thế?"

"Của anh thì ở đâu, Peter?" cô hỏi lặng lẽ.

Anh ngồi yên, mắt mở to. Cô hiểu rằng ý nghĩ của anh, trong phút này, hiện ra rõ ràng và trực tiếp như thể anh đang nhìn thấy nó, và việc anh suy nghĩ cũng giống như việc nhìn vào những năm tháng đã nối nhau ở lại sau

lưng anh.

"Không đúng", cuối cùng anh nói, giọng trống rỗng, "Không phải thế."

"Cái gì không đúng?"

"Điều em vừa nói."

"Em không nói gì cả. Em chỉ hỏi anh một câu hỏi."

Mắt anh cầu xin cô hãy nói, hãy phủ nhận. Cô đứng dậy trước mặt anh; dáng người thẳng đứng của cô là dấu hiệu của sự sống, một sự sống mà anh đã đánh mất và đang cầu xin; nó biểu hiện một mục đích, và đó là biểu hiện của một vị quan tòa.

"Anh bắt đầu nhận ra rồi phải không, Peter? Em sẽ làm rõ hơn nhé. Anh chưa bao giờ muốn em có thực. Anh chưa bao giờ muốn bất kỳ ai có thực. Nhưng anh không muốn bộc lộ ra. Anh muốn người ta đóng kịch để giúp cho vai kịch của anh - một vai kịch đẹp đẽ, phức tạp với tất cả những sự kịch tính, sự tỉa tót, và lời lẽ của nó. Tất cả chỉ là lời lẽ. Anh không thích những gì em nói về Vincent Knowlton. Nhưng anh thích nếu em nói những điều y hệt vậy dưới vỏ bọc của đức hạnh. Anh không muốn em thực sự tin. Anh chỉ muốn em làm anh nghĩ là em tin vào điều đó.

Linh hồn của em ư, Peter? Nó chỉ có thực khi nó tồn tại độc lập - anh nhận ra rồi phải không? Nó chỉ có thực khi nó chọn rèm cửa và món tráng miệng - anh nói đúng điểm này - rèm cửa, món tráng miệng, tôn giáo, Peter, và kiến trúc các tòa nhà nữa. Nhưng anh chưa bao giờ muốn thế. Anh muốn một chiếc gương. Mọi người đều không muốn gì khác ngoài những chiếc gương xung quanh họ. Để phản chiếu họ trong khi họ cũng phản chiếu những thứ khác. Anh biết đấy, giống như những hình ảnh vô tận vớ vẩn khi anh đặt hai chiếc gương đối diện nhau trong một khoảng không hẹp. Họ vẫn hay đặt thế ở những loại khách sạn rẻ tiền. Phản chiếu của phản chiếu và tiếng vọng của tiếng vọng. Không có khởi đầu và không có kết thúc. Không có trung tâm và không có mục đích. Em đã cho anh cái mà anh muốn. Em trở thành người như anh, như bạn bè anh, như hầu hết loài người đang cố gắng trở thành - nhưng em không thèm rườm rà trang điểm. Em không mất công đọc hết các bài điểm sách để che giấu sự thiếu khả năng xét đoán của bản thân - em nói thẳng là em không có khả năng xét đoán. Em không vay mượn các thiết kế để che giấu sự bất lực trong sáng tạo - em chẳng sáng tạo gì cả. Em không nói rằng bình đẳng là một khái niệm cao cả và đoàn kết là mục đích chính của loài người - em cứ thế đồng ý với tất cả mọi người. Anh gọi đó là cái chết ư, Peter? Cái chết đó - em đã phủ nó lên anh và tất cả những người xung quanh chúng ta. Nhưng còn anh - anh không làm điều đó. Mọi người đều thoải mái khi ở bên cạnh anh, họ thích anh, họ thích sự có

mặt của anh. Anh không phủ lên họ cái chết trống rỗng. Bởi vì anh đã phủ nó lên chính bản thân anh."

Anh không nói gì. Cô bước ra xa khỏi anh, và lại ngồi xuống, chờ đợi.

Anh đứng dậy. Anh bước vài bước về phía cô. Anh nói: "Dominique..." Sau đó anh quỳ xuống trước mặt cô, nắm chặt lấy cô, đầu anh gục xuống chân cô.

"Dominique, điều đó không đúng - không phải là anh chưa bao giờ yêu em. Anh yêu em, anh luôn yêu em, chứ không phải là... chỉ để chứng tỏ cho người khác - hoàn toàn không phải thế - anh có yêu em. Có hai người - em và một người nữa, một người đàn ông, người đó cũng luôn làm anh cảm thấy có cùng cảm giác - không hẳn là nỗi sợ, mà giống như một bức tường, một bức tường thẳng đứng khó trèo - như mệnh lệnh bắt phải tiến lên - anh không biết từ đâu - nhưng là cảm giác tiến lên - anh luôn căm ghét người đó - nhưng với em, anh muốn em - lúc nào cũng muốn - đó là lý do anh cưới em - dù lúc đó anh biết là em khinh bỉ anh - lẽ ra em nên tha đừng lấy anh - lẽ ra em không nên trả thù như thế này - không phải như thế này, Dominique - Dominique, anh không thể chống lại, anh..."

"Người đàn ông anh ghét là ai, Peter?"

"Điều đó không quan trọng."

"Anh ta là ai?"

"Không ai cả. Anh..."

"Nói tên anh ta đi."

"Howard Roark."

Cô im lặng một lúc lâu. Rồi cô đặt tay lên tóc anh. Cử chỉ đó có một vẻ dịu dàng.

"Em chưa bao gờ muốn trả thù anh, Peter", cô nói nhẹ nhàng.

"Thế thì - tại sao?"

"Em cưới anh vì lý do riêng của em. Em đã hành động như cái thế giới này đòi hỏi người ta phải thế. Chỉ có điều em không thể làm gì nửa chừng được. Những người làm được thế đều có một vết nứt ở đâu đó bên trong họ. Hầu hết mọi người có nhiều vết nứt như thế. Họ tự lừa dối bản thân - và họ không biết như thế. Em chưa bao giờ tự lừa dối mình. Và vì thế em phải làm những gì mà tất cả người khác đều làm - chỉ có điều nhất quán và trọn vẹn hơn. Có thể em đã hủy hoại anh. Nếu em còn có thể quan tâm tới việc này, thì em sẽ nói là em xin lỗi. Đó không phải mục đích của em."

"Dominique, anh yêu em. Nhưng anh sợ. Vì em đã thay đổi điều gì đó ở trong anh, kể từ đám cưới của chúng ta, kể từ lúc anh trả lời đồng ý với em - ngay cả nếu bây giờ anh đánh mất em, anh cũng không thể nào trở lại như khi chưa có em - em đã lấy đi một cái gì đó mà anh có..."

"Không, em lấy đi cái mà anh chưa bao giờ có. Em cho rằng như thế còn tồi tệ hơn với anh."

"Cái gì cơ?"

"Người ta vẫn nói điều tồi tệ nhất mà ta có thể làm với một người là giết chết lòng tự trọng của anh ta. Nhưng điều đó không đúng. Lòng tự trọng là cái không thể bị giết chết. Điều tồi tệ nhất phải là giết chết khả năng giả vờ có lòng tự trọng."

"Dominique, anh... anh không muốn nói tiếp nữa."

Cô nhìn xuống khuôn mặt anh đang ngả trên đầu gối cô, và anh thấy sự thương hại trong mắt cô. Trong chốc lát, anh nhận ra lòng thương hại thực sự mới kinh khủng làm sao. Nhưng anh không còn biết gì về nó nữa, bởi vì anh đã đóng chặt trí óc mình trước những lời lẽ mà anh sắp sửa dùng để định nghĩa cảm giác ấy.

Cô cúi người và hôn lên trán anh. Đó là nụ hôn đầu tiên cô dành cho anh.

"Em không muốn anh phải đau khổ, Peter", cô nói dịu dàng "Những gì anh đang thấy, vào lúc này, mới là thực - đây chính là em - là lời lẽ của em - Em không muốn anh đau khổ - Em không cảm thấy gì khác - nhưng em biết chắc em không muốn anh đau khổ."

Anh áp môi mình vào bàn tay cô. Khi anh ngẩng đầu dậy, cô nhìn anh như thể, trong giây lát, anh đúng là chồng cô. Cô nói: "Peter, nếu anh có thể bám lấy nó - nếu anh có thể giữ anh như chính anh lúc này."

"Anh yêu em", anh nói.

Họ ngồi im lặng với nhau rất lâu. Anh không cảm thấy căng thẳng trong những phút im lặng đó.

Điện thoại reo.

Không phải là tiếng chuông điện thoại mà chính là vẻ hớn hở khi Keating bật dậy và chạy tới trả lời điện thoại đã phá vỡ khoảnh khắc họ đang có. Cô nghe thấy tiếng anh qua khung cửa để ngỏ, giọng nói suồng sã với vẻ nhẹ nhõm: "Alô?... Ồ, xin chào, Ellsworth!... Không, không có gì cả... Rảnh rỗi như chim trời... Tất nhiên rồi, ông đến đi, đến ngay đi!... Được rồi!".

"Là Ellsworth" - anh nói khi quay lại phòng khách. Giọng anh vui vẻ và có chút đắc thắng - "Ông ấy muốn đến chơi."

Cô không nói gì.

Anh tất bật đi đổ cái gạt tàn chỉ chứa một que diêm hay một mẩu thuốc. Anh vơ gọn đống báo. Anh thêm củi vào lò sưởi một cách không cần thiết. Anh thắp sáng thêm đèn. Anh huýt sáo một giai điệu từ một trích đoạn opera nào đó.

Anh chạy vội ra mở cửa khi nghe thấy tiếng chuông.

"Đẹp làm sao", Toohey nói khi bước vào "Một lò sưởi và một đôi vợ chồng. Xin chào Dominique. Hy vọng là tôi không quấy rầy chứ."

"Chào Ellsworth", cô nói.

"Ông không bao giờ quấy rầy cả", Keating nói, "Tôi không thể nói cho ông biết là tôi vui mừng thế nào khi gặp lại ông." Anh đẩy một chiếc ghế về phía lò sưởi. "Ngồi xuống đây, Ellsworth. Có chuyện gì đây? Ông biết không, khi tôi nghe thấy giọng ông trên điện thoại... tôi đã muốn nhảy lên và sủa như chó cún vậy."

"Nhưng đừng có vẫy đuôi," Toohey nói. "Không, tôi không uống gì đâu, cảm ơn. Cô thế nào, Dominique?"

"Vẫn như tôi cách đây một năm," cô nói.

"Nhưng không như cô cách đây hai năm?"

"Không."

"Tầm này cách đây hai năm, chúng ta làm gì nhỉ?" Keating hỏi vu vơ.

"Anh chưa cưới vợ" - Toohey nói. "Thời tiền sử. Để tôi xem, lúc đó có chuyện gì xảy ra. Tôi nghĩ khi đó Đền Stoddard vừa mới xây xong."

"À, cái đó," Keating nói.

Toohey hỏi: "Anh có nghe thấy tin tức gì về cậu Roark bạn anh không Peter?"

"Không. Tôi nghĩ là cậu ta không có việc gì làm cả năm vừa rồi. Lần này thì cậu ấy đi đứt rồi."

"Đúng, tôi cũng nghĩ vậy... Gần đây anh làm gì, Peter?"

"Cũng không có gì nhiều... À, tôi vừa mới đọc xong cuốn *Viên sỏi mật dũng cảm*."

"Thích nó chứ?"

"Vâng! Ông biết đấy, tôi nghĩ đó là một cuốn sách rất quan trọng. Bởi vì đúng là không tồn tại những thứ như ý chí tự do. Chúng ta không thể quyết định được chúng ta là ai hay làm gì. Đó không phải là lỗi của chúng ta.

Không ai có lỗi gì cả. Tất cả đều do nguồn gốc của anh và... và do tuyến dịch của anh. Nếu anh thành công thì đó cũng không phải là thành quả của anh mà chỉ vì anh đã may mắn với với tuyến địch của mình. Nếu anh có hư hỏng thì người ta cũng không nên trừng phạt anh - tất cả chỉ vì anh đã không gặp may."

Anh nói một cách quả quyết, với sự quá khích không phù hợp cho việc thảo luận văn chương. Anh không nhìn vào Toohey hay nhìn vào Dominique mà nói với căn phòng và với những gì mà căn phòng này đã chứng kiến.

"Rất đúng", Toohey nói "Nhưng nói một cách lô-gíc, chúng ta không nên nghĩ tới chuyện trừng phạt những kẻ hư hỏng. Bởi vì đó không phải là lỗi của họ mà chỉ vì họ không gặp may và không được thiên phú. Họ cần phải được đền bù cái gì đó - giống như một phần thưởng."

"Đúng, đúng thế", Keating kêu lên "Như thế... thế thật hợp lý."

"Và công bằng nữa", Toohey nói.

"Ông đã lái được tờ *Ngọn cờ* theo đúng ý ông muốn, phải không Ellsworth?", Dominique hỏi.

"Ý cô là về chuyện gì?"

"*Viên sỏi mật can đảm*."

"À, không, không thể nói là tôi đã làm được như thế. Chưa hẳn. Vẫn luôn có những thứ - những thứ không thể lường được."

"Các vị đang nói về chuyện gì thế?", Keating hỏi.

"Chuyện nghề nghiệp tầm phào ấy mà", Toohey nói.

Ông duỗi tay mình về phía ngọn lửa và vặn vẹo các ngón tay một cách vui vẻ. "Nhân tiện, Peter, anh có định làm gì với vụ Stoneridge không?"

"Quỷ tha ma bắt", Keating nói.

"Chuyện gì thế?"

"Ông cũng biết thừa rồi còn gì. Ông biết thằng cha đó rõ hơn tôi. Có được một dự án như thế vào lúc này, thì khác gì gặp ốc đảo trong sa mạc. Nhưng mọi việc lại do lão quái thai Wynand quyết định."

"Wynand thì làm sao nào?"

"Thôi nào, Ellsworth! Ông biết rất rõ rằng nếu là ai khác thì tôi đã nhận được hợp đồng nhanh như thế này" - anh bật ngón tay đánh tách một cái - "Tôi thậm chí sẽ không cần phải hỏi nữa vì chủ nhân sẽ chạy đến tìm tôi. Nhất là khi hắn biết rằng một kiến trúc sư như tôi lại để mắt đến dự án của hắn, mặc dù văn phòng thì đã bận lắm rồi. Nhưng mà Gail Wynand! Người

ta hẳn phải nghĩ lão ấy là một vị thánh mắc bệnh dị ứng với cái không khí mà các kiến trúc sư thở ra mất!"

"Tôi đoán là anh đã thử?"

"Thôi, không nói về chuyện đó nữa. Nó làm tôi phát ốm. Tôi đã tiêu đến 300 đôla để mời ăn trưa và chuốc rượu cho đủ loại rác rưởi chỉ vì bọn chúng cam đoan với tôi là sẽ giúp tôi gặp được ông ta. Tất cả những gì tôi nhận được chỉ là sự váng đầu. Tôi nghĩ đi gặp Đức Giáo hoàng còn dễ hơn."

"Tôi đoán là anh muốn có hợp đồng Stoneridge?"

"Ông đang đùa à, Ellsworth? Tôi sẵn sàng mất cánh tay phải của mình để có nó."

"Không nên thế. Khi đó anh sẽ không thể nào vẽ, hay giả vờ vẽ được. Sẽ tốt hơn nếu anh chịu mất cái gì đó ít vật chất hơn."

"Tôi sẵn sàng bán cả linh hồn."

"Thật ư, Peter?", Dominique hỏi.

"Ông nghĩ ra cái gì rồi, Ellsworth?" Keating cắt ngang.

"Chỉ là một gợi ý thực tế thôi nhé," Toohey nói "Ai là người bán hàng hiệu quả nhất của anh từ trước tới giờ và đã giúp anh có được những hợp đồng béo bở nhất?"

"Thì... Tôi nghĩ là Dominique."

"Đúng vậy. Và vì anh không thể gặp được Wynand và kể cả khi gặp được thì cũng chẳng ích, chẳng lẽ anh không nghĩ rằng chính Dominique mới có thể thuyết phục được ông ta sao?"

Keating nhìn chằm chằm vào Toohey. "Ông điên rồ, Ellsworth."

Dominique rướn người về phía trước. Cô tỏ ra quan tâm.

"Từ những gì tôi nghe thấy", cô nói, "Gail Wynand không giúp không phụ nữ, trừ khi họ xinh đẹp. Và nếu họ xinh đẹp thì việc ông ta làm cho họ cũng không phải là không công."

Toohey nhìn cô, khẳng định ý cô bằng cách không bác bỏ.

"Thật ngớ ngẩn", Keating cắt ngang giận dữ. "Làm thế nào mà Dominique có thể gặp được ông ta cơ chứ?"

"Thì gọi điện tới văn phòng ông ta và hẹn gặp", Toohey nói.

"Ai bảo với ông là ông ta sẽ đồng ý?"

"Chính ông ta."

"Khi nào?!"

"Đêm qua. Hay chính xác hơn là sáng sớm hôm nay."

"Ellsworth!", Keating thở gấp. Anh nói thêm "Tôi không tin."

"Tôi tin", Dominique nói, "nếu không Ellsworth đã chẳng khơi chuyện này ra."

Cô mỉm cười với Toohey "Vậy là Wynand hứa với ông là sẽ gặp tôi?"

"Đúng thế, cô gái của tôi ạ."

"Ông làm việc đó bằng cách nào?"

"À, tôi đưa ra một lý lẽ thuyết phục. Tuy nhiên, không nên chần chừ. Cô phải gọi điện cho ông ta vào ngày mai - nếu cô muốn làm điều đó."

"Tại sao cô ấy không thể gọi điện ngay bây giờ?" Keating nói. "À, giờ thì muộn rồi. Việc đầu tiên em cần làm sáng mai là gọi điện cho ông ta."

Cô nhìn anh. Mắt cô nheo lại và cô không nói gì.

"Lâu lắm rồi cô mới quan tâm tới sự nghiệp của Peter", Toohey nói "Liệu cô có sẵn lòng thực hiện một nhiệm vụ khó khăn như thế - vì Peter không?"

"Nếu Peter muốn tôi làm."

"Nếu anh muốn em làm?" Keating kêu lên. "Cả hai người đều điên rồi à? Đó là cơ hội cả đời có một, là..." Anh nhận ra cả hai đều nhìn anh một cách tò mò. Anh ngắt lời "À, thật vớ vẩn".

"Cái gì vớ vẩn, Peter?" Dominique hỏi.

"Chẳng nhẽ em sẽ lại để những lời đồn đại ngu ngốc đó ngáng đường em sao? Vợ của bất kỳ kiến trúc sư nào cũng sẽ quỳ bằng cả hai tay hai chân để có được một cơ hội như thế để..."

"Không có vợ của kiến trúc sư nào khác được cho một cơ hội như thế", Toohey nói "Không có kiến trúc sư nào khác lại có được người vợ như Dominique. Anh vẫn luôn tự hào về điều đó mà, Peter."

"Dominique luôn có thể tự bảo vệ mình trong mọi tình huống."

"Không có gì phải nghi ngờ về điều đó."

"Được rồi, Ellsworth", Dominique nói "Tôi sẽ gọi điện cho Wynand vào ngày mai."

"Ellsworth, ông thật tuyệt!", Keating nói, không nhìn vào cô.

"Tôi tin là bây giờ tôi muốn uống một ly rượu", Toohey nói, "Chúng ta phải ăn mừng."

Trong lúc Keating vội vàng chạy vào bếp, Toohey và Dominique nhìn nhau. Ông mỉm cười. Ông liếc nhìn về phía cánh cửa mà Keating vừa đi qua, sau đó gật đầu nhè nhẹ với cô với vẻ thích thú...

"Ông biết trước sẽ như vậy", Dominique nói.

"Tất nhiên."

"Nào, mục đích thực sự của ông là gì hả Ellsworth?"

"Sao cơ, tôi muốn giúp cô lấy được hợp đồng Stoneridge cho Peter. Đó là một hợp đồng cực tốt."

"Tại sao ông lại sốt sắng muốn tôi ngủ với Wynand đến thế?"

"Thế cô không nghĩ rằng đó sẽ là một chuyện thú vị cho tất cả các bên liên quan sao?"

"Ông không hài lòng với kết quả cuộc hôn nhân của tôi, phải không Ellsworth?"

"Không hoàn toàn. Chỉ khoảng năm mươi phần trăm. Nhưng không có gì là hoàn hảo trên thế giới này cả. Người ta gặt hái những gì có thể và cố gắng hơn nữa."

"Ông từng rất sốt sắng muốn Peter cưới tôi. Ông đã biết trước kết quả sẽ thế nào, biết nhiều hơn cả Peter hay là tôi."

"Peter thì có biết gì đâu."

"Thì, ông thành công đấy - được năm mươi phần trăm. Ông đã có Peter Keating như ông muốn - kiến trúc sư hàng đầu của cả nước bây giờ chẳng khác gì cục bùn bám dính lấy ủng của ông."

"Tôi chưa bao giờ thích cách diễn đạt của cô cả, nhưng nó luôn luôn chính xác. Nếu là tôi thì tôi sẽ nói: anh ta bây giờ là một linh hồn đang ngoe nguẩy đuôi. Phong cách của cô vẫn cứ mềm mại hơn."

"Thế năm mươi phần trăm kia thì sao, Ellsworth? Thất bại à?"

"Gần như hoàn toàn. Lỗi của tôi. Lẽ ra phải biết trước rằng một kẻ như Peter, cho dù chỉ ở cương vị người chồng, cũng không thể nào hủy hoại cô được."

"Ông thành thực đấy."

"Tôi đã nói với cô một lần rằng đó là cách duy nhất có hiệu quả đối với cô. Hơn nữa, chắc chắn là cô không mất đến hai năm mới biết được tôi muốn gì từ đám cưới đó?"

"Thế ông nghĩ rằng Gail Wynand sẽ làm nốt việc đó?"

"Có thể. Cô nghĩ sao?"

"Tôi nghĩ lần này tôi cũng chỉ là chi tiết phụ. Chẳng phải ông từng gọi nó bằng từ 'nước sốt' đó sao? Tại sao ông lại chống lại Wynand?"

Ông ta cười, tiếng cười cho thấy ông đang giả vờ bị bất ngờ với câu hỏi của cô. Cô nói một cách khinh bỉ "Đừng có ra vẻ là ông đang bị sốc nữa, Ellsworth."

"Tốt thôi. Chúng ta nói thẳng nhé. Tôi chẳng chống lại cái gì cụ thể của ông Gail Wynand cả. Tôi đã lập kế hoạch để ông ta gặp cô từ lâu lắm rồi. Nếu cô muốn biết thêm các tiểu tiết thì sáng hôm qua, ông ta có làm một việc khiến tôi bực mình. Ông ta tỏ ra quá tinh ý. Thế nên tôi quyết định đã đến lúc."

"Và còn có vụ Stoneridge nữa."

"Và còn có vụ Stoneridge. Tôi biết chuyện này sẽ hấp dẫn cô. Cô sẽ không bao giờ bán mình để cứu tổ quốc, linh hồn hay cuộc sống của người đàn ông cô yêu. Nhưng cô sẽ bán mình để đổi lấy một hợp đồng cho Peter Keating - hợp đồng mà anh ta không xứng đáng được có. Để xem sau đó, cô sẽ như thế nào. Cả Gail Wynand nữa. Tôi cũng muốn xem chuyện đó."

"Rất chính xác, Ellsworth."

"Tất cả à? Kể cả phần về người đàn ông cô yêu - nếu như cô có yêu?"

"Đúng."

"Cô sẽ không bán mình vì Roark? Mặc dù, tất nhiên là cô không muốn nghe thấy cái tên đó được nhắc tới."

"Howard Roark", cô nói giọng lạnh băng.

"Cô thực sự rất can đảm, Dominique."

Keating đã quay lại, tay cầm khay rượu cocktail. Mắt anh đỏ ngầu và anh liên tục vung tay.

Toohey nâng ly của mình lên. Ông ta nói "Vì Gail Wynand và tờ *Ngọn cờ New York*!"

III.

Gail Wynand đứng lên đón cô ở giữa phòng.

"Chào bà Keating", ông nói.

"Chào ông Wynand", Dominique nói.

Ông kéo một chiếc ghế cho cô nhưng khi cô ngồi xuống, ông không sang ngồi đối diện với cô ở phía bên kìa bàn làm việc, ông đứng quan sát cô một cách chuyên nghiệp, như một người đang định giá. Ông cư xử với ngụ ý việc ông đang làm là một việc hiển nhiên cần thiết; như thế cô cũng biết rõ lý do của ông và cách cư xử đó không có gì là bất nhã cả.

"Trông bà giống như một bản sao nghệ thuật của chính bản sao nghệ thuật của bà", ông nói. "Theo quy luật, việc gặp nguyên mẫu của một tác phẩm nghệ thuật thường có xu hướng làm cho người ta không còn tin có Chúa. Nhưng lần này thì Chúa và nhà điêu khắc là kỳ phùng địch thủ."

"Nhà điêu khắc nào?"

"Người tạc tượng cho bà."

Lúc trước, ông đã cảm thấy có chuyện gì đó không rõ ràng phía sau bức tượng. Giờ đây, ông càng chắc chắn hơn bởi một cái gì đó trên mặt cô - một sự căng thẳng trái ngược, dù chỉ trong giây lát, với vẻ thờ ơ cố tình mà cô tạo ra.

"Ông nhìn thấy bức tượng đó ở đâu và khi nào, ông Wynand?"

"Ở trong gallery của tôi, vào sáng nay."

"Ông kiếm được nó ở đâu?"

Lần này đến lượt ông bối rối:

"Chả nhẽ bà không biết?"

"Không."

"Người bạn của bà, Ellsworth Toohey, gửi cho tôi. Như một món quà."

"Để đổi lấy cuộc hẹn gặp này cho tôi?"

"Không phải với một động cơ trực tiếp như bà đang nghĩ. Nhưng về bản chất thì đúng vậy."

"Ông ta chưa từng nói với tôi điều này."

"Bà có phiền không khi tôi có bức tượng đó?"

"Cũng không hẳn."

"Tôi đã hy vọng bà sẽ nói là bà rất vui."

Tôi không vui."

Ông ngồi xuống một cách thoải mái trên mép ngoài của chiếc bàn làm việc; hai chân duỗi thẳng, hai mắt cá chân vắt chéo nhau. Ông hỏi:

"Tôi đoán là bà đã mất dấu của bức tượng và đã cố tìm kiếm nó?"

"Trong hai năm."

"Bà không thể có lại nó." Ông nói, quan sát cô: "Bà có thể có Stoneridge."

"Tôi sẽ thay đổi ý kiến. Tôi thấy vui vì Toohey đưa nó cho ông."

Ông cảm thấy một chút vị đắng của chiến thắng - và của nỗi thất vọng khi ông nghĩ là ông có thể đọc được ý nghĩ của cô và rằng rốt cuộc thì ý nghĩ của cô rành rành ra đấy. Ông hỏi:

"Vì nhờ thế mà bà có được buổi gặp này phải không?"

"Không. Mà bởi vì nếu tôi được chọn, ông là người gần cuối trên thế giới tôi sẽ để cho giữ bức tượng đó. Người cuối cùng là Toohey."

Ông đánh mất chiến thắng; điều cô vừa nói không phải là những gì mà một phụ nữ muốn có hợp đồng Stoneridge nên nghĩ hay nói ra. Ông hỏi:

"Vậy bà không biết là Toohey giữ nó?"

"Không."

"Chúng ta sẽ nói về người bạn chung của chúng ta, ông Ellsworth Toohey. Tôi không muốn bị dắt mũi và tôi cũng không nghĩ bà muốn hoặc có thể bị dắt mũi. Có quá nhiều thứ ông Toohey không chịu nói ra. Chẳng hạn, tên của nhà điêu khắc."

"Ông ta không nói với ông?"

"Không."

"Steven Mallory."

"Mallory?... Không phải là người đã định..." Ông cười lớn tiếng.

"Chuyện gì vậy?"

"Toohey nói với tôi là ông ta không thể nhớ được tên nhà điêu khắc. Ra chính là cái tên này."

"Chả nhẽ ông Toohey vẫn còn làm ông kinh ngạc?"

"Ông ta vẫn có thể, vài lần liền trong mấy ngày qua. Trong sự trắng trợn của ông ta vẫn có cái gì đó đặc biệt tinh tế. Cái đó rất khó có được. Tôi gần như thích nghệ thuật của ông ta."

"Tôi không có chung sở thích với ông."

"Trong mọi lĩnh vực ư? Kể cả trong điêu khắc, hay kiến trúc?"

"Tôi chắc chắn là không, trong kiến trúc."

"Liệu nói ra như thế có phải là một việc hoàn toàn bất lợi cho bà không?"

"Có thể."

Ông nhìn cô. Ông nói:

"Bà thật thú vị."

"Tôi không định tỏ ra thú vị."

"Đó là lỗi thứ ba của bà."

"Thứ ba?"

"Lỗi thứ nhất là về ông Toohey. Trong những tình huống thế này, người ta hẳn hy vọng là bà ca ngợi ông Toohey với tôi. Trích dẫn lời ông ta. Dựa vào uy tín lớn của ông ta trong vấn đề kiến trúc."

"Nhưng người ta cũng sẽ hy vọng rằng ông hiểu rõ Ellsworth Toohey. Và như thế, tất cả những lời trích dẫn đều sẽ trở nên vô nghĩa."

"Tôi đã định nói điều đó với bà nếu bà cho tôi cơ hội mà tôi chắc là bà sẽ không cho."

"Như thế càng thích hợp cho việc tiêu khiển."

"Bà mong được tiêu khiển?"

"Đúng."

"Với bức tượng này?" Đó là điểm yếu duy nhất của cô mà ông khám phá ra.

"Không", giọng cô cứng rắn "Không phải là với bức tượng này."

"Bà có thể nói cho tôi biết nó được làm ra khi nào và cho ai?"

"Lại là một điều nữa mà ông Toohey quên hay sao?"

"Rõ ràng là như thế."

"Ông có nhớ vụ bê bối liên quan tới một công trình có tên là Đền Stoddard? Cách đây hai năm. Lúc đó ông đi vắng."

"Đền Stoddard... Làm sao bà biết được tôi ở đâu vào hai năm trước?... Đợi chút, Đền Stoddard. Tôi nhớ ra rồi: một nhà thờ báng bổ hay cái gì tương tự thế; và nó đã khiến những kẻ sùng đạo sủa ông ổng?"

"Đúng vậy."

"Có một..." Ông dừng lại. Giọng ông trở nên cứng rắn và miễn cưỡng - giống với giọng cô "Có một bức tượng phụ nữ khỏa thân liên quan đến chuyện này."

"Đúng vậy."

"Tôi hiểu rồi."

Ông im lặng trong giây lát. Sau đó ông nói, giọng đanh lại, như thể đang cố kìm nén một cơn giận mà cô không đoán được nó nhằm vào đâu. "Lúc đó tôi đang ở đâu đó gần Bali. Tôi rất tiếc là cả thành phố New York này đã nhìn thấy bức tượng đó trước tôi. Nhưng tôi không đọc báo khi đang trên biển. Tôi đã có lệnh sa thải bất cứ ai mang lên trên du thuyền dù chỉ một tờ báo Wynand."

"Đã bao giờ ông nhìn thấy các bức hình của Đền Stoddard chưa?"

"Chưa. Liệu ngôi đền đó có xứng đáng với bức tượng không?"

"Bức tượng gần như xứng đáng với ngôi đền."

"Nó đã bị phá hủy đúng không?"

"Phải. Với sự giúp đỡ của các tờ báo Wynand."

Ông nhún vai. "Tôi nhớ Alvah Scarret lúc đó tỏ ra rất thích thú. Một câu chuyện ăn khách. Tiếc là tôi bỏ lỡ nó. Nhưng Alvah đã làm rất tốt. Nhân tiện, làm sao bà biết là tôi đi vắng và tại sao việc đó lại đọng lại trong trí nhớ của bà?"

"Vì tôi đã mất việc ở chỗ ông chỉ vì câu chuyện đó."

"Việc của bà? Ở chỗ tôi?"

"Chẳng nhẽ ông không biết tên tôi là Dominique Francon?"

Phía dưới chiếc áo khoác chẽn, đôi vai ông nhô về phía trước; đấy là một sự ngạc nhiên - và bất lực. Ông nhìn chằm chằm vào cô - một cách rất đơn giản. Một lát sau, ông nói:

"Không."

Cô mỉm cười vô cảm. Cô nói:

"Có vẻ như Toohey muốn làm khó cả hai chúng ta càng nhiều càng tốt."

"Hãy quên Toohey đi. Việc này phải được làm rõ. Nó không hợp lý chút nào. Bà là Dominique Francon?"

"Tôi đã từng."

"Bà làm việc ở đây, trong toà nhà này, trong nhiều năm?"

"Trong sáu năm."

"Tại sao tôi chưa từng gặp bà?"

"Tôi chắc chắn rằng ông không gặp tất cả các nhân viên của mình."

"Tôi nghĩ là bà hiểu ý tôi."

"Ông có muốn tôi nói ra hộ ông?"

"Nói đi."

"Tại sao trước đây tôi lại không cố gắng gặp ông?"

"Đúng."

"Vì tôi không muốn gặp ông."

"Chính việc đó là điều vô lý."

"Tôi có nên bỏ qua câu này hay cứ buộc phải hiểu nó?"

"Tôi sẽ để bà lựa chọn. Với sắc đẹp của bà và với việc bà biết rất rõ những tai tiếng của tôi, tại sao bà lại không muốn tạo ra một sự nghiệp thực sự của mình ở tờ *Ngọn cờ*!"

"Tôi chưa bao giờ muốn có một sự nghiệp thực sự ở tờ *Ngọn cờ*."

"Tại sao?"

"Có thể cũng chính vì cái lý do mà ông cấm mang những tờ Wynand lên du thuyền của ông."

"Đó là một lý do tốt." ông nói lặng lẽ. Sau đó ông hỏi, giọng bình thường trở lại:

"Xem nào, bà bị thải hồi vì việc gì? Bà chống lại chính sách của tòa soạn, tôi đoán thế?"

"Tôi đã cố bảo vệ Đền Stoddard."

"Chẳng nhẽ bà không biết là không nên hành động trung thực ở tờ *Ngọn cờ* sao?"

"Tôi đã định nói điều đó với ông - nếu ông cho tôi cơ hội."

"Bà có cảm thấy được tiêu khiển không?"

"Lúc đó thì không. Tôi đã thích làm việc ở đây."

"Bà là người duy nhất từng nói câu đó trong tòa nhà này."

"Tôi hẳn là một trong hai người."

"Người kia là ai?"

"Chính ông, ông Wynand."

"Đừng quá chắc về điều đó." Ông ngẩng đầu lên và ông nhìn thấy sự thích thú hiện ra trong mắt cô. Ông hỏi:

"Bà nói thế chỉ để bẫy cho tôi nói ra một câu kiểu thế?"

"Đúng, tôi nghĩ thế," cô trả lời lạnh lùng.

"Dominique Francon..." ông nhắc lại nhưng không phải nói với cô. "Tôi từng thích các bài viết của bà. Tôi hầu như mong lý do bà đến đây là để xin được đi làm trở lại."

"Tôi đến đây để thảo luận về chuyện Stoneridge."

"À, đúng rồi, tất nhiên." Ông ngồi thẳng trở lại và tỏ ra thích thú chờ đợi một bài thuyết phục dài. Ông cảm thấy thú vị khi nghĩ tới những lý lẽ cô sẽ trình bày và cách cô đóng vai một người cầu xin như thế nào.

"Vậy bà muốn nói gì với tôi về chuyện đó?"

"Tôi muốn ông giao việc đó cho chồng tôi. Tất nhiên, tôi hiểu là không có lý do gì để ông chịu làm việc đó, trừ khi - để đổi lại - tôi đồng ý ngủ với ông. Nếu ông cho rằng lý do như vậy là đủ, thì tôi sẵn lòng làm việc đó."

Ông nhìn cô trong yên lặng; ông không cho phép khuôn mặt mình thể hiện bất cứ phản ứng cá nhân nào.

Cô ngồi đó nhìn thẳng ông, hơi ngạc nhiên trước cái nhìn soi mói của ông, như thể những lời nói của cô không đáng được hưởng một sự chú ý đặc biệt nào. Dù hết sức cố gắng tìm kiếm, ông cũng không thấy khuôn mặt cô biểu hiện một ấn tượng nào khác ngoài một biểu hiện hết sức phi lý: đó là biểu hiện của sự thuần khiết trọn vẹn.

Ông nói:

"Đó chính là điều mà tôi sẽ đề nghị. Nhưng không thô thiển như vậy và cũng không phải trong buổi gặp đầu tiên giữa chúng ta."

"Tôi đã tiết kiệm thời gian và những lời nói dối trá cho ông."

"Bà rất yêu chồng mình?"

"Tôi khinh bỉ anh ta."

"Bà tin tưởng lớn lao vào thiên tài nghệ thuật của chồng bà?"

"Tôi nghĩ anh ta là một kiến trúc sư hạng ba."

"Thế thì tại sao bà lại làm việc này?"

"Vì nó làm tôi thích thú."

"Tôi nghĩ chỉ có mình tôi là hành động với những động cơ kiểu thế."

"Ông không nên nghĩ thế. Tôi chắc ông không cho việc là người duy nhất nghĩ ra cái gì lại là một phẩm chất cần thiết đến thế, phải không ông Wynand?"

"Thực ra, bà chẳng hề quan tâm việc chồng bà có dự án Stoneridge hay không, đúng không?"

"Đúng."

"Và bà không hề muốn ngủ với tôi?"

"Không hề."

"Tôi chắc sẽ khâm phục một phụ nữ khi cô ta diễn được một vai thế này. Chỉ có điều ở đây lại không phải là một vai diễn."

"Không phải. Và đừng có khâm phục tôi. Tôi đã cố gắng để tránh điều đó."

Mỗi khi ông mỉm cười, cơ mặt ông không cần tới một cử động rõ ràng nào cả; vẻ giễu cợt luôn luôn hiện hữu ở đó và nó chỉ cần hiện ra sắc nét hơn trong một tháng để rồi lại lặn đi như trước. Giờ đây, vẻ giễu cợt ấy đang sắc nét lên.

"Thực ra thì," ông nói, "động cơ chủ yếu của bà chính là tôi. Bà muốn được trao bản thân bà cho tôi." Ông nhìn thấy ánh nhìn mà cô không kiểm soát được và nói thêm. "Không, bà đừng vội nghĩ là tôi lại có thể mắc một lỗi kinh khủng như thế. Tôi không nói theo nghĩa thông thường. Mà hoàn toàn ngược lại. Chẳng phải chính bà đã nói rằng bà coi tôi là người tồi tệ thứ nhì trên thế giới? Bà không muốn có Stoneridge. Bà muốn bán mình vì một động cơ thấp hèn nhất cho một kẻ tồi tệ nhất mà bà có thể tìm thấy."

"Tôi không nghĩ là ông lại hiểu được điều đó", cô nói một cách đơn giản.

"Bà muốn - đàn ông đôi khi làm việc đó, chứ không phải phụ nữ - thể hiện sự khinh bỉ thậm tệ đối với tôi qua việc ngủ với tôi."

"Không phải, ông Wynand. Mà là sự khinh bỉ với bản thân tôi."

Đường hằn hẹp trên miệng ông hơi động đậy, như thể đôi môi ông đã bắt được tín hiệu đầu tiên của sự thổ lộ riêng tư - một sự thổ lộ bất tự giác và do đó là một điểm yếu. Ông liền bám lấy nó. Ông nói:

"Hầu hết mọi người đều cố gắng, thậm chí cố gắng rất nhiều, để tự thuyết phục bản thân là họ có lòng tự trọng."

"Đúng vậy."

"Và tất nhiên, việc phải đi tìm lòng tự trọng lại chứng tỏ là họ thiếu nó."

"Đúng vậy."

"Thế bà có hiểu được ý nghĩa của việc tìm kiếm sự khinh bỉ bản thân?"

"Là tôi không có nó?"

"Và bà sẽ không bao giờ có nó."

"Tôi đã không nghĩ ra là ông cũng hiểu được điều này."

"Tôi sẽ không nói thêm gì nữa - nếu không thì tôi sẽ không còn là người đáng ghét thứ nhì trên thế giới và sẽ không còn thích hợp cho mục đích của bà." Ông đứng lên. "Liệu tôi có nên thông báo chính thức với bà là tôi chấp nhận lời đề nghị của bà không?"

Cô nghiêng đầu đồng ý.

"Thực ra," ông nói, "Tôi chẳng hề quan tâm tới việc ai là người được chọn để xây Stoneridge. Tôi chưa từng thuê một kiến trúc sư giỏi nào cho các công trình tôi xây dựng. Tôi trao cho công chúng cái mà họ muốn. Lần này tôi phải lựa chọn bởi vì tôi phát ngán cái đám thợ vụng về từng làm việc cho tôi. Nhưng thật khó để có thể ra quyết định khi không có một tiêu chuẩn hay lý do nào cả. Tôi chắc rằng bà sẽ không phiền khi tôi nói thế này. Tôi thực sự biết ơn bà vì đã tạo cho tôi một động cơ tốt hơn nhiều so với bất kỳ động cơ nào mà tôi có thể tìm ra được."

"Tôi mừng khi ông không nói rằng ông luôn khâm phục các công trình của Peter Keating."

"Bà cũng không nói với tôi là bà vui mừng khi được gia nhập danh sách người tình nổi tiếng của Gail Wynand."

"Ông cứ thoải mái tận hưởng việc tôi thừa nhận điều này - rằng tôi nghĩ tôi và ông sẽ rất hợp nhau."

"Rất có thể. Ít nhất, bà đã cho tôi một kinh nghiệm mới: được làm điều tôi luôn muốn làm - mà lại làm một cách thật thà. Liệu bây giờ tôi đã có thể bắt đầu ra lệnh cho bà được chưa? Tôi sẽ không giả vờ rằng đó không phải là mệnh lệnh."

"Nếu ông muốn."

"Bà sẽ đi chơi với tôi trong vòng hai tháng, trên du thuyền của tôi. Chúng ta sẽ khởi hành trong mười ngày nữa. Khi chúng ta trở lại, bà được tự do quay lại chồng bà - cùng với hợp đồng Stoneridge."

"Được thôi."

"Tôi muốn gặp chồng bà. Liệu hai người có thể ăn tối với tôi vào tối thứ Hai chứ?"

"Được, nếu ông muốn."

Khi cô đứng lên để đi, ông hỏi:

"Liệu tôi có thể nói với bà về sự khác nhau giữa bà và bức tượng của bà không?"

"Không."

"Nhưng tôi muốn. Thật kinh ngạc khi thấy những thành tố như nhau được dùng để tạo ra hai tác phẩm có chủ đề trái ngược nhau như thế. Con người bà trong bức tượng mang chủ đề hân hoan. Nhưng bản thân bà lại mang chủ đề đau khổ."

"Đau khổ ư? Tôi không nhận ra là mình đã thể hiện nó."

"Rõ là chưa thể hiện. Đó chính là điều tôi muốn nói. Không có người hạnh phúcnào lại có thể vô cảm với nỗi đau như thế cả."

*

* *

Wynand gọi điện cho nhà buôn tranh của mình và đề nghị ông ta sắp xếp một buổi triển lãm các tác phẩm của Steven Mallory. Ông từ chối gặp mặt Mallory; ông chưa bao giờ gặp tác giả của những tác phẩm ông ưa thích. Nhà buôn tranh hăm hở thi hành mệnh lệnh của ông. Wynand mua năm tác phẩm ông nhìn thấy và trả nhiều hơn mức giá mà nhà buôn tranh này định đặt ra. "Ông Mallory muốn biết", nhà buôn tranh nói, "cái gì làm ngài chú ý tới ông ấy."

"Tôi nhìn thấy một tác phẩm của ông ta."

"Tác phẩm nào?"

"Cái đó không quan trọng."

Toohey đã hy vọng rằng Wynand sẽ cho gọi ông sau cuộc gặp với Dominique. Wynand đã không cho gọi. Nhưng vài ngày sau đó, khi tình cờ gặp Toohey ở phòng tin địa phương, Wynand hỏi lớn: "Ông Toohey, chả nhẽ có nhiều người định giết ông đến thế sao mà ông không nhớ được tên họ?"

Toohey mỉm cười và nói: "Tôi chắc rằng có khá nhiều người muốn thế."

"Ông đang tâng bốc đồng loại của ông đấy", Wynand nói và bỏ đi.

*

* *

Peter Keating nhìn trân trối vào phòng ăn rực rỡ của nhà hàng. Đó là nhà hàng sang trọng nhất trong thành phố và cũng là nhà hàng đắt nhất. Keating

thấy hả hê khi gặm nhấm ý nghĩ rằng anh có mặt ở đây với tư cách khách mời của Gail Wynand.

Anh cố gắng không nhìn chằm chằm vào khuôn người hào hoa thanh nhã của Wynand ở phía bên kia bàn. Anh biết ơn Wynand vì ông đã chọn ăn tối tại một nơi công cộng. Mọi người đều hướng về phía Wynand. Họ nhìn một cách bí mật và được ngụy trang kỹ lưỡng, nhưng dù sao vẫn cứ hướng về Wynand. Và sự chú ý của họ cũng gộp thêm cả hai vị khách đang ngồi tại bàn cùng với Wynand.

Dominique ngồi giữa hai người đàn ông. Cô mặc một chiếc áo lụa trắng dài tay, cổ áo dựng cao. Chiếc váy may theo kiểu nữ tu này tạo ra ấn tượng đáng kinh ngạc về một dạ phục ăn tối, chính vì nó hoàn toàn không phù hợp với mục đích đó. Cô không mang đồ trang sức. Mái tóc vàng của cô trông giống như chiếc mũ trùm đầu. Chiếc áo lụa màu trắng đục của cô chuyển động thành những góc nhọn cùng với những chuyển động của thân thể cô; nó để lộ thân thể cô một cách ngây thơ lạnh lùng. Đấy là thân thể của một vật tế thần đang được phơi ra cho công chúng - bất chấp nhu cầu che đậy hay ham muốn của công chúng. Keating thấy nó không hấp dẫn. Anh nhận thấy Wynand có vẻ ngưỡng mộ nó.

Có ai đó ở một bàn ăn xa xa nhìn về phía họ một cách chăm chú, một người nào đó cao lớn và nặng nề. Thế rồi cái dáng dấp cao lớn ấy đứng lên, và Keating nhận ra Ralston Holcombe đang vội vã tiến về phía họ.

"Peter, cậu bé của tôi, thật mừng được gặp anh." Holcombe nói oang oang, rồi bắt tay anh, cúi chào Dominique và cố tình tảng lờ Wynand. "Dạo này anh trốn đi đâu thế? Sao chúng tôi không thấy anh mấy nhỉ?" Họ vừa mới ăn trưa với nhau cách đấy ba ngày.

Wynand đã đứng lên và hơi nghiêng người về phía trước một cách lịch thiệp. Keating ngần ngại; rồi với vẻ miễn cưỡng rõ ràng, anh nói "Ngài Wynand - ngài Holcombe."

"Không phải là ngài Gail Wynand đấy chứ?" Holcombe nói với vẻ ngây thơ ráo hoảnh.

"Ông Holcombe, nếu ông nhìn thấy một trong hai anh em nhà Smith[108] bán thuốc ho ở ngoài đời, liệu có nhận ra họ không? Wynand hỏi.

"À, tôi chắc là có", Holcombe nói và nháy mắt.

"Mặt tôi, thưa ông Holcombe, cũng chường ra chỗ công cộng chẳng kém gì họ."

Holcombe lập bập vài câu vô thưởng vô phạt nào đó và chuồn mất.

Wynand mỉm cười thông cảm:

"Ông đừng sợ phải giới thiệu ông Holcombe với tôi, ông Keating, mặc dù ông ta cũng là kiến trúc sư."

"Sợ ư, ngài Wynand?"

"Không cần thiết, vì tất cả đã được quyết định rồi. Bà Keating chưa nói với ông là Stoneridge đã thuộc về ông sao?"

"Tôi... không, cô ấy chưa nói với tôi.. tôi không biết..." Wynand đang cười, nhưng nụ cười ông bất động và Keating cảm thấy mình phải tiếp tục nói cho tới khi có một dấu hiệu nào đó dừng anh lại. "Thực tình tôi không dám hy vọng... không nhanh đến thế... tất nhiên, tôi nghĩ bữa tối này có thể là một dấu hiệu... giúp ngài quyết định..." Anh buột miệng một cách không kiềm chế: "Ngài luôn luôn gây bất ngờ như thế này sao - đúng như thế này?"

"Bất cứ khi nào tôi có thể", Wynand lạnh lẽo nói.

"Tôi sẽ cố gắng hết sức mình để xứng đáng với vinh dự này và đáp ứng được những kỳ vọng của ngài, thưa ngài Wynand."

"Tôi không nghi ngờ gì về điều đó", Wynand nói.

Ông gần như không nói gì với Dominique suốt buổi tối. Sự chú ý của ông dường như tập trung hoàn toàn vào Keating.

"Mọi người đều có thiện cảm với những công trình trước đây của tôi"Keating nói, "Nhưng tôi sẽ biến Stoneridge thành thành tựu lớn nhất của đời mình."

"Điều này hứa hẹn nhiều đấy, nhất là khi nghĩ tới những công trình xuất sắc mà ông đã hoàn thành."

"Tôi không biết là những công trình của tôi lại có thể thu hút được sự chú ý của ngài, thưa ngài Wynand."

"Thế mà tôi biết chúng khá rõ. Toà nhà Cosmos-Stonick thuần túy theo phong cách Michelangelo." Mặt Keating giãn ra trong sự thoả mãn đầy hoài nghi, anh biết Wynand là một người sành sỏi nghệ thuật và ông ta hẳn không so sánh như thế chỉ để chơi.

"Toà nhà Ngân hàng Prudential thì đích thực phong cách Palladio. Cửa hàng Bách hóa Slottern thì rõ ràng là Christopher Wren." Mặt Keating đã biến đổi. "Hãy nhìn xem tôi có thể có được một đội ngũ kiến trúc sư giỏi thế nào, mà lại chỉ phải trả công cho một người. Đó chẳng phải là một món hời sao?"

Keating mỉm cười, mặt anh câng lên. Anh nói "Tôi vẫn nghe người ta nói nhiều tới phong cách hài hước tuyệt vời của ngài, thưa ngài Wynand."

"Thế ông đã nghe nói tới phong cách miêu tả của tôi chưa?"

"Ý ngài là gì?"

Wynand quay nửa người trên ghế và nhìn vào Dominique như thể ông ta đang xem xét một vật thể bất động.

"Vợ ông có một thân hình đẹp, ông Keating ạ. Vai bà ấy hơi gầy quá, nhưng lại cân xứng một cách đáng ngưỡng mộ với phần còn lại của bà ấy. Chân bà ấy hơi dài quá nhưng lại tạo ra những đường nét thanh nhã, giống như ông sẽ thấy ở một chiếc du thuyền đẹp. Ngực bà ấy rất đẹp, ông có nghĩ thế không?"

"Kiến trúc là một nghề nghiệp thô lậu, ngài Wynand ạ", Keating gượng cười. "Nó không trang bị cho người ta khả năng hiểu những thứ phức tạp như thế."

"Ông không hiểu tôi sao, ông Keating?"

"Nếu tôi không hiểu ngài là một quý ông hoàn hảo thì tôi đã có thể hiểu nhầm ngài, nhưng ngài không thể đánh lừa tôi được đâu."

"Thì tôi đang cố gắng không đánh lừa ông."

"Tôi đánh giá cao các lời khen, ngài Wynand, nhưng tôi không đủ tự mãn để nghĩ rằng chúng ta phải tiếp tục bàn vợ tôi."

"Tại sao lại không, ông Keating? Chẳng phải người ta luôn thấy dễ chịu khi nói về những thứ mà họ có - hoặc sẽ có - chung với nhau sao?"

"Ngài Wynand, tôi... tôi không hiểu."

"Tôi có nên nói rõ hơn không?"

"Không, tôi..."

"Không à? Thế chúng ta sẽ không bàn đến Stoneridge nữa chứ?"

"Ồ, hãy nói về Stoneridge! Tôi..."

"Nhưng chúng ta đang nói về nó đấy thôi, ông Keating."

Keating nhìn căn phòng xung quanh họ. Anh cảm thấy những việc như thế này không thể xảy ra ở một nơi như vậy; sự tráng lệ tuyệt vời của nơi này khiến cho mọi việc trở nên kinh khủng, anh ước gì nơi này chỉ là một hầm rượu tối tăm. Anh nghĩ: đổ máu trên nền đường - thế còn chấp nhận được; chứ đổ máu trên thảm phòng khách như thế này thì..."

"Giờ thì tôi biết rằng đó chỉ là một lời nói đùa, ngài Wynand", anh nói.

"Đến lượt tôi phải khâm phục khiếu hài hước của ông, ông Keating."

"Những thứ như... như thế không thể xảy ra..."

"Đó không phải là điều ông muốn nói, ông Keating. Ý ông là những thứ như thế này vẫn xảy ra hàng ngày, chỉ có điều chúng không được nói tới."

"Tôi không nghĩ."

"Ông đã nghĩ như thế từ trước khi ông đến đây. Ông đã không hề ngại. Tôi đồng ý với ông là tôi đang cư xử thô bỉ. Tôi phá vỡ mọi quy tắc của lòng trắc ẩn. Sự trung thực luôn rất tàn nhẫn."

"Xin ngài, ngài Wynand, chúng ta hãy... bỏ qua nó. Tôi không biết là... tôi phải làm gì."

"Đơn giản thôi. Ông phải tát vào mặt tôi." Keating cười khúc khích. "Lẽ ra ông phải làm điều đó từ cách đây vài phút mới phải."

Keating nhận ra lòng bàn tay ướt đẫm và anh cố gắng khỏi sụm người xuống bằng cách bám chặt vào tấm khăn ăn đặt trên đùi. Wynand và Dominique đang ăn, chậm rãi và lịch thiệp, như thể họ đang ngồi ở một bàn nào khác. Keating nghĩ họ không phải là những cơ thể người, cả hai bọn họ. Cái gì đó đã biến mất, ánh sáng lấp lánh từ những đồ trang trí bằng pha lê trong phòng đã trở thành những tia X-quang, chúng ăn xuyên tất cả, không chỉ xuyên qua xương, mà sâu hơn nữa. Anh nghĩ bọn họ là các linh hồn đang ngồi ở bàn ăn; những linh hồn hiện hình qua các bộ quần áo dạ tiệc, không có xác thịt làm trung gian. Anh cảm thấy sợ hãi trước nhận thức trần trụi này - sợ hãi bởi vì anh đã hy vọng sẽ thấy họ như những kẻ tự hành xác, nhưng anh chỉ thấy sự trong sáng tột cùng. Anh tự hỏi họ nhìn thấy gì ở anh; bên trong quần áo của anh sẽ là cái gì nếu như thể xác của anh biến mất.

"Không ư?" Wynand nói. "Ông không muốn làm thế ư, ông Keating? Tất nhiên ông không buộc phải làm. Chỉ cần nói là ông không cần nó nữa. Tôi sẽ không lấy làm phiền. Còn có ông Ralston Holcombe đang ngồi đằng kia. Ông ta có thể xây dựng Stoneridge tốt chẳng kém gì ông."

"Tôi không hiểu ý ngài là gì, ngài Wynand", Keating nói lý nhí. Mắt anh dán chặt vào món cà chua sốt trứng thịt trên đĩa salad của anh, nó mềm và nhầy nhụa, và khiến anh buồn nôn.

Wynand quay sang Dominique.

"Bà có nhớ cuộc nói chuyện giữa chúng ta về một sự tìm kiếm nhất định không, bà Keating? Tôi đã nói bà sẽ không bao giờ tìm được nó. Hãy nhìn chồng bà. Ông ấy là chuyên gia - mà chẳng cần phải cố gắng gì. Đấy chính là cách làm đúng đắn. làm đúng đắn. Cố mà đạt được như thế - dù thỉnh thoảng. Không cần phải nói với tôi là bà không thể. Tôi biết điều đó. Bà chỉ là một nghệ sĩ nghiệp dư thôi, thưa bà."

Keating nghĩ anh phải lên tiếng, nhưng anh không thể, chừng nào món

salad còn ở đó trước mặt anh. Mối kinh hãi của anh đến từ đĩa salad đó, không phải từ con quái vật lịch lãm đang ngồi bên kia bàn; và những thứ khác trong phòng đều ấm áp và an toàn. Anh chồm người về phía trước và khuỷu tay anh hất cái đĩa ra khỏi bàn.

Anh thốt ra một âm thanh gì đó bày tỏ sự xin lỗi. Có bóng ai đó xuất hiện, một giọng nói lịch sự nào đó xin lỗi và mớ bầy nhầy biến mất khỏi tấm thảm.

Keating nghe thấy một giọng nói "Tại sao ngài lại làm thế?", rồi anh thấy hai khuôn mặt hướng về phía anh và nhận ra là chính anh vừa nói."

"Ông Wynand làm thế không phải để tra tấn anh, Peter", Dominique nói một cách bình thản. "Ông ta làm thế vì tôi. Để xem tôi có thể chịu đựng được đến đâu."

"Đúng vậy, bà Keating," Wynand nói. "Đúng một phần. Phần còn lại là để bào chữa cho chính bản thân tôi."

"Bào chữa với ai?"

"Với bà. Và có thể với chính tôi nữa."

"Ông có cần không?"

"Đôi khi. Tờ *Ngọn cờ* là một tờ báo đáng khinh, có phải không? Tôi đã phải trả giá bằng danh dự của mình để có được một vị trí mà ở đó, tôi có thể tiêu khiển bằng cách xem những người khác thể hiện danh dự của họ như thế nào."

Giờ thì không còn gì ở bên trong quần áo của anh, Keating nghĩ, vì hai khuôn mặt kia không còn để ý tới anh nữa. Anh đã được an toàn, chỗ ngồi của anh ở bàn ăn hiện đang trống rỗng.

Anh tự hỏi mình - từ một nơi nào đó xa xăm và lãnh đạm - tại sao hai người này lại yên lặng nhìn nhau, không giống như những kẻ thù, không giống như những kẻ cùng nghề đao phủ, mà giống như hai người đồng chí.

*

* *

Hai ngày trước khi họ khởi hành, Wynand gọi điện cho Dominique vào ban đêm.

"Bà có thể đến ngay đây không?" ông hỏi, và khi nghe thấy một thoáng im lặng, ông nói thêm "À, không phải điều bà đang nghĩ đâu. Tôi luôn giữ đúng cam kết của mình. Bà sẽ hoàn toàn an toàn. Tôi chỉ muốn gặp bà đêm nay."

"Được thôi", cô nói và kinh ngạc nghe thấy lời đáp lặng lẽ: "Cảm ơn bà."

Khi cánh cửa thang máy mở ra tại sảnh riêng trong căn hộ trên mái của ông, ông đang chờ cô ở đó nhưng ông không để cô bước ra ngoài. Ông bước vào bên trong thang máy với cô.

"Tôi không muốn bà bước vào nhà tôi", ông nói, "Chúng ta sẽ xuống tầng dưới."

Người điều khiển thang máy nhìn ông kinh ngạc.

Thang máy dừng lại và mở ra trước một cánh cửa khóa kín. Wynand mở khóa và để cô bước ra trước, ông đi theo cô vào trong phòng gallery. Cô nhớ ra chưa từng có người nào ngoài ông được vào nơi này. Cô không nói gì. Ông cũng không giải thích gì.

Trong bốn giờ liền, cô bước đi lặng lẽ qua các căn phòng lớn, ngắm nghía các báu vật mỹ thuật tuyệt vời. Sàn nhà được trải thảm dầy và họ không nghe thấy tiếng bước chân bước đi hay tiếng động từ thành phố bên ngoài. Các ăn phòng cũng không hề có cửa sổ. Ông đi theo cô, dừng lại khi cô dừng lại.

Mắt ông dõi theo mắt cô từ tác phẩm này tới tác phẩm kia. Đôi lúc, ông liếc nhìn khuôn mặt cô. Cô bước đi, không dừng lại, tại bức tượng thuộc về Đền Stoddard.

Ông không mời cô ở lại, cũng không giục cô phải vội vàng, như thể ông giao phó nơi này cho cô. Cô tự quyết định thời điểm cô muốn rời khỏi chốn này và ông đi theo cô ra cửa. Tại đó, cô hỏi ông:

"Tại sao ông muốn cho tôi xem? Việc này cũng không làm tôi nghĩ tốt hơn về ông đâu. Có lẽ còn tệ hơn nữa."

"Đúng, tôi đã đoán trước điều đó", ông nói lặng lẽ, "nếu tôi cũng nghĩ về việc này theo kiểu đó. Nhưng tôi không nghĩ thế. Tôi chỉ muốn để bà xem."

IV.

Mặt trời đã lặn khi họ bước ra khỏi xe. Trong khoảng giữa trời và biển - một khoảng trời màu xanh lá cây phía trên lên một mặt biển màu thủy ngân - màu lửa đỏ vẫn còn đọng lại ở rìa những đám mây và trên những đồ trang trí bằng đồng thau trên du thuyền. Chiếc du thuyền giống như một khối trắng liên tục chuyển động, một thân hình nhạy cảm căng lên dưới sự cầm giữ của tĩnh lặng.

Dominique nhìn những chữ khắc bằng vàng - *Tôi Có* - ngay trên mũi tàu màu trắng.

"Nó có nghĩa là gì?" cô hỏi.

"Đó là một câu trả lời", Wynand nói, "cho những người đã chết từ lâu. Mặc dù có lẽ họ là những người duy nhất bất tử. Bà thấy đấy, câu mà tôi hay phải nghe thấy nhất khi còn nhỏ là 'Mày không phải là chủ ở đây'."

Cô nhớ là trước đây, chưa bao giờ ông chịu trả lời câu hỏi đó. Ông đã trả lời cô ngay lập tức như thể ông không nhận ra mình đang tạo ra ngoại lệ. Cô cảm nhận được vẻ bình tĩnh trong cử chỉ của ông, sự thanh thản tận cùng, nó lạ lùng và mới mẻ với chính ông.

Khi họ lên thuyền, con thuyền lập tức di chuyển như thể các bước chân của Wynand trên sàn thuyền là các mạch nối để con thuyền chuyển động. Ông đứng ở lan can, không chạm vào cô; ông ngắm nhìn những bờ biển dài, màu nâu, cứ nhô lên rồi hạ thấp xuống so với bầu trời và xa dần họ.

Rồi ông quay lại phía họ. Cô không nhận thấy có vẻ gì mới trong mắt ông. Không có sự khởi đầu nào, chỉ sự là sự tiếp tục của một cái liếc nhìn, như thể ông vẫn đang nhìn cô trong suốt thời gian qua.

Khi họ bước xuống phía dưới, ông bước cùng cô vào trong cabin. Ông nói "Cứ nói cho tôi biết, nếu cô cần bất cứ thứ gì", và bước ra bên ngoài qua một cánh cửa bên hông. Cô nhận ra cánh cửa này dẫn tới phòng ngủ của ông. Ông đóng cửa lại và không trở ra.

Cô đi lại vẩn vơ trong cabin. Bóng cô cũng lướt theo cô trên bề mặt lộng lẫy của thành tàu làm bằng gỗ sơn tiêu nhạt. Cô ngả người trên chiếc ghế có tay vịn thấp, hai chân vắt chéo, cánh tay đặt ở sau đầu và ngắm khung cửa sổ tròn trên tàu chuyển từ màu xanh lá cây sang màu đen. Cô đưa tay mình bật một ngọn đèn, màu xanh đen biến mất và chuyển thành một quầng tròn màu đen bóng.

Người phục vụ bước vào thông báo bữa tối đã sẵn sàng. Wynand gõ cửa

phòng cô và hộ tống cô ra phòng ăn. Cung cách của ông khiến cô ngỡ ngàng: ông vui vẻ, nhưng chính cảm giác lặng lẽ trong sự vui vẻ đó tạo ra ấn tượng về một sự sang trọng kỳ lạ.

Cô hỏi, khi họ đã ngồi ở bàn ăn: "Tại sao ông để tôi lại một mình!"

"Tôi nghĩ bà muốn ở một mình."

"Để làm quen với ý nghĩ kia?"

"Nếu bà thích gọi như thế."

"Tôi đã quen với nó trước khi tôi tới văn phòng của ông rồi."

"Tất nhiên rồi. Xin thứ lỗi vì tôi ngụ ý một điểm yếu nào đó của bà. Tôi biết là không phải thế. Nhân tiện, hình như bà chưa hỏi tôi là chúng ta đang đi đâu."

"Nếu tôi hỏi thì nó sẽ lại là một điểm yếu của tôi."

"Đúng. Tôi mừng là bà không bận tâm. Bởi vì tôi chưa bao giờ có đích cụ thể. Chiếc thuyền này không dùng để đi đến, mà để đi khỏi. Khi tôi dừng lại ở một hải cảng thì đó hoàn toàn chỉ bởi sự vui thích tôi sẽ có khi rời khỏi nó. Tôi luôn nghĩ: lại thêm một nơi nữa không thể giữ được ta."

"Tôi từng đi rất nhiều nơi. Tôi cũng luôn có cảm giác đó. Người ta bảo với tôi rằng tôi là một kẻ căm ghét loài người."

"Thật ngớ ngẩn nếu tin vào điều đó, phải không?"

"Tôi không biết."

"Tôi chắc bà thấy rõ sự ngớ ngẩn đó. Ý tôi muốn nói đến những kẻ cho rằng loài lợn là biểu tượng của tinh thần bác ái bởi vì cái giống ăn tạp ấy chấp nhận mọi thứ. Thực ra, những kẻ yêu thương tất cả mọi người và luôn cảm thấy chỗ nào cũng là nhà mới chính là kẻ thực sự căm ghét con người. Hắn không trông đợi điều gì ở con người, nên không có sự suy đồi nào có thể làm cho hắn giận dữ."

"Ông muốn nói tới những người khẳng định rằng bên trong những kẻ tồi tệ nhất vẫn luôn có những phần tốt đẹp?"

"Tôi muốn nói tới những kẻ mang trong mình sự ngạo mạn bẩn thỉu đến mức chúng dám tuyên bố rằng chúng dành cho người làm ra bức tượng của bà và người thổi bong bóng có hình chuột Mickey ở các góc phố sự yêu thương giống hệt nhau. Tôi muốn nói tới những kẻ yêu thường những kẻ thích chuột Mickey hơn bức tượng của bà - và loại ấy thì cso rất nhiều. Tôi muốn nói tới những kẻ yêu Joan of Arc[109] và các cô ả bán quần áo trên đại lộ Broadway với mức độ cuồng nhiệt khác nhau. Tôi muốn nói tới những kẻ

yêu vẻ đẹp của bà và yêu những người đàn bà hắn gặp trong toa xe điện ngầm - loại đàn bà không chịu bắt chéo chân khi ngồi và khoe da thịt hở hang ở ngay chỗ trên nịt tất - với cùng sự vui thích như nhau. Tôi muốn nói tới những kẻ dành tình yêu như nhau cho cả đôi mắt chăm chú, không biết sợ hãi của một người đang nhìn qua kính viễn vọng lẫn cái nhìn trống rỗng của một thằng đần. Tôi muố nói tới một đám đông hào phóng và hào hiệp như thế đó. Vậy thì bà mà lại là kẻ ghét con người sao, bà Keating?"

"Ông đang nói tất cả những thứ mà - kể từ lúc tôi bắt đầu có trí nhớ - kể từ lúc tôi bắt đầu nhìn thấy và suy nghĩ - đã luôn..." cô ngừng lại giữa chừng.

"Đã luôn hành hạ bà. Tất nhiên rồi. Người ta không thể yêu con người mà không căm ghét hầu hết những sinh vật dám mạo nhận là con người. Hoặc là thế này hoặc là thế kia. Người ta không thể vừa yêu Chúa và nhạo báng Chúa một cách vô tư được. Chỉ trừ khi họ không biết là họ đang nhạo báng Chúa. Bởi vì họ không biết tới Chúa."

"Ông sẽ nói sao nếu tôi nói với ông câu trả lời mà mọi người nói với tôi - rằng tình yêu có nghĩa là tha thứ?"

"Tôi sẽ nói rằng đó là sự khiếm nhã mà bà không thể làm được - cho dù bà vẫn nghĩ bà là chuyên gia trong việc đó."

"Hoặc là tình yêu có nghĩa là lòng thương hại."

"Thôi nào. Phải nghe thấy những thứ đó đã là tồi tệ rồi. Phải nghe thấy từ miệng bà thì thật là không thể chịu được - cho dù đó chỉ là lời nói đùa."

"Câu trả lời của ông là gì?"

"Rằng tình yêu là thiêng liêng, là thờ phụng, là vinh quang, là ngước mắt lên trên. Nó không phải là miếng gạc che đậy những vết thương bẩn thỉu. Nhưng họ không hiểu được đâu. Những kẻ bạ chỗ nào cũng nói đến tình yêu chính là những kẻ chưa bao giờ cảm thấy nó. Chúng chỉ khuấy một món súp hỗn độn bao gồm sự thông cảm, tình thương, sự coi thường và thái độ lãnh đạm chung chung - và chúng gọi là tình yêu. Một khi bà cảm thấy được tình yêu đúng như tôi và bà biết về nó - tình yêu như lòng say mê tuyệt đối với một đỉnh cao tuyệt đối - bà sẽ không thể chấp nhận thứ gì ít hơn thế."

"Như ông và tôi biết về nó?"

"Nó là những gì chúng ta cảm thấy khi chúng ta nhìn vào một thứ như bức tượng của bà. Không có tha thứ trong đó, và không có thương hại. Và tôi muốn giết chết kẻ nào dám tuyên bố rằng cần có những cái đó. Nhưng bà biết đấy, khi hắn nhìn vào tượng của bà, hắn sẽ chẳng cảm thấy gì cả. Bức tượng đó - hay một con chó bị gẫy chân - đều như nhau đối với hắn. Hắn thậm chí còn cảm thấy hắn đã làm một điều gì đó cao quý hơn khi băng bó

chân cho con chó thay vì ngắm nhìn bức tượng bà. Vì thế nếu bà tìm kiếm bóng dáng của sự vĩ đại, nếu bà muốn sự thăng hoa, nếu bà đòi hỏi Chúa trời và từ chối việc rửa những vết thương như vật thay thế - thì bà sẽ bị gọi là kẻ căm ghét nhân loại, bà Keating ạ, bởi vì bà đã mắc cái tội biết đến một tình yêu mà nhân loại không xứng đáng được nhận."

"Ông Wynand, ông đã đọc bài báo khiến tôi bị thải hồi chưa?"

"Chưa. Lúc đó tôi không đọc. Bây giờ thì tôi không dám."

"Tại sao?"

Ông tảng lờ như không nghe thấy câu hỏi. Ông mỉm cười nói:

"Thế đấy, bà đã tìm đến chỗ tôi và bà nói 'Ông là kẻ nhiều tội lỗi nhất thế gian - hãy chiếm lấy tôi để tôi có thể biết tự khinh bỉ mình. Tôi thiếu thứ mà hầu hết mọi người đều sống nhờ nó. Họ cho rằng cuộc sống là thứ có thể chịu đựng được trong khi tôi thì không thể'. Bây giờ thì bà thấy bà đã thể hiện cái gì chưa?"

"Tôi không nghĩ là ông có thể nhận ra được nó."

"Không. Tất nhiên là chủ bút tờ *Ngọn cờ New York* thì không thể nhận ra. Cũng không sao. Tôi cũng đã tưởng rằng tôi sẽ gặp một bà gái điếm xinh đẹp và là bạn của Ellsworth Toohey."

Họ cùng phá ra cười. Cô nghĩ thật lạ lùng khi họ có thể nói chuyện với nhau một cách thoải mái - như thể ông đã quên mất mục đích của chuyến đi này. Sự bình thản của ông đã lan tỏa sang cô, trở thành cảm giác bình yên được cả hai chia sẻ.

Cô ngắm bữa tối của họ được phục vụ một cách kín đáo và lịch thiệp, cô ngắm tấm khăn trải bàn màu trắng nổi lên trên nền đỏ sẫm của bức tường bằng gỗ gụ. Tất cả mọi thứ trên thuyền đều khiến cô nghĩ đây là nơi sang trọng thực sự đầu tiên mà cô từng đến: ở nơi này, sự sang trọng chỉ là thứ yếu, là tấm phông nền phù hợp với ông đến nỗi người ta có thể quên mất sự sang trọng. Người đàn ông này làm cho tài sản vật chất của ông trở nên khiêm nhường. Cô từng gặp nhiều người giàu có, họ cứng nhắc và kính sợ trước của cải vật chất - cái mà họ lấy làm mục đích tối hậu của đời họ. Vẻ lịch lãm của nơi này không phải là mục đích, cũng không phải là thành quả cuối cùng đối với người đàn ông đang tựa người một cách thoải mái ở phía bên kia bàn. Cô tự hỏi thế thì mục đích của ông là gì.

"Con tàu này hợp với ông", cô nói.

Cô nhìn thấy sự hài lòng trong ánh mắt ông - và cả sự biết ơn nữa.

"Cảm ơn bà... Thế còn gallery thì sao?"

"Cũng thế. Chỉ có điều việc đó thì khó bào chữa hơn."

"Tôi không muốn bà bào chữa cho tôi." Ông nói đơn giản, không có vẻ trách móc.

Họ đã kết thúc bữa tối. Cô chờ đợi cái lời mời hiển nhiên. Nó không tới. Ông ngồi hút thuốc, nói chuyện về du thuyền và về đại dương.

Tay cô đặt tình cờ lên trên khăn trải bàn, gần phía ông. Cô nhìn thấy ông ngắm nó. Cô muốn bỏ tay ra xa nhưng tự ép mình để nguyên tại chỗ. Đến lúc rồi đây, cô nghĩ.

Ông đứng dậy. "Chúng ta lên boong nào", ông nói.

Họ đứng trên lan can và nhìn vào khoảng không tối đen. Không thể nhìn thấy khoảng không ấy, chỉ có thể cảm thấy nó thông qua luồng không khí phả vào mặt họ. Một vài ngôi sao đem lại sự sống cho bầu trời trống rộng. Vài đốm sáng trắng nhỏ nhấp nháy trên mặt nước mang lại sức sống cho đại dương.

Ông đứng yên, thõng người xuống một cách bất cẩn, một cánh tay đưa lên, nắm vào một cái cột. Cô nhìn thấy những đốm sáng dập dờn, tạo thành những làn sóng uốn lượn theo những đường nét thân thể ông.

Cả cái đó nữa - nó cũng hợp với ông.

Cô nói: "Liệu tôi có thể nhắc tới một câu sáo rỗng khác mà ông cũng chưa từng cảm thấy không?"

"Câu nào thế?"

"Ông chưa từng cảm thấy mình bé nhỏ khi ngắm nhìn đại dương."

Ông cười. "Chưa bao giờ. Kể cả khi nhìn vào các hành tinh. Kể cả khi đứng trên các đỉnh núi. Kể cả ở Grand Canyon.[110] Tại sao tôi lại phải cảm thấy thế nhỉ? Khi tôi ngắm đại dương, tôi cảm nhận sự vĩ đại của con người, tôi nghĩ tới khả năng kỳ diệu của con người khi tạo ra con tàu này để chinh phục những khoảng trống vô nghĩa. Khi tôi nhìn vào các đỉnh núi, tôi nghĩ tới các đường hầm và thuốc nổ. Khi tôi nhìn vào các hành tinh, tôi nghĩ tới máy bay."

"Đúng. Và cả cái cảm giác hạnh phúc thiêng liêng mà người ta vẫn nói là họ cảm nhận được khi ngắm nhìn thiên nhiên. Tôi chưa bao giờ nhận được nó từ thiên nhiên, chỉ trừ..." Cô dừng lại.

"Từ đâu?"

"Các tòa nhà," cô thầm thì "các tòa nhà chọc trời."

"Tại sao vừa rồi, bà không muốn nói ra điều này?"

"Tôi... không biết."

"Tôi sẵn sàng đánh đổi cảnh hoàng hôn huy hoàng nhất trên thế giới này lấy một lần nhìn thấy quang cảnh thành phố New York. Nhất là khi người ta không thể nhìn được các chi tiết. Chỉ còn lại những đường nét thôi. Nhưng đường nét và ý tưởng tạo ra chúng. Bầu trời New York và ý chí của con người. Chúng ta còn cần tới tôn giáo nào khác nữa? Thế mà người ta lại còn nói với tôi về những chuyến hành hương tới những lỗ sâu bọ tối tăm nào đó trong một khu rừng, nơi họ đến quỳ lạy trước một ngôi đền đổ nát, trước một con quái vật bằng đsa có cái nhìn dâm dật và cái bụng to tướng do một thằng man rợ cùi hủi nào đó nặn ra. Có thực là họ muốn ngắm nhìn vẻ đẹp và tài năng không? Họ có muốn tìm kiếm cảm giác về cái siêu phàm không? Hãy để họ tới New York và đứng trên bờ sông Hudson, hãy để họ nhìn và quỳ gối... Khi tôi nhìn thành phố từ cửa phòng mình - không, tôi không cảm thấy mình bé nhỏ chút nào - mà tôi cảm thấy nếu như có một cuộc chiến tranh nào đó đe doạ cái tôi đang thấy, tôi sẵn sàng lao mình vào khoảng không phía trên thành phố và bảo vệ những tòa nhà đó bằng chính thân thể tôi."

"Gail, tôi không biết có phải tôi đang nghe ông nói hay nghe chính tôi nói."

"Có phải bà vừa nghe chính mình nói không?"

Cô mỉm cười. "Thật ra thì không. Nhưng tôi không lấy lại những lời vừa rồi đâu, Gail."

"Cảm ơn, Dominique." Giọng ông nhẹ và vui vẻ. "Nhưng chúng ta không nói về bà hay về tôi. Chúng ta đang nói về những người khác." Ông dựa cả hai cánh tay lên lan can, ông nói trong khi ngắm nhìn những ánh sáng lấp lánh trên mặt nước. "Thật thú vị khi được thử đoán xem tại sao một người lại sẵn sàng hạ thấp mình như thế. Những thứ kiểu như cảm giác nhỏ bé khi đứng trước thiên nhiên. Nó không phải một câu nói sáo rỗng nhạt nhẽo, nó thực sự đã trở thành một thể chế mà người ta tin vào. Bà có nhận thấy giọng của một người tự tin thế nào khi anh ta nói điều đó với bà? Dường như anh ta bảo, nghe này, tôi rất sung sướng được là một kẻ tầm thường, tôi đức hạnh thế đấy. Bà chắc đã nghe tới chuyện người ta sung sướng ra sao khi nhắc lại chuyện một nhân vật nổi tiếng nào đó tuyên bố rằng anh ta cảm thấy mình không còn vĩ đại khi nhìn vào thác Niagra? Cứ như thể họ đang cắn môi sung sướng khi thấy những kẻ giỏi giang nhất cũng chỉ còn là cát bụi trước sức mạnh khủng khiếp của một trận động đất. Cứ như thể họ đang bò bằng cả tứ chi và đập đầu xuống bùn trước sự hùng vĩ của một cơn lốc xoáy.

Nhưng đó đâu phải là thứ tinh thần đã thuần hóa được lửa, hơi nước, điện, đã vượt đại dương trên những chiếc thuyền một buồm, chế tạo máy bay và

xây dựng các đập nước... Và các tòa nhà chọc trời. Họ sợ cái gì thế? Họ ghét cái gì đến thế, những kẻ luôn luôn muốn bò ấy? Và tại sao?"

"Khi tôi tìm thấy câu trả lời cho câu hỏi đó," cô nói, " tôi sẽ hoà giải được với thế giới này."

Ông tiếp tục nói - về những chuyến đi của ông, về các lục địa ở ngoài bóng tối đang bao phủ họ - thứ bóng tối làm từ khoảng trống, giống như một tấm rèm mềm mại đang ấn vào mi mắt của họ. Cô chờ đợi. Cô ngừng trả lời. Cô cho ông cơ hội sử dụng khoảng im lặng ngắn ngủi để kết thúc việc này, để nói ra những lời mà cô đang chờ đợi. Ông không nói những lời đó.

"Bà có mệt không, bạn thân mến của tôi?" ông nói.

"Không."

"Tôi sẽ lấy cho bà một cái ghế tựa nếu bà muốn ngồi."

"Không. Tôi thích đứng ở đây hơn."

"Bây giờ hơi lạnh. Nhưng tới ngày mai, chúng ta sẽ ở sâu dưới phía nam rồi và bà sẽ thấy đại dương bốc cháy trong đêm. Cảnh tượng đó rất đẹp."

Ông im lặng. Cô lắng nghe tiếng tàu chạy lẫn trong âm thanh của nước và tiếng than vãn xào xạc của nước như để phản đối cái vật thể đang đâm xuyên qua nó như một vết thương.

"Khi nào chúng ta sẽ xuống phòng ngủ."

"Chúng ta sẽ không xuống phòng ngủ."

Ông nói lặng lẽ, với một vẻ đơn giản đến kỳ quặc, như thể ông đang bất lực trước một hiện thực mà ông không thể thay đổi.

"Em sẽ cưới tôi chứ?" ông hỏi.

Cô không thể ngăn được sự kinh ngạc của mình. Ông đã biết trước, ông mỉm cười lặng lẽ, thấu hiểu.

"Tốt nhất là em đừng nói gì cả." Ông nói một cách thận trọng. "Nhưng em muốn nghe nó được nói ra, bởi vì sự im lặng giữa chúng ta hàm chứa nhiều hơn những gì mà tôi có quyền hy vọng. Em không muốn nói ra với tôi, nhưng vì tôi đã nói hộ em tối nay, nên hãy để tôi tiếp tục giúp em. Em lựa chọn tôi như là một biểu tượng về sự khinh bỉ của em đối với con người. Em không yêu tôi. Em không muốn cho tôi gì cả. Tôi chỉ là công cụ để em tự hủy hoại mình. Tôi biết tất cả. Tôi chấp nhận nó và tôi muốn em cưới tôi. Nếu em muốn thực hiện một hành động kinh khủng nào đó để trả thù thế giới thì hành động đó không phải là bán mình cho kẻ thù mà là cưới hắn. Không phải là dùng phần tồi tệ của mình để đáp lại sự tồi tệ của hắn mà

dùng phần tồi tệ của mình để đáp lại phần tốt nhất của hắn. Em đã thử việc đó một lần nhưng nạn nhân của em không xứng đáng cho mục đích của em. Em thấy đấy, tôi đang bào chữa cho mình bằng những lý lẽ của chính em. Về phần tôi, điều tôi muốn có được từ cuộc hôn nhân này không có gì quan trọng với em cả và tôi sẽ không làm bận tâm em. Em không cần biết về nó. Em không phải nghĩ đến nó. Tôi không đòi hỏi một sự hứa hẹn nào cả, không bắt em phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào. Em có toàn quyền tự do rời bỏ tôi bất cứ khi nào em muốn. Nhân tiện - vì điều này không quan trọng gì với em nên tôi sẽ nói - tôi yêu em."

Cô đứng nguyên, một tay vòng ra sau lưng, các ngón tay áp vào lan can. Cô nói:

"Tôi không muốn như vậy."

"Tôi biết. Nhưng nếu em tò mò về nó, tôi sẽ nói với em là em đã mắc một sai lầm. Em đã để cho tôi nhìn thấy con người trong sạch nhất mà tôi từng gặp."

"Chẳng phải điều đó thật lố bịch sao, sau cái lý do mà chúng ta gặp nhau?"

"Dominique, tôi đã dành cả đời mình để giật dây cái thế giới này. Tôi đã thấy tất cả. Chả nhẽ em lại nghĩ rằng tôi có thể tin vào bất cứ sự trong sạch nào - trừ khi nó đến với tôi một cách méo mó dưới một hình dạng đáng sợ như em đã chọn? Nhưng việc tôi cảm thấy gì không được phép ảnh hưởng tới quyết định của em."

Cô đứng đó nhìn vào ông và hoài nghi nhớ lại những giờ đã trôi qua. Miệng cô có đường nét dịu dàng. Ông nhận thấy điều đó. Cô nghĩ tất cả những lời ông nói hôm nay đều là lời của cô; lời đề nghị của ông và cách ông đề nghị cũng thuộc về thế giới riêng của cô; ông đã tự phá hủy mục đích của ông bằng lời đề nghị đó; ông đã lấy đi của cô thứ động cơ mà ông vừa nhắc tới; ông làm cho cô không thể hạ thấp mình với một người có thể nói ra được tất cả những gì như ông vừa nói. Đột nhiên, cô muốn vươn tay ra tới ông, muốn nói với ông tất cả, muốn tìm lấy sự giải thoát trong chốc lát từ sự thấu hiểu của ông, rồi xin ông đừng bao giờ gặp cô nữa.

Nhưng cô chợt nhớ ra...

Ông nhận ra cử động của bàn tay cô. Các ngón tay cô không còn bíu chặt lấy lan can nữa, nó không còn cần sự hỗ trợ nữa và ông hiểu giây phút vừa rồi có ý nghĩa rất quan trọng; những ngón tay của cô thả lỏng và ôm lấy lan can, như thể cô đã nắm được vào một sợi dây cương nào đó, nắm một cách bất cẩn, bởi vì những gì đang xảy ra không còn đòi hỏi bất cứ sự nỗ lực đáng kể nào nữa.

Cô nhớ tới Đền Stoddard. Cô nghĩ tới người đàn ông ở trước mặt cô, người nói về sự say mê tuyệt đối với đỉnh cao tuyệt đối, về việc bảo vệ các tòa nhà chọc trời bằng thân thể của chính mình - và cô nhìn thấy một tấm ảnh trên trang báo Ngọn cờ New York, hình Howard Roark ngước mắt lên tòa nhà Enright, với dòng chú thích: "Ngài vui sướng chứ, ngài Siêu nhân?"

Cô ngước lên nhìn ông. Cô hỏi: "Cưới ông ư? Trở thành bà Wynand-chủ báo ư?"

Cô nghe thấy sự cố gắng trong giọng nói của ông khi ông trả lời "Phải - nếu em muốn gọi như thế."

"Tôi sẽ cưới ông."

"Cảm ơn em, Dominique."

Cô chờ đợi một cách lãnh đạm.

Khi ông quay người về phía cô, ông nói với cô như ông đã nói trong cả ngày hôm nay, bằng giọng nói bình thản, pha chút vui vẻ.

"Chúng ta sẽ rút ngắn hành trình. Chúng ta sẽ chỉ đi trong một tuần - Tôi muốn giữ em ở đây một thời gian. Em sẽ đi Reno vào ngay sau ngày chúng ta trở lại. Tôi sẽ giải quyết với chồng em. Anh ta sẽ có Stoneridge và bất cứ thứ gì khác anh ta muốn. Quỷ tha ma bắt anh ta đi. Chúng ta sẽ làm đám cưới vào ngày em trở lại."

"Được thôi, Gail. Bây giờ chúng ta hãy xuống phòng ngủ."

"Em có muốn điều đó không?"

"Không. Nhưng tôi không muốn đám cưới của chúng ta trở thành quan trọng."

"Tôi thì muốn nó trở thành quan trọng, Dominique. Đó là lý do tôi sẽ không chạm vào người em trong đêm nay. Không, cho tới khi chúng ta cưới nhau. Tôi biết đó là một cử chỉ vô nghĩa. Tôi biết là lễ cưới sẽ không có ý nghĩa gì với cả hai chúng ta. Nhưng tuân thủ các nghi thức bình thường sẽ là sự bất thường duy nhất có thể có giữa hai chúng ta. Chính vì thế mà tôi muốn nó. Tôi không còn cách nào khác để tạo ra một ngoại lệ."

"Tùy ý ông, Gail."

Rồi ông kéo cô lại gần và hôn vào miệng cô. Nụ hôn như là sự kết thúc câu nói của ông, kết thúc một tuyên ngôn - một tuyên ngôn trang trọng tới mức cô cố gắng căng cứng cả thân thể, để cố gắng không đáp lại nó nhưng rồi cô vẫn thấy cơ thể mình đang đáp lại ông; cơ thể cô quên hết tất thảy, ngoài việc có một người đàn ông đang ôm cô.

Ông buông cô ra. Cô biết là ông nhận ra. Ông mỉm cười và nói:

"Em đang mệt, Dominique. Em đi ngủ đi. Tôi muốn ở lại đây thêm lát nữa."

Cô ngoan ngoãn quay người và bước một mình xuống phòng của cô.

V.

“Có chuyện gì thế? Tôi có hợp đồng Stoneridge chứ?" Peter Keating hỏi giật giọng.

Dominique bước vào phòng khách. Keating theo sau, và chờ ở ngoài cửa.

Cậu bé trực thang máy mang hành lý của cô vào rồi đi ra. Cô nói, trong khi tháo găng tay:

"Anh sẽ có Stoneridge, Peter. Ông Wynand sẽ tự nói nốt mọi việc với anh. Ông ấy muốn gặp anh tối nay. Vào lúc tám giờ rưỡi. Tại nhà ông ta."

"Để làm cái quỷ gì?"

"Ông ấy sẽ nói với anh."

Cô đập nhẹ đôi găng tay vào lòng bàn tay, một cử chỉ nhỏ ra dấu kết thúc, như dấu chấm đặt ở cuối câu. Cô quay người để bước ra khỏi phòng. Anh đứng chắn giữa đường cô.

"Tôi không quan tâm", anh nói, "Tôi cóc cần biết. Tôi cũng sẽ chơi trò của các người. Các người mới vĩ đại làm sao? - bởi vì các người cư xử như bọn lái xe tải, cô và lão Gail Wynand? Cần quái gì tới lịch sự, cần quái gì tới cảm xúc của người khác? Được, tôi cũng có thể làm như thế. Tôi sẽ sử dụng cả hai người và tôi sẽ có cái mà tôi muốn - tôi chỉ quan tâm có thế thôi. Giờ thì cô thích chứ? Chẳng được tích sự gì khi con sâu chẳng thèm quằn khi người ta xéo lên nó? Mất vui rồi hả?"

"Tôi nghĩ như thế tốt hơn đấy, Peter. Tôi thấy mừng."

Anh thấy mình không thể giữ được thái độ đó khi bước vào phòng làm việc của Wynand vào buổi tối hôm đó. Anh không sao thoát khỏi cảm giác sợ hãi khi được Gail Wynand cho phép vào nhà. Từ lúc bước vào phòng cho đến lúc ngồi xuống bàn làm việc, anh không cảm thấy gì ngoài cảm giác về sức nặng, và anh tự hỏi liệu chân mình có để lại dấu vết gì trên tấm thảm mềm, giống như đôi chân gắn thêm chì của một thợ lặn sâu.

"Việc mà tôi sẽ phải nói với ông, ông Keating, lẽ ra không cần phải được nói ra hoặc phải làm." - Wynand nói.

Keating chưa bao giờ nghe thấy ai nói với sự tự chủ như vậy. Anh có ý nghĩ ngớ ngẩn là dường như Wynand đang dùng tay mình giữ chặt giọng nói của ông ta và điều khiển từng âm tiết phát ra.

"Bất cứ lời nói thêm nào của tôi cũng sẽ khiến ông cảm thấy bị xúc phạm, do đó tôi sẽ nói ngắn gọn. Tôi sẽ cưới vợ ông. Cô ấy sẽ đi Reno vào ngày

mai. Đây là hợp đồng Stoneridge. Tôi đã ký nó. Kèm theo đây là tấm séc 250.000 đôla. Đây là số tiền ngoài số mà ông sẽ nhận được cho công việc theo hợp đồng. Tôi sẽ rất cảm kích nếu lúc này ông không bình luận bất kỳ điều gì. Tôi cho rằng tôi có thể nhận được sự đồng ý của ông với cái giá thấp hơn nhưng tôi không muốn kỳ kèo làm gì. Nếu chúng ta kỳ kèo với nhau thì việc này sẽ càng trở nên không thể chấp nhận được. Do đó, ông có thể làm ơn cầm những cái này và coi như vấn đề này đã được giải quyết xong?"

Ông đưa tờ hợp đồng ngang qua bàn. Keating nhận ra hình chữ nhật màu xanh nhạt ở góc tờ séc được gắn với trang hợp đồng bằng một cái ghim. Chiếc ghim ánh lên màu bạc dưới ánh sáng ngọn đèn bàn.

Keating không đưa tay cầm tờ giấy. Anh nói, cằm anh cử động một cách khó khăn để tìm lời:

"Tôi không muốn nó. Ông có thể có được sự đồng ý của tôi mà không mất gì cả."

Anh nhận thấy ánh mắt kinh ngạc - và gần như là thiện cảm - trên mặt Wynand.

"Ông không muốn nó ư? Ông không muốn cả Stoneridge?"

"Tôi muốn Stoneridge!" Tay Keating vươn ra và giật lấy tờ giấy "Tôi muốn tất cả! Tại sao ông thì lại được phép làm thế? Tại sao tôi lại phải quan tâm?"

Wynand đứng dậy. Ông nói, giọng nhẹ nhõm và tiếc nuối:

"Phải, ông Keating. Suýt nữa ông đã xứng đáng với cuộc hôn nhân của ông. Giờ thì thế nhé. Chúc ông ngủ ngon."

Keating không về nhà. Anh đi bộ tới căn hộ của Neil Dumont, nhà thiết kế mới và là bạn thân nhất của anh. Neil Dumont là một anh chàng xuất thân trong giới thượng lưu có thân hình cao lêu đêu và da nhợt nhạt; đôi vai anh ta sụm xuống như thể phải chịu đựng sức đè của bao đời tổ tiên danh giá. Anh ta không phải là nhà thiết kế giỏi, nhưng anh ta có nhiều mối quan hệ; anh ta khúm núm với Keating tại văn phòng còn Keating thì khúm núm với anh ta sau giờ làm việc.

Anh gặp Dumont tại nhà. Họ rủ thêm Gordon Prescott và Vicent Knowlton và định chơi bời cả đêm. Keating không uống nhiều. Anh trả tiền cho tất cả. Anh trả nhiều hơn số cần thiết. Anh có vẻ sốt sắng được trả tiền cho mọi thứ. Anh trả những khoản tiền boa hậu hĩnh. Chốc chốc anh lại hỏi: "Chúng ta là bạn bè, chúng ta là bạn bè phải không?" Anh nhìn vào những ly rượu ở xung quanh mình, và thấy các tia sáng nhảy nhót bên trong ly rượu. Anh nhìn vào ba cặp mắt, chúng lờ mờ, nhưng thỉnh thoảng chúng lại hướng

vào anh với vẻ mãn nguyện. Chúng dịu dàng và dễ chịu làm sao.

*

* *

Tối hôm đó, sau khi các hành lý của cô đã được sắp xếp và để sẵn trong phòng của cô, Dominique đến gặp Steven Mallory.

Cô đã không gặp Roark trong hai mươi tháng qua. Thỉnh thoảng cô tới thăm Mallory. Mallory biết rằng các chuyến thăm này là những khoảnh khắc suy sụp trong trận chiến đấu mà cô không nêu tên; anh biết cô không muốn đến và những buổi tối hiếm hoi của anh với cô là những thời khắc bị dứt ra khỏi cuộc đời cô. Anh chưa bao giờ hỏi cô và anh luôn vui mừng được gặp cô. Họ nói chuyện với nhau một cách lặng lẽ, với cảm giác thân thuộc như một đôi vợ chồng già, như thể anh từng sờ hữu thân thể cô và đã từ lâu không còn ngạc nhiên với nó nữa, như thể chẳng còn lại gì ngoài cảm giác thân mật quen thuộc. Anh chưa bao giờ chạm vào thân thể cô, nhưng anh đã sở hữu nó theo một lối sở hữu sâu sa hơn khi anh tạc tượng cô, và họ không thể đánh mất cảm giác đặc biệt về nhau mà việc tạc tượng đã đem lại.

Anh mỉm cười khi anh mở cửa và nhìn thấy cô.

"Chào Dominique."

"Chào Steve. Làm phiền anh không?"

"Không đâu. Vào đi."

Anh có một cái studio[111] - đấy là một chỗ ở tồi tàn trong một tòa nhà cũ kỹ. Cô nhận thấy có những thay đổi so với chuyến thăm lần trước. Căn phòng giờ có không khí của tiếng cười, như một hơi thở bị kìm nén quá lâu giờ mới được thoát ra. Cô nhìn những đồ nội thất mua lại, một tấm thảm phương Đông có hoa văn hiếm thấy và màu sắc sặc sỡ, chiếc gạt tàn bằng ngọc bích, các mảnh vụn điêu khắc khai quật từ các hiện trường khảo cổ - bất kỳ thứ gì mà anh muốn giữ lại và giờ có được nhờ khoản tiền bất ngờ đến từ các giao dịch với Wynand. Các bức tuùong trông trơ trụi một cách lạ lùng phía trên đám đồ vật hỗn tạp vui vẻ đó. Anh không mua một bức tranh nào. Một bản vẽ duy nhất được treo trong căn hộ của anh - đó là phiên bản đầu tiên của Đền Stoddard mà Roark vẽ.

Cô nhìn chậm rãi xung quanh mình, để ý từng đồ vật và lý do cho sự có mặt của nó. Anh đá hai cái ghế về phía lò sưởi và họ ngồi xuống, mỗi người một bên của lò sưởi.

Anh nói một cách giản dị:

"Clayton, Ohio."

"Việc gì?"

"Một tòa nhà mới cho Cửa hàng Bách hoá Janer. Năm tầng. Trên phố Main.[112]"

"Anh ấy ở đó bao lâu rồi?"

"Khoảng một tháng."

Đó là câu hỏi đầu tiên mà anh trả lời mỗi khi cô tới chỗ anh, không chờ cô hỏi nó. Sự thoải mái của anh khiến cô không cần phải giải thích hay giả vờ gì, anh cũng không kèm theo nhận xét nào cả.

"Em sẽ đi xa vào ngày mai, Steve."

"Bao lâu?"

"Sáu tuần. Tới Reno."

"Anh rất vui."

"Bây giờ, em chưa muốn nói với anh em sẽ làm gì khi trở lại. Anh sẽ không vui đâu."

"Anh sẽ cố gắng vui - nếu đó là điều em muốn làm."

"Đó là điều em muốn làm."

Một thanh củi vẫn còn nguyên hình dạng trên đống than ở trong lò sưởi; nó tách ra thành những hình chữ nhật nho nhỏ và tỏa sáng mà không cháy, giống như một dãy cửa sổ thắp sáng đứng cạnh nhau. Anh cúi mình và quẳng thêm một thanh củi mới vào đám than. Nó làm dãy cửa sổ gãy làm đôi và bắn thẳng các tia lửa lên những viên gạch đầy bồ hóng.

Anh nói về công việc của mình. Cô lắng nghe, như thể cô là một di dân được nghe thấy tiếng mẹ đẻ của mình trong chốc lát.

Khi anh ngừng lại giữa chừng, cô hỏi:

"Anh ấy thế nào hả Steve?"

"Vẫn thế. Anh ấy không thay đổi, em biết đấy."

Anh đá vào thanh củi. Một vài viên than rơi ra ngoài. Anh đẩy chúng trở lại. Anh nói:

"Anh vẫn nghĩ anh ấy là người duy nhất trong chúng ta sẽ đạt được sự bất tử. Anh không nói bất tử theo nghĩa danh vọng và anh cũng không nói là anh ấy sẽ không chết, một ngày nào đó. Nhưng anh ấy sống với sự bất tử. Anh nghĩ người như anh ấy mới là hiện thân chính xác của từ này. Em biết đó, mọi người đều mong được bất tử. Nhưng họ chết đi cùng với mỗi ngày trôi qua. Khi em gặp họ, họ không còn giống như lần em gặp trước đó. Với mỗi

giờ trôi qua, họ lại giết đi một phần trong chính mình. Họ thay đổi, họ bác bỏ, họ mâu thuẫn - và họ gọi đó là trưởng thành. Và cuối cùng sẽ chẳng còn lại gì cả, chẳng còn gì chưa từng bị đảo ngược hay chưa bị phản bội, như thể chưa từng tồn tại một thực thể mà chỉ là một dãy các tính từ nối tiếp nhau hiện lên rồi mờ đi trên một mớ vật chất hỗn độn. Làm sao họ có thể mong đợi một sự vĩnh cửu khi họ chưa bao giờ giữ nguyên một cái gì dù chỉ trong khoảnh khắc? Nhưng với Howard - người ta có thể nghĩ là anh tồn tại mãi mãi."

Cô ngồi nhìn vào lò sưởi. Ngọn lửa tạo ra một vẻ sống động không có thực trên khuôn mặt cô.

Một lát sau, anh hỏi: "Em có thích những thứ anh mới có không?"

"Em thích chúng. Em thích việc anh có chúng."

"Anh chưa kể với em về chuyện xảy ra với anh sau lần anh gặp em nhỉ. Một việc không thể nào tin được. Gail Wynand..."

"Có, em biết chuyện đó."

"Em biết à? Wynand, trong số tất cả mọi người - làm thế nào mà ông ta lại phát hiện ra anh?"

"Em biết cả chuyện đó nữa. Em sẽ nói với anh khi em trở lại..."

"Ông ta có khiếu thẩm mỹ rất tuyệt. Rất tuyệt đối với một người như ông ta. Ông ta mua những tác phẩm tuyệt nhất."

"Phải, như thế mới đúng là ông ấy."

Rồi cô hỏi, không cần chuyển tiếp, nhưng anh biết là cô không nói về Wynand.

"Steve, có bao giờ anh ấy hỏi anh về em không?"

"Không."

"Có bao giờ anh nói với anh ấy là em đến đây?"

"Không."

"Vì em à, Steve?"

"Không. Vì anh ấy."

Anh biết là anh đã nói với cô tất cả những gì cô muốn biết.

Cô nói trong khi đứng dậy: "Chúng ta uống trà nhé. Chỉ cho em chỗ anh để các thứ. Em sẽ pha trà."

*

* *

Dominique đi Reno vào sáng sớm. Keating vẫn đang ngủ và cô không đánh thức anh để chào tạm biệt.

Khi anh mở mắt, anh biết là cô đã đi, trước khi anh nhìn vào đồng hồ. Chính sự yên lặng trong nhà làm anh biết điều đó. Anh nghĩ lẽ ra anh nên nói "Thế là thoát nợ", nhưng anh không nói thế và cũng không cảm thấy thế. Cảm giác của anh là một câu nói trống trải, không cảm xúc và không có đối tượng - "Chẳng ích gì." Câu nói không liên quan tới anh hay tới Dominique. Anh đang ở một mình và không cần phải giả vờ gì cả.

Anh nằm trên giường, ngửa người, hai tay dang ra một cách bất lực. Khuôn mặt anh khiêm nhường và đôi mắt hoang mang. Anh có cảm giác về sự kết thúc và cái chết, nhưng không phải vì anh mất Dominique.

Anh đứng dậy và mặc đồ. Trong phòng tắm, anh tìm thấy chiếc khăn tay cô đã dùng và bỏ đi. Anh nhặt nó lên, áp mặt vào nó và giữ trong một lúc lâu, không phải trong cảm giác đau khổ mà là một cảm xúc không tên, không hiểu rõ. Anh biết anh chỉ yêu cô có hai lần duy nhất - đó là tối hôm Toohey gọi điện và lúc này đây.

Sau đó, anh xòe các ngón tay và để chiếc khăn trượt xuống sàn, giống một thứ chất lỏng chảy qua các kẽ ngón tay.

Anh đi đến văn phòng và làm việc như mọi khi. Không ai biết tới chuyện ly hôn của anh và anh không muốn thông báo cho ai cả. Neil Dumont nháy mắt với anh và nói lè nhè:

"Peter, trông cậu đang rất hưng phấn." Anh nhún vai và xoay lưng. Nhìn thấy Dumont hôm nay khiến anh thấy buồn nôn.

Anh rời văn phòng sớm. Một bản năng mơ hồ thúc đẩy anh, lúc đầu chỉ như một cơn đói, rồi nó dần dần hiện hình.Anh phải gặp Ellsworth Toohey. Anh phải tới chỗ Ellsworth Toohey. Anh cảm thấy như mình là kẻ sống sót trong một vụ đắm tàu, đang bơi tới ánh sáng ở phía xa xa.

Tối hôm đó, anh lê mình tới căn hộ của Ellsworth Toohey. Khi anh bước vào, anh cảm thấy hơi mừng vì sự tự chủ của mình, vì Toohey có vẻ không nhận ra điều gì trên khuôn mặt anh.

"À, chào Peter", Toohey nói vui vẻ: "Cảm giác về giờ giấc của anh thật chẳng đáng ngưỡng mộ tí nào. Anh đến đúng vào một buổi tối tồi tệ nhất có thể có. Đang bận kinh khủng. Nhưng đừng có ngại. Bạn bè để làm gì ngoài những lúc cần. Ngồi xuống đi, ngồi xuống đi. Tôi sẽ tiếp chuyện anh ngay đây."

"Tôi xin lỗi, Ellsworth. Nhưng... tôi phải tới."

"Cứ tự nhiên nhé. Cứ để mặc tôi trong một phút nữa thôi."

Keating ngồi và chờ đợi. Toohey đang làm việc, ông đang ghi chú lên các trang giấy đánh máy chữ. Ông gọt một chiếc bút chì, tiếng gọt nghiến ken két như tiếng lưỡi cưa cưa ngang óc Keating. Ông gập người lần nữa trên trang giấy, thỉnh thoảng lại lật giấy sột soạt.

Nửa tiếng sau, ông đẩy các tờ giấy sang một bên và mỉm cười với Keating. "Xong rồi", ông nói. Keating hơi chồm người về phía trước. "Cứ ngồi yên", Toohey nói, "tôi còn phải gọi một cú điện thoại nữa."

Ông quay số điện của Gus Webb. "Chào Gus", ông nói vui vẻ "Anh khoẻ chứ, anh bạn quảng cáo dụng cụ tránh thai di động?" Keating chưa bao giờ nghe thấy giọng thân mật thoải mái như thế từ Toohey - thứ giọng đặc biệt của tình bằng hữu và nó cho phép người ta được ủy mị. Anh nghe thấy chất giọng kim khí của Webb nói một cái gì đó và cười to trong ống nghe. Tiếp đó vang lên những tiếng nói ríu rít từ tít sâu trong ống, như thể người kia đang làm sạch cổ họng. Anh không nghe được những từ cụ thể, chỉ cảm nhận được đặc tính chung của chúng - phóng túng và tự mãn, thỉnh thoảng lại có những tiếng rít cao vui vẻ.

Toohey dựa lưng vào ghế, nghe và cười nửa miệng "Phải", thỉnh thoảng ông nói, "ừ ừ... Cậu nói đúng rồi... Chắc chắn rồi..." Ông ngã người sâu hơn về phía sau và đặt một chân đang đi một chiếc giầy mũi nhọn, bóng loáng lên mép bàn.

"Nghe này, anh bạn, tôi muốn nói với anh là hãy chiều lão Basset một thời gian. Tất nhiên là lão ấy thích tác phẩm của cậu nhưng đừng làm lão ấy bị sốc quá trong lúc này. Đừng có quậy, được không? Khóa cái miệng của cậu lại... Cậu biết thừa tôi có thể nói với cậu như thế... Đúng rồi... Chính thế đấy, anh bạn trẻ à... Ồ, lão ấy làm thế à? Tốt rồi, cậu bé... Thế nhé, tạm biệt - à quên, Gus, cậu đã nghe chuyện về quý bà người Anh và tay thợ ống nước chưa?" Tiếp theo là một câu chuyện. Đầu dây bên kia vang lên tiếng kêu khàn khàn vào cuối câu chuyện. "Ừ, cẩn thận cách đi đứng vàn ăn uống, cậu bé. Ngủ ngon."

Toohey đặt ống nghe xuống, và nói "Được rồi, Peter." Ông rướn người, đứng lên, bước tới chỗ Keating và đứng trước mặt anh, hơi rung rung chân, đôi mắt ông sáng và đầy thiện cảm.

"Nào, Peter, có chuyện gì thế? Thế giới sập xuống đầu anh à?"

Keating thò tay vào túi trong và lấy ra một tờ séc màu vàng, nhàu nát, đã được cầm nhiều lần. Nó mang chữ ký của anh và số tiền mười ngàn đôla, với tên người nhận là Ellsworth M.Toohey. Cử chỉ của anh khi anh đưa nó cho Toohey không phải là của một người cho tiền mà là của một kẻ ăn xin.

"Xin ông, Ellsworth... đây... hãy cầm lấy... vì một việc từ thiện nào đấy... cho Hội thảo Nghiên cứu Xã hội... hay cho bất kỳ thứ gì mà ông muốn... ông biết rõ nhất... cho một việc từ thiện nào đấy... Toohey cầm lấy tấm séc bằng đầu các ngón tay, như cầm một đồng xu vấy bẩn, ông nghiêng đầu về một phía, uốn môi như để đánh giá, và ném tờ séc lên mặt bàn.

"Anh thật hào phóng. Thật sự hào phóng. Vì lý do gì thế?"

"Ellsworth, ông có nhớ một lần ông đã nói - rằng dù chúng ta có là ai hay làm gì thì điều đó cũng không quan trọng, miễn là chúng ta giúp đỡ người khác? Đấy mới là điều quan trọng, đúng không? Thế là trong sạch, đúng không?"

"Tôi không nói thế một lần. Tôi nói thế cả triệu lần."

"Và nó thực sự đúng chứ?"

"Tất nhiên là đúng. Nếu người ta có can đảm chấp nhận nó."

"Ông là bạn tôi phải không? Ông là người bạn duy nhất mà tôi có. Tôi... tôi thậm chí không phải là bạn của chính mình nhưng ông là bạn tôi. Của tôi, tôi muốn nói, có phải không, Ellsworth?"

"Tất nhiên rồi. Và nó còn có giá trị hơn là tình bạn của anh với chính mình - một khái niệm khá kỳ quặc nhưng hoàn toàn hợp lý."

"Ông hiểu tôi. Không có ai khác hiểu. Và ông quý mến tôi."

"Rất mực. Và vào bất cứ khi nào tôi có thời gian."

"Hả?"

"Khiếu hài hước của anh, Peter, khiếu hài hước của anh đi đâu mất rồi? Có chuyện gì thế? Anh bị đau bụng à? Hay linh hồn mắc chứng khó tiêu?"

"Ellsworth, tôi..."

"Sao cơ?"

"Tôi không thể nói với ông. Kể cả với ông."

"Anh là thằng hèn, Peter."

Keating nhìn chằm chằm một cách bất lực: giọng nói của Ellsworth vừa nghiêm khắc vừa nhẹ nhàng, anh không biết anh nên cảm thấy đau đớn, nhục nhã hay tin tưởng.

"Anh đến đây nói với tôi là việc anh đã làm không có gì quan trọng - rồi sau đó anh tan nát trước việc gì đó mà anh đã làm. Thôi nào, hãy mạnh mẽ lên và nói rằng nó không quan trọng. Hãy nói rằng bản thân anh cũng chẳng có gì quan trọng. Nói một cách thực sự. Dũng cảm lên. Quên cái tôi bé nhỏ

của anh đi."

"Tôi chẳng có gì quan trọng cả, Ellsworth. Tôi không quan trọng. Ôi, lạy Chúa tôi, nếu như tất cả mọi người đều nói được như ông nói. Tôi không quan trọng. Tôi không muốn mình quan trọng."

"Anh có số tiền này từ đâu thế?"

"Tôi đã bán Dominique."

"Anh đang nói về chuyện gì thế? Về chuyến du hành?"

"Chỉ có điều hình như cái mà tôi bán không phải là Dominique."

"Anh quan tâm làm gì nếu như..."

"Cô ấy đã đi Reno."

"Cái gì?"

Anh không hiểu được sự dữ tợn trong phản ứng của Toohey nhưng anh đã quá mệt mỏi để tìm hiểu. Anh kể tất cả mọi thứ đã xảy ra với anh. Không tốn nhiều thời gian để những việc đó xảy ra hay để kể lại chúng.

"Đồ ngốc! Lẽ ra anh không được cho phép chuyện đó."

"Tôi có thể làm gì chứ? Chống lại Wynand ư?"

"Nhưng để cho ông ta lấy cô ta!

"Tại sao không chứ, Ellsworth? Thế còn tốt hơn là..."

"Tôi không nghĩ ra là hắn có thể... nhưng... Ôi, Chúa bắt tôi đi. Tôi còn ngốc hơn cả anh!"

"Nhưng sẽ tốt hơn cho Dominique nếu như..."

"Quên Dominique đi! Tôi đang nghĩ tới Wynand kia."

"Ellsworth, có chuyện gì với ông thế?... Việc gì ông phải quan tâm chứ?"

"Yên nào. Để cho tôi nghĩ."

Một lát sau, Toohey nhún vai, ngồi xuống bên cạnh Keating và vòng tay qua vai anh.

"Tôi xin lỗi, Peter", ông nói. "Tôi xin lỗi. Tôi đã quá thô lỗ với anh. Đó chẳng qua vì cú sốc. Nhưng tôi hiểu anh cảm thấy thế nào. Chỉ có điều anh đừng nên cho nó là quá quan trọng. Nó không có gì quan trọng cả." Ông nói một cách tự động. Đầu óc của ông đang ở một nơi nào xa xăm.

Keating không nhận ra điều này. Anh chỉ nghe thấy các từ ngữ. Chúng là dòng suối trên sa mạc.

"Không có gì quan trọng cả. Anh chỉ là con người thôi mà. Anh muốn là

con người. Ai có thể hơn được con người? Ai có quyền ném hòn đá đầu tiên chứ?[113] Chúng ta đều chỉ là con người thôi. Chẳng có gì quan trọng đâu."

*

* *

"Lạy Chúa tôi!" Alvah Scarret nói. "Ông ta không thể! Không phải với Dominique Francon!"

"Ông ấy sẽ," Toohey nói. "Ngay khi cô ấy trở về."

Scarret đã ngạc nhiên khi Toohey mời ông đi ăn trưa nhưng tin ông vừa nghe được đã biến sự ngạc nhiên thành cái gì đó lớn lao và đau đớn hơn.

"Tôi vẫn thích Dominique", Scarret nói, đẩy đĩa ăn của ông sang một bên, ông không còn thấy ngon miệng nữa. "Tôi vẫn luôn thích cô ấy. Nhưng cô ấy mà trở thành bà Gail Wynand!"

"Đó cũng chính là cảm xúc của tôi", Toohey nói.

"Tôi vẫn luôn khuyên ông ấy nên cưới vợ. Sẽ có ích cho ông ấy. Một không khí mới. Một thứ dây bảo hiểm về tư cách, và ông ấy thì rõ là cần đến cái đó. Ông ấy luôn trượt trên băng mỏng. Cho tới giờ thì vẫn chưa hề hấn gì. Nhưng mà Dominique!"

"Tại sao anh lại nghĩ là cuộc hôn nhân này không phù hợp?"

"Hừ... hừ, nó không... Mà ông cũng biết là nó không hợp lý mà!"

"Tôi biết. Còn anh?"

"Thì đấy, cô ấy là loại đàn bà nguy hiểm."

"Đúng thế. Đó là lý do phụ của ông. Còn lý do chính của anh là: Gail Wynand là loại người nguy hiểm."

"Hừ... cũng đúng ở một mức độ nào đó."

"Nhà biên tập đáng kính của tôi ơi, anh hiểu tôi quá rõ rồi mà. Nhưng bây giờ là lúc cần phải hình thành một cái gì đó rõ ràng hơn. Nó sẽ giúp cho sự hợp tsac giữa chúng ta trong tương lai. Anh và tôi có rất nhiều thứ chung - cho dù anh không muốn thú nhận nó. Có thể nói chúng ta là hai biến khúc trên cùng một chủ đề... Hay nếu anh thích nói theo phong cách văn chương của anh, thì chúng ta đi từ hai đầu một sợi dây để vào đến giữa. Nhưng anh chủ thân yêu của chúng ta lại là một tanh khác hẳn. Một *lei-motif*[114] hoàn toàn khác - anh có nghĩ thế không, Alvah? Anh chủ của chúng ta là một sự cố ở giữa sợi dây của chúng ta. Mà các sự cố thì là những hiện tượng không đáng tin. Anh đã ngồi trên đống lửa nhiều năm rồi, phải không? - ngồi xem Gail Wynand. Thế nên anh hoàn toàn hiểu tôi đang nói tới cái gì. Anh cũng

biết là cô Dominique Francon cũng không cùng tanh với chúng ta. Và anh không muốn thấy ảnh hưởng của cô ta len lỏi vào cuộc đời anh chủ chúng ta. Liệu tôi có phải nói việc này một cách thẳng thừng hơn không?"

"Ông khôn ngoan đấy, Ellsworth," Scarret nói một cách nặng nề.

"Điều này rõ ràng từ lâu rồi còn gì."

"Tôi sẽ nói chuyện với ông ấy. Tốt hơn là ông đừng nói - ông ấy ghét ông lắm, nói ông thứ lỗi. Nhưng tôi nghĩ tôi cũng chẳng giúp được gì. Một khi ông ấy đã quyết định rồi."

"Tôi cũng không hy vọng anh có thể làm được gì. Anh có thể thử nếu muốn, mặc dù cũng vô ích thôi. Chúng ta không thể cản đám cưới đó được. Một trong những ưu điểm của tôi là tôi có thể thừa nhận thất bại khi buộc phải thừa nhận nó."

"Nếu thế thì tại sao ông lại...?"

"Lại nói với anh chứ gì? Chỉ là bản năng phải đưa những tin sốt dẻo thôi, Alvah. Đưa tin trước ấy mà."

"Tôi đánh giá cao việc này, Ellsworth. Thực lòng đấy."

"Làm thế là khôn ngoan. Alvah, đừng để mất các tờ báo Wynand một cách dễ dàng thế. Đoàn kết tạo ra sức mạnh. Đúng như anh hay nói."

"Ông có ý gì."

"Ý tôi là chúng ta đang gặp khó khăn, bạn của tôi ạ. Và chúng ta nên hợp tác với nhau."

"Tôi ủng hộ ông, Ellsworth. Tôi vẫn luôn thế mà."

"Không chính xác, nhưng thôi, chúng ta sẽ bỏ qua nó. Chúng ta sẽ chỉ quan tâm tới hiện tại. Và tới tương lai. Để chứng tỏ sự hiểu biết lẫn nhau giữa chúng ta, anh có thể đuổi cổ Jimmy Kearns ngay khi anh có cơ hội không?"

"Tôi nghĩ là ông đã nhắm vào việc đó hàng tháng nay! Có chuyện gì với Jimmy Kearns thế? Cậu ta rất sáng dạ. Người phê bình sân khấu tốt nhất trong thành phố. Cậu ta có đầu óc. Sắc như một ngọn roi. Rất có triển vọng."

"Cậu ta có đầu óc - đầu óc riêng. Tôi không nghĩ là ông lại muốn có thêm một ngọn roi nào nữa ở tòa soạn - ngoại trừ cái roi ông đang cầm. Tôi cũng cho rằng ông nên nghĩ kỹ xem cái triển vọng ấy là triển vọng gì."

"Thế là tôi sẽ lắp ai vào vị trí của cậu ta?"

"Jules Fougler."

"Không đời nào, Ellsworth!"

"Sao lại không nào?"

"Thằng già chó đ... Chúng ta không thể nhận lão ấy."

"Anh có thể nếu anh muốn. Hãy xem tên tuổi của ông ấy."

"Nhưng lão ấy là thằng già bất khả nhất..."

"Rồi, anh không nhất thiết phải nhận lão ta. Chúng ta sẽ thảo luận chuyện đó vào lúc khác. Giờ chỉ cần loại bỏ Jimmy Kearns thôi."

"Nghe này, Ellsworth, tôi không chơi trò thiên vị, tất cả đều như nhau với tôi. Tôi sẽ đá Jimmy nếu ông nói thế. Chỉ có điều, tôi không thấy việc này sẽ làm thay đổi cái gì và nó liên quan gì tới việc chúng ta đang bàn."

"Giờ thì anh không thấy", Toohey nói "Nhưng rồi anh sẽ thấy."

*

* *

"Gail, ông biết là tôi luôn muốn ông được hạnh phúc," Alvah Scarret nói. Ông ngồi trong chiếc ghế bành dễ chịu tại phòng làm việc trong căn hộ Wynand buổi tối hôm đó. "Ông biết là tôi không nghĩ tới điều gì khác cả."

Wynand nằm dài trên tràng kỷ. Một chân của ông gập lại, bàn chân vắt lên đầu gối chân kia. Ông hút thuốc và yên lặng lắng nghe.

"Tôi biết Dominique nhiều năm rồi", Scarret nói "Từ lâu trước khi ông nghe nói tới cô ấy. Tôi yêu quý cô ấy. Tôi yêu quý cô ấy, như một người cha. Nhưng ông phải thừa nhận là cô ấy không phải dạng phụ nữ mà công chúng muốn nhìn thấy với tư cách bà Gail Wynand."

Wynand không nói gì.

"Vợ ông là người của công chúng, Gail. Hiển nhiên sẽ là như thế. Một tài sản công cộng. Các độc giả của ông có quyền đòi hỏi và trông đợi một số thứ từ cô ấy. Một thứ biểu tượng. Kiểu như Nữ hoàng nước Anh. Làm sao mà Dominique có thể tương xứng như thế chứ? Lẽ nào ông nghĩ cô ấy có thể giữ thể diện được? Cô ấy là người sống hoang dã nhất mà tôi biết. Cô ấy tai tiếng kinh khủng. Nhưng tồi nhất là - Gail, ông thử nghĩ coi - cô ấy lại li dị chồng! Và trong khi đó, chúng ta đã tiêu tốn hàng tấn giấy để bảo vệ cho sự thiêng liêng của gia đình và sự thuần khiết của người phụ nữ! Làm sao các độc giả của ông có thể nuốt được quả đắng này? Tôi làm sao có thể bán vợ ông được cho họ chứ?"

"Anh có nghĩ là cuộc chuyện trò này nên chấm dứt không, Alvah?"

"Vâng, Gail", Scarret nói rụt rè...

Scarret chờ đợi, với cảm giác nặng nề, như thể ông vừa trải qua một cuộc tranh cãi kịch liệt và nóng lòng muốn làm lành.

"Tôi biết rồi, Gail!", ông ta reo lên hoan hỉ. "Tôi biết chúng ta có thể làm gì. Chúng ta sẽ đưa Dominique quay lại tờ báo và chúng ta sẽ để cô ấy viết một chuyên mục - một chuyên mục mới - chuyên về gia đình. Ông biết đấy, mẹo vặt về nhà cửa, bếp núc, trẻ con, đại loại thế. Nó sẽ làm thay đổi ấn tượng xấu. Hãy cho thấy cô ấy là người nội trợ tốt thế nào, bất chấp những lỗi lầm của tuổi trẻ của cô ấy. Phụ nữ sẽ tha thứ cho cô ấy. Chúng ta sẽ có một mục đặc biệt. 'Công thức nấu ăn của bà Gail Wynand'. Một vài bức ảnh của cô ấy sẽ có ích - ông biết đấy, váy vải kẻ, tạp dề và tóc được làm theo kiểu truyền thống."

"Im đi, Alvah, trước khi tôi tát vỡ mặt anh", Wynand nói mà không hề cao giọng.

"Được rồi, Gail."

Scarret làm bộ đứng lên.

"Ngồi yên. Tôi chưa nói xong."

Scarret chờ đợi một cách ngoan ngoãn.

"Sáng ngày mai", Wynand nói "anh sẽ gửi một thông báo tới tất cả các tờ báo của chúng ta. Anh sẽ bảo họ lục tìm trong hồ sơ bất cứ bức ảnh nào của Dominique mà liên quan tới chuyên mục cũ của cô ấy. Anh bảo họ hủy các bức ảnh đó. Anh bảo với họ từ nay trở đi nếu có ai đề cập tới tên cô ấy hay đăng hình cô ấy trên bất kỳ tờ báo nào của chúng ta thì toàn bộ ban biên tập liên quan sẽ mất việc. Khi tới thời điểm phù hợp, anh sẽ thông báo về cuộc hôn nhân của tôi trên tất cả các tờ báo của chúng ta. Việc này là không tránh được. Hãy đưa ra thông báo ngắn nhất có thể. Không bình luận. Không kể chuyện. Không ảnh. Hãy nói với tất cả mọi người và nhớ làm cho họ hiểu. Nếu việc này không được tuân thủ, thì tất cả mọi người, kể cả anh, cũng sẽ mất việc."

"Không kể chuyện gì cả - khi mà ông cưới cô ấy ư?"

"Không kể chuyện gì cả, Alvah."

"Nhưng Chúa ơi! Đó là tin tức! Các tờ báo khác..."

"Tôi không quan tâm các tờ báo khác nói gì về việc này."

"Nhưng tại sao hả Gail?"

"Anh không hiểu được đâu."

*

* *

Dominique ngồi ở cửa sổ, lắng nghe tiếng bánh tàu chạy ở dưới sàn. Cô nhìn vùng quê Ohio đang lướt qua trong ánh nắng nhạt dần. Đầu cô tựa vào ghế và đôi tay buông lỏng ở hai bên mình, trên nệm ghế. Cô hòa làm một với toa tàu, cô cũng đang tiến về phía trước, giống như khung cửa sổ, sàn, và thành tàu đang tiến về phía trước. Các góc cạnh xung quanh toa tàu mơ dần, thu bóng tối vào trong; chỉ có khung cửa sổ vẫn còn sáng, nhờ thứ ánh sáng của buổi tối hắt lên từ mặt đất. Cô để mình nghỉ ngơi trong ánh sáng mờ mờ đó; thứ ánh sáng từ ngoài chui vào trong khoang và ngự trị nó, cho tới chừng nào cô còn chưa bật đèn sáng để đuổi nó ra ngoài.

Cô không có ý thức về mục đích. Cô không có mục đích gì trong chuyến đi này, ngoài bản thân chuyến đi, ngoài những chuyển động và âm thanh kim khí đang vang lên xung quanh cô. Cô cảm thấy uể oải và trống rỗng, cô thả rơi cái tôi của mình trong cảm giác suy sụp mà không đau đớn; cô sẵn sàng biến mất và không còn gì còn lại, ngoài mặt đất đang hiện ra bên ngoài cửa sổ.

Khi cô nhìn thấy, trong chuyển động chậm chạp ở ngoài cửa kính, cái tên "Clayton" hiện ra trên một tấm bảng mờ mờ ở phía dưới mái sân ga, cô biết mình đã chờ đợi điều gì. Cô biết tại sao cô lại chọn đi trên chuyến tàu này, không phải một chuyến tàu nhanh, cô biết tại sao cô lại nhìn kỹ thời gian biểu về các điểm dừng của nó - cho dù nó chỉ là một cột những cái tên không có nghĩa gì với cô. Cô cầm lấy va-li, áo khoác và mũ của mình.

Cô chạy. Cô không muốn mất thời gian thay quần áo, cô sợ sàn tàu dưới chân sẽ đưa cô đi tới một nơi nào khác. Cô chạy xúong hành lang hẹp của toa tàu, xuống bực lên xuống của con tàu. Cô nhảy xuống sân ga, cảm thấy hơi lạnh đột ngột của mùa đông trên cổ trần của mình. Cô đứng nhìn nhà ga. Cô nghe thấy tiếng tàu chạy sau lưng cô, xa dần. Rồi cô mặc áo khoác và đội mũ. Cô bước xuyên qua sân ga, tới phòng đợi, xuyên qua sàn nhà bằng gỗ dính đầy kẹo cao su đã khô cứng, xuyên qua hơi nóng hừng hực từ một lò sấy, đi tới quảng trường trước mặt nhà ga.

Cô nhìn thấy một dải trời màu vàng cuối cùng phía trên các mái nhà thấp. Cô thấy một đoạn đường lát gạch lỗ chỗ, những ngôi nhà bé nhỏ dựa vào nhau; một cái cây trơ trụi với những cành xoắn xuýt, đám cỏ dại chết khô phía trước một ga-ra bỏ hoang và mất cả cửa ra vào, dãy cửa hiệu tối tăm, một hiệu thuốc vẫn đang mở cửa nằm tại một góc phố - cửa sổ của nó thắp sáng mờ mờ, thấp lè tè sát mặt đất.

Cô chưa bao giờ đến đây, nhưng cô cảm thấy nơi này đang tuyên bố quyền sở hữu của nó với cô, bao bọc lấy cô bằng một sự thân mật đáng ngại. Cứ như thể mỗi một khoảng tối đều đang thể hiện sức hút của nó, giống như

lực hút của lỗ đen với các hành tinh trong vũ trụ, và chúng chi phối quỹ đạo chuyển động của cô. Cô đặt tay mình lên một bình cứu hỏa và cảm thấy hơi lạnh lan qua lớp găng tay, thấm vào da cô. Đây là cách mà thị trấn này nói chuyện với cô - bằng một sự xâm nhập trực tiếp mà cả quần áo lẫn đầu óc của cô đều không thể cản được. Chỉ có sự yên bình của cái-không-thể-tránh-khỏi là ở lại. Có điều, bây giờ, cô phải hành động, những hành động đơn giản và đã được sắp đặt trước rồi. Cô hỏi một người qua đường: "Công trường của Bách hóa Janer được xây dựng ở chỗ nào vậy?"

Cô bước đi nhẫn nại qua các con phố tối tăm. Cô đi qua những bãi cỏ trơ trụi trong mùa đông, qua những hàng hiên xập xệ, qua những bãi đất trống chỉ có cỏ dại xào xạc cọ vào các vỏ hộp thiếc, qua các cửa hiệu thực phẩm đã đóng cửa và một hiệu giặt bằng hơi, qua một cửa sổ không có rèm trong đó có một người đàn ông mặc sơ mi dài tay đang đọc báo bên cạnh lò sưởi. Cô rẽ qua các góc phố và băng qua các con đường, cảm giác tiếng sỏi xào xạc dưới đế mỏng của đôi giày. Những người đi bộ hiếm hoi nhìn cô, và ngạc nhiên trước vẻ tao nhã xa lạ của cô.

Cô nhận thấy thế, cô cảm thấy từ họ một sự tò mò muốn được giải đáp. Cô muốn nói: Chả nhẽ ông không hiểu ư? Tôi thuộc về nơi này hơn cả ông. Thỉnh thoảng, cô dừng lại, nhắm chặt mắt; cô cảm thấy nghẹn thở.

Cô đến phố Main và bước chậm hơn. Trên phố có rất ít đèn đường, các xe ô-tô đậu trên đường chéo ở lề đường, một rạp chiếu phim, một cửa hàng trưng bày đồ lót màu hồng xen với dụng cụ làm bếp. Cô bước một cách cứng nhắc, mắt nhìn thẳng phía trước.

Cô thấy ánh sáng hắt lên mặt một tòa nhà cũ, trên một bức tường bằng gạch màu vàng tối tăm, chiếu lên sàn nhà đen sạm của một tòa nhà bên cạnh đã bị kéo sập. Ánh sáng ấy xuất hiện từ một hố móng công trình. Cô biết đây chính là nó. Cô hy vọng không phải thế. Nếu họ làm việc muộn thì anh sẽ ở đây. Cô không muốn gặp anh tối nay. Cô chỉ muốn nhìn thấy địa điểm và tòa nhà, cô chưa sẵn sàng cho những gì hơn thế; cô đã định gặp anh vào ngày mai. Nhưng cô không thể dừng lại lúc này được. Cô bước tới hố móng. Nó nằm ở góc đường, trông ra phố và và không cso hàng rào. Cô nghe thấy tiếng đập thép chan chát, cô nhìn thấy cánh tay của một cây cần cẩu, thấy những bóng người xả dài trên nền đất mới đào và vàng vọt dưới ánh đèn. Cô không nhìn thấy các tấm ván dẫn tới vỉa hè nhưng cô nghe thấy tiếng bước chân và tiếp đó cô nhìn thấy Roark đang đi ra đường. Anh để đầu trần, chiếc áo khoác rộng khoác hờ không cài cúc.

Anh dừng lại. Anh nhìn cô. Cô nghĩ là cô đang đứng thẳng; rằng điều này thật đơn giản và bình thường làm sao, cô đang nhìn đôi mắt xám và mái tóc màu da cam như cô vẫn thường xuyên nhìn thấy. Cô ngạc nhiên khi anh tiến

tới cô một cách rất vội vã, tay anh nắm chặt khuỷu tay cô và anh nói: "Em ngồi xuống đi."

Và cô thấy cô đã không thể đứng được nếu không có bàn tay đó nắm vào khuỷu tay cô. Anh cầm lấy vali của cô. Anh dẫn cô đi ngang qua con phố tối tăm và bảo cô ngồi xuống bậc thềm của một căn nhà trống. Cô dựa lưng vào cánh cửa đóng. C ngồi bên cạnh cô. Anh để tay mình giữ chặt khuỷu tay cô, không phải một cách âu yếm, mà như để cả hai có thể cùng lấy lại thăng bằng.

Sau một lúc, anh bỏ tay mình ra. Cô biết là bây giờ cô đã được an toàn. Cô có thể nói.

"Đây là tòa nhà mới của anh?"

"Ừ. Em đi bộ đến đây từ nhà ga?"

"Vâng."

"Đường xa."

"Vâng."

Cô nghĩ là hai người vẫn chưa chào nhau nhưng như thế là phù hợp. Đây không phải là một cuộc tái ngộ mà chỉ là một khoảnh khắc trong một cái gì đó chưa bao giờ bị ngắt quãng. Cô nghĩ sẽ thật kỳ cục nếu như cô nói "Chào anh!" với anh. Nào có ai chào bản thân mình mỗi buổi sáng.

"Sáng nay anh dậy lúc mấy giờ?" cô hỏi.

"Bảy giờ."

"Lúc đó em đang ở New York. Trong một chiếc taxi tới nhà ga Trung tâm. Anh ăn sáng ở đâu?"

"Ở toa xe lưu động."

"Loại mở suốt đêm à?"

"Ừ. Chủ yếu cho cánh lái xe tải."

"Anh có hay đến đó không?"

"Lúc nào anh muốn uống cà phê."

"Anh ngồi ở quầy à? Với mọi người xung quanh và nhìn anh?"

"Anh ngồi ở quầy khi anh có thời gian. Có mọi người xung quanh. Anh không nghĩ là họ nhìn anh nhiều lắm."

"Thế sau đó? Anh đi bộ tới công trường à?"

"Ừ."

"Anh đi bộ hàng ngày? Qua những con phố này? Đi qua các cửa sổ? Và nếu có ai đó mở cửa sổ..."

"Ở đây, người ta không tò mò nhìn ra ngoài cửa sổ."

Nhờ bậc thềm cao, họ có thể nhìn thấy các hố móng ở bên kia phố, thấy đất đá, đám công nhân, các cây cột bằng thép vươn cao lên trong ánh sáng gắt. Cô cảm thấy lạ lùng khi nhìn thấy mặt đất trần ở giữa vỉa hè và đá lát đường, giống như người ta xé một miếng quần áo của thị trấn ra, để lộ da thịt trần trụi. Cô nói:

"Anh đã xây hai căn nhà nông thôn trong hai năm qua."

"Ừ. Một ở Pensylvania và một ở gần Boston."

"Mấy căn nhà đó đều không quan trọng."

"Rẻ tiền, nếu ý em là thế. Nhưng công việc rất thú vị."

"Anh sẽ ở lại đây bao lâu nữa?"

"Một tháng nữa."

"Tại sao anh làm việc cả ban đêm?"

"Công trình này cần xong gấp."

Bên kia đường, chiếc cần cẩu đang di chuyển, nó đang nâng một thanh rầm dài trong không trung.

Cô nhìn thấy anh quan sát nó và cô biết anh không nghĩ tới nó, đó là phản xạ bản năng trong mắt anh, một mối liên hệ hữu hình với anh, một cảm giác gần gũi đối với bất kỳ hành động nào xảy ra với tòa nhà của anh.

"Roark..."

Họ không gọi tên nhau từ lúc gặp mặt tới giờ. Giờ đây, tiếng gọi đó đem lại khoái cảm cho cô như một sự đầu hàng lẽ ra phải tuyên bố từ lâu - khi mà cô được gọi tên anh và để anh nghe thấy tiếng gọi đó.

"Roark, lại là mỏ đá nữa."

Anh mỉm cười:

"Nếu như em muốn coi như thế. Có điều không phải."

"Sau nhà Enright ư? Sau tòa nhà Cord ư?"

"Anh không nghĩ theo cách đấy."

"Thế anh nghĩ thế nào?"

"Anh thích xây nó. Mỗi tòa nhà giống như một con người. Riêng biệt và không thể lặp lại."

Anh đang nhìn sang bên kia đường. Anh đã không hề thay đổi. Vẫn là cái cảm giác nhẹ nhàng như cũ của anh, vẫn là sự dễ dàng trong cử động, trong hành động, trong suy nghĩ. Cô nói, câu nói của cô không có khởi đầu hay kết túc:

"... xây những tòa nhà năm tầng cho tới hết đời anh..."

"Nếu cần thiết. Nhưng anh không nghĩ mọi việc sẽ như thế."

"Anh đang chờ đợi điều gì?"

"Anh không chờ đợi."

Cô nhắm mắt, nhưng cô không thể giấu được miệng mình; miệng cô đắng ngắt, giận dữ và đau đớn.

"Roark, nếu anh ở New York thì em sẽ không đến gặp anh đâu."

"Anh biết."

"Nhưng vì là anh - ở một nơi khác - ở một cái hố không tên, ở một nơi như thế này. Em phải nhìn thấy nó. Em phải nhìn thấy nơi này."

"Khi nào em đi?"

"Anh biết là không phải em đến ở lại đây ư?"

"Ừ."

"Tại sao?"

"Em vẫn sợ các toa ăn lưu động và các cửa sổ."

"Em sẽ không trở lại New York. Không phải ngay bây giờ."

"Không à?"

"Anh chẳng hỏi em gì cả, Roark. Chỉ một câu có phải em đi bộ từ nhà ga."

"Em muốn anh hỏi em điều gì?"

"Em xuống tàu khi em nhìn thấy tênnhà ga", cô nói, giọng thẫn thờ. "Em không định đến đây. Em đang trên đường đi Reno."

"Và sau đó?"

"Em sẽ lấy chồng một lần nữa."

"Anh có biết chồng chưa cưới của em không?"

"Anh đã nghe thấy ông ấy. Tên ông ấy là Gail Wynand."

Cô nhìn mắt anh. Cô nghĩ có lẽ cô muốn cười; cuối cùng cô cũng khiến anh bị sốc - điều cô chưa bao giờ nghĩ là có thể làm được. Nhưng cô không

cười. Anh nghĩ tới Henry Cameron, tới câu nói của Cameron: "Tôi không có câu trả lời nào cho chúng, Howard. Tôi để cậu đối mặt chúng. Cậu sẽ trả lời cho cúhng. Tất cả bọn chúng, các tờ báo Wynand, tất cả những gì làm cho các tờ báo này tồn tại và những thứ đằng sau những cái đó."

"Roark."

Anh không trả lời.

"Tệ hơn Peter Keating, phải không?" cô hỏi.

"Tệ hơn nhiều."

"Anh có muốn ngăn em lại không?"

"Không."

Anh không chạm vào cô từ lúc anh rời khỏi khuỷu tay cô và ngay cả lúc đó cũng chỉ là một cái chạm thích hợp trong xe cứu thương. Cô nhấc tay lên và đặt nó trên tay anh. Anh không rút các ngón tay và cũng không giả bộ thờ ơ. Cô cúi xuống, giữ tay anh, để nó nằm nguyên trên đầu gối anh, và cô áp môi mình lên bàn tay anh. Chiếc mũ của cô rơi xuống đất, anh nhìn thấy mái tóc vàng trên đầu gối mình, anh cảm thấy miệng cô hôn bàn tay anh nhiều lần. Các ngón tay của anh níu lấy các ngón tay cô, đáp lại cô, nhưng đó là sự đáp lại duy nhất.

Cô ngẩng đầu lên và nhìn con đường. Một ô cửa sổ sáng đền treo lơ lửng ở phía xa xa, đằng sau những cành cây trơ trụi đan chéo vào nhau. Những ngôi nhà nhỏ ăn dài vào bóng tối, và các hàng cây đứng tựa nhau bên cạnh vỉa hè đẹp.

Cô nhận ra mũ của cô dưới bậc thềm và cô cúi mình để nhặt. Cô gập người, cô hống bàn tay trần xuống bậc thềm. Viên đá cô chạm vào già cỗi, nhẵn nhụi và lạnh ngắt. Cô cảm thấy dễ chịu khi chạm vào nó. Cô ngồi một lúc, người vẫn cúi, lòng bàn tay áp xuống viên đá, để có thể cảm giác được những bậc thềm này - dù cho nhiều đôi chân đã đi qua nơi này - để có thể cảm thấy chúng như cô đã cảm thấy chiếc bình cứu hỏa.

"Roark, anh sống ở đâu?"

"Ở một phòng trọ."

"Loại phòng trọ nào?"

"Chỉ một phòng thôi."

"Có gì trong đó. Tường như thế nào?"

"Một ít giấy dán tường. Đã phai màu."

"Đồ đạc như thế nào?"

"Một chiếc bàn, vài cái ghế, một chiếc giường."

"Không, kể cho em chi tiết đi."

"Có một cái tủ tường để đựng quần áo, một tủ nhiều ngăn kéo, giường đặt ở góc nhà cạnh cửa sổ, một chiếc bàn lớn ở phía bên kia..."

"Cạnh cửa sổ?"

"Không, anh đặt nó ở góc bên kia, đối diện cửa sổ - anh làm việc ở đó. Có một chiếc ghế tựa, một chiếc ghế bành, đèn sàn và một giá đựng tạp chí mà anh chưa bao giờ dùng tới. Anh nghĩ thế là hết rồi."

"Không có chăn? Không có rèm cửa sổ?"

"Anh nghĩ có cái gì đó ở cửa sổ và có chăn. Sàn nhà được đánh bóng và sạch sẽ và làm bằng gỗ cũ rất đẹp."

"Em muốn nghĩ tới căn phòng của anh vào đêm nay - khi ở trên tàu."

Anh nhìn sang bên kia đường. Cô nói: "Roark, cho em ở với anh đêm nay."

"Không."

Cô nhìn theo anh xuống chiếc máy nghiền ở dưới kia. Sau một lát, cô hỏi:

"Làm thế nào mà anh lại có hợp đồng thiết kế tòa nhà này?"

"Chủ của nó nhìn thấy các tòa nhà của anh ở New York và thích chúng."

Một người đàn ông mặc đồng phục công nhân bước ra khỏi hố đào móng, nhìn săm soi về phía họ trong bóng tối và gọi:

"Có phải sếp không đấy?"

"Phải", Roark gọi lại.

"Sếp xuống đây một phút được không?"

Roark đi qua đường tới chỗ anh ta. Cô không nghe được họ nói chuyện gì với nhau, nhưng cô nghe thấy Roark nói một cách vui vẻ: "Dễ ấy mà", và họ cùng đi dọc theo các tấm ván tới đáy hố. Người đàn ông đứng nói, chỉ trỏ, giải thích. Roark quay đầu trở lại, liếc nhìn lên giàn thép dựng đứng, khuôn mặt anh được ánh sáng chiếu rõ và cô nhìn thấy cái nhìn chăm chú của anh. Không có một nụ cười nhưng cái nhìn đó khiến cô có một cảm giác vui sướng về một năng lực, một lý trí có kỷ luật đang hành động. Anh cúi xuống, nhặt một tấm bảng, lấy ra cây bút chì trong túi.

Anh đứng, một chân đặt trên đống ván ghép, tấm bảng dựa vào đầu gối. Anh vẽ rất nhanh, vừa vẽ vừa giải thích gì đó cho người đàn ông kia. Người này gật đầu tỏ vẻ vui mừng. Cô không nghe được lời anh nhưng cô cảm thấy

được vai trò của Roark trong mối quan hệ với người đàn ông kia, với tất cả những người khác ở trong bãi. Đó là một cảm giác lạ lùng của sự trung thành và tình bằng hữu, nhưng không phải theo nghĩa mà cô vẫn thấy người ta dùng với những từ này. Anh nói xong, trao tấm bảng cho người đàn ông và họ cùng cười phá lên về điều gì đó. Sau đó anh trở lại và ngồi xuống bậc thềm bên cạnh cô.

"Roark", cô nói "Em muốn ở lại đây với anh cho tới tận cuối đời."

Anh nhìn cô, chăm chú, chờ đợi.

"Em muốn sống ở đây." Giọng cô có âm thanh của một dòng nước đang xô vào con đập. "Em muốn sống như anh sống. Không cần tới tiền của em - Em sẽ cho hết, cho bất kỳ ai, cho Steve Mallory nếu anh muốn, hay cho một tổ chức nào đó của Toohey, cũng chẳng sao. Chúng ta sẽ có một căn nhà ở đây - giống như những cái nhà kia - và em sẽ chăm sóc nó cho anh - đừng có cười, em có thể làm thế - em sẽ nấu ăn, em sẽ giặt quần áo của anh, em sẽ cọ sàn nhà. Và anh sẽ từ bỏ nghề kiến trúc."

Anh không cười. Cô không nhìn thấy gì ngoài vẻ chăm chú, chờ nghe cô nói tiếp.

"Roark, anh hãy cố hiểu, xin anh hãy cố hiểu. Em không thể chịu được khi thấy những thứ họ đang làm gì với anh, những thứ họ sẽ làm với anh. Nó quá lớn - anh và tòa nhà và tình yêu của anh với nó. Anh không thể tiếp tục như thế mãi. Nó sẽ không kéo dài. Họ sẽ không để cho anh. Anh đang đi tới một thảm họa kinh khủng. Sẽ chẳng có kết cục nào khác. Hãy từ bỏ đi anh. Chấp nhận một công việc vô nghĩa nào đó - như khai mỏ đá. Chúng ta sẽ sống ở đây. Chúng ta sẽ không có gì nhiều và chúng ta sẽ không cho gì cả. Chúng ta sẽ sống chỉ vì chúng ta và chỉ vì những gì chúng ta biết."

Anh cười. Cô nghe thấy, trong tiếng cười của anh, sự ân cần của anh với cô - anh đã cố gắng không cười nhưng không thể ngăn nó được.

"Dominique." Cách anh gọi tên cô lắng vào trong cô và khiến việc nghe những lời tiếp đó trở nên dễ dàng hơn: "Anh ước là anh có thể nói với em rằng đó là một cám dỗ, chí ít cũng là trong khoảnh khắc. Nhưng không phải thế." Anh nói thêm: "Nếu anh là kẻ rất độc ác, anh sẽ chấp nhận nó. Chỉ để xem mất bao lâu thì em sẽ cầu xin anh quay trở lại với việc xây dựng."

"Vâng... Có lẽ..."

"Hãy cưới Wynand và sống với ông ta. Việc đó tốt hơn là việc em đang làm với mình vào lúc này."

"Anh có phiền... nếu chúng ta ngồi đây thêm chút nữa... và không nói về việc đó... mà chỉ nói chuyện thôi, như thể tất cả đều tốt đẹp... chỉ là một sự

đình chiến nửa giờ đồng hồ cho nhiều năm sắp tới... Nói cho em biết anh làm gì mỗi ngày trong khi anh ở đây, tất cả những gì mà anh có thể nhớ được..."

Và họ nói với nhau, như thể bậc thềm trên cùng của căn nhà trống ấy là một chiếc máy bay đang lơ lửng trên không trung, không thấy đất cũng không thấy trời. Anh không hề nhìn sang phía bên kia đường.

Sau đó, anh liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo tay và nói: "Một tiếng nữa có tàu chạy về hướng Tây. Anh sẽ đi với em ra ga nhé?"

"Chúng ta đi bộ có được không?"

"Được chứ."

Cô đứng lên. Cô hỏi: "Cho tới - khi nào, Roark?"

Anh khoát tay qua những đường phố.

"Cho tới khi em không còn căm ghét tất cả những thứ này, không còn sợ hãi chúng, và học cách không còn để ý tới chúng."

Họ bước cùng nhau tới nhà ga. Cô lắng nghe tiếng bước chân anh hòa vào bước chân cô trên những đường phố không người. Cô để ánh mắt của mình lướt dài theo những bức tường họ đi qua, như một cái vuốt ve níu giữ. Cô yêu nơi này, thị trấn này và tất cả những gì thuộc về nó.

Họ đi qua một bãi đất trống. Gió thổi một trang báo cũ bay vào chân cô. Nó dính vào chân cô một cách kiên trì tới mức như là nó có ý thức, giống như sự nằng nặc âu yếm của một con mèo đối với chủ nhân. Cô nghĩ, mọi thứ ở thị trấn này đều có quyền đối xử thân thiết với cô. Cô cúi người, nhặt tờ báo, gấp nó, để giữ lấy nó.

"Em làm gì thế?" anh hỏi.

"Để có gì đó đọc trên tàu", cô nói một cách ngớ ngẩn.

Anh giật tờ báo khỏi tay cô, vò nát và quẳng nó vào trong đám cỏ dại.

Cô không nói gì và họ lại tiếp tục bước đi.

Một bóng đèn duy nhất treo trên sân ga vắng người. Họ chờ đợi. Anh đứng nhìn đường ray, phía con tàu sắp xuất hiện. Khi đường ray reo lên, run rẩy, khi bóng đèn pha tròn màu trắng phả ánh sáng từ đằng xa và tạo một quầng sáng cố định trên bầu trời, không tiến lại, mà chỉ lan rộng ra với tốc độ kinh người, anh không cử động cũng không quay sang cô. Chùm sáng đang lao tới, xô bóng anh dọc sân ga, làm nó quét ngang trên các tấm ván gỗ và biến mất. Trong một khoảnh khắc, cô thấy dáng người cao và thẳng của anh trong ánh sáng chói lòa. Đầu máy chạy qua họ, toa xe kêu rầm rầm, rồi chậm lại. Anh nhìn vào các khung cửa sổ đang chạy qua. Cô không nhìn

thấy mặt anh mà chỉ thấy đường nét nơi gò má anh.

Khi tàu dừng, anh quay sang cô. Họ không bắt tay nhau, họ không nói gì. Họ đứng thẳng, mặt đối mặt nhau trong phút chốc, như thể đang duyệt binh; họ đứng gần như trong tư thế chào của nhà binh. Rồi cô nhấc va-li của mình và lên tàu. Tàu bắt đầu chuyển động một phút sau đó.

VI.

“Chuck: Tại sao lại không phải là một con chuột xạ? Tại sao con người lại cứ tưởng tượng rằng anh ta cao siêu hơn một con chuột xạ? Sự sống tồn tại trong mọi sinh vật nhỏ bé trên đồng ruộng và trong rừng sâu. Cuộc sống ca mãi những nỗi buồn phiền bất tận. Một nỗi buồn phiền cũ rích. Một bài ca của những bài ca. Chúng ta không hiểu - nhưng ai quan tâm đến việc có hiểu hay không ấy? Chỉ có những nhân viên kế toán hay những bác sĩ chữa chân mới quan tâm. Và cả những người đưa thư. Chúng ta chỉ yêu. Điều bí ẩn ngọt nào của Tình Yêu. Tất cả chỉ có vậy. Hãy cho tôi tình yêu và tống tất cả những nhà triết học của anh và ống khói. Khi Mary nhặt con chuột xạ không tổ ấm về, trái tim cô mở toang cho cuộc sống và tình yêu ùa vào. Chuột xạ có thể cho những bộ lông tốt để làm giả lông chồn, nhưng đó không phải là điều cốt yếu. Cuộc sống mới là điều cốt yếu."

"*Jake: (chạy vội vào):* Nào, các vị, có ai có con em in ảnh George Washington không?"

"*Hạ màn.*"

Ike đóng sập quyển bản thảo lại và hít một hơi dài. Giọng anh khản đặc sau hai tiếng đồng hồ đọc to và anh đã đọc liền một hơi dài phần cao trào của vở kịch. Anh nhìn khán giả của mình, nhếch mép cười như chế giễu bản thân, lông mày nhướng lên một cách tự mãn, nhưng ánh mắt anh lại khẩn nài.

Ellsworth Toohey vừa ngồi bệt trên sàn vừa cà xương sống vào một cái chân ghế và ngáp dài. Gus Webb đang nằm giữa sàn, bụng úp xuống và chân tay dang ra. Anh ta lật người lại. Lacelot Clokey, một nhà báo nước ngoài, với tay lấy ly whiskey pha sô-đa của mình và uống nốt. Jules Fougler, nhà phê bình kịch mới của tờ Ngọn cờ, ngồi yên không nhúc nhích; ông đã không nhúc nhích trong suốt hai tiếng đồng hồ. Cô chủ nhà Lois Cook giơ hai tay lên, vặn vẹo, rời duỗi thẳng, và nói:

"Ôi Chúa ơi, Ike, vở kịch quá tệ."

Lancelot Clokey lè nhè:

"Lois, cô bé ơi, cô để chai rượu gin của cô ở đâu rồi? Đừng có bủn xỉn thế chứ. Cô là chủ nhà tệ nhất mà tôi từng biết."

Gus Webb nói: "Tôi chẳng hiểu được văn chương. Nó không sinh lợi và chỉ tốn thời gian vô ích. Đám nhà văn rồi sẽ bị thanh lý hết."

Ike cười ré lên: "Thật bốc mùi, phải không?" Anh vung vẩy tập bản thảo:

"Siêu bốc mùi. Thế các vị nghĩ tôi viết nó cho ai? Cứ thử chỉ cho tôi xem ai có thể viết một thứ tởm lợm hơn thế này xem nào? Các vị sẽ không bao giờ được nghe một vở kịch nào dở hơn thế nào trong đời các vị."

Đây không phải một cuộc họp chính thức của Hội Nhà văn Mỹ, mà là một buổi gặp mặt không chính thức. Ike đã mời một số bạn bè đến nghe tác phẩm mới của anh. Ở tuổi hai mươi sáu, anh đã viết mười một kịch bản, nhưng chưa có vở nào được dựng.

"Anh nên từ bỏ sân khấu đi, Ike" Lancelot Clokey nói. "Viết lách là một nghề nghiêm túc và không phải thằng vô sỉ nào muốn thử cũng được." Đây là tuần thứ mười cuốn sách đầu tay của Lancelot Clokey - cuốn sách thuật lại những chuyến thám hiểm của ông ở nước ngoài - nằm trong danh sách những sách bán chạy nhất.

"Tại sao lại không nào, Lance?" Toohey dài giọng một cách mơn trớn.

"Được rồi," Clokey ngắt lời "được rồi. Cho tôi một ly."

"Quá dở," Lois Cook nói, ngả đầu uể oải từ bên này sang bên kia. "Nó dở một cách thậm tệ. Nó dở đến mức nó lại trở nên tuyệt vời."

"Thật là ngớ ngẩn," Gus Webb cất tiếng. "Sao mình lại đến đây cơ chứ?"

Ike liệng tập bản thảo và lò sưởi. Nó đập vào tấm lưới chắn lò sưởi và rơi úp xuống sàn; những trang giấy mỏng nhàu nát mở toang.

"Nếu như Ibsen[115] có thể viết kịch được, thì tại sao tôi lại không thể cơ chứ?" Ike hỏi. "Ông ta giỏi giang còn tôi thì chẳng ra gì, nhưng đấy chẳng phải là một lý do đủ sức thuyết phục."

"Thường thì như thế chưa đủ." Lance Clokey nói. "Dù vậy, anh vẫn chẳng ra gì."

"Khỏi cần ông nói ra. Tôi đã nói trước rồi."

"Đây là một vở kịch vĩ đại." Một giọng nói cất lên.

Đó là một giọng mũi, chậm rãi và chán nản. Giọng nói này cất lên lần đầu tiên trong buổi tối hôm đó, và mọi người đều quay về phía Jules Fougler. Một họa sĩ vẽ truyện tranh đã có lần vẽ một bức biếm họa nổi tiếng cho Jules Fougler; bức họa có hai vòng tròn võng xuống, một vòng tròn to và một vòng tròn nhỏ: vòng tròn to là cái bụng, còn vòng tròn nhỏ là cái môi dưới của ông. Ông mặc một bộ vét vừa vặn, màu mà ông đã từng mô tả là màu "*merde d'oie*[116]." Ông luôn đeo găng tay, và mang theo một cái gậy. Ông là một nhà phê bình kịch có tiếng.

Jules Fougler giơ cây gậy ra, dùng cái ngoắc trên tay cầm móc vào tập

bản thảo và kéo lê nó trên sàn về phía chân mình. Ông ta không nhặt nó lên, mà nhìn xuống tập bản thảo và lặp lại:

"Đây là một vở nhạc kịch vĩ đại."

"Tại sao?" Lance Clokey hỏi.

"Bởi vì tôi nói như vậy." Jules Foughler trả lời.

"Ông đang đùa đấy à, Jules?" Lois Cook hỏi.

"Tôi không bao giờ đùa." Jules Foughler nói. "Điều đó thật thô bỉ."

"Lúc nào diễn buổi ra mắt thì gửi cho tôi vài vé." Lancelot Clokey châm chọc.

"Tám đàn ông la tám mươi xu cho hai ghế buổi diễn ra mắt." Jules Foughler nói. "Đây sẽ là vở kịch thành công nhất của mùa diễn năm nay."

Jules Foughler quay lại và thấy Toohey đang nhìn mình. Toohey mỉm cười nhưng không phải nụ cười vô vị hay vô ý; mà là nụ cười đồng tình về một việc mà ông coi là thực sự nghiêm túc. Ánh mắt của Foughler mang vẻ khinh khỉnh khi nhìn những người khác, nhưng nó giãn ra đôi chút khi nhìn Toohey.

"Sao ông không vào Hội Nhà văn Mỹ, Jules?" Toohey hỏi.

"Tôi theo chủ nghĩa cá nhân," Foughler nói. "Tôi cóc tin vào các loại hiệp hội. Mà điều đó có cần thiết không nhỉ?"

"Không, chẳng có gì là cần thiết cả," Toohey nói một cách vui vẻ. "không cần thiết với ông, Jules. Tôi chẳng có gì để giáo huấn ông cả."

"Điều làm tôi thích ông, Ellsworth, là tôi chẳng bao giờ cần phải giải thích bản thân mình với ông cả."

"Vớ vẩn nào, sao lại là giải thích cái gì ở đây? Sáu chúng ta cùng một hội mà."

"Năm thôi," Foughler nói "Tôi không thích Gus Webb."

"Sao lại không?" Gus hỏi. Anh không thấy bực mình.

"Bởi vì anh ta không chịu rửa tai," Foughler trả lời, cứ như là câu hỏi là của một người thứ ba.

"Ồ, ra là thế." Gus nói.

Ike đã đứng dậy, nhìn chằm chằm vào Foughler, không chắc là mình có nên thở hay không.

"Ông thích kịch bản của tôi ư, ông Foughler?" Cuối cùng anh cất tiếng hỏi, giọng rất nhỏ.

"Tôi chưa nói là tôi thích nó," Foughler lạnh lùng đáp lại. "Tôi nghĩ là nó bốc mùi. Đó là lý do tại sao nó tuyệt vời."

"Ồ," Ike nói, Anh phá lên cười. Anh dường như trút được một gánh nặng. Anh nhìn một vòng các gương mặt trong phòng, một cái nhìn có ẩn niềm hãnh diện chiến thắng.

"Thế đấy," Foughler nói, "Anh viết kịch vì cái gì thì tôi phê bình cũng vì cái ấy. Động cơ của chúng ta y hệt nhau."

"Anh thông minh lắm, Jules."

"Xin ông đấy, ông Foughler."

"Ông rất thông minh và là thằng vô lại đỏm dáng nhất trên trái đất này, ông Foughler."

Foughler lật mấy trang bản thảo dưới chân bằng đầu của cây gậy.

"Anh đánh máy tệ quá, Ike." Ông ta nói.

"Quỷ tha ma bắt. Tôi không phải là người chuyên đánh máy tốc ký. Tôi là một nghệ sĩ sáng tạo."

"Khi nào kịch công chiếu, anh sẽ đủ tiền để thuê một cô thư ký đấy. Tôi buộc phải ca ngợi vở kịch này - kể cả chỉ để ngăn anh không hành hạ cái máy chữ như thế này nữa. Máy chữ là một công cụ tuyệt vời và không nên bị hành hạ."

"Được rồi, Jules," Lancelot Clokey nói, "thế là rất dí dỏm và thông minh, và ông rất là phức tạp và xuất sắc. Nhưng nói thực đi, tại sao ông muốn ca ngợi cái đống phân này?"

"Bởi vì nó là đống phân, như cách anh gọi nó."

"Anh chẳng lô-gíc chút nào, Lance ạ" Ike nói. "Nói chung là anh chẳng lô-gíc tí nào. Viết một vở kịch hay và được người ta ca tụng nó thì dễ ợt. Bất cứ ai đều có thể làm được điều đó. Bất cứ ai có tài năng - và tài năng chỉ là chuyện tình cờ bẩm sinh. Còn viết một đống phân mà vẫn được ca ngợi - đấy, anh cứ thử làm được thế đi."

"Anh ấy đã làm rồi đấy thôi" Toohey nói.

"Đó chỉ là vấn đề ý kiến của mỗi người," Lancelot Clokey nói. Anh ta dốc ngược cái y đã cạn vào miệng và nuốt ực cục đá cuối cùng.

"Ike hiểu biết nhiều hơn anh đấy, Lance ạ" Jules Foughler nói. "Cậu ấy đã chứng tỏ cậu ấy là một nhà tư tưởng thực sự đấy - qua cái diễn văn nho nhỏ vừa rồi. Cái đó vô tình còn hay hơn cả cái vở kịch của cậu ta."

"Tôi sẽ viết vở kịch tiếp theo của tôi về điều ấy" Ike nói.

"Ike đã tuyên bố động cơ của cậu ấy," Foughler tiếp tục. "Và đấy cũng là động cơ của tôi. Và của cả anh nữa, Lance. Anh cứ kiểm chứng trường hợp của tôi, nếu thích. Một nhà phê bình nhận được cái gì nếu anh ta tán dương một vở kịch hay? Chẳng được bất cứ cái gì cả. Nhà phê bình lúc đó chẳng khác gì một thằng bé đưa tin danh giá giữa tác giả và công chúng. Cái việc ấy thì có lợi gì cho tôi? Tôi chán ngấy mấy thứ đó. Tôi có quyền mong muốn áp đặt quan điểm của tôi lên công chúng. Nếu không, tôi sẽ rất bực mình - mà tôi thì chẳng tin vào sự bực mình. Nhưng nếu một nhà phê bình có thể tạo được sự tán dương cho một vở kịch hoàn toàn chẳng có giá trị gì - chà, anh cũng nhận ra sự khác nhau rồi đấy! Vì thế, tôi sẽ phải làm cho nó thành công - mà vở kịch của anh tên là gì ấy nhỉ, Ike?"

"Không phải việc của mày."

"Anh nói gì cơ."

"Đó là tên của vở kịch."

"Ồ, ra thế. Vì thế, tôi sẽ làm cho vở *Không Phải Việc Của Mày* thành công lớn."

Lois Cook cười phá lên.

"Các vị cứ làm mọi chuyện ầm ỹ cả lên," Gus Webb nói trong lúc nằm thẳng đờ, tay bắt chéo sau đầu.

"Bây giờ nếu anh muốn xem xét trường hợp của anh, Lance," Foughler tiếp tục. "Một nhà báo nhận được cái gì khi đưa tin những sự kiện xảy ra trên thế giới? Công chúng đọc về đủ loại khủng hoảng trên thế giới, anh phải may lắm thì mới được họ để mắt tới tên của anh trên đầu bài viết. Thế mà anh thì có tài ngang với bất cứ một vị tướng hay đô đốc hải quân hay ngài đại sứ nào. Anh có quyền làm cho mọi người biết đến anh. Vì thế, anh đã làm một việc rất khôn ngoan. Anh đã viết một tuyển tập tuyệt vời về toàn những thứ nhảm nhí - phải đấy, toàn những thứ nhảm nhí - nhưng lại hợp đạo đức. Một cuốn sách khôn ngoan. Những thảm họa thế giới chỉ làm nền cho cái nhân cách nhỏ mọn ô trọc của anh. Nào là Lancelot Clokey đã say khướt thế nào trong một cuộc hội nghị quốc tế. Nào là những người đẹp nào đã ngủ với Lancelot Clokey trong một cuộc xâm lược. Nào là Lancelot Clokey đã bị táo tỏng thế nào ở một nơi đang chết đói. Thế đấy, tại sao lại không nhỉ, Lance? Nó đi lọt đấy chứ. Ellsworth đã thổi nó thành công, phải vậy không?"

"Công chúng đánh giá cao những thứ liên quan đến lợi ích của con người," Lancelot Clokey nói và giận dữ nhìn vào cái cốc của mình.

"Ồ, thôi đi, Lance!" Lois Cook la lên. "Anh đang diễn với ai ở đây thế? Anh biết thừa rằng nó chẳng liên quan gì đến lợi ích con người, chỉ hoàn

toàn nhờ vào Ellsworth Toohey thôi."

"Tôi không quên những gì tôi nợ Ellsworth," Clokey nói một cách bực dọc."Ellsworth là bạn tốt nhất của tôi. Tuy nhiên ông ấy cũng chẳng thể làm nó thành công nếu ông ấy không có trong tay một cuốn sách hay."

Tám tháng trước, Lancelot Clokey cũng đứng trước Ellsworth Toohey với một bản thảo trên tay, giống như Ike lúc này đang đứng trước Fougler. Anh ta đã không thể tin được là Toohey nói với anh rằng quyển sách của anh sẽ dẫn đầu danh sách những sách bán chạy nhất. Nhưng việc hai trăm ngàn cuốn sách bán hết sạch đã làm cho Clokey không còn khả năng nhận biết sự thật dưới bất kỳ hình thức nào.

"Hừm, ông ấy cũng thành công với cuốn *Viên sỏi mật dũng cảm*."

Lois Cook nói một cách điềm tĩnh, "Chưa bao giờ có một thứ rác rưởi hơn thế được viết ra. Tôi biết rõ điều đó. Nhưng ông ấy vẫn thành công."

"Và suýt mất việc vì nó." Toohey nói một cách lãnh đạm.

"Cô làm gì với lũ rượu của cô thế, Lois?" Clokey ngắt lời. "Cô để dành rượu để tắm đấy à?"

"Được rồi, anh sâu rượu." Lois Cook nói và uể oải đứng lên.

Cô lê chân ngang qua căn phòng, vừa đi vừa nhặt một chiếc ly uống dở của ai đó ở dưới sàn lên; cô uống nốt rồi bước ra ngoài và mang vào một loạt những chai rượu đắt tiền. Clokey và Ike vội vã đến rót rượu vào ly.

"Tôi nghĩ rằng cô không công bằng với Lance, Lois ạ" Toohey nói. "Tại sao anh ấy lại không thể viết một cuốn tự truyện chứ?"

"Bởi vì cuộc sống của anh ta không đáng sống, chưa nói gì đến chuyện đưa lên sách."

"Ồ, nhưng đó chính là lý do tại sao tôi làm cho nó bán chạy."

"Ông đang nói với tôi đấy à?"

"Tôi muốn nói với một ai đó."

Xung quanh còn rất nhiều ghế để ngồi một cách thoải mái, nhưng Toohey lại thích nằm trên sàn. Ông lật sấp người, chống thân trên bằng hai khuỷu tay, và lắc lư một cách thoải mái. Ông chuyển trọng lượng cơ thể từ khuỷu tay này sang khuỷu tay kia, hai chân dạng rộng thành một cái chạc cây trên thảm. Trông ông có vẻ rất thích thú khi được thả lỏng.

"Tôi muốn nói với một ai đó. Tháng sau tôi sẽ lăng-xê cuốn tự truyện của một anh nha sĩ sống ở một thị trấn nhỏ. Anh ta là một nhân vật đặc biệt - bởi vì trong cả cuộc sống của anh ta chẳng có một ngày nào đặc biệt và trong cả

cuốn sách của anh ta chẳng có một câu nào đặc biệt. Rồi cô sẽ thích nó cho mà xem, Lois. Cô thử tưởng tượng một kẻ vô vị bậc nhất mở toang tâm hồn anh ta ra, cứ như là được mặc khải."

"Những con người bé nhỏ." Ike nói nhẹ nhàng. "Tôi yêu nhưng con người bé nhỏ. Chúng ta phải yêu thương những con người bé nhỏ trên trái đất này."

"Hãy để dành điều đó cho vở kịch tiếp theo của anh," to nói.

"Tôi không thể," Ike nói. "Nó đã ở ngay trong vở này rồi."

"Ý ông là gì, Ellsworth?" Clokey ngắt lời.

"À, đơn giản thôi Lance. Có những người hoàn toàn chỉ là con số không; anh ta chẳng làm bất cứ cái gì nổi bật ngoài việc ăn, ngủ và tán gẫu với hàng xóm. Nếu như cuộc sống vô vị của những người này lại trở thành một hiện tượng đáng tự hào, đáng đưa tin ra cả thế giới, đáng được cả triệu độc giả quan tâm nghiên cứu một cách kỹ lưỡng - thì việc một ai đó khác xây dựng cả một giáo đường sẽ trở nên không đáng lưu tâm và không cần được công bố. Đây là vấn đề của quan điểm và sự tương quan. Khoảng cách cho phép giữa các cực của bất cứ một vấn đề nào cũng là hữu hạn. Khả năng tiếp nhận âm thanh của một con kiến không bao gồm tiếng sấm."

"Ông phát biểu như một gã tư sản mạt hạng, Ellsworth," Gus Webb nói.

"Hạ giọng xuống đi, cậu bé," Toohey nói, không hề phật ý.

"Tất cả đều rất là tuyệt vời," Lois Cook nói, "có điều, ông đang làm việc quá xuất sắc, Ellsworth. Ông sẽ làm tôi mất việc mất. Rồi đây nếu như tôi muốn được biết đến, tôi sẽ phải viết một cái gì đó thực sự hay ho."

"Thế kỷ này thì chưa cần đâu, Lois," Toohey nói. "và có lẽ thế kỷ sau cũng chưa cần. Nó sẽ đến muộn hơn là cô nghĩ."

"Nhưng mà ông chưa nói...!" Đột nhiên Ike kêu lên, giọng lo lắng.

"Tôi chưa nói cái gì?"

"Ông chưa nói là ai sẽ dựng vở kịch của tôi!"

"Cứ để đó cho tôi," Jules Fougler nói.

"Tôi quên chưa cảm ơn ông, Ellsworth," Ike nói một cách nghiêm trang."Vì thế bây giờ tôi cảm ơn ông. Có rất nhiều vở kịch chẳng ra gì, nhưng ông đã chọn vở của tôi. Ông và ông Fougler."

"Cái chẳng ra gì của anh có thể khai thác được, Ike ạ."

"Mà cái đó mới đáng kể."

"Rất đáng kể là khác."

"Anh thử lấy ví dụ xem nào?"

"Đừng có lắm lời thế, Ellsworth," Gus Webb nói. "Ông đã nói quá nhiều rồi đấy."

"Im mồm đi, búp bê. Tôi thích nói. Ví dụ à, Ike? Được rồi, ví dụ tôi không thích Ibsen."

"Ibsen khá đấy chứ," Ike nói.

"Chắc chắn là ông ta khá rồi, nhưng mà giả dụ như tôi không thích ông ta. Giả dụ tôi muốn mọi người không xem kịch của ông ta nữa. Nếu tôi nói với mọi người như vậy thì sẽ bất lợi cho tôi. Nhưng nếu tôi làm cho họ tin rằng anh cũng xuất chúng như Ibsen - thì chẳng mấy chốc, họ sẽ không thể phân biệt được sự khác nhau giữa hai người nữa."

"Ôi Chúa ơi, ông có thể làm thế?"

"Đó chỉ là một ví dụ thôi, Ike ạ."

"Nhưng thế thì thật tuyệt!"

"Đúng vậy. Rất tuyệt vời. Và sau đó thì khán giả sẽ thấy xem cái gì cũng thế. Khi ấy là chẳng có cái gì là quan trọng hết - cả tác giả lẫn công chúng mà họ phục vụ."

"Sao lại thế Ellsworth?"

"Thì đấy, Ike, không có chỗ cho cả Ibsen và cậu trên sân khấu. Cậu biết điều đó, đúng không?"

"Theo nghĩa đen thì đúng thế."

"Và cậu thì muốn tôi tạo chỗ cho cậu đúng không?"

"Tất cả chuyện vớ vẩn này đều đã được bàn tới, mà lại bàn hay hơn và ngắn gọn hơn nhiều," Gus Webb nói. "Tôi tin càng ngắn thì càng hiệu quả.

"Bàn tới ở đâu hả Gus?" Lois Cook hỏi.

"*Những kẻ chẳng ra gì, rồi sẽ là tất cả*,[117] bà chị ạ."

"Gus thô lỗ, nhưng sâu sắc," Ike nói "Tôi thích anh ta."

"Quỷ tha ma bắt anh đi," Gus nói.

Quản gia của nhà Lois Cook bước vào phòng. Đó là một người đàn ông đứng tuổi, oai vệ; ông mặc một bộ đồ lễ phục chỉnh tề. Ông ta báo tin Peter Keating đến.

"Peter à?" Lois Cook nói với vẻ hoan hỉ. "Tất nhiên rồi, đưa cậu ta vào, đưa vào ngay đi."

Keating bước vào phòng và dừng lại, giật mình khi nhìn thấy mọi người đang tụ tập.

"Ồ... xin chào" Anh nói với vẻ thất vọng. "Tôi không biết là chị đang có khách, Lois ạ."

"Khách khứa gì đâu. Vào đi, Peter, anh ngồi đi, tự lấy một ly đi, anh biết mọi người cả mà."

"Chào Ellsworth," Keating nói, mắt nhìn Toohey trông cậy.

Toohey vẫy tay chào, trườn người lên và ngồi xuống một cái ghế bành, vắt chân một cách duyên dáng. Mọi người trong phòng đột ngột tự động chỉnh lại tư thế: ngồi thẳng hơn, chân khép lại, cố khép miệng lại một cách thư giãn. Chỉ có Gus Webb là vẫn nằm ườn như trước.

Trông Keating điềm tĩnh và đẹp trai. Anh mang đến cho căn phòng không được thông khí một không khí mát mẻ của người vừa mới đi bộ qua những đường phố lạnh lẽo. Nhưng anh nhợt nhạt, và những cử động của anh chậm rãi, mệt mỏi.

"Xin lỗi nếu như tôi đã làm phiền, Lois," anh nói. "Tôi chẳng có việc gì làm, và lại cảm thấy cô đơn quá, nên tôi đã nghĩ là rẽ vào đây một chút." Anh gần như bỏ qua từ "cô đơn" bằng một nụ cười tự giễu mình. "Quá mệt mỏi với Neil Dumont và cả cái lũ khốn kiếp ấy. Thấy cần có những người bạn vui vẻ một chút - giống kiểu như một món ăn tinh thần, phải không?"

"Tôi là một thiên tài," Ike nói. "Một vở kịch của tôi sẽ diễn ở Broadway. Tôi và Ibsen. Ellsworth đã nói như vậy."

"Ike vừa mới đọc vở kịch mới của anh ta cho chúng tôi nghe," Toohey nói. "Một tác phẩm tuyệt vời."

"Anh sẽ thích nó, Peter," Lancelot Clokey nói. "Nó thực sự rất hay đấy."

"Đó là một kiệt tác," Jules Fougler nói. "Tôi hy vọng là anh xứng đáng để xem nó, Peter ạ. Nó là loại kịch rất kén khán giả. Nếu anh là một kẻ phàm phu tục tử, với một tâm hồn khô héo và trí tưởng tượng hạn hẹp, vở kịch này không dành cho anh. Nhưng nếu anh là một con người chân chính với trái tim rộng lớn, tràn ngập tiếng cười; nếu anh là người đã giữ gìn tâm hồn không hoen ố của tuổi thơ cho những cảm xúc trong trẻo - thì anh sẽ thấy nó là một vở kịch không thể quên được."

"*Trừ khi các ngươi trở thành những đứa trẻ, các ngươi sẽ không được bước vào thiên đường*."[118] Ellsworth Toohey nói.

"Cảm ơn, Ellsworth," Jules Fougler nói. "Tôi sẽ lấy nó làm câu đề từ của bài phê bình."

Keating nhìn Ike và những người khác với ánh mắt phấn khích. Tất cả bọn họ đều có vẻ xa vời và thánh thiện; họ ở một tầng cao phía trên anh về kiến thức; nhưng gương mặt của tất cả bọn họ đều có dấu ấn của sự ấm áp, của một sự chào đón với những người bên dưới họ.

Keating uống say cảm giác về sự vĩ đại của họ - cái món ăn tinh thần mà anh tìm kiếm ở đây. Anh cảm thấy mình được nâng lên nhờ họ. Mọi người nhìn thấy sự cao thượng của mình hiện hữu qua anh. Một chu trình khép kín được hình thành trong căn phòng và vòng tròn của nó đã đóng lại.

Tất cả mọi người đều nhận ra điều đó, trừ Peter Keating.

*

* *

Ellsworth Toohey đã lên tiếng ủng hộ kiến trúc hiện đại.

Suốt mười năm qua, trong khi hầu hết nhà ở đều tiếp tục được xây dựng như những bản copy trung thành với lịch sử thì những nguyên tắc kiến trúc của Henry Cameron đã chiến thắng trong những công trình thương mại: nhà máy, văn phòng, cao ốc. Đó là một chiến thắng mờ nhạt và méo mó; một sự thỏa thuận miễn cưỡng bao gồm việc bỏ đi những cột trụ và những trán tường, cho phép một số bức tường được để trần trụi, rồi việc sửa lỗi một hình khối nào đó - do vô tình mà đẹp - bằng cách thêm vào một đường gờ xoắn ốc kiểu Hy Lạp đã được đơn giản hóa. Rất nhiều người đã lấy cắp các kiểu dáng kiến trúc của Cameron; chỉ một số ít hiểu được ý tưởng của ông. Phần duy nhất trong lập luận của ông khiến cho chủ sở hữu các công trình không thể cưỡng lại được là tính kinh tế; ông đã chiến thắng về phương diện này.

Ở các nước châu Âu, nhất là ở Đức, một trường phái xây dựng mới đã được hình thành trong một thời gian dài: nó bao gồm việc dựng lên bốn bức tường và một mái bằng phía trên, với một vài cái lỗ được trổ ra. Cái đó được gọi là kiến trúc mới.

Những gì mà Cameron đã đấu tranh - sự tự do thoát ra khỏi những quy tắc độc đoán, sự tự do vốn đặt ra một trách nhiệm nặng nề lên vai các kiến trúc sư có tính sáng tạo - rút cục lại trở thành sự loại bỏ mọi cố gắng, ngay cả những cố gắng để nắm vững các trường phái kiến trúc trong lịch sử. Nó trở thành một tập hợp những quy tắc cứng nhắc mới. Đó là nguyên tắc của sự bất tài một cách có ý thức, của sự thiếu sáng tạo một cách hệ thống, của việc khuyếch trương cái tầm thường.

Cameron từng nói: "Một công trình kiến trúc sẽ tự tạo ra vẻ đẹp của riêng nó; những họa tiết trang trí phải phát sinh từ tư tưởng và cấu trúc của công

trình." Còn những kiến trúc sư mười thì nói "Một công trình kiến trúc không cần đến vẻ đẹp, không cần đồ trang trí và không cần tư tưởng." Nói như vậy thật là an toàn. Cameron và một số người khác đã khai phá một con đường mới và trải nhựa cho nó bằng chính cuộc sống của họ. Số đông những người khác - những người vốn tìm sự an toàn bằng cách sao chép kiến trúc đền Parthenon - nhìn thấy mối hiểm nguy và đã tìm một lối đi khác để tới bến an toàn. Họ đi theo con đường của Cameron nhưng bắt nó dẫna họ tới một kiểu đền Parthenon mới, một Parthenon dễ dãi hơn và mang hình dáng của một cái hộp xây từ thủy tinh và bê tông. Cây cọ dũng mãnh đã ngã xuống, nấm đã mọc ra trên thây cây đổ ấy, làm biến dạng nó, vùi giấu nó, và kéo nó trở lại rừng rậm u minh.

Khu rừng giờ đây đã tìm được tiếng nói của mình.

Trong bài viết với tựa đề "*Tôi Bơi theo Dòng Chảy*" trong chuyện mục *Một ý kiến nhỏ*, Ellsworth Toohey đã viết:

"Lâu nay, chúng tôi đã lưỡng lự trong việc thừa nhận một hiện tượng có ảnh hưởng lớn mà người ta gọi là Kiến trúc Hiện Đại. Sự cẩn trọng như vậy là cần thiết với bất cứ ai đứng ở vị trí cố vấn về thị hiếu cho công chúng. Quá thường xuyên, những biểu hiện đơn lẻ của sự lập dị bị tưởng nhầm với một phong trào mang tính đại chúng rộng lớn và người ta cần phải thận trọng để không gán cho những hiện tượng đó một tầm vóc mà chúng không xứng đáng.[119] Nhưng Kiến trúc Hiện đại đã đứng vững trước những thử thách của thời gian, đã đáp ứng được nhu cầu của đại chúng, và chúng ta hân hoan nghiêng mình chào đón nó.

Không có gì sai khi chúng ta thừa nhận trong chừng mực nhất định công lao của những người đi tiên phong của phong trào này, ví dụ như ông Henry Cameron đã quá cố. Người ta có thể tìm thấy bóng dáng phong cách kiến trúc hiện đại trong một số công trình của ông. Nhưng cũng giống như tất cả những nhà tiên phong, ông vẫn bị bó buộc bởi những định kiến quá khứ, bởi tính đa cảm của giai cấp trung lưu mà ông từ đó sinh ra. Ông đã không chống nổi sự mê hoặc của cái đẹp và sự hoa mỹ, mặc dù sự hoa mỹ ấy là tác phẩm của chính ông; và do đó mà không thể sánh được với những gì thuộc về các hình thái kiến trúc truyền thống.

Cần phải nhờ đến sức mạnh của một phong trào quần chúng rộng lớn mới làm cho trường phái Kiến trúc Hiện đại được bộc lộ một cách đầy đủ và chân thực. Giờ thì người ta có thể thấy nó lan tràn khắp thế giới, không phải như một đám mây hỗn loạn các ý tưởng màu mè của các cá nhân, mà như một trật tự chặt chẽ, có tổ chức; và nó đặt ra những đòi hỏi nghiêm ngặt với các nghệ sĩ, một trong những đòi hỏi đó là người nghệ sĩ phải tuân thủ bản chất

tập thể của công việc mà anh ta làm.

Những quy tắc của trường phái kiến trúc mới này đã được hình thành trong quá trình sáng tạo mang tính đại chúng rộng lớn. Chúng cũng nghiêm ngặt như những quy tắc của trường phái Cổ điển. Chúng yêu cầu một sự đơn giản không son phấn, giống như sự chân thực của một người đàn ông có phẩm giá. Cũng giống như trong thời đại ngắn ngủi của các ông chủ nhà băng quốc tế, mỗi ngày tòa nhà phải có một cái mái che đua ra một cách phô trương; ngày nay, thời đại đang đến đòi hỏi mỗi tòa nhà sẽ có một cái mái bằng. Cũng giống như trong thời kỳ đế quốc của loài người, mỗi ngôi nhà cần phải có những cửa sổ ở góc nhà - biểu tượng của ánh mặt trời được phân phối công bằng cho tất cả mọi người.[120]

Những người có óc xét đoán sẽ nhìn thấy ý nghĩa xã hội hùng hồn trong những hình khối của trường phái kiến trúc mới này. Dưới thể chế bóc lột cũ, thành phần xã hội hữu ích nhất - người công nhân - chưa bao giờ được phép công nhận giá trị của bản thân họ; những chức năng thực tế của họ bị giấu kín, bị ngụy trang; vì thế nên các ông chủ luôn cho đầy tớ của mình diện những bộ chế phục viền vàng lộng lẫy. Điều này được phản ánh trong những công trình kiến trúc của thời kỳ này: những yếu tố chức năng của một tòa nhà như cửa ra vào, cửa sổ, cầu thang được giấu đi dưới những trang trí hình xoáy ốc vô nghĩa. Nhưng trong một công trình kiến trúc hiện đại, chính những yếu tố hữu dụng này - bẩiu trưng cho sự lao động cực nhọc - sẽ được phơi bày lồ lộ dưới ánh sáng. Lẽ nào chúng ta lại không nghe thấy từ những yếu tố này chính tiếng nói của một thế giới mới, nơi mà những người công nhân sẽ làm chủ vận mệnh của họ?

Chúng tôi muốn các bạn hướng sự chú ý tới một nhà máy sắp khánh thành của công ty Bassett Brush, một ví dụ tốt nhất cho nền Kiến trúc Hiện đại của nước Mỹ. Đó là một công trình kiến trúc nhỏ, nhưng trong kích thước khiêm tốn của mình, nó là hiện thân của sự đơn giản đến nghiệt ngã của cái kỷ luật mới và là một bằng chứng sinh động cho Sự Vĩ Đại của Những Con Người Bé Nhỏ. Người thiết kế công trình này là Augustub Webb, một kiến trúc sư trẻ đầy hứa hẹn."

Khi gặp Toohey một vài ngày sau đó, Peter Keating phân vân hỏi: "Ellsworth, ông có ý như thế thật đấy à?"

"Về cái gì?"

"Về kiến trúc hiện đại ấy."

"Dĩ nhiên là tôi có ý như vậy rồi. Anh thấy bài viết nhỏ ấy của tôi thế nào?"

"Hừm, tôi nghĩ là nó rất hay. Rất thuyết phục. Nhưng Ellsworth, tại sao... tại sao ông lại chọn Gus Webb? Dẫu sao thì tôi cũng đã làm một vài thứ có tính hiện đại trong mấy năm qua đấy chứ. Tòa nhà Palmer khá trần trụi, còn tòa Mowry thì cũng chẳng có gì khác ngoài mái nhà và cửa sổ, còn nhà kho Sheldon thì..."

"Ôi, Peter, đừng có tham lam thế. Tôi đã đối xử khá là tốt với anh, phải không? Thỉnh thoảng cũng phải để tôi lăng-xê ai đó nữa chứ."

Tại một buổi tiệc trưa, khi phải phát biểu về đề tài kiến trúc, Peter Keating đã tuyên bố: "Nhìn lại sự nghiệp của tôi cho đến ngày hôm nay, tôi đã rút ra một kết luận rằng tôi đã làm việc dựa trên một nguyên tắc chân chính: nguyên tắc ấy là, thay đổi liên tục là điều thiết yếu của cuộc sống. Bởi vì những công trình kiến trúc là một phần không thể thiếu được của cuộc sống, nên kiến trúc cũng phải liên tục thay đổi. Tôi chưa bao giờ tự tạo ra một định kiến về kiến trúc cho bản thân mình, mà luôn đón nhận mọi ý kiến của mọi thời đại. Những người cuồng tín đi khắp nơi rao giảng rằng tất cả các công trình đều phải hiện đại thì đầu óc cũng hẹp hòi như những kẻ bảo thủ luôn bắt chúng ta không áp dụng bất cứ cái gì khoác ngoài những kiểu dáng truyền thống. Tôi không thanh minh cho những công trình theo phong cách kiến trúc Cổ điển mà tôi đã thiết kê. Chúng đáp ứng yêu cầu của thời đại chúng. Tôi cũng chẳng xin lỗi cho những công trình hiện đại mà tôi đã thiết kế. Chúng hiện thân cho một thế giới tốt hơn đang đến gần. Tôi nghĩ rằng chính sự giác ngộ nhỏ bé về nguyên tắc này là phần thưởng và niềm vui cho việc là một kiến trúc sư."

Khi tin Peter Keating trúng thầu công trình Stoneridge được công bố, trong giới chuyên môn có cả sự hài lòng lẫn những lời xu nịnh đầy ghen tỵ. Anh đã cố gắng để có lại được niềm sung sướng trước đây khi những phi vụ thế này xảy ra. Nhưng anh thất bại. Anh vẫn cảm thấy có chút gì đó tương tự với niềm vui sướng, nhưng nó rất nhạt nhòa và mong manh.

Việc thiết kế Stoneridge có vẻ là một gánh nặng quá sức. Anh không bận tâm tới sự việc mà nhờ nó anh có được công trình này; sự việc ấy cũng đã trở nên mờ nhạt và nhẹ bỗng trong tâm trí anh; anh chấp nhận và gần như đã lãng quên. Đơn giản là anh không thể đối mặt với nhiệm vụ thiết kế một số lượng lớn nhà cửa mà công trình Stoneridge đòi hỏi. Anh cảm thấy rất mệt mỏi. Anh cảm thấy mệt mỏi vào buổi sáng thức dậy, và cả ngày anh thấy mình chỉ chờ đợi đến lúc có thể được trở lại giường ngủ.

Anh bàn giao công trình Stoneridge cho Neil Dumont và Bennett. "Làm đi." anh nói giọng mỏi mệt, "làm bất cứ cái gì mà các anh muốn."

"Làm theo kiểu nào, Peter?" Dumont hỏi. "Hừm, một cái gì đó theo kiểu

thức thời ấy, nếu không thì những người sở hữu chúng sẽ chẳng thích đâu. Nhưng đừng màu mè quá - để giới báo chí còn bình luận. Làm cho nó vừa có nét cổ điển vừa có cảm giác hiện đại. Thế nào cũng được. Tôi chẳng quan tâm."

Dumont và Bennett bắt tay vào việc. Keating thay đổi một vài đường nét của các mái nhà trên các phác thảo của họ, một vài cửa sổ. Những bản vẽ sơ bộ được văn phòng Wynand phê chuẩn. Keating không biết liệu có phải chính Wynand đã phê chuẩn hay không. Anh không gặp lại Wynand.

Dominique bỏ đi được một tháng thì Guy Francon tuyên bố về hưu.

Keating đã nói với ông về chuyện ly dị và không đưa ra một lời giải thích nào. Francon đón nhận tin đó một cách bình thản. Ông nói: "Tôi đã chờ đợi tin này. Không sao đâu, Peter. Chắc không phải lỗi của anh, mà cũng chẳng phải của nó." Từ đó ông không nhắc đến việc này nữa. Bây giờ ông cũng chẳng giải thích về sự rút lui của mình, chỉ nói rằng "Từ lâu tôi đã nói với anh là nó sẽ đến. Tôi đã mệt mỏi. Chúc anh may mắn, Peter."

Trách nhiệm công ty đè nặng lên đôi vai đơn độc của Keating và cái viễn cảnh cảm thấy tên mình nằm lẻ loi trên cửa văn phòng làm cho Keating lo lắng. Anh cần có một đồng sự. Anh chọn Neil Dumont. Neil có phong cách và tên tuổi. Anh ta là một Lucius Heyer thứ hai.

Hãng đổi tên thành Peter Keating & Cornelius Dumont. Một vài người bạn đã tổ chức một buổi tiệc để mừng sự kiện này, nhưng Keating không tham dự. Anh đã hứa là sẽ đến dự, nhưng anh lại quên mất việc đó và đi nghỉ cuối tuần một mình ở một vùng nông thôn tuyết phủ. Anh chẳng nhớ gì về buổi tiệc cho mãi đến sáng ngày hôm sau khi anh đi dạo một mình dọc một con đường quê bị đóng băng.

Stoneridge là hợp đồng cuối cùng được ký kết bởi hãng Francon & Keating.

VII.

Khi Dominique xuống tàu ở New York, Wynand đã chờ cô ở đó.

Trong suốt mấy tuần lễ ở Reno, cô đã không viết thư cho ông cũng như không nhận được tin tức gì của ông. Cô đã không báo cho bất cứ ai về việc cô quay lại New York. Nhưng nhìn dáng đứng điềm tĩnh một cách quả quyết của ông trên sân ga, cô biết rằng ông đã liên lạc với các luật sư của cô, đã theo dõi sát sao việc ly hôn của cô, đã biết ngày mà người ta cấp giấy chứng nhận ly hôn, biết cả giờ cô lên tàu và số toa tàu của cô.

Ông không tiến lên khi nhìn thấy cô. Chính cô là người bước về phía ông, bởi vì cô biết ông muốn nhìn thấy cô bước, cho dù chỉ một quãng ngắn. Cô không mỉm cười, nhưng khuôn mặt cô toát ra một vẻ thanh thản đáng yêu như thể một nụ cười.

"Chào ông, Gail."

"Chào em, Dominique."

Cô đã không nghĩ đến ông khi ông vắng mặt, cô không nghĩ một cách rõ ràng, cũng không thấy có cảm giác riêng tư nào về sự hiện hữu của ông; nhưng giờ đây, cô cảm thấy một sự nhận biết tức thì. Đó là cảm giác đoàn tụ với một người cô biết rõ và cần đến.

Ông nói: "Đưa thẻ lấy hành lý của em cho tôi, tôi sẽ cho người đến lấy sau; ô-tô của tôi ở bên ngoài."

Cô đưa thẻ cho ông và ông đút nó vào túi áo. Cả hai biết rằng họ phải quay người và đi qua sân ga về phía cổng ra, nhưng những việc mà họ dự định sẽ làm đều cùng lúc bị phá vỡ, vì họ không quay đi mà cùng đứng nguyên ở đó, nhìn nhau.

Ông là người cố gắng sửa chữa sự phạm quy trước. Ông mỉm cười nhẹ nhàng.

"Nếu như tôi có quyền nói, tôi sẽ nói rằng tôi đã không thể chờ đợi được nếu tôi biết trước trông em sẽ như thế này. Nhưng mà tôi không có cái quyền đấy, nên tôi sẽ không nói ra."

Cô cười to. "Được rồi, Gail. Đấy cũng là một hình thức giả vờ - cái việc chúng ta quá thoải mái với nhau ấy. Nó sẽ làm cho mọi việc trở nên quan trọng hơn chứ không tầm thường đi, đúng không? Hãy nói bất cứ thứ gì mà chúng ta muốn nói."

"Tôi yêu em," ông nói, giọng ông vô cảm, như thể ông vừa tuyên bố về một nỗi đau và không phải tuyên bố với cô.

"Tôi rất vui được quay về với ông, Gail. Tôi đã không biết là tôi sẽ cảm thấy như thế này, nhưng tôi rất vui."

"Theo cách nào hả Dominique?"

"Tôi không biết. Tôi nghĩ là theo cách lây nhiễm từ ông. Theo cách quả quyết và bình yên."

Rồi họ nhận ra rằng họ đang nói chuyện với nhau giữa một sân ga đông đúc, với những con người và xe chở hành lý đang hối hả qua lại.

Họ đi ra ngoài đường, về phía xe của ông. Cô không hỏi xem họ đang đi đâu; và cô không quan tâm. Cô ngồi yên lặng bên cạnh ông. Cô thấy mình bị phân tách, hầu như toàn bộ trí óc cô bị cuốn đi bởi mong muốn không kháng cự lại, nhưng một phần nhỏ lại làm cô băn khoăn về cái mong muốn đó. Cô cảm thấy cái khao khát để cho ông nâng đỡ cô, một cảm giác tin cậy không suy tính, dù không phải sự tin cậy một cách hạnh phúc, nhưng vẫn là một sự tin cậy. Một lúc sau, cô nhận thấy tay cô nằm trong tay ông, những ngón tay đi găng của cô áp vào những ngón tay của ông, chỉ có ở chỗ cổ tay trần của cô chạm vào da thịt ông. Cô đã không nhận ra việc ông nắm tay cô; nó có vẻ quá tự nhiên và cũng là điều cô đã mong muốn từ lúc cô nhìn thấy ông. Nhưng cô không thể cho phép bản thân cô muốn điều đó.

"Chúng ta đang đi đâu, Gail?" cô hỏi.

"Đi lấy giấy chứng nhận. Sau đó tới văn phòng thẩm phán. Để kết hôn."

Cô từ từ ngồi thẳng dậy, quay mặt về phía ông. Cô không rút tay ra, nhưng những ngón tay của cô cứng lại, tự chủ, và xa lạ với ông.

"Không," cô nói.

Cô mỉm cười và giữ nụ cười ấy quá lâu, với một sự chính xác có chủ ý và kiên quyết. Ông nhìn cô điềm tĩnh.

"Tôi muốn có một đám cưới thật sự, Gail. Tôi muốn nó được tổ chức tại khách sạn phô trương nhất thành phố. Tôi muốn những thiếp mời in chữ nổi, khách khứa, hàng đám khách; tôi muốn có những nhân vật nổi tiếng, hoa, máy ảnh, và máy quay phim. Tôi muốn một đám cưới mà thiên hạ trông đợi ở Gail Wynand."

Ông buông những ngón tay cô, đơn giản, không hề phật ý. Trông ông có vẻ lơ đãng trong giây lát, như thể là ông đang nhẩm tính một bài toán số học không quá khó. Sau đó ông nói:

"Được rồi. Phải mất một tuần để thu xếp những việc này. Tôi có thể yêu cầu làm những việc đó trong tối nay, nhưng nếu là thiếp mờ in chữ nổi thì chúng ta phải báo trước cho khách khứa ít nhất một tuần. Nếu không, mọi

việc sẽ có vẻ bất thường, mà em lại muốn có một đám cưới Gail Wynand bình thường. Bây giờ tôi sẽ đưa em tới một khách sạn và em sẽ ở đó một tuần. Tôi đã không lên kế hoạch cho việc này, nên tôi chưa đặt chỗ. Em muốn ở đâu?"

"Ở căn hộ của ông."

"Không được."

"Thế thì ở khách sạn Nordland."

Ông ngả người về phía trước và nói với người lái xe: "John, đến Nordland."

Trong sảnh chính của khách sạn, ông nói với cô:" Tôi sẽ gặp em một tuần nữa kể từ hôm nay, thứ Ba, ở khách sạn Noyes-Belmont, Vào lúc bốn giờ chiều. Thiệp mời sẽ phải đứng tên em. Em hãy báo trước với ông ấy là tôi sẽ liên lạc với ông ấy. Tôi sẽ lo những việc còn lại."

Ông cúi đầu chào, phong thái của ông không đổi; sự bình tĩnh của ông vẫn có một vẻ riêng biệt, do hai thứ tạo thành: sự tự chủ hoàn toàn của một người đàn ông biết rõ về khả năng làm chủ của bản thân đến mức làm cho nó trở nên thoải mái, và sự đơn giản của một đứa trẻ chấp nhận mọi sự kiện như thể nó không thể làm gì để thay đổi chúng.

Cô không gặp ông trong suốt tuần lễ đó. Cô thấy mình nôn nóng chờ đợi.

Cô gặp lại ông khi cô đứng bên cạnh ông, đối diện với thẩm phán, người tuyên bố lễ thành hôn trước sự yên lặng của sáu trăm người trong phòng khiêu vũ được thắp đèn sáng trưng của khách sạn Noyes-Belmont.

Cái quang cảnh đám cưới mà cô muốn có được sắp đặt hoàn hảo đến mức nó tự trở htành một bức tranh biếm họa. Nó không còn là một đám cưới cụ thể của giới thượng lưu mà là một nguyên mẫu khách quan cho sự dung tục xa hoa, hào nhoáng. Ông đã hiểu nguyện vọng của cô và phục tùng nó một cách chính xác, tỉ mỉ; ông đã từ chối mong muốn của bản thân là không làm ầm ỹ mọi việc; ông đã không dàn dựng đám cưới một cách sơ sài mà tổ chức nó thật đẹp đẽ, theo đúng phong thái mà Gail Wynand, ông chủ báo, sẽ lựa chọn nếu như ông muốn tổ chức đám cưới trước công chúng. Có điều, Gail Wynand không muốn tổ chức đám cưới trước công chúng.

Ông khiến bản thân mình hài hòa với xung quanh, cứ như thể ông là một phần của giao kèo này, và buộc phải có phong thái tương xứng. Khi ông bước vào, cô thấy ông nhìn đám khách như thể ông không nhận ra rằng đám khách ấy phù hợp với những buổi công chiếu ở Nhà Hát Lớn hay một buổi bán đấu giá các đồ lặt vặt của hoàng gia cứ không phù hợp với giây phút thiêng liêng nhất của cuộc đời ông. Trông ông đàng hoàng và cực kỳ nổi bật.

Rồi cô đứng cạnh ông; cả đám đông biến thành một sự im lặng nặng nề và một cái nhìn chòng chọc sau lưng ông; rồi họ đứng đối diện với thẩm phán. Cô mặc một cái váy dài màu đen và một bó hoa nhài tươi mà ông tặng được đính vào cổ tay cô bằng một sợi ruy-băng màu đen. Dưới vành mũ viền đăng-ten đen, khuôn mặt cô hướng về phía ông thẩm phán; ông ta nói chậm rãi, nhả từng chữ một vào trong không khí.

Cô liếc nhìn Wynand. Ông không nhìn cô, cũng không nhìn ông thẩm phán. Rồi cô thấy ông chỉ có một mình trong căn phòng này. Ông làm chủ khoảnh khắc này và ông được tạo nên bởi nó, bởi sự hào nhoáng, bởi sự thông tục, bởi chiều cao lặng lẽ của chính ông. Ông đã không mong muốn một nghi lễ tôn giáo, thứ mà ông chẳng coi trọng. Ông cũng không coi trọng việc người ta đọc vào mặt ông những lời lẽ có sẵn trong thể thức cưới xin của chính quyền[121]. Tuy nhiên ông cư xử như thể nghi lễ này là một nghi lễ tôn giáo thuần khiết. Cô nghĩ nếu như cô đang làm đám cưới với Roark cũng trong bối cảnh như thế này, Roark hẳn cũng sẽ đứng như vậy.

Tiếp đó, sự khôi hài của buổi tiếp tân hoành tráng làm cho ông trở nên miễn dịch. Ông cùng với cô đứng tạo dáng cho đám thợ ảnh; ông lịch lãm làm theo mọi yêu cầu của cánh nhà báo - một đám đặc biệt, huyên náo nhất trong đám khách khứa. Ông đứng với cô ở chỗ tiếp tân, lần lượt bắt cả cái dây chuyền những bàn tay lăn ngang qua họ suốt mấy tiếng đồng hồ. Những ánhđèn, những giỏ hoa loa kèn khô, âm thanh của dàn nhạc dây, cả dòng người tràn vào và tỏa ra khắp căn phòng sau khi nhận một ly sâm-banh dường như không chạm được vào ông. Cả những vị khách đã đến đây vì buồn chán, vì căm ghét, vì thiệp mời mang cái tên đáng sợ của ông, vì hiếu kỳ với những vụ xì-căng-đan cũng không chạm được vào ông. Trông ông như thể o oko biết đến đám khách khứa tự cho rằng họ xứng đáng được đến xem lễ tế thần của ông; không biết rằng sự có mặt của họ đánh dấu phép ban phước bắt buộc đối với lễ tế thần này; rằng trong số hàng trăm người có mặt, chỉ có ông và cô dâu của ông nhận thấy rằng vở diễn này thật ghê tởm.

Cô chăm chú quan sát ông. Cô muốn nhìn thấy ông cảm thấy hài lòng với tất cả những thứ này, dù chỉ trong giây lát. Hãy để ông chấp nhận và hòa nhập vào cuộc vui, dù chỉ một lần; hãy để ông trưng ra cái hồn của tờ *Ngọn cờ New York* theo đúng cách của nó. Nhưng cô không nhìn thấy một sự chấp nhận nào. Đôi lúc cô nhìn thấy dấu ấn của một nỗi đau; nhưng thậm chí cả nỗi đau đó cũng không hoàn toàn chạm được vào ông. Và cô nghĩ tới một người đàn ông khác, người duy nhất đã nói với cô rằng mọi nỗi đau chỉ xuống sâu được đến một điểm nhất định.

Theo những quy tắc của đám cưới thì họ được tự do rời khỏi phòng tiệc sau những lời chúc mừng cuối cùng. Nhưng ông không có động thái về việc

rời đi. Cô biết là ông đang chờ quyết định của cô. Cô rời khỏi ông và đi về phía những đám khách; với một ly sâm-banh trong tay, cô mỉm cười, cúi đầu chào và lắng nge những câu chuyện tẻ nhạt.

Cô nhìn thấy cha cô trong đám đông. Trông ông tự hào và đăm chiêu; ông có vẻ hoang mang. Ông đã đón nhận tin đám cưới của cô một cách yên lặng; ông đã nói: "Cha muốn con được hạnh phúc, Dominique. Cha rất muốn điều đó. Cha hy vọng ông ấy là người đàn ông thích hợp." Giọng điệu của ông cho thấy ông cũng không được chắc chắn lắm.

Cô nhìn thấy Ellsworth Toohey trong đám đông. Ông nhận ra cô đang nhìn ông và vội vã quay đi chỗ khác. Cô muốn cười to; nhưng lúc này, việc Ellsworth Toohey bị chộp thình lình vào lúc sơ ý cũng chẳng quan trọng đến mức phải cười.

Alvah Scarret rẽ đám đông đi về phía cô. Ông cố gắng để có một sự biểu cảm thích hợp, nhưng khuôn mặt ông vừa đau khổ lại vừa sưng sỉa. Ông lầm bầm điều gì đó rất nhanh về việc chúc cô hạnh phúc, nhưng liền sau đó ông nói một cách rành mạch với vẻ giận dữ:

"Tại sao hả Dominique? Tại sao?"

Cô không thể tin rằng Alvah Scarret lại cho phép mình lỗ mãng như cái cách mà câu hỏi của ông dường như có ngụ ý. Cô lạnh lùng nói:

"Anh đang nói về cái gì thế, Alvah?"

"Dĩ nhiên là về cái lệnh cấm."

"Lệnh cấm nào?"

"Cô biết rất rõ lệnh cấm nào mà. Bây giờ tôi hỏi cô, tại sao lại để mọi tờ báo trong cái thành phố này, từng tờ khốn kiếp một, ngay cả những tờ lá cải rẻ tiền nhất, lại còn cả dịch vụ điện tín nữa. Tất cả trừ tờ *Ngọn cờ*! Tất cả trừ những tờ báo của Wynand! Tôi biết ăn nói thế nào với mọi người? Tôi biết giải thích thế nào đây? Đấy là cách cô đối xử với một người bạn cũ của cô đấy à?

"Anh nên nhắc lại điều đó, Alvah."

"Cô định nói là cô không hề biết việc Gail không cho phép bất cứ phóng viên nào của chúng ta ở đây? Rằng ngày mai chúng tôi không được có bất cứ một câu chuyện, một trang tin nào, không một bức ảnh, không gì ngoài hai dòng ở trang thứ mười tám?"

"Không" - cô nói - "Tôi không biết điều đó."

Ông ngạc nhiên trước cử động đột ngột của cô khi cô quay người bỏ đi. Cô đưa ly sâm-banh cho một người xa lạ đầu tiên trong tầm mắt, người mà

cô tưởng nhầm là phục vụ. Cô lách qua đám đông đi về phía Wynand.

"Đi thôi, Gail."

"Được thôi, em yêu."

Chính cô cũng không thể tin nổi là cô đang đứng giữa phòng khách trong căn hộ của ông và nghĩ rằng nơi này giờ đây là nhà của cô, rằng nó trông đúng là nhà cô.

Ông quan sát cô. Ông chẳng có vẻ gì là muốn nói chuyện hay chạm vào cô, mà chỉ quan sát cô ở đây, trong nhà của ông; quan sát việc cô đã được đưa đến đây, phía bên trên thành phố. Ông quan sát như thể khoảnh khắc này có ý nghĩa quá lớn và ông không thể chia sẻ, ngay cả với cô.

Cô bước chậm chạp ngang qua căn phòng, bỏ mũ xuống, và đứng tựa vào mép bàn. Cô tự hỏi vì sao cái mong muốn thông thường của cô là được im lặng, giữ kín mọi chuyện, lại bị vỡ tan tành khi đứng trước ông; vì sao cô lại cảm thấy buộc phải có một sự thẳng thắn đơn giản mà cô không thể có với bất cứ một ai khác.

"Cuối cùng thì ông vẫn làm được theo ý ông, Gail. Ông đã kết hôn như ông mong muốn được kết hôn."

"Phải, tôi cũng nghĩ vậy."

"Cố gắng tra tấn ông thật vô ích."

"Phải. Nhưng tôi cũng chẳng phiền lòng khi bị tra tấn."

"Ông không thấy phiền?"

"Không. Nếu như đó là những điều em muốn, thì tôi chỉ việc giữ lời hứa thôi."

"Nhưng mà ông căm ghét nó, Gail."

"Hoàn toàn đúng. Nhưng thế thì đã sao? Chỉ có khoảnh khắc đầu tiên là khó khăn - khi em nói điều đó trong xe. Sau đấy, tôi thấy khá vui với chuyện đó." Ông nói một cách bình tĩnh, hoàn toàn tương xứng với sự thẳng thắn của cô; cô biết rằng ông sẽ để cô lựa chọn, ông sẽ làm theo cô, ông sẽ giữ yên lặng hoặc thừa nhận bất cứ cái gì cô muốn phải được thừa nhận.

"Tại sao?"

"Chẳng lẽ em không nhận ra sai lầm của em à - nếu có thể gọi đó là sai lầm. Nếu như em hoàn toàn không quan tâm đến tôi thì hẳn em đã không muốn làm tôi phải chịu đựng."

"Không. Đó không phải là sai lầm."

"Em là một người thua cuộc biết điều, Dominique ạ."

"Tôi nghĩ điều đó cũng lây từ ông đấy, Gail. Và có một việc tôi muốn cảm ơn ông."

"Việc gì?"

"Việc ông đã cấm những tờ báo Wynand đến đám cưới chúng ta." Ông nhìn cô; trong khoảnh khắc, ánh mắt ông có một vẻ tỉnh táo đặc biệt; rồi ông mỉm cười.

"Việc em cảm ơn tôi về điều đó thật chẳng đúng với tính cách của em."

"Việc ông làm như thế cũng chẳng đúng với tính cách của ông."

"Tôi buộc phải làm như thế. Nhưng tôi đã nghĩ rằng em sẽ nổi giận."

"Đáng ra thì đã như thế. Nhưng tôi đã không. Và giờ cũng không. Tôi biết ơn ông."

"Một người có thể biết ơn một sự biết ơn không nhỉ? Hơi khó diễn đạt, nhưng đó là những gì tôi cảm thấy, Dominique."

Cô nhìn ánh sáng dìu dịu trên những bức tường xung quanh cô. Ánh sáng ấy là một phần của căn phòng; nó làm cho bức tường có một bề mặt đặc biệt, như không phải làm bằng vật liệu thường hay được quét màu. Cô nghĩ rằng có những căn phòng khác ở phía sau những bức tường này, những căn phòng cô chưa nhìn thấy bao giờ và nay thuộc về cô. Và cô nhận thấy là cô muốn chúng thuộc về mình.

"Gail, tôi chưa hỏi ông là bây giờ chúng ta sẽ làm gì. Chúng ta có đi xa không? Chúng ta có đi tuần trăng mật không? Thật buồn cười là tôi thậm chí không hề nghĩ về điều này. Tôi chỉ nghĩ về đám cưới và không nghĩ gì thêm. Cứ như thể là tất cả dừng lại ở đó và ông sẽ đảm nhận những việc về sau. Cái này cũng không đúng tính cách, Gail."

"Nhưng lần này tôi không đồng tình. Thụ động không phải là một dấu hiệu tốt. Không phải là với em."

Có thể chứ - nếu như tôi thấy hài lòng với điều đó."

"Có thể. Mặc dù nó sẽ chẳng kéo dài. Không, chúng ta sẽ chẳng đi đâu cả. Trừ khi em muốn đi."

"Không."

"Thế thì chúng ta ở đây. Đây cũng là một cách tạo ngoại lệ khác thường nữa. Một cách phù hợp với em và tôi. Với hai chúng ta thì đi xa luôn đồng nghĩa với bỏ đi. Lần này chúng ta không bỏ đi nữa."

"Được thôi, Gail."

Khi ông ôm cô và hôn cô, cánh tay cô gập lại, chèn giữa người cô và người ông, bàn tay cô bám vào vai mình và cô cảm thấy má chạm vào đóa hoa nhài đã héo ở cổ tay; mùi hương của nó vẫn còn nguyên, vẫn là thứ mùi tinh tế gợi người ta nhớ đến mùa xuân.

Khi cô bước vào phòng ngủ của ông, cô nhận thấy nó không phải là nơi mà cô đã nhìn thấy trong các bức ảnh trên vô số các tờ tạp chí. Cái lồng kính đã bị dỡ bỏ. Thay vào đó là một căn phòng khép kín như một cái hầm, không hề có cửa sổ. Nó được thắp sáng và có điều hòa nhiệt độ nhưng cả ánh sáng và không khí đều không đến từ bên ngoài.

Cô nằm trên giường ông và cô ấn hai lòng bàn tay xuống tấm ga trải giường lạnh, nhẵn ở hai bên mình; cô giữ không để cho cánh tay cô dịch chuyển và chạm vào ông. Nhưng sự cứng đờ vô cảm ở cô không làm ông nổi giận. Ông hiểu. Ông cười lớn. Cô nghe thấy ông nói - giọng ông thô ráp, không nương nhẹ và có vẻ thích thú "Chẳng ích gì đâu, Dominique." Và cô biết rằng cái hàng rào này giữa hai người sẽ không đứng vững; rằng cô không hề có sức mạnh để giữ nó. Cô thấy câu trả lời ngay trong cơ thể cô - câu trả lời của sự thèm khát, của sự chấp thuận, của sự thỏa mãn. Cô nghĩ đây không phải là chuyện của ham muốn nhục dục, cũng chẳng phải chuyện một hành động tình dục; mà là chuyện đàn ông luôn mang sức mạnh cuộc sống và một người đàn bà luôn đáp lại điều này, rằng người đàn ông nằm cạnh cô mang một ý chí sống - thứ sức mạnh cơ bản nhất của con người - và hành động này chỉ là một tuyên ngôn giản đơn nhất của sức mạnh đó, và rằng cô không đáp lại bản thân hành động hay bản thân người đàn ông, mà cô đang đáp lại cái sức mạnh trong con người ông.

*

* *

"Thế nào, bây giờ thì anh đã hiểu vấn đề chưa? Ellsworth Toohey hỏi.

Ông đứng tựa người một cách hờ hững vào lưng ghế của Scarret, còn Scarret ngồi nhìn xuống cái giỏ mây đựng đầy thư từ để bên cạnh bàn.

"Hàng nghìn" - Scarret thở dài "hàng nghìn cái, Ellsworth. Ông phải đọc họ gọi ông ấy là cái gì. Tại sao ông ấy lại không cho in bài về đám cưới của mình cơ chứ? Ông ấy xấu hổ vì cái gì? Ông ấy có gì phải che đậy chứ? Tại sao ông ấy lại không cưới trong nhà thờ, như bất cứ một người đàn ông đứng đắn nào khác? Làm sao mà ông ấy lại đi cưới một người đàn bà đã ly dị chứ? Đấy là điều mà tất cả bọn họ thắc mắc. Hàng nghìn người. Còn ông ấy sẽ chẳng thèm ngó đến những lá thư. Gail Wynand, người mà người ta gọi là 'máy đo địa chấn' của dư luận."

"Đúng thế," Toohey nói. "Ông ấy là kiểu người như thế."

"Ví dụ này" - Scarret nhặt một bức thư trên bàn lên và đọc to: "'Tôi là một người phụ nữ có tự trọng và là mẹ của năm đứa con, và chắc chắn là tôi không muốn nuôi dạy các con tôi bằng tờ báo của ông. Tôi đã bọc báo của ông suốt mười bốn năm qua nhưng giờ đây, khi ông chứng tỏ rằng ông là loại người không hề có chút liêm sỉ, ông đã biến sự thiêng liêng của hôn nhân thành trò hề khi ngoại tình với một người đàn bà sa ngã, vợ của một người đàn ông khác và là một người đàn bà dám mặc một bộ váy đen trong dám cưới cứ như thể là bà ta nhất định phải làm như thế; thì tôi sẽ không bao giờ đọc báo của ông nữa bởi vì ông không phải là một người đàn ông có thể làm gương cho bọn trẻ, và tôi thì hoàn toàn thất vọng về ông. Rất kính tôi hư. Bà Thomas Parker.' Tôi đọc thư này cho ông ấy. Ông ấy chỉ cười phá ra."

"Ừ... Hừm..." Toohey nói.

"Cái gì nhập vào ông ấy không biết?"

"Không phải cái gì nhập vào ông ấy đâu, Alvah. Mà là cái ở trong ông ta rút cục đã lộ diện."

"Nhân tiện, ông có biết chuyện nhiều tờ báo lại bới ra mấy bức ảnh cũ chụp cái tượng Dominique khỏa thân từ cái ngôi đền chết tiệt ấy; mà lại đăng cùng với chuyện đám cưới - để minh chứng cho sự quan tâm của bà Wynand đến nghệ thuật, bọn khốn kiếp. Chúng rất khoái chí khi trả đũa được Gail. Mà bọn nó trả đũa được rồi đấy, lũ chấy rận! Không hiểu ai đã gợi ý việc này cho chúng."

"Tôi không biết."

"Hừm, dĩ nhiên thì cũng chỉ là 'ném đá ao bèo' thôi. Rồi họ sẽ quên tất cả chuyện này trong vài tuần. Tôi không nghĩ là chuyện này sẽ gây hại gì nhiều lắm."

"Không. Chỉ riêng việc này thì không. Tự bản thân việc này thì không."

"Hừm? Ông dự đoán sẽ có chuyện gì à?"

"Chính những bức thư này dự đoán điều đó, Alvah. Không phải là bản thân những bức thư. Mà là việc ông ấy không thèm đọc chúng."

"Lo lắng cũng chẳng ích gì. Gail biết phải dừng ở đâu và khi nào. Không cần phải việc bé xé ra t..." Ông ngước lên nhìn Toohey và đổi giọng: "Chúa ơi, đúng rồi, Ellsworth, ông nói đúng. Chúng ta phải làm gì bây giờ?"

"Chẳng làm gì, anh bạn ạ, chẳng làm gì hết. Trong một thời gian dài tới thì không."

Toohey ngồi lên mép bàn làm việc của Scarret và lấy mũi của chiếc giầy

nhọn nghịch đống thư trong cái hộp; ông gẩy gẩy chúng làm những lá thư sột soạt. Ông đã có một thói quen yêu thích là rẽ vào và rời khỏi văn phòng Scarret bất cứ lúc nào. Scarret đã trở nên lệ thuộc vào ông.

"Hãy nói xem nào, Ellsworth," Scarret đột ngột hỏi - "ông có thực sự trung thành với tờ Ngọn cờ không?"

"Alvah, đừng có nói những thứ nặng nề như thế. Chẳng có ai nghiêm trọng đến thế cả."

"Không, tôi hỏi thật đấy... Mà thôi, ông hiểu tôi muốn nói gì rồi đấy."

"Tôi chẳng hiểu một chút nào cả. Có ai lại phản bội miếng cơm manh áo của mình?"

"Thì đúng là như thế... Nhưng ông biết đấy, Ellsworth, tôi rất thích ông, có điều tôi chẳng bao giờ hiểu khi nào thì ông chỉ nói cho vui lòng tôi, và khi nào mới là suy nghĩ thực của ông."

"Đừng tự đẩy mình vào những chuyện tâm lý rắc rối. Anh sẽ làm rối tung mọi thứ lên. Anh đang thắc mắc chuyện gì nào?"

"Tại sao ông vẫn viết cho tờ Những mặt trận mới?"

"Vì tiền."

"Thôi nào, chỗ đấy thì được mấy tiền?"

"À, thì đó là một tạp chí danh tiếng. Sao tôi lại không viết cho họ chứ? Các anh đâu có hợp đồng độc quyền với tôi."

"Đúng là không; và tôi chẳng quan tâm đến chuyện ông còn viết thêm cho những ai nữa. Nhưng mà tờ Những mặt trận mới dạo này rất là nực cười."

"Về cái gì?"

"Về Gail Wynand."

"Ôi dào, thật vớ vẩn. Alvah!"

"Không đâu, thưa quý ông, chẳng vớ vẩn chút nào. Ông không nhận ra thôi. Chắc là ông không đọc kỹ, chứ tôi thì có năng khiếu với mấy chuyện như thế này, tôi biết. Tôi biết chỗ nào là chỗ mấy thằng ranh con ranh ma chỉ viết chuyện kiếm tiền, và chỗ nào là chỗ một tờ báo đang âm mưu chuyện gì đó hẳn hoi."

"Anh hay lo quá, Alvah; và anh đang phóng đại mọi chuyện. Những mặt trận mới là một tạp chí tự do và lúc nào nó chả công kích Gail Wynand. Mọi người đều thế. Anh biết là ông ấy chưa bao giờ được giới báo chí ưa cả. Mà những chuyện ấy cũng chẳng làm hại gì ông ấy, phải không?"

"Nhưng chuyện này khác. Tôi không thích khi có cả một hệ thống đằng sau vụ này, một ý đồ đặc biệt; như kiểu nước nhỏ giọt, trông thì chẳng có gì nhưng chẳng mấy chốc thì thành những dòng suối nhỏ, cũng vẫn vô hại, nhưng rồi chẳng mấy chốc..."

"Anh bị mắc chứng hoang tưởng hành hạ đấy à, Alvah?"

"Tôi không thích chuyện này. Chẳng sao cả khi người ta chỉ tấn công chuyện du thuyền, chuyện đàn bà và vài chuyện xì-căng-đan bầu cử cấp thành phố của ông ấy - mà cũng chẳng ai chuyện ứng minh được những việc này." Ông hấp tấp nói thêm. "Nhưng tôi không thích cái giọng điệu trí thức mới mà bây giờ người ta đang dùng để chửi ông ấy: Nào là Gail Wynand, kẻ bóc lột; nào là Gail Wynand, tên cướp biển của chủ nghĩa tư sản; nào là Gail Wynand, căn bệnh của thời đại. Vẫn chỉ là rác rưởi thôi, Ellsworth; có điều dưới đống rác này có thuốc nổ."

"Chỉ là bình mới rượu cũ thôi mà, chẳng có gì hơn. Ngoài ra không thể bắt tôi chịu trách nhiệm cho chính sách của một tờ tạp chí chỉ vì thỉnh thoảng tôi có bán cho nó một vài bài."

"Nhưng mà... đó không phải là điều tôi nghe được."

"Anh nghe được chuyện gì?"

"Tôi nghe là ông đang tài trợ cho cả cái tạp chí khốn kiếp đấy."

"Ai cơ? Tôi ấy à? Bằng cái gì cơ?"

"À, cũng không chính xác là ông. Nhưng tôi nghe nói chính ông đã xui thằng cậu ấm nát rượu Ronny Pickering tiêm cho tờ *Những mặt trận mới* ấy một liều thuốc bổ trị giá một trăm ngàn đôla đúng lúc mặt trận của nó sắp vỡ."

"Quỷ tha ma bắt, tôi chỉ cứu Ronny ra khỏi chỗ cặn bã xa hoa của thành phố thôi. Thằng bé ấy đang xuống dốc. Tôi chỉ cho nó một mục đích sống tử tế hơn. Và cũng là sử dụng một trăm ngàn đôla một cách có ích hơn là để cho cả tá gái xinh đẹp móc tiền khỏi túi nó."

"Được rồi, nhưng ông đã có thể buộc một sợi dây vào món quà đó; ông đã có thể nhắn bọn biên tập bên đó nên để Gail được yên, nếu không thì..."

"Tờ *Những mặt trận mới* không giống như tờ *Ngọn cờ*, Alvah ạ. Đó là một tạp chí có nguyên tắc. Người ta không thể buộc dây vào các biên tập viên bên đó và cũng chẳng thể nào bảo họ 'nếu không thì...'"

"Trong cái nghề này á, Ellsworth? Ông đang đùa à?"

"Được rồi, nếu như nó làm anh yên tâm hơn thì tôi sẽ nói cho anh một chuyện anh chưa được nghe. Chuyện này đáng ra không được để lộ - nó đã

được làm rất lòng vòng. Anh có biết tôi vừa xui Mitchell Layton mua lại một phần đáng kể của tờ Ngọn cờ không?"

"Không đời nào!"

"Có đấy!"

"Ôi Chúa ơi, Ellsworth, điều đó thật tuyệt vời! Mitchell Layton à? Chúng ta có thể dùng một tên tuổi như thế... Khoan đã, Mitchell Layton á?"

"Ừ, Mitchell Layton thì sao?"

"Có phải đó là thằng nhãi không biết làm gì để tiêu hết tiền của ông nó để lại không?"

"Ông nó đã để lại cho nó quá nhiều tiền."

"Hừm, nhưng hắn ta là một gã lập dị. Hắn ta đã từng theo tập Yoga, rồi ăn chay, rồi theo Thuyết Nhất Thể,[122] rồi chủ nghĩa khoả thân. Bây giờ thì hắn mới xây một cung điện cho người vô sản ở Matxcơva."

"Thế thì sao?"

"Ôi Chúa ơi, một tên Đỏ làm cổ đông của chúng ta ư?"

"Mitch không phải là một tên Đỏ. Làm sao mà một tên Đỏ lại có trong tay một phần tư tỉ đôla được? Hắn ta chỉ là một bông hoa hồng phai màu thôi. Gần như thành màu vàng. Nhưng hắn là một thằng bé tốt bụng đấy."

"Nhưng... làm cổ đông tờ *Ngọn cờ*!"

"Alvah, anh đúng là một con lừa. Anh không thấy gì sao? Tôi đã làm cho hắn ta bỏ tiền vào một tờ báo tốt, làm ăn chắc chắn và bảo thủ. Việc đó đã giải thoát hắn khỏi những tư tưởng 'màu hồng' và dẫn hắn đi đúng hướng. Ngoài ra thì hắn ta có thể làm hại ai chứ? Ngài Gail yêu quý của anh vẫn khống chế tất cả những tờ báo của ông ta cơ mà, phải không?"

"Thế Gail có biết việc này không?"

"Không. Năm năm trở lại đây, ngài Gail yêu quý đã không còn để ý đến mọi việc như trước nữa. Và tốt nhất là anh đừng nói với ông ta. Anh nhìn thấy đường đi nước bước của Gail rồi đấy. Ông ấy cần có một chút sức ép. Còn anh thì cần tiền. Hãy tử tế với Mitch Layton. Rồi có lúc anh cần đến cậu ta đấy."

"Thế cơ đấy."

"Đúng thế. Anh thấy chưa? Trái tim tôi để đúng chỗ đấy chứ. Tôi đã giúp một tạp chí tự do non nhớ như tờ *Những mặt trận mới*, nhưng tôi cũng mang được cả đống tền cho một tờ bảo thủ kiên cố như tờ *Ngọn cờ New York*."

"Ừ thì ông có làm thế thật. Kể ra ông cũng tử tế đấy - nhất là khi ông là loại người ủng hộ tư tưởng tự do."

"Nào bây giờ thì anh còn định nói đến chuyện không trung thành nữa không đấy?"

"Chắc là không. Tôi nghĩ ông sẽ đứng về phía tờ báo lâu đời *Ngọn cờ*."

"Dĩ nhiên là thế rồi. Tôi thích tờ *Ngọn cờ*. Tôi có thể làm bất cứ điều gì cho nó. Tôi có thể hy sinh cả cuộc sống của mình cho tờ *Ngọn cờ New York*."

VIII.

Khi ở trên một hòn đảo hoang, việc đi bộ trên mặt đất làm cho người ta cảm thấy mình đang được neo giữ với phần còn lại của trái đất. Nhưng khi ở trong căn hộ áp mái của họ, với điện thoại bị ngắt, Wynand và Dominique không có cảm giác về năm mươi bảy tầng lầu phía dưới hay về những bê tông cốt thép. Đối với họ, căn nhà dường như được neo vào trong không gian; nó không phải là một hòn đảo, mà là một hành tinh. Thành phố trở thành một hình ảnh cố hữu, một ý tưởng trừu tượng mà họ không thể liên lạc được; giống như bầu trời, chỉ là một cảnh đẹp để ngắm nghía, chứ không có bất cứ một mối liên hệ trực tiếp nào với cuộc sống của họ.

Trong suốt hai tuần sau đám cưới, họ không hề ra khỏi căn hộ. Cô có thể bấm thang máy và phá vỡ những tuần lễ này bất kỳ lúc nào cô muốn; nhưng cô không muốn điều đó. Cô không có ham muốn chống cự, hay suy tính, hay chất vấn. Chỉ có sự hân hoan và bình yên.

Khi cô muốn, ông ngồi nói chuyện với cô hàng giờ. Khi cô muốn, ông sẵn lòng ngồi yên lặng, quan sát cô với ánh mắt xa xôi, bình thản như khi ông ngắm nghía những vật thể trong gallery của mình. Ông trả lời mọi câu hỏi cô đặt ra. Ông không bao giờ hỏi gì cả. Ông không nói về cảm xúc của mình. Khi cô muốn ở một mình, ông không gọi cô. Một buổi tối, khi ngồi đọc sách trong phòng mình, cô nhìn thấy ông đang đứng bên lan can lạnh cóng của vườn cây tối sẫm cạnh nhà. Ông không hề ngoái đầu nhìn căn nhà, ông chỉ đứng trong vệt sáng chiếu ra từ cửa sổ phòng cô.

Sau khi hai tuần đó kết thúc, ông quay lại với công việc của mình ở tòa soạn tờ *Ngọn cờ*. Thế nhưng sự cách ly với thế giới bên ngoài vẫn tồn tại nguyên vẹn, như là một quy ước đã được tuyên bố và sẽ được gìn giữ suốt những ngày sắp tới của họ. Ông về nhà vào buổi tối và thành phố tạm ngừng tồn tại. Ông không có ham muốn đi bất kỳ đâu. Ông không mời khách khứa đến nhà.

Ông chưa bao giờ nói ra, nhưng cô biết rằng ông không muốn cô bước ra khỏi căn nhà, cho dù với ông hay là đi một mình. Đó là một nỗi ám ảnh thầm kín mà ông không lường trước. Khi về đến nhà, ông hỏi "Em có đi ra ngoài không?" chứ chưa bao giờ hỏi "Em đã đi đâu?" Đó không phải là sự ghen tuông - việc cô "đi đâu" không có ý nghĩa gì cả. Khi cô muốn mua một đôi giày, ông gọi ba cửa hàng gửi các mẫu giày đến cho cô lựa chọn - cách này ngăn cô khỏi phải đến cửa hàng. Khi cô nói rằng cô muốn nhìn một bức tranh nào đó, ông cho xây một phòng chiếu trên mái nhà.

Cô ngoan ngoãn nghe lời trong một vài tháng đầu. Khi cô nhận thấy rằng

cô yêu sự tách biệt với thế giới bên ngoài của hai người, cô phá vỡ nó ngay tức khắc. Cô buộc ông chấp nhận những lời mời, và cũng mời khách khứa đến nhà. Ông chiều theo ý cô, không hề phản đối.

Nhưng ông luôn giữ một bức tường mà cô không thể phá vỡ - đó là bức tường ngăn giữa cô và những tờ báo của ông. Tên cô không bao giờ xuất hiện trên những trang báo đó. Ông phá tan mọi cố gắng của đám nhà báo nhằm đưa bà Wynand ra trước công chúng - như việc đứng đầu các hội đồng, tài trợ các hoạt động từ thiện, lên tiếng ủng hộ các cuộc vận động lớn. Ông chẳng ngại ngần bóc những lá thư gửi đến cho cô - nếu như phần danh tính của bức thư để lộ mục đích của nó - ông sẽ hủy nó mà không thèm trả lời, rồi sau đó nói cho cô biết rằng ông đã hủy bức thư đó. Cô nhún vai và không nói gì cả.

Tuy thế, dường như ông không chia sẻ sự coi thường của cô đối với các tờ báo của ông. Ông không cho phép cô bàn luận về chúng. Cô không thể nào biết ông nghĩ gì hay cảm thấy thế nào về những tờ báo đó. Có một lần, khi cô nhận xét về một bài xã luận chướng tai gai mắt, ông nói lạnh lùng:

"Tôi chưa bao giờ xin lỗi về tờ *Ngọn cờ*. Tôi sẽ không bao giờ."

"Nhưng Gail, bài này thật quá tệ."

"Tôi nghĩ em đã lấy tôi với tư cách chủ báo của tờ *Ngọn cờ*."

"Tôi nghĩ là ông không thích nghĩ như thế."

"Việc tôi thích hay không thích cái gì không có liên quan tới em. Đừng trông đợi tôi sẽ thay đổi hay hy sinh tờ *Ngọn cờ*. Tôi sẽ không làm điều đó vì bất kỳ ai trên trái đất này."

Cô cười to. "Tôi sẽ không yêu cầu điều đó đâu, Gail."

Ông không hề cười đáp lại.

Trong phòng làm việc ở tòa nhà *Ngọn cờ*, ông làm việc với một nguồn năng lượng mới - một thứ năng lượng sung mãn, hân hoan. Điều này làm bất ngờ ngay cả những người đã biết ông trong những năm tháng tham vọng nhất. Ông ở lại văn phòng cả đêm khi cần - điều lâu nay ông không làm. Không có gì thay đổi trong phương pháp và đường lối của ông. Alvah Scarret quan sát ông với sự hài lòng. "Chúng ta đã nhầm về ông ấy, Ellsworth," Scarret nói với người đồng hành thường xuyên của mình - "Gail vẫn như thế, Chúa phù hộ cho ông ấy. Lại còn tốt hơn bao giờ hết."

"Alvah yêu quý ơi, mọi thứ không đơn giản như anh nghĩ đâu - và cũng chẳng nhanh thế đâu." - Toohey nói.

"Nhưng ông ấy đang hạnh phúc. Ông không nhìn thấy ông ấy hạnh phúc

sao?"

"Hạnh phúc là điều nguy hiểm nhất đối với ông ấy. Và với tư cách một người luôn theo chủ nghĩa vị nhân sinh, tôi nói điều này là vì chính ông ấy."

*

* *

Sally Brent quyết định đánh lừa sếp của cô. Sally Brent là một trong những tài sản đáng tự hào nhất của tờ *Ngọn cờ*. Cô là một phụ nữ trung niên, mập mạp, luôn ăn mặc như một người mẫu theo phong cách của thế kỷ hai mươi mốt, nhưng viết lách hết sức thủ cựu. Cô có rất nhiều độc giả ruột trong số những độc giả của tờ *Ngọn cờ*. Sự nổi tiếng của cô làm cô quá tự tin.

Sally Brent quyết định viết một câu chuyện về bà Gail Wynand, loại chuyện theo gu của cô - loại nhanh chóng bị vứt vào sọt rác. Bằng những thủ thuật mà cô học được dưới sự đào tạo của Wynand về việc tìm cách lọt vào những chỗ mà người thường không thể vào được, cô đã được phép vào căn hộ của Wynand. Cô xuất hiện với vẻ ấn tượng thường ngày - một bộ váy đen với một bông hoa hướng dương tươi đeo trên cầu vai, thứ trang sức đặc trưng của cô. Cô gần như nín thở khi nói với Dominique "Thưa bà Wynand, tôi đến đây để giúp bà lừa phu quân của bà."

Cô nháy mắt một cách tinh nghịch và giải thích: "Thưa bà, ngài Wynand đáng kính của chúng ta đã không công bằng với bà khi tước đi quyền nổi tiếng chính đáng của bà vì một lý do nào đó mà tôi không thể hiểu nổi. Nhưng bà và tôi - chúng ta có thể thay đổi ông ấy. Một người đàn ông có thể làm được gì khi mà cánh đàn bà chúng ta tập hợp lại? Đơn giản là ông ấy không hiểu được bà là một đề tài hấp dẫn đến thế nào. Hãy kể cho tôi chuyện của bà. Tôi sẽ viết một câu chuyện hay đến mức ông ấy không thể không cho đăng nó."

Dominique đang ở nhà một mình. Cô mỉm cười với một vẻ mà Sally Brent chưa từng thấy; đến nỗi, mặc dù có một đầu óc quan sát tinh tế, Sally cũng không thể tìm được một tính từ chính xác mô tả nụ cười ấy. Dominique kể một câu chuyện đúng như thể loại mà Sally mong chờ.

"Vâng, dĩ nhiên là tôi chuẩn bị bữa sáng cho ông ấy," Dominique kể. "Ông ấy rất thích món thịt hun khói và trứng..." Ồ, vâng, cô Brent, tôi rất hạnh phúc. Mỗi sáng khi mở mắt ra, tôi tự nhủ rằng đây không thể là sự thật, không lẽ nào một người nhỏ bé như tôi lại trở thành phu nhân của Gail Wynand vĩ đại, người có trong tay hàng tá người đẹp trên thế giới để mà lựa chọn. Cô biết đấy, tôi đã thầm yêu ông ấy nhiều năm. Ông ấy là giấc mơ của tôi, một giấc mơ đẹp và không thể với tới. Và giờ đây, giấc mơ đó trở thành

hiện thực. Cô Brent, hãy làm ơn mang thông điệp này của tôi tới những người phụ nữ Mỹ: Sự kiên nhẫn luôn được đền đáp xứng đáng và hạnh phúc ngọt ngào chỉ ở đâu đó quanh ta. Tôi nghĩ đấy là một ý nghĩ tốt đẹp và nó sẽ giúp ích cho các cô gái khác như nó đã giúp tôi. Vâng, tất cả những gì tôi muốn trong cuộc đời này là làm cho Gail được hạnh phúc, được chia sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn với ông ấy, và trở thành một người vợ, một người mẹ tốt."

Alvah Scarret đọc câu chuyện này và khoái chí đến độ bất cẩn. "Đăng ngay đi, Alvah", Sally hối thúc anh. "Để một bản in thử trên bàn ông ấy. Ông ấy sẽ đồng ý cho mà xem. Ông ấy không thể không đồng ý..." Tối hôm đó, Sally Brent bị đuổi việc. Hợp đồng làm việc đắt giá của cô bị mua lại mặc dù nó có giá trị ba năm nữa. Cô bị cấm không bao giờ được bước chân vào trụ sở tòa soạn tờ *Ngọn cờ* dù với bất kỳ lý do nào.

Scarret cuống cuồng phản đối: "Gail, ông không thể sa thải Sally, không thể là Sally!"

"Khi nào tôi không thể sa thải bất cứ nhân viên tòa soạn nào tôi muốn, tôi sẽ đóng cửa tờ báo và cho nổ tung cái tòa nhà khốn khiếp này," Wynand bình thản đáp lại.

"Nhưng còn độc giả của cô ta, chúng ta sẽ mất họ!"

"Quỷ tha ma bắt độc giả của cô ta đi."

Trong bữa ăn tối hôm đó, Wynand lấy trong túi một cuộn giấy nhàu nát chứa bản in thử câu chuyện. Ông ném qua bàn vào mặt Dominique mà không nói lời nào. Nó đập vào má cô và rơi xuống sàn. Cô nhặt lên, mở ra xem và phá lên cười.

Sally Brent viết một bài báo về chuyện tình yêu của Gail Wynand. Với lối viết hài hước mà trí thức, với những thuật ngữ thuộc chuyên ngành xã hội học, bài báo này đưa ra những tư liệu mà chẳng có bất cứ tờ báo lá cải nào nhận đăng. Nhưng nó đã được đăng trên tờ *Những mặt trận mới*.

*

* *

Wynand mua tặng Dominique một chiếc dây chuyền được thiết kế theo đơn đặt hàng riêng của ông. Chiếc dây chuyền được làm bằng những hạt kim cương, các mối nối được làm rất nhỏ để không thể nhìn thấy; các viên kim cương được rải xa nhau, không theo một quy tắc nào; như thể chúng được rắc ra một cách ngẫu nhiên. Những hạt kim cương ấy đã được gắn với nhau nhờ một sợi dây bạch kim được làm dưới kính hiển vi; gần như không thể nhận thấy. Khi ông đeo nó vào cổ cô, chiếc dây chuyền trông như những giọt

nước ngẫu nhiên rơi xuống và đậu ở đó.

Cô đứng trước một tấm gương. Cô tuột chiếc áo ngủ khỏi bờ vai và để những hạt nước mưa đó lấp lánh trên da thịt. Cô nói:

"Cái bài về bà vợ gì ở Bronx mà giết chết tình nhân của chồng mình ấy - bài đấy thật là bẩn thỉu, Gail ạ. Nhưng tôi thấy sự tò mò của công chúng với câu chuyện ấy còn bẩn thỉu hơn. Nhưng có cái lại còn bẩn thỉu hơn nữa - những kẻ làm ma cô dẫn đường cho sự tò mò ấy. Thực ra thì chính cái bà vợ với cái chân như chân đàn piano và cái cổ phì nộn trong mấy bức tranh đó đã làm nên chuỗi vòng cổ này. Thật là một cái dây chuyền tuyệt đẹp. Tôi sẽ rất tự hào được đeo nó."

Ông mỉm cười. Trong đôi mắt chợt bừng sáng của ông có một sự can đảm kỳ lạ.

"Đấy là một cách để nhìn nhận chuyện này," ông nói. "Có một cách nhìn khác. Tôi thích nghĩ rằng mình đã lọc ra những thứ rác rưởi tồi tệ nhất trong đầu óc con người - đầu óc của bà vợ đó và đầu óc của những kẻ thích tìm đọc về bà ta - và tôi dùng cái đó để làm ra cái dây chuyền trên vai em. Tôi thích nghĩ rằng mình là một nhà giả kim có khả năng tinh chế kỳ diệu."

Cô không nhìn thấy một chút sám hối, nuối tiếc hay bực tức nào trong ánh mắt ông nhìn cô. Đó là một ánh nhìn kỳ lạ mà cô chưa từng thấy nó. Đấy là ánh nhìn của một sự tôn thờ giản dị. Cái nhìn ấy làm cô nhận ra rằng có một trạng thái của sự tôn thờ ở đó bản thân người tôn thờ lại trở thành đối tượng của sự thờ phụng.

Vào buổi tối hôm sau, khi cô đang ngồi trước gương trong phòng trang điểm thì ông bước vào. Ông cúi xuống, áp môi vào gáy cô - và ông nhìn thấy một mẩu giấy hình vuông đính ở góc gương. Đó là bức điện tím đã chấm dứt công việc của cô ở tờ *Ngọn cờ*. SA THẢI CON CHÓ CÁI ĐÓ.GW.

Ông rướn người để đứng thẳng dậy phía sau cô. Ông hỏi:

"Làm sao em có được nó?"

"Ellsworth Toohey đã đưa nó cho tôi. Tôi đã nghĩ là nó đáng được giữ lại. Dĩ nhiên là tôi đã không lường được là lại có lúc mảnh giấy này trở nên phù hợp đến thế."

Ông nghiêng đầu một cách nghiêm trang để thừa nhận mình là tác giả của bức điện tín đó và không nói gì thêm.

Cô đã chờ đợi bức điện tín sẽ biến mất vào sáng hôm sau. Nhưng ông đã không động đến nó. Cô cũng không gỡ bức điện tín đó đi. Nó cứ nằm nguyên trên góc gương. Khi ông ôm cô trong tay, cô thường thấy ánh mắt của ông hướng về mảnh giấy vuông đó. Cô không thể đoán được ông nghĩ

gì.

*

* *

Mùa xuân năm đó, ông tới New York một tuần để tham dự một cuộc hội nghị của các chủ báo. Đây là lần đầu tiên họ xa nhau. Dominique đã làm ông bất ngờ khi đến đón ông ở sân bay lúc ông trở về. Cô trông thật vui tươi và dịu dàng; cử chỉ của cô hứa hẹn một điều mà ông chưa bao giờ dám hy vọng, đã không dám tin tưởng; và ông thấy mình đang hoàn toàn tin nó.

Khi ông bước vào phòng khách trong căn hộ của hai người và nằm duỗi nửa người trên đi văng, cô biết ông muốn nằm yên ở đó để cảm nhận sự yên ổn trong thế giới của riêng mình mà ông vừa giành lại được. Cô nhìn thấy mắt ông mở to, hướng về cô, không một chút tự vệ. Cô đứng thẳng, sẵn sàng. Cô nói:

"Anh nên thay đồ đi Gail. Tối nay chúng ta sẽ đi tới nhà hát."

Ông nhấc mình ngồi dậy. Ông mỉm cười; những nếp nhăn nằm nghiêng hằn rõ trên trán ông. Cô cảm thấy vô cùng khâm phục ông: sự tự chủ của ông thật hoàn hảo, tất cả, chỉ trừ những nếp nhăn. Ông đáp:

"Được thôi. Cà-vạt đen hay trắng?"

"Trắng. Tôi có vé vở *Không phải việc của ngài*. Vé vở này khó kiếm lắm đấy."

Vậy là quá đủ. Dường như vở kịch quá lố bịch khi trở thành một phần trong trận đấu vào lúc này giữa hai người. Ông đầu hàng bằng cách cười phá lên với vẻ ngán ngẩm không thể che giấu.

"Lạy Chúa, Dominique, không thể là vở đó được!"

"Kìa Gail, vở này đang ăn khách nhất ở thành phố này đấy. Nhà phê bình của anh, Jules Foughler" - ông ngừng cười. Ông đã hiểu ra - "đã bình rằng đây là vở kịch tuyệt vời của thời đại chúng ta. Ellsworth Toohey nói rằng vở kịch này là tiếng nói trong trẻo của một thế giới mới đang đến. Alvah Scarret thì nói rằng nó không là viết bởi mực mà viết bằng dòng sữa của sự nhân đạo. Còn Sally Brent - trước khi anh sa thải cô ta - đã nói rằng vở kịch này làm cô ta cười nghẹn ngào. Chà, vở kịch này là đứa con đỡ đầu của tờ *Ngọn cờ*. Tôi đã nghĩ thế nào anh cũng muốn xem nó."

"Tất nhiên rồi" ông nói.

Ông đứng dậy và đi thay đồ.

Không phải việc của ngài được trình diễn hàng tháng nay. Ellsworth

Toohey đã đề cập đến vở kịch này trong một bài báo của ông rằng thật là đáng tiếc vì tên của vở kịch đã bị thay đổi ít nhiều "như một sự nhượng bộ đối với thói lịch thiệp giả dối cổ lỗ sĩ của giai cấp trung lưu vốn vẫn ngự trị trong các rạp hát của chúng ta. Đây là một ví dụ đáng báo động về sự can thiệp vào sự tự do của người nghệ sĩ. Từ giờ đừng bắt chúng ta phải nghe những điều nhảm nhí như chúng ta đang sống trong một xã hội tự do. Tên nguyên gốc của vở kịch tuyệt đẹp này vốn là một câu lấy từ kho tàng ngôn ngữ của đại chúng - một câu nói hùng hồn đơn giản và dũng cảm như một câu thành ngữ dân gian."

Wynand và Dominique ngồi chính giữa hàng ghế thứ tư. Họ không nhìn nhau. Họ chăm chú lắng nghe vở kịch. Những thứ đang diễn ra trên sân khấu chỉ đơn thuần là những lời thoại sáo mòn và thô thiển, nhưng chính những gì ẩn đằng sau cánh gà mới làm cho vở kịch trở nên khủng khiếp. Những lời thoại ngớ ngẩn buồn tẻ ấy tạo nên một bầu không khí riêng của vở kịch - nó ngấm vào người chính những diễn viên như một bệnh truyền nhiễm; nó ở trên gương mặt ngớ ngẩn của họ, trong giọng nói giả tạo của họ, trong điệu bộ lôi thôi lếch thếch của họ. Đấy là một không khí gồm toàn những lời ngớ ngẩn nhưng lại được thốt ra như những lời mặc khải và xấc xược đòi hỏi người ta phải chấp nhận chúng như sự mặc khải; một không khí không phải được tạo nên bởi sự tự mãn ngây thơ, mà bởi sự vô liêm sỉ có ý thức, như thể tác giả biết rõ bản chất tồi tệ của tác phẩm của anh ta và cố tình huênh hoang về khả năng biến sự tồi tệ ấy thành ra cao cả trong đầu óc khán giả, và do đó mà hủy diệt khả năng nhận biết sự cao cả trong họ. Vở kịch đã thành công đúng như các nhà tài trợ cho nó dự đoán: nó làm người ta cười, nó làm người ta ngạc nhiên; nó là một trò đùa khiếm nhã, được diễn không phải trên sân khấu mà ngay trong chính khán giả. Vở kịch là một cái bàn thờ, nơi mà tượng thần đã bị vứt bỏ, và thay vào đó không phải là một bức tượng quỷ Sa tăng đang cầm gươm, mà là một gã khờ đang ngồi mút Coca-Cola.

Một sự im lặng bao phủ lên khán giả của vở kịch - họ hoang mang và khúm núm. Khi có ai đó cười, những người còn lại cũng cười theo, cười một cách nhẹ nhõm, vui mừng vì thấy rằng chính mình cũng thích thú với vở kịch này. Jules Foughler không cố tình áp đặt ảnh hưởng đến bất cứ một ai. Ông chỉ tuyên bố rõ ràng từ trước, qua nhiều kênh thông tin khác nhau, rằng những người không thể thưởng thức vở kịch này về cơ bản là những người chẳng có giá trị gì. "Chẳng cần phải giải thích dài dòng gì" - ông nói - "Hoặc là quý vị tốt đẹp đủ để thưởng thức vở kịch này, hoặc là không."

Trong giờ nghỉ giải lao giữa vở kịch, Wynand nghe thấy một phụ nữ mập mạp nói: "Vở kịch thật tuyệt vời. Tôi không hiểu nó, nhưng tôi có *cảm giác* rằng nó là một cái gì đó rất lớn lao." Dominique hỏi: "Anh có muốn về không, Gail?" Ông đáp lại: "Không, chúng ta sẽ xem hết vở kịch."

Ông im lặng trong ô-tô trên suốt đường về nhà. Khi họ bước vào phòng khách, ông đứng yên chờ đợi, sẵn sàng nghe và chấp nhận bất cứ điều gì. Trong một khoảnh khắc, cô cảm thấy muốn để ông được yên. Cô cảm thấy trống rỗng và mệt mỏi. Cô không muốn làm tổn thương ông, mà muốn tìm kiếm sự che chở từ ông.

Sau đó cô nhớ lại những gì cô đã suy nghĩ khi ở trong nhà hát. Cô đã nghĩ rằng vở kịch này là con đẻ của tờ *Ngọn cờ*. Chính tờ *Ngọn cờ* đã ép cho vở kịch ra đời, dã nuôi dưỡng, nâng đỡ và mang lại vinh quang cho nó. Cũng chính tờ *Ngọn cờ* đã bắt đầu và kết thúc việc phá hủy ngôi Đền Stoddard. Chính tờ *Ngọn cờ New York*, vào ngày mùng hai tháng Mười một năm 1930, chuyên mục *Một ý kiến nhỏ*... bài *Tội báng bổ thánh thần* của Ellsworth M.Toohey... mục *Những nhà thờ của tuổi thơ* của Alvah Scarret... *Ngài Siêu nhân, ngài có hạnh phúc không*?... Và giờ đây, việc phá hủy ngôi đền đó, không phải là một sự kiện đã xảy ra lâu rồi... đây không phải là sự so sánh giữa hai thực thể cũng không thể đo lường về giá trị - một công trình xây dựng và một vở kịch... đây không phải một sự tình cờ, cũng không phải là vấn đề của một số người, không phải của Ike, Foughler, Toohey, không phải cô... và Roark. Đây là một cuộc đấu không có thời gian, cuộc chiến giữa hai lực lượng trừu tượng, giữa cái tạo ra công trình kiến trúc đó và cái đã nuôi dưỡng vở kịch này... hai thế lực ấy chợt trở nên trần trụi trước cô với những tuyên ngôn giản đơn của chúng... hai thế lực đã đấu tranh với nhau từ khi thế giới này hình thành - và mọi tôn giáo đều biết đến chúng... - và đã luôn luôn có một bên luôn là Chúa và một bên luôn là Ác quỷ... chỉ có điều, con người đã nhầm lẫn về hình thù của Ác quỷ... Ác quỷ không phải chỉ có một mình, khổng lồ, mà rất nhiều, bẩn thỉu và nhỏ bé. Tờ *Ngọn cờ* đã phá hủy ngôi Đền Stoddard để có chỗ cho cái vở kịch này ra đời... không có cách nào khác... không có cách lựa chọn nào ở giữa, không có lối thoát, không có sự dung hòa... hoặc cái này hoặc cái kia... luôn là như vậy... có rất nhiều vật biểu trưng cho cuộc chiến ấy, nhưng người ta chưa bao giờ gọi tên và tuyên bố nó ra... Roark, cô nghe thấy tiếng mình gào thét bên trong, Roark... Roark... Roark....

"Dominique... có chuyện gì vậy?"

Cô nghe thấy tiếng của Wynand. Giọng nói của ông nhẹ nhàng và lo lắng. Ông chưa bao giờ cho phép mình để lộ sự lo lắng. Cô nhận rõ được rằng âm thanh đó là sự phản chiếu của chính gương mặt cô, của những gì mà ông đã nhìn thấy trên gương mặt cô.

Cô đứng thẳng, tự tin và vô cùng bình thản.

"Tôi đang nghĩ về anh, Gail" cô nói.

Ông chờ đợi.

"Thế nào, Gail... Đam mê tuyệt đối với độ cao tuyệt đối hả?" Cô cười to và để cho hai cánh tay vung vẩy uể oải giống như điệu bộ của những diễn viên trong vở kịch họ đã xem. "Nào, Gail, anh có con tem hai xu nào mà có ảnh của George Washington không? Anh bao nhiêu tuổi rồi hả Gail? Anh đã làm việc vất vả đến thế nào? Anh đã đi quá nửa cuộc đời, và tối nay anh đã thấy phần thưởng của mình. Thành tựu lớn nhất của anh. Tất nhiên là không có ai tương xứng được với đam mê lớn nhất của anh ta. Nhưng bây giờ, nếu anh nỗ lực vượt bậc, một ngày nào đó anh sẽ đạt được tới vị trí của cái vở kịch đó!"

Ông đứng im lặng, lắng nghe và chấp nhận.

"Tôi nghĩ anh nên lấy một bản thảo của vở kịch đó và đặt nó trên một cái bục ở chính giữa gallery của anh dưới nhà. Tôi nghĩ anh nên làm lễ rửa tội cho cái thuyền buồm của anh và đặt tên nó là *Không Phải Việc Của Ngài*. Tôi nghĩ anh nên đưa tôi..."

"Đừng nói nữa."

"... vào danh sách diễn viên và bắt tôi sắm vai Marry mỗi tối. Mary người đã nuôi một con chuột xạ không có tổ và..."

"Dominique, đừng nói nữa."

"Vậy thì anh nói đi. Tôi muốn nghe anh nói."

"Tôi chưa bao giờ phải thanh minh với bất cứ ai."

"Vậy thì hãy khoe khoang về mình đi. Hai cách đó như nhau."

"Nếu em muốn nghe thì đây, cái vở kịch này làm tôi buồn nôn. Em biết rõ điều đó. Nó còn tệ hơn cả chuyện bà vợ ở Bronx."

"Tệ hơn nhiều."

"Nhưng tôi có thể nghĩ ra những thứ còn tệ hơn thế. Viết ra một vở kịch vĩ đại và dâng nó làm trò cười cho cái đám khán giả tối nay. Và biến mình thành kẻ tử vì đạo cho những kẻ cười đùa vui vẻ mà chúng ta thấy tối nay."

Ông nhận thấy một cái gì đó đã chạm tới cô. Ông không biết chắc cô đang đáp lại sự ngạc nhiên hay sự tức giận. Ông không biết cô đã nhận ra những lời ấy như thế nào. Ông tiếp tục:

"Nó đúng là làm tôi buồn nôn. Nhưng tờ *Ngọn cờ* cũng đã từng làm được nhiều việc khác làm tôi buồn nôn. Vở kịch tối nay tồi tệ hơn những thứ kia, bởi vì nó có những tính chất đi quá mức bình thường. Một kiểu hiểm ác đặc biệt. Nhưng nếu điều này lại được những kẻ ngu ngốc kia ưa thích, thì tờ

Ngọn cờ phải có trách nhiệm với nó. Tờ *Ngọn cờ* được tạo ra để phục vụ quyền lợi của những kẻ ngu ngốc. Em còn muốn tôi thừa nhận điều gì nữa không?"

"Những gì anh cảm thấy tối nay."

"Một kiểu địa ngục nho nhỏ. Bởi vì em ngồi đó với tôi. Chính em muốn điều đó phải không? Em muốn làm cho tôi cảm nhận được sự trái ngược. Tuy nhiên em đã tính nhầm. Tôi đã nhìn lên sân khấu và tôi nghĩ con người là như thế này, tinh thần của họ là như thế này - còn tôi - tôi đã tìm ra em, và tôi có em - và sự trái ngược đó xứng đáng với nỗi đau tôi phải chịu. Tôi quả đã phải chịu đựng tối nay, như em đã muốn, nhưng nó là một nỗi đau chỉ có khả năng đi xuống được đến một điểm nhất định còn sau đó..."

"Anh im đi" - cô gào lên. "Anh im đi, quỷ tha ma bắt anh đi!"

Họ đứng lặng một lúc, cả hai đều ngỡ ngàng. Ông cử động trước, ông biết rằng cô cần sự giúp đỡ của ông; ông nắm lấy bờ vai cô. Cô vùng ra khỏi tay ông. Cô bước ngang qua phòng, tới bên cửa sổ. Cô đứng đó nhìn xuống thành phố, nhìn những tòa nhà đồ sộ trải dài với những mảng tối sẫm lẫn với ánh lửa phía bên dưới cô.

Sau một lúc, cô nói với một giọng điệu không âm sắc:

"Tôi xin lỗi, Gail."

Ông không đáp lại.

"Tôi không có quyền nói những điều đó với anh." Cô không quay lại; cô đưa hai tay lên cao, bám lấy khung cửa sổ. "Chúng ta hòa nhau, Gail. Tôi đã trả giá - nếu như điều đó làm anh thấy dễ chịu hơn. Tôi đã đầu hàng trước."

"Tôi không muốn em phải trả giá gì cả." Ông nói nhẹ nhàng. "Dominique, cái đó là cái gì?"

"Không có gì."

"Tôi đã làm em nghĩ tới chuyện gì? Không phải những gì tôi nói. Nó là một điều gì khác. Những từ ấy có nghĩa như thế nào với em?"

"Chẳng có nghĩa gì cả."

"Nỗi đau chỉ xuống đến một điểm nhất định. Chính là câu này. Tại sao?" Cô đang nhìn xuống thành phố. Cô có thể nhìn thấy khung tòa nhà Cord ở phía xa. "Dominique, tôi biết khả năng chịu đựng của em. Nếu những lời ấy có thể làm cho em như thế kia, nó hẳn phải là cái gì đó rất kinh khủng. Tôi cần phải biết. Không có gì là không thể cả. Tôi có thể giúp em chống lại điều đó, bất kể đó là chuyện gì." Cô không trả lời. "Ở rạp hát tối nay, không chỉ có vở kịch ngớ ngẩn đó. Tối nay em còn có chuyện gì đó nữa. Tôi đã nhìn

thấy nét mặt em ở rạp hát. Và bây giờ em lại có cái vẻ mặt ấy ở đây. Nó là cái gì?"

"Gail, anh sẽ tha thứ cho tôi chứ?" cô nói khẽ.

Ông để cho một giây trôi qua; ông đã không chuẩn bị cho câu hỏi đó.

"Tôi phải tha thứ cho em vì cái gì?"

"Tất cả. Và cả buổi tối hôm nay."

"Đó là đặc quyền của em mà, là điều kiện để em kết hôn với tôi. Là bắt tôi phải trả giá cho tờ *Ngọn cờ*."

"Tôi không muốn buộc anh phải trả giá cho tờ *Ngọn cờ*."

"Tại sao em không muốn điều đó nữa?"

"Vì không thể trả nổi."

Trong không gian yên lặng, cô nghe thấy tiếng bước chân ông đi đi lại lại phía sau cô.

"Dominique, cái đó là cái gì?"

"Nỗi đau sẽ dừng lại ở một điểm nhất định nào đó ư? Không có gì cả. Có điều anh không có quyền nói ra điều đó. Những người có quyền nói ra điều đó - họ phải trả giá để có quyền đó - một cái giá anh không kham được. Nhưng bây giờ thì chuyện ấy chẳng có ý nghãi gì nữa cả. Anh cứ nói nếu anh muốn. Tôi cũng chẳng có quyền nói điều đó."

"Đó chưa phải là tất cả."

"Tôi nghĩ rằng anh và tôi có rất nhiều điểm tương đồng. Ở chỗ nào đó, chúng ta đã cùng mắc tội phản bội. Không, đó là một từ xấu... Mà không, tôi nghĩ từ đó rất chính xác. Đó là từ duy nhất diễn đạt được điều tôi nghĩ."

"Dominique, em không thể cảm thấy như vậy." Giọng của ông nghe rất lạ. Cô quay về phía ông.

"Tại sao?"

"Bởi vì đó là điều tôi cảm nhận thấy tối nay. Sự phản bội."

"Phản bội ai?"

"Tôi không biết. Nếu như tôi là người theo đạo, thì tôi có thể trả lời là 'Chúa trời'. Nhưng tôi lại không theo đạo."

"Đó chính là ý tôi, Gail."

"Tại sao em lại cảm thấy điều đó? Tờ *Ngọn cờ* không phải là con đẻ của em."

"Có những hình thức biểu hiện khác của cùng một tội lỗi."

Ông đi qua căn phòng dài, tiến về phía cô, ông ôm cô trong tay mình và nói:

"Em không biết được ý nghĩa của những từ ngữ em đã dùng. Chúng ta có rất nhiều điểm tương đồng, nhưng không phải là điểm đó. Tôi thà để em nhổ nước bọt vào mặt tôi còn hơn là để em cố gắng chia sẻ những tội lỗi của tôi."

Cô áp bàn tay mình dọc má ông, những đầu ngón tay cô chạm vào thái dương ông.

Ông hỏi:

"Bây giờ em sẽ nói cho tôi cái đó là cái gì được không?"

"Không có gì đâu. Tôi đã chất lên mình nhiều hơn những gì tôi có thể vác. Anh mệt rồi đấy, Gail. Anh lên gác ngủ đi. Cho tôi ở lại đây một chút. Tôi chỉ muốn nhìn thành phố. Một lúc nữa tôi sẽ lên và tôi sẽ ổn thôi."

IX.

Dominique đứng bên lan can chiếc du thuyền; bong tàu nóng ấm dưới đôi xăng-đan bệt của cô, ánh nắng phủ lên đôi chân trần, và gió thổi tung chiếc váy trắng mỏng của cô. Cô ngắm nhìn Wynand đang nằm dài trên chiếc ghế xếp phía trước.

Cô ngẫm nghĩ về sự thay đổi mà cô lại bắt gặp ở ông khi ở trên tàu. Cô đã quan sát ông trong suốt mấy tháng của chuyến du ngoạn hè này. Đã có lần cô nhìn thấy ông chạy xuống cầu thang dẫn xuống khoang dưới, và hình ảnh đấy vẫn còn nguyên trong tâm trí cô, một hình dáng cao trắng băng về phía trước với tốc độ và sự cả quyết; tay ông nắm chặt vào lan can cầu thang để đẩy người về phía trước, bất chấp một cách có ý thức cái nguy cơ lan can có thể đột nhiên bị gãy. Ông không phải là ông chủ báo đồi bại của một đế chế danh tiếng. Ông là một nhà quý tộc trên chiếc du thuyền. Cô nghĩ rằng trông ông giống như những gì người ta tưởng tượng về tầng lớp quý tộc khi người ta còn trẻ: một nhóm người hào nhoáng, luôn vui vẻ một cách vô tư lự.

Cô nhìn ông nằm dài trong cái ghế xếp trên boong tàu. Cô nghĩ rằng sự thư giãn trở nên hấp dẫn chỉ với những người mà với họ, thư giãn là một trạng thái bất thường, khi đó thì thậm chí cả sự rũ người ra cũng có ý nghĩa. Cô ngẫm nghĩ về ông; Gail Wynand, người vốn nổi tiếng về những khả năng phi thường. Tuy nhiên, cái này không chỉ là sức mạnh của một kẻ mạo hiểm đầy tham vọng, người đã tạo nên cả một dây chuyền các tờ báo. Cái này - cái mà cô nhìn thấy ở ông vào lúc này - cái đang nằm dài dưới ánh mặt trời như một câu trả lời bỏ ngỏ - cái này vĩ đại hơn nhiều; nó là động cơ đầu tiên của sức mạnh, một thứ năng lực nằm ngoài sự vận động của vũ trụ.

"Gail", cô chợt thốt lên không chủ ý.

Ông mở mắt nhìn cô.

"Ước gì tôi có thể ghi âm được tiếng gọi ấy", ông nói một cách trễ nải. "Em chắc cũng sẽ giật mình khi nghe tiếng gọi ấy đấy. Nhưng nghe ở đây thì hơi phí. Giá mà tôi có thể bật lại nó trong phòng ngủ."

"Tôi sẽ nhắc lại ở đó, nếu anh muốn."

"Cám ơn, em yêu quý. Và tôi hứa là sẽ không phóng đại hay võ đoán nhiều hơn. Em không yêu tôi. Em cũng chưa hề yêu bất kỳ ai cả."

"Tại sao anh nghĩ như thế?"

"Nếu em yêu một người đàn ông, thì sẽ không chỉ có một đám cưới trò hề và một tối xem kịch nực cười đâu. Em sẽ cho anh ta nếm mùi địa ngục."

"Làm sao anh biết như vậy hả Gail?"

"Tại sao em luôn nhìn chằm chằm vào tôi kể từ khi chúng ta gặp nhau? Bởi vì tôi không phải là Gail Wynand mà em đã được nghe. Em thấy đấy, tôi yêu em. Và yêu tức là tạo ngoại lệ. Nếu em đang yêu, em sẽ muốn bị bẻ gãy, bị dày xéo, bị ra lệnh, bị thống trị, bởi vì những điều đó là bất khả, là không thể tưởng tượng nổi trong các mối quan hệ của em với những người khác. Đó sẽ là một món quà, một ngoại lệ lớn mà em sẽ muốn tặng người đàn ông em yêu. Nhưng việc ấy sẽ chẳng dễ dàng với em."

"Nếu những điều anh nói là đúng, thì anh..."

"Thì tôi phải trở nên hiền lành và nhún nhường - trước sự kinh ngạc của em - bởi vì tôi là kẻ vô lại nhất trên đời này."

"Tôi không tin điều đó, Gail."

"Không à? Tôi không còn là kẻ vô lại thứ hai trên đời nữa à?"

"Không, không còn nữa."

"Ôi, em yêu quý, thực ra thì tôi vẫn thế."

"Tại sao anh lại muốn nghĩ như vậy?"

"Tôi không muốn nghĩ như vậy. Nhưng tôi muốn thành thật. Đó luôn là sự xa xỉ cá nhân duy nhất của tôi. Đừng thay đổi suy nghĩ của em về tôi. Hãy cứ nhìn tôi như em đã nhìn tôi trước khi chúng ta gặp nhau."

"Gail, đó không phải là điều anh muốn."

"Việc tôi muốn gì đâu có quan trọng. Tôi chẳng muốn gì hết ngoài việc sở hữu em. Mà chẳng cần em đáp lại. Mọi việc phải là như thế - phải không có sự đáp lại. Nếu em bắt đầu quan sát tôi quá gần, em sẽ thấy những điều mà em không thích một chút nào."

"Những điều gì?"

"Em thật đẹp, Dominique. Chúa đã có một sự vô ý tuyệt vời khi tạo ra một người hoàn hảo cả trong lẫn ngoài như thế này."

"Những điều gì, Gail?"

"Em có biết thực ra em yêu cái gì không? Sự chính trực. Cái không thể. Cái trong sạch, trước sau như một, hợp lý, chung thủy với chính bản thân mình, cái nhất-thể-về-phong-cách, như một tác phẩm nghệ thuật vậy. Đấy là lĩnh vực duy nhất mà sự hoàn hảo có thể được tìm thấy - nghệ thuật. Nhưng em lại muốn nó hiện bằng da bằng thịt. Em yêu điều đó. Em thấy đây, tôi thì chẳng bao giờ có sự chính trực cả."

"Anh chắc chắn về điều đó đến mức nào, Gail?"

"Em đã quên tờ *Ngọn cờ* rồi à?"

"Quỷ tha ma bắt tờ *Ngọn cờ* đi."

"Được rồi, thì quỷ tha ma bắt tờ *Ngọn cờ*. Thật hay khi nghe em nói thế. Nhưng tờ *Ngọn cờ* không phải là biểu hiện chính. Việc tôi chưa bao giờ có bất cứ biểu hiện nào của lòng chính trực không phải là điều quan trọng. Điều quan trọng là tôi chưa từng cảm thấy cần phải làm như thế. Tôi ghét cái quan niệm về sự chính trực ấy. Tôi ghét sự tự phụ quá đáng mà cái ý tưởng đó bao hàm."

"Dwight Carson..." cô nói. Ông nhận thấy sự ghê tởm trong giọng nói của cô.

Ông cười to. "Đúng thế, Dwight Carson. Cái anh chàng mà tôi đã mua. Một người theo chủ nghĩa cá nhân giờ trở thành kẻ tôn thờ đám đông, và đồng thời trở thành kẻ nát rượu. Chính tôi đã làm điều đó. Nó còn bỉ ổi hơn cả *Ngọn cờ*, phải không? Em không thích bị nhắc nhớ ra điều này à?"

"Không."

"Nhưng chắc chắn là em đã nghe đủ những lời than khóc về nó. Tất cả những người khổng lồ về tinh thần mà tôi đã đốn ngã. Tôi nghĩ là chưa có ai nhận ra tôi thích thú làm những việc này đến thế nào. Nó là một thứ dục vọng. Tôi hoàn toàn thờ ơ với những con ốc sên như Ellsworth Toohey hay anh bạn Alvah của chúng ta. Tôi rất sẵn lòng để cho họ được yên ổn. Nhưng cứ để cho tôi thấy một kẻ nào đó có tầm vóc lớn hơn một chút thôi - tôi sẽ buộc phải biến hắn thành một dạng Toohey. Tôi phải làm thế. Nó như một ham muốn tình dục."

"Tại sao?"

"Tôi không biết."

"Tiện thể, anh hiểu sai về Ellsworth Toohey rồi."

"Cũng có thể. Em không mong tôi lãng phí đầu óc của mình để tìm hiểu cái con sên đấy chứ?"

"Anh cũng mâu thuẫn với chính bản thân anh nữa."

"Ở chỗ nào?"

"Tại sao anh đã không hủy diệt tôi?"

"Thì tạo ngoại lệ mà, Dominique. Tôi yêu em. Tôi buộc phải yêu em. Nếu em là một người đàn ông thì... cầu Chúa phù hộ cho em..."

"Gail - tại sao?"

"Tại sao tôi đã làm tất cả những điều đó à?"

"Đúng."

"Quyền lực, Dominique ạ. Đó là điều duy nhất mà tôi ham muốn. Để thấy rằng không có bất kỳ một sinh vật sống nào mà tôi không thể bắt làm bất kỳ điều gì. Bất cứ điều gì tôi chọn. Người mà tôi không thể bẻ gãy sẽ là người hủy diệt tôi. Nhưng tôi đã mất nhiều năm trời để hiểu rõ mình an toàn đến mức nào. Người ta nói rằng tôi chẳng có một chút lòng tự trọng nào, rằng tôi đã thiếu một thứ trong cuộc sống. Chà, tôi không thiếu nhiều lắm, đúng không? Cái mà tôi thiếu - nó không hề tồn tại."

Ông nói bằng một âm điệu bình thường, nhưng ông chợt nhận ra rằng cô đang lắng nghe với sự tập trung chăm chú mà người ta thường có khi muốn nghe một lời nói thầm quan trọng đến mức người ta không thể bỏ qua bất cứ âm tiết nào.

"Có chuyện gì vậy, Dominique? Em đang nghĩ về cái gì vậy?"

"Tôi đang nghe anh, Gail."

Cô không nói rằng cô đang nghe những lời của ông và những lý do đằng sau nó. Bỗng nhiên, cô thấy rõ là cô đang lắng nghe những lý do đó như những mệnh đề bổ sung vào mỗi câu ông nói, mặc dù ông không hề biết ông đang để lộ điều gì.

"Thứ tồi tệ nhất về những kẻ không trung thực là quan niệm của họ về sự trung thực." ông nói. "Tôi biết một người phụ nữ chưa bao giờ tin được điều gì lâu quá ba ngày, nhưng khi tôi nói với bà ta rằng bà ta chẳng hề có sự chính trực, bà ta mím chặt môi và nói rằng quan niệm về sự chính trực của bà ta khác với của tôi; có vẻ như bà ta chưa bao giờ lấy trộm tiền. Chà, người như bà ta không bao giờ gặp nguy hiểm với tôi. Tôi không căm ghét bà ta. Tôi căm ghét cái khái niệm không hề tồn tại mà bà ta say mê một cách cuồng nhiệt, Dominique ạ."

"Anh căm ghét điều đó thật ư?"

"Tôi đã rất thích thú khi chứng minh điều đó."

Cô đi lại phía ông và ngồi xuống sàn tàu cạnh ghế ông, những tấm ván tàu nhẵn nhụi và nóng dưới đôi chân trần của cô. Ông tự hỏi tại sao cô nhìn ông thật dịu dàng như vậy. Ông cau mày. Cô biết rằng trong mắt cô vẫn còn đọng lại những điều mà cô vừa nhận ra - và cô nhìn ra phía khác, tránh ánh mắt của ông.

"Gail, tại sao anh lại nói với em tất cả những điều đó? Đó không phải là những gì anh muốn em nghĩ về anh."

"Không. Không phải. Tại sao tôi lại nói với em bây giờ à? Em muốn biết sự thật à? Bởi vì tôi cần phải nói những điều đó. Bởi vì tôi muốn trung thực

với em. Chỉ với em và với chính tôi. Nhưng tôi sẽ không đủ can đảm để nói với em ở bất cứ nơi nào khác. Không phải ở nhà. Không phải ở trong đất liền. Chỉ có ở đây - bởi vì ở đây, mọi thứ dường như không có thực. Có phải không em?"

"Đúng thế."

"Tôi đã hy vọng rằng em sẽ chấp nhận điều đó - và vẫn nghĩ về tôi như em đã nghĩ và em gọi tên tôi theo cái cách mà tôi muốn ghi âm lại."

Cô tựa đầu vào ghế của ông, áp mặt vào đầu gối ông, bàn tay cô buông thõng, nhưng ngón tay hơi khép lại trên những tấm ván sàn lấp lánh. Cô không muốn để lộ cái mà cô đã thực sự nghe thấy ông bộc lộ về bản thân ngày hôm nay.

*

* *

Vào một buổi cuối mùa thu, họ cùng nhau đứng bên lan can khu vườn treo trên sân thượng và ngắm nhìn thành phố. Những khung nhà cao làm cho những cửa sổ sáng đèn trông như những dòng suối ánh sáng, nứt ra từ bầu trời đen và nhỏ từng giọt xuống biển lửa khổng lồ ở bên dưới.

"Chúng kia rồi, Dominique - những tòa nhà vĩ đại. Những tòa nhà chọc trời. Em có nhớ không? Chúng là mối liên kết đầu tiên giữa chúng ta. Cả em và tôi đều say mê những tòa nhà này."

Cô nghĩ rằng đáng ra cô nên khó chịu khi ông tự cho mình cái quyền nói ra những điều này. Nhưng cô chẳng cảm thấy sự bực bội trong lòng.

"Đúng thế, Gail. Em yêu chúng."

Cô ngắm nhìn những cột ánh sáng thẳng đứng của tòa nhà Cord; cô nhấc những ngón tay lên khỏi lan can, vừa đủ để chạm vào chỗ mà hình dáng của tòa nhà nhập vào nền trời phía xa. Cô cảm thấy tòa nhà ấy không trách cứ cô.

"Anh muốn nhìn thấy một người đứng ở dưới chân của một tòa nhà chọc trời," ông nói. "Nó làm anh ta nhỏ như con kiến - câu ví von sáo rỗng này thật hợp với trường hợp này đúng không? Những kẻ ngu ngốc đáng nguyền rủa! Chính con người đã tạo nên nó - cả cái khối sắt thép khổng lồ đến mức không thể tin nổi ấy. Cái tòa nhà không hề nuốt chửng anh ta, nó làm cho anh ta vĩ đại hơn cả công trình kiến trúc ấy. Nó làm lộ rõ tầm vóc thực sự của anh ta trong thế giới này. Dominique, điều làm chúng ta say mê những tòa nhà này là khả năng sáng tạo, là bản chất anh hùng của con người."

"Anh có thích tính anh hùng trong con người không, Gail?"

"Anh thích nghĩ về điều đó, nhưng anh không tin nó."

Cô tựa vào lan can, ngắm nhìn những vệt sáng xanh lá cây trải thành một vệt dài ở phía xa xa. Cô nói:

"Ước gì em có thể hiểu được anh."

"Anh tưởng là anh phải rõ ràng với em lắm rồi chứ. Anh không bao giờ giấu em điều gì."

Ông nhìn những ngọn đèn điện nhấp nháy một cách quy củ trên dòng sông đen ngòm. Rồi ông chỉ một cột ánh sáng mờ mờ màu xanh da trời ở phía nam.

"Đó là tòa nhà *Ngọn cờ*. Em thấy không, đằng kia - cái cột sáng màu xanh da trời ấy. Anh đã làm rất nhiều việc, nhưng anh vẫn chưa làm một việc - việc quan trọng nhất. Vẫn chưa có một tòa nhà Wynand ở New York. Một ngày nào đó anh sẽ xây dựng trụ sở mới cho tờ *Ngọn cờ*. Đó sẽ là một công trình vĩ đại nhất thành phố và nó sẽ mang tên anh. Anh đã khởi đầu từ một đống rác tồi tàn và tờ báo có tên là *Thời báo*. Anh chỉ là một kẻ chạy việc vặt cho những kẻ bẩn thỉu. Nhưng lúc đó anh đã nghĩ đến một ngày, khi tòa nhà Wynand mọc lên. Và anh vẫn luôn nghĩ về nó trong suốt những năm qua."

"Thế tại sao anh vẫn chưa xây nó?"

"Anh đã không sẵn sàng cho việc này."

"Tại sao?"

"Bây giờ anh cũng vẫn chưa sẵn sàng làm việc này. Anh không biết tại sao. Anh chỉ biết rằng nó rất quan trọng đối với . Nó sẽ là một biểu tượng cuối cùng. Anh sẽ biết khi nào là thời điểm thích hợp."

Ông xoay người nhìn về hướng tây, về phía chỉ có những ánh sáng ảm đạm, nằm rải rác. Ông chỉ tay về phía đó:

"Kia là nơi anh sinh ra. Hell's Kitchen." Cô chăm chú lắng nghe; rất hiếm khi ông nói về xuất thân của mình. "Khi mười sáu tuổi, anh đã đứng trên một mái nhà và ngắm nhìn thành phố, giống như tối hôm nay. Và anh đã quyết định mình sẽ trở thành người thế nào."

Giọng điệu của ông như một dấu gạch chân ở dưới khoảnh khắc này; nó như nói với cô: hãy lắng nghe, *điều này* quan trọng đấy. Không nhìn ông, cô thầm nghĩ rằng đây là những gì cô đã chờ đợi, nó sẽ cho cô lời giải đáp, chìa khóa để mở tâm hồn ông. Những năm về trước, khi nghĩ về Gail Wynand, cô đã băn khoăn rằng không biết một người đàn ông như vậy sẽ đối mặt với cuộc sống và công việc của chính mình như thế nào. Cô đã mong đợi sự khoe khoang và một cảm giác nhục nhã thầm kín, hoặc một sự tự phụ lấn lướt cả cảm giác tội lỗi. Cô nhìn ông. Đầu ông ngẩng cao, ánh mắt nhìn

ngang với bầu trời trước mặt; trông ông không hề có bóng dáng bất cứ cảm giác nào mà cô đã mong đợi. Ông toát ra một phẩm chất mà người ta không thể tin là hiện hữu trong bối cảnh này: sự can đảm.

Cô biết đó chính là một cái chìa khóa, nhưng nó làm cho những thắc mắc trong cô càng lớn hơn. Tuy thế, một cái gì đó trong cô vẫn nhận biết nó, vẫn biết công dụng của chiếc chìa khóa đó và nó làm cô cất tiếng:

"Gail, hãy đuổi việc Ellsworth Toohey đi."

Ông quay về phía cô, ngạc nhiên:

"Tại sao?"

"Gail, hãy nghe em nói," Giọng nói của cô chứa đựng sự giục giã chưa bao giờ có khi cô nói chuyện với ông. "Em chưa bao giờ muốn ngăn cản Toohey. Thậm chí em từng giúp đỡ ông ta. Em đã nghĩ rằng cái thế giới này xứng đáng với hạng người như thế. Em chưa bao giờ cố gắng cứu lấy bất kỳ cái gì... hoặc bất kỳ ai... khỏi ông ta. Em chưa bao giờ từng nghĩ rằng thứ mà em muốn cứu thoát khỏi Toohey lại chính là tờ *Ngọn cờ* - cái tờ báo tương xứng nhất của ông ta."

"Em đang nói về chuyện gì thế?"

"Gail, khi cưới anh, em không biết rằng sẽ có lúc em trở nên trung thành với anh như thế này. Nó mâu thuẫn với tất cả những điều em đã từng làm, mâu thuẫn nhiều hơn những gì em có thể nói với anh - nó là một thảm họa với em, một bước ngoặt - đừng hỏi em tại sao - em sẽ mất nhiều năm để hiểu được điều đó - em chỉ biết rằng đây là cái em nợ anh. Đuổi cổ Ellsworth Toohey đi. Hãy tống cổ ông ta đi trước khi quá muộn. Anh đã phá hoại những người ít xấu xa, ít nguy hiểm hơn nhiều so với ông ta. Tống cổ Toohey đi, truy sát ông ta và đừng dừgn lại cho đến khi anh tiêu diệt được ông ta hoàn toàn."

"Tại sao? Tại sao tự nhiên em lại nghĩ đến ông ta?"

"Bởi vì em biết ông ta đang nhắm tới cái gì?"

"Cái gì vậy?"

"Quyền kiểm soát những tờ báo Wynand."

Ông cười lớn đó không phải là tiếng cười chế nhạo hay phẫn nộ, mà là một tiếng cười hoàn toàn vô tư trước một câu đùa ngớ ngẩn.

"Gail..." cô khẩn khoản.

"Ôi, vì Chúa, Dominique! Thế mà lúc nào anh cũng tôn trọng khả năng đánh giá của em đấy."

"Anh chưa bao giờ hiểu được con người Toohey."

"Và anh không thèm quan tâm tìm hiểu. Em có thể tưởng tượng được việc anh đi theo gót Ellsworth Toohey không? Một cái xe tăng đi đè một con gián? Tại sao anh lại cần phải tống cổ Ellsworth? Ông ta là dạng người kiếm được tiền cho anh. Công chúng thích đọc những câu chuyện nhăng nhít của ông ta. Anh không sa thải những cái bẫy treo tốt như thế. Với anh, ông ta cũng đáng giá như một hũ mật bẫy ruồi."

"Đấy chính là sự nguy hiểm. Một phần của nó."

"Đám tín đồ trung thành của ông ta ấy à? Anh từng có hàng tá những kẻ bồi bút lớn hơn và khá hơn thế đang ăn lương. Khi một vài người trong số họ bị tống cổ ra đường, thì số phận họ thế là hết. Danh tiếng của họ chấm hết ở ngưỡng cửa tờ *Ngọn cờ*. Nhưng tờ *Ngọn cờ* thì vẫn tiếp tục tồn tại."

"Đây không phải là chuyện danh tiếng của ông ta. Đây là chuyện bản chất đặc biệt của việc ông ta nổi tiếng. Anh không thể chiến đấu với ông ta theo những luật lệ của ông ta. Anh là một cái xe tăng - đấy là một thứ vũ khí trong sạch và ngây thơ. Một thứ vũ khí hồn nhiên đi tiên phong, một thứ ở ngay tuyến đầu và đè bẹp mọi thứ hoặc là sẽ phải hứng tất cả sự phản công. Còn ông ta là một loại khí ăn mòn. Cái loại ăn dần những lá phổi. Em nghĩ rằng có một bí mật dẫn tới cốt lõi của cái xấu và ông ta nắm được cái bí mật ấy. Em không biết nó là cái gì. Nhưng em biết ông ta dùng nó thế nào và ông ta theo đuổi cái gì."

"Kiểm soát những tờ báo của Wynand ư?"

"Kiểm soát những tờ báo của Wynand - như một phương tiện để đi đến một cái đích."

"Đích nào?"

"Kiểm soát cả thế giới này."

Ông nói với một vẻ phẫn nộ kiềm chế:

"Cái gì thế hả Dominique? Em đùa kiểu gì thế và để làm gì?"

"Em đang rất nghiêm túc, Gail. Em thực sự nghiêm túc."

"Kiểm soát thế giới, em yêu quý, là công việc của những con người như anh. Những kẻ như Toohey trên trái đất này thậm chí còn không biết cách mơ về điều đó."

"Em sẽ cố gắng để giải thích. Nó rất khó. Điều khó giải thích nhất chính là những thứ hiển nhiên đập vào mắt khiến người ta không thể nào nhận ra được nữa. Nhưng nếu mà anh chịu khó lắng nghe..."

"Anh sẽ không nghe gì cả. Thứ lỗi cho anh, nhưng bàn luận về việc Ellsworth Toohey là mối hiểm họa với anh là một điều lố bịch. Bình luận về nó một cách nghiêm túc là một sự lăng mạ."

"Gail, em..."

"Không, em yêu quý. Anh không nghĩ rằng em thực sự hiểu rõ tờ Ngọn cờ. Và anh cũng không muốn em hiểu. Anh không muốn em có một chút liên quan nào đến nó. Quên nó đi. Để nó đấy cho anh."

"Đây là mệnh lệnh hả Gail?"

"Đây là tối hậu thư."

"Được thôi."

"Quên nó đi. Đừng tự chuốc lấy những chứng hoang tưởng sợ hãi về những kẻ vĩ đại như Ellsworth Toohey. Như thế chẳng giống em chút nào cả."

"Được thôi, Gail. Chúng ta đi vào trong thôi. Ở đây lạnh quá mà anh thì không mang áo khoác."

Ông tặc lưỡi nhè nhẹ. Từ trước đến giờ, cô chưa từng thể hiện sự quan tâm với ông như thế này. Ông cầm lấy tay cô và hôn vào lòng bàn tay, rồi áp chặt nó vào má mình.

*

* *

Trong nhiều tuần sau đó, khi chỉ có hai người, họ nói rất ít và không bao giờ nói về nhau. Nhưng đó không phải là sự im lặng bực bội, mà là sự im lặng của một mối đồng cảm quá tinh tế, đến mức vượt quá giới hạn của ngôn từ. Buổi tối, họ sẽ ở trong phòng cùng nhau, không chuyện trò, bằng lòng với cảm giác sự hiện diện của người kia. Họ có thể đột nhiên nhìn nhau và cùng mỉm cười, nụ cười quấn quýt như những cái nắm tay.

Thế rồi, một buổi tối, cô biết rằng ông sẽ lên tiếng. Cô ngồi bên bàn trang điểm. Ông đi tới, đứng tựa lưng vào bức tường cạnh cô. Ông ngắm nhìn bàn tay cô, rồi đến đôi vai trần của cô nhưng cô cảm thấy ông dường như không phải ngắm nhìn cô; ông đang ngắm nhìn cái gì đó lớn hơn cả vẻ đẹp của thân thể cô, lớn hơn cả tình yêu mà ông dành cho cô. Ông đang nhìn chính bản thân ông - và điều này, cô biết, là một quà tặng có một không hai.

"Anh hít thở khí trời vì nhu cầu của chính anh, để cung cấp năng lượng cho cơ thể anh, cho sự sống của anh. Anh đã dâng cho em, không phải sự hy sinh hay lòng thương hại của anh, mà là cái tôi của anh và cái nhu cầu trần trụi của anh..." Cô nghe thấy những lời nói của Roark; Roark đang nói thay

cho Gail Wynand - và cô không hề cảm thấy sự phản bội với Roark khi để một người đàn ông khác bộc lộ tình yêu với cô bằng những lời nói bộc lộ tình yêu của anh.

"Gail," cô dịu dàng nói, "một ngày nào đó em sẽ phải xin anh tha thứ vì đã lấy anh."

Ông lắc đầu nhè nhẹ và mỉm cười. Cô nói:

"Em đã muốn anh trở thành người xích em vào thế giới này. Nhưng thay vào đó, anh lại trở thành hàng rào bảo vệ em khỏi nó. Điều đó làm cho cuộc hôn nhân của em trở nên không thành thật."

"Không. Anh đã nói với em là anh chấp nhận bất cứ lý do nào em chọn."

"Nhưng anh đã thay đổi tất cả mọi thứ của em. Hay chính là em đã thay đổi chúng? Em không biết. Chúng ta đã làm một điều kỳ lạ với nhau. Em đã cho anh những gì em muốn từ bỏ. Cái ý nghĩ đặc biệt về sự tồn tại - em đã nghĩ cuộc hôn nhân này sẽ giúp em hủy hoại nó. Cái cảm giác về cuộc sống như một sự thăng hoa. Còn anh - anh đã làm tất cả những việc mà đáng ra em đã phải làm. Anh có biết rằng chúng ta giống nhau đến thế nào không?"

"Anh đã biết điều đó ngay từ đầu."

"Điều này đáng ra không thể xảy ra. Gail, bây giờ thì em lại muốn ở lại với anh, vì một lý do khác. Để chờ một câu trả lời. Em nghĩ rằng khi em hiểu được con người anh, em cũng sẽ hiểu được bản thân mình. Phải có câu trả lời ở đâu đó. Phải có một tên gọi cho những điều giống nhau của anh và em. Em không biết nó là gì, em chỉ biết rằng điều đó rất quan trọng."

"Có lẽ thế. Anh đoán là anh cũng nên mong muốn hiểu được nó. Nhưng anh không. Anh không có khả năng quan tâm đến bất cứ cái gì bây giờ. Anh thậm chí không cả có khả năng sợ hãi."

Cô ngước mắt nhìn ông và bình thản nói:

"Em thì sợ, Gail ạ."

"Em yêu quý, em sợ cái gì chứ?"

"Những điều mà em đang làm với anh."

"Tại sao?"

"Em không yêu anh, Gail."

"Anh thậm chí không thể quan tâm cả đến điều đó."

Cô gục đầu xuống. Ông nhìn xuống mái tóc của cô, nó tựa như một cái mũ bảo hiểm kim loại được đánh bóng.

"Dominique."

Cô ngoan ngoãn ngẩng mặt lên nhìn ông.

"Anh yêu em, Dominique. Anh yêu em nhiều đến mức chẳng cái gì còn quan trọng với anh nữa - ngay cả chính em. Em có hiểu được điều đó không? Chỉ có tình yêu của anh - chứ không phải câu trả lời của em. Thậm chí sự thờ ơ của em cũng không. Anh chưa bao giờ tước đoạt cái gì quá lớn từ thế giới này. Anh cũng chẳng ham muốn gì nhiều. Anh chưa bao giờ thực sự mong muốn bất cứ cái gì. Không phải theo kiểu mong muốn tột cùng, mong muốn trọn vẹn; không phải theo kiểu một mong muốn có ý nghĩa như một tối hậu thư, hoặc có hoặc không, và người ta không thể chấp nhận câu trả lời 'không' mà lại vẫn có thể sống tiếp được. Em là tất cả những điều đó với anh. Nhưng khi một người đã đạt đến giai đoạn đó, thì cái đối tượng của ham muốn cũng chẳng quan trọng nữa, chỉ có bản thân cái ham muốn là quan trọng. Không phải em, mà là anh. Là cái khả năng ham muốn như thế. Bất cứ cái gì không được như thế đều không đáng cảm nhận hay tôn vinh. Và trước đây anh cũng chưa từng cảm nhận thấy điều này. Dominique, anh chưa bao giờ biết gọi cái gì là 'của anh'. Không phải theo cách mà anh gọi em là của anh. Của anh. Có phải em đã gọi nó là cảm giác cuộc sống như một sự thăng hoa? Em đã nói thế. Em có hiểu. Anh không thể sợ hãi. Anh yêu em, Dominique, anh yêu em. Em đang để cho anh nói điều đó vào lúc này, anh yêu anh."

Cô với tay gỡ bức điện tín khỏi cái gương. Cô vò nát nó, những ngón tay chậm rãi vò nát mẩu giấy trong lòng bàn tay. Ông đứng yên, lắng nghe tiếng giấy lạo xạo. Cô cúi người về phía trước, mở bàn tay thả cho mẩu giấy rơi xuống thùng rác. Bàn tay cô giữ nguyên trong giây lát, những ngón tay mở ra, rủ xuống phía dưới, như lúc nó mở ra.

PHẦN BỐN - HOWARD ROARK

I.

Những chiếc lá đua nhau rụng xuống, run rẩy trong ánh mặt trời. Chỉ có một vài chiếc xanh lẫn trong cả dòng lá rơi, một màu xanh tươi thuần khiết nổi bật lên và làm chói mắt bất cứ ai nhìn vào; đám lá còn lại chẳng có màu gì rõ ràng, chỉ như một luồng sáng, giống như ngọn lửa trên kim loại – một thứ vật chất phát sáng không có góc cạnh. Cả khu rừng tựa như một thảm ánh sáng cháy âm ỉ để luyện thành cái màu sắc ấy, với những bong bóng nhỏ màu xanh lá cây bay lơ lửng – chúng là tinh chất của mùa xuân. Những tán cây lồng vào nhau, nghiêng xuống phủ rợp cả con đường. Những tia nắng lọt qua kẽ lá tạo thành những chấm sáng nhảy múa trên mặt đất, giống như một sự vuốt ve, mơn trớn có chủ ý. Người thanh niên hy vọng rằng anh sẽ không phải chết.

Anh nghĩ, mình sẽ không chết nếu như trái đất này có thể trông như nó đang hiện hữu trước mắt mình. Mình sẽ chẳng chết nếu mình có thể nghe thấy những lời giao ước qua những âm thanh của lá, của thân cây, của những tảng đá, thay vì ngôn từ thông thường. Nhưng anh biết rằng mặt đất trông như thế này bởi vì anh không thấy bóng dáng của con người suốt mấy giờ qua. Chỉ có một mình anh đạp xe dọc con đường mòn bị bỏ hoang đi xuyên qua những ngọn đồi của vùng Pennsylvania, nơi mà anh chưa từng đặt chân tới, nơi mà anh có thể cảm nhận sự kỳ diệu mơn mởn của một thế giới nguyên sơ.

Anh còn rất trẻ. Anh chỉ vừa mới tốt nghiệp đại học – vào chính mùa xuân năm 1935 này – và anh muốn biết liệu cuộc đời này có đáng sống hay không. Anh không hề biết đây là câu hỏi trong tâm trí anh. Anh không hề nghĩ đến cái chết. Anh chỉ nghĩ rằng anh mong ước tìm thấy niềm vui, lý do và ý nghĩa của cuộc sống, và rằng anh chưa từng nhận được điều đó ở bất cứ đâu.

Anh đã không thích những gì mà người ta dạy anh ở trường. Anh đã được dạy nhiều thứ về trách nhiệm xã hội, về một cuộc sống cống hiến và hy sinh bản thân. Mọi người đều nói rằng những điều đó thật đẹp và thôi thúc. Chỉ có mình anh chẳng cảm thấy bị thôi thúc. Anh chẳng cảm thấy bất cứ điều gì.

Anh không thể gọi tên chính xác điều mà anh mong chờ trong cuộc sống. Anh cảm thấy nó hiện hữu ở đây, trong sự hiu quạnh hoang dã này. Nhưng anh không nhìn thiên nhiên với niềm thích thú của một con vật tìm ra một nơi cư trú thích hợp lâu dài cho mình. Anh đối diện với thiên nhiên, với niềm hoan hỉ của một con người khỏe mạnh, tìm thấy nơi đây một sự thách thức,

những công cụ, phương tiện và vật chất. Và anh cảm thấy tức giận với việc anh chỉ tìm thấy sự thăng hoa ở nơi hoang dã này, và việc anh sẽ lại đánh mất cái cảm giác hy vọng tuyệt vời này khi quay trở lại với con người và công việc. Anh nghĩ điều này là không đúng, rằng những công trình của loài người phải là một bước cao hơn, phải là sự cải thiện thiên nhiên chứ không phải là làm giảm giá trị của thiên nhiên. Anh không muốn coi thường con người, anh muốn yêu thương và kính trọng họ. Nhưng anh thấy sợ hãi khi nghĩ đến hình bóng đầu tiên của nhà cửa, bể bơi, áp phích quảng cáo phim ảnh mà anh sẽ phải đối mặt suốt dọc đường đi.

Anh đã luôn muốn sáng tác nhạc; ngoài nhạc ra, anh không biết dùng cái gì để mô tả cái mà anh đang tìm kiếm trong cuộc sống. Anh tự nhủ, nếu mình muốn biết cái đó là cái gì, hãy nghe chương đầu tiên trong bản *Côngxectô số một* của Tchaikovsky hay phần cuối trong *Bản giao hưởng số hai* của Rachmaninoff. Con người đã không tìm được từ ngữ để diễn tả những điều mình tìm kiếm, cũng không biết mình phải làm gì, phải suy nghĩ như thế nào về nó, nhưng họ đã tìm thấy âm nhạc. Hãy cho tôi nhìn thấy điều đó qua một hành động cụ thể của con người trên trái đất này. Hãy cho tôi nhìn thấy điều đó trở thành hiện thực. Hãy để tôi nhận được câu trả lời cho cái giao ước trong thứ âm nhạc đó. Không phải là đầy tớ hay ông chủ, không phải những thánh đường hay những vật cúng tế mà là cái tận cùng, cái hoàn thiện, cái được thanh tẩy mọi nỗi đau. Đừng giúp đỡ hay phục vụ tôi, mà hãy để tôi tận mắt nhìn thấy điều đó một lần bởi vì tôi cần đến nó. Những người anh em, đừng cố gắng làm tôi hạnh phúc, mà hãy chỉ cho tôi hạnh phúc của anh – hãy cho thấy hạnh phúc đó là có thật – hãy cho tôi thấy thành quả của anh – và điều đó sẽ mang lại cho tôi sức mạnh để tìm kiếm hạnh phúc cho mình.

Anh nhìn thấy một khoảng trống màu xanh da trời ở cuối con đường, trên một đỉnh đồi. Một màu xanh tuyệt đẹp và tinh khiết, giống như một tấm phim bằng nước mỏng căng ra trên cái khung được tạo bởi các cành cây xanh. Anh nghĩ, sẽ rất buồn cười nếu ta đi đến đó và chẳng thấy gì hết ngoài màu xanh da trời ấy, không có gì hết ngoài bầu trời ở phía trước, ở phía trên và cả ở dưới chân. Anh nhắm mắt lại và đi tiếp, để lửng cái khả năng mà anh vừa nghĩ ra trong chốc lát, tự thưởng cho mình một giấc mơ, một niềm tin nhỏ nhoi rằng anh sẽ đi tới đỉnh đồi đó, mở mắt ra và nhìn thấy một màu xanh rực rỡ của bầu trời phía dưới.

Bàn chân chạm xuống đất, phá vỡ chuyển động của anh; anh dừng xe và mở mắt. Anh sững người.

Trong một thung lũng trải rộng phía xa dưới chân anh, dưới những tia nắng của buổi bình minh, anh nhìn thấy một thị trấn. Nhưng đó không phải

là thị trấn. Những thị trấn nhìn không giống như vậy. Anh phải để lửng cái điều phỏng đoán ấy thêm một lúc nữa, không phải để tìm kiếm câu hỏi và sự giải đáp, mà chỉ để ngắm nhìn.

Trên các rìa đá của quả đồi trước mặt mọc lên những ngôi nhà, nối đuôi nhau xuống tận chân đồi. Anh nhận thấy rằng người ta đã không chạm đến những rìa đá, không có công trình nhân tạo nào làm thay đổi vẻ đẹp hoang sơ bất quy tắc của những bậc đá thoải. Một thứ quyền lực siêu nhiên nào đó đã rất biết cách xây dựng những ngôi nhà trên những rìa đá, làm cho chúng trở nên một phần không thể thiếu được, một phần tất yếu phải có ở nơi đây. Không một ai có thể tưởng tượng được những ngọn đồi này vẫn có thể đẹp mà thiếu đi những căn nhà ấy; cứ như rằng hàng thế kỷ nay, với hàng chuỗi các hoạt động địa chất với sự đấu tranh của các sức mạnh vô hình để hình thành nên những rìa đá này, tất cả đã chờ đợi một hình hài cuối cùng, tất cả chỉ là con đường để đi đến đích. Và cái đích đó là những khu nhà này, đó là một phần của những ngọn đồi, được tạo hình bởi những ngọn đồi, nhưng lại mang ý nghĩa cho chúng và vì thế, kiểm soát chúng.

Những ngôi nhà làm bằng đá thô – giống như một thứ đá nhô ra từ sườn đồi xanh thẫm – cùng với những tấm kính khổng lồ, như thể mời gọi ánh sáng mặt trời hội tụ nơi đây để hoàn thiện cho cả công trình. Ánh sáng mặt trời trở thành một phần của những ngôi nhà. Có rất nhiều ngôi nhà, nhỏ bé và kết nối với nhau, chẳng có cái nào giống cái nào. Chúng trông giống như các biến thể của cùng một chủ đề, giống như một bản nhạc giao hưởng được chơi trong một sự tưởng tượng bất tận, và người ta vẫn còn nghe tiếng cười vang của cái sức mạnh đã tạo nên những căn nhà này, dường như sức mạnh ấy vẫn đang cuồn cuộn chảy tràn, không có gì ngăn cản được. Cái sức mạnh ấy tự thách thức mình được sử dụng nữa, vì nó vẫn chưa đạt đến đích cuối cùng của nó.

Anh nghĩ tới âm nhạc, tới sự hứa hẹn mà âm nhạc đã khơi gợi trong anh, tới cái mong muốn được thấy nó trở thành hiện thực. Nó ở ngay đấy – trước mắt anh, anh không nhìn thấy nó – anh nghe thấy trong những hợp âm – anh nghĩ rằng có một thứ ngôn ngữ chung cho tư duy, thị giác và thính giác – phải chăng đó là toán học? – hay quy tắc của suy luận? – âm nhạc là toán học – và kiến trúc là âm nhạc trong những phiến đá. Anh không biết rằng mình đang hoa mắt, bởi cái hiện hữu bên dưới kia không thể có thực.

Anh nhìn thấy cây cối, những bãi cỏ, những đường đi dạo uốn lượn trên các sườn đồi, những bậc thang ăn vào trong đá; anh nhìn thấy những đài phun nước, bể bơi, sân quần vợt, nhưng không có dấu hiệu nào của sự sống. Không có người sống ở chỗ này.

Điều đó không làm anh bị bất ngờ, dù anh đã bị bất ngờ bởi cảnh tượng

nơi đây. Theo một cách nào đó, điều này dường như hợp lý, bởi những ngôi nhà này không phải là một phần của cái thực tại mà người ta vẫn biết đến. Trong một thoáng chốc, anh đã không muốn biết nó là cái gì.

Anh ngắm nhìn xung quanh một lúc khá lâu và nhận ra rằng không phải có mình anh ở đây.

Cách xa anh vài bước có một người đàn ông ngồi trên một tảng đá mòn đang nhìn xuống dưới thung lũng. Người đàn ông này dường như bị cuốn hút bởi khung cảnh và không nghe thấy bước chân anh lại gần. Anh ta cao gầy với mái tóc màu vàng cam.

Anh đi thẳng tới chỗ người đàn ông, người đó quay lại nhìn anh. Mắt người đó màu xám và điềm tĩnh. Người thanh niên trẻ chợt nhận thấy rằng họ đang cùng có chung cảm xúc và anh có thể nói chuyện theo cách mà anh không thể nói với bất cứ một người lạ mặt nào ở bất cứ đâu.

"Nó không có thực phải không?" người thanh niên chỉ tay xuống dưới và hỏi.

"Ồ, có chứ, nó có thực, ngay lúc này," người đàn ông trả lời.

"Đây không phải là một phim trường hay là một phép phù thủy nào đó chứ?"

"Không đâu. Đây là một khu nghỉ mát mùa hè. Nó vừa mới được hoàn thành. Vài tuần nữa nó sẽ được mở cửa."

"Ai đã xây nó?"

"Tôi xây."

"Tên ông là gì?"

"Howard Roark."

"Cảm ơn ông," người thanh niên nói. Howard Roark biết rằng đôi mắt nhìn anh không chớp kia hiểu được mọi điều mà hai từ đó muốn nói. Anh nghiêng đầu đáp lại.

Người thanh niên dắt xe theo con đường hẹp và dốc dẫn xuống phía thung lũng và những ngôi nhà. Roark nhìn theo cậu ta. Anh chưa bao giờ thấy người thanh niên đó trước đây và có lẽ cũng sẽ chẳng bao giờ gặp lại. Anh không hề biết rằng anh vừa mới trao cho ai đó một sự can đảm để đối mặt với cuộc đời.

*

* *

Roark chưa bao giờ hiểu được lý do tại sao người ta lại chọn anh cho việc

xây dựng khu nghỉ mát tại Thung Lũng Monadnock.

Sự việc xảy ra cách đây một năm rưỡi, tức là vào mùa thu năm 1933. Anh biết thông tin về dự án này và đi tới gặp ông Caleb Bradley, người đứng đầu của cái công ty vốn đã bỏ tiền mua thung lũng này và đang tiến hành nhiều hoạt động quảng bá lớn. Anh tới gặp Bradley như một nghĩa vụ. Anh không có một chút hy vọng nào. Anh đi để chỉ để cộng thêm một lời từ chối nữa vào danh sách dài các lời từ chối mà anh đã nhận được. Anh đã không xây dựng một công trình nào kể từ sau Đền Stoddard.

Khi anh bước vào văn phòng của Bradley, anh hiểu rằng anh sẽ phải quên đi Thung lũng Monadnock bởi vì người đàn ông này sẽ chẳng bao giờ trao nó cho anh. Caleb Bradley là một người thấp đậm, có khuôn mặt điển trai nằm giữa hai bờ vai tròn trịa. Khuôn mặt của ông ta vừa khôn ngoan lại vừa trẻ trung và không có dấu hiệu tuổi tác. Ông ta có thể năm mươi hoặc hai mươi tuổi. Ông có đôi mắt xanh lơ vô hồn, vừa ranh mãnh vừa tẻ nhạt.

Nhưng Roark cũng khó có thể quên được Thung lũng Monadnock. Do vậy mà anh đã nói về nó, quên bẵng đi rằng điều đó không có ý nghĩa gì ở đây. Ông Bradley lắng nghe với vẻ thực sự quan tâm, nhưng rõ ràng là không phải quan tâm tới những điều Roark đang nói. Roark gần như có thể cảm thấy một người thứ ba nữa đang có mặt trong phòng này. Ông Bradley hầu như chẳng nói gì, ngoài việc hứa sẽ xem xét và sẽ liên lạc với anh. Nhưng rồi sau đó, ông ta nói một điều thật lạ lùng. Ông ta hỏi bằng một giọng điệu mà có tìm cả ngày cũng không thấy dính dáng gì đến mục đích của câu hỏi, chẳng ra đồng tình mà cũng chẳng ra chê bai:

“Anh Howard Roark, anh là kiến trúc sư đã xây ngôi Đền Stoddard đấy à?”

“Vâng,” Roark nói.

“Buồn cười thật, tại sao tôi không nghĩ đến anh trước nhỉ.” Ông Bradley nói.

Roark về nhà và tự nhủ, nếu cái ông Bradley ấy mà nghĩ đến anh thì mới thật buồn cười.

Ba ngày sau, Bradley gọi điện thoại và mời anh đến văn phòng của ông ta. Roark đến và gặp bốn người đàn ông khác trong Ban Giám đốc Công ty Thung lũng Monadnock. Những người đàn ông này ăn bận rất chải chuốt, khuôn mặt họ cũng kín bưng như ông Bradley.

“Anh Roark, xin hãy trình bày lại với những quý ông đây những gì anh đã nói với tôi.” Bradley nói một cách vui vẻ.

Roark giải trình về kế hoạch của anh. Nếu họ muốn xây dựng một khu

nghỉ mát mùa hè dành cho những người có thu nhập khiêm tốn như họ tuyên bố, thì họ nên nhận ra rằng điều tồi tệ nhất của sự nghèo khó là việc thiếu sự riêng tư. Chỉ có những người rất giàu hoặc rất nghèo của thành phố này mới có thể hưởng thụ kỳ nghỉ hè của riêng mình, bởi vì những người rất giàu thì có cả dinh thự riêng, còn những người rất nghèo không ngại cảm giác và mùi người nồng nặc ở các bãi biển hay sàn nhảy công cộng. Còn những người có thị hiếu hưởng thụ tốt nhưng thu nhập lại khiêm tốn, nếu họ không thể nghỉ ngơi hay thấy vui thích trong những đám đông thì sẽ chẳng có nơi nào để đi cả. Tại sao người đời lại cứ nghĩ rằng sự nghèo khổ làm cho con người ta quay lại với bản năng bầy đàn như súc vật? Tại sao không cung cấp cho những người này một nơi nghỉ ngơi cho một tuần hay một tháng với mức giá thấp, nơi mà họ có thể có những gì mình muốn và cần? Anh đã nhìn thấy Thung lũng Monadnock. Đây có thể là nơi phù hợp. Đừng động đến những sườn đồi, đứng phá hủy và đừng cào thấp chúng. Đừng xây một khách sạn cao tầng khổng lồ, mà xây những căn nhà nhỏ kế tiếp nhau, ngôi nhà này ẩn mình sau ngôi nhà kia, mỗi ngôi nhà là một chốn riêng tư, nơi mọi người có thể gặp gỡ nhau hoặc không tùy ý họ. Đừng xây một cái bể bơi to như cái chợ cá mà xây nhiều bể bơi riêng biệt, nhiều bao nhiêu tùy khả năng đầu tư của công ty. Anh sẽ nói cho họ biết cách xây chúng với giá rẻ. Đừng xây những sân chơi quần vợt to như những bãi đất đấu giá gia súc dành cho những người thích phô trương mà là nhiều sân quần vợt riêng biệt. Đây sẽ không phải là nơi người ta tìm đến để gặp gỡ những bạn bè thân thiết và phó mặc mọi chuyện cho người giúp việc trong vòng hai tuần lễ, mà đây là một nơi nghỉ ngơi dành cho những người cảm thấy thích thú và thoải mái khi được ở một mình, và họ tìm kiếm một nơi họ có được sự tự do để nghỉ ngơi và hưởng thụ theo cách đó.

Các quý ông kia im lặng lắng nghe. Anh thấy họ thỉnh thoảng liếc nhìn nhau, cái nhìn mà anh cảm thấy chắc chắn rằng người ta thường trao nhau khi không thể phá lên cười người thuyết trình. Nhưng xem ra lại không phải như vậy, bởi hai ngày sau đó, anh đã ký hợp đồng xây dựng khu nghỉ mát mùa hè ở Thung lũng Monadnock.

Anh yêu cầu ông Bradley ký tắt vào tất cả những bản vẽ xuất xưởng từ phòng thiết kế của anh. Anh vẫn nhớ vụ Đền Stoddard. Ông Bradley viết tắt tên ông, ký nhận và đồng ý. Ông ta đồng ý mọi thứ và phê chuẩn mọi thứ. Ông ta có vẻ như sẵn lòng để Roark làm theo cách riêng của anh. Nhưng sự dễ dãi nhiệt tình này có một vẻ gì đó kỳ quặc – như thể ông ta đang chiều một đứa trẻ con.

Anh chỉ biết được rất ít về ông Bradley. Người ta nói rằng ông ta kiếm được nhiều tiền từ kinh doanh bất động sản trong thời kỳ khủng bố kinh tế ở Florida. Công ty hiện giờ của ông ta dường như nắm giữ một lượng vốn vô

hạn, và rất nhiều người giàu có được nhắc đến như cổ đông của công ty. Roark chưa bao giờ gặp họ. Bốn người đàn ông trong Ban Giám đốc cũng không xuất hiện thêm một lần nào nữa, trừ những chuyến thăm ngắn ngủi tới công trường, nơi mà họ tỏ ra chẳng một chút quan tâm nào. Ông Bradley chịu trách nhiệm mọi thứ, nhưng ngoài việc giám sát chặt chẽ ngân quỹ, ông ta dường như chẳng thích điều gì hơn việc giao cho Roark được toàn quyền.

Trong suốt mười tám tháng sau đó, Roark không có thời gian nào để nghĩ ngợi về ông Bradley. Roark đang xây dựng công trình vĩ đại nhất của mình.

Suốt trong năm vừa rồi, anh sống ngay tại công truờng, trong một cái lán lụp xụp được dựng trên một sườn đồi trơ trụi, với một hàng rào gỗ quây quanh, ở trong là một cái giường, một lò sưởi và một cái bàn rộng. Những thợ vẽ cũ của anh quay lại làm cho anh, một vài người đã bỏ những công việc còn tốt hơn trong thành phố để đến sống trong lều lán, để làm việc trong một văn phòng kiến trúc sư như một doanh trại quân đội được dựng lên từ những tấm ván trần trụi. Có quá nhiều thứ cần phải xây nên không ai trong số họ muốn phí công thiết kế chỗ trú thân cho chính mình. Cho tới mãi sau này, họ không hề nhận ra họ đã sống thiếu thốn tiện nghi, và rồi chính họ không thể tin được điều đó, bởi thời gian ở Thung lũng Monadnock lưu lại trong tâm trí họ như một khoảng thời gian kỳ lạ, dường như trái đất ngừng quay và họ đã sống suốt mười hai tháng mùa xuân. Họ đã không biết đến tuyết, không biết tới những khối khí lạnh trên mặt đất. Gió thổi qua các khe hở trên những tấm ván, những tấm chăn mỏng phủ trên võng, những ngón tay cứng đờ duỗi ra trên các lò than vào những buổi sáng trước khi họ cầm bút vẽ trong tay. Họ chỉ nhớ duy nhất cái cảm giác giống như cảm giác khi thấy mùa xuân đến. Đó là cảm giác khi những nhánh cỏ đầu tiên, những chồi non đầu tiên nhú trên các cành cây, màu xanh đầu tiên trên bầu trời. Tiếng trả lời ấy ngân vang, không phải với cỏ cây, không phải với bầu trời mà với cảm giác lớn lao về sự khởi đầu, về sự sinh sôi hoan hỉ, về niềm tin chiến thắng mà không gì có thể ngăn cản nổi. Họ cảm nhận được ý nghĩa của tuổi trẻ, của sự vận động, của mục đích và sự hoàn thành, không phải từ hoa lá mà từ những giàn giáo bằng gỗ, những máy xúc chạy bằng hơi nước, những khối đá và những thảm cỏ mọc ra từ mặt đất.

Họ là một đoàn quân và đó là một cuộc thập tự chinh. Nhưng không có ai trong số họ nghĩ tới điều này bằng những từ ngữ đó, ngoại trừ Steven Mallory. Steven Mallory là người đã làm những đài phun nước và những công trình điêu khắc của Thung lũng Monadnock. Nhưng anh đến sống ở công trường một thời gian dài trước khi công việc cần tới anh. Chiến trường là một khái niệm tội lỗi, Steven Mallory nghĩ. Không có vinh quang nào trong chiến tranh và không có cái gì cao đẹp trong những cuộc thập tự chinh của con người. Nhưng đây là một chiến trường, đây là một đoàn quân và một

cuộc chiến tranh – thế mà nó lại là một kinh nghiệm lớn lao nhất trong đời của tất cả những người tham gia vào nó. Tại sao ư? Đâu là nguồn cơn của sự khác biệt và quy luật để lý giải nó?

Anh đã không nói ra điều đó với bất kỳ ai. Nhưng khi nhìn gương mặt của Mike khi anh đến đây cùng với đám thợ điện, anh đã nhận ra Mike cũng có chung một suy nghĩ với mình. Mike không nói gì, nhưng anh ta nháy mắt với Mallory với sự thấu hiểu hân hoan. "Tôi đã bảo cậu đừng lo lắng mà," Mike nói với anh không hề rào đón, "ở phiên tòa ấy. Anh ấy không thể thua cuộc, mỏ đá hay không mỏ đá, tòa án hay không tòa án cũng thế. Bọn họ đều không thể đánh bại anh ấy, Steve ạ, đơn giản là họ không thể, cả cái thế giới khốn kiếp này cũng không thể."

Nhưng mà họ đã thật sự quên bẵng mất thế giới này, Mallory nghĩ. Đây là trái đất mới, trái đất của riêng họ. Những ngọn đồi vươn lên bầu trời xung quanh họ giống như một bức tường bảo vệ. Và họ còn có một sự bảo vệ khác, đó là người kiến trúc sư đang đi lại giữa họ, xuyên qua tuyết hay những thảm cỏ dưới sườn đồi, người bước lên những tảng đá mòn và những đống ván xếp chồng chất, đi về phía những bàn vẽ, những giàn giáo, lên trên những đỉnh trên cùng của những bức tường đang ngày một vươn cao – người đã biến tất cả những điều này trở thành sự thật – những suy nghĩ trong đầu anh ấy – và không phải là nội dung hay kết quả của những suy nghĩ ấy, không phải tầm nhìn đã tạo nên Thung lũng Monadnock, cũng không phải cái ý chí mà đã làm cho công việc này trở thành hiện thực, mà là phương pháp tư duy của anh, nguyên tắc vận động của nó, cái phương pháp và nguyên tắc chẳng giống bất kỳ ai thuộc về cái thế giới ở phía ngoài những ngọn đồi. Cái đó đã đứng sừng sững bảo vệ cả cái thung lũng này và cả những chiến binh trong đó.

Rồi họ nhìn ông Bradley đến thăm công trường; ông mỉm cười dịu dàng rồi lại bỏ đi. Lúc ấy, Mallory cảm thấy tức giận một cách vô lý, và lo lắng.

Một buổi tối, họ cùng nhau quây quần bên đống lửa được đốt bởi những cành cây khô, ở ngay sườn đồi phía trên nơi dựng lán trại. Khi ấy, Mallory nói:

"Howard, lại là Đền Stoddard nữa."

"Phải" Roard nói. "Tôi cũng nghĩ như thế. Tôi chỉ không biết rõ theo kiểu nào và mục đích của họ là gì."

Anh lật người, nằm úp bụng xuống và nhìn xuống những thảm cỏ nằm rải rác trong bóng tối ở phía dưới. Chúng phản chiếu ánh sáng từ đâu đó, trông giống như những thảm ánh sáng bằng lân tinh, tự phát sáng trên mặt đất.

Anh nói: "Nhưng mà điều đó cũng chẳng sao, phải không Steve? Cho dù

họ làm gì với nó và dù ai có đến sống ở đây đi chăng nữa. Chỉ cần biết rằng chúng ta đã làm ra nó. Anh có bỏ lỡ cơ hội này không, nếu sau này họ bắt anh phải trả giá?"

"Không," Mallory nói.

*

* *

Roark đã từng muốn thuê một trong số những căn nhà này cho riêng anh và sẽ dành một mùa hè ở đây, mùa hè đầu tiên mà Thung lũng Monadnock được sinh ra. Nhưng trước khi khu nghỉ mát mở cửa, anh nhận được một bức điện tín từ New York.

"Tôi đã nói với cậu là tôi sẽ làm được, đúng không nào? Tôi phải mất năm năm để rũ bỏ được hết đám bạn bè anh em. Nhưng Aquitania bây giờ là của tôi – và của cậu. Đến mà hoàn thành nó đi. Kent Lansing."

Vậy là anh quay về New York – để nhìn thấy những đống gạch vụn và bụi xi măng được dọn sạch khỏi *Bản giao hưởng dang dở*, nhìn thấy những chiếc cần cẩu đang chuyển những chiếc rầm bên trên Công viên Trung tâm, nhìn thấy những khoảng trống của các khung cửa sổ đã được lấp đầy, những sân thượng rộng rãi trãi rộng bên trên những nóc nhà của thành phố, để thấy khách sạn Aquitania hoàn thành và mỗi buổi tối lại bừng sáng cả một góc chân trời phía công viên.

Anh đã rất bận rộn trong suốt hai năm vừa qua. Thung lũng Monadnock không phải là công trình duy nhất của anh. Anh đã nhận được các cú điện thoại yêu cầu từ các bang khác nhau, từ những vùng mà anh không hề chờ đợi trên khắp đất nước: nhà riêng, tòa nhà văn phòng nhỏ, cửa hàng cỡ vừa. Anh đã xây dựng chúng – trong lúc tranh thủ ngủ vài tiếng trên tàu hỏa hay trên máy bay từ Thung lũng Monadnock tới những thị trấn nhỏ xa xôi. Lý do của mọi công việc anh nhận được đều giống nhau: "Tôi đã ở New York và tôi thích Ngôi nhà Enright." "Tôi đã nhìn thấy tòa nhà Cord." "Tôi đã nhìn thấy một bức ảnh của ngôi đền mà họ phá đi." Đó là một mạch nước ngầm tỏa đi khắp nơi, bất chợt biến thành các dòng suối trào lên mặt đất một cách ngẫu nhiên, tại những nơi không dự đoán trước được. Đó chỉ là những công trình nhỏ và không nhiều tiền – nhưng chúng đã làm anh luôn có việc để làm.

Mùa hè năm đó, Thung lũng Monadnock hoàn thành; anh không có thời gian lo lắng về số phận tương lai của nó. Nhưng Steven Mallory thì lo lắng về điều đó. "Tại sao họ không quảng cáo cho khu nghỉ này hả Howard? Sao tự nhiên lại yên lặng như vậy nhỉ? Anh có nhận thấy thế không? Trước khi khởi công, người ta đã nói rất nhiều về cái dự án vĩ đại này của họ, và cũng

có rất nhiều bài viết nhỏ trên báo chí. Nhưng khi chúng ta bắt tay vào thì người ta càng ngày càng nhắc đến nó ít hơn. Còn bây giờ thì sao? Ông Bradley và công ty trở nên như câm điếc. Đúng vào lúc mà người ta nghĩ là họ phải tổ chức một buổi chiêu đãi báo chí? Tại sao?

"Tôi không biết," Roark đáp… "Tôi là một kiến trúc sư, chứ không phải là một nhà kinh doanh bất động sản. Tại sao cậu phải lo lắng? Chúng ta đã làm việc của mình, hãy để họ làm việc theo cách của họ."

"Cách của họ thật là đáng ngờ. Anh đã nhìn thấy mẫu quảng cáo hiếm hoi của họ chưa? Họ nói tất cả những gì anh đã nói với họ, về sự nghỉ ngơi, sự yên bình và tính riêng tư – nhưng cái cách mà họ nói thì…! Anh có biết những quảng cáo đó sẽ có tác động thế nào không? Nghe y như là 'Hãy đến Thung lũng Monadnock để buồn đến chết.' Nghe đúng như là họ đang cố gắng để mọi người tránh xa khu nghỉ này."

"Tôi không đọc quảng cáo, Steve."

Nhưng chỉ trong vòng một tháng sau khi hoàn thành, tất cả các ngôi nhà ở Thung lũng Monadnock đã được thuê. Những người đến nghỉ ở đây thuộc nhiều thành phần khác nhau: những ông bà thượng lưu có đủ tiền cho các khu nghỉ dưỡng xa xỉ hơn, các nhà văn trẻ và các nghệ sĩ không tên tuổi, các kỹ sư, các nhà báo và cả những người công nhân. Một cách bất ngờ và tự nhiên, người ta bàn tán về Thung lũng Monadnock. Nhu cầu về loại khu nghỉ dưỡng như vậy là có thật, chỉ có điều không một ai đã thử đáp ứng nhu cầu đó. Khu nghỉ này đã trở thành tin tức thời sự, nhưng đó là những tin truyền miệng, báo chí chưa phát hiện ra nó. Ông Bradley không có tờ báo riêng. Ông Bradley và công ty của ông ta đã biến mất khỏi dư luận. Một tờ tạp chí đã tự nguyện đăng bốn trang ảnh của Thung lũng Monadnock và cử một nhân viên tới phỏng vấn Howard Roark. Cho đến cuối mùa hè thì những ngôi nhà đã được đặt thuê trước cho cả năm sau đó. Vào một buổi sáng sớm của tháng Mười, cửa phòng tiếp tân của Roard bị mở tung ra và Steven Mallory vội vã chạy thẳng vào văn phòng của Roark. Cô thư ký cố gắng chặn anh ta lại vì Roark đang làm việc và không có phép bất kỳ ai làm phiền. Nhưng Mallory đẩy cô sang một bên, chạy ào vào văn phòng và đóng sập cửa lại. Cô thấy anh cầm một tờ báo trên tay.

Roark đang ngồi ở bàn vẽ. Anh ngẩng đầu lên nhìn Mallory và buông rơi bút chì. Anh biết gương mặt Mallory hẳn đã trông như thế này khi anh ta bắn Ellsworth Toohey.

"Thế nào, Howard? Anh có muốn biết tại sao anh nhận được công trình Thung lũng Monadnock không?"

Mallory ném tờ báo xuống bàn. Roark nhìn thấy đầu đề của một câu

chuyện ở trang thứ ba: “Caleb Bradley đã bị bắt.”

“Tất cả đấy,” Mallory nói. “Nhưng mà đừng đọc. Nó sẽ làm anh buồn nôn.”

“Được rồi, Steve, có chuyện gì vậy?”

“Họ đã bán hai trăm phần trăm của nó.”

“Ai bán? Bán cái gì?”

“Bradley và hội của lão ấy. Hai trăm phần trăm của Thung lũng Monadnock.” Mallory cố gắng nói với một sự chính xác hằn học và khó nhọc. “Ngay từ đầu họ đã nghĩ rằng khu nghỉ này chẳng có giá trị gì cả. Họ gần như không có mảnh đất này – họ nghĩ nó không phải là nơi để xây nhà nghỉ mát – xa đường sá, không xe buýt, không rạp hát xung quanh – họ nghĩ chưa đến lúc và công chúng sẽ không ủng hộ. Họ đã quảng cáo ầm ĩ và bán cổ phần cho rất nhiều bọn giàu có – đó là một vụ lừa lớn. Họ bán hai trăm phần trăm của khu nghỉ này. Họ đã thu được gấp đôi số tiền bỏ ra để xây dựng nó. Họ đã tin chắc là dự án sẽ thất bại. Họ muốn nó sẽ thất bại. Họ nghĩ rằng sẽ chẳng có lợi nhuận nào để mà chia. Họ đã có một kế hoạch tuyệt vời, sẵn sàng để thoát khỏi vụ này khi khu nghỉ bị phá sản. Họ đã chuẩn bị sẵn sàng cho mọi thứ – trừ việc nhận ra rằng dự án này trở nên thành công như bây giờ. Và họ không thể tiếp tục được nữa vì bây giờ họ phải trả cho cổ đông gấp đôi số tiền họ thu được từ khu nghỉ mỗi năm. Chỗ này kiếm được rất nhiều tiền. họ nghĩ rằng họ đã sắp xếp để nó chắc chắn sẽ thất bại. Howard, anh không hiểu à? Họ đã chọn anh bởi vì anh là kiến trúc sư tồi nhất họ có thể tìm ra!”

Roark ngả đầu ra sau và cười.

“Chúa ơi, Howard! Chẳng có gì buồn cười cả!”

“Ngồi xuống, Steve. Đừng có run người lên như thế. Trông cậu cứ như là vừa mới nhìn thấy cả một cánh đồng xác người ấy.”

“Tôi đã nhìn thấy cánh đồng ấy. Tôi còn nhìn thấy cái khủng khiếp hơn. Tôi đã biết được gốc rễ của vấn đề. Tôi đã biết cái gì đẻ ra cái cánh đồng xác ấy. Cái gì làm cho bọn khốn kiếp ấy kinh sợ nhỉ? Chiến tranh, bọn giết người, hỏa hoạn, hay động đất? Quỷ tha ma bắt chúng đi! Cái câu chuyện này mới là điều đáng sợ. Đó mới là thứ mà con người phải khiếp sợ, phải đấu tranh, phải gào thét, và coi nó là điều đáng hổ thẹn nhất mà họ từng làm. Howard, tôi đã nghĩ đến những cách người ta giải thích cái xấu và những phương thuốc mà người ta chế ra hàng thế kỷ nay để chữa nó. Chẳng có phương thuốc nào thành công cả. Chẳng có cách nào giải thích hay cứu chữa được cái xấu. Nhưng nguồn gốc của cái xấu – con quỷ mặt xanh ấy – thì ở

ngay kia. Howard, nó ở ngay trong câu chuyện này. Trong đó và trong tâm hồn của những kẻ khốn kiếp sẽ đọc câu chuyện này và nói: 'Ôi dào, thiên tài luôn phải vật lộn, điều đó tốt cho họ' và rồi bọn chúng đi tìm những thằng ngốc để học cách làm việc. Đấy chính là hành động của con quỷ mặt xanh kia. Howard, hãy nghĩ về Monadnock. Hãy thử nhắm mắt lại và nhìn nó. Và hãy nghĩ đến việc chính những kẻ đầu tư cho công trình đó trong lúc tin rằng nó là công trình tệ nhất mà họ có thể xây dựng! Howard, có cái gì đó không ổn, rất không ổn trong thế giới này nếu như anh được giao xây dựng công trình vĩ đại nhất của đời mình như một trò đùa bẩn thỉu!"

"Đến khi nào thì cậu mới thôi nghĩ về việc đó? Về thế giới và tôi? Khi nào cậu sẽ học cách quên nó đi? Khi nào Dominique sẽ…"

Anh ngừng lại. Trong suốt mấy năm nay, họ đã không nhắc đến cái tên ấy trước mặt nhau. Anh nhìn thấy mắt Mallory – chăm chú và sốc. Mallory nhận ra rằng những lời nói của anh đã làm tổn thương Roark, đến mức Roark bật ra sự thú nhận này. Nhưng Roark quay về phía anh và nói một cách điềm tĩnh:

"Dominique từng nghĩ giống như cậu."

Mallory chưa bao giờ nói về những điều mà anh đoán ra về quá khứ của Roark. Sự im lặng của họ luôn ngụ ý rằng Mallory hiểu, rằng Roark biết điều đó và rằng đây ko phải là chuyện để bàn luận. Nhưng lúc này, Mallory hỏi:

"Anh vẫn đang chờ cô ấy quay lại phải không? Bà Gail Wynand – quỷ tha ma bắt cô ta!"

Roark nói mà không hề cao giọng:

"Im đi, Steve."

Mallory thì thào: "Tôi xin lỗi."

Roark đi về phía bàn của mình và nói – giọng anh trở lại bình thường:

"Về nhà đi Steve, và quên Bradley đi. Bọn họ chắc đang kiện tụng lẫn nhau nhưng chúng ta sẽ không bị lôi vào chuyện đó và chúng sẽ không thể phá hủy Monadnock. Quên nó đi và đi đi, tôi còn phải làm việc."

Anh dùng khuỷu tay gạt tờ báo ra khỏi bàn và cúi người xuống các tấm giấy vẽ.

*

* *

Việc khám phá ra các biện pháp huy động vốn đằng sau dự án Thung lũng Monadnock đã gây nên một vụ xì-căng-đan. Người ta đã mở một phiên tòa xét xử, một vài quý ông đã bị phạt tù và Monadnock được chuyển cho các cổ

đông quản lý. Roark không liên quan đến vụ việc. Anh rất bận rộn và quên mất việc theo dõi diễn biến của phiên tòa trên các báo. Ông Bradley nhận lỗi với các cộng sự của mình rằng ông ta thực lòng không hề nghĩ rằng một khu nghỉ được xây dựng với một kế hoạch điên khùng, cách biệt với cộng đồng như vậy lại có thể trở nên thành công. "Tôi đã làm tất cả những gì tôi có thể. Tôi đã chọn kẻ ngớ ngẩn nhất tôi có thể tìm thấy."

Sau đó Austen Heller viết một bài báo về Howard Roark và Thung lũng Monadnock. Ông nói về tất cả các công trình mà Roark đã thiết kế và ông nói lại bằng lời những ý tưởng của Roark trong từng công trình. Chỉ có điều, những lời của Austen Heller không còn hiền hòa như thường lệ - chúng là những tiếng kêu lớn đầy sự ngưỡng mộ và giận dữ. "Và chúng ta đang bị nguyền rủa nếu như sự vĩ đại phải đến với chúng ta qua sự lừa dối!"

Bài báo này đã khơi mào cho một cuộc tranh luận gay gắt trong giới nghệ thuật.

"Howard" – Mallory nói với anh vào một ngày sau đó vài tháng – "Anh nổi tiếng rồi đấy."

"Phải" Roark nói, "Tôi đoán thế."

"Ba phần tư trong số những người đó chẳng biết chút gì về cuộc tranh luận này, nhưng họ nghe số một phần tư kia tranh cãi về anh, và bây giờ họ cảm thấy rằng họ cần phải phát âm tên anh với một sự kính trọng. Trong số một phần tư đang tranh luận, bốn phần mười là những kẻ ghét anh, ba phần mười là những kẻ thấy rằng họ phải thể hiện quan điểm tại bất kỳ cuộc tranh luận nào, hai phần mười là những kẻ luôn giữ cho mình được an toàn và đưa tin tức về bất kỳ 'phát hiện' nào, và một phần mười là những người hiểu biết. Nhưng tất cả bọn họ đều bất ngờ nhận ra rằng có một gã Howard Roark và rằng anh ta là một kiến trúc sư. Bản tin của Hiệp hội Kiến trúc sư báo rằng anh vĩ đại nhưng phóng túng còn bảo tàng Tương Lai đã treo các bức ảnh của Monadnock, của nhà Enright, nhà Cord và Aquitania – treo trong các khung kính đẹp hẳn hoi – ngay cạnh phòng trưng bày về Gordon L. Prescott. Kể cả thế – tôi vẫn vui mừng."

Vào một buổi tối, Kent Lansing nói: "Heller đã làm một việc tuyệt vời. Howard, cậu có nhớ những gì mà tôi đã có lần nói với cậu về thứ tâm lý học pretzel không? Đừng xem thường những người trung gian. Họ rất cần thiết. Một ai đó phải nói cho họ biết điều này. Phải cần đến hai người để làm nên một sự nghiệp vĩ đại: một người đàn ông vĩ đại và một người đàn ông – người này còn hiếm hơn – đủ vĩ đại để nhận biết sự vĩ đại của người kia và nói về nó."

Ellsworth Toohey viết: "Điều lố bịch trong tất cả những ồn ào lố bịch này

là ở chỗ ngài Caleb Bradley là nạn nhân của sự bất công nghiêm trọng. Các vấn đề đạo đức của ông ta bị đưa ra mổ xẻ phê bình trong khi khả năng thẩm mỹ của ông ấy lại bị tảng lờ. Những đánh giá về tài năng kiến trúc của ông ấy hợp lý hơn so với ông Austen Heller, một kẻ phản động lỗi thời bỗng nhiên trở thành nhà phê bình nghệ thuật. Ông Caleb Bradley đã bị xử giảo chỉ vì những người thuê nhà của ông ta có thị hiếu rất tồi. Theo ý kiến của người viết bài này, án tù của ông ta cần phải được giảm nhẹ để ghi nhận khả năng đánh giá nghệ thuật đúng đắn của ông. Thung lũng Monadnock là một sự gian lận – nhưng không chỉ là gian lận tài chính."

Giới thượng lưu – nguồn cung cấp đều đặn nhất các hợp đồng kiến trúc – không phản ứng nhiều về danh tiếng của Roark. Những người trước kia đã nói: "Roark ư? Tôi chưa bao giờ nghe tới anh ta" thì nay nói rằng: "Roark ư? Anh ta quá rùm beng."

Nhưng có những người bị ấn tượng bởi một điều đơn giản là Roark đã xây dựng một nơi hái ra tiền cho những người chủ sở hữu vốn không hề muốn nó sinh ra tiền. Điều này thuyết phục hơn cả những tranh cãi về nghệ thuật đầy trừu tượng. Và còn có một phần mười những người hiểu biết kia nữa. Năm kế tiếp công trình Thung lũng Monadnock, Roark xây dựng hai ngôi nhà riêng ở Connecticut, một rạp chiếu phim ở Chicago, và một khách sạn ở Philadelphia.

Vào mùa xuân năm 1936, một thành phố ở phía tây lên xong kế hoạch xây dựng một hội chợ thế giới sẽ được tổ chức vào năm sau. Đó là một cuộc triển lãm quốc tế đã được đặt tên *Hành trình của Những thế kỷ*. Một ủy ban gồm những người nổi tiếng được giao trách nhiệm thực hiện dự án này và phải tiến hành lựa chọn một hội đồng các kiến trúc sư giỏi nhất đất nước để thiết kế hội chợ. Ủy ban này muốn thể hiện sự cách tân vượt bậc. Howard Roark là một trong số tám kiến trúc sư được chọn.

Sau khi nhận được giấy mời, Roark trình diện trước ủy ban và giải thích rằng anh sẽ rất vui mừng nếu được thiết kế hội chợ này – và phải một mình.

"Chắc anh đang nói đùa, anh Roark" – ngài chủ tịch nói. "hơn nữa, với công trình có tầm vóc lớn thế này, chúng tôi muốn những gì tốt nhất có thể có. Ý tôi là hai người bao giờ cũng tốt hơn một, anh biết đấy, và với tám người… đấy, anh có thể tự đánh giá – toàn những tài năng hàng đầu của đất nước, những tên tuổi lớn nhất – anh biết đấy, tham khảo lẫn nhau, hợp tác với nhau, hoàn thiện lẫn nhau – anh cũng biết cái gì làm nên những thành quả vĩ đại đấy."

"Tôi biết điều đó."

"Thế thì anh nhận ra là…"

“Nếu các ngài muốn tôi thực hiện, các ngài sẽ phải để tôi làm tất cả, chỉ một mình tôi. Tôi không làm việc với các hội đồng.”

“Anh muốn từ chối cơ hội thế này sao, một kỳ tích trong lịch sử, một cơ hội vang danh toàn thế giới – về cơ bản có thể nói là một cơ hội để trở thành bất tử…”

Trong giới kiến trúc, có rất nhiều nhận xét giận dữ về việc Roark từ chối công trình. Người ta nói: “Tên vô lại cao ngạo!” Sự phẫn nộ này gay gắt và sống sượng quá mức có thể đem bàn trong các cuộc chuyện phiếm của giới kiến trúc; mỗi người tự coi nó như một sự lăng mạ với cá nhân; mỗi người đều tự cho rằng mình đủ khả năng để sửa chữa, khuyên bảo và hoàn thiện công việc của bất kỳ người nào.

“Việc này là một minh họa hoàn hảo cho bản chất bài xích xã hội trong cái chủ nghĩa duy ngã độc tôn[123] của ông Howard Roard; nó minh họa cho sự tự phụ của cái chủ nghĩa cá nhân phóng túng mà ông ta luôn là hiện thân.” Ellsworth Toohey viết.

Trong số tám người được chọn để thiết kế *Hành trình của Những thế kỷ* có Peter Keating, Gordon L. Prescott, Ralston Holcombe. “Tôi sẽ không làm việc với Howard Roark,” Peter Keating nói khi nhìn thấy danh sách hội đồng, “các ngài sẽ phải chọn, hoặc anh ta hoặc tôi.” Anh được thông báo rằng ông Roark đã từ chối đề nghị làm việc. Keating được giao quyền lãnh đạo hội đồng kiến trúc. Những câu chuyện đăng tải về tiến độ của công trình hội chợ này đề cập tới họ bằng cụm từ “Peter Keating và các cộng sự.”

Trong vài năm gần đây, Keating bắt đầu hình thành một thái độ hung hăng và bướng bỉnh. Anh ta quát lên khi ra lệnh và mất kiên nhẫn trước những khó khăn nhỏ nhất. Khi mất kiên nhẫn, anh gào thét với những người xung quanh. Anh có cả một kho những từ ngữ chua ngoa, quỷ quyệt, và hiểm độc để chửi rủa người khác; mặt mũi anh ta luôn sưng xỉa.

Mùa thu năm 1936, Roark chuyển văn phòng tới tầng trên cùng của tòa nhà Cord. Anh đã từng nghĩ khi anh thiết kế tòa nhà này rằng một ngày nào đó văn phòng của anh sẽ ở đó. Khi nhìn thấy dòng chữ “Howard Roark, Kiến trúc sư” khắc trên cánh cửa mới, anh dừng lại trong giây lát, rồi anh bước vào văn phòng. Phòng của riêng anh nằm ở cuối một dãy phòng dài và có ba mặt bao quanh bằng kính, cao bên trên thành phố. Anh dừng lại ở giữa phòng. Từ những khung cửa sổ rộng, anh có thể nhìn thấy nhà bách hóa Fargo, nhà Enright, khách sạn Aquitania. Anh bước tới những cửa sổ hướng về phía nam và đứng đó một lúc lâu. Ở chõm cuối của bán đảo Manhattan, tít tận phía xa, anh có thể nhìn thấy tòa nhà Dana mà Henry Cameron đã xây dựng.

Vào một chiều tháng Mười một, anh quay về văn phòng sau khi đi thăm công trình xây dựng nhà ở Long Island. Roark đi vào phòng lễ tân, rũ chiếc áo mưa ướt sũng, và anh nhìn thấy một sự kinh động bị kiềm chế trên nét mặt cô thư ký. Cô ta đang sốt ruột chờ anh về.

"Ông Roark, đây có lẽ là một hợp đồng rất lớn," cô nói. "Tôi đã xếp lịch hẹn cho ông vào lúc ba giờ chiều mai. Tại văn phòng của ông ta."

"Văn phòng của ai?"

"Ông ta gọi điện cách đây nửa giờ. Ngài Gail Wynand."

II.

Một tấm biển treo trước cửa ra vào – tấm biển mang tên tờ báo:

NGỌN CỜ NEW YORK

Tấm biển nhỏ bé – như một tuyên ngôn về một danh tiếng và quyền lực quá lớn, đến mức chúng không cần được nhấn mạnh. Nó giống như một nụ cười đẹp và ngạo nghễ, biện hộ cho sự xấu xí trơ trụi của tòa nhà. Tòa nhà như một cái nhà máy, khinh thường mọi thứ đồ trang trí, ngoại trừ những ngụ ý của tấm biển mang tên nó.

Tiền sảnh của tòa nhà giống như miệng của một lò luyện kim. Những chiếc thang máy hút một dòng nhiên liệu người và truyền nguồn năng lượng ấy đi khắp tòa nhà. Mọi người không chạy đi chạy lại hối hả, nhưng dáng vẻ của họ đều ẩn chứa vẻ vội vã; họ đang bị thúc đẩy bởi một mục đích nào đó; không có ai la cà dưới tiền sảnh. Những cánh cửa thang máy mở ra đóng vào lách cách như những chiếc van, theo một nhịp đều đặn. Những đèn màu xanh đỏ nhấp nháy trên tấm bảng gắn trên tường, báo vị trí chuyển động của các thang máy trong không gian.

Dường như mọi thứ trong tòa nhà này đều được điều khiển từ những bảng điều khiển nằm trong tay một ông chủ, người nắm rõ từng chuyển động của tòa nhà, cứ như thể có một luồng năng lượng đang tỏa khắp trong tòa nhà này, làm cho nó vận hành trơn tru, không hề có tiếng động, như một cỗ máy khổng lồ không gì có thể phá hủy nổi. Không có ai để mắt tới người đàn ông tóc đỏ vừa dừng lại dưới tiền sảnh trong chốc lát.

Howard Roark nhìn lên mái vòm nhiều tầng của tòa nhà. Anh chưa bao giờ căm ghét bất kỳ một người nào. Nhưng đâu đó trong tòa nhà này có người chủ của nó – người đàn ông đã làm anh thấy tiệm cận gần nhất với sự căm ghét.

Gail Wynand liếc nhìn chiếc đồng hồ nhỏ trên bàn làm việc. Vài phút nữa, ông có một cuộc hẹn với một kiến trúc sư. Ông nghĩ rằng cuộc phỏng vấn này sẽ chẳng có gì là khó khăn. Ông đã thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn như vậy trong đời mình. Ông chỉ cần phải nói – ông biết mình muốn nói gì; còn người kiến trúc sư thì chẳng phải làm gì cả, chỉ cần thốt ra vài từ để biểu thị là anh ta nắm được ý ông.

Ánh mắt ông rời khỏi chiếc đồng hồ và chuyển tới những bản tin thử đặt trên bàn. Ông đang đọc một bài xã luận của Alvah Scarret về việc công chúng cho sóc ăn trong Công viên Trung tâm và một bài báo của Ellsworth Toohey về những giá trị to lớn của một cuộc triển lãm các bức tranh do

những nhân viên của Ban bảo vệ Thành phố vẽ. Chuông trên bàn ông vang lên cùng với giọng của người thư ký: "Ông Howard Roark đã đến, thưa ngài Wynand."

"Được rồi" Wynand nói và tắt công tắc. Khi rút bàn tay về, ông để ý tới hàng nút bấm phía cạnh bàn, những nút bấm nhỏ với các màu sắc được quy định sẵn, mỗi nút là điểm cuối cùng của một đường dây nối tới bộ phận nào đó trong tòa nhà, mỗi sợi dây điều khiển một người nào đó và mỗi người này lại điều khiển những người khác dưới quyền anh ta, mỗi nhóm người đó đóng góp vào bộ mặt hoàn chỉnh của tờ báo và sẽ có mặt trong hàng triệu căn nhà, trong đầu óc của hàng triệu con người – những nút bấm nhỏ bằng nhựa màu này, chúng ở ngay đó dưới những ngón tay ông. Nhưng ông không có thời gian để vui thú với suy nghĩ này; cửa phòng làm việc của ông vừa mở ra; ông rời tay khỏi những nút điều khiển.

Wynand không chắc có phải là ông đã lỡ mất một nhịp, có phải ông đã không lập tức đứng lên chào khách theo phép lịch sự thông thường, mà ông đã ngồi yên, nhìn vào người đàn ông vừa bước vào phòng. Có thể ông đã đứng dậy ngay lập tức, có điều là khoảng thời gian tiếp sau cử động đó của ông kéo dài quá lâu. Roark không chắc liệu có phải anh đã dừng lại sau khi bước vào văn phòng, rằng anh đã không bước thẳng tới mà đứng tại chỗ nhìn người đàn ông ngồi sau bàn. Mà cũng có khi anh đã tiến thẳng về phía người đàn ông, chỉ có điều là anh đã tưởng là anh dừng lại. Nhưng rõ ràng đã có một khoảnh khắc mà cả hai người đều quên đi những quy tắc của thực tại trước mắt, khi Wynand quên bẵng mất mục đích của ông khi gọi người đàn ông này tới văn phòng, còn Roark quên bẵng người đàn ông này là chồng của Donimique; khi trước mặt họ không có cửa ra vào, không có bàn làm việc, mà cũng chẳng có những tấm thảm. Giữa họ chỉ có sự nhận biết trọn vẹn đối với mỗi người về người đàn ông đối diện, chỉ có hai ý nghĩ gặp nhau ở giữa phòng – "Đây là Gail Wynand" – "Đây là Howard Roark."

Rồi Wynand đứng dậy; bàn tay ông khoát một cử chỉ đơn giản để mời khách ngồi xuống chiếc ghế bên bàn; Roark tiến lại gần và ngồi xuống. Họ không nhận ra là họ đã không chào hỏi nhau.

Wynand mỉm cười và nói điều mà ông đã không bao giờ định nói. Ông nói một cách giản dị:

"Tôi không nghĩ là anh sẽ muốn làm việc cho tôi."

"Tôi muốn làm việc cho ông," Roark nói mặc dù anh đã đến đây với dự định từ chối.

"Ông đã xem những gì tôi xây dựng?"

"Đúng vậy."

Wynand mỉm cười, "Lần này là một việc khác. Công trình này không dành cho công chúng. Nó dành cho tôi."

"Ông chưa bao giờ xây cái gì cho ông?"

"Chưa bao giờ, ngoại trừ cái chuồng cọp trên mái nhà và cái nhà máy in cũ kỹ này. Anh có thể nói cho tôi biết tại sao tôi chưa bao giờ xây dựng một công trình nào cho riêng tôi, mặc dù nếu tôi muốn thì tôi có đầy đủ phương tiên để xây dựng cả một thành phố? Tôi không biết tại sao. Tôi nghĩ có lẽ anh biết." Ông quên mất rằng ông không cho phép những người ông thuê làm được quyền suy đoán về cá nhân ông.

"Bởi vì ông chưa bao giờ hạnh phúc." Roark nói.

Anh nói điều đó một cách đơn giản, không chút xấc xược, như thể rằng anh không thể làm gì khác ngoài việc bộc lộ một sự chân thành tuyệt đối. Đây không phải là phần đầu của một cuộc phỏng vấn mà là phần giữa, giống như là tiếp nối của một cái gì đó đã được bắt đầu từ lâu lắm rồi. Wynand nói:

"Giải thích đi."

"Tôi nghĩ ông hiểu."

"Tôi muốn nghe anh giải thích điều đó."

"Hầu hết mọi người đều xây nhà như cách họ sống – giống như một việc phải làm hàng ngày, một sự kiện vô nghĩa. Nhưng một số ít hiểu rằng một công trình kiến trúc là một biểu tượng vĩ đại. Chúng ta thực sự sống bằng đầu óc của chúng ta, và sự tồn tại chỉ là một cố gắng để làm cho cuộc sống đó hiện hữu, để tuyên bố về cuộc sống ấy bằng ngôn ngữ của cử chỉ và hình thể. Với những người hiểu được điều này thì ngôi nhà anh ta ở là một tuyên ngôn về cuộc sống của anh ta. Nếu như anh ta không xây nhà, khi anh ta có đủ điều kiện để làm việc đó, thì đó là vì cuộc sống của anh ta không phải cái anh ta từng mong muốn."

"Anh không thấy phi lý khi nói điều đó với chính tôi chứ không phải ai khác à?"

"Không."

"Tôi cũng vậy." Roark mỉm cười. "Nhưng anh với tôi là hai người duy nhất sẽ nói ra điều đó. Nói một trong hai phần của nó: rằng tôi không có được cái tôi mong muốn và rằng tôi có thể nằm trong số ít người có thể hiểu được cái loại biểu tượng vĩ đại. Anh không rút lại phần đằng sau chứ?"

"Không."

"Anh bao nhiêu tuổi?"

“Ba mươi sáu.”

“Tôi đã sở hữu hầu hết những tờ báo tôi có hiện nay khi tôi ba mươi sáu tuổi.” Ông nói thêm: “Tôi không có ý nói điều đó như một lời tự khen. Tôi không biết tại sao tôi lại nói thế. Tôi chỉ chợt nghĩ đến điều đó.”

“Ông muốn tôi xây cái gì cho ông?”

“Ngôi nhà của tôi.”

Wynand cảm thấy rằng những từ này có một tác động nào đó tới Roark, ngoài ngữ nghĩa thông thường của chúng. Ông cũng không biết lý do vì sao ông thấy như thế, bởi Roark chẳng bộc lộ ra bên ngoài bất cứ điều gì.

“Anh đã đúng,” Wynand nói, “bởi vì anh thấy đấy, bây giờ tôi thật sự muốn xây một ngôi nhà của riêng tôi. Bây giờ tôi không sợ cái hình dáng hữu hình của cuộc đời tôi. Nếu anh muốn nói thẳng như anh nói, thì bây giờ tôi đang hạnh phúc.”

“Ông muốn một ngôi nhà như thế nào?”

“Một ngôi nhà ở vùng nông thôn. Tôi đã mua đất. Một khu đất rộng năm trăm mẫu ở Connecticut. Một ngôi nhà ra sao à? Anh sẽ quyết định điều đó.”

“Có phải bà Wynand đã chọn tôi làm người thiết kế?”

“Không. Bà Wynand không biết gì về chuyện này. Chính tôi muốn chuyển ra ngoài thành phố, và cô ấy đồng ý. Tôi đã hỏi cô ấy về việc chọn kiến trúc sư – vợ tôi tên trước khi lấy chồng là Dominique Francon. Cô ấy từng viết chuyên về lĩnh vực kiến trúc. Nhưng cô ấy muốn để tôi lựa chọn. Anh muốn biết tại sao tôi lại chọn anh à? Tôi đã dành nhiều thời gian để quyết định việc này. Ban đầu tôi cảm thấy khá lúng túng. Tôi chưa bao giờ nghe về anh. Tôi không biết bất kỳ một kiến trúc sư nào cả. Tôi nói theo đúng nghĩa đen đấy – và tôi tính cả những năm tháng kinh doanh bất động sản, những thứ tôi đã xây dựng và những kẻ ngớ ngẩn đã xây dựng chúng cho tôi. Lần này thì không phải là Stoneridge, mà là… anh đã gọi nó là gì nhỉ? – một tuyên ngôn về cuộc sống của chính tôi? Rồi thì tôi nhìn thấy Monadnock. Đó là thứ đầu tiên làm tôi nhớ tên anh. Nhưng tôi đã tự kiểm tra rất lâu. Tôi đã đi vòng quanh các vùng nông thôn, ngắm nhìn các căn nhà, khách sạn, đủ loại công trình. Bất cứ khi nào nhìn thấy một công trình tôi thích, tôi đều hỏi xem ai đã thiết kế công trình đó, và luôn nhận được một câu trả lời: Howard Roark. Vì thế tôi đã gọi điện cho anh.”

Ông nói thêm:

“Tôi có nên nói với anh là tôi ngưỡng mộ các công trình của anh đến thế nào không?”

“Cám ơn ông,” Roark nói. Anh nhắm mắt trong giây lát.

“Anh biết đấy, tôi đã không muốn gặp anh.”

“Tại sao?”

“Anh đã nghe nói về gallery của tôi rồi chứ?”

“Tôi đã.”

“Tôi không bao giờ gặp tác giả của những tác phẩm mà tôi yêu thích. Những tác phẩm ấy có ý nghĩa quá lớn đối với tôi. Tôi không muốn những người này làm hỏng nó. Mà họ thì thường làm như thế. Họ là chướng ngại vật đối với chính tài năng của họ. Anh thì lại không phải là người như vậy. Tôi không ngại nói chuyện với anh. Tôi nói với anh điều này chỉ bởi vì tôi muốn anh biết rằng tôi tôn trọng rất ít thứ trong cuộc đời này, nhưng tôi tôn trọng những tác phẩm trong gallery của tôi, và những công trình của anh, và cái năng lực của những người đã tạo nên những tác phẩm như vậy. Có lẽ đó là thứ tôn giáo duy nhất của tôi.” Ông nhún vai: “Tôi nghĩ rằng tôi đã hủy hoại, bóp méo, và làm biến chất tất cả mọi thứ tồn tại trên đời này. Nhưng tôi chưa bao giờ chạm tới những thứ kia. Tại sao anh lại nhìn tôi như vậy?”

“Xin lỗi ông. Xin ông nói cho tôi biết về ngôi nhà mà ông muốn.”

“Tôi muốn nó phải là một cung điện – chỉ có điều tôi không nghĩ cung điện là một nơi xa hoa. Chúng quá rộng, như một chốn công cộng hỗn tạp. Một ngôi nhà nhỏ mới là sự xa hoa thực sự. Một nơi ở chỉ cho hai người, vợ tôi và tôi. Ngôi nhà ấy không nhất thiết phải thiết kế đủ cho một gia đình, chúng tôi không định có con cái gì cả. Cũng không cần chỗ cho khách khứa, vì chúng tôi không định mua vui cho ai. Một phòng khách – để đề phòng trường hợp cần thiết – nhưng chỉ cần một phòng thôi. Phòng khách, phòng ăn, thư viện, hai phòng làm việc, một phòng ngủ. khu ở cho người giúp việc, ga-ra ô-tô. Đó là ý tưởng tổng thể. Tôi sẽ cung cấp cho anh các thông tin chi tiết sau. Chi phí – bất kể anh cần bao nhiêu. Bề ngoài của nhà tôi thì…” Ông mỉm cười, nhún vai. “Tôi đã nhìn các công trình của anh. Nếu một ai đó muốn bảo cho anh biết cách thiết kế một ngôi nhà, thì hoặc anh ta phải có khả năng thiết kế nó đẹp hơn, nếu không thì anh ta nên im miệng đi. Tôi chỉ nói rằng tôi muốn ngôi nhà của tôi có chất lượng của Roark.”

“Đó là cái gì vậy?”

“Tôi nghĩ là anh hiểu.”

“Tôi muốn nghe ông giải thích điều đó.”

“Tôi thấy rằng một vài tòa nhà phô trương một cách rẻ tiền, tất cả đều trưng hết ra mặt tiền. Một vài cái thì hèn nhát, như thể mỗi viên gạch đều đang cuối đầu thanh minh về bản thân nó. Một vài tòa nhà khác thì lại có cái

vẻ bất hợp lý cố hữu, vá víu, nanh nọc và nhầm lẫn ở đâu đó. Những tòa nhà của anh mang đến cho người ta một cảm giác hoàn toàn khác – một cảm giác hân hoan. Không phải là một sự hân hoan dễ dãi mà là niềm vui bao trùm và khó có được. Như thể nó làm cho người ta cảm thấy rằng đạt được niềm vui ấy là một thành công. Người ta nhìn ngắm tòa nhà và nghĩ rằng: ta sẽ là một người tốt hơn nếu ta có thể cảm nhận được niềm hân hoan đó.”

Roark nói chậm rãi, không phải bằng âm điệu của một câu trả lời:

“Tôi đoán việc này là không thể tránh khỏi.”

“Việc gì?”

“Việc ông nhận ra những điều ấy.”

“Tại sao anh nói như thế… anh tiếc rằng tôi nhận ra những điều đó?”

“Tôi không tiếc.”

“Nghe này, đừng lấy những thứ mà tôi đã xây dựng trước đây để chống lại tôi.”

“Tôi không làm như vậy.”

“Tất cả những Stoneridges, khách sạn Noyes-Belmont – và các tờ báo Wynand – tất cả những cái đó đã làm cho tôi có khả năng để có được một ngôi nha do anh thiết kế. Đây hẳn là một sự xa xỉ đáng vươn tới, đúng không? Nếu thế thì việc tôi có được sự xa xỉ ấy bằng cách nào đâu có ý nghĩa gì. Chúng là phương tiện. Anh là mục đích.”

“Ông không phải thanh minh với tôi.”

“Tôi không hề thanh… Phải, tôi nghĩ là tôi đang thanh minh.”

“Ông không cần làm thế. Tôi không nghĩ về những thứ mà ông đã xây.”

“Anh đang nghĩ gì?”

“Rằng tôi hoàn toàn bất lực trước một người có thể nhìn thấy những gì mà ông ta đã nhìn thấy trong các tòa nhà của tôi.”

“Anh cảm thấy anh cần được giúp đỡ để chống lại tôi sao?”

“Không. Có điều, về nguyên tắc, tôi không bao giờ cảm thấy bất lực.”

“Về nguyên tắc, tôi cũng không bao giờ phải thanh minh. Vậy thì mọi chuyện ổn cả đúng không?”

“Đúng thế.”

“Tôi phải nói với anh thêm về ngôi nhà tôi muốn có. Tôi cho rằng một kiến trúc sư giống như một linh mục nghe xưng tội – anh ta phải biết tất cả mọi điều về những người sẽ sống trong căn nhà đó, bởi vì cái mà anh ta làm

ra, đối với họ, sẽ có tính riêng tư hơn cả cơm ăn áo mặc. Xin hãy cân nhắc về điều này, và bỏ qua cho tôi nếu anh thấy rằng nói ra những điều này, đối với tôi, là rất khó khăn – tôi chưa bao giờ đi xưng tội. anh biết đấy, tôi muốn có căn nhà này bởi vì tôi thật sự yêu vợ tôi… Anh sao thế? Anh thấy điều này không liên quan gì?"

"Ồ không. Ông tiếp tục đi."

"Tôi không thể chịu đựng được khi nhìn thấy vợ tôi ở giữa những người khác. Đó không phải là sự ghen tuông. Nó còn nhiều hơn và tệ hơn thế. Tôi không thể nhìn cô ấy đi dạo trên đường phố. Tôi không thể chia sẻ cô ấy, ngay cả với các cửa hàng, nhà hát, taxi, hay hè phố. Tôi phải mang cô ấy đi xa. Tôi phải đặt cô ấy ra ngoài tầm với, để không gì có thể chạm vào cô ấy dưới bất kỳ hình thức nào. Ngôi nhà này là một pháo đài. Kiến trúc sư sẽ là người bảo vệ tôi."

Roark ngồi nhìn thẳng vào ông. Anh phải giữ cho mắt mình nhìn vào Wynand để có thể lắng nghe. Wynand cảm thấy sự cố gắng trong ánh mắt anh của anh, nhưng ông không nhận ra đó là một sự cố gắng, mà chỉ nghĩ rằng đó là một sức mạnh. Ông thấy cái ánh mắt ấy nâng đỡ ông; ông không còn cảm thấy việc xưng tội là khó khăn.

"Ngôi nhà này sẽ là một nhà tù. À không, không hẳn như vậy. Nó sẽ là một cái kho báu – một căn hầm để bảo vệ những đồ vật quý giá khỏi mắt nhìn của thiên hạ. Nhưng còn hơn thế nữa, ngôi nhà ấy phải là một thế giới tách biệt, phải đẹp đến mức chúng tôi sẽ không bao giờ nhớ nhung cái thế giới chúng tôi đã bỏ lại. Một nhà tù bằng quyền lực từ sự hoàn hảo của chính nó. Không phải những chấn song hay tường rào, mà chính tài năng của anh sẽ như một bức tường ngăn giữa chúng tôi với thế giới. Đó là điều tôi mong đợi ở anh. Và còn nhiều hơn thế. Anh đã bao giờ xây một ngôi đền chưa?"

Trong một khoảnh khắc, Roark không đủ sức để trả lời, nhưng rồi anh thấy câu hỏi này là chân thành. Wynand không biết gì cả.

"Rồi," Roark nói.

"Vậy thì hãy nghĩ về công trình này như là xây một ngôi đền. Một ngôi đền dành cho Dominique Wynand… Tôi muốn anh gặp cô ấy trước khi thiết kế nó."

"Tôi đã gặp bà Wynand vài năm trước."

"Anh đã gặp à? Vậy thì anh hiểu."

"Tôi hiểu."

Wynand nhìn vào bàn tay của Roark đang nằm trên cạnh bàn, những ngón tay dài tỳ vào kính, bên cạnh các bản in thử của tờ *Ngọn cờ*. Các bản in thử

này được gập lại một cách sơ ý. Ông nhìn thấy tiêu đề *Một ý kiến nhỏ* trên trang in. Ông nhìn bàn tay của Roark. Ông nghĩ rằng có lẽ ông thích một cái chặn giấy bằng đồng trông giống như vậy, trông sẽ thật đẹp biết bao khi có nó trên bàn làm việc của ông.

"Bây giờ thì anh biết tôi muốn gì rồi. Hãy bắt tay vào công việc. Bắt đầu ngay đi. Hãy bỏ tất cả những gì anh đang làm. Tôi sẽ trả bất cứ giá nào anh yêu cầu. Tôi muốn có ngôi nhà này vào mùa hè… Ồ, hãy tha lỗi cho tôi. Tôi làm việc quá nhiều với mấy tay kiến trúc sư bất tài. Tôi chưa hỏi xem liệu anh có muốn làm việc này hay không."

Tay Roark cử động trước; anh kéo nó ra khỏi bàn.

"Có," Roark nói. "Tôi sẽ làm việc này."

Wynand nhìn thấy những dấu vân tay hiện trên mặt kính – chúng hằn rõ như thể da bàn tay của Roark đã khắc sâu vào mặt kính, và những vệt khắc đều ướt.

"Anh cần bao nhiêu thời gian?" Wynand hỏi.

"Ông sẽ có ngôi nhà vào tháng Bảy."

"Tất nhiên là anh phải nhìn thấy khu đất. Tôi muốn tự mình dẫn anh đi xem. Tôi có thể đưa anh tới đó vào sáng mai không?"

"Nếu ông muốn."

"Có mặt ở đây lúc chín giờ."

"Được."

"Anh có muốn tôi thảo hợp đồng không? Tôi không biết anh muốn làm việc theo cách nào. Về nguyên tắc, trước khi làm việc với bất kỳ ai về bất kỳ vấn đề gì, tôi luôn tìm hiểu mọi thứ về anh ta kể từ ngày anh ta ra đời hoặc sớm hơn nữa. Tôi lại chưa bao giờ tìm hiểu về anh. Đơn giản là tôi quên mất. Nó có vẻ không cần thiết."

"Tôi có thể trả lời bất kỳ câu hỏi nào ông muốn hỏi."

Wynand mỉm cười và lắc đầu:

"Không. Tôi không cần hỏi gì anh cả. Ngoại trừ về các điều khoản hợp đồng."

"Tôi không bao giờ có điều kiện gì ngoại trừ một điều: nếu ông chấp nhận bản phác thảo của ngôi nhà, thì ông phải để tôi xây dựng nó đúng như bản thiết kế mà không có bất kỳ thay đổi nào."

"Tất nhiên rồi. Tôi hiểu điều đó. Tôi đã nghe rằng nếu không như vậy thì anh sẽ không làm. Nhưng anh sẽ không phản đối nếu tôi không công bố

chuyện này chứ? Tôi biết điều đó sẽ có lợi cho sự nghiệp của anh, nhưng tôi muốn công trình này tránh xa khỏi báo chí."

"Tôi không quan tâm đến điều đó."

"Anh hứa sẽ không công bố ảnh của công trình này chứ?"

"Tôi hứa."

"Cám ơn anh. Tôi sẽ đền bù cho anh về việc này. Ông có thể coi các tờ báo của Wynand như là cơ quan báo chí của cá nhân anh. Tôi sẽ lăng-xê bất kỳ công trình nào khác của anh mà anh muốn."

"Tôi không muốn bất kỳ sự lăng-xê nào."

Wynand cười to. "Anh thật khéo chọn chỗ để nói điều đó! Tôi không nghĩ là anh biết những kiến trúc sư khác – đồng nghiệp của anh – sẽ thực hiện buổi phỏng vấn này như thế nào đâu. Tôi không tin là trong suốt cuộc phỏng vấn, anh ý thức được rằng anh đang nói chuyện với Gail Wynand."

"Tôi có ý thức điều đó," Roark nói.

"Đây là cách tôi cảm ơn anh. Không phải lúc nào tôi cũng muốn là Gail Wynand."

"Tôi biết điều đó."

"Tôi đổi ý rồi và tôi muốn hỏi anh một câu hỏi cá nhân. Anh đã nói là anh sẽ trả lời bất kỳ câu hỏi nào."

"Tôi sẽ."

"Anh có luôn thích là Howard Roark?"

Roark mỉm cười. Nụ cười vừa thích thú, vừa ngạc nhiên, lại có vẻ coi thường một cách bất tự giác.

"Anh đã trả lời rồi," Wynand nói.

Rồi ông đứng dậy, chìa tay ra và nói: "Chín giờ sáng ngày mai."

Khi Roark đã đi khỏi, Wynand ngồi xuống bên bàn làm việc và mỉm cười. Ông với tay tới một trong các nút bấm bằng nhựa – và dừng lại. Ông nhận ra rằng ông phải sắm một dáng vẻ khác, dáng vẻ thường ngày của ông; rằng ông không thể nói như ông đã nói trong nửa giờ qua. Rồi ông hiểu điều kỳ lạ của cuộc phỏng vấn này: lần đầu tiên trong đời, ông đã nói chuyện với một người mà không có cảm giác miễn cưỡng hay áp lực, không cần phải che đậy như ông luôn cảm thấy khi nói chuyện với người khác. Không hề có sự kiềm chế, và cũng không có nhu cầu phải kiềm chế; như thể ông đã nói chuyện với chính mình.

Ông bấm nút và nói với cô thư ký:

"Bảo phòng tài liệu chuẩn bị cho tôi tất cả mọi thứ về Howard Roark."

*

* *

"Đoán đi," Alvah Scarret nói bằng giọng cầu xin người khác hãy cầu xin thông tin của mình.

Ellsworth Toohey xua tay vội vàng như thể muốn đuổi khách đi; ông không rời mắt khỏi bàn làm việc.

"Đi đi Alvah. Tôi đang bận."

"Không, chuyện này rất thú vị, Ellsworth. Thật đấy, rất thú vị. Chắc chắn ông sẽ muốn biết."

Toohey ngẩng đầu và nhìn Scarret; sự khó chịu thoáng qua trong khóe mắt của ông làm cho Scarret hiểu rằng Toohey đang chiếu cố. Ông kéo dài giọng vẻ kiên nhẫn:

"Được rồi. Chuyện gì nào?"

Scarret không phật ý với thái độ của Toohey. Toohey luôn xử sự với ông như vậy trong suốt một năm vừa rồi và thậm chí lâu hơn thế. Scarret không nhận thấy sự thay đổi – đã quá muộn để cảm thấy phật lòng. Thái độ ấy đã trở nên bình thường với cả hai người.

Scarret mỉm cười như thể một học sinh xuất sắc đang trông đợi được cô giáo khen vì đã phát hiện ra một lỗi trong cuốn sách giáo khoa của cô giáo.

"Ellsworth, nhân viên FBI riêng của ông đang bị qua mặt."

"Anh đang nói gì thế?"

"Tôi dám cá rằng ông không biết Gail vừa mới làm gì đâu – và ông luôn luôn muốn mình là người biết mọi tin tức nhỉ."

"Tôi không biết cái gì?"

"Đoán xem ai đã ở trong văn phòng ông ta hôm nay."

"Alvah thân mến của tôi, tôi không có thời gian cho mấy trò đánh đố."

"Có cho ông cả nghìn năm ông cũng sẽ không đoán được đâu."

"Được thôi, bởi vì cách duy nhất để đuổi cổ anh ra khỏi đây là đóng vai một thằng hề, tôi sẽ hỏi một câu thích hợp đây: Ai đã ở văn phòng của Gail ngày hôm nay?"

"Howard Roark."

Toohey quay hẳn sang phía Scarret, quên mất là mình đang bố thí sự quan tâm, và thốt lên một cách ngờ vực.

"Không thể thế được!"

"Có đấy!" Scarret nói với vẻ tự mãn khi nhìn thấy phản ứng của Toohey.

"Ồ!" Toohey phá lên cười.

Scarret cười nửa miệng; ông bối rối và băn khoăn khi phụ họa mà không thực sự hiểu nguyên nhân của sự thích thú này.

"Ừ, thật buồn cười. Nhưng mà… chính xác thì tại sao hả Ellsworth?"

"Ôi Alvah, để giải thích cho anh thì mất nhiều thời gian lắm!"

"Tôi có một ý kiến có thể…"

"Anh không có khả năng nhận biết những thứ vĩ đại à, Alvah? Anh có thích pháo hoa không? Nếu anh muốn biết điều gì sắp xảy ra, hãy nhớ rằng cuộc chiến tranh tồi tệ nhất là chiến tranh tôn giáo giữa các giáo phái của cùng một tôn giáo hoặc là cuộc chiến tranh giữa con người cùng một sắc tộc."

"Tôi không thực sự theo kịp những gì ông đang nói."

"Ồ anh bạn, tôi có quá nhiều người đi theo rồi. Tôi phải đuổi bớt đi ấy chứ."

"Được rồi, tôi mừng là cái tin này làm ông thấy vui, nhưng tôi nghĩ đó là tin xấu."

"Tất nhiên đó là tin xấu. Nhưng không phải đối với chúng ta."

"Nhưng xem nhé: ông biết rõ là chúng ta đã khăng khăng tuyên bố - nhất là ông – về chuyện tay Roark này là kiến trúc sư tồi nhất trong thành phố. Và nếu bây giờ sếp của chúng ta lại thuê hắn – chả nhẽ chuyện đó không xấu hổ à?"

"À chuyện đó à?... Cũng có thể…"

"Được rồi, tôi mừng là ông thấy thế."

"Thế hắn ta đã làm gì trong văn phòng của Gail? Có vụ làm ăn gì à?"

"Đấy là cái tôi không biết. Không tìm ra được lý do. Không ai biết cả."

"Gần đây anh có nghe thấy ông Wynand có kế hoạch xây dựng cái gì không?"

"Không. Thế còn ông?"

"Không. Tôi đoán rằng nhân viên FBI của tôi đúng là đang bị qua mặt.

Chà, ai cũng chỉ có thể cố đến mức độ nào đó thôi.”

“Nhưng ông biết không, Ellsworth, tôi có một ý kiến. Tôi nghĩ là chuyện này có thể rất có lợi cho chúng ta.”

“Như thế nào?”

“Ellsworth, thời gian qua Gail thật là khác thường.”

Scarret thốt ra điều đó với vẻ nghiêm trọng, như thể ông ta đang tiết lộ một phát hiện mới. Toohey ngồi yên và cười nửa miệng.

“Ồ, tất nhiên là ông đã đoán trước được điều này, Ellsworth. Ông đã đúng, luôn luôn đúng. Tôi thề là tôi không thể hiểu được chuyện gì đang xảy ra với ông ấy, không biết đó là do Domonique, hay một thay đổi nào đó trong cuộc sống, nhưng chắc là có điều gì đó đang xảy ra. Tại sao ông ta đột nhiên nổi hứng và bắt đầu đọc từng dòng của tất cả các bản in thử khốn kiếp, rồi làm toáng lên vì những chuyện ngớ ngẩn nhất? Gần đây ông ấy đã hủy ba bài xã luận hay nhất của tôi – mà ông ấy chưa bao giờ làm thế với tôi. Chưa bao giờ. Ông có biết ông ấy nói gì với tôi không? Ông ấy nói: ‘Bổn phận làm mẹ là điều thiêng liêng, Alvah, nhưng vì Chúa, hãy bơn bớt những chuyện nhảm nhí của anh. Đầu óc người ta cũng chỉ sa đọa được đến một giới hạn nhất định.’ Sa đọa nào? Đó là bài xã luận về Ngày cho Mẹ ngọt ngào nhất mà tôi từng viết. Thành thật mà nói chính tôi đọc cũng thấy cảm động. Ông ta học được cách nói về sự sa đọa từ bao giờ thế không biết? Một hôm khác, ông ta gọi Jules Fougler là đồ trí thức rẻ tiền, gọi thẳng vào mặt ông ấy, và ném bài viết cho số báo Chủ nhật của ông ấy vào sọt rác. Đó cũng là một bài đặc sắc, viết về Rạp hát của công nhân. Jules Fougler, cây bút xuất sắc nhất của chúng ta! Thảo nào mà Gail chẳng còn bạn bè trong tòa soạn. Lúc trước họ đã ghét thái độ của ông ấy rồi, bây giờ thì ông cứ nghe mà xem!”

“Tôi đã nghe rồi.”

“Ông ấy đang xuống dốc, Ellsworth ạ. Tôi không biết tôi sẽ làm gì nếu không có ông và những người xuất sắc ông đã chọn. Giờ thì hầu như họ là tất cả đội ngũ đang làm việc thực sự ở đây, những chàng trai ông chọn, chứ không phải là những con bò già nữa – đằng nào họ cũng hết thời rồi. Bọn trẻ đó sẽ làm cho tờ Ngọn cờ này còn sống. nhưng còn Gail… Nghe này, tuần trước ông ta đã sa thải Dwight Carson. Chà, ông biết đấy, chuyện này rất hệ trọng. Tất nhiên Dwight chỉ là một kẻ vô tích sự và là một gánh nặng khốn kiếp, nhưng anh ta đã là một trong những con thú cảnh đầu tiên của Gail – cái bọn nhóc đã bán cả linh hồn cho ông ấy. Vì thế, ông thấy đấy, theo một cách nào đó thì tôi vẫn thích có Dwight ở đây; chuyện đó tốt, chuyện đó chả sao cả, nó là tàn tích về thời sung sức của Gail. Tôi luôn luôn nói rằng đó là cái van an toàn của Gail. Và khi ông ta đột ngột để cho Carson đi… tôi

không thích điều này, Ellsworth. Tôi không thích một tí nào cả."

"Chuyện gì thế này, Alvah? Anh đang kể cho tôi những chuyện mà tôi không biết, hay là anh đang mở van xả hết các thứ - bỏ qua cho tôi vì cái ẩn dụ này – lên đầu tôi?"

"Tôi đoán vậy. tôi không thích chỉ trích Gail nhưng tôi phát điên quá lâu và tôi mệt mỏi lắm rồi. Nhưng đây là cái mà tôi đang định nói là: Cái tay Howard Roark này, hắn đang làm ông nghĩ tới điều gì?"

"Tôi có thể viết cả một cuốn sách về điều đó đấy Alvah. Bây giờ không phải lúc thích hợp để bàn một chuyện to lớn đến thế."

"Không, ý tôi là điều cơ bản nhất mà chúng ta biết về anh ta là gì nào? Rằng anh ta là một kẻ lập dị, một con quái vật và một gã ngu xuẩn – được rồi – nhưng còn gì nữa? Rằng anh ta là một gã ngốc mà người ta không thể mua chuộc bằng tình ái, tiền bạc hay bằng cách dí súng vào đầu. Anh ta tệ hơn cả Dwight Carson, tệ hơn tất cả những con thú cảnh của Gail cộng lại. Đúng vậy không? Ông đã hiểu ý tôi chưa? Rồi Gail sẽ làm gì khi ông ấy gặp một kẻ như vậy?"

"Một số khả năng có thể xảy ra."

"Chỉ một khả năng duy nhất, nếu như tôi hiểu về Gail, mà tôi thì hiểu ông ta. Đó là lý do vì sao mà tôi cảm thấy có một chút hy vọng. Roark là thứ ông ta cần – và cần từ lâu rồi. Một liều thuốc cũ. Chiếc van an toàn. Ông ấy sẽ lại xông ra bẽ gãy xương sống của hắn ta… và điều đó sẽ tốt cho Gail. Điều tốt nhất trên thế giới này. Làm cho ông ta trở lại bình thường… Đó là ý kiến của tôi, Ellsworth."

Scarret chờ đợi, nhưng không nhìn thấy sự tán thưởng nào trên khuôn mặt Toohey nên ông kết thúc một cách rầu rĩ: "Chà, cũng có thể tôi sai… Tôi không biết… Chuyện đó có thể chẳng có ý nghĩa gì cả… Tôi nghĩ đó là vấn đề tâm lý…"

"Nó là vấn đề tâm lý, Alvah."

"Vậy là ông đang nghĩ mọi chuyện sẽ diễn ra như thế?"

"Có thể. Hoặc có thể sẽ tồi tệ hơn bất kỳ cái gì anh đang tưởng tượng. Nhưng điều đó cũng chẳng còn quan trọng gì đối với chúng ta. Bởi vì anh thấy đấy, Alvah, đối với tờ *Ngọn cờ*, nếu đến một lúc nào đó mà chúng ta phải tay bo với sếp của chúng ta, thì lúc ấy chúng ta cũng không còn phải sợ ngài Gail Wynand nữa rồi."

*

* *

Khi cậu bé của phòng tư liệu bước vào và mang theo một phong bì dày chứa các bài báo rời, Wynand ngẩng đầu lên nhìn cậu ta và nói:

"Nhiều thế à? Tôi không biết anh ta nổi tiếng đến thế."

"Ồ, các bài báo về phiên tòa về Stoddard, thưa ngài Wynand."

Cậu bé ngừng lại. Chẳng có gì sai cả… chỉ có những nếp nhăn trên trán của Wynand và cậu chưa biết nhiều về Wynand để có thể hiểu những nếp nhăn đó có nghĩa gì. Cậu băn khoăn không biết điều gì đã làm cậu cảm thấy cậu nên sợ hãi. Một giây sau, Wynand nói:

"Được rồi, cám ơn."

Cậu bé đặt phong bì này lên trên mặt bàn và đi ra ngoài.

Wynand ngồi ngắm nhìn cái phong bì màu vàng căng phồng. Ông thấy nó phản chiếu trong tấm kính, cứ như thể gói báo ấy đã ăn qua mặt kính và cắm rễ xuống bàn. Ông nhìn những bức tường quanh phòng và tự hỏi liệu chúng có chứa một sức mạnh nào đó có thể cứu ông khỏi việc mở cái phong bì đó.

Rồi ông ngồi thẳng dậy, đặt hai cẳng tay thành một đường thẳng dọc theo mép bàn, những ngón tay duỗi dài chạm vào nhau; ông cụp mắt xuống, nhìn vượt qua cánh mũi xuống mặt bàn. Ông ngồi một lát, trang nghiêm, kiêu hãnh, bình tĩnh như xác ướp góc cạnh của môt Pha-ra-ông; rồi ông nhấc một tay lên, kéo cái phong bì lại phía mình, mở ra và bắt đầu đọc.

Tội báng bổ thánh thần của Ellsworth M. Toohey – *Những nhà thờ của tuổi thơ chúng ta* của Alvah Scarret – những bài xã luận, bài thuyết giáo, các bài phát biểu, bản tuyên bố, thư gửi ban biên tập, những trang lớn đổ thêm dầu vào lửa của tờ *Ngọn cờ*, những bức ảnh, tranh biếm họa, bài phỏng vấn, phản thuyết về biểu tình phản đối, các lá thư gửi ban biên tập.

Ông đọc từng từ một cách cẩn thận, tay ông đặt trên cạnh bàn, các ngón tay chạm nhau không cầm đến các mẫu báo, không chạm vào chúng. Ông để nguyên chồng báo để đọc. Ông chỉ nhấc tay lên để lật một bài báo ra và đọc bài ở dưới, tay ông chuyển động với sự chính xác về thời gian của một cỗ máy, những ngón tay nhấc lên cùng khoảnh khắc với việc mắt ông đọc đến từ cuối cùng; ông không để cho bài báo nào nằm trong tầm mắt lâu hơn cần thiết. Nhưng ông dừng lại một lúc lâu để nhìn những bức ảnh của Đền Stoddard. Ông dừng lại lâu hơn để ngắm một trong những bức ảnh của Roark, cái ảnh được chú thích *Ngài hạnh phúc chứ, thưa Ngài Siêu Nhân*? Ông xé bức ảnh ra khỏi bài viết đi kèm và đút nó vào ngăn kéo bàn làm việc. Rồi ông lại tiếp tục đọc.

Phiên tòa… lời cung của Ellsworth M. Toohey… của Peter Keating… của Ralston Holcombe… của Gordon L. Prescott… - không thấy có trích dẫn lời

chứng trước tòa của Dominique Francon, chỉ có một báo cáo ngắn gọn. "*The defense rests*." Một vài đề cập trong chuyên mục *Một ý kiến nhỏ*… sau đó là một khoảng trống… tập báo tiếp theo ghi ngày tháng của ba năm sau đó – về Thung lũng Monadnock.

Khi ông đọc xong, trời đã tối. Các thư ký của ông đã đi về. Ông cảm thấy sự hiện diện của những căn phòng và tiền sảnh trống không ở xung quanh ông. Nhưng ông nghe thấy âm thanh của những chiếc máy in: những rung động trầm đục, dài và chạy xuyên qua mọi căn phòng. Ông đã luôn thích cái âm thanh đó – tiếng trái tim của cả tòa nhà đang đập. Ông lắng nghe. Chúng đang đập cho số báo ngày mai của tờ *Ngọn cờ*. ông ngồi bất động một lúc lâu.

III.

Roark và Wynand đứng trên đỉnh đồi phóng tầm mắt ngắm cả dải đất dốc xuống tạo thành một hình vòng cung dài thoai thoải. Một vài cái cây trụi lá, đứng thành một hàng kéo từ trên đỉnh đồi xuống đến bờ hồ nước; những cành cây tạo thành những khối hình học cắt vào bầu trời. Bầu trời mang một màu xanh lơ pha lẫn xanh lục, trong suốt và mong manh, càng làm cho không gian trở nên lạnh lẽo hơn. Cái lạnh đã tẩy sạch mọi thứ màu sắc của trái đất, để lại vạn vật ở trạng thái không màu. Nó cho thấy rằng những màu sắc kia không tồn tại, cái tồn tại thực sự chính là một màu nâu chết của mặt đất; và chính cái màu nâu đất ấy là nguyên tôsarn sinh ra mọi màu sắc khác trên mặt đất này. Màu nâu ấy không phải là một màu nâu hoàn toàn mà hàm chứa trong nó màu xanh của lá cây rồi sẽ mọc lên, màu tía mệt mỏi của lửa rồi sẽ trào lên, và màu xám của quặng vàng rồi sẽ được khai thác. Trái đất giống như phác thảo của một câu chuyện vĩ đại, giống như khung sắt của một tòa nhà, rồi sẽ được lấp đầy và hoàn thiện; nó đang giữ trong mình tất cả sự tráng lệ của tương lai dưới một vẻ đơn giản trần trụi.

“Anh nghĩ nên xây ngôi nhà ở chỗ nào?” Wynand hỏi.

“Ở ngay đây,” Roark trả lời.

“Tôi đã hy vọng anh sẽ chọn chỗ này.”

Wynand đã tự lái xe từ thành phố đến đây, và họ đã đi bộ khoảng hai tiếng xuyên qua các đường mòn trên khu đất mới của ông, xuyên qua những lối đi nhỏ bị bỏ hoang, xuyên qua một cánh rừng, qua một cái hồ và tới ngọn đồi này. Bây giờ, Wynand đang đợi trong khi Roark đứng ngắm nhìn cả một vùng thôn quê trải rộng dưới chân anh. Wynand tự hỏi không biết người đàn ông này đang thu vào tay mình những đường nối nào từ các điểm khác nhau của phong cảnh này.

Khi Roark quay lại phía ông, Wynand hỏi:

“Bây giờ tôi có thể nói chuyện với anh được chưa?”

“Tất nhiên rồi,” – Roark mỉm cười và thích thú bởi sự tôn trọng mà anh đã không yêu cầu.

Giọng Wynand rõ ràng và giòn tan, như màu sắc của bầu trời phía trên họ; giọng nói ấy cũng tỏa ra một ánh sáng xanh như của đá băng:

“Tại sao anh nhận việc này?”

“Bởi vì tôi là một kiến trúc sư làm thuê.”

“Anh hiểu ý tôi mà.”

“Tôi không chắc là tôi hiểu.”

“Anh không căm ghét tôi đến tận xương tủy à?”

“Không. Tại sao tôi lại phải căm ghét ông?”

“Anh muốn tôi nói về nó trước?”

“Về cái gì?”

“Đền Stoddard.”

Roark mỉm cười.

“Vậy là ông có kiểm tra các thông tin về tôi từ hôm qua.”

“Tôi đã đọc các bài báo cũ của chúng tôi.” Ông ngừng lại chờ đợi, nhưng Roark không nói gì cả. “Đọc tất cả.” Giọng ông khàn đi, nửa thách thức, nửa như thanh minh. “Tất cả những gì chúng tôi nói về anh.” Sự bình thản trên khuôn mặt Roark làm ông nổi cáu. Ông tiếp tục nói một cách chậm chạp và nhấn mạnh từng từ: “Chúng tôi đã gọi anh là một thằng ngốc bất tài, một kẻ tập tọng, một gã lang băm, một gã lừa đảo, một thằng khùng…”

“Đừng tự tra tấn mình nữa.”

Wynand nhắm mắt lại như thể Roark vừa đánh ông. Một lát sau, ông nói:

“Anh Roark, anh không biết nhiều về tôi. Nhưng anh nên biết điều này: tôi không xin lỗi. Tôi không bao giờ xin lỗi vì bất kỳ hành động nào của tôi.”

“Điều gì làm ông nghĩ đến chuyện xin lỗi? Tôi đâu có yêu cầu điều đó.”

“Tôi ủng hộ tất cả những từ vừa rồi. Tôi ủng hộ mọi từ ngữ được in trên tờ *Ngọn cờ*.”

“Tôi không đòi hỏi ông chối bỏ tờ báo.”

“Tôi biết anh nghĩ gì. Ngày hôm qua, anh biết là tôi không hề biết gì về vụ Đền Stoddard. Tôi đã quên mất tên kiến trúc sư của công trình đó. Anh đã kết luận rằng tôi không phải là người đứng đầu chiến dịch chống lại anh. Anh đúng, không phải là tôi, lúc ấy tôi đi vắng. Nhưng anh không hiểu rằng chiến dịch này theo đúng tinh thần chủ đạo và hợp lý của tờ *Ngọn cờ*. Nó tuân thủ đúng chức năng của tờ *Ngọn cờ*. Không có ai chịu trách nhiệm về nó ngoài tôi. Nếu tôi có mặt trong thành phố vào lúc đó, tôi cũng sẽ làm như vậy.”

“Đó là đặc quyền của ông.”

“Anh không tin là tôi cũng sẽ làm như vậy à?”

“Không.”

“Tôi chưa yêu cầu anh ca tụng và tôi chưa yêu cầu anh thương hại tôi.”

“Tôi không thể làm điều ông đang yêu cầu.”

“Anh nghĩ là tôi đang yêu cầu anh điều gì?”

“Tát vào mặt ông.”

“Tại sao anh không làm việc đó?”

“Tôi không thể giả vờ tức giận khi tôi không cảm thấy tức giận,” Roark nói. “Đó không phải là sự thương hại. Nó còn tàn nhẫn hơn bất kỳ việc gì tôi có thể làm. Chỉ có điều tôi không làm điều đó để trở nên tàn nhẫn. Nếu tôi tát vào mặt ông, ông có thể sẽ tha thứ cho tôi về ngôi Đền Stoddard.”

“Anh là người đang tìm kiếm sự tha thứ ư?”

“Không. Ông ước gì tôi tìm kiếm. Ông biết rằng cần có một hành động tha thứ. Ông không biết rõ ai sẽ là người hành động. Ông mong rằng tôi sẽ tha thứ cho ông – hoặc yêu cầu một khoản tiền, hai việc này cũng như nhau cả thôi, và ông tin rằng việc đó sẽ làm cho vụ việc này kết thúc. Nhưng ông thấy đấy, tôi chẳng có gì liên quan đến vụ này nữa cả. Tôi không phải là một trong những người tham gia vào hành động. Bây giờ thì tôi làm gì hay cảm thấy thế nào về chuyện này cũng chẳng có gì là quan trọng. Ông không hề nghĩ đến tôi. Tôi không thể giúp ông. Tôi không phải là người mà bây giờ ông đang lo sợ.”

“Người đó là ai?”

“Bản thân ông.”

“Ai cho anh quyền nói những điều này?”

“Chính ông.”

“Được rồi, nói tiếp đi.”

“Ông muốn nghe phần còn lại à?”

“Nói tiếp đi.”

“Tội nghĩ ông thấy đau khi biết rằng ông đã làm tôi phải đau khổ. Ông ước gì ông đã không làm như vậy. Tuy thế, có một điều còn làm ông sợ hãi hơn. Đó là việc nhận ra rằng tôi không hề đau khổ.”

“Tiếp đi.”

“Việc nhận ra rằng lúc này tôi không hề tốt bụng hay rộng lượng, mà chỉ đơn giản là dửng dưng. Việc này làm cho ông hoảng sợ, bởi vì ông biết rằng những chuyện như Đền Stoddard luôn luôn cần có một sự trả giá… và ông thấy tôi không phải trả giá cho nó. Ông ngạc nhiên khi tôi chấp nhận xây nhà

cho ông. Ông nghĩ rằng sự chấp nhận của tôi đòi hỏi sự can đảm ư? Ông cần sự can đảm lớn hơn nhiều khi thuê tôi. Ông thấy đấy, tôi nghĩ về chuyện Đền Stoddard như thế này này. Tôi đã hết nợ với nó rồi. Nhưng ông thì chưa."

Wynand để những ngón tay ông rơi thỏng xuống, lòng bàn tay mở ra. Vai ông chùng xuống một chút với vẻ thư giãn. Ông nói rất giản đơn:

"Được rồi. Anh nói đúng. Tất cả."

Rồi ông đứng thẳng lên, nhưng với một dáng vẻ cam chịu im lặng, như thể cơ thể ông cố tình để cho cơ thể mình có thể bị tấn công.

"Tôi mong là anh biết rằng anh đã trừng phạt tôi theo cách của anh," ông nói.

"Đúng vậy. và ông đã chịu đựng điều đó. Vậy là ông đã hoàn thành điều ông mong muốn. Chúng ta hòa nhé và hãy quên chuyện Đền Stoddard đi, được không?"

"Hoặc là anh rất khôn ngoan hoặc là tôi đã để lộ mình quá nhiều. Dù thế nào đi nữa thì anh cũng đã thắng. Chưa từng có ai làm cho tôi để lộ mình được."

"Tôi có nên tiếp tục làm điều ông muốn?"

"Anh nghĩ bây giờ tôi mong muốn điều gì?"

"Sự thừa nhận cá nhân từ phía tôi. Đến lượt tôi nói ra, phải không?"

"Anh luôn thành thật một cách đáng sợ đúng không?"

"Tại sao lại không? Tôi không thể thừa nhận với ông rằng ông đã làm tôi phải đau lòng. Nhưng thay vào đó, tôi sẽ thừa nhận rằng ông đã mang lại cho tôi sự sung sướng – như thế cũng được phải không? Vậy là được rồi. Tôi rất vui vì ông thích tôi. Tôi nghĩ ông biết đây là một ngoại lệ đối với tôi, cũng như chấp nhận bị trừng phạt là một ngoại lệ với ông. Thông thường, tôi không quan tâm liệu người ta có thích tôi hay không. Lần này thì tôi có quan tâm. Tôi rất vui mừng."

Wynand cười to.

"Anh ngây thơ và tự phụ như một ông hoàng vậy. Khi anh ban vinh hạnh cho người khác, thực ra anh chỉ đang tự tôn vinh bản thân anh. Cái quái gì làm cho anh nghĩ rằng tôi thích anh?"

"Nào, ông không muốn tôi giải thích rõ điều đó đâu. Ông vừa mới chỉ trích tôi vì đã làm ông trở nên lộ liễu đấy thôi."

Wynand ngồi xuống một thân cây đổ. Ông không nói gì nhưng cử chỉ của ông như một lời mời – và một mệnh lệnh. Roark ngồi xuống cạnh ông.

Khuôn mặt anh điềm tĩnh nhưng vẫn còn bóng dáng một nụ cười – một nụ cười vui thích và cảnh giác – như thể rằng mỗi từ ngữ mà anh nghe thấy không phải là một sự hé lộ, mà là sự xác nhận.

"Anh đi lên từ bàn tay trắng phải không?" Wynand hỏi. "Anh xuất thân từ một gia đình nghèo."

"Đúng vậy. Sao ông biết điều đó?"

"Chỉ như một tiền đề tất yếu… thật khó hình dung việc đưa cho anh một cái gì đó: một lời khen, một ý tưởng hay một cơ đồ. Tôi cũng bắt đầu từ đáy. Cha anh làm gì?"

"Luyện thép."

"Cha tôi là phu khuân vác ở bến tàu. Khi còn nhỏ, anh đã làm đủ loại việc lặt vặt, đúng không?"

"Đủ loại. Chủ yếu trong nghề xây dựng."

"Tôi thì tồi hơn thế. Tôi làm bất cứ việc gì. Anh thích nhất công việc nào?"

"Bắt đinh tán nung nóng, trên các rầm thép."

"Tôi thích đánh giày trên phà qua sông Hudson. Đáng ra tôi phải căm ghét cái công việc này, nhưng tôi lại không hề cảm thấy điều đó. Tôi không nhớ gì về những người xung quanh, tôi chỉ nhớ thành phố. Thành phố… luôn ở đó, bên bờ biển, mênh mông và chờ đợi, như thể có một sợi cao su buộc chặt tôi với thành phố đó. Sợi dây này có thể giãn ra và đưa tôi đi xa tới những bờ bến khác, nhưng rồi nó sẽ luôn co lại và tôi sẽ quay về. Nó cho tôi cảm giác rằng tôi sẽ không bao giờ trốn thoát khỏi thành phố này… và thành phố này cũng sẽ không bao giờ trốn thoát khỏi tôi."

Giọng nói của Wynand làm cho Roark biết rằng ông rất hiếm khi nói về thời thơ ấu của mình. Những từ ngữ ấy rạng ngời và ngập ngừng, chưa hoen ố vì bị sử dụng quá nhiều, giống như những đồng xu chưa qua tay nhiều người.

"Anh đã bao giờ không nhà cửa và chết đói thực sự chưa?" Wynand hỏi.

"Một vài lần."

"Anh có bận tâm về điều đó không?"

"Không."

"Tôi cũng không. Tôi bận tâm đến những chuyện khác. Khi còn nhỏ, đã bao giờ anh muốn gào lên khi xung quanh anh toàn những sự vô lý đần độn, anh biết anh có thể làm những gì và có thể làm tốt đến thế nào, nhưng lại

không có quyền lực để làm những việc đó? Không có quyền lực để làm nổ tung những cái đầu đất sét xung quanh? Phải tuân lệnh – điều này đã tồi tệ rồi – đằng này phải tuân lệnh những kẻ dốt nát hơn anh! Anh có bao giờ cảm thấy điều đó không?"

"Có."

"Anh có dồn sự tức giận vào trong, tích trữ nó, và anh quyết định rằng nếu cần, anh có thể để mình nổ tung thành ngàn mảnh nhưng một ngày nào đó, nhất định anh sẽ phải cai trị tất cả mọi người và tất cả mọi thứ xung quanh anh?"

"Không."

"Không ư? Anh để cho mình quên đi à?"

"Không. Tôi ghét sự bất tài. Có lẽ đó là cái duy nhất tôi thực sự ghét. Nhưng nó không làm tôi muốn thống trị người khác hay muốn dạy dỗ họ bất kỳ điều gì. Nó làm tôi muốn được làm công việc của tôi theo cách của chính tôi, và để bản thân tôi bị nổ tung thành ngàn mảnh nếu cần."

"Và anh đã bị nổ tung thành ngàn mảnh?"

"Không. Những thứ đã xảy ra đều không đáng kể."

"Anh có sợ phải nhìn lại phía sau không? Hay nhìn vào bất cứ chuyện gì?"

"Không."

"Tôi thì có. Có một đêm. Tôi bị đánh và tôi bò tới một cánh cửa… tôi còn nhớ cái vỉa hè đó… nó ở ngay dưới mũi tôi… tôi vẫn có thể nhìn thấy nó… những đường vân trên đá và các chấm trắng… tôi đã phải tập trung để biết cái vỉa hè đấy đang di chuyển… tôi không thể cảm nhận được liệu tôi đang di chuyển hay đang đứng yên – nhưng tôi có thể biết nhờ cái vỉa hè ấy… tôi phải nhìn thấy các đường vân và chấm trắng đó thay đổi… tôi phải bò tới những họa tiết tiếp theo của vỉa hè hay là cái vết nứt tiếp theo cách đó mười xăng-ti-mét[124]… phải rất lâu… tôi biết có máu dưới bụng tôi…"

Giọng nói của ông không có dấu hiệu của sự tự thán; nó giản dị, khách quan, chỉ hơi có bóng dáng của sự băn khoăn. Roark nói:

"Tôi muốn được giúp ông."

Wynand mỉm cười một cách từ tốn, không phải với vẻ vui mừng.

"Tôi tin là anh có thể. Tôi thậm chí tin rằng điều đó là thích hợp. Hai ngày trước đây tôi có lẽ sẽ giết bất kỳ kẻ nào dám nghĩ về tôi như một đối tượng cần tới sự giúp đỡ… Dĩ nhiên anh biết, không phải tôi căm ghét cái

buổi tối đó trong quá khứ của tôi. Tôi cũng không khiếp sợ khi nhớ về nó. Nó là thứ làm tôi ít khó chịu nhất khi nhắc lại. Những thứ khác thậm chí không thể bàn tới được."

"Tôi biết. Ý tôi đã nói đến những thứ khác đó."

"Chúng là cái gì? Anh kể tên chúng ra."

"Đền Stoddard."

"Anh muốn giúp đỡ tôi việc đó à?"

"Đúng vậy."

"Anh là một thằng ngốc chết tiệt. Anh không thấy rằng…"

"Ông không thấy rằng tôi đang làm việc đó rồi sao?"

"Bằng cách nào?"

"Bằng việc xây ngôi nhà này cho ông."

Roark nhìn thấy những nếp nhăn chéo trên trán Wynand. Đôi mắt của Wynand dường như trắng hơn thường lệ, cứ như thể là màu xanh lơ đã biến mất khỏi tròng mắt, chỉ còn như hai hình bầu dục trắng, tỏa sáng trên gương mặt. Ông nói:

"Và nhận được tờ séc béo bở cho vụ này."

Ông nhìn thấy nụ cười rộng trên gương mặt Roark, sau khi nó bị nén lại trong khoảnh khắc. Nụ cười ấy đã nói lên rằng sự lãng mạ đột ngột của Wynand là bằng chứng của sự đầu hàng – còn hùng hồn hơn bất cứ bài diễn thuyết nào về sự tự tin. Và việc Roark phải nén cười đã nói rằng anh sẽ không giúp Wynand vượt qua khoảnh khắc đầu hàng đó.

"Ồ, tất nhiên rồi," Roark nói một cách bình thản.

Wynand đứng dậy và nói. "Đi thôi. Chúng ta đang lãng phí thời gian. Tôi có nhiều việc quan trọng hơn phải làm ở văn phòng."

Họ không nói gì trên đường về thành phố. Wynand lái xe với tốc độ chín mươi dặm một giờ[125]. Tốc độ cao làm cho cảnh vật hai bên đường nhòe đi, chỉ còn như hai bức tường đặc chạy dọc hai bên cửa sổ. Họ như đang bay dọc một hành lang dài, khép kín và câm lặng.

Ông dừng xe trước cửa tòa nhà Cord và để Roark xuống xe. Ông nói:

"Anh có thể quay lại khu đất đó bất cứ lúc nào, bao nhiêu lần cũng được, anh Roark. Tôi không phải đi cùng anh. Anh có thể lấy các bản điều tra và mọi thông tin anh cần ở văn phòng tôi. Xin đừng gọi điện cho tôi cho đến khi nào cần thiết. Tôi sẽ rất bận rộn. Khi nào anh hoàn thành những bản vẽ

đầu tiên, hãy báo cho tôi biết.”

*

* *

Khi những bản vẽ đã hoàn thành, Roark gọi điện tới văn phòng của Wynand. Suốt cả tháng nay anh không nói chuyện với Wynand. “Xin ông cầm máy chờ cho một chút, ông Roark,” thư ký của Wynand nói. Anh chờ. Sau đó là giọng của người thư ký báo với anh rằng ngài Wynand muốn anh mang các bản vẽ tới văn phòng ông ta vào buổi chiều hôm đó. Cô thư ký cho giờ hẹn gặp. Wynand không trực tiếp trả lời điện thoại.

Khi Roark bước vào văn phòng, Wynand nói: “Ông khỏe chứ, ông Roark” – giọng ông lịch thiệp và trang trọng. Trên khuôn mặt lịch sự trống rỗng của ông không hề có chút gợi nhớ nào về sự thân mật trước đây.

Roark trao cho ông các bản vẽ mặt bằng của ngôi nhà và một bản vẽ phối cảnh lớn. Wynand nghiên cứu từng bản vẽ. Ông giữ chúng một lúc lâu. Rồi ông nhìn lên.

“Tôi rất ấn tượng, ông Roark.” Giọng nói của ông chính xác đến mức khó chịu. “Tôi đã khá ấn tượng ngay từ lúc đầu. Tôi đã nghĩ kỹ và tôi muốn có một thỏa thuận đặc biệt với ông.”

Ông nhìn sâu vào Roark, với một vẻ gần như sự dịu dàng, như thể ông muốn nói rằng ông muốn đối xử với anh một cách thận trọng, nhằm giữ anh nguyên vẹn cho một mục đích riêng của ông. Ông dùng hai ngón tay nhấc bản phác thảo lên và để ánh sáng chiếu thẳng vào nó. Tờ giấy trắng trong chốc lát chợt bừng sáng lên như một tấm gương, làm nổi bật những nét vẻ bằng chì đen.

“Ông muốn nhìn thấy căn nhà này được xây dựng?” Wynand hỏi khẽ. “Ông rất muốn thế phải không?”

“Đúng,” Roark nói.

Wynand không di chuyển cánh tay. Ông chỉ mở hai ngón tay ra để thả bản vẽ rơi úp sấp xuống mặt bàn.

“Căn nhà này sẽ được xây, ông Roark. Đúng như ông đã thiết kế. Đúng y như bản vẽ này. Với một điều kiện.”

Roark ngồi tựa vào ghế, hai tay bỏ túi, chăm chú chờ đợi.

“Ông không muốn hỏi tôi về điều kiện đó à, ông Roark? Được lắm, tôi sẽ nói cho ông biết. Tôi sẽ chấp nhận ngôi nhà này với điều kiện ông phải chấp nhận thỏa thuận mà tôi sắp đưa ra. Tôi muốn ký một hợp đồng, theo đó ông sẽ là kiến trúc sư độc quyền trong mọi công trình xây dựng của tôi từ nay về

sau. Như ông biết, đây sẽ là một trách nhiệm lớn. Tôi dám nói là tôi nắm trong tay nhiều công trình xây dựng hơn bất kỳ ai trên đất nước này. Tất cả những người cùng nghề với ông đều muốn được biết đến như kiến trúc sư độc quyền của tôi. Tôi đang cho ông cơ hội đó. Đổi lại, ông sẽ phải tuân theo một vài điều kiện nhất định. Trước khi tôi nói về những điều kiện ấy, tôi muốn chỉ ra một vài hậu quả nếu như ông từ chối. Có lẽ ông biết rằng tôi không thích bị từ chối. Tôi có thể dùng quyền lực của mình theo hai cách. Tôi có thể dễ dàng làm cho ông không thể kiếm được một hợp đồng nào khác ở bất cứ nơi nào trên đất nước này. Ông có một số ít người ủng hộ của riêng ông, nhưng không một ông chủ tương lai nào của ông có thể chịu đựng nổi áp lực của tôi. Trước đây, ông đã có một số giai đoạn phải sống hoàn toàn lãng phí. Những thứ đấy sẽ chẳng là gì cả so với sự phong tỏa mà tôi có thể tạo ra. Ông có thể sẽ phải quay trở về mỏ đã granit… phải, tôi có biết chuyện đó, mùa hè năm 1928, mỏ đá Francon ở Connecticut… làm sao tôi biết à?... qua các thám tử tư, ông Roark… ông có thể phải quay lại mỏ đá granit, chỉ có điều, tôi sẽ chăm sóc cẩn thận để chẳng có mỏ đá nào nhận ông. Bây giờ tôi sẽ nói cho ông biết tôi muốn gì ở ông.”

Trong tất cả những lời đồn đại về Gail Wynand, chưa có ai từng nói về vẻ mặt của ông như người ta có thể nhìn thấy vào khoảnh khắc này. Một vài người từng nhìn thấy thì không bao giờ nói về nó. Trong số đó, Dwight Carson là người đầu tiên. Hai môi của Wynand tách khỏi nhau, mắt ông sáng rực. Đó là biểu hiện của một sự thỏa mãn nhục dục phát sinh từ sự đau đớn cực độ… sự đau đớn của nạn nhân, hoặc là của chính ông, hoặc là của cả hai.

“Tôi muốn ông thiết kế tất cả các công trình thương mại trong tương lai của tôi, đúng như ý muốn của công chúng về một công trình thương mại. Ông sẽ xây dựng những ngôi nhà kiểu thuộc địa, các khách sạn theo phong cách Rococo[126], các tòa nhà văn phòng kiểu bán Hy Lạp. Ông sẽ sử dụng sự khéo léo vô song của ông trong khuôn khổ những khuôn mẫu mà thị hiếu công chúng đã phê chuẩn… và ông sẽ kiếm tiền cho tôi. Ông sẽ sử dụng tài năng tuyệt vời của ông, và bắt nó phải tuân phục. Phải sáng tạo trong thế giới của ông những thứ giống như tờ *Ngọn cờ* trong thế giới của tôi. Ông cho rằng chẳng cần đến tài năng nào để tạo ra tờ *Ngọn cờ* à? Những việc như thế sẽ là công việc tương lai của ông. Ngôi nhà ông thiết kế cho tôi sẽ được xây dựng đúng như bản thiết kế. Nó sẽ là công trình cuối cùng của Roark trên trái đất này. Không một ai khác sau tôi có được một công trình được thiết kế bởi Roark. Ông đã đọc chuyện về việc những vị vua chúa thời cổ đại xử tử kiến trúc sư thiết kế cung điện của họ, để không thể có bất cứ công trình nào khác có được sự huy hoàng sánh với cung điện của họ chưa? Họ giết người kiến trúc sư hoặc khoét mắt ông ta. Những phương pháp hiện đại thì khác. Trong suốt quãng đời còn lại, ông sẽ tuân theo ý chí của đám đông. Tôi

không định tranh cãi với ông. Đơn giản là tôi chỉ tuyên bố một sự chọn lựa. Ông là kiểu người có thể hiểu những ngôn từ trần trụi. Ông có một chọn lựa đơn giản: nếu từ chối, ông sẽ không bao giờ xây dựng bất kỳ cái gì nữa. Nếu đồng ý, ông sẽ xây dựng ngôi nhà này, thứ mà ông rất muốn nhìn thấy nó được xây lên, và còn thêm rất nhiều những ngôi nhà khác mà ông không thích, nhưng chúng sẽ mang lại tiền bạc cho cả hai chúng ta. Từ giờ đến cuối đời, ông sẽ thiết kế những dự án nhà cho thuê, chẳng hạn như Stoneridge. Đấy là cái mà tôi muốn."

Ông cuối người về phía trước và chờ đợi một trong những phản ứng mà ông biết rất rõ và lấy làm thích thú: một cái nhìn biểu lộ sự giận dữ, sự phẫn nộ, hay sự kiêu hãnh cao độ.

"Tất nhiên rồi," Roark nói một cách vui vẻ. "Tôi sẽ vui mừng thực hiện việc đó. Quá dễ."

Anh vươn người, với lấy một cây bút chì và một mảnh giấy trên bàn làm việc của Wynand – một lá thư với một dòng in danh tính rất ấn tượng. Anh vẽ rất nhanh lên mặt sau của lá thư. Bàn tay anh chuyển động trơn tru và tự tin. Wynand nhìn khuôn mặt anh đang cúi xuống tờ giấy. Ông nhìn thấy một vầng trán phẳng, cặp lông mày thẳng, chăm chú nhưng không căng thẳng.

Roark ngẩng đầu lên và ném tờ giấy qua bàn cho Wynand.

"Đây là cái ông muốn phải không?"

Trên tờ giấy là ngôi nhà của Wynand, với các hành lang kiểu thuộc địa, mái thòi ra những thanh xà, hai cái ống khói đồ sộ, một vài trụ bổ tường, một vài ô cửa sổ kiểu lỗ châu mai ở sườn nhà. Đó không phải là sự bắt chước có tính chế nhạo; đấy là một tác phẩm chuyển thể nghiêm túc mà bất kỳ vị giáo sư nào hẳn cũng sẽ coi nó là có tính thẩm mỹ tuyệt vời.

"Ôi không, Chúa ơi!" Wynand thốt lên ngay lập tức một cách bản năng.

"Thế thì ông hãy ngậm miệng lại," Roark nói, "đừng bao giờ bắt tôi phải nghe bất cứ gợi ý nào về kiến trúc nữa."

Wynand thả người xuống ghế và phá lên cười. Ông cười rất lâu, như không thể nào dừng lại. Đó không phải là tiếng cười vui vẻ.

Roark lắc đầu một cách mệt mỏi. "Ông biết hơn thế mà. Và trò này với tôi quá cũ rồi. Sự bướng bỉnh và bài xích xã hội của tôi nổi tiếng đến mức tôi không nghĩ lại có người nào buồn mất thời gian để mua chuộc tôi nữa."

"Howard, tôi đã thực sự định như thế. Cho đến khi tôi nhìn thấy cái này."

"Tôi biết là ông có ý định đó. Tôi chỉ không nghĩ ông có thể ngốc nghếch như vậy."

“Anh có biết là anh đã đối mặt với một tình huống khủng khiếp không?”

“Không hề. Tôi có một đồng minh tôi có thể tin cậy.”

“Cái gì? Sự chính trực của anh à?”

“Không, sự chính trực của ông, Gail.”

Wynand ngồi và nhìn xuống mặt bàn. Một lúc sau, ông nói:

“Điều này thì anh đã nhầm.”

“Tôi không nghĩ vậy.”

Wynand ngẩng đầu lên; trông ông mệt mỏi; giọng ông dửng dưng:

“Đây lại là cách của anh ở phiên tòa Stoddard phải không? ‘The defense rests’… Ước gì tôi đã có mặt ở trong phòng xử đó để nghe câu nói này… Rõ ràng anh có ném cái phiên tòa ấy lại cho tôi, phải không?”

“Cứ coi như là vậy đi.”

“Nhưng lần này thì anh đã thắng. Tôi nghĩ là anh biết rằng tôi chẳng vui vẻ gì khi anh thắng.”

“Tôi biết vậy.”

“Anh đừng nghĩ chuyện này cũng giống như những trò thử mua chuộc nạn nhân của mình, chỉ với mục đích thử thách, và rồi cảm thấy khoái chí khi bị thất bại, và rồi co thể cười mà nói rằng, chà, rút cuộc, đây chính là người mà ta muốn. Anh đừng có tưởng tượng như vậy. Đừng có lấy nó ra để biện hộ cho tôi.”

“Không, Tôi biết ông muốn gì.”

“Trước đây thì tôi không dễ thất bại dễ dàng như thế này đâu. Đáng lẽ đây mới chỉ là sự khởi đầu. Tôi biết tôi có thể tiếp tục thử. Nhưng tôi không muốn thử. Không phải bởi vì anh có thể vẫn kiên định đến tận cùng cuộc đấu. Mà bởi vì tôi sẽ không kiên định được đến lúc đó. Không, tôi chẳng vui mừng mà cũng chẳng biết ơn anh về điều này… Nhưng mà cũng chẳng sao cả…”

“Gail, ông có khả năng tự dối mình đến mức nào?”

“Tôi không nói dối. Mọi điều tôi nói với anh đều là thật. Tôi nghĩ là anh hiểu điều đó.”

“Mọi điều ông vừa nói với tôi … đúng. Nhưng tôi đã không nghĩ về những điều đó.”

“Anh đang nhầm lẫn về những điều anh đang suy nghĩ. Anh nhầm lẫn khi vẫn cứ ngồi ở đây.”

“Ông có muốn tống cổ tôi đi không?”

“Anh biết là tôi không thể.”

Wynand rời mắt khỏi Roark và nhìn vào bản vẽ ngôi nhà đang nằm sấp trên mặt bàn. Ông chần chừ trong giây lát; ông nhìn vào tấm bìa trắng, rồi lật nó lại. Ông hỏi khẽ:

“Bây giờ tôi có nên nói với anh tôi nghĩ gì về cái này không?”

“Ông đã nói với tôi rồi.”

“Howard, anh nói rằng ngôi nhà này như một tuyên ngôn về cuộc đời của tôi. Anh nghĩ rằng cuộc đời tôi xứng đáng với một tuyên ngôn như thế này à?”

“Đúng vậy.”

“Đây là sự đánh giá thật lòng của anh chứ?”

“Sự đánh giá thật lòng của tôi, Gail. Sự đánh giá chân thành nhất của tôi. Đánh giá cuối cùng. Bất kể những gì có thể xảy ra giữa hai chúng ta trong tương lai.”

Wynand đặt bản vẽ xuống và ngồi nghiên cứu nó một lúc lâu. Khi ngẩng đầu lên, gương mặt ông trở lại sự bình tĩnh thường ngày.

“Tại sao anh đã không đến đây?” ông hỏi.

“Ông quá bận rộn với các thám tử tư.”

Wynand cười phá lên.

“Ồ, ra thế. Tôi không thể cưỡng lại những thói quen xấu trước đây của tôi và tôi đã rất tò mò. Bây giờ tôi biết mọi thứ về anh, ngoại trừ những người phụ nữ trong đời anh. Hoặc là anh đã rất kín đáo, hoặc là anh không có nhiều phụ nữ xung quanh lắm. Chẳng tìm được thông tin đó ở bất kỳ chỗ nào.”

“Tôi không có nhiều.”

“Tôi nghĩ là tôi đã nhớ anh. Và đó là một cách lấp chỗ trống – cái việc thu thập thông tin về quá khứ của anh ấy. Thực sự thì tại sao anh đã không tới đây?”

“Ông bảo tôi như vậy mà.”

“Anh luôn luôn ngoan ngoãn trước các mệnh lệnh như thế à?”

“Khi mà tôi thấy chúng hợp lý.”

“Được rồi, đây là một mệnh lệnh – và hy vọng anh cho nó là hợp lý; tới ăn tối với chúng tôi tối nay. Tôi sẽ đưa bản vẽ này cho vợ tôi xem. Tôi vẫn chưa hề nói gì với cô ấy về ngôi nhà này.”

“Ông chưa nói với bà ấy?”

“Chưa. Tôi muốn cô ấy nhìn thấy bản vẽ này. Và tôi muốn anh gặp cô ấy. Tôi biết trước đây cô ấy đã không đối xử tử tế với anh… Tôi đã đọc các bài viết của cô ấy về anh. Nhưng việc đó xảy ra đã quá lâu rồi. Tôi hy vọng bây giờ nó không quan trọng nữa.”

“Không, nó sẽ không quan trọng.”

“Vậy thì anh sẽ đến?”

“Tôi sẽ đến.”

IV.

Dominique đứng cạnh cửa kính trong phòng riêng. Wynand nhìn thấy ánh sao phản chiếu qua những vệt băng dài nhỏ xuống từ mái của khu vườn treo. Ông nhìn thấy ánh sáng ấy chạm vào đường nét bên ngoài thân hình của cô – nó tỏa sáng nhè nhẹ lên mi mắt, gò má cô. Ông thầm nghĩ sự tỏa sáng này thật thích hợp với khuôn mặt cô. Cô chầm chậm quay mặt về phía ông, và ánh sao biến thành một dải sáng bao quanh mái tóc màu vàng nhạt, dày và thẳng của cô. Cô mỉm cười như cách cô vẫn luôn mỉm cười với ông, một sự chào đón dịu dàng chứa đựng sự thấu hiểu.

"Có chuyện gì vậy, Gail?"

"Em yêu quý, sao em lại hỏi thế?"

"Trông anh rất hạnh phúc. Từ đó không chính xác lắm. Nhưng là từ gần nhất."

"Nhẹ nhõm thì đúng hơn. Anh thấy thật nhẹ nhõm, nhẹ đi đến ba mươi năm. Không phải anh muốn được giống như mình cách đây ba mươi năm. Chẳng có ai muốn như thế cả. Anh chỉ cảm thấy như mình được mang quay trở lại ngày xưa, nguyên vẹn, giống như mình bây giờ, nhưng lại ở lúc bắt đầu. Điều đó thật không lô-gíc, và không thể xảy ra và thật tuyệt diệu."

"Cảm giác như vậy thường có nghĩa là anh vừa gặp một ai đó, về nguyên tắc, phải là một phụ nữ."

"Anh có gặp. Nhưng không phải là một phụ nữ. Một người đàn ông. Dominique, tối nay em rất đẹp. Nhưng lúc nào anh cũng nói như vậy. Đó không phải là điều anh muốn nói. Anh muốn nói rằng: tối nay anh rất hạnh phúc vì em thật đẹp."

"Chuyện gì vậy, Gail?"

"Không có gì. Chỉ là anh thấy sống thật đơn giản và dễ dàng làm sao."

Ông nắm tay cô và hôn.

"Dominique, lúc nào anh cũng nghĩ rằng thật là một phép màu khi cuộc hôn nhân của chúng ta vẫn còn kéo dài đến giờ. Bây giờ thì anh tin rằng nó sẽ không bao giờ bị phá vỡ. Bởi bất kỳ cái gì hoặc bất kỳ ai." Cô dựa lưng vào tấm kính. "Anh có một món quà cho em… đừng có nói với anh rằng anh hay nói câu này hơn bất cứ câu nào khác nhé. Anh sẽ có một món quà cho em vào cuối mùa hè nay. Ngôi nhà của chúng ta."

"Nhà ư? Lâu nay anh không hề nhắc đến chuyện này, em nghĩ là anh đã quên."

“Anh không hề nghĩ về bất cứ điều gì khác trong suốt sáu tháng qua. Em vẫn chưa đổi ý chứ? Em vẫn muốn chuyển ra khỏi thành phố chứ?”

“Vâng, Gail, nếu anh muốn điều đó đến thế. Anh đã quyết định chọn kiến trúc sư chưa?”

“Còn hơn thế nữa. Anh có bản vẽ của ngôi nhà cho em xem đây.”

“Ồ, em muốn nhìn thấy nó.”

“Nó ở trong phòng đọc của anh. Đi nào. Anh muốn em nhìn thấy nó.”

Cô mỉm cười và nắm lấy cổ tay ông hơi mạnh, giống như một sự âu yếm để khuyến khích, rồi cô đi theo ông. Ông mở toang cửa phòng đọc và để cô vào trước. Đèn đã bật sáng và bản vẽ được đặt đứng để trên bàn, đối mặt với cửa ra vào.

Cô dừng lại, hai tay để phía sau, lòng bàn tay ấn lên khung cửa. Cô đứng quá xa để có thể nhìn thấy chữ ký, nhưng cô biết phong cách này và người đàn ông duy nhất có thể thiết kế ngôi nhà như thế.

Hai bờ vai cô chuyển động, xoay tròn chầm chậm, cứ như thể cô đang bị trói chặt vào một cái cột và cô đã từ bỏ mọi hy vọng trốn chạy, chỉ có cơ thể cô đang có những hành động phản kháng mang tính bản năng cuối cùng.

Cô nghĩ rằng ngay cả khi cô nằm trên giường trong vòng tay Roark, trước mắt Gail Wynand, thì sự xúc phạm còn đỡ khủng khiếp hơn; bản vẽ này mang dấu ấn cá nhân của Roark hơn cả cơ thể anh, nó được tạo ra để đáp lại một sức mạnh tương ứng của Gail Wynand. Bản vẽ này là một sự xúc phạm với cô, với Roark, với Gail… nhưng rồi, đột nhiên cô nhận ra điều này là không thể tránh khỏi.

“Không,” cô thì thào, “những thứ như thế này không bao giờ là một sự trùng hợp tình cờ.”

“Cái gì cơ?”

Nhưng cô giơ tay lên, nhẹ nhàng ra dấu chấm dứt cuộc đối thoại, và bước tới chỗ bản vẽ. Bước chân cô đi trên thảm không hề gây tiếng động. Cô nhìn thấy cái chữ ký sắc nét ở góc bản vẽ… “Howard Roark”. Chữ ký ấy không đáng sợ bằng hình dáng của ngôi nhà này; nó như một điểm đỡ mỏng manh, gần như một lời chào.

“Dominique?”

Cô quay mặt về phía ông. Ông nhìn thấy câu trả lời của cô. Ông nói:

“Anh biết em sẽ thích. Không cần phải khách sáo. Tôi nay chúng ta đều không đủ lời.”

Cô đi tới ghế sô-pha và ngồi xuống. Cô tựa lưng vào cái gối tựa, nó giúp cô ngồi thẳng. Cô nhìn Wynand. Ông đứng trước cô, tựa vào mặt lò sưởi, xoay nghiêng nửa người nhìn vào bản vẽ. Cô không thể chạy trốn khỏi bản vẽ đó, khuôn mặt của Wynand giống như là tấm gương cho nó.

"Anh đã gặp anh ta à, Gail?"

"Ai cơ?"

"Người kiến trúc sư."

"Tất nhiên anh đã gặp anh ta. Chưa đầy một giờ trước đây."

"Lần đầu anh gặp anh ta là khi nào?"

"Tháng trước."

"Anh đã biết anh ta suốt thời gian qua sao?... Mỗi buổi tối… khi anh trở về nhà… tại bàn ăn…"

"Em định nói là tại sao anh không nói với em à? Anh đã muốn có bản phác thảo này để cho em xem. Anh đã tưởng tượng trong đầu mình một ngôi nhà giống như thế này, nhưng anh không thể nào giải thích được. Anh đã không nghĩ lại có người hiểu được điều anh muốn và thiết kế được nó. Nhưng anh ấy đã làm được."

"Ai vậy?"

"Howard Roark."

Cô đã muốn nghe cái tên này được nói ra từ miệng Gail Wynand.

"Làm thế nào mà anh lại chọn anh ta hả Gail?"

"Anh đã quan sát khắp nơi. Mọi tòa nhà anh thích đều do anh ấy thiết kế."

Cô gật đầu chầm chậm.

"Dominique, anh mặc định là em không còn quan tâm đến chuyện đó nữa, nhưng anh biết anh đã chọn người kiến trúc sư mà em đã dành tất cả thời gian khi em làm việc ở tờ *Ngọn cờ* để phê phán kịch liệt."

"Anh đã đọc những thứ đó à?"

"Anh đã đọc. Em đã xử sự một cách kỳ quặc. Rõ ràng là em khâm phục công trình của anh ta và căm ghét con người anh ta. Nhưng em đã bảo vệ anh ta tại phiên tòa Stoddard."

"Vâng."

"Em thậm chí đã từng làm việc cho anh ta. Bức tượng đó, Dominique, nó được làm cho ngôi đền của anh ta."

"Vâng."

"Thật là kỳ quặc. Em mất việc ở tờ *Ngọn cờ* vì đã bảo vệ anh ta. Anh đã không biết điều đó khi anh chọn anh ta. Anh đã không biết về phiên tòa đó. Anh đã quên mất tên anh ta. Dominique, theo một cách nào đó thì anh ta đã mang em đến cho anh. Bức tượng đó… từ ngôi đền của anh ta. Và bây giờ anh ta sẽ mang cho anh ngôi nhà này. Dominique, tại sao em lại căm ghét anh ta?"

"Em không ghét anh ta… Đã qua lâu rồi…"

"Anh đoán là bây giờ những chuyện ấy không còn quan trọng nữa, đúng không?" Ông chỉ vào bản vẽ.

"Em không gặp anh ta nhiều năm nay rồi."

"Em sẽ gặp anh ấy khoảng một tiếng nữa. Anh ấy sẽ đến đây ăn tối."

Cô cử động bàn tay và miết nó theo đường xoáy ốc trên thành ghế sô-pha, để tự thuyết phục mình rằng cô có thể cử động.

"Đến đây?"

"Đúng thế."

"Anh đã mời anh ta tới ăn tối?"

Ông mỉm cười. Ông nhớ lại sự bực bội của mình đối với sự hiện diện của khách khứa trong ngôi nhà của họ. Ông nói:

"Trường hợp này thì khác. Anh muốn anh ta tới đây. Anh không nghĩ rằng em nhớ rõ anh ta – nếu không em đã không ngạc nhiên như thế."

Cô đứng dậy.

"Được rồi, Gail. Em sẽ bảo nhà bếp. rồi em sẽ thay đồ."

*

* *

Họ đối mặt nhau ngang qua phòng khách trong căn hộ của Gail Wynand. Cô nghĩ việc này thật đơn giản làm sao. Anh đã luôn hiện diện ở đây. Anh đã là động lực chính cho mỗi bức chân của cô trong căn phòng này. Anh đã mang cô đến đây và giờ đây, anh đã đến để đòi lại nơi này. Cô nhìn anh. Cô nhìn anh như cô từng nhìn anh vào một buổi sáng khi cô thức giấc trên giường của anh lần cuối. Cô biết rằng cả quần áo anh đang mặc lẫn những năm tháng vừa qua cũng không thể ngăn cách nổi cô với những ký ức vẫn còn nguyên vẹn đó. Cô nghĩ rằng điều này sớm muộn rồi cũng sẽ xảy ra, ngay từ đầu, ngay từ cái khoảnh khắc mà cô nhìn thấy anh ở mỏ đá – mọi việc phải xảy ra như thế này, trong nhà của Gail Wynand – và bây giờ cô

cảm thấy sự bình an khi mọi việc kết thúc, cô biết rằng cô không còn phải quyết định nữa; cô đã là người phải hành động, nhưng từ giờ trở đi anh sẽ là người hành động.

Cô đứng thẳng người, thẳng đầu; gương mặt cô vừa có vẻ nghiêm trang của một sĩ quan quân đội, vừa có vẻ mong manh dễ vỡ của một người đàn bà; hai cánh tay cô buông thõng, thẳng đờ dọc theo hai bên sườn, song song với những nếp buông dài của chiếc váy đen.

"Chào ông Roark."

"Chào bà Wynand."

"Tôi có thể cảm ơn ông về ngôi nhà ông đã thiết kế cho chúng tôi không? Đó là công trình đẹp nhất trong số các công trình của ông."

"Nó phải như vậy, bởi bản chất của công việc lần này, thưa bà Wynand."

Cô chầm chậm quay đầu lại.

"Anh đã giao công việc này cho ông Roark như thế nào hả Gail?"

"Như anh đã nói về nó với em vậy."

Cô nghĩ về những gì Roark đã nghe từ Wynand, và đã chấp nhận chúng. Cô ngồi xuống; hai người đàn ông ngồi theo cô. Roark nói:

"Nếu bà thích ngôi nhà này thì thành công đầu tiên phải thuộc về ý tưởng của ông Wynand đối với nó."

Cô hỏi: "Ông đang chia sẻ thành tích với khách hàng ư?"

"Vâng, theo một nghĩa nào đó."

"Tôi tin rằng điều này mâu thuẫn với những gì tôi còn nhớ về quan điểm nghề nghiệp của anh."

"Vâng, nhưng nó lại phù hợp với quan điểm cá nhân của tôi."

"Tôi không chắc là tôi đã hiểu được điều đó."

"Tôi tin vào sự mâu thuẫn, thưa bà Wynand."

"Có gì mâu thuẫn trong việc thiết kế ngôi nhà này à?"

"Có cái ham muốn không bị khách hàng làm ảnh hưởng."

"Theo nghĩa nào vậy?"

"Tôi thích làm việc cho một số người và không thích làm việc cho một số người khác. Nhưng điều đó cũng không ảnh hưởng gì cả. Lần này tôi biết ngôi nhà này phải được thiết kế như thế nào chỉ bởi vì nó được xây dựng cho ông Wynand. Tôi phải vượt qua được điều đó. Nói cách khác, tôi phải làm

việc với nó và phải chống lại chính nó. Đó là cách làm việc tốt nhất. Ngôi nhà phải vượt qua kiến trúc sư, khách hàng và những chủ nhân tương lai của nó. Ngôi nhà này đã làm được điều đó."

"Nhưng ngôi nhà này – nó chính là anh, Howard," Wynand nói. "Nó vẫn là anh."

Đó là biểu hiện cảm xúc trên gương mặt cô – một cú sốc lặng lẽ, khi cô nghe thấy từ "Howard." Wynand không nhận ra điều đó. Roark thì nhận ra. Anh liếc nhìn cô – đấy là cái nhìn có dấu hiệu giao tiếp cá nhân đầu tiên giữa hai người. Cô không đọc thấy bất cứ lời bình luận nào trong cái nhìn đó – chỉ là sự xác nhận rằng anh có biết cái suy nghĩ đã làm cô sốc.

"Cám ơn ông đã hiểu điều đó, Gail," anh trả lời.

Cô không chắc rằng liệu có phải là cô đã nghe thấy anh nhấn mạnh cái tên đó.

"Thật kỳ lạ," Wynand nói. "Tôi là kẻ có thói chiếm hữu khó chịu nhất trên trái đất này. Tôi có tác động gì đó đến mọi thứ. Giả sử tôi nhặt một cái gạt tàn từ một cửa hàng mười xu, trả tiền và bỏ nó vào túi – và nó sẽ trở nên một cái gạt tàn đặc biệt, không giống bất kỳ cái gạt tàn nào khác trên trái đất này, bởi vì nó là của tôi. Cứ như là tôi đã tạo thêm một giá trị mới cho vật đó kiểu như thêm cho nó một vầng hào quang. Tôi cảm thấy như vậy về mọi thứ tôi sở hữu. từ cái áo khoác của tôi tới cái máy in cũ nhất trong phòng làm việc, hay những tờ *Ngọn cờ* trên các sạp báo, tới ngôi nhà này và cả vợ của tôi. Và tôi chưa bao giờ muốn được sở hữu bất kỳ cái gì khác nhiều như ngôi nhà mà anh sắp xây dựng cho tôi, Howard ạ. Tôi có lẽ sẽ ghen tỵ với Dominique khi cô ấy sống trong ngôi nhà này. Tôi có thể thực sự điên rồ về những thứ như vậy. Tuy nhiên… tôi không có cảm giác rằng tôi sẽ sở hữu ngôi nhà này, bởi vì cho dù tôi có nói hay làm gì đi nữa thì nó vẫn sẽ là của anh. Nó sẽ luôn luôn là của anh."

"Nó phải là của tôi," Roark nói. "Nhưng với một ý nghĩa khác Gail ạ. Ông sở hữu ngôi nhà đó và tất cả những gì mà tôi từng xây dựng. Ông sở hữu bất cứ công trình nào mà ông đứng lại trước nó và nghe thấy mình đáp lại nó."

"Theo nghĩa nào vậy?"

"Theo nghĩa ông đáp lại nó bằng một câu trả lời cá nhân. Điều mà ông cảm nhận được từ sự hiện diện của một vật mà ông ngưỡng mộ chỉ có thể biểu đạt được bằng một từ… 'Có'. Đó là sự xác nhận, sự chấp thuận, là biểu hiện của sự ngưỡng mộ. Và cái từ 'Có' đó có nghĩa nhiều hơn một câu trả lời cho một sự vật; nó giống như tiếng 'Amen' với cuộc sống, với trái đất này, nơi vật đó tồn tại, với cái tư tưởng đã sinh thành ra nó, với bản thân ông vì

đã có khả năng nhận biết nó. Nhưng khả năng của con người để nói được là 'Có' hay 'Không' chính là bản chất của mọi sự sở hữu. Đó là sự sở hữu của ông với chính cái-tôi của ông. Tâm hồn của ông, nếu không muốn nói như vậy. Tâm hồn của ông có một chức năng cơ bản riêng – chức năng đánh giá mọi vật. 'Có' hoặc 'Không', 'Tôi muốn' hoặc 'Tôi không muốn'. Ông không thể nói 'Có' mà không nói từ 'Tôi.' Không thể có sự xác nhận mà không có chủ thể xác nhận. Theo nghĩa đó, tất cả những gì ông dành tình yêu của ông cho nó đều là của ông."

"Theo nghĩa đó, anh chia sẻ mọi thứ với người khác?"

"Không. Đó không phải là chia sẻ. Khi tôi nghe một bản giao hưởng tôi yêu thích, tôi không có được từ nó cái mà người sáng tác ra nó có được. Cái 'Có' của anh ta khác với của tôi. Anh ta có thể chẳng quan tâm gì đến cái 'Có' của tôi và cũng chẳng có ý niệm chính xác về nó. Câu trả lời đó quá riêng tư đối với mỗi người. Nhưng bằng việc tự mang lại cho mình những gì anh ta muốn, anh ta đã cho tôi một kinh nghiệm vĩ đại. Tôi đơn độc khi tôi thiết kế một ngôi nhà Gail ạ, và ông không bao giờ có thể biết cách thức mà tôi sở hữu căn nhà đó. Nhưng nếu ông nói 'Amen' với nó – thì nó cũng là của ông. Và tôi mừng khi nó là của ông."

Wynand nói cùng với một mỉm cười:

"Tôi thích nghĩ như thế. Rằng tôi sở hữu Monadnock, ngôi nhà Enright và tòa nhà Cord…"

"Và Đền Stoddard," Dominique nói.

Cô nghe họ nói chuyện. Cô thấy mình tê liệt. Wynand chưa từng bao giờ nói chuyện như vậy với bất kỳ vị khách nào trong ngôi nhà của họ. Roark chưa bao giờ nói như vậy với bất kỳ khách hàng nào. Cô biết sự tê liệt này rồi sẽ vỡ thành sự tức giận, sự chối bỏ và phẫn nộ. Bây giờ nó chỉ là một âm điệu sắc lạnh trong giọng nói của cô, âm điệu như muốn phá tan những gì cô vừa nghe thấy.

Cô nghĩ rằng cô thành công. Wynand trả lời – giọng ông nặng nề:

"Đúng thế."

"Hãy quên Đền Stoddard đi, Gail," Roark nói. Trong giọng nói của anh có một sự hoan hỉ giản đơn, vô tư nhưng nó lại có sức mạnh hơn bất cứ một sự tha thứ nghiêm trang nào.

"Phải, Howard," Wynand mỉm cười nói.

Cô nhìn thấy ánh mắt Roark hướng về cô.

"Tôi chưa nói lời cảm ơn bà, thưa bà Wynand, vì bà đã chấp nhận tôi làm

kiến trúc sư cho bà. Tôi biết rằng ông Wynand đã chọn tôi và bà đã có thể từ chối. Tôi muốn nói với bà rằng tôi rất vui mừng khi bà không làm như vậy."

Cô nghĩ, mình có thể tin được những việc này bởi vì nó không có một cơ sở nào để tin cậy. Mình sẽ chấp nhận bất cứ cái gì vào tối nay. Mình đang nhìn anh ấy.

Cô nói, giọng dửng dưng một cách lịch thiệp:

"Đấy chẳng qua là lời đáp lại với những đánh giá của tôi khi ông cho rằng tôi muốn từ chối căn nhà cho ông thiết kế sao, ông Roark."[127] Cô nghĩ rằng không có điều gì cô nói thành lời vào buổi tối nay lại có ý nghĩa.

Wynand hỏi:

"Howard, cái từ 'Có' đó – một khi đã được chuyển giao, thì có thể rút lại được không?"

Cô muốn cười phá ra vì sự phẫn nộ khó kiềm chế. Chính là Wynand đang hỏi về điều đó, trong khi người phải hỏi điều đó lẽ ra là cô. Anh ấy phải nhìn vào mắt mình khi trả lời câu hỏi đó – cô nghĩ; anh ấy phải nhìn vào mình.

"Không bao giờ," Roark trả lời trong lúc nhìn Wynand.

"Người ta đã nói quá nhiều điều vớ vẩn về tính hay thay đổi của con người và về sự thất thường của tình cảm" Wynand nói. "Tôi luôn luôn nghĩ rằng những thứ tình cảm có thể thay đổi được thì thực ra là những thứ đã không tồn tại ngay từ đầu. Có những cuốn sách tôi thích khi tôi mười sáu tuổi. Giờ tôi vẫn thích chúng."

Người quản gia đi vào và mang theo một khay cocktail. Cô lấy ly của mình và quan sát Roark nhấc ly của anh ta khỏi khay. Cô nghĩ: vào lúc này, cái ly đang nằm giữa những ngón tay của anh cũng giống như cái ly nằm giữa những ngón tay của mình; chúng ta giống nhau được đến chừng đó… Wynand đang đứng, cầm ly và quan sát Roark với một sự thắc mắc hoài nghi lạ lùng, trông ông không giống như một vị chủ nhà, mà như một người chủ sở hữu vẫn không thể hoàn toàn tin được rằng mình sở hữu một tài sản đáng giá như thế… Cô nghĩ: Mình không bị điên. Mình chỉ bị kích động, nhưng thế cũng không sao lắm, mình vẫn đang nói điều gì đó, mình cũng chẳng biết mình nói cái gì, nhưng chắc chắn là ổn, vì cả hai người đang lắng nghe và đáp lại, Gail đang mỉm cười, mình hẳn là đang nói một điều gì đó thích hợp…

Người quản gia báo bữa tối đã được chuẩn bị xong. Cô đứng dậy một cách ngoan ngoãn và đi tới phòng ăn, giống như một con thú duyên dáng cử động tạo dáng theo những phản xạ có điều kiện. Cô ngồi ở đầu bàn ăn, hai người đàn ông ngồi hai bên, đối diện nhau. Cô ngắm nhìn những đồ ăn bằng

bạc bóng loáng ở giữa các ngón tay của Roark, tất cả đều có khắc hai chữ "D.W." Cô nghĩ: mình đã làm điều này rất nhiều lần – mình là bà Gail lịch thiệp… đã có các thượng nghị sĩ, các vị quan tòa, các chủ tịch của các công ty bảo hiểm ngồi ăn tối tại đây… đây là công việc mà mình đã được huấn luyện để làm, đây chính là lý do tại sao Gail đã phải chịu đựng qua những năm tháng đày đọa để dành được vị trí chiêu đãi những thượng nghị sĩ, những vị quan tòa… mục đích của tất cả những cái đó là để có một buổi tối khi mà người khách ngồi đối diện ông ấy là Howard Roark.

Wynand nói về chuyện kinh doanh ngành báo chí. Ông không hề tỏ ra miễn cưỡng khi nói chuyện này với Roark, và cô cũng nói một vài câu khi có vẻ cần thiết. Giọng nói của cô giản dị và rõ ràng, cô đang bị kéo theo câu chuyện mà không hề kháng cự, bất cứ một phản ứng cá nhân nào cũng là không cần thiết, ngay cả nỗi đau đớn hay sợ hãi… Cô nghĩ rằng, cứ với đà nói chuyện này, nếu câu tiếp theo của Wynand là: "Em đã ngủ với anh ta," thì cô sẽ trả lời, một cách đơn giản: "Đúng thế, Gail, tất nhiên rồi." Nhưng Wynand hiếm khi nhìn cô. Khi ông nhìn cô, qua nét mặt ông, cô biết được rằng biểu hiện trên gương mặt cô vẫn bình thường.

Sau đó, họ quay lại phòng khách, cô nhìn thấy Roark đứng cạnh cửa sổ, đối diện với những luồng sáng từ thành phố. Cô nghĩ: Gail đã xây cái nhà áp mái này để minh chứng cho chiến thắng của cá nhân ông ấy… để luôn có thành phố này ở trước mắt ông ấy… đây mới thực sự là lý do mà ngôi nhà này được xây dựng lên – để có Roark đứng cạnh khung cửa sổ đó – và mình biết là tối nay Gail cũng nhận ra điều đó. Cơ thể của Roark che khuất hàng dặm của khung cảnh thành phố, chỉ để sót lại một vài đốm lửa và một vài ô vuông cửa kính tỏa sáng. Anh đang hút thuốc; cô ngắm nhìn điếu thuốc lá của anh chuyển động chầm chậm trên bầu trời đen, khi anh đặt nó vào giữa hai môi, rồi giữ nó ở đầu ngón tay, và cô nghĩ: những đốm sáng lấp lánh trông không gian phía sau anh – chúng chỉ là những tia lửa tỏa ra từ điếu thuốc của anh.

Cô nói khẽ:

"Gail đã luôn thích được ngắm nhìn thành phố vào ban đêm. Anh ấy đã phải lòng những tòa nhà chọc trời."

Rồi cô nhận ra rằng cô vừa sử dụng thời quá khứ và cô tự hỏi vì sao lại thế.

Cô không nhớ mình đã nói gì khi họ bàn về ngôi nhà mới. Wynand lấy những bản thiết kế từ phòng làm việc, trải chúng lên bàn và cả ba người cùng cúi xuống xem. Bút chì trong tay Roark chuyển động, đánh dấu, rồi lướt ngang qua các khối hình học cứng cáp được vẽ bởi nét chì đen, mảnh,

trên nền giấy trắng. Họ không khen hay khẳng định vẻ đẹp của ngôi nhà, mà nói về các phòng để đồ, cầu thang, bếp núc và phòng tắm. Roark hỏi liệu cô có thấy sự bố trí này thuận tiện hay không. Cô nghĩ thật là kỳ lạ, rằng cả hai người đều nói như thể họ thực sự tin rằng cô sẽ sống trong ngôi nhà ấy.

Sau khi Roark ra về, cô nghe thấy Wynand hỏi:

"Em thấy anh ta thế nào?"

Cô cảm thấy một cái gì đó giận dữ và nguy hiểm, như một cú vặn xoắn gọn ghẽ và đột ngột trong người cô. Và rồi cô nói, nửa sợ hãi nửa chủ ý khiêu khích:

"Anh ta không làm cho anh nhớ lại Dwight Carson à?"

"Ồ, hãy quên Dwight Carson đi!"

Giọng nói của Wynand không chút tha thiết, không chút tội lỗi, nghe giống hệt cái giọng đã từng nói:

"Hãy quên ngôi Đền Stoddard đi."

*

* *

Người thư ký ở phòng lễ tân nhìn lên và giật mình khi thấy người đàn ông có khuôn mặt xuất hiện thường xuyên trên các mặt báo.

"Gail Wynand," ông ta nói, nghiêng đầu tự giới thiệu. "Tôi cần gặp ông Roark. Nếu như ông ấy không bận. Xin đừng làm phiền ông ấy nếu như ông ấy đang bận việc. Tôi không có hẹn trước."

Cô không bao giờ nghĩ rằng Wynand sẽ đến thăm một văn phòng mà không báo trước và yêu cầu được gặp một cách nghiêm trang kính cẩn đến thế.

Cô báo tên người khách. Roark ra phòng lễ tân, mỉm cười như thể anh không nhận thấy có điều gì bất thường trong sự ghé thăm này.

"Hello Gail. Ông vào đi."

"Hello Howard."

Ông đi theo Roark vào văn phòng. Phía sau các cửa sổ rộng, bóng tối của một buổi chiều muộn đang hòa tan cả thành phố. Tuyết đang rơi; những bông tuyết quay cuồng một cách giận dữ dưới ánh đèn điện.

"Tôi không muốn làm phiền anh nếu anh đang bận; Howard. Việc này không quan trọng." Ông không gặp Roark suốt năm ngày, kể từ bữa tối hôm đó.

“Tôi không bận. Bỏ áo khoác ra đi. Tôi mang các bản vẽ vào được chứ?”

“Không. Tôi không muốn nói về ngôi nhà. Thực ra tôi đến đây chẳng vì lý do gì cả. Tôi ở văn phòng cả ngày, phát ốm vì nó, và tự nhiên thấy muốn tới đây. Anh đang toe toét cái gì thế hả?”

“Không có gì. Chỉ là ông đã nói không có gì quan trọng thôi.”

Wynand nhìn anh, mỉm cười và gật đầu.

Ông ngồi xuống mép bàn làm việc của Roark với một sự thoải mái mà ông chưa từng cảm thấy trong văn phòng của mình. Tay ông bỏ trong túi và một chân vung vẩy.

“Nói chuyện với anh gần như là vô ích, Howard. Tôi luôn luôn cảm thấy như thể đang đọc cho anh nghe một bản photocopy của chính tôi, còn anh thì đã nhìn thấy bản gốc rồi. Anh dường như nghe mọi điều tôi nói trước khi tôi nói ra. Chúng ta không khớp nhau.”

“Ông gọi đó là không khớp à?”

“Được rồi, quá khớp vậy.” Ông nhìn chầm chậm quanh phòng.

“Nếu chúng ta sở hữu những gì mà chúng ta nói ‘Có,’ thì tôi đang sở hữu cái văn phòng này à?”

“Thì ông sở hữu nó.”

“Anh có biết tôi cảm thấy gì ở đây không? Không, tôi sẽ không nói rằng tôi cảm thấy như ở nhà… Tôi không nghĩ rằng mình đã từng cảm thấy như ở nhà tại bất cứ đâu. Và tôi cũng sẽ không nói rằng tôi cảm thấy như khi tôi ở trong các lâu đài tôi đã đến thăm hay như ở trong các nhà thờ lớn ở châu Âu. Tôi cảm thấy giống như khi tôi ở tại Hell’s Kitchen vào những ngày đẹp nhất tôi đã có ở đó… những ngày hiếm hoi. Nhưng thỉnh thoảng… khi tôi ngồi thế này… chỉ có vài bức tường đổ nát cạnh cầu tàu… và có hàng ngàn ngôi sao trên đầu, và những đống rác xung quanh tôi, và con sông thì bốc mùi hôi thối từ những xác sò thối rữa… Howard, khi anh nhìn lại quá khứ, anh có cảm thấy là tất cả những ngày của anh đều lăn đều nhau về phía trước, giống như việc đánh máy, tất cả các con chữ đều giống nhau? Hay là có những điểm dừng – những cột mốc – và sau đó thì lại giống như đánh máy chữ?”

“Có các điểm dừng.”

“Anh có nhận biết được chúng ngay lúc đó không? Lúc ấy anh có biết rằng chúng là những điểm dừng không?”

“Có.”

“Tôi thì không. Sau này tôi mới biết. Nhưng tôi không bao giờ biết nguyên nhân tại sao. Có một thời điểm khi tôi mười hai tuổi và đứng sau một

bức tường chờ đợi bị giết chết. Có điều, tôi đã biết là tôi sẽ không bị giết. Không phải những việc mà tôi làm sau đó, cũng không phải những trận đánh nhau, mà chỉ là một khoảnh khắc khi tôi chờ đợi. Tôi không biết tại sao đó là một điểm dừng mà tôi vẫn còn nhớ, hoặc tại sao tôi lại thấy tự hào về nó. Tôi không biết tại sao tôi phải nghĩ về nó khi ở đây."

"Đừng tìm kiếm lý do đó làm gì."

"Anh biết lý do đó không?"

"Tôi đã nói là đừng tìm kiếm."

"Tôi đã suy nghĩ về quá khứ của tôi – kể từ khi gặp anh. Tôi đã sống nhiều năm mà không nghĩ về quá khứ. Không, chẳng có một kết luận bí mật nào để anh rút ra từ quá khứ đó đâu. Nhìn lại quá khứ như thế này chẳng làm tôi bị tổn thương, mà cũng chẳng làm tôi vui vẻ. Chỉ là nhìn lại mà thôi. Không phải là một sự tìm kiếm, không phải là một cuộc hành trình. Chỉ là một cuộc đi dạo ngẫu nhiên, giống như đi lang thang ở một miền quê vào một buổi chiều tối khi anh cảm thấy mệt mỏi… Nếu như có một sự kết nối nào đó với anh, thì chỉ có một suy nghĩ là cứ quay trở lại đầu óc tôi. Tôi cứ nghĩ rằng anh và tôi khởi đầu rất giống nhau. Từ cùng một điểm chung. Từ hai bàn tay trắng. Tôi chỉ nghĩ vậy thôi, không có bất kỳ lời bình luận nào. Tôi dường như không tìm thấy bất kỳ ý nghĩa cụ thể nào trong câu chuyện này cả. Chỉ là 'chúng ta đã bắt đầu giống nhau'… Anh có muốn nói cho tôi nghe điều đó có nghĩa gì không?"

"Không."

Wynand nhìn quanh phòng và nhận ra một tờ báo nằm trên tủ đựng tài liệu.

"Quỷ tha ma bắt, ai đọc tờ *Ngọn cờ* ở đây thế?"

"Tôi đọc."

"Từ khi nào?"

"Một tháng trước đây."

"Tự tra tấn à?"

"Không. Chỉ vì tò mò thôi."

Wynand đứng dậy, cầm tờ báo và nhìn lướt qua các trang. Ông dừng lại ở một trang và tặc lưỡi. Ông cầm trang đó lên: trang báo có bức ảnh về bản thiết kế của cuộc triển lãm *Hành trình của Những thế kỷ*.

"Kinh khủng, phải không?" Wynand nói. "Thật ghê tởm khi chúng tôi phải lăng-xê cho những thứ đó. Nhưng khi nghĩ đến những việc mà anh đã

làm với cái hội đồng toàn các tên tuổi trứ danh ấy, tôi cảm thấy dễ chịu hơn." Ông tặc lưỡi một cách vui vẻ. "Anh đã nói với họ rằng anh không cộng tác hay hợp tác gì cả."

"Nhưng đấy không phải lả chuyện làm dáng đâu, Gail. Hoàn toàn là vì tính hợp lý thông thường. Người ta không thể hợp tác trong công việc của chính mình. Tôi có thể cộng tác, nếu họ muốn gọi như vậy, nhưng là với những công nhân dựng lên công trình của tôi. Nhưng tôi không thể giúp họ đặt gạch và họ không thể giúp tôi thiết kế."

"Đó là một kiểu làm dáng mà tôi muốn có. Tôi bị buộc phải biếu không cái hội đồng ấy một phần trang trống trong các tờ báo của tôi. Nhưng không sao. Anh đã tát vào mặt họ giùm tôi." Ông quăng tờ báo sang bên cạnh không chút tức giận. "Cũng giống như cái bữa tiệc trưa nay mà tôi phải dự. Một hội nghị quốc gia của các nhà quảng cáo. Tôi buộc phải quảng cáo cho họ - cả một lũ ngọ nguậy, uốn éo, và chảy nước ấy. Tôi buồn nôn về cái đó đến mức tôi nghĩ rằng tôi sẽ phát điên và đập vỡ sọ một đứa nào đó. Và tôi nghĩ về anh. Tôi đã nghĩ rằng những chuyện như thế này chẳng bao giờ chạm tới anh được. Bằng bất cứ cách nào. Với anh thì chẳng hề tồn tại một cuộc hội nghị quốc gia của các nhà quảng cáo nào sất. Cái hội nghị ấy tồn tại trong chiều không gian thứ tư và nó chẳng bao giờ có thể liên lạc được với anh. Tôi đã nghĩ về điều đó – và cảm thấy khuây khỏa khác thường."

Ông tựa vào tủ tài liệu, duỗi thẳng bàn chân ra phía trước, hai cánh tay bắt chéo vào nhau. Ông nói khẽ:

"Howard, đã có lần tôi nuôi một con mèo con. Cái con quái vật khốn khổ ấy, một con thú nhỏ sống quanh mấy bãi rác, bị ruồi muỗi bâu, chỉ còn lông, bùn đất và một nắm xương. Nó cứ bám lấy tôi, theo tôi về nhà. Tôi cho nó ăn rồi đuổi nó đi. Nhưng ngày hôm sau nó quay lại và cuối cùng thì tôi giữ nó lại để nuôi. Khi đó tôi mười bảy tuổi và đang làm việc cho tờ *Gazette*, chỉ là học việc theo một cách đặc biệt mà tôi phải học để sống. Tôi có thể chấp nhận cuộc sống đó, nhưng không phải tất cả. Có những lúc tôi cảm thấy rất tệ, thường là các buổi tối. Có một lần tôi muốn tự tử. Không phải vì tôi tức giận, bởi vì sự tức giận thường làm tôi làm việc chăm chỉ hơn. Không phải nỗi sợ hãi mà là sự ghê tởm, Howard ạ. Sự ghê tởm làm cho tôi cảm thấy như thể rằng toàn bộ thế giới này đang chìm dưới nước, còn nước thì đứng im. Nước tràn ra khỏi các cống rãnh và nuốt chửng mọi thứ, kể cả bầu trời, kể cả trí não của tôi. Rồi tôi nhìn con mèo con đó. Tôi nghĩ rằng nó không hề biết đến những thứ mà tôi ghê tởm, không bao giờ có thể biết. Nó sạch sẽ, sạch sẽ tuyệt đối bởi vì nó không có khả năng hiểu được sự xấu xa của thế giới này. Tôi không thể diễn đạt cho anh hiểu được cái cảm giác khoan khoái khi thử tưởng tượng xem trạng thái ý thức trong cái bộ não nhỏ xíu ấy như

thế nào, và cố gắng chia sẻ nó – đấy cũng là một ý thức sống, nhưng trong sạch và tự do. Tôi nằm xuống sàn nhà và úp mặt vào bụng con mèo, nghe như cái con quái vật ấy gừ gừ. Và rồi tôi thấy khỏe hơn… Vậy đó, Howard. Tôi vừa mới gọi văn phòng anh là một cái cầu cảng mục nát và gọi anh là một con mèo hoang. Đấy là cách bộc lộ sự kính trọng của tôi.

Roark mỉm cười. Wynand nhận thấy sự biết ơn trong nụ cười đó.

"Đừng nói gì" Wynand cau có. "Đừng nói gì hết." Ông bước tới cạnh một cửa sổ và nhìn ra ngoài. "Tôi không biết cái quái quỷ gì làm tôi nói như thế. Đây là những năm tháng hạnh phúc đầu tiên trong cuộc đời tôi. Tôi gặp anh bởi vì tôi muốn xây dựng một tượng đài cho hạnh phúc của tôi. Tôi đến đây để tìm kiếm sự nghỉ ngơi, và tôi đã tìm thấy… thế mà tôi còn nói những chuyện đó… Nhưng thôi, không sao cả… Chà, hãy nhìn cái thời tiết chết tiệt này xem. Anh đã xong việc ngày hôm nay chưa? Anh có thể nghỉ được chưa?

"Rồi. Nhìn chung là xong rồi."

"Hãy đi ăn tối ở đâu đó gần đây đi."

"Được thôi."

"Tôi dùng nhờ điện thoại của anh được không? Tôi sẽ bảo Dominique đừng chờ tôi về ăn tối."

Ông quay số. Roark đi ra cửa phòng vẽ. Anh cần giao cho nhân viên vài việc trước khi rời khỏi văn phòng. Nhưng anh dừng lại ở cửa và nghe cuộc hội thoại ấy.

"Alô, Dominique à?... Ừ… Em mệt à?... Không, nghe giọng em có vẻ mệt… Anh sẽ không về nhà ăn tối đâu, em sẽ tha lỗi cho anh chứ, em yêu quý?... Anh không biết, có thể sẽ muộn… Anh sẽ ăn tối ở trong phố… Không, anh sẽ ăn với Howard Roark… Alô, Dominique?... Ừ… Cái gì?... Anh đang gọi từ văn phòng của anh ấy… Thế nhé, chào em." Ông đặt ống nghe xuống.

Dominique đứng trong thư viện của ngôi nhà, tay vẫn cầm điện thoại như thể một chút kết nối vẫn còn sót lại.

Suốt năm ngày và đêm, cô đã đấu tranh với một khao khát duy nhất – đến gặp anh. Để được một mình nhìn thấy anh… ở bất kỳ đâu… ở nhà anh, hay trong phòng làm việc của anh, hay trên phố… chỉ để nói một lời hay chỉ để được nhìn anh một cái… nhưng phải là một mình. Cô không thể đi. Phần hành động của cô đã chấm dứt. Anh sẽ đến với cô khi anh muốn. Cô biết rằng anh sẽ đến và rằng anh muốn cô chờ đợi. Cô đã chờ đợi, nhưng cô vẫn cứ bám vào một ý nghĩ – bám vào một địa chỉ, một văn phòng trong tòa nhà

Cord.

Cô đứng đó, tay nắm chặt lấy ống nghe điện thoại. Cô không có quyền đi tới cái văn phòng ấy. Nhưng Gail thì lại có được cái quyền đó.

*

* *

Ellsworth bị gọi tới văn phòng của Wynand. Khi bước vào văn phòng, ông bước vài bước và dừng lại. Bức tường của văn phòng Wynand, căn phòng sang trọng duy nhất trong tòa nhà *Ngọn cờ*, được làm bằng li-e và các tấm đồng đỏ, trên đó chưa bao giờ treo bất kỳ bức ảnh nào. Giờ đây, trên bức tường đối diện bàn làm việc của Wynand, ông nhìn thấy một bức ảnh lớn. Bức ảnh của Roark tại lễ khai mạc ngôi nhà Enright, trong đó Roark đứng cạnh hàng rào bảo vệ bên bờ sông, đầu ngửa ra sau.

Toohey quay sang Wynand. Họ nhìn thẳng vào nhau.

Wynand chỉ vào một chiếc ghế và Toohey ngồi xuống. Wynand mỉm cười nói:

"Tôi không bao giờ nghĩ có lúc tôi lại đồng tình với một vài lý thuyết xã hội của ông, ông Toohey, nhưng tôi đã tự bắt mình phải làm như vậy. Ông luôn luôn tố cáo cái thói đạo đức giả của giới thượng lưu trong xã hội và ca ngợi những giá trị quần chúng. Bây giờ thì tôi thấy hối tiếc về những lợi thế mà tôi đã được hưởng khi tôi là kẻ thuộc về quần chúng. Nếu tôi vẫn ở khu Hell's Kitchen, thì có lẽ tôi đã bắt đầu cuộc nói chuyện này bằng câu: 'Nghe này, đồ chấy rận!' Nhưng bởi vì tôi hiện là một nhà tư bản cố hữu nên tôi sẽ không làm vậy."

Toohey chờ đợi; trông ông tò mò.

"Tôi sẽ bắt đầu bằng câu: Hãy nghe đây, ông Toohey. Tôi không biết động cơ của ông là gì. Tôi không thèm mổ xẻ phân tích những động cơ của ông. Dạ dày của tôi không phải bạ cái gì cũng tiêu hóa được.[128] Bởi vậy, tôi sẽ không hỏi và tôi cũng không muốn nghe bất kỳ lời giải thích nào. Tôi sẽ chỉ nói với ông rằng, kể từ bây giờ, có một cái tên mà ông sẽ không bao giờ được đả động đến trong chuyên mục của ông nữa."

Ông chỉ vào bức ảnh.

"Tôi có thể bắt ông công khai tự phản bội lại mình trên báo và tôi sẽ thích thú với điều đó; nhưng tôi thích cấm ông không bao giờ được đả động đến chuyện này hơn. Dù chỉ một từ, ông Toohey. Không bao giờ nữa. nào, đừng có nói đến hợp đồng của ông hay bất kỳ điều khoản gì gì đó của nó. Tôi khuyên ông đừng có làm thế. Cứ tiếp tục viết cái chuyên mục của ông,

nhưng hãy nhớ tên của mục đó là *Một tiếng nói nhỏ* và hãy dành cho nó các chủ đề thích đáng với nó. Hãy giữ cho nó nhỏ thôi, ông Toohey. Rất nhỏ thôi."

"Vâng, thưa ông Wynand," Toohey đáp lại một cách dễ dàng. "Hiện tại tôi không phải viết về ông Roark."

"Thế thôi."

Toohey đứng dậy. "Vâng, thưa ông Wynand."

V.

Gail Wynand ngồi tại bàn làm việc và đọc các bản in thử của một bài xã luận về giá trị đạo đức của việc xây dựng các gia đình lớn. Các câu văn giống như là kẹo cao su được nhai đi nhai lại, được khạc nhổ ra và lại nhặt lên, chuyển từ cái mồm này sang cái mồm khác, xuống mặt đường, dính vào đế giày, rồi lại tới miệng, tới trí não… Ông nghĩ về Howard Roark và tiếp tục đọc tờ *Ngọn cờ*. Điều đó làm cho mọi việc dễ dàng hơn.

"Vẻ thanh nhã là tài sản lớn nhất của một cô gái. Hãy nhớ giặt đồ lót của bạn mỗi tối, và học cách nói chuyện về một vài đề tài văn hóa, rồi bạn sẽ có bất cứ cuộc hẹn hò nào bạn muốn." "Tử vi ngày mai của bạn chỉ ra một điểm tốt. Sự chuyên cần và chân thành sẽ mang tới các phần thưởng trong lĩnh vực công nghệ, tài chính công và tình cảm." "Sở thích của bà Hungtington Cole là làm vườn, xem kịch và sưu tầm bát đựng đường của Mỹ từ thời sơ khai. Bà phân chia thời gian của mình cho đứa con trai nhỏ và những hoạt động từ thiện." "Tôi chỉ là Millie, tôi chỉ là một trẻ mồ côi." "Để giảm cân hoàn toàn, hãy gửi mười xu và một phong bì có ghi sẵn địa chỉ và dán tem." Ông lật các trang báo trong khi nghĩ về Howard Roark.

Ông vừa ký một hợp đồng quảng cáo với Kream-O Pudding[129] có giá trị năm năm trên toàn hệ thống Wynand; quảng cáo của họ sẽ chiếm toàn bộ hai trang trong các số báo Chủ nhật. Những người đàn ông ngồi phía trước bàn ông giống như những khải hoàn môn bằng xương bằng thịt, như cái tượng đài kỷ niệm chiến thắng của những buổi tối kiên nhẫn và tính toán, của các bàn tiệc trong nhà hàng, của những ly cốc đã cạn rượu bia, của những tháng ngày suy nghĩ, của năng lượng của ông – nguồn năng lượng sống của ông như những dòng chất lỏng đổ từ trong ly qua những bờ môi nặng nề đang hé mở, chảy qua những ngòn tay múp míp, tràn lên bàn, chảy vào hai trang báo mỗi Chủ nhật, vào những bản vẽ những cái khuôn màu vàng khắc hình quả dâu tây, những cái khuôn màu vàng đựng nước sốt làm bánh pút-đinh. Ông nhìn vượt qua đầu của những người đàn ông đó vào bức ảnh treo trên tường: vào bầu trời, dòng sông và khuôn mặt của một người đàn ông đang ngẩng cao.

Nhưng nó làm ta đau, ông nghĩ. Mỗi lần nghĩ về anh ấy, ta lại thấy đau đớn. Nó làm cho mọi thứ trở nên dễ dàng hơn… con người, những biên tập viên, những bản hợp đồng… Nhưng dễ dàng hơn là bởi vì nó làm ta quá đau đớn. Vết đau cũng là một tác nhân kích thích. Ta nghĩ rằng ta ghét cái tên đó. Ta sẽ tiếp tục lặp lại nó. Nó là nỗi đau ta muốn được mang.

Rồi khi đối diện với Roark trong phòng làm việc ở nhà, ông lại không

cảm thấy đau đớn nữa; chỉ còn lại duy nhất ước muốn được cười một cách thoải mái.

"Howard, theo những lý tưởng được công bố của nhân loại thì mọi thứ anh đã làm trong cuộc đời anh đều sai lầm cả. Thế mà nhìn anh kìa. Theo một cách nào đó, anh như một tiếng cười nhạo vào mặt cả cái thế giới này."

Roark ngồi trên một cái ghế bành bên cạnh lò sưởi. Ánh lửa sáng rực rỡ lan tỏa khắp phòng làm việc. Ánh lửa dường như uốn lượn một cách khoan khoái quanh mọi vật trong gian phòng, kiêu hãnh phô bày sắc đẹp của mình, và thừa nhận khả năng thẩm mỹ của người đàn ông đã tạo nên không gian này cho chính mình. Họ ở trong phòng một mình. Dominique đã xin phép đi nghỉ sau bữa tối. Cô biết rằng họ muốn ở một mình.

"Một tiếng cười nhạo với tất cả chúng ta," Wynand nói. "Với tất cả mọi người trên phố. Tôi luôn nhìn những người đi trên phố. Tôi đã từng đi vào tàu điện ngầm chỉ để nhìn xem có bao nhiêu người cầm tờ *Ngọn cờ*. Tôi từng căm ghét họ và đôi khi cảm thấy sợ. Nhưng giờ đây tôi nhìn họ và chỉ muốn nói: 'Ôi, những kẻ ngốc nghếch tội nghiệp!' Vậy thôi."

Ông gọi điện tới văn phòng Roark vào một buổi sáng.

"Anh có thể đi ăn trưa với tôi không hả Howard?... Gặp tôi ở khách sạn Nordland nửa tiếng nữa."

Ông nhún vai mỉm cười khi ngồi đối diện với Roark trong nhà hàng.

"Chẳng có chuyện gì, Howard. Chẳng có lý do gì đặc biệt cả. Tôi vừa mới có nửa tiếng đến là ghê tởm, và tôi muốn tống khứ dư vị của nó ra khỏi miệng tôi."

"Nửa tiếng ghê tởm gì vậy?"

"Chụp ảnh chung với Lancelot Clokey."

"Lancelot Clokey là ai?"

Wynand cười phá ra và quên bẵng sự lịch thiệp luôn được kiểm soát của mình, quên cả cái nhìn cảnh giác của người hầu bàn.

"Vậy đó, Howard. Đó là lý do vì sao tôi phải ăn trưa với anh. Bởi vì anh có thể nói những điều như vậy."

"Nào, có chuyện gì nào?"

"Anh không đọc sách à? Anh không biết rằng Lancelot Clokey là 'nhà phân tích tình hình quốc tế tinh tế nhất của chúng ta' à? Đó là lời của các nhà phê bình – trên tờ *Ngọn cờ* của tôi. Lancelot Clokey được một tổ chức khỉ gió nào đó chọn là tác giả xuất sắc của năm nay hay một cái gì đó đại loại

thế. Chúng tôi sẽ đăng lý lịch của hắn trên bản phụ trương số báo Chủ nhật và tôi phải đứng quàng tay qua vai hắn cho người ta chụp ảnh. Hắn ta mặt áo sơ mi lụa bốc mùi rượu gin. Cuốn sách thứ hai của hắn kể về thời niên thiếu của hắn, rằng nó đã giúp hắn ra sao trong việc nắm bắt tình hình quốc tế. Cuốn sách đó đã bán được một trăm ngàn bản. Thế mà anh lại chưa bao giờ nghe về hắn. Thôi ăn trưa đi, Howard. Tôi thích nhìn anh ăn. Tôi ước gì anh nhẫn túi, thế là tôi có thể mua bữa trưa này cho anh và biết rằng anh thực sự cần nó."

Vào cuối ngày làm việc, ông thường ghé thăm văn phòng hoặc nhà Roark mà không báo trước. Roark có một căn hộ ở tòa nhà Enright, một trong những căn hộ xây theo hình lục giác nhìn ra sông Đông: một phòng làm việc, một thư viện, một phòng ngủ. Anh đã tự mình thiết kế nội thất của gian phòng. Suốt một thời gian dài, Wynand không thể hiểu tại sao nơi này lại cho ông một ấn tượng về sự xa hoa, cho đến khi ông nhận ra rằng căn phòng không hề nhấn mạnh vào nội thất: chỉ có một không gian sạch sẽ và sự xa hoa toát ra từ chính sự giản dị mộc mạc của nó, một sự giản dị không phải dễ dàng mà có được. Đứng về giá trị tài chính thì đó là căn hộ ít tiền nhất mà Wynand đã đến thăm trong hai mươi lăm năm qua.

"Chúng ta đã khởi đầu giống nhau, Howard," ông nói trong khi liếc nhìn quanh căn phòng của Roark. "Theo đánh giá và kinh nghiệm của tôi thì anh lẽ ra sẽ vẫn nằm dưới đáy xã hội. Nhưng anh đã không như vậy. Tôi thích căn phòng này. Tôi thích ngồi ở đây."

"Tôi thích nhìn thấy ông ở đây."

"Howard, anh đã bao giờ nắm quyền định đoạt cuộc sống của một ai đó chưa?"

"Chưa. Và tôi cũng sẽ không nhận nếu như người ta trao cho tôi cái quyền đó."

"Tôi không thể tin điều đó."

"Đã có một người đề nghị tôi điều đó, Gail. Tôi đã từ chối."

Wynand nhìn anh với sự tò mò, đó là lần đầu tiên ông nghe thấy sự gắng gượng trong giọng nói của Roark.

"Tại sao?"

"Tôi buộc phải từ chối."

"Vì lòng kính trọng với anh ta à?"

"Đó là một người đàn bà."

"Ồ, anh đúng là đồ ngốc! Vì lòng kính trọng với một người đàn bà ư?"

“Vì sự kính trọng đối với bản thân tôi.”

“Đừng có nghĩ là tôi sẽ hiểu. Chúng ta là hai người đối lập.”

“Tôi từng nghĩ thế. Tôi đã muốn nghĩ như vậy.”

“Và bây giờ thì anh không nghĩ thế nữa à?”

“Không.”

“Anh không khinh bỉ tất cả những việc tôi từng làm sao?”

“Tôi khinh bỉ gần như tất cả những việc ông làm mà tôi được biết.”

“Và anh vẫn thích nhìn thấy tôi ở đây?”

“Đúng thế. Gail, có một người coi ông là tượng trưng cho cái loài ác quỷ đặc biệt đã hủy hoại ông ấy và rồi sẽ hủy hoại tôi. Ông ấy đã truyền cho tôi sự căm ghét kia. Và có một lý do khác nữa. Tôi nghĩ rằng tôi đã căm ghét ông trước khi tôi gặp ông.”

“Tôi biết vậy. Điều gì đã làm anh thay đổi suy nghĩ?”

“Tôi không thể giải thích điều đó cho ông được.”

Họ cùng lái xe tới khu đất ở Connecticut, nơi những bức tường của ngôi nhà đang vươn lên từ mặt đất băng giá. Wynand đi theo Roark qua các căn phòng tương lai. Ông đứng bên cạnh và quan sát Roark hướng dẫn những công nhân ở đó. Thỉnh thoảng Wynand đến một mình. Những người công nhân nhìn thấy một chiếc xe hai chỗ không mui màu đen leo lên con đường vòng vèo dẫn lên đỉnh đồi, và nhìn thấy hình dáng Wynand đứng từ xa ngắm nhìn công trình. Dáng vẻ của ông luôn ẩn chứa những liên tưởng về vị trí của ông: sự thanh lịch nhã nhặn của áo khoác, sự góc cạnh của chiếc mũi, dáng đứng tự tin, vừa căng thẳng vừa thoải mái, làm cho người ta nghĩ về một đế chế Wynand. Nó làm cho người ta nghĩ đến những chiếc máy in gầm gào xuyên qua các đại dương, về những tờ báo, những trang bìa tạp chí rực rỡ, những luồng sáng run rẩy của các rạp chiếu phim, những đường dây điện thoại tỏa đi khắp thế giới, một quyền lực chảy tràn vào mọi cung điện, mọi thủ đô, mọi gian phòng quan trọng và bí mật trên thế giới, ngày cũng như đêm, xuyên suốt mỗi phút giây quý giá trong cuộc sống của người đàn ông này. Ông đứng yên lặng, dựa vào bầu trời có màu xám xịt như nước thải máy giặt. Những bông tuyết rơi một cách lười biếng qua vành mũ của ông.

Vào một ngày tháng Tư, ông lái xe một mình tới Connecticut sau nhiều tuần vắng mặt.

Chiếc xe mui trần hai chỗ băng qua đồng quê, không phải như một vật thể chuyển động, mà là một dải tốc độ dài. Ông không thấy sự chuyển động trong cái hình khối nhỏ bé làm bằng kính và da ấy. Với ông dường như chiếc

ô-tô đứng yên, treo lơ lửng phía bên trên mặt đất, trong khi bàn tay ông điều khiển vô lăng làm cho trái đất này bay ngang qua ông. Và ông chỉ đơn thuần chờ nơi ông muốn tới. Ông yêu quý vô lăng của chiếc xe như yêu quý bàn làm việc trong văn phòng ở tòa soạn tờ *Ngọn cờ*; cả hai thứ đó đều làm cho ông có cái cảm giác như có một con quái vật nguy hiểm đang nhũn người dưới sự điều khiển tài tính của các ngón tay ông.

Có một cái gì đó vụt qua tầm mắt của ông, và phải đi thêm một dặm nữa ông mới đột ngột nghĩ thật là lạ khi ông lại để ý đến nó, vì nó chỉ là một bụi cỏ ven đường. đi thêm một dặm nữa, ông nhận ra rằng càng lạ hơn vì cụm cỏ ấy màu xanh. Không thể nào khi đang giữa mùa đông – ông nghĩ – và rồi ông bất ngờ khi nhận ra rằng mùa đông đã đi qua. Ông đã rất bận rộn trong những tuần qua. Ông không có thời gian để nhận ra điều đó. Giờ đây ông nhìn thấy dấu hiệu của màu xanh trên những cánh đồng bao quanh, giống như một lời thì thầm. Ông nghe thấy trong tâm trí ông vẳng lên ba lời tuyên ngôn được khớp với nhau một cách chính xác như những bánh răng: Trời đã sang xuân – Chẳng biết ta còn bao nhiêu năm để nhìn thấy nó – Ta năm mươi lăm tuổi.

Đó là những lời tuyên ngôn, chứ không phải là những cảm xúc, ông không cảm thấy gì hết, không hề hăm hở hay sợ hãi. Nhưng ông biết rằng việc ông cần cảm nhận ý nghĩa của thời gian thật là kỳ lạ. Ông chưa bao giờ nghĩ về tuổi tác của mình trong mối liên hệ với bất kỳ đơn vị đo nào, ông chưa bao giờ định nghĩa vị trí của mình trong một dòng chảy có giới hạn. Ông đã là Gail Wynand, đã tồn tại vững chắc, như chiếc ô-tô này, nhiều năm đã qua, giống như trái đất này, như động cơ trong cơ thể ông, động cơ đã điều khiển chuyến bay của những năm tháng.

Không, ông nghĩ, ta không hối tiếc gì cả. Ta đã để lỡ một vài điều nhưng ta không hề hối tiếc, bởi vì ta đã yêu cuộc đời của ta như nó vốn có, kể cả những phút giây ta cảm thấy trống rỗng, kể cả những khi ta không tìm thấy lời giải đáp trong cuộc đời ta. Nhưng ta yêu nó.

Nếu như câu chuyện truyền thuyết về việc mỗi người rồi sẽ phải đứng trước một vị quan tòa tối cao và liệt kê những thành tích của mình là có thật; thì ta, với tất cả niềm tự hào của mình, sẽ liệt kê – không phải những thứ ta đã làm được – mà chỉ một thứ, một thứ ta chưa bao giờ làm trên trái đất này: đó là ta chưa bao giờ tìm kiếm bất cứ sự phê chuẩn nào từ bên ngoài. Ta sẽ đứng lên và nói: Tôi là Gail Wynand, người đã phạm phải mọi tội lỗi, trừ một tội lỗi lớn hơn cả: đó là tội tiêu phí sự sống tuyệt vời vào những thứ phù phiếm và tìm kiếm mục đích sống bên ngoài bản thân mình. Đây là niềm tự hào của ta: giờ đây, khi nghĩ về đoạn kết, ta không kêu khóc như tất cả những người ở cùng tuổi ta rằng đâu là mục đích và ích lợi của cuộc sống?

Ta chính là ích lợi và ý nghĩa, Ta, Gail Wynand. Ta đã sống và Ta đã hành động.

Ông lái xe xuống chân đồi và đạp phanh xe, giật nảy mình khi nhìn lên phía trên. Trong thời gian ông vắng mặt, ngôi nhà đã hiện hình. Bây giờ đã có thể nhận được ra ngôi nhà ấy, nó giống y như bản vẽ. Trong chốc lát, ông phân vân như một đứa trẻ liệu có đúng là ngôi nhà ấy đã mọc lên từ trong bản phác thảo không nhỉ? Cứ như thể ông chưa bao giờ thật sự tin rằng sẽ có một ngày ngôi nhà sẽ được xây lên đúng như thế. Ngôi nhà mọc lên, tựa mình vào bầu trời xanh nhạt, chưa hoàn thành và trông vẫn giống như một bản vẽ dang dở; những mặt phẳng của phần nề giống như những mảng màu nước, những cột ván trần trụi của giàn giáo giống như những nét chì, cả ngôi nhà như một bản thiết kế khổng lồ trên nền giấy xanh nhạt.

Ông rời khỏi xe và đi bộ lên đỉnh đồi. Ông nhìn thấy Roark giữa những người công nhân. Ông đứng phía ngoài và quan sát cách Roark đi ngang qua công trình, cách anh quay đầu hoặc giơ tay lên để chỉ. Ông nhận ra dáng vẻ của Roark khi dừng lại: chân anh dang ra, các cánh tay buông dọc thân hình, đầu ngẩng cao; một tư thế toát ra sự tự tin bản năng và một nguồn năng lượng tự phát không cần có một sự nỗ lực kiểm soát nào, một khoảnh khắc mà con người anh cũng gọn gàng sạch sẽ giống như công trình của chính anh vậy. Wynand nghĩ thầm, một kết cấu là lời giải cho bài toán về các sức ép đối nghịch, về sự cân bằng và về độ an toàn.

Ông nghĩ: không có những yếu tố cảm tính trong việc dựng lên một tòa nhà, đó chỉ là một công việc cơ học, giống như việc lắp đặt đường ống thoát nước hay việc sản xuất ra một loại xe ô-tô. Và rồi ông tự hỏi tại sao khi nhìn Roark, ông lại có cái cảm giác như khi ở trong gallery của mình. Wynand nghĩ: anh ta thuộc về những công trình chưa hoàn thành, hơn là một công trình đã hoàn thành, hơn là khi ngồi ở bàn vẽ; đây chính là chỗ của anh ta; nó thích hợp với anh ta – như Dominique đã nói rằng cái thuyền buồm thích hợp với ta.

Sau đó Roark đi ra và họ cùng đi bộ theo triền đồi, xuyên qua những đám cây. Họ ngồi xuống một nhánh cây đổ và nhìn ngôi nhà từ xa, qua những bụi cây. Những thân cây khô và trơ trụi, nhưng có thể cảm nhận được sức sống của mùa xuân từ sự reo vui của những cành nhánh đang vươn thẳng lên trời một cách ngạo nghễ, từ sự lay động hàm chứa một mục đích rõ ràng, quả quyết.

Wynand hỏi:

"Howard, anh đã từng yêu bao giờ chưa?"

Roark quay lại nhìn thẳng vào ông và trả lời khẽ:

“Tôi vẫn đang yêu.”

“Nhưng khi anh đi xuyên qua một công trình, cái anh cảm thấy còn lớn hơn thế, phải không?”

“Lớn hơn nhiều, Gail.”

“Tôi đang nghĩ về những người vẫn nói rằng hạnh phúc là điều không thể có trên trái đất này. Hãy nhìn xem tất cả bọn họ phải vất vả như thế nào để tìm kiếm một vài niềm vui trong cuộc sống. Hãy nhìn xem họ giành giật lấy hạnh phúc như thế nào. Tại sao mọi sinh vật trên trái đất này lại phải sống trong đau khổ? Người ta dùng cái quyền chính đáng nào để đòi hỏi con người tồn tại vì bất cứ thứ gì khác, ngoại trừ niềm vui của chính bản thân anh ta? Tất cả bọn họ đều muốn có niềm vui đó. Mỗi bộ phận trong cơ thể anh ta muốn có niềm vui đó. Nhưng họ không bao giờ tìm thấy nó. Tôi không biết tại sao. Họ than vãn và nói họ không hiểu được ý nghĩa của cuộc đời. Có một loại người mà tôi đặc biệt kinh ghét. Đó là những kẻ luôn tìm kiếm một loại mục đích sống cao hơn hoặc một ‘mục đích phổ quát’. Họ không hiểu sống để làm gì, họ rên rỉ rằng họ phải ‘tìm thấy bản thân mình’. Anh nghe thấy những điều như vậy ở khắp mọi nơi xung quanh ta. Đó dường như là thứ thuốc an thần chính thống của thế kỷ này. Mọi cuốn sách anh mở ra. Mọi lời tự thú dài dòng. Việc xưng tôi dường như trở thành một thứ cao quý. Tôi nghĩ rằng đó mới là thứ đáng hổ thẹn nhất trên đời.”

“Hãy xem này, Gail.” Roark đứng dậy, đưa tay ra và giật một cành cây từ một cái cây. Anh cầm nó bằng cả hai tay, mỗi bàn tay nắm một đầu; rồi cổ tay và khủy tay của anh căng ra, anh từ từ uốn cong nhánh cây đó thành một hình vòng cung. “Bây giờ tôi có thể làm cái gì tôi muốn từ cái cành cây này: một cây cung, một ngọn giáo, một cái gậy, hay một hàng rào. Đó là ý nghĩa của cuộc sống.”

“Sức mạnh của anh ư?”

“Lao động của anh.”

Anh quẳng nhánh cây sang bên cạnh. “Nguyên vật liệu mà trái đất cung cấp cho ta và cái mà ta làm ra từ những nguyên liệu ấy… Ông đang nghĩ gì vậy hả Gail?”

“Về bức ảnh trên tường ở trong văn phòng tôi.”

*

* *

Phải luôn kiềm chế, như anh ấy mong muốn; phải kiên nhẫn, phải biến kiên nhẫn thành một trách nhiệm mà ta tự nguyện thực hiện hàng ngày một cách có ý thức; phải đứng trước Roark và để sự bình thản của ta nói với anh

rằng: "Đây là điều khó khăn nhất mà anh từng yêu cầu em, nhưng em vui lòng thực hiện, nếu như đó là những gì anh muốn." – đó là nguyên tắc sống của Dominique.

Cô đứng bên cạnh, như một khán giả yên lặng của Roark và Wynand. Cô yên lặng quan sát họ. Cô từng muốn hiểu Wynand. Và đây là câu trả lời.

Cô chấp nhận các cuộc viếng thăm của Roark tới nhà của họ và chấp nhận rằng trong những tiếng đồng hồ của các buổi tối đó, anh thuộc về Wynand, chứ không phải cô. Cô gặp anh như một bà chủ nhà lịch thiệp, hờ hững và tươi cười, không phải như một người bình thường mà như một đồ vật thanh nhã trong nhà của Wynand. Cô ngồi đầu bàn ăn trong bữa tối, rồi sau đó để mặc họ trong phòng làm việc.

Cô ngồi một mình trong phòng khách, tắt đèn và cửa mở rộng. Cô ngồi thẳng và yên lặng. Mắt cô nhìn vào vạch sáng rọi ra từ khe cánh cửa phòng làm việc đối diện. Cô nghĩ: Nhiệm vụ của ta là nhìn vào cánh cửa đó như khi ta nhìn thấy anh ở đây, không được phàn nàn, một nhiệm vụ cả khi một mình, cả khi trong bóng tối, khi không ai biết ngoài chính ta… Roark, nếu đây là sự trừng phạt mà anh đã dành cho em, em sẽ tuân theo đầy đủ, không phải như một vở diễn trước mặt anh, mà như một nhiệm vụ em phải thực hiện một mình – anh biết rằng chịu đựng một sự tra tấn về thể xác không khó đối với em, chỉ có sự kiên nhẫn mới thật là khó khăn, anh đã chọn cái khó nhất, và em phải thực hiện nó, phải dâng cái đó cho anh… người yêu quý nhất… của em.

Khi Roark nhìn cô, ánh mắt anh không hề phủ nhận những ký ức. Ánh mắt ấy nói đơn giản rằng không có gì thay đổi và không có gì cần phải nói ra. Cô cảm nhận như đang nghe anh nói: Tại sao em lại sốc? Chúng ta đã từng xa cách ư? Phòng khách của em, chồng của em và cái thành phố mà em khiếp sợ ở phía của sổ kia, chúng có thực lúc này không, Dominique? Em có hiểu không? Em đã bắt đầu hiểu rồi phải không?

"Có," cô thường đột nhiên nói to, tin tưởng rằng lời nói đó thích hợp với cuộc hội thoại lúc này, và biết rằng Roark có thể nghe thấy câu trả lời của cô.

Đó không phải là sự trừng phạt mà anh đã chọn cho cô. Đó là một nguyên tắc áp đặt lên cả hai người; đó là bài kiểm tra cuối cùng. Cô hiểu được mục đích của anh khi cô hiểu rằng cô có thể cảm thấy tình yêu của cô dành cho anh, qua căn phòng này, qua Wynand, thậm chí qua tình cảm của anh dành cho Wynand và cô, qua cái tình thế bất khả, qua sự im lặng bắt buộc của cô – những trở ngại này chứng minh với cô rằng không có một trở ngại nào có thể tồn tại.

Cô không tìm gặp anh một mình. Cô chờ đợi.

Cô không tới thăm công trường xây dựng. Cô đã nói với Wynand: "Em sẽ nhìn ngôi nhà khi nào nó được xây xong." Cô không bao giờ hỏi ông về Roark. Khi Wynand về nhà vào lúc tối muộn và nói với cô rằng ông đã ở cả buổi tối tại căn hộ của Roark, nơi cô chưa bao giờ nhìn thấy, cô yên tay mình trên thành ghế, để ngăn cản bất cứ một sự bộc phát tình cảm nào, cánh tay cô như là một chiếc phong vũ biểu đo sức chịu đựng của cô.

Một lần cô không kìm được và hỏi:

"Cái gì vậy, Gail? Một kiểu ám ảnh à?"

"Anh đoán thế." Ông nói thêm: "Thật lạ là em không thích anh ấy."

"Em chưa từng nói vậy."

"Anh có thể hiểu được. Anh không thực sự ngạc nhiên. Đó là kiểu của em. Em phải ghét anh ta… chính bởi vì anh ấy là kiểu đàn ông mà em sẽ thích… Đừng bực mình với sự ám ảnh của anh."

"Em không bực với nó."

"Dominique, em có hiểu được không nếu anh nói với em rằng anh yêu em nhiều hơn kể từ khi anh gặp anh ấy? Thậm chí – anh muốn nói điều này – thậm chí khi em nằm trong tay anh, chuyện đó lớn hơn lúc trước. Anh cảm thấy mình có quyền lớn hơn với em."

Ông nói với một sự tự tin đơn giản mà họ đã dành cho nhau trong suốt ba năm qua. Cô ngồi nhìn ông như cô luôn luôn làm vậy; cái nhìn của cô ẩn chứa một sự dịu dàng không trách móc và một nỗi buồn không mang sự thương hại.

"Em hiểu mà Gail."

Sau một thoáng, cô hỏi:

"Anh ấy là gì đối với anh vậy Gail? Một kiểu đền thờ à?"

"Một kiểu áo tu sĩ[130]" Wynand nói.

Khi cô đã lên gác, ông tới bên cửa sổ và đứng nhìn lên bầu trời cao. Đầu ông ngã về sau, ông cảm nhận được sức căng của những cơ bắp ở cổ và ông phân vân tự hỏi không biết cái cảm giác thiêng liêng khi ngắm nhìn bầu trời đến từ cảnh tượng mà người ta nhìn thấy hay chính cái hành động ngẩng lên của đầu mình.

VI.

“Rắc rối cơ bản của thế giới hiện đại,” Ellsworth Toohey nói, “là sự ảo tưởng trong ý thức của chúng ta rằng sự tự do và sự cưỡng bách đối lập với nhau. Để giải quyết các vấn đề lớn đang tấn công thế giới ngày nay, chúng ta phải làm rõ sự mơ hồ về trí tuệ của chúng ta. Chúng ta phải đạt được một quan điểm triết học. Về bản chất, sự tự do và sự cưỡng bách là một. Để tôi lấy một ví dụ đơn giản. Đèn giao thông ngăn cản sự tự do qua lại một đường phố vào bất kỳ lúc nào anh muốn. Nhưng sự ngăn cản này mang lại cho anh sự tự do khỏi bị cán bởi một chiếc xe tải. Nếu anh được giao một công việc và bị cấm từ bỏ việc đó, điều đó sẽ hạn chế sự tự do nghề nghiệp của anh. Nhưng lại mang đến cho anh sự tự do thoát khỏi nỗi lo thất nghiệp. Bất kỳ lúc nào khi phải chịu đựng một sự cưỡng bách mới, chúng ta tự động nhận được một sự tự do mới. Hai điều này không thể tách rời nhau. Chúng ta chỉ có thể giành được sự tự do hoàn toàn khi chấp nhận sự cưỡng bách hoàn toàn.”

“Chính là như vậy!” Mitchell Layton ré lên.

Đó đúng là một tiếng ré, thanh và the thé. Nó được thốt ra cũng thình lình như là một sự thình lình của chuông báo cháy. Khách khứa nhìn cả về phía Mitchell Layton.

Mitchell Layton ngồi ngả ngớn trong một chiếc ghế bành bọc nhung trong phòng khách của mình, chân và bụng thò ra ngoài, giống như một đứa trẻ đáng ghét đang phô trương một dáng điệu xấu. Mọi thứ trên người Mitchell Layton đều có vẻ thiêu thiếu và dang dở. Có vẻ như cơ thể anh ta đã quyết định mình phải cao, nhưng giữa chừng lại thay đổi ý định, và kết quả là anh ta có phần thân trên dài nhưng cặp giò thì ngắn và bè bè. Xương mặt anh rất thanh tú, nhưng da thịt thì cứ như muốn đùa với khuôn mặt nên chúng xệ ra, không đến mức béo phì, nhưng đủ để làm cho người ta nghĩ đến một người bị quai bị mãn tính. Môi Mitchell Layton bĩu ra. Đó không phải là một trạng thái biểu hiện cảm xúc tạm thời hay một sự sắp xếp của riêng khuôn mặt. Đó là một thuộc tính kinh niên, tỏa ra từ khắp người anh. Anh bĩu môi ra bằng cả cơ thể mình.

Mitchell Layton được thừa kế một phần tư tỷ đô la và đã tiêu phí ba mươi ba năm cuộc đời để cố gắng biện hộ cho điều đó.

Ellsworth Toohey mặc quần áo dạ tiệc, đứng uể oải, tựa lưng vào tủ đựng đồ. Sự lãnh đạm của ông có một vẻ thân mật, hòa nhã và một chút ngạo mạn, như thể những người quanh ông không xứng đáng để ông phải giữ một phong cách lịch thiệp.

Ông đảo mắt quanh phòng. Căn phòng này không hẳn là hiện đại, không hẳn theo phong cách Thuộc địa, có một chút hơi hướng của kiểu đế chế Pháp. Đồ đạc trong phòng đều có mặt phẳng với những họa tiết đỡ có hình uốn cong như cổ thiên nga. Những cái gương màu đen, những chiếc đèn bão chạy điện, những đồ mạ và thảm thêu – chúng chỉ thống nhất với nhau ở một điểm: sự đắt tiền.

"Đúng như vậy," Mitchell Layton nói một cách hung hăng, như thể anh biết trước mọi người sẽ phản đối nên phải sỉ nhục họ trước. "Người ta quá lắm lời về sự tự do. Tôi muốn nói rằng ý nghĩa của từ tự do rất mập mờ và đã bị lạm dụng. Tôi thậm chí không chắc rằng sự tự do có phải là một ân phước khốn kiếp hay không. Tôi nghĩ con người sẽ hạnh phúc hơn nhiều trong một xã hội quy củ, với một khuôn mẫu nhất định và một hình thái đồng nhất – giống như một điệu nhảy dân gian.[131] Các vị biết một điệu nhảy dân gian đẹp thế nào rồi đó. Và cả nhịp điệu của nó cũng vậy. Đó là bởi vì nó là tác phẩm của hàng thế hệ, và họ không để bất kỳ một kẻ ngu ngốc nào có cơ hội nhảy vào và thay đổi nó. Đó là cái chúng ta cần. Ý tôi là khuôn mẫu và nhịp điệu. Và vẻ đẹp nữa."

"Đó là một sự so sánh thích hợp đấy, Mitch," Ellsworth Toohey nói. "Tôi luôn nói với anh rằng anh có một trí tuệ sáng tạo."

"Tôi muốn nói rằng, cái làm cho con người ta không hạnh phúc không phải là quá ít mà là quá nhiều lựa chọn," Mitchell Layton nói. "Lúc nào cũng phải quyết định, luôn phải quyết định, luôn luôn bị giằng co bởi quá nhiều thứ. Nào, nếu một xã hội có khuôn mẫu, người ta sẽ cảm thấy an toàn. Không có ai sẽ tới làm phiền anh bắt anh phải làm cái này cái nọ. Không ai phải làm bất kỳ điều gì. Ý tôi là, dĩ nhiên rồi, trừ lao động vì lợi ích chung."

"Chỉ có giá trị tinh thần mới quan trọng," Homer Slottern nói. "Hãy bắt kịp với thời đại và thế giới. Đây là một thế kỷ của tinh thần."

Homer Slottern có một khuôn mặt to với đôi mắt đờ đẫn. Những khuy áo sơ mi bằng đá hồng ngọc và ngọc lục bảo, trông giống như những cục sa-lát vón lại trên thân trước của chiếc áo sơ mi được hồ cứng. Ông sở hữu ba trung tâm thương mại.

"Cần phải có một bộ luật bắt mọi người phải học những bí mật thần bí của các thời đại," Mitchell Layton nói. "Chúng đã được viết ra tất cả trên các kim tự tháp Ai Cập."

"Đúng thế, Mitch," Homer Slottern đồng ý. "Có nhiều điều để nói về thuyết thần bí. Về một mặt. Còn mặt khác, cần nói về chủ nghĩa duy vật biện chứng…"

“Hai thứ đó không hề mâu thuẫn,” Mitchell Layton khinh khỉnh kéo dài giọng. “Thế giới tương lai sẽ kết hợp cả hai.”

“Trên thực tế” – Ellsworth Toohey nói – “cả hai thứ đều là sự biểu hiện bề ngoài của cùng một sự vật, với cùng một mục đích.” Mắt kính của ông lóe sáng, như thể được thắp sáng từ bên trong. Có vẻ ông đang tự thưởng thức câu nói của mình theo cách của riêng ông.

“Tất cả những gì tôi biết là, sống vì người khác là nguyên tắc đạo đức duy nhất,” Jessica Pratt nói, “Đó là nguyên tắc cao quý nhất, là nghĩa vụ thiêng liêng, và quan trọng hơn sự tự do rất nhiều. Sống vì người khác là con đường duy nhất dẫn tới hạnh phúc. Tôi sẽ bắn chết hết những người đã từ chối sống vì người khác. Để cho họ thoát khỏi sự đau khổ. Họ không thể có được hạnh phúc.”

Jassica Pratt nói một cách đăm chiêu. Cô có một khuôn mặt dịu dàng và già dặn, làn da hồng phấn không cần đến trang điểm, làm cho người ta có cảm giác rằng một ngón tay chạm vào làn da đó sẽ bị dính một lớp bụi phấn.

Jessica Pratt có một cái họ lâu đời, không tiền bạc và một niềm say mê lớn: tình yêu của cô dành cho cô em gái Renee. Họ mồ côi cha mẹ từ khi còn nhỏ và cô đã dành cả cuộc đời mình để nuôi lớn Renee. Cô đã hy sinh mọi thứ, cô chưa từng lấy chồng, cô đã đấu tranh, bày mưu, vạch kế hoạch, lừa gạt trong nhiều năm và đạt được thắng lợi là đám cưới của Renee với Homer Slottern.

Renee Slottern ngồi co tròn lại trên một cái ghế để chân, miệng tóp tép nhai lạc. Thỉnh thoảng cô với tay lên chiếc đĩa pha lê trên một bên bàn để lấy thêm lạc. Cô không biểu lộ bất kỳ cố gắng nào khác. Đôi mắt nhợt nhạt trên khuôn mặt nhợt nhạt của cô ngó lơ ngơ ra xung quanh.

“Chị đi quá xa rồi, Jess,” Homer Slottern nói. “Chị không thể hy vọng mọi người đều trở thành những vị thánh.”

“Tôi không hy vọng gì cả,” Jessica nhu mì nói. “Tôi đã từ bỏ việc hy vọng từ lâu rồi. Chúng ta cần đến giáo dục. Chà, tôi nghĩ là ông Toohey hiểu điều này. Nếu mọi người bị bắt buộc phải nhận một sự giáo dục thích hợp, chúng ta sẽ có một thế giới tốt đẹp hơn. Nếu chúng ta bắt mọi người phải làm điều tốt, họ sẽ được hạnh phúc.”

“Cuộc tranh luận này thật hoàn toàn vô ích,” Eve Layton nói. “Ngày nay chẳng có một người thông minh nào lại tin vào sự tự do. Nó lỗi thời rồi. Tương lai thuộc về quy hoạch xã hội. cưỡng bách là quy luật tự nhiên. Thế thôi. Điều này thật hiển nhiên.”

Eve Layton xinh đẹp. Cô ngồi dưới ánh sáng tỏa ra từ chiếc đèn chùm,

mái tóc đen mềm mại của cô bám sát vào da đầu, chiếc váy sa-tanh màu xanh lá cây nhạt sống động như một dòng nước sắp tuôn trào, phơi bày làn da mỏng, rám nắng của cô. Cô có một khả năng đặc biệt trong việc biến sa-tanh và nước hoa trở nên hiện đại như những mặt bàn tay quay tròn bằng nhôm. Cô là Thần vệ nữ vươn mình lên khỏi một miệng tàu ngầm.

Eve Layton tin rằng nhiệm vụ của cô trong cuộc đời là trở thành người đi tiên phong – không quan trọng tiên phong cái gì. Phương pháp của cô luôn luôn là thực hiện những bước nhảy vọt bất cẩn, rồi hạ cánh trong chiến thắng ở rất xa trước tất cả mọi người. Triết lý của cô gói gọn trong một câu – "Ta luôn thành công vì ta đẹp." Trong các cuộc đối thoại, cô luôn diễn giải triết lý ấy bằng một câu cô yêu thích: "Tôi ư? Tôi là ngày mai của ngày mai." Cô là một chuyên gia cưỡi ngựa, một tay đua xe, một nhà vô địch bơi lội. Khi nhận thấy sự chú ý của mọi người đã chuyển sang lĩnh vực của những ý tưởng, cô lại thực hiện một cú nhảy vọt khác, như cô vẫn thường làm. Cô đáp xuống ở phía trước, ở chỗ thức thời nhất. Khi đáp xuống, cô ngạc nhiên khi thấy có những người hoài nghi về chiến tích của cô. Không có ai từng hoài nghi về các chiến tích khác của cô cả. Cô nổi đóa lên với bất kỳ ai không đồng ý với các quan điểm chính trị của cô. Đó là một vấn đề cá nhân. Cô phải đúng bởi vì cô là ngày mai của ngày mai.

Chồng cô, Mitchell Layton, căm ghét cô.

"Cuộc tranh luận này hoàn toàn hợp lý," anh ta ngắt lời. "Không phải tất cả mọi người đều có trình độ như em đâu, em yêu ạ. Chúng ta phải giúp đỡ những người khác. Đó là bổn phận mang tính đạo đức của các nhà lãnh đạo tri thức. Ý tôi là chúng ta nên vứt quách sự sợ hãi với cái cụm từ 'sự cưỡng bách' đi. Không bao giờ là cưỡng bách khi ta hành động vì một sự nghiệp cao cả. Ý tôi là, cưỡng bách là nhân danh tình yêu. Nhưng tôi không biết chúng ta phải làm thế nào để cho đất nước này hiểu được điều đó. Người Mỹ thật là bảo thủ."

Anh không thể tha thứ cho đất nước của mình bởi vì nó đã mang đến cho anh một phần tư tỷ đô la và sau đó từ chối ban cho anh một sự kính trọng tương đương số tiền ấy. Người ta không tiếp nhận những đánh giá của anh về nghệ thuật, văn học, lịch sử, sinh học, xã hội học và siêu hình học như nhận những tờ ngân phiếu của anh. Anh phàn nàn rằng mọi người đánh giá về anh quá nhiều qua tiền bạc. Anh căm ghét họ bởi vì họ không đánh giá anh một cách đầy đủ.

"Có quá nhiều điều để nói về sự cưỡng bách" Homer Slottern phát biểu. "Miễn là nó được sắp xếp một cách dân chủ. Lợi ích chung phải luôn đi trước, cho dù chúng ta có thích nó hay không."

Diễn giải bằng ngôn từ thì thái độ của Homer Slottern bao hàm hai phần mâu thuẫn nhau, nhưng điều này cũng chẳng làm phiền gì đến anh, bởi chúng vẫn nằm yên trong tâm trí của anh mà chưa bao giờ được diễn giải. Thứ nhất, anh cảm thấy rằng những lý thuyết trừu tượng là những thứ rất vớ vẩn, và nếu như có khách hàng cần đến những thứ hàng đặc biệt này thì việc cung cấp cho họ hoàn toàn an toàn, và còn là một vụ làm ăn tốt. Thứ hai, anh cảm thấy bứt rứt không yên khi phải bỏ qua cái mà mọi người gọi là cuộc sống tinh thần chỉ vì anh bận kiếm tiền; có lẽ những người như Toohey có lý nhất định. Và nếu như họ lấy đi những cửa hàng của anh thì sao? Làm một nhà quản lý của một Trung tâm Thương mại Quốc doanh đâu có thực sự dễ dàng? Chẳng phải tiền lương cho công việc quản lý này mang lại cho anh mọi thứ danh tiếng và tiện nghi mà anh được hưởng, mà không cần phải gánh trách nhiệm của người chủ sở hữu đấy hay sao?

"Có đúng là trong xã hội tương lai, phụ nữ sẽ được ngủ với bất kỳ người đàn ông nào mà cô ta muốn?" Renee Slottern hỏi. Câu nói ấy bắt đầu như một câu hỏi nhưng rồi đuối dần đi. Cô không thực sự muốn biết. Cô chỉ cảm thấy hơi băn khoăn không biết một người phụ nữ sẽ cảm thấy thế nào khi có một người đàn ông mà họ thực sự ham muốn, và ham muốn là như thế nào.

Đi tranh luận về lựa chọn cá nhân thì thật là ngu ngốc," Eve Layton nói. "Chuyện đó lỗi thời rồi. Chẳng hề tồn tại cái gọi là 'một người'. Chỉ có một thực thể tập hợp đủ thứ. Đó là điều hiển nhiên."

Ellsworth Toohey mỉm cười và không nói gì cả.

"Chúng ta cần phải làm gì đó để thay đổi công chúng," Mitchell Layton tuyên bố. "Họ phải được dẫn đường chỉ lối. Họ không biết cái gì là tốt cho họ. Ý tôi là tôi không thể hiểu nổi tại sao những người có văn hóa và vị trí như chúng ta hiểu được những lý tưởng vĩ đại của chủ nghĩa tập thể và sẵn sàng hy sinh những lợi ích cá nhân, trong khi những người lao động được hưởng lợi từ điều đó lại luôn hờ hững một cách ngu ngốc như thế. Tôi không thể hiểu tại sao những công nhân ở đất nước này lại chẳng mấy mặn mà với chủ nghĩa tập thể."

"Anh không thể hiểu à?" Ellsworth Toohey nói. Mắt kính của ông lấp lánh.

"Tôi chán ngấy chuyện này rồi," Eve Layton ngắt lời và đi đi lại lại trong phòng, ánh đèn trượt qua vai cô.

Cuộc nói chuyện chuyển qua đề tài nghệ thuật và những tên tuổi đứng đầu của thời đại trong mọi lĩnh vực nghệ thuật.

"Lois Cook nói rằng ngôn từ phải được giải phóng khỏi sự áp đặt của lý trí. Cô ta nói rằng cái thòng lọng lý trí đặt trên ngôn ngữ cũng giống như

việc các nhà tư bản bóc lột quần chúng nhân dân. Từ ngữ phải được phép thỏa hiệp với lý trí thông qua thỏa thuận chung. Cô ta đã nói như vậy. Cô ta thật lạ lùng và mới mẻ."

"Ike cái gì nhỉ - nhắc lại cho tôi tên anh ta là gì nhỉ? – anh ta nói rằng rạp hát là một công cụ của tình yêu. Một vở kịch không phải diễn ra trên sân khấu… mà là diễn ra trong trái tim của khán giả."

"Jules Fougler nói trên tờ *Ngọn cờ* số Chủ nhật tuần trước rằng trong thế giới tương lai, nghệ thuật sân khấu sẽ không còn cần thiết nữa. Ông ta nói rằng cuộc sống hàng ngày của một người bình thường tự nó đã là một tác phẩm nghệ thuật, như một bi kịch vĩ đại nhất của Shakespeare. Trong tương lai cũng sẽ chẳng còn chỗ đứng cho các nhà viết kịch. Nhà phê bình sẽ chỉ đơn giản là quan sát cuộc sống của quần chúng và đánh giá những điểm nghệ thuật của nó cho công luận. Đó là điều Jules Fougler đã nói. Hiện giờ tôi cũng không biết liệu tôi có đồng ý với ông ta hay không, nhưng ý kiến đó mang một góc nhìn rất mới mẻ và thú vị."

"Lancelot Clokey nói rằng đế chế Anh quốc đang tới ngày tận số. Ông ta nói sẽ không còn có chiến tranh bởi những người công nhân trên thế giới không cho phép điều đó xảy ra. Chiến tranh là do các chủ ngân hàng quốc tế và các nhà sản xuất vũ khí khơi mào. Họ đã bị hất ra khỏi chính quyền. Lancelot Clokey nói rằng vũ trụ này là một bí ẩn và rằng mẹ của ông ta là người bạn tốt nhất. Ông ta nói rằng thủ tướng Bungari thường ăn cá trích vào bữa sáng."

"Gordon Prescott nói rằng kiến trúc chỉ gói gọn trong bốn bức tường và trần nhà. Sàn nhà là phần không bắt buộc. Tất cả những phần còn lại chỉ là sự phô trương trưởng giả. Ông ta nói rằng không nên cho phép bất kỳ ai xây dựng bất cứ cái gì ở bất cứ chỗ nào, cho tới khi mọi dân cư trên trái đất này đều có được một mái nhà. Thế còn những người thuộc bộ lạc Patagonia[132] thì sao? Việc của chúng ta là phải dạy dỗ để họ mong muốn một mái nhà. Prescott gọi đó là sự tương hỗ biện chứng xuyên không gian[133]."

Ellsworth Toohey không nói gì hết. Ông đứng mỉm cười khi tưởng tượng ra một cái máy chữ khổng lồ. Mỗi cái tên nổi tiếng ông đang nghe là một phím của bàn phím, mỗi phím đang điều khiển một lĩnh vực đặc biệt. Mỗi phím gõ và để lại dấu của nó, tất cả chúng tạo nên những câu được kết nối với nhau trên tờ giấy trắng rộng. Ông nghĩ: cái máy chữ quyết định bàn tay gõ vào những phím của nó.

Ông chợt giật mình khi nghe thấy giọng nói hờn dỗi của Mitchell Layton:

"À, phải, tờ *Ngọn cờ*, quỷ tha ma bắt nó đi!"

“Tôi biết,” Homer Slottern nói.

“Nó đang xuống dốc.” Mitchell Layton nói. “Nó nhất định là đang xuống dốc. Một khoản đầu tư lớn của tôi. Đó là lần duy nhất mà Ellsworth đã nhầm lẫn.”

“Ellsworth không bao giờ nhầm lẫn,” Eve Layton nói.

“Hừm, ông ấy đã nhầm, vào lúc đó. Ông ấy là người đã khuyên tôi mua một mảnh của cái khăn trải giường đầy rận đó.” Layton nhìn vào ánh mắt nhẫn nại của Toohey và vội vàng nói thêm: “Tôi không có ý phàn nàn gì đâu Ellsworth. Việc đó không sao cả. Nó thậm chí còn có thể giúp tôi giảm bớt được một phần thuế thu nhập khốn kiếp. Nhưng cái giẻ rách phản động bẩn thỉu đó chắc chắn đang xuống dốc rồi.”

“Kiên nhẫn chút đi Mitch,” Toohey nói.

“Ông không nghĩ là tôi nên bán nó đi và tìm cách thoát thân à?”

“Không đâu, Mitch, tôi không nghĩ vậy.”

“OK, nếu ông nói như vậy. Tôi đủ khả năng cho nó. Tôi có đủ khả năng chi trả cho bất kỳ cái gì.”

“Nhưng tôi thì không thể!” Homer Slottern gào lên một cách dữ dội làm mọi người bị bất ngờ. “Giờ thì tôi không thể đăng quảng cáo trên tờ *Ngọn cờ* nữa. Không phải là chuyện số phát hành của nó – cái đó vẫn ổn – nhưng mà dư luận chúng – có một dư luận hơi lạ - Ellsworh, tôi đang nghĩ đến chuyện hủy hợp đồng của tôi đi.”

“Tại sao?”

“Ông có biết về phong trào ‘Chúng ta không đọc báo của Wynand’ không?”

“Tôi có nghe về nó.”

“Phong trào đó do một kẻ tên là Gus Webb dẫn đầu. Họ dán truyền đơn trên những tấm kính chắn gió xe hơi và trong các nhà vệ sinh công cộng. Họ huýt sáo chê bai những phim thời sự của Wynand trong các nhà hát. Tôi không nghĩ rằng đó là một nhóm lớn nhưng… Tuần trước, một phụ nữ chẳng lấy gì làm hấp dẫn đã làm ầm lên trong cửa hàng của tôi ở Đại lộ Năm mươi… bà ta gọi chúng tôi là kẻ thù của tầng lớp lao động bởi vì chúng tôi đăng quảng cáo trên tờ *Ngọn cờ*. Ông có thể bỏ qua chuyện đó, nhưng vấn đề trở nên nghiêm trọng khi một trong những khách hàng lâu năm nhất của chúng tôi, một phụ nữ nhỏ bé hiền hòa ở Connecticut và là người xuất thân từ một gia đình đã ba đời theo đảng Cộng Hòa, gọi điện cho chúng tôi và bảo rằng có lẽ bà ta sẽ hủy tài khoản trả trước[134] của bà ta bởi vì có ai đó đã nói

với bà ta rằng Wynand là một kẻ độc tài."

"Gail Wynand không biết chút gì về chính trị ngoại trừ loại chính trị sơ khai nhất," Toohey nói. "Ông ta vẫn nghĩ đến dân chủ theo kiểu ở Hell's Kitchen. Cái thời ấy, người ta quá ngây thơ trước những tham nhũng về chính trị; các vị có đồng ý không?"

"Tôi không quan tâm. Đó không phải là điều mà tôi đang nói. Tôi muốn nói rằng tờ *Ngọn cờ* đang trở thành một thứ của nợ. Nó làm tổn hại đến việc kinh doanh. Ngày nay người ta phải thật cẩn thận. Ông có dính dáng tới một gã không ra gì và ông vừa mới phát hiện ra là có cuộc vận động bôi nhọ hắn ta thì ông cũng bị vấy bùn theo rồi. Tôi thì không thể chịu được những thứ như vậy."

"Đó không hoàn toàn là sự bôi nhọ vô căn cứ."

"Tôi không quan tâm. Tôi cóc cần biết liệu nó đúng hay sai. Tôi dại gì mà lại giơ đầu chịu báng thay cho Gail Wynand? Nếu như công chúng chống lại ông ta thì việc của tôi là tránh xa ông ta càng xa càng tốt, ngay lập tức. Và không phải chỉ mình tôi như vậy. Có hàng đống người trong số chúng ta cũng nghĩ như vậy, chẳng hạn như Jim Ferris của hãng Ferris & Symes, Billy Shultz của hãng Vimo Flakes, Bud Harper của Toddler Togs, và… quỷ tha ma bắt, ông biết tất cả bọn họ mà. Họ là bạn của ông, bọn chúng ta cả, những thương gia cải cách. Tất cả chúng tôi đều muốn rút các quảng cáo khỏi tờ *Ngọn cờ*."

"Kiên nhẫn chút đi nào Homer. Tôi sẽ không vội vã đâu. Mọi việc đều có thời điểm thích hợp của nó. Có cái gọi là thời điểm tâm lý đấy."

"Được thôi, tôi sẽ nhớ lời ông. Nhưng tôi cảm giác có cái gì đó không ổn. Một lúc nào đó tình hình sẽ trở nên nguy hiểm."

"Có thể. Tôi sẽ nói cho anh biết khi điều đó xảy ra."

"Tôi tưởng Ellsworth làm cho tờ *Ngọn cờ* cơ mà," Renee Slottern nói một cách trống rỗng và bối rối.

Những người khác quay về phía cô ta với một sự bực mình và thương hại.

"Cô thật ngây thơ, Renee," Eve Layton nhún vai.

"Nhưng có chuyện gì với tờ *Ngọn cờ* vậy?"

"Nghe đây, cô bé, đừng bận tâm tới những chuyện chính trị bẩn thỉu," Jessica Pratt nói. "*Ngọn cờ* là một tờ báo đồi bại. Ngài Wynand là một kẻ xấu xa. Ông ta đại diện cho lợi ích nhỏ mọn của những kẻ giàu có."

"Em nghĩ ông ta trông đẹp trai" Renee nói. "Em nghĩ ông ta rất gợi tình."

“Ồ, Chúa ơi!” Eve Layton gào lên.

“Thôi nào, rút cục thì Renee cũng có quyền nói ý kiến của cô ấy chứ,” Jessica Pratt bất ngờ nổi cơn thịnh nộ.

“Em nghe nói Ellsworth là chủ tịch Hiệp hội nhân viên của tập đoàn Wynand,” Renee dài giọng nói.

“Ồ không, Renee. Tôi không bao giờ là chủ tịch của bất cứ cái gì. Tôi chỉ là một thành viên có tên trong danh sách. Giống như một thằng bé để sai vặt thôi.”

“Họ có Hiệp hội Nhân viên của Wynand cơ à?” homer Slottern hỏi.

“Lúc đầu thì chỉ là một câu lạc bộ thôi,” Toohey nói. “Năm ngoái nó đã trở thành một hiệp hội.”

“Ai tổ chức hiệp hội đó thế?”

“Ai mà biết được. Gần như là tự phát. Giống như tất cả các phong trào quần chúng.”

“Tôi nghĩ Wynand là một tên vô lại,” Mitchell Layton tuyên bố. “Hắn ta nghĩ hắn ta là ai cơ chứ? Tôi đến dự một cuộc họp cổ đông và hắn coi bọn tôi như thể chúng tôi là những kẻ tôi tớ. Tiền của tôi không tốt như của hắn ta à? Tôi không sở hữu một phần lớn của cái tờ báo khốn kiếp của hắn chắc? Tôi có thể dạy cho hắn ta một vài thứ về nghề báo. Tôi có những ý tưởng. Hắn ta kiêu ngạo về cái gì vậy nhỉ? Chỉ bởi vì hắn đã tự tay gây dựng nên cơ nghiệp hay sao? Hắn ta có thể trở thành một kẻ hợm hĩnh khốn kiếp như vậy chỉ bởi vì hắn ta xuất thân từ Hell’s Kitchen à? Nếu như một người không có may mắn được sinh ra từ Hell’s Kitchen thì đó không phải là lỗi của anh ta! Không một ai hiểu được rằng sinh ra trong nhung lụa cũng là một điều vô cùng bất lợi. Bởi vì mọi người cứ mặc nhiên đánh giá thấp anh, rằng chỉ bởi vì anh sinh ra đã được giàu có, nếu không thì anh sẽ chẳng làm nên trò trống gì. Điều tôi muốn nói là nếu tôi có được những cơ may như Gail Wynand, thì tôi đã giàu gấp đôi và nổi tiếng gấp ba hắn ta bây giờ. Nhưng hắn ta thật tự phụ, hắn ta không nhận ra điều này chút nào!”

Không ai nói một lời nào. Họ nghe thấy trong giọng nói của Mitchell Layton một sự kích động ngày càng tăng. Eve Layton nhìn Toohey thầm cầu cứu. Toohey mỉm cười và bước tới.

“Tôi xấu hổ vì cậu đấy, Mitch,” ông ta nói.

Homer Slottern thở hổn hển. Chưa từng có ai quở trách Mitchell Layton về chủ đề này. Chưa từng có ai quở trách Mitchell Layton về bất kỳ cái gì.

Môi dưới của Mitchell Layton biến mất.

“Tôi xấu hổ vì cậu đấy Mitch,” Toohey lặp lại một cách nghiêm khắc, “vì cậu lại đi so sánh mình với một kẻ đê tiện như Gail Wynand.”

Miệng Mitchell Layton dãn ra thành một cái gì đó gần giống như một nụ cười.

“Ông nói đúng,” anh ta nói khẽ.

“Không, cậu không bao giờ có thể đạt được cơ nghiệp như của Gail Wynand. Vì cậu có một đầu óc nhạy cảm và một bản tính nhân hậu. Những cái đó đã giữ chân cậu, chứ không phải là tiền của cậu, Mitch. Ai quan tâm tới tiền nào? Thời đại của tiền bạc đã qua rồi. Bản chất của cậu quá tốt nên cậu không thể tham dự vào cuộc cạnh tranh khốc liệt của hệ thống tư bản của chúng ta. Nhưng cái thời ấy cũng đang trôi qua rồi.”

“Điều đó là hiển nhiên,” Eve Layton nói.

Khi Toohey ra về thì trời đã muộn. Ông cảm thấy vui vẻ và quyết định đi bộ về nhà. Đường phố vắng lặng, bóng tối của những tòa nhà như lan cả lên trời, một cách cả quyết và trần trụi. Ông nghĩ tới những gì ông đã có lần nói với Dominique: “Một bộ máy nhỏ phức tạp, như xã hội chúng ta… và chỉ bằng việc ấn ngón tay nhỏ bé của mình vào một điểm… vào tâm điểm của tất cả sức mạnh của nó… cô có thể làm cả thành phố này đổ sụp thành một đống mạt sắt…” Ông nhớ Dominique. Ông ước gì cô có mặt cùng ông để nghe cuộc tranh luận tối nay.

Ông cảm thấy sôi lên vì không thể chia sẻ được với ai. Ông dừng lại giữa một con phố yên tĩnh, nhả đầu ra sau vừa cười to vừa nhìn lên đỉnh của các tòa nhà trọc trời.

Một cảnh sát vỗ nhẹ vào vai ông và hỏi: “Khỏe chứ, ông?”

Toohey nhìn thấy những khuy áo và chiếc áo xanh bó chặt trên một lồng ngực rộng, một khuôn mặt lạnh, cứng rắn và kiên nhẫm; một người đàn ông vững chãi và độc lập như những tòa nhà xung quanh họ.

“Đang làm nhiệm vụ phải không, ngài cảnh sát?” Toohey hỏi, âm vang của tiếng cười như ngân dài trong giọng nói của ông. “Bảo vệ pháp luật, trật tự và phép tắc và cuộc sống của con người phải không?” Người cảnh sát gãi đầu. “Ông nên bắt giữ tôi, ông cảnh sát.”

“OK, anh bạn, OK,” người cảnh sát nói. “Ông đi đi. Ai cũng có lúc vượt quá sức chịu đựng.”

VII.

Chỉ khi người thợ sơn cuối cùng ra về, Peter Keating mới cảm nhận thấy sự cô độc và sự yếu ớt đến tê liệt của khuỷu tay mình. Anh đứng trong sảnh và nhìn lên trần nhà. Dưới lớp sơn thô, anh vẫn có thể nhìn thấy đường nét của một hình vuông, nơi cái cầu thang vừa bị tháo đi và cái lỗ hổng đã được người ta bịt lại. Văn phòng cũ của Guy Francon đã không còn. Hãng Keating & Dumont giờ đây chỉ còn lại một tầng.

Anh nghĩ đến cái cầu thang, nhớ lại lần đầu tiên anh đã đi trên những bậc thang trải nhung đỏ ấy, cầm một bản vẽ trên các đầu ngón tay. Anh nghĩ về vựn phòng Guy Francon với những ánh sáng lung linh tráng lệ. Anh nghĩ về bốn năm qua khi văn phòng đó thuộc về anh.

Trong những năm gần đây, anh đã biết điều gì đang xảy ra với công ty của anh. Anh đã biết rất rõ khi những người mặc đồng phục công nhân tháo dỡ chiếc cầu thang và vá cái lỗ hổng trên trần. Nhưng chính cái hình vuông dưới lớp sơn trắng ấy là cái làm cho anh ý thức rằng mọi việc đang thật sự xảy ra, và không thể thay đổi.

Anh đã phó mặc cái sự tụt dốc này, từ lâu rồi. Không phải tự anh lựa chọn để phó mặc mọi sự - như thế đã là một quyết định tích cực - đơn giản là nó cứ thế xảy ra và anh đã để mặc cho nó xảy ra. Mọi việc diễn ra rất giản đơn, hầu như không gây đau đớn gì, giống như sự uể oải cũng không gây ra cho người ta điều gì tồi tệ ngoài một giấc ngủ ngon. Nỗi đau âm ỉ đến từ cái ước muốn hiểu được tại sao điều đó lại xảy ra.

Cuộc triển lãm *Hành trình của Những thế kỷ* đã diễn ra, nhưng chỉ mình cuộc triển lãm ấy thì không thành vấn đề. *Hành trình của Những thế kỷ* đã khai mạc vào tháng Năm và đã thất bại. Thì đã sao nào, Keating nghĩ, tại sao lại không dùng một từ chính xác? Một thất bại. Một thất bại lớn. "Tên của dự án này đáng lẽ sẽ là cái tên phù hợp nhất," Ellsworth Toohey đã viết, "nếu chúng ta giả thiết rằng các thế kỷ đã vụt qua trên lưng ngựa."

Tất cả các bài viết khác về những giá trị kiến trúc của cuộc triển lãm này cũng tương tự như vậy.

Keating cay đắng nghĩ về việc anh và bảy kiến trúc sư khác đã làm việc tận tình như thế nào khi thiết kế những tòa nhà đó. Đúng là anh đã đẩy mình ra phía trước và nhận được nhiều sự quan tâm của dư luận hơn, nhưng anh đã không làm thế trong những thứ liên quan đến thiết kế. Họ đã làm việc trong sự hòa thuận, thông qua các cuộc họp liên tiếp, mỗi người nhượng bộ những người kia trong một tinh thần tập thể thực sự, không một ai cố áp đặt những định kiến cá nhân hay những ý tưởng ích kỷ của riêng mình đối với

những người khác. Thậm chí Ralston Holcombe đã quên đi phong cách Phục hưng. Họ thiết kế các tòa nhà hiện đại, hiện đại hơn bất kỳ những gì từng có, hiện đại hơn những cửa sổ bày hàng của Trung tâm Thương mại Slottern. Anh không nghĩ rằng những tòa nhà ấy trông giống như "thuốc đánh răng phòi ra thành từng sợi khi có ai đó dẫm lên tuýp thuốc, hay những phiên bản được cách điệu hóa của trực tràng", như một nhà phê bình đã nói.

Nhưng công chúng dường như nghĩ vậy - nếu quả đúng là công chúng có suy nghĩ chung. Anh không biết chắc. Anh chỉ biết rằng người ta đã đổi vé vào cổng của *Hành trình của Những thế kỷ* lấy thẻ chơi trò Screeno ở các rạp hát, và rằng sự kiện gây náo động cũng là cứu cánh về tài chính cho cuộc triển lãm lại là màn nhảy múa trần truồng của một anh hề mang tên Juanita Fay với một con công.

Nhưng việc hội chợ này thất bại thì đã sao nào? Việc đó chẳng làm tổn hại gì tới các kiến trúc sư khác của hội đồng. Gordon L.Prescott đang phất lên hơn bao giờ hết. Không phải là vì cái hội chợ này - Keating nghĩ. Mọi việc đã bắt đầu từ trước đó rồi. Anh cũng không biết là khi nào.

Có thể có nhiều lời giải thích. Sự suy thoái đã ảnh hưởng tới tất cả bọn họ; một số công ty khác đã hồi phục trong một chừng mực nhất định, còn công ty Keating & Dumont thì không. Khi Guy Francon nghỉ hưu, công ty và cả sức hút của nó đối với khách hàng dường như dã bị mất đi một cái gì đó. Keating nhận ra rằng đó là nghệ thuật, kỹ năng và một thứ năng lượng nghề nghiệp không theo một lô-gíc nào của Guy Francon, thậm chí ngay cả khi thứ nghệ thuật ấy chỉ nằm ở sự duyên dáng trong giao thiệp và cái năng lượng ấy chỉ được dùng để giăng bẫy những nhà triệu phú do dự. Các khách hàng thường có những thay đổi đột ngột về thẩm mỹ khi làm việc với Guy Francon.

Anh không thể tìm ra một chìa khóa nào để giải đáp một cách hợp lý những phản ứng của khách hàng bây giờ. Chủ soái hiện tại trong ngành - dĩ nhiên chỉ ở quy mô khiêm tốn thôi, vì rằng chẳng còn có cái gì có quy mô lớn nữa - là Gordon L.Prescott, Chủ tịch Hội đồng các Nhà Xây dựng Mỹ; Gordon L.Prescott - người giảng bài về chủ nghĩa thực dụng của kiến trúc, về quy hoạch xã hội; Gordon L.Prescott - người gác chân lên bàn trong các phòng khách, người mặc quần chẽn đến dự các các bữa tiệc tối trang trọng và lớn tiếng chê bai món súp. Những người ở tầng thượng lưu nói rằng họ thích một kiến trúc sư cách tân. Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ vẫn tồn tại với những giá trị cứng nhắc và đã bị thương tổn, nhưng mọi người nhắc đến nó bằng cái tên Nhà Dưỡng lão. Hội đồng các Nhà Xây dựng Mỹ thống trị ngành xây dựng và đang bàn luận về việc làm cho nó trở thành một hội kín, mặc dù chưa có ai tìm ra cách để đạt được điều đó. Bất kỳ khi nào tên của

một kiến trúc sư xuất hiện trong cột báo của Ellsworth Toohey thì cái tên đó luôn luôn là Augustus Webb. Ở độ tuổi ba mươi chín, Keating nghe thấy mình bị nhắc đến như một người đã hết thời.

Anh đã từ bỏ những nỗ lực để tìm hiểu chuyện này. Anh lờ mờ hiểu rằng lời giải thích cho cái thay đổi đang nuốt chửng lấy thế giới này là một thứ mà anh không muốn biết. Khi còn trẻ, anh cảm thấy có chút co thường những công trình của Guy Francon hay Ralston Holcombe, và việc tranh đua với họ hầu như chỉ là do sự hiếu chiến ngây thơ. Nhưng anh biết rằng Gordon L.Prescott và Gus Webb là hiện thân cho một sự lừa gạt phi lý và xấu xa đến mức việc bỏ qua những bằng chứng chính anh đã tận mắt trông thấy nằm ngoài khả năng của anh. Anh từng tin rằng người ta tìm thấy sự vĩ đại ở Holcombe và đã cảm thấy thỏa mãn một cách hợp lý trong việc vay mượn sự vĩ đại vay mượn của ông ta. Anh biết là không có ai nhìn rõ Prescott. Anh cảm thấy có cái gì đó đen tối và đểu cáng trong cách người ta nói về thiên tài của Prescott, như thể không phải họ đang tỏ lòng kính trọng Prescott mà đang khạc nhổ vào thiên tài đó. Lần đầu tiên, Keating không thể chạy theo công chúng bởi vì anh thấy quá rõ ràng rằng sự ưa chuộng của công chúng không còn là một sự công nhận tài năng, mà nó gần như trở thành một dấu hiệu của sự nhục nhã.

Anh vẫn tiếp tục làm việc theo quán tính. Anh không có đủ tiền trả cho những văn phòng rộng và không sử dụng hết một nửa số phòng, nhưng anh vẫn giữ chúng lại. Anh bỏ tiền túi của mình để trả cho khoản thâm hụt này. Anh phải tiếp tục. Anh đã mất một phần lớn tài sản của mình trong một vụ đầu cơ cổ phiếu thiếu thận trọng. Nhưng anh vẫn còn đủ để đảm bảo một cuộc sống tiện nghi từ nay đến cuối đời. Điều này không làm phiền anh. Tiền bạc đã không còn là mối quan tâm chính của anh. Chính tình trạng vô công rồi nghề là cái mà anh sợ hãi; nó là dấu chấm hỏi lờ mờ ở đằng xa - liệu có một lúc nào đó, người ta lấy đi cả những công việc hằng ngày của anh.

Anh đi bộ chậm rãi, hai cánh tay ép vào người, vai gồng lên như để chống lại sự lạnh giá thường trực. Anh đang tăng cân. Mặt anh phị ra. Anh cúi mặt xuống, và cái ngấn cằm thứ hai đè lên nút thắt cà-vạt. Trên gương mặt anh vẫn còn sót lại vẻ khôi ngô và nó làm anh trông còn tệ hơn; cứ như thể những đường nét của gương mặt anh được vẽ trên một tờ giấy thấm, cứ lan dần ra, nhòe đi. Những đốm tóc hoa râm trên hai thái dương của anh đậm hơn. Anh uống rượu thường xuyên mà không có hứng thú gì.

Anh đã đề nghị mẹ anh quay trở về sống cùng với anh. Bà đã quay về. Họ ngồi cùng nhau suốt các buổi tối dài trong phòng khách, không ai nói một lời, không phải vì bực bội nhau, mà để tìm kiếm sự an ủi từ phía người kia. Bà Keating không có một gợi ý hay trách mắng nào. Thay vào đó là sự âu

yếm mang màu sắc hoang mang mới dành cho cậu con trai. Bà chuẩn bị bữa sáng cho anh mặc dù họ có người giúp việc. Bà chuẩn bị món bánh pancake[135] kiểu Pháp cho anh - đây là món mà anh đã rất thích khi anh lên chín tuổi và bị lên sởi. Nếu anh để ý tới những cố gắng của bà và có vài lời bày tỏ sự hài lòng, bà gật gật đầu, chớp mắt và quay đầu đi, tự hỏi tại sao điều đó lại làm bà hạnh phúc đến vậy, và nếu đúng là bà hạnh phúc thì tại sao mắt bà lại đầy lệ.

Sau một lúc yên lặng, bà có thể bất ngờ hỏi: "Mọi chuyện rồi sẽ ổn chứ, Petey? Có phải thế không con?" Anh không hỏi lại ý bà là gì, mà trả lời một cách trầm lặng: "Vâng, thưa mẹ, sẽ ổn thôi," và dành mọi khả năng cuối cùng của tình thương để cố làm cho giọng nói của mình nghe có vẻ thuyết phục.

Một lần bà hỏi: "Con hạnh phúc, phải không Petey? Có đúng không?" Anh nhìn bà và nhận ra rằng bà không cười nhạo anh. Mắt bà mở to và hoảng sợ. Và khi anh không thể trả lời, bà khóc: "Nhưng con phải hạnh phúc! Petey, con phải được hạnh phúc! Bằng không thì mẹ đã sống vì cái gì?" Anh muốn đứng dậy, ôm chầm lấy bà và nói rằng mọi chuyện đều ổn... rồi khi ấy anh nhớ tới những gì Guy Francon đã nói với anh trong ngày cưới của anh: "Tôi muốn cậu cảm thấy tự hào về tôi, Peter... Tôi muốn cảm thấy rằng điều đó có một ý nghĩa gì đó." Và anh không thể đứng dậy. Anh cảm thấy anh đang đối diện với một cái gì đó mà anh không hiểu nổi và không bao giờ được cho phép nó lẻn vào tâm trí anh. Anh quay mặt đi khỏi mẹ anh.

Một buổi tối, bà nói mà không rào đón trước: "Petey, mẹ nghĩ con nên cưới vợ. Mẹ nghĩ nếu con cưới vợ thì sẽ tốt hơn nhiều." Anh chẳng biết trả lời bà như thế nào. Và khi anh đang cố gắng tìm một chuyện gì đó vui vẻ để nói với bà, thì bà lại nói tiếp: "Petey, sao con không cưới Catherine Halsey nhỉ?" Anh cảm thấy sự tức giận dâng đầy trong mắt, cảm thấy sức ép trên hai mí mắt căng phồng khi anh quay người chầm chậm về phía bà. Rồi anh nhìn thấy cái dáng béo lùn của bà trước mặt anh, cứng đờ và yếu đuối, với một niềm kiêu hãnh tuyệt vọng, sẵn sàng đón nhận mọi cú đánh của anh, và sẵn sàng tha thứ trước cho anh - và anh nhận ra rằng đây là cử chỉ can đảm nhất mà bà từng có. Cơn giận tan đi, bởi vì anh nhận ra rằng nỗi đau của bà còn lớn hơn cú sốc của anh. Anh nhấc một tay lên và thả nó rơi xuống - để cử chỉ ấy giấu đi mọi thứ. Anh chỉ nói: "Mẹ ơi, đừng để..."

Một hoặc hai lần trong tháng, vào dịp cuối tuần, anh biến mất khỏi thành phố. Không ai biết anh đi đâu. Bà Keating rất lo lắng, nhưng không thắc mắc gì. Bà nghi ngờ rằng anh có một người phụ nữ ở đâu đó - và hẳn không phải một người đàn bà đức hạnh, nếu không thì anh đã chăng yên lặng một cách rầu rĩ đến thế khi nói về chuyện này. Bà thấy mình thầm hy vọng rằng anh đã

rơi vào lưới tình của một ả đàn bà hư hỏng, tồi tệ và tham lam nhất, người đủ khôn ngoan để buộc anh phải cưới cô ta.

Anh đi tới căn lều anh thuê trên những quả đồi của một ngôi làng ít người biết đến. Anh cất sơn, cọ vẽ, và vải vẽ trong căn lều này. Cả ngày anh ở trên đồi và vẽ. Anh không biết vì sao mà anh có thể nhớ được cái hoài bão đã bị chôn vùi từ thời trai trẻ ấy, cái hoài bão mà mẹ anh đã làm cạn kiệt và chuyển hướng nó sang kiến trúc. Anh không biết làm thế nào mà nó lại thôi thúc và làm anh không thể cưỡng lại được; chỉ biết anh đã tìm thấy căn lều và muốn tới đó.

Anh không thể nói rằng anh thích vẽ. Đây không phải là sự thỏa mãn hay sự khuây khỏa, mà là sự tự tra tấn; nhưng theo một cách nào đó, điều này cũng chẳng quan trọng. Anh ngồi trên một chiếc ghế đẩu, mặt ghế có căng vải bạt, trước giá vẽ, nhìn vào những mảng đồi trọc, nhìn vào những cánh rừng và bầu trời phía trên. Anh muốn bày tỏ một nỗi đau thầm kín, một cảm giác dịu dàng khiêm nhường và không thể kìm nén với cảnh vật của thế giới xung quanh - và một cái gì đó nén chặt, tê liệt - đó là cách duy nhất để diễn tả trạng thái của anh. Anh tiếp tục vẽ. Anh gắng sức. Anh nhìn vào các bức vẽ và biết rằng những nét vẽ thô ráp trẻ con ấy chẳng nắm bắt được một điều gì cả. Nhưng cũng chẳng sao. Không có ai nhìn những bức vẽ đó. Anh cất chúng cẩn thận trong góc của căn lều và khóa cửa lại trước khi quay về thành phố. Khi ngồi một mình trước khung vẽ, anh không cảm thấy vui thích, không kiêu hãnh, không lối thoát, chỉ có một cảm giác bình yên.

Anh cố không nghĩ về Ellsworth Toohey. Một bản năng lờ mờ mách bảo anh rằng anh có thể giữ được một sự yên ổn mong manh cho tâm hồn chừng nào anh không động chạm gì tới chủ đề đó. Chỉ có một cách giải thích thái độ mới của Toohey với anh - và anh không muốn nghĩ đến nó.

Toohey đã bỏ rơi anh. Cứ mỗi năm, khoảng cách giữa các cuộc gặp của họ tăng dần. Anh chấp nhận điều đó và tự nói với mình rằng đó là do Toohey bận rộn. Sự yên lặng của Toohey trước công chúng về anh đúng là một trở ngại. Anh tự nhủ rằng Toohey đối với *Hành trình của Những thế kỷ* như một cú nốc-ao. Anh tự nhủ rằng công trình của anh đáng bị như vậy. Anh chấp nhận bất kỳ lời buộc tội nào. Anh có thể hoài nghi chính mình, chứ không thể hoài nghi Ellsworth Toohey.

Neil Dumont là người buộc anh nhớ tới Toohey. Neil nói một cách nóng nảy về tình hình thế giới, về sự hối tiếc những chuyện đã qua, về việc thay đổi là một quy luật của sự tồn tại, về sự thích nghi, và về tầm quan trọng của việc phải nhảy trở lại vào trong cuộc đua. Keating rút ra được từ bài phát biểu dài và lẫn lộn ấy rằng cái kiểu kinh doanh như họ biết đã kết thúc, rằng cho dù họ có thích hay không thì chính phủ cũng sẽ bắt đầu kiểm soát, rằng

ngành xây dựng đang chết dần và chính phủ sẽ sớm trở thành nhà thầu duy nhất, và họ nên nhập cuộc bây giờ - nếu như họ vẫn còn có thể nhập cuộc. [136] "Hãy nhìn Gordon Prescott kìa," Neil Dumont nói, "ông ta chiếm được hợp đồng độc quyền với các dự án xây dựng chung cư và các bưu điện. Hãy nhìn Gus Webb đang lên như diều nữa."

Keating không trả lời. Neil Dumont ném vào anh những suy nghĩ của chính anh mà anh không muốn thú nhận. Anh đã biết rằng rồi anh sẽ sớm phải đối diện với điều này, và anh đã cố gắng trì hoãn thời khắc này.

Anh không muốn nghĩ về Dự án chung cư Cortlandt.

Dự án chung cư Cortlandt là một dự án nhà của chính phủ. Nó sẽ được xây dựng ở Astoria, bên bờ sông Đông. Kế hoạch này là một thử nghiệm khổng lồ cho mô hình nhà rẻ tiền và sẽ được nhân rộng ra cả nước, cả thế giới. Keating đã nghe giới kiến trúc sư bàn luận về dự án này suốt cả năm nay. Ngân sách đã được duyệt, vị trí xây dựng đã được lựa chọn, nhưng kiến trúc sư thì chưa. Keating không muốn thừa nhận với chính mình rằng anh rất muốn có được dự án Cortlandt, và cơ hội của anh để làm được điều đó thì rất nhỏ.

"Nghe này, Peter, chúng ta hãy nói trắng ra nhé," Neil Dumont nói. "Chúng ta đang trượt dốc và anh biết điều đó. Phải, chúng ta sẽ cầm cự được thêm một hay hai năm nữa bằng cách ăn bám vào danh tiếng của anh. Và sau đó thì sao? Đây không phải là lỗi của chúng ta. Chỉ là bởi vì các doanh nghiệp tư nhân đang chết dần chết mòn. Đây là một tiến trình lịch sử. Cơn sóng của tương lai. Vậy nên chúng ta cần nắm lấy ván lướt sóng ngay khi có thể. Có một tấm ván tốt, đủ chắc chắn đang chờ ai đủ khôn ngoan để mà nắm lấy. Đó là dự án chung cư Cortlandt."

Giờ thì anh đã nghe thấy điều đó nói ra bằng lời. Keating tự hỏi sao cái tên ấy nghe như một tiếng chuông bị nghẹt, như thể cái tên ấy đã mở ra và khép lại cho một chuỗi các sự kiện tiếp theo mà anh sẽ không thể dừng được.

"Ý anh là gì hả Neil?"

"Dự án chung cư Cortlandt. Ellsworth Toohey. Bây giờ anh biết tôi muốn nói gì rồi đấy."

"Neil, tôi..."

"Có chuyện gì với anh vậy Peter? Nghe này, mọi người đang cười về chuyện ấy đấy. Họ bảo nếu họ là cục cưng của Toohey như anh thì họ sẽ dành được Dự án chung cư Cortlandt nhanh như thế này này" - anh ta bật những ngón tay được cắt tỉa cẩn thận của mình đánh tách một cái - "thế đấy, không một ai có thể hiểu anh còn chờ đợi gì nữa. Anh biết ông bạn Ellsworth

của anh là người điều khiển cái dự án này mà."

"Không phải vậy đâu. Không phải ông ấy. Ông ấy chẳng có vị trí chính thức nào. Ông ấy chưa bao giờ có bất kỳ vị trí chính thức nào cả."

"Anh đang đùa với ai thế? Hầu hết những gã trai quan trọng trong tất cả các văn phòng kiến trúc đều là người của ông ta. Quỷ tha ma bắt nếu tôi biết được ông ta đã làm thế nào để nhét họ vào những chỗ đó, nhưng ông đã làm được. Có chuyện gì vậy hả, Peter? Anh sợ cầu xin ân huệ từ Ellsworth Toohey à?"

Thế đấy, Keating nghĩ; giờ thì không có đường lui nữa rồi. Anh không thể thừa nhận với chính mình rằng anh sợ phải cầu xin Ellsworth Toohey.

"Không," anh nói với giọng thẫn thờ. "Tôi không sợ gì cả, Neil. Tôi sẽ... Được thôi, Neil. Tôi sẽ nói chuyện với Ellsworth."

*

* *

Ellsworth Toohey mặt một chiếc áo choàng dài và ngồi dạng được viết một cách cẩu thả: hai tay duỗi thẳng theo mép mấy chiếc gối kê lưng, hai chân xoạc rộng như một chạc cây. Chiếc áo choàng dài của ông làm bằng lụa, với họa tiết độc quyền của công ty phấn trang điểm Coty - đó là hình những miếng bông thoa phấn trắng trên nền màu cam. Trông chúng táo bạo và hài hước. Một vẻ tao nhã tuyệt đỉnh nổi bật lên trên sự xoàng xinh của bản thân trang phục. Bên dưới chiếc áo choàng là bộ quần áo ngủ nhàu nát làm bằng vải lanh màu xanh lá cây.[137] Ống quần ông rộng thùng thình ở quanh mắt cá chân.

Keating nghĩ đây đúng như hình ảnh của Toohey; cái tư thế này, cùng với sự chọn lựa kỹ càng của đồ đạc trong phòng khách. Một bức tranh lụa của một họa sĩ nổi tiếng là vật trang trí duy nhất trên bức tường sau lưng ông... những thứ còn lại của căn phòng đều khiêm tốn như căn phòng của một người tu hành. Không phải thế, Keating nghĩ, mà giống như cảnh sống của một hoàng đế đang bị đi đày, một người coi thường sự phô trương vật chất.

Ánh mắt Toohey ấm áp, vui vẻ và khích lệ. Toohey đã trực tiếp trả lời điện thoại. Toohey ngay lập tức hẹn gặp anh. Keating nghĩ: được đón tiếp một cách thân mật như thế này thật tốt. Mình đã sợ cái gì nhỉ? Mình đã hoài nghi điều gì? Ông ấy và mình là bạn bè lâu năm.

"Ôi, tội nghiệp tôi, thật là mệt quá," Toohey vừa nói vừa ngáp, "Mỗi ngày đều có những lúc mà người ta cảm thấy cần phải được nghỉ ngơi ngay lập tức, như một kẻ lười biếng vô công rồi nghề. Tôi về nhà và cảm thấy rằng không thể mặc quần áo trên người thêm một phút nào nữa. Cảm thấy như

một gã nông dân khốn kiếp... ngứa ngáy khắp người... và phải cởi bỏ hết quần áo ra. Anh không phiền lòng chứ hả Peter? Với một số người thì cần phải nghiêm chỉnh, đàng hoàng, chứ với anh thì điều đó không cần thiết."

"Vâng, tất nhiên là không cần."

"Tôi đang nghĩ là một chút nữa tôi sẽ đi tắm. Thật chẳng có gì bằng tắm nước nóng, nó làm cho người ta cảm thấy nhẹ nhõm, quên hết mọi chuyện trên đời. Anh có thích tắm nước nóng không hả Peter?"

"Ồ... có chứ... tôi đoán thế..."

"Anh đang tăng cân đấy, Peter. Anh sẽ sớm trở nên chật chội trong cái bồn tắm mất thôi. Anh đang tăng cân và trông anh tiều tụy. Đó là sự kết hợp tồi. Hoàn toàn tồi về mặt thẩm mỹ. Người béo lẽ ra phải hạnh phúc và tươi vui..."

"Tôi... Tôi không sao cả, Ellsworth, chỉ là..."

"Anh từng có một dáng vẻ bảnh bao. Anh không được đánh mất nó. Người ta sẽ thấy chán anh đấy."

"Tôi không thay đổi mà Ellsworth." Đột nhiên anh nhấn mạnh từng từ. "Tôi thực sự là chẳng thay đổi chút nào cả, tôi vẫn như khi tôi thiết kế tòa nhà Cosmo-Slotnick."

Anh nhìn Toohey đầy hy vọng. Anh nghĩ đây là một gợi ý lộ liễu đủ để Toohey hiểu. Toohey hiểu những thứ còn tế nhị hơn thế. Anh chờ được đỡ lời. Toohey tiếp tục nhìn anh, ánh mắt thân tình và trống rỗng.

"Ồ, Peter, đó là một lời tuyên bố chẳng có tính triết học chút nào cả. Thay đổi là nguyên tắc cơ bản của vũ trụ. Mọi thứ đều thay đổi. Mùa, hoa lá, chim muông, đạo đức, con người và các công trình kiến trúc. Một quá trình biện chứng, Peter ạ."

"Vâng, dĩ nhiên là như thế. Mọi thứ đều thay đổi, thật nhanh và theo một cách thật buồn cười. Người ta thậm chí không nhận ra nó thay đổi như thế nào, và bất ngờ một buổi sáng, nó đã ở đó. Ông có nhớ không, chỉ vài năm trước, Lancelot Clokey, Gordon Prescott, và Ike và Lance đều chẳng là cái gì cả. Thế mà, Ellsworth, họ đều đang trên đỉnh cao, và tất cả bọn họ đều là người của ông. Bất kỳ nơi đâu tôi nhìn vào, bất kỳ tên tuổi lớn nào tôi nghe thấy, đều là một trong số những chàng trai của ông. Ông thật tuyệt vời, Ellsworth. Làm thế nào để có thể làm được điều đó... chỉ trong một vài năm."

"Việc đó đơn giản hơn anh tưởng, Peter. Bởi vì anh suy nghĩ trên phương diện cá thể. Anh nghĩ những việc đó đã được thực hiện từng bước từng bước một. Nhưng Chúa ơi, làm thế thì dù có cả trăm nhà báo làm việc cả đời cũng

chẳng đủ. Việc đó có thể được thực hiện nhanh hơn thế nhiều. Bây giờ là thời đại của các thiết bị tiết kiệm thời gian. Nếu anh muốn phát triển cái gì đó, anh không nuôi dưỡng từng hạt mầm một cách riêng biệt. Anh chỉ cần rải một loại phân bón nhất định. Tự nhiên sẽ làm phần việc còn lại. Tôi tin rằng anh đang nghĩ tôi là người duy nhất chịu trách nhiệm về chuyện này. Nhưng không phải là tôi. Chúa ơi, không. Tôi chỉ là một trong số rất nhiều người, là một cái đòn bẩy trong một chuyển động lớn. Rất lớn và rất cổ xưa. Chỉ ngẫu nhiên là tôi đã chọn nghệ thuật - lĩnh vực mà anh quan tâm, bởi vì tôi nghĩ rằng nó hội tụ những yếu tố quyết định với cái nhiệm vụ mà chúng ta phải hoàn thành."

"Vâng, tất nhiên rồi, nhưng ý tôi là ông thật giỏi giang. Ông biết chọn lấy những thanh niên có tài năng, có triển vọng. Quỷ tha ma bắt tôi đi nếu tôi biết ông đã dự đoán trước mọi việc như thế nào. Ông có nhớ cái gác xép mà chúng ta lấy làm chỗ họp cho Hiệp hội Các nhà xây dựng Mỹ hay không? Và chẳng ai coi chúng ta ra gì. Mọi người từng cười ông vì đã lãng phí thời gian cho những thể loại tổ chức ngớ ngẩn."

"Peter thân mến của tôi, mọi người hành động dựa trên qua nhiều giả thiết sai lầm của họ. Ví dụ như một giả thiết cũ cũ rích - chia nhỏ và chinh phục. Ừ thì việc đó cũng có những ứng dụng của nó. Nhưng thế kỷ của chúng ta phát hiện ra một phương thức có hiệu lực hơn nhiều: sáp nhập và thống trị."

"Ý ông là gì?"

"Anh không thể nắm bắt hoàn toàn được đâu. Và tôi cũng không nên đòi hỏi quá sức của anh. Trông anh không có vẻ còn nhiều sức lực lắm."

"Ồ, tôi ổn mà. Tôi có lẽ trông hơi lo lắng, bởi vì..."

"Lo lắng là một sự lãng phí cảm xúc. Rất ngốc nghếch. Không xứng đáng với một người đã được khai sáng. Bởi vì chúng ta chỉ đơn thuần là những sinh vật của quá trình trao đổi chất và của các yếu tố kinh tế của một tầng lớp xã hội nhất định, chúng ta chẳng thể làm được bất cứ cái của nợ gì với bất cứ cái gì. Thế thì tại sao lại phải lo lắng? Tất nhiên là có những ngoại lệ mang tính chất hiển nhiên. Rất hiển nhiên. Khi hoàn cảnh đánh lừa chúng ta, làm cho chúng ta nghĩ rằng cần phải có những hành động tự do. Chẳng hạn như việc anh đến đây để nói về Dự án chung cư Cortlandt."

Keating chớp mắt rồi mỉm cười biết ơn. Anh nghĩ: thật đúng là Toohey - ông ấy phải đoán ra và đỡ cho anh khỏi lòng vòng gợi chuyện.

"Đúng vậy, Ellsworth. Đó đúng là điều tôi muốn nói với ông. Ông thật tuyệt vời. Ông biết rõ về tôi như một cuốn sách."

"Loại sách nào vậy hả, Peter? Một cuốn tiểu thuyết rẻ tiền? Một câu

chuyện tình? Một vụ án hình sự? Hoặc chỉ là một bản thảo bị đạo văn? Không, để xem nào, giống như một truyện nhiều kỳ. Một truyện nhiều kỳ hay, dài, thú vị... nhưng còn thiếu phần kết. Phần kết này bị để nhầm ở một chỗ nào đó. Sẽ không có bất kỳ phần kết nào. Trừ khi, dĩ nhiên rồi, đó là Dự án chung cư Cortlandt. Đúng thế, đó có lẽ sẽ là một phần kết thích hợp."

Keating chờ đợi, ánh mắt nhìn chăm chú và trần trụi, quên mất cả sự xấu hổ, sự khẩn nài mà đáng lẽ cần phải che đậy lại." Một dự án vĩ đại - Khu chung cư Cortlandt. Lớn hơn cả Stoneridge. Anh còn nhớ dự án Stoneridge không Peter?"

Ông ấy đang lấy mình ra để tiêu khiển - Keating nghĩ, ông ấy đang mệt mỏi, ông ấy không thể lúc nào cũng khéo léo, ông ấy không nhận ra rằng ông ấy...

"Stoneridge. Dự án phát triển khu dân cư vĩ đại của Gail Wynand. Anh đã bao giờ nghĩ về sự nghiệp của Gail Wynand chưa hả Peter? Từ một con chuột ở bến tàu tới Stoneridge... ac ó biết mỗi bước tiến đó có ý nghĩa gì không? Anh có quan tâm tới việc thử tính xem những cố gắng, sức lực, những gian khổ mà Gail Wynand đã phải trả giá cho mỗi bước trên đường tiến thân của ông ta chưa? Và tôi đây, tôi đang nắm trong lòn gbàn tay một dự án lớn hơn nhiều so với Stoneridge, mà không cần đến bất cứ một sự nỗ lực nào." Ông thả tay xuống và nói thêm: "Nếu như tôi thực sự nắm giữ nó. Có thể chỉ là cách nói hình ảnh thôi. Đừng có hiểu theo nghĩa đen những điều tôi nói, Peter."

"Tôi căm thù Wynand," Keating vừa nói vừa nhìn xuống sàn nhà, giọng nặng nề. "Tôi căm thù ông ta hơn bất kỳ một người nào khác trên đời."

"Wynand ư? Ông ta là người rất ngây thơ. Ông ta ngây thơ đến mức cho rằng động cơ chủ yếu của con người là tiền."

"Ông thì không thế, Ellsworth. Ông là người chính trực. Đó là lý do tại sao tôi tin tưởng ở ông. Đó là tất cả những gì tôi có. Nếu tôi không còn tin ông, thì, thì tôi sẽ chẳng còn gì nữa... ở bất kỳ đâu."

"Cám ơn anh Peter. Anh thật tốt bụng... Hoang mang, nhưng tốt bụng."

"Ellsworth... ông biết tôi cảm thấy thế nào về ông mà."

"Tôi cũng biết đại khái thôi."

"Ông biết không, chính vì thế mà tôi không thể hiểu được."

"Không hiểu cái gì?"

Anh phải nói điều đó ra. Anh đã quyết định sẽ không bao giờ nói ra, nhưng anh phải nói.

"Ellsworth, tại sao ông lại bỏ rơi tôi? Tại sao ông không viết gì nữa về tôi? Tại sao trong mọi bài viết của ông, ở bất cứ đâu... trong mọi vụ làm ăn mà ông xoay xở để có được... lại luôn luôn là Gus Webb?"

"Peter, tại sao lại không nhỉ?"

"Nhưng... Tôi..."

"Tôi thật tiếc khi thấy là anh không hiểu tôi chút nào. Trong ngần ấy năm trời, anh cũng không học được bất cứ điều gì về những nguyên tắc của tôi. Tôi không tin vào chủ nghĩa cá nhân, Peter. Tôi không tin rằng một người nào đó là một cái gì đó mà những người khác không thể. Tôi tin rằng tất cả chúng ta đều bình đẳng và có thể hoán đổi. Vị trí của anh ngày hôm nay có thể được giữ bởi bất kỳ người nào vào ngày mai. Sự luân chuyển của chủ nghĩa bình quân. Không phải là tôi đã thuyết giảng điều đó cho anh rồi sao? Tại sao anh lại nghĩ rằng tôi đã chọn anh? Tại sao tôi đã đặt anh vào nơi anh đã đứng? Để bảo vệ ngành kiến trúc khỏi bị chiếm giữ bởi những kẻ không thể thay thế được. Để òcn giữ được một cơ hội cho những người như Gus Webb trong thế giới này. Tại sao anh cho rằng tôi đã chống lại, chẳng hạ, Howard Road?"

Đầu óc Keating tím bầm. Anh nghĩ đó là một vết bầm, bởi vì anh cảm thấy có một vật gì đó nặng và phẳng đập vào đầu anh, làm nó thâm đen lại, xanh tím đi và rồi sưng vù lên. Bây giờ thì anh chẳng còn cảm thấy điều gì khác ngoài sự chết lặng tê tái. Những mảnh vụn suy nghĩ mà anh còn cảm nhận được mách bảo anh rằng những điều anh vừa được nghe thuộc về một trật tự đạo đức cao cả; anh đã luôn chấp nhận cái trật tự đó; nó chẳng thể làm gì hại anh và nó cũng chẳng định hại anh. Mắt Toohey nhìn thẳng vào anh, âm u, dịu dàng và bao dung. Có thể sau này... anh sẽ biết sau... Nhưng có một thứ đã đâm xuyên qua và vẫn để lại một vài mảnh vỡ của nó trong tâm trí anh. Anh đã hiểu điều đó. Chính là cái tên "Howard Road."

Và khi anh chỉ còn đang trông chờ ở chút nhân từ còn sót lại của Toohey, một suy nghĩ không thể giải thích được len lỏi trong anh. Anh cúi hẳn người về phía trước, anh biết điều này hẳn sẽ làm Toohey tổn thương, anh hy vọng nó sẽ làm Toohey bị tổn thương. Môi anh bất chợt cong lên và nở thành một nụ cười phô cả răng lợi:

"Đây chính là thất bại của ông, phải không Ellsworth? Hãy thử nhìn xem anh ta hiện giờ đang đứng ở đâu, Howard Road ấy."

"Ôi lạy Chúa, lý luận với những cái đầu chỉ bám chằng chằng vào những điều hiển nhiên thật là chán ngấy. Anh hoàn toàn không có khả năng nắm bắt các nguyên tắc, Peter ạ. Anh chỉ nghĩ đến các cá thể. Anh có thực sự cho rằng là tôi không có việc gì trong đời để lo lắng ngoài cái số phận cái anh

chàng Howard Road của anh chẳng? Ngài Roark đơn thuần chỉ là một trong vô vàn các tiểu tiết. Tôi đã giải quyết anh ta khi cần. Tôi vẫn còn tiếp tục giải quyết anh ta... mặc dù không trực tiếp. Dù sao thì tôi cũng thừa nhận với anh rằng ngài Howard Road của anh có sức hấp dẫn lớn đối với tôi. Cũng có lúc tôi cảm thấy thật là tiếc nếu như tôi không bao giờ được đối đầu với anh ta nữa. Nhưng điều đó có lẽ cũng chẳng còn cần thiết nữa. Peter này, khi anh giải quyết việc theo các nguyên tắc, anh sẽ tránh được rắc rối phải đối đầu với các cá nhân cụ thể."

"Ý ông là gì?"

"Ý tôi là anh có thể làm theo một trong hai cách. Anh có thể dành cả cuộc đời anh để nhặt từng ngọn cỏ dại khi nó mọc ra... và mười cuộc đời cũng không đủ cho việc đó. Hoặc anh có thể chuẩn bị đất bằng cách rải một hóa chất nhất định nào đó chẳng hạn, làm cho cỏ dại không thể mọc được. Cách sau nhanh hơn. Tôi nói về cỏ dại bởi vì đó là biểu tượng truyền thống và sẽ không làm anh sợ. Kỹ thuật ấy tất nhiên cũng có thể áp dụng với bất kỳ thực vật nào mà anh muốn loại bỏ: kiều mạch, khoai tây, cam, phong lan hay bìm bìm."

"Ellsworth, tôi không hiểu ông đang nói về cái gì."

"Tất nhiên là anh không hiểu tôi. Đó là lợi thế của tôi. Hàng ngày tôi nói những điều này một cách công khai.. và không một ai hiểu tôi đang nói cái gì."

"Ông đã nghe tin Howard Road đang xây một ngôi nhà riêng cho Gail Wynand chưa?"

"Peter thân mến, anh nghĩ là tôi phải chờ đợi để biết điều đó từ anh à?"

"Ồ, thế ông thấy điều đó thế nào?"

"Tại sao việc đó lại liên quan tới tôi nhỉ?"

"Ông có nghe người ta nói rằng Roark và Wynand là bạn thân của nhau không? Và như tôi nghe được thì đấy là một tình bạn rất gắn bó! Hừm, ông biết Wynand có thể làm được những gì đấy. Ông biết ông ta có thể biến Roark thành cái gì. Cố gắng chặn Roark lại ngay bây giờ đi! Cố gắng chặn anh ta lại! Hãy cố..."

Anh nghẹn lời và cứng người. Anh thấy mình đang nhìn chòng chọc vào mắt cá chân trần nằm giữa ống quần của Toohey và đám lông tua dày của chiếc dép viền da cừu. Anh chưa bao giờ tưởng tượng Toohey khỏa thân. Không biết vì sao anh chưa bao giờ nghĩ về Toohey như là một người có một thân thể hữu hình. Mắt cá chân Toohey có một cái gì đó ẩn chứa vẻ khiếm nhã: làn da trắng xanh, bọc ngoài phần xương trông có vẻ quá giòn. Nó làm

anh nghĩ tới những mẩu xương gà còn sót lại trên đĩa ăn sau bữa tối, hết sạch thịt; và chỉ cần bất kỳ ai chạm nhẹ ào là chúng sẽ vỡ vụn ra. Anh thấy mình muốn vươn người ra, dùng ngón cái và ngón trỏ nắm lấy cái mắt cá chân ấy, và bóp vụn nó giữa những đầu ngón tay.

"Ellsworth, tôi đến đây để nói chuyện về Dự án chung cư Cortlandt!" Anh không thể rời mắt khỏi cái mắt cá chân đó. Anh hy vọng rằng những từ này sẽ giải thoát anh.

"Đừng có hét lên như thế. Có chuyện gì thế?... Khu chung cư Cortlandt? Được rồi, anh muốn nói gì về nó nào?"

Lúc này là lúc anh phải nhìn lên, mắt nó vẫn còn kinh ngạc. Toohey chờ đợi một cách vô tư lự.

"Tôi muốn thiết kế Khu chung cư Cortlandt," anh nói, giọng anh như một đám bột nhão đang được lọc qua một tấm vải. "Tôi muốn ông trao dự án đó cho tôi."

"Tại sao tôi nên trao nó cho anh?"

Anh không có câu trả lời. Nếu anh nói rằng: bởi vì ông đã từng viết rằng tôi là kiến trúc sư đương thời vĩ đại nhất, thì chính sự gợi nhớ lại đấy sẽ nói lên rằng Toohey không còn tin vào điều đó một chút nào nữa. Anh không dám đối diện với phép thử đó, cũng như điều mà Toohey có thể trả lời. Anh nhìn vào hai sợi lông đen trên mắt cá chân Toohey. Anh có thể nhìn chúng thật rõ ràng: một thẳng, một xoắn lại. Sau một lúc lâu, anh mới trả lời:

"Bởi vì tôi rất cần nó, Ellsworth."

"Tôi biết anh cần nó."

Chẳng còn gì hơn để nói. Toohey dịch cổ chân, nhấc chân lên và đặt nó nằm trên thành ghế đi văng, hai cẳng chân duỗi ra một cách thoải mái.

"Ngồi thẳng lên nào, Peter. Anh trông như một cái tượng nửa người nửa thú vậy."

Keating không động đậy.

"Điều gì làm anh cho rằng tôi là người quyết định việc lựa chọn kiến trúc sư cho Khu chung cư Cortlandt?"

Keating ngẩng đầu lên; thấy nhẹ cả người. Anh đã phỏng đoán quá nhiều và làm Toohey bực mình. Đó là lý do, là lý do duy nhất.

"Ồ, tôi biết... người ta nói thế... Tôi nghe người ta nói rằng ông có ảnh hưởng lớn tới dự án này... với những người ở Washington... và các nơi khác..."

"Chỉ là một vai trò không chính thức. Đại loại như một chuyên gia về các vấn đề kiến trúc. Không có gì khác."

"Đúng vậy, tất nhiên rồi... đó là... ý tôi cũng thế."

"Tôi có thể giới thiệu một kiến trúc sư. Thế thôi. Tôi không thể đảm bảo điều gì. Lời nói của tôi không phải là quyết định cuối cùng."

"Tôi cũng chỉ cần thế thôi, Ellsworth. Sự giới thiệu của ông..."

"Nhưng này, Peter, nếu tôi giới thiệu ai đó, tôi phải đưa ra một lý do. Tôi không thể sử dụng những ảnh hưởng mà tôi có thể có để nâng đỡ một người bạn vào, phải không nào?"

Keating nhìn soi vào cái áo choàng và nghĩ: những miếng bông thoa phấn, tại sao lại là những miếng bông thoa phấn? Đấy, vấn đề của mình là thế đấy; giá mà ông ấy cởi cái áo đấy ra.

"Vị thế nghề nghiệp của anh không còn như trước đây, Peter ạ."

"Ông đã nói là 'nâng đỡ một người bạn', Ellsworth..." Anh thì thầm.

"Ồ, tất nhiên tôi là bạn của anh. Tôi đã luôn luôn là bạn của anh. Anh không nghi ngờ về điều đó chứ?"

"Không... Tôi không thể, Ellsworth..."

"Được rồi, thế thì hãy vui lên chứ. Nghe này, tôi sẽ nói với anh sự thật. Chúng tôi đang bí với cái dự án chết tiệt Cortlandt. Việc này có dính dáng tới một vấn đề nhỏ khốn kiếp. Tôi đã thử lấy dự án này cho Gordon Prescott và Gus Webb... Tôi nghĩ nó phù hợp với họ hơn. Tôi không nghĩ anh thật sự quan tâm đến vụ này. Nhưng không một ai trong số họ có thể thực hiện được. Anh có biết một vấn đề lớn với các dự án về nhà cửa là gì không? Là vấn đề kinh tế, Peter. Làm thế nào để thiết kế một căn hộ hiện đại, tươm tất mà có thể cho thuê với giá mười lăm đô la một tháng? Anh đã từng tìm hiểu việc đó chưa? Đó, đó là điều mà người ta trông chờ ở người kiến trúc sư sẽ thực hiện dự án Cortlandt... nếu họ tìm được anh ta. Dĩ nhiên việc lựa chọn người thuê nhà cũng giúp ích ít nhiều, họ sẽ định ra những mức tiền thuê nhà khác nhau. Những gia đình thu nhập một ngàn hai trăm đô năm sẽ trả nhiều hơn cho một căn hộ y như thế để giúp cho những gia đình thu nhập sáu trăm đô một năm... anh biết đấy, lá rách ít đùm lá rách nhiều... Nhưng vẫn còn một vấn đề là giá xây dựng và bảo dưỡng phải ở mức càng thấp càng tốt. Những chú nhóc ở Washington không muốn bất cứ một dự án nào khác trong số đó... anh đã nghe về chuyện đó đây, một dự án mở rộng khu dân cư nhỏ của chính phủ chỉ xây dựng một căn hộ với giá mười ngàn đô một căn, trong khi một nhà thầu tư nhân có thể cộng thêm vào đó hai ngàn nữa. Cortlandt phải là một dự án mẫu. Một tấm gương cho toàn thế giới. Nó phải

thật hoành tráng, một bằng chứng có sức thuyết phục nhất về việc lập kế hoạch toàn thế giới. Nó phải thật hoành tráng, một bằng chứng có sức thuyết phục nhất của việc lập kế hoạch một cách khéo léo và quản lý chi tiêu công trình chưa có nơi nào từng làm được. Đó là điều những sếp lớn yêu cầu. Gordon và Gus đã không thể làm được. Họ đã thử và thất bại. Anh sẽ ngạc nhiên khi có biết bao nhiêu người đã thử sức ở công trình này. Peter, tôi không thể bán anh cho họ, ngay cả với trình độ nghề nghiệp của anh. Tôi có thể nói họ nghe điều gì về anh nhỉ? Tất cả những gì tạo nên hình ảnh của anh là vải nhung, mạ vàng, đá cẩm thạch, lão Guy Francon già, tòa nhà Cosmo-Slotnick, ngân hàng quốc gia, và cái thứ rác rưởi *Hành trình của Những thế kỷ* mà không bao giờ đủ để trang trải được chi phí cho chính nó. Cái mà họ muốn là một căp bếp của một triệu phú cho một người có thu nhập thấp. Hãy nghĩ xem anh có thể làm việc đó không?"

"Tôi... Tôi có những ý tưởng, Ellsworth. Tôi đã quan sát lĩnh vực này... Tôi đã... nghiên cứu các phương pháp mới... Tôi có thể..."

"Nếu anh có thể, nó là của anh. Nếu anh không thể, tình bạn của tôi sẽ không giúp anh được. Và Chúa biết là tôi muốn giúp anh ra sao. Anh trông giống như một bà già đi trong mưa. Đây là điều tôi sẽ làm cho anh, Peter: đến văn phòng của tôi vào ngày mai, tôi sẽ đưa cho anh mọi thông tin riêng, mang về nhà và xem liệu anh có còn muốn nát óc về nó nữa hay không. Hãy nhận lấy cơ hội, nếu anh có quan tâm. Trình bày cho tôi một phương án sơ bộ. Tôi không thể hứa trước điều gì. Nhưng nếu anh có khả năng tựhc hiện, tôi sẽ gửi nó tới người thích hợp và tôi sẽ tác động với mọi khả năng tôi có. Đó là tất cả những gì tôi có thể làm cho anh. Việc đó không phụ thuộc vào tôi. Nó thực sự phụ thuộc vào anh."

Keating ngồi nhìn ông, ánh mắt lo lắng, tha thiết và tuyệt vọng.

"Anh có muốn thử không, Peter?"

"Ông sẽ để tôi thử sức sao?"

"Tất nhiên rồi. Tại sao không? Tôi sẽ vui nếu anh là người vượt qua những người khác để tìm ra lời giải đáp cho bài toán này."

"Về vẻ ngoài của tôi, Ellsworth," anh đột ngột nói, "về vẻ ngoài của tôi... không phải là vì tôi nghĩ quá nhiều đến việc tôi thất bại... mà bởi vì tôi không thể hiểu vì sao tôi tuột dốc như thế... từ đỉnh cao... chẳng có một lý do nào..."

"Ồ, Peter, nghĩ đến những việc như thế thật là khủng khiếp. Những điều không thể giải thích được luôn luôn kinh khủng. Nhưng sẽ chẳng có gì đáng sợ nữa, nếu như anh dừng việc tự vấn bản thân rằng liệu có bất kỳ lý do nào lý giải cho việc đáng ra mình phải đang ở trên đỉnh cao... Ồ, nào Peter, cười

lên nào, tôi chỉ đùa thôi. người ta sẽ mất tất cả khi đánh mất đi sự hài hước của mình."

*

* *

Sáng hôm sau Keating đi tới văn phòng của anh sau khi ghé qua văn phòng làm việc của Ellsworth Toohey ở tòa nhà Ngọn cờ. Anh mang theo một cặp sách chứa dữ liệu về Dự án chung cư Cortlandt. Anh trải các tờ giấy lên chiếc bàn rộng trong văn phòng và khóa cửa lại. Anh yêu cầu một người vẽ sơ đồ thiết kế mang đến cho anh một chiếc bánh mì kẹp thịt vào buổi trưa và yêu cầu một cái nữa cho bữa tối.

"Anh có cần tôi giúp gì không Peter?" Neil Dumont hỏi. "Chúng ta có thể bàn bạc, thảo luận và..."

Keating lắc đầu.

Anh ngồi ở bàn mình cả đêm. Sau một lúc, anh thôi không nhìn vào các tờ giấy nữa và ngồi yên lặng, ngẫm nghĩ. Anh không nghĩ về những biểu đồ và hình ảnh trải ra trước mặt. Anh đã nghiên cứu chúng. Anh đã hiểu ra rằng anh không thể làm được.

Khi anh nhận ra rằng trời đã sáng, khi anh nghe thấy những bước chân đằng đẵng sau cánh cửa khóa, tiếng động của những người quay lại làm việc, anh mới biết rằng giờ làm việc đã bắt đầu tại đây và các nơi khác trong thành phố. Anh đứng dậy, đi tới bàn làm việc và tìm cuốn niên giám điện thoại. Anh quay số.

"Tôi là Peter Keating. Tôi cần hẹn gặp ông Roark."

Chúa ơi, anh nghĩ trong khi chờ đợi, đừng để anh ta gặp con. Hãy làm cho anh ta từ chối và con sẽ có quyền căm ghét anh ta tới cuối đời. Đừng để anh ta gặp con.

"Bốn giờ chiều ngày mai có được không, ông Keating?" giọng nói dịu dàng điềm đạm của người thư ký vang lên. "Ông Roark sẽ gặp ông lúc đó."

VIII.

Roark biết rằng anh không được tỏ ra sốc khi nhìn thấy Peter Keating… nhưng đã quá muộn: anh nhìn thấy nụ cười yếu ớt trên môi Keating, nụ cười trông thật khủng khiếp vì nó nhẫn nhục thừa nhận sự rệu rã.

"Cậu chỉ ít hơn tôi hai tuổi phải không Howard?" là câu đầu tiên Keating hỏi khi nhìn gương mặt người đàn ông mà anh ta đã không gặp trong suốt sáu năm.

"Tôi không biết, Peter, tôi nghĩ vậy. Tôi ba mươi bảy tuổi."

"Tôi ba mươi chín… vậy đó."

Anh đi tới chiếc ghế trước bàn làm việc của Roark, với tay kéo ghế. Anh bị lóa mắt bởi những tấm kính lớn tạo nên ba bức tường trong văn phòng Roark. Anh nhìn chằm chằm vào bầu trời và thành phố. Ở đây, anh mất cảm giác về độ cao, những tòa nhà dường như nằm dưới ngón chân anh, không phải là một thành phố có thực, mà là những bức vẽ thu nhỏ của các công trình nổi tiếng – gần và nhỏ bé một cách phi lý. Anh cảm thấy mình có thể cúi người xuống và nhặt bất kỳ cái nào trong số những tòa nhà ấy vào lòng bàn tay. Anh nhìn những nét đứt màu đen, đó là những chiếc xe hơi, trông chúng như đang bò; phải rất lâu những chiếc xe hơi đó mới đi hết một quãng phố dài bằng một ngón tay của anh. Anh nhìn thấy đá và vữa tường của thành phố như một vật chất đã hấp thụ ánh sáng và phản xạ lại. Những dãy nhà như những tấm ván phẳng nối tiếp nhau, mỗi mặt phẳng điểm xuyết những ô cửa sổ; mỗi mặt phẳng như một tấm gương phản xạ màu sắc – màu hoa hồng, màu vàng thau và màu tím thẫm… và những khoảng trời màu xanh nhạt chạy vắt ngang qua những mặt phẳng ấy; chúng tạo nên những hình dạng, góc cạnh và khoảng cách cho những khối nhà. Ánh sáng tuôn chảy thành dòng từ những tòa nhà và đổ lên bầu trời, khiến cho màu xanh trong của bầu trời mùa hè dường như nhạt nhòa đi và chỉ còn là một khoảng nước nhợt nhạt phía trên những ngọn lửa đang cháy sáng. Chúa ơi, Keating nghĩ, ai làm nên tất cả những thứ này?.. và rồi anh nhớ ra rằng anh đã là một trong những người ấy.

Anh nhìn Roark trong giây lát – một hình dáng khẳng khiu tựa vào góc vuông giữa hai tấm kính phía sau bàn. Rồi Roark ngồi xuống đối diện anh.

Keating nghĩ về những người bị mất tích trên sa mạc và những người bỏ mạng giữa biển khơi; khi đối diện với sự vĩnh cửu yên tĩnh của bầu trời, họ đều phải nói ra sự thật. Và giờ đây anh phải nói ra sự thật bởi vì anh đang đối diện với thành phố vĩ đại nhất trên trái đất.

“Howard, việc cậu cho phép tôi đến đây… có phải là cái điều khủng khiếp mà người ta vẫn nói là giơ nốt má bên kia ra hay không?”[138] Anh không nghĩ tới giọng nói của mình. Anh không biết rằng giọng nói của anh lúc này có một vẻ nghiêm trang.

Roark im lặng nhìn anh trong giây lát. Thay đổi này của Keating còn lớn hơn nhiều so với cái khuôn mặt phị ra kia.

“Tôi không biết, Peter. Không, nếu họ muốn nói đến sự tha thứ thực sự. Nếu như tôi đã bị tổn thương, tôi sẽ không bao giờ tha thứ. Nhưng sẽ đúng, nếu họ muốn nói tới việc mà tôi đang làm. Tôi không nghĩ rằng một người có thể làm tổn thương người khác – ít nhất là không theo cách nào đáng kể cả. Không thể làm tổn thương cũng như không thể giúp đỡ anh ta. Tôi thực sự không có gì để tha thứ cho anh.”

“Giá mà cậu cảm thấy bị tổn thương thì có lẽ tốt hơn. Nhu vậy sẽ đỡ tàn nhẫn hơn.”

“Tôi đoán thế.”

“Cậu không hề thay đổi gì cả, Howard.”

“Tôi đoán là không.”

“Nếu đây là sự trừng phạt tôi phải chịu… thì tôi muốn cậu biết rằng tôi đã đang chịu đựng nó và tôi hiểu. Đã có lúc tôi dường như đã nghĩ rằng tôi có thể thoát khỏi chuyện đó một cách dễ dàng.”

“Anh đã thay đổi, Peter.”

“Tôi biết tôi đã thay đổi.”

“Tôi rất tiếc nếu đó phải là một sự trừng phạt.”

“Tôi biết là cậu tiếc. Tôi tin cậu. Nhưng không sao. Đây chỉ là phần kết của nó thôi. Phần khủng khiếp nhất là phần ngay trước phần kết.”

“Khi mà anh quyết định tới đây phải không?”

“Đúng thế.”

“Vậy thì bây giờ đừng sợ nữa. Có chuyện gì vậy?”

Keating ngồi thẳng, bình tĩnh, không như khi anh ngồi đối diện với người đàn ông mặc áo choàng ba ngày trước đây. Anh gần như ung dung tự tin. Anh nói chậm rãi và không hề có chút nuối tiếc:

“Howard, tôi là một kẻ ăn bám. Tôi đã là kẻ ăn bám suốt cuộc đời tôi. Cậu đã thiết kế những dự án xuất sắc nhất của tôi ở Stanton. Cậu đã thiết kế ngôi nhà đầu tiên mà tôi xây dựng. Cậu đã thiết kế tòa nhà Cosmo-Slotnik. Tôi đã sống ký sinh vào cậu và tất cả những người giống như cậu, những

người đã sống từ trước khi chúng ta được sinh ra. Những người đã thiết kế Parthenon, các nhà thờ Gothic và những tòa nhà chọc trời đầu tiên. Nếu không có họ, tôi sẽ không biết làm thế nào để đặt các viên đá lên nhau. Trong suốt cuộc đời tôi, tôi đã không làm được gì hơn những thứ mà họ đã làm trước tôi. Tôi đã lấy những thứ không phải là của tôi và không làm nên bất cứ cái gì cả. Tôi không có sản phẩm nào. Đây không phải là sự đóng kịch đâu Howard, tôi biết rõ điều tôi đang nói. Và tôi tới đây để đề nghị cậu cứu tôi một lần nữa. Nếu cậu muốn đuổi tôi ra đường, hãy làm ngay lúc này."

Roark lắc đầu chậm chạp, và giơ một tay ra hiệu cho Keating tiếp tục.

"Tôi đoán cậu biết là sự nghiệp kiến trúc sư của tôi đã hết. Ồ, chưa thực sự hết nhưng gần như thế. Những người khác có thể tiếp tục như thế này vài ba năm nữa, nhưng tôi thì không thể, bởi vì những gì mà tôi từng là. Hoặc là vì những gì người ta từng nghĩ về tôi. Người ta không tha thứ cho một người trượt dốc. Tôi buộc phải sống cho xứng với những điều thiên hạ nghĩ về tôi. Tôi chỉ có thể làm được điều đó theo cái cách giống như tôi đã làm mọi thứ khác trong cuộc đời tôi. Tôi cần một danh tiếng mà tôi không xứng được nhận cho một thành quả mà tôi không tạo ra để cứu vãn cái tên tuổi mà tôi không xứng đáng được mang… Tôi mới nhận được cơ hội cuối cùng. Tôi biết đây là cơ hội cuối cùng của tôi. Tôi biết không thể làm được việc đó. Tôi sẽ không cố gắng mang cho cậu một mớ hỗn độn và nhờ cậu chỉnh sửa nó. Tôi đang xin cậu thiết kế nó và để tôi đề tên tôi vào."

"Công trình nào?"

"Khu chung cư Cortlandt."

"Dự án nhà ở à?"

"Đúng thế. Cậu đã nghe đến nó rồi à?"

"Tôi biết mọi thứ về nó."

"Cậu quan tâm đến các dự án về nhà cửa sao, Howard?"

"Ai đưa dự án này cho anh vậy? Với điều kiện gì?"

Keating giải thích một cách rành mạch, thản nhiên và thuật lại cuộc đối thoại với Toohey như thế anh đang tóm tắt lại một bản trích lục tòa án mà anh đã đọc từ lâu rồi. Anh rút các giấy tờ khỏi cặp sách, đặt lên bàn và tiếp tục nói trong khi Roark xem chúng. Ngay lập tức Roark ngắt lời anh "Chờ chút Peter. Đừng nói gì cả." Anh chờ một lúc lâu. Anh nhìn thấy tay Roark dịch chuyển vu vơ trên những giấy tờ, nhưng anh biết rằng Roark đang không nhìn vào chúng.

Roark nói: "Anh nói tiếp đi" và Keating tiếp tục một cách ngoan ngoãn, không cho phép chính bản thân thắc mắc điều gì.

“Tôi đoán chẳng có lý do gì khiến cậu phải làm việc này cho tôi cả,” anh kết luận. Nếu cậu có thể giải quyết bài toán của họ, cậu có thể tự tìm họ và nhận thầu dự án này.”

Roark mỉm cười.

“Anh nghĩ là tôi có thể qua được Toohey à?”

“Không. Không, tôi không nghĩ cậu có thể.”

“Ai nói với anh là tôi quan tâm tới các dự án về nhà cửa?”

“Kiến trúc sư nào mà chẳng quan tâm?”

“Ồ, tôi có quan tâm. Nhưng không theo cách anh nghĩ.”

Anh đứng dậy. Đấy là một cử động nhanh gọn, nôn nóng và căng thẳng. Keating tự cho phép mình lần đầu nhận xét: anh nghĩ thật kỳ lạ khi nhìn thấy sự kích động bị kiềm chế ở Roark.

“Hãy để tôi suy nghĩ về việc này, Peter. Cứ để nó ở đây. Hãy đến nhà tôi vào tối ngày mai. Lúc đó, tôi sẽ nói với anh.”

“Cậu không… từ chối tôi à?”

“Bây giờ thì chưa.”

“Cậu có thể… sau tất cả những chuyện đã xảy ra ư…?”

“Quỷ tha ma bắt những chuyện ấy đi.”

“Cậu sẽ xem xét…”

“Tôi không thể nói điều gì bây giờ, Peter. Tôi phải suy nghĩ cẩn thận. Đừng tin chắc vội. Tôi có thể phải yêu cầu anh làm một việc mà anh không thể làm được.”

“Bất kỳ điều gì cậu yêu cầu, Howard. Bất kỳ cái gì.”

“Chúng ta sẽ nói chuyện đó vào ngày mai.”

“Howard, tôi… tôi không biết phải cảm ơn cậu thế nào, thậm chí cho…”

“Đừng cảm ơn tôi. Nếu tôi làm việc này, tôi sẽ có mục đích của riêng tôi. Tôi cũng mong sẽ thu được nhiều như anh. Có thể còn hơn. Chỉ cần anh nhớ rằng tôi sẽ không làm chuyện này với các điều kiện khác.”

*

* *

Keating đến nhà Roark vào tối ngày hôm sau. Anh không thể nói liệu anh đã sốt ruột chờ đợi hay không. Vết bầm tím đang lan rộng. Anh vẫn có thể làm việc, có điều anh không hề ý thức được mình đang làm việc gì.

Anh đứng giữa phòng của Roark và chậm rãi nhìn quanh. Anh đã biết ơn về tất cả những gì mà Roark đã không nói với anh. Nhưng chính anh lại bộc lộ cảm xúc khi nói:

"Đây là tòa nhà Enright có phải không?"

"Đúng vậy."

"Cậu đã xây nó à?"

Roark gật đầu và nói: "Ngồi xuống đi, Peter," Roark hiểu quá rõ.

Keating mang theo ca-táp. Anh đặt nó xuống sàn, tựa vào ghế của anh. Chiếc ca-táp phồng lên và có vẻ nặng; anh rất cẩn thận khi chạm tay vào nó. Rồi anh với tay ra và quên cả phép lịch sự; anh ôm khư khư cái ca-táp và hỏi:

"Thế nào?"

"Peter, anh có thể tưởng tượng, dù chỉ một phút thôi, rằng anh đang đơn độc trong thế giới này không?"

"Tôi đã nghĩ đến điều đó ba ngày nay."

"Không. Đấy không phải ý tôi. Anh có thể quên đi những gì chúng ta được dạy nhai đi nhai lại, và suy nghĩ, nghĩ một cách nghiêm túc bằng chính bộ não của anh không? Có một số điều tôi muốn anh phải hiểu. Đó là điều kiện đầu tiên của tôi. Tôi sẽ nói với anh điều tôi muốn. Nếu anh nghĩ về chuyện đó như mọi người khác, anh sẽ nói điều kiện đó chẳng là gì cả. Nhưng nếu anh nói như vậy, tôi sẽ không thể làm việc này. Trừ khi anh hoàn toàn hiểu được tầm quan trọng của nó, bằng toàn bộ tâm trí của anh."

"Tôi sẽ cố gắng Howard. Tôi đã… trung thực với cậu ngày hôm qua."

"Đúng vậy. Nếu anh không trung thực thì tôi đã từ chối anh từ hôm qua rồi. Tôi nghĩ là lần này có thể anh sẽ hiểu vấn đề và làm được phần việc của anh."

"Cậu muốn làm vụ này à?"

"Có thể. Nếu đề nghị của anh đủ hấp dẫn."

"Howard… bất kỳ thứ gì cậu yêu cầu. Bất kỳ cái gì. Tôi sẽ bán linh hồn tôi…"

"Đó chính là thứ mà tôi muốn anh hiểu. Bán linh hồn là việc dễ dàng nhất trên thế giới này. Đó là việc mà tất cả mọi người đều làm hàng ngày hàng giờ với cuộc đời họ. Nếu tôi bảo anh hãy giữ gìn linh hồn anh, anh có hiểu tại sao việc ấy còn khó hơn nhiều không?"

"Có…có, tôi nghĩ là tôi hiểu."

“Được rồi, tiếp tục đi. Tôi muốn anh cho tôi một lý do tại sao tôi nên mong muốn thiết kế dự án Cortlandt. Tôi muốn anh đưa ra một đề nghị.”

“Cậu có thể lấy tất cả tiền mà họ trả tôi. Tôi không cần nó. Cậu có thể có gấp đôi số đó. Tôi sẽ nhân đôi mức phí của họ.”

“Anh biết nhiều hơn thế mà Peter. Đó là thứ anh định lấy ra để dụ tôi à?”

“Cậu sẽ cứu vớt cuộc đời tôi.”

“Anh có thể nghĩ ra lý do tại sao tôi muốn cứu cuộc đời anh không?”

“Không.”

“Tiếp đi?”

“Đó là một dự án phúc lợi vĩ đại, Howard. Một dự án nhân đạo. Hãy nghĩ về những người nghèo đang sống trong các khu nhà ổ chuột. Nếu cậu có thể đưa cho họ tiện nghi tươm tất trong khả năng của họ, cậu sẽ thấy thỏa mãn vì đã làm một việc cao cả.”

“Peter, hôm qua anh thành thật hơn thế này.”

Mắt anh cụp xuống, giọng anh trầm. Keating nói:

“Vì cậu sẽ muốn thiết kế nó.”

“Đúng vậy. Peter. Bây giờ thì anh bắt đầu nói bằng ngôn ngữ của tôi rồi đấy.”

“Cậu muốn gì?”

“Bây giờ nghe tôi này. Tôi đã nghiên cứu vấn đề nhà ở cho người có thu nhập thấp nhiều năm nay. Tôi không bao giờ nghĩ về những người nghèo trong khu ổ chuột. Tôi nghĩ về những tiềm năng trong thế giới hiện đại của chúng ta. Những vật liệu mới, những phương tiện mới, những cơ hội có thể nắm giữ lấy và sử dụng. Xung quanh chúng ta bây giờ có quá nhiều sản phẩm của trí tuệ con người. Có nhiều những tiềm năng vĩ đại để khai thác, để xây dựng rẻ tiền, đơn giản thông minh. Tôi đã dành nhiều thời gian nghiên cứu. Tôi không có nhiều việc để làm từ khi công trình Stoddard. Tôi đã không trông đợi kết quả. Tôi nghiên cứu nó chỉ vì tôi không thể nhìn thấy một vật liệu nào đó mà không nghĩ rằng: có thể làm gì với vật liệu này? Và chỉ cần nghĩ như thế, lập tức tôi phải bắt tay vào thực hiện nó. Để tìm thấy câu trả lời, để đánh bại nó. Tôi đã nghiên cứu nhiều năm. Tôi yêu công việc này. Tôi làm việc bởi vì đó là bài toán mà tôi muốn giải quyết. Anh muốn biết làm thế nào để xây dựng một căn nhà cho thuê với giá mười lăm đô là một tháng phải không? Tôi sẽ chỉ cho anh làm sao để xây dựng nó với giá mười đô.”

Keating bất giác bước về phía trước.

“Nhưng trước tiên, tôi muốn anh suy nghĩ và nói cho tôi nghe xem điều gì đã làm tôi tốn bao nhiêu năm tháng cho công việc này? Tiền ư? Danh vọng ư? Từ thiện ư? Lòng vị tha ư?”

Keating lắc đầu chậm chạp. “Được rồi. Anh đang bắt đầu hiểu rồi đấy. Bởi vậy mà dù chúng ta có làm cái gì đi nữa thì cũng đừng nói về những người nghèo trong các khu ổ chuột. Họ không liên quan gì cả, mặc dù cũng chẳng sao nếu như ai đó dùng lý lẽ này để giải thích cho những kẻ ngốc nghếch khác. Anh thấy đó, tôi không bao giờ quan tâm tới khách hàng của tôi; tôi chỉ quan tâm đến các yêu cầu kiến trúc của họ. Tôi coi những yêu cầu ấy như một phần của chủ đề và vấn đề của công trình, như là vật liệu xây dựng cho công trình của tôi… như là gạch đá hay sắt thép vậy. Gạch đá và sắt thép không phải là động cơ của tôi. Khách hàng cũng không phải. Cả hai chỉ là phương tiện của công việc của tôi mà thôi. Peter, trước khi anh có thể làm được một cái gì đấy cho người khác, anh phải là một người có khả năng làm những thứ đó. Nhưng để làm ra chúng, anh phải yêu quý việc làm đó, chứ không phải là những hệ quả khác. Công việc, chứ không phải con người. Hành động của chính anh, chứ không phải bất kỳ đối tượng nào của lòng từ thiện. Tôi sẽ lấy làm vui mừng nếu một ai đó có nhu cầu và tìm thấy một cuộc sống tốt hơn trong căn nhà tôi thiết kế. Nhưng đó không phải là động cơ của công việc của tôi. Không phải là lý do. Không phải là phần thưởng dành cho tôi.”

Anh đi tới một cửa sổ và đứng nhìn ra ánh sang của thành phố đang run rẩy trên mặt sông đêm.

“Hôm qua anh nói: Có kiến trúc sư nào mà không quan tâm tới chuyện cung cấp nhà ở? Tôi căm ghét cái ý tưởng đáng nguyền rủa ấy. Tôi nghĩ việc cung cấp những căn nhà tươm tất cho những người có thu nhập mười lăm đô la một tuần là một việc đáng làm. Nhưng không phải với sự trả giá của những người khác. Không phải là bằng việc tăng thuế, tăng tiền thuê nhà của những người khác và làm cho một người có thu nhập bốn mươi đô la một tuần phải sống trong một cái nhà ổ chuột. Đó là thực tế đang diễn ra ở New York. Không một ai, ngoại trừ những người rất giàu và những người nghèo được chính phủ trợ giúp, có đủ tiền để sống trong một căn hộ hiện đại. Anh đã bao giờ nhìn thấy nhà của những cặp vợ chồng phải tự làm lụng và tự trả phí sinh hoạt chưa – những ngôi nhà cũ kỹ bằng đá cát-kết nâu được sửa lại ấy? Anh đã bao giờ nhìn thấy những căn bếp và hệ thống ống nước của họ chưa? Họ buộc phải sống như vậy vì họ không đủ nghèo để có thể xin được phép sống ở các chung cư chính phủ xây cho người nghèo. Nhưng họ chính là những người nai lưng ra làm việc để chính phủ có thể trả tiền cho cái dự

án chết tiệt này. Họ nộp thuế. Và các loại thuế làm tăng giá thuê nhà của chính họ. Và họ phải chuyển từ một căn nhà xây bằng đá cát-kết nâu được sửa sang lại, tới một căn nhà chưa được sửa sang, và rồi từ đó tới một căn hộ dọc đường tàu. Tôi không muốn trừng phạt một người chỉ vì anh ta chỉ kiếm được 15 đô la một tuần. Nhưng tôi không thể hiểu tại sao một người kiếm ra 40 đô la một tuần lại bị trừng phạt – và bị trừng phạt để mang lại lợi ích cho những người kém cỏi hơn anh ta. Chắc chắn là có nhiều lý thuyết về đề tài này, và rất nhiều tranh luận nữa. Nhưng hãy nhìn vào kết quả xem. Các kiến trúc sư đều lao vào các dự án nhà cửa của chính phủ. Anh đã từng gặp một kiến trúc sư nào mà không khẩn thiết yêu cầu các thành phố phải được quy hoạch chưa? Tôi muốn hỏi anh ta làm sao anh ta có thể đảo bảo rằng quy hoạch được lựa chọn sẽ là của chính anh ta? Và nếu quy hoạch của anh ta, anh ta lấy quyền gì để bắt người khác chấp nhận nó? Và nếu nó không phải là của anh ta thì điều gì đã xảy ra với các công trình của anh ta vậy? Tôi cho rằng anh ta sẽ bảo anh ta không thích cả hai trường hợp. Anh ta muốn một hội đồng, một hội thảo, một sự hợp tác, một sự hỗ trợ. Và kết quả sẽ là *Hành trình của Những thế kỷ*. Peter, từng người riêng lẻ trong số các anh đều làm việc tốt hơn cái công trình mà tám người tập trung lại và làm ra. Lúc nào đó, hãy tự hỏi chính anh tại sao như vậy."

"Tôi nghĩ tôi biết điều đó... Nhưng dự án Cortlandt…"

"Đúng vậy. Dự án Cortlandt. Ồ, tôi đã nói với anh tất cả những điều mà tôi không tin, để anh hiểu được tôi muốn và việc tôi có quyền gì để mong muốn điều đó. Tôi không tin vào các dự án nhà cửa của chính phủ. Tôi không muốn nghe bất cứ điều gì về những mục đích cao quý của chúng. Tôi không nghĩ những mục đích đó là cao quý. Nhưng điều đó cũng chẳng có ảnh hưởng gì. Đó không phải là mối bận tâm hàng đầu của tôi. Không phải là những người sẽ sống trong ngôi nhà này hay chủ đầu tư của công trình. Chỉ là chính bản thân ngôi nhà. Nếu phải xây dựng ngôi nhà ấy, thì phải xây nó một cách phù hợp."

"Cậu… muốn xây nó à?"

"Trong những năm nghiên cứu về vấn đề này, tôi chưa bao giờ hy vọng nhìn thấy kết quả của nó được đem ứng dụng thực tế. Tôi tự bắt mình không được hy vọng. Tôi biết tôi không thể trông đợi một cơ hội để trình bày những gì tôi có thể làm trên quy mô lớn. Dự án cung cấp nhà ở của chính phủ của anh, cùng với những thứ khác, đã làm cho công việc xây dựng trở nên đắt đỏ đến mức các chủ sở hữu tư nhân không thể đủ tiền cho những dự án đó, cũng như bất kỳ một dự án xây dựng nhà rẻ tiền nào. Và tôi thì không bao giờ được nhận bất kỳ công việc nào từ bất kỳ chính phủ nào. Chính anh cũng biết quá rõ chuyện này. Anh nói rằng tôi không thể vượt qua Toohey.

Ông ta không phải là người duy nhất. Tôi chưa bao giờ nhận được một công trình nào bởi bất kỳ nhóm, ban bệ, hội đồng, công cộng hay tư nhân, trừ khi là có ai đó đấu tranh cho tôi, giống như Kent Lansing. Có một lý do ở đây, nhưng chúng ta không phải thảo luận về nó bây giờ. Tôi chỉ muốn anh biết rằng tôi nhận ra tôi cần đến anh theo cách nào; để chúng ta có thể có một cuộc trao đổi công bằng."

"*Cậu* cần tôi ư?"

"Peter, tôi thích công trình này. Tôi muốn nhìn thấy nó được mọc lên. Tôi mốn nó trở thành hiện thực, muốn làm cho nó sống, vận hành, được xây dựng lên. Nhưng mọi sinh vật sống đều phải có tính thống nhất trong nó. Anh biết điều đó có nghĩa là gì chứ? Là vẹn toàn, không pha trộn, hoàn thiện, không sứt mẻ. Anh có biết cái gì tạo nên nguyên tắc thống nhất không? Một suy nghĩ. Một suy nghĩ đơn lẻ tạo nên điều này và mọi phần của nó. Cái suy nghĩ mà không ai có thể thay đổi hoặc chạm vào. Tôi muốn thiết kế dự án Cortlandt. Tôi muốn nhìn thấy nó được xây lên. Tôi muốn thấy nó được xây lên đúng như tôi thiết kế nó."

"Howard… tôi sẽ không nói rằng 'Điều đó chẳng là gì'."

"Anh hiểu rồi chứ?"

"Tôi hiểu."

"Tôi muốn nhận tiền công cho công việc mình đã làm. Nhưng lần này thì tôi có thể bỏ qua chuyện đó. Tôi muốn mọi người biết công trình của tôi là do tôi làm ra. Nhưng tôi có thể cho qua. Tôi muốn những người thuê nhà được hạnh phúc bởi công việc của tôi. Nhưng điều đó không có quá nhiều ý nghĩa. Cái duy nhất có nghĩa, mục đích của tôi, phần thưởng của tôi, sự bắt đầu và kết thúc của tôi là tự bản thân công việc. Công việc của tôi, làm theo cách của tôi. Peter, chẳng có gì trên thế giới này mà anh có thể cho tôi, ngoại trừ điều này. Làm cho tôi điều này và anh có thể có bất kỳ cái gì tôi có thể cho anh. Công việc của tôi phải làm được là làm theo cách của tôi. Đấy là động lực riêng, cá nhân, ích kỷ và đầy cái tôi. Đó là cách duy nhất mà tôi làm việc. Đấy là tất cả con người tôi."

"Được rồi, Howard. Tôi hiểu. Với toàn bộ trí óc của mình."

"Vậy thì đây là lời đề nghị của tôi: Tôi sẽ thiết kế dự án Cortlandt. Anh sẽ đề tên anh vào đó. Anh sẽ giữ lại mọi thù lao. Nhưng anh sẽ phải đảm bảo rằng nó sẽ được xây dựng chính xác như tôi thiết kế."

Keating nhìn anh một cách thận trọng và yên lặng trong chốc lát.

"Được rồi, Howard." Anh nói thêm: "Tôi đã chờ đợi, để cho cậu biết rằng tôi biết chính xác những đòi hỏi của cậu và những gì tôi đang hứa."

“Anh biết là việc đó sẽ không dễ dàng chứ?”

“Tôi biết nó sẽ vô cùng khó khăn.”

“Sẽ khó khăn. Bởi vì nó là một dự án lớn. Nhưng nhất là vì đó là dự án chính phủ. Sẽ có nhiều người tham gia vào, mỗi người có một quyền hạn riêng, mỗi người lại muốn làm nó theo cách này hay cách khác. Anh sẽ có một cuộc chiến vất vả. Anh sẽ phải có được sự can đảm giống như niềm tin của tôi.”

“Tôi sẽ cố gắng xứng đáng với nó, Howard.”

“Anh sẽ không có khả năng làm điều đó, trừ khi anh hiểu rằng tôi đang trao cho anh một sự tin tưởng còn thiêng liêng hơn… và cao quý hơn, nếu như anh thích từ này – hơn bất kỳ mục tiêu nhân đạo nào anh có thể gọi tên. Trừ khi anh hiểu rằng đây không phải là một sự ban ơn, rằng tôi không làm việc này cho anh hay là cho những người chủ nhà trong tương lai, mà là cho chính bản thân tôi, và anh không có quyền gì với nó ngoại trừ việc tuân theo những điều kiện này.”

“Được rồi Howard.”

“Anh sẽ phải tự tìm cách để làm phần của anh. Anh sẽ phải tự tìm cách dàn xếp được một thỏa thuận cứng rắn với các ông chủ của anh, và rồi đấu tranh với các quan chức hành chính cứ năm phút lại xuất hiện một lần trong suốt cả năm hoặc lâu hơn thế nữa. Tôi sẽ không có sự đảm bảo nào ngoại trừ lời hứa của anh. Anh muốn hứa với tôi điều đó chứ?”

“Tôi hứa với cậu.”

Roark lấy trong túi áo ra hai tờ giấy và đưa cho Keating.

“Hãy ký đi.”

“Cái gì thế này?”

“Một hợp đồng ghi rõ các điều khoản thỏa thuận giữa hai chúng ta. Mỗi người giữ một bản sao. Có thể là nó không có bất cứ một giá trị pháp lý nào. Nhưng tôi có thể giữ nó để khống chế anh. Tôi sẽ không kiện anh nhưng tôi có thể công bố hợp đồng này. Nếu uy tín là thứ anh cần tới, anh sẽ không cho phép thỏa thuận này bị lộ ra ngoài. Nếu anh mất can đảm vào bất cứ lúc nào, hãy nhớ rằng anh sẽ mất tất cả bởi sự đầu hàng đó. Nhưng nếu anh giữ lời hứa của anh… tôi sẽ giữ lời hứa của tôi… điều đó được ghi trong bản hợp đồng… rằng tôi sẽ không bao giờ tiết lộ điều này cho bất kỳ ai. Dự án Cortlandt sẽ là của anh. Vào ngày nó hoàn thành, tôi sẽ gửi trả lại anh tờ giấy này và anh có thể đốt nó nếu anh muốn.”

“Được rồi, Howard.”

Keating ký, đưa bút lại cho Roark và Roark ký.

Keating ngồi nhìn anh một lúc, rồi nói một cách chậm rãi, như thể cố gắng phân tách một vài suy nghĩ lờ mờ trong đầu óc anh:

"Mọi người sẽ bảo anh là đồ ngốc… Mọi người sẽ bảo tôi được tất cả…"

"Anh sẽ nhận được tất cả những gì mà xã hội có thể ban phát cho một người. Anh sẽ được tất cả tiền bạc. Anh sẽ được bất kỳ danh tiếng hay huân chương huy chương nào mà người ta muốn trao cho anh. Anh sẽ nhận lấy sự biết ơn mà những người thuê nhà có thể có. Còn tôi, tôi sẽ lấy được cái mà không một ai có thể ban phát cho một người, ngoại trừ chính anh ta. Tôi sẽ là người xây dựng Cortlandt."

"Cậu nhận được nhiều hơn tôi, Howard."

"Peter!" Giọng Roark mang âm hưởng chiến thắng. "Anh hiểu điều đó?"

"Đúng vậy…"

Roark tựa nhẹ vào bàn và cười nhẹ. Đó là âm thanh hạnh phúc nhất mà Keating đã từng nghe.

"Lần này sẽ thành công, Peter. Nó sẽ thành công. Sẽ ổn thôi. Anh vừa làm một việc thật tuyệt vời. Anh đã không phá hỏng mọi việc bằng cách cảm ơn tôi."

Keating gật đầu trong im lặng.

"Giờ thì thư giãn đi, Peter. Anh có muốn uống gì không? Chúng ta sẽ không thảo luận chi tiết nào tối nay. Cứ ngồi đó và kệ tôi. Đừng có sợ tôi nữa. Hãy quên tất cả những gì anh đã nói ngày hôm qua đi. Việc này xí xóa những chuyện đó. Chúng ta đang bắt đầu từ đầu. Giờ đây chúng ta là hai đối tác. Anh có phần việc mà anh phải làm. Đó là phần đóng góp chính đáng. Tiện thể, đây chính là ý tưởng của tôi về sự hợp tác. Anh sẽ lo phần quan hệ với mọi người. Tôi sẽ lo phần xây dựng. Mỗi chúng ta sẽ làm công việc mà mình biết rõ nhất – và làm trung thực hết mức có thể."

Anh đi đến chỗ Keating và chìa tay ra.

Keating ngồi yên tại chỗ, không ngẩng đầu lên, chỉ nắm lấy bàn tay đó. Những ngón tay của anh nắm chặt lấy bàn tay của Roark một lúc.

Khi Roark mang cho anh cốc nước, Keating nuốt ba ngụm dài và ngồi nhìn căn phòng. Những ngón tay bám chặt quanh thành cốc, cánh tay anh không cử động, nhưng thỉnh thoảng các viên đá lại kêu leng keng trong nước, mà không chuyển động một cách rõ ràng.

Mắt anh di chuyển quanh phòng một cách nặng nhọc, rồi nhìn sang thân hình của Roark. Anh nghĩ, cậu ấy không chủ định làm thế, cậu ấy không làm

thế để làm mình đau, cậu ấy không đừng được và cậu ấy thậm chí không biết về nó – cả cơ thể cậu ấy là như thế, cái dáng người của một sinh vật hoan hỉ vì được sống. Và anh nhận ra rằng anh chưa bao giờ thực sự tin rằng có bất kỳ sinh vật sống nào có thể hoan hỉ vì được tồn tại.

"Cậu thật là… trẻ, Howard ạ… Cậu thật trẻ… Một lần tôi đã chỉ trích cậu là cậu quá già và quá nghiêm túc… Cậu có nhớ khi cậu làm việc cho tôi ở hãng Francon không?"

"Quên chuyện đó đi Peter. Chúng ta đã nói chuyện được với nhau mà không cần nhớ lại."

"Đó là bởi vì cậu tốt bụng. Chờ đã, đừng có nhăn mặt. Hãy để tôi nói. Tôi phải nói vài điều. Tôi biết, đây là điều cậu đã không muốn đề cập đến. Chúa ơi, tôi đã không muốn cậu đề cập tới chuyện đó. Tối hôm đó, tôi đã phải gồng mình lại, với những thứ cậu có thể ném vào tôi. Nhưng cậu đã không làm vậy. Nếu bây giờ mọi thứ đảo ngược và tôi là cậu và nếu đây là nhà của tôi, cậu có thể hình dung tôi sẽ làm hay nói gì không? Cậu không đủ tự phụ."

"Ồ không. Tôi quá tự phụ. Nếu anh muốn gọi như vậy. Tôi không bao giờ làm phép so sánh. Tôi không bao giờ nghĩ về bản thân mình trong mối tương quan với bất kỳ ai. Tôi từ chối việc đong đếm bản thân như một phần của một cái gì đó. Tôi là một kẻ tuyệt đối ích kỷ[139]."

"Đúng thế. Cậu đúng là kẻ tuyệt đối ích kỷ. Nhưng những kẻ ích kỷ thì không bao giờ tốt bụng. Cậu thì tốt bụng. Cậu là người ích kỷ nhất và tốt bụng nhất mà tôi biết. Và điều đó thật phi lý."

"Có thể những khái niệm đó phi lý. Có lẽ chúng không mang cái nghĩa mà người ta đã rao giảng về chúng. Nhưng bây giờ hãy bỏ qua đã. Nếu anh cứ phải nói điều gì đó, hãy nói về những việc chúng ta sẽ làm." Anh cúi người ra ngoài cửa sổ đang mở. "Khu chung cư sẽ mọc lên ở đằng kia, ở khoảng tối đó, đó là công trường của dự án Cortlandt. Khi công trình hoàn thành, tôi sẽ có thể nhìn ngắm nó từ cửa sổ phòng tôi. Lúc đó, nó sẽ là một phần của thành phố. Peter, đã bao giờ tôi nói với anh tôi yêu thành phố này thế nào chưa?"

Keating uống nốt chỗ nước còn lại trong cốc.

"Tôi nghĩ là tôi nên đi bây giờ Howard. Tối nay tôi không… khỏe."

"Vài ngày nữa tôi sẽ gọi cho anh. Chúng ta nên gặp nhau ở đây. Đừng tới văn phòng tôi. Anh không muốn bị bắt gặp ở đó… ai đó sẽ đoán ra. Tiện đây, sau này, khi tôi làm xong bản phác thảo, anh sẽ phải tự mình sao chép lại bằng phong cách của chính anh. Ai đó có thể sẽ nhận ra nét vẽ của tôi."

"Đúng thế… Được thôi…"

Keating đứng dậy, nhìn chiếc ca-táp của anh một lúc, rồi nhặt nó lên. Anh lẩm bẩm vài từ mơ hồ, cầm lấy mũ, đi tới cửa, rồi dừng lại và nhìn xuống ca-táp.

"Howard… tôi có mang vài thứ mà tôi muốn cho cậu xem."

Anh bước trở vào phòng và đặt chiếc ca-táp lên trên bàn.

"Tôi chưa cho ai xem nó cả." Ngón tay anh lóng ngóng khi mở những chiếc đai. "Cả mẹ tôi lẫn Ellsworth Toohey… Tôi muốn cậu nói cho tôi nghe xem liệu có bất kỳ…"

Anh đưa cho Roark sáu bức vẽ.

Roark ngắm những bức vẽ, từng chiếc một. Anh ngắm lâu hơn cần thiết. Khi anh có đủ tự tin để rời mắt khỏi những bức vẽ, anh im lặng lắc đầu trả lời cho câu nói mà Keating đã không thốt ra.

"Quá muộn rồi, Peter" anh nói dịu dàng.

Keating gật đầu. "Tôi đoán là… tôi đã biết điều đó."

Khi Keating đi khỏi, Roark tựa lưng vào cửa, nhắm mắt. Anh cảm thấy nôn nao vì cảm giác thương hại.

Trước đây, anh chưa bao giờ có cảm giác như thế này – ngay cả khi Henry Cameron đổ sụp xuống ngay dưới chân anh trong văn phòng hay khi anh nhìn thấy Steven Mallory thổn thức trên giường trước mắt anh. Những khoảnh khắc ấy đều sạch sẽ. Nhưng cái này chính là sự thương hại – cái ý thức rõ ràng về một con người không có chút giá trị hay hy vọng nào cả, cái cảm giác về sự kết thúc, về cái không thể chuộc lại. Có sự hổ thẹn trong cảm giác này – sự hổ thẹn của bản thân anh khi anh phải tuyên bố bản án với một người, khi anh phải biết tới cái xúc cảm không hề có bóng dáng của sự tôn trọng này.

Đây chính là sự thương hại – anh nghĩ – và anh ngẩng đầu lên trong sự phân vân. Anh nghĩ rằng chắc chắn phải có điều gì đó sai trái kinh khủng trong một thế giới mà cái cảm xúc kinh khủng này được coi là một thứ đức hạnh.

IX.

Họ đang ở bên bờ hồ nước – Wynand ngả người trên một phiến đá – Roark nằm dài trên cỏ - Dominique ngồi thẳng người, cơ thể cô nhô lên một cách cứng nhắc từ những vòng tròn của chiếc váy xanh đang nằm trên mặt cỏ.

Nhà của Wynand đứng ở quả đồi phía trên. Mặt đất trải rộng thành những cánh đồng nhấp nhô và nâng dần theo độ cao của đồi. Ngôi nhà là những hình khối chữ nhật nằm ngang, được xếp chồng lên nhau theo chiều dọc. Thỉnh thoảng có những căn phòng thụt vào trong, hình dạng và kích cỡ của mỗi căn phòng tạo nên một bậc trong một chuỗi những đường bậc thang xoắn lại với nhau. Như thể có một bàn tay di chuyển thật chậm, bắt đầu từ phòng khách ở bậc thứ nhất, nặn nên những bậc tiếp theo bằng một cái miết dài. Sau đó bàn tay dừng lại, rồi tiếp tục với những chuyển động riêng lẻ, ngắn và dứt khoát hơn, cuối cùng thì dừng lại, nhấc lên khỏi mặt đất, và vẫn còn lơ lửng đâu đó trên không. Cứ như thể bàn tay ấy đã bắt vào nhịp nâng chậm rãi của những cánh đồng, nhấn mạnh chúng, rồi tăng tốc chúng và phá vỡ chúng thành những hợp âm staccato[140] trong chương cuối của một bản nhạc.

“Tôi thích được ngắm nó từ chỗ này,” Wynand nói. “Tôi đã ở đây cả ngày hôm qua để quan sát ánh sáng thay đổi dần trên ngôi nhà. Khi anh thiết kế một ngôi nhà, Howard, anh có biết chính xác về hình dạng của nó dưới ánh nắng mặt trời vào các thời điểm khác nhau trong ngày, ở các góc nhìn khác nhau không? Anh có kiểm soát mặt trời không đấy?”

“Chắc chắn rồi,” Roark đáp mà không ngẩng đầu lên. “Rất tiếc là tôi không thể kiểm soát được nó từ chỗ này. Dịch ra đi, Gail. Ông đang che mất mặt trời của tôi. Tôi thích có nắng chiếu lên lưng.”

Wynand lăn mình xuống cỏ. Roark đang nằm sấp, úp mặt vào cánh tay. Mái tóc màu da cam của anh xòa lên cánh tay áo sơ mi màu trắng, một tay anh duỗi dài ra phía trước, bàn tay áp xuống mặt đất. Dominique nhìn vào những lá cỏ mọc lên từ kẽ tay của Roark. Thỉnh thoảng những ngón tay đó đi chuyển, miết lên cỏ với vẻ lười biếng và đầy khoái cảm.

Đằng sau họ là hồ nước trải rộng, phẳng lì. Mặt nước càng vào gần bờ càng sẫm dần, như thể những cái cây đang ở xa đang dịch chuyển lại gần để thu nhỏ hồ nước vào buổi tối. Ánh nắng mặt trời chiếu xuống tạo thành một dải nước lấp lánh trên mặt hồ. Dominique ngước mắt về phía ngôi nhà, cô muốn được đứng gần ở đó, bên cạnh cửa sổ, nhìn ngược xuống đây để thấy cái bóng trắng này từ xa, thấy bàn tay của anh đặt trên mặt đất, thấy một

người, kiệt sức và trống rỗng, đang nằm ở dưới chân đồi.

Cô đang sống trong căn nhà đó được một tháng. Cô đã không bao giờ nghĩ là cô sẽ làm điều đó. Thế rồi một hôm Roark nói với cô: "Bà sẽ có thể vào sống ở ngôi nhà này trong vòng mười ngày nữa, thưa bà Wynand," và cô đã trả lời thế này: "Vâng, thưa ông Roark."

Cô chấp nhận ngôi nhà, chấp nhận cái cảm giác thanh vịn cầu thang trượt đi dưới bàn tay cô, chấp nhận những bức tường bao bọc bầu không khí mà cô hít thở hàng ngày. Cô chấp nhận những công tắc đèn mà cô bấm vào mỗi buổi tối, chấp nhận những sợi dây điện mà anh đã đặt bên trong tường; chấp nhận dòng nước, khi cô mở vòi nước, chảy ra từ những ống nước mà anh đã thiết kế; chấp nhận hơi ấm đến từ bếp lửa trần vào những đêm tháng Tám, hơi ấm từ một lò sưởi bằng đá được làm theo bản vẽ của anh. Cô nghĩ: Mọi khoảnh khắc… mọi nhu cầu tồn tại của ta… Cô nghĩ: Tại sao lại không nhỉ? Nó cũng hệt như những lá phổi, mạch máu, dây thần kinh và bộ não của ta, tất cả đều nằm dưới cùng một sự điều khiển. Cô thấy mình hòa làm một với ngôi nhà.

Cô chấp nhận cả những đêm, trong vòng tay của Wynand, cô đã mở mắt ra để ngắm những đường nét của căn phòng ngủ mà Roark đã thiết kế. Cô đã nghiến răng để kiềm chế cơn khoái cảm đang cuộn lên trong lòng; nó vừa là câu trả lời, vừa là sự ngạo báng đối với cơn khát không được thỏa mãn của cơ thể. Để cuối cùng cô buông mình theo khoái lạc mà không biết là ai đã đem lại cho cô điều đó, ai trong số hai người, hay là cả hai?

Wynand quan sát cô khi cô đi ngang qua phòng, khi cô đi xuống cầu thang, khi cô đứng cạnh cửa sổ. Cô đã nghe ông nói với cô: "Anh đã không biết rằng người ta có thể thiết kế ngôi nhà cho một người đàn bà, như là thiết kế một chiếc váy vậy. Em không thể nhìn thấy bản thân em như anh đang nhìn em ở đây, em không biết rằng ngôi nhà này hoàn toàn thuộc về em như thế nào. Mỗi góc, mỗi phần của từng căn phòng đều làm nền cho em. Kích cỡ của chúng đều được chỉnh theo chiều cao, theo cơ thể em. Đến cả màu sơn của những bức tường cũng hợp một cách lạ lùng với làm da của em. Nó là ngôi Đền Stoddard, nhưng lại được xây cho riêng một người, và nó là của anh. Đây chính là điều anh mong muốn. Thành phố không thể chạm vào em ở đây. Anh luôn có cảm giác rằng thành phố sẽ cướp em ra khỏi anh. Nó đã cho anh tất cả những gì anh đang có. Không hiểu sao anh thỉnh thoảng nghĩ rằng một ngày nào đó anh sẽ phải trả công cho nó. Nhưng ở đây, em sẽ được an toàn và em là của anh."

Cô chỉ muốn gào lên: "Gail, ở đây em thuộc về anh ấy nhiều hơn ở bất cứ nơi nào khác."

Roark là vị khách duy nhất được Wynand mời đến ngôi nhà mới của họ. Cô chấp nhận việc Roark đến thăm họ vào những ngày nghỉ cuối tuần. Đó là điều khó khăn nhất đối với cô. Cô biết là anh không đến để tra tấn cô, mà chỉ đơn giản là vì Wynand mời và anh cũng thích ở cùng với Wynand. Cô nhớ là cô đã nói với anh vào các buổi tối, tay cô đặt trên tay vịn cầu thang, chân đứng trên bậc thang đưa lên phòng ngủ của cô: "Ông có thể xuống ăn sáng lúc nào tùy thích, ông Roark. Chỉ cần bấm chuông trong phòng ăn là được."

"Cảm ơn bà Wynand. Chúc bà ngủ ngon."

Có một lần, cô thấy anh một mình, trong chốc lát. Đó là một buổi sáng sớm; cô đã không ngủ cả đêm trước đó; cô đã nghĩ về việc anh đang ở trong căn phòng ở bên kia hành lang. Cô đã đi ra ngoài trước khi mọi người tỉnh giấc. Cô đi xuống chân đồi và cảm thấy nhẹ nhõm trong sự tĩnh lặng đến bất ngờ của mặt đất xung quanh cô, sự tĩnh lặng của ánh sáng tràn ngập mà không có mặt trời, của lá cây mà không có chuyển động – đấy là một sự tĩnh lặng rạng ngời, đầy vẻ chờ đợi. Cô nghe thấy những bước chân đi sau cô; cô dừng lại, tựa người vào một thân cây. Anh đang đi trước cô, họ đứng im giữa trời đất, lặng nhìn nhau. Anh không nói gì cả, bước vòng qua cô rồi đi tiếp. Cô vẫn đứng dựa lưng vào cây, một lúc sau thì cô đi bộ về nhà.

Bây giờ, khi đang ngồi ở bên hồ, cô nghe Wynand nói với anh:

"Trông anh như một con vật lười biếng nhất thế giới, Howard."

"Đúng thế mà."

"Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một ai thư giãn như thế cả."

"Ông cứ thử thức trắng ba đêm liền mà xem."

"Tôi đã bảo anh đến đây từ hôm qua cơ mà."

"Tôi không thể."

"Anh có định ngủ gục luôn ở đây không đấy?"

"Tôi cũng muốn vậy. Như thế sẽ thật tuyệt vời." Roark ngẩng đầu lên, đôi mắt anh đang cười, như thể anh không nhìn thấy tòa nhà ở trên đồi, như thể không phải là anh đang nói về nó. "Đây là cách mà tôi muốn chết, cứ nằm dài trên một bờ hồ nào đó như thế này, chỉ cần nhắm mắt lại và không bao giờ trở lại nữa."

Cô nghĩ: Anh ấy cũng nghĩ những gì mà mình đang nghĩ – hai chúng ta vẫn có chung điểm này – Gail sẽ không hiểu đây – lần này không phải là anh ấy và Gail, mà là anh ấy và mình.

Wynand nói: "Đồ ngốc. Anh không phải là anh nữa, ngay cả nếu điều đó chỉ là một trò đùa. Anh đang tự hủy hoại bản thân vì một điều gì đó. Nó là

cái gì vậy?"

"Lúc này thì là những cái ống thông gió. Những cái ống thông gió rất bướng bỉnh."

"Cho ai cơ?"

"Khách hàng… Bây giờ thì tôi có đủ các loại khách hàng."

"Anh có phải làm việc vào ban đêm?"

"Có – với những khách hàng đặc biệt này. Một công việc rất đặc biệt. Thậm chí tôi không thể mang nó đến văn phòng."

"Anh đang nói về cái gì vậy?"

"Không có gì đâu. Đừng để ý làm gì. Tôi đang lơ mơ rồi."

Cô nghĩ: Đây là cách anh ấy bày tỏ sự kính trọng với Gail – cái thái độ đầu hàng một cách tin tưởng – anh ấy thư giãn như một con mèo – và mèo thường không thư giãn với bất cứ ai trừ những người mà chúng thích.

"Tôi sẽ đuổi anh lên gác vào sau buổi tối và khóa cửa lại," Wynand nói, "và bắt anh ngủ trên đó 12 tiếng liền."

"Được thôi."

"Có muốn dậy sớm không? Chúng ta sẽ đi bơi trước khi mặt trời mọc."

"Ông Roark đang mệt mà, Gail," Dominique nói, giọng cô đanh lại.

Roark nhỏm người dựa trên khuỷu tay để nhìn cô. Cô thấy cặp mắt của anh – trực diện và cảm thông.

"Anh đang nhiễm thói quen xấu của tất cả những người đi làm, Gail ạ," cô nói, "là áp đặt giờ giấc nông thôn lên những vị khách đến từ thành phố."

Cô nghĩ: Hãy để cho khoảnh khắc đó là của riêng em, khoảnh khắc khi mà anh bước về phía hồ nước. Đừng để Gail giành được nó như mọi khi.

"Anh không thể ra lệnh cho ông Roark như thể ông ấy là nhân viên tờ *Ngọn cờ* được."

"Ông Roark là người mà anh thích ra lệnh nhất quả đất này, bất cứ khi nào mà anh có thể làm thế được." Wynand nói vui vẻ.

"Thì anh đang làm thế đấy."

"Tôi không ngại phải nhận lệnh từ người khác, thưa bà Wynand," Roark nói, "nhất là khi đó là mệnh lệnh từ một người giỏi giang như Gail."

Hãy để cho em thắng lần này, cô nghĩ thầm, xin anh để cho em thắng lần này – nó chẳng có ý nghĩa gì đối với anh – nó không có ý nghĩa gì cả và nó

chẳng quan trọng – nhưng hãy từ chối ông ấy đi anh, vì kỷ niệm về khoảnh khắc đó, khoảnh khắc không hề thuộc về ông ấy.

"Tôi nghĩ là ông nên nghỉ ngơi, ông Roark. Ông nên dậy muộn vào ngày mai. Tôi sẽ bảo người phục vụ không làm phiền ông."

"Ồ không, cảm ơn bà. Tôi sẽ ổn thôi, chỉ trong vài giờ nữa, bà Wynand. Tôi thích được bơi trước bữa sáng. Hãy gõ cửa khi nào ông chuẩn bị xong, Gail, và chúng ta sẽ cùng đi bơi."

Cô nhìn về phía hồ nước và những quả đồi; không một bóng người, không một ngôi nhà nào khác, chỉ có nước, những cái cây và mặt trời, một thế giới của riêng họ, và cô nghĩ rằng anh đã đúng – họ thuộc về nhau – cả ba người.

*

* *

Những bản vẽ chung cư Cortlandt bao gồm sáu tòa nhà, mỗi tòa nhà cao mười lăm tầng. Nó có hình dạng một ngôi sao lạ với những cánh sao tỏa ra từ trụ nhà chính. Bên trong các trụ nhà là các thang máy, cầu thang, hệ thống sưởi và tất cả những phụ kiện khác. Những căn hộ tỏa ra từ trung tâm dưới dạng những hình tam giác lớn dần lên. Khoảng không giữa những cánh sao cho phép ánh sáng và không khí tràn vào từ ba phía. Những miếng lát trần nhà được làm sẵn; những bức tường bên trong được phủ sẵn plastic nên không cần phải sơn hoặc dán nhựa nữa; tất cả đường ống và dây đều được đặt trong những ống dẫn kim loại nằm ở chân tường, và chúng sẽ được mở ra và thay thế nếu cần mà không tốn tiền phá vỡ một cái gì cả; những cái bếp và phòng tắm được làm sẵn; những vách ngăn bên trong làm bằng kim loại nhẹ, có thể gấp lại vào tường để tạo thành một lớn hơn hoặc có thể kéo ra để chia nhỏ phòng; chỉ có một ít hành lang và phòng đợi để quét dọn, do đó chi phí bảo dưỡng được giảm thiểu. Toàn bộ bản thiết kế là những bố cục của những hình tam giác. Những tòa nhà – sẽ được xây bằng bê tông – là một khối mô phỏng phức tạp bao gồm những kết cấu đơn giản; nó không có các họa tiết trang trí; không cần phải trang trí; vì bản thân những hình khối đã có được vẻ đẹp điêu khắc rồi.

Ellsworth Toohey không nhìn vào những bản vẽ mặt bằng mà Keating đã trải ra trên bàn. Ông nhìn chằm chằm vào những bản vẽ phối cảnh. Ông nhìn chăm chú, miệng há hốc.

Sau đó ông đứng thẳng đầu lại, và cười lớn.

"Peter," ông nói, "anh là một thiên tài."

Rồi ông nói thêm: "Tôi nghĩ anh hiểu rất rõ ý của tôi." Keating nhìn ông

một cách trống rỗng, không một chút tò mò. "Anh đã làm được một việc mà tôi đã phấn đấu cả đời, một việc mà loài người và những trận chiến đẫm máu hàng thế kỷ qua cố gắng đạt được. Tôi phải ngả mũ trước anh, Peter ạ, với sự kinh hãi và thán phục."

"Hãy nhìn vào những bản vẽ mặt bằng này," Keating nói với vẻ bơ phờ. "Chúng có thể được thuê với giá 10 đô la cho một căn hộ."

"Tôi không mảy may nghi ngờ là chúng có thể được cho thuê với giá ấy. Tôi không cần phải nhìn. Ồ, phải, Peter, cái này sẽ được duyệt. Đừng lo. Cái này sẽ được chấp thuận. Xin chúc mừng anh, Peter."

*

* *

"Anh là một thằng ngốc khốn khiếp!" Gail Wynand nói. "Anh làm thế để làm gì?"

Ông ném cho Roark một tờ *Ngọn cờ*; nó được gấp lại ở một trang bên trong để đánh dấu. Tại trang đó có một bức hình với lời dẫn: "Bản vẽ kiến trúc chung cư Cortlandt, Dự án Nhà ở Liên bang trị giá 15 triệu đô la sẽ được xây tại Astoria – văn phòng kiến trúc sư Keating & Dumont."

Roark nhìn lướt qua bức ảnh và hỏi:

"Ý ông là sao?"

"Anh biết quá rõ ý tôi là gì. Anh nghĩ tôi chọn những thứ trong gallery của tôi bằng cách nhìn chữ ký à? Nếu Peter Keating là người thiết kế bản vẽ này thì tôi sẽ nhai hết tất cả những tờ *Ngọn cờ* được phát hành trong ngày hôm nay."

"Peter Keating đã thiết kế nó, Gail."

"Đồ ngốc. Anh đang theo đuổi cái gì vậy?"

"Nếu tôi không muốn hiểu những gì ông đang nói thì tôi sẽ không hiểu nó, bất kể ông nói cái gì."

"Ồ, anh có thể hiểu chứ, nếu như tôi cho đăng một câu chuyện kể về một dự án nhà ở nào đó được thiết kế bởi Howard Roark – chuyện này có thể là một câu chuyện độc quyền hấp dẫn và sẽ là trò cười vào mặt ông Toohey, cái thằng đểu đứng sau những thằng đểu của hầu hết những dự án khốn khiếp đó."

"Nếu ông in cái đó, tôi sẽ kiện ông tán gia bại sản."

"Anh sẽ?"

"Tôi sẽ. Bỏ qua đi, Gail. Ông không thấy là tôi không muốn tranh luận về

vụ này nữa à?”

Sau đó Wynand cho Dominique xem bức ảnh và hỏi:

“Ai thiết kế nó?”

Cô nhìn. “Tất nhiên là anh ấy.” là câu trả lời của cô.

*

* *

“*Một thế giới đang thay đổi* là cái quái gì hả Alvah” Thay đổi thành cái gì? Thay đổi từ đâu? Ai đã khiến nó thay đổi?”

Một phần khuôn mặt Alvah Scarret có vẻ hồi hộp, nhưng phần lớn là sốt ruột, khi ông nhìn vào bản in thử bài xã luận “Bổn phận làm mẹ trong một thế giới đang thay đổi” đang nằm trên bàn làm việc của Wynand.

“Có quái gì ghê gớm đâu, Gail?” ông lầm bầm một cách thờ ơ.

“Đó cũng làm điều tôi cần biết – cái quái gì đây?” Ông cầm bản in thử lên và đọc to: “Thế giới mà chúng ta biết đến đã biến mất và hết thời rồi, và chúng ta không cần phải tự huyễn hoặc bản thân về điều đó nữa. Chúng ta không thể quay ngược thời gian được mà phải hướng về phía trước. Các bà mẹ ngày nay cần phải làm gương bằng cách mở rộng tầm nhìn của họ. Họ phải nâng tình yêu không vị kỷ với con cái họ lên một tầm cao mới – đó là yêu thương con cái của tất cả mọi người chứ không chỉ riêng con của họ. Các bà mẹ phải yêu thương tất cả những đứa trẻ trong khu tập thể, khu phố, trong thành phố, trong quốc gia của họ, và trên toàn thế giới nữa – cũng hệt như là tình cảm dành cho những cô bé Mary hay cậu bé Johnny của riêng họ vậy.” Wynand nhăn mũi khó chịu. “Alvah?... Viết sến thì cũng được thôi, nhưng còn cái loại sến rẻ tiền này?”

Alvah Scarret không dám nhìn thẳng vào Wynand.

“Ông đang lạc nhịp so với thời đại rồi, Gail,” Scarret nói nhỏ, nhưng giọng nói có một nốt hăm dọa – như thể có cái gì kiềm chế giọng nói lại để thăm dò và biết cách đối phó trong tương lai.

Alvah Scarret thấy ngạc nhiên khi Wynand không còn hứng thú tiếp tục cuộc nói chuyện. Ông gạch chéo qua bài xã luận, nhưng vết bút chì xanh rất nhẹ và mờ. Ông nói: “Bịa ra cái khác đi, Alvah.”

Scarret đứng lên, nhặt tờ giấy rồi quay người và lặng lẽ rời khỏi phòng.

Wynand nhìn theo một cách ngạc nhiên, phân vân pha chút chán ngán.

Wynand đã nhận ra cái xu hướng mà tờ báo đang chuyển theo trong nhiều năm qua – nó chuyển đi một cách dần dần, tinh vi, không hề có sự chỉ đạo

nào từ bản thân ông. Ông đã nhận ra những bản tin thời sự được "dàn xếp" một cách kín đáo, những lời gợi ý bóng gió nửa vời, những ám chỉ mơ hồ, những tính từ kỳ quặc được đặt ở những chỗ kỳ quặc; những đề tài được chú trọng và những kết luận chính trị được chèn vào khi không cần thiết. Nếu báo đăng một câu chuyện về xung đột giữa ông chủ và nhân viên thì ông chủ sẽ được mô tả như người có lỗi, bằng cách chỉ cần thay đổi một chút từ ngữ, mà không cần biết đến những sự kiện, con số nào khác. Nếu có một câu nhắc tới quá khứ, thì nó sẽ luôn luôn là "quá khứ đen tối của chúng ta" hoặc "quá khứ đã chết của chúng ta". Nếu có một phát biểu liên quan đến động cơ cá nhân của một ai đó thì nó luôn luôn "động cơ đầy tràn sự ích kỷ" hoặc "bị xúi bẩy bởi lòng tham." Một ô đố chữ hỏi từ tương ứng với giải thích "những kẻ đang tiệt chủng dần" sẽ cho đáp án là "những nhà tư bản."

Wynand đã nhún vai bỏ qua điều đó, với một vẻ bất cần. Ông nghĩ rằng nhân viên của mình là những người được đào tạo tử tế: nếu đây là ngôn ngữ đường phố đang thịnh hành ở thời buổi này thì họ buộc phải chọn nó một cách tự động. Nó chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông giữ nó không chen chân vào phần xã luận; và phần còn lại sẽ ổn cả. Nó chẳng khác gì một thứ mốt đang nổi lên được một ngày rồi sẽ biến mất – còn ông thì đã tồn tại được qua nhiều lần đổi mốt rồi.

Ông không mảy may quan tâm đến chiến dịch "Chúng Tôi Không Đọc Wynand." Ông bắt được một tờ truyền đơn trong toa-lét nam và ông đã dán nó vào kính trước chiếc xe Lincoln của ông, đồng thời thêm vào mấy từ "Chúng tôi cũng không đọc." Ông giữ nó ở đấy đủ lâu để nó được tìm thấy và đăng trên một tờ báo trung dung. Trong suốt sự nghiệp của mình, ông đã bị đánh trả, bị chửi rủa, bị lên án bởi những chủ báo nổi tiếng nhất, bởi những liên minh quyền lực tài chính khôn ngoan nhất. Ông không thể hiểu nổi những hoạt động của một kẻ cha căng chú kiết nào đó có tên Gus Webb.

Ông biết là *Ngọn cờ* đang mất đi một phần sự ưa chuộng của nó. "Chỉ là một cơn hâm hấp tạm thời," ông nhún vai bảo Scarret. Ông chỉ cần tổ chức một cuộc thi thơ châm biếm, hoặc cho ra một loạt thẻ giảm giá cho các đĩa hát than,[141] là báo sẽ lập tức bán chạy hơn và ông có thể quên mọi chuyện.

Ông không thể tự ép mình hoàn toàn tập trung vào công việc. Chưa bao giờ ông cảm thấy muốn làm việc như lúc này. Ông vào phòng làm việc của mình mỗi buổi sáng với bao nhiêu háo hức. Nhưng chỉ sau một giờ, ông lại thấy mình đang chăm chú nhìn vào các mối nối giữa các tấm pa-nô trên tường và lẩm nhẩm một khúc hát ru nào đó. Đó không phải là sự buồn ngán, cũng không phải cảm giác thỏa mãn của một cái ngáp, mà giống như cảm giác muốn được ngáp nhưng lại cũng không thực sự buồn ngáp. Ông không thể nói rằng ông không thích công việc của mình, nhưng nó đã gần như trở

nên tẻ nhạt. Nó không đủ để ông phải đưa ra một quyết định, không đủ để ông siết chặt nắm đấm lại; mà chỉ đủ để làm ông nhăn mũi.

Ông mơ hồ nghĩ rằng nguyên nhân là ở cái xu hướng mới trong thị hiếu đọc của công chúng. Ông không tìm ra lý do tại sao ông lại không chạy theo thị hiếu đó và đùa bỡn nó như ông đã đùa bỡn với tất cả những trò hâm hấp thời thượng khác. Nhưng ông không thể. Ông không hề có một trăn trở đạo đức nào. Đó không phải là một thái độ ủng hộ mà một người chủ động tiếp nhận; cũng không phải là một sự phản đối mà người ta làm nhân danh những thứ có giá trị trong cuộc sống, nó chỉ là một cảm giác bứt rứt, một cái gì đó giống như cảm giác muốn được sạch sẽ: nó là cảm giác do dự mà người ta cảm thấy trước khi thò chân xuống bùn. Ông nghĩ: Cũng chả sao – nó sẽ không tồn tại lâu – Ta sẽ quay lại khi gió đổi chiều sang cái khác – Ta nghĩ là ta sẽ đứng ngoài vụ này.

Ông không thể giải thích được tại sao lần gặp gỡ với Alvah Scarret vừa rồi đem lại cho ông một cảm giác khó chịu sâu sắc hơn bình thường. Ông nghĩ: thật buồn cười khi Alvah có thể chuyển sang viết những thể loại rác rưởi như thế. Nhưng còn một cái gì khác nữa; trong cái cử chỉ rời khỏi phòng của Alvah có cái gì đó như một quyết định cá nhân; nó gần như một tuyên bố rằng từ giờ ông ta không cần phải để ý đến quan điểm của sếp nữa.

Ta phải đuổi việc Alvah, ông nghĩ – và sau đó ông tự cười bản thân mình, đồng thời cũng kinh hoàng nghĩ: đuổi việc Alvah Scarret ư? – việc đó cũng tương tự như là làm cho trái đất ngừng quay – hoặc – giống như cái việc không thể tưởng tượng được – giống như đóng cửa tờ *Ngọn cờ* lại.

Có một mệnh lệnh đưa ra từ phòng làm việc của ông đến tất cả những phòng ban có liên quan: "Lăng-xê Howard Roark." Roark và các công trình của anh lần lượt xuất hiện thường xuyên trong trang giải trí nghệ thuật, trong phần về nhà đất, trong các bài xã luận, và trong các cột bình luận. Không có nhiều dịp để một tờ báo có thể giới thiệu về một kiến trúc sư, và những tòa nhà cũng có ít giá trị tin tức, nhưng tờ *Ngọn cờ* đã thành công trong việc viện đủ mọi lý do khôn khéo để đưa tên của Roark lên mặt báo. Wynand hiệu đính từng từ một. Kết quả là sự xuất hiện những bài viết hay thực sự trên tờ *Ngọn cờ*. Không có những câu chuyện giật gân, không có những bức ảnh chụp Roark đang ăn sáng, không có những tin tức cá nhân mà người ta quan tâm, không cố gắng tâng bốc bán rẻ một người nào đó, chỉ là lòng biết ơn và sự tôn kính rất chừng mực đối với một nghệ sĩ lớn.

Ông không hề nói với Roark, và Roark cũng chưa từng đề cập đến chuyện đó. Họ không nói chuyện về tờ *Ngọn cờ*.

Trở về ngôi nhà mới của mình vào mỗi buổi tối, Wynand đều nhìn thấy

một tờ *Ngọn cờ* nằm trên bàn trong phòng khách. Ông đã từng không cho phép bất cứ tờ *Ngọn cờ* nào trong nhà mình kể từ sau đám cưới. Nhưng bây giờ, ông mỉm cười khi ông nhìn thấy nó lần đầu tiên trong nhà, và im lặng.

Rồi thì ông cũng nói về chuyện đó, vào một buổi tối. Ông lật các trang báo cho đến khi ông gặp một bài viết về các khu nghỉ mát mùa hè, mà phần lớn là để miêu tả Thung lũng Monadnock. Ông ngẩng đầu liếc nhìn về phía Dominique ở đầu bên kia căn phòng; cô đang ngồi trên sàn nhà, cạnh lò sưởi. Ông nói:

"Cảm ơn em, em yêu quý."

"Vì cái gì, Gail?"

"Vì em hiểu khi nào anh sẽ vui khi thấy tờ *Ngọn cờ* trong nhà của mình."

Ông đi về phía cô và ngồi xuống sàn nhà bên cạnh cô. Ông vòng tay ôm lấy bờ vai mỏng của cô và nói:

"Hãy thử nghĩ về tất cả những chính trị gia, những ngôi sao điện ảnh, những đại công tước và những khôngẻ giết người mà tờ *Ngọn cờ* đã lăng-xê suốt những năm qua. Hãy nghĩ về những cuộc thánh chiến mà anh thực hiện cho những công ty bán dạo, cho những khu phố đèn đỏ và rau quả trồng trong nhà. Lần đầu tiên, Dominique, anh có thể nói những gì anh tin."

"Vâng, Gail."

"Tất cả những quyền lực này – anh đã muốn, đã đạt được mà chưa bao giờ sử dụng. Bây giờ bọn họ sẽ thấy anh có thể làm gì. Anh sẽ bắt họ phải công nhận tài năng của Roark. Anh sẽ đem đến cho Roark cái danh vọng mà Roark đáng nhận được. Công luận ư? Công luận chỉ là những gì anh đẻ ra."

"Anh nghĩ là Roark muốn cái này à?"

"Có thể là không. Nhưng anh không quan tâm. Roark cần nó và sẽ có nó. Anh muốn Roark có được danh vọng đó. Với tư cách là một kiến trúc sư, Roark là một tài sản của công chúng. Anh ấy không thể bắt một tờ báo ngừng viết về mình nếu như nó muốn viết."

"Tất cả những bài về Roark có phải là do chính tay anh viết không?"

"Hầu hết."

"Gail, lẽ ra anh đã có thể trở thành một nhà báo vĩ đại."

Chiến dịch lăng-xê Roark đã đem lại kết quả, không phải là thứ Wynand mong đợi. Công chúng vẫn dửng dưng. Tuy nhiên trong giới trí thức, văn nghệ sĩ và đồng nghiệp, mọi người lại cười nhạo Roark. Wynand đã được nghe những lời bình phẩm như sau: "Roark ư? À phải, một con vẹt của

Wynand." "Cục cưng của tờ *Ngọn cờ*." "Thiên tài của báo chí lá cải." "Tờ *Ngọn cờ* bây giờ lại đi rao bán nghệ thuật cơ đấy – hoặc là gửi hai vé lô xem kịch hoặc là gửi một bản sao vở kịch." "Anh không biết thật sao? Đó chính là những gì tôi luôn nghĩ về Roark – một tài năng rất hợp với những tờ báo của Wynand."

"Để rồi xem." Wynand nói đầy vẻ khinh thường – và lại tiếp tục chiến dịch của riêng mình.

Ông để Roark thiết kế tất cả những công trình quan trọng mà ông có thể gây sức ép với chủ của chúng. Kể từ mùa xuân, ông đã đem lại cho Roark hợp đồng thiết kế một câu lạc bộ thuyền buồm trên sông Hudson, một tòa nhà công sở, và hai biệt thự tư nhân. "Tôi sẽ đem về cho anh nhiều đến mức anh không kịp làm," ông nói. "Tôi sẽ giúp trả lại cho anh tất cả những năm tháng mà họ bắt anh phải lãng phí."

Một buổi tối Austen Heller nói với Roark: "Có thể tôi quá tự phụ, nhưng tôi nghĩ là anh cần một lời khuyên, Howard ạ. Phải, tất nhiên là tôi muốn nói đến mối quan hệ ngớ ngẩn của anh với Gail Wynand. Anh và ông ta, với tư cách là hai người bạn thân thiết, đã làm đảo lộn hết những khái niệm duy lý mà tôi đã từng có. Suy cho cùng, loài người có những đẳng cấp khác nhau - ồ không, không phải là tôi đang nói giọng của Toohey đâu nhé – nhưng chắc chắn là cũng phải có những đường ranh giới không thể vượt qua giữa người và người chứ. "

"Vâng, đúng là có. Nhưng chưa ai phát biểu đúng về chỗ mà người ta phải kẻ ranh giới đó."

"Được thôi, tình bạn là chuyện của riêng anh. Nhưng có một việc cần phải ngừng ngay lập tức – và anh phải nghe tôi, chỉ có một lần này thôi."

"Tôi đang nghe đây."

"Tôi nghĩ chuyện ông ta đổ lên đầu anh những hợp đồng béo bở kia cũng không sao cả. Tôi chắc chắn rằng ông ta sẽ được đền bù bởi những việc làm đó. Ông ta sẽ vứt bớt được một vài gánh nặng trên vai khi ông ta xuống địa ngục. Nhưng ông ta cần phải ngừng ngay cái việc tâng bốc anh một cách công khai trên tờ *Ngọn cờ*. Anh phải bắt ông ta dừng lại. Anh không biết là việc nhận được ủng hộ từ tờ *Ngọn cờ* đủ làm cho một người mất hết uy tín sao?" Roark im lặng. "Đứng về nghề nghiệp, điều đó sẽ làm ảnh hưởng xấu đến anh, Howard."

"Tôi biết điều đó."

"Anh sẽ bắt ông ấy ngừng lại chứ?"

"Không."

“Nhưng vì cái quái gì chứ?”

“Tôi nói là tôi sẽ lắng nghe, Austen. Nhưng tôi không nói là tôi sẽ nói chuyện với ông ấy.”

Một lần vào cuối buổi chiều mùa thu. Wynand đến phòng làm việc của Roark như mọi lần, và khi họ cùng nhau rời tòa nhà, ông nói: “Tối nay trời đẹp; hãy đi dạo một lát đi Howard. Có một miếng đấy tôi muốn cho anh xem.”

Ông dẫn đường đi đến Hell’s Kitchen. Họ vòng qua một miếng đất hình chữ nhật – chiều rộng của nó chiếm hai khu phố giữa đại lộ số 9 và số 11, chiều dài kéo năm khu phố từ bắc xuống nam.[142] Roark nhìn thấy một khu chung cư tan hoang, bụi bặm, những mảng tường gạch đỏ xập xệ, những lối đi ngoằn ngoèo, những tấm bảng mục rữa, những sợi tua rách nát của quần áo lót treo trên ống thông khí. Chúng không phải là dấu hiệu của sự sống mà là bằng chứng cho sự mục nát, phân hủy đang lan rộng.

“Ông sở hữu chỗ này?” Roark hỏi.

“Toàn bộ.”

“Cho tôi xem để làm gì? Ông không biết là bắt một kiến trúc sư nhìn vào một cảnh như thế này còn tồi tệ hơn là việc cho anh ta xem một cánh đồng toàn những xác chết chưa được chôn cất.”

Wynand chỉ vào một quán ăn có mặt tiền sơn trắng ở bên kia đường rồi nói. “Chúng ta hãy vào đó.”

Họ ngồi cạnh cửa sổ, tại một bàn bằng kim loại. Wynand gọi cà phê. Trông ông lịch lãm như đang ở nhà hoặc ở trong những nhà hàng sang trọng nhất thành phố vậy; sự lịch lãm của ông có một vẻ kỳ lạ ở chỗ này – nó không hạ nhục quán ăn mà dường như thay đổi không khí của quán, như thể sự xuất hiện của một vị vua, một người chẳng bao giờ thay đổi thói quen của mình, mà biến bất cứ ngôi nhà nào ông đặt chân vào trở thành cung điện. Wynand vươn người về phía trước, hai khuỷu tay chống lên mặt bàn, ông nhìn Roark qua làn khói cà phê, mắt nheo lại, cười cười. Ông chỉ về phía bên kia phố.

Đó là miếng đất đầu tiên tôi mua, Howard. Lâu lắm rồi. Tôi chưa bao giờ động đến nó kể từ đó.”

“Ông để dành nó cho ai?”

“Anh.”

Roark nâng cốc cà phê màu trắng lên môi, ánh mắt anh đối diện ánh mắt Wynand; mắt anh hơi nheo lại và hơi chế giễu. Anh biết là Wynand muốn

những câu hỏi háo hức, nhưng thay vào đó anh lại ngồi im và kiên nhẫn chờ đợi.

"Anh đúng là đồ vô lại cứng đầu," Wynand bật cười đầu hàng. "Được rồi, nghe đây. Đây là nơi tôi đã sinh ra. Khi tôi có thể nghĩ đến chuyện mua bất động sản thì việc đầu tiên là tôi mua khu đất này. Từng nhà một. Rồi từng khu phố một. Cũng mất khá nhiều thời gian. Tôi đã có thể mua những khu đất hời hơn và kiếm được tiền nhanh chóng, như là sau này, nhưng tôi đã đợi cho đến khi tôi có được chỗ này đã. Ngay cả khi tôi biết là tôi có thể sẽ không dùng tới nó trong nhiều năm. Anh thấy đấy, tôi đã quyết định rằng một ngày nào đó đây sẽ là nơi mọc tên tòa nhà mang tên Wynand… Xong rồi, giờ thì cứ ngồi yên đến bao giờ cũng được – tôi vừa mới nhìn thấy vẻ mặt của anh rồi."

"Ôi, Gail…"

"Chuyện gì thế? Anh muốn làm việc đó à? Rất muốn phải không?"

"Tôi nghĩ là tôi hầu như sẵn sàng đổi cả mạng sống của tôi lấy việc đó – có điều như thế thì tôi không thể xây được. Đó có phải là những gì mà ông đã muốn nghe, Gail?"

"Đại loại là như vậy. Tôi sẽ không yêu cầu mạng sống của anh. Nhưng được nhìn thấy anh bị sốc dù chỉ một lần như thế này cũng đáng. Cảm ơn anh đã sốc. Điều đó có nghĩ là anh hiểu tòa nhà Wynand hiện thân cho cái gì. Tòa nhà cao nhất thành phố. Và vĩ đại nhất thành phố."

"Tôi biết đó là điều ông muốn."

"Bây giờ thì tôi chưa xây. Nhưng tôi đã đợi nó trong suốt chừng ấy năm. Và bây giờ anh cũng sẽ đợi cùng với tôi. Anh có biết là tôi rất thích được hành hạ anh, theo một cách nào đó? Anh có biết là tôi luôn muốn như vậy không?"

"Tôi biết."

"Tôi đưa anh đến đây chỉ để nói với anh rằng tòa nhà sẽ là của anh khi tôi cho xây nó. Tôi đã đợi, bởi vì tôi đã nghĩ rằng tôi chưa sẵn sàng. Kể từ khi tôi gặp anh, tôi biết là tôi đã sẵn sàng – và ý tôi là vì anh là kiến trúc sư. Nhưng chúng ta sẽ phải đợi thêm một chút nữa, chỉ khoảng một hoặc hai năm, để cho mọi thứ hồi phục khỏi khủng hoảng. Bây giờ không phải là lúc để xây dựng. Tất nhiên là tất cả mọi người đều nói rằng thời đại của những tòa nhà chọc trời đã qua. Rằng như thế là lỗi thời, lạc hậu. Tôi không quan tâm đến việc đó. Tôi sẽ làm cho tòa nhà này tự nó trở nên có giá trị. Tập đoàn Wynand có văn phòng rải rác khắp nơi trong thành phố. Tôi muốn tất cả chuyển về tập trung ở một tòa nhà. Và tôi có ảnh hưởng đủ lớn đối với

những nhân vật quan trọng để có thể ép họ thuê hết phần trống còn lại của tòa nhà. Có lẽ nó sẽ là tòa nhà chọc trời cuối cùng được xây ở New York. Như thế càng tốt. Tòa nhà cuối cùng và vĩ đại nhất."

Roark ngồi nhìn sang bên kia đường. Mắt anh hướng vào những đống đổ nát loang lổ.

"Chúng sẽ được kéo sập, Howard. Tất cả. San phẳng hết. Cái nơi mà tôi đã không phải là ông chủ. Nó sẽ được thay thế bằng công viêc và tòa nhà Wynand… Tất cả những tòa nhà đẹp nhất của New York đều lãng phí bởi vì người ta không nhìn được chúng, chúng che khuất lẫn nhau. Nhưng mọi người sẽ nhìn thấy tòa nhà của tôi. Nó sẽ cải tạo toàn bộ khu vực xung quanh. Những người khác sẽ phải chạy theo. Không phải vì vị trí thích hợp, họ chắc sẽ nói như vậy? Nhưng ai là người tạo ra những vị trí thích hợp? Rồi họ sẽ biết. Nơi đây có thể sẽ trở thành trung tâm mới của thành phố - khi cả thành phố này sống lại một lần nữa. Tôi đã có kế hoạch này khi mà tờ *Ngọn cờ* chỉ là một tờ báo lá cải hạng bét. Tôi đã không tính sai, phải không? Tôi biết tôi sẽ trở thành ai… Nó sẽ là một đài tưởng niệm cho tôi, Howard. Anh còn nhớ những gì anh nói trong lần đầu tiên anh bước vào phòng làm việc của tôi? Tuyên ngôn của đời tôi. Có những điều trong quá khứ mà tôi không thích. Nhưng tất cả những gì mà tôi đã tự hào thì sẽ còn tồn tại mãi. Khi mà tôi từ giã cuộc đời này thì tòa nhà đó sẽ có tên là Gail Wynand… Tôi đã biết là tôi có thể tìm được đúng kiến trúc sư cho nó khi thời điểm xây dựng nó đến. Tôi cũng đã không biết rằng anh ta không chỉ đơn thuần là một kiến trúc sư tầm thường nào đó mà tôi thuê, mà còn hơn thế nữa. Tôi rất mừng là mọi việc đã xảy ra như thế này. Nó như là một phần thưởng. Như thể là tôi đã được tha thứ.Thành tựu cuối cùng và lớn nhất của tôi cũng sẽ là tác phẩm lớn nhất của anh. Nó không những là đài tưởng niệm của tôi mà còn là món quà tốt nhất mà tôi có thể đem tặng người đàn ông có ý nghĩa lớn nhất với tôi trên quả đất này. Đừng có nhăn mặt, anh biết là anh có ý nghĩa như thế nào đối với tôi. Hãy nhìn vào quang cảnh kinh hoàng ở bên kia phố. Tôi muốn ngồi đây và quan sát anh ngắm nhìn chúng. Đó sẽ là những gì mà chúng ta sẽ phá hủy – tôi và anh. Đó sẽ là nơi nó sẽ mọc lên – tòa nhà Wynand do Howard Roark thiết kế. Tôi đã đợi điều này kể từ ngày tôi được sinh ra trên đời này. Anh cũng vậy, anh đã đợi chờ cơ hội lớn nhất của đời anh từ lúc anh sinh ra. Và nó đây, Howard, ở bên kia phố. Cơ hội của anh – do tôi đem tặng."

X.

Trời đã tạnh mưa nhưng Peter Keating mong trời tiếp tục mưa trở lại. Những vỉa hè lấp loáng nước; những vết đen bẩn loang trên những bức tường của các tòa nhà; và bởi vì những vệt nước ấy không từ trên trời rơi xuống nên thành phố như vừa mới rùng mình toát mồ hôi. Không khí trở nên nặng nề vì bóng tối xuống sớm và thấp thỏm như một người già trước tuổi; ánh đèn vàng vọt từ các cửa sổ tụ thành từng đám. Keating không bị mưa, nhưng anh cảm thấy ướt lạnh, từ trong xương ra đến ngoài.

Anh đã rời phòng làm việc sớm và đi bộ về nhà. Có cái gì không thực trong căn phòng làm việc của anh - và nó đã như thế từ lâu nay rồi. Anh chỉ có thể tìm được cuộc sống thực vào những buổi tối, khi anh lén lút chạy tới căn hộ của Roark. Ta không chạy, và cũng không lén lút - anh giận dữ tự bảo mình - và anh biết rằng anh quả có chạy và lén lút thật, ngay cả khi anh rảo bước qua sảnh chính của tòa nhà Enright rồi lên thang máy như bất cứ một người đàn ông đang đi có việc nào khác. Đó là một cảm giác lo lắng mơ hồ, là sự thúc bách phải liếc nhìn mọi khuôn mặt xung quanh, là nỗi lo sợ bị ai đó nhận ra; đó là một thứ cảm giác tội lỗi vô danh tính, không hướng tới bất cứ một ai, nhưng lại càng đáng sợ hơn chính vì nó là cảm giác tội lỗi không đi kèm với một nạn nhân nào cả.

Anh đã lấy từ chỗ Roark tất cả những bản vẽ phác cho mọi chi tiết của tòa nhà Cortlandt - và rồi để cho nhân viên của anh biến chúng thành các bản vẽ thi công. Anh đã lắng nghe những lời chỉ dẫn của Roark. Anh cũng ghi nhớ tất cả những lý lẽ anh phải trình bày với những người thuê anh nếu như có bất cứ ý kiến phản đối nào. Anh đã hấp thụ chúng như thể là một cái máy ghi âm. Để rồi sau đó, khi anh giải thích cho các nhân viên của mình, giọng anh cứ như là được phát ra từ một cái đĩa ghi âm vậy. Anh không phiền lòng vì chuyện đó. Anh không hỏi gì cả.

Bây giờ anh đang đi bộ thật chậm, qua những khu phố trên ngập những giọt mưa đã rơi từ trước. Anh nhìn lên và thấy một khoảng trống lẽ ra thuộc về chóp mái của các tòa nhà quen thuộc; khoảng không ấy không giống sương mù hay mây mà giống như một khối đặc của bầu trời xám xịt có sức hủy diệt khổng lồ và câm lặng. Cảnh những tòa nhà biến mất vào bầu trời luôn đem lại cho anh cảm giác khó chịu. Anh lại tiếp tục bước đi, vừa bước vừa cúi nhìn xuống đất.

Đôi giày là cái đầu tiên đập vào mắt anh. Anh biết là anh đã nhìn thấy gương mặt của người phụ nữ đó. Anh biết cái bản năng tự bảo toàn bản thân đã khiến cho anh đảo mắt đi chỗ khác và để cho toàn bộ ý thức của anh tập

trung vào đôi giày. Đó là đôi giày đế bằng, màu nâu, quá sang trọng và bóng lộn trên cái vỉa hè lầy lội nạy; nó coi thường cả mưa và cái đẹp. Cặp mắt của anh dịch chuyển lên chiếc váy màu nâu, lên bộ áo vét được may đo riêng, đắt tiền và lạnh lùng như một bộ đồng phục; cặp mắt nhìn tới bàn tay nằm trong chiếc găng tay đắt tiền, để hở một lỗ ở chỗ ngón tay, tới cái ve áo có một họa tiết trang trí ngớ ngẩn - một người Mexico có cặp chân vòng kiềng với quần dài hoa văn đỏ - cặp mắt dừng lại ở đó với vẻ vụng về thô lỗ; rồi chúng đi lên đôi môi mỏng, lên cái kính, và đôi mắt.

"Katie," anh nói.

Cô đang đứng bên ô kính của một hiệu sách; đôi mắt cô ngập ngừng, nửa như cố tập trung nhận ra anh, nửa như vẫn còn đang mải suy nghĩ về tiêu đề của quyển sách lúc nãy; sau đó, khi đã nhận ra người quen với bằng chứng là một nụ cười, cô quay mắt lại tiếp tục nhìn cuốn sách, rồi kết thúc việc ấy và ghi nhớ nó. Sau đó cô đưa mắt nhìn Keating. Nụ cười của cô thật dễ chịu; không phải là cô đang cố gắng để che giấu cảm giác chua chát, và cũng không phải là đón chào; chỉ đơn thuần là dễ chịu, thoải mái.

"Chà, Peter Keating," cô nói, "Chào anh, Peter."

"Katie..." Anh không thể đưa tay ra cũng không thể bước lại gần hơn với cô.

"Chà, không thể tưởng tượng được chúng ta có thể gặp nhau như thế này; New York hóa ra cũng giống như các thị trấn nhỏ, mặc dù em đoán là có lẽ không có một số đặc điểm tốt của các thị trấn nhỏ." Không có một sự gượng ép nào trong giọng nói của cô.

"Em đang làm gì ở đây vậy? Anh tưởng... Anh đã nghe nói..."

Anh biết là cô đang có một việc làm tốt ở Washington và đã chuyển tới đó từ hai năm trước.

"Chỉ là một chuyến công tác thôi. Em phải quay lại ngay ngày mai. Không thể nói là em không mừng, vì điều đó. New York bây giờ như một thành phố chết, quá *chậm chạp*."

"Dù sao thì anh cũng mừng là em thích công việc của mình... nếu ý em là thế... mà có phải ý em là như vậy không?"

"Thích công việc của em ư? Thật nực cười. Ở đất nước này chỉ có duy nhất Washington là thành phố đã đủ trưởng thành. Em không hiểu làm sao mọi người có thể sống được ở những nơi khác. Thế anh đang làm gì vậy, Peter? Hôm trước em nhìn thấy tên anh ở trên báo, về một vụ việc quan trọng gì đó."

"Anh... Anh đang làm việc... Em chẳng thay đổi mấy, Katie, không nhiều,

phải vậy không? - Ý anh là, gương mặt của em - trông em hệt như ngày xưa - theo một cách nào đó..."

"Em chỉ có mỗi bộ mặt này thôi. Tại sao mọi người cứ phải nói chuyện thay đổi chỉ vì họ không gặp nhau vài năm nhỉ? Hôm qua em gặp Grace Parker và chị ta nhai đi nhai lại về vẻ ngoài của em. Em có thể đoán được từng chữ một trước khi chị ấy nói - 'Trông em thật xinh - không già đi một tí nào, thật thế đấy, Catherine.' Mọi người mới quê làm sao."

"Nhưng... thực sự là em nhìn rất xinh... Anh rất... rất vui được gặp lại em..."

"Em cũng mừng vì được gặp anh. Chuyện xây dựng thế nào rồi?"

"Anh không biết... Chắc là em đã đọc về Cortlandt... anh đang làm thiết kế cho Cortlandt Homes, một khu chung..."

"Vâng, tất nhiên. Em đã đọc về nó. Em nghĩ là chuyện đó tốt cho anh, Peter. Được làm một việc, không chỉ vì lợi nhuận cá nhân, mà còn đem lại lợi ích cho xã hội nữa. Em nghĩ là các kiến trúc sư nên dừng việc moi tiền của người khác và bỏ ra chút thời gian để làm việc cho chính phủ và những mục đích lớn hơn."

"Chà, hầu hết họ sẽ vồ ngay lấy nếu có thể; chính phủ là một trong những chốn khó chen vào nhất, đó là một chỗ khép kín..."

"Rồi, rồi, em biết rồi. Thật không thể nào làm cho những người bình thường hiểu được cách làm việc của bọn em, và vì thế mà lúc nào bọn em cũng phải nghe toàn những lời cảm thán ngớ ngẩn và phát chán. Anh phải thôi đọc báo của bọn Wynand đi, Peter."

"Anh chẳng bao giờ đọc báo của Wynand cả. Mà chuyện đấy thì có liên quan quái gì tới... Ồ, anh... anh không biết là chúng ta đang nói chuyện gì nữa, Katie."

Anh nghĩ hoặc cô không nợ anh bất cứ điều gì, hoặc cô nợ anh tất cả sự giận dữ và khinh bỉ mà cô có thể có và cô phải ném nó vào mặt anh; và thêm vào đó, cô vẫn còn một nghĩa vụ đối với anh - cô nợ anh một biểu hiện của sự căng thẳng trong cuộc gặp này. Nhưng chẳng có biểu hiện nào cả.

"Chúng ta có lẽ phải nói chuyện rất nhiều, Peter." Những từ này lẽ ra sẽ khiến cho anh nhẹ nhõm, nếu như chúng không được nói ra một cách trơn tru như thế. "Nhưng chúng ta không thể đứng ở đây cả ngày được." Cô liếc nhìn đồng hồ đeo tay. "Em chỉ còn khoảng một tiếng nữa, anh có thể mời em đi đâu đấy uống một ly trà, có thể anh cũng cần uống một ly trà nóng, trông anh như đang chết cóng."

Đó là lời nhận xét đầu tiên của cô về bẻ ngoài của anh; nhận xét đó đi

kèm một cái liếc nhìn vô cảm. Anh nghĩ, thậm chí Roark cũng còn sốc và thừa nhận sự thay đổi bề ngoài của anh."

"Đồng ý, Katie. Như thế thật tuyệt. Anh..." Anh thầm nghĩ giá mà cô không là người gợi ý việc này thì tốt hơn; đó là một việc phải phép trong tình huống này; anh ước gì cô đã không hề biết việc gì là việc phải phép, hoặc đừng có nhanh nhẩu như thế. "Vậy thì mình đi tìm một chỗ nào đẹp và yên tĩnh nhé..."

"Chúng ta sẽ đến quán Thorpe. Có một quán như vậy ở góc phố kia. Họ có bánh mì kẹp cải xoong rất ngon."

Chính cô là người đã cầm tay anh khi đi qua đường, và sang đến đường thì cô lại bỏ tay anh ra. Cử chỉ đó có tính tự động. Cô không hề nhận thức được điều đó.

Có một quầy bánh ngọt và kẹo ở bên trong quán Thorpe. Một bát to đựng quả hạnh đào bọc đường, màu xanh và trắng, đập vào mắt Keting. Nơi đây có mùi cam ướp lạnh. Đèn bật mờ mờ, tỏa ánh sáng màu da cam sậm; mùi hương làm cho ánh sáng có vẻ sền sệt. Những chiếc bàn rất nhỏ được đặt cạnh nhau.

Anh ngồi xuống và nhìn vào tờ giấy lót đặt dưới một cái ly màu đen. Nhưng khi anh ngước mắt lên nhìn Catherine, anh biết rằng anh không cần phải cẩn thận như vậy. Cô không có phản ứng gì với cái nhìn chăm chú của anh; thái độ của cô vẫn như vậy bất kể anh có chăm chú nhìn cô hay nhìn người phụ nữ bàn bên cạnh; dường như cô không hề ý thức được về chính mình.

Thay đổi lớn nhất của cô ấy là cái miệng - anh nghĩ; đôi môi mím lại, chỉ còn một vành mỏng, nhợt nhạt sót lại; một cái miệng để ra lệnh, anh nghĩ, nhưng không phải là những mệnh lệnh lớn hay độc ác; chỉ là những thứ nhỏ bé vụn vặt - về chuyện ống nước hay vệ sinh. Anh nhìn thấy những nếp nhăn nhỏ xíu ở bên khóe mắt cô - một làn da như giấy mỏng đã bị vò nát và sau đó lại được vuốt phẳng lại.

Cô đang kể chuyện công việc của cô ở Washington, và anh ngồi mơ màng nghe. Anh không nghe được cụ thể từng từ mà chỉ nghe được giọng điệu của cô - khô và giòn.

Một cô bồi bàn mặc đồng phục được gột hồ cứng màu tím nhạt đi tới. Catherine nói thõng:

"Làm ơn cho săng-uých trà[143], loại đặc biệt."

Keating nói:

"Cho một ly cà phê." Anh nhìn thấy mắt Catherine đang hướng về mình, và trong cơn bối rối bất thần, anh cảm thấy anh không được thú nhận rằng bây giờ anh không thể nốt được dù chỉ một miếng thức ăn. Anh có cảm giác lời thú nhận đó sẽ làm cô nổi giận. Anh nói thêm với người phục vụ: "Một bánh mì lúa mạch đen kẹp thịt xông khói và pho-mát Thụy Sĩ nữa vậy."

"Peter, thói quen ăn uống của anh thật kinh khủng! Cô chờ chút. Anh không thể ăn như thế, nó rất có hại cho anh. Anh nên ăn một suất salad tươi. Vào giờ này uống cà phê cũng không tốt. Người Mỹ uống cà phê quá nhiều."

"Cũng được" Keating nói.

"Cô làm ơn cho trà và một đĩa salad trộn nhé. À, đừng kèm bánh mì với salad - anh đang tăng cân đấy Peter - làm ơn cho thêm vài miếng cracker[144], loại ăn kiêng."

Keating đợi đến khi bộ đồng phục màu tím nhạt rời đi, sau đó anh nói, đầy hy vọng:

"Anh đã thay đổi, phải không Katie? Có phải là nhìn anh bây giờ rất khủng khiếp không?" Giá như có một lời nhận xét, dù là tiêu cực, từ phía cô thôi - thì nó cũng có thể là dấu hiệu một mối liên hệ riêng giữa hai người.

"Gì cơ? Ồ, em đoán thế. Như thế không tốt cho sức khoẻ. Nhưng người Mỹ chúng ta chẳng biết gì về cân đối dinh dưỡng. Tất nhiên là đàn ông thì luôn quan trọng hóa chuyện hình thức bên ngoài. Họ còn phù phiếm hơn cả phụ nữ. Bây giờ chính phụ nữ là người đang làm tất cả những việc có ích, và phụ nữ sẽ là người xây dựng nên một thế giới tốt đẹp hơn."

"Làm thế nào đê xây dựng được một thế giới tốt đẹp hơn hả Katie?"

"Thì, nếu anh nghĩ đến yếu tố quyết định, mà, tất nhiên rồi, là kinh tế..."

"Không, anh... anh không hỏi về chuyện đó... Katie, anh đã rất bất hạnh."

"Em rất lấy làm tiếc khi nghe điều đó. Thời buổi này, ai cũng nói thế cả. Đó là bởi vì bây giờ là giai đoạn chuyển tiếp, và mọi người cảm thấy chông chênh. Nhưng anh thì luôn có số phận sáng lạn, Peter."

"Em có... em có nhớ ngày xưa anh như thế nào không?"

"Ôi trời, Peter, anh cứ làm như đã sáu mươi năm rồi."

"Nhưng đã có quá nhiều điều xảy ra. Anh..." Anh trở nên liều lĩnh; anh phải như vậy; thô lỗ lại hóa ra cách dễ nhất. "Anh đã cưới vợ. Và sau đó li dị."

"Vâng, em đã được đọc về chuyện đó. Em cũng mừng khi anh li dị vợ." Anh chúi người về phía trước. "Nếu vợ anh là loại phụ nữ có thể lấy Gail

Wynand thì anh quả là may mắn vì đã thoát được cô ta."

Cái giọng nôn nóng quen thuộc - cái giọng đã nói líu ríu các từ với nhau - đã không hề thay đổi khi phát âm những câu trên. Anh phải tin điều này: với cô, chủ đề này chỉ có tầm quan trọng đến vậy thôi.

"Katie, em rất khéo và tốt bụng... nhưng đừng diễn kịch với anh nữa," anh nói và sợ hãi biết rằng đó không phải là một vở kịch. "Thôi đi em ạ... Hãy nói những gì em thực sự nghĩ về anh đi... Nói tất cả... Anh không ngại đâu... Anh muốn nghe hết... Em có hiểu không? Anh sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nếu anh được nghe chúng."

"Tất nhiên rồi, Peter, anh không muốn em bắt đầu kết tội đấy chứ? Việc này quá trẻ con, nếu không em hẳn phải nói là anh quá tự phụ."

"Em đã cảm thấy như thế nào - ngày đó - khi anh không đến - và rồi sau đó nghe tin anh lấy vợ?" Anh không biết bản năng nào đã khiến cho anh, từ chỗ tê liệt lại trở nên thô bạo, như thể đó chỉ là lối thoát duy nhất. "Katie, em đã phải chịu đựng rất nhiều phải không?"

"Vâng, tất nhiên là em đau khổ. Tất cả những người trẻ tuổi trong hoàn cảnh đó đều như vậy. Nhưng sau đó, mọi chuyện có vẻ ngớ ngẩn. Em đã khóc, em đã gào thét những điều khủng khiếp vào mặt chú Ellsworth, và chú ấy đã phải gọi bác sĩ đến cho thuốc giảm đau, và vài tuần sau đó, có một số lần em bị ngất ở trên đường mà không có lý do gì cả - việc này thật đáng hổ thẹn. Em đoán là em trải qua những thứ thông thường mà người ta trải qua trong tình huống này, như kiểu bệnh sởi ấy mà. Tại sao em lại hy vọng là mình sẽ được miễn dịch chứ? - như lời chú Ellsworth đã nói." Keating nghĩ anh đã không biết rằng có một điều còn tồi tệ hơn một hồi ức sống động về nỗi đau: một hồi ức chết. "Và tất nhiên chúng ta biết rằng mọi chuyện xảy ra như thế là tốt nhất cho mỗi người. Em không thể tưởng tượng được việc em sẽ cưới anh."

"Em không thể tưởng tượng nổi điều đó sao, Katie?"

"Tức là, lấy ai cũng vậy thôi. Sẽ chẳng đi đến đâu cả, Peter. Tính khí của em không phù hợp với cuộc sống nội trợ. Cuộc sống ấy quá ích kỷ và hẹp hòi. Tất nhiên là em hiểu anh đang nghĩ gì vào lúc này và em trân trọng nó. Nếu anh có những cảm giác như ân hận thì nó cũng là bình thường của con người thôi, bởi vì anh biết anh đã làm cái việc mà người ta gọi là phụ bạc." Keating nhăn mặt. "Anh thấy những chuyện này nghe ngớ ngẩn thế nào chưa. Nếu anh có ăn năn hối lỗi một chút thì cũng là tự nhiên - một phản ứng bình thường - nhưng chúng ta cần phải nhìn vào nó thật khách qua, chúng ta đều là những người đã trưởng thành, những người có lý trí, không có gì là quá nghiêm trọng cả, chúng ta thực sự không thể dừng được những gì chúng

ta làm, chúng ta đã được lên kế hoạch sẵn như thế rồi, chúng ta chỉ có thể bật công tắc để trải qua kinh nghiệm đó và rồi sống tiếp thôi."

"Katie! Em đâu có phải khuyên nhủ một cô gái hư hỏng nào đó đâu. Em đang nói về bản thân em cơ mà."

"Hai cái đó có thực sự khác biệt nhau không? Mọi người đều có những vấn đề giống nhau, và tình cảm cũng vậy."

Anh thấy cô nhâm nhi một miếng bánh mì kẹp rau, và nhận ra rằng đồ ăn của anh đã được đem đến. Anh di chuyển cái nĩa của anh ở trong bát salad và ép mình cắn một miếng bánh quy nhỏ màu xám. Để rồi anh nhận ra cái cảm giác lạ lùng khi một người bị mất thói quen ăn uống tự động và phải ép mình làm việc đó; miếng bánh quy dường như không thể tiêu hóa nổi; không thể tiếp tục nhai được nữa; anh vẫn cử động hàm răng mà không hề nuốt một ít nào từ cái đống bột nhệu nhạo trong miệng.

"Katie... suốt sáu năm qua... anh luôn nghĩ đến việc xin em tha thứ. Và bây giờ anh đang có cơ hội, nhưng anh sẽ không cầu xin em nữa. Dường như... dường như là việc này không còn ý nghĩa nữa. Anh biết nói ra như thế thật là độc ác, nhưng nó đúng là những gì anh cảm thấy. Đó là việc tồi tệ nhất mà anh đã làm trong cuộc đời mình - nhưng nó tồi tệ không phải bởi vì anh đã làm tổn thương em. Đúng là anh đã làm tổn thương em, Katie ạ, và thậm chí có thể còn nhiều hơn là em nghĩ. Nhưng đó không phải là tội lỗi lớn nhất của anh... Katie, anh đã muốn cưới em. Đó là điều duy nhất anh thực sự muốn. Và đó là tội lỗi mà không bao giờ có thể tha thứ được - cái tội là anh không dám làm điều mà anh muốn. Cảm giác thật là bẩn thỉu, vô nghĩa và kinh khủng, giống như cảm giác mất trí, bởi vì đúng là nó chẳng có nghĩa gì cả, chẳng có giá trị, chẳng có gì ngoài sự đau đớn - và lại là một sự đau đớn uổng phí... Katie, tại sao người ta cứ dạy rằng làm theo những gì chúng ta muốn là quá dễ dàng và xấu xa, và rằng chúng ta cần có kỷ luật để kiềm chế bản thân? Điều khó làm nhất trên quả đất này chính là làm những gì chúng ta muốn. Và nó đòi hỏi lòng dũng cảm lớn lao nhất. Ý anh là đối với những gì chúng ta thực sự muốn. Giống như là anh đã muốn cưới em. Chứ không phải như khi anh muốn ngủ với một người phụ nữ nào đó hoặc muốn say rượu hoặc muốn được lên báo. Những điều này - chúng thậm chí không phải là ham muốn - chúng chỉ là những thứ người ta làm để chạy trốn ham muốn của mình - bởi vì việc thực sự muốn một cái gì đó là một trách nhiệm quá lớn."

"Peter, những gì anh đang nói thật là xấu xa và ích kỷ."

"Có thể lắm. Anh cũng không biết nữa. Anh có nghĩa vụ lúc nào cũng phải nói sự thật với em. Về mọi thứ. Thậm chí ngay cả khi em không đòi hỏi.

Anh buộc phải làm điều đó."

"Vâng. Anh đã làm thế. Đấy đã là một điểm đáng yêu của anh. Anh từng là một cậu bé dễ thương, Peter ạ."

Chính cái bát đựng quả hạnh đào bọc đường ở quầy bàn kia đã làm mình đau - anh nghĩ một cách u uất. Những quả hạnh có màu xanh lá cây và trắng; chúng không được phép có màu xanh và trắng vào thời điểm này trong năm; đó là màu của ngày lễ thánh Patrick[145] - khi đó luôn có những cái kẹo như thế trong cửa kính của tất cả các gian hàng - và ngày lễ thánh Patrick có nghĩa là mùa xuân - không, còn hơn cả mùa xuân, đó là khoảnh khắc chờ đợi tuyệt vời ngay cả trước khi mùa xuân bắt đầu.

"Katie, anh sẽ không nói là anh vẫn còn yêu em. Anh cũng không biết là anh có yêu hay không nữa. Anh chưa bao giờ tự hỏi bản thân mình cả. Bây giờ điều đó cũng chẳng có nghĩa lý gì. Anh nói những điều này không phải vì anh hy vọng một thứ gì hoặc cố thử làm một việc gì hoặc... Anh chỉ biết là anh đã yêu em. Katie, anh đã từng yêu em, dù anh có là gì đi chăng nữa, thậm chí nếu như đây là cách anh phải nói điều đó lần cuối cùng, Katie, anh yêu em."

Cô nhìn anh - và có vẻ như cô đang hài lòng. Không kích động, không hạnh phúc, không nuối tiếc; chỉ là hài lòng the cách thông thường nhất. Anh nghĩ: giá như cô là một bà cô già ế chồng thực sự, hoặc là một người làm công tác xã hội cáu bẳn[146] - như người ta vẫn nghĩ về hai kiểu phụ nữ này, những người khinh bỉ tình dục vì cái đức hạnh kiêu hãnh của họ, thì ít nhất họ cũng còn thừa nhận nó, cho dù là thừa nhận theo cái lối thù địch. Nhưng còn cái này - cái lòng khoan dung dửng dưng này dường như muốn nói rằng sự lãng mạn chỉ là một đặc tính cố hữu của con người, rằng mỗi người đều phải trải qua nó, như tất cả những người khác, đó là một điểm yếu tố phổ biến và vô hại - và vì thế mà cô cảm thấy hài lòng, giống như cô cũng sẽ hài lòng nếu như những lời lẽ trên của anh được phát ra từ miệng bất kỳ người đàn ông nào khác - nó cũng giống như gã Mexico mặc quần đỏ được thêu trên ve áo của cô vậy - nó là sự thỏa hiệp đáng hổ thẹn đối với nhu cầu phù phiếm của con người.

"Katie... Katie, hãy bỏ qua chuyện này nhé - chuyện này cũng chẳng là gì, phải không? Chỉ có quá khứ là quan trọng, đúng không em? Chuyện này chẳng ảnh hưởng đến quá khứ, phải không Katie? Mọi người luôn tiếc nuối vì quá khứ không thể thay đổi được - nhưng anh mừng vì nó như vậy. Chúng ta không thể làm hỏng quá khứ. Chúng ta có thể nghĩ về quá khứ, phải không? Tại sao lại không nên nghĩ về nó nhỉ? Ý anh là, như em đã nói, chúng ta đều là những người đã trưởng thành, chúng ta sẽ không lừa dối bản

thân nữa, không cố gắng hy vọng, mà chỉ là nhìn lại... Em có nhớ cái ngày anh lần đầu tiên đến nhà em ở New York? Trông em thật gầy và nhỏ bé, và tóc em xõa tứ tung. Anh đã nói với em rằng anh sẽ không bao giờ yêu một ai khác. Anh đã ôm em trong lòng, em thật là nhẹ, và anh đã nói với em rằng anh sẽ không bao giờ yêu ai khác. Và em đã nói em biết điều đó."

"Em nhớ."

"Khi chúng ta bên nhau... Katie, anh có thể xấu hổ về nhiều thứ, nhưng không bao giờ xấu hổ về những lúc chúng ta ở bên nhau. Khi anh ngỏ lời cầu hôn em - không, anh chưa bao giờ ngỏ lời cầu hôn em cả - anh chỉ nói chúng ta đính hôn - và em đã đáp lại 'vâng' - đó là khi chúng ta đang ngồi trên một cái ghế ngoài công viên - và tuyết đang rơi..."

"Vâng."

"Khi đó em đeo một đôi găng tay len rất buồn cười. Như là đôi găng đấu quyền Anh vậy. Anh vẫn nhớ - có những hạt nước đọng trên đám lông găng tay - chúng tròn - như những hạt ngọc - và lấp lánh - đó là bởi vì có một chiếc ô-tô đi qua."

"Vâng, em nghĩ là việc thỉnh thoảng nhìn lại quá khứ cũng không sao. Nhưng thế giới quan của mỗi người đều đã mở rộng ra rồi. Tinh thần của mỗi người đều phong phú hơn khi thời gian qua đi."

Anh giữ im lặng một lúc lâu. Cuối cùng anh nói, giọng thẳng băng:

"Anh xin lỗi."

"Tại sao cơ? Anh thật là dịu dàng, Peter. Em luôn nói rằng đàn ông các anh là những người ủy mị."

Anh nghĩ: Đó không phải là một vở kịch - một người không thể diễn kịch được như thế - trừ khi bên trong họ cũng chỉ là một vở kịch, và như thế thì chẳng còn giới hạn nào nữa, chẳng còn lối thoát và chẳng còn thực tại...

Cô tiếp tục nói chuyện với anh, và sau một hồi thì câu chuyện lại quay lại chủ đề Washington. Anh chỉ trả lời những khi cần thiết.

Anh đã từng nghĩ rằng đó chỉ là một chuyển tiếp đơn giản, giữa quá khứ và hiện tại, và nếu một người có những mất mát trong quá khứ thì họ sẽ được bù đắp bởi nỗi đau trong hiện tại, và nỗi đau sẽ biến quá khứ thành bất tử - nhưng anh không biết rằng một người có thể có khả năng tự hủy diệt quá khứ như thế này, có thể giết ngược lại nó - và như thế, với cô, quá khứ ấy chưa bao giờ tồn tại.

Cô liếc nhìn đồng hồ đeo tay và tỏ vẻ bồn chồn.

"Em bị muộn giờ rồi. Em phải đi thôi."

Anh đáp lại một cách nặng nhọc.

"Em không phiền nếu anh không đi cùng em chứ, Katie? Anh không định bất lịch sự. Anh chỉ nghĩ như vậy sẽ tốt hơn."

"Tất nhiên rồi, không sao đâu. Em có thể tự tìm đường được mà, bạn bè cũ thì không cần khách sáo như thế. " Cô trả lời trong lúc cầm túi và găng tay lên; cô vo tròn một tờ giấy ăn và thả nó vào cốc nước trà: "Lần sau qua đây em sẽ gọi điện cho anh biết và chúng ta sẽ lại đi ăn cùng nhau. Mặc dù em không thể hứa trước là bao giờ em sẽ quay lại. Bây giờ em rất bận, em phải đi đến rất nhiều nơi, tháng trước là Detroit, và tuần sau em lại phải bay tới St. Louis, nhưng bất cứ khi nào họ bắt em đi New York thì em sẽ gọi anh. Tạm biệt, Peter, rất vui được gặp anh."

XI.

Gail Wynand nhìn vào mặt gỗ sáng bóng của boong thuyền. Mặt gỗ và cái tay nắm cửa bằng đồng đang phản chiếu ánh mặt trời đỏ rực; chúng đem lại cho ông cảm giác về tất cả mọi thứ xung quanh: một khoảng không rộng lớn tràn ngập ánh mặt trời nằm giữa những vệt lửa lớn cả trên mặt nước và trên bầu trời. Trời đang tháng Hai, và chiếc thuyên buồm nằm im trên mặt biển phía nam Thái Bình dương; động cơ của nó đã được tắt đi.

Ông dựa vào lan can thuyền và nhìn xuống Roark đang ở dưới nước. Roark đang nằm ngửa trên mặt nước, cơ thể anh duỗi thành một đường thẳng, hai tay dang rộng, nhắm mắt. Nước da rám nắng của anh cho thấy anh đã như thế này cả tháng nay. Wynand nghĩ: đây là cách mà ta thích cảm nhận về không gian và thời gian: qua sức mạnh của chiếc thuyền buồm, qua làn da rám nắng của Roark hoặc qua cánh tay trần màu nâu đang vịn vào lan can của chính ta.

Ông không sử dụng đến chiếc thuyền buồm này mấy năm nay. Lần này ông chỉ muốn Roark là vị khách duy nhất. Ông đã để Dominique ở nhà.

Khi đó, Wynand đã nói: "Anh đang tự giết chết mình, Howard. Anh đang làm việc với một cường độ mà không ai có thể chịu lâu được. Nhiều nhất kể từ Monadnock, phải không? Hãy thử xem anh có đủ dũng cảm để làm một việc khó khăn nhất không - là nghỉ ngơi?"

Ông đã kinh ngạc khi Roark chấp nhận lời đề nghị mà chẳng hề tranh cãi. Roark phá lên cười:

"Không phải là tôi đang chạy trốn công việc đâu, nếu như đấy là điều làm ông ngạc nhiên. Tôi biết là khi nào cần dừng - và tôi không thể dừng lại được trừ khi dừng hoàn toàn. Tôi biết là tôi đã làm việc quá sức. Gần đây tôi đã tốn quá nhiều giấy và đã làm toàn những thứ tệ hại."

"Anh mà cũng có thể làm những thứ tồi tệ sao?"

"Thậm chí làm nhiều hơn bất cứ một kiến trúc sư nào khác và lại có ít lý do hơn họ để làm thế. Sự khác biệt duy nhất mà tôi có thể đảm bảo là những thứ rác rưởi của tôi luôn kết thúc trong thùng rác của chính tôi."

"Tôi cảnh cáo anh, chúng ta sẽ đi nghỉ hàng tháng liền. Nếu anh trở nên tiếc rẻ và khóc lóc đòi quay lại bàn vẽ của mình trong vòng một tuần, như tất cả những gã đàn ông không bao giờ biết học cách lười biếng cho tử tế, thì tôi cũng sẽ không đưa anh quay lại. Ở trên thuyền của tôi, tôi sẽ là tên độc tài tồi tệ nhất mà anh từng biết. Anh có thể có mọi thứ, trừ giấy và bút vẽ. Tôi thậm chí không cho phép anh có quyền tự do ngôn luận. Một khi anh bước lên

thuyền thì không còn chuyện xà nhà, kết cấu nhựa hoặc kết cấu gia cố gì hết. Tôi sẽ dạy anh cách ăn, ngủ và tồn tại như một tên triệu phú vô dụng nhất trên đời."

"Tôi sẵn sàng thử sống như thế."

Công việc không yêu cầu Roark phải có mặt ở văn phòng trong vòng vài tháng tới. Những hợp đồng hiện tại đã được hoàn thành. Hai hợp đồng sắp tới sẽ chỉ bắt đầu vào mùa xuân. Anh cũng đã làm xong tất cả các bản vẽ phác mà Keating cần cho dự án Cortlandt. Bây giờ người ta đang sắp sửa bắt đầu thi công. Trước khi họ ra khơi, vào một ngày cuối tháng Mười hai, Roark đi đến nhìn công trường mà người ta sẽ thi công dự án Cortlandt một lần cuối. Như một người khách thăm quan bình thường, vô danh và đôi chút tò mò, anh đứng và nhìn những cái máy xúc cắm sâu vào đất, mở đường để làm móng. Sông Đông như một dải nước rộng màu đen chảy lững lờ; xa hơn nữa, trong mờ mờ tuyết rơi, những tòa tháp của thành phố nhòe đi, trông như một bức tranh màu nước gồm toàn màu xanh và màu tím nhạt.

Dominique không phản đối khi Wynand nói với cô rằng ông muốn dong thuyền đi một chuyến dài ngày với Roark. "Em yêu quý, em biết như thế không phải là chạy trốn khỏi em, đúng không? Anh chỉ cần một khoảng thời gian để xa rời tất cả mọi thứ. Ở cùng với Roark thì cũng giống như anh ở một mình với chính anh, chỉ có điều sẽ thanh thản hơn."

"Tất nhiên rồi Gail. Em không ngại đâu."

Nhưng ông nhìn cô, và bất chợt phá lên cười với vẻ tuyệt đối hài lòng. "Dominique, anh biết là em đang ghen. Thật tuyệt vời, anh càng biết ơn anh ấy nhiều hơn bao giờ hết - vì anh ấy đã làm em ghen."

Cô không thể nói với ông rằng cô đang ghen, mà cũng chẳng thể nói cô đang ghen với ai.

Chiếc thuyền khởi hành vào cuối tháng Mười hai. Roark quan sát và cười toe toét trước sự thất vọng của Wynand khi ông nhận ra ông chẳng cần ép buộc cũng chẳng cần kỷ luật gì với Roark. Roark không hề nói về các tòa nhà; anh chỉ nằm duỗi mình phơi nắng trên boong tàu hàng giờ, và lười biếng như một kẻ lười biếng chuyên nghiệp. Họ nói với nhau rất ít. Có những ngày Wynand không thể nhớ nổi là họ đã nói với nhau những câu nào. Rất có thể là họ chẳng nói gì cả. Cảm giác thanh bình tĩnh tại của cả hai người dường như là phương tiện giao tiếp tốt nhất.

Ngày hôm nay họ đã cùng nhau nhảy xuống nước bơi và Wynand đã leo lên thuyền trước. Khi đứng bên lan can nhìn Roark ở dưới nước, ông nghĩ đến quyền lực mà ông nắm giữ tại thời điểm này: ông có thể ra lệnh cho thuyền khởi động, và rời đi, bỏ cái cá thể có mái tóc đỏ kia lại cho biển cả và

mặt trời. Ý nghĩ đó đem lại cho ông cảm giác khoan khoái: đó là cảm giác về quyền lực và cảm giác đầu hàng trước Roark vì ông biết rằng không có bất cứ quyền lực nào trên đời có thể bắt ông thực hiện hành động kia. Tất cả mọi công cụ đều nằm trong tay ông: chỉ cần thanh quản ông rung lên vài âm thanh ra lệnh và bàn tay của ai đó mở van là cả cỗ máy này sẽ rời đi. Ông nghĩ: Đó không chỉ là vấn đề đạo đức, cũng không phải là sự kinh tởm với hành động đó; người ta có thể chủ động bỏ rơi một con người nếu như số phận của cả một châu lục phụ thuộc vào nó. Nhưng không có gì có thể khiến cho ông bỏ rơi người này. Ông, Gail Wynand, hoàn toàn bất lực trong khoảnh khắc đó, khi ông đứng trên tấm ván gỗ vững chãi của boong thuyền. Còn Roark - anh đang trôi nổi ngoài kia như một miếng ván trôi - lại có quyền lực lớn hơn cả cỗ máy đang nằm dưới thân chiếc thuyền này. Wynand nghĩ: Bởi vì đó là thứ quyền lực đã sản sinh ra cỗ máy này.

Roark đã trèo lên thuyền; Wynand nhìn vào cơ thể của Roark, từng dòng nước chảy dọc theo những góc cạnh của cơ thể anh. Ông nói:

"Anh đã mắc một tội lỗi khi thiết kế Đền Stoddard, Howard. Bức tượng đó lẽ ra phải là anh, chứ không phải là tượng Dominique."

"Không. Tôi quá yêu bản thân để có thể làm công việc đó."

"Yêu bản thân? Một kẻ yêu bản thân hẳn phải thích được tạc tượng như thế. Anh thật là lạ trong việc sử dụng từ ngữ."

"Tôi sử dụng từ ngữ hoàn toàn chính xác. Tôi không thích mình trở thành biểu tượng của bất cứ cái gì cả. Tôi chỉ là chính tôi."

*

**

Gail Wynand ngả người trên một chiếc ghế. Ông ngước nhìn lên cái đèn lồng với vẻ hài lòng. Cái đèn lồng có hình đĩa, làm bằng kính mờ, treo trên thành tàu phía sau lưng ông: nó phá tan khoảng không đen thẳm của đại dương và đem lại cho ông một thế giới riêng trong vùng sáng của ánh đèn. Ông nghe thấy tiếng con thuyền dịch chuyển trên sóng, ông cảm thấy bầu không khí ấm áp của đêm đang mơn man trên mặt; ông không nhìn thấy gì khác ngoài những đường viền boong tàu bao quanh ông, khép kín và cố định.

Roark đứng đằng trước ông ở bên lan can; một bóng cao trắng đang dựa lưng vào khoảng tối đằng sau, mặt anh hướng lên trên giống như Wynand đã nhìn thấy anh ngước lên nhìn một tòa nhà chưa hoàn thiện. Hai bàn tay của anh nắm vào lan can. Ống tay của chiếc áo sơ mi cộc làm cho cánh tay trần của Roark lộ ra trong ánh đèn; những vệt tối thẳng đứng càng làm nổi lên bắp cơ rắn chắc của cánh tay và những sợi gân trên cổ anh. Wynand nghĩ về

động cơ của chiếc thuyền, về những ngôi nhà chọc trời, về những sợi dây cáp xuyên đại dương, về tất cả những gì con người đã làm ra.

"Howard, đây là những gì tôi muốn. Được có anh ở đây với tôi."

"Tôi biết."

"Anh có biết thực sự nó là gì không? Lòng tham. Tôi luôn khổ sở vì hai thứ trên quả đất này: anh và Dominique. Tôi là một triệu phú và chẳng sở hữu được cái gì cả. Anh có nhớ những gì anh nói về sự sở hữu không? Tôi như một người nguyên thủy khám phá ra khái niệm tài sản cá nhân và trở nên phát điên vì tài sản. Thật buồn cười. Hãy nghĩ đến Ellsworth Toohey xem."

"Tại sao lại Ellsworth Toohey?"

"Ý của tôi là, những gì ông ta thuyết giáo, gần đây tôi tự hỏi là liệu ông ta có thực sự hiểu những gì ông ấy nói không. Không vị kỷ theo nghĩa tuyệt đối ư? Thì tôi chính là như thế. Liệu Toohey có biết rằng tôi chính là hiện thân cho lý tưởng của ông ta? Tất nhiên là Toohey không bao giờ chấp nhận động cơ của tôi, nhưng động cơ không bao giờ làm thay đổi thực tế. Nếu đúng là ông ta đang theo đuổi sự không vị kỷ theo nghĩa triết học - và Toohey là một nhà triết học - tức là theo cái nghĩa cao hơn rất nhiều so với những thứ vật chất tiền bạc, thì đây này, hãy để ông ta nhìn vào tôi. Tôi chưa bao giờ sở hữu một cái gì cả. Tôi chưa bao giờ muốn một cái gì cả. Tôi không hề quan tâm tới bất cứ thứ vật chất nào - Toohey cũng chỉ mơ đến thế này là cùng. Tôi tự biến mình thành một cái máy đo khí áp, và hoàn toàn thay đổi theo áp lực của cả thế giới. Tiếng nói của đám đông quần chúng của ông ta đẩy tôi lên xuống. Tất nhiên, trong quá trình đó tôi cũng kiếm được cả một gia tài. Nhưng liệu nó có làm thay đổi thực chất của cả bức tranh? Giả sử như tôi cho đi tất cả những đồng tiền tôi có. Giả sử tôi không lấy bất cứ đồng tiền nào, mà từ lúc đầu đã chỉ mong muốn tận tâm trở thành một người quên mình phục vụ công chúng. Khi đó tôi sẽ phải làm gì nào? Cũng vẫn chính là những gì tôi đã làm. Đem lại sự thỏa mãn lớn nhất cho nhiều người nhất. Thể hiện quan điểm, khát vọng, và thị hiếu của số đông. Đó là đám đông đã tự do ủng hộ tôi bằng cách trả ba xu để mua báo của tôi vào mỗi buổi sáng. Những tờ báo của Wynand ư? Suốt ba mươi mốt năm qua chúng đã đại diện cho tất cả mọi người trừ Gail Wynand. Tôi đã xóa bỏ cái tôi của mình theo một cách mà không có một vị thánh nào làm được. Nhưng mọi người vẫn gọi tôi là đồ đê tiện. Tại sao vậy? Các vị thánh trong nhà thờ chỉ hy sinh những gì thuộc về vật chất. Đấy là một cái giá quá rẻ để mua được vinh quang cho linh hồn của họ. Họ giữ khư khư linh hồn của mình và từ bỏ cả thế giới. Còn tôi - tôi giữ lại những cái ô-tô, những bộ pyjama bằng lụa, một ngôi nhà, và đổi lại tôi đã cho đi linh hồn của mình. Như vậy ai là người phải

hy sinh nhiều hơn - nếu hy sinh là phép thử của đức hạnh? Ai mới đích thực là thánh?"

"Gail... tôi đã không nghĩ là ông có thể thừa nhận điều đó với chính mình."

"Tại sao lại không? Tôi biết việc tôi đang làm. Tôi đã muốn có quyền lực đối với linh hồn của đám đông và tôi đã có được nó. Một linh hồn tập thể. Đó là một khái niệm rối rắm, nhưng nếu có ai đó muốn minh họa nó bằng hình ảnh cụ thể thì hãy để cho người đó cầm một *Ngọn cờ New York* lên."

"Phải..."

"Tất nhiên là Toohey sẽ nói với tôi rằng đây không phải là sự vị tha mà ông ta muốn đề cập tới. Ý của ông ta là tôi không nên để cho công chúng quyết định việc họ muốn gì, mà tôi phải tự quyết định điều đó. Tôi cần phải quyết định, không phải những gì tôi thích, cũng không phải những gì công chúng thích, mà là những gì họ nên thích và sau đó thì nhồi những cái đó vào họng họ. Sẽ phải nhồi nhét, bởi vì nếu để họ tự lựa chọn, họ sẽ chọn tờ *Ngọn cờ*. Chà, thế giới ngày nay có rất nhiều những kẻ vị tha theo kiểu như vậy."

"Ông nhận ra điều đó?"

"Tất nhiên rồi. Người ta có thể làm gì khác đây nếu như họ phải phục vụ đám đông? Nếu họ phải sống vì những người khác? Hoặc là chạy theo mong muốn của đám đông và bị coi là đê tiện; hoặc là áp đặt ý kiến của bản thân lên mọi người nhân danh lợi ích của họ. Anh có thể nghĩ ra cách gì khác không?"

"Không."

"Như vậy thì còn lại cái gì? Sự tử tế bắt đầu từ đâu? Cái gì sẽ nảy sinh ở chỗ mà lòng vị tha chấm dứt? Anh đã thấy cái mà tôi say mê chưa?"

"Rồi, Gail."

Wynand thấy có vẻ miễn cưỡng gần như là buồn bã trong giọng nói của Roark.

"Có chuyện gì vậy? Sao giọng anh lại như thế?"

"Tôi xin lỗi. Hãy tha lỗi cho tôi. Chỉ là tôi đang nghĩ tới một điều. Tôi đã nghĩ về nó khá lâu rồi. Nhất là khi ông bắt tôi nằm trên boong thuyền và lười biếng suốt những ngày qua."

"Nghĩ về tôi?"

"Về ông, và về nhiều điều khác."

"Anh đã kết luận như thế nào?"

"Tôi không phải là một kẻ vị tha, Gail. Tôi không kết luận hộ người khác."

"Anh không phải lo lắng vì tôi đâu. Tôi đã bán đứng bản thân tôi, nhưng tôi không hề ảo tưởng về điều đó. Tôi chưa bao giờ biến thành Alvah Scarret. Anh ta thực sự tin vào bất cứ những gì công chúng tin. Tôi thì coi thường công chúng. Đó là sự bào chữa duy nhất của tôi. Tôi đã bán đi cuộc sống của tôi, nhưng tôi bán được với giá hời. Đó là quyền lực. Tôi chưa bao giờ sử dụng nó. Tôi đã không cho phép mình được có bất cứ ham muốn cá nhân nào. Nhưng bây giờ tôi tự do. Tôi có thể sử dụng quyền lực đó cho những gì tôi muốn. Cho những gì tôi tin. Cho Dominique. Cho anh."

Roark quay mặt đi. Khi anh quay lại về phía Wynand, anh chỉ nói ngắn gọn:

"Tôi hy vọng thế, Gail."

"Vậy anh đã nghĩ về cái gì trong suốt mấy tuần vừa qua?"

"Cái nguyên tắc của ông Trường khoa, người đã đuổi tôi khỏi trường Stanton ngày trước."

"Nguyên tắc gì?"

"Đó là thứ đang hủy hoại thế giới này. Đó cũng là điều mà ông vừa nói. Sự không vị kỷ thực sự."

"Có phải cái lý tưởng mà người ta cho là không tồn tại?"

"Họ đã nhầm. Lý tưởng đó có tồn tại - mặc dù không theo cách mà họ nghĩ. Đó là điều mà trong suốt một thời gian dài tôi không thể hiểu được về con người. Họ không có cái tôi. Họ sống trong những người khác. Họ sống cuộc sống thứ sinh[147]. Hãy nhìn vào Peter Keating xem."

"Anh đi mà nhìn. Tôi ghét bộ dạng của anh ta."

"Tôi đã nghĩ về Keating - về những gì còn lại của anh ta - và nó đã giúp tôi hiểu ra. Anh ta đang phải trả giá và anh ta băn khoăn không hiểu anh ta phải trả giá vì tội lỗi gì; anh ta tự nhủ hẳn là vì anh ta đã sống vì bản thân mình quá nhiều. Nhưng liệu có hành động hoặc suy nghĩ nào của anh ta lại tồn tại cái "bản thân" đó không? Mục đích của anh ta trong cuộc sống là gì? Sự vĩ đại - dưới con mắt của những người khác. Là danh vọng, sự ngưỡng mộ và đố kỵ - tất cả đều đến từ những người khác. Chính những người khác đã khống chế niềm tin của anh ta, một niềm tin mà Keating chưa bao giờ có, nhưng anh ta thỏa mãn vì mọi người tin rằng anh ta có niềm tin như thế. Những người khác chính là động cơ, là mối quan tâm chính của anh ta. Anh ta không muốn trở thành vĩ đại, mà chỉ muốn được mọi người cho là vĩ đại.

Anh ta không muốn tự xây dựng mà chỉ muốn được ngưỡng mộ như một người xây dựng. Anh ta vay mượn của người này để tạo ấn tượng với người kia. Đó chính là sự không vị kỷ đích thực nhất mà ông vừa nói. Anh ta đã phản bội và từ bỏ chính cái tôi của mình. Và mọi người vẫn gọi anh ta là kẻ ích kỷ."

"Đó cũng là cái cách nghĩ của hầu hết mọi người."

"Vâng! Và đó không phải là nguồn gốc của mọi hành động đê tiện hay sao? Không phải sự ích kỷ, mà chính xác là sự vắng mặt của cái "kỷ" đó. Hãy nhìn vào họ. Kẻ luôn lừa dối nhưng vẫn giữ được vẻ bề ngoài đáng kính trọng. Anh ta tự biết rằng mình không trung thực, nhưng người khác lại nghĩ là anh ta trung thực và điều đó đem lại cho anh ta lòng tự trọng - một thứ tự trọng thứ sinh. Kẻ luôn nhận những thành tựu không phải của mình. Anh ta biết rằng anh ta chỉ là một kẻ tầm thường, nhưng anh ta lại thật vĩ đại trong mắt của mọi người. Một kẻ hèn hạ bày tỏ tình thương đối với những người còn nghèo kém hơn, và bám chặt lấy họ để tự tạo cho mình một chỗ đứng cao hơn trong phép so sánh đó. Còn đối với những người mà mục đích duy nhất là kiếm tiền. Nào, tôi không thấy có gì xấu xa trong khát vọng kiếm tiền cả. Nhưng tiền chỉ là một phương tiện để đi đến một cái đích. Nếu một người cần tiền cho những mục đích riêng của họ - để đầu tư cho công việc, để sáng tạo, để học tập, để đi du lịch, để hưởng thụ cuộc sống giàu có - thì người đó hoàn toàn có đạo đức. Nhưng những người đặt đồng tiền lên trên hết thường đi xa hơn thế nhiều. Cuộc sống xa hoa chỉ là một phần thôi. Điều họ muốn là sự phô trương: họ muốn khoe khoang, muốn làm kinh ngạc, muốn giải trí, và muốn tạo ấn tượng cho mọi người. Họ chỉ là những người sống thứ sinh. Hãy nhìn vào cái gọi là những thành tựu văn hóa của chúng ta. Một diễn giả phun ra những thứ chắp vá, vay mượn và vô nghĩa đối với ông ta - và những người đang nghe ông ta nói cũng chẳng coi những thứ ấy ra gì nhưng họ vẫn ngồi đó chỉ để có thể khoe với bạn bè rằng họ đã dự một bài giảng của một người nổi tiếng. Tất cả bọn họ đều là những người sống thứ sinh mà thôi."

"Nếu tôi là Ellsworth Toohey, tôi sẽ nói: Như thế chẳng hóa ra anh đang lập luận chống lại sự ích kỷ à? Chẳng phải là tất cả bọn họ đều ứng xử dựa trên động cơ ích kỷ của họ sao - đó là để được chú ý, được yêu thích và được ngưỡng mộ?"

" - bởi những người khác. Và họ làm thế với cái giá là hy sinh sự tự tôn của chính họ. Và hy sinh ở những chỗ quan trọng nhất - ở các giá trị, ở khả năng đánh giá, ở tinh thần và tư duy - họ đều đặt những người khác lên trên bản thân họ, theo đúng cái cách mà sự không ích kỷ đòi hỏi. Một kẻ thực sự ích kỷ sẽ không bao giờ để sự chấp thuận của người khác ảnh hưởng tới mình. Anh ta không cần điều đó."

"Tôi nghĩ là Toohey hiểu được điều này. Đó chính là cái cách giúp cho ông ta tuyên truyền được những ý tưởng nhảm nhí của mình. Toàn là yếu kém và hèn nhát. Chạy theo người khác thì quá dễ. Còn đứng độc lập một mình lại không dễ chút nào. Anh có thể đóng vai đạo đức giả trước một đám khán giả. Nhưng anh không thể tự lừa dối mình được. Cái tôi của anh chính là viên thẩm phán nghiêm khắc nhất. Nhưng họ thì chạy trốn khỏi cái tôi. Họ sống cả một đời lúc nào cũng chạy trốn. Họ đóng góp vài nghìn cho quĩ từ thiện và do vậy nghĩ mình cũng cao quý - thực ra việc đó quá dễ so với việc đánh giá lòng tự trọng dựa trên những tiêu chuẩn riêng về những thành tựu của cá nhân mình. Người ta có thể đi tìm những vật thế chỗ cho năng lực làm việc - toàn những vật thế chỗ dễ dãi: nào là tình yêu, sự quyến rũ, lòng tốt và công việc từ thiện. Nhưng không có cái gì có thể thực sự thay thế được cho năng lực."

"Đó chính là điểm nguy hiểm nhất ở những kẻ sống thứ sinh. Họ không quan tâm đến các sự kiện, ý tưởng và công việc. Họ chỉ để ý đến mọi người. Họ không hỏi: 'Cái này có đúng không?' Mà họ hỏi: 'Cái này có phải là cái mà mọi người cho là đúng?' Họ không phán xét, mà chỉ lặp lại. Không lao động, mà chỉ ra vẻ lao động. Không sáng tạo, mà chỉ khoe khoang. Không có khả năng, mà chỉ có quan hệ. Không có phẩm chất, mà chỉ có thế lực. Thế giới sẽ ra sao nếu thiếu những người có thể làm việc, nghĩ, lao động và sản xuất ra của cải vật chất? Họ chính là những người sống vì bản thân. Anh không nghĩ bằng bộ óc của người khác, và anh không lao động bằng đôi tay của kẻ hác. Khi anh ngừng khả năng phán xét độc lập, cũng là lúc anh ngừng nhận thức. Ngừng nhận thức cũng có nghĩa là ngừng sống. Những kẻ sống thứ sinh thì không biết thế nào là thực tại. Thực tại không ở bên trong con người họ, mà ở đâu đó trong cái khoảng không ngăn cách cơ thể người này với cơ thể khác. Thực tại không phải là một thực thể, mà là một quan hệ - và không được neo chắc vào bất cứ cái gì. Đó chính là sự trống rỗng mà tôi không thể hiểu nổi. Đó cũng là cái đã khiến cho tôi dừng lại mỗi khi tôi phải đối mặt với một hội đồng. Toàn những người không có cái tôi. Những ý kiến được phát biểu mà không trải qua quá trình suy nghĩ. Những chuyển động không có phanh hoặc không có động cơ. Những quyền lực không đi đôi với trách nhiệm. Những kẻ sống thứ sinh đó cũng hành động, nhưng động cơ của những hành động đó thì nằm rải rác ở tất cả mọi người. Nó có ở tất cả mọi nơi và không ở nơi nào cả, và anh không thể nào nói chuyện lý lẽ với những kẻ đó. Họ không chấp nhận lý lẽ. Anh không thể tranh luận với họ, và họ không thể nghe thấy gì cả. Anh bị đấu tố bởi một bồi thẩm đoàn vô hình. Một đám đông mù quáng đang chạy như điên và nghiến nát anh mà không có lý do hay mục đích gì. Steve Mallory đã không thể định nghĩa được con quái vật này, nhưng anh ấy biết. Đấy chính là con quái vật râu xanh mà anh

ấy sợ. Những kẻ sống thứ sinh."

"Tôi nghĩ những người thứ sinh theo định nghĩa của anh biết điều này, mặc dù bọn họ cố gắng không thừa nhận với bản thân. Thử để ý việc họ có thể chấp nhận mọi thứ trừ một người dám đứng độc lập. Họ sẽ ngay lập tức nhận ra anh ta. Nhờ bản năng. Họ có một lòng căm ghét đặc biệt, âm thầm đối với người đó. Họ có thể tha thứ cho bọn tội phạm. Họ ngưỡng mộ những kẻ độc tài. Tội phạm và bạo lực luôn đi đôi với nhau. Một dạng phụ thuộc lẫn nhau. Họ cần có những ràng buộc kiểu như thế. Họ cần phải áp đặt cái tính cách ti tiện nhỏ nhen của bản thân lên tất cả những người mà họ gặp. Trong khi đó, con người độc lập kia sẽ hủy diệt họ - bởi vì họ không tồn tại ở bên trong anh ta; mà tồn tại trong người khác lại là cách tồn tại duy nhất mà họ biết. Hãy để ý tới sự phẫn nộ đầy ác ý của họ nhằm chống lại bất cứ ý tưởng độc lập nào. Hãy để ý tới những đối xử ác độc của họ nhằm vào một người sống độc lập. Hãy nhìn lại cuộc đời anh xem, Howard, và nhìn vào những người mà anh đã gặp. Họ biết đấy. Họ sợ hãi. Anh là nỗi nhục của họ."

"Đó là bởi vì bên trong họ vẫn còn một chút phẩm giá. Họ vẫn là người. Nhưng họ được dạy cách đi tìm bản thân họ trong những người khác. Nhưng không ai có thể đạt tới sự khiêm tốn tuyệt đối mà lại không trải qua sự tự tin. Bởi vì nếu như thế thì nhưng đó không thể tồn tại được. Do vậy, sau hàng thế kỷ bị nhồi nhét với cái lý thuyết coi việc sống vì người khác là thứ lý tưởng tối cao, loài người đã chấp nhận nó theo một cách duy nhất có thể. Đó là bằng cách tìm kiếm lòng tự trọng qua người khác. Bằng cách sống cuộc đời thứ sinh. Và điều đó đã mở đường cho đủ thứ rùng rợn khác. Nó đã trở thành một biến dạng khủng khiếp nhất của tính ích kỷ mà ngay cả một người thực sự ích kỷ cũng không thể hiểu nổi. Và giờ đây, để cứu rỗi một thế giới đang bị diệt vong vì cái chủ nghĩa sống vì người khác, người ta lại đòi hỏi chúng ta bỏ đi cái tôi của mình. Hãy nghe về những điều luôn được rao giảng ngày nay. Hãy nhìn vào tất cả mọi người ở xung quanh chúng ta. Anh sẽ tự hỏi tại sao họ phải khổ đau như vậy, tại sao họ cứ đi tìm hạnh phúc và không bao giờ tìm thấy nó. Nếu ai cũng dừng lại và tự hỏi bản thân rằng liệu anh ta đã từng có một khát vọng nào thực sự là của riêng mình thì người đó sẽ tìm được câu trả lời. Anh ta sẽ thấy rằng tất cả những mong ước, những nỗ lực, những giấc mơ và tham vọng của anh ta đều do những người khác tạo nên. Anh ta thậm chí không hề vật lộn để có được sự giàu có vật chất, mà anh ta vật lộn vì một thứ ảo ảnh của kẻ sống thứ sinh - đó là danh vọng. Anh ta vật lộn để có con dấu chấp thuận của người khác, chứ không phải của chính anh ta. Anh ta không thể tìm được niềm vui trong sự vật lộn đó, và cũng không có niềm vui khi anh ta thành công. Anh ta không thể nói như thế này về bất cứ điều gì: 'Đây là cái tôi muốn bởi vì *Tôi* muốn nó, chứ không

phải là vì nó khiến cho những người xung quanh há hốc miệng nhìn tôi.' Thế mà anh ta vẫn băn khoăn tại sao anh ta không hạnh phúc. Mọi dạng thức của hạnh phúc đều có tính cá nhân. Những khoảnh khắc lớn nhất của mỗi chúng ta đều là khoảnh khắc riêng tư, đều là tự giác, và không thể để kẻ khác chạm vào. Những gì quý giá và thiêng liêng chính là những thứ mà chúng ta không muốn chung chạ với ai. Nhưng bây giờ chúng ta lại được dạy phải ném tất cả những gì ta có ra chỗ công khai cho mọi người mổ xẻ. Chúng ta được dạy phải đi tìm niềm vui ở những tiền sảnh đông người. Ý tôi là chúng ta không có dù chỉ là một từ để đặt tên cho trạng thái tự-thấy-tràn-đầy, tự-thỏa-mãn trong đời sống tinh thần của con người. Khó có thể gọi nó là sự ích kỷ hay sự vị kỷ - những từ này đã bị bóp méo rồi, chúng được dùng để miêu tả Peter Keating. Gail, tôi nghĩ rằng điều xấu xa lớn nhất trên quả đất này chính là việc đặt mối quan tâm cơ bản nhất của mình vào người khác. Tôi đã luôn luôn đòi hỏi những người tôi thích phải có một phẩm chất nhất định. Tôi đã luôn nhận ra nó ngay lập tức - và đó là phẩm chất duy nhất mà tôi trân trọng ở con người. Tôi chọn bạn bè theo cách đó. Và bây giờ tôi đã biết đó là gì. Một cái tôi tự thỏa mãn[148]. Tất cả những thứ khác đều không quan trọng."

"Tôi mừng là anh thú nhận anh có bạn bè."

"Thậm chí tôi còn thú nhận là tôi yêu quý họ. Nhưng tôi không thể yêu họ nếu họ là mục đích sống cơ bản nhất của tôi. Ông có để ý thấy Peter Keating không còn sót lại một người bạn nào không? Ông có biết tại sao không? Nếu một người không thể tôn trọng bản thân mình thì người đó không thể yêu hay tôn trọng người khác được."

"Quỷ tha ma bắt cái gã Peter Keating đó đi. Tôi đang nghĩ về anh - và bạn bè của anh."

Roark mỉm cười.

"Gail, nếu chiếc thuyền này chìm thì tôi sẵn sàng hy sinh đời tôi để cứu ông. Không phải vì đó là bổn phận. Chỉ bởi vì tôi thích ông, theo những lý do và tiêu chuẩn của riêng tôi. Tôi có thể chết vì ông. Nhưng tôi không thể và cũng không bao giờ sống vì ông được."

"Howard, những lý do và tiêu chuẩn nào vậy?"

Roark nhìn Wynand và nhận ra rằng anh đã nói tất cả những gì mà anh đã cố không nói với ông. Anh trả lời:

"Đó là vì ông không sinh ra để sống như một kẻ thứ sinh."

Wynand mỉm cười. Ông nghe thấy câu đó - và không gì nữa.

Sau đó, khi Wynand quay trở lại cabin, Roark vẫn ở lại một mình trên boong thuyền. Anh đứng tựa vào lan can nhìn ra biển nhưng không tập trung

vào một cái gì cả.

Anh nghĩ: Ta còn chưa nói với ông ấy biết về loại người sống thứ sinh tồi tệ nhất trên đời - đó là những kẻ chạy theo quyền lực.

XII.

Trời sang tháng tư khi Roark và Wynand trở về New York. Những tòa nhà chọc trời có màu hồng nhạt trên nền trời xanh, trông như người ta khảm sứ lên những vỉa đá lớn. Cây trên phố đã bắt đầu nảy mầm xanh.

Roark trở lại văn phòng của anh. Khi bắt tay với các nhân viên của mình, anh phát hiện ra họ đều cố nén một nụ cười, cho đến khi một anh chàng trẻ tuổi không kìm được đã buột miệng: "Khỉ thật! Tại sao chúng tôi không thể nói rằng chúng tôi vui như điên khi ông quay về hả sếp?" Roark phá lên cười. "Cứ nói đi. Tôi cũng vui như điên khi trở lại." Sau đó anh ngồi lên một chiếc bàn ở trong phòng vẽ trong khi lần lượt từng người một báo cáo lại cho anh công việc trong vòng ba tháng qua. Tay anh mân mê một cái thước mà anh không hề ý thức được việc đó, giống như một người nông dân được chạm vào đất, được cảm thấy nó dưới những ngón tay của mình sau một thời gian dài vắng mặt.

Buổi chiều, khi còn một mình trong phòng, anh mở một tờ báo ra đọc. Anh đã không đọc báo trong suốt ba tháng qua. Anh để ý tới một bài viết về việc xây dựng khu chung cư Cortlandt. Anh nhìn thấy dòng chữ: "Peter Keating, kiến trúc sư. Gordon L. Prescott và Augustus Webb, trợ lý thiết kế."

Anh ngồi hoàn toàn bất động.

Buổi tối hôm đó anh đi đến công trường Cortlandt.

Tòa nhà thứ nhất đã gần như hoàn thành. Nó đứng trơ trọi giữa một khu đất rộng. Công nhân đã về sau giờ làm việc, chỉ có một bóng đèn nhỏ ở trong lán của người trực đêm. Tòa nhà có bộ khung do Roark thiết kế, nhưng bên trên cái bộ khung xương đối xứng tuyệt vời đó đã mọc thêm mười loại biến thể của nó. Anh thấy tính tiết kiệm không gian trong cách thiết kế mặt bằng của anh được người ta giữ nguyên, nhưng bù lại người ta đã thêm vào đó những họa tiết và đường nét không thể hiểu nổi. Sự phong phú đa dạng của những khối nhà được mô hình hóa đã biến mất và thay vào đó là sự đơn điệu của những khối lập phương thô kệch. Người ta đã thêm vào một cánh nhà mới với mái vòm tròn nhô ra khỏi bức tường như một khối u, trong cánh nhà đó có một nhà thể dục thể thao. Một chuỗi những ban công được dựng lên, chúng được làm từ những dải thép xoắn được sơn màu xanh chói. Người ta thêm vào những cái cửa sổ chẳng có mục đích gì, những góc nhà bị vạt chéo để trổ thêm những cửa ra vào vô tác dụng, những mái hiên tròn bằng sắt có một cột đỡ cắm xuống đất – giống như một cửa hàng bán đồ lót cho đàn ông trong khu Broadway, ba dải tường bằng gạch nằm lơ lửng trong không khí, một phong cách chung chung mà dân trong nghề thường gọi là "Xóm liều

hiện đại”[149], một tấm phù điêu lớn treo phía trên cửa ra vào chính – nó chạm một mớ cơ bắp thuộc về ba bốn cơ thể người, một trong số họ giơ một cánh tay lên, bàn tay đang cầm một cái tuốc-nơ-vít.

Có những dấu chữ thập trắng ở trên kính của những ô cửa sổ mới lắp, và trông chúng phù hợp với quang cảnh chung, như thể cả công trình là một sai lầm lớn và đã được đánh dấu để xóa sổ khỏi sự tồn tại[150]. Bầu trời đằng Tây ở phía trên Manhattan đỏ ối, và những tòa nhà của thành phố vươn lên, đen sì và thẳng đứng trên nền đỏ đó.

Roark đứng ở phía bên kia của con đường sẽ được xây dựng ngay trước khu nhà đầu tiên của chung cư Cortlandt. Anh đứng thẳng, những cơ bắp ở cổ họng anh căng ra, hai cổ tay buông thõng và không chạm vào cơ thể, cứ như thể anh đang đứng trước một hàng lính hành quyết tử tù.

*

* *

Không ai biết mọi việc đã xảy ra như thế nào. Không hề có một ý định chủ động nào đằng sau nó. Nó chỉ cứ thể xảy ra.

Đầu tiên, vào một buổi sáng, Toohey đã bảo với Keating rằng Gordon L. Prescott và Gus Webb sẽ được đưa vào dự án với tư cách là trợ lý thiết kế. “Tại sao anh phải quan tâm đến chuyện này hả Peter? Tiền công của anh không hề bị cắt. Uy tín của anh cũng chẳng hề bị giảm, bởi vì anh vẫn là ông chủ. Họ sẽ chỉ như những thợ vẽ giúp việc cho anh. Tôi chẳng có mục đích nào khác ngoài việc giúp đỡ mấy anh bạn đó một chút. Họ sẽ có thêm chút tiếng tăm nếu được dính líu tới dự án này. Tôi rất quan tâm tới việc gây dựng danh tiếng cho họ.”

“Nhưng để làm gì? Làm gì có gì cho họ làm? Tất cả đều đã hoàn thành.”

“Ồ, thì bất cứ cái gì còn phải vẽ nốt cho xong. Điều đó sẽ giúp cho nhân viên của anh tiết kiệm được thời gian. Anh có thể chia sẻ chi phí với họ mà. Đừng có tham lam như vậy.”

Toohey đã nói thật, ông không có mục đích gì khác.

Keating không thể tìm ra Prescott và Webb có những mối quan hệ nào, với ai và ở cơ quan nào, với điều kiện gì – trong số hàng tá các quan chức có dính dáng đến dự án. Sự phân công trách nhiệm trong dự án lằng nhằng rắm rối đến mức không ai có thể chắc chắn được về vai trò của bất cứ ai khác. Chỉ có thể chắc chắn là Prescott và Webb có những người bạn, và Keating không thể từ chối họ được.

Sự thay đổi bắt đầu từ nhà thể dục thể thao. Quý bà chịu trách nhiệm lựa

chọn người thuê nhà đòi hỏi phải có nhà thể dục thể thao. Bà là người làm công tác xã hội, và vai trò của bà sẽ chấm dứt khi dự án khánh thành. Bà đã kiếm được việc làm dài hạn như được bổ nhiệm làm giám đốc phụ trách các hoạt động giải trí xã hội cho Cortlandt. Trong bản thiết kế ban đầu không có nhà thể dục thể thao nào cả, chỉ có hai trường học và một trung tâm Y.M.C.A.[151] ở gần đó. Bà ta tuyên bố rằng điều này thể hiện sự kỳ thị đối với con cái các gia đình nghèo, do vậy, Prescott và Webb đã đứng ra thiết kế nhà thể dục thể thao đó. Rồi những thay đổi khác cứ theo nhau sinh ra, chủ yếu là về mặt trang trí. Những gì phát sinh mà làm tăng chi phí xây dựng đều được cẩn thận tính toán để tiết kiệm tiền. Bà giám đốc phụ trách giải trí xã hội này đã đến Washington để thảo luận về việc xây dựng thêm một nhà hát nhỏ và một phòng họp mà bà muốn xây ở hai tòa nhà tiếp theo của Cortlandt.

Những thay đổi trong bản vẽ xuất hiện từ từ, mỗi lần vài thay đổi. Những người khác đều đồng ý với những thay đổi mà ban chỉ đạo dự án đưa xuống. Chỉ có Keating là phản đối. “Nhưng chúng ta đã sẵn sàng khởi công!” – anh kêu lên. “Thì ảnh hưởng quái gì?”, Gus Webb lè nhè, “cứ tiết kiệm được cho họ vài nghìn là xong thôi.”

“Nào, về chuyện những cái ban công”, Gordon L. Prescott nói, “họ muốn có một phong cách hiện đại. Chả ai muốn nhìn cái của nợ ấy trơ trụi như thế cả. Trông phát ốm. Hơn nữa anh không hiểu tâm lý học. Những người sẽ sống ở đây đều quen với việc ngồi ở ngoài trời, ngay trên đường thoát hỏa[152]. Họ thích chúng. Họ sẽ nhớ chúng. Anh phải cho họ một chỗ để ngồi hưởng không khí trong lành chứ... Còn chi phí? Quỷ tha ma bắt, nếu anh quá lo lắng về chi phí thì tôi đã nghĩ ra một cách để cắt giảm đáng kể chi phí. Chúng ta sẽ bỏ các cửa closet[153] đi. Tại sao closet lại cần cửa chứ? Như thế là lạc hậu rồi.” Và thế là tất cả các cửa closet đều bị loại bỏ ra khỏi bản thiết kế.

Keating đã chiến đấu. Đó là một kiểu chiến trường mà anh chưa từng bước chân vào, nhưng anh cũng đã cố gắng bằng mọi cách có thể, bằng mọi giới hạn trong sức mạnh đã kiệt quệ của anh. Keating đi từ văn phòng này sang văn phòng kia, tranh luận, đe dọa và cầu xin. Nhưng anh chẳng có ảnh hưởng gì cả, trong khi những trợ lý thiết kế của anh lại có vẻ như đang kiểm soát một dòng nước ngầm với các mạch nước tỏa đi khắp nơi. Những người có trách nhiệm đều lắc đầu từ chối và chuyển anh đến người khác. Không ai quan tâm đến vấn đề thẩm mỹ. “Có khác gì cơ chứ?” “Anh không phải bỏ tiền túi của anh ra, phải không nào?” “Anh là cái gì mà cứ muốn mọi thứ theo ý mình? Hãy để cho những người kia đóng góp một cái gì đó chứ.”

Anh cầu cứu Ellsworth Toohey nhưng Toohey không để ý. Ông đang bận việc khác và không muốn gây ra một vụ cãi lộn trong giới quan chức văn

phòng. Thực sự mà nói, ông đã không hề gợi ý những người được ông bảo trợ về chuyện thay đổi trang trí tòa nhà, nhưng ông cũng thấy không cần thiết phải ngăn cản họ. Toàn bộ sự việc khiến cho ông buồn cười. "Nhưng nó thật là kinh khủng Ellsworth! Ông biết là nó rất kinh khủng mà!" "Ồ, tôi đoán thế. Nhưng tại sao anh lại phải quan tâm hả Peter? Những kẻ khốn khổ sắp đến ở ngôi nhà này sẽ không đủ trình độ để thưởng thức được những chi tiết nhỏ của nghệ thuật kiến trúc. Chỉ cần đảm bảo đường thoát nước làm việc là được."

"Nhưng để làm gì? Để làm gì? Để làm gì? Keating gào lên với những trợ lý thiết kế của mình. "Thì, tại sao chúng tôi lại không được can thiệp gì cả? Gordon L. Prescott hỏi. "Chúng tôi cũng muốn thể hiện dấu ấn cá nhân chứ."

Khi Keating viện dẫn các điều khoản hợp đồng người ta nói với anh rằng: "Được thôi, xin mời, anh cứ thử kiện chính phủ xem. Cứ thử đi!". Đôi lúc anh có khát khao muốn được giết ai đó. Nhưng không có ai để mà giết. Ngay cả nếu anh được quyền thì anh cũng không thể chọn được nạn nhân. Không ai chịu trách nhiệm cả. Không có mục đích và nguyên nhân. Tất cả chỉ cứ thế mà xảy ra.

Keating tìm đến nhà Roark vào buổi tối sau khi Roark trở về. Roark đã không hề gọi anh đến. Roark mở cửa và nói: "Chào anh, Peter," nhưng Keating không thể trả lời. Họ im lặng đi vào phòng làm việc. Roark ngồi xuống nhưng Keating vẫn đứng ở giữa phòng và hỏi với giọng buồn bã:

"Cậu định làm gì?"

"Bây giờ anh phải để tôi giải quyết việc đó."

"Tôi đã không thể làm gì được, Howard... Tôi đã không thể!"

"Tôi đoán là không."

"Cậu có thể làm gì bây giờ? Cậu không thể kiện chính phủ được."

"Không. Tôi không kiện."

Keating nghĩ rằng anh nên ngồi xuống, nhưng chiếc ghế dường như ở quá xa. Anh cảm thấy nếu anh cử động, anh sẽ trở nên quá lộ liễu.

"Cậu định làm gì với tôi đây Howard?"

"Không làm gì cả."

"Có muốn tôi phải thú nhận với họ sự thật không? Với tất cả mọi người?"

"Không."

Một lát sau Keating nghĩ thầm:

"Vậy hãy để tôi trả tiền công cho cậu nhé... tất cả... và..."

Roark mỉm cười.

“Tôi xin lỗi...” Keating thì thầm và đưa mắt ra chỗ khác.

Anh đợi một lát, và sau đó cái lời biện hộ mà anh biết là anh không được nói đã bật ra thành:

“Tôi sợ, Howard...”

Roark lắc đầu.

“Dù tôi làm gì thì cũng không phải để hại anh, Peter. Tôi cũng có tội. Cả hai chúng ta cùng có tội.”

“Cậu có tội ư?”

“Chính tôi đã hủy hoại anh, Peter. Ngay từ đầu. Bằng cách giúp đỡ anh. Có những chuyện mà người ta không được phép nhờ vả hoặc giúp đỡ người khác. Lẽ ra tôi không nên làm giúp anh những đồ án ở Stanton. Lẽ ra tôi không nên thiết kế tòa nhà Cosmo-slotnick. Hay Cortlandt. Tôi đã bắt anh phải mang nhiều hơn sức anh có thể mang. Giống như khi một dòng điện quá mạnh chạy trong mạch điện, nó sẽ làm đứt cầu chì. Bây giờ thì cả hai chúng ta cùng phải trả giá. Việc đó sẽ khó đối với anh, nhưng nó còn khó hơn đối với tôi.”

“Cậu có muốn... tôi đi về bây giờ không, Howard?”

“Có.”

Ở cửa Keating nói:

“Howard! Họ không cố tình làm điều đó.”

“Chính vì thế nên nó còn tồi tệ hơn.”

*

* *

Dominique nghe thấy tiếng xe chạy lên đồi. Cô nghĩ Wynand đã đi làm về. Suốt hai tuần qua, kể từ khi trở về thành phố, tối nào ông cũng làm việc muộn.

Tiếng động cơ nổi bật trong không khí mùa xuân tĩnh lặng của đồng quê. Không có âm thanh nào ở trong nhà, chỉ có tiếng lào xào khẽ của mái tóc khi cô ngả đầu vào cái nệm ghế. Trong một khoảnh khắc, cô không còn ý thức được việc đang nghe tiếng xe tiến lại gần nữa, nó quá quen thuộc vào giờ này trong ngày, nó là một phần của sự tĩnh lặng và tách biệt ở ngoài kia.

Cô nghe thấy tiếng xe dừng ở cửa. Cửa ra vào luôn mở, họ không bao giờ chờ hàng xóm hay khách đến thăm. Cô nghe tiếng cửa mở, và những bước

chân đi trong phòng khách ở dưới gác. Những bước chân không dừng lại, mà đi thẳng lên gác với sự tự tin quen thuộc. Một bàn tay xoay cái núm cửa phòng cô.

Đó là Roark. Trong khi đứng lên, cô nghĩ thầm rằng trước đó anh chưa từng bước chân vào phòng cô, nhưng anh biết rõ từng phần của ngôi nhà này; cũng như là anh biết rõ từng chi tiết của cơ thể cô. Cô không hề cảm thấy sốc, cô chỉ nhớ đã từng sốc, một cú sốc trong quá khứ, cô nghĩ: Ta chắc chắn là đã sốc khi nhìn thấy anh ấy, nhưng không phải là bây giờ. Bây giờ, khi cô đứng trước anh, mọi thứ trở nên rất đơn giản.

Cô nghĩ: giữa hai chúng ta, những điều quan trọng nhất không bao giờ cần phải nói ra. Lúc nào chúng cũng được nói bằng cách như thế này. Anh ấy đã không muốn gặp riêng ta. Nhưng bây giờ thì anh ấy đang ở đây. Ta đã đợi và bây giờ ta sẵn sàng.

"Chào em, Dominique."

Cô nghe thấy tên cô được gọi lên, và nó lấp đầy khoảng cách năm năm. Cô nói nhẹ nhàng:

"Chào anh, Roark."

"Anh muốn em giúp anh."

Cô đang đứng ở sân ga Clayton, Ohio; cô đang đứng ở bục nhân chứng trong phiên tòa Stoddard; cô đang đứng ở rìa của mỏ đá, để có thể cho phép bản thân – như cô đã cho phép bản thân mình vào những lúc đó – được chia sẻ câu nói mà cô vừa mới nghe.

"Vâng, Roark."

Anh bước ngang qua căn phòng mà anh đã thiết kế cho cô, anh ngồi xuống, đối diện với cô, giữa họ là cả chiều rộng của căn phòng. Cô đã ngồi xuống từ khi nào không biết, cô chỉ chú ý đến chuyển động của anh, cứ như cơ thể của anh chứa hai bộ dây thần kinh, một của anh và một của cô.

"Tối thứ Hai tới, Dominique, chính xác vào lúc 11:30, anh muốn em lái xe đến công trường Cortlandt."

Cô chợt để ý là cô đang cảm nhận khá rõ về mí mắt của mình, không phải là sự đau đớn, mà chỉ là cảm thấy, như thể hai mí mắt của cô đã tê cứng lại và không chớp được nữa. cô đã nhìn thấy tòa nhà đầu tiên của Cortlandt. Cô đã biết trước những điều cô sắp được nghe.

"Em phải ở một mình trong xe và em phải trên đường về nhà từ một nơi nào đó, một nơi em đã có hẹn, và cuộc hẹn phải được lên kế hoạch từ trước. Đó phải là một địa điểm mà từ đây chỉ có thể đi đến đó bằng cách đi qua

Cortlandt. Em phải có khả năng chứng minh được điều đó về sau này. Anh muốn xe của em phải hết xăng ở ngay trước công trường Cortlandt, vào lúc 11:30. Em bấm còi. Sẽ có một người trực đêm ở gần đó. Anh ta sẽ đi ra ngoài. Em sẽ nhờ anh ta giúp đỡ và bảo anh ta đi đến cái gara ô-tô gần nhất, cách đấy khoảng một dặm."

Cô trả lời đều đều, "Vâng, Roark."

"Khi anh ta đi khỏi, em hãy ra khỏi xe. Có một khu đất bỏ hoang khá rộng ở cạnh đường, phía bên kia tòa nhà, và cạnh đó là một cái mương. Em cần phải đi đến cái mương đó càng nhanh càng tốt, chui xuống mương và nằm sát mặt đất. nằm dán mình xuống đất. một lúc sau thì em có thể trở về ô-tô. Em sẽ biết khi nào cần trở về. hãy làm thế nào để mọi người có thể thấy em ở trong xe và cơ thể em ở tình trạng phù hợp với cái xe – gần gần thôi."

"Vâng, Roark."

"Em hiểu chứ?"

"Vâng."

"Hiểu tất cả?"

"Vâng. Tất cả."

Họ cùng đứng lên. Cô chỉ nhìn thấy cặp mắt của anh và biết anh đang mỉm cười.

Cô nghe anh nói: "Chúc em ngủ ngon, Dominique," anh đi ra ngoài và cô nghe tiếng xe của anh đi xa dần. Cô nghĩ về nụ cười của anh.

Cô biết là anh không cần sự giúp đỡ của cô cho cái việc anh sắp làm, anh có thể tìm cách khác để thoát khỏi người trực đêm, cô biết là anh đã để cho cô tham gia, bởi vì nếu không như thế thì có thể cô sẽ không sống được với những gì sẽ xảy ra sau đó, cô cũng biết đây chính là bài kiểm tra cuối cùng.

Anh đã không muốn gọi tên nó, anh đã muốn cô hiểu và không tỏ ra sợ hãi. Cô đã không đủ sức chịu đựng trong vụ xử Stoddard, cô đã chạy trốn khỏi nỗi khiếp sợ khi nhìn anh bị cả thế giới này làm tổn thương, nhưng cô đã đồng ý để giúp anh trong vụ này. Cô đã đồng ý trong cảm giác bình yên tuyệt đối. Cô đã tự do, và anh biết điều đó.

*

* *

Con đường bằng phẳng chạy dọc qua những dải đất tối của Long Island, nhưng Dominique lại cảm thấy như là cô đang lái xe lên dốc. Đó là một cảm giác bất thường duy nhất, cảm giác bay lên, như thể chiếc xe của cô đang

tăng tốc theo chiều thẳng đứng. Cô vẫn để mắt đến mặt đường, nhưng bảng đồng hồ xe ở dưới tầm mắt cô trông như bảng điều khiển một chiếc máy bay. Đồng hồ trên bảng chỉ 11 giờ 10 phút.

Cô cảm thấy thích thú, và nghĩ: Mình chưa từng học lái máy bay và bây giờ mình biết cảm giác đó như thế nào, nó đúng như thế này, chỉ có không gian thông suốt và không cần nỗ lực gì cả. Và không có cả trọng lượng nữa. Điều đó xảy ra ở tầng bình lưu – hay là ở khoảng không giữa các hành tinh nhỉ? – cái chỗ mà người ta bắt đầu trôi nổi lơ lửng và chỗ không còn định luật hấp dẫn ấy.

Không có bất cứ định luật nào về bất cứ định luật hấp dẫn nào cả. Cô nghe thấy mình đang cười thành tiếng.

Chỉ là cảm giác bay lên... Ngoài ra mọi thứ đều bình thường. Cô chưa bao giờ lái xe thuần thục như bây giờ. Cô nghĩ: lái xe là một việc khô khan và máy móc, như vậy mình biết là mình đang tỉnh táo, bởi vì mình đang lái xe rất dễ dàng, như thở hoặc nuốt vậy – những việc không cần đến sự chú ý. Cô dừng lại trước những đèn giao thông màu đỏ treo lơ lửng ở trên những ngã tư đường dọc theo những con phố không tên, trong những khu ngoại ô không tên, có rẽ và vượt những xe khác, và cô biết chắc rằng tối nay không thể có tai nạn nào có thể xảy ra đối với cô. Cô biết xe của cô được lái bởi một cái điều khiển từ xa – một loại tia sáng tự động nào đó mà cô đã từng đọc – đó là sóng vô tuyến hay là ánh sáng một ngọn hải đăng nhỉ? – và cô chỉ việc ngồi sau tay lái.

Cô nghĩ: việc này khiến ta được tự do cảm nhận tất cả những gì nhỏ nhặt nhất, và được cảm thấy vô lo và... Thoải mái – hoàn toàn thoải mái. Nó là một trạng thái nhận biết rõ ràng, bình thường hơn cả bình thường, giống như thủy tinh còn trong hơn cả không khí rỗng. Chỉ những thứ vặt vãnh thôi: lớp lụa mỏng của chiếc váy ngắn màu đen và cái cách mà nó phủ hờ hững qua những đầu gối cô, sự uyển chuyển của những ngón chân bên trong chiếc giày mềm đế bằng khi cô di chuyển bàn chân, dòng chữ vàng "Tiện ăn Danny" ở trên ô cửa sổ tối tăm mà cô vừa vượt qua.

Cô đã rất vui vẻ tại bữa tối do vợ của một ông chủ nhà băng nào đó tổ chức. Họ là những người bạn quan trọng của Gail mà bây giờ cô chẳng thể nhớ nổi tên. Đó là một bữa tối tuyệt vời ở trong một lâu đài lớn ở Long Island. Bọn họ đều đã rất vui khi được đón tiếp cô và đã tỏ ra tiếc rẻ vì Gail không thể đến được. Cô đã ăn hết mọi đĩa thức ăn được đặt ra trước mặt cô. Cô đã ăn rất ngon miệng – giống như một vài dịp hiếm hoi hồi bé khi cô trở về nhà sau một ngày chạy nhảy ở trong rừng, và mẹ cô đã rất hài lòng bởi bà luôn lo ngại rằng sau này lớn lên cô có thể bị mắc bệnh thiếu máu.

Cô đã mua vui cho các vị khách bên bàn ăn tối bằng cách kể với họ những câu chuyện về tuổi thơ của cô, cô đã khiến họ phá lên cười, và đó là bữa tối vui vẻ nhất mà các chủ nhà của cô có thể nhớ được. Sau đó, ở trong phòng vẽ có những ô cửa sổ mở rộng, hướng ra ngoài bầu trời tối – một bầu trời không trăng, trải dài phía trên những ngọn cây, trên những khu phố, cho tới tận bờ sông Đông – cô đã cười phá ra và nói chuyện, cô đã mỉm cười với mọi người ở xung quanh với cảm giác ấm áp đến mức tất cả bọn họ đều tự động thổ lộ những chuyện thân thiết nhất đối với họ, cô đã yêu quý những người đó biết chừng nào, và họ cũng biết điều đó, cô đã yêu bất cứ cá thể người nào, ở bất cứ đâu trên mặt đất này, và một quý bà nào đó đã nói: "Dominique, tôi không biết là em có thể tuyệt vời đến thế!" Và cô đã trả lời: "Em chẳng có gì để lo lắng trong thế giới này."

Nhưng cô đã thực sự chẳng chú ý đến cái gì khác ngoài cái đồng hồ ở cổ tay mình, và rằng cô phải ra khỏi nhà đó vào lúc 10 giờ 50. Cô đã không biết sẽ nói thế nào để có thể rời bữa tiệc nhưng đến 10 giờ 45 cô đã nói điều đó, chuẩn xác và thuyết phục, và đến 10 giờ 50 bàn chân cô đã đặt vào chân ga của ô-tô.

Đó là chiếc xe hai chỗ màu đen, mui khép kín và ghế được bọc da màu đỏ. Cô nghĩ, John, người lái xe, đã giữ cho lớp da đỏ bóng loáng một cách rất đẹp mắt. Cái xe rồi sẽ chẳng còn lại gì và nó xứng đáng được trông đỏm dáng nhất vào lần lăn bánh cuối cùng. Giống như người đàn bà trong đêm ân ái đầu tiên của mình. Ta chưa bao giờ ăn mặc đẹp cho cái đêm đầu tiên của mình – ta không có đêm đầu tiên – chỉ có cái gì đó xé toạc cơ thể và vị những hạt bụi của mỏ đá ở trong miệng.

Khi cô nhìn thấy những dải màu đen dài với những đốm sáng ở trên cửa kính hai bên thân xe, cô tự hỏi điều gì đã xảy ra đối với mặt kính. Để rồi cô nhận ra rằng cô đang lái xe dọc theo sông Đông và rằng đó chính là New York, ở bờ bên kia. Cô cười và nghĩ: Không, đó không phải là New York, đó chỉ là một bức tranh riêng được dán lên cửa sổ ô-tô của ta, toàn bộ bức tranh, ở đây, trên một tấm kính nhỏ, ở dưới bàn tay của ta, ta sở hữu nó, bây giờ nó là của ta – cô di bàn tay dọc theo những tòa nhà từ Battery cho đến cầu Queenboro – Roark, nó là của em và em đang dâng nó cho anh.

*

* *

Bây giờ bóng người gác đêm có chiều cao khoảng 20 xăng-ti-mét ở phía xa. Dominique nghĩ: khi cái bóng đó giảm xuống còn 13 xăng-ti-mét ta sẽ bắt đầu hành động. Cô đứng cạnh xe và mong người gác đêm bước nhanh hơn.

Tòa nhà là một khối đen xuyên thẳng vào bầu trời tại một điểm. Phần còn lại của bầu trời võng xuống, sà thấp phía trên một dải đất phẳng. Những khu phố và những ngôi nhà gần nhất đều ở rất xa, ở rìa của khoảng không gian đó, chúng là những vết nứt nhỏ không đều đặn, như những chiếc răng của một chiếc cưa bị gãy lưỡi.

Cô cảm thấy có một hòn sỏi lớn ở bên dưới đế của chiếc giày mềm, nó thật khó chịu, nhưng cô không di chuyển bàn chân vì nó sẽ gây ra tiếng động. Cô không ở đây một mình. Cô biết là anh đang ở đâu đó trong tòa nhà kia, chỉ cách cô một con đường. Không có âm thanh và ánh sáng nào ở trong tòa nhà, chỉ có những chữ thập trắng trên nền cửa sổ đen. Anh ấy không cần chút ánh sáng, bởi vì anh ấy biết rõ từng căn phòng, từng cái cầu thang.

Bóng người gác đêm đã khuất xa. Cô giật tung cửa xe. Cô ném mũ và túi vào trong xe, rồi đóng sầm cửa lại. Cô nghe rõ tiếng cửa đóng âm vang khi cô ở bên kia đường, chạy trên một dải đất trống, ra xa khỏi tòa nhà.

Cô cảm thấy lớp vải lụa của chiếc váy cọ vào đùi, và nó có tác dụng như một cái đích cụ thể mà cô phải vượt qua – cô phải đẩy được cái rào cản bằng lụa này, phải xé qua hàng rào này càng sớm càng tốt. Mặt đất đầy những hố và gốc rạ khô lổn nhổn. Cô bị ngã một lần, nhưng cô chỉ nhận ra điều đó khi cô đang đứng lên chạy tiếp.

Cô nhìn thấy cái mương khuất trong bóng tối. Rồi cô quỳ trong lòng mương, rồi cô nằm dán xuống, mặt úp sấp, miệng cô áp vào mặt đất.

Cô cảm thấy đùi cô giật giật, và cô vặn mình lại trong một cơn rùng mình khá dài; cô cảm thấy mặt đất ở ngay dưới chân cô, ngực cô và làn da ở cánh tay của cô. Như thể cô đang nằm trên giường của Roark vậy.

Tiếng nổ như một quả đấm giáng xuống gáy cô. Cô cảm thấy mặt đất như đang xô vào cô, bắt cô phải đứng dậy và trèo lên bờ mương. Phần trên của tòa nhà Cortlandt nghiêng đi và đứng im trong khi một vết nứt toác làm lộ rõ bầu trời cứ lớn dần lên, cắt ngang qua khung nhà. Như thể bầu trời xẻ đôi tòa nhà vậy. Sau đó vết nứt chuyển thành một ánh sáng lòa màu xanh lam. Để rồi không còn phần trên nữa, chỉ có những khung cửa sổ và những cái xà nhà bay lên trong không khí, cả tòa nhà rải khắp bầu trời; một lưỡi lửa đỏ dài, mỏng liếm ra từ giữa nhà, rồi thêm một quả đấm nữa, và một quả nữa, rồi đến một vệt sáng lóa mắt và cửa kính của những tòa nhà chọc trời bên kia sông lấp lánh sáng như được dát vàng.

Cô không nhớ anh đã ra lệnh cho cô phải nằm ép sát đất, cô không nhớ rằng cô đang đứng; rằng những miếng thủy tinh và sắt vụn đang rơi xuống như mưa ở quanh cô. Trong khoảnh khắc khi những bức tường nứt toác ra và tòa nhà nổ tung như pháo hoa, cô nghĩ tới anh đang ở đó, một nơi nào đằng

xa, anh là người thiết kế tòa nhà và phải phá hủy nó, người biết tất cả những điểm quan trọng nhất của cái kết cấu ấy; người đã tạo nên sự cân bằng tinh tế giữa sức ép và sức đỡ, cô nghĩ về việc anh phải lựa chọn những điểm mấu chốt ấy để đặt thuốc nổ; một người bác sĩ đã trở thành kẻ sát nhân, điêu luyện phá vỡ cả trái tim, bộ não và lá phổi cùng một lúc. Anh ấy ở đó, anh đã nhìn thấy điều đó và những gì nó gây cho anh còn kinh khủng hơn cả những gì nó gây ra cho tòa nhà. Nhưng anh đã ở đó và đón nhận nó.

Cô nhìn thấy thành phố được bao bọc bằng ánh sáng trong khoảng nửa giây, cô có thể nhìn thấy rìa và gờ của những ô cửa sổ ở xa hàng dặm, cô nghĩ tới những căn phòng tối tăm và những trần nhà được ánh sáng này chiếu đến, cô nhìn thấy đỉnh của những tòa tháp sáng lên trên bầu trời, bây giờ đó là thành phố của cô và của anh. "Roark!" Cô gào lên. "Roark! Roark!" Cô không biết là mình đã gào lên. Cô không nghe được tiếng của mình lẫn trong âm thanh vụ nổ.

Sau đó cô chạy ngang qua khoảng đất tới khu đổ nát đang bốc khói, chạy qua những lớp kính vỡ vụn, từng bước chắc nịch, bởi vì cảm giác đau đớn làm cô thích thú. Sẽ không bao giờ còn nỗi đau đớn nào khác để cô phải chịu. Một tầng bụi bao phủ cả khoảng đất, như một tấm vải bạt. Cô nghe thấy tiếng còi cứu hỏa bắt đầu ré lên từ phía xa.

Nó vẫn là một chiếc xe ô-tô, mặc dù những bánh sau đã bị bẹp rúm do một khối máy móc kim loại va vào, và một cánh cửa thang máy phủ lên mui xe. Cô bò vào ghế ngồi. Cô phải làm thế nào để chứng tỏ là cô vẫn ngồi ở đây từ trước. Cô nắm một vốc kính vỡ ở trên sàn xe và rắc chúng lên lòng mình, lên tóc mình. Cô lấy một miếng kính sắc nhọn và rạch nó lên da ở cổ, ở đùi và cánh tay của cô. Cái cô cảm thấy không phải là sự đau đớn. Cô nhìn thấy máu vọt ra từ cánh tay cô, chảy xuống lòng, thấm vào lớp lụa đen, nhỏ từng giọt giữa hai bắp đùi cô. Đầu cô ngả về phía sau, miệng há hốc, thở hổn hển. Cô không muốn dừng lại. Cô đã tự do. Không gì có thể làm tổn thương cô được. Cô không biết là cô đã cắt và một động mạch. Cô cảm thấy nhẹ bỗng. Cô đang cười vào mặt định luật hấp dẫn.

Khi những viên cảnh sát đầu tiên có mặt tại hiện trường tìm thấy cô thì cô đã bất tỉnh – cô chỉ còn có thể sống sót trong vài phút nữa.

XIII.

Dominique đưa mắt nhìn quanh phòng ngủ của cô trên căn hộ áp mái. Đấy là liên lạc đầu tiên của cô với thế giới xung quanh, sau khi cô tỉnh lại. Cô biết là mình đã được chuyển về đây sau nhiều ngày nằm viện. Căn phòng tràn ngập ánh sáng. Cô nghĩ: cái cảm giác nhận biết mọi thứ rõ ràng như pha lê vẫn còn ở lại, nó sẽ còn ở lại mãi mãi. Cô nhìn thấy Wynand đang đứng bên giường. Ông quan sát cô. Trông ông vui mừng.

Cô nhớ đã nhìn thấy ông ở bệnh viện. Lúc đó trông ông không vui. Cô cũng nhớ là ngay trong đêm đầu tiên nhập viện, bác sĩ đã nói với Wynand rằng cô khó có thể qua khỏi. Lúc đó cô muốn nói với tất cả mọi người rằng cô phải sống, cô chẳng có lựa chọn nào khác ngoài sống, chỉ có điều hình như việc nói cho mọi người biết cũng chẳng quan trọng gì – chẳng bao giờ còn quan trọng nữa.

Bây giờ thì cô đã quay trở lại với cuộc sống. Cô có thể cảm thấy băng quấn khắp thân thể cô - ở cổ họng, ở hai chân và ở cánh tay trái. Hai bàn tay cô được đặt phía trước mặt cô, trên tấm chăn. Người ta đã tháo gạc và hai tay chỉ còn lại vài vết xước đỏ.

“Em thật là đồ ngốc!” Wynand nói với vẻ sung sướng “Tại sao em lại phải làm việc đó hoàn hảo đến vậy?”

Cô nằm trên giường với bộ tóc vàng mềm mại xõa trên chiếc gối màu trắng, người mặc một bộ đồng phục cao cổ màu trắng của bệnh viện. Trông cô trẻ trung hơn cả lúc cô còn trẻ. Một vẻ rạng rỡ lặng lẽ tỏa trên khuôn mặt cô – cô đã không bao giờ có điều đó kể cả trong thời thơ ấu, nó là sự nhận biết trọn vẹn về sự thanh thản, về sự trong trắng và sự bình yên.

“Xe của em bị hết xăng” cô nói, “em đang ngồi đợi trong xe thì...”

“Anh đã nói thế với cảnh sát và người trực đêm cũng nói điều đó với họ. Nhưng chẳng nhẽ em không biết là phải cẩn thận với kính hay sao?”

Gail trông thư thái – cô nghĩ - và rất tự tin. Sự việc vừa xảy ra đã làm thay đổi mọi thứ với ông ấy – cũng như đối với mình.

“Nó không làm đau em” – cô nói thêm.

“Lần sau nếu em muốn đóng vai kẻ qua đường vô tội thì hãy để anh dạy em trước đã nhé.”

“Nhưng mà họ tin, có đúng không?”

“Phải rồi, họ tin chứ. Họ phải tin. Vì em gần chết cơ mà. Anh chỉ không hiểu là tại sao anh ta phải cứu sống gã trực đêm, trong khi suýt lấy đi mạng

sống của em.”

“Ai cơ?”

“Howard, em yêu quý. Howard Roark.”

“Anh ấy thì có dính dáng gì ở đây?”

“Em yêu quý, bây giờ thì cảnh sát chưa hỏi em, nhưng rồi họ sẽ hỏi, và khi đó em phải tỏ ra đáng tin hơn thế này nhiều. Tuy nhiên, anh nghĩ là em sẽ thành công. Họ sẽ không nghĩ tới vụ Stoddard.”

“Ồ.”

“Em đã làm điều đó và em sẽ luôn làm. Dù em nghĩ về con người anh ấy thế nào đi nữa, em vẫn cảm thấy giống hệt như anh về các công trình của anh ấy.”

“Gail, anh mừng vì em đã làm điều đó?”

“Phải.”

Cô thấy ông đang nhìn xuống bàn tay của cô đặt ở mép giường. Sau đó ông quỳ xuống, môi áp vào tay cô, ngón tay ông không nâng, không chạm vào nó, chỉ có miệng là chạm vào. Đó là sự thú nhận duy nhất ông cho phép mình bộc lộ về những gì ông cảm thấy trong những ngày cô nằm viện. Cô nhấc bàn tay còn lại và đặt nó lên tóc ông. Cô nghĩ: mọi chuyện sẽ còn tồi hơn so với việc em chết, Gail, nhưng không sao, nó sẽ không thể làm đau anh được, sẽ không còn có đau đớn trên thế giới, không là gì so với việc chúng ta tồn tại: anh ấy, anh và em – anh đã hiểu tất cả những điều quan trọng nhất, mặc dù anh không biết là anh đã mất em.

Ông ngẩng đầu lên và đứng dậy.

“Anh không có ý trách em đâu. Tha lỗi cho anh.”

“Em sẽ không chết đâu, Gail. Em cảm thấy rất tuyệt vời.”

“Trông em đúng là như vậy.”

“Có phải là họ đã bắt anh ấy?”

“Anh ấy được bảo lãnh tại ngoại.”

“Anh hạnh phúc chứ?”

“Anh mừng vì em đã làm điều đó và đó là vì anh ấy. Anh cũng mừng vì anh ấy đã làm như vậy. Anh ấy phải làm thế.”

“Vâng. Và nó sẽ lại là phiên tòa Stoddard một lần nữa.”

“Không hẳn.”

“Anh đã luôn muốn có một cơ hội nữa, phải không Gail? Trong chừng ấy năm?”

“Đúng vậy.”

“Em đọc báo được không?”

“Không. Em không được đọc cho đến khi khỏi hẳn.”

“Thậm chí không được đọc cả tờ *Ngọn cờ*!”

“Tờ *Ngọn cờ* thì càng không.”

“Em yêu anh, Gail. Nếu anh có thể đứng vững đến cùng...”

“Đừng có hối lộ anh. Chuyện này không phải là giữa em với anh. Thậm chí cũng không phải là giữa anh ấy với anh.”

“Mà là giữa anh và Thượng đế?”

“Nếu em muốn gọi nó như thế cũng được. Nhưng chúng ta sẽ không thảo luận về chuyện này, cho đến ngày mọi chuyện xong xuôi đã. Có một người đang đợi em ở dưới. Anh ấy đã ở đây hàng ngày.”

“Ai vậy?”

“Người tình của em Howard Roark. Có muốn để anh ta cảm ơn em vào lúc này không?”

Vẻ chế giễu hài hước của ông, cái giọng ông khi nói ra cái điều phi lý nhất mà ông có thể nghĩ ra mách bảo với cô rằng ông không hề đoán được sự thật. Cô nói:

“Vâng. Em muốn gặp anh ấy. Gail, nếu em quyết định biến anh ấy thành người tình của em?”

“Anh sẽ giết chết cả hai người. Nào, đừng có nhúc nhích, nằm yên, bác sĩ nói rằng em nên thư giãn, em đã có tổng cộng hai mươi sáu mũi khâu trên khắp người.”

*

* *

Khi viên cảnh sát đầu tiên đến hiện trường của vụ nổ, ông ta tìm thấy, ở sau tòa nhà, bên bờ sông, cái pít-tông dùng để châm ngòi cho khối thuốc nổ. Roark đứng bên cạnh cái pít-tông đó, tay đút trong túi áo, mắt nhìn vào khối đổ nát còn sót lại của Cortlandt.

“Này anh kia, anh có biết gì về vụ này không?” viên cảnh sát hỏi.

“Ông nên bắt tôi,” Roark nói. “Tôi sẽ nói tại phiên tòa.”

Anh không nói thêm một từ nào để đáp lại những câu thẩm vấn chính thức liền sau đó.

Chính Wynand đã bảo lãnh cho anh được tại ngoại, vào sáng sớm hôm sau. Wynand đã rất bình tĩnh tại bệnh viện cấp cứu khi ông nhìn thấy những vết thương trên người Dominique, cả vào lúc người ta đã nói với ông rằng Dominique sẽ không qua khỏi. Ông đã rất bình tĩnh khi gọi điện thoại, lôi một viên thẩm phán của hạt ra khỏi phòng ngủ và thu xếp cho Roark tại ngoại. Nhưng khi ông đứng trong phòng giám trại của cái nhà giam bé nhỏ trong hạt thì ông bất thần run người. "Một bọn ngu ngốc khát máu!" Ông rít lên qua kẽ răng và tiếp đó là tất cả những câu chửi bẩn thỉu nhất mà ông đã học được ở bến cảng. Ông quên hết mọi khía cạnh của tình trạng hiện tại, chỉ trừ một thứ: việc Roark đang ở đường sau song sắt. Ông lại là Wynand Kều ở Hell's Kitchen và đây là kiểu thịnh nộ mà thỉnh thoảng ông vẫn để nổ ra, giống như khi ông phải đứng đằng sau một bức tường gạch đổ vỡ, chờ đợi bị giết chết. Chỉ đến lúc này ông mới nhận ra rằng ông cũng còn là Gail Wynand, ông chủ của một đế chế, và ông không hiểu tại sao người ta cần có những thủ tục luật pháp lằng nhằng đến vậy, tại sao ông không phá tan cái phòng tạm giam này, bằng nắm đấm hoặc những bài báo của ông, tất cả chỉ là một đối với ông trong thời điểm này, ông muốn được giết, ông phải giết, giống như cái đêm đó ở đằng sau bức tường, ông đã phải giết để bảo vệ mạng sống của mình.

Ông đã kiềm chế để ký các loại giấy tờ, đã kiềm chế trong lúc đợi Roark được đưa ra gặp ông. Họ cùng nhau bước ra ngoài, Roark cầm cổ tay ông lôi đi, và khi họ tới xe thì Wynand đã bình tĩnh trở lại. Ở trong xe Wynand hỏi:

"Tất nhiên là anh đã làm việc đó?"

"Tất nhiên."

"Chúng ta sẽ cùng chiến đấu."

"Nếu như ông muốn biến nó thành trận chiến của ông."

"Theo ước tính hiện tại thì tài sản của tôi có khoảng 40 triệu đô la. Như thế là đủ để thuê bất cứ luật sư nào anh muốn, hoặc tất cả ngành luật của cái nước này."

"Tôi sẽ không sử dụng luật sư."

"Howard! Anh không định nộp các bức ảnh nữa đấy chứ?"

"Không, lần này thì không."

*

* *

Roark đi vào phòng ngủ và ngồi xuống một cái ghế ở cạnh giường. Dominique vẫn nằm im, mắt nhìn anh. Họ mỉm cười với nhau. Không cần phải nói gì cả, kể cả lần này – cô nghĩ.

Cô hỏi:

"Anh đã bị giam?"

"Chỉ vài giờ thôi."

"Nó như thế nào?"

"Đừng có phản ứng giống Gail."

"Gail phản ứng tệ lắm à?"

"Rất tệ."

"Em sẽ không như thế."

"Có thể anh sẽ phải quay lại ở tù trong nhiều năm. Em đã biết điều đó khi em nhận lời giúp anh."

"Vâng. Em biết."

"Anh trông chờ vào em để cứu Gail, nếu như anh phải vào tù."

"Trông chờ vào em?"

Anh nhìn vào cô và lắc đầu. "em yêu..." tiếng anh như thể là lời trách móc.

"Vâng" cô thì thầm.

"Đến giờ em vẫn không biết rằng đó là một cái bẫy anh đặt ra để lừa em sao?"

"Thế nào cơ?"

"Em sẽ làm gì nếu anh đã không nhờ em giúp anh?"

"Em sẽ ở chỗ anh, trong phòng của anh, trong nhà Enright, ngay lúc này, công khai và đàng hoàng."

"Đúng rồi. Nhưng bây giờ thì em không thể làm được việc đó. Em là bà Gail Wynand, không ai nghi ngờ em cả, và mọi người đều tin rằng em tình cờ có mặt ở hiện trường. Cứ để cho mọi người nghĩ như vậy về chúng ta – và đó sẽ là bằng chứng anh đã làm việc đó."

"Em hiểu rồi."

"Anh muốn em giữ im lặng. Nếu em có ý định muốn chia sẻ gánh nặng này với anh thì hãy từ bỏ đi nhé. Anh sẽ không nói cho em biết anh định làm gì bởi vì đó là cách duy nhất anh có thể kiểm soát được em cho đến phiên

tòa. Dominique, nếu anh bị kết án, anh muốn em ở lại với Gail. Anh tin tưởng vào em về chuyện đó, anh muốn em vẫn tiếp tục sống với Gail và không bao giờ nói với ông ấy về chuyện của chúng ta, bởi vì em và ông ấy sẽ cần đến nhau."

"Còn nếu anh được xử trắng án?"

"Thì..." anh nhìn lướt qua căn phòng, phòng ngủ của Wynand. "Anh không muốn nói điều đó ở đây. Nhưng em biết điều đó."

"Anh rất yêu quý ông ấy phải không?"

"Đúng thế."

"Đủ để hy sinh..."

Anh mỉm cười. "Em đã sợ điều đó kể từ lần đầu tiên anh đến đây phải không?"

"Vâng."

Anh nhìn thẳng vào mắt cô. "Em có nghĩ là điều đó có thể xảy ra không?"

"Không."

"Không thể, với công việc của anh hoặc là em, Dominique. Không bao giờ. Nhưng anh có thể làm đến mức này vì ông ấy. Anh có thể để em lại cho ông ấy, nếu như anh phải ra đi."

"Anh sẽ được trắng án."

"Đó không phải là điều anh muốn nghe em nói."

"Nếu họ kết tội anh – nếu họ đưa anh vào tù hoặc còng anh lại – nếu họ bôi bẩn tên anh trên những dòng tít báo nhơ nhuốc – nếu họ không cho anh thiết kế một tòa nhà nào nữa – nếu họ không bao giờ cho em được nhìn thấy anh nữa – thì nó cũng chẳng quan trọng. Không quá quan trọng. Chỉ xuống đến một điểm nào đó thôi."

"Dominique, anh đã chờ nghe em nói điều đó suốt bảy năm qua." Anh cầm lấy tay cô, anh nâng nó lên và ghé môi hôn, và cô cảm thấy môi anh đặt đúng chỗ mà Wynand đã hôn lúc trước. Sau đó anh đứng dậy.

"Em sẽ chờ," cô nói. "Em sẽ giữ im lặng. Em sẽ không lại gần anh. Em hứa."

Anh mỉm cười và gật đầu. Sau đó anh đi.

*

* *

"Chuyện là, vào những tình huống hiếm hoi, các lực lượng to lớn của thế

giới mà chúng ta vốn không thể hiểu được lại cùng tụ lại trong một sự việc đơn lẻ, giống như những tia sáng đi qua một cái thấu kính hội tụ sẽ tụ lại thành một điểm sáng chói, để cho tất cả chúng ta cùng nhìn thấy. Đó là vụ phá hoại tòa nhà Cortlandt. Tại đây, trong một thế giới vi mô, chúng ta có thể quan sát được giống ác quỷ đã phá hoại hành tinh tội nghiệp của chúng ta từ ngày nó được sinh ra từ dòng máu vũ trụ. Cái tôi của một người dám chống lại tất cả những khái niệm về tình thương, lòng nhân đạo và tình bằng hữu. Một người dám phá hủy ngôi nhà tương lai của những người nghèo. Một người đẩy hàng ngàn người khác về với sự kinh hoàng của những khu nhà ổ chuột, của sự hôi thối, của bệnh tật và chết chóc. Khi một xã hội – nhờ được giác ngộ và có một quan niệm mới về bổn phận và nhân đạo – đã nỗ lực hết mình để cứu vớt những người thiệt thòi, khi những tài năng lớn nhất của cả xã hội đã tập trung lại để tạo ra một khu nhà ở tử tế cho họ - thì cái tôi của một kẻ khác đã phá tan tành tất cả thành tựu ấy. Và để làm gì cơ chứ? Để thỏa mãn thói hám danh phù phiếm, thỏa mãn thói kiêu ngạo rỗng tuếch nào đó. Tôi thật lấy làm tiếc là luật pháp của chúng ta chỉ dừng lại ở mức phạt tù đối với tội này. Kẻ đó cần phải bị tước bỏ cuộc sống. Xã hội cần có quyền được loại bỏ ra khỏi nó những người như Howard Roark."

Ellsworth M. Toohey đã viết như vậy trên tờ *Những mặt trận mới*.

Ông đã nhận được sự đồng tình từ khắp nơi. Vụ nổ của Cortlandt chỉ kéo dài nửa phút. Nhưng cơn thịnh nộ của công chúng thì cứ tiếp diễn, như có một đám mây làm từ thạch cao phủ lên bầu không khí, từ đám mây đó gỉ sắt và rác rưởi rơi xuống như mưa.

Roark đã bị truy tố bởi một bồi thẩm đoàn. Anh đã tuyên bố mình "Vô tội" và đã từ chối phát biểu bất cứ điều gì khác. Anh được thả ra theo một bản cam kết do Gail Wynand sắp đặt, và anh đang đợi phiên tòa.

Có rất nhiều phỏng đoán về động cơ của anh. Có người nói rằng đó là vì lòng đố kỵ nghề nghiệp. Người khác cho rằng có sự tương đồng giữa thiết kế Cortlandt và phong cách của Roark, rằng Keating, Prescott và Webb có thể đã vay mượn một chút từ Roark – "một sự mô phỏng hợp pháp" – "không có quyền sở hữu về ý tưởng" – "trong một xã hội dân chủ, nghệ thuận thuộc về nhân dân" – và rằng Roark đã bị kích động bởi cái máu trả đũa của giới nghệ sĩ khi anh tin rằng người ta đã đánh cắp ý tưởng của anh.

Chẳng có lời giải thích nào rõ ràng, nhưng cũng chẳng ai để ý nhiều đến động cơ. Vấn đề rất đơn giải: một người chống lại nhiều người. Roark không có quyền có cả động cơ.

Một tòa nhà, được xây vì mục đích từ thiện, làm chỗ ở cho người nghèo. Tòa nhà ấy được xây dựng trên mười nghìn năm, ở đó loài người luôn được

dạy dỗ rằng từ thiện và hy sinh bản thân là những khái niệm tuyệt đối không được phép nghi ngờ, đó là thước đo của phẩm giá, là lý tưởng cuối cùng. Mười ngàn năm những tiếng nói về phục vụ và hy sinh – hy sinh là nguyên tắc quan trọng nhất của cuộc sống – phục vụ và được phục vụ - tiêu diệt hay bị tiêu diệt – hy sinh là cao quý – hãy làm những gì bạn có thể, ở đầu này hoặc đầu kia – phục vụ và hy sinh – phục vụ và phục vụ và phục vụ...

Chống lại những điều ấy – là một người không muốn phục vụ mà cũng không muốn cai trị. Và vì thế người ấy đã mắc một tội lỗi không thể tha thứ được.

Đó là một vụ xì-căng-đan giật gân, và đi kèm với nó, như thường lệ, là những ồn ào và phẫn nộ chính đáng – giống như sự chính đáng của những lễ hành hình ném đá trong lịch sử loài người. nhưng hơn thế nữa, còn có cái gì đó dữ dội và rất riêng tư trong sự căm phẫn của mỗi người thể hiện khi bàn tán về chuyện này.

"Anh ta chỉ là một kẻ cực kỳ ích kỷ, hoàn toàn không có ý niệm đạo đức nào."

– đó là lời nói của một quý bà giàu có đang mặc đồ để đi đến một hội chợ từ thiện. Bà ta không dám nghĩ xem, nếu như làm từ thiện không còn là một thứ đức hạnh có thể biện minh cho mọi thứ khác, thì bà ta còn cách nào khác để bộc lộ bản thân mình, và khi ấy làm thế nào để bà ta có thể khoe khoang với bạn bè về bản thân.

– đó là lời nói của một nhà văn, một người sẽ không biết viết gì nếu như bỏ đi chủ đề về sự phục vụ và lòng hy sinh, một kẻ thổn thức trước hàng nghìn người rằng anh ta yêu họ, rất yêu họ và xin họ làm ơn hãy yêu anh ta dù chỉ là một chút ít.

– đó là lời nói của một nhà báo, một người vừa mua một biệt thự ở ngoại ô nhờ vào những bài viết vỗ về những người thấp cổ bé họng.

– đó là lời nói của tất cả những người thấp cổ bé họng, những người muốn được nghe nói về tình yêu, tình yêu vĩ đại, tình yêu dễ dãi, tình yêu mà có thể bao bọc được mọi thứ, tha thứ tất cả và cho phép tất cả.

– đó là lời nói của một kẻ sống thứ sinh, một người không thể tồn tại được trừ khi làm một con đỉa hút linh hồn người khác.

Ellsworth Toohey ngồi thoải mái, quan sát, lắng nghe và mỉm cười.

Gordon L. Prescott và Gus Webb liên tục được mời đến dự các bữa tối và các buổi tiệc cocktail; họ được đối xử với một sự quan tâm nhẹ nhàng, hơi tò mò, như những kẻ sống sót sau một thảm họa. Họ nói họ không thể hiểu được động cơ nào khiến cho Roark làm điều đó, và họ đòi phải có công lý.

Peter Keating không đi đâu cả. Anh từ chối gặp gỡ báo chí. Anh từ chối gặp bất cứ ai. Nhưng anh đã viết một bản tuyên bố rằng anh tin Roark vô tội. Nó có một câu khá lạ, câu cuối cùng. Câu đó nói: "Hãy để cho anh ấy yên thân, làm ơn, các người không thể để cho anh ấy yên được sao?"

Những người biểu tình thuộc Hiệp hội những người xây dựng Hoa Kỳ diễu qua diễu lại trước tòa nhà Cord. Nhưng điều ấy chẳng có ý nghĩa gì, bởi vì hiện công ty của Roark đã ngừng làm việc. Tất cả những dự án sắp được triển khai của anh đều đã bị hủy bỏ.

Đây là tinh thần đoàn kết. Những cô diễn viên mới vào nghề đang ngồi làm móng chân – những bà vợ đang mua cà-rốt từ một hàng rong – những người thủ thư từng muốn trở thành một nghệ sĩ Piano nhưng đã từ bỏ với lý do phải kiếm sống nuôi em gái mình – những người công nhân ghét công việc – những người trí thức ghét tất cả mọi người – tất cả đều đoàn kết lại như anh em một nhà vì họ có chung một cơn giận dữ. Cơn giận ấy có thể giải tỏa được những buồn chán của họ, giải phóng họ ra khỏi bản thân, và họ biết được giải phóng khỏi bản thân thật là một ơn phước lớn. Tất cả bạn đọc đều nhất trí đồng lòng. Báo chí cũng vậy.

Gail Wynand chống lại dòng thác đó.

"Gail" Alvah Scarret đã há hốc miệng. "Chúng ta không thể bảo vệ một kẻ phá nhà bằng thuốc nổ!"

"Đừng nói nữa, Alvah," Wynand đã nói, "trước khi tôi đấm gãy răng của anh."

Gail Wynand đứng ở giữa phòng làm việc, đầu ông ngửa ra phía sau, ông mừng vì ông đang sống, giống như ông đã cảm thấy thế khi đứng ở bến cảng trong đêm tối, nhìn về ánh đèn của thành phố.

"Trong những tiếng gào thét hỗn loạn đang bao trùm lên chúng ta" – một bài xã luận của tờ *Ngọn Cờ*, ký tên "Gail Wynand", đã viết với chữ phóng to – "dường như không có ai nhớ rằng Howard Roark đã tự nguyện nộp mình cho nhà chức trách. Nếu chính anh ta làm nổ tòa nhà đó – thì anh ấy có cần phải ở lại hiện trường để bị bắt không? Thế mà chúng ta đã không đợi để biết lý do của anh ấy. Chúng ta đã kết tội Roark mà không cần nghe bào chữa. Chúng ta muốn anh ta mắc tội. Chúng ta sung sướng vì có vụ án này. Những gì các bạn đã nghe không phải là sự phẫn nộ - đó là sự hả hê. Bất cứ một kẻ vô học nào, bất cứ một kẻ vô đạo đức phạm tội giết người nào cũng đều nhận được một chút thương cảm từ chúng ta, thậm chí được cả một đội quân những người bảo vệ nhân quyền ủng hộ. Nhưng một thiên tài lại luôn bị mặc định là có tội. Chúng ta luôn mặc nhiên cho rằng việc kết án một người chỉ vì người đó yếu đuối và bé nhỏ là bất công. Như vậy, một xã hội đã xuống

cấp đến mức nào khi nó kết án một người chỉ vì người đó mạnh mẽ và vĩ đại? Thế nhưng đó lại là cả cái bầu không khí đạo đức trong thời đại chúng ta – thời đại của những kẻ đạo đức giả."

"Chúng ta đã được nghe người ta gào lên," một bài xã luận khác của Wynand viết "rằng Howard Roark đã dành cả sự nghiệp của anh ta để đi vào các phiên tòa. Điều đó rất đúng. Một người như Roark sinh ra là để suốt đời đứng trước phiên tòa xét xử của cả xã hội. Nhưng ai được quyền kết tội ai đây – Roark hay là xã hội này?"

"Chúng ta chưa từng cố gắng hiểu điều gì tạo nên sự vĩ đại ở con người và làm thế nào để nhận ra sự vĩ đại đó" lại một bài xã luận nữa của Wynand. "Chúng ta thường cho rằng – và đây là một kiểu nhận thức hết sức cải lương – sự vĩ đại được đo bởi mức độ hy sinh bản thân. Chúng ta nhai đi nhai lại rằng hy sinh bản thân là phẩm chất cao quý nhất. Hãy dừng lại một giây và suy nghĩ xem. Có thật hy sinh là một phẩm chất cao quý? Liệu một người có thể hy sinh sự chính trực của anh ta? Danh dự của anh ta? Tự do của anh ta? Lý tưởng của anh ta? Niềm tin của anh ta? Sự trung thực trong cảm giác của anh ta? Khả năng tư duy độc lập của anh ta? Những thứ này là những tài sản quý giá nhất của một con người. Bất cứ cái gì anh ta phải từ bỏ để giữ lại được chúng đều không phải là hy sinh, mà chỉ đơn giản là một thỏa hiệp dễ dãi. Những thứ này nằm bên trên phạm vi những thứ có thể hy sinh, dù vì bất cứ sự nghiệp nào hay lý do nào. Như vậy, có lẽ chúng ta nên chấm dứt việc rao giảng những lý thuyết độc ác và nguy hiểm. Hy sinh bản thân ư? Nhưng chính bản thân lại là thứ không thể và không được phép hy sinh. Chính cái tôi-không-chịu-hy-sinh này là thứ mà chúng ta cần phải kính trọng nhất ở một con người."

Bài xã luận này đã được trích lại ở tờ *Những mặt trận mới* và nhiều tờ báo khác. Nó được in, đóng khung dưới dòng chữ tiêu đề: "Hãy nhìn xem ai đang nói kìa!"

Gail phá lên cười. Sự phản đối có tác dụng như nguồn nhiên liệu với ông. Nó làm ông mạnh mẽ hơn. Đây là một cuộc chiến, và đã lâu rồi ông chưa từng tham gia một cuộc chiến thực sự nào cả. Lần cuối cùng là khi ông đặt nền móng cho đế chế của mình giữa sự phản đối kịch liệt của toàn bộ những người làm báo. Ông đang có trong tay cái không-thể-có, cái mà mỗi người đều mơ ước đó là cơ hội và sức lực của tuổi trẻ, kết hợp với kinh nghiệm. Một khởi đầu mới và sự sung sức – cùng tụ lại một chỗ. Ta đã đợi và đã sống, ông nghĩ, chỉ để cho điều này.

Tất cả hai mươi tờ báo, tạp chí và kênh thời sự của ông đều nhận được lệnh: bảo vệ Roark, lăng-xê Roark trước công chúng. Cản trở việc xử giáo của đám đông.

“Bất kể sự thật là gì”, Wynand giải thích với các nhân viên của ông, “đây sẽ không phải là một phiên tòa dựa trên sự thật. Nó là một phiên tòa dựa trên công luận. Chúng ta luôn là những người đẻ ra công luận. Hãy đẻ ra nó đi, lăng-xê Roark. Tôi không quan tâm các anh làm như thế nào. Tôi đã đào tạo các anh. Các anh là những chuyên gia về chuyện đó. Bây giờ hãy cho tôi xem các anh giỏi đến đâu.”

Đáp lời ông là sự im lặng, các nhân viên của ông đưa mắt nhìn nhau. Alvah Scarret xoa xoa trán. Nhưng họ đều tuân lệnh ông.

Tờ *Ngọn cờ* in một bức tranh tòa nhà Enright, với dòng chú thích: “Đây có phải là người mà các vị muốn hủy hoại?” Một bức ảnh chụp ngôi nhà của Wynand: “Cố mà xây một ngôi nhà như thế này, nếu quý vị có thể.” Một bức về Thung lũng Monadnock “Đây có phải là người không đóng góp gì cho xã hội?”

Tờ *Ngọn cờ* đăng tiểu sử của Roark, do một người chưa ai từng biết tên viết, chính Gail Wynand đã viết bài đó. Tờ *Ngọn cờ* còn đăng hàng loạt những vụ án nổi tiếng, trong đó những người vô tội đã bị kết án bởi sự định kiến của số đông vào thời điểm đó. Tờ *Ngọn cờ* có những bài viết về những người đã hy sinh cho xã hội như: Socrates, Galileo, Pasteur, những nhà tư tưởng, nhà khoa học, một hàng dài những anh hùng – mỗi người trong đó đều là người đã đứng một mình, đã dám bất chấp dư luận.

“Nhưng Gail, vì chúa, Gail, đó chỉ là một dự án xây nhà!” Alvah Scarret than vãn.

Wynand nhìn ông một cách tuyệt vọng: “Tôi nghĩ không có cách nào làm cho lũ ngốc các anh hiểu được rằng chuyện này chẳng có dính dáng gì đến vụ xây nhà cả. Được thôi. Chúng ta sẽ nói chuyện về các dự án xây nhà vậy.”

Tờ *Ngọn cờ* đưa ra một loạt tiết lộ về các dự án nhà cửa: những vụ hối lộ, những sự bất tài, những khu nhà được xây lên với giá gấp năm lần chi phí xây dựng của một nhà thầu tư nhân, những khu chung cư được xây rồi bị bỏ hoang, những công trình có chất lượng tồi nhưng được phê duyệt, được chiêm ngưỡng, được tha thứ và bảo vệ nhờ núp bóng con bò thần có tên “vì người nghèo”. “Người ta nói chính địa ngục cũng được xây lên từ những dự định tốt đẹp”, tờ *Ngọn cờ* viết. “Có phải đó là do chúng ta chưa bao giờ học được cách phân biệt xem dự định nào tạo nên cái tốt? Bây giờ không phải là lúc để học sao? Thế giới của chúng ta chưa bao giờ có nhiều dự định tốt được tuyên bố ầm ĩ như bây giờ. Và hãy nhìn thế giới này mà xem.”

Những bài xã luận của tờ *Ngọn cờ* đều do Gail Wynand viết. Ông đứng tại một cái bàn trong phòng sáng tác và viết trên một tấm bìa lớn, bằng một

chiếc bút chì xanh và những nét chữ cao đúng 1 inch. Ông phóng tay ký hai chữ "G.W." ở cuối mãi bài viết và những chữ cái nổi tiếng ấy chưa bao giờ lại mang một vẻ kiêu hãnh bất cần như thế.

Dominique đã bình phục và trở về căn nhà ngoại ô của họ. Wynand trở về nhà muộn vào buổi tối. Ông thường xuyên kéo Roark về cùng mỗi khi có thể. Họ ngồi cùng nhau trong phòng khách, cửa sổ mở toang trong đêm mùa xuân. Những dải đất tối trên quả đồi bắt đầu từ chân tường nhà chạy thoai thoải xuống hồ và mặt nước hồ lấp lánh xuyên qua những rặng cây ở xa xa phía dưới. Họ không nói chuyện về vụ án cũng như không nói về phiên tòa sắp tới. Nhưng Wynand nói về chiến dịch của mình, một cách lạnh băng, cứ như thể nó không dính dáng gì đến Roark cả. Wynand đứng ở giữa phòng, và nói:

"Được thôi, cả sự nghiệp của tờ *Ngọn cờ* này chỉ là rác rưởi. Nhưng vụ này sẽ thanh tẩy tất cả. Dominique, anh biết là em chưa bao giờ hiểu được tại sao anh không thấy xấu hổ với quá khứ. Tại sao anh yêu quý tờ *Ngọn cờ*. Bây giờ em sẽ thấy câu trả lời. Đó là quyền lực. Anh có một quyền lực mà anh chưa từng bao giờ kiểm tra. Bây giờ em sẽ thấy anh kiểm tra nó. Họ sẽ nghĩ những gì mà anh muốn họ nghĩ. Họ sẽ làm theo những gì mà anh nói. Bởi vì đây là thành phố *của anh* và anh *thực sự* là ông chủ ở đây. Howard, cho đến lúc anh phải ra tòa, tôi sẽ khiến cho tất cả bọn họ quay ngoắt lại, đến mức không có bồi thẩm đoàn nào dám kết tội anh."

Ông không ngủ được vào ban đêm. Ông không muốn ngủ. "Đi ngủ đi" ông sẽ nói với Roark và Dominique như vậy, "vài phút nữa tôi cũng sẽ đi ngủ." Sau đó, Dominique từ trong phòng ngủ, và Roark từ trong phòng dành cho khách ở bên kia hành lang sẽ nghe thấy bước chân của Wynand đi đi lại lại hàng giờ ngoài hiên – tiếng bước chân ấy như chứa một niềm vui không thể ngừng nghỉ, mỗi bước như một câu nói, một lời tuyên bố được ghim chặt xuống sàn nhà.

Một lần, khi Wynand đuổi hai người đi ngủ khi đêm đã khuya, Roark và Dominique cùng đi lên cầu thang và dừng lại ở bậc chờ đầu tiên, họ nghe thấy tiếng một que diêm được quẹt rất mạnh trong phòng khách ở dưới, một âm thanh gợi lên một hình ảnh một bàn tay đã giật mạnh một cách bất cần để châm lửa điếu thuốc đầu tiên trong chuỗi dài những điếu thuốc sẽ được đốt cho tới sáng sớm, một đốm sáng nhỏ lướt qua lướt lại ngoài hiên cùng với tiếng chân chắc nịch.

Họ cùng nhìn xuống cầu thang và sau đó nhìn nhau.

"Thật kinh khủng," Dominique nói.

"Thật tuyệt vời," Roark nói.

“Wynand không thể giúp anh được, cho dù ông ấy có làm gì đi chăng nữa.”

“Anh biết là ông ấy không thể. Nhưng đó không phải là vấn đề chính.”

“Ông ấy đang mạo hiểm mọi thứ ông ấy có để cứu anh. Ông ấy không biết là ông ấy sẽ mất em nếu như anh được cứu thoát.”

“Dominique, điều gì tồi tệ hơn đối với ông ấy – mất em hay là thua cuộc thánh chiến của chính ông ấy?” cô gật đầu, và hiểu ra. Anh nói thêm: “Em cũng biết không phải là ông ấy muốn cứu anh. Anh chỉ là cái cớ thôi.”

Cô đưa tay lên. Cô chạm vào má anh, một cái chạm nhẹ bằng đầu ngón tay. Cô không cho phép mình làm thêm điều gì khác. Cô quay người và đi về phòng ngủ, cô nghe tiếng anh đóng cửa phòng ngủ dành cho khách.

Lancelot Clokey viết trong một bài báo: “Có gì là vô lý khi các tờ báo của Wynand đứng ra bảo vệ Howard Roark đâu nhỉ? Nếu có ai nghi ngờ về những vấn đề đạo đức có liên quan trọng vụ này, thì đây là bằng chứng về việc đạo đức là cái gì và ai là người có đạo đức. Những tờ báo của Wynand vốn là thành trì của báo chí lá cải, của sự thô tục, tham nhũng và xì-căng-đan, chúng là sự lăng mạ đối với thị hiếu và sự đứng đắn của công chúng, là thế giới tri thức côn đồ và được cai trị bởi một người có ít ý niệm về nguyên tắc sống hơn cả những kẻ ăn thịt người – những tờ báo ấy xứng đáng là bảo kê cho Howard Roark, và Howard Roark xứng đáng là người hùng của họ. Sau cả một đời cống hiến cho sự nghiệp phá hủy tính chính trực của báo chí, lẽ đương nhiên là Gail Wynand phải ủng hộ một kẻ phá hủy còn thô thiển hơn cả ông ta.”

Gus Webb nói trong một bài phát biểu trước công chúng: “Tất cả những thứ phát biểu lòe loẹt trên báo chí lúc này đều chỉ là những thứ tầm phào. Đây mới là sự thật trần trụi của vấn đề. Trong nhiều năm qua, cái lão Wynand này đã kiếm rất nhiều, ý tôi là rất nhiều bằng cách lột da róc xương những kẻ hút máu trong giới bất động sản. Liệu ông ta có vui không khi chính phủ nhúng tay vào và hất ông ta ra, nhờ đó mà những người nghèo được sống dưới những mái nhà sạch sẽ và có một cái toilet hiện đại cho con cái họ? Tôi lấy đầu đảm bảo là ông ta không thích điều đó, không thích một chút nào cả. Đây là một vụ dàn xếp của hai kẻ đó, Wynand và gã bạn tóc đỏ của ông ta, và nếu quý vị hỏi tôi, tôi cho rằng gã đó kiếm được cả núi tiền từ ông Wynand vì đã hoàn thành nhiệm vụ.”

“Theo nguồn tin đáng tin cậy mà chúng tôi không thể tiết lộ,” một tờ báo cấp tiến viết, “vụ Cortlandt chỉ là bước đầu tiên trong một kế hoạch khổng lồ nhằm phá hủy tất cả những dự án xây nhà của chính phủ, tất cả những nhà máy điện công cộng, tất cả những bưu điện và trường học trên toàn nước

Mỹ. Kẻ cầm đầu là Gail Wynand – như chúng ta có thể thấy – và cả những nhà tư bản khát máu giống ông ta, bao gồm cả một vài nhân vật giàu có nhất nước."

Sally Brent viết trên tờ *Những mặt trận mới*: "Mọi người đã chú ý quá ít đến vai trò của phụ nữ trong vụ này. Ít nhất người ta cũng có thể nói rằng bà Gail Wynand đã đóng một vai trò rất không minh bạch. Việc bà ấy sai người gác đêm rời khỏi vị trí thật đúng lúc có phải chỉ là một sự tình cờ nho nhỏ không? Và có phải điều đó đã làm cho ông chồng phải bằng mọi cách bảo vệ ông Roark? Nếu như chúng ta không bị bịt mắt bởi một lòng hào hiệp ngu ngốc, vô nghĩa và lỗi thời bất cứ khi nào chúng ta thấy một người phụ nữ được coi là xinh đẹp, thì chúng ta đã không thể cho phép chi tiết đó bị bưng bít. Nếu chúng ta không quá kính nể vị trí xã hội của bà Wynand và cái gọi là uy danh của ông chồng bà ấy – người đang tự biến mình thành một kẻ đại ngốc – thì chúng ta đã phải đưa ra những nghi vấn về việc bà ấy đã gần chết trong thảm họa đó. Làm sao mà chúng ta có thể biết rằng bầ ấy đã gần chết? Người ta có thể mua chuộc bác sĩ, cũng như muc chuộc bất cứ ai khác, và ông Gail Wynand thì lại là một chuyên gia trong lĩnh vực này. Nếu chúng ta xem xét mọi mặt của vấn đề này, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra được những nét bên ngoài của một cái gì đó có vẻ giống như một 'phong cách sống' hết sức trụy lạc."

Một tờ báo kín tiếng và bảo thủ viết: "Vị thế mà những tờ báo của Wynand đang chọn là đáng hổ thẹn và không thể lý giải nổi."

Lượng phát hành của tờ *Ngọn cờ* sụt giảm hàng tuần, tốc độ giảm càng ngày càng nghiêm trọng, như một chiếc thang máy rơi tự do. Những khuy đeo áo và những chiếc sticker mang dòng chữ "Chúng tôi không đọc Wynand" mọc lên ở những bức tường, những bảng thông báo ở ga tàu điện ngầm, ở trên thanh gạt nước trên ô-tô và những ve áo[154]. Khán giả la ó trước những mẩu tin thời sự ngắn của Wynand ở các rạp chiếu phim. Tờ *Ngọn cờ* biến mất khỏi các quầy báo, những người bán hàng bắt buộc phải nhận báo nhưng họ giấu báo ở dưới quầy và chỉ miễn cưỡng đưa ra khi có người hỏi mua. Mặt đất đã được dọn sạch, những trụ đỡ đã bị ăn mòn từ lâu, vụ Cortlandt chỉ là cú hích cuối cùng.

Trong làn sóng căm phẫn nhằm vào Gail Wynand, người ta hầu như đã quên hẳn Roark. Những vụ biểu tình giận dữ nhất bắt nguồn từ chính độc giả của Wynand: từ các câu lạc bộ phụ nữ, từ những vị mục sư, những bà mẹ, những nhân viên bán lẻ. Người ta đã phải đưa Alvah Scarret ra khỏi căn phòng hàng ngày bị ngập lụt trong thư độc giả, bởi vì ông bắt đầu công việc hàng ngày của mình bằng việc đọc thư – và những người thân tín trong đám nhân viên của ông phải đưa ông ra khỏi phòng để ông không tiếp tục đọc

nữa, họ sợ rằng ông có thể bị đột quỵ.

Nhân viên của tờ *Ngọn cờ* làm việc trong im lặng. Không còn những cái liếc trộm, những câu rủa thầm, không cả những câu chuyện phiếm trong phòng vệ sinh nữa. Vài người xin nghỉ việc. Những người còn lại vẫn tiếp tục làm, chậm chạp và nặng nề, với thái độ của những người đang phải thắt dây an toàn và chờ đợi điều không thể tránh khỏi sẽ xảy ra.

Gail để ý thấy có một chút gì như là sự kéo dài trong mọi hành động xảy ra ở xung quanh ông. Khi ông đi vào tòa soạn, nhân viên của ông không ngừng làm việc khi nhìn thấy ông, khi ông gật đầu chào họ, thì lời chào đáp lại của họ đến chậm một giây so với thường lệ, khi ông bước tiếp và quay lại nhìn, ông thấy họ đang nhìn theo ông. Cái câu "Vâng thưa ngài Wynand" mà ông vẫn thường nghe thấy ngay sau khi ra lệnh – vốn không bao giờ có một khoảng khắc đứt đoạn giữa âm thanh cuối cùng trong mệnh lệnh của ông và câu nói ấy – bây giờ thường đến trễ, và khoảng ngập ngừng ở giữa trở nên rõ nét đến mức nó khiến cho câu trả lời nghe như việc đáp lại một câu hỏi chứ không phải một mệnh lệnh.

Mục *Một tiếng nói nhỏ* vẫn giữ im lặng về vụ Cortlandt. Wynand đã gọi Toohey đến văn phòng của ông, một ngày sau khi vụ nổ xảy ra, và đã nói: "Ông nghe đây. Không một từ nào trong mục của ông. Hiểu không? Ông làm gì hoặc gào thét cái gì ở ngoài kia tôi không thèm quan tâm – vào lúc này. Nhưng nếu ông gào to quá, thì sau khi vụ này kết thúc, tôi sẽ xử ông."

"Vâng, thưa ông Wynand."

"Đối với mục báo của ông, ông phải điếc, câm và mù. Ông chưa từng nghe về vụ nổ nào cả. Ông chưa từng biết một ai tên Roark. Ông không biết từ Cortlandt có nghĩa gì. Chừng nào ông còn ở trong tòa nhà này."

"Vâng, thưa ông Wynand."

"Và đừng để cho tôi thấy cái mặt của ông quá nhiều ở đây."

"Vâng, thưa ông Wynand."

Luật sư của Wynand, một người bạn cũ đã làm việc với ông trong nhiều năm cố gắng ngăn ông.

"Gail, chuyện gì vậy? Ông đang cư xử như một đứa trẻ. Như một thằng ranh chập chững học nghề. Tỉnh dậy đi."

"Câm miệng lại." Wynand nói.

"Gail, ông là... Ông đã là chủ bút vĩ đại nhất trái đất này. Tôi có phải nói với ông một điều rất hiển nhiên không? Trong kinh doanh, chống lại công chúng là một việc rất nguy hiểm. Đối với một tờ báo bình dân thì đó là tự

sát.”

“Nếu ông không câm miệng lại thì tôi sẽ đuổi việc ông và tìm cho mình một gã luật sư khát máu khác.”

Wynand bắt đầu tranh luận về vụ này với những nhân vật lớn mà ông gặp trong các bữa trưa, bữa tối vì công việc. Trước đó ông chưa hề tranh cãi về bất cứ chủ đề nào, ông cũng chưa từng biện hộ cho ai. Ông đã luôn chỉ ném các kết luận cuối cùng vào mặt những người nghe đáng kính của ông. Bây giờ ông không tìm thấy người nghe nữa. Không có cả sự im lặng dửng dưng, nửa chán chường nửa bực bội. Những kẻ trước đó đã lắng nghe như hớp từng lời mà ông nhả ra về thị trường chứng khoán, về bất động sản, về quảng cáo, về chính trị giờ đây không thèm để ý đến quan điểm của ông về nghệ thuật, về sự vĩ đại và về công lý.

Ông nghe được vài câu trả lời như sau:

“Đồng ý, Gail, phải, chắc chắn rồi. Nhưng mặt khác, tôi nghĩ anh ta đã quá ích kỷ. Và đó là vấn đề của thế giới ngày nay – sự ích kỷ. Có quá nhiều ích kỷ ở khắp mọi nơi. Đó cũng là những gì mà Lancelot Clokey đã đề cập tới trong quyển sách của ông ta – một quyển rấy hay, về thời thơ ấu của ông ấy, ông hãy đọc nó đi, có nhìn thấy ảnh của ông chụp với Clokey. Clokey đã đi khắp thế giới, ông ta biết rõ về những gì ông ta nói.”

“Được rồi, Gail, nhưng có phải là ông hơi lỗi thời trong chuyện này không? Ba cái chuyện về con người vĩ đại là gì vậy? Một anh thợ xây nổi tiếng thì có gì là vĩ đại? Mà làm gì có ai vĩ đại? Tất cả chúng ta chỉ toàn là những tế bào, những hóa chất và những gì chúng ta ăn sáng. Tôi nghĩ là Luis Cook đã giải thích nó rất kỹ trong cái cuốn sách dễ thương – tên nó là gì nhỉ? – à, đúng rồi – *Viên sỏi mật can đảm*. Chính thế đấy, thưa ngài. Tờ *Ngọn cờ* của ngài đã lăng-xê quyển sách đấy lên tận mây xanh.”

“Nhưng nghe này, Gail, anh ta nên nghĩ về người khác trước khi nghĩ về bản thân anh ta chứ. Tôi nghĩ rằng nếu một người không có tình yêu trong tim thì anh ta chả thể nào có ích được. Tôi nghe được điều đó trong một vở kịch tối qua - một vở kịch hoành tráng - vở mới của Ike – họ của anh ta là cái quái gì nhỉ? – anh nên xem nó – chính lão Jules Fougler của anh đã nói rằng đó là một bài thơ cũng cảm và dịu dàng trên sân khấu.”

“Anh có lý, Gail, và tôi không biết nói thế nào để phản bác lại, tôi không biết là anh sai ở đâu, nhưng tôi cảm thấy điều đó không đúng, bởi vì Ellsworth Toohey – nào, đừng có hiểu nhầm tôi, tôi không đồng ý với những quan điểm chính trị của Toohey một chút nào, tôi biết ông ta là một kẻ cực đoan, nhưng mặt khác ông cũng phải thừa nhận là ông ta là một con người có lý tưởng vĩ đại, với một trái tim lớn như một ngôi nhà – à phải rồi,

Ellsworth Toohey đã nói...”

Họ là những nhà triệu phú, chủ nhà băng, nhà tư bản công nghiệp và những thương gia – chính những người vẫn luôn không thể hiểu tại sao thế giới này đang rơi xuống địa ngục và luôn miệng than vãn về điều này trong các bữa tiệc trưa của mình.

Một buổi sáng, khi Wynand bước ra khỏi xe ở trước tòa nhà *Ngọn cờ*, một người phụ nữ chạy tới phía ông khi ông đang bước qua vỉa hè. Bà ta đã đợi ông ở cửa ra vào. Một người béo và đứng tuổi. Bà ta mặc một bộ đồ bằng vải thô bẩn thỉu và đội một cái mũ nhàu nát. Một cái mặt xanh xao và chảy xệ, một cái miệng méo mó và cặp mắt đen, tròn, rực sáng. Bà đứng trước Gail Wynand và ném một bó lá cải thối vào mặt ông. Không có củ cải, chỉ có những lá cây, mềm và nhẽo, buộc lại với nhau bằng một sợi dây. Chúng đập vào má ông và trượt xuống vỉa hè.

Wynand đứng im. Ông nhìn người phụ nữ đó. Ông nhìn thấy một khối thịt trắng, với cái miệng đang há to đắc thắng, gương mặt của một con quỷ tự coi mình là đạo đức, là lẽ phải. Những người qua đường đã túm lấy người phụ nữ và bà ta thì đang gào lên những lời tục tĩu nhất. Wynand giơ tay lên và lắc đầu, ra hiệu cho họ thả sinh vật đó đi, và ông đi vào tòa nhà *Ngọn cờ*, một vết bẩn màu vàng xanh bám chéo qua má ông.

“Ellsworth, chúng ta sẽ phải làm gì đây?” Alvah Scarret than vãn. “Chúng ta sẽ phải làm gì đây?”

Ellsworth Toohey ngồi ở trên mép bàn, và mỉm cười như thể là ông sắp hôn Alvah Scarret đến nơi.

“Tại sao họ lại không thôi cái vụ chết tiệt đó đi, Ellsworth? Tại sao không có sự kiện nào khác xảy ra để chèn vào trang đầu tờ báo? Chúng ta không thể đẻ nhanh một tin tức hay một thứ gì đó mang tính quốc tế được hay sao? Từ lúc cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tôi chưa từng chứng kiến người ta trở nên điên rồ vì một chuyện nhỏ nhặt như lần này. Một vụ nổ! Chúa ơi, Ellsworth, nó chỉ đáng được đăng ở mặt sau của báo. Chúng ta có những vụ như thế hàng tháng, gần như vụ đình công nào mà chả có, hẳn ông còn nhớ? – đình công của giới thuộc da, đình công của những người giặt khô là hơi... Ôi, quỷ tha ma bắt! Tại sao tất cả lại trở nên thịnh nộ như thế này chứ? Ai thèm quan tâm? Tại sao họ lại phải quan tâm đến nó?”

“Có nhiều khi, Alvah, những vấn đề được quan tâm lại không hề là những sự kiện trên bề mặt. Và công luận giường như quá đà, nhưng thực sự thì không. Anh không nên rầu rĩ vì nó như thế. Tôi thật ngạc nhiên về anh đấy. Lẽ ra anh phải cảm ơn những ngôi sao của anh. Anh thấy đấy, đây chính là ý của tôi khi tôi nói về cái gọi là chờ đúng thời điểm. Thời điểm đúng luôn

luôn đến. Mặc dù quỷ tha ma bắt tôi đi nếu như tôi đã hy vọng thời cơ đến với mình theo cách này. Vui lên đi, Alvah. Đây chính là lúc chúng ta phải tiếp quản nó."

"Tiếp quản cái gì?"

"Những tờ báo của Wynand."

"Ông điên rồi, Ellsworth. Như tất cả bọn họ. Ông điên rồi. Ý ông là gì cơ? Gail giữ 51 phần trăm của..."

"Alvah, tôi yêu anh. Anh thật tuyệt vời, Alvah ạ. Tôi yêu anh, nhưng tôi ước gì anh không phải là một thằng ngốc chết tiệt như thế này, thì tôi mới có thể nói chuyện với anh được. Giá mà tôi có thể nói chuyện với một ai đó!"

Ellsworth Toohey cố thử nói chuyện với Gus Webb vào một buổi tối, nhưng buổi nói chuyện đó thật đáng thất vọng. Gus Webb lè nhè:

"Vấn đề của ông, Ellsworth à, là ông quá lãng mạn. Quá là lý thuyết suông. Ông lảm nhảm những cái đó để làm gì vậy? Không có một giá trị thực tế nào cả. Chuyện này chả có gì ăn được, và chỉ kéo dài một hai tuần. Tôi ước gì anh ta cho nổ tòa nhà khi có đầy người trong đó – vài đứa trẻ con bị nổ tan xác – như thế thì còn có chuyện mà nói. Như thế thì tôi còn thích nó. Phong trào cũng có thể lợi dụng điều đó. Nhưng còn cái này? Họ sẽ tống đồ ngốc kia vào nhà tù và chỉ có thế. Ông ư – một kẻ thực tế? Ông là một ví dụ không thể cứu chữa được của giới trí thức, Ellsworth, ông là thế đấy. Ông cho rằng ông là con người của tương lai ư? Đừng tự lừa dối mình như thế, cưng ạ. Tôi mới là người của tương lai."

Toohey thở dài rồi đáp. "Anh nói đúng, Gus."

XIV.

“Ông thật tốt, ông Toohey," Bà Keating nói khúm núm. "Tôi rất mừng vì ông đã đến. Tôi không biết làm thế nào với Petey nữa. Nó không muốn gặp ai. Nó không đi làm. Tôi rất sợ, ông Toohey. Bỏ quá cho tôi, tôi không được phép than vãn thế này. Có thể ông giúp được, giúp kéo nó lên. Nó nghĩ về ông rất nhiều, ông Toohey."

"Vâng, chắc chắn rồi. Cậu ấy đâu?"

"Ở ngay đây. Trong phòng của nó. Đi lối này, thưa ông Toohey."

Cuộc thăm viếng này hoàn toàn bất ngờ. Toohey đã không đến đây nhiều năm. Bà Keating rất cảm động. Bà dẫn ông đi dọc theo hành lang, mở một cánh cửa mà không cần gõ cửa, vì sợ phải thông báo có khách, sợ đứa con của bà từ chối tiếp. Bà nói, giọng vui vẻ:

"Nhìn này, Petey, hãy xem mẹ đã đem vị khách nào đến cho con!"

Keating ngẩng đầu lên. Anh ngồi bên một cái bàn bừa bộn, dưới một cái đèn điện mờ mờ; anh đang giải đố một ô chữ được xé ra từ một tờ báo. Có một cốc nước cà chua còn nguyên đặt trên bàn, nó có một đường viền khô màu đỏ quanh mép; một cái hộp đựng đồ chơi xếp hình; một bộ bài; một quyển Kinh thánh.

"Chào ông, Ellsworth," anh nói, miệng mỉm cười. Anh rướn người về phía trước như muốn đứng lên, nhưng được nửa chừng thì dừng lại.

Bà Keating nhìn thấy nụ cười. Bà vội vàng đi ra ngoài, thở phào nhẹ nhõm, và đóng cửa lại.

Nụ cười chưa kịp nở ra hết đã tắt đi. Nó chỉ là một biểu hiện bản năng của ký ức. Sau đó anh nhớ ra rất nhiều thứ mà anh đã cố không hiểu.

"Chào ông, Ellsworth," anh lặp lại một cách tuyệt vọng.

Toohey đứng trước anh, quan sát căn phòng, cái bàn, với sự tò mò.

"Thật là cảm động, Peter," ông nói. "Thật cảm động. Tôi chắc là anh ta sẽ cảm động nếu anh ta nhìn thấy những thứ này."

"Ai cơ?"

"Bây giờ anh kiệm lời nhỉ, Peter? Không thích gặp mọi người hả?"

"Tôi đã muốn được gặp ông, Ellsworth. Tôi đã muốn được nói chuyện với ông."

Toohey cầm lấy cái lưng một chiếc ghế. Ông vung tay khoát một nửa

vòng tròn trong không khí rồi đặt cái ghế xuống cạnh bàn và ngồi xuống.

"Được rồi, đó chính là lý do tôi đến đây," ông nói, "để nghe anh nói chuyện."

Keating không nói gì.

"Sao nào?"

"Ông không được nghĩ là tôi không muốn gặp ông, Ellsworth. Chỉ là... chuyện tôi bảo mẹ không được để cho ai vào... chỉ là vì những tay phóng viên. Họ không để cho tôi yên."

"Chúa ơi, quả là thời thế thay đổi rồi Peter. Tôi nhớ ngày xưa thì chẳng ai có thể ngăn anh gặp giới báo chí cơ đấy."

"Ellsworth, tôi không còn chút hài hước nào nữa đâu. Không còn chút nào cả."

"Thế là may đấy. Không thì anh sẽ có thể chết vì cười."

"Tôi quá mệt rồi, Ellsworth... Tôi mừng là ông đã đến."

Ánh sáng chiếu lên mắt kính của Toohey và Keating không thể nhìn thấy mắt của ông; chỉ có hai vòng tròn kim loại lấp lóa, như hai bóng đèn pha đã cháy của một chiếc xe phản chiếu một cái gì đó đang từ xa tiến lại gần.

"Anh nghĩ là anh có thể thoát được bằng cách này à?" Toohey hỏi.

"Cách gì cơ?"

"Bằng cách ẩn dật. Bằng sự hành xác vĩ đại. Bằng sự im lặng trung thành."

"Ellsworth, ông làm sao vậy?"

"Vậy là anh ta không có tội, phải không? Và anh muốn chứng tôi làm ơn xin hãy để cho anh ta yên, phải không?"

Bờ vai của Keating dịch chuyển - trông như một ý định ngồi thẳng dậy hơn là bản thân việc ngồi thẳng dậy; rốt cuộc nó chỉ dừng lại ở một ý định và miệng anh há ra vừa đủ để hỏi:

"Ông muốn gì?"

"Toàn bộ câu chuyện."

"Để làm gì?"

"Muốn tôi làm mọi việc trở nên dễ dàng hơn cho anh à? Muốn một lý do tốt à, Peter? Tôi có thể làm được điều đó, anh biết đấy. Tôi có thể cho anh cả ba mươi ba lý do, tất cả đều cao quý, và anh có thể bám vào bất cứ lý do nào. Nhưng bây giờ tôi không muốn làm mọi việc dễ dàng hơn cho anh. Do vậy

tôi sẽ chỉ nói với anh sự thật: tôi cần toàn bộ câu chuyện để tống anh ta vào tù, cái tên người hùng của anh, thần tượng của anh, người bạn rộng lượng của anh, thiên thần hộ mệnh của anh!"

"Tôi không có gì để nói với ông, Ellsworth."

"Mặc dù anh đang bị sốc đến mức mất hết cả khả năng hài hước, nhưng anh cũng nên cố tỉnh táo mà nhận ra rằng anh không phải là đối thủ của tôi đâu. Anh sẽ phải nói nếu như tôi muốn anh nói và lúc này tôi không muốn lãng phí thời gian. Ai là người đã thiết kế Cortlandt?"

"Tôi thiết kế."

"Anh có biết tôi là một chuyên gia về kiến trúc không nhỉ?"

"Tôi đã thiết kế Cortlandt."

"Cũng như là anh đã thiết kế tòa nhà Cosmo-Slotnick ư?"

"Ông muốn gì ở tôi?"

"Tôi muốn anh đứng làm chứng ở tòa, Petey. Tôi muốn anh kể chuyện này trước tòa. Bạn anh không được rõ ràng như anh. Tôi không biết ý đồ của anh ta là gì nữa. Việc anh ta ở lại hiện trường quả là thông minh. Anh ta biết sẽ bị nghi ngờ và anh ta xử lý việc đó rất tinh tế. Chúa mới biết anh ta sẽ nói gì ở tòa. Tôi sẽ không để cho anh ta thoát tội nhờ điều đó. Tất cả bọn họ đều chết tắc khi điều tra về động cơ của anh ta. Tôi biết động cơ đó là gì. Nhưng sẽ không có ai tin nếu tôi là người giải thích điều đó. Nhưng anh sẽ nói ra điều đó sau khi đã tuyên thệ. Anh sẽ nói sự thật. Anh sẽ nói với họ ai là người thiết kế Cortlandt và tại sao."

"Tôi đã thiết kế nó."

"Nếu anh muốn nói như thế trước tòa thì anh nên kiểm soát cơ thể mình đi. Tại sao anh lại run lên như thế?"

"Hãy để tôi yên."

"Quá muộn rồi, Petey. Anh có đọc Faust[155] không nhỉ?"

"Ông muốn gì?"

"Muốn túm gáy Howard Road."

"Anh ta không phải là bạn tôi. Chưa từng. Ông biết tôi coi anh ta là gì rồi đấy."

"Tôi biết, đồ ngốc! Tôi biết là cả đời anh luôn ngưỡng mộ anh ta. Anh đã quỳ lạy, đã tôn sùng anh ta, đồng thời anh lại đâm dao vào lưng anh ta. Anh thậm chí còn không có đủ dũng cảm để sống xấu xa hơn. Anh đã không thể chọn dứt khoát một trong hai con đường. Anh căm thù tôi - ồ, anh nghĩ là tôi

không biết ư? - và anh vẫn chạy theo tôi. Anh tôn thờ và anh đã hủy diệt anh ta. Ồ, anh đã thực hiện việc đó hoàn hảo, Petey, và bây giờ không còn chỗ nào để chạy trốn cả, và anh sẽ phải trả giá cho nó!"

"Thế anh ta là gì đối với ông? Chuyện này có nghĩa gì với ông?"

"Lẽ ra anh phải hỏi như vậy từ lâu rồi. Nhưng anh đã không hỏi. Điều đó có nghĩa là anh đã biết. Anh luôn biết. Đó là lý do khiến cho anh run lên. Tại sao tôi phải giúp anh nói dối chính bản thân anh chứ? Tôi đã làm việc đó suốt mười năm rồi. Đó cũng là lý do mà anh tìm đến tôi. Đó cũng là lý do mà tất cả bọn họ tìm đến tôi. Nhưng anh không thể chỉ nhận mà không mất gì cả. Không bao giờ. Những lý thuyết xã hội của tôi không bao giờ tán thành điều đó. Anh dã có được những gì anh muốn từ tôi. Bây giờ đến lượt tôi đòi anh."

"Tôi sẽ không nói về Howard. Ông không thể ép tôi nói về Howard được."

"Không ư? Tại sao anh không ném tôi ra khỏi đây đi? Tại sao anh không túm lấy cổ họng tôi và bóp tôi chết ngạt đi? Anh khỏe hơn tôi rất nhiều. Nhưng anh sẽ không làm điều đó. Anh không thể. Anh có nhìn ra bản chất của quyền lực không, Petey? Quyền lực thể xác ư? Cơ bắp hay súng đạn hay tiền bạc ư? Anh và Gail Wynand lẽ ra nên chơi với nhau. Anh có rất nhiều thứ để dạy cho ông ta. Thôi nào, Peter. AI là người đã thiết kế Cortlandt?"

"Hãy để tôi yên."

"Ai đã thiết kế Cortlandt?"

"Hãy thả tôi ra!"

"Ai đã thiết kế Cortlandt?"

"Việc ông đang làm còn tồi tệ hơn, tệ hơn rất nhiều..."

"So với cái gì?"

"So với những gì tôi đã làm đối với Lucius Heyer."

"Anh đã làm gì Lucius Heyer?"

"Tôi đã giết ông ấy."

"Anh đang nói về cái gì vậy?"

"Đó là lý do tại sao điều đó lại tốt hơn. Bởi vì tôi đã để cho ông ấy chết."

"Đừng có mê sảng nữa."

"Tại sao ông lại muốn giết Howard Road?"

"Tôi không muốn giết anh ta. Tôi muốn anh ta vào tù. Anh hiểu chưa?

Vào tù. Ở trong ngục. Đằng sau song sắt. Bị khóa chặt, bị chặn lại, bị nhốt ở đó - và vẫn sống. Anh ta sẽ đứng lên khi người ta bảo anh ta đứng lên. Anh ta sẽ ăn khi người ta cho ăn. Anh ta sẽ cử động khi người ta cho phép cử động và sẽ dừng lại khi có lệnh. Anh ta sẽ đi bộ đến xưởng làm đay khi người ta sai, và sẽ làm khi được lệnh phải làm. Họ sẽ đẩy vào lưng anh ta nếu như anh ta không đi đủ nhanh, họ sẽ tát vào mặt anh ta khi họ muốn, họ sẽ đánh anh ta bằng roi da nếu anh ta không phục tùng. Và anh ta sẽ phục tùng. Anh ta sẽ phải tuân lệnh. *Anh ta sẽ phải tuân lệnh*!"

"Ellsworth!" Keating gào lên. "Ellsworth!"

"Anh làm cho tôi phát tởm. Anh không thể chấp nhận sự thật được à? Đúng rồi, anh muốn mọi thứ bọc đường. Đó là lý do tại sao tôi thích Gus Webb hơn. Ít ra cũng có một người không ảo tưởng gì cả."

Bà Keating mở tung cửa. Bà đã nghe thấy tiếng gào.

"Ra ngoài đi!" Toohey giật giọng với bà.

Bà lùi ra, và Toohey đóng sầm cửa lại.

Keating ngẩng đầu lên. "Ông không có quyền nói với mẹ tôi như thế. Bà ấy chẳng có liên quan gì ở đây cả."

"Ai đã thiết kế Cortlandt?"

Keating đứng dậy. Anh lết chân đến tủ quần áo, mở một ngăn kéo, lấy ra một mẩu giấy nhàu nát và đưa nó cho Toohey. Đó là bản hợp đồng giữa anh và Roark.

Toohey đọc nó và cười khẩy, một tiếng cười khô khốc. Sau đó ông nhìn vào Keating.

"Anh là một thành quả hoàn hảo của tôi, Peter. Nhưng đôi khi tôi cũng buộc phải ngoảnh mặt khỏi những thành quả của mình."

Keating đứng cạnh tủ quần áo, vai buông thõng, cặp mắt trống rỗng.

"Tôi đã không nghĩ là anh có hẳn bản viết tay như này, với chữ ký của anh ta. Vậy ra đây là những gì anh ta đã làm cho anh - và đây là những gì anh đền đáp lại anh ta... Không, tôi xin rút lại lời xúc phạm anh, Peter. Anh bắt buộc phải làm điều đó. Anh là ai mà có thể đảo ngược lại những quy luật của lịch sử? Anh có biết tờ giấy này là cái gì không? Là sự hoàn hảo không thể có, là giấc mơ của nhiều thế kỷ, là mục đích của tất cả những tư tưởng lớn của loài người. Anh đã gò cương được anh ta. Đã bắt anh ta làm việc cho anh. Anh đã giành lấy thành tựu, phần thưởng, tiền bạc, vinh quang và tên tuổi của anh ta. Chúng tôi chỉ nghĩ và viết về nó. Còn anh thì đưa ra ví dụ thực tế. Tất cả những nhà giả kim hay triết học từ thời Plato đến giờ đều phải

cảm ơn anh. Nó đây, viên đá mà mọi nhà giả kim đều đi tìm - để biến vàng thành chì. Tôi nên hài lòng mới phải, nhưng tôi nghĩ tôi chỉ là một con người và tôi không thể chịu đựng nổi, tôi không hài lòng, tôi chỉ thấy ghê tởm. Những người kia, Plato và tất cả những nhà giả kim khác, họ thực sự nghĩ rằng viên đá kia có thể biến chì thành vàng. Tôi đã biết sự thật từ đầu. Tôi đã luôn trung thực với chính mình, Peter, và đó là thứ trung thực khó thực hiện nhất. Đó cũng là cái mà các người luôn chạy trốn bằng mọi giá. Và ngay lúc này tôi không trách anh, bởi vì đó là điều khó khăn nhất, Peter."

Ông mệt mỏi ngồi xuống và hai tay cầm các góc tờ giấy. Ông nói:

"Nếu anh muốn biết nó khó như thế nào thì tôi sẽ nói cho anh biết: ngay lúc này tôi muốn đốt cháy tờ giấy này. Anh muốn hiểu điều đó như thế nào cũng được. Tôi sẽ không tự tâng bốc mình bởi vì tôi biết ngày mai tôi sẽ gửi cái này đến chỗ luật sư hạt. Roark sẽ không bao giờ biết chuyện này - và ngay cả nếu anh ta biết thì cũng chẳng có gì khác nhau - nhưng nếu nói đúng sự thật thì có một khoảnh khắc tôi đã muốn đốt cháy tờ giấy này."

Ông gấp tờ giấy lại cẩn thận và thả vào túi áo. Keating chăm chú nhìn các cử động của ông; cả đầu anh cũng di chuyển theo, như một con mèo con đang quan sát một quả bóng buộc dây.

"Anh làm cho tôi ghê tởm," Toohey nói. "Chúa ơi, anh làm cho tôi ghê tởm biết bao, tất cả những kẻ đạo đức giả ủy mị như anh! Anh đi theo tôi, anh lải nhải lại những gì tôi dạy anh, anh kiếm lợi từ nó - nhưng anh thậm chí không đủ sự tử tế mà thừa nhận với bản thân anh về những việc mà anh đang làm. Mặt anh tái mét lại khi anh nhìn thấy sự thật. Tôi nghĩ đó là bản chất của anh và đó cũng là vũ khí chính của tôi - nhưng chúa ơi! Tôi đã quá mệt mỏi vì điều đó. Tôi phải tự cho mình được phép thoát khỏi anh trong khoảnh khắc. Tôi đóng kịch suốt đời tôi để cho những thứ thế này đây - cho những kẻ tầm thường ti tiện như anh. Để bảo vệ sự ủy mị của anh, sự làm đỏm giả dối của anh, lương tâm của anh và cả sự bình an trong tâm hồn mà anh hoàn toàn không có. Đó cũng là cái giá tôi phải trả cho những gì tôi muốn - nhưng ít nhất thì tôi biết là tôi phải trả giá cho nó. Và tôi không có ảo tưởng gì về cái giá cũng như về món hàng."

"Ông muốn... gì... Ellsworth?"

"Quyền lực, Petey."

Có những bước chân đi lại ở căn hộ phía trên, ai đó nhảy nhót vui vẻ, vài tiếng động ở trên trần nghe như ai đó đang dập dập chân theo nhịp bốn hoặc năm bước. Bóng đèn ở trên trần rung leng keng và Keating đờ đẫn ngẩng đầu lên. Rồi anh lại quay lại nhìn Toohey. Ông đang cười mỉm, gần như dửng dưng.

"Ông... luôn nói rằng..." Keating bắt đầu mở miệng thật khó nhọc, và ngừng lời.

"Tôi luôn luôn nói chính điều đó. Nói rõ ràng, chính xác và công khai. Tôi không có lỗi nếu anh không có khả năng nghe thấy. Tất nhiên là anh có thể. Nhưng anh đã không muốn. Với tôi, như thế còn an toàn hơn là bị điếc. Tôi đã nói là tôi muốn cai trị. Cũng như tất cả những nhà lãnh tụ tinh thần trước tôi. Nhưng tôi may mắn hơn họ. Tôi kế thừa thành quả từ những nỗ lực của họ, và tôi sẽ là người được chứng kiến giấc mơ vĩ đại kia trở thành hiện thực. Ngày nay, tôi nhìn thấy điều đó ở khắp mọi nơi ở xung quanh. Tôi nhận ra nó. Tôi không thích điều đó. Tôi cũng đã không trông chờ mình sẽ thích nó. Số phận của tôi không phải là để hưởng thụ. Tôi sẽ tìm được sự thỏa mãn trong khuôn khổ mà khả năng của tôi cho phép. Tôi sẽ cai trị."

"Cai trị ai cơ...?"

"Anh. Cả thế giới. Vấn đề chỉ là tìm ra một cái đòn bẩy. Nếu anh biết cách cai trị linh hồn của một người thì anh cũng có thể cai trị cả loài người. Chính là linh hồn, Peter, linh hồn. Không phải là roi da, dao kiếm, hay súng đạn. Đó là lý do tại sao những thể loại như Caesar, Attila, Napoleon chỉ là những thằng ngốc và không thể tồn tại lâu dài được. Nhưng chúng ta sẽ làm được điều đó. Linh hồn, Peter, là thứ không thể cai trị được. Phải phá hủy nó. Đóng một cái nêm, móc ngón tay vào - và người đó sẽ là của anh. Khi đó anh không cần đến roi - hắn ta sẽ tự mang roi cho anh và cầu xin anh quất hắn. Khiến hắn phản bội bản thân hắn - và cơ chế hoạt động của hắn sẽ làm việc của anh thay cho anh. Sử dụng hắn chống lại chính bản thân hắn. Muốn biết làm việc đó thế nào ư? Hãy xem tôi đã bao giờ nói dối anh chưa? Hãy xem có phải là tôi đã luôn nói với anh tất cả những điều này từ nhiều năm nay, nhưng anh không muốn nghe, và lỗi là do anh, không phải do tôi. Có rất nhiều cách thực hiện. Đây là một cách. Hãy làm cho một người cảm thấy nhỏ bé. Làm cho hắn thấy tội lỗi. Hủy diệt khát vọng và sự chính trực của hắn ta là một việc khó. Bởi vì những kẻ tệ nhất trong đám các anh cũng vẫn luôn dò dẫm đi tìm lý tưởng theo cách riêng méo mó của các anh. Nhưng hãy hủy diệt sự chính trực bằng cách làm mục nát bên trong một người. Sử dụng sự chính trực để chống lại chính nó. Hướng nó đến một cái đích có khả năng hủy diệt mọi sự chính trực. Rao giảng về sự xóa bỏ cái tôi. Bảo với một người rằng hắn phải sống vì người khác. Nói ới loài người rằng sống vì người khác là lý tưởng cao quý. Không có một ai trong số họ có thể đạt được điều đó. Anh không thấy anh đã đạt được gì à? Họ sẽ nhận ra rằng họ không có khả năng làm cái mà họ đã chấp nhận như đức hạnh cao quý nhất - và điều đó sẽ khiến họ có cảm giác tội lỗi, có cảm giác mình hoàn toàn vô giá trị. Vì họ không thể đạt tới lý tưởng cao nhất nên rút cục họ sẽ vứt bỏ tất cả mọi lý tưởng, mọi khát vọng, mọi ý thức về giá trị bản thân. Họ sẽ cảm thấy

mình có bổn phận phải rao giảng những gì mà họ đã không thực hiện được. Nhưng người ta không thể tốt một nửa, hoặc hơi hơi trung thực. Bảo vệ sự chính trực của bản thân là một trận chiến khó khăn. Tại sao lại phải bảo vệ một thứ mà người ta biết rằng đã bị mục ruỗng rồi? Vì thế linh hồn của họ sẽ từ bỏ luôn cả sự tự trọng của chính mình. Thế là anh đã túm được họ rồi. Họ sẽ tuân lệnh của anh. Họ sẽ vui mừng vì được tuân lệnh - bởi vì họ không thể tin bản thân được nữa, họ cảm thấy không chắc chắn, không trong sạch. Đó là một cách. Đây là một cách nữa. Hủy diệt nhận thức của một người về những giá trị khác nhau. Hủy diệt khả năng nhận ra sự vĩ đại hoặc khả năng đạt được sự vĩ đại. Chúng ta không thể cai trị những người vĩ đại. Chúng ta không muốn có những con người vĩ đại. Đừng phủ nhận khái niệm về sự vĩ đại. Mà hãy phá hủy nó từ bên trong. Những gì vĩ đại thường hiếm khi gặp, chúng là những gì khó khăn, xuất chúng. Hãy dựng lên những tiêu chuẩn về sự thành đạt mà tất cả mọi người đều đạt được, kể cả những kẻ thấp kém nhất, những kẻ bất tài nhất - và như thế anh sẽ chặn đứng cái mong muốn phấn đấu của tất cả, cả kẻ vĩ đại lẫn kẻ tầm thường. Anh sẽ làm mọi người không còn động cơ để vươn lên, để thành công, để trở nên hoàn hảo. Hãy cười nhạo Roark và nâng Peter Keating lên thành một kiến trúc sư vĩ đại. Như vậy anh đã phá hủy cả nền kiến trúc. Nâng Lois Cook lên và anh đã phá hủy cả nền văn học. Tâng bốc Ike và anh đã phá hủy cả nghệ thuật sân khấu. Đem lại vinh quang cho Lancelot Clokey và anh đã phá hủy cả giới báo chí. Đừng cố san bằng mọi đền thờ - như thế anh sẽ làm loài người hoảng sợ. Hãy phong thánh cho kẻ tầm thường lên - và tất cả mọi đền thờ thiêng liêng đều bị san phẳng. Còn một cách khác. Hủy diệt bằng tiếng cười. Tiếng cười là một phương tiện đem lại niềm vui cho loài người. Hãy học cách sử dụng nó như một thứ vũ khí hủy diệt. Biến nó thành sự nhạo báng, châm chích. Rất đơn giản. Hãy bảo người ta cười nhạo tất cả mọi thứ. Bảo họ năng khiếu hài hước là một phẩm hạnh vô giá. Đừng để một kẻ coi bất cứ cái gì là thiêng liêng trong linh hồn hắn - và như thế đối với hắn, linh hồn sẽ trở nên không thiêng liêng nữa. Hủy diệt lòng tôn kính, và anh đã hủy diệt người anh hùng trong mỗi người. Người ta không thể tỏ ra tôn kính nếu cứ cười khúc khích. Hắn ta sẽ nghe theo và nghe theo bất cứ cái gì - bất cứ cái gì - không có gì là quá nghiêm túc cả. Đây là một cách nữa. Cách này quan trọng nhất. Đừng để cho loài người được hạnh phúc. Hạnh phúc có khả năng tự dưỡng và tự thỏa mãn. Những người hạnh phúc không có thời gian và không có giá trị sử dụng đối với anh. Nn người hạnh phúc là những người tự do. Do vậy phải hủy diệt niềm vui sống của họ. Tước bỏ đi khỏi họ tất cả những gì yêu quý và quan trọng nhất. Đừng để họ có những gì họ muốn. Làm cho họ cảm thấy rằng khát vọng cá nhân là tội ác. Đưa họ đến một trạng thường ái mà câu nói "Tôi muốn" không còn là tự nhiên đúng nữa, mà chỉ là một thứ đáng hổ thẹn. Trong tình huống này thì chủ nghĩa vị nhân sinh giúp ích rất nhiều. Những

người không hạnh phúc sẽ tìm đến anh. Họ sẽ cần anh. Họ đến để được an ủi, được hỗ trợ, được chạy trốn. Tự nhiên không cho phép bất cứ một khoảng trống rỗng nào. Hãy làm rỗng linh hồn một người và anh có thể lấp bất cứ cái gì vào khoảng trống đó. Tôi không hiểu tại sao anh lại có vẻ sốc đến vậy, Peter. Cách này là cách cổ xưa nhất. Hãy nhìn lại lịch sử xem. Nhìn vào bất cứ hệ thống đạo đức nào, kể cả ở phương Đông. Chẳng phải tất cả bọn họ đều rao giảng rằng phải hy sinh niềm vui cá nhân sao? Đằng sau tất cả những thứ dài dòng đó, chẳng phải tất cả bọn họ đều có một nét chủ đạo: hy sinh, quên mình, và chối bỏ bản thân? Không phải là anh đã nắm được khúc nhạc hiệu của họ ư? - 'Từ bỏ, từ bỏ, từ bỏ, từ bỏ'? Hãy nhìn vào bầu không khí đạo đức ngày nay. Những gì người ta có thể tận hưởng một cách vui vẻ, từ thuốc lá cho đến tình dục, cho đến tham vọng, cho đến động cơ làm giàu, tất cả đều bị coi là trụy lạc, tội lỗi. Hãy thử chứng minh điều gì đó làm cho loài người hạnh phúc xem - và anh sẽ hủy diệt nó. Đó là những gì mà chúng ta đã đạt tới. Chúng ta đã gắn chặt hạnh phúc với tội lỗi. Và chúng ta đã túm được cổ họng của loài người. Hãy ném đứa con cả của anh lên giàn lửa tế thần - hãy nằm trên đinh sắt - hãy đi vào sa mạc để hành xác - đừng nhảy nhót - đừng đi xem phim vào Chủ nhật - đừng cố làm giàu - đừng hút thuốc - đừng uống rượu.[156] Tất cả đều cùng một mục đích cả. Một mục đích vĩ đại. Những kẻ ngốc nghĩ rằng tất cả những điều cấm kỵ kiểu này đều chỉ là những thứ nhảm nhí. Một cái gì đó còn sót lại, lỗi thời. Nhưng luôn có một mục đích trong những thứ nhảm nhí đó. Đừng mất công tìm hiểu một thứ lý thuyết điên rồ nào - hãy tự hỏi xem nó đạt được cái gì. Mọi hệ thống đạo đức rao giảng về lòng hy sinh đều phát triển lên thành một hệ thống quyền lực trên thế giới và cai trị hàng triệu người. Tất nhiên là anh phải đánh bóng nó. Anh phải nói với mọi người rằng họ sẽ đạt được một thứ hạnh phúc siêu việt hơn bằng cách từ bỏ những thứ làm cho họ hạnh phúc theo lối thông thường. Nhưng đừng hứa hẹn quá rõ ràng, rành mạch. Hãy sử dụng những từ đao to búa lớn và mơ hồ. 'Giao hòa với vũ trụ' - 'Linh hồn bất tử' - Mục đích thần thánh' - 'Niết bàn' - 'Thiên đường' - 'Dân tộc thượng đẳng' - 'Người nghèo làm chủ'. Hãy làm thối nát từ bên trong ra, Peter ạ. Đó là cách cổ xưa nhất. Trò hề này đã diễn ra từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, và loài người vẫn bị lừa phỉnh. Như vậy, phép thử rất đơn giản: chỉ cần lắng nghe bất cứ một nhà khai sáng nào và nếu anh nghe thấy ông ta nói về đức hy sinh - chạy ngay đi. Hãy chạy nhanh hơn cả chạy bệnh dịch. Có lý của nó khi mà ở đâu có sự hy sinh, ở đó có người tiếp nhận chúng. Cũng như là ở đâu có dịch vụ, thì ở đó có người được phục vụ. Người nói với anh về lòng hy sinh cũng là người nói về đầy tớ và những ông chủ. Và người đó muốn trở thành ông chủ. Còn bất cứ khi nào anh nghe một ai đó nói rằng anh phải hạnh phúc, rằng đó là quyền tự nhiên của anh, rằng nghĩa vụ đầu tiên của anh là nghĩa vụ với chính bản

thân anh - người đó sẽ không đòi giành lấy linh hồn của anh. Đó sẽ là người không thu lợi gì ở anh. Nhưng hãy để cho anh ta đến và anh sẽ gào thét đến mất trí, sẽ rú rít lên rằng anh ta là một con quái vật ích kỷ. Và vì thế mà trò bịp này vẫn an toàn trong nhiều thế kỷ qua. Nhưng anh có thể để ý đến một điều ở đây. Tôi đã nói 'Có lý của nó'. Anh có thấy không? Loài người có vũ khí chống lại anh. Đó là cái lý, là lý trí. Do vậy anh phải nhớ loại bỏ lý trí ra khỏi họ. Cắt bỏ cái trụ đỡ từ bên dưới nó. Nhưng hãy thận trọng. Đừng có chối bỏ thẳng thừng. Không bao giờ được thẳng thừng chối bỏ một cái gì cả, nếu không anh sẽ công toi. Đừng nói lý trí là xấu xa - mặc dù đã có người đi xa tới mức đó và và thành công đáng ngạc nhiên.[157] Chỉ nói rằng lý trí thì có hạn. Rằng có một cái gì đó ở trên lý trí. Cái gì? Anh cũng không phải quá rành mạch. Vô số từ. 'Bản Năng' - 'Cảm giác' - 'Sự Mặc Khải' - 'Linh Giác' - 'Duy Vật Biện Chứng'. Nếu người ta chộp được anh ở một vài điểm mấu chốt và nói với anh rằng học thuyết của anh là vô nghĩa - thì anh đã sẵn sàng trả đũa. Anh nói với họ rằng có những thứ ở trên cả ý nghĩa. Rằng họ không nên *cố nghĩ*, mà phải *cảm thấy*. Phải *tin*.[158] Loại bỏ lý trí và anh có thể chơi xỏ tất cả. Anh có thể làm cho mọi thứ diễn biến theo cái cách mà anh muốn, vào thời điểm mà anh muốn. Anh đã túm được họ. Anh có thể cai trị được một người biết tư duy không? Chúng ta không muốn bất cứ kẻ nào có khả năng tư duy cả."

Keating đã ngồi bệt xuống sàn nhà, cạnh cái tủ quần áo; anh đã cảm thấy mệt mỏi và anh đã ngồi xếp chân lại. Anh không muốn rời xa cái tủ quần áo; anh cảm thấy an toàn hơn, khi dựa vào nó; như thể nó vẫn còn bảo vệ tờ giấy mà anh đã nộp cho Toohey.

"Peter, anh đã nghe tất cả những điều này. Anh đã nhìn thấy tôi thực hành chúng trong suốt mười năm qua. Anh đã nhìn thấy người ta thực hành chúng khắp nơi trên thế giới. Tại sao anh lại kinh sợ? Anh không có quyền ngồi đó và trừng mắt nhìn tôi với cái vẻ sốc của một người có đức hạnh cao quý hơn tôi. Anh cũng đã dự phần vào đó. Anh đã giành lấy cái phần của mình và anh phải tiếp tục. Anh sợ phải nhìn xem nó sẽ dẫn tới đâu. Tôi thì không. Tôi sẽ nói cho anh biết nó sẽ đi tới đâu. Tới thế giới tương lai. Thế giới mà tôi muốn. Một thế giới của sự phục tùng và thống nhất. Một thế giới mà suy nghĩ của mỗi người không thuộc về anh ta, mà chỉ là một cố gắng để đoán suy nghĩ của người hàng xóm, đến lượt người hàng xóm cũng không hề suy nghĩ và cứ như vậy, Peter, vòng quanh trái đất. Bởi vì tất cả phải đồng ý với tất cả. Một thế giới mà không có ai có ham muốn riêng, mà chỉ tập trung tất cả nỗ lực để làm thỏa mãn ham muốn của người hàng xóm kế anh ta, và người hàng xóm kế anh ta không có ham muốn gì ngoài việc làm thỏa mãn ham muốn của người hàng xóm kế tiếp, cứ như thế - vòng quanh trái đất,

Peter. Vì tất cả phải phục vụ tất cả. Một thế giới mà loài người không làm việc vì động cơ ngây thơ như tiền, mà vì một con quái vật không đầu - vì danh tiếng. Vì sự chấp nhận của người xung quanh - vì những nhận xét tốt đẹp của họ - vì những nhận xét của những người không được phép có nhận xét gì cả. Một con bạch tuộc, chỉ toàn những vòi mà không có não. Phán xét, Peter! Sẽ không có phán xét, chỉ có những trưng cầu dân ý. Một phép bình quân của các số không - vì không có bất cứ sự khác biệt nào được phép tồn tại. Một thế giới đã bị cắt bỏ động cơ, chỉ có một trái tim duy nhất, được bơm bằng tay. Tay của tôi - và những bàn tay của một số ít, rất ít những người như tôi. Nn người biết cái gì làm cho các anh hoạt động - các anh, những kẻ quân bình vĩ đại, tuyệt vời, các anh không biết cả nổi giận khi chúng tôi gọi các anh là những kẻ quân bình, là nhỏ bé, là tầm thường, các anh thích và chấp nhận những cái tên như thế. Các anh sẽ được lên ngôi và phong vương, các anh, những kẻ thấp cổ bé họng, kẻ thống trị tuyệt đối và khiến cho tất cả những người từng thống trị trong quá khứ phải run lên vì ghen tỵ; các anh là cái tuyệt đối, là cái vô biên, là Chúa, là Nhà Tiên tri và là Hoàng đế cộng lại. Vox populi.[159] Tiếng nói của quần chúng. Cái bình quân, cái bình thường, cái chung chung. Anh có biết từ đối nghĩa của "cái tôi" là gì không? Là sự rập khuôn sáo rỗng, Peter ạ. Nguyên tắc rập khuôn. Nhưng thậm chí ngay cả những thứ rập khuôn sáo rỗng cũng phải được bắt nguồn từ một ai đó, vào lúc nào đó. Chúng ta sẽ tạo ra nguồn gốc của chúng. Vox dei.[160] Tiếng nói của Thượng đế. Chúng ta sẽ có sự phục tùng vô hạn - từ những kẻ chưa học gì khác ngoài việc phục tùng. Chúng ta sẽ gọi nó là "phục vụ". Chúng ta sẽ trao huân chương cho sự phục vụ. Và các anh sẽ dẫm đạp lên nhau trong đám hỗn loạn đó để xem ai là người phục vụ tốt hơn và nhiều hơn. Các anh sẽ không tìm kiếm sự phân biệt nào khác. Không có hình thức nào khác cho những thành đạt cá nhân. Anh có nhìn thấy Howard Road trong bức tranh toàn cảnh này không? Không? Vậy thì đừng hỏi những câu ngu dốt nữa. Tất cả những gì không thể cai trị được sẽ phải biến mất. Và nếu thỉnh thoảng có một vài con quái vật như vậy được sinh ra thì chúng sẽ không thể tồn tại được quá độ tuổi mười hai. Khi bộ não của chúng bắt đầu biết nghĩ, nó sẽ cảm nhận được sức ép và sẽ nổ tung. Sức ép phải cuốn mình vào trong một cái máy hút. Anh có biết về số phận của những sinh vật sống sâu dưới đáy biển khi bị đem ra ánh sáng mặt trời không? Những kẻ như Roark sau này cũng vậy. Những người còn lại trong các anh sẽ mỉm cười và tuân lệnh. Anh có để ý thấy người điên thì luôn miệng cười không? Cái nhăn mặt đầu tiên của loài người xảy ra khi Chúa lần đầu chạm tay vào trán họ. Đó là cái chạm tay của tư duy.[161] Nhưng chúng ta không có cả Chúa lẫn tư duy. Chỉ có bỏ phiếu bằng những nụ cười. Những cái đòn bẩy tự động - tất cả đều nói vâng... Bây giờ nếu anh thông minh hơn một chút - như vợ cũ của

anh chẳng hạn - anh sẽ hỏi: Thế chúng ta thì sao, những người cai trị? Tôi thì sao, Ellsworth Monkton Toohey? Và tôi sẽ nói, đúng, anh nói đúng. Tôi sẽ chẳng đạt được cái gì hơn anh cả. Tôi sẽ không có mục đích nào khác ngoài mục đích làm cho các anh hài lòng. Tôi sẽ nói dối, sẽ khen ngợi, sẽ tâng bốc anh, sẽ thổi phồng thói tự mãn phù phiếm của các anh. Tôi sẽ phát biểu về quần chúng và về lợi ích chung. Peter, anh bạn tội nghiệp của tôi, tôi là người không vị kỷ nhất mà anh từng biết đến. Tôi có ít sự độc lập hơn anh, người mà tôi vừa bắt phải bán đi linh hồn. Anh sử dụng mọi người, ít nhất là để anh giành lấy từ họ những lợi ích cho riêng mình. Tôi thì chẳng muốn một cái gì cho bản thân tôi cả. Tôi sử dụng mọi người vì mục đích phục vụ chính họ. Đó là chức năng và sự thỏa mãn duy nhất của tôi. Tôi không có mục đích riêng nào cả. Tôi muốn quyền lực. Tôi muốn thế giới tương lai sẽ là của tôi. Hãy để cho tất cả sống vì tất cả. Hãy để tất cả mọi người hy sinh bản thân và chẳng một ai hưởng lợi. Hãy để tất cả mọi người cùng đau khổ và không ai hưởng thụ. Hãy ngừng phát triển. Hãy để tất cả mọi người trở nên trì độn. Có sự bình đẳng trong trì độn. Tất cả bị nô dịch bởi ý chí của tất cả. Nô dịch toàn cầu - mà không hề có sự tồn tại của ông chủ. Nô lệ phục vụ nô lệ. Một vòng tròn lớn - và bình đẳng hoàn toàn. Đó là thế giới của tương lai."

"Ellsworth... ông..."

"Mất trí? Anh sợ phải nói ra điều đó à? Anh ngồi đó, và anh chính là biểu tượng của cái thế giới đó - và nó chính là niềm hy vọng cuối cùng của anh. Mất trí ư? Nhìn quanh anh mà xem. Hãy cầm lấy bất cứ một tờ báo nào và đọc những dòng tít của chúng. Không phải là thế giới đó đang đến sao? Không phải là nó đang ở đây sao? Không phải là tôi đã nói với anh điều đó rồi sao? Không phải là châu Âu đã chấp nhận nó và bây giờ chúng ta đang chập chững đi theo hay sao?[162] Tất cả những gì tôi nói đều nằm trong một từ - chủ nghĩa tập thể. Và không phải đó là vị chúa của thế kỷ chúng ta đó sao? Hành động cùng nhau. Suy nghĩ - cùng nhau. Cảm nhận - cùng nhau. Hợp nhất, đồng ý, tuân lệnh. Tuân lệnh, phục vụ, hy sinh. Chia nhỏ để chinh phục - đó là bước đầu tiên. Nhưng sau đó sẽ là hợp nhất để cai trị. Cuối cùng thì chúng ta cũng đã tìm ra được điều đó. Hẳn anh còn nhớ một vị hoàng đế La Mã đã nói rằng ông ta ước giá mà loài người chỉ có một cái cổ họng để cho ông ta có thể cắt nó đi? Hàng thế kỷ qua mọi người đều cười nhạo ông ta. Nhưng chúng ta sẽ là người cuối cùng được cười.[163] Chúng ta đã đạt được những gì mà ông ta đã không thể đạt được. Chúng ta đã dạy loài người cách đoàn kết lại. Điều đó đã giúp tạo ra một cái cổ duy nhất để cho chúng ta buộc dây thòng lọng. Chúng ta đã tìm ra được từ kỳ diệu đó. Chủ nghĩa tập thể. Hãy nhìn vào châu Âu, đồ ngốc. Anh không thể bỏ qua những thứ bên ngoài để nhận ra bản chất của vấn đề à? Một quốc gia chuyên chính tới mức

con người không có quyền gì hết, chỉ có chủ nghĩa tập thể là tất cả. Cá nhân được coi là xấu xa, còn dân tộc thì - như là chúa. Ở đó không cho phép có động cơ và phẩm chất nào khác ngoài động cơ và phẩm chất phục vụ dân tộc. Liệu có phải là tôi đang phát điên hay chính đây đã là thực tế lạnh lùng của hai đại lục? Đấy là chuyển động gọng kìm. Nếu anh ghê tởm một bên thì chúng ta sẽ đẩy anh về phía bên kia. Chúng ta sẽ đẩy anh xô qua xô lại. Chúng ta đã đóng chặt mọi cửa. Chúng ta cũng đã sửa lại đồng xu. Mặt đầu - chủ nghĩa tập thể. Mặt đuôi - vẫn là chủ nghĩa tập thể.[164] Chúng ta sẽ tấn công mọi học thuyết hủy diệt vai trò của cá nhân bằng chính một học thuyết khác cũng hủy diệt vai trò của cá nhân. Dâng linh hồn của anh cho một hội đồng - hay là đưa nó cho một lãnh tụ. Gì cũng được, nhưng phải từ bỏ nó, từ bỏ nó. Thủ đoạn của tôi, Peter. Là lăng-xê thuốc độc như thức ăn và lăng-xê thuốc độc như thuốc giải độc. Tỉa tót các kiểu tùy ý, nhưng phải giữ lại mục đích chính. Đưa cho lũ ngốc đó một lựa chọn, cho chúng tiêu khiển - nhưng không được quên mục đích duy nhất mà anh phải đạt được. Hủy diệt cá thể. Hủy diệt linh hồn của con người. Những thứ còn lại sẽ tự động đến. Hãy quan sát tình cảnh của thế giới vào lúc này. Anh có còn nghĩ là tôi bị điên không, Peter?"

Keating ngồi trên sàn, hai chân xoạc rộng. Anh nhấc một tay lên và ngắm nghía các ngón tay, sau đó đưa chúng vào miệng và cắn móng tay. Nhưng hành động đó chỉ gây lạc hướng, con người này bị rút lại xuống còn một ý thức duy nhất, đó là lắng nghe, và Toohey biết rằng anh ta sẽ không trả lời câu hỏi đó.

Keating vẫn ngoan ngoãn chờ đợi; dường như chẳng có khác biệt gì cả; những âm thanh đã tắt rồi và bây giờ nhiệm vụ của anh là đợi cho đến khi chúng lại được bật lên.

Toohey đặt tay lên thành ghế, rồi nhấc bàn tay lên và đập xuống mặt gỗ, báo hiệu sự kết thúc. Ông đứng dậy.

"Cám ơn anh, Peter," ông nói trang trọng. "Thật khó rũ bỏ sự trung thực một cách hoàn toàn. Tôi đã diễn thuyết trước các đám đông cả đời. Nhưng đây là bài diễn thuyết mà tôi sẽ không bao giờ có dịp để nói."

Keating ngẩng đầu lên. Giọng của anh tiềm ẩn sự kinh sợ; nó không tỏ ra sợ hãi, nhưng nó chứa đựng những tiếng vọng sẽ đến trong một tiếng nữa:

"Đừng đi, Ellsworth."

Toohey đứng bên anh, và cười nhẹ.

"Đó chính là câu trả lời, Peter. Đó là bằng chứng cho những gì tôi nói. Anh biết tôi là ai, anh biết tôi đã làm cho anh những gì, anh không còn có ảo

tưởng nào về đức hạnh nữa. Nhưng anh không thể rời bỏ tôi và anh sẽ không bao giờ có thể làm được việc đó. Anh đã tuân phục tôi nhân danh những lý tưởng. Anh sẽ tiếp tục tuân phục tôi mà không có lý tưởng nào cả. Bởi vì đó là tất cả những gì anh có thể làm được vào lúc này... Chúc ngủ ngon, Peter."

XV.

“Đây chính là một phép thử. Thái độ của chúng ta với vụ việc này này sẽ quyết định chúng ta là ai. Chúng ta phải tấn công vào thói ích kỷ và chủ nghĩa cá nhân phản xã hội trong con người Howard Road bởi vì chúng chính là tai họa của thế giới hiện đại này và chúng đã phô bày những hậu quả khủng khiếp thông qua Howard Road. Như đã đề cập ở phần đầu của bài viết, công tố của hạt hiện đang giữ một bằng chứng - chúng tôi không thể tiết lộ nội dung của nó vào lúc này - và nó sẽ là bằng chứng kết luận chắc chắn rằng Roark có tội. Bây giờ, chúng ta, công chúng, có quyền đòi hỏi công lý."

Đoạn trên xuất hiện trong mục *Một tiếng nói nhỏ* vào một buổi sáng cuối tháng Năm. Gail Wynand đọc nó khi ông đang trong ô-tô về nhà từ sân bay. Ông đã bay đến Chicago để cố gắng thuyết phục lần cuối cùng một khách hàng vừa từ chối gia hạn một hợp đồng quảng cáo trị giá ba triệu đô. Hai ngày làm việc với mọi mánh lới nghề nghiệp đã thất bại; Wynand đã mất vị khách này. Khi bước ra khỏi máy bay ở Newark, ông nhặt lên vài tờ báo phát hành ở New York. Xe đang đợi để đưa ông về nhà ở ngoại ô. Sau đó thì ông đọc mục *Một tiếng nói nhỏ*.

Trong khoảnh khắc, ông tự hỏi mình đang cầm tờ báo nào vậy. Ông nhìn vào cái tên ở phía trên của trang báo. Nhưng đúng là tờ *Ngọn cờ*, và đúng là mục báo này, ở đúng vị trí của nó, cột đầu tiên, trang đầu tiên, phần thứ hai.

Ông nhổm người lên phía trước và bảo lái xe quay lại trụ sở làm việc. Ông ngồi trong xe với tờ báo trải rộng trong lòng, cho đến khi chiếc xe dừng lại trước tòa nhà *Ngọn cờ*.

Ông nhập ra điều đó ngay lập tức, khi ông bước vào trong tòa nhà. Trong cặp mắt của hai phóng viên vừa bước ra từ thang máy của sảnh chính; trong tư thế của người trực thang máy - anh ta phải cố gắng để không quay đầu nhìn ông; trong sự chững lại thình lình của tất cả mọi người đang ngồi trong phòng đợi khi thấy ông; trong sự đứt đoạn của tiếng máy chữ trên bàn một thư ký; trong bàn tay giơ lên lơ lửng trong không trung của một thư ký khác - ông thấy sự chờ đợi. Và rồi ông biết rằng tất cả mọi người trong tòa soạn đều đã biết cái điều không-thể-xảy-ra với tờ báo của ông.

Ông cảm thấy hơi sốc; bởi vì sự chờ đợi xung quanh ông chứa đựng những câu hỏi về chuyện sắp xảy ra giữa ông và Ellsworth Toohey.

Nhưng ông không có thời gian để ý đến phản ứng của bản thân. Ông không thể chú ý đến bất cứ việc nào khác ngoài cảm giác toàn thân căng lên; một sức ép đang áp xuống mặt ông, lên răng, lên má, lên sống mũi - và ông

biết rằng ông phải đẩy nó ra, đè nó xuống và giữ nó ở đó.

Ông không chào hỏi một ai cả và đi thẳng vào phòng làm việc của mình. Alvah Scarret ngồi sụm người trong một chiếc ghế trước bàn làm việc của ông. Cổ Scarret có dính một miếng gạc trắng, hai má thì đỏ bừng. Wynand dừng lại ở giữa phòng. Những người ở bên ngoài đã thấy nhẹ nhõm vì mặt Wynand có vẻ rất bình tĩnh. Nhưng Alvah Scarret thì biết rõ.

"Gail, tôi đã không ở đây," cái tiếng thì thầm không thành lời của Scarret bị tắc nghẹn. "Tôi không ở đây hai ngày qua. Tôi bị viêm thanh quản, Gail. Hỏi bác sĩ của tôi thì biết. Tôi đã không ở đây. Tôi vừa ra khỏi giường bệnh, nhìn đây này, một trăm linh ba độ,[165] tôi bị sốt, ý tôi là, bác sĩ không muốn nhưng tôi vẫn cố dậy, ý tôi là, Gail, tôi đã không ở đây, tôi đã không ở đây!"

Ông cũng không chắc là Wynand có nghe ông nói không. Nhưng Wynand đã để cho ông nói hết, rồi sau đó ra về như đã nghe thấy; cứ như thể là âm thanh có đến tai Wynand nhưng hơi trễ. Sau một giây, Wynand hỏi:

"Ai ngồi ở bàn thư ký tòa soạn?"

"Là... là Alien và Falk."

"Đuổi việc Harding, Alien, Falk và Toohey. Đền bù cho Harding. Nhưng Toohey thì không. Đuổi tất cả bọn chúng ra khỏi tòa nhà này trong vòng 15 phút."

Harding là tổng thư ký tòa soạn; Falk là trợ lý biên tập; Alien, người cao gầy, là trưởng ban biên tập; tất cả bọn họ đều đã làm việc cho tờ Ngọn cờ hơn mười năm. Scarret cảm thấy ông vừa được nghe một bản tin thông báo về tội phản quốc của một vị tổng thống, về việc sao chổi vừa phá hủy thành phố New York và bang California vừa bị chìm xuống lòng Thái Bình dương."

"Gail!" ông gào lên. "Chúng ta không thể!"

"Cút ngay."

Scarret đi ra.

Wynand bấm một nút trên bàn làm việc và đáp lại giọng nói run run của bà thư ký.

"Không tiếp bất cứ ai."

"Vâng, thưa ngài Wynand."

Ông lại bấm một nút và nói chuyện với người phụ trách phát hành:

"Dừng việc phân phối tờ *Ngọn cờ* trên đường phố."

"Thưa ngài Wynand, bây giờ đã quá muộn! Hầu hết đã..."

"Dừng chúng lại."

"Vâng, thưa ngài Wynand."

Ông muốn gục đầu xuống bàn, ngồi yên và nghỉ; có điều trạng thái nghỉ mà ông cần lại không tồn tại; đấy là một trạng thái còn hơn cả ngủ, hơn cả chết; nó là việc nghỉ khỏi toàn bộ sự tồn tại từ trước tới nay. Ước muốn đó như một lời chế nhạo thầm kín với bản thân ông, bởi vì ông biết cái sức ép lên hai thái dương như thể đang tách đôi hộp sọ của ông đang nói với ông điều ngược lại; nó thôi thúc phải hành động; nó quá mạnh đến mức ông cảm thấy như bị tê liệt. Ông dò dẫm tìm vài tờ giấy trắng, quên mất là ông để chúng ở đâu. Ông phải viết một bài xã luận để giải thích và phản công lại. Ông phải nhanh lên mới được. Ông không thể nghỉ ngơi trước khi bài báo đó được viết ra.

Cái sức ép trên hộp sọ biến mất khi ông đặt bút viết chữ đầu tiên lên giấy. Ông nghĩ - trong khi tay vẫn dịch chuyển rất nhanh - từ ngữ có quyền lực thật lớn; trước hết là quyền lực đối với người viết ra chúng, và sau đó là quyền lực đối với những người đọc chúng; một thứ quyền lực có tác dụng hàn gắn các vết thương, một giải pháp, giống như việc phá vỡ một rào cản. Ông nghĩ, có lẽ cái bí mật cơ bản nhất mà các nhà khoa học không bao giờ tìm ra được - cái mạch nguồn đầu tiên của sự sống - chính là cái xảy ra khi một ý nghĩd cô định hình thành một từ.

Ông nghe thấy những tiếng rùng rùng, những xung động trên các bức tường trong văn phòng và trên sàn nhà. Những máy in đang in tờ báo buổi chiều của ông, một tờ báo nhỏ có tên *Kèn hiệu*. Ông mỉm cười với những âm thanh. Tay ông đưa nhanh hơn, như thể những âm thanh của máy in đã bơm năng lượng vào các ngón tay ông.

Ông đã bỏ qua cái đại từ "chúng tôi" quen thuộc trong các bài xã luận. Ông viết: "... Và nếu các bạn đọc của tôi hoặc kẻ thù của tôi muốn cười nhạo tôi về sự việc này, tôi xin chấp nhận sự cười nhạo đó và coi nó như khoản tiền trả cho một món nợ mà tôi mang. Tôi đáng bị như vậy."

Ông nghĩ: Trái tim của tòa nhà này đang đập - mấy giờ rồi nhỉ - ta đang nghe thấy trái tim tòa nhà hay là ta đang nghe tiếng đập của tim ta? - một lần, một ông bác sĩ đã đặt một đầu ống khám vào tai ta và để ta nghe tiếng đập của tim ta - nghe nó giống hệt thế này - ông ta bảo ta là một con thú khỏe mạnh và sẽ còn hoạt động tốt trong nhiều năm nữa - nhiều năm nữa...

"Tôi đã bắt độc giả của tôi phải nghe một kẻ đê tiện - và tôi chỉ có thể bào chữa là vì tôi coi tầm vóc tinh thần của ông ta quá tầm thường. Tôi đã không coi ông ta là một kẻ nguy hiểm bởi vì tôi nghĩ xã hội đủ trình độ đánh giá

ông ta. Và tôi vẫn tôn trọng các bạn đọc của tôi đủ để có thể nói rằng Ellsworth Toohey không thể là một mối đe dọa."

Người ta nói rằng âm thanh không bao giờ biến mất, nó chỉ lan truyền trong không gian - vậy còn tiếng đập trái tim một người thì sao? - có quá nhiều tiếng đập trong suốt năm mươi sáu năm qua - có thể tập hợp chúng lại, cô đặc chúng lại để sử dụng một lần nữa không nhỉ? Nếu chúng lại đập lại, thì kết quả liệu có phải là nhịp đập của những máy in dưới kia nữa không?

"Nhưng tôi đã bảo trợ cho ông ta bằng các trang báo của tôi, và nếu sự sám hối công khai như thế này được coi là một hành vi kỳ cục và bẽ bàng trong thời đại hiện đại của chúng ta, thì hãy cho phép tôi được chịu hình phạt đó."

Không phải những giọt âm thanh của năm mươi sáu năm - mỗi âm thanh đơn lẻ và dứt khoát, không như một dấu phẩy, mà như dấu chấm câu, một chuỗi dài các dấu chấm câu trên một trang giấy - đã tụ hợp lại để tiếp sức cho những chiếc máy in này - không phải năm mươi sáu, mà là ba mươi mốt năm, còn hai mươi lăm kia được dùng để làm cho ta sẵn sàng - ta 25 tuổi khi ta đặt tấm biển mang tên mới của tờ báo lên cánh cửa tòa soạn - các chủ báo không bao giờ đổi tên tờ báo - nhưng chủ báo này thì có - tờ *Ngọn cờ New York* - tờ *Ngọn cờ* của Gail Wynand...

"Tôi mong có được sự tha thứ của tất cả những ai đã từng đọc tờ báo này."

Một con thú khỏe mạnh - và do vậy những gì nó đẻ ra cũng phải khỏe mạnh - Ta cần đưa ông bác sĩ đó đến đây và bắt ông ấy lắng nghe những chiếc máy in này - ông ta hẳn sẽ cười theo cái kiểu vui vẻ, hài lòng, và tự mãn của ông ta - các bác sĩ luôn muốn có một mẫu vật mang sức khỏe hoàn hảo - điều ấy thật hiếm - ta phải cho ông ta thưởng thức cái này - âm thanh khỏe mạnh nhất mà ông ta đã từng được nghe - và ông ta sẽ nói rằng tờ *Ngọn cờ* sẽ còn hoạt động tốt trong nhiều năm nữa...

Cửa phòng ông mở ra và Ellsworth Toohey bước vào.

Wynand để cho Toohey đi ngang qua phòng và đến gần bàn làm việc mà không tỏ vẻ phản đối gì cả. Wynand nghĩ có lẽ những gì ông đang cảm thấy là sự tò mò có thể được phóng lên bằng kích thước của một con quái vật sống trong lòng đất[166] - giống như bức tranh vẽ những con bọ dừa có kích cỡ bằng một ngôi nhà đang tiến về phía những hình người trong những trang báo của tờ phụ trương Chủ nhật của *Ngọn cờ* - tò mò, bởi vì Ellsworth Toohey vẫn còn ở trong tòa nhà, bởi vì Toohey đã được vào phòng bất chấp mệnh lệnh của ông, và bởi vì Toohey đang cười.

"Tôi đến đây để xin nghỉ phép, thưa ông Wynand," Toohey nói. Mặt Toohey điềm tĩnh; không hả hê; gương mặt của một nghệ sĩ biết rằng cường điệu quá mức là thất bại và rằng người ta có thể đạt tới sự lăng mạ tối đa bằng cách giữ mọi thứ ở trạng thái bình thường. "Và để nói với ông rằng tôi sẽ quay lại. Vẫn làm cv này, ở mục này, trong tòa nhà này. Trong lúc tôi vắng mặt, ông sẽ nhìn ra bản chất của sai lầm mà ông đã mắc phải. Tha lỗi cho tôi, tôi biết như này là rất tệ, nhưng tôi đã chờ đợi nó suốt mười ba năm qua và tôi nghĩ là tôi có thể tự cho phép mình 5 phút tận hưởng phần thưởng. Ông là một người luôn muốn sở hữu mọi thứ, ông Wynand, và ông thích cảm giác sở hữu, phải không? Vậy ông đã bao giờ dừng lại và nghĩ xem sự sở hữu dựa trên cái gì? Đã bao giờ ông dừng lại để bảo vệ nền móng của nó? Chưa bao giờ, bởi vì ông là người thực dụng. Những người thực dụng chỉ quan tâm đến tài khoản ngân hàng, đến bất động sản, đến hợp đồng quảng cáo và các loại chứng khoán mạ vàng. Họ để cho những trí thức không thực dụng như tôi tiêu khiển bằng việc phân tích thành phần hóa học của lớp mạ vàng đó và hiểu ra vài điều quý giá về bản chất và nguồn gốc của vàng. Họ chăm chăm giữ lấy những miếng bánh Kream-O, và để chúng tôi làm những việc vặt vãnh liên quan đến nhà hát, phim ảnh, loa đài, trường học, phê bình sách và phê bình kiến trúc. Chỉ như một mẩu bánh để giữ cho chúng tôi im lặng nếu như chúng tôi muốn tiêu phí thời gian vào việc tìm hiểu về những cái vụn vặt tầm thường của cuộc sống, trong khi các ông thì bận rộn kiếm tiền. Vậy có tiền là có quyền. Nhưng có thật thế không, ông Wynand? Và ông luôn chạy theo quyền lực,d dúng không ông Wynand? Quyền lực đối với con người? Ông thật là một tay chơi quyền lực nghiệp dư đáng thương! Ông chưa bao giờ hiểu được bản chất tham vọng của mình, nếu không ông đã phải biết rằng ông không phù hợp với việc ấy. Ông không có khả năng sử dụng những công cụ bắt buộc cho việc ấy và ông cũng sẽ không muốn kết quả của nó. Ông chưa bao giờ xứng đáng là một tên vô lại. Tôi không ngần ngại phải nói với ông điều đó, bởi vì tôi không biết cái nào tồi hơn: làm một tên vô lại vĩ đại hay là một thằng ngốc vĩ đại. Đó chính là lý do tại sao tôi sẽ quay lại. Và khi tôi quay lại, tôi sẽ làm chủ tờ báo này."

Wynand nói khẽ:

"Khi ông quay lại. Còn bây giờ thì ra khỏi đây ngay."

*

* *

Phòng phụ trách mục tài chính của tờ *Ngọn cờ* đình công.

Công đoàn các nhân viên Wynand cũng đình công. Rất nhiều người khác, không nằm trong công đoàn, cũng tham gia đình công với họ. Chỉ có bộ

phận in ấn là vẫn làm việc.

Wynand chưa bao giờ tính đến công đoàn. Ông Ông trả lương nhân viên cao hơn bất cứ tóa báo nào và họ chưa từng có đòi hỏi nào với ông về vấn đề lương bổng. Nếu nhân viên của ông muốn tự tiêu khiển bằng việc lắng nghe những bài diễn thuyết, ông không thấy lý do gì để lo lắng về điều đó. Một lần Dominique đã cố cảnh báo ông: "Gail, nếu mọi người muốn có một tổ chức để bảo vệ lương bổng, giờ làm việc và những yêu cầu thực tế khác thì đó là quyền lợi hợp lý của họ. Nhưng nếu họ nhóm họp không vì một mục đích cụ thể nào thì anh nên để mắt đến họ."

"Em yêu quý, anh còn phải yêu cầu em bao nhiêu lần nữa? Đừng để ý đến tờ *Ngọn cờ*."

Ông chưa bao giờ bỏ công ra tìm hiểu xem ai thuộc về công đoàn. Bây giờ ông mới phát hiện ra rằng số người tham gia công đoàn rất ít, nhưng lại rất quan trọng; nó bao gồm tất cả những nhân viên chủ chốt của ông, không phải là những người điều hành lớn, những những người đứng dưới đó một bậc. Họ được chọn lọc rất kỹ - toàn những người năng động; những cái bu-di nhỏ nhưng không thể thiếu được, những phóng viên lá cải ăn khách nhất, những nhà bình luận giỏi nhất, những người hiệu đính tốt nhất, những trợ lý biên tập tốt nhất. Ông kiểm tra hồ sơ của họ: hầu hết bọn họ đều được tuyển dụng trong vòng tám năm qua; theo lời giới thiệu của Toohey.

Những người không nằm trong công đoàn thì đình công vì nhiều lý do khác nhau: có người vì thù ghét Wynand; có người vì sợ phải ở lại và vì đình công có vẻ dễ hơn là ở lại phân tích tình hình. Có một người - một anh chàng nhỏ thó rụt rè, đã kêu ré lên khi nhìn thấy Wynand ở trong sảnh chính: "Này cưng, bọn ta sẽ quay trở lại và khi đó ngươi sẽ phải đổi giọng!" Một số người bỏ đi, tránh mặt Wynand. Những người khác thì lựa chọn giải pháp an toàn. "Ông Wynand, tôi ghét phải làm điều này, tôi rất ghét, tôi không dính dáng gì đến cái công đoàn đó, nhưng đình công là đình công và tôi không thể cho phép mình vẫn đi làm trong khi mọi người đình công." Thật ra mà nói, thưa ông Wynand, tôi không biết ai đúng ai sai, nhưng tôi nghĩ là Ellsworth đã chơi trò bẩn và Harding không có quyền để ông ta làm việc đó, nhưng thời đại này thì làm gì có ai luôn luôn đúng? Và có một điều tôi sẽ không làm là tôi không biểu tình. Tôi sẽ không làm việc đó, thưa ông. Tôi cảm thấy là, biểu tình có thể đúng hoặc sai."

Những người đình công đưa ra hai yêu cầu: phục chức cho bốn người vừa bị đuổi việc; và đảo ngược quan điểm của tờ Ngọn cờ trong vụ Cortlandt.

Harding, tổng thư ký tòa soạn, đã viết một bài giải thích về quan điểm của ông ta; bài đó được đăng ở tờ *Những mặt trận mới*. "Tôi đã phớt lờ mệnh

lệnh của ông Wynand một cách có chủ ý; có lẽ đây là một hành vi chưa có tiền lệ với bất cứ tổng thư ký tòa soạn nào. Tôi đã làm việc đó với nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình. Ông Toohey, Alien, Falk và tôi đã muốn cứu vớt tờ *Ngọn cờ* vì lợi ích của các nhân viên ở đó, vì các cổ đông và vì cả bạn đọc. Chúng tôi đã muốn dùng những biện pháp hòa bình để bày tỏ lý lẽ với ông Wynand. Chúng tôi đã hy vọng ông ấy sẽ đầu hàng một cách lịch thiệp, bởi vì ông ấy đã biết là tờ *Ngọn cờ* luôn đứng về quan điểm của số đông báo chí trong nước. Chúng tôi đã biết về tính cách tùy tiện, thất thường, và vô nguyên tắc của ông chủ của chúng tôi, nhưng chúng tôi đã mạo hiểm, chúng tôi sẵn sàng hy sinh bản thân vì bổn phận nghề nghiệp. Một mặt chúng tôi thừa nhận rằng một người chủ báo có quyền áp đặt đường lối của mình lên các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội của tờ báo; mặt khác, chúng tôi cũng tin rằng người chủ đó đã đi quá giới hạn khi ép buộc những người có lòng tự trọng phải ủng hộ một kẻ phạm pháp. Chúng tôi hy vọng ông Wynand nhận ra rằng cái ngày mà một người có quyền độc lập cai trị tất cả đã qua rồi. Chúng tôi phải có tiếng nói nhất định trong việc điều hành công việc ở một nơi mà chúng tôi làm việc để kiếm sống. Đây là cuộc đấu tranh vì tự do báo chí."

Ông Harding đã sáu mươi tuổi, làm chủ một khu đất ở Long Island, có sở thích bắn mục tiêu di động và nuôi gà lôi đỏ. Người vợ vô sinh của ông là thành viên ban giám đốc Hội thảo nghiên cứu xã hội; Toohey, một giảng viên nổi tiếng ở đó, đã giới thiệu bà ta vào làm việc. Chính bà đã viết bài báo cho chồng mình.

Hai người bị đuổi khỏi ban biên tập không phải là thành viên công đoàn của Toohey. Con gái của Alien là một nữ diễn viên trẻ trung xinh đẹp, cô tham gia đóng vai trong tất cả các vở kịch của Ike. Còn em trai của Falk là thư ký của Lancelot Clokey.

Gail Wynand ngồi bên bàn làm việc và nhìn xuống đống giấy tờ. Ông có rất nhiều việc phải làm, nhưng có một hình ảnh luôn quay về và ông không thể thoát được nó - ý thức về nó đeo bám mọi hành động của ông - hình ảnh một cậu bé rách rưới đứng trước bàn làm việc của một biên tập viên: "Cậu có thể đánh vần từ 'cat' (mèo) được không?" - "Anh có thể đánh vần từ 'anthropomorphology' (hình thái nhân chủng học) được không?" Những hình ảnh vỡ ra và lẫn vào nhau, dường như là cậu bé đó đang đứng ở đây, tại bàn làm việc của ông, chờ đợi và một lần ông đã quát to: "Cút đi!" Ông thấy mình đang giận dữ, ông nghĩ: Nhà ngươi đang huyên thuyên vớ vẩn, đồ ngốc, bây giờ không phải là lúc diễn ra thầm lặng trong khi ông đọc, kiểm tra và ký giấy tờ: "Cút đi! Không có việc gì ở đây cả!" "Tôi sẽ ở quanh đây. Hãy gọi tôi khi ông muốn. Ông không phải trả lương cho tôi đâu." "Người ta đang trả lương cho mày, hiểu không, đồ ngốc? Người ta đang trả lương cho

mày." Ông nói vào điện thoại, thành tiếng, giọng ông bình thường: "Bảo Manning rằng chúng ta sẽ phải lấp chỗ trống bằng những thứ vớ vẩn... Gửi bản in thử lên đây càng sớm càng tốt. Mang một cái bánh mì kẹp thịt nữa. Loại nào cũng được."

Một số người ở lại với ông: mấy người già và mấy cậu học việc. Họ đến, vào buổi sáng, thường là với những vết cắt ở trên mặt và máu ở cổ áo; một người dò dẫm đi vào, đầu anh ta bị vỡ và phải đưa đi cấp cứu ở bệnh viện. Đấy không phải là lòng dũng cảm hay là sự trung thành; chỉ là sự ỷ lại; họ đã sống quá lâu với ý nghĩ rằng thế giới sẽ sụp đổ nếu như họ mất việc ở tờ *Ngọn cờ*. Người già thì không hiểu. Người trẻ thì không quan tâm.

Những cậu bé học việc được cử đi làm công việc săn tin thế chỗ cho các phóng viên. Hầu hết những thứ họ đem về có chất lượng tới mức Wynand rú lên cười thay vì cảm thấy tuyệt vọng: ông chưa bao giờ được đọc một thứ tiếng Anh sách vở đến vậy; giờ thì ông hiểu vì sao những cậu bé học việc lại tự hào đến thế khi được trở thành phóng viên chính thức. Ông không cười khi những câu chuyện đó được đăng nguyên văn trên tờ *Ngọn cờ* bởi vì không có đủ người hiệu đính.

Ông cố thử tuyển thêm người mới. Ông đã đề nghị mức lương rất cao. Nhưng những người ông cần thì từ chối làm việc cho ông. Có một vài người đồng ý làm việc cho ông, và sau đó ông đã phải ước giá mà họ không nhận; rút cục ông vẫn tuyển họ. Họ là những người không xin được việc ở bất cứ tòa báo tên tuổi nào trong suốt cả mười năm qua; là những loại người mà lẽ ra, một tháng trước đây, đã không được phép bước vào sảnh của tòa nhà này. Một vài người bị đuổi việc chỉ sau hai ngày; những người khác ở lại. Hầu hết thời gian bọn họ say khướt. Có người còn hành động như thể họ đang ban ơn cho Wynand. "Gail, đừng có nóng tính quá, bố già," một người đã nói như thế - và đã bị hất văng xuống hai tầng cầu thang. Anh ta bị vỡ một mắt cá chân và dập mông xuống sàn; anh ta ngước lên nhìn WY với vẻ kinh hoàng. Những người khác kín đáo hơn; họ chỉ đi vơ vẩn và nhìn lén Wynand rồi nháy mắt ra ý rằng tất cả đang là đồng phạm trong một vụ làm ăn bẩn thỉu.

Ông đã đến các trường đào tạo báo chí. Nhưng không có ai đáp lại ông. Một hội sinh viên gửi cho ông một bản cam kết được ký bởi tất cả các hội viên: "... Bước vào nghiệp báo chí, chúng tôi rất coi trọng đạo đức nghề nghiệp và nguyện cống hiến bản thân cho sự vinh quang của báo chí. Do vậy, chúng tôi nghĩ rằng không ai trong chúng tôi có thể bỏ đi lòng tự trọng và chấp nhận lời đề nghị tuyển dụng của ông."

Biên tập viên mục tin thời sự vẫn làm việc; biên tập viên mục tài chính thì đã bỏ đi. Wynand kiêm nhiệm luôn mấy việc: phụ trách mục tài chính, làm chủ bút, làm người đánh điện tín, người hiệu đính, và soát lỗi chính tả. Ông

không rời khỏi tòa nhà. Ông ngủ trên đi văng ở phòng làm việc của mình - hệt như những năm đầu khi tờ *Ngọn cờ* mới hoạt động. Ông không đeo cà-vạt, cổ áo luôn phanh ra. Ông chạy lên chạy xuống cầu thang, những bước chân của ông nghe như tiếng súng máy. Có hai người trực thang máy vẫn làm việc; những người khác thì đã biến mất, không ai biết khi nào, tại sao, vì họ đồng cảm với vụ đình công, vì sợ hay chỉ đơn giản là chán nản.

Alvah Scarret không thể hiểu nổi sự bình tĩnh của Wynand. Một cỗ máy tuyệt vời - và đó, Scarret nghĩ, luôn là từ mà ông dùng để miêu tả Wynand - cỗ máy chưa bao giờ làm việc tốt như bây giờ. Ngôn ngữ của Wynand ngắn gọn, các mệnh lệnh nhanh chóng, các quyết định lập tức. Giữa những máy móc, chì, dầu mỡ, mực, rác, những căn phòng làm việc bừa bộn, những bàn làm việc bỏ trống, những tiếng kính vỡ bất ngờ khi bị ai đó từ dưới đường ném đá vào, Wynand đi lại như một cái bóng to lớn gấp đôi, bao trùm lên mọi thứ quanh ông, vượt khỏi không gian và kích thước thông thường. Ông ấy không thuộc về nơi này, Scarret nghĩ, bởi vì ông ấy không có dáng vẻ hiện đại - vấn đề chính là ở chỗ này - kiểu gì đi chăng nữa - ông ấy trông như một vật thuộc về một nhà thờ Gothic. Cái đầu quý tộc được giữ thẳng và gương mặt xương xương đanh lại. Thuyền trưởng của một con tàu mà ai cũng biết là đang chìm, ngoại trừ chính thuyền trưởng.

Alvah Scarret vẫn ở lại. Ông vẫn chưa tin những sự kiện xảy ra là có thật; ông đi đi lại lại trong trạng thái mộng du; ông cảm thấy choáng váng vào mỗi buổi sáng khi ông lái xe đến tòa nhà và nhìn thấy những người biểu tình. Ông không bị tổn hại gì ngoài việc người ta ném vài quả cà chua vào kính chắn gió của xe ông. Ông cố giúp Wynand; ông cố làm công việc của mình và thêm cả việc của năm người khác, nhưng ông không thể hoàn thành công việc của một ngày bình thường. Ông cứ rã rời một cách lặng lẽ và các khớp xương trên người ông lỏng ra vì một câu hỏi. Ông làm mất thời gian của tất cả mọi người vì ông thường làm gián đoạn công việc của họ để hỏi: "Nhưng tại sao? Tại sao? Làm sao mà bỗng chốc ra nông nỗi này?"

Ông nhìn thấy một y tá mặc đồng phục trắng đang đi dọc hành lang - một trạm sơ cứu đã được dựng lên ở tầng một của tòa nhà. Ông nhìn thấy chị ta mang một thùng rác tới lò đốt rác - toàn là bông gạc dính máu. Ông ngoảnh mặt đi; ông thấy buồn nôn. Không phải vì cái cảnh đó, mà vì bản năng của ông mách bảo một sự kinh hoàng còn lớn hơn thế: tòa nhà văn minh này - với những sàn nhà được đánh vécni bóng loáng, mọi thứ vận hành quy củ, một nơi đương đầu với những vấn đề trí tuệ như chữ viết và các hợp đồng thương mại, một nơi chấp nhận quảng cáo quần áo trẻ con và bàn về chơi gôn - trong vòng vài ngày đã trở thành một nơi mà người ta có thể cầm những thứ rác rưởi máu me như thế đi dọc hành lang. Tại sao? - Alvah Scarret nghĩ.

"Tôi không hiểu," ông lè nhè bằng giọng đều đều với bất cứ ai ở xung quanh, "Tôi không thể hiểu được tại sao Ellsworth lại có quá nhiều quyền lực như vậy... Và Ellsworth lại là một người có văn hóa, một người có lý tưởng, chứ đâu phải là một kẻ cực đoan bẩn thỉu chuyên đứng kêu gào trên đường phố; ông ấy thật là thân thiện và dí dỏm, và thật là uyên bác! - một người lúc nào cũng hài hước thì không thể là một người bạo lực được - Ellsworth không cố tình, ông ấy đã không lường hết hậu quả việc này, ông ấy yêu quý mọi người, tôi có thể lấy đầu đảm bảo cho Ellsworth Toohey."

Một lần, trong phòng làm việc của Wynand, ông liều mạng nói:

"Gail, tại sao ông không thương lượng? Tại sao ít nhất ông không gặp bọn họ?"

"Im đi."

"Nhưng, Gail, có thể họ cũng có phần đúng. Họ cũng là dân báo chí. Ông biết họ nói gì rồi đấy, tự do báo chí..."

Rồi ông nhìn thấy cơn thịnhnộ mà ông đã chờ đợi nhiều ngày và tưởng rằng nó đã được dẹp bỏ - hai đồng tử màu xanh da trời biến mất trong lòng trắng, hai con mắt rực sáng, quắc lên trên một gương mặt hốc hác, những bàn tay run lên. Nhưng trong khoảnh khắc tiếp theo, ông nhìn thấy một thứ mà ông chưa từng chứng kiến: ông nhìn thấy Wynand phá tan cơn thịnh nộ mà không cần gào thét hay xả nó ra. Ông nhìn thấy mồ hôi lấm tấm trên hai thái dương trũng sâu của Wynand, và những nắm đấm đặt cạnh mép bàn.

"Alvah... nếu tôi không ngồi ở bậc thang tờ *Gazette* trong một tuần... thì lấy đâu ra báo chí để cho họ đòi quyền tự do?"

Cảnh sát được bố trí ở ngoài và ở trong hành lang của tòa nhà. Điều đó cũng giúp một phần, nhưng không nhiều. Một đêm nọ, người ta ném axit vào cửa ra vào chính của tòa nhà, vết sần sùi trên miếng kính lớn ở cửa sổ tầng một và để lại nhiều vết sần sùi trên tường. Cát ở trong trụ máy đã làm một máy in ngừng hoạt động. Một cửa hàng bán đồ ăn sẵn bị phá tan hoang vì đã đăng quảng cáo trên tờ *Ngọn cờ*. Rất nhiều khách hàng đã xin rút quảng cáo. Xe phân phối báo Wynand bị lật đổ. Một lái xe bị giết. Công đoàn đã ra lời phản đối hành vi bạo lực; rằng công đoàn không tham gia xúi giục; rằng hầu hết thành viên công đoàn không biết ai là thủ phạm. Tờ *Những mặt trận mới* có lên tiếng về những vụ việc đáng tiếc xảy ra, nhưng mô tả chúng như "những cơn bột phát từ sự giận dữ chính đáng của công chúng."

Homer Slottern, nhân danh một nhóm những người tự xưng là những doanh nhân cấp tiến, gửi cho Wynand một thông báo về việc hủy bỏ các hợp đồng quảng cáo. "Ông có thể kiện nếu như ông muốn. Nhưng chúng tôi nghĩ là chúng tôi có lý do hợp pháp để hủy hợp đồng. Chúng tôi đã ký hợp đồng

để quảng cáo trên một tờ báo danh tiếng, chứ không phải trên một tờ giấy lộn mà hiện vừa là sự điếm nhục cho công chúng, vừa khiến những người biểu tình kéo đến trước cửa nhà chúng tôi. Tờ báo vừa hủy hoại chuyện làm ăn của chúng tôi và lại chẳng có ai đọc nó cả." Trong nhóm này có hầu hết những khách hàng quảng cáo giàu có nhất của tờ Ngọn cờ.

Gail Wynand đứng bên cửa sổ trong phòng làm việc và nhìn xuống thành phố của ông.

Austen Heller viết trên tờ *Tin tức hàng ngày*: "Tôi đã luôn ủng hộ các cuộc biểu tình vào những thời điểm mà việc ủng hộ như vậy là rất nguy hiểm. Tôi đã chống lại Gail Wynand cả đời mình. Tôi chưa từng nghĩ rằng sẽ có một ngày và một việc khiến cho tôi phải nói - như lúc này - rằng tôi ủng hộ Gail Wynand."

Wynand gửi một tin nhắn cho ông: "Quỷ tha ma bắt ông đi, tôi không yêu cầu ông phải bảo vệ tôi. G W."

Tờ *Những mặt trận mới* mô tả Austen Heller như "một kẻ phản động đã bán mình cho những kẻ lắm tiền". Các quý bà trong giới thượng lưu nói rằng Austen Heller là một người đã lỗi thời.

Gail Wynand vẫn đứng bên cạnh một cái bàn trong phòng tin tài chính-kinh tế và viết các bài xã luận như thường lệ. Các nhân viên còn lại của ông không thấy có sự thay đổi nào ở ông; ông không vội vàng cũng không đột ngột nổi nóng. Chẳng còn ai để nhận ra rằng một vài hành động của ông hoàn toàn mới: ông sẽ đi đến xưởng in và đứng nhìn chuỗi dài những tờ báo trắng nối đuôi chui ra khỏi những cỗ máy khổng lồ và lắng nghe âm thanh của chúng. Ông sẽ nhặt lên một thanh chì từ sàn nhà của phòng sắp chữ, và lơ đãng vần vò nó trong lòng bàn tay, như thể đó là một miếng ngọc thạch, rồi cẩn thận đặt nó lên một cái bàn, như thể ông không muốn lãng phí nó. Ông còn nhặt nhanh nhiều thứ người ta vứt đi nhưng ông không nhận ra việc mình làm; cử chỉ của ông có tính bản năng: ông thu gom những cái bút chì, ông để dành cả nửa tiếng đồng hồ để sửa một cái máy đánh chữ đã hỏng trong lúc tiếng chuông điện thoại reo liên tục. Đây không phải là chuyện tiết kiệm; ông ký hóa đơn mà không thèm nhìn vào những con số ghi trên đó; Scarret sợ hãi khi nghĩ về chi phí mà ông phải trả cho mỗi ngày trôi qua. Đây là chuyện về những thứ đã trở thành máu thịt của tòa nhà mà ông yêu đến từng cái núm cửa, về những thứ quen thuộc về tờ *Ngọn cờ*, và tờ *Ngọn cờ* thì thuộc về ông.

Cuối mỗi buổi chiều ông gọi điện cho Dominique ở ngoại ô. "Ổn cả. Mọi thứ vẫn trong tầm kiểm soát. Đừng có nghe những lời đàm tiếu... Không, quỷ tha ma bắt nó đi, em biết là anh không muốn nói về tờ báo mà. Kể cho

anh xem vườn nhà mình bây giờ thế nào... Hôm nay em có đi bơi không?... Kể cho anh về hồ nước... Em đang mặc cái váy nào?... Hãy nghe kênh WLX tối nay, vào lúc 8h, họ sẽ phát bản nhạc mà em yêu thích - Công-xéc-tô số hai của Rachmaninoff... Tất nhiên là anh có đủ thời gian để cập nhật mọi thứ... Ồ, được rồi, anh hiểu là không thể bịt mắt được một cựu phóng viên như anh, anh đã đọc lướt trang tin về đài phát thanh... Dĩ nhiên là có nhiều người làm, có điều anh không thể hoàn toàn tin tưởng mấy cậu bé mới vào và anh cũng có chút thời gian rảnh... Trên hết, đừng vào thành phố. Hãy hứa với anh điều đó... Chúc em ngủ ngon, em yêu quý..."

Ông dập máy và ngồi xuống. Ông nhìn cái điện thoại, mỉm cười. Cái ý nghĩ về vùng ngoại ô giống như là ý nghĩ về một lục địa ở phía bên kia đại dương mà người ta không thể vượt qua; nó đem lại cho ông cảm giác bị nhốt lại trong một pháo đài đang bị bao vây và ông thích điều đó - không phải là thích thực trạng bao vây, mà là thích cảm giác bị bao vây. Gương mặt ông trông giống với một cụ tổ nào đó thời xưa, một người đã chiến đấu trên chiến lũy để bảo vệ một lâu đài.

Một buổi tối, ông đi ra ngoài để ăn tối ở một nhà hàng bên kia đường; đã nhiều ngày rồi ông chưa có bữa ăn nào hoàn chỉnh. Khi ông quay lại, những đường phố vẫn còn sáng - hoàng hôn phủ một màu nâu dễ chịu của mùa hè, như thể là những tia nắng mặt trời quá lưu luyến cảm giác ấm áp thoải mái của không khí nên không chịu rút đi, ngay cả khi mặt trời đã lặn; nó khiến cho bầu trời trông trong trẻo tươi mát còn mặt đường thì trở nên bẩn thỉu; có những khoảng màu nâu và màu vỏ cam ủng trong những góc các tòa nhà cũ. Ông nhìn thấy những người biểu tình đang đi đi lại lại trước cửa ra vào của tòa nhà *Ngọn cờ*. Bọn họ có tám người tất cả và họ cứ đi đi lại lại theo một hình bầu dục ở trên vỉa hè. Ông nhận ra một người - một phóng viên chuyên đưa tin pháp luật, còn những người khác thì ông chưa từng nhìn thấy. Họ đem theo những biểu ngữ: "Toohey, Harding, Alien, Falk..." "Tự do báo chí.." "Gail Wynand chà đạp lên nhân quyền..."

Mắt ông nhìn theo một phụ nữ. Hông của bà ta bắt đầu từ mắt cá chân, bàn chân bành ra khỏi những sợi dây giày buộc chặt. Bà ta có bờ vai vuông. Một chiếc áo khoác dài vải tuýt màu nâu rẻ tiền phủ lên một thân hình phì nộn cũng hình vuông. Bà ta có bàn tay nhỏ màu trắng, bàn tay của tuýp người không biết nấu ăn. Trên mặt bà ta có một chỗ mở ra thành cái miệng nhưng lại không có môi; khi bà ta di chuyển, cả thân người lắc lư sang hai bên; tuy thế bà ta lại di chuyển nhanh đến không ngờ. Bước chân của bà ta như thách cả thế giới dám làm hại bà, với cái vẻ nanh nọc như muốn nói rằng bà ta không thích gì hơn là được làm hại, bởi vì thế giới sẽ biết tay bà nếu định làm hại bà, hãy thử xem, hãy cứ thử làm việc đó đi. Wynand biết bà

ta chưa từng là nhân viên của tờ *Ngọn cờ*; bà ta không thể làm được ở đó; bà ta có vẻ không có khả năng học đọc; bước chân của bà ta như muốn nói thêm rằng bà ta cũng chả cần phải biết đọc. Bà đem theo một biểu ngữ: "Chúng tôi yêu cầu..."

Ông nghĩ về những đêm ông ngủ trên đi văng trong tòa nhà *Ngọn cờ* cũ, trong những năm đầu tiên, bởi vì ông phải dành dụm tiền mua máy in mới và phải tìm cách làm cho tờ *Ngọn cờ* xuất hiện trên đường phố sớm nhất; và ông nhớ một đêm ông đã ho ra máu và đã từ chối đi khám bệnh, nhưng cuối cùng hóa ra không có gì cả, ông chỉ bị kiệt sức.

Ông đi nhanh vào trong tòa nhà. Những chiếc máy in vẫn đang hoạt động. Ông đứng lại và lắng nghe chúng một lúc.

Ban đêm, tòa nhà rất yên tĩnh. Dường như nó rộng hơn, như thể âm thanh chiêm slấy khoảng không gian và khiến tòa nhà trở nên trống rỗng; có vài dải sáng hắt qua những cánh cửa mở, chiếu dọc theo những hành lang tối mờ. Ở đâu đó có người đang gõ một cái máy chữ, nghe đều đặn như những giọt nước rỉ ra từ vòi. Wynand đi dọc theo hành lang. Ông nghĩ rằng người ta đã từng sẵn lòng làm việc cho ông khi ông ủng hộ những kẻ lừa đảo trong những cuộc bầu cử thành phố, khi ông đánh bóng các khu phố đèn đỏ, khi ông hủy hoại danh tiếng người khác bằng những lời vu khống bỉ ổi trên báo, khi ông khóc thương cùng với mẹ của những tên giết người. Những người giỏi giang và đáng kính đã từng háo hức muốn được làm việc cho ông. Bây giờ là lần đầu tiên ông trung thực trong cả sự nghiệp của mình. Ông đang cầm đầu một chiến dịch vĩ đại nhất của mình - và giúp ông lại là những kẻ chuyên phá hoại đình công, của những kẻ thay việc như thay áo, những tên nát rượu, và những kẻ sống nô dịch ỷ lại đến mức không dám bỏ việc. Ông nghĩ, cũng chẳng thể kết tội những người hiện từ chối làm việc cho ông.

*

* *

Ánh nắng chiếu vào cái lọ mực hình vuông bằng pha lê trên bàn làm việc của ông. Nó khiến cho Wynand nghĩ đến một cốc nước mát trên bãi cỏ, quần áo trắng và cảm giác những ngọn cỏ ở dưới khuỷu trần. Ông cố không nhìn vào điểm chói sáng đó và tiếp tục viết. Đó là một buổi sáng trong tuần đình công thứ hai. Ông đã rút vào làm việc ở phòng của mình một tiếng đồng hồ và đã ra lệnh không ai được quấy rầy ông; ông cần phải hoàn thành một bài viết; ông biết là ông cần có lý do bào chữa để có được một giờ không phải chứng kiến những gì đang diễn ra trong tòa nhà này.

Cửa phòng ông mở ra không báo trước, và Dominique bước vào. Cô đã không được phép bước vào tòa nhà *Ngọn cờ* kể từ khi họ cưới nhau.

Ông đứng dậy; cử động của ông có một vẻ cam chịu lặng lẽ, ông không cho phép bản thân ông đưa ra bất cứ câu hỏi nào nữa. Cô mặc một bộ đồ vải lanh màu đỏ tía, cô đứng đó như thể đằng sau có hồ nước và ánh nắng dâng từ mặt đất lên những nếp gấp trên quần áo cô. Cô nói:

"Gail, em đến để đòi lại chỗ làm cũ của em ở tờ *Ngọn cờ*."

Ông đứng nhìn cô lặng lẽ; rồi ông mỉm cười; nó giống nụ cười của một người vừa khỏi bệnh đang trong giai đoạn hồi phục lại sức khỏe bản thân.

Ông quay lại bàn làm việc, cầm những trang giấy ông vừa viết lên, đưa chúng cho cô, và nói:

"Cầm cái này về phòng biên tập. Lấy các tin điện tín và mang lại đấy cho anh. Sau đó thì đến trình diện Manning ở mục tài chính."

Cái-không-thể-xảy-ra, cái không thể diễn tả bằng lời, bằng ánh mắt hay bằng cử chỉ, sự hòa hợp tuyệt đối của hai cá thể hoàn toàn thấu hiểu nhau đã được thực hiện thông qua việc người này đưa cho người kia một tập giấy mỏng. Ngón tay của ông và cô không chạm vào nhau. Cô quay người và đi ra khỏi phòng.

Chỉ trong hai ngày, cô đã quen như thể là cô chưa từng rời khỏi tờ *Ngọn cờ*. Chỉ khác là bây giờ cô không viết bài về nhà cửa nữa; cô làm bất cứ việc gì cần người để lấp chỗ trống. "Không sao đâu, Alvah," cô nói với Scarret. "công việc khâu vá rất hợp với phụ nữ. Tôi đến đây để vá những chỗ trống khi cần thiết - và lạy Chúa, chúng rách mới nhanh làm sao! Cứ gọi tôi lúc nào là một trong những phóng viên mới của anh phát điên vì công việc."

Scarret không sao hiểu nổi giọng nói, thái độ và sự xuất hiện của cô ở đây. "Cô là cứu tinh, Dominique ạ," ông lẩm bẩm một cách buồn bã. "Nhìn thấy cô ở đây giống như là quay lại ngày xưa vậy - và ôi, giá mà chúng ta được quay lại ngày xưa! Chỉ có điều, tôi không thể nào hiểu được. Gail đã không cho phép có bất cứ bức ảnh nào của cô trong tòa soạn này, thế mà bây giờ, vào cái lúc tòa soạn gần như một cái trại giam đang bị tù nhân nổi loạn thì ông ấy lại để cô làm việc ở đây!"

"Đừng bình luận nữa, Alvah. Chúng ta không có thời gian."

Cô viết một lời bình xuất sắc cho một bộ phim mà cô chưa từng xem. Cô phóng viên viết một báo cáo về một đại hội mà cô không tham dự. Cô bịa ra một đống công thức nấu ăn cho mục *Món ăn hàng ngày*, khi người đảm nhận việc này không đi làm vào một buổi sáng. "Tôi không biết là cô biết nấu ăn đấy," Scarret nói. "Tôi cũng không biết điều đó." Dominique trả lời. Một tối khác cô đi ra ngoài để đưa tin về một vụ cháy ở cảng, khi người ta phát hiện ra rằng người duy nhất chịu trách nhiệm đưa tin đã gục ngã vì kiệt sức tren

sàn nhà phòng vệ sinh nam. "Tốt đấy," Wynand nói với cô khi ông đọc bài báo, "nhưng nếu em làm như thế này thêm một lần nữa thì em sẽ bị đuổi việc. Nếu em muốn ở lại, em không được bước ra khỏi tòa nhà này."

Đó là nhận xét duy nhất của ông về việc cô có mặt ở đây. Ông chỉ nói với cô khi cần thiết - ngắn gọn và đơn giản, giống hệt như với các nhân viên khác. ông là người đưa ra mệnh lệnh. Có những ngày họ không có thời gian để gặp mặt nhau. Cô ngủ trong đi văng ở thư viện. Thỉnh thoảng, vào buổi tối, cô đến phòng làm việc của ông, tranh thủ khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi khi có thể; họ nói chuyện, không về cái gì cụ thể cả, chỉ về những sự kiện nho nhỏ xảy ra trong ngày, họ vui vẻ, như bất cứ cặp vợ chồng nào tán chuyện về những gì xảy ra hàng ngày trong cuộc sống đời thường của họ.

Họ không nói về Roark hay Cortlandt. Cô đã nhìn thấy ảnh của Roark treo trên tường trong phòng của ông và hỏi: "Anh treo nó lên từ khi nào?" "Khoảng một năm trước." Đó là lần duy nhất họ nhắc tới Roark. Họ cũng không nói về cơn thịnh nộ ngày một tăng của công chúng đối với tờ *Ngọn cờ*. Họ không phỏng đoán về tương lai. Họ cảm thấy nhẹ nhõm khi quên đi câu hỏi ở bên ngoài những bức tường của tòa nhà; nó được quên đi bởi vì nó không còn là câu hỏi đối với họ; nó đã được giải quyết và trả lời; còn lại chỉ là cảm giác bình yên; họ có việc để làm - việc giữ cho tờ báo hoạt động - và họ cùng làm việc đó.

Cô có thể đến bất ngờ, giữa đêm, với một ly cà phê nóng, và ông sẽ giật lấy nó đầy vẻ biết ơn, trong khi vẫn tiếp tục làm việc. Ông có thể phát hiện ra những cái bánh mì kẹp thịt nóng hổi đặt trên bàn đúng vào lúc ông cảm thấy rất đói. Ông không có thời gian để tự hỏi xem cô lấy chúng ở đâu. Để rồi sau đó ông phát hiện ra rằng cô đã lắp một bếp điện và để nhiều thức ăn trong kho. Cô chuẩn bị bữa sáng cho ông, khi ông phải làm việc suốt đêm, rồi cô đi vào phòng ông mang theo những đĩa thức ăn được đặt trên một tấm bìa cứng, trong sự vắng lặng của những khu phố ngoài kia, trong lúc những tia sáng mặt trời đầu tiên chạm vào nóc những mái nhà.

Một lần ông nhìn thấy cô đang cầm chổi quét dọn một căn phòng; bộ phận sửa chữa và bảo trì đã ngừng hoạt động, bà quét dọn lúc đến lúc đi, chẳng ai hay biết.

"Anh trả tiền em để làm việc này đấy à?" ông hỏi.

"Vâng, nhưng mà chúng ta không thể làm việc được trong một cái chuồng lợn. Em chưa hỏi xem anh trả em bao nhiêu, nhưng em muốn được nâng lương."

"Em bỏ cái chổi ra ngay, vì Chúa! Thật là lố bịch!"

"Cái gì lố bịch nào? Đấy, giờ thì sạch sẽ rồi. Cũng chẳng mất nhiều thế

giới. Em làm việc giỏi đấy chứ?"

"Rất giỏi."

Cô tựa người vào cán chổi và phá lên cười. "Em tin rằng anh luôn nghĩ, như tất cả những người khác, rằng em chỉ là thứ đồ xa xỉ, một tiểu thư, phải không Gail?"

"Đây là cách em sống khi em muốn à?"

"Đây là cách mà em đã muốn sống suốt đời - nếu em có thể tìm được lý do."

Ông nhận ra rằng sức chịu đựng của cô còn lớn hơn cả ông. Cô không bao giờ có biểu hiện mệt mỏi. Ông đoán là cô có ngủ, có điều ông không thể tìm ra được cô đi ngủ vào lúc nào.

Vào bất cứ thời điểm nào, trong bất cứ góc nào của tòa nhà, mặc dù có thể không gặp ông cả vài tiếng đồng hồ, cô vẫn biết về ông, vẫn biết khi nào ông cần cô nhất. Có một lần, ông ngủ gật trên bàn làm việc. Ông tỉnh dậy và thấy cô đang nhìn ông. Cô đã tắt đèn đi; cô ngồi trên một cái ghế tựa ở cạnh cửa sổ, trong ánh trăng, mặt cô hướng về phía ông, bình thản, và quan sát ông. Khuôn mặt cô là thứ đầu tiên mà ông nhìn thấy. Ông khó nhọc nhấc đầu ra khỏi cánh tay. Trong khoảnh khắc đầu tiên, trước khi hoàn toàn trở về với thực tại và khả năng kiểm soát, ông chợt cảm thấy giận dữ, vô tích sự và bất lực. Ông không nhớ cái gì đã khiến cho họ phải ở đây, trong tình trạng này, ông chỉ nhớ rằng cả hai người đều đang mắc kẹt trong một cuộc hành quyết chậm rãi và to lớn, và ông nhớ rằng ông yêu cô.

Cô đã nhìn thấy điều đó trong gương mặt ông, trước khi ông ngồi thẳng người dậy. Cô bước lại phía ông, cô đứng cạnh ghế, cô ôm lấy đầu ông và để nó tựa vào người cô. Cô ôm lấy ông, và ông không phản đối; ông buông mình trong vòng tay của cô; cô hôn lên tóc ông và thì thầm: "Mọi thứ rồi sẽ ổn thôi, Gail, rồi sẽ ổn."

*

* *

Vào một buổi tối cuối tuần thứ ba của cuộc đình công, Wynand bỏ ra ngoài tòa nhà; ông không quan tâm xem liệu tòa nhà có còn lại gì khi ông trở lại. Ông đến gặp Roark.

Ông đã không gọi điện cho Roark kể từ khi xảy ra cuộc đình công. Roark thì thường xuyên gọi điện cho ông; Wynand trả lời lặng lẽ, chỉ trả lời, không đưa ra tuyên bố nào cả và từ chối kéo dài cuộc nói chuyện. Ông đã nhắc Roark ngay từ đầu: "Đừng cố mà đến đây. Tôi đã có lệnh cấm rồi. Anh sẽ không vào được." Ông cần phải không nghĩ đến cái hình hài đại diện cho cốt

lõi trận chiến của ông; ông phải quên đi sự tồn tại vật lý của Roark; bởi vì ý nghĩ về con người Roark sẽ làm ông liên tưởng đến phiên tòa.

Ông đi bộ một đoạn khá xa mới đến được tòa nhà Enright; đi bộ khiến cho khoảng cách trở nên xa hơn và an toàn hơn; đi taxi sẽ kéo Roark quá gần với tòa nhà *Ngọn cờ*. Ông giữ mắt ông cố định ở khoảng hai mét trước mặt, dọc theo vỉa hè; ông không muốn nhìn vào thành phố.

"Chào Gail," Roark nói rất điềm tĩnh khi ông bước vào nhà.

"Tôi không biết cách nào tỏ ra thiếu kỷ luật hơn" Wynand nói và ném mũ lên một cái bàn ở cạnh cửa, "cứ nói bừa phứa hay là thẳng thừng phớt lờ mọi thứ. Nhìn tôi thật thê thảm. Nói đi."

"Đúng là nhìn ông rất thảm. Ngồi xuống, nghỉ đi và đừng nói gì cả. Rồi tôi sẽ bắt ông tắm nước nóng - không, trông ông không bẩn thỉu đến mức đó, nhưng một chút thay đổi sẽ tốt hơn cho ông. Sau đó chúng ta sẽ nói chuyện."

Wynand lắc đầu và vẫn đứng ở ngay cửa.

"Howard, tờ *Ngọn cờ* không giúp được anh. Nó đang làm hại anh."

Ông đã mất tám tuần để có thể tự nói được câu này.

"Tất nhiên rồi," Roark nói, "Nhưng thế thì đã sao?"

Wynand vẫn không bước vào trong phòng.

"Gail, với tôi thì điều đó đâu có quan trọng. Tôi không cần công luận, dù công luận ủng hộ hay phản đối."

"Anh muốn tôi nhượng bộ?"

"Tôi muốn ông đứng vững đến cùng, kể cả nếu ông mất tất cả."

Anh biết là Wynand đã hiểu, đó chính là thứ mà Wynand đã cố không đối mặt, đó là điều mà Wynand muốn anh nói ra.

"Tôi không trông chờ ông cứu tôi. Tôi nghĩ là tôi có thể thắng. Vụ đình công không làm cho nó tốt hơn hay tệ đi. Đừng lo cho tôi. Và đừng nhượng bộ. Nếu ông theo đuổi đến cùng - ông sẽ không còn cần tôi về sau nữa."

Anh thấy Wynand nhìn anh với cái nhìn giận dữ, phản đối - và đồng tình. Anh nói thêm:

"Ông biết là tôi đang nói gì. Chúng ta sẽ là những người bạn tốt hơn bao giờ hết - và ông sẽ đến thăm tôi trong tù, nếu cần. Đừng có nhăn mặt như thế, và đừng bắt tôi phải nói quá nhiều. Bây giờ không phải lúc. Tôi mừng vì vụ đình công này. Tôi đã biết là một điều tương tự như thế này sẽ phải xảy ra, khi tôi gặp ông lần đầu tiên. Ông cũng đã biết về nó rất lâu rồi."

"Hai tháng trước đây, tôi đã hứa với anh... một lời hứa mà tôi muốn giữ..."

"Ông đang giữ lời hứa đó."

"Anh thực sự không muốn coi thường tôi à? Tôi muốn anh nói ra, tôi đến đây để nghe điều đó."

"Được thôi. Hãy nghe tôi nói. Ông là một gặp gỡ không bao giờ có thể lặp lại trong đời tôi. Tôi từng biết Henry Cameron - ông ấy đã chết vì sự nghiệp của tôi. Còn ông lại là chủ của những tờ báo lá cải. Nhưng tôi đã không thể nói điều này với ông ấy, trong khi tôi lại đang nói với ông. Tôi biết Steve Mallory - anh ấy không bao giờ nhượng bộ đối với những thứ thuộc về linh hồn của anh ấy. Còn ông thì chẳng làm gì khác ngoài việc đem bán linh hồn của ông bằng mọi cách mà người ta có thể bán. Nhưng tôi đã không thể nói điều này với Steve, trong khi tôi lại đang nói với ông về nó. Có phải đó là những gì ông luôn muốn được nghe tôi nói? *Nhưng đừng nhượng bộ.*"

Anh quay đi, và nói thêm: "Tôi đã nói hết. Chúng ta sẽ không nói chuyện về vụ đình công chết tiệt của ông nữa. Hãy ngồi xuống, tôi sẽ đi lấy nước cho ông. Nghỉ ngơi đi, đừng để ông trông như thế này nữa."

Wynand quay về với tờ *Ngọn cờ* vào đêm khuya. Ông đi bằng taxi. Chẳng có gì khác nhau nữa. Ông cũng không để ý đến khoảng cách.

Dominique nói, "Anh đã gặp Roark."

"Phải. Sao em biết?"

"Đây là ma-két tờ báo Chủ nhật. Hơi tồi, nhưng chúng ta phải chấp nhận vậy. Em đã cho Manning về nhà nghỉ vài tiếng - ông ấy gần như đã kiệt sức. Jackson bỏ việc, nhưng chúng ta có thể làm mà không cần anh ta. Mục của Alvah thì đúng là một mớ hổ lốn, anh ấy thậm chí còn không viết đúng chính tả nữa - em đã phải viết lại, nhưng anh đừng cho anh ấy biết, hãy nói rằng anh đã làm việc đó."

"Em ngủ đi. Anh sẽ làm thay Manning. Anh vẫn còn sức để làm thêm vài giờ nữa."

Họ tiếp tục công việc, ngày qua ngày, và chồng báo bị trả lại trong phòng nhận thư ngày càng lớn, tràn ra cả hành lang, những tập giấy nhìn như những miếng đá cẩm thạch. Số lượng báo bán ra giảm đi sau mỗi số báo, trong khi chồng báo trả lại cứ dày lên. Ngày cứ thế trôi qua - ngày của những nỗ lực tuyệt vời để cho ra một tờ báo để rồi nó lại được trả lại, không có ai đọc, không có ai mua.

XVI.

Trên mặt chiếc bàn gỗ gụ dài bóng loáng được dành riêng cho hội đồng quản trị có hai chữ viết lồng vào nhau bằng gỗ được sơn màu. GW. Chúng được làm dựa theo chữ ký của ông. Dòng chữ này luôn làm cho các thành viên hội đồng quản trị khó chịu. Nhưng bây giờ họ không có thời gian để ý tới chúng. Chỉ thỉnh thoảng một ai đó liếc nhìn vào hai chữ đó - và khi ấy, cái liếc nhìn lộ vẻ hài lòng.

Những thành viên hội đồng đang ngồi quanh bàn. Đây là lần đầu tiên hội đồng quản trị tổ chức họp mặt mà không do Wynand triệu tập. Người ta đã tự triệu tập buổi họp mặt và Wynand đã đến. Đây là tháng thứ hai kể từ khi đình công bắt đầu.

Wynand đứng cạnh chiếc ghế của ông ở đầu bàn. Trông ông giống như một bức vẽ từ tạp chí dành cho đàn ông - một người ăn mặc cực kỳ chải chuốt, với một chiếc khăn mùi xoa màu trắng nằm trong túi ngực của bộ trang phục màu đen. Những thành viên hội đồng quản trị thấy mình đang nghĩ những ý nghĩ kỳ quặc: người thì nghĩ về những người thợ may Anh quốc, những người khác thì - nghĩ về Thượng viện Anh - về tháp London - về vị vua Anh đã bị xử tử - hay người bị xử tử là đại pháp quan nước Anh[167] nhỉ? - ông ta đã chết một cách thật ngoạn mục.

Họ không muốn nhìn vào người đàn ông đang đứng trước họ. Họ nghĩ về cảnh những người biểu tình ngoài kia - về những phụ nữ sực nức nước hoa với những móng tay được sơn sửa kỹ lưỡng đang hét lên ủng hộ Ellsworth Toohey trong những buổi thảo luận ở các phòng khách - về một cô gái mặt bè bè và phẳng lì đang đi đi lại lại dọc đại lộ số năm với tấm áp phích ""Chúng tôi không đọc báo Wynand" - để ủng hộ và thể hiện lòng dũng cảm dám công khai những gì họ đang nói.

Wynand nghĩ đến một bức tường đổ nát ở mép sông Hudson. Ông nghe thấy tiếng bước chân từ rất xa tiến về phía mình. Chỉ khác là lần này không có những đường dây điện tỏa đi từ bàn tay ông để giữ cho cơ bắp trong người ông sẵn sàng.

"Mọi thứ điên mất rồi. Đây là một tổ chức kinh doanh hay là một hội từ thiện nhằm bảo vệ bạn bè riêng?"

"Ba trăm ngàn đô vào tuần trước... Đừng mất công tìm hiểu làm sao tôi biết được điều đó, Gail, không có gì bí mật cả, chủ ngân hàng của ông đã nói cho tôi biết. Được thôi, đó là tiền của ông, nhưng nếu ông muốn dùng tiền công thì để tôi nói cho ông biết là ông không qua được mắt bọn tôi đâu. Ông

không thể đổ tiền của chúng tôi ra được, không một xu nào, ông không thể thoát được vụ này đâu, quá muộn rồi Gail, đã hết thời ông có thể làm mưa làm gió rồi."

Wynand nhìn vào đôi môi dày của người vừa nói, và nghĩ: Chính các người đã vận hành tờ *Ngọn cờ*, ngay từ đầu, các người đã không biết điều đó, nhưng ta biết, chính là các người, đó là tờ báo của các người, bây giờ thì chẳng còn gì để mà cứu vớt cả.

"Phải, Slottern và bè lũ của ông ta sẵn sàng quay lại ngay lập tức, tất cả những gì họ đòi hỏi chỉ là chúng ta phải chấp nhận những yêu cầu của công đoàn, và họ sẽ ký lại hợp đồng, theo những điều khoản cũ, thậm chí không cần phải đợi ông khôi phục lại số lượng phát hành báo như trước - việc này theo tôi sẽ mất khá nhiều công sức đấy, ông bạn ạ - và tôi nghĩ họ đối xử như thế là rất rộng lượng với chúng ta. Hôm qua tôi nói chuyện với Homer và ông ta đã hứa với tôi - Wynand, ông có biết vụ này tốn bao nhiêu tiền không, hay là ông biết mà không cần tôi nói?"

"Không, thượng nghị sĩ Eldridge không muốn gặp ông... Dào, bỏ qua đi, Gail, chúng tôi biết là ông đã bay đến Washington tuần trước. Có điều ông không biết là thượng nghị sĩ Eldridge hứa sẽ không đụng tay vào vụ này, thậm chí có đụng tay qua một cái sào dài cũng không. Và sếp Craig tự nhiên bị gọi đột xuất đi Florida, đúng không? - để đến thăm một bà cô bị ốm ư? Không ai trong số họ sẽ giúp ông trong vụ này, Gail. Đây không phải là một hợp đồng làm đường hay là một vụ lừa đảo mệnh giá cổ phiếu nho nhỏ. Và ông không còn là ông hồi trước nữa."

Wynand nghĩ: Ta chưa từng có "hồi trước", ta chưa từng thuộc về đây, tại sao các người lại sợ không dám nhìn vào mặt ta? Các người không biết ta là kẻ yếu nhất trong số các người à? Những người phụ nữ Những phụ nữ khoả thân nửa người trong tờ phụ trương Chủ nhật, những đứa bé trong mục tranh tự in, những bài xã luận về những con sóc ở công viên - chúng là biểu hiện của linh hồn các người, chúng trực tiếp từ linh hồn các người mà ra - còn linh hồn của ta thì ở đâu?

"Quỷ tha ma bắt tôi đi nếu tôi có thể hiểu được chuyện này. Nào, nếu như họ đòi tăng lương, *như thế* thì tôi còn hiểu được; thế thì tôi sẽ bảo chúng ta hãy chiến đấu với bọn vô lại đấy đến cùng. Nhưng cái gì thế này - một vấn đề tri thức trời đánh thánh vật nào đó ư? Chẳng nhẽ chúng ta trắng tay chỉ vì những nguyên tắc trừu tượng hay là cái quái gì tương tự thế sao?"

"Ông không hiểu à? Tờ *Ngọn cờ* bây giờ đã trở thành một tờ báo nhà thờ. Ông Gail Wynand trở thành người truyền giáo. Chúng ta có thể chả có xu nào, nhưng chúng ta lại có lý tưởng."

"Nào, nếu như đó là một vấn đề thực sự, một vấn đề chính trị thì đã đành - đằng này chỉ là chuyện một thằng khùng cho nổ tung một khu dở hơi! Mọi người đang cười vào mũi chúng ta. Nói thật nhé, Wynand, tôi đã cố đọc các bài xã luận của ông và nếu ông cần ý kiến trung thực của tôi thì đó là thứ tệ nhất từng được lên báo. Ông nghĩ là ông đang viết bài cho các giáo sư đại học à?!"

Wynand nghĩ: Ta biết ngươi - ngươi là kẻ sẵn sàng bỏ tiền cho một con điếm chửa hoang còn hơn là cho một thiên tài đang chết đói - ta đã nhìn thấy ngươi ở đâu đó - ta đã nhặt ngươi lên và đem ngươi đến đây - khi gặp khó khăn trong công việc của các anh, hãy nhớ tới gương mặt của người đàn ông đó, nhớ rằng các anh đang viết cho ông ta đọc - nhưng, ngài Wynand, làm sao có thể nhớ được mặt ông ta - có thể đấy, cậu bé, có thể nhớ được đấy, cái mặt ấy sẽ trở lại để nhắc anh phải nhớ - nó sẽ quay trở lại và đòi được trả nợ - và ta sẽ trả - ta đã ký một tờ séc trắng từ lâu và bây giờ nó xuất hiện để đòi nợ - nhưng một cái séc trắng sẽ luôn ghi tất cả những gì mà ta có.

"Vụ việc này cũng mông muội như thời Trung cổ và là sự sỉ nhục với nền dân chủ." Một giọng nói khác than vãn. Đó là giọng của Mitchell Layton. "Đã đến lúc những người khác phải có quyền lên tiếng ở đây. Một người điều hành tất cả các tờ báo theo ý thích của ông ta - thế là thế nào, chúng ta đang ở thế kỷ mười chín à?" Layton bĩu môi; anh đảo mắt về hướng một ông chủ ngân hàng bên kia bàn. "Đã có ai thèm hỏi ý kiến *của tôi* chưa? Tôi cũng có ý kiến chứ? Tất cả chúng ta đều có cả đống ý tưởng. Ý của tôi là phải cùng làm việc, như một dàn nhạc giao hưởng lớn. Đã đến lúc tờ báo này phải có một đường lối hiện đại, tự do và tiến bộ! Ví dụ, về vấn đề thuê đất của nông dân..."

"Câm miệng đi, Mitch," Alvah Scarret nói, những giọt mồ hôi chảy dọc theo hai bên thái dương ông; ông không hiểu tại sao; nhưng ông muốn ban giám đốc giành được phần thắng; có cái gì đó ở trong phòng... ở đây quá nóng bức, ông nghĩ, giá ai đó mở cửa sổ ra thì tốt.

"Tôi sẽ không câm miệng lại!" Mitchell Layton gào lên. "Tôi giỏi chả kém gì..."

"Thôi nào, cậu Layton," ông chủ nhà băng nói.

"Được thôi," Layton đáp lời, "được thôi. Đừng quên đằng sau Ngài Siêu Nhân thì ai là người giữ nhiều cổ phiếu nhất ở đây." Anh ta vẫy ngón cái về phía Wynand, nhưng không dám nhìn vào ông. "Đừng quên điều đó. Hãy đoán xem ai sẽ là chủ ở đây."

"Gail," Alvah Scarret vừa nói vừa nhìn elen Wynand, cặp mắt của ông chân thành và đau khổ kỳ lạ. "Gail, chẳng ích gì đâu. Nhưng chúng ta vẫn có

thể cứu vãn được tình thế. Hãy xem, chỉ cần chúng ta thừa nhận rằng chúng ta đã nhầm về vụ Cortlandt và... nhận Harding trở lại làm việc, ông ấy là một người có giá trị, và... có thể cả Toohey..."

"Không ai được phép nhắc đến tên Toohey trong buổi họp này," Wynand nói.

Mitchell Layton há miệng ra rồi khép miệng lại.

"Đúng rồi! Gail!" Alvah Scarret kêu lên. "Tuyệt vời! Chúng ta có thể thương lượng và đưa ra một đề nghị đối với bọn họ. Chúng ta sẽ đảo ngược quan điểm về vụ Cortlandt - đó là việc chúng ta phải làm, không phải là vì cái công đoàn chết tiệt, mà là vì chúng ta phải khôi phục lượng phát hành như trước, Gail - như vậy chúng ta sẽ đề nghị với họ như thế và chúng ta sẽ nhận Harding, Alien và Frank quay lại làm việc, nhưng không có To... không có Ellsworth. Chúng ta nhượng bộ và họ cũng nhượng bộ. Ai cũng giữ được thể diện. Được không, Gail?"

Wynand không nói gì.

"Tôi cũng nghĩ thế, ông Scarret," ông chủ nhà băng nói. "Tôi nghĩ đó là giải pháp. Kiểu gì thì ông Wynand cũng phải được phép giữ uy tín cho mình. Chúng ta có thể hy sinh... một cây bút để có thể giữ hòa khí."

"Tôi không hiểu!" Mitchell Layton thét lên. "Tôi không hiểu một chút nào cả. Tại sao chúng ta phải hy sinh ông... một nhà tự do vĩ đại, chỉ vì..."

"Tôi đồng ý với ông Scarret" - người lúc trước nói về mấy viên thượng nghị sĩ bây giờ lên tiếng. Những người khác cũng cất giọng phụ họa. Một người khác, người lúc trước đã chỉ trích những bài xã luận bây giờ nói át những tiếng ồn xung quanh: "Tôi nghĩ ngài Gail Wynand là ông chủ tuyệt vời!" Mitchell Layton ra dấu phản đối nhưng ông ta lờ đi. Ông ta nhìn về phía Wynand với hy vọng được bảo vệ. Nhưng Wynand không để ý đến ông ta.

"Gail?" Scarret hỏi. "Gail, ý ông thế nào?"

Không có câu trả lời.

"Quỷ tha ma bắt, Wynand, bây giờ hoặc không bao giờ! Không thể để tiếp tục tình trạng này được!"

"Ông quyết định đi hoặc là để người khác quyết định!"

"Tôi sẽ mua đứt cổ phần của ông!" Layton gào lên. "Muốn bán không? Muốn bán và bỏ chạy không?"

"Vì chúa, Wynand, đừng có ngốc như vậy!"

"Gail, đó là tờ *Ngọn cờ*... " Scarret thì thầm. "Đó là tờ *Ngọn cờ* của chúng ta..."

"Chúng tôi sẽ luôn đứng về phía ông, Gail, tất cả chúng tôi sẽ tham gia, chúng ta sẽ cùng kéo tờ báo trở lại vị trí cũ, chúng tôi sẽ làm những gì ông muốn, ông sẽ là ông chủ của chúng tôi - nhưng vì chúa, hãy xử sự như một ông chủ đi, ngay bây giờ!"

"Trật tự nào, thưa các vị, hãy trật tự! Wynand, đây là quyết định cuối cùng: chúng ta sẽ thay đổi quan điểm về vụ Cortlandt, chúng ta sẽ cho Harding, Alien và Falk quay lại làm việc, và chúng ta sẽ cứu vãn được tình thế. Đồng ý hay không?"

Không có câu trả lời nào.

"Wynand, ông biết chỉ có giải pháp đó - hoặc là ông phải đóng cửa tờ *Ngọn cờ*. Ông không thể giữ nó lại, ngay cả khi ông mua đứt cổ phiếu của chúng tôi. Nhượng bộ hoặc là đóng cửa tờ *Ngọn cờ*. Tốt nhất là ông nên nhượng bộ."

Wynand đã nghe thấy câu trả lời. Ông đã nghe thấy nó trong tất cả các bài phát biểu. Ông đã nghe thấy nó nhiều ngày trước buổi họp này. Ông biết rõ nó hơn bất cứ người nào ở đây. Câu trả lời là: Đóng cửa tờ *Ngọn cờ*.

Ông nhìn thấy một hình ảnh duy nhất: bảng tên hiệu mới được dựng lên trên cửa tòa soạn tờ *Gazette*.

"Ông nên nhượng bộ."

Ông lùi lại một bước. Đằng sau ông không phải là một bức tượng. Chỉ là tay vịn chiếc ghế của ông.

Ông nghĩ đến cái khoảnh khắc trong phòng ngủ của ông, khi ông đã suýt kéo cò súng. Ông biết là bây giờ ông đang làm điều đó.

"Được rồi," ông nói.

*

* *

Đó chỉ là một cái nắp chai, Wynand nghĩ khi nhìn xuống đốm sáng dưới chân; một cái nắp chai đã ăn sâu xuống vỉa hè. Có rất nhiều những thứ như vậy trên đường phố New York - những cái nắp chai, những cái ghim, những cái huy hiệu vận động bầu cử, những dây xích trong bồn rửa; thỉnh thoảng còn có những đồ trang sức đánh rơi - bây giờ tất cả chúng đều như nhau, phẳng lì, ăn sâu vào mặt đất; nó làm cho vỉa hè trở nên lấp lánh vào ban đêm. Đó là phân bón cho thành phố. Ai đó đã uống cạn nước trong chai và ném nắp chai đi. Đã có bao nhiêu ô-tô cán lên cái nắp chai đó? Có ai có thể

dứt được nó ra khỏi lòng đường? Có ai có thể quỳ xuống, dùng tay trần để bới và dứt nó ra được không? Ta không có quyền hy vọng chạy thoát. Ta không có quyền được quỳ xuống và tìm kiếm sự cứu rỗi. Hàng triệu năm trước, khi trái đất đang được sinh ra, đã có những sinh vật sống như ta: những con ruồi bị sa vào nhựa cây để trở thành hổ phách, những động vật bị ngập trong bùn để trở thành hóa thạch. Ta là một con người trong thế kỷ hai mươi và ta đã trở thành một mẩu thiếc nằm dưới lòng đường, để cho các xe tải của New York cán lên.

Ông đi chậm, cổ áo khoác ngoài dựng lên. Đường phố trải dài trước mặt ông, trống rỗng, và những tòa nhà ở phía trước trông như những gáy sách xếp trên giá không theo một thứ tự nào, đủ mọi kích cỡ. Góc phố mà ông vừa qua dẫn tới những con kênh màu đen; những ngọn đèn đường tạo nên cái vỏ bảo vệ bên ngoài cho thành phố, nhưng thi thoảng lại có những điểm vỡ. Ông rẽ vào một góc phố khi ông nhìn thấy có một tia sáng chiếu xiên ở phía trước; nó ở cách ông khoảng ba đến bốn con đường.

Ánh đèn chiếu ra từ cửa sổ bày hàng của một tiệm cầm đồ. Tiệm đã đóng cửa nhưng một ngọn đèn sáng chói được treo trong khung kính để đề phòng những kẻ cướp cùng quẫn. Ông dừng lại và nhìn vào khung kính. Ông nghĩ, đó là một cảnh khiếm nhã nhất trái đất - cửa sổ bày hàng của một tiệm cầm đồ. Những thứ vốn là thiêng liêng đối với con người, và những thứ vốn quý giá đều bị phơi bày ở đây, để bị vầy vò và mặc cả, để trở thành những thứ vô giá trị dưới cặp mắt dửng dưng của những người lạ, để nằm chung với một mớ đồ hổ lốn; những cái máy chữ và đàn violin - công cụ của những giấc mơ; những bức ảnh cũ và những cái nhẫn cưới - dấu hiệu của tình yêu; tất cả nằm chung với những cái quần dài bẩn thỉu, với bình pha cà phê, với gạt tàn thuốc lá, với tượng lõa thể bằng thạch cao; tất cả chúng đã bị bỏ đi trong tuyệt vọng, bị mang đi cầm cố - không phải mang bán đứt, không phải hoàn toàn phủi tay dứt hẳn ra mà được đem cầm cố. Người ta đã hy vọng sẽ chuộc lại chúng, nhưng đấy là một niềm hy vọng đã chết từ trong trứng và những đồ vật không bao giờ được chuộc lại. "Chào Gail Wynand," ông nói như thế đối với những đồ vật bên trong cửa kính, và rảo bước.

Ông cảm thấy một tấm lưới sắt ở dưới bàn chân và một mùi hôi nào đó phả vào mặt - mùi của bụi bặm, của mồ hôi và quần áo bẩn. Nó còn tệ hơn cả mùi của những chuồng súc vật, bởi vì cái mùi này có vẻ bình thường, quen thuộc, như thể sự phân hủy đã được biến thành một thủ tục hàng ngày. Lưới sắt thông khí của đường tàu điện ngầm. Ông nghĩ, đây là phần dư ra của việc nhồi nhiều người vào một chỗ, của những cơ thể ép chặt vào nhau thành một khối, không có chỗ di chuyển, không có không khí để thở. Đây chính là kết quả của phép cộng mùi, mặc dù ở dưới kia, giữa những khối thịt ép chặt vào nhau, người ta vẫn có thể phân biệt mùi của những bộ quần áo mới được gột

hồ, mùi của tóc mới gội, mùi của làn da trẻ trung mạnh khỏe. Đấy là bản chất của các phép cộng và của việc đi tìm mẫu số chung nhỏ nhất. Vậy thì cái gì là phần dư của việc gộp các bộ óc lại một chỗ, không có không khí, không có khoảng không, không có sự phân biệt? Tờ Ngọn cờ, ông nghĩ, và tiếp tục bước đi.

Thành phố của ta, ông nghĩ, thành phố mà ta yêu quý, thành phố mà ta nghĩ là ta cai trị.

Ông đã bỏ đi khỏi buổi họp hội đồng quản trị và ông đã nói: "Tiếp quản lấy tờ báo, Alvah, cho đến khi tôi quay lại." Ông không dừng lại để xem Manning đang kiệt sức bên bàn biên tập tin tài chính, không gặp những người ở phòng đó, những người vẫn đang làm việc, chờ đợi và biết về mục đích của buổi họp; ông cũng không gặp Dominique. Scarret sẽ nói với họ. Ông đã đi ra khỏi tòa nhà, quay về căn hộ của ông và ngồi một mình trong cái phòng ngủ không có cửa sổ. Không có ai đến làm phiền ông.

Khi ông rời nhà thì đó cũng là lúc an toàn hơn: trời đã tối. Ông đi qua một quầy bán báo và nhìn thấy những tờ báo buổi chiều thông báo về việc giải quyết xung đột trong cuộc đình công Wynand. Công đoàn đã chấp nhận đề nghị thỏa hiệp của Scarret. Ông biết rằng Scarret sẽ xử lý được tất cả những việc còn lại. Scarret sẽ viết lại trang đầu của tờ *Ngọn cờ* số ra ngày mai. Scarret sẽ viết bài xã luận để đăng lên trang đầu. Ông nghĩ những cái máy in đang chạy vào ngay lúc này. Trong một giờ nữa, tờ *Ngọn cờ* buổi sáng sẽ có mặt trên đường phố.

Ông đi lang thang. Ông không sở hữu cái gì cả, nhưng bất cứ thứ gì trong thành phố này đều sở hữu ông. Cũng hợp lý nếu như bây giờ thành phố dẫn đường cho ông và ông bị từng góc phố ngẫu nhiên cuốn đi. Tôi đây, thưa những ông chủ, tôi đến đây để cúi đầu chào và thừa nhận các ông, tôi sẽ đi đến bất cứ nơi nào các ông muốn. Ta là một kẻ đã muốn có quyền lực.

Kia là một người phụ nữ đang ngồi dưới hiên trần của một ngôi nhà đá nâu cũ kỹ, đầu gối béo trắng của bà ta dạng ra; kia là một người đàn ông đang cố đẩy cái bụng mặc áo thêu kim tuyến của ông ta ra khỏi xe tắc xi đỗ trước một khách sạn lớn; kia là một anh chàng nhỏ thó đang nhấm nháp bia tại quầy tạp hóa; kia là một người đàn bà đang cúi người trên tấm thảm lem luốc ở ngưỡng cửa một căn hộ cho thuê; kia là anh chàng lái tắc xi đỗ trong góc phố; kia là một quý bà tay cầm hoa lan và say xỉn trên bàn một tiệm cà-phê mở trên vỉa hè; kia là một bà già rụng răng đang bán kẹo cao su; kia là một người đàn ông mặc áo sơ mi dài tay đang đứng dựa vào cửa một phòng chơi bi-a - tất cả bọn họ đều là chủ của ta. Là người sở hữu ta, là ông chủ của ta - ông chủ không cần đến một khuôn mặt cụ thể.

Hãy đứng ở đây, ông nghĩ, và đếm những cửa sổ có ánh đèn của thành phố đi. Nhà ngươi không thể làm được việc đó. Nhưng đằng sau mỗi khối hình chữ nhật màu vàng, cái nọ chồng lên cái kia, lên tới tận trời - ở dưới mỗi cái bóng đèn - cho tới tận chỗ kia, đấy cái đốm sáng bên kia sông mà không phải là một ngôi sao ấy - dưới mỗi cái bóng đèn là những người mà nhà ngươi sẽ không bao giờ nhìn thấy nhưng lại là chủ của ngươi. Họ ở bên những bàn ăn tối, trong những phòng khách, trên giường và trong hầm ngầm, trong phòng đọc sách và trong phòng tắm. Họ đang lướt qua trong tàu điện ngầm dưới chân ngươi. Họ đang đi lên trong những thang máy chạy thẳng đứng ở quanh ngươi. Họ đang vụt qua ngươi trong mỗi chiếc xe buýt. Họ là chủ của ngươi, Gail Wynand. Có một cái lưới - dài hơn cả những sợi cáp chạy xuyên qua những bức tường trong thành phố này gộp lại, rộng lớn hơn mạng lưới những đường ống dẫn nước, ga và chất thải - có một cái lưới nữa ẩn xung quanh ngươi; nó được quấn vào ngươi, và những mắt lưới của nó nối tới tay của tất cả mọi người trong thành phố này. Họ đã giật dây và ngươi đã cử động. Ngươi đã là kẻ cai trị con người. Ngươi đã giữ chặt cái dây xích chó đó. Nhưng sợi dây xích chó chính là một sợi thừng mà cả hai đầu đều có thòng lọng.

Những ông chủ của ta - vô danh, bất kỳ. Họ đã đem lại cho ta một ngôi nhà, một văn phòng và một cái thuyền buồm. Để đáp lại họ, để đáp lại bất cứ kẻ nào có yêu cầu, để lấy món tiền đáng giá ba xu, ta đã bán Howard Roark.

Ông đi qua một khoảng sân lát đá cẩm thạch ở ngoài trời; trông nó như một cái hang ăn sâu vào trong một tòa nhà, tràn ngập ánh đèn và phì ra những luồng hơi lạnh từ những máy điều hòa. Đó là một rạp chiếu phim và trên mái của cửa ra vào có dòng chữ bảy màu: *Romeo và Juliet*. Một tờ áp phích đặt ngay cạnh ô cửa kính bán vé: "Một tác phẩm kinh điển sống mãi với thời gian của Bill Shakespeare! Nhưng không hề sách vở! Chỉ là một câu chuyện tình đơn giản của con người. Một chàng trai từ Bronx gặp một cô gái đến từ Brooklyn. Như bất cứ người nào quanh ta. Giống như bạn và tôi."[168]

Ông đi qua cửa một quán rượu. Nồng nặc mùi bia để quá ngày. Một phụ nữ đã gục xuống, ngực áp vào mặt bàn. Máy hát đang chơi một bản nhạc của Wagner - *Bài ca gửi Sao Mai* được chuyển thể cho nhạc swing.

Ông nhìn thấy những cái cây trong Công viên trung tâm. Ông bước đi, mắt hướng xuống. Ông đang đi qua khách sạn Aquitania.

Ông đến một góc phố. Ông đã chạy thoát khỏi nhiều góc phố tương tự, nhưng góc phố này đã túm được ông. Đó là một góc phố tối tăm, một đoạn vỉa hè lọt thỏm vào giữa bức tường của một gara đã đóng cửa và những cái cột của một nhà ga đường sắt trên cao. Ông nhìn thấy đuôi của một chiếc xe

tải đang khuất dần phía cuối phố. Ông không nhìn thấy tên của nó, nhưng ông biết đó là xe gì. Có một quầy bán báo ở ngay dưới cầu thang sắt dẫn lên bến tàu điện. Ông chậm rãi đưa mắt. Ở đó có một chồng báo mới, mở toang trước mặt ông. Tờ *Ngọn cờ* ngày mai.

Ông không lại gần. Ông chỉ đứng và chờ đợi. Ông nghĩ, ta vẫn còn có vài phút để không phải biết.

Ông nhìn thấy những con người không nhân diện dừng lại quầy báo, từng người một. Họ đến mua nhiều loại báo khác nhau, nhưng họ cũng mua tờ *Ngọn cờ* khi họ nhìn thấy trang đầu của nó. Ông đứng sát vào tường, chờ đợi. Ông nghĩ, cũng hợp lý thôi nếu ta là người cuối cùng được biết về những gì ta đã nói.

Rồi ông không thể trì hoãn được nữa: không có khách hàng nào đến, quầy báo vắng vẻ, những tờ báo trải ra dưới ánh đèn vàng, đợi ông. Ông không nhìn thấy người bán hàng ở dưới cái mái che màu đen đằng sau bóng đèn. Đường phố vắng tanh. Một hành lang dài tạo nên bởi những cột đỡ cho đường tàu bên trên. Sàn hành lang lát đá, những bức đường nhem nhuốc, những cột sắt đứng xen kẽ. Có những cửa sổ sáng đèn, nhưng nhìn chúng như thể không có ai đang đi lại đằng sau những bức tường. Một con tàu chạy rầm rầm trên đầu ông, một chuỗi dài tiếng soang soảng chói tai truyền qua những cột kim loại xuống tới mặt đất. Như thể một khối sắt không có người lái lao đi trong đêm.

Ông đợi đến khi âm thanh tắt hẳn, rồi ông đi về phía quầy báo. "Tờ *Ngọn cờ*," ông nói. Ông không nhìn thấy ai là người bán cho ông tờ báo, không biết đó là một người đàn ông hay đàn bà. Ông chỉ thấy một cánh tay sần sùi màu nâu chìa tờ báo ra phía trước.

Ông bắt đầu bỏ đi, nhưng dừng lại giữa lúc băng qua đường. Có một bức ảnh Roark ở mặt báo. Đó là một bức ảnh đẹp. Gương mặt bình thản, gò má góc cạnh, cái miệng rắn rỏi. Ông đọc bài xã luận trong khi tựa người vào một cái cột của đường tàu bên trên.

"Chúng tôi đã luôn nỗ lực một cách dũng cảm và không thiên kiến để đem sự thật đến với bạn đọc...

"... tính độ lượng và cả quy tắc nghi ngờ nhân đạo,[169] ngay cả với một người đang bị cáo buộc một tội ác tày trời...

"... nhưng sau khi cẩn thận điều tra với những chứng cớ mới, chúng tôi thấy mình có trách nhiệm phải thẳng thắn thừa nhận rằng chúng tôi có thể đã quá khoan dung...

"... Một xã hội được giác ngộ với nhận thức mới về trách nhiệm đối với

những người kém may mắn...

"... Chúng tôi đồng tình với dư luận chung...

"... Quá khứ, sự nghiệp, tính cách của Howard Road dường như chứng minh cho ấn tượng chung của mọi người rằng anh ta là cá nhân đáng trách, một loại người nguy hiểm, vô nguyên tắc và chống đối xã hội...

"... Nếu bị kết tội - và điều này dường như hiển nhiên - thì Howard Road cần phải chịu khung hình phạt nặng nhất mà luật pháp có thể áp chế."

Bài xã luận được ký tên "Gail Wynand."

Khi ông nhìn lên, ông đã đang ở một khu phố thắp đèn sáng trưng, trên một vỉa hè gọn gàng sạch sẽ. Ông đang nhìn vào một tượng sáp được nặn rất tinh xảo, đặt trên nền sa-tanh trong cửa sổ một cửa hàng; hình sáp đó mặc một áo choàng màu cá hồi, đi một đôi xăng-đan trong; ngón tay giơ lên đeo lửng lơ một chuỗi ngọc.

Ông không biết là ông đã buông rơi tờ báo từ khi nào. Nó không còn ở trong tay ông nữa. Ông nhìn ngược lại. Không thể tìm được vì ông cũng không biết là mình đã đi qua những đường phố nào. Ông nghĩ, để làm gì chứ? Còn có những tờ báo khác tương tự như nó. Thành phố này tràn ngập những tờ báo như vậy.

"Ông là sự gặp gỡ không bao giờ có thể lặp lại trong đời tôi..."

Howard, tôi đã viết bài xã luận đó bốn mươi năm trước. Tôi đã viết nó vào cái đêm tôi mười sáu tuổi và đứng trên sân thượng của một khu chung cư.

Ông đi tiếp. Thêm một khu phố hiện ra trước mắt ông, có một đoạn đường dài đột ngột cắt ngang, trống trải và một chuỗi đèn giao thông màu xanh trải dài đến tận chân trời. Như một chuỗi tràng hạt không có điểm kết thúc. Ông nghĩ, nào, hãy đi từ hạt xanh này đến hạt xanh kia. Ông nghĩ: không phải là những từ đó; những những từ đó cứ vang lên theo mỗi bước chân ông: Tôi đã mắc tội - tôi đã mắc tội - tôi đã mắc tội lỗi lớn nhất.[170]

Ông đi qua cửa sổ một cửa hàng bán giày cũ - đi qua cửa một hội truyền giáo với một chữ thập ở trên - qua một cái áp phích quảng cáo cho ứng cử viên một cuộc bầu cử hai năm trước đây - qua một cửa hàng bán rau với những thùng rau thối ở trên vỉa hè. Đường phố thu nhỏ lại, các bức tường tiến lại gần nhau hơn. Ông có thể ngửi được mùi của con sông, và có những quầng sương mù phủ lên những ngọn đèn ít ỏi còn lại trên đường.

Ông đang ở Hell's Kitchen.

Hiên của những tòa nhà xung quanh ông trông như những bức tường của

một khu vườn bí mật bất ngờ hiện ra: mục ruỗng một cách công khai, mục ruỗng mà không cần giấu giếm cũng chẳng đếm xỉa đến danh dự. Ông nghe thấy những tiếng thét từ một quán rượu ở góc phố; ông không thể khẳng định đó là tiếng thét vui vẻ hay là cãi vã.

Ông đứng ở giữa một con phố. Ông từ từ nhìn xuống miệng của từng kẽ nứt tăm tối, rồi mắt ông lê dần lên những bức tường loang lổ, tới cửa sổ và tới những mái nhà.

Ta chưa bao giờ thoát ra khỏi nơi này.

Ta chưa từng thoát ra. Ta đã đầu hàng người bán hàng rau - đầu hàng những tay phù thủy trên phà - đầu hàng người chủ phòng chơi bi-a. Ngươi không phải là chủ ở đây. Ngươi không phải là chủ ở đây. Ngươi chưa bao giờ là chủ ở bất cứ đâu, Gail Wynand. Ngươi chỉ thêm bản thân ngươi vào danh sách những thứ mà họ là chủ.

Rồi ông ngẩng đầu nhìn bao quát cả thành phố, tới hình khối của những tòa nhà chọc trời. Ông nhìn thấy một chuỗi những ánh đèn lơ lửng trong khoảng không mịt mù, một đỉnh nhọn tỏa sáng mà không neo vào bất cứ cái gì, một hình vuông nhỏ, rực sáng treo lơ lửng trên bầu trời. Ông biết chúng thuộc về những tòa nhà nổi tiếng nào, ông có thể vẽ lại hình dạng của chúng trong không khí. Ông nghĩ, các bạn chính là quan tòa và là nhân chứng của tôi. Các bạn mọc lên hiên ngang, bên trên những mái nhà xập xệ. Các bạn phóng sức mạnh của mình lên những vì sao, vượt ra ngoài sự nhu nhược, mệt mỏi, và sự tình cờ ngẫu nhiên. Những cặp mắt xa một dặm ở ngoài đại dương sẽ chẳng còn nhìn thấy các bạn và các bạn sẽ chẳng còn quan trọng, nhưng các bạn sẽ vẫn là thực tại và là thành phố này. Cũng giống như trong những thế kỷ đã qua, chỉ có vài người duy trì được sự chính trực cô độc và họ khiến chúng ta phải nhìn họ mà nói: có con người tồn tại trước chúng ta. Người ta không thể chạy thoát được các bạn; những đường phố sẽ thay đổi, nhưng người ta sẽ nhìn lên và các bạn đứng ở đó, nguyên vẹn. Các bạn đã nhìn thấy tôi đi bộ qua những khu phố đêm nay. Các bạn đã chứng kiến tất cả những bước chân và những năm tháng của tôi. Tôi đã phản bội lại các bạn. Bởi vì tôi đã được sinh ra là để trở thành một trong số các bạn.

Ông tiếp tục đi. Trời đã khuya. Những quầng sáng nằm lặng im dưới những cây đèn đường trên vỉa hè vắng lặng. Thỉnh thoảng những tiếng còi taxi vang lên như tiếng chuông cửa kêu dọc theo hành lang của một căn nhà bỏ trống. Ông nhìn thấy những tờ báo bị vứt đi, khi ông đi qua: ở trên lòng đường, trên ghế công viên, trong sọt rác bằng lưới ở góc phố. Rất nhiều trong số đó là tờ *Ngọn cờ*. Đã có rất nhiều tờ *Ngọn cờ* được bán trong đêm nay. Ông nghĩ, Alvah, chúng ta đang khôi phục lượng phát hành.

Ông dừng lại. Ông nhìn thấy một tờ báo trải rộng trên một vũng nước ở ngay trước mặt; trang đầu của nó lật lên. Đó là tờ *Ngọn cờ*. Ông nhìn thấy ảnh Roark ở đó. Ông nhìn thấy dấu một gót giày màu xám in trên mặt Roark.

Ông cúi người. Cơ thể ông gập xuống từ từ, với cả hai đầu gối, hai cánh tay, và ông nhặt tờ báo lên. Ông gấp trang đầu lại và nhét nó vào túi áo. Ông đi tiếp.

Một gót giày không quen, ở đâu đó trong thành phố này, với một bàn chân không quen biết mà chính ta đã giải phóng để có thể diễu hành khắp nơi.

Ta đã giải phóng tất cả bọn họ. Ta đã đẻ ra tất cả nnhững kẻ mà giờ đây hủy diệt lại ta. Có một con quái vật trên trái đất, bị giam cầm một cách an toàn bởi chính sự bất lực của nó. Nhưng ta đã cởi xích cho nó. Lẽ ra bọn họ vẫn mãi bất lực. Bọn họ không có khả năng sản xuất ra cái gì cả. Ta đã đưa cho họ vũ khí. Ta đưa cho họ sức lực, năng lượng và sức sống của ta. Ta đã tạo ra một giọng nói vĩ đại và để cho chúng đánh vần những ngôn từ được nói ra. Người đàn bà đã ném lá củ cải đường vào mặt ta - bà ta có quyền làm điều đó. Ta đã khiến cho bà ta có thể làm như vậy.

Bất cứ cái gì cũng có thể bị phản bội, bất cứ ai cũng có thể được tha thứ. Trừ những kẻ thiếu lòng dũng cảm để trở nên vĩ đại khi họ có thể trở nên vĩ đại. Alvah Scarret có thể được tha thứ. Anh ta chẳng có gì để phản bội. Mitchell Layton có thể được tha thứ. Nhưng ta thì không. Vì ta đã không được sinh ra để làm một kẻ sống thứ sinh.

XVII.

Đó là một ngày hè, bầu trời trong và mát mẻ, cứ như thể có một lớp nước mỏng bao phủ quanh mặt trời, và hơi nóng đã được chuyển hóa để làm không khí trong hơn và rõ hơn. Các tòa nhà trong thành phố trở nên sắc nét.

Trên đường phố, rất nhiều tờ *Ngọn cờ* nằm rải rác khắp nơi, như những mảnh vụn bọt biển màu xám. Cả thành phố đọc bản tuyên bố đầu hàng của Wynand. Họ đọc và cười khoái trá.

"Thế đó," Gus Webb nói, ông ta là chủ tịch hội "Chúng Tôi Không Đọc Wynand." Ike nói: "Nghe mới ngọt làm sao." Sally Brent nói: "Giá mà được nhìn thấy, chỉ cần liếc thấy bộ mặt ngài Gail Wynand vĩ đại hôm nay nhỉ." Homer Slottern nói: "Cũng đến lúc rồi còn gì." Một người phụ nữ có cặp môi mỏng luôn mím chặt nói: "Thật tuyệt phải không? Wynand đã phải đầu hàng" - bà ta không biết mấy về Wynand và cũng biết gì về vụ việc, nhưng bà ta thích nghe chuyện ai đó đầu hàng. Trong một bếp ăn, một người đàn bà phục phịch trút hết phần thức ăn thừa trên đĩa ra một tờ giấy báo; bà ta chẳng bao giờ đọc trang đầu cả, bà chỉ đọc truyện tình dài kỳ đăng ở phần hai; bà ta bọc những lát hành và xương cừu cắt vụn vào trong một tờ *Ngọn cờ*.

"Tuyệt cú mèo," Lancelot Clokey nói, "chỉ có điều là tôi rất bất bình với công đoàn, Ellsworth. Làm sao họ lại dám bán đứng ông như thế?"

"Đừng có ngốc thế, Lance," Ellsworth Toohey nói.

"Ý ông là sao?"

"Tôi đã bảo họ chấp nhận các điều kiện."

"Chính ông?"

"Phải."

"Nhưng Chúa ơi! Thế còn mục *Một tiếng nói nhỏ*..."

"Ông có thể đợi khoảng một tháng nữa được không? Hôm nay tôi đã nộp đơn kiện lên tòa án lao động. Tôi sẽ đòi được khôi phục lại chức vụ của tôi ở tờ *Ngọn cờ*. Có nhiều cách để vặt lông một con mèo, Lance ạ. Một khi anh đã bẻ gãy xương sống của nó thì chuyện vặt lông kiểu gì sẽ không còn quan trọng nữa."

Tối đó Roark bấm chuông cửa căn hộ trên mái của Wynand. Người quản gia mở cửa và nói: "Ông Wynand không thể gặp ông được, thưa ông Roark." Từ trên vỉa hè phía bên kia đường, Roark nhìn lên và thấy một ánh đèn ở phía trên những mái nhà, ngay cửa sổ phòng làm việc của Wynand.

Buổi sáng, Roark đến văn phòng của Wynand ở tòa soạn tờ *Ngọn cờ*. Người thư ký của Wynand nói với anh: "Ngài Wynand không thể gặp ông được, thưa ông Roark." Bà nói thêm, giọng nghiêm trang và lịch sự: "Ông Wynand đã yêu cầu tôi nói với ông rằng ông ấy không bao giờ muốn gặp lại ông nữa."

Roark viết cho Wynand một lá thư dài: "... Gail, tôi biết. Tôi đã hy vọng là ông có thể thoát được, nhưng bởi vì nó đã buộc phải xảy ra, nên hãy bắt đầu lại từ hiện tại. Tôi biết ông đang làm gì với bản thân. Ông không làm việc này vì tôi, nó không tùy thuộc vào tôi, nhưng nếu điều này có thể giúp ông thì tôi muốn nói rằng tôi đang nhắc lại, vào lúc này, tất cả những gì tôi đã nói với ông. Đối với tôi, không có gì thay đổi cả. Ông vẫn là những gì ông đã là. Tôi không nói là tôi tha thứ cho ông, bởi vì giữa chúng ta không có những thứ như thế. Nhưng nếu như ông không thể tự tha thứ cho bản thân mình thì hãy để cho tôi làm việc đó, được không? Hãy để cho tôi nói rằng chuyện đó chẳng là gì, nó không phải là phán quyết cuối cùng đối với ông. Hãy cho tôi quyền được để cho ông quên nó đi. Hãy tiếp tục, bằng niềm tin của tôi, cho đến khi ông hoàn toàn hồi phục. Tôi biết đây là chuyện không ai có thể giúp ai được, nhưng nếu đối với ông, tôi vẫn là những gì tôi đã là, thì ông hãy chấp nhận nó. Hãy coi nó như một lần truyền máu. Ông cần nó. Hãy nhận lấy. Nó còn khó hơn cả việc chống lại vụ đình công. Hãy làm việc đó vì tôi, nếu như nó có thể giúp cho ông. Hãy làm việc đó. Hãy trở lại. Sẽ có một cơ hội khác. Cái mà ông nghĩ ông mất là cái vốn không bao giờ có thể bị mất cũng không thể đi tìm ở chỗ khác. Đừng buông nó ra."

Lá thư quay lại chỗ Roark, chưa hề được mở.

Alvah Scarret điều hành tờ *Ngọn cờ*. Wynand chỉ ngồi trong phòng làm việc của ông. Ông đã tháo ảnh Roark khỏi tường. Ông giải quyết các hợp đồng quảng cáo, chuyện chi phí, tài khoản ngân hàng. Scarret đảm nhiệm phần đường lối chủ trương của tờ báo. Wynand không đọc duyệt nội dung của tờ *Ngọn cờ* nữa.

Khi Wynand xuất hiện ở bất cứ phòng ban nào trong tòa nhà, các nhân viên tuân lệnh ông như họ đã tuân lệnh ông trước đây. Ông vẫn là một cỗ máy và họ biết rằng đó là một cỗ máy nguy hiểm hơn bao giờ hết: một chiếc xe đang lao xuống dốc, không phanh và cũng không người điều khiển.

Ông ngủ trong căn hộ trên mái của mình. Ông chưa gặp lại Dominique. Scarret nói với ông rằng cô đã quay về ngôi nhà ở ngoại ô. Có một lần, ông đã ra lệnh cho thư ký gọi điện thoại tới Connecticut. Ông đứng ở cạnh bàn thư ký khi bà ta hỏi người quản gia xem liệu bà Wynand có ở đó. Người quản gia đã trả lời rằng cô ở đó. Người thư ký dập máy và Wynand quay lại phòng làm việc.

Ông nghĩ ông sẽ cho mình vài ngày. Sau đó ông sẽ quay về với Dominique. Hôn nhân của họ sẽ trở nên đúng như những gì cô đã từng muốn hồi đầu - "Bà Wynand - Chủ bút." Và ông sẽ chấp nhận nó.

Khoan đã, ông nghĩ trong cơn bồn chồn khắc khoải, từ từ đã nào. Ngươi phải học cách đối mặt với cô ấy như là ngươi của lúc này đã. Hãy tự đào tạo ngươi thành một kẻ ăn xin đã. Nhất thiết không thể có bất cứ sự đòi hỏi nào với những thứ mà ngươi không có quyền. Đứng trước cô ấy, ngươi không có sự bình đẳng, không được kháng cự, không có sự tự trọng nào cả. Bây giờ chỉ có chấp nhận. Ngươi sẽ đứng trước mặt cô ấy như một người đàn ông không thể đem lại cho cô ấy bất cứ cái gì, một người sống dựa vào những gì cô ấy ban phát cho. Sẽ có sự khinh thường, nhưng là sự khinh thường từ cô ấy và sự khinh thường ấy sẽ là cầu nối giữa hai người. Cho cô ấy thấy ngươi nhận ra điều này. Cũng có một chút phẩm giá trong việc một người công khai chấp nhận từ bỏ phẩm giá. Hãy học cách làm điều đó. Khoan đã...

Ông ngồi trong phòng đọc sách ở căn hộ của mình, đầu gục xuống thành ghế. Chẳng có nhân chứng nào trong những căn phòng trống rỗng xung quanh ông... Dominique, ông nghĩ, anh không có gì để nói ngoài việc anh rất cần em. Và anh yêu em. Có lần anh đã bảo em đừng để ý đến điều đó. Bây giờ thì anh sẽ dùng nó như một cái cốc ăn xin. Nhưng anh sẽ dùng nó. Anh yêu em...

Dominique nằm dài trên bờ hồ nước. Cô nhìn ngôi nhà ở trên đồi, nhìn những cành cây ở trên đầu cô. Cô nằm ngửa, gối đầu lên tay. Cô chăm chú theo dõi chuyển động của những chiếc lá trên nền trời. Đó là một công việc nghiêm túc; nó đem lại cho cô cảm giác thỏa mãn trọn vẹn. Cô nghĩ, màu xanh lá cây kia thật đáng yêu; có sự khác biệt giữa màu của cây cối và màu của các vật thể, màu này hàm chứa ánh sáng, nó không chỉ màu xanh mà còn biểu hiện cái nguồn sống trong cây; không cần nhìn xuống ta cũng có thể thấy được trong những nhánh cây, thân cây và rễ cây chỉ qua cái màu sắc đó. Cái quầng lửa xung quanh rìa lá kia chính là ánh nắng, ta không cần phải nhìn nhưng ta cũng có thể biết được hôm nay cả vùng đồng quê này trông như thế nào. Những điểm sáng tỏa thành vòng tròn - đó chính là hồ nước, những điểm sáng ấy là một dạng ánh sáng đặc biệt do mặt nước hắt lên; hôm nay mặt hồ thật đẹp, và không nên nhìn thẳng vào nó mà chỉ cần đoán qua những điểm sáng kia. Trước đây ta chưa bao giờ có thể tận hưởng quang cảnh mặt đất. Nó là một cái nền thật tuyệt, nhưng chỉ là một cái nền thôi; ta đã từng nghĩ về những kẻ đang sở hữu cái nền ấy và điều đó làm ta đau đớn quá mức. Bây giờ thì ta có thể yêu được mặt đất. Họ không sở hữu mặt đất này. Họ không sở hữu cái gì cả. Họ chưa bao giờ thắng. Ta đã nhìn thấy cuộc đời của Gail Wynand, và bây giờ ta đã biết. Người ta không thể căm ghét trái đất này chỉ vì những kẻ kia. Trái đất thật là đẹp. Và nó là một cái

nền, nhưng không phải là cái nền của họ.

Cô biết cô phải làm gì. Nhưng cô sẽ cho mình một vài ngày. Cô nghĩ, ta đã học được cách chịu đựng bất cứ điều gì, nhưng ngoại trừ hạnh phúc. Ta phải học cách mang vác hạnh phúc. Họ cách làm thế nào để không bị gục xuống dưới sức nặng của nó. Từ giờ trở đi đó là thứ kỷ luật duy nhất ta cần.

*

* *

Roark đứng bên cửa sổ trong nhà anh ở Thung lũng Monadnock. Anh đã thuê căn nhà này vào mùa hè; anh đến đây khi anh muốn ở một mình và nghỉ ngơi. Đó là một buổi tối yên tĩnh. Cửa sổ mở hé ra; những cành cây đan thành đường viền cửa sổ, lơ lửng trên nền trời. Một dải nắng hoàng hôn kéo thành một vệt dài trên đỉnh những ngọn cây sẫm bóng. Anh biết ở dưới đó là những ngôi nhà, nhưng anh không thể nhìn thấy chúng. Anh cảm thấy lòng biết ơn giống như những người thuê nhà khác vì cái cách anh đã xây nên nơi này.

Anh nghe thấy tiếng ô-tô đi lên con đường ở phía bên kia. Anh lắng nghe và ngạc nhiên. Anh không hề chờ khách. Chiếc xe dừng lại. Anh đi về phía cửa. Anh không hề ngạc nhiên khi anh nhìn thấy Dominique.

Cô bước vào như thể cô vừa đi ra khỏi nhà nửa tiếng trước đó. Cô không đội mũ, không mang bít tất, chỉ có xăng-đan và một chiếc váy dành cho việc đi trên những con đường đất ở nông thôn - loại váy chiết eo ngắn, cộc tay, bằng vải lanh màu xanh thẫm, trông như một cái áo choàng để làm vườn. Trông cứ như là cô không hề lái xe qua ba tiểu bang, mà chỉ vừa trở về nhà sau khi đi dạo trên đồi. Anh biết rằng đó chính là dấu hiệu của sự trang trọng trong khoảnh khắc này - rằng không cần phải có sự trang trọng nào cả; không cần phải nhấn mạnh nó và tách nó ra riêng; rằng đây không phải là chuyện của riêng buổi tối hôm nay mà là sự gói trọn cả bảy năm trôi qua sau họ.

"Howard."

Anh đứng như thể anh đang nhìn vào âm thanh gọi tên mình trong phòng. Anh đã có tất cả những gì anh muốn.

Nhưng có một ý nghĩ vẫn đọng lại như một nỗi đau, thậm chí ngay cả lúc này. Anh nói:

"Dominique, hãy đợi cho đến khi ông ấy hồi phục đã."

"Anh biết là ông ấy sẽ không hồi phục."

"Hãy thương xót ông ấy một chút."

"Đừng nói ngôn ngữ của họ."

"Ông ấy không có lựa chọn nào khác."

"Ông ấy đã có thể đóng cửa tờ báo."

"Nhưng đó là cuộc sống của ông ấy."

"Còn đây là cuộc sống của em."

Anh không biết Wynand đã từng nói rằng tất cả tình yêu đều đồng nghĩa với việc tạo ngoại lệ; Wynand sẽ không biết rằng Roark đã yêu quý ông đến mức anh có thể thực hiện ngoại lệ lớn nhất của anh vào một khoảnh khắc mà anh đã cố thử thỏa hiệp. Rồi anh biết rằng việc đó chẳng có ích gì, như tất cả các sự hy sinh khác. Điều anh nói chính là chữ ký đồng tình của dưới quyết định của cô:

"Anh yêu em."

Cô nhìn quanh căn phòng, để cho cảm giác về thực tại bình thường của những bức tường và những cái ghế giúp cô giữ được kỷ luật mà cô đang cố học cho thời điểm này. Những bức tường mà anh đã thiết kế, những cái ghế mà anh dùng, một hộp thuốc lá ở trên bàn - những vật dụng sinh hoạt cần thiết hàng ngày sẽ có thể trở nên xa hoa khi cuộc sống được như bây giờ.

"Howard, em biết anh định làm gì trước tòa. Vì vậy, sẽ không có gì khác biệt nếu như họ biết sự thật về chúng ta."

"Không có gì khác biệt."

"Khi anh đến vào đêm hôm đó và nói với em về Cortlandt, em đã không cố ngăn anh lại. Em biết là anh phải làm việc đó. Đó là lúc anh phải đặt ra các điều khoản để anh có thể tiếp tục sống. Giờ là lúc của em. Vụ nổ Cortlandt của em. Anh phải để cho em làm theo cách riêng của em. Đừng hỏi em. Đừng bảo vệ em. Bất kể là em làm gì."

"Anh biết em sẽ làm gì."

"Anh biết em cần phải làm thế?"

"Anh biết."

Cô gập mạnh khuỷu tay để vung những ngón tay lên và vẩy nhẹ chúng về phía sau, như thể cô ném câu chuyện này ra sau lưng. Nó đã được giải quyết; không còn gì để bàn thêm nữa.

Cô quay người bước ngang căn phòng, để cho những bước chân tự nhiên biến nơi này thành nhà cô, để tuyên bố rằng sự hiện diện của anh là nguyên tắc của những ngày sống tiếp theo của cô và cô không cần phải làm những gì cô mong muốn nhất tại thời điểm này: đứng ngắm anh. Cô cũng biết rằng cô

đang trì hoãn cái gì, bởi vì cô chưa sẵn sàng. Cô vươn tay với lấy bao thuốc trên mặt bàn.

Những ngón tay của anh nắm lấy cổ tay cô và anh kéo tay cô lại. Anh kéo cô đối diện với anh, rồi anh ôm lấy cô và môi anh áp vào môi cô. Cô biết rằng trong từng khoảnh khắc của bảy năm qua - khi cô đã luôn khao khát điều này, khi cô đã cố kìm nén nỗi đau và đã tưởng rằng cô đã chiến thắng nỗi đau ấy - những khoảnh khắc đó chưa hề trôi đi mất, chưa bao giờ dừng lại. Chúng đã sống, đã được cất giữ, đã chất chồng sự thèm khát lên trên sự thèm khát, và bây giờ cô phải tận hưởng tất cả những điều đó, cả cảm giác chạm vào thân thể anh, cả sự đáp lại của thân thể anh và sự chờ đợi thân thể anh cùng một lúc.

Cô không biết liệu kỷ luật của cô có giúp được gì không; có lẽ là không nhiều, cô nghĩ, bởi vì cô thấy anh nhấc bổng cô lên trong vòng tay của anh. Anh bế cô tới một chiếc ghế và anh ngồi xuống. Anh để cô ngồi trên đầu gối anh. Anh cười không thành tiếng, như thể anh cười nhạo một đứa trẻ; nhưng sự căng cứng trong bàn tay đang ôm cô cho thấy anh lo lắng và thận trọng. Sau đó mọi thứ dường như thật đơn giản; cô không có gì để giấu anh, cô thì thầm: "Vâng, Howard... nhiều như vậy đấy..." và anh nói: "Anh đã rất khổ sở - suốt những năm qua." Và những năm tháng đó biến mất.

Cô trượt xuống để ngồi trên sàn nhà, khuỷu tay của cô đặt lên đầu gối anh, cô ngước nhìn lên và mỉm cười, cô biết rằng cô đã không thể có cảm giác bình yên tuyệt đối như thế này trừ khi nó là phép cộng của mọi thứ tình cảm cô đã phải trải qua, là phép cộng cho tất cả sự vật lộn mà cô từng biết. "Howard... một cách tự nguyện, một cách hoàn toàn và luôn luôn... không cần điều kiện nào, không sợ hãi bất cứ điều gì mà người ta có thể gây ra cho anh hoặc em... theo bất cứ cách nào mà anh muốn... như vợ hay người tình của anh, bí mật hoặc công khai... ở đây, hay ở một căn phòng em sẽ thuê gần nhà tù nơi em sẽ nhìn anh qua hàng rào... sẽ chẳng sao cả... Howard, nếu anh thắng trong phiên tòa - thậm chí điều đó cũng chẳng quá quan trọng. Anh đã thắng từ lâu rồi... em sẽ là em, và em sẽ ở bên anh - bây giờ và mãi mãi - theo bất cứ cách nào anh muốn..."

Anh giữ tay cô trong tay anh; cô nhìn thấy bờ vai anh cúi xuống phía cô; cô thấy anh bất lực và đầu hàng khoảnh khắc này, cũng như cô - và cô biết người ta có thể thú nhận nỗi đau; nhưng để thú nhận hạnh phúc thì phải đứng trần trụi, phải hoàn toàn biến hình cho người khác nhìn; và cô biết anh và cô vẫn có thể để cho nhau nhìn thấy nó mà không cần cảm giác che chắn. Trời đang tối dần, căn phòng không còn rõ nét, chỉ còn lại cửa sổ và bờ vai anh nổi rõ trên nền trời đằng sau khung cửa.

Cô tỉnh dậy với ánh nắng lấp lánh trong mắt. Cô nằm ngửa, nhìn lên trần

nhà như thể cô đang nhìn vào những chiếc lá cây. Không động đậy, không suy đoán, không săm soi mọi thứ như trước. Những hình tam giác ánh sáng bị vỡ ra trong cấu trúc nghiêng của lớp ngói làm bằng chất dẻo trên trần nhà như muốn nsoi với cô rằng buổi sáng đã bắt đầu và đây là phòng ngủ ở Monadnock; rằng hình khối của ánh nắng và của cấu trúc phía trên đầu cô là do anh thiết kế. Ánh nắng có màu trắng - có nghĩa là bây giờ vẫn còn rất sớm và những tia nắng đã xuyên qua bầu không khí trong trẻo của đồng quê; như thể không có gì chắn trong khoảng không giữa căn phòng này và mặt trời. Sức nặng của cái chăn - nặng và thân thuộc trên cơ thể trần truồng của cô - nói lên tất cả về đêm qua. Và cái làn da đang áp sát vào cánh tay cô là của Roark đang nằm ngủ bên cạnh cô.

Cô trườn ra khỏi giường. Cô đứng bên cửa sổ, hai cánh tay giơ lên cao, bám vào hai bên khung cửa. Cô nghĩ, nếu quay lại nhìn chắc cô không thấy bóng mình ở trên sàn nhà; cô có cảm giác những tia nắng xuyên thẳng qua người cô, bởi vì thân thể cô nhẹ bỗng.

Nhưng cô phải khẩn trương trước khi anh thức giấc. Cô tìm thấy bộ pyjama của anh ở trong ngăn tủ và cô khoác nó lên người. Cô đi vào phòng khách, cẩn thận đóng cửa lại đằng sau. Cô quay điện thoại và đề nghị cho gặp phòng cảnh sát ở gần đó nhất.

"Tôi là bà Gail Wynand," cô nói. "Tôi đang gọi từ nhà ông Howard Roark ở Thung lũng Monadnock. Tôi muốn báo rằng tôi đã bị mất một chiếc nhẫn sa-phia ở đây vào tối qua... Khoảng năm nghìn đô... Đó là món quà của ông Roark... Ông có thể đến đây trong vòng một giờ được không?... Xin cảm ơn."

Cô đi vào bếp, pha cà phê và đứng nhìn cuộn dây lò xo nóng đỏ lên ở dưới cái bình pha cà phê. Cô nghĩ đó là ánh sáng đẹp nhất quả đất.

Cô kéo bàn về gần cửa sổ chính trong phòng khách. Anh bước vào. Anh chiỉkhoác một cái áo ngủ dài và cười phá lên khi nhìn thấy cô trong bộ pyjama của anh. Cô nói:

"Đừng thay quần áo. Anh ngồi đi. Chúng ta sẽ ăn sáng."

Họ ăn gần xong bữa sáng thì nghe tiếng xe đỗ ở ngoài. Cô mỉm cười và đi ra mở cửa.

Có một viên cảnh sát trưởng, một phụ tá và hai phóng viên báo chí trong vùng.

"Chúc một buổi sáng tốt lành," Dominique nói. "Xin mời vào."

"Bà... Wynand?" viên cảnh sát trưởng hỏi.

"Đúng vậy. Bà Gail Wynand. Các ông vào đi. Xin mời ngồi."

Bộ pyjama lùng thùng một cách lố lăng trên người cô. Vải đen thòi ra quanh chiếc dây lưng được thắt chặt ngang eo, còn gấu tay áo chờm kín qua những ngón tay cô. Trông cô vẫn có tâấ cả sự tao nhã cố ý giống như cô vẫn trưng ra khi cô khoác lên mình những chiếc váy đẹp nhất để tiếp khách. Dường như cô là người duy nhất không cảm thấy có gì bất thường trong tình huống này.

Viên cảnh sát trưởng cầm một quyển sổ trong tay; dường như ông ta không biết làm gì với nó. Cô giúp ông ta đưa ra những câu hỏi mà người ta thường đặt trong tình huống này, và chính cô cũng trả lời chúng như một nữ phóng viên lành nghề.

"Đó là một chiếc nhẫn bạch kim có gắn một viên sa-phia hình ngôi sao. Tôi đã cởi nó ra và để nó ở đây, trên chiếc bàn này, cạnh ví của tôi, trước khi đi ngủ... Lúc đó khoảng mười giờ tối qua. Khi tôi thức dậy sáng nay, nó đã biến mất... Vâng, cửa sổ này đã mở... Không, chúng tôi không nghe thấy tiếng động gì cả... Không, không có bảo hiểm gì cả, tôi không có thời gian, ông Roark mới tặng nó cho tôi... Không, không có người phục vụ và không có khách... Vâng, các ông cứ xem quanh ngôi nhà... Phòng khách, phòng ngủ, phòng tắm và bếp... Vâng, tất nhiên rồi, các ông cũng có thể đi xem luôn, thưa các quý ông. Phóng viên báo chí, có phải không nhỉ? Các ông có muốn hỏi tôi câu nào nữa không?"

Không ai hỏi thêm câu nào. Câu chuyện đã hoàn chỉnh. Các phóng viên chưa từng chứng kiến một câu chuyện như thế này, và lại được kể theo cách như thế này.

Cô không nhìn Roark sau cái liếc mắt đầu tiên về phía anh. Nhưng anh đã giữ lời. Anh không cố ngăn cô lại hoặc bảo vệ cô. Khi bị hỏi, anh trả lời, chỉ vừa đủ để củng cố những lời khai của cô.

Rồi bọn họ cũng rời đi. Họ có vẻ vui mừng được rời khỏi đó. Ngay cả viên cảnh sát trưởng cũng biết rằng ông ta không cần phải mở vụ điều tra tìm kiếm chiếc nhẫn đó.

Dominique nói:

"Em xin lỗi. Em biết là rất tệ với anh. Nhưng đó là cách duy nhất để chuyện này lên báo."

"Lẽ ra em nên nói cho anh biết chiếc nhẫn sa-phia nào của em là chiếc anh tặng."

"Em chưa bao giờ có nhẫn sa-phia. Em không thích sa-phia hình sao."

"Vụ nổ của em được tính kỹ hơn là vụ nổ Cortlandt."

"Vâng. Bây giờ thì Gail đã bị đẩy về phía mà ông ấy thuộc về. Ông ấy

nghĩ anh là 'loại người vô nguyên tắc và phản xã hội' ư? Bây giờ hãy để cho ông ấy chứng kiến tờ *Ngọn cờ* bôi xấu em nữa. Tại sao ông ấy lại được miễn trừ điều đó nhỉ? Xin lỗi anh, Howard, em không có được sự thương hại giống anh. Em đã đọc bài xã luận đó. Đừng bình luận về chuyện này. Đừng nói bất cứ điều gì về chuyện hy sinh bản thân, nếu không em sẽ gục mất... và em cũng không hoàn toàn mạnh mẽ như viên cảnh sát kia đã tưởng tượng. Em đã không làm điều đó vì anh. Em làm mọi chuyện trở nên tệ hơn cho anh - sau tất cả những gì họ đã ném vào anh, em đã lại thêm cho anh một vụ tai tiếng nữa. Nhưng, Howard, bây giờ chúng ta đứng cùng nhau - chống lại tất cả bọn họ. Anh sẽ là một tên tội phạm và em sẽ là một người đàn bà ngoại tình. Howard, anh có nhớ em đã sợ phải chia sẻ anh với những toa xe lưu động và cửa sổ nhà những người lạ. Bây giờ thì em không sợ để cho báo chí thêu dệt về câu chuyện đêm qua của chúng ta. Anh yêu, anh đã hiểu tại sao em hạnh phúc và tại sao em tự do chưa?"

Anh nói:

"Sau này anh sẽ không bao giờ nhắc em rằng bây giờ em đang khóc, Dominique."

*

* *

Vụ mất cắp, cùng với bộ pyjama, chiếc áo choàng, bàn ăn sáng và chiếc giường đơn - tất cả đã xuất hiện trên những tờ báo buổi chiều ở New York ngày hôm đó.

Alvah Scarret bước vào phòng làm việc của Wynand và ném một tờ báo xuống bàn. Scarret chưa bao giờ biết ông yêu quý Wynand đến mức nào, cho tới lúc này, và ông cảm thấy đau đớn tới mức ông chỉ có thể biểu lộ nó bằng sự giận dữ điên cuồng. Ông nghẹn lời:

"Quỷ tha ma bắt ông đi, ông là đồ ngốc! Thật đáng đời ông! Đáng đời ông và tôi rất mừng, quỷ tha ma bắt linh hồn ngu ngốc của ông đi! Bây giờ chúng ta sẽ làm gì?"

Wynand đọc câu chuyện và ngồi nhìn tờ báo. Scarret đứng trước bàn. Không có gì xảy ra cả. Chỉ là một phòng làm việc, một người ngồi ở bàn và cầm một tờ báo. Ông nhìn hai bàn tay của Wynand, mỗi tay ở một mép tờ báo. Chúng bất động. Không, ông nghĩ, thông thường một người sẽ không thể giữ tay mình như thế kia, lơ lửng trong không khí, không có gì đỡ, mà lại hoàn toàn bất động.

Wynand ngẩng đầu lên. Scarret không nhìn thấy gì trong mắt ông, ngoại trừ một chút ngạc nhiên, như thể Wynand đang tự hỏi Scarret làm gì ở đây.

Sau đó, Scarret thì thầm trong sự kinh sợ:

"Gail, chúng ta sẽ phải làm gì đây?"

"Chúng ta sẽ đăng tin về vụ này," Wynand nói. "Đó là tin tức."

"Nhưng... đăng như thế nào?"

"Theo bất cứ cách nào anh muốn."

Giọng Scarret vọt ra, bởi vì ông biết rằng đây là thời điểm duy nhất bây giờ hoặc không bao giờ, ông sẽ không đủ dũng cảm để thử chuyện này một lần nữa; và bởi vì ông đã bị đóng đinh vào đây, ông sợ phải lùi về phía cửa.

"Gail, ông phải ly dị cô ta." Ông thấy mình vẫn đứng ở đó, và ông tiếp tục nói mà không nhìn vào Wynand. Ông phải gào lên để có thể nói ra: "Gail, ông không có lựa chọn nào khác. Ông phải giữ phần danh tiếng còn lại của mình! Ông phải ly dị cô ta và ông phải là người đưa đơn ra tòa!"

"Được thôi."

"Ông sẽ làm chứ? Ngay bây giờ? Ông cho phép Paul chuẩn bị hồ sơ ngay bây giờ chứ?"

"Được thôi."

Scarret đi vội ra khỏi phòng. Ông vào phòng làm việc của mình, đóng sầm cửa, chộp lấy điện thoại và gọi luật sư của Wynand. Ông giải thích và lặp đi lặp lại một câu: "Dừng tất cả mọi việc anh đang làm và chuẩn bị hồ sơ ngay lập tức, Paul, bây giờ, hôm nay, nhanh lên, Paul, trước khi ông ấy đổi ý!"

Wynand lái xe về ngôi nhà ở ngoại ô của ông. Dominique đang đợi ông ở đó.

Cô đứng lên khi ông bước vào phòng. Cô bước lại gần ông, sao cho không có đồ đạc nào chắn giữa họ; cô muốn ông nhìn thấy toàn bộ thân thể cô. Ông đứng ở bên kia khoảng trống giữa họ và ông nhìn cô như thể ông đang quan sát hai người cùng một lúc - một quan sát viên vô tư đang ngắm Dominique và một người đàn ông đứng đối mặt với cô, nhưng không phải Gail Wynand.

Cô chờ đợi, nhưng ông không nói gì.

"Thế đấy, tôi đã cho anh một câu chuyện sẽ làm tăng lượng phát hành của anh, Gail."

Ông đã nghe thấy, nhưng trông ông như thể hiện tại này chẳng có gì liên quan đến ông. Trông ông như một nhân viên ngân hàng đang cân đối tài khoản của một khách hàng xa lạ - tài khoản đó đã bị lạm chi và phải bị đóng

lại. Ông nói:

"Tôi chỉ muốn biết một điều, nếu như em có thể nói cho tôi biết: đó có phải là lần đầu tiên kể từ ngày cưới của chúng ta?"

"Phải."

"Nhưng đó không phải là lần đầu tiên?"

"Đúng vậy. Anh ấy là người đàn ông đầu tiên đã có được tôi."

"Lẽ ra tôi phải hiểu điều đó. Em đã cưới Peter Keating. Ngay sau phiên toà Stoddard."

"Anh có muốn biết tất cả không? Tôi muốn kể cho anh. Tôi đã gặp anh ấy khi anh ấy đang làm việc ở một mỏ đá granit. Tại sao lại không? Anh sẽ bắt anh ấy làm việc như một tù nhân hoặc bắt anh ấy làm trong một xưởng làm đay cơ mà. Anh ấy đã không xin phép tôi. Anh ấy đã cưỡng hiếp tôi. Mọi chuyện bắt đầu như thế. Anh có muốn sử dụng chuyện đó không? Có muốn đăng nó trên tờ *Ngọn cờ* không?"

"Anh ta đã yêu em."

"Phải."

"Thế mà anh ta vẫn xây ngôi nhà này cho chúng ta."

"Phải."

"Đó là những gì tôi muốn biết."

Ông quay người bước đi.

"Quỷ tha ma bắt anh đi!" cô khóc. "Nếu anh có thể chấp nhận nó với thái độ này thì anh không có quyền trở thành một người như vậy!"

"Đó là lý do tại sao tôi chấp nhận nó."

Ông bước khỏi căn phòng. Ông nhẹ nhàng đóng cửa lại.

Guy Francon gọi điện cho Dominique tối hôm đó. Kể từ khi về hưu, ông ở một mình trong một căn nhà ở nông thôn, gần khu mỏ đá. Cả ngày hôm nay cô đã từ chối mọi cú điện thoại gọi đến, nhưng bây giờ cô nhấc máy lên khi người hầu báo cho cô rằng đó là ông Francon. Thay vì cơn giận dữ như cô đoán, cô nghe thấy một giọng nói nhẹ nhàng.

"Chào con, Dominique."

"Chào cha."

"Bây giờ con sẽ bỏ Wynand?"

"Vâng."

"Con không nên về sống ở thành phố. Như thế không cần thiết. Đừng cố quá. Hãy đến đây ở với cha. Cho đến... phiên tòa Corlandt."

Những điều ông đã không nói ra và giọng nói của ông, vững chắc, đơn giản và với một nốt như thể là hạnh phúc - tất cả đã khiến cho cô trả lời ông, ngay lập tức:

"Vâng, thưa cha." Đó là giọng của một cô bé, của một cô con gái, với vẻ vui tươi mang chút mệt nhọc, tin cậy và khao khát. "Con sẽ tới đó và khoảng nửa đêm. Cha chuẩn bị cho con một cốc sữa và vài miếng bánh mì kẹp thịt."

"Con nhớ đừng đi quá nhanh như mọi khi nhé. Đường sá bây giờ không được tốt lắm đâu."

Khi cô đến nơi, Guy Francon đón cô ở cửa. Cả hai cùng mỉm cười, và cô biết rằng cha cô sẽ không có câu hỏi hay là lời trách mắng nào cả. Ông đưa cô vào một phòng sưởi nắng nho nhỏ. Ông đã chuẩn bị thức ăn cho cô trên một cái bàn bên cạnh một cửa sổ để ngỏ, bên ngoài là một thảm cỏ tối. Có mùi của cỏ, của những ngọn nến trên mặt bàn, và mùi của một bó hoa nhài đặt trong một chiếc bát bạc.

Cô ngồi xuống, những ngón tay ôm quanh ly sữa lạnh. Ông ngồi ở bên kia bàn, nhẩn nha nhai một miếng bánh mì kẹp thịt một cách bình yên.

"Cha có muốn nói chuyện không?"

"Không. Cha muốn con uống sữa và đi ngủ."

"Vâng."

Ông cầm một quả ô-liu và tỉ mẩn quan sát nó, ông quay tròn nó trên một cái tăm xỉa răng có phết màu. Rồi ông ngước lên nhìn cô.

"Nghe này, Dominique. Cha sẽ không cố hiểu tất cả mọi thứ. Nhưng cha biết điều này - cha biết chuyện đó tốt cho con. Lần này, đó là người đàn ông đích thực của con."

"Vâng, thưa cha."

"Đó là lý do tại sao cha rất vui."

Cô gật đầu.

"Hãy nói với cậu Roark rằng cậu ấy có thể đến đây bất cứ khi nào cậu ấy muốn."

Cô mỉm cười. "Nói với ai hả cha?"

"Nói với... Howard."

Cánh tay cô đặt trên mặt bàn; đầu cô gục lên cánh tay. Ông nhìn mái tóc

vàng của cô dưới ánh nến. Cô nói, bởi vì kiểm soát giọng nói dễ hơn những thứ khác:

"Đừng để con ngủ gật ở đây. Con mệt rồi."

Nhưng ông lại trả lời:

"Cậu ấy sẽ được trắng án, Dominique."

*

* *

Hàng ngày người ta đem tất cả những tờ báo ở New York đến phòng làm việc của Wynand, đúng như mệnh lệnh của ông. Ông đọc từng từ mà người ta đã viết, đã thì thầm với nhau trong thành phố này. Tất cả mọi người đều biết câu chuyện đã được dựng lên; một bà vợ của một nhà triệu phú không đời nào báo mất một chiếc nhẫn trị giá năm ngàn; nhưng điều này không làm cho mọi người ta chối bỏ câu chuyện và đưa ra những lời bình phẩm. Những lời bình phẩm ác ý nhất lại xuất hiện khắp nơi trên tờ *Ngọn cờ*.

Alvah Scarret đã tìm được cho mình một cuộc thánh chiến mà ông có thể xả thân với lòng nhiệt tình chân thành nhất ông từng biết đến. Ông cảm thấy đây chính là cách ông chuộc lỗi cho những thời điểm mà ông đã không trung thành với Wynand. Ông tìm thấy cách để khôi phục lại tên tuổi chô Wynand. Ông lên kế hoạch để lăng-xê hình ảnh Wynand như nạn nhân của một tình yêu lớn dành cho một người đàn bà lăng loàn. Ông tuyên bố chính Dominique đã ép chồng bênh vực cho một vụ việc vô đạo đức, bất chấp quan điểm của Wynand; cô gần như đã làm hỏng tờ báo của chồng, làm hỏng vị trí, danh tiếng và thành tựu cả đời ông - chỉ để phục vụ cho lợi ích của người tình. Scarret cầu xin bạn đọc hãy tha thứ cho Wynand - và ông viện dẫn một tình yêu bi kịch và đầy tính hy sinh cho lời bào chữa. Trong sự tính toán của Scarret, đây sẽ là một phép nghịch đảo: mỗi một tính từ xấu xa ông ném vào Dominique sẽ tạo nên một sự đồng cảm, chia sẻ của độc giả với Wynand, nó cũng hợp với khả năng bôi nhọ tuyệt vời của Scarret. Chiến dịch của ông đã có kết quả. Công luận đã có phản ứng, đặc biệt là những độc giả nữ đứng tuổi của tờ *Ngọn cờ*. Nó cũng giúp cho quá trình phục hồi số lượng phát hành vốn đang diễn ra một cách chậm chạp và khó nhọc của tờ *Ngọn cờ*.

Người ta bắt đầu gửi thư đến tòa soạn; thư đầy những lời chia buồn hào phóng, và những lời chửi bới không thương tiếc với Dominique Francon. "Lại như những ngày trước, Gail," Scarret nói hào hứng, "giống hệt như những ngày trước!" Ông xếp tất cả những lá thư đó thành một chồng trên bàn làm việc của Wynand.

Wynand ngồi một mình trong phòng làm việc với những lá thư. Scarret

không biết rằng đó là sự chịu đựng kinh khủng nhất mà Gail Wynand từng trải qua. Ông tự ép mình phải đọc tất cả những lá thư. Dominique, người mà ông đã cố cứu khỏi tờ *Ngọn cờ*...

Khi họ gặp nhau trong tòa nhà, Scarret nhìn ông chờ đợi, với một nụ cười nửa chừng đầy vẻ khẩn khoản và chăm chú, giống như một học sinh đợi được thầy giáo khen ngợi vì đã hiểu bài và làm bài tập đầy đủ. Wynand không nói gì cả. Một lần Scarret thử đánh liều:

"Rất khéo, phải không Gail?"

"Phải."

"Ông có ý tưởng gì thêm về vắt sữa vụ này không?"

"Đó là việc của anh, Alvah."

"Cô ta chính là nguyên nhân mọi chuyện, Gail. Từ lâu rồi, từ trước khi xảy ra chuyện này. Khi ôahới cô ta. Tôi đã rất sợ hãi. Đó là sự khởi đầu. Ông còn nhớ khi ông không cho phép chúng tôi đăng tin về đám cưới của ông không? Đó là một dấu hiệu. Cô ta đã phá hỏng tờ *Ngọn cờ*. Nhưng thề có Chúa là tôi sẽ xây lại tờ báo, ngay bây giờ, trên thân xác của cô ta. Sẽ đúng như cũ. Tờ *Ngọn cờ* của chúng ta."

"Phải."

"Ông có gợi ý gì không, Gail? Ông có muốn tôi làm gì nữa không?"

"Cứ làm bất cứ điều gì anh muốn, Alvah."

XVIII.

Có một cành cây lơ lửng bên ngoài ô cửa sổ đang mở. Những chiếc lá lao xao trên nền trời. Chúng gợi ý về sự tồn tại của mặt trời, của mùa hè và cả trái đất vô tận. Dominique nghĩ về thế giới như một cái nền. Wynand nghĩ đến hai bàn tay đang uốn cong một cành cây để giải thích ý nghĩa của cuộc sống. Những chiếc lá rủ xuống, chạm vào những nóc nhà nhô lên trên đường chân trời của New York, phía bên kia dòng sông. Những tòa nhà chọc trời đứng như những cột nắng mặt trời thẳng đứng; khoảng cách và trời hè bao phủ chúng bằng một màu trắng xóa. Đám đông ngồi chật kín phòng xét xử. Họ đang chứng kiến phiên tòa xử Howard Roark.

Roark ngồi ở bàn bị cáo. Anh bình thản lắng nghe.

Dominique ngồi ở hàng ghế thứ ba trong dãy ghế cho người quan sát. Khi nhìn cô, mọi người có cảm giác đã nhìn thấy một nụ cười. Cô không cười. Cô đang nhìn vào những chiếc lá bên ô cửa sổ.

Wynand ngồi ở cuối phòng. Ông đã bước vào, một mình, khi căn phòng đã chật kín. Ông không để ý đến những cái nhìn soi mói và những ánh đèn lóe sáng ở xung quanh. Ông đứng lại trên lối đi và xem xét toàn bộ phòng xử án như thể việc đó là hiển nhiên. Ông mặc một bộ trang phục mùa hè màu xám và đội một chiếc mũ panama - vành mũ vểnh lên một bên. Mắt ông lướt qua Dominique cũng dửng dưng như khi ông nhìn lướt cả phòng. Khi ông ngồi xuống, ông nhìn Roark. Kể từ khi Wynand bước vào, Roark liên tục đưa mắt nhìn về phía ông. Mỗi khi Roark nhìn ông, Wynand lại quay mặt đi.

"Động cơ mà chính quyền định chứng minh" - công tố viên đang phát biểu khai mạc trước bồi thẩm đoàn - "vượt khỏi những gì con người có thể cảm nhận. Đối với hầu hết chúng ta, động cơ đó thật khủng khiếp và khó hiểu."

Dominique ngồi cùng với Mallory, Heller, Lansing, Enright, Mike - và cả Guy Francon - bạn bè của ông rất sốc khi nhận ra điều đó. Ở bên kia lối đi, những nhân vật nổi tiếng ngồi thành một đội hình sao chổi: chóp nhỏ của ngôi sao chổi là Ellsworth Toohey - lúc này đang ngồi trên đầu phòng xử án; đuôi của nó gồm toàn những tên tuổi nổi tiếng - lúc này ngồi rải rác khắp phòng: Lois Cook, Gordon L.Prescott, Gus Webb, Lancelot Clokey, Ike, Jules Foughler, Sally Brent, Homer Slottern, Mitchel Layton.

"Hơn thế, cũng giống như thuốc nổ phá hủy một tòa nhà, động cơ của anh ta đã phá hủy toàn bộ tính người trong tâm hồn anh ta. Chúng ta đang đối mặt, thưa bồi thẩm đoàn, với một loại thuốc nổ nguy hiểm nhất thế giới này - đó là một kẻ vị kỷ!"

Đám đông ngồi trên ghế, đứng cạnh cửa sổ, trên lối đi, dựa lưng vào tường. Họ trộn lẫn vào nhau thành một viên đá nguyên khối, chỉ hở ra những gương mặt hình bầu dục xanh xao. Những gương mặt nổi lên, tách rời nhau, cô đơn và không có khuôn mặt nào giống khuôn mặt nào. Đằng sau mỗi gương mặt là những năm tháng của một cuộc đời đã bị sống hết hoặc trôi qua một nửa; là nỗ lực, là hy vọng và một cố gắng sống - dù trung thực hay giả dối - nhưng vẫn là một cố gắng. Tất cả các gương mặt đều có một dấu hiệu chung. Dấu hiệu ấy hiển hiện trên những đôi môi đang nở những nụ cười hiểm ác; trên những đôi môi trề ra chối bỏ, và trên những đôi môi mím chặt với vẻ đức hạnh ngập ngừng. Dấu hiệu ấy là sự chịu đựng.

"... Ngày nay, thế giới đang bị chia rẽ bởi những vấn đề to lớn và mọi người đều đang phải đi tìm câu trả lời cho những vấn đề sống còn của loài người. Thế mà người đàn ông này lại coi cái quan điểm nghệ thuật mơ hồ và không thiết yếu của anh ta như thứ quan trọng nhất. Anh ta biến nó thành đam mê duy nhất và thành động cơ của một tội ác chống lại xã hội."

Người ta đến đây để chứng kiến một phiên tòa giật gân, để gặp những người nổi tiếng, để có tư liệu cho những câu chuyện phiếm, để xuất hiện trước đám đông, để giết thời gian. Rồi họ sẽ trở về với những công việc bất đắc dĩ, những gia đình thiếu tình yêu thương, những đám bạn đủ hạng, những phòng tiếp khách, những dạ phục, những ly cocktail và những bộ phim. Họ sẽ quay lại với những nỗi đau không dám thừa nhận, những hy vọng đã bị giết chết, những khát vọng bị bỏ rơi lặng lẽ trước một con đường chưa có ai đi. Họ sẽ quay lại với những ngày tháng nỗ lực không phải để nghĩ, để nói, mà để quên, để nhượng bộ và bỏ cuộc. Nhưng mỗi người trong đám đông đó đều đã biết đến một vài khoảnh khắc không thể quên trong đời họ - một buổi sáng yên bình, một khúc nhạc bất ngờ nghe thấy và không bao giờ được nghe lại đúng như thế, một gương mặt xa lạ trên xe buýt - những khoảnh khắc khi mỗi người trong họ ý thức được một ý nghĩa khác của cuộc sống. Thế rồi trong một đêm mất ngủ, trong một buổi chiều mưa dai dẳng, trong nhà thờ, trong một khu phố vắng vẻ lúc hoàng hôn, họ lại nhớ đến những khoảnh khắc khác; mặc dù mỗi người đều đã hỏi vì sao có quá nhiều khổ đau và những thứ xấu xa trên thế giới này. Họ đã không cố thử tìm câu trả lời và họ đã tiếp tục sống như thể không cần phải có câu trả lời. Nhưng mỗi người đều đã biết đến một khoảnh khắc, khi mà, trong sự trung thực cô đơn và trần trụi, họ đã từng cảm thấy cần phải có câu trả lời.

"... một kẻ vị kỷ nhẫn tâm và cao ngạo, kẻ muốn được theo ý mình bằng mọi giá..."

Có mười hai người trong bồi thẩm đoàn. Họ lắng nghe, gương mặt của họ chăm chú và vô cảm. Người ta đã thầm thì với nhau rằng đó là một bồi thẩm

đoàn khó tính. Có hai quan chức thuộc ngành công nghiệp, hai kỹ sư, một nhà toán học, một người lái xe tải, một thợ xây, một thợ điện, một người làm vườn và ba công nhân. Việc lựa chọn thành viên cho bồi thẩm đoàn mất khá nhiều thời gian. Roark đã từ chối rất nhiều hội thẩm dự khuyết. Anh đã chọn mười hai người này. Công tố viên đã đồng ý. Ông tự nhủ đây chính là lỗi thường gặp khi một người không trong nghề tự đứng ra bào chữa cho mình; một luật sư hẳn sẽ chọn những người hiền lành nhất vì họ sẽ mủi lòng khi được cầu xin; còn Roark đã chọn những người cứng rắn nhất.

"... Nếu đó là biệt thự của một nhà tài phiệt nào đó thì đã đành, đằng này nó là một dự án nhà ở, thưa bồi thẩm đoàn, một *dự án nhà ở* cho dân thường!"

Quan tòa ngồi trên một chiếc ghế bành khá cao. Ông có mái tóc hoa râm và vẻ mặt nghiêm khắc của một sĩ quan quân đội.

"... một người vốn được đào tạo để phục vụ xã hội, một người xây dựng lại trở thành một kẻ phá hủy..."

Giọng nói đó tiếp tục vang lên, thành thạo và tự tin. Những gương mặt trong phòng lắng nghe với phản ứng mà họ thường dành cho một bữa tối ngon miệng trong tuần: thỏa mãn và sẽ quên trong vòng một giờ. Họ đồng ý với từng câu một: họ đã nghe thấy chúng trước đó, họ đã luôn nghe thấy chúng, thế giới này sống được nhờ những điều đó, nó quá hiển nhiên - như việc phải bước qua một vũng bùn.

Công tố viên giới thiệu những nhân chứng. Viên cảnh sát đã bắt được Roark tại hiện trường lên bục nhân chứng và kể lại việc ông ta đã tìm thấy bị cáo đang đứng cạnh pít-tông kích nổ. Người trực đêm kể lại việc ông ta đã được sai rời khỏi hiện trường; lời khai của ông rất ngắn gọn; công tố viên không muốn tập trung vào Dominique. Người giám sát công trường làm chứng về việc mất thuốc nổ ở trong kho. Những quan chức trong dự án Cortlandt, những thanh tra xây dựng, và các thẩm định lên bục nhân chứng để mô tả lại tòa nhà và mức độ thiệt hại. Đó là ngày đầu tiên của phiên tòa.

Peter Keating là nhân chứng đầu tiên được gọi lên trong ngày thứ hai.

Anh ngồi ở ghế dành cho người làm chứng, người sụm về phía trước. Anh ngoan ngoãn ngồi nhìn công tố viên. Thỉnh thoảng anh lại đảo mắt. Anh nhìn vào đám đông, vào bồi thẩm đoàn, vào Roark. Ánh mắt anh không hề thay đổi.

"Ông Keating, ông có tuyên thệ trước tòa rằng ông đã thiết kế dự án Cortlandt không?"

"Không. Tôi đã không làm việc đó."

"Ai đã thiết kế nó?"

"Howard Roark."

"Theo yêu cầu của ai?"

"Theo yêu cầu của tôi."

"Tại sao ông lại yêu cầu ông ta làm việc đó?"

"Bởi vì tôi không có khả năng tự làm việc đó."

Giọng nói ấy không có vẻ trung thực; bởi vì nó không hề biểu hiện nỗ lực phải nói ra một sự thật như thế này. Giọng nói ấy không có bóng dsang của sự thật hay của dối trá; nó chỉ có sự dửng dưng.

Công tố viên đưa cho anh một tờ giấy. "Có phải đây là bản thỏa thuận mà anh đã ký?"

Keating giữ tờ giấy trong tay và nói: "Vâng".

"Đó có phải là chữ ký của Howard Roark?"

"Vâng."

"Xin ông đọc to những điều khoản trong bản thỏa thuận này cho bồi thẩm đoàn nghe."

Keating đọc to bản thỏa thuận. Giọng của anh phát ra đều đều, thành thục. Không ai trong phòng nhận ra mục đích ban đầu của việc làm chứng này là để tạo ra một sự giật gân. Không phải một kiến trúc sư nổi tiếng đang công khai thú nhận sự bất tài của mình; chỉ là một ai đó đang đọc một bài đọc thuộc lòng. Người ta có cảm giác, nếu bị ngắt lời, anh ta sẽ không thể đọc nổi câu tiếp theo; anh ta sẽ phải đọc lại từ đầu.

Anh trả lời rất nhiều câu hỏi. Công tố viên đưa ra bản vẽ gốc công trình Cortlandt mà Roark đã vẽ và đưa cho Keating; rồi những bản chép lại của Keating và những bức ảnh chụp tòa nhà Cortlandt trong lúc đang thi công.

"Tại sao ông lại kịch liệt phản đối những thay đổi cấu trúc tuyệt vời do ông Prescott và ông Webb gợi ý?"

"Bởi vì tôi sợ Howard Roark."

"Điều gì trong tính cách của ông ta đã khiến cho ông có suy nghĩ như vậy?"

"Mọi điều."

"Ý ông là gì?"

"Tôi không biết. Tôi đã sợ hãi. Tôi đã từng sợ hãi."

Những câu hỏi cứ thế tiếp diễn. Câu chuyện không bình thường, nhưng cái mà người nghe cảm thấy chỉ là sự tẻ nhạt. Nó không giống lời tường thuật của một người trong cuộc. Những nhân chứng khác dường như còn có nhiều liên hệ cá nhân với vụ việc hơn Keating.

Khi Keating rời bục nhân chứng, những người trong phòng xử án có một ấn tượng kỳ lạ rằng việc một người rời khỏi phòng không hề làm căn phòng thay đổi; như thể không hề có một cá thể người vừa đi khỏi.

"Bên công tố nghỉ," luật sư của hạt nói.

Quan tòa nhìn Roark.

"Tiến lên," ông nói. Giọng ông nhẹ nhàng.

Roark đứng dậy. "Thưa quan tòa, tôi sẽ không gọi nhân chứng. Đây là lời chứng và cũng là lập luận của tôi."

"Hãy tuyên thệ."

Roark tuyên thệ. Anh đứng cạnh bậc thang dẫn tới bục nhân chứng. Người ta nhìn anh. Họ nghĩ anh không có cơ hội thoát tội. Họ có thể rũ bỏ cảm giác phẫn nộ không tên - cái cảm giác bất an mà anh đã gây cho hầu hết họ. Và do đó, lần đầu tiên họ có thể nhìn rõ con người anh: một người hoàn toàn không biết đến sợ hãi.

Nỗi sợ mà họ nghĩ đến không phải là nỗi sợ thông thường. Nó không phải là phản ứng trước một hiểm nguy hữu hình nào đó. Nó là một nỗi sợ kinh niên và không được thú nhận. Họ sống trong nỗi sợ đó. Họ nhớ tới những khoảnh khắc khốn khổ khi mà, trong nỗi cô đơn, họ nghĩ tới những từ ngữ lạc quan lẽ ra họ đã có thể nói, những họ dã không tìm thấy những từ ngữ đó và họ căm thù những người đã đánh cắp lòng dũng cảm khỏi họ. Họ nhớ tới nỗi khổ khi trong thâm tâm, họ biết về sức mạnh và khả năng của bản thân, nhưng rồi đã để cho sức mạnh và khả năng ấy phí hoài. Chúng là những giấc mơ? Hay sự hoang tưởng về bản thân? Hay là một hiện thực bị giết chết từ trong trứng, bị giết bởi những tình cảm mòn mỏi không tên - sự sợ hãi - sự cần đến - sự phụ thuộc - sự căm thù?

Roark đứng trước họ như mỗi con người đứng một cách hoàn toàn trong sạch trong tâm trí mình. Nhưng Roark đứng như thế trước một đám đông thù địch - và họ chợt nhận ra rằng anh không hề biết đến sự căm thù. Trong một khoảnh khắc, họ hiểu được ý thức sống của anh. Và mỗi người trong họ tự hỏi: liệu ta có cần phải được bất cứ ai chấp nhận? - điều đó có quan trọng không? - ta có bắt buộc phải thế không? Và trong khoảnh khắc đó, mỗi người trong số họ trở nên tự do - tự do đủ để có cảm giác yêu quý đối với tất cả những người khác trong phòng.

Nó chỉ là một khoảnh khắc - khoảnh khắc im lặng khi Roark chuẩn bị cất tiếng.

"Hàng ngàn năm trước đây, có một người lần đầu tiên tìm ra cách tạo ra lửa. Người đó có lẽ đã bị thiêu sống bằng chính ngọn lửa mà anh ta dạy những người anh em của mình cách thắp lên. Anh ta bị coi là một kẻ xấu vì đã có quan hệ với ma quỷ, thứ mà loài người luôn khiếp sợ. Nhưng từ đó trở đi, loài người có lửa để giữ ấm, để nấu nướng, để thắp sáng trong hang động. Anh ta đã để lại cho họ một món quà mà họ từng không hiểu và anh ta đã xua bóng tối ra khỏi trái đất này. Nhiều thế kỷ sau, có một người lần đầu tiên tạo ra cái bánh xe. Người đó có lẽ đã tan xác dưới những bánh xe mà anh ta dạy những người anh em của mình cách làm. Anh ta bị coi là một kẻ phạm tội vì đã mạo hiểm vào vùng đất cấm. Nhưng từ đó trở đi, loài người có thể đi tới mọi chân trời. Anh ta đã để lại cho họ một món quà mà họ đã không hiểu và anh ta đã mở những con đường trên mặt đất.

"Những người đó - những người không chịu phục tùng và luôn đi đầu - đứng ở chương mở đầu của tất cả những truyền thuyết mà loài người ghi lại về thủa sơ khai. Promete đã bị xích vào một tảng đá và bị những con kền kền xé xác - bởi vì anh đã ăn cắp ngọn lửa của những vị chúa trời. Adam bị buộc phải chịu đau khổ - bởi vì anh ta đã ăn quả cấm trên cây thiện-ác. Dù truyền thuyết gì đi chăng nữa, ở sâu trong trí nhớ, loài người biết rằng vinh quanh của chúng ta đã bắt đầu từ một cá nhân và cá nhân đó đã phải trả giá cho lòng dũng cảm của mình.

"Trong những thế kỷ qua, đã có những người đặt bước chân đầu tiên của họ trên những con đường mới; họ không được trang bị vũ khí gì ngoài tầm nhìn của riêng họ. Họ có mục đích khác nhau, nhưng tất cả đều có một số điều chung: bước chân của họ là bước chân đầu tiên, con đường của họ là con đường hoàn toàn mới, nhãn quan của họ không hề do vay mượn, và phản ứng mà họ nhận được luôn là sự căm ghét. Những nhà phát minh vĩ đại - những nhà tư tưởng, những nghệ sĩ, những nhà khoa học, những nhà sáng chế - đều phải đơn độc chống lại những người cùng thời với họ. Tất cả những ý tưởng mới và vĩ đại đều bị chống đối kịch liệt. Tất cả những phát minh mới và vĩ đại đều bị lên án. Đông cơ máy đầu tiên bị coi là ngu xuẩn. Chiếc máy bay đầu tiên bị coi là không tưởng. Chiếc máy dệt đầu tiên đã bị coi là ác quỷ. Việc gây mê bị coi là tội lỗi. Nhưng những người đó, với tầm nhìn không vay mượn, vẫn tiếp tục tiến lên. Họ đã chiến đấu, họ đã đau khổ và họ đã phải trả giá. Nhưng họ đã chiến thắng.

"Một người sáng tạo không bao giờ bị thôi thúc bởi khát vọng phục vụ đồng loại của anh ta, bởi vì chính đồng loại của anh ta luôn chối bỏ món anh ta đem tặng họ; đồng thời món quà đó phá hủy cuộc sống bình thường của

anh. Anh sáng tạo vì động cơ duy nhất: chân lý. Chân lý của riêng anh, và lao động của riêng anh để đạt tới chân lý theo cách riêng của anh. Mục đích và cuộc đời anh ta nằm ở một bản giao hưởng, một quyển sách, một cỗ máy, một trường phái triết học, một cái máy bay hay một tòa nhà. Nó không nằm ở người nghe nhạc, người đọc sách, người vận hành máy, người đi theo trường phái triết học, người đi máy bay hay người sống trong ngôi nhà mà anh ta tạo ra. Sự sáng tạo, chứ không phải những lợi ích mà người khác được hưởng từ sự sáng tạo ấy. Sáng tạo là cách anh ta thể hiện chân lý của mình. Anh ta đặt chân lý này lên bên trên mọi thứ, bất chấp tất cả loài người.

"Tầm nhìn, sức mạnh, và lòng dũng cảm của anh ta đến từ linh hồn của anh ta. Tuy nhiên, linh hồn của một người lại chính là cái tôi của anh ta. Cái tôi là thực thể làm công việc nhận thức. Cái tôi có chức năng tư duy, cảm giác, đánh giá và hành động.

"Những người sáng tạo luôn là những người có cái tôi. Cái tôi chính là toàn bộ bí mật về sức mạnh của họ - cái tôi ấy đầy đủ trong bản thân nó, tự vận động trong bản thân nó, và tự tái tạo trong bản thân nó. Cái tôi là nguyên nhân đầu tiên, là nguồn năng lượng, là động lực sống, là cội rễ của tất cả. Người sáng tạo không phục vụ cái gì và không phục vụ bất cứ ai khác. Anh ta sống vì chính bản thân mình.

"Và chỉ có bằng cách sống vì bản thân, anh ta mới có thể đạt được những thành tựu vinh quang của loài người. Đó chính là bản chất của sự thành công...

"Loài người có thể tồn tại nhờ trí tuệ của mình. Loài người đến trái đất mà không được trang bị vũ khí nào. Bộ óc là thứ vũ khí duy nhất của họ. Động vật kiếm thức ăn bằng sức mạnh cơ bắp. Loài người không có móng vuốt, không có răng nanh, không có sừng; họ cũng không có sức mạnh cơ bắp vượt trội. Loài người phải tự trồng trọt hoặc săn bắn để có thức ăn. Để trồng trọt, họ phải có một quá trình tư duy. Để săn, họ cần có vũ khí, và để làm ra vũ khí - họ cũng cần một quá trình tư duy. Từ nhu cầu đơn giản nhất này cho đến nhưng khái niệm tôn giáo trừu tượng nhất, từ cái bánh xe cho đến tòa nhà chọc trời, tất cả những gì con người đại diện và tất cả những gì con người có đều đến từ một thuộc tính đơn nhất của con người - đó là chức năng tư duy của bộ óc.

"Nhưng bộ óc lại thuộc về cá nhân. Không có cái gọi là bộ óc tập thể. Không có cái gọi là một ý nghĩ tập thể. Một thỏa thuận do một nhóm người đạt được thực ra chỉ là một thỏa hiệp hoặc là giá trị trung bình rút ra từ những ý nghĩ cá nhân. Đó chỉ là một hệ quả có tính phát sinh. Hành động chủ yếu, tức là quá trình tư duy - phải do mỗi cá nhân thực hiện độc lập. Chúng ta có thể chia một bữa ăn cho nhiều người. Nhưng chúng ta không thể

tiêu hóa nó trong một cái dạ dày tập thể. Không ai có thể sử dụng phổi của mình để thở cho người khác. Không ai có thể sử dụng bộ não của mình để nghĩ hộ kẻ khác. Tất cả mọi chức năng của thể xác và linh hồn đều có tính cá nhân. Chúng không thể bị chia sẻ hoặc chuyển giao cho người khác.

"Chúng ta thừa kế những sản phẩm tư duy của người khác. Chúng ta kế thừa cái bánh xe. Chúng ta tạo ra một chiếc xe ngựa. Xe ngựa thô sơ trở thành xe ô-tô. Ô-tô trở thành máy bay. Nhưng trong suốt quá trình đó, những gì chúng ta nhận được từ người khác chỉ là sản phẩm cuối cùng trong quá trình tư duy của họ. Cái động cơ thúc đẩy quá rình này chính là khả năng sáng tạo, nhờ nó mà chúng ta lấy những sản phẩm cuối cùng kia làm nguyên liệu để sử dụng và sáng tạo ra sản phẩm mới. Khả năng sáng tạo này không thể đem cho hoặc nhận, không thể chia sẻ hoặc vay mượn. Nó thuộc về các cá thể người đơn lẻ. Khả năng sáng tạo là tài sản của người sáng tạo. Loài người có thể học lẫn nhau. Nhưng học luôn chỉ là sự trao đổi nguyên vật liệu. Không ai có thể cho ai khả năng tư duy. Và khả năng tư duy ấy lại là phương tiện duy nhất giúp chúng ta tồn tại.

"Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần - anh ta phải làm ra chúng. Và ở đây loài người đối mặt với sự lựa chọn cơ bản nhất của mình: anh ta chỉ có thể tồn tại được theo một trong hai cách - bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám sống nhờ bộ óc của những người khác. Người sáng tạo chọn cách thứ nhất. Kẻ ăn bám thì chọn cách thứ hai. Người sáng tạo một mình đối mặt với tự nhiên. Kẻ ăn bám đối mặt với tự nhiên thông qua những trung gian.

"Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên. Còn mối quan tâm của kẻ ăn bám là chinh phục con người.

"Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác. Mục đích cơ bản của anh ta là chính bản thân anh. Kẻ ăn bám sống cuộc đời thứ cấp. Anh ta cần những người khác. Những người khác trở thành động lực chính của anh ta.

"Nhu cầu cơ bản của người sáng tạo là sự độc lập. Một bộ óc biết tư duy không thể hoạt động dưới sự cưỡng bức theo bất cứ hình thức nào. Nó không thể bị đóng yên cương, không thể hy sinh hay khuất phục trước bất cứ điều gì. Nó đòi hỏi sự độc lập tuyệt đối trong cả chức năng và động cơ. Đối với một người sáng tạo, tất cả những mối quan hệ với con người đều là thứ yếu.

"Nhu cầu cơ bản của một kẻ thứ sinh là củng cố quan hệ của anh ta với mọi người để được họ nuôi sống. Anh ta đặt quan hệ lên trên hết. Anh ta tuyên bố rằng loài người tồn tại là để phục vụ người khác. Anh ta rao giảng

về chủ nghĩa vị nhân sinh."

“Vị nhân sinh là học thuyết đòi hỏi con người phải sống vì người khác và đặt những người khác lên trên bản thân mình.

“Không ai có thể sống vì người khác. Một người không thể chia sẻ linh hồn anh ta, cũng giống như anh ta không thể chia sẻ thể xác của anh ta. Nhưng những kẻ sống thứ sinh đã lợi dụng chủ nghĩa vị nhân sinh như một thứ vũ khí để lợi dụng và đảo ngược lại những nguyên tắc đạo đức cơ bản của loài người. Loài người đã được dạy dỗ tất cả những giới luật để phá hủy người sáng tạo. Loài người đã được dạy dỗ rằng phụ thuộc lẫn nhau chính là một đức hạnh.

“Một người cố gắng sống vì người khác là một người luôn lệ thuộc. Anh ta là một kẻ ăn bám trong động cơ của mình, và anh ta cũng biến những người mà anh ta phục vụ thành những kẻ ăn bám. Mối quan hệ này chẳng tạo ra cái gì khác ngoài sự suy đồi cho cả hai bên. Cái gần nhất với quan hệ này trong thực tế chính là chế độ nô lệ. Chế độ nô lệ về mặt thể xác là đáng ghê tởm, thì nô lệ về tinh thần còn ghê tởm đến mức nào? Kẻ bị buộc làm nô lệ vẫn còn có chút danh dự. Vì anh ta còn dám chống lại chế độ nô lê và coi nó là xấu xa. Còn những người tự biến bản thân thành nô lệ nhân danh tình yêu thương - họ là những sinh vật thấp hèn. Họ đã hạ thấp phẩm giá con người và hạ thấp khái niệm tình yêu thương. Thế mà dây chính là cốt lõi của chủ nghĩa vị nhân sinh.

“Loài người đã được dạy dỗ rằng đức tính tốt đẹp nhất không phải là đạt được một cái gì đó mà là cho đi một cái gì đó. Nhưng một người không thể cho đi những gì mà anh ta không tạo ra. Đầu tiên phải có sáng tạo, sau đó mới là phân phối, nếu không thì chẳng có gì để phân phối cả. Phải có người sáng tạo trướck hi có những người hưởng lợi từ sự sáng tạo. Thế mà chúng ta lại được dạy dỗ để ngưỡng mộ những kẻ sống thứ sinh - những kẻ phân phát những món quà mà họ không tạo ra; chúng ta được dạy để xếp họ lên trên những người đã sản sinh ra những món quà đó. Chúng ta ca ngợi công việc từ thiện. Nhưng chúng ta lại nhún vai coi khinh những nỗ lực để thành công.

“Loài người đã được dạy dỗ rằng mối quan tâm đầu tiên của họ là giúp cho người khác bớt khổ đau. Nhưng khổ đau là một căn bệnh. Chỉ khi có người bị bệnh thì mới cần có người đến để giúp giảm bớt sự đau đớn. Còn nếu chúng ta biến việc giảm khổ đau thành phép thử lớn nhất của đức hạnh thì chúng ta đã biến khổ đau thành một thứ quan trọng nhất trong cuộc sống. Do vậy người ta sẽ mong muốn được nhìn thấy những người khác đau khổ - để người ta có thể trở thành người đức hạnh. Đó chính là bản chất của chủ nghĩa vị nhân sinh. Trong khi đó, người sáng tạo không quan tâm đến bệnh tật, họ quan tâm đến cuộc sống. Nhưng công việc của người sáng tạo lại giúp

loại bỏ hết bệnh này đến bệnh khác, cả bệnh tật của thể xác lẫn bệnh tật của tâm hồn. Thành quả của họ giúp giảm nhẹ khổ đau nhiều hơn bất cứ một người theo chủ nghĩa vị nhân sinh nào có thể làm.

"Loài người đã được dạy dỗ rằng đồng tình với người khác là một đức hạnh. Nhưng người sáng tạo lại luôn bất đồng. Loài người đã được dạy dỗ rằng bơi theo dòng nước là một đức hạnh. Nhưng người sáng tạo luôn bơi ngược dòng. Loài người đã được dạy dỗ rằng đứng tụ tập bên nhau là một đức hạnh. Nhưng người sáng tạo lại luôn là người đứng một mình.

"Loài người đã được dạy dỗ rằng cái tôi đồng nghĩa với sự xấu xa, và việc không-có-cái-tôi là đức hạnh lý tưởng. Nhưng người sáng tạo là người vị kỷ theo nghĩa tuyệt đối, còn người không có cái tôi là kẻ không tư duy, không cảm nhận, không đánh giá và khbn ông hành động. Bởi vì tư duy, cảm nhận, đánh giá và hành động là những chức năng của cái tôi.

"Đây là chỗ mà sự đánh tráo khái niệm này có tác hại khủng khiếp nhất. Sự đánh tráo này đưa con người đến chỗ không có lựa chọn - và không có tự do. Thay vì hai thái cực tốt và xấu, chúng ta chỉ còn hai khái niệm: vị kỷ hay vị nhân sinh. Sự vị kỷ bị coi là hy sinh những người khác cho bản thân mình. Còn vị nhân sinh trở thành hy sinh thân mình vì những người khác. Điều này đã vĩnh viễn trói một người vào những người khác và khiến cho anh ta không còn lựa chọn nào khác ngoài sự đau khổ: sự đau khổ mà anh ta phải mang vác để thỏa mãn người khác và sự đau khổ mà anh ta gây ra cho người khác để thỏa mãn bản thân anh ta. Đến khi người ta thêm vào một điều khoản - rằng con người phải tìm kiếm niềm vui trong việc hy sinh bản thân thì cái bẫy đã hoàn toàn sập xuống. Con người bị ép phải coi khổ dâm là lý tưởng - vì nếu không, họ chỉ còn một lựa chọn là bạo dâm. Đây là vụ lừa đảo lớn nhất mà loài người đã thực hiện.

"Đây chính là công cụ mà theo đó sự phụ thuộc và khổ đau được duy trì như nền tảng của cuộc sống.

"Sự lựa chọn mà chúng ta phải có không phải là giữa hy sinh bản thân và hy sinh người khác. Sự lựa chọn phải là giữa sống độc lập và sống lệ thuộc. Giữa nguyên tắc sống của người sáng tạo với nguyên tắc sống của những kẻ thứ sinh. Đây chính là vấn đề cơ bản. Nó là lựa chọn giữa sống và chết. Nguyên tắc sống của người sáng tạo được xây dựng trên những nhu cầu của một bộ óc biết tư duy và do đó giúp con người tồn tại được. Nguyên tắc sống của nhưng kẻ thứ sinh được xây dựng trên nhu cầu của một bộ óc không có khả năng tồn tại. Tất cả những gì bắt nguồn từ cái tôi độc lập của con người đều lành mạnh. Tất cả những gì bắt nguồn từ sự lệ thuộc của con người vào người khác đều là xấu xa.

“Người vị kỷ theo nghĩa tuyệt đối không bao giờ bắt người khác hy sinh cho mình. Anh ta sống vượt ra ngoài nhu cầu sử dụng những người khác, dù dưới bất cứ hình thức nào. Anh ta không hoạt động thông qua họ. Trong những lĩnh vực cốt lõi nhất - tức là trong mục đích, động cơ, tư duy, khát vọng, năng lực - anh ta không quan tâm tới người khác. Anh ta không sống vì bất cứ ai - và anh ta không yêu cầu ai phải sống vì anh ta. Đây là hình thức duy nhất để tình bằng hữu và sự tôn trọng lẫn nhau giữa người với người có thể tồn tại.

“Năng lực của mỗi người có thể khác nhau, nhưng nguyên tắc cơ bản vẫn giữ nguyên: mức độ độc lập, chủ động, và tình yêu công việc của mỗi người là yếu tố quyết định tài năng của anh ta với tư cách là một người lao động và quyết định giá trị của anh ta với tư cách một con người. Sự độc lập là tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá phẩm chất và giá trị của loài người. Anh ta là ai và anh ta tự tạo ra cái gì; chứ không phải anh ta đã làm được hoặc không làm được gì cho người khác. Không có gì có thể thay thế được phẩm giá cá nhân. Và không có tiêu chuẩn nào khác cho phẩm giá cá nhân ngoài tính độc lập.

“Tất cả những quan hệ hợp lý đều không có chuyện người này phải hy sinh vì người khác. Một kiến trúc sư cần có khách hàng, nhưng anh ta không đặt lao động của anh ta xuống dưới nhu cầu của khách hàng. Khách hàng cần kiến trúc sư, nhưng họ cũng không ký hợp đồng xây nhà chỉ vì họ muốn cho anh ta tiền công xây dựng. Loài người trao đổi sản phẩm lao động với nhau thông qua sự đồng thuận tự nguyện vì lợi ích của cả hai bên, khi lợi ích cá nhân của cả hai bên cùng được thỏa mãn và họ cùng mong muốn có trao đổi đó. Nếu họ không muốn có trao đổi đó, họ không bắt buộc phải làm việc với nhau. Họ có thể tìm kiếm người khác. Đây là mối quan hệ bình đẳng duy nhất có thể có ở loài người. Bất cứ những dạng quan hệ nào khác đều chỉ là quan hệ giữa chủ và tớ, hoặc giữa nạn nhân và đao phủ.

“Chưa từng có công trình nào được hoàn thành nhờ tập thể, nhờ quyết định của đa số. Tất cả những thành tựu trong công việc sáng tạo đều được thực hiện dưới sự chỉ đạo của một suy nghĩ cá nhân đơn nhất. Một kiến trúc sư cần rất nhiều người để xây nên một tòa nhà. Nhưng anh ta không yêu cầu họ biểu quyết về bản thân thiết kế của mình. Họ làm việc cùng nhau thông qua thỏa thuận tự do và mỗi người trong họ đều tự do hoạt động trong bổn phận hợp lý của mình. Một kiến trúc sư sử dụng thép, kính, bê tông, do những người khác sản xuất ra. Nhưng nguyên liệu vẫn chỉ là thép, kính và bê tông cho đến khi người kiến trúc sư chạm vào chúng. Những gì anh ta làm với chúng là sản phẩm và tài sản của riêng anh. Đây là hình thức hợp tác hợp lý duy nhất giữa người và người.

“Quyền đầu tiên của con người trên trái đất này là quyền có cái tôi. Bổn

phận đầu tiên của một con người là bổn phận với chính mình. Nguyên tắc đạo đức của anh ta là không bao giờ để người khác quyết định mục đích sống của anh ta. Bổn phận đạo đức của anh ta là phải làm những gì anh ta khao khát, miễn là khao khát đó không do người khác quyết định. Bổn phận đạo đức này phải chi phối sự sáng tạo, tư duy và lao động của anh ta. Những kẻ ăn cướp, những kẻ theo chủ nghĩa vị nhân sinh, hay những kẻ độc tài dĩ nhiên không sống theo bổn phận này.

"Một con người luôn nghĩ và làm việc một mình. Một con người không thể ăn cắp, lợi dụng hay cai trị một mình. Ăn cắp, lợi dụng hay cai trị luôn đòi hỏi phải có nạn nhân. Chúng bao hàm sự lệ thuộc. Chúng là lãnh địa của những kẻ sống thứ sinh.

"Những người cai trị người khác không phải là những người vị kỷ. Họ chẳng tạo ra cái gì cả. Họ tồn tại hoàn toàn thông qua những người khác. Mục đích của họ nằm trong đối tượng mà họ cai trị, trong hành vi nô dịch hóa người khác. Họ cũng lệ thuộc chẳng kém gì những người ăn xin, những người làm công tác xã hội và lũ kẻ cướp. Ở đây, hình thức lệ thuộc không quan trọng.

"Nhưng loài người đã được dạy dỗ để coi những người sống thứ sinh - những tên bạo chúa, những ông hoàng, những kẻ độc tài - như những ví dụ tiêu biểu của lòng vị kỷ. Qua sự đánh tráo khái niệm này, loài người bị lừa vào chỗ hủy diệt cái tôi của bản thân họ và của những người khác. Mục đích của sự lừa đảo này là để hủy hoại những người sáng tạo. Hoặc để kìm kẹp họ. Hai điều này thực sự là một.

"Từ lúc bắt đầu của lịch sử loài người, hai đối thủ đã luôn đứng đối mặt nhau: người sáng tạo và người sống thứ sinh. Khi người sáng tạo đầu tiên tạo ra cái bánh xe, kẻ sống thứ sinh lập tức đáp lại. Anh ta tạo ra chủ nghĩa vị nhân sinh.

"Người sáng tạo - mặc dù bị chối bỏ, thù nghịch, ngược đãi và bóc lột - vẫn đi tiếp về phía trước và kéo cả loài người đi theo bằng sức của mình. Những kẻ sống thứ sinh không đóng góp gì vào quá trình này ngoài việc gây ra những trở ngại. Trận đấu bây giờ được khoác một cái tên mới: cá nhân chống lại tập thể.

"'Lợi ích chung' của tập thể đã được chọn làm quyền và lý do để bào chữa cho tất cả chế độ chuyên chế bạo ngược đã từng có trong lịch sử loài người. Cái tập thể đó có thể là một sắc tộc, một giai cấp, hay một quốc gia. Tất cả những cơn ác mộng trong lịch sử đều được thực hiện với động cơ trá hình là chủ nghĩa vị nhân sinh. Đã từng có hành vi ích kỷ nào có sức phá hoại ngang với những thảm họa chết chóc do những người đi theo chủ nghĩa

vị nhân sinh gây ra? Lỗi nằm ở chỗ loài người không có đạo đức hay ở chỗ nguyên tắc đạo đức của loài người đã sai từ trong bản chất? Những tên đạo phủ khủng khiếp nhất lại thường là những người nhiệt tình nhất. Họ nhiệt tình tin rằng có thể đạt được một xã hội hoàn hảo nhờ máy chém và đội hành quyết. Không ai nghi ngờ quyền giết người của họ bởi vì họ giết người với động cơ vị nhân sinh. Người ta chấp nhận việc ai đó phải bị hy sinh vì những người khác. Diễn viên có thể thay đổi, nhưng nội dung vở bi kịch thì vẫn giữ nguyên. Một người đấu tranh cho nhân quyền luôn khởi đầu bằng những tuyên bố về tình yêu nhân loại và luôn kết thúc bằng một biển máu. Điều đó đang diễn ra và sẽ tiếp tục diễn ra chừng nào loài người vẫn còn tin rằng một hành vi được coi là đức hạnh nếu nó không xuất phát từ cái tôi. Niềm tin này cho phép những kẻ theo chủ nghĩa vị nhân sinh hành động và ép buộc nạn nhân của họ phải chấp nhận điều đó. Những người lãnh đạo của những phong trào tập thể luôn tuyên bố không cần gì cho bản thân họ. Nhưng hãy quan sát những gì họ đã gây ra.

"Điều đức hạnh duy nhất mà con người có thể làm cho nhau và cái thỏa thuận duy nhất cho mối quan hệ hợp lý giữa người với người là - Buông nhau ra!

"Bây giờ hãy quan sát những thành quả của một xã hội xây dựng trên nguyên tắc của chủ nghĩa cá nhân. Đó, đất nước của chúng ta. Đất nước hùng mạnh nhất trong lịch sử loài người. Đất nước của những thành tựu, của sự thịnh vượng và của nền tự do vĩ đại nhất trong lịch sử. Đất nước này không dựa trên sự phục vụ quên mình, sự hy sinh, hay bất cứ lời giáo huấn nào khác về chủ nghĩa vị nhân sinh. Nó được xây dựng dựa trên quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi người. Hạnh phúc của mỗi cá thể chứ không phải của ai khác. Một động cơ riêng tư, cá nhân và vị kỷ. Hãy nhìn vào những kết quả chúng ta có được. Hãy nhìn vào lương tâm của chính mình.

"Đây là một xung đột rất cổ xưa. Loài người đã đến rất gần với sự thật, nhưng mỗi lần họ tiến được đến gần thì sự thật lại bị phá hủy và các nền văn minh cứ nối tiếp nhau sụp đổ. Văn minh là một quá trình tiến đến một xã hội tôn trọng sự riêng tư. Người nguyên thủy tồn tại hoàn toàn trong cộng đồng chung, bị cai trị bởi luật lệ của bộ tộc anh ta. Văn minh hóa là một quá trình giải phóng mỗi người khỏi mọi người.

"Giờ đây, trong thời đại của chúng ta, chủ nghĩa tập thể - nguyên tắc của những kẻ sống thứ sinh và những kẻ ăn bám, con quái vật thời cổ đại, đã sống chuồng và trở nên điên cuồng hơn bao giờ hết. Nó đã đẩy loài người đến một mức độ tăm tối về nhận thức chưa từng có trên trái đất. Nó đã đạt tới sức mạnh kinh khủng mà nó chưa bao giờ đạt được. Nó đã đầu độc bộ óc của tất cả mọi người. Nó đã nuốt chửng hầu hết châu Âu. Và nó đang nhấn

chìm đất nước của chúng ta xuống vực thẳm.

"Tôi là một kiến trúc sư. Tôi có thể đoán công trình kiểu gì sẽ mọc lên nếu tôi biết nguyên tắc đặt móng của công trình đó. Chúng ta đang tiến gần tới một thế giới mà tôi không cho phép mình được sống ở đó.

"Bây giờ các vị đã biết tại sao tôi phá huỷ Cortlandt.

"Tôi đã thiết kế Cortlandt. Tôi đã đưa nó cho các vị. Và tôi đã phá hủy nó.

"Tôi phá hủy nó bởi vì tôi không muốn nó tồn tại. Nó là một con quái vật kép. Nó là con quái vật trong hình dạng thực và là con quái vật trong ý nghĩa biểu tượng. Tôi phải phá hủy cả hai điều đó. Hình dáng thực của nó đã bị bóp méo bởi hai kẻ sống thứ sinh dám tự cho mình cái quyền được điều chỉnh những gì họ không làm ra và không có khả năng làm. Người ta cho phép họ làm việc đó bởi vì người ta nghiễm nhiên cho rằng mục đích nhân đạo của tòa nhà có thể thay thế tất cả những quyền khác. Họ nghiễm nhiên cho rằng tôi không có quyền chống lại điều đó.

"Tôi đã đồng ý thiết kế Cortlandt với mục đích được nhìn thấy nó mọc lên giống hệt những gì tôi đã thiết kế và không với một lý do nào khác. Đó là cái giá mà tôi đặt ra cho lao động của tôi. Tôi đã không được thù lao.

"Tôi không đổ lỗi cho Peter Keating. Chuyện đó nằm ngoài khả năng của anh ta. Anh ta đã ký hợp đồng với những người chủ của anh ta. Nhưng bản hợp đồng đã bị bỏ qua. Người ta đã hứa với anh ta rằng tòa nhà sẽ được xây đúng như bản thiết kế. Nhưng lời hứa đó đã bị lãng quên. Ngày nay, người ta coi tình yêu của một người với tính toàn vẹn trong công việc và quyền bảo vệ nó là những thứ có giá trị mơ hồ và không cần thiết. Các vị đã nghe công tố viên nói điều đó. Tại sao tòa nhà này bị biến dạng? Chẳng vì lý do gì cả. Những hành vi như thế không bao giờ có lý do nào cả. Lý do duy nhất của nó là sự phù phiếm cẩu một vài kẻ thứ sinh muốn có quyền với tài sản của người khác, cả tài sản vật chất lẫn tài sản tinh thần. Ai đã cho phép họ làm điều đó? Không cụ thể một ai trong số những người có thẩm quyền. Không ai thèm để ý đến việc cho phép hay ngăn cấm hành vi đó. Không ai chịu trách nhiệm. Không ai đứng ra chịu lỗi. Đó chính là bản chất của tất cả các hoạt động tập thể.

"Tôi không được trả cái mà tôi đòi hỏi. Nhưng những ông chủ dự án Cortlandt lại có cái mà họ muốn. Họ muốn một bản thiết kế để xây một tòa nhà càng rẻ càng tốt. Họ không tìm được ai có khả năng đáp ứng yêu cầu này. Tôi có khả năng đó và tôi đã làm việc cho họ. Họ đã lợi dụng công trình của tôi và bắt tôi phải đem hiến nó như một món quà. Nhưng tôi không phải là người theo chủ nghĩa vị nhân sinh. Tôi không tặng quà kiểu này.

“Người ta nói rằng tôi đã phá hủy chỗ ở cho những người nghèo. Người ta quên rằng nếu không có tôi, thì không thể có khu nhà này cho người nghèo ở. Tôi không quan tâm tới việc giúp người nghèo. Nhưng những người quan tâm đến người nghèo cần có tôi để có thể giúp được người nghèo. Người ta tin rằng sự nghèo khổ của những cư dân tương lai trong tòa nhà này cho họ quyền làm bất cứ điều gì đối với công trình của tôi. Rằng nhu cầu của họ cho phép họ có quyền quyết định cuộc đời của tôi. Rằng bổn phận của tôi là phải đóng góp bất cứ những gì người ta cần ở tôi. Đây chính là tín điều của kẻ thứ sinh. Tín điều này đang nuốt chửng cả thế giới này.

“Tôi tới đây để nói rằng tôi không công nhận quyền của bất cứ ai với bất cứ giây phút nào trong cuộc sống của tôi. Tôi không công nhận quyền của bất cứ ai với bất cứ phần sức lực nào của tôi. Bất cứ thành quả nào của tôi. Bất kể đó là ai, họ đông tới đâu hay nhu cầu của họ lớn đến mức nào.

“Tôi muốn tới đây để nói rằng tôi không tồn tại vì người khác.

“Cần phải nói rõ điều này. Thế giới này đang bị diệt vong vì đã quá lạm dụng khái niệm hy sinh bản thân.

“Tôi muốn tới đay để nói rằng sự chính trực trong công việc sáng tạo của một người quan trọng hơn bất cứ nỗ lực từ thiện nào. Những người không hiểu được điều này chính là những kẻ đang hủy diệt thế giới.

“Tôi muốn tới đây để tuyên bố những nguyên tắc của tôi. Tôi không tồn tại theo bất cứ nguyên tắc nào khác.

“Tôi không thừa nhận bất cứ nghĩa vụ nào đối với loài người ngoại trừ một nghĩa vụ: tôn trọng sự tự do của họ và không tham gia vào một xã hội nô dịch. Đối với tổ quốc của tôi, nếu nó không còn tồn tại (như nó phải tồn tại[171]), thì tôi sẽ xin được vào tù 10 năm. Tôi sẽ sống mười năm đó để tưởng nhớ và biết ơn vì những gì tổ quốc này đã từng có trong quá khứ. Đó sẽ là hành vi thể hiện lòng trung thành của tôi, thể hiện rằng tôi từ chối sống và làm việc cho cái xã hội đã thế chỗ vào tổ quốc cũ của tôi.

“Đó cũng chính là hành vi thể hiện lòng trung thành của tôi với tất cả những người sáng tạo đã từng sống và phải chịu khổ đau bởi những thế lực chịu trách nhiệm về vụ Cortlandt mà tôi phá nổ. Cho tất cả những giờ đồng hồ mà họ bị buộc phải sống trong cô đơn, trong ruồng bỏ, trong tuyệt vọng và ngược đãi - và cho cả những trận chiến mà họ đã chiến thắng. Cho tất cả những người sáng tạo có tên tuổi - và cho cả những người sáng tạo đã sống, đấu tranh và chết một cách âm thầm trước khi họ đi tới đích. Cho tất cả những người sáng tạo đã bị phá hủy cả về thể xác lẫn tâm hồn. Cho Henry Cameron. Cho Steven Mallory. Cho một người không muốn được nêu tên nhưng đang ngồi trong căn phòng này và biết rằng tôi đang nói về ông ấy.”

Roark đứng, hai chân anh dang rộng, cánh tay duỗi thẳng dọc theo người, đầu ngẩng cao - như thể là anh đang đứng trước một tòa nhà chưa xây xong. Sau đó, khi anh ngồi xuống bàn dành cho bị cáo, rất nhiều người trong phòng cảm thấy họ vẫn nhìn thấy anh đang đứng. Họ nhìn thấy bức tranh về một khoảnh khắc không bao giờ thay thế được.

Bức tranh đó vẫn nằm trong đầu họ trong suốt những cuộc tranh cãi pháp lý diễn ra sau đó. Họ nghe quan tòa nói với công tố viên rằng bị cáo đã thay đổi lời bào chữa: anh ta đã thừa nhận hành vi phá hủy của mình, nhưng đã không thừa nhận mình có tội; do đó nảy sinh vấn đề liệu bị cáo có bị mất trí tạm thời không. Bồi thẩm đoàn có quyền quyết định liệu bị cáo có nhận thức được bản chất và tầm quan trọng của hành vi đó hay không; và nếu có thì liệu bị cáo có nhận thức được hành vi đó là sai trái không. Công tố viên không phản đối. Bầu không khí trong phòng có một vẻ im ắng khác lạ. Công tố viên tin chắc rằng ông đã thắng. Ông phát biểu kết thúc. Không ai nhớ là ông đã nói gì. Quan tòa hướng dẫn bồi thẩm đoàn đứng dậy và rời phòng xét xử.

Mọi người bắt đầu đứng lên, nhẩn nha chuẩn bị ra về. Họ nghĩ họ sẽ phải chờ thêm nhiều giờ nữa. Wynand ở cuối phòng, và Dominique ở đầu phòng, đều ngồi bất động.

Một viên cảnh sát tòa án đi đến hộ tống Roark rời phòng xử án. Anh đứng lên cạnh bàn bị cáo. Anh nhìn Dominique, rồi Wynand. Sau đó anh quay người và đi theo viên cảnh sát.

Khi anh đi tới cửa phòng thì có những tiếng gõ sắc nét vang lên. Mọi người im lặng trong chốc lát; rồi họ nhận ra đó là tiếng gõ ở cửa phòng của bồi thẩm đoàn. Bồi thẩm đoàn đã có phán quyết về vụ án.

Những người đang đứng thì vẫn đứng yên, như bị đóng băng, cho đến khi quan tòa quay trở lại ghế ngồi. Bồi thẩm đoàn đi thành hàng vào phòng xét xử.

“Bị cáo hãy đứng lên và quay mặt về phía bồi thẩm đoàn,” thư ký phiên tòa nói.

Howard Roark bước lên và đứng quay mặt về phía bồi thẩm đoàn. Ở cuối phòng, Gail Wynand cũng nhỏm dậy và đứng nghiêm.

“Thưa ông Foreman, bồi thẩm đoàn đã có phán quyết cuối cùng chưa?”

“Chúng tôi đã có.”

“Phán quyết của bồi thẩm đoàn là gì?”

“Vô tội.”

Cử động đầu tiên của Roark không phải là nhìn thành phố bên ngoài cửa sổ. Anh cũng không nhìn quan tòa hay Dominique. Anh nhìn Wynand.

Wynand quay ngoắt người và bước khỏi phòng. Ông là người đầu tiên rời phòng xét xử.

XIX.

Roger Enright mua lại cả khu đất, những bản thiết kế và đống đổ nát còn sót lại của Cortlandt. Ông ra lệnh đào bỏ tất cả những tàn tích cũ để giải phóng mặt bằng. Ông thuê Howard Roark thi công dự án. Enright chỉ ký với một nhà thầu và giám sát chặt chẽ tính kinh tế của các bản thiết kế; ông cam đoan sẽ cho thuê nhà giá rẻ vừa phải, đủ để duy trì được lợi nhuận ở mức hợp lý. Không ai được phép thắc mắc về các vấn đề như mức thu nhập, nghề nghiệp, trẻ em hoặc chế độ ăn uống của những cư dân tương lai của tòa nhà; dự án này cho phép bất cứ ai vào ở miễn là họ muốn và họ trả tiền thuê nhà, bất kể họ có đủ tiền thuê một căn hộ đắt tiền ở nơi khác hay không.

Cuối tháng Tám, Gail Wynand được tòa chấp thuận cho ly hôn. Không ai phản đối vụ ly hôn và Dominique không có mặt ở tòa. Wynand đưng trước tòa như thể ông đang đứng trước một tòa án quân sự. Ông phải nghe kể về bữa sáng giữa bà Gail Wynand và Howard Roark trong một căn nhà ở Thung lũng Monadnock bằng một thứ ngôn ngữ pháp lý lạnh lùng, tàn nhẫn: họ chính thức kết tội vợ ông là điếm nhục; họ dành cho ông sự cảm thông chính đáng của công lý; ông được coi là vô tội trong vụ việc này và được cấp một giấy thông hành để có thể tự do cho tất cả những năm tháng sau này của ông. Đấy cũng là giấy thông hành với những buổi tối câm lặng còn lại của cuộc đời ông.

Ellsworth Toohey thắng vụ kiện lao động. Wynand bị buộc phải phục chức cho Toohey.

Buổi chiều hôm đó thư ký của Wynand đã gọi điện cho Toohey và bảo với ông rằng ngài Wynand muốn ông quay lại làm việc vào tối nay, trước 9 giờ tối. Toohey mỉm cười, và dập điện thoại.

Toohey mỉm cười khi bước vào tòa nhà *Ngọn cờ* tối đó. Ông dừng lại ở phòng tài chính. Ông vẫy tay chào mọi người; ông bắt tay; ông đưa ra những bình luận hóm hỉnh về một vài bộ phim đang chiếu; ông tỏ vẻ ngạc nhiên một cách ngây thơ, cứ như thể ông chỉ mới đi vắng từ hôm qua và không hiểu tại sao mọi người lại chào đón ông như đón một người thắng trận trở về.

Rồi ông thong thả đi về phòng làm việc của mình. Ông bất chợt dừng lại. Ông biết trong lúc ông đang dừng lại, rằng ông phải bước vào phòng, phải không tỏ vẻ ngạc nhiên, và rằng ông đã tỏ ra ngạc nhiên mất rồi: ông thấy Wynand đang đứng ở giữa cửa phòng làm việc mở toang của ông.

“Chúc một buổi tối tốt lành, ông Toohey,” Wynand nói nhẹ nhàng. “Mời ông vào.”

“Xin chào ông Wynand,” Toohey nói với vẻ thân mật, các cơ thịt trên mặt ông cố nở ra một nụ cười trong lúc đôi chân của ông đi tiếp vào trong phòng.

Ông đi vào phòng và ngập ngừng đứng lại. Đó là phòng làm việc riêng của ông, không có gì thay đổi, vẫn một chiếc máy chữ và một chồng giấy trắng ở trên bàn. Nhưng cửa vẫn mở và Wynand vẫn đứng im lìm ở đó, lưng dựa vào khung cửa.

“Ngồi vào bàn, ông Toohey. Làm việc đi. Chúng ta phải tuân thủ pháp luật.”

Toohey nhún vai một cách vui vẻ, rồi đi ngang phòng và ngồi xuống. Ông đặt tay lên mặt bàn, hai bàn tay duỗi thẳng ra, rồi lại buông chúng vào lòng. Ông lấy một cái bút chì, kiểm tra lại ngòi bút và đặt nó xuống.

Wynand chậm rãi nhấc một cổ tay lên ngang ngực. Ông giữ nguyên hình tam giác được tạo bởi cẳng tay và những ngón tay dài gập xuống. Ông đang nhìn đồng hồ đeo tay. Ông nói:

“Bây giờ là 9 giờ kém 10 phút. Ông đã trở lại làm việc, ông Toohey.”

“Và tôi hạnh phúc như một đứa trẻ khi được trở lại làm việc. Thực lòng mà nói, ông Wynand, lẽ ra tôi không nên thú nhận điều này, nhưng thực sự là tôi rất nhớ chỗ này.”

Wynand vẫn không có cử động nào tỏ vẻ rằng ông sắp rời đi. Ông đứng đó, dáng lừ đừ như mọi khi; xương bả vai của ông nhô lên, tựa vào khung cửa. Ông khoanh tay trước ngực, hai bàn tay ôm lấy khuỷu tay. Một chiếc đèn thủy tinh màu xanh lá cây đang tỏa sáng trên bàn làm việc, mặc dù ngoài trời vẫn còn sáng - bầu trời màu vàng nhạt loang lổ những vệt mây nâu. Ánh sáng của ngọn đèn được thắp quá sớm và quá nhợt nhạt làm cho căn phòng có không khí của một buổi tối ảm đạm. Ánh sáng chiếu một quầng tròn trên mặt bàn; nhưng cái quầng sáng ấy không đủ để xua đi những hình khối nhạt nhòa màu nâu của đường phố. Nó cũng không thể vươn tới cửa để xoá đi sự hiện diện của Wynand.

Bóng đèn bỗng chập chờn và Toohey cảm thấy sàn nhà đang rung lên ở dưới đế giày của ông: những cái máy in đang hoạt động. Ông nhận ra rằng ông đã nghe thấy âm thanh này được một lúc. Đó là một âm thanh dễ chịu, đáng tin cậy và sống động. Đó là nhịp tim của một tòa báo, một tòa báo có nhiệm vụ truyền đến cho loài người nhịp tim của thế giới. Một dòng chảy dài và đều đặn của những giọt âm thanh rời rạc, như những viên bi lăn đi theo một đường thẳng, giống hệt tiếng đập trái tim người.

Toohey đưa bút chì trên tờ giấy. Rồi ông dừng lại khi ông nhận ra rằng tờ giấy đang nằm trong quầng sáng ngọn đèn và Wynand có thể nhìn thấy

đường chì vừa mới vẽ một bông hoa súng, một tách trà và một gương mặt người có râu nhìn nghiêng. Ông buông bút và tắc lưỡi như muốn tự chế nhạo bản thân. Ông mở một ngăn kéo. Ông chăm chú nhìn vào chồng giấy than và những cái ghim giấy. Ông không biết ông cần phải làm gì: người ta không bắt đầu viết bài cho một mục báo như thế này. Ông đã băn khoăn tại sao người ta yêu cầu ông trở lại công việc vào 9 giờ tối, nhưng ông đã tự nhủ rằng đó là cung cách của Wynand: Wynand đang hạ thấp sự đầu hàng bằng cách cường điệu hóa nó. Ông đã nghĩ ông có thể bỏ qua chuyện này.[172]

Những chiếc máy in vẫn đang hoạt động; nhịp tim của một người đang được tập hợp lại và phát tán đi. Ông không nghe thấy một âm thanh nào khác và ông nghĩ, thật ngớ ngẩn nếu cứ ngồi thế này trong khi Wynand đã bỏ đi; nhưng nhỡ Wynand vẫn còn đứng đó thì sao.

Một lát sau ông nhìn lên. Wynand vẫn ở đó. Ánh sáng chụm thành hai điểm trắng trên người ông: những ngón tay dài đang ôm lấy khuỷu tay và vầng trán cao. Toohey muốn nhìn thấy trán của Wynand; không, không có nếp nghiêng nào ở trên lông mày của ông ta. Hai con mắt như hai hình bầu dục trắng đục, nổi rõ trên những góc cạnh mờ tối của khuôn mặt. Cặp mắt đang chiếu vào phía Toohey. Nhưng không có gì ở gương mặt đó; không có dấu hiệu của sự tự chủ.

Một lúc sau, Toohey nói:

"Thực sự thì, ông Wynand, tại sao tôi và ông lại không thể làm việc được với nhau nào?"

Wynand không trả lời.

Toohey cầm một tờ giấy lên và nhét nó vào máy chữ. Ông nhìn vào những phím bấm. Ông giữ cho cằm ở giữa hai bàn tay, trong tư thế chuẩn bị gõ một đoạn văn bản. Những bàn phím lấp lánh dưới ánh đèn - những đốm tròn màu ni-ken sáng lửng lơ trong căn phòng tối mờ.

Những chiếc máy in đã dừng lại.

Toohey tự động giật mình co người lại trước khi ông biết tại sao ông đã giật mình: ông là một nhà báo và ông biết các máy in không dừng lại kiểu đó.

Wynand nhìn vào đồng hồ đeo tay. Ông nói:

"Bây giờ là 9 giờ. Ông đã bị mất việc, ông Toohey. Tờ *Ngọn cờ* không còn tồn tại nữa."

Thực tại tiếp theo mà Toohey cảm nhận được là bàn tay của ông rơi xuống bàn phím máy chữ: ông nghe thấy những tay đòn kim loại va vào

nhau, và thân chiếc máy chữ khẽ rung lên.

Ông không nói gì, nhưng ông nghĩ ông đang trở nên trần trụi trước mặt Wynand bởi vì ông nghe được tiếng Wynand trả lời:

"Phải, ông đã làm việc ở đây mười ba năm... Phải, ông đã mua lại tất cả, kể cả Mitchell Layton, hai tuần trước..." Giọng nói dửng dưng. "Không, phòng tài chính không biết điều đó. Chỉ có những người trong phòng in..."

Toohey quay đi. Ông nhặt một cái ghim giấy lên. Ông giữ nó trong lòng bàn tay, rồi lật ngược bàn tay và để cho cái kẹp giấy rơi. Ông quan sát sự việc đó với một chút ngạc nhiên. Các định luật vật lý đã không cho phép ông giữ được cái ghim trong lòng bàn tay úp ngược.

Ông đứng lên. Ông đứng nhìn Wynand. Một tấm thảm màu xám nằm giữa họ.

Wynand hơi nghiêng đầu về một bên. Khuôn mặt Wynand trông như thể ông không còn cần sự ngụy trang nào nữa. Mặt ông đơn giản, không giận dữ; đôi môi mím chặt thấp thoáng một nụ cười đau đớn - trông nụ cười gần như có vẻ nhún nhường.

Wynand nói:

"Đây là dấu chấm hết của tờ *Ngọn cờ*... Tôi nghĩ thật hợp lý khi tôi và ông cùng chứng kiến điều đó."

*

* *

Rất nhiều tờ báo muốn nhận Ellsworth Monkton Toohey về làm việc. Ông chọn tờ *Người đưa tin*, một tờ báo có danh tiếng và còn chưa chắc chắn về đường lối.

Trong buổi tối của ngày làm việc đầu tiên, Ellsworth Toohey ngồi trên mép bàn làm việc của một trợ lý biên tập và nói chuyện về ông Talbot, người sở hữu tờ *Người đưa tin*. Toohey mới chỉ được gặp ông vài lần trước đó.

"Về mặt con người thì ông Talbot thế nào nhỉ?" Ellsworth Toohey hỏi. "Ông ấy sùng bái điều gì? Ông ấy không thể sống thiếu cái gì?"

Trong phòng điện tín ở bên kia hành lang có ai đó đang quay điện thoại. "Thời gian," một giọng nghiêm nghị vang lên, "làm việc đi!"

*

* *

Roark ngồi bên bàn vẽ trong phòng làm việc của mình. Anh đang làm việc. Thành phố phía sau những bức tường kính trông thật rực rỡ. Không khí

bị đợt lạnh đầu tiên của tháng Mười gột sạch tinh.

Chuông điện thoại vang lên. Chiếc bút chì trong tay anh đột nhiên dừng lại, bồn chồn; anh không cho phép bất cứ ai gọi điện trong lúc anh đang vẽ. Anh đi về bàn làm việc và nhấc điện thoại.

"Thưa ông Roark," thư ký của anh nói, giọng căng thẳng như muốn xin lỗi vì đã phá lệ, "Ông Gail Wynand muốn biết liệu ông có vui lòng đến phòng làm việc của ông ấy vào 4 giờ chiều mai không?"

Người thư ký nghe thấy sự im lặng trong ống nghe. Im lặng kéo dài.

"Ông ấy có trên điện thoại không?" Roark hỏi. Bà biết không phải đường truyền làm giọng anh thay đổi như thế.

"Không, thưa ông Roark. Đó là thư ký của ông Wynand."

"Có. Có. Bà hãy nói với bà ấy là tôi sẽ đến."

Anh đi về phía bàn vẽ và nhìn xuống những bản phác; đây là lần đầu tiên anh buộc phải bỏ trốn: anh biết anh không thể tiếp tục làm việc hôm nay. Cảm giác hy vọng và bình yên trong anh quá lớn để có thể làm việc.

Khi Roark đến gần cửa ra vào của tòa nhà đã từng có tên là tòa nhà *Ngọn cờ*, anh nhìn thấy bảng hiệu của tờ *Ngọn cờ* đã biến mất. Chưa có gì thế chỗ của nó. Chỉ còn lại một vết phai hình chữ nhật ở phía trên cửa. Anh biết tòa nhà bây giờ chỉ có trụ sở làm việc của tờ *Kèn hiệu*, còn lại là những tầng nhà trống rỗng. Tờ *Kèn hiệu* là một tờ tin tức buổi chiều hạng ba, đại diện duy nhất còn lại của tập đoàn Wynand ở New York.

Anh bước về phía một chiếc thang máy. Anh mừng vì anh là người duy nhất trong thang máy: bất chợt anh có cảm giác sở hữu một cách bạo lực đối với cái chuồng bằng sắt này; nó là của anh, nó đã được tìm thấy và trả lại cho anh. Sự đậm đặc của cảm giác bình yên mách bảo anh về sự đậm đặc của nỗi đau giờ đây đã chấm dứt; đấy là một nỗi đau đặc biệt, khác với tất cả những nỗi đau anh đã gặp trong đời mình.

Khi anh bước vào phòng làm việc của Wynand, anh biết là anh sẽ phải chấp nhận nỗi đau đó và mang nó vĩnh viễn. Anh biết không có hy vọng nào, không phương thuốc nào có thể cứu chữa nổi. Wynand ngồi sau bàn làm việc. Ông đứng lên khi anh bước vào. Ông nhìn thẳng vào anh. Gương mặt của Wynand còn hơn cả mặt của một người xa lạ: một gương mặt xa lạ vẫn còn tiềm ẩn khả năng làm quen; nó có thể mở ra nếu người ta quyết định và thử làm quen; còn đây là một gương mặt quen thuộc, một gương mặt đã khép kín và không bao giờ để người khác lại gần nữa. Một gương mặt không mang nỗi đau bị chối bỏ; nó mang dấu ấn của giai đoạn tiếp theo - đó là khi chính nỗi đau cũng bị chối bỏ. Một gương mặt xa cách và câm lặng, với sự

tự trọng của riêng nó. Sự tự trọng đó không phải là một đặc tính sống của một con người, mà là sự tự trọng của những hàng chữ trên một ngôi mộ thời Trung cổ - nó kể về sự vĩ đại đã qua và không cho phép ai chạm tới những gì còn sót lại.

"Ông Roark, buổi phỏng vấn này là cần thiết nhưng nó rất khó khăn đối với tôi. Xin ông cư xử cho phù hợp."

Roark biết rằng hành vi từ tâm duy nhất anh có thể thực hiện với Wynand vào lúc này là không biểu lộ tình cảm gì cả. Anh biết là anh sẽ phá tan những gì còn lại ở người đàn ông đang ngồi trước mặt anh nếu anh phát âm một từ: Gail.

Roark trả lời:

"Vâng, thưa ông Wynand."

Wynand cầm lên bốn tờ giấy đã được đánh máy và đưa chúng qua bàn:

"Làm ơn đọc và ký nếu ông đồng ý."

"Cái gì vậy?"

"Hợp đồng thiết kế tòa nhà Wynand."

Roark đặt tờ giấy xuống. Anh không thể cầm chúng trên tay được. Anh không thể nhìn chúng.

"Xin nghe cho kỹ, ông Roark. Hợp đồng này cần phải được giải thích và hiểu thấu đáo. Tôi muốn tòa nhà Wynand được thi công ngay lập tức. Tôi muốn nó trở thành tòa nhà cao nhất thành phố này. Đừng tranh luận với tôi bây giờ có phải là thời điểm kinh tế hợp lý không. Tôi muốn xây nó. Nó sẽ được sử dụng - đây là điều ông quan tâm phải không. Nó sẽ chứa tòa soạn tờ *Kèn hiệu* và tất cả văn phòng làm việc của tập đoàn Wynand hiện đang nằm rải rác khắp nơi trong thành phố. Phần trống còn lại sẽ được cho thuê. Tôi còn đủ quyền lực để đảm bảo với ông điều đó. Ông không cần sợ xây lên một tòa nhà không được sử dụng. Tôi sẽ gửi cho ông một thông báo chính thức về tất cả các chi tiết và yêu cầu xây dựng. Phần còn lại tùy ý ông. Ông có toàn quyền thiết kế tòa nhà. Các quyết định của ông sẽ là quyết định cuối cùng. Không cần phải có sự chấp thuận của tôi. Ông sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn và có quyền hoàn toàn. Điều này được ghi trong hợp đồng. Nhưng tôi muốn ông hiểu rằng tôi sẽ không gặp ông nữa. Tôi sẽ có một đại diện để giải quyết các vấn đề kỹ thuật và tài chính. Ông sẽ làm việc với người đó. Ông sẽ gặp ông ta trong các buổi gặp tiếp theo. Nói cho ông ta biết ông muốn thuê nhà thầu nào. Nếu ông thấy cần phải nói chuyện với tôi, ông sẽ liên lạc thông qua đại diện của tôi. Ông đừng hy vọng gặp tôi và cũng đừng cố gắng tìm tôi. Nếu ông có làm thế, ông cũng sẽ bị từ chối. Tôi không muốn

nói chuyện với ông. Tôi không bao giờ muốn gặp lại ông. Nếu ông đã sẵn sàng chấp thuận những điều khoản này thì làm ơn hãy đọc bản hợp đồng và ký."

Roark với lấy một cái bút và ký mà không cần đọc.

"Ông chưa đọc nó," Wynand nói.

Roark ném tờ giấy qua bàn.

"Làm ơn ký cả hai bản."

Roark nghe lời.

"Cảm ơn ông" Wynand nói, ông cũng ký vào các tờ giấy và đưa một bản cho Roark. "Đây là một bản của ông."

Roark nhét hợp đồng vào túi áo.

"Tôi vẫn chưa đề cập đến khía cạnh tài chính. Cái bí mật mà ai cũng biết là đế chế Wynand đã chết. Thực tế, nó khỏe mạnh và hoạt động tốt hơn bao giờ hết, trừ phần ở New York. Nó sẽ còn tồn tại chừng nào tôi còn sống. Nhưng khi tôi chết, nó cũng sẽ chết theo. Tôi dự định sẽ bán lại một phần lớn. Vì thế, khi thiết kế tòa nhà này, ông không cần phải hạn chế bản thân vì các lý do tài chính. Ông được thoải mái tiêu những gì ông thấy cần thiết. Tòa nhà sẽ tồn tại lâu dài, ngay cả khi các hãng thời sự và các tờ báo của tôi biến mất."

"Vâng, thưa ông Wynand."

"Tôi đoán ông sẽ muốn xây tòa nhà sao cho chi phí bảo dưỡng sau này của nó được giảm thiểu. Tuy nhiên, ông không cần phải lo lắng về việc hoàn lại vốn đầu tư ban đầu. Sẽ không có ai để nhận lại khoản vốn đó."

"Vâng, thưa ông Wynand."

"Nếu ông nghĩ đến hành vi của thế giới hiện tại và cái thảm họa mà thế giới này đang tiến tới, có thể ông sẽ nghĩ việc xây tòa nhà này là hoàn toàn lố bịch. Thời đại của những tòa nhà chọc trời đã hết. Đây là thời đại của các dự án chung cư. Và nó là khúc dạo đầu cho thời kỳ ăn lông ở lỗ. Nhưng ông không sợ phải chống lại cả thế giới này. Đây sẽ là tòa nhà chọc trời cuối cùng được xây ở New York. Như vậy cũng hợp lý thôi. Thành tựu cuối cùng của loài người trên trái đất này trước khi chính loài người tự hủy diệt chính mình."

"Loài người sẽ không tự hủy diệt, ông Wynand. Loài người cũng không nên nghĩ rằng mình đã bị hủy diệt. Chừng nào họ còn làm được những việc như thế này."

“Việc gì?”

“Xây tòa nhà Wynand.”

“Điều đó là tùy ở ông. Những thứ đã chết - như tờ *Ngọn cờ* - chỉ là nguồn tài chính cho công trình này. Đó là chức năng hợp lý của chúng.”

Ông cầm bản hợp đồng của mình lên, gấp lại. Ông nhét nó vào túi bằng một động tác chính xác, gọn gàng. Ông nói, giọng không hề thay đổi:

“Đã có lần tôi đã nói với ông rằng tòa nhà này sẽ là đài tưởng niệm cuộc đời tôi. Bây giờ thì không có gì để tưởng niệm cả. Tòa nhà Wynand sẽ không có gì - ngoài những gì ông đem lại cho nó.”

Ông đứng lên, ra dấu buổi phỏng vấn đã kết thúc. Roark đứng dậy. Anh hơi nghiêng đầu ra dấu từ biệt. Anh cúi đầu lâu hơn phép lịch sự thông thường. Ở cửa, anh dừng lại và quay người. Wynand vẫn đứng bất động sau bàn. Họ nhìn nhau.

Wynand nói:

“Hãy xây nó như một đài tưởng niệm cho cái linh hồn thuộc về anh... và lẽ ra đã có thể thuộc về tôi.”

XX.

Mười tám tháng trôi qua. Một ngày mùa xuân, Dominique đi bộ đến công trường thi công tòa nhà Wynand.

Cô nhìn những tòa nhà chọc trời trong thành phố. Chúng vươn lên từ những vị trí bất ngờ, vượt qua những mái nhà thấp. Chúng có một vẻ thình lình; như thể chúng vừa nhô lên chỉ một giây trước khi cô nhìn thấy chúng và cô đã chớp được những rung động cuối cùng của chúng. Cứ như thế, nếu cô quay mặt đi và bất thần ngoảnh lại, cô sẽ bắt quả tang những tòa nhà đang bật lên.

Cô rẽ qua một góc phố ở Hell's Kitchen và đi vào một khu đất rộng đã được dọn sạch.

Những cỗ máy đang bò trên mặt đất bị xới tung để giải phóng mặt bằng cho một công viên trong tương lai. Từ giữa khu đất mọc lên bộ khung tòa nhà Wynand; nó đã hoàn thiện và vươn thẳng lên trời. Phần trên của bộ khung vẫn để trần - trông như cái lồng đan bằng thép. Ở phía dưới, kính và vữa nối nhau dâng lên, phủ kín phần còn lại của những khung thép đang cắt xuyên qua không gian.

Cô nghĩ: Người ta nói rằng trung tâm của quả đất là một khối lửa. Khối lửa đó bị nhốt chặt và câm lặng. Nhưng đôi lúc nó phá tung những tầng cao lanh, sắt, và granit, để bắn tung lên bầu trời tự do. Khi ấy, nó trở thành một thứ như thế này.

Cô bước tới tòa nhà. Có một hàng rào gỗ phủ quanh những tầng dưới của tòa nhà. Ở trên đó có những bảng quảng cáo lớn ghi tên các hãng cung cấp vật liệu cho tòa nhà cao nhất thế giới. "Thép do công ty Thép Quốc gia cung cấp." "Kính của tập đoàn Ludlow." "Thiết bị điện của tập đoàn Wells-Clairmont." "Thang máy của tập đoàn Kessler." "Nhà thầu Nash & Dunning."

Cô dừng lại. Cô nhìn thấy một thứ mà cô chưa từng để ý đến trước đó. Cô có cảm giác một bàn tay vừa chạm nhẹ vào trán cô - bàn tay có khả năng chữa bệnh của những nhân vật trong truyền thuyết. Cô chưa từng biết Henry Cameron và cô cũng chưa từng nghe ông nói, nhưng lúc này, cô có cảm giác cô đang nghe ông nói: "Và tôi biết nếu cậu vẫn mang những lời này đến tận cùng thì đó sẽ là một chiến thắng, Howard, không chỉ là chiến thắng cho cậu mà còn cho cái-đáng-phải-chiến-thắng, cái làm thế giới này tiến lên mặc dù nó chưa bao giờ được thừa nhận. Nó sẽ minh chứng cho rất nhiều người đã ngã xuống trước cậu, những người đã phải chịu đựng như cậu sẽ phải chịu đựng."

Cô nhìn thấy, trên hàng rào bao quanh tòa nhà vĩ đại nhất New York, một tấm biển nhỏ bằng thiếc với dòng chữ:

"Howard Roark, kiến trúc sư."

Cô bước về phía phòng giám sát công trình. Cô vẫn thường đến đây để gặp Roark, để theo dõi tòa nhà mọc lên dần dần. Nhưng lần này, trong phòng là một người mới đến làm, anh ta không biết cô. Cô đề nghị gặp Roark.

"Ông Roark đang ở tít trên bể chứa nước. Xin bà cho biết quý danh."

"Bà Roark." cô trả lời.

Người đó tìm thấy người giám sát công trường. Ông ta để cô đi lên bằng thang kéo ngoài trời, giống như những lần trước. Thang kéo chỉ là một vài tấm ván với một sợi dây thừng bao quanh; nó chạy dọc thân tòa nhà.

Cô đứng; hai tay giơ lên bám vào một dây cáp, đôi giày cao gót của cô vững chãi trên mặt ván. Những tấm ván khẽ rung, một luồng không khí ép chiếc váy ôm lấy người cô, và cô thấy mặt đất bị bỏ lại phía dưới.

Cô đã vượt qua những khung cửa rộng của khu cửa hàng. Những dãy phố bên dưới chìm xuống sâu hơn. Cô vượt qua mái hiên của những rạp chiếu phim - đó là những tấm thảm đen được treo bằng những dải màu xoắn. Những cửa sổ văn phòng lướt qua cô, những dải kính dài trôi xuống dưới. Những nhà kho lớn biến mất, chìm xuống cùng với những của cải cất giữ ở đó. Đỉnh tháp của những khách sạn nghiêng nghiêng, như cánh của một chiếc quạt đang chạy và được gấp lại. Những ống khói nhà máy nhìn như những que diêm đang bốc khói, những chiếc ô-tô nhìn giống như các khối vuông màu xám đang di chuyển. Mặt trời làm cho những đỉnh núi cao biến thành những ngọn hải đăng - chúng quét ngang thành phố với những luồng sáng trắng. Thành phố trải rộng bên dưới, từng khối nhà sắt thành hàng dài xuống tận bờ sông. Thành phố đứng kẹp giữa hai dải nước mỏng, màu đen. Nó nhảy qua dòng nước và trải dài về phía bình nguyên và chân trời.

Những mái nhà phẳng hạ thấp hạ thấp dần như những bàn đạp ấn những tòa nhà xuống thấp và đẩy chúng ra khỏi đường đi của cô. Cô vượt qua những khối nhà lắp kính hình vuông - đó là những phòng ăn, phòng ngủ và phòng cho trẻ con. Cô nhìn thấy anh đang đứng phía trên. Anh đứng trên giàn giáo cao nhất của tòa nhà Wynand. Anh vẫy tay với cô.

Mặt biển cắt ngang qua bầu trời. Mặt biển nâng dần lên khi thành phố thấp dần bên dưới. Cô vượt qua những đỉnh cao nhất của các tòa nhà ngân hàng. Cô vượt qua chóp mái của những tòa án. Cô vượt qua tháp chuông các nhà thờ.

Ở đó, chỉ còn đại dương, bầu trời, và hình dáng của Howard Roark.

HẾT

Chú thích

[1] Vở *Ideal* - một trong những vở kịch đầu tiên mà Ayn Rand viết, trước khi trở nên nổi tiếng. (NHĐ)

[2] *Atlas Shrugged* (Atlas vươn mình), tiểu thuyết đỉnh cao và là tiểu thuyết cuối cùng của Ayn Rand. (NHĐ)

[3] Người theo chủ nghĩa vị thân tức là người coi trọng bản thân mình, đặt sự sống của mình và các nguyên tắc đạo đức của mình lên trên. Ở đây, cần phân biệt với khái niệm "ích kỷ" theo nghĩa thông thường mà chúng ta vẫn dùng. Chủ nghĩa vị thân là cả một mảng đề tài lớn trong các tác phẩm của Ayn Rand; vì vậy rất khó giải thích đầy đủ ở đây; chúng tôi đề nghị bạn đọc đọc hết cuốn sách này, và nếu có thể thì đọc thêm các sách khác, để có thể hiểu được chính xác ngụ ý của Ayn Rand ở câu này. (NHĐ)

[4] Ở đây, khi dùng chữ "đức tin" thì Stoddard đang nói đến cái đạo riêng của Roark theo đuổi, không phải một tôn giáo mà là nguyên tắc sống và làm việc bất di bất dịch, nguyên tắc mà Roark cho là tự nhiên và không thể bị thay đổi. (NHĐ-ND)

[5] Tất cả những từ tiếng Anh trong ngoặc đều là những từ rất thông dụng trong các nước phương Tây vì ở đây số lượng người theo Thiên Chúa giáo hoặc một tôn giáo khác rất lớn. Ở Việt Nam, những khái niệm này ít phổ biến; do đó, dịch để cho bạn đọc Việt Nam hiểu được rất khó. Nếu muốn biết thêm, các bạn có thể đọc thêm Kinh thánh, bản tiếng Việt để biết nghĩa và phạm vi sử dụng của những từ này. (NHĐ)

[6] Chú thích thêm của người dịch cho rõ nghĩa.

[7] Chú thích thêm của người dịch cho rõ nghĩa.

[8] Ở đây, Ayn Rand dùng từ man-workship. Nếu dịch một cách thống nhất với các từ trước đó mà Rand dùng, thì sẽ phải dịch là "thờ phụng con người", nhưng chữ "thờ phụng" có nghĩa tôn giáo quá nặng, như Rand cũng đã đề cập, nên chúng tôi chọn dùng chữ "tôn vinh con người". (ND)

[9] Triết học gia người Đức (1844-1900). (ND)

[10] Byron: nhà thơ lãng mạn nổi tiếng người Anh. (NHĐ)

[11] Thuyết tâm lý quyết định là thuyết cho rằng tâm lý, chứ không phải tư duy lý tính, quyết định mọi hành vi của con người. (NHĐ)

[12] Chữ thêm cho rõ nghĩa. (NHĐ)

[13] Petey: cách gọi thân mật tên "Peter". Người Mỹ thường có cách gọi thân mật những người thân bằng cách đổi tên họ đi; ví dụ như William thành Bill, Catherine thành Kate, Kate thành Katie,...vv...

[14] Đền Parthenon thờ Nữ thần Athena, là công trình nổi tiếng nhất của kiến trúc Hy Lạp cổ đại. (NHĐ)

[15] Ở các nhà thờ, thường có một phòng xưng tội cho các con chiên. Phòng này có một cửa sổ chạm trổ cầu kỳ, người xưng tội và cha nhận tội hầu như không thể nhìn rõ mặt nhau. (NHĐ)

[16] Một trong ba kiểu cột trụ thời Hy Lạp cổ đại. Chiều cao cột gấp 7 lần chiều rộng cột. (ND)

[17] Nguyên văn tiếng Pháp: Prix de Paris

[18] Kiểu Doric: một trong ba kiểu cột trụ thời Hy Lạp cổ đại. Chiều cao của cột bằng 5,5 lần chiều rộng của cột. (ND)

[19] Nguyên văn: những họa sĩ mặc áo thụng Hy Lạp.

[20] Kiểu Chippendale: một kiểu đồ gỗ thế kỷ 18 ở Anh; do nhà thiết kế Thomas Chippendale sáng tạo và công bố trong một cuốn sách vẽ các thiết kế đồ gỗ của ông. (NHĐ)

[21] Vua James đệ nhất (1566-1625): một Hoàng đế nổi tiếng của Anh. Đây là thời kỳ có một phong cách kiến trúc riêng. (NHĐ)

[22] Nhà thờ lớn ở Rheims, nơi các vua của Pháp từng được phong vương. Nó được xây theo kiến trúc nhà thờ lớn đặc trưng, giống như của nhà thờ Đức Bà Paris hiện nay. (NHĐ)

[23] Khu nhà triển lãm hải dương học.

[24] Con chó trong nguyên tác. (NHĐ)

[25] Ở đây tác giả chơi chữ trong nguyên bản: màu trắng của tòa nhà triển lãm là do màu sơn của nó, nhưng tác giả chơi chữ "white plague" - vốn là từ ám chỉ "nạn dịch trắng" tức là những thứ dịch vào thế kỷ 19 và 20, trong đó những bệnh thường trở nên xanh xao, trắng nhợt. Những dịch này - ví dụ như lao - lan rộng, khó chữa, khiến nhiều người chết và người ta thường đổ vôi bột trắng trên các mộ chôn tập thể. (NHĐ)

[26] Trong thần thoại La Mã, Diana là nữ thần săn bắn, chị em sinh đôi với

thần Appolo, con trai của thần Zeus và Latona. (NHĐ)

[27] Nguyên văn: Bowery Mission, là một chương trình từ thiện ở New York, từ thế kỷ trước, dành cho người nghèo, vô gia cư. (NHĐ)

[28] Trong đoạn này, tác giả chủ ý dùng từ ngữ và cách diễn đạt cầu kỳ, rối rắm, thậm chí có chỗ vô nghĩa để làm nổi bật tính rỗng tuếch trong bài phê bình của Toohey. Chúng tôi cố gắng dịch rối rắm để trung thành với tinh thần của nguyên bản. (NHĐ)

[29] Một khu vực ở thành phố New York. (NHĐ)

[30] Đây là kiểu xe buýt hai tầng, trên nóc xe mở ra và có ghế ngồi cho khách tham quan có thể nằm đường phố xung quanh. (NHĐ)

[31] Danh họa người Hà Lan. (NHĐ)

[32] Nguyên văn "T-Square Romeo", nghĩa là chàng Romeo dùng thước chữ T. Thước chữ T là loại thuốc chuyên dụng của dân kiến trúc. (NHĐ)

[33] Ở đây, Keating gọi Guy Francon bằng tên riêng là Guy - điều này ám chỉ hai người trở nên rất thân, do đó sẽ không có "ông" hay "ngài" nữa. (NHĐ)

[34] Nguyên văn: Five Orders - tức là năm quy tắc của kiến trúc. Chúng tôi dịch tạm là Ngũ Luật. (NHĐ)

[35] Nguyên văn: Spiritual embezzlement. (NHĐ)

[36] Chơi chữ trong nguyên bản; có ý ám chỉ người ta cắt nước vì Cameron không thanh toán hóa đơn nước, nhưng xã hội cắt hợp đồng vì Cameron không chịu sống và trả giá theo quy luật của họ. (NHĐ)

[37] Tum (còn gọi là cửa trời): thường ở trên nóc các tòa nhà. (NHĐ)

[38] Nguyên văn: cách 500 feet (1 feet = 0,3 mét)

[39] Chó trâu, chó ngao. (NHĐ)

[40] Nguyên văn: Brick-top, tức là Đầu-Gạch (vì tóc Roark màu đỏ). (ND)

[41] Đây là một ngôi đền hình chữ nhật, nằm ở miền nam nước Pháp. Nó được xây dựng khoảng năm 19-16 trước Công nguyên, bởi kiến trúc sư Marcus Agrippa, người đã xây đền Panthenon ở Rome. Nó có kiến trúc cột điển hình của trường phái cổ điển La Mã và hiện là một trong những ngôi đền bảo lưu tốt nhất trong số các đền đài dưới thời đế chế La Mã. (NHĐ)

[42] Ở Mỹ, các trang trại thường xây những tháp hình tròn, cao để đựng ngũ cốc như ngô, lúa mì, đậu tương. (NHĐ)

[43] Nguyên văn: sub-reality. Từ này có nhiều nghĩa, ở đây chúng tôi chọn dịch là thực-tại-thứ-cấp để trung thành với quan điểm của Ayn Rand về siêu hình. (NHĐ)

[44] Người có quan điểm triết chung là người không theo bất cứ một nguyên tắc hay tín điều nhất định nào mà có thể cùng lúc tin vào những tín điều khác nhau. Những người này có thể bị chỉ trích là thiếu nhất quán hoặc không có chính kiến; nhưng cũng có thể được khen là linh hoạt và thực tế. (NHĐ)

[45] Một phong cách kiến trúc phổ biến ở châu Âu vào thế kỷ 18, nặng về trang trí lòe loẹt, cầu kỳ.

[46] Nghĩa đen là "Bếp địa ngục". Đây là tên một khu nghèo nổi tiếng ở New York, nơi dân nghèo, dân tứ chiếng và dân nhập cư lậu sinh sống. (ND-NHĐ)

[47] Đường chạy dọc bờ sông. (NHĐ)

[48] Nguyên văn: capitol. Capitol là những tòa nhà có kiến trúc mái vòm tròn, dùng làm trụ sở chính của chính quyền tiểu bang tại Mỹ (giống nhà Quốc hội Mỹ). Các tòa nhà này có cấu trúc giống nhau ở trên nước Mỹ và thường là nơi làm việc của thống đốc bang cùng với các cơ quan hành chính lớn nhất của tiểu bang. (NHĐ)

[49] Nguyên văn: Social Register. Đây là một cuốn danh bạ ghi tên và địa chỉ của những cá nhân có thế lực và giàu có nhất trong tầng lớp thượng lưu ở 1 số thành phố lớn tại Mỹ. Các danh bạ này bắt đầu từ cuối thế kỷ 19. Hiện nay nó không còn phổ biến.

[50] Là cỡ áo cho trẻ em. Ở Mỹ, các cửa hàng quần áo thường chia thành phần cho người lớn và trẻ em, với kích cỡ được chuẩn hóa theo độ tuổi. (NHĐ)

[51] Nguyên văn: You're a pig ("bác là một con lợn" - hàm ý đùa cợt). Trong giao tiếp ở Mỹ, khi đã thân nhau, người ta có thể đùa và nói khá thẳng, kể cả trong quan hệ chủ-thợ. (NHĐ)

[52] Ở Mỹ, muốn hành nghề kiến trúc sư phải thi lấy bằng, giống như với ngành luật, ngành y, tâm lý, hoặc công tác xã hội. (NHĐ)

[53] Hiệp hội Kiến trúc sư Hoa Kỳ. (NHĐ)

[54] Icarus: Trong thần thoại Hy Lạp, Icarus là người đầu tiên trên thế giới đã bay lên bằng cách lấy sáp ong gắn lông chim thành một đôi cánh. Tuy nhiên khi anh bay lên cao, ánh mặt trời nung nóng sáp ong làm chúng tan chảy, vì thế phá vỡ đôi cánh và Icarus rơi xuống. Đây được dùng như một biểu tượng kép về ước mơ và sự đối lập giữa ước mơ và hiện thực. (NHĐ)

[55] Ám chỉ người này là khách quen của quán rượu. (NHĐ)

[56] Khi thân mật hơn, người Mỹ gọi nhau bằng tên riêng; còn khi mới gặp họ gọi bằng họ để tỏ sự kính trọng. (NHĐ)

[57] Catherine và Peter ở New York, thuộc bên bờ Đông; bờ biển phía Tây của Mỹ là phía bên kia, gồm những bang như California, Washington, Oregon,vv... (NHĐ)

[58] Vương triều Tudor, trị vì ở Anh từ năm 1485 và 1603. (NHĐ)

[59] Ám chỉ cá tính của nữ hoàng Elizabeth của Anh, người được tiếng là độc lập, tự chủ. (NHĐ)

[60] Nguyên văn là "farther uptown": khái niệm quy hoạch này không có từ tương đương trong tiếng Việt và ngay cả với Mỹ, nó cũng thay đổi về địa lý theo thành phố. New York là thành phố có quy hoạch riêng và uptown của nó có thể dịch sát nhất là phía Bắc thành phố. (NHĐ)

[61] Đền Panthenon: đền thờ tất cả các vị thần ở Roma (Ý), biểu tượng của kiến trúc Hy Lạp cổ đại. (NHĐ)

[62] Nguyên văn tiếng Anh *Quips and Quirks*: ở đây tác giả chơi chữ hai âm giống nhau này. Quips là những lời phê bình, soi mói, chỉ trích; còn quirks là những đường xoi trong kiến trúc. Cái tên này ám chỉ nội dung của mục báo này chuyên về phê bình kiến trúc. (NHĐ)

[63] Ở Mỹ, cánh cửa văn phòng hay có một cái khe nhỏ, cắt ngang, ở phía gần dưới của cánh cửa, để người bên ngoài đút thư vào trong. (NHĐ)

[64] Khu trung tâm New York. (NHĐ)

[65] Trong nguyên văn, chữ "cuồng tín và quên mình" là "fanatic and selfless" - chữ selfless hàm ý không nghĩ đến bản thân mình. Roark trả lời bằng chữ "selfish" - thường được dịch ra tiếng Việt là "ích kỷ". Tuy nhiên từ "ích kỷ" có nghĩa xấu trong tiếng Việt; trong khi hàm ý của Rand hoàn toàn không như vậy. Kết hợp với việc chơi chữ, chúng tôi chọn dịch là "vì-mình". Những ý tứ này sẽ rõ hơn sau khi bạn đọc đọc hết tiểu thuyết và đọc thêm về Ayn Rand. (NHĐ)

[66] Nguyên văn "industry". Trong tiếng Anh, từ này có rất nhiều nghĩa và một số nghĩa không có tương đương về nội hàm trong tiếng Việt, nên chúng tôi chỉ chọn dịch là "Lao động". Nghĩa thông thường của nó là công nghiệp, sự chăm chỉ. (NHĐ)

[67] Ngôi đền nhỏ, thờ thần chiến tranh Athena ở Hy Lạp, được xây dựng từ năm 420 trước Công nguyên. (NHĐ)

[68] Đoạn này chơi chữ tiếng Anh với các từ vô nghĩa ăn vần với nhau; rất khó dịch ra tiếng Việt. Nó chỉ nhấn mạnh là thể loại văn chương của Lois mà Toohey ca ngợi chỉ là một kiểu văn chương vô nghĩa. Nguyên văn tiếng Anh: "...*Toothbrush in the jaw toothbrush brush brush tooth jaw foam dome in the foam Roman dome come home home in the jaw Rome dome tooth toothbrush toothpick pickpocket socker rocket*..." (ND)

[69] Đây là sự chơi chữ vì *clouds* (đám mây) đọc gần giống với *shrouds* (vải liệm). (ND)

[70] Nguyên văn "settlement house", là một dạng nhà tập thể dành cho những người nghèo hoặc bình dân muốn tự nguyện chuyển đến sống với nhau. Đây là một phong trào rất lớn ở đầu thế kỷ 20 tại Mỹ. Trong các nhà định cư này, giống như một nhà tập thể, mọi người có phòng đọc sách chung, có khu cho trẻ em, có các hoạt động khác. Gần như nhà tế bần nhưng được tổ chức theo mô hình hợp tác. (NHĐ)

[71] Nguyên văn là Toohey - gooey - phooey - hooey. Cuốn thơ mà Peter đọc trước đó cũng toàn những từ ăn vần với nhau theo kiểu này. Chúng tôi cố gắng dịch vần và giữ ý của nguyên tác. (NHĐ)

[72] Trong tiếng Anh, thời quá khứ và hiện tại được biểu hiện trực tiếp qua cách chia động từ. Ở đây, ý Keating muốn nói Dominique dùng từ "đã từng" là sai vì anh vẫn đang phải lòng cô. (NHĐ)

[73] Nói tắt của tuxedo: áo dạ tiệc màu đen, có hoặc không có đuôi tôm ở phía sau, dùng trong các lễ nghi trang trọng. (NHĐ)

[74] Nguyên văn: Potter's Field - một khu nghĩa trang ở New York. Cụm từ này cũng có thể được dùng để ám chỉ nghĩa trang cho những người vô danh, người nghèo không có chỗ chôn. (NHĐ)

[75] Tên một loại đồ uống. (NHĐ)

[76] Tên những món ăn rất bình dân, thậm chí tầm thường. (NHĐ)

[77] Tên những món ăn cao cấp. (NHĐ)

[78] Nguyên văn Knock Me Flat - cụm này là tên một vở kịch và có thể dịch nhiều cách khác nhau tùy theo nội dung vở kịch - Ở đây, vì không biết nội dung, do nó có thể chỉ là một cái tên dựng lên, chúng tôi chọn dịch là *Đè em ra đi* cho phù hợp với giọng điệu mỉa mai của Toohey. (NHĐ)

[79] Một nhánh tôn giáo thuộc nhà thờ Anh rất khắt khe về đạo đức; từ này dùng ám chỉ những người có những nguyên tắc đạo đức rất khắt khe, luôn mong muốn tiến tới sự thanh sạch. (NHĐ)

[80] Nguyên văn "bitch" nghĩa là "chó cái". Từ này trong tiếng Mỹ được dùng để chửi rủa, ám chỉ những người đàn bà độc ác, nanh nọc, lắm lời, xấu tính.

[81] Nguyên văn: humanitarian. (NHĐ)

[82] Donatien Alphonse Francois, một hầu tước người Pháp, sống từ cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19, nổi tiếng vì tư tưởng về tự do tuyệt đối, đặc biệt là tự do trong các khoái cảm nhục dục. Cụm từ "hầu tước vùng Sade" ám chỉ sự bạo dâm hoặc những người theo đuổi sự thăng hoa của bản thân và sự tự do một cách quyết liệt, đến mức như hành xác. (NHĐ)

[83] Guy chêm tiếng Pháp (trước đây ông ta học ở Pháp).

[84] Elsie là tên con gái, ám chỉ sự yếu đuối của Ellsworth. (NHĐ)

[85] Nghề này ở Mỹ thường vất vả và thu nhập thấp. (NHĐ)

[86] Trong Kinh thánh, câu này có ý nói rằng kẻ nào đặt cái tôi và cuộc sống của mình lên trên Chúa thì khi chết sẽ xuống địa ngục, còn kẻ nào biết quên mình mà đặt đức tin vào Chúa thì sau khi chết sẽ lên thiên đường và sống cuộc sống vĩnh hằng với Chúa. (NHĐ)

[87] Trích từ *Sáng Thế Ký* trong kinh Cựu ước: khi Chúa Trời tạo ra con người từ đất, Người đã nặn họ theo như hình dáng và hiện thân của Chúa. Ở đây, Ayn Rand đã chơi chữ: chữ "Người" được dùng bằng đại từ ngôi thứ ba số ít "him" - vừa có nghĩa là Chúa Trời, vừa có nghĩa là Howard Roark, người đã tạo ra ngôi nhà. (NHĐ)

[88] Một loại bánh quy làm bằng bột đánh nhuyễn, kéo dài rồi xoắn lại, giống như người ta xoắn những quả bóng bay dài thành những vòng tròn. (NHĐ)

[89] Ám chỉ ba quả cầu tung hứng của các nghệ sĩ trong rạp xiếc. (NHĐ)

[90] Trong nguyên bản, đoạn này có dạng thức một bài đồng dao, có vần

điệu - giống những bài "Ve vẻ vè ve, nghe vè thằng ngốc" của Việt Nam. (NHĐ)

[91] Chơi chữ trong nguyên bản, con chiên của Chúa ám chỉ những người có đức tin, còn Roark vừa không có đức tin lại vừa không phải là thiên tài thực sự (NHĐ)

[92] Nguyên văn: Jello-O, một lôại bánh có bề mặt nhẵn và đặc, giống như thịt đông (NHĐ)

[93] theo Kinh thánh, con người từng muốn xây một ngôi tháp cao tới thiên đàng, nhưng Chúa Trời giận sự cao ngạo của con người nên khiến cho loài người không nói chung một thứ tiếng; do đó, họ không thể hiểu nhau và không xây nên được toà tháp. (NHĐ)

[94] Nhãn hiệu một hãng nước rửa nổi tiếng – chuyên về sản phẩm rửa toa-lét, làm sạch thảm, thông cống v.v…

[95] Cái chết đen: chỉ những cái chết do đại dịch Dịch hạch ở châu Âu vào thế kỷ 14, giết chết 75 triệu người. Cái chết đỏ: tên một đại dịch được nhắc tới trong truyện ngắn *The Masque of the Red Death* (Vũ kịch của thần chết Đỏ) của nhà văn Mỹ Edgar Allan Poe; trong đó người bệnh thường lên một cơn đau đớn khủng khiếp và tiết ra máu đỏ thay vì mồ hôi. (ND-NHĐ).

[96] Đây là tên của một trong những chúa quỷ trong thần thoại Thiên chúa giáo, về sau còn có thể được gọi là quỷ Sa-tăng. (NHĐ)

[97] Dầu thầu dầu để chữa sỏi mật. (ND)

[98] Tương đương 2,54 xăng-ti-mét. (NHĐ)

[99] Trong nguyên bản tiếng Anh là "I Do". (NHĐ)

[100] Sparta: tên một thành bang thời Hy Lạp cổ đại nổi tiếng về tính kỷ luật quân sự và các chiến sĩ dũn cảm (ND).

[101] Đại lộ sang trọng bậc nhất ở thành phố New York. (ND-NHĐ)

[102] Danh mục Đăng ký Xã hội là một danh mục tên họ và địa chỉ của những người giàu có và nhiều quyền lực trong giới thượng lưu xã hội Mỹ. (ND)

[103] Herbert Spencer, triết gia người Anh, cha đẻ của thuyết Darwin xã hội; lý thuyết này cho rằng kẻ mạnh nhất sẽ tồn tại. (ND-NHĐ)

[104] Attila, (406-453), vua người rợ Hun, một dân tộc gốc Trung Á và di

cư sang châu Âu, từng tấn công và gây kinh hoàng cho các dân tộc người German và người La Mã trong suốt một thời gian dài trước khi bị người Visigoth và người La Mã liên minh đẩy lui trong trận chiến Chalons năm 451. (ND)

[105] Dấu hiệu nơi mua bán dâm, thường treo ngoài ô tủ kính của các cô gái bán hoa. (NHĐ)

[106] Một nhân vật trong vở *Giấc mộng Đêm hè* của Shakespeare. (ND)

[107] Trò chơi bài, cho hai người chơi, gồm hai bộ bài 52 quân. (NHĐ)

[108] Một hãng thuốc ho nổi tiếng, trên chai và quảng cáo có dán hình anh em nhà Smith. (NHĐ)

[109] Nữ anh hùng dân tộc Pháp, người từng lãnh đạo nước Pháp trong cuộc chiến một trăm năm với Anh rồi bị người Anh kết tội tà đạo và xử tử. (ND)

[110] Dãy núi hùng vĩ ở bang Arizona, một trong những kỳ quan thiên nhiên nổi tiếng thế giới. (ND)

[111] Studio là một kiểu nhà có diện tích rất nhỏ, phòng ngủ và phòng ăn thường ghép chung nhau thành một phòng, ngoài ra là một khu bếp nhỏ và nhà tắm. Studio thường dành cho người độc thân ít tiền. (NHĐ)

[112] Thường là phố chính tại các thành phố và thị trấn ở Mỹ. Đây gần như là một quy tắc quy hoạch ở Mỹ. (NHĐ)

[113] Trích trong Kinh thánh. Lời chúa Jesus khi thấy dân chúng ném đá một người đàn bà bị kết tội ngoại tình "Kẻ nào không có tội thì hãy ném hòn đá đầu tiên". Nhưng không ai là không có một tội lỗi nào đó và do đó không ai có quyền ném đá người khác. (ND)

[114] Chủ điểm, chủ đề của một bản nhạc. (NHĐ)

[115] Henrik Ibsen (1828-1906): nhà soạn kịch nổi tiếng thế giới người Na Uy, người khởi xướng trào lưu kịch hiện thực hiện đại và là người có số lượng kịch được dàn dựng nhiều nhất sau Shakespears. (NHĐ)

[116] Màu lông ngỗng khốn khiếp (tiếng Pháp trong nguyên bản).

[117] Trích trong Kinh thánh, ý rằng những người chưa có gì, nhưng có đức tin, thì rồi sẽ nhận được tất cả ở thiên đường. (ND)

[118] Một câu trong Kinh thánh. (ND)

[119] Chúng tôi cố gắng dịch những câu dài dòng để trung thành với nguyên bản và để làm nổi rõ sự rườm rà trong văn phong của Toohey. (NHĐ)

[120] Câu sai ngữ pháp và cụt ý một cách cố tình trong nguyên bản tiếng Anh. (NHĐ)

[121] Chỉ việc ra nhà thị chính thành phố và để cho thẩm phán đọc những câu thuộc lòng như "Tôi thay mặt chính quyền bang... tuyên bố hai người là vợ chồng". (NHĐ)

[122] Thuyết nhất thể là thuyết cho rằng chỉ có một Chúa duy nhất chứ không phải Chúa ba ngôi (Cha, Con và Thánh Thần) như trong đạo cơ đốc. (NHĐ)

[123] Chủ nghĩa duy ngã độc tôn: chủ nghĩa coi mình là trên hết. (NHD)

[124] Trong nguyên bản là 6 inch. (NHĐ)

[125] Khoảng 150 km/giờ (tốc độ cho phép là 105km/giờ). (NHĐ)

[126] Phong cách xây dựng ở châu Âu vào thế kỷ 18, rất cầu kỳ, nhiều họa tiết trang trí. (NHĐ)

[127] Dominique nói vòng vo, rối rắm, vô nghĩa và chúng tôi cố gắng giữ đúng ý tứ trong nguyên tác bằng cách dịch rối rắm. (NHD)

[128] Trong nguyên bản: Dạ dày của tôi không giống dạ dày của sinh viên y khoa. (NHD)

[129] Một hãng làm bánh pút-đinh và kem. (NHD)

[130] Nguyên văn “a hair shirt”, là áo dệt từ sợi vải mỏng, thô, của các thầy tu theo dòng tu khổ hạnh. (NHD)

[131] Điệu nhảy gồm nhiều người, quây thành vòng tròn hoặc các hình khác nhau, nhưng nhảy theo nhịp và các động tác cố định. (NHD)

[132] Petagonians (còn có một tên khác là Tehuelches) là tên gọi chung cho những thổ dân thuộc các bộ lạc sinh sống trên vùng Petagonia. Petagonia là phần lãnh thổ chủ yếu thuộc Argentina và Chile. (ND)

[133] Nguyên văn: “dialectic trans-spatial interdependence” – cố tình vô nghĩa trong nguyên bản. (ND)

[134] Tài khoản trả trước thường là cho khách hàng quen. (NHD)

[135] Bánh kếp làm bằng bột, thường ăn với mật vào buổi sáng. (NHĐ)

[136] Sau đại khủng hoảng những năm 1930s, tổng thống Roosevelt áp dụng chính sách can thiệp vào nền kinh tế, thay vì để thả lỏng cho thị trường tự vận hành như giai đoạn trước của Chủ nghĩa tư bản. (NHĐ)

[137] Nguyên văn "pistachio-green" có nghĩa là màu xanh của cây hồ trăn. (NHĐ)

[138] Trích từ Kinh thánh: Chúa dạy rằng nếu một người tát ta vào má bên phải, hãy chìa nốt má bên trái cho họ. (NHĐ)

[139] Nguyên văn: utter egoist. *Ego* nghĩa là cái tôi, egoist là người sống vì bản thân mình, đặt cái tôi của mình lên trên hết, người ích kỷ. (NHĐ)

[140] Những hợp âm đứt quãng, vang rền ở phần kết thúc của các bản giao hưởng (NHĐ)

[141] Đĩa than là loại đĩa to, hình tròn, có rãnh trên bề mặt và phải đọc bằng một loại máy hát đặc biệt. (NHĐ)

[142] Ở hầu hết các thành phố có quy hoạch cẩn thận ở Mỹ, đường phố được chia thành bàn cờ và dặt tên theo quy tắc thống nhất: các đường phố từ Bắc xuống Nam thì được đánh số, còn các đường phố từ Đông sang Tây thì được đặt tên riêng. (NHĐ)

[143] Nguyên văn "tea sanwiches", là những chiếc bánh mì kẹp nhân nhỏ, có kích thước chỉ vừa đủ chừng hai miếng cắn; có thể được kẹp nhiều loại nhân khác nhau - như nhân thịt gà, thịt bò, cá trích, rau, thịt lợn xông khói, v.v... (NHĐ)

[144] Cracker là một loại bánh, thường làm bằng bột, có thể cho thêm muối cho mặn, ăn kèm với súp, sa-lát, hoặc với pho-mát. (NHĐ)

[145] Thánh Patrick là vị thánh bảo hộ của Ireland, ngày lễ này được tổ chức vào 17-3 hàng năm, với các cuộc diễu hành lớn. Vào ngày này, các nơi thường trang trí màu xanh lá cây của Ireland và người ta có tục lệ uống rượu bia, ăn các đồ có nguồn gốc Ireland. (NHĐ)

[146] Nguyên văn là "social worker" - đây là những người làm những công việc liên quan tới các đối tượng thấp nhất trong xã hội như người nghèo, người nghiện ngập, người mất trí, v.v... (NHĐ)

[147] Nguyên văn: They live second-hand. Thứ sinh có nghĩa là không sinh ra từ bản thân chủ thể hành động hoặc cảm xúc mà chỉ phản ánh từ

người khác; nó gần nghĩa với "phát sinh" nhưng không hoàn toàn nên chúng tôi chọn dịch là "thứ sinh". (NHĐ)

[148] Nguyên văn: A self-sufficient ego. (NHĐ)

[149] Nguyên văn: Bronx Modern, Bronx là khu nổi tiếng vì tội phạm và các tệ nạn ở New York.

[150] Nguyên văn: an error X-ed out of existence. Chỗ này khó dịch nguyên văn vì trong tiếng anh chữ X có thể đứng một mình làm động từ ám chỉ sự gạch chéo để xóa sổ, đồng thời nó có nhiều nghĩa bóng khác. (NHĐ)

[151] Y.M.C.A (Young Men's Christian Association): Hội Thanh Niên Cơ Đốc (NHĐ).

[152] Trong các tòa nhà của Mỹ đều phải có cửa thoát hiểm. Đối với nhà cao tầng, cửa thoát hỏa thường là cửa ra bên ngoài sân thượng hoặc bên hông nhà, từ đó có cầu thang sắt thả xuống mặt đất. Những người hút thuốc thường ra ngồi ngoài cửa, trên sân thượng hoặc cửa thoát hỏa. (NHĐ)

[153] Closet là một khoảng không hẹp, thường có hình chữ nhật, kích thước có thể vừa vài người đứng. Nó được xây lẫn vào trong tường, là loại tủ chìm để treo quần áo, cất đồ đạc không dùng, hoặc các việc khác. (NHĐ)

[154] Ở Mỹ khi có các phong trào, các cuộc đình công, hay bầu cử, người ta thường làm ra các khuy cài áo hình tròn và các sticker – một miếng giấy nhỏ dán sẵn hồ khô, giống như nhãn vở - trên đó có ghi các dòng chữ hay khẩu hiệu ủng hộ hay phản đối (NHĐ)

[155] Nhân vật trong vở kịch cùng tên của thi hào Goethe, người đã ký giao kèo với quỷ Sa-tăng, theo đó quỷ Sa-tăng sẽ phục vụ Faulst lúc sống và giúp anh ta có đủ mọi thứ; để đổi lại khi Faulst chết, con quỷ sẽ có được linh hồn anh ta. (NHĐ)

[156] Các lời khuyên trong Kinh thánh và từ các điển tích của Kinh thánh hoặc các tôn giáo có thờ Chúa Trời. (NHĐ)

[157] Ám chỉ một số tôn giáo và lý thuyết coi lý trí và thứ tội lỗi, chỉ có đức tin là quan trọng. (NHĐ)

[158] Đây là lĩnh vực của nhiều tôn giáo: tin thì mới biết, hay biết thì mới tin. (NHĐ)

[159] Tiếng Latin, có nghĩa là "tiếng nói của quần chúng". (NHĐ)

[160] Tiếng Latin, "tiếng nói của Thượng đế". (NHĐ)

[161] Theo Kinh thánh, Chúa vốn sáng tạo ra ông tổ đầu tiên của loài người - Adam và Eva - như những sinh vật hạnh phúc, sống trên thiên đàng. Nhưng khi Eva bị con rắn xúi giục hái đưa cho Adam ăn quả táo từ trên cây Thiện Ác (cái cây khiến con người ăn vào sẽ biết nghĩ và phân biệt phải trái) thì cả hai bị Chúa trừng phạt và đẩy xuống trái đất. (NHĐ)

[162] Ám chỉ ở thời điểm này, chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa xã hội cũng xuất hiện ở châu Âu; và nước Mỹ cũng tiếp nhận một số tư tưởng. (NHĐ)

[163] Thành ngữ "người cuối cùng được cười" ám chỉ người chiến thắng cuối cùng.

[164] Trên đồng xe của Mỹ có hai mặt, một mặt gọi là mặt đầu (có hình người), một mặt gọi là đuôi (không có hình người). Khi người ta phải tung đồng xu để quyết định điều gì, người ta thường nói "Đầu hay đuôi". (NHĐ)

[165] Theo thang độ F, tương đương 37^{o}C. (NHĐ)

[166] Trong văn hóa đại chúng ở Mỹ có tồn tại những truyền thuyết rằng trong lòng đất có những con quái vật khổng lồ đốt lò lửa, như quỷ sứ ở địa ngục. (NHĐ)

[167] Nguyên văn: Chanchellor of England - đây là một chức vụ rất cao trong chính phủ Anh, do thủ tướng chỉ định. Theo truyền thống, người giữ chức này làm nhiệm vụ giữ ấn tín của nhà vua, làm cha tuyên úy của Hoàng gia, và là người hướng đạo cả về tinh thần cũng như các vấn đề thờ sự cho Hoàng gia. Về sau, chức năng quan tòa của chức vụ này xuất hiện. (NHĐ)

[168] Đây chắc là một phóng tác hiện đại từ bi kịch cổ điển của Shakespeare vì Bronx và Brooklyn là hai khu ở New York. (NHĐ)

[169] Nguyên văn: benefit of doubt (tạm dịch là quy tắc nghi ngờ nhân đạo). Đây là một quy tắc trong hành xử thông thường cũng như trong luật pháp ở Mỹ, theo đó, nếu như chưa có bằng chứng rõ ràng hoặc có nhưng không đủ thì người ta sẽ nghiêng về phía nhân đạo mà tin rằng thủ phạm không có tội. (NHĐ)

[170] 1Nguyên văn: mea culpa - mea culpa - mea maxima culpa (tiếng Latin). Đây là một câu cầu nguyện trong bài cầu nguyện thông thường trong các lễ thông công của nhà thờ thiên chúa giáo La Mã, theo đó người cầu nguyện sẽ nhận tội và cung khai tội trước Chúa. (NHĐ)

[171] Phần trong ngoặc là phần thêm cho rõ nghĩa. (NHĐ)

[172] Các tờ báo lớn ở Mỹ thường ra hai số: buổi sáng và buổi chiều; vì

thế tòa soạn phải có những người làm việc đêm để phục vụ số buổi sáng sớm hôm sau. (NHĐ)

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU CHO LỄ KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY XUẤT BẢN SUỐI NGUỒN

PHẦN MỘT - PETER KEATING

- I.
- II.
- III.
- IV.
- V.
- VI.
- VII.
- VIII.
- IX.
- X.
- XI.
- XII.
- XIII.
- XIV.
- XV.

PHẦN HAI - ELLSWORTH M.TOOHEY

- I.
- II.
- III.
- IV.
- V.
- VI.
- VII.
- VIII.
- IX.
- X.
- XI.
- XII.
- XIII.
- XIV.
- XV.

PHẦN BA - GAIL WYNAND

- I.
- II.
- III.
- IV.

V.
VI.
VII.
VIII.
IX.
PHẦN BỐN - HOWARD ROARK
I.
II.
III.
IV.
V.
VI.
VII.
VIII.
IX.
X.
XI.
XII.
XIII.
XIV.
XV.
XVI.
XVII.
XVIII.
XIX.
XX.